

**THE BOOK OF  
MORMON**

**VIETNAMESE – ENGLISH  
PARALLEL EDITION**

Version 1, published April 2023. [bencrowder.net/book-of-mormon-parallel-edition/](http://bencrowder.net/book-of-mormon-parallel-edition/)

This parallel edition © 2023 Benjamin Crowder. All rights reserved. You have permission to print this document for your own use. For other uses, send requests to [ben.crowder@gmail.com](mailto:ben.crowder@gmail.com).

Text of the Book of Mormon © 2023 Intellectual Reserve, Inc. All rights reserved.

The text of this edition is licensed from The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints with the following disclaimer: *The Product offered by Benjamin Crowder is neither made, provided, approved, nor endorsed by, Intellectual Reserve, Inc. or The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints. Any content or opinions expressed, implied, or included in or with the Product offered by Benjamin Crowder are solely those of Benjamin Crowder and not those of Intellectual Reserve, Inc. or The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints.*

# Sách Mặc Môn

## Truyện Ký do Chính Tay Mặc Môn Viết trên Các Bảng Khắc Lấy từ Các Bảng Khắc Nê Phi

Vậy nên, đây là truyện tóm lược về biên sử của dân Nê Phi và dân La Man—Viết cho dân La Man, là dân còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên, và cả cho dân Do Thái và Dân Ngoại nữa—Viết theo lệnh truyền, và cũng theo tinh thần tiên tri và mặc khải—Viết xong, niêm phong và cất giấu trong Chúa để khỏi bị hủy diệt—Sẽ xuất hiện nhờ ân tứ và quyền năng của Thượng Đế để được phiên dịch—Được chính tay Mô Rô Ni niêm phong và cất giấu trong Chúa, để xuất hiện đúng kỳ định qua người Dân Ngoại—Sách được phiên dịch nhờ ân tứ của Thượng Đế.

Sách còn gồm truyện tóm lược lấy từ Sách Ê The, là biên sử của dân Gia Rét, là dân bị phân tán lúc Chúa làm lộn xộn ngôn ngữ của dân chúng khi họ xây tháp cao để lên trời—Là tài liệu để chỉ cho đám dân còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên biết những việc vĩ đại mà Chúa đã làm cho tổ phụ họ và để họ có thể biết được những giao ước của Chúa, ngõ hầu họ không bị khai trừ mãi mãi—Và cũng để thuyết phục cho người Do Thái và người Dân Ngoại tin rằng CHÚA GIÊ SU là Đấng Ky Tô, THƯỢNG ĐẾ VĨNH CỬU, đã biểu hiện cho tất cả quốc gia biết—Và giờ đây, nếu có lỗi lầm thì đó là lỗi lầm của loài người; vậy nên, đừng có lên án những sự việc của Thượng Đế, để các người có thể được xét thấy là không tì vết trước ghế phán xét của Đấng Ky Tô.

BẢN DỊCH NGUYÊN THỦY TỪ CÁC BẢNG KHẮC SANG ANH NGỮ BỞI JOSEPH SMITH, JR.

# The Book of Mormon

## An Account Written by the Hand of Mormon upon Plates Taken from the Plates of Nephi

Wherefore, it is an abridgment of the record of the people of Nephi, and also of the Lamanites—Written to the Lamanites, who are a remnant of the house of Israel; and also to Jew and Gentile—Written by way of commandment, and also by the spirit of prophecy and of revelation—Written and sealed up, and hid up unto the Lord, that they might not be destroyed—To come forth by the gift and power of God unto the interpretation thereof—Sealed by the hand of Moroni, and hid up unto the Lord, to come forth in due time by way of the Gentile—The interpretation thereof by the gift of God.

An abridgment taken from the Book of Ether also, which is a record of the people of Jared, who were scattered at the time the Lord confounded the language of the people, when they were building a tower to get to heaven—Which is to show unto the remnant of the house of Israel what great things the Lord hath done for their fathers; and that they may know the covenants of the Lord, that they are not cast off forever—And also to the convincing of the Jew and Gentile that JESUS is the CHRIST, the ETERNAL GOD, manifesting himself unto all nations—And now, if there are faults they are the mistakes of men; wherefore, condemn not the things of God, that ye may be found spotless at the judgment-seat of Christ.

TRANSLATED BY JOSEPH SMITH, JUN.

# Chứng Ngôn của Ba Nhân Chứng

Xin cáo tri cùng tất cả các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ và dân tộc, là những người mà tác phẩm này sẽ đến: Rằng chúng tôi, nhờ ân điển của Thượng Đế Đức Chúa Cha, và Chúa Giê Su Kỵ Tô của chúng ta, đã được thấy các bảng khắc trên đó có chứa đựng biên sử này, là biên sử của dân Nê Phi, cùng biên sử của dân La Man, là anh em của họ, và biên sử của dân Gia Rét, là những người phát xuất từ ngọn tháp cao mà đã được nói tới. Chúng tôi cũng biết rằng những bảng khắc đó được phiên dịch bằng ân tứ và quyền năng của Thượng Đế, vì tiếng nói của Ngài đã phán bảo chúng tôi; vậy nên, chúng tôi biết chắc chắn rằng tác phẩm này có thật. Và chúng tôi cũng xin làm chứng rằng chúng tôi đã trông thấy những hình chạm trổ trên các bảng khắc, và những bảng khắc này đã được biểu lộ cho chúng tôi trông thấy bằng quyền năng của Thượng Đế chứ không phải bằng quyền năng của loài người. Chúng tôi xin minh định rằng một vị thiên sứ của Thượng Đế đã từ trên trời hiện xuống và trải ra trước mắt chúng tôi, khiến chúng tôi trông thấy những bảng khắc, và những hình chạm trổ trên đó; và chúng tôi biết rằng nhờ ân điển của Thượng Đế Đức Chúa Cha cùng Chúa Giê Su Kỵ Tô của chúng ta, nên chúng tôi mới được trông thấy, và xin làm chứng rằng những vật này có thật. Và nó rất kỳ diệu trước mắt chúng tôi. Vì tiếng nói của Chúa đã truyền lệnh cho chúng tôi phải làm chứng về những sự kiện trên, vậy nên để tuân theo những lệnh truyền của Thượng Đế, chúng tôi làm chứng cho các vật này. Chúng tôi biết rằng, nếu chúng ta trung thành với Đấng Kỵ Tô, chúng ta sẽ tẩy sạch được vết máu của tất cả loài người vấy trên y phục của chúng ta, và chúng ta sẽ được xét thấy là không tì vết trước ghế phán xét của Đấng Kỵ Tô, và chúng ta sẽ ở vĩnh viễn bên Ngài trên các tầng trời. Xin vinh danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh, cả ba là một Thượng Đế. A Men.

OLIVER COWDERY  
DAVID WHITMER  
MARTIN HARRIS

# The Testimony of Three Witnesses

Be it known unto all nations, kindreds, tongues, and people, unto whom this work shall come: That we, through the grace of God the Father, and our Lord Jesus Christ, have seen the plates which contain this record, which is a record of the people of Nephi, and also of the Lamanites, their brethren, and also of the people of Jared, who came from the tower of which hath been spoken. And we also know that they have been translated by the gift and power of God, for his voice hath declared it unto us; wherefore we know of a surety that the work is true. And we also testify that we have seen the engravings which are upon the plates; and they have been shown unto us by the power of God, and not of man. And we declare with words of soberness, that an angel of God came down from heaven, and he brought and laid before our eyes, that we beheld and saw the plates, and the engravings thereon; and we know that it is by the grace of God the Father, and our Lord Jesus Christ, that we beheld and bear record that these things are true. And it is marvelous in our eyes. Nevertheless, the voice of the Lord commanded us that we should bear record of it; wherefore, to be obedient unto the commandments of God, we bear testimony of these things. And we know that if we are faithful in Christ, we shall rid our garments of the blood of all men, and be found spotless before the judgment-seat of Christ, and shall dwell with him eternally in the heavens. And the honor be to the Father, and to the Son, and to the Holy Ghost, which is one God. Amen.

OLIVER COWDERY  
DAVID WHITMER  
MARTIN HARRIS

## Chứng Ngôn của Tám Nhân Chứng

Xin cáo tri cùng tất cả các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ và dân tộc, là những người mà tác phẩm này sẽ đến: Rằng Joseph Smith, Jr., dịch giả của tác phẩm này, đã cho chúng tôi thấy các bảng khắc như đã được đề cập tới, những bảng khắc này có hình dạng bề ngoài bằng vàng, và chúng tôi đã được sờ tận tay vào những miếng bảng khắc mà ông Smith đã dịch; chúng tôi cũng đã thấy những hình chạm trổ trên các bảng khắc ấy, tất cả đều có hình dạng của tác phẩm cổ xưa và theo một lối thủ công tinh xảo. Và chúng tôi xin làm chứng về những điều này với lời lẽ nghiêm chỉnh rằng, ông Smith đã cho chúng tôi xem, vì chúng tôi đã thấy và cầm lên nên biết chắc chắn rằng ông Smith đã nhận được những bảng khắc nói trên. Chúng tôi xin lấy danh dự mà làm chứng trước thế giới rằng, chúng tôi đã thấy. Và chúng tôi không nói dối, xin Thượng Đế chứng giám cho điều này.

CHRISTIAN WHITMER  
JACOB WHITMER  
PETER WHITMER, JR.  
JOHN WHITMER  
HIRAM PAGE  
JOSEPH SMITH, SR.  
HYRUM SMITH  
SAMUEL H. SMITH

## The Testimony of Eight Witnesses

Be it known unto all nations, kindreds, tongues, and people, unto whom this work shall come: That Joseph Smith, Jun., the translator of this work, has shown unto us the plates of which hath been spoken, which have the appearance of gold; and as many of the leaves as the said Smith has translated we did handle with our hands; and we also saw the engravings thereon, all of which has the appearance of ancient work, and of curious workmanship. And this we bear record with words of soberness, that the said Smith has shown unto us, for we have seen and hefted, and know of a surety that the said Smith has got the plates of which we have spoken. And we give our names unto the world, to witness unto the world that which we have seen. And we lie not, God bearing witness of it.

CHRISTIAN WHITMER  
JACOB WHITMER  
PETER WHITMER, JUN.  
JOHN WHITMER  
HIRAM PAGE  
JOSEPH SMITH, SEN.  
HYRUM SMITH  
SAMUEL H. SMITH

# Sách Nê Phi Thứ Nhất

## Triều Đại và Giáo Vụ Của Ông

Truyện ký về Lê Hi và vợ ông là Sa Ri A cùng bốn người con trai của ông có tên như sau (bắt đầu từ người con trưởng): La Man, Lê Mu Ên, Sam, và Nê Phi. Chúa báo trước cho Lê Hi biết ông phải rời khỏi xứ Giê Ru Sa Lem vì ông đã tiên tri cho dân chúng biết về sự bất chính của họ và họ tìm cách hủy diệt mạng sống của ông. Ông cùng gia đình hành trình ba ngày trong vùng hoang dã. Nê Phi đem các anh mình trở lại xứ Giê Ru Sa Lem để tìm biên sử của người Do Thái. Truyện ký về những nỗi thống khổ của họ. Họ lấy các con gái của Ích Ma Ên làm vợ. Họ đem gia đình đi vào vùng hoang dã. Những sự đau đớn và những nỗi thống khổ của họ trong vùng hoang dã. Lộ trình của họ. Họ đến bên bờ đại dương. Các anh của Nê Phi nổi lên chống ông. Ông làm họ đuối lý và đóng một chiếc thuyền. Họ đặt tên nơi ấy là Phong Phú. Họ vượt đại dương đến đất hứa, và vân vân. Thiên ký thuật này viết theo truyện ký của Nê Phi; hay nói cách khác, tôi, Nê Phi, đã ghi chép biên sử này.

### 1 Nê Phi 1

- 1 Tôi, Nê Phi, nhờ sinh trưởng trong một gia đình nề nếp nên được dạy dỗ dựa trên một phần lớn những kiến thức của cha tôi; và trong những chuỗi ngày của đời tôi, tôi đã từng chứng kiến biết bao nỗi thống khổ, tuy vẫn được Chúa dành cho nhiều ưu đãi trong suốt cuộc đời tôi; phải, tôi đã có được sự hiểu biết lớn lao về lòng nhân từ và những điều kín nhiệm của Thượng Đế, vậy nên tôi viết một biên sử về những diễn biến trong đời tôi.
- 2 Phải, tôi viết biên sử này theo ngôn ngữ của cha tôi, là một ngôn ngữ gồm có kiến thức của người Do Thái với ngôn ngữ của người Ai Cập.
- 3 Và tôi biết rằng biên sử mà tôi ghi chép ra đây là có thật; và chính tay tôi đã ghi chép và dựa theo sự hiểu biết của mình.

# The First Book of Nephi

## His Reign and Ministry

An account of Lehi and his wife Sariah, and his four sons, being called, (beginning at the eldest) Laman, Lemuel, Sam, and Nephi. The Lord warns Lehi to depart out of the land of Jerusalem, because he prophesieth unto the people concerning their iniquity and they seek to destroy his life. He taketh three days' journey into the wilderness with his family. Nephi taketh his brethren and returneth to the land of Jerusalem after the record of the Jews. The account of their sufferings. They take the daughters of Ishmael to wife. They take their families and depart into the wilderness. Their sufferings and afflictions in the wilderness. The course of their travels. They come to the large waters. Nephi's brethren rebel against him. He confoundeth them, and buildeth a ship. They call the name of the place Bountiful. They cross the large waters into the promised land, and so forth. This is according to the account of Nephi; or in other words, I, Nephi, wrote this record.

### 1 Nephi 1

I, Nephi, having been born of goodly parents, therefore I was taught somewhat in all the learning of my father; and having seen many afflictions in the course of my days, nevertheless, having been highly favored of the Lord in all my days; yea, having had a great knowledge of the goodness and the mysteries of God, therefore I make a record of my proceedings in my days.

Yea, I make a record in the language of my father, which consists of the learning of the Jews and the language of the Egyptians.

And I know that the record which I make is true; and I make it with mine own hand; and I make it according to my knowledge.

- 4 Vì chuyện rằng vào đầu năm thứ nhất của triều đại Sê Đê Kia, vua Giu Đa (cha tôi là Lê Hi đã sống tại Giê Ru Sa Lem suốt đời ông); chính trong năm này có nhiều vị tiên tri đến và nói những lời tiên tri cho dân chúng biết rằng họ phải hối cải, bằng không thì thành phố Giê Ru Sa Lem vĩ đại ấy sẽ bị hủy diệt.
- 5 Vậy nên chuyện rằng, trong lúc cha tôi là Lê Hi đi ra ngoài cầu nguyện Chúa; phải, ông đã cầu nguyện hết tâm lòng thành của mình cho dân ông.
- 6 Và chuyện rằng, lúc ông cầu nguyện Chúa thì một cột lửa xuất hiện trên phiến đá trước mặt ông; và ông được nghe thấy rất nhiều điều; và cũng chính vì những điều nghe thấy đó mà ông đã kinh hãi và run sợ vô cùng.
- 7 Và chuyện rằng, ông trở về nhà riêng tại Giê Ru Sa Lem và ông nằm vật xuống giường, tâm thần chan hòa Thánh Linh cùng những điều ông vừa mục kích.
- 8 Và trong khi tâm thần chan hòa Thánh Linh như vậy, ông được đưa vào trong một khả tượng đến độ trông thấy được các tầng trời mở ra, và ông nghĩ là ông đã thấy được Thượng Đế đang ngự trên ngai của Ngài có vô số nhóm thiên thần bao quanh và đang trong trạng thái ca hát và suy tôn Thượng Đế của họ.
- 9 Và chuyện rằng, ông trông thấy có Một Vị bước xuống khỏi giữa tầng trời, và ông nhận thấy hào quang của vị đó chói sáng hơn cả ánh mặt trời vào lúc giữa trưa.
- 10 Và ông còn trông thấy có mười hai vị khác đi theo vị đó, và hào quang của các vị này cũng chói sáng hơn cả ánh sáng của các vì sao trên vòm trời.
- 11 Và tất cả các vị ấy đi xuống và tiến tới mặt đất; và vị đi đầu tiên đến đứng trước mặt cha tôi, trao cho ông một cuốn sách và bảo ông hãy đọc.
- 12 Và chuyện rằng, khi ông đọc sách ấy, ông được đầy đầy Thánh Linh của Chúa.

For it came to pass in the commencement of the first year of the reign of Zedekiah, king of Judah, (my father, Lehi, having dwelt at Jerusalem in all his days); and in that same year there came many prophets, prophesying unto the people that they must repent, or the great city Jerusalem must be destroyed.

Wherefore it came to pass that my father, Lehi, as he went forth prayed unto the Lord, yea, even with all his heart, in behalf of his people.

And it came to pass as he prayed unto the Lord, there came a pillar of fire and dwelt upon a rock before him; and he saw and heard much; and because of the things which he saw and heard he did quake and tremble exceedingly.

And it came to pass that he returned to his own house at Jerusalem; and he cast himself upon his bed, being overcome with the Spirit and the things which he had seen.

And being thus overcome with the Spirit, he was carried away in a vision, even that he saw the heavens open, and he thought he saw God sitting upon his throne, surrounded with numberless concourses of angels in the attitude of singing and praising their God.

And it came to pass that he saw One descending out of the midst of heaven, and he beheld that his luster was above that of the sun at noon-day.

And he also saw twelve others following him, and their brightness did exceed that of the stars in the firmament.

And they came down and went forth upon the face of the earth; and the first came and stood before my father, and gave unto him a book, and bade him that he should read.

And it came to pass that as he read, he was filled with the Spirit of the Lord.

- 13 Và ông đọc rằng: Khốn thay, khốn thay cho Giê Ru Sa Lem, vì ta đã thấy những điều khả ố của mi! Phải, cha tôi quả đã đọc nhiều điều liên hệ đến Giê Ru Sa Lem—rằng thành phố này sẽ bị hủy diệt, và dân cư ngụ trong ấy cũng vậy; nhiều người sẽ bị chết bởi gươm đao, và nhiều người khác sẽ bị bắt đày qua Ba Bi Lôn.
- 14 Và chuyện rằng, sau khi cha tôi đọc và thấy nhiều điều vĩ đại và kỳ diệu, ông đã thốt lên nhiều điều với Chúa như vậy: Vĩ đại và kỳ diệu thay những việc làm của Ngài, hỡi Đức Chúa Trời Toàn Năng! Ngài của Ngài ở trên các tầng trời cao với vợ, và quyền năng, sự nhân từ, cùng lòng thương xót của Ngài trên tất cả dân cư trên thế gian này; và bởi Ngài giàu lòng thương xót, nên Ngài không đành để cho ai đã biết tìm tới Ngài phải bị diệt vong.
- 15 Và đây là những lời cha tôi đã thốt ra để ca ngợi Thượng Đế của ông, vì tâm hồn ông rất hân hoan, và lòng ông tràn ngập niềm sung sướng vì những điều ông đã được thấy, phải, những điều mà Chúa đã cho ông thấy.
- 16 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, không ghi chép hết những điều mà cha tôi đã viết ra, vì lẽ cha tôi đã viết rất nhiều về những điều ông được thấy trong những khải tượng và trong các giấc mộng. Ông cũng đã viết rất nhiều về những điều ông tiên tri và ngỏ cùng các con ông, mà tôi sẽ không ghi chép lại đầy đủ được.
- 17 Nhưng tôi sẽ ghi chép những diễn biến trong đời tôi. Nay, tôi xin tóm lược lại biên sử của cha tôi trên các bảng khắc do tay tôi làm ra; vậy nên, sau khi tóm lược xong biên sử của cha tôi, tôi sẽ ghi chép lại đời tư của tôi.
- 18 Vậy nên tôi muốn các người biết rằng, sau khi Chúa cho cha tôi là Lê Hi trông thấy những điều kỳ diệu, phải, về sự tàn phá của Giê Ru Sa Lem, này, ông đã đi đến giữa đám đông dân chúng, rồi bắt đầu nói tiên tri và rao truyền cho họ những điều ông đã được nghe thấy.

And he read, saying: Wo, wo, unto Jerusalem, for I have seen thine abominations! Yea, and many things did my father read concerning Jerusalem—that it should be destroyed, and the inhabitants thereof; many should perish by the sword, and many should be carried away captive into Babylon.

And it came to pass that when my father had read and seen many great and marvelous things, he did exclaim many things unto the Lord; such as: Great and marvelous are thy works, O Lord God Almighty! Thy throne is high in the heavens, and thy power, and goodness, and mercy are over all the inhabitants of the earth; and, because thou art merciful, thou wilt not suffer those who come unto thee that they shall perish!

And after this manner was the language of my father in the praising of his God; for his soul did rejoice, and his whole heart was filled, because of the things which he had seen, yea, which the Lord had shown unto him.

And now I, Nephi, do not make a full account of the things which my father hath written, for he hath written many things which he saw in visions and in dreams; and he also hath written many things which he prophesied and spake unto his children, of which I shall not make a full account.

But I shall make an account of my proceedings in my days. Behold, I make an abridgment of the record of my father, upon plates which I have made with mine own hands; wherefore, after I have abridged the record of my father then will I make an account of mine own life.

Therefore, I would that ye should know, that after the Lord had shown so many marvelous things unto my father, Lehi, yea, concerning the destruction of Jerusalem, behold he went forth among the people, and began to prophesy and to declare unto them concerning the things which he had both seen and heard.



19 Và chuyện rằng, người Do Thái đã chế nhạo ông vì những điều mà ông đã làm chứng về họ; vì quả thật ông đã làm chứng về sự độc ác và những điều khả ố của họ; ông còn làm chứng rằng, những điều ông nghe thấy và luôn cả những điều ông đọc được trong sách, biểu lộ rõ ràng sự hiện đến của Đấng Mê Si, và luôn cả sự cứu chuộc thế gian nữa.

20 Rồi khi những người Do Thái nghe những điều này họ trở nên tức giận với ông; phải, như trước kia họ đã từng tức giận các vị tiên tri thời xưa, là những người mà họ đã từng xua đuổi, ném đá và sát hại; nay họ cũng tìm kiếm mạng sống của ông để họ có thể lấy mạng sống ấy. Nhưng này, tôi, Nê Phi, sẽ cho các người thấy rằng, tấm lòng thương xót dịu dàng của Chúa được dành cho tất cả những người được Ngài chọn lựa, nhờ đức tin của họ, để làm cho họ hùng mạnh ngay cả có được quyền năng giải thoát.

And it came to pass that the Jews did mock him because of the things which he testified of them; for he truly testified of their wickedness and their abominations; and he testified that the things which he saw and heard, and also the things which he read in the book, manifested plainly of the coming of a Messiah, and also the redemption of the world.

And when the Jews heard these things they were angry with him; yea, even as with the prophets of old, whom they had cast out, and stoned, and slain; and they also sought his life, that they might take it away. But behold, I, Nephi, will show unto you that the tender mercies of the Lord are over all those whom he hath chosen, because of their faith, to make them mighty even unto the power of deliverance.

## 1 Nê Phi 2

- 1 Vì này, chuyện rằng, Chúa đã nói với cha tôi, phải, trong một giấc mộng, Ngài đã phán cùng ông rằng: Lê Hi, phước thay cho con vì những việc con đã làm; và vì con đã trung thành và đã rao truyền cho dân này biết những gì ta truyền lệnh cho con, này, chúng đang tìm cách lấy mạng sống của con.
- 2 Và chuyện rằng Chúa đã truyền lệnh cho cha tôi, phải, trong một giấc mộng, rằng ông phải đem gia đình đi vào vùng hoang dã.
- 3 Và chuyện rằng, ông là người biết vâng lời Chúa, vậy nên ông làm theo lời Chúa truyền dạy.
- 4 Và chuyện rằng, ông ra đi vào vùng hoang dã. Và ông bỏ lại nhà cửa và đất thừa hưởng, cùng vàng bạc và các vật quý báu, và ông chẳng đem theo thứ gì ngoài gia đình mình, và lương thực, cùng các lều vải, rồi ra đi vào vùng hoang dã.
- 5 Và ông đi xuống cạnh vùng ranh giới gần ven Biển Đỏ, sau đó ông hành trình trong vùng hoang dã dọc theo vùng ranh giới gần ven Biển Đỏ hơn; và ông quả thật đã hành trình trong vùng hoang dã cùng với gia đình gồm có: mẹ tôi là Sa Ri A, các anh tôi là La Man, Lê Mu Ên, và Sam.
- 6 Và chuyện rằng, sau khi ông đã hành trình được ba ngày trong vùng hoang dã, ông dựng lều trong thung lũng bên bờ một dòng sông có nước.
- 7 Và chuyện rằng, ông lập một bàn thờ bằng đá, và dâng lễ vật lên Chúa và tạ ơn Chúa, Thượng Đế của chúng tôi.
- 8 Và chuyện rằng, ông đặt tên cho sông ấy là La Man. Sông này chảy về Biển Đỏ; và thung lũng này nằm ở vùng ranh giới gần cửa sông.
- 9 Và khi cha tôi thấy nước sông chảy dồn về lòng Biển Đỏ, ông nói với La Man rằng: Ôi, cha mong con sẽ giống như dòng sông này, luôn chảy về nguồn gốc của mọi điều ngay chính!

## 1 Nephi 2

For behold, it came to pass that the Lord spake unto my father, yea, even in a dream, and said unto him: Blessed art thou Lehi, because of the things which thou hast done; and because thou hast been faithful and declared unto this people the things which I commanded thee, behold, they seek to take away thy life.

And it came to pass that the Lord commanded my father, even in a dream, that he should take his family and depart into the wilderness.

And it came to pass that he was obedient unto the word of the Lord, wherefore he did as the Lord commanded him.

And it came to pass that he departed into the wilderness. And he left his house, and the land of his inheritance, and his gold, and his silver, and his precious things, and took nothing with him, save it were his family, and provisions, and tents, and departed into the wilderness.

And he came down by the borders near the shore of the Red Sea; and he traveled in the wilderness in the borders which are nearer the Red Sea; and he did travel in the wilderness with his family, which consisted of my mother, Sariah, and my elder brothers, who were Laman, Lemuel, and Sam.

And it came to pass that when he had traveled three days in the wilderness, he pitched his tent in a valley by the side of a river of water.

And it came to pass that he built an altar of stones, and made an offering unto the Lord, and gave thanks unto the Lord our God.

And it came to pass that he called the name of the river, Laman, and it emptied into the Red Sea; and the valley was in the borders near the mouth thereof.

And when my father saw that the waters of the river emptied into the fountain of the Red Sea, he spake unto Laman, saying: O that thou mightest be like unto this river, continually running into the fountain of all righteousness!

- 10 Và ông cũng nói với Lê Mu Ên rằng: Ôi, cha mong con sẽ giống như thung lũng này và vững chắc và bền bỉ, và bất di bất dịch trong việc tuân giữ các lệnh truyền của Chúa!
- 11 Giờ đây, ông nói như vậy vì La Man và Lê Mu Ên có tính ương ngạnh; vì này, họ ta thán cha mình nhiều điều; vì ông là người trông thấy các khối tượng và ông đã dẫn họ rời khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, bỏ lại đất đai thừa hưởng, và vàng bạc cùng các vật quý báu để vào chết trong chốn hoang dã này. Họ bảo rằng, ông đã làm vậy vì những sự tưởng tượng điên rồ của lòng ông.
- 12 Và La Man cùng Lê Mu Ên, hai người con trai lớn nhất, đã ta thán cha mình như vậy. Và sở dĩ họ ta thán là vì họ không hiểu những việc làm của Thượng Đế là Đấng đã sáng tạo ra họ.
- 13 Họ cũng không tin rằng, Giê Ru Sa Lem, thành phố vĩ đại đó, lại có thể bị hủy diệt được, theo như những lời nói của các vị tiên tri. Và họ chẳng khác chi những người Do Thái ở Giê Ru Sa Lem, những người đang tìm cách lấy đi mạng sống của cha tôi.
- 14 Và chuyện rằng, cha tôi đã nói với họ trong thung lũng Lê Mu Ên, bằng một giọng đầy uy lực, nhờ ông được đầy dẫy Thánh Linh, đến nỗi toàn thân họ run lên trước mặt ông. Và ông đã khuất phục được họ, khiến họ không thốt lên được lời nào chống đối ông nữa; vậy nên họ đã làm theo lời ông truyền dạy.
- 15 Và cha tôi trú trong một lều vải.
- 16 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, vì hãy còn trẻ lắm, nhưng đã có một vóc dáng cao lớn, và có khát vọng lớn lao muốn biết về những điều kín nhiệm của Thượng Đế, vậy nên tôi đã kêu cầu Chúa; và này, Ngài đã đến với tôi và xoa dịu lòng tôi, khiến tôi thật sự tin tất cả những lời cha tôi đã nói; vậy nên, tôi không nổi lên chống ông như các anh tôi.
- 17 Và tôi đã nói chuyện với Sam, kể lại những việc ấy cho anh biết những gì Chúa đã biểu thị cho tôi qua Đức Thánh Linh của Ngài. Và chuyện rằng anh đã tin lời tôi.
- 18 Nhưng này, La Man và Lê Mu Ên không muốn nghe theo những lời của tôi; và vì lấy làm phiền muộn cho lòng dạ chai đá của hai anh nên tôi đã kêu cầu Chúa vì lợi ích của họ.

And he also spake unto Lemuel: O that thou mightest be like unto this valley, firm and steadfast, and immovable in keeping the commandments of the Lord!

Now this he spake because of the stiffneckedness of Laman and Lemuel; for behold they did murmur in many things against their father, because he was a visionary man, and had led them out of the land of Jerusalem, to leave the land of their inheritance, and their gold, and their silver, and their precious things, to perish in the wilderness. And this they said he had done because of the foolish imaginations of his heart.

And thus Laman and Lemuel, being the eldest, did murmur against their father. And they did murmur because they knew not the dealings of that God who had created them.

Neither did they believe that Jerusalem, that great city, could be destroyed according to the words of the prophets. And they were like unto the Jews who were at Jerusalem, who sought to take away the life of my father.

And it came to pass that my father did speak unto them in the valley of Lemuel, with power, being filled with the Spirit, until their frames did shake before him. And he did confound them, that they durst not utter against him; wherefore, they did as he commanded them.

And my father dwelt in a tent.

And it came to pass that I, Nephi, being exceedingly young, nevertheless being large in stature, and also having great desires to know of the mysteries of God, wherefore, I did cry unto the Lord; and behold he did visit me, and did soften my heart that I did believe all the words which had been spoken by my father; wherefore, I did not rebel against him like unto my brothers.

And I spake unto Sam, making known unto him the things which the Lord had manifested unto me by his Holy Spirit. And it came to pass that he believed in my words.

But, behold, Laman and Lemuel would not hearken unto my words; and being grieved because of the hardness of their hearts I cried unto the Lord for them.

- 19 Và chuyện rằng, Chúa phán với tôi rằng: Phước thay cho con, hỡi Nê Phi, nhờ đức tin của con, vì con đã biết chuyên tâm tìm tới ta với sự khiêm tốn trong lòng.
- 20 Và chừng nào con còn tuân giữ các lệnh truyền của ta, con sẽ được thịnh vượng và sẽ được dẫn dắt đến một vùng đất hứa; phải, đó là một vùng đất mà ta đã chuẩn bị cho con; phải, một vùng đất chọn lọc hơn hết thảy mọi vùng đất khác.
- 21 Và chừng nào các anh con còn chống đối con, chúng sẽ bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Chúa.
- 22 Và chừng nào con còn tuân giữ các lệnh truyền của ta, con sẽ được đặt lên làm người cai trị và người giảng dạy các anh con.
- 23 Vì này, vào ngày mà chúng nổi lên chống đối ta, ta sẽ rửa sả chúng, bằng một lời rửa sả nặng nề, và chúng sẽ không có một quyền lực gì đối với dòng dõi con trừ phi chính dòng dõi của con cũng sẽ chống đối ta nữa.
- 24 Và nếu dòng dõi của con nổi lên chống đối ta, thì con cháu của các anh con sẽ là một tai họa cho dòng dõi của con, để nhắc nhở họ nhớ đến ta.

And it came to pass that the Lord spake unto me, saying: Blessed art thou, Nephi, because of thy faith, for thou hast sought me diligently, with lowliness of heart.

And inasmuch as ye shall keep my commandments, ye shall prosper, and shall be led to a land of promise; yea, even a land which I have prepared for you; yea, a land which is choice above all other lands.

And inasmuch as thy brethren shall rebel against thee, they shall be cut off from the presence of the Lord.

And inasmuch as thou shalt keep my commandments, thou shalt be made a ruler and a teacher over thy brethren.

For behold, in that day that they shall rebel against me, I will curse them even with a sore curse, and they shall have no power over thy seed except they shall rebel against me also.

And if it so be that they rebel against me, they shall be a scourge unto thy seed, to stir them up in the ways of remembrance.

## 1 Nê Phi 3

- 1 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, trở về lều của cha tôi, sau khi được ngỏ lời với Chúa.
- 2 Và chuyện rằng, ông nói với tôi rằng: Này con, cha đã nằm mộng thấy Chúa truyền lệnh cho cha rằng, con và các anh con phải trở lại Giê Ru Sa Lem.
- 3 Vì này, La Ban đang cất giữ biên sử của người Do Thái, và luôn cả gia phả của tổ tiên cha, và những điều này được ghi khắc trên những tấm bằng khắc bằng đồng.
- 4 Vậy nên, Chúa đã truyền lệnh cho cha rằng, con cùng các anh con phải đi đến nhà La Ban tìm các biên sử ấy đem xuống vùng hoang dã.
- 5 Và giờ đây, này, các anh con ta thán, bảo rằng cha đã đòi hỏi chúng một việc quá khó khăn; nhưng này, đâu phải cha đòi hỏi chúng làm việc ấy, mà đó là một lệnh truyền của Chúa.
- 6 Vậy nên, hỡi con trai của cha, con hãy ra đi, rồi con sẽ được Chúa ưu đãi, vì con không hề ta thán điều gì.
- 7 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, bèn thưa với cha tôi rằng: Con sẽ đi và làm những gì Chúa đã truyền lệnh, vì con biết Chúa không ban ra một lệnh truyền nào cho con cái loài người mà Ngài lại không chuẩn bị sẵn một đường lối để họ có thể thực hiện được những điều Ngài phán truyền.
- 8 Và chuyện rằng sau khi cha tôi nghe tôi nói như vậy, ông rất đổi vui mừng, vì ông biết rằng tôi đã được Chúa ban phước.
- 9 Và tôi, Nê Phi, cùng các anh tôi khởi hành đi trong vùng hoang dã, chúng tôi mang theo lều để đi lên xứ Giê Ru Sa Lem.
- 10 Và chuyện rằng, khi chúng tôi đến được xứ Giê Ru Sa Lem, tôi cùng các anh tôi họp nhau lại bàn tính.
- 11 Và chúng tôi bắt thăm để xem ai là người phải đến nhà La Ban. Và chuyện rằng, thăm trúng nhằm La Man; và La Man đi đến nhà La Ban và nói chuyện với hấn khi hấn đang ngồi trong nhà.

## 1 Nephi 3

And it came to pass that I, Nephi, returned from speaking with the Lord, to the tent of my father.

And it came to pass that he spake unto me, saying: Behold I have dreamed a dream, in the which the Lord hath commanded me that thou and thy brethren shall return to Jerusalem.

For behold, Laban hath the record of the Jews and also a genealogy of my forefathers, and they are engraven upon plates of brass.

Wherefore, the Lord hath commanded me that thou and thy brothers should go unto the house of Laban, and seek the records, and bring them down hither into the wilderness.

And now, behold thy brothers murmur, saying it is a hard thing which I have required of them; but behold I have not required it of them, but it is a commandment of the Lord.

Therefore go, my son, and thou shalt be favored of the Lord, because thou hast not murmured.

And it came to pass that I, Nephi, said unto my father: I will go and do the things which the Lord hath commanded, for I know that the Lord giveth no commandments unto the children of men, save he shall prepare a way for them that they may accomplish the thing which he commandeth them.

And it came to pass that when my father had heard these words he was exceedingly glad, for he knew that I had been blessed of the Lord.

And I, Nephi, and my brethren took our journey in the wilderness, with our tents, to go up to the land of Jerusalem.

And it came to pass that when we had gone up to the land of Jerusalem, I and my brethren did consult one with another.

And we cast lots—who of us should go in unto the house of Laban. And it came to pass that the lot fell upon Laman; and Laman went in unto the house of Laban, and he talked with him as he sat in his house.

- 12 Và anh ấy ngỏ ý cho La Ban biết anh ấy muốn lấy các biên sử khắc trên các bảng khắc bằng đồng, trong ấy có ghi chép gia phả của cha tôi.
- 13 Và này, chuyện rằng La Ban liền nổi giận, hấn xua đuổi anh ấy khỏi chỗ ở của hắn; và hắn không muốn cho anh ấy lấy các biên sử ấy. Vậy nên, hắn bảo anh ấy rằng: Này, ngươi là kẻ cướp, ta sẽ giết ngươi.
- 14 Nhưng La Man chạy thoát khỏi hắn và kể lại cho chúng tôi nghe những điều La Ban đã làm. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy hết sức buồn rầu, và các anh tôi thì gần như muốn trở về với cha tôi trong vùng hoang dã.
- 15 Nhưng này, tôi nói với họ rằng: Như Chúa là Đấng hằng sống, và cũng như chúng ta đang sống đây, chúng ta sẽ không bao giờ trở về với cha chúng ta trong vùng hoang dã cho đến khi chúng ta làm xong điều mà Chúa đã truyền lệnh.
- 16 Vậy nên chúng ta hãy trung thành tuân giữ các lệnh truyền của Chúa; vậy chúng ta hãy trở về nơi mảnh đất thừa hưởng của cha chúng ta, vì này, ông đã để lại vàng bạc và đủ loại của cải. Cha chúng ta đã làm tất cả điều này vì Chúa đã truyền lệnh ông phải làm như vậy.
- 17 Vì ông biết rằng Giê Ru Sa Lem ắt sẽ bị hủy diệt vì sự độc ác của dân chúng.
- 18 Vì này, họ đã bác bỏ lời của các vị tiên tri. Vậy nên, nếu cha chúng ta vẫn ở lại trong xứ sau khi ông đã được lệnh phải trốn khỏi xứ, thì này, ông cũng sẽ bị chết. Vậy nên ông cần phải trốn khỏi xứ ấy.
- 19 Và này, đó là sự thông sáng của Thượng Đế khi Ngài muốn chúng ta lấy được các biên sử này để chúng ta có thể bảo tồn ngôn ngữ của tổ phụ cho con cháu chúng ta.
- 20 Và cũng nhờ vậy chúng ta mới có thể bảo tồn cho chúng những lời được nói ra từ miệng các thánh tiên tri, là những lời do Thánh Linh và quyền năng của Thượng Đế ban cho họ từ lúc thế gian mới bắt đầu cho đến bây giờ.
- 21 Và chuyện rằng bằng những lời lẽ như vậy, tôi đã thuyết phục được các anh tôi, để họ có thể trung thành tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế.

And he desired of Laban the records which were engraven upon the plates of brass, which contained the genealogy of my father.

And behold, it came to pass that Laban was angry, and thrust him out from his presence; and he would not that he should have the records. Wherefore, he said unto him: Behold thou art a robber, and I will slay thee.

But Laman fled out of his presence, and told the things which Laban had done, unto us. And we began to be exceedingly sorrowful, and my brethren were about to return unto my father in the wilderness.

But behold I said unto them that: As the Lord liveth, and as we live, we will not go down unto our father in the wilderness until we have accomplished the thing which the Lord hath commanded us.

Wherefore, let us be faithful in keeping the commandments of the Lord; therefore let us go down to the land of our father's inheritance, for behold he left gold and silver, and all manner of riches. And all this he hath done because of the commandments of the Lord.

For he knew that Jerusalem must be destroyed, because of the wickedness of the people.

For behold, they have rejected the words of the prophets. Wherefore, if my father should dwell in the land after he hath been commanded to flee out of the land, behold, he would also perish. Wherefore, it must needs be that he flee out of the land.

And behold, it is wisdom in God that we should obtain these records, that we may preserve unto our children the language of our fathers;

And also that we may preserve unto them the words which have been spoken by the mouth of all the holy prophets, which have been delivered unto them by the Spirit and power of God, since the world began, even down unto this present time.

And it came to pass that after this manner of language did I persuade my brethren, that they might be faithful in keeping the commandments of God.

- 22 Và chuyện rằng, chúng tôi đi xuống chỗ đất thừa hưởng của chúng tôi, và chúng tôi thu thập vàng bạc và các vật quý giá của chúng tôi.
- 23 Sau khi lấy được các vật ấy, chúng tôi lại đi trở lên nhà La Ban.
- 24 Và chuyện rằng, chúng tôi đến nhà La Ban và yêu cầu hănh trao cho chúng tôi các biên sử khắc trên các bảng khắc bằng đồng, và đổi lại, chúng tôi trao cho hănh vàng bạc cùng tất cả các vật quý giá của chúng tôi.
- 25 Và chuyện rằng, khi La Ban trông thấy của cải của chúng tôi quá lớn lao, hănh liền nổi lòng tham muốn, đến đổi đuổi xô chúng tôi ra ngoài, và sai gia nhân theo giết chúng tôi để hănh có thể chiếm đoạt của cải của chúng tôi.
- 26 Và chuyện rằng, chúng tôi buộc lòng phải bỏ hết của cải lại để chạy trốn đănh gia nhân của La Ban, và của cải ấy đă rơi vào tay La Ban.
- 27 Và chuyện rằng, chúng tôi chạy trốn vào vùng hoang dã, và các gia nhân của La Ban không đuổi kịp chúng tôi. Chúng tôi đă ẩn mình trong một hang đá.
- 28 Và chuyện rằng, La Man tức giận tôi, còn giận luôn cả cha tôi nữa; Lê Mu Ên cũng vậy, vì anh ấy nghe theo lời của La Man. Vậy nên cả hai anh La Man và Lê Mu Ên đă dùng nhiều lời nặng nề đối với chúng tôi là hai người em của họ, và họ còn dùng cả roi để đănh đập chúng tôi nữa.
- 29 Và chuyện rằng, khi họ dùng roi đănh đập chúng tôi, này, một thiên sứ của Chúa đến đứng trước mặt họ mà bảo rằng: Sao các người lại đănh đập em mình bằng roi? Các người không biết rằng, chính những hành vi bất chính của các người đă khiến Chúa chọn em các người lên làm người cai trị các người hay sao? Này, các người phải đi lên Giê Ru Sa Lem một lần nữa, rồi Chúa sẽ trao La Ban vào tay các người.
- 30 Và sau khi vị thiên sứ nói với chúng tôi xong, vị ấy liền bỏ đi.

And it came to pass that we went down to the land of our inheritance, and we did gather together our gold, and our silver, and our precious things.

And after we had gathered these things together, we went up again unto the house of Laban.

And it came to pass that we went in unto Laban, and desired him that he would give unto us the records which were engraven upon the plates of brass, for which we would give unto him our gold, and our silver, and all our precious things.

And it came to pass that when Laban saw our property, and that it was exceedingly great, he did lust after it, insomuch that he thrust us out, and sent his servants to slay us, that he might obtain our property.

And it came to pass that we did flee before the servants of Laban, and we were obliged to leave behind our property, and it fell into the hands of Laban.

And it came to pass that we fled into the wilderness, and the servants of Laban did not overtake us, and we hid ourselves in the cavity of a rock.

And it came to pass that Laman was angry with me, and also with my father; and also was Lemuel, for he hearkened unto the words of Laman. Wherefore Laman and Lemuel did speak many hard words unto us, their younger brothers, and they did smite us even with a rod.

And it came to pass as they smote us with a rod, behold, an angel of the Lord came and stood before them, and he spake unto them, saying: Why do ye smite your younger brother with a rod? Know ye not that the Lord hath chosen him to be a ruler over you, and this because of your iniquities? Behold ye shall go up to Jerusalem again, and the Lord will deliver Laban into your hands.

And after the angel had spoken unto us, he departed.

31      Và sau khi thiên sứ đi rồi, La Man cùng Lê Mu Ên lại bắt đầu ta thán rằng: Sao Chúa lại có thể trao La Ban vào tay chúng ta được? Nay, hănh là một người có quyền lực, và hănh có thể ra lệnh cho năm chục người, phải, và hănh cũng có thể giết chết cả năm chục người được; vậy sao hănh lại không thể giết nổi chúng ta?

And after the angel had departed, Laman and Lemuel again began to murmur, saying: How is it possible that the Lord will deliver Laban into our hands? Behold, he is a mighty man, and he can command fifty, yea, even he can slay fifty; then why not us?



## 1 Nê Phi 4

- 1 Và chuyện rằng, tôi nói với các anh tôi rằng: Chúng ta hãy đi lên Giê Ru Sa Lem lần nữa. Chúng ta hãy trung thành tuân giữ các lệnh truyền của Chúa; vì này, Ngài là Đấng có quyền năng mạnh mẽ hơn tất cả thế gian, vậy lẽ nào Ngài lại không mạnh hơn La Ban với năm chục người của hắn, phải, cho dù hắn có hàng vạn tên đi nữa?
- 2 Vậy chúng ta hãy đi lên đó; chúng ta hãy dũng mãnh như Môi Se; vì quả thật ông đã ra lệnh cho nước Biển Đỏ phải rẽ làm đôi để cho tổ phụ chúng ta vượt qua, thoát cảnh tù đày, như đi trên đất liền khô ráo, và quân lính của Pha Ra Ôn rượt theo phải chết đuối trong lòng Biển Đỏ.
- 3 Giờ đây, này, các anh biết điều này có thật, và các anh cũng biết là một thiên sứ đã nói chuyện với các anh; vậy các anh còn có thể nghi ngờ sao? Chúng ta hãy đi lên đó; Chúa sẽ giải thoát chúng ta, giống như tổ phụ của chúng ta, và Ngài sẽ hủy diệt La Ban giống như quân Ai Cập vậy.
- 4 Giờ đây, sau khi tôi nói xong những lời này, họ vẫn còn giận dữ và tiếp tục ta thán; nhưng rồi họ cũng đi theo tôi cho tới khi chúng tôi đến ngoài tường thành Giê Ru Sa Lem.
- 5 Lúc đó trời đã về đêm, tôi để họ đứng núp ở ngoài tường thành, và sau khi họ ẩn nấp xong, tôi, Nê Phi, bèn lén vào trong thành phố và đi hướng về nhà La Ban.
- 6 Và tôi được Thánh Linh dẫn dắt, không biết trước được là mình sẽ phải làm gì.
- 7 Tuy nhiên tôi vẫn thẳng tiến, và khi đến gần nhà La Ban, tôi trông thấy một người đàn ông và người ấy đã té xuống đất trước mặt tôi vì say rượu.
- 8 Khi tôi đi lại, thì nhận ra người ấy chính là La Ban.
- 9 Tôi thấy gươm của hắn, bèn rút ra khỏi vỏ xem; tôi nhận thấy cán gươm làm bằng vàng y rất công phu đẹp mắt, và lưỡi gươm thì làm bằng một loại thép quý giá nhất.

## 1 Nephi 4

And it came to pass that I spake unto my brethren, saying: Let us go up again unto Jerusalem, and let us be faithful in keeping the commandments of the Lord; for behold he is mightier than all the earth, then why not mightier than Laban and his fifty, yea, or even than his tens of thousands?

Therefore let us go up; let us be strong like unto Moses; for he truly spake unto the waters of the Red Sea and they divided hither and thither, and our fathers came through, out of captivity, on dry ground, and the armies of Pharaoh did follow and were drowned in the waters of the Red Sea.

Now behold ye know that this is true; and ye also know that an angel hath spoken unto you; wherefore can ye doubt? Let us go up; the Lord is able to deliver us, even as our fathers, and to destroy Laban, even as the Egyptians.

Now when I had spoken these words, they were yet wroth, and did still continue to murmur; nevertheless they did follow me up until we came without the walls of Jerusalem.

And it was by night; and I caused that they should hide themselves without the walls. And after they had hid themselves, I, Nephi, crept into the city and went forth towards the house of Laban.

And I was led by the Spirit, not knowing beforehand the things which I should do.

Nevertheless I went forth, and as I came near unto the house of Laban I beheld a man, and he had fallen to the earth before me, for he was drunken with wine.

And when I came to him I found that it was Laban.

And I beheld his sword, and I drew it forth from the sheath thereof; and the hilt thereof was of pure gold, and the workmanship thereof was exceedingly fine, and I saw that the blade thereof was of the most precious steel.

10 Và chuyện rằng, tôi được Thánh Linh thúc giục phải giết La Ban; nhưng tôi tự nhủ rằng: Mình chưa bao giờ làm đổ máu người. Và tôi đã rụt rè lùi lại, không muốn giết hắn.

11 Và Thánh Linh lại phán cùng tôi rằng: Nay, Chúa đã trao hắn vào tay ngươi. Phải, tôi cũng biết là hắn đã tìm cách lấy mạng sống của tôi; phải, hắn không muốn nghe theo các lệnh truyền của Chúa và hắn còn chiếm đoạt hết của cải của chúng tôi.

12 Và chuyện rằng, Thánh Linh lại phán cùng tôi rằng: Hãy giết hắn đi, vì Chúa đã trao hắn vào tay ngươi.

13 Nay, Chúa giết kẻ độc ác để thực hiện những mục đích ngay chính của Ngài. Tốt hơn là để một người chết còn hơn là để cho cả một dân tộc phải suy đồi và bị diệt vong trong sự vô tín nguỡng.

14 Và giờ đây tôi, Nê Phi, sau khi nghe được những lời như vậy, bèn nhớ đến những lời Chúa phán cùng tôi ở trong vùng hoang dã rằng: Chừng nào dòng dõi của con còn tuân giữ các lệnh truyền của ta thì chúng sẽ còn được thịnh vượng trên đất hứa.

15 Phải, tôi cũng nghĩ rằng, chúng không thể nào tuân giữ các lệnh truyền của Chúa theo luật pháp Môi Se trừ khi chúng có luật đó.

16 Và tôi cũng biết rằng luật đó đã được ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng.

17 Và lại nữa, tôi biết rằng, Chúa đã trao La Ban vào tay tôi cũng vì lý do đó—để tôi có thể lấy được các bảng khắc theo các lệnh truyền của Ngài.

18 Vậy nên tôi đã vâng theo tiếng nói của Thánh Linh, tôi nắm tóc kéo đầu La Ban, và cắt đầu hắn với chính gươm của hắn.

19 Và sau khi cắt đầu hắn với gươm của hắn xong, tôi cởi y phục của La Ban và mặc vào người tôi, phải, không thiếu sót một món gì; rồi tôi lấy áo giáp của hắn đeo vào quanh hông.

20 Và sau khi làm như vậy xong, tôi liền đi đến kho tàng của La Ban. Và khi tôi đi về hướng kho tàng của La Ban, này, tôi gặp một tên gia nhân của La Ban là người giữ các chìa khóa kho tàng. Tôi ra lệnh cho hắn bằng giọng nói của La Ban rằng hắn phải đi theo tôi vào trong kho tàng.

And it came to pass that I was constrained by the Spirit that I should kill Laban; but I said in my heart: Never at any time have I shed the blood of man. And I shrunk and would that I might not slay him.

And the Spirit said unto me again: Behold the Lord hath delivered him into thy hands. Yea, and I also knew that he had sought to take away mine own life; yea, and he would not hearken unto the commandments of the Lord; and he also had taken away our property.

And it came to pass that the Spirit said unto me again: Slay him, for the Lord hath delivered him into thy hands;

Behold the Lord slayeth the wicked to bring forth his righteous purposes. It is better that one man should perish than that a nation should dwindle and perish in unbelief.

And now, when I, Nephi, had heard these words, I remembered the words of the Lord which he spake unto me in the wilderness, saying that: Inasmuch as thy seed shall keep my commandments, they shall prosper in the land of promise.

Yea, and I also thought that they could not keep the commandments of the Lord according to the law of Moses, save they should have the law.

And I also knew that the law was engraven upon the plates of brass.

And again, I knew that the Lord had delivered Laban into my hands for this cause—that I might obtain the records according to his commandments.

Therefore I did obey the voice of the Spirit, and took Laban by the hair of the head, and I smote off his head with his own sword.

And after I had smitten off his head with his own sword, I took the garments of Laban and put them upon mine own body; yea, even every whit; and I did gird on his armor about my loins.

And after I had done this, I went forth unto the treasury of Laban. And as I went forth towards the treasury of Laban, behold, I saw the servant of Laban who had the keys of the treasury. And I commanded him in the voice of Laban, that he should go with me into the treasury.

21 Và tên gia nhân tưởng tôi là La Ban, chủ hấn, vì thấy tôi mặc y phục và đeo cây gươm bên hông.

22 Rồi hấn nói chuyện với tôi về các trưởng lão Do Thái, vì hấn biết rằng đầu hôm chủ hấn là La Ban đã đi với họ.

23 Và tôi cũng trả lời hấn y như tôi chính là La Ban.

24 Rồi tôi cũng bảo hấn rằng, tôi muốn đem những điều khắc trên các bảng khắc bằng đồng về cho các anh tôi đang ở ngoài tường thành.

25 Và tôi còn ra lệnh cho hấn phải đi theo tôi.

26 Và hấn tưởng rằng tôi nói về các anh em trong giáo hội, và tôi chính là La Ban, người vừa bị tôi giết, nên hấn đi theo tôi.

27 Và hấn nhiều lần nói chuyện với tôi về các trưởng lão Do Thái, trong khi tôi đi trở lại chỗ các anh tôi đang ở ngoài tường thành.

28 Và chuyện rằng, khi La Man trông thấy tôi, anh ấy sợ hãi quá đỗi, Lê Mu Ên và Sam cũng vậy. Họ chạy trốn tôi; vì họ tưởng tôi là La Ban, và họ cho rằng La Ban đã giết chết tôi, và tìm cách để lấy mạng sống của họ luôn.

29 Và chuyện rằng, tôi cất tiếng gọi họ, và họ nghe được giọng nói của tôi, nên họ dừng lại không chạy trốn tôi nữa.

30 Và chuyện rằng, khi tên gia nhân của La Ban trông thấy các anh tôi, hấn bắt đầu run sợ và định chạy trốn tôi để trở về thành Giê Ru Sa Lem.

31 Và này, tôi, Nê Phi, nhờ có một thân hình cao lớn và thụ nhận được rất nhiều sức mạnh của Chúa, nên tôi đã túm lấy tên gia nhân của La Ban, và giữ lại để hấn không chạy trốn được.

32 Và chuyện rằng tôi nói với hấn rằng, nếu hấn nghe theo lời của tôi, thì như Chúa là Đấng hằng sống và cũng như tôi thực sự đang sống, phải, nếu hấn nghe theo lời của chúng tôi, thì chúng tôi sẽ tha chết cho hấn.

33 Rồi tôi nói với hấn bằng một lời thề rằng: Hấn không cần phải sợ hãi, hấn sẽ trở thành người tự do như chúng tôi, nếu hấn bằng lòng đi xuống với chúng tôi trong vùng hoang dã.

And he supposed me to be his master, Laban, for he beheld the garments and also the sword girded about my loins.

And he spake unto me concerning the elders of the Jews, he knowing that his master, Laban, had been out by night among them.

And I spake unto him as if it had been Laban.

And I also spake unto him that I should carry the engravings, which were upon the plates of brass, to my elder brethren, who were without the walls.

And I also bade him that he should follow me.

And he, supposing that I spake of the brethren of the church, and that I was truly that Laban whom I had slain, wherefore he did follow me.

And he spake unto me many times concerning the elders of the Jews, as I went forth unto my brethren, who were without the walls.

And it came to pass that when Laman saw me he was exceedingly frightened, and also Lemuel and Sam. And they fled from before my presence; for they supposed it was Laban, and that he had slain me and had sought to take away their lives also.

And it came to pass that I called after them, and they did hear me; wherefore they did cease to flee from my presence.

And it came to pass that when the servant of Laban beheld my brethren he began to tremble, and was about to flee from before me and return to the city of Jerusalem.

And now I, Nephi, being a man large in stature, and also having received much strength of the Lord, therefore I did seize upon the servant of Laban, and held him, that he should not flee.

And it came to pass that I spake with him, that if he would hearken unto my words, as the Lord liveth, and as I live, even so that if he would hearken unto our words, we would spare his life.

And I spake unto him, even with an oath, that he need not fear; that he should be a free man like unto us if he would go down in the wilderness with us.

34 Và tôi còn nói thêm với hănh rằng: Quả thật Chúa đã ra lệnh cho chúng tôi làm việc này, lẽ nào chúng tôi không chuyên tâm làm theo những lệnh truyền của Chúa? Vậy nên, nếu anh bằng lòng đi xuống chỗ cha tôi trong vùng hoang dã, thì anh sẽ được một chỗ đứng trong gia đình chúng tôi.

35 Và chuyện rằng, Giô Ram lấy lại can đảm vì những lời tôi nói. Nay, Giô Ram là tên của đứa gia nhân. Hănh hứa sẽ đi xuống chỗ cha chúng tôi trong vùng hoang dã. Phải, và hănh cũng thề với chúng tôi rằng, hănh sẽ ở lại với chúng tôi từ đó về sau.

36 Nay, lý do chúng tôi muốn hănh ở lại với chúng tôi là để người Do Thái không biết chúng tôi đang trốn tránh trong vùng hoang dã, kéo họ đuổi theo sát hại chúng tôi.

37 Và chuyện rằng, sau khi Giô Ram thề với chúng tôi như vậy, thì sự lo ngại của chúng tôi về hănh không còn nữa.

38 Và chuyện rằng chúng tôi mang các bảng khắc bằng đồng và dẫn theo tên gia nhân của La Ban ra đi vào vùng hoang dã để trở về lều vải của cha chúng tôi.

And I also spake unto him, saying: Surely the Lord hath commanded us to do this thing; and shall we not be diligent in keeping the commandments of the Lord? Therefore, if thou wilt go down into the wilderness to my father thou shalt have place with us.

And it came to pass that Zoram did take courage at the words which I spake. Now Zoram was the name of the servant; and he promised that he would go down into the wilderness unto our father. Yea, and he also made an oath unto us that he would tarry with us from that time forth.

Now we were desirous that he should tarry with us for this cause, that the Jews might not know concerning our flight into the wilderness, lest they should pursue us and destroy us.

And it came to pass that when Zoram had made an oath unto us, our fears did cease concerning him.

And it came to pass that we took the plates of brass and the servant of Laban, and departed into the wilderness, and journeyed unto the tent of our father.

## 1 Nê Phi 5

- 1 Và chuyện rằng, sau khi chúng tôi trở xuống với cha chúng tôi trong vùng hoang dã, này, ông tràn ngập nỗi vui mừng, và mẹ tôi là Sa Ri A cũng vô cùng sung sướng, vì quả thật bà đang hết sức lo âu phiền muộn về chúng tôi.
- 2 Vì bà tưởng chúng tôi đã chết trong vùng hoang dã rồi, và bà cũng đã oán trách cha tôi, bảo ông là một người mộng tưởng hão huyền; bà bảo: Này, ông đã đem chúng tôi xa lìa đất thừa hưởng của chúng ta, và nay các con trai tôi không còn nữa, và rồi đây chúng ta sẽ chết trong vùng hoang dã.
- 3 Và với những lời lẽ như vậy, mẹ tôi oán trách cha tôi.
- 4 Và chuyện rằng, cha tôi nói với bà rằng: Tôi biết tôi là người trông thấy các khả tượng, vì nếu tôi không trông thấy những điều của Thượng Đế trong khả tượng thì tôi làm sao biết được lòng nhân từ của Thượng Đế, và tôi đã ở lại Giê Ru Sa Lem và để bị chết cùng với đồng bào của tôi.
- 5 Nhưng này, tôi đã được vùng đất hứa, đó là điều làm tôi hết sức vui mừng; phải, tôi biết là Chúa sẽ giải cứu các con trai tôi khỏi bàn tay của La Ban, và đưa chúng xuống lại với chúng ta trong vùng hoang dã.
- 6 Và với những lời lẽ như vậy, cha tôi, Lê Hi, đã an ủi mẹ tôi, Sa Ri A, về chúng tôi trong lúc chúng tôi hành trình trong vùng hoang dã để lên xứ Giê Ru Sa Lem lấy biên sử của người Do Thái.
- 7 Và khi chúng tôi trở về lều của cha tôi, này, sự vui mừng của họ thật trọn vẹn, và mẹ tôi đã được yên lòng.
- 8 Rồi bà bảo rằng: Giờ đây thì tôi biết chắc rằng Chúa đã truyền lệnh cho chồng tôi phải chạy trốn vào vùng hoang dã; phải, và tôi cũng biết chắc rằng Chúa đã che chở cho các con trai tôi, và đã giải cứu chúng khỏi bàn tay của La Ban, và còn ban cho chúng quyền năng nhờ đó chúng có thể thực hiện được điều Chúa truyền bảo chúng làm. Và mẹ tôi đã nói bằng những lời lẽ như vậy.

## 1 Nephi 5

And it came to pass that after we had come down into the wilderness unto our father, behold, he was filled with joy, and also my mother, Sariah, was exceedingly glad, for she truly had mourned because of us.

For she had supposed that we had perished in the wilderness; and she also had complained against my father, telling him that he was a visionary man; saying: Behold thou hast led us forth from the land of our inheritance, and my sons are no more, and we perish in the wilderness.

And after this manner of language had my mother complained against my father.

And it had come to pass that my father spake unto her, saying: I know that I am a visionary man; for if I had not seen the things of God in a vision I should not have known the goodness of God, but had tarried at Jerusalem, and had perished with my brethren.

But behold, I have obtained a land of promise, in the which things I do rejoice; yea, and I know that the Lord will deliver my sons out of the hands of Laban, and bring them down again unto us in the wilderness.

And after this manner of language did my father, Lehi, comfort my mother, Sariah, concerning us, while we journeyed in the wilderness up to the land of Jerusalem, to obtain the record of the Jews.

And when we had returned to the tent of my father, behold their joy was full, and my mother was comforted.

And she spake, saying: Now I know of a surety that the Lord hath commanded my husband to flee into the wilderness; yea, and I also know of a surety that the Lord hath protected my sons, and delivered them out of the hands of Laban, and given them power whereby they could accomplish the thing which the Lord hath commanded them. And after this manner of language did she speak.

- 9 Và chuyện rằng, họ quá đổi vui mừng, nên dâng lễ vật hy sinh và của lễ thiêu lên Chúa; và họ tạ ơn Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên.
- 10 Và sau khi họ đã tạ ơn Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên xong, cha tôi, Lê Hi, lấy các biên sử khắc trên các bảng khắc bằng đồng ra xem xét tỉ mỉ từ đầu.
- 11 Và ông nhận thấy các biên sử này có ghi chép năm cuốn sách của Môi Se, tường thuật về sự sáng tạo thế gian, và cả về A Đam với Ê Va là thủy tổ của chúng ta.
- 12 Và luôn cả biên sử của người Do Thái từ lúc khởi thủy cho đến đầu triều đại Sê Đê Kia, vua Giu Đa;
- 13 Cùng những lời tiên tri của các thánh tiên tri từ lúc khởi thủy đến đầu triều đại Sê Đê Kia, và nhiều lời tiên tri nói ra từ miệng Giê Rê Mi.
- 14 Và chuyện rằng cha tôi, Lê Hi, còn tìm thấy trên các bảng khắc bằng đồng gia phả của tổ phụ ông, vậy nên ông mới biết được rằng, ông là con cháu của Giô Sép; phải, chính Giô Sép đó là con trai Gia Cốp, người bị bán qua Ai Cập, và là người được bàn tay Chúa gìn giữ, để ông có thể gìn giữ được cha mình là Gia Cốp và toàn thể gia đình khỏi chết vì nạn đói.
- 15 Và họ cũng được dẫn dắt thoát vòng tù đày và ra khỏi xứ Ai Cập, bởi chính Thượng Đế, là Đấng đã từng gìn giữ họ.
- 16 Và như vậy cha tôi, Lê Hi, đã khám phá ra gia phả của tổ phụ ông. Và La Ban cũng là con cháu của Giô Sép, vậy nên hắn và tổ phụ hắn mới cất giữ các biên sử.
- 17 Và giờ đây khi cha tôi xem thấy tất cả những điều này, ông được đầy dẫy Thánh Linh, rồi bắt đầu nói tiên tri về dòng dõi của ông—
- 18 Rằng: Những bảng khắc bằng đồng này sẽ được gửi đi khắp các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc thuộc dòng dõi của ông.
- 19 Vậy nên, ông bảo rằng, những bảng khắc bằng đồng này sẽ không bao giờ bị tiêu hủy; và cũng không bao giờ bị phai mờ vì thời gian. Và ông đã nói tiên tri nhiều điều về dòng dõi của ông.

And it came to pass that they did rejoice exceedingly, and did offer sacrifice and burnt offerings unto the Lord; and they gave thanks unto the God of Israel.

And after they had given thanks unto the God of Israel, my father, Lehi, took the records which were engraven upon the plates of brass, and he did search them from the beginning.

And he beheld that they did contain the five books of Moses, which gave an account of the creation of the world, and also of Adam and Eve, who were our first parents;

And also a record of the Jews from the beginning, even down to the commencement of the reign of Zedekiah, king of Judah;

And also the prophecies of the holy prophets, from the beginning, even down to the commencement of the reign of Zedekiah; and also many prophecies which have been spoken by the mouth of Jeremiah.

And it came to pass that my father, Lehi, also found upon the plates of brass a genealogy of his fathers; wherefore he knew that he was a descendant of Joseph; yea, even that Joseph who was the son of Jacob, who was sold into Egypt, and who was preserved by the hand of the Lord, that he might preserve his father, Jacob, and all his household from perishing with famine.

And they were also led out of captivity and out of the land of Egypt, by that same God who had preserved them.

And thus my father, Lehi, did discover the genealogy of his fathers. And Laban also was a descendant of Joseph, wherefore he and his fathers had kept the records.

And now when my father saw all these things, he was filled with the Spirit, and began to prophesy concerning his seed—

That these plates of brass should go forth unto all nations, kindreds, tongues, and people who were of his seed.

Wherefore, he said that these plates of brass should never perish; neither should they be dimmed any more by time. And he prophesied many things concerning his seed.

20 Và chuyện rằng, từ trước tới giờ, tôi và cha tôi đều tuân giữ những lệnh truyền mà Chúa đã truyền lệnh cho chúng tôi.

21 Và chúng tôi đã lấy được các biên sử theo như Chúa đã truyền lệnh cho chúng tôi. Chúng tôi đã xem xét tỉ mỉ và nhận thấy đây là những điều mà chúng tôi mong ước có được; phải, nó có một giá trị lớn lao đối với chúng tôi, vì nhờ đó chúng tôi mới có thể bảo tồn cho con cháu chúng tôi những lệnh truyền của Chúa.

22 Vậy nên, theo sự thông sáng trong Chúa là chúng tôi phải mang theo các biên sử này với chúng tôi trong khi chúng tôi hành trình trong vùng hoang dã tiến về đất hứa.

And it came to pass that thus far I and my father had kept the commandments wherewith the Lord had commanded us.

And we had obtained the records which the Lord had commanded us, and searched them and found that they were desirable; yea, even of great worth unto us, insomuch that we could preserve the commandments of the Lord unto our children.

Wherefore, it was wisdom in the Lord that we should carry them with us, as we journeyed in the wilderness towards the land of promise.

## 1 Nê Phi 6

- 1 Và giờ đây, tôi, Nê Phi không biên chép gì về gia phả của tổ phụ tôi trong phần này của biên sử của tôi; và tôi sẽ không bao giờ biên chép vấn đề ấy sau này trên những bảng khắc mà tôi đang viết; vì phần này đã được biên chép trong biên sử do cha tôi cất giữ; vậy nên tôi không viết lại trong tác phẩm này.
- 2 Vì tôi chỉ cần nói rằng chúng tôi là con cháu của Giô Sép cũng đủ rồi.
- 3 Và đối với tôi không thành vấn đề về việc tôi ghi chép đầy đủ chi tiết tất cả những sự việc của cha tôi, vì những điều ấy không thể ghi chép trên các bảng khắc này được, vì tôi muốn dành chỗ để ghi chép những sự việc của Thượng Đế.
- 4 Vì chủ đích của tôi là để có thể thuyết phục loài người đến với Thượng Đế của Áp Ra Ham, và Thượng Đế của Y Sác, và Thượng Đế của Gia Cốp, để được cứu rỗi.
- 5 Vậy nên, tôi không viết những gì để thỏa mãn thế gian mà chỉ những gì làm đẹp lòng Thượng Đế và những ai không thuộc về thế gian này.
- 6 Vậy nên, tôi sẽ truyền lệnh cho dòng dõi của tôi là chúng không được làm choán chỗ trên các bảng khắc này với những điều gì vô giá trị đối với con cái loài người.

## 1 Nephi 6

And now I, Nephi, do not give the genealogy of my fathers in this part of my record; neither at any time shall I give it after upon these plates which I am writing; for it is given in the record which has been kept by my father; wherefore, I do not write it in this work.

For it sufficeth me to say that we are descendants of Joseph.

And it mattereth not to me that I am particular to give a full account of all the things of my father, for they cannot be written upon these plates, for I desire the room that I may write of the things of God.

For the fulness of mine intent is that I may persuade men to come unto the God of Abraham, and the God of Isaac, and the God of Jacob, and be saved.

Wherefore, the things which are pleasing unto the world I do not write, but the things which are pleasing unto God and unto those who are not of the world.

Wherefore, I shall give commandment unto my seed, that they shall not occupy these plates with things which are not of worth unto the children of men.



## 1 Nê Phi 7

- 1 Và giờ đây tôi muốn các người biết rằng, sau khi cha tôi, Lê Hi, nói tiên tri xong về dòng dõi ông, thì chuyện rằng, Chúa lại phán bảo ông rằng việc ông, Lê Hi, chỉ đem gia đình mình vào vùng hoang dã như vậy là không thích hợp, mà các con trai ông phải lấy các con gái làm vợ để họ có thể gây dựng giống nòi trong Chúa trên đất hứa.
- 2 Và chuyện rằng, Chúa truyền lệnh cho ông rằng tôi, Nê Phi, và các anh tôi phải trở về xứ Giê Ru Sa Lem lần nữa, để đem Ích Ma Ên và gia đình ông xuống vùng hoang dã.
- 3 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, một lần nữa, cùng các anh tôi đi vào vùng hoang dã để đi lên Giê Ru Sa Lem.
- 4 Và chuyện rằng, chúng tôi lên đến nhà Ích Ma Ên, và chúng tôi chiếm được nhiều thiện cảm với Ích Ma Ên đến nỗi chúng tôi đã nói cho ông nghe những lời Chúa phán dạy.
- 5 Và chuyện rằng, Chúa đã xoa dịu tấm lòng Ích Ma Ên và gia đình ông đến nỗi họ bằng lòng theo chúng tôi hành trình xuống vùng hoang dã đến lều của cha chúng tôi.
- 6 Và chuyện rằng, khi chúng tôi hành trình trong vùng hoang dã, này, La Man và Lê Mu Ên cùng hai người con gái trong số các con gái của Ích Ma Ên, và hai người con trai của Ích Ma Ên và gia đình họ nổi lên chống lại chúng tôi; phải, họ chống lại tôi, Nê Phi cùng Sam và cha họ là Ích Ma Ên với vợ ông và ba người con gái khác của ông.
- 7 Và chuyện rằng trong cuộc chống đối đó, họ muốn trở lại xứ Giê Ru Sa Lem.
- 8 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, vì lấy làm phiền muộn cho lòng dạ chai đá của họ, vậy nên, tôi nói với họ, phải, nhất là với La Man và Lê Mu Ên rằng: Này, các anh là những người anh lớn của tôi, tại sao lòng các anh lại chai đá và tâm trí các anh mù quáng như vậy, đến nỗi các anh phải cần đến tôi là đứa em của các anh để nói với các anh, phải, và làm gương cho các anh?
- 9 Lẽ nào các anh không biết nghe theo lời Chúa?

## 1 Nephi 7

And now I would that ye might know, that after my father, Lehi, had made an end of prophesying concerning his seed, it came to pass that the Lord spake unto him again, saying that it was not meet for him, Lehi, that he should take his family into the wilderness alone; but that his sons should take daughters to wife, that they might raise up seed unto the Lord in the land of promise.

And it came to pass that the Lord commanded him that I, Nephi, and my brethren, should again return unto the land of Jerusalem, and bring down Ishmael and his family into the wilderness.

And it came to pass that I, Nephi, did again, with my brethren, go forth into the wilderness to go up to Jerusalem.

And it came to pass that we went up unto the house of Ishmael, and we did gain favor in the sight of Ishmael, insomuch that we did speak unto him the words of the Lord.

And it came to pass that the Lord did soften the heart of Ishmael, and also his household, insomuch that they took their journey with us down into the wilderness to the tent of our father.

And it came to pass that as we journeyed in the wilderness, behold Laman and Lemuel, and two of the daughters of Ishmael, and the two sons of Ishmael and their families, did rebel against us; yea, against me, Nephi, and Sam, and their father, Ishmael, and his wife, and his three other daughters.

And it came to pass in the which rebellion, they were desirous to return unto the land of Jerusalem.

And now I, Nephi, being grieved for the hardness of their hearts, therefore I spake unto them, saying, yea, even unto Laman and unto Lemuel: Behold ye are mine elder brethren, and how is it that ye are so hard in your hearts, and so blind in your minds, that ye have need that I, your younger brother, should speak unto you, yea, and set an example for you?

How is it that ye have not hearkened unto the word of the Lord?

- 10 Lẽ nào các anh quên rằng chính các anh đã từng thấy một thiên sứ của Chúa?
- 11 Phải, lẽ nào các anh đã quên hẳn những sự việc lớn lao Chúa đã làm cho chúng ta, khi Ngài giải cứu chúng ta thoát khỏi bàn tay của La Ban và giúp chúng ta lấy được biên sử?
- 12 Phải, và lẽ nào các anh lại quên rằng, Chúa có thể làm tất cả mọi điều theo ý muốn của Ngài cho con cái loài người nếu họ thực hành đức tin nơi Ngài? Vậy nên, chúng ta hãy trung thành với Ngài.
- 13 Và nếu chúng ta trung thành với Ngài, chúng ta sẽ nhận được đất hứa; và rồi đây trong tương lai các anh sẽ biết rằng lời của Chúa về việc Giê Ru Sa Lem bị tàn phá sẽ được ứng nghiệm, vì tất cả những điều gì Chúa đã phán dạy về việc Giê Ru Sa Lem bị tàn phá sẽ phải được ứng nghiệm.
- 14 Vì này, Thánh Linh của Chúa chẳng bao lâu nữa sẽ ngừng phấn đấu với họ; vì này, họ đã chối bỏ các vị tiên tri, và ngay cả Giê Rê Mi cũng bị họ hạ ngục. Và họ đã tìm cách lấy mạng sống của cha tôi, đến nỗi họ đã làm cho ông phải bỏ xứ đi.
- 15 Giờ đây, này, tôi nói cho các anh hay, nếu các anh mong muốn trở lại Giê Ru Sa Lem thì các anh cũng sẽ bị diệt vong cùng với họ. Và giờ đây, nếu các anh muốn làm như vậy, thì hãy lên xứ đó và hãy nhớ lời tôi đã nói với các anh rằng, nếu các anh đi các anh cũng sẽ bị diệt vong; vì đây là những lời do Thánh Linh của Chúa đã thúc giục tôi phải nói ra.
- 16 Và chuyện rằng, khi tôi, Nê Phi, nói xong những lời này với các anh tôi, thì họ tức giận tôi. Và chuyện rằng, họ túm lấy tôi, vì này, họ tức giận tôi quá sức, họ lấy dây thừng trói tôi lại, vì họ muốn tìm cách lấy mạng sống của tôi nên định để tôi lại trong vùng hoang dã cho dã thú ăn thịt.
- 17 Nhưng chuyện rằng, tôi cầu nguyện Chúa rằng: Hỡi Chúa, thể theo đức tin con đặt nơi Ngài, xin Ngài giải thoát con ra khỏi tay các anh con; phải, xin Ngài ban cho con sức mạnh để con có thể bứt được những mối dây này đang trói buộc con.

How is it that ye have forgotten that ye have seen an angel of the Lord?

Yea, and how is it that ye have forgotten what great things the Lord hath done for us, in delivering us out of the hands of Laban, and also that we should obtain the record?

Yea, and how is it that ye have forgotten that the Lord is able to do all things according to his will, for the children of men, if it so be that they exercise faith in him? Wherefore, let us be faithful to him.

And if it so be that we are faithful to him, we shall obtain the land of promise; and ye shall know at some future period that the word of the Lord shall be fulfilled concerning the destruction of Jerusalem; for all things which the Lord hath spoken concerning the destruction of Jerusalem must be fulfilled.

For behold, the Spirit of the Lord ceaseth soon to strive with them; for behold, they have rejected the prophets, and Jeremiah have they cast into prison. And they have sought to take away the life of my father, insomuch that they have driven him out of the land.

Now behold, I say unto you that if ye will return unto Jerusalem ye shall also perish with them. And now, if ye have choice, go up to the land, and remember the words which I speak unto you, that if ye go ye will also perish; for thus the Spirit of the Lord constraineth me that I should speak.

And it came to pass that when I, Nephi, had spoken these words unto my brethren, they were angry with me. And it came to pass that they did lay their hands upon me, for behold, they were exceedingly wroth, and they did bind me with cords, for they sought to take away my life, that they might leave me in the wilderness to be devoured by wild beasts.

But it came to pass that I prayed unto the Lord, saying: O Lord, according to my faith which is in thee, wilt thou deliver me from the hands of my brethren; yea, even give me strength that I may burst these bands with which I am bound.

18 Và chuyện rằng, sau khi tôi thốt lên những lời này, này, các mối dây đang trói buộc tôi bỗng tuột khỏi tay chân tôi, và tôi đứng lên trước mặt các anh tôi, và lại cất lời nói với họ.

19 Và chuyện rằng, họ lại tức giận tôi, và toan tóm lấy tôi. Nhưng này, một người con gái của Ích Ma Ên cùng bà mẹ và một người con trai của Ích Ma Ên đã van xin các anh tôi, đến nỗi đã làm mềm lòng họ, và họ đã thôi không cố tìm cách lấy mạng sống tôi nữa.

20 Và chuyện rằng, họ hối hận về sự độc ác của mình, đến nỗi họ phải cúi mình trước mặt tôi và xin tôi tha thứ cho họ về việc họ đã làm để chống lại tôi.

21 Và chuyện rằng, tôi đã chân thành tha thứ cho họ về tất cả những điều họ đã làm, và tôi khuyên nhủ họ nên cầu xin sự tha thứ của Chúa, Thượng Đế của họ. Và chuyện rằng, họ đã làm như vậy. Sau khi họ cầu nguyện Chúa xong, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình đến lều của cha chúng tôi.

22 Và chuyện rằng, chúng tôi trở xuống lều của cha tôi. Sau khi tôi, các anh tôi và cả gia đình Ích Ma Ên đã trở xuống được lều của cha tôi, họ liền tạ ơn Chúa, Thượng Đế của họ và họ dâng lên Ngài lễ vật hy sinh và của lễ thiêu.

And it came to pass that when I had said these words, behold, the bands were loosed from off my hands and feet, and I stood before my brethren, and I spake unto them again.

And it came to pass that they were angry with me again, and sought to lay hands upon me; but behold, one of the daughters of Ishmael, yea, and also her mother, and one of the sons of Ishmael, did plead with my brethren, insomuch that they did soften their hearts; and they did cease striving to take away my life.

And it came to pass that they were sorrowful, because of their wickedness, insomuch that they did bow down before me, and did plead with me that I would forgive them of the thing that they had done against me.

And it came to pass that I did frankly forgive them all that they had done, and I did exhort them that they would pray unto the Lord their God for forgiveness. And it came to pass that they did so. And after they had done praying unto the Lord we did again travel on our journey towards the tent of our father.

And it came to pass that we did come down unto the tent of our father. And after I and my brethren and all the house of Ishmael had come down unto the tent of my father, they did give thanks unto the Lord their God; and they did offer sacrifice and burnt offerings unto him.

## 1 Nê Phi 8

- 1 Và chuyện rằng, chúng tôi thu góp đủ thứ mọi hạt giống, cả những hạt giống ngũ cốc đủ loại lẫn những hạt giống cây ăn trái đủ loại.
- 2 Và chuyện rằng, khi cha tôi còn ở trong vùng hoang dã ông có nói với chúng tôi rằng: Này, cha đã nằm mộng, hay nói cách khác, cha đã mục kích một khả tượng.
- 3 Và này, nhờ những điều cha đã thấy khiến cha có lý do để hân hoan trong Chúa vì Nê Phi và Sam; vì cha có lý do để tin rằng, chúng và nhiều dòng dõi của chúng sẽ được cứu rỗi.
- 4 Nhưng này, La Man và Lê Mu Ên, cha rất làm lo ngại cho hai con; vì này, trong giấc mộng, hình như cha trông thấy một vùng hoang dã âm u tiêu điều.
- 5 Và chuyện rằng, cha thấy một người đàn ông, vị ấy mặc một cái áo trắng; và vị ấy hiện đến đứng trước mặt cha.
- 6 Và chuyện rằng vị ấy nói với cha, và bảo cha đi theo.
- 7 Và chuyện rằng khi cha nối gót theo người, cha nhận thấy mình đang đi trong một vùng đất hoang âm u tiêu điều.
- 8 Và sau khi cha đã đi trong bóng tối mịt mù nhiều giờ, cha bắt đầu cầu nguyện Chúa để Ngài có lòng thương xót cha, thể theo muôn vàn nỗi lòng xót thương dịu dàng của Ngài.
- 9 Và chuyện rằng, sau khi cầu nguyện Chúa, cha thấy một cánh đồng bát ngát bao la.
- 10 Và chuyện rằng, cha thấy một cây có trái hấp dẫn, làm người ta cảm thấy vui sướng.
- 11 Và chuyện rằng, cha liền bước đến hái một trái ăn; cha nhận thấy trái cây ấy có một hương vị ngọt ngào hơn hết tất cả những trái cây khác mà cha đã từng nếm. Phải, cha thấy trái ấy có một màu trắng toát, trắng hơn hết tất cả những màu trắng cha đã được trông thấy từ trước tới giờ.
- 12 Và khi ăn trái cây ấy, nó làm cho tâm hồn cha chan hòa một niềm hân hoan cực độ; vậy nên, cha bèn muốn cho cả gia đình mình cũng được nếm trái ấy; vì cha biết rằng đó là một thứ trái cây hấp dẫn hơn hết mọi thứ trái cây khác.

## 1 Nephi 8

- And it came to pass that we had gathered together all manner of seeds of every kind, both of grain of every kind, and also of the seeds of fruit of every kind.
- And it came to pass that while my father tarried in the wilderness he spake unto us, saying: Behold, I have dreamed a dream; or, in other words, I have seen a vision.
- And behold, because of the thing which I have seen, I have reason to rejoice in the Lord because of Nephi and also of Sam; for I have reason to suppose that they, and also many of their seed, will be saved.
- But behold, Laman and Lemuel, I fear exceedingly because of you; for behold, methought I saw in my dream, a dark and dreary wilderness.
- And it came to pass that I saw a man, and he was dressed in a white robe; and he came and stood before me.
- And it came to pass that he spake unto me, and bade me follow him.
- And it came to pass that as I followed him I beheld myself that I was in a dark and dreary waste.
- And after I had traveled for the space of many hours in darkness, I began to pray unto the Lord that he would have mercy on me, according to the multitude of his tender mercies.
- And it came to pass after I had prayed unto the Lord I beheld a large and spacious field.
- And it came to pass that I beheld a tree, whose fruit was desirable to make one happy.
- And it came to pass that I did go forth and partake of the fruit thereof; and I beheld that it was most sweet, above all that I ever before tasted. Yea, and I beheld that the fruit thereof was white, to exceed all the whiteness that I had ever seen.
- And as I partook of the fruit thereof it filled my soul with exceedingly great joy; wherefore, I began to be desirous that my family should partake of it also; for I knew that it was desirable above all other fruit.

- 13 Rồi khi cha đưa mắt nhìn quanh để may ra có thể tìm thấy gia đình, cha thấy một dòng sông có nước chảy xuôi gần bên cây cha vừa ăn trái.
- 14 Và cha nhìn xem nó bắt nguồn từ đâu; cha thấy đầu sông cách đó không xa; ở ngay đầu sông cha thấy mẹ các con, Sa Ri A, cùng Sam và Nê Phi; họ đang đứng ở đó và hình như không biết phải đi đâu.
- 15 Và chuyện rằng, cha ra dấu cho họ; và cha cũng gọi to lên, bảo họ lại với cha và ăn trái cây ấy, đó là trái hấp dẫn hơn hết thấy mọi trái khác.
- 16 Và chuyện rằng, họ đi đến với cha và cũng ăn trái cây ấy nữa.
- 17 Và chuyện rằng, cha lại ước mong rằng, cả La Man và Lê Mu Ên cũng sẽ đến ăn trái cây ấy; vậy nên, cha đưa mắt về phía đầu sông, để may ra thấy chúng nó.
- 18 Và chuyện rằng, cha thấy chúng, nhưng chúng không muốn đi đến với cha để ăn trái cây ấy.
- 19 Và cha thấy một thanh sắt chạy dài dọc theo bờ sông đến gốc cây cạnh chỗ cha đang đứng.
- 20 Và cha còn thấy một con đường chật và hẹp chạy xuôi theo thanh sắt đến ngay gốc cây cạnh chỗ cha đang đứng, và nó còn chạy qua đầu sông đến một cánh đồng bát ngát bao la, rộng như cả một thế giới.
- 21 Và cha thấy những đám đông không kể xiết, trong số ấy có nhiều người đang cố sức tiến tới để đi tới con đường dẫn đến cây nơi cha đang đứng.
- 22 Và chuyện rằng, họ tiến vào và bắt đầu đi trên con đường dẫn đến cây ấy.
- 23 Và chuyện rằng, có một đám sương mù tối đen nổi lên; phải, một đám sương mù, tối đen vô cùng đến nỗi những người mới bắt đầu đi vào con đường ấy phải lạc lối khiến họ đi lang thang rồi lạc mất luôn.

And as I cast my eyes round about, that perhaps I might discover my family also, I beheld a river of water; and it ran along, and it was near the tree of which I was partaking the fruit.

And I looked to behold from whence it came; and I saw the head thereof a little way off; and at the head thereof I beheld your mother Sariah, and Sam, and Nephi; and they stood as if they knew not whither they should go.

And it came to pass that I beckoned unto them; and I also did say unto them with a loud voice that they should come unto me, and partake of the fruit, which was desirable above all other fruit.

And it came to pass that they did come unto me and partake of the fruit also.

And it came to pass that I was desirous that Laman and Lemuel should come and partake of the fruit also; wherefore, I cast mine eyes towards the head of the river, that perhaps I might see them.

And it came to pass that I saw them, but they would not come unto me and partake of the fruit.

And I beheld a rod of iron, and it extended along the bank of the river, and led to the tree by which I stood.

And I also beheld a strait and narrow path, which came along by the rod of iron, even to the tree by which I stood; and it also led by the head of the fountain, unto a large and spacious field, as if it had been a world.

And I saw numberless concourses of people, many of whom were pressing forward, that they might obtain the path which led unto the tree by which I stood.

And it came to pass that they did come forth, and commence in the path which led to the tree.

And it came to pass that there arose a mist of darkness; yea, even an exceedingly great mist of darkness, insomuch that they who had commenced in the path did lose their way, that they wandered off and were lost.

24 Và chuyện rằng, cha thấy nhiều người khác đang cố sức tiến tới; họ đến nắm đầu thanh sắt rồi liền bám chặt thanh sắt và cố sức tiến qua đám sương mù tối đen, cho tới khi họ đến được bên cây và ăn trái cây ấy.

25 Và sau khi ăn trái cây ấy xong, họ đưa mắt nhìn quanh, hình như lấy làm hổ thẹn.

26 Rồi cha cũng đưa mắt nhìn quanh, và thấy phía bên kia sông có một tòa nhà rộng lớn vĩ đại đứng lơ lửng như ở trên không cao khỏi mặt đất.

27 Trong đó đầy nghẹt những người, cả già trẻ lẫn nam nữ; và lối ăn mặc của họ rất sang trọng; và họ có hành động chế giễu và chỉ trỏ những người vừa đến và đang ăn trái cây ấy.

28 Và sau khi đã ném trái cây ấy, họ lấy làm hổ thẹn vì thấy những người kia đang chế nhạo mình; và họ đi lạc vào những lối cấm rồi lạc mất luôn.

29 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, không kể hết những lời của cha tôi được.

30 Nhưng, để viết tóm lại, này, ông thấy các đám đông khác đang cố sức tiến tới trước; và họ đến nắm đầu thanh sắt rồi cố sức tiến tới trước, tay luôn luôn giữ chặt thanh sắt cho tới khi họ đến được bên cây thì rạp mình xuống và ăn trái cây ấy.

31 Và ông còn trông thấy các đám đông khác đang dò dẫm lần mò đi về phía tòa nhà rộng lớn vĩ đại kia.

32 Và chuyện rằng, nhiều người bị chết chìm dưới đáy của dòng sông, và nhiều người khác thì bị xa lạc khỏi tầm mắt của ông, họ đi lang thang trong những con đường xa lạ.

33 Và đông đảo thay nhóm người vào được trong tòa nhà kỳ lạ ấy. Và khi vào trong tòa nhà rồi, họ liền lấy tay chỉ trỏ khinh miệt tôi cùng những người khác đang ăn trái cây, nhưng chúng tôi không lưu ý đến họ.

34 Đây là những lời của cha tôi: Vì tất cả những ai lưu ý đến họ đều sa ngã và lạc lối.

And it came to pass that I beheld others pressing forward, and they came forth and caught hold of the end of the rod of iron; and they did press forward through the mist of darkness, clinging to the rod of iron, even until they did come forth and partake of the fruit of the tree.

And after they had partaken of the fruit of the tree they did cast their eyes about as if they were ashamed.

And I also cast my eyes round about, and beheld, on the other side of the river of water, a great and spacious building; and it stood as it were in the air, high above the earth.

And it was filled with people, both old and young, both male and female; and their manner of dress was exceedingly fine; and they were in the attitude of mocking and pointing their fingers towards those who had come at and were partaking of the fruit.

And after they had tasted of the fruit they were ashamed, because of those that were scoffing at them; and they fell away into forbidden paths and were lost.

And now I, Nephi, do not speak all the words of my father.

But, to be short in writing, behold, he saw other multitudes pressing forward; and they came and caught hold of the end of the rod of iron; and they did press their way forward, continually holding fast to the rod of iron, until they came forth and fell down and partook of the fruit of the tree.

And he also saw other multitudes feeling their way towards that great and spacious building.

And it came to pass that many were drowned in the depths of the fountain; and many were lost from his view, wandering in strange roads.

And great was the multitude that did enter into that strange building. And after they did enter into that building they did point the finger of scorn at me and those that were partaking of the fruit also; but we heeded them not.

These are the words of my father: For as many as heeded them, had fallen away.

35 Còn La Man và Lê Mu Ên thì không ăn trái cây ấy, cha tôi bảo vậy.

36 Và chuyện rằng, sau khi cha tôi đã nói hết những lời diễn tả về giấc mơ hay khải tượng của ông, mà những lời này rất nhiều, ông bèn nói với chúng tôi rằng, vì những điều ông mục kích trong khải tượng, ông lo sợ vô cùng cho La Man và Lê Mu Ên; phải, ông sợ rằng họ sẽ bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Chúa.

37 Rồi ông khuyên nhủ họ với tất cả tình cảm của một người cha dịu hiền, để họ biết nghe theo lời ông ngõ hầu Chúa sẽ thương xót họ mà không khai trừ họ; phải, cha tôi đã thuyết giảng cho họ.

38 Và sau khi ông đã thuyết giảng cho họ và tiên tri nhiều điều cho họ nghe, ông bèn khuyên bảo họ tuân giữ những lệnh truyền của Chúa; rồi ông không nói với họ nữa.

And Laman and Lemuel partook not of the fruit, said my father.

And it came to pass after my father had spoken all the words of his dream or vision, which were many, he said unto us, because of these things which he saw in a vision, he exceedingly feared for Laman and Lemuel; yea, he feared lest they should be cast off from the presence of the Lord.

And he did exhort them then with all the feeling of a tender parent, that they would hearken to his words, that perhaps the Lord would be merciful to them, and not cast them off; yea, my father did preach unto them.

And after he had preached unto them, and also prophesied unto them of many things, he bade them to keep the commandments of the Lord; and he did cease speaking unto them.

## 1 Nê Phi 9

- 1 Và tất cả những điều này cha tôi đã thấy, đã nghe và đã nói ra khi ông cư ngụ trong lều tại thung lũng Lê Mu Ên, và cùng nhiều điều vĩ đại khác nữa mà tôi không thể nào ghi chép hết trên các bảng khắc này được.
- 2 Và giờ đây, như tôi đã nói tới những bảng khắc này, này, đây không phải là những bảng khắc mà tôi đã ghi chép đầy đủ lịch sử dân tôi; vì những bảng khắc mà tôi đã ghi chép đầy đủ lịch sử của dân tôi, tôi đã đặt tên là Nê Phi; vậy nên, những bảng khắc ấy được gọi là những bảng khắc Nê Phi, lấy theo tên của tôi; và những bảng khắc này cũng được gọi là những bảng khắc Nê Phi nữa.
- 3 Tuy nhiên, tôi có nhận được một lệnh truyền của Chúa rằng, tôi phải làm những bảng khắc này cho mục đích đặc biệt là ghi khắc lại truyện ký về giáo vụ ở giữa dân tôi.
- 4 Còn truyện ký về triều đại các vua và những trận chiến cùng các cuộc tranh chấp của dân tôi sẽ được ghi khắc trên các bảng khắc khác; vậy nên những bảng khắc này dành để ghi chép những điểm quan trọng của công việc giáo vụ; còn phần lớn trên những bảng kia là dành để ghi chép những điểm quan trọng của triều đại các vua cùng các trận chiến và các cuộc tranh chấp của dân tôi.
- 5 Vậy nên, Chúa đã truyền lệnh cho tôi phải làm những bảng khắc này theo mục đích thông sáng của Ngài và mục đích ấy như thế nào tôi không biết được.
- 6 Nhưng Chúa biết tất cả mọi chuyện từ lúc khởi đầu; vậy nên Ngài đã chuẩn bị sẵn đường lối để thực hiện tất cả các công việc của Ngài giữa đám con cái loài người. Vì này, Ngài có tất cả quyền năng để làm cho những lời Ngài phán dạy được ứng nghiệm. Quả thật vậy. A Men.

## 1 Nephi 9

And all these things did my father see, and hear, and speak, as he dwelt in a tent, in the valley of Lemuel, and also a great many more things, which cannot be written upon these plates.

And now, as I have spoken concerning these plates, behold they are not the plates upon which I make a full account of the history of my people; for the plates upon which I make a full account of my people I have given the name of Nephi; wherefore, they are called the plates of Nephi, after mine own name; and these plates also are called the plates of Nephi.

Nevertheless, I have received a commandment of the Lord that I should make these plates, for the special purpose that there should be an account engraven of the ministry of my people.

Upon the other plates should be engraven an account of the reign of the kings, and the wars and contentions of my people; wherefore these plates are for the more part of the ministry; and the other plates are for the more part of the reign of the kings and the wars and contentions of my people.

Wherefore, the Lord hath commanded me to make these plates for a wise purpose in him, which purpose I know not.

But the Lord knoweth all things from the beginning; wherefore, he prepareth a way to accomplish all his works among the children of men; for behold, he hath all power unto the fulfilling of all his words. And thus it is. Amen.



## 1 Nê Phi 10

- 1 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, tiếp tục ghi chép trên các bảng khắc này những diễn biến trong đời tôi cùng triều đại và giáo vụ của tôi; vậy nên, để tiếp tục câu chuyện tôi phải nói chút ít về cha tôi và các anh tôi.
- 2 Vì này, chuyện rằng, sau khi cha tôi đã kể hết những lời diễn tả về giấc mơ của ông và khuyên nhủ các anh tôi hãy cần mẫn, ông bèn nói với các anh tôi về dân Do Thái—
- 3 Rằng, sau khi họ bị hủy diệt, nhất là thành phố Giê Ru Sa Lem vĩ đại kia, và nhiều người bị bắt tù đầy qua bên Ba Bi Lôn, theo như kỳ định của Chúa, họ lại trở về; phải, họ được đem trở về khỏi cảnh tù đầy; và sau khi họ được đem trở về khỏi cảnh tù đầy, họ lại được làm chủ đất thừa hưởng của mình.
- 4 Phải, sáu trăm năm kể từ lúc cha tôi rời Giê Ru Sa Lem, Đức Chúa Trời sẽ lập lên giữa dân Do Thái một vị tiên tri—đó là Đấng Mê Si, hay nói cách khác, đó là Đấng Cứu Rỗi của thế gian vậy.
- 5 Rồi ông còn nói về một số đông các vị tiên tri đã làm chứng về những điều này có liên quan đến Đấng Mê Si, tức là Đấng Cứu Chuộc của thế gian mà ông vừa nói tới.
- 6 Vậy nên, tất cả loài người đã ở trong trạng thái lạc lối và sa ngã, và sẽ mãi mãi ở trong trạng thái đó trừ khi họ trông cậy Đấng Cứu Chuộc này.
- 7 Và ông còn nói về một vị tiên tri là vị sẽ đến trước Đấng Mê Si để sửa soạn con đường của Chúa—
- 8 Phải, vị đó sẽ đi và rao vang trong vùng hoang dã: Ồ các người hãy sửa soạn con đường của Chúa, và hãy làm các lối đi của Ngài được thẳng, vì đã có một Đấng đứng giữa các người mà các người không hay biết; Đấng ấy có nhiều quyền lực hơn ta và ta không xứng đáng để cởi dây giày cho Ngài. Ồ và cha tôi đã nói nhiều về việc này.
- 9 Cha tôi nói rằng, vị ấy sẽ làm phép báp têm tại Bê Tha Ba Ra, bên kia sông Giô Đanh; và cha tôi còn nói rằng vị ấy sẽ làm phép báp têm bằng nước; ngoài ra ông còn nói rằng vị ấy sẽ làm phép báp têm cho Đấng Mê Si bằng nước.

## 1 Nephi 10

And now I, Nephi, proceed to give an account upon these plates of my proceedings, and my reign and ministry; wherefore, to proceed with mine account, I must speak somewhat of the things of my father, and also of my brethren.

For behold, it came to pass after my father had made an end of speaking the words of his dream, and also of exhorting them to all diligence, he spake unto them concerning the Jews—

That after they should be destroyed, even that great city Jerusalem, and many be carried away captive into Babylon, according to the own due time of the Lord, they should return again, yea, even be brought back out of captivity; and after they should be brought back out of captivity they should possess again the land of their inheritance.

Yea, even six hundred years from the time that my father left Jerusalem, a prophet would the Lord God raise up among the Jews—even a Messiah, or, in other words, a Savior of the world.

And he also spake concerning the prophets, how great a number had testified of these things, concerning this Messiah, of whom he had spoken, or this Redeemer of the world.

Wherefore, all mankind were in a lost and in a fallen state, and ever would be save they should rely on this Redeemer.

And he spake also concerning a prophet who should come before the Messiah, to prepare the way of the Lord—

Yea, even he should go forth and cry in the wilderness: Prepare ye the way of the Lord, and make his paths straight; for there standeth one among you whom ye know not; and he is mightier than I, whose shoe's latchet I am not worthy to unloose. And much spake my father concerning this thing.

And my father said he should baptize in Bethabara, beyond Jordan; and he also said he should baptize with water; even that he should baptize the Messiah with water.

- 10 Và sau khi làm phép báp têm cho Đấng Mê Si bằng nước xong, vị ấy sẽ thừa nhận và làm chứng rằng, mình đã làm phép báp têm cho Chiên Con của Thượng Đế là Đấng sẽ cất bỏ tội lỗi của thế gian.
- 11 Và chuyện rằng, sau khi nói hết những điều này, cha tôi bèn nói với các anh tôi về việc phúc âm sẽ được thuyết giảng giữa dân Do Thái, và ông cũng nói về việc dân Do Thái sẽ sa vào vòng vô tín ngưỡng. Và sau khi họ giết Đấng Mê Si là Đấng sẽ đến, và sau khi Ngài bị họ giết, Ngài sẽ sống lại từ cõi chết, và sẽ tự biểu hiện bằng Đức Thánh Linh cho người Dân Ngoại thấy.
- 12 Phải, cha tôi đã nói nhiều về Dân Ngoại và về gia tộc Y Sơ Ra Ên, rằng họ được ví như cây ô liu có nhiều cành bị bể gãy và bị phân tán khắp trên mặt đất.
- 13 Vậy nên, ông nói rằng chúng tôi cần phải được dẫn dắt đến đất hứa chung với nhau, ngõ hầu làm ứng nghiệm lời phán dạy của Chúa, rằng chúng tôi sẽ bị phân tán khắp trên mặt đất.
- 14 Và sau khi gia tộc Y Sơ Ra Ên bị phân tán khắp nơi, họ sẽ được quy tụ lại với nhau, hay nói tóm lại, sau khi người Dân Ngoại đã nhận được Phúc Âm trọn vẹn thì những cành thiên nhiên của cây ô liu, hay nói cách khác, những người còn sót lại thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên, sẽ được ghép vào, hay nói cách khác, họ sẽ nhận biết được Đấng Mê Si chân chính, Chúa của họ và cũng là Đấng Cứu Chuộc của họ.
- 15 Và theo lời lẽ như vậy cha tôi đã tiên tri và nói với các anh tôi, và còn nhiều điều khác nữa mà tôi không ghi chép trong sách này; vì tôi nhận thấy thích hợp cho tôi ghi chép nhiều về những chuyện này, trong sách khác của tôi.
- 16 Và tất cả những điều này, là những điều mà tôi đã nói tới, đều xảy ra trong thời kỳ cha tôi còn ở trong lều tại thung lũng Lê Mu Ên.

And after he had baptized the Messiah with water, he should behold and bear record that he had baptized the Lamb of God, who should take away the sins of the world.

And it came to pass after my father had spoken these words he spake unto my brethren concerning the gospel which should be preached among the Jews, and also concerning the dwindling of the Jews in unbelief. And after they had slain the Messiah, who should come, and after he had been slain he should rise from the dead, and should make himself manifest, by the Holy Ghost, unto the Gentiles.

Yea, even my father spake much concerning the Gentiles, and also concerning the house of Israel, that they should be compared like unto an olive tree, whose branches should be broken off and should be scattered upon all the face of the earth.

Wherefore, he said it must needs be that we should be led with one accord into the land of promise, unto the fulfilling of the word of the Lord, that we should be scattered upon all the face of the earth.

And after the house of Israel should be scattered they should be gathered together again; or, in fine, after the Gentiles had received the fulness of the Gospel, the natural branches of the olive tree, or the remnants of the house of Israel, should be grafted in, or come to the knowledge of the true Messiah, their Lord and their Redeemer.

And after this manner of language did my father prophesy and speak unto my brethren, and also many more things which I do not write in this book; for I have written as many of them as were expedient for me in mine other book.

And all these things, of which I have spoken, were done as my father dwelt in a tent, in the valley of Lemuel.

- 17 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, sau khi nghe được tất cả những lời cha tôi thuật lại về những điều mà ông đã được trông thấy trong khả tượng, và những lời ông đã nói nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh, và sở dĩ ông có được quyền năng này là nhờ đức tin nơi Vị Nam Tử của Thượng Đế—và Vị Nam Tử của Thượng Đế là Đấng Mê Si sẽ đến—thì tôi, Nê Phi, cũng ước ao được nghe thấy và biết những điều này nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh, là ân tứ của Thượng Đế ban cho tất cả những ai chuyên tâm tìm tới Ngài, như Ngài đã từng ban cho trong thời xa xưa và trong thời Ngài sẽ xuất hiện giữa đám con cái loài người.
- 18 Vì Ngài lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau; và đường lối đã được chuẩn bị cho mọi người từ lúc thế gian mới được tạo dựng, nếu loài người biết hối cải và tìm đến Ngài.
- 19 Vì kẻ nào chuyên tâm tìm thì sẽ gặp; và những điều kín nhiệm của Thượng Đế sẽ được vén lên cho họ biết, nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh vào thời hiện tại cũng như vào thời xưa, và vào thời xưa cũng chẳng khác chi thời sắp tới; vậy nên, lộ trình của Chúa là một vòng tròn vĩnh cửu.
- 20 Do đó, hỡi loài người, hãy nhớ rằng, tất cả những việc làm của các người sẽ bị đem ra xét xử.
- 21 Vậy nên, nếu các người tìm cách làm điều ác trong những ngày thử thách của mình thì các người sẽ bị xét là dơ bẩn trước ghế phán xét của Thượng Đế; và không một vật gì dơ bẩn có thể ở được cùng Thượng Đế; vậy nên, các người sẽ phải bị khai trừ mãi mãi.
- 22 Và Đức Thánh Linh cho tôi có thẩm quyền nói những lời này chớ không được chối bỏ.

And it came to pass after I, Nephi, having heard all the words of my father, concerning the things which he saw in a vision, and also the things which he spake by the power of the Holy Ghost, which power he received by faith on the Son of God—and the Son of God was the Messiah who should come—I, Nephi, was desirous also that I might see, and hear, and know of these things, by the power of the Holy Ghost, which is the gift of God unto all those who diligently seek him, as well in times of old as in the time that he should manifest himself unto the children of men.

For he is the same yesterday, today, and forever; and the way is prepared for all men from the foundation of the world, if it so be that they repent and come unto him.

For he that diligently seeketh shall find; and the mysteries of God shall be unfolded unto them, by the power of the Holy Ghost, as well in these times as in times of old, and as well in times of old as in times to come; wherefore, the course of the Lord is one eternal round.

Therefore remember, O man, for all thy doings thou shalt be brought into judgment.

Wherefore, if ye have sought to do wickedly in the days of your probation, then ye are found unclean before the judgment-seat of God; and no unclean thing can dwell with God; wherefore, ye must be cast off forever.

And the Holy Ghost giveth authority that I should speak these things, and deny them not.

## 1 Nê Phi 11

- 1 Vì chuyện rằng, sau khi tôi ước ao được biết những điều cha tôi đã thấy, và tin tưởng rằng Chúa có thể biểu lộ những điều ấy cho tôi thấy, thì trong lúc tôi đang ngồi suy tư trong lòng, tôi được Thánh Linh của Chúa cảm hóa và đưa đi, phải, tôi được đưa đến một ngọn núi rất cao mà trước kia tôi chưa bao giờ thấy, và nơi mà tôi chưa bao giờ đặt chân đến.
- 2 Và Thánh Linh hỏi tôi rằng: Này, người mong muốn điều chi?
- 3 Và tôi thưa rằng: Con mong muốn thấy những điều cha con đã thấy.
- 4 Và Thánh Linh lại hỏi tôi rằng: Người có tin rằng cha người đã thấy cái cây mà cha người đã nói tới không?
- 5 Và tôi bèn thưa rằng: Thưa có, Ngài biết rằng, con tin tất cả những lời cha con đã nói.
- 6 Và khi tôi nói xong những lời này, Thánh Linh liền reo to lên mà rằng: Hô Sa Na Chúa, Thượng Đế Tối Cao; vì Ngài là Thượng Đế trên khắp thế gian, phải, trên hết mọi vạn vật. Và phước thay cho người, Nê Phi, vì người đã tin ở Vị Nam Tử của Thượng Đế Tối Cao; vậy nên, người sẽ thấy được những điều mà người mong ước.
- 7 Và này, điều này sẽ được ban cho người để làm một điềm triệu: Sau khi người trông thấy cái cây có trái mà cha người đã ném, người cũng sẽ trông thấy một Đấng từ trên trời giáng xuống, và đó là Đấng mà người sẽ mục kích; và sau khi mục kích Ngài người sẽ làm chứng rằng Ngài là Vị Nam Tử của Thượng Đế.
- 8 Và chuyện rằng, Thánh Linh phán cùng tôi rằng: Xem kìa! Và tôi bèn nhìn và thấy một cái cây; và nó giống như cái cây mà cha tôi đã thấy; cây ấy có một vẻ đẹp lạ thường, phải, tuyệt đẹp hơn hết mọi vẻ đẹp khác; và sắc trắng của nó còn trắng hơn cả tuyết mới rơi.
- 9 Và chuyện rằng, sau khi trông thấy cây ấy, tôi thưa với Thánh Linh rằng: Con thấy Ngài đã cho con xem một cây quý hơn hết thấy.
- 10 Rồi Ngài hỏi tôi rằng: Người muốn điều chi?

## 1 Nephi 11

For it came to pass after I had desired to know the things that my father had seen, and believing that the Lord was able to make them known unto me, as I sat pondering in mine heart I was caught away in the Spirit of the Lord, yea, into an exceedingly high mountain, which I never had before seen, and upon which I never had before set my foot.

And the Spirit said unto me: Behold, what desirest thou?

And I said: I desire to behold the things which my father saw.

And the Spirit said unto me: Believest thou that thy father saw the tree of which he hath spoken?

And I said: Yea, thou knowest that I believe all the words of my father.

And when I had spoken these words, the Spirit cried with a loud voice, saying: Hosanna to the Lord, the most high God; for he is God over all the earth, yea, even above all. And blessed art thou, Nephi, because thou believest in the Son of the most high God; wherefore, thou shalt behold the things which thou hast desired.

And behold this thing shall be given unto thee for a sign, that after thou hast beheld the tree which bore the fruit which thy father tasted, thou shalt also behold a man descending out of heaven, and him shall ye witness; and after ye have witnessed him ye shall bear record that it is the Son of God.

And it came to pass that the Spirit said unto me: Look! And I looked and beheld a tree; and it was like unto the tree which my father had seen; and the beauty thereof was far beyond, yea, exceeding of all beauty; and the whiteness thereof did exceed the whiteness of the driven snow.

And it came to pass after I had seen the tree, I said unto the Spirit: I behold thou hast shown unto me the tree which is precious above all.

And he said unto me: What desirest thou?

11 Tôi bèn thưa rằng: Con muốn biết được lời giải thích về việc này—vì tôi nói chuyện với Ngài như nói chuyện với một người trần vậy; vì tôi trông thấy Ngài có hình dạng của một nam nhân; tuy nhiên tôi vẫn biết đó là Thánh Linh của Chúa; và Ngài nói chuyện với tôi như một người nói chuyện với một người khác vậy.

12 Và chuyện rằng, Ngài phán cùng tôi rằng: Xem kia! Tôi bèn nhìn như thể nhìn vào Ngài, nhưng chẳng thấy Ngài; vì Ngài đã biến mất trước sự hiện diện của tôi.

13 Và chuyện rằng, tôi nhìn và trông thấy thành phố Giê Ru Sa Lem vĩ đại và các thành phố khác. Và tôi còn thấy thành phố Na Xa Rét; và trong thành phố Na Xa Rét tôi thấy một nữ đồng trinh hết sức xinh đẹp và trắng ngần.

14 Và chuyện rằng, tôi trông thấy các tầng trời mở ra; và một vị thiên sứ bước xuống đứng trước mặt tôi và hỏi tôi rằng: Nê Phi, ngươi thấy gì?

15 Và tôi thưa rằng: Tôi thấy một nữ đồng trinh, diễm lệ và xinh đẹp hơn tất cả các nữ đồng trinh khác.

16 Và vị ấy lại hỏi tôi rằng: Ngươi có hiểu được tâm lòng hạ cố của Thượng Đế chăng?

17 Tôi bèn thưa rằng: Tôi biết Ngài yêu thương con cái của Ngài; tuy nhiên, tôi không hiểu được ý nghĩa của mọi sự việc.

18 Và vị ấy nói với tôi: Này, người nữ đồng trinh mà ngươi trông thấy đó là mẹ của Vị Nam Tử của Thượng Đế, theo thể cách xác thịt.

19 Và chuyện rằng, tôi thấy bà được Thánh Linh đưa đi; và sau khi bà được Thánh Linh đưa đi một khoảng thời gian, thiên sứ lại bảo tôi: Xem kia!

20 Tôi bèn nhìn và trông thấy lại người nữ đồng trinh ấy đang bồng một trẻ nhỏ trong tay.

21 Và thiên sứ bảo tôi: Hãy nhìn xem Chiên Con của Thượng Đế, phải, Vị Nam Tử của Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu! Ngươi có biết ý nghĩa của cái cây mà cha ngươi đã thấy chăng?

22 Tôi bèn đáp lại rằng: Thưa có, đó là tình thương yêu của Thượng Đế gieo rắc cùng khắp trong trái tim của con cái loài người; vậy nên nó mới được hấp dẫn hơn hết thảy mọi vật khác.

And I said unto him: To know the interpretation thereof—for I spake unto him as a man speaketh; for I beheld that he was in the form of a man; yet nevertheless, I knew that it was the Spirit of the Lord; and he spake unto me as a man speaketh with another.

And it came to pass that he said unto me: Look! And I looked as if to look upon him, and I saw him not; for he had gone from before my presence.

And it came to pass that I looked and beheld the great city of Jerusalem, and also other cities. And I beheld the city of Nazareth; and in the city of Nazareth I beheld a virgin, and she was exceedingly fair and white.

And it came to pass that I saw the heavens open; and an angel came down and stood before me; and he said unto me: Nephi, what beholdest thou?

And I said unto him: A virgin, most beautiful and fair above all other virgins.

And he said unto me: Knowest thou the condescension of God?

And I said unto him: I know that he loveth his children; nevertheless, I do not know the meaning of all things.

And he said unto me: Behold, the virgin whom thou seest is the mother of the Son of God, after the manner of the flesh.

And it came to pass that I beheld that she was carried away in the Spirit; and after she had been carried away in the Spirit for the space of a time the angel spake unto me, saying: Look!

And I looked and beheld the virgin again, bearing a child in her arms.

And the angel said unto me: Behold the Lamb of God, yea, even the Son of the Eternal Father! Knowest thou the meaning of the tree which thy father saw?

And I answered him, saying: Yea, it is the love of God, which sheddeth itself abroad in the hearts of the children of men; wherefore, it is the most desirable above all things.

23 Và vị ấy bảo tôi rằng: Phải, đó là niềm vui sướng nhất cho tâm hồn.

24 Sau khi nói xong những lời này, ông bảo tôi rằng: Xem kia! Tôi bèn nhìn và thấy Vị Nam Tử của Thượng Đế đang đi giữa con cái loài người; và tôi lại thấy có nhiều người phủ phục dưới chân Ngài và tôn thờ Ngài.

25 Và chuyện rằng, tôi thấy rằng thanh sắt mà cha tôi đã thấy là lời của Thượng Đế, nó dẫn tới suối nước sống, hay tới cây sự sống; nước ấy là biểu tượng cho tình thương yêu của Thượng Đế; và tôi còn thấy rằng, cây sự sống là biểu tượng cho tình thương yêu của Thượng Đế.

26 Rồi thiên sứ lại bảo tôi: Hãy nhìn xem và thấy tâm lòng hạ cố của Thượng Đế!

27 Tôi bèn nhìn và thấy Đấng Cứu Chuộc của thế gian là Đấng mà cha tôi đã nói tới; tôi còn thấy vị tiên tri là người sẽ sửa soạn con đường trước cho Ngài. Rồi Chiên Con của Thượng Đế đi tới và được vị tiên tri ấy làm phép báp têm, và sau khi Ngài đã được làm phép báp têm, tôi thấy các tầng trời mở ra và Đức Thánh Linh từ trên trời giáng xuống rồi ngự lên mình Ngài trong hình dạng một con chim bồ câu.

28 Và tôi thấy Ngài đi thuyết giảng trong dân chúng với quyền năng và vinh quang lớn lao; và các đám đông dân chúng quy tụ lại để nghe Ngài giảng; và tôi thấy họ xua đuổi Ngài ra khỏi bọn họ.

29 Và tôi còn thấy có mười hai vị khác đi theo Ngài. Và chuyện rằng họ được Thánh Linh đưa đi trước mặt tôi, và tôi không còn trông thấy họ nữa.

30 Và chuyện rằng, thiên sứ lại bảo tôi rằng: Xem kia! Tôi nhìn và thấy các tầng trời mở ra lần nữa, và tôi thấy các thiên sứ giáng xuống giữa đám con cái loài người và phục sự họ.

31 Rồi ông lại bảo tôi: Xem kia! Tôi bèn nhìn và thấy Chiên Con của Thượng Đế đi đến giữa con cái loài người. Và tôi thấy có những đám đông dân chúng bị đau ốm và bị khốn khổ bởi đủ thứ bệnh tật cùng bởi các quỷ dữ và ác linh; và vị thiên sứ lại nói và chỉ cho tôi xem tất cả những việc ấy. Thế rồi những người đó được chữa lành bằng quyền năng của Chiên Con của Thượng Đế; và các quỷ dữ và ác linh đều bị xua đuổi.

And he spake unto me, saying: Yea, and the most joyous to the soul.

And after he had said these words, he said unto me: Look! And I looked, and I beheld the Son of God going forth among the children of men; and I saw many fall down at his feet and worship him.

And it came to pass that I beheld that the rod of iron, which my father had seen, was the word of God, which led to the fountain of living waters, or to the tree of life; which waters are a representation of the love of God; and I also beheld that the tree of life was a representation of the love of God.

And the angel said unto me again: Look and behold the condescension of God!

And I looked and beheld the Redeemer of the world, of whom my father had spoken; and I also beheld the prophet who should prepare the way before him. And the Lamb of God went forth and was baptized of him; and after he was baptized, I beheld the heavens open, and the Holy Ghost come down out of heaven and abide upon him in the form of a dove.

And I beheld that he went forth ministering unto the people, in power and great glory; and the multitudes were gathered together to hear him; and I beheld that they cast him out from among them.

And I also beheld twelve others following him. And it came to pass that they were carried away in the Spirit from before my face, and I saw them not.

And it came to pass that the angel spake unto me again, saying: Look! And I looked, and I beheld the heavens open again, and I saw angels descending upon the children of men; and they did minister unto them.

And he spake unto me again, saying: Look! And I looked, and I beheld the Lamb of God going forth among the children of men. And I beheld multitudes of people who were sick, and who were afflicted with all manner of diseases, and with devils and unclean spirits; and the angel spake and showed all these things unto me. And they were healed by the power of the Lamb of God; and the devils and the unclean spirits were cast out.

- 32 Và chuyện rằng, thiên sứ lại bảo tôi: Xem kìa! Tôi bèn nhìn và thấy Chiên Con của Thượng Đế bị dân chúng bắt giữ; phải, Vị Nam Tử của Thượng Đế trường cửu bị thế gian xét xử; và tôi đã thấy và làm chứng.
- 33 Và tôi, Nê Phi, thấy Ngài bị treo lên trên thập tự giá và bị giết chết vì tội lỗi của thế gian.
- 34 Và sau khi Ngài bị giết chết, tôi thấy các đám đông dân chúng trên thế gian quy tụ lại với nhau chống các vị sứ đồ của Chiên Con; vì mười hai vị ấy được thiên sứ của Chúa gọi như vậy.
- 35 Và dân chúng trên thế gian quy tụ lại với nhau; và tôi thấy họ ở trong một tòa nhà rộng lớn mênh mông, giống như tòa nhà mà cha tôi đã thấy. Rồi thiên sứ của Chúa lại bảo tôi rằng: Hãy nhìn xem thế gian và sự khôn ngoan của họ; phải, hãy nhìn xem gia tộc Y Sơ Ra Ên đã quy tụ lại với nhau chống đối mười hai vị sứ đồ của Chiên Con.
- 36 Và chuyện rằng, tôi thấy và làm chứng rằng, tòa nhà rộng lớn vĩ đại đó là tính kiêu căng của thế gian; nó đã sụp đổ, và sự đổ vỡ này lớn lao vô cùng. Rồi vị thiên sứ của Chúa lại bảo tôi rằng: Sự diệt vong của tất cả các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc nào chống đối mười hai vị sứ đồ của Chiên Con là thế đó.

And it came to pass that the angel spake unto me again, saying: Look! And I looked and beheld the Lamb of God, that he was taken by the people; yea, the Son of the everlasting God was judged of the world; and I saw and bear record.

And I, Nephi, saw that he was lifted up upon the cross and slain for the sins of the world.

And after he was slain I saw the multitudes of the earth, that they were gathered together to fight against the apostles of the Lamb; for thus were the twelve called by the angel of the Lord.

And the multitude of the earth was gathered together; and I beheld that they were in a large and spacious building, like unto the building which my father saw. And the angel of the Lord spake unto me again, saying: Behold the world and the wisdom thereof; yea, behold the house of Israel hath gathered together to fight against the twelve apostles of the Lamb.

And it came to pass that I saw and bear record, that the great and spacious building was the pride of the world; and it fell, and the fall thereof was exceedingly great. And the angel of the Lord spake unto me again, saying: Thus shall be the destruction of all nations, kindreds, tongues, and people, that shall fight against the twelve apostles of the Lamb.

## 1 Nê Phi 12

- 1 Và chuyện rằng, thiên sứ bảo tôi: Hãy nhìn xem và thấy dòng dõi của người và luôn cả dòng dõi của các anh người. Tôi bèn nhìn và trông thấy đất hứa; và tôi thấy dân chúng đông đảo, phải, họ nhiều như cát biển vậy.
- 2 Và chuyện rằng, tôi thấy dân chúng tụ họp lại để gây chiến lẫn nhau; và tôi thấy chiến tranh và tiếng đồn về chiến tranh và những cuộc tàn sát kinh hồn bằng gươm đao giữa dân tôi.
- 3 Và chuyện rằng, tôi thấy nhiều thế hệ qua đi trong khói lửa chiến tranh và tranh chấp trong xứ; rồi tôi trông thấy nhiều thành phố, phải, nhiều đến nỗi tôi không thể đếm được.
- 4 Và chuyện rằng tôi thấy sương mù tối đen trên mặt đất hứa; và tôi nghe thấy sấm chớp lẫn tiếng động đất cùng muôn ngàn tiếng hỗn độn khác; rồi tôi thấy mặt đất và đá nứt ra; và tôi thấy các ngọn núi đổ vỡ thành muôn mảnh; và tôi thấy những đồng bằng của trái đất bị nứt rạn và nhiều thành phố bị chôn vùi; rồi tôi thấy có nhiều thành phố bị cháy thiêu và nhiều thành phố bị đổ vỡ vì động đất.
- 5 Và chuyện rằng, sau khi tôi thấy những cảnh này, tôi lại thấy hơi ẩm của bóng tối dần dần tan biến khỏi mặt đất; và này, tôi thấy có những đám đông dân chúng không ngã gục vì sự phán xét vĩ đại kinh hồn của Chúa.
- 6 Rồi tôi thấy các tầng trời mở ra, và Chiên Con của Thượng Đế từ trời giáng xuống; rồi Ngài đi xuống và hiện ra cho họ thấy.
- 7 Và tôi còn trông thấy cùng làm chứng rằng Đức Thánh Linh đã giáng trên mười hai vị khác; và họ được Thượng Đế sắc phong và chọn lựa.
- 8 Rồi vị thiên sứ bảo tôi rằng: Hãy nhìn xem mười hai môn đồ của Chiên Con, là những người được chọn lựa để phục sự dòng dõi của người.

## 1 Nephi 12

And it came to pass that the angel said unto me: Look, and behold thy seed, and also the seed of thy brethren. And I looked and beheld the land of promise; and I beheld multitudes of people, yea, even as it were in number as many as the sand of the sea.

And it came to pass that I beheld multitudes gathered together to battle, one against the other; and I beheld wars, and rumors of wars, and great slaughters with the sword among my people.

And it came to pass that I beheld many generations pass away, after the manner of wars and contentions in the land; and I beheld many cities, yea, even that I did not number them.

And it came to pass that I saw a mist of darkness on the face of the land of promise; and I saw lightnings, and I heard thunderings, and earthquakes, and all manner of tumultuous noises; and I saw the earth and the rocks, that they rent; and I saw mountains tumbling into pieces; and I saw the plains of the earth, that they were broken up; and I saw many cities that they were sunk; and I saw many that they were burned with fire; and I saw many that did tumble to the earth, because of the quaking thereof.

And it came to pass after I saw these things, I saw the vapor of darkness, that it passed from off the face of the earth; and behold, I saw multitudes who had not fallen because of the great and terrible judgments of the Lord.

And I saw the heavens open, and the Lamb of God descending out of heaven; and he came down and showed himself unto them.

And I also saw and bear record that the Holy Ghost fell upon twelve others; and they were ordained of God, and chosen.

And the angel spake unto me, saying: Behold the twelve disciples of the Lamb, who are chosen to minister unto thy seed.



- 9 Và thiên sứ hỏi tôi: Người có nhớ mười hai vị sứ đồ của Chiên Con không? Nay, chính họ là những người sẽ xét xử mười hai chi tộc Y Sơ Ra Ên; vậy nên, mười hai vị chấp sự thuộc dòng dõi người sẽ do họ xét xử; vì các người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 10 Và mười hai vị chấp sự này mà người đã trông thấy đó sẽ xét xử dòng dõi người. Và này, họ mãi mãi là những người ngay chính; vì nhờ họ có đức tin nơi Chiên Con của Thượng Đế, y phục của họ sẽ được tẩy trắng trong máu của Ngài.
- 11 Rồi thiên sứ bảo tôi: Xem kia! Tôi bèn nhìn và thấy ba thế hệ qua đi trong sự ngay chính; và y phục của họ trắng ngần như của Chiên Con của Thượng Đế. Và thiên sứ bảo tôi: Họ được tẩy trắng trong máu của Chiên Con là nhờ họ có đức tin nơi Ngài.
- 12 Và tôi, Nê Phi, còn được trông thấy nhiều người trong thế hệ thứ tư cũng qua đi trong sự ngay chính.
- 13 Và chuyện rằng, tôi trông thấy dân chúng trên thế gian tụ họp lại.
- 14 Và thiên sứ bảo tôi rằng: Hãy nhìn xem dòng dõi của người và cả dòng dõi của các anh người.
- 15 Và chuyện rằng, tôi bèn nhìn và thấy dân chúng thuộc dòng dõi tôi quy tụ lại từng đám đông chống lại dòng dõi của các anh tôi; cả hai bên đều quy tụ lại gây chiến nhau.
- 16 Và thiên sứ bảo tôi: Hãy nhìn xem dòng suối có nước dơ bẩn mà cha người đã thấy; phải, ngay cả con sông mà cha người đã nói tới; đáy sâu của dòng sông đó tức là đáy sâu của ngục giới.
- 17 Và đám sương mù tối đen là những cám dỗ của quỷ dữ, làm mù quáng và khiến lòng dạ con cái loài người chai đá, cùng dẫn dắt họ đi vào những con đường rộng, để họ phải bị diệt vong và lạc lối.
- 18 Và tòa nhà rộng lớn vĩ đại mà cha người đã trông thấy là những ảo ảnh hào huyền và lòng kiêu căng của con cái loài người. Và vực thẳm vĩ đại kinh hồn chia cách họ; phải, tức là tiếng nói công lý của Thượng Đế Vĩnh Cửu, và Đấng Mê Si là Chiên Con của Thượng Đế mà Đức Thánh Linh làm chứng từ buổi sáng thế cho đến bây giờ và cũng từ bây giờ cho đến mãi mãi về sau.

And he said unto me: Thou rememberest the twelve apostles of the Lamb? Behold they are they who shall judge the twelve tribes of Israel; wherefore, the twelve ministers of thy seed shall be judged of them; for ye are of the house of Israel.

And these twelve ministers whom thou beholdest shall judge thy seed. And, behold, they are righteous forever; for because of their faith in the Lamb of God their garments are made white in his blood.

And the angel said unto me: Look! And I looked, and beheld three generations pass away in righteousness; and their garments were white even like unto the Lamb of God. And the angel said unto me: These are made white in the blood of the Lamb, because of their faith in him.

And I, Nephi, also saw many of the fourth generation who passed away in righteousness.

And it came to pass that I saw the multitudes of the earth gathered together.

And the angel said unto me: Behold thy seed, and also the seed of thy brethren.

And it came to pass that I looked and beheld the people of my seed gathered together in multitudes against the seed of my brethren; and they were gathered together to battle.

And the angel spake unto me, saying: Behold the fountain of filthy water which thy father saw; yea, even the river of which he spake; and the depths thereof are the depths of hell.

And the mists of darkness are the temptations of the devil, which blindeth the eyes, and hardeneth the hearts of the children of men, and leadeth them away into broad roads, that they perish and are lost.

And the large and spacious building, which thy father saw, is vain imaginations and the pride of the children of men. And a great and a terrible gulf divideth them; yea, even the word of the justice of the Eternal God, and the Messiah who is the Lamb of God, of whom the Holy Ghost beareth record, from the beginning of the world until this time, and from this time henceforth and forever.

19 Và trong lúc thiên sứ nói những lời này, tôi nhìn và trông thấy dòng dõi của các anh tôi đang đánh lại dòng dõi tôi, đứng theo như lời thiên sứ nói; và vì lòng kiêu căng của dòng dõi tôi, và vì những cám dỗ của quỷ dữ nên tôi thấy rằng, dòng dõi của các anh tôi đã chiến thắng được dân chúng thuộc dòng dõi của tôi.

20 Và chuyện rằng, tôi nhìn và thấy dân chúng thuộc dòng dõi của các anh tôi đã chiến thắng được dòng dõi tôi, và họ phân tán thành từng đám đông dân chúng khắp nơi trong xứ.

21 Và tôi trông thấy họ tụ họp lại thành từng đám đông dân chúng, rồi tôi thấy chiến tranh và tiếng ồn về chiến tranh giữa bọn họ, và tôi thấy nhiều thế hệ qua đi trong chiến tranh và tiếng ồn về chiến tranh.

22 Và thiên sứ bảo tôi: Hãy nhìn xem những người này sẽ sa vào vòng vô tín ngưỡng.

23 Và chuyện rằng, tôi thấy, sau khi họ sa vào vòng vô tín ngưỡng, họ trở thành một dân tộc đen đúa, ghê tởm, và bẩn thỉu, đầy tính lười biếng và đủ mọi hành vi khả ố.

And while the angel spake these words, I beheld and saw that the seed of my brethren did contend against my seed, according to the word of the angel; and because of the pride of my seed, and the temptations of the devil, I beheld that the seed of my brethren did overpower the people of my seed.

And it came to pass that I beheld, and saw the people of the seed of my brethren that they had overcome my seed; and they went forth in multitudes upon the face of the land.

And I saw them gathered together in multitudes; and I saw wars and rumors of wars among them; and in wars and rumors of wars I saw many generations pass away.

And the angel said unto me: Behold these shall dwindle in unbelief.

And it came to pass that I beheld, after they had dwindled in unbelief they became a dark, and loathsome, and a filthy people, full of idleness and all manner of abominations.

## 1 Nê Phi 13

- 1 Và chuyện rằng, thiên sứ bảo tôi: Hãy nhìn! Tôi nhìn và thấy nhiều quốc gia và vương quốc.
- 2 Và thiên sứ hỏi tôi: Người thấy gì? Tôi đáp: Tôi thấy nhiều quốc gia và vương quốc.
- 3 Thiên sứ nói với tôi: Đó là các quốc gia và vương quốc của Dân Ngoại.
- 4 Và chuyện rằng, tôi thấy giữa các quốc gia của Dân Ngoại có thành lập một giáo hội vĩ đại.
- 5 Và thiên sứ nói với tôi: Hãy nhìn xem sự thành lập của một giáo hội khả ố hơn hết mọi giáo hội khác, nó sát hại các thánh đồ của Thượng Đế, phải, hành hạ, trói buộc, gông cùm họ bằng gông sắt và đem họ vào cảnh tù đầy.
- 6 Và chuyện rằng, tôi thấy giáo hội vĩ đại và khả ố này, và tôi thấy quỷ dữ là kẻ sáng lập ra nó.
- 7 Tôi còn thấy cả những vàng bạc, lụa là, gấm vóc tía hồng, vải gai mịn, cùng nhiều loại y phục quý giá khác, và tôi còn thấy nhiều gái điếm nữa.
- 8 Rồi thiên sứ bảo tôi: Hãy nhìn xem những vàng bạc, lụa là, gấm vóc tía hồng, vải gai mịn cùng các loại y phục quý giá và các gái điếm ấy là những ham muốn của giáo hội vĩ đại và khả ố này.
- 9 Và vì những lời tán tụng của thế gian mà chúng hủy diệt các thánh đồ của Thượng Đế và đem họ vào cảnh tù đầy.
- 10 Và chuyện rằng, tôi nhìn và thấy có nhiều đại dương ngăn cách các Dân Ngoại với dòng dõi của các anh tôi.
- 11 Và chuyện rằng, thiên sứ nói với tôi: Hãy nhìn xem cơn thịnh nộ của Thượng Đế đang đổ xuống dòng dõi của các anh người.
- 12 Tôi bèn nhìn và trông thấy có một người trong số Dân Ngoại, bị ngăn cách khỏi dòng dõi của các anh tôi bởi nhiều đại dương; rồi tôi thấy Thánh Linh của Thượng Đế giáng xuống và tác động vào người ấy; và người ấy vượt qua được nhiều đại dương, đến với dòng dõi của các anh tôi trên đất hứa.

## 1 Nephi 13

- And it came to pass that the angel spake unto me, saying: Look! And I looked and beheld many nations and kingdoms.
- And the angel said unto me: What beholdest thou? And I said: I behold many nations and kingdoms.
- And he said unto me: These are the nations and kingdoms of the Gentiles.
- And it came to pass that I saw among the nations of the Gentiles the formation of a great church.
- And the angel said unto me: Behold the formation of a church which is most abominable above all other churches, which slayeth the saints of God, yea, and tortureth them and bindeth them down, and yoketh them with a yoke of iron, and bringeth them down into captivity.
- And it came to pass that I beheld this great and abominable church; and I saw the devil that he was the founder of it.
- And I also saw gold, and silver, and silks, and scarlets, and fine-twined linen, and all manner of precious clothing; and I saw many harlots.
- And the angel spake unto me, saying: Behold the gold, and the silver, and the silks, and the scarlets, and the fine-twined linen, and the precious clothing, and the harlots, are the desires of this great and abominable church.
- And also for the praise of the world do they destroy the saints of God, and bring them down into captivity.
- And it came to pass that I looked and beheld many waters; and they divided the Gentiles from the seed of my brethren.
- And it came to pass that the angel said unto me: Behold the wrath of God is upon the seed of thy brethren.
- And I looked and beheld a man among the Gentiles, who was separated from the seed of my brethren by the many waters; and I beheld the Spirit of God, that it came down and wrought upon the man; and he went forth upon the many waters, even unto the seed of my brethren, who were in the promised land.

- 13 Và chuyện rằng, tôi thấy Thánh Linh của Thượng Đế tác động vào nhiều người Dân Ngoại khác; và họ vượt qua được nhiều đại dương, thoát khỏi cảnh tù đày.
- 14 Và chuyện rằng, tôi lại thấy nhiều đám người Dân Ngoại trên đất hứa; và tôi thấy cơn thịnh nộ của Thượng Đế đang bao trùm dòng dõi của các anh tôi; và họ bị những người Dân Ngoại đánh đập và đuổi chạy tứ tán.
- 15 Và tôi thấy Thánh Linh của Chúa đến với những người Dân Ngoại, do đó họ trở nên thịnh vượng và nhận xứ sở ấy làm đất thừa hưởng của mình; và tôi thấy họ trắng trẻo, vô cùng xinh đẹp và kiều diễm, giống như dân tôi trước ngày họ bị giết.
- 16 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, thấy những người Dân Ngoại mà đã thoát khỏi cảnh tù đày đều biết hạ mình trước mặt Chúa; và quyền năng của Chúa đã ở cùng họ.
- 17 Rồi tôi thấy những người Dân Ngoại ở mẫu quốc của họ tụ họp lại trên biển, và cả trên đất liền nữa, để đánh chống lại họ.
- 18 Và tôi thấy quyền năng của Thượng Đế ở cùng họ, còn cơn thịnh nộ của Ngài thì bao trùm những kẻ tụ họp để đánh chống lại họ.
- 19 Và tôi, Nê Phi, thấy rằng, những người Dân Ngoại đã thoát khỏi cảnh tù đày đều được quyền năng của Thượng Đế giải cứu khỏi bàn tay của tất cả các quốc gia khác.
- 20 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, thấy họ thật sự trở nên thịnh vượng trong xứ; và tôi thấy có một quyển sách được phổ biến trong dân họ.
- 21 Và thiên sứ hỏi tôi: Ngươi có hiểu được ý nghĩa của sách ấy chăng?
- 22 Tôi đáp: Thưa, tôi không hiểu.

And it came to pass that I beheld the Spirit of God, that it wrought upon other Gentiles; and they went forth out of captivity, upon the many waters.

And it came to pass that I beheld many multitudes of the Gentiles upon the land of promise; and I beheld the wrath of God, that it was upon the seed of my brethren; and they were scattered before the Gentiles and were smitten.

And I beheld the Spirit of the Lord, that it was upon the Gentiles, and they did prosper and obtain the land for their inheritance; and I beheld that they were white, and exceedingly fair and beautiful, like unto my people before they were slain.

And it came to pass that I, Nephi, beheld that the Gentiles who had gone forth out of captivity did humble themselves before the Lord; and the power of the Lord was with them.

And I beheld that their mother Gentiles were gathered together upon the waters, and upon the land also, to battle against them.

And I beheld that the power of God was with them, and also that the wrath of God was upon all those that were gathered together against them to battle.

And I, Nephi, beheld that the Gentiles that had gone out of captivity were delivered by the power of God out of the hands of all other nations.

And it came to pass that I, Nephi, beheld that they did prosper in the land; and I beheld a book, and it was carried forth among them.

And the angel said unto me: Knowest thou the meaning of the book?

And I said unto him: I know not.

- 23 Và vị ấy nói: Nay, sách này được từ miệng một người Do Thái truyền ra. Và tôi, Nê Phi, đã trông thấy sách đó; và vị ấy nói với tôi: Cuốn sách mà người trông thấy đó là biên sử của người Do Thái chứa đựng các giao ước của Chúa, là những giao ước mà Ngài đã lập với gia tộc Y Sơ Ra Ên; trong sách ấy cũng chứa đựng nhiều lời tiên tri của các thánh tiên tri; và đó là một biên sử giống như những lời ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng; tuy không được nhiều nhưng cũng chứa đựng những giao ước Chúa đã lập với gia tộc Y Sơ Ra Ên; vậy nên những điều này rất có giá trị đối với Dân Ngoại.
- 24 Và thiên sứ của Chúa nói với tôi: Người đã thấy rằng sách này được từ miệng một người Do Thái truyền ra; và một khi nó đã được từ miệng một người Do Thái truyền ra, thì nó chứa đựng phúc âm trọn vẹn của Chúa, là Đấng đã được mười hai vị sứ đồ làm chứng; và họ làm chứng theo lẽ thật hằng có trong Chiên Con của Thượng Đế.
- 25 Vậy nên, những điều này được truyền từ dân Do Thái qua Dân Ngoại một cách xác thật, theo lẽ thật hằng có trong Thượng Đế.
- 26 Và sau khi những điều này truyền từ dân Do Thái qua Dân Ngoại nhờ bàn tay của mười hai vị sứ đồ của Chiên Con, người sẽ thấy sự thành lập của giáo hội vĩ đại và khả ố đó, là giáo hội khả ố hơn tất cả các giáo hội khác; vì này, họ đã lấy đi nhiều phần minh bạch và quý giá nhất trong phúc âm của Chiên Con; và họ cũng lấy đi nhiều giao ước của Chúa nữa.
- 27 Và họ đã làm như vậy để họ có thể làm sai lạc những đường lối ngay chính của Chúa, để họ có thể làm cho con cái loài người trở nên mù quáng và chai đá trong lòng.
- 28 Vậy nên, người sẽ thấy rằng sau khi sách ấy đã qua tay những người trong giáo hội vĩ đại và khả ố đó thì nhiều điều minh bạch và quý báu bị lấy đi khỏi sách này tức là sách nói về Chiên Con của Thượng Đế.

And he said: Behold it proceedeth out of the mouth of a Jew. And I, Nephi, beheld it; and he said unto me: The book that thou beholdest is a record of the Jews, which contains the covenants of the Lord, which he hath made unto the house of Israel; and it also containeth many of the prophecies of the holy prophets; and it is a record like unto the engravings which are upon the plates of brass, save there are not so many; nevertheless, they contain the covenants of the Lord, which he hath made unto the house of Israel; wherefore, they are of great worth unto the Gentiles.

And the angel of the Lord said unto me: Thou hast beheld that the book proceeded forth from the mouth of a Jew; and when it proceeded forth from the mouth of a Jew it contained the fulness of the gospel of the Lord, of whom the twelve apostles bear record; and they bear record according to the truth which is in the Lamb of God.

Wherefore, these things go forth from the Jews in purity unto the Gentiles, according to the truth which is in God.

And after they go forth by the hand of the twelve apostles of the Lamb, from the Jews unto the Gentiles, thou seest the formation of that great and abominable church, which is most abominable above all other churches; for behold, they have taken away from the gospel of the Lamb many parts which are plain and most precious; and also many covenants of the Lord have they taken away.

And all this have they done that they might pervert the right ways of the Lord, that they might blind the eyes and harden the hearts of the children of men.

Wherefore, thou seest that after the book hath gone forth through the hands of the great and abominable church, that there are many plain and precious things taken away from the book, which is the book of the Lamb of God.

- 29 Và sau khi những điều minh bạch và quý báu đó bị lấy đi thì sách này sẽ đến khắp mọi quốc gia Dân Ngoại; và sau khi sách đã đến khắp mọi quốc gia Dân Ngoại, phải, vượt qua nhiều đại dương mà người đã thấy cùng với những người Dân Ngoại đã thoát khỏi cảnh tù đày, thì người sẽ thấy—vì nhiều điều minh bạch và quý báu bị lấy đi khỏi sách, đó là những điều minh bạch đối với sự hiểu biết của con cái loài người, dựa theo sự minh bạch hằng có nơi Chiên Con của Thượng Đế—vì những điều này bị lấy đi khỏi phúc âm của Chiên Con, nên có rất nhiều người bị vấp ngã, phải, đến nỗi Sa Tan có quyền năng lớn lao đối với họ.
- 30 Tuy nhiên, người thấy rằng, những người Dân Ngoại đã thoát ra khỏi cảnh tù đày và đã được quyền năng của Thượng Đế nhắc họ lên cao hơn hết thảy mọi quốc gia khác, tại một xứ sở được chọn lọc hơn hết thảy mọi xứ khác, đó là xứ mà Đức Chúa Trời đã giao ước với cha người rằng dòng dõi của cha người sẽ có được để làm xứ thừa hưởng; vậy nên, người thấy rằng, Đức Chúa Trời sẽ không để cho Dân Ngoại tận diệt một hợp chủng của dòng dõi người với dòng dõi của các anh người.
- 31 Ngài cũng sẽ không chịu để cho Dân Ngoại hủy diệt dòng dõi của các anh người.
- 32 Đức Chúa Trời cũng sẽ không chịu để cho Dân Ngoại sẽ phải ở mãi trong trạng thái đui mù đáng sợ như người thấy đó, vì những phần giáo lý minh bạch và quý báu nhất trong phúc âm của Chiên Con đã bị giữ lại bởi giáo hội khả ố đó, tức là giáo hội mà người đã thấy khi nó được thành lập.
- 33 Vậy nên, Chiên Con của Thượng Đế có phán rằng: Ta sẽ thương xót Dân Ngoại khi ta đến viếng phần còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên bằng sự đoán phạt vĩ đại.

And after these plain and precious things were taken away it goeth forth unto all the nations of the Gentiles; and after it goeth forth unto all the nations of the Gentiles, yea, even across the many waters which thou hast seen with the Gentiles which have gone forth out of captivity, thou seest—because of the many plain and precious things which have been taken out of the book, which were plain unto the understanding of the children of men, according to the plainness which is in the Lamb of God—because of these things which are taken away out of the gospel of the Lamb, an exceedingly great many do stumble, yea, insomuch that Satan hath great power over them.

Nevertheless, thou beholdest that the Gentiles who have gone forth out of captivity, and have been lifted up by the power of God above all other nations, upon the face of the land which is choice above all other lands, which is the land that the Lord God hath covenanted with thy father that his seed should have for the land of their inheritance; wherefore, thou seest that the Lord God will not suffer that the Gentiles will utterly destroy the mixture of thy seed, which are among thy brethren.

Neither will he suffer that the Gentiles shall destroy the seed of thy brethren.

Neither will the Lord God suffer that the Gentiles shall forever remain in that awful state of blindness, which thou beholdest they are in, because of the plain and most precious parts of the gospel of the Lamb which have been kept back by that abominable church, whose formation thou hast seen.

Wherefore saith the Lamb of God: I will be merciful unto the Gentiles, unto the visiting of the remnant of the house of Israel in great judgment.

34 Và chuyện rằng, thiên sứ của Chúa bảo tôi rằng: Đây, lời Chiên Con của Thượng Đế phán bảo, sau khi ta đến viếng phật xong phần còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên—và phần còn sót lại mà ta nói đây tức là dòng dõi của cha người—vậy nên, sau khi ta đã viếng họ bằng sự đoán phạt và đã dùng bàn tay của Dân Ngoại mà đánh họ, và sau khi Dân Ngoại bị vấp ngã nặng nề vì những phần minh bạch và quý báu nhất trong phúc âm của Chiên Con đã bị giữ lại bởi giáo hội khả ố ấy, là mẹ của các gái điếm, lời Chiên Con phán vậy—thì vào ngày đó ta sẽ thương xót Dân Ngoại, đến nỗi ta sẽ đem lại cho họ một phần lớn phúc âm của ta, là phần phúc âm minh bạch và quý giá, bởi quyền năng của ta, lời Chiên Con phán vậy.

35 Vì này, lời Chiên Con phán: Ta sẽ tự biểu hiện cho dòng dõi của người thấy, để chúng ghi chép nhiều điều ta sẽ thuyết giảng cho chúng, đó là những điều minh bạch và quý báu; và sau khi dòng dõi của người bị hủy diệt và sa vào vòng vô tín ngưỡng cùng với dòng dõi của các anh người, này, những điều này sẽ được giấu kín để sau này nhờ ân tứ và quyền năng của Chiên Con mà phổ biến ra cho Dân Ngoại.

36 Và trong những điều này sẽ được viết phúc âm của ta, đá và sự cứu rỗi của ta, lời Chiên Con phán vậy.

37 Và phước thay cho những kẻ nào ngày đó biết tìm cách xây dựng Si Ôn của ta, vì họ sẽ có được ân tứ và quyền năng của Đức Thánh Linh; và nếu họ biết kiên trì cho đến cùng thì họ sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng và sẽ được cứu vào vương quốc vĩnh viễn của Chiên Con; và những kẻ nào rao truyền sự bình an, phải, tin lành đại hỷ thì trên các núi họ sẽ xinh đẹp dường nào.

38 Và chuyện rằng, tôi thấy dòng dõi còn sót lại của các anh tôi, và tôi còn thấy được sách của Chiên Con của Thượng Đế, do từ miệng người Do Thái truyền ra, được phổ biến từ Dân Ngoại tới dòng dõi còn sót lại của các anh tôi.

And it came to pass that the angel of the Lord spake unto me, saying: Behold, saith the Lamb of God, after I have visited the remnant of the house of Israel—and this remnant of whom I speak is the seed of thy father—wherefore, after I have visited them in judgment, and smitten them by the hand of the Gentiles, and after the Gentiles do stumble exceedingly, because of the most plain and precious parts of the gospel of the Lamb which have been kept back by that abominable church, which is the mother of harlots, saith the Lamb—I will be merciful unto the Gentiles in that day, insomuch that I will bring forth unto them, in mine own power, much of my gospel, which shall be plain and precious, saith the Lamb.

For, behold, saith the Lamb: I will manifest myself unto thy seed, that they shall write many things which I shall minister unto them, which shall be plain and precious; and after thy seed shall be destroyed, and dwindle in unbelief, and also the seed of thy brethren, behold, these things shall be hid up, to come forth unto the Gentiles, by the gift and power of the Lamb.

And in them shall be written my gospel, saith the Lamb, and my rock and my salvation.

And blessed are they who shall seek to bring forth my Zion at that day, for they shall have the gift and the power of the Holy Ghost; and if they endure unto the end they shall be lifted up at the last day, and shall be saved in the everlasting kingdom of the Lamb; and whoso shall publish peace, yea, tidings of great joy, how beautiful upon the mountains shall they be.

And it came to pass that I beheld the remnant of the seed of my brethren, and also the book of the Lamb of God, which had proceeded forth from the mouth of the Jew, that it came forth from the Gentiles unto the remnant of the seed of my brethren.

39 Và sau khi sách ấy đã đến với họ, thì tôi lại thấy các sách khác, được phổ biến từ Dân Ngoại đến với họ, nhờ quyền năng của Chiên Con, để thuyết phục Dân Ngoại, và dòng dõi còn sót lại của các anh tôi, cùng những người Do Thái bị phân tán khắp mặt đất rằng những biên sử của các tiên tri và mười hai vị sứ đồ của Chiên Con là có thật.

40 Và thiên sứ bảo tôi rằng: Những biên sử cuối cùng này mà người đã thấy ở nơi những người Dân Ngoại đó, sẽ chứng nhận sự xác thực của những biên sử đầu tiên là các biên sử của mười hai vị sứ đồ của Chiên Con, và sẽ cho thấy những điều minh bạch quý báu đã bị lấy đi khỏi các biên sử này; và sẽ cho tất cả các sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc biết rằng, Chiên Con của Thượng Đế là Vị Nam Tử của Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu, và là Đấng Cứu Rỗi của thế gian; và tất cả mọi người phải đến với Ngài, bằng không, họ sẽ không được cứu.

41 Và họ phải đến với Ngài theo lời phán ra từ miệng của Chiên Con; và những lời nói của Chiên Con sẽ được phát hiện trong các biên sử của dòng dõi người, cũng như trong các biên sử của mười hai vị sứ đồ của Chiên Con; vậy nên, cả hai sách này sẽ lập thành một; vì chỉ có một Thượng Đế, một Đấng Chấn Chiên trên khắp thế gian.

42 Và khi thời gian đến, Ngài sẽ tự biểu hiện cho mọi quốc gia biết, cả người Do Thái lẫn người Dân Ngoại. Và sau khi Ngài đã biểu hiện cho người Do Thái biết và rồi mới tới người Dân Ngoại, thì Ngài sẽ biểu hiện cho người Dân Ngoại biết trước rồi mới tới người Do Thái; vậy là người sau cùng sẽ trở thành người đầu tiên, và người đầu tiên sẽ trở thành người sau cùng.

And after it had come forth unto them I beheld other books, which came forth by the power of the Lamb, from the Gentiles unto them, unto the convincing of the Gentiles and the remnant of the seed of my brethren, and also the Jews who were scattered upon all the face of the earth, that the records of the prophets and of the twelve apostles of the Lamb are true.

And the angel spake unto me, saying: These last records, which thou hast seen among the Gentiles, shall establish the truth of the first, which are of the twelve apostles of the Lamb, and shall make known the plain and precious things which have been taken away from them; and shall make known to all kindreds, tongues, and people, that the Lamb of God is the Son of the Eternal Father, and the Savior of the world; and that all men must come unto him, or they cannot be saved.

And they must come according to the words which shall be established by the mouth of the Lamb; and the words of the Lamb shall be made known in the records of thy seed, as well as in the records of the twelve apostles of the Lamb; wherefore they both shall be established in one; for there is one God and one Shepherd over all the earth.

And the time cometh that he shall manifest himself unto all nations, both unto the Jews and also unto the Gentiles; and after he has manifested himself unto the Jews and also unto the Gentiles, then he shall manifest himself unto the Gentiles and also unto the Jews, and the last shall be first, and the first shall be last.



## 1 Nê Phi 14

- 1 Và chuyện rằng, nếu những người Dân Ngoại biết nghe theo lời Chiên Con của Thượng Đế vào ngày Ngài tự biểu hiện cho họ biết bằng lời nói, và cũng bằng quyền năng, bằng hành động, để cất bỏ những chướng ngại vật của họ—
- 2 Và nếu họ không chai đá trong lòng chống lại Chiên Con của Thượng Đế thì họ sẽ được kể chung vào dòng dõi của cha người; phải, họ sẽ được kể chung vào gia tộc Y Sơ Ra Ên; và họ sẽ là một dân tộc được phước lành đời đời trên đất hứa; họ sẽ không còn bị đem vào cảnh tù đày; và gia tộc Y Sơ Ra Ên sẽ không còn bị lẫn lộn nữa.
- 3 Và hố sâu mà đã được đào lên để bẫy họ, bởi giáo hội vĩ đại và khả ố đó là giáo hội do quỷ dữ và con cháu của nó thiết lập để nó có thể dẫn dắt linh hồn loài người xuống ngục giới—phải, cái hố sâu mà đã được đào lên để hủy diệt loài người sẽ chôn vùi những kẻ đã đào nó lên, cho đến khi chúng bị hủy diệt hoàn toàn, lời Chiên Con của Thượng Đế phán vậy; đó không phải là sự hủy diệt linh hồn, mà là việc ném linh hồn vào ngục giới bất tận ấy.
- 4 Vì này, việc ấy tùy theo sự cầm tù của quỷ dữ và cũng tùy theo công lý của Thượng Đế, đối với những kẻ muốn làm điều độc ác và khả ố trước mặt Ngài.
- 5 Và chuyện rằng, thiên sứ lại bảo tôi, Nê Phi, rằng: Người đã thấy rằng, nếu người Dân Ngoại biết hối cải, thì mọi sự sẽ trở nên tốt đẹp đối với họ; và người cũng biết về những giao ước của Chúa với gia tộc Y Sơ Ra Ên; và người cũng đã từng nghe nói rằng, kẻ nào không hối cải sẽ bị diệt vong.
- 6 Vậy nên, khôn thay cho người Dân Ngoại nếu họ chai đá trong lòng chống lại Chiên Con của Thượng Đế.

## 1 Nephi 14

And it shall come to pass, that if the Gentiles shall hearken unto the Lamb of God in that day that he shall manifest himself unto them in word, and also in power, in very deed, unto the taking away of their stumbling blocks—

And harden not their hearts against the Lamb of God, they shall be numbered among the seed of thy father; yea, they shall be numbered among the house of Israel; and they shall be a blessed people upon the promised land forever; they shall be no more brought down into captivity; and the house of Israel shall no more be confounded.

And that great pit, which hath been digged for them by that great and abominable church, which was founded by the devil and his children, that he might lead away the souls of men down to hell—yea, that great pit which hath been digged for the destruction of men shall be filled by those who digged it, unto their utter destruction, saith the Lamb of God; not the destruction of the soul, save it be the casting of it into that hell which hath no end.

For behold, this is according to the captivity of the devil, and also according to the justice of God, upon all those who will work wickedness and abomination before him.

And it came to pass that the angel spake unto me, Nephi, saying: Thou hast beheld that if the Gentiles repent it shall be well with them; and thou also knowest concerning the covenants of the Lord unto the house of Israel; and thou also hast heard that whoso repenteth not must perish.

Therefore, wo be unto the Gentiles if it so be that they harden their hearts against the Lamb of God.

7 Vì sẽ đến lúc ta thực hiện một công việc vĩ đại và kỳ diệu giữa con cái loài người, lời Chiên Con của Thượng Đế phán vậy. Đó là một công việc vĩnh viễn, về phương diện này hoặc phương diện kia— hoặc để thuyết phục loài người để họ hưởng được sự bình an và cuộc sống vĩnh cửu, hoặc để phó mặc họ cho lòng dạ chai đá và trí óc mù quáng, khiến họ phải rơi vào vòng tù đày và còn bị hủy diệt, cả thể xác lẫn linh hồn, theo sự cầm tù của quỷ dữ mà ta đã nói tới.

8 Và chuyện rằng, khi nói xong những lời này thiên sứ bèn bảo tôi: Người có nhớ những giao ước của Đức Chúa Cha với gia tộc Y Sơ Ra Ên chăng? Tôi đáp: Thừa có.

9 Và chuyện rằng, vị ấy nói với tôi: Hãy nhìn xem giáo hội vĩ đại và khả ố đó, là mẹ của các điều khả ố mà kẻ thành lập lên nó là quỷ dữ.

10 Và vị ấy nói với tôi: Nay, chỉ có hai giáo hội mà thôi; một là giáo hội của Chiên Con của Thượng Đế, và một là giáo hội của quỷ dữ; vậy nên, kẻ nào không thuộc vào giáo hội của Chiên Con của Thượng Đế thì ắt là thuộc vào giáo hội vĩ đại đó, là mẹ của các điều khả ố; và nó là gái điếm của toàn thể thế gian.

11 Và chuyện rằng, tôi nhìn và thấy con gái điếm của toàn thể thế gian; nó đang ngồi trên nhiều đại dương; nó thống trị khắp địa cầu, giữa tất cả các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc.

12 Và chuyện rằng, tôi trông thấy giáo hội của Chiên Con của Thượng Đế, và con số người thuộc giáo hội rất ít, vì những điều tà ác và khả ố của gái điếm đang ngồi trên nhiều đại dương; tuy nhiên, tôi thấy giáo hội của Chiên Con, là các thánh đồ của Thượng Đế, cũng hiện diện khắp trên mặt đất; và quyền thống trị của họ trên mặt đất rất nhỏ nhoi vì sự độc ác của gái điếm vĩ đại mà tôi đã thấy.

13 Và chuyện rằng, tôi trông thấy mẹ vĩ đại của các điều khả ố quy tụ dân chúng trên mặt đất, trên khắp các quốc gia của người Dân Ngoại, để gây chiến với Chiên Con của Thượng Đế.

For the time cometh, saith the Lamb of God, that I will work a great and a marvelous work among the children of men; a work which shall be everlasting, either on the one hand or on the other—either to the convincing of them unto peace and life eternal, or unto the deliverance of them to the hardness of their hearts and the blindness of their minds unto their being brought down into captivity, and also into destruction, both temporally and spiritually, according to the captivity of the devil, of which I have spoken.

And it came to pass that when the angel had spoken these words, he said unto me: Rememberest thou the covenants of the Father unto the house of Israel? I said unto him, Yea.

And it came to pass that he said unto me: Look, and behold that great and abominable church, which is the mother of abominations, whose founder is the devil.

And he said unto me: Behold there are save two churches only; the one is the church of the Lamb of God, and the other is the church of the devil; wherefore, whoso belongeth not to the church of the Lamb of God belongeth to that great church, which is the mother of abominations; and she is the whore of all the earth.

And it came to pass that I looked and beheld the whore of all the earth, and she sat upon many waters; and she had dominion over all the earth, among all nations, kindreds, tongues, and people.

And it came to pass that I beheld the church of the Lamb of God, and its numbers were few, because of the wickedness and abominations of the whore who sat upon many waters; nevertheless, I beheld that the church of the Lamb, who were the saints of God, were also upon all the face of the earth; and their dominions upon the face of the earth were small, because of the wickedness of the great whore whom I saw.

And it came to pass that I beheld that the great mother of abominations did gather together multitudes upon the face of all the earth, among all the nations of the Gentiles, to fight against the Lamb of God.

- 14 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, thấy quyền năng của Chiên Con của Thượng Đế giáng xuống trên các thánh hữu trong giáo hội của Chiên Con, và trên dân giao ước của Chúa đã bị phân tán khắp mặt đất; và họ được trang bị bằng sự ngay chính và bằng quyền năng của Thượng Đế trong vinh quang vĩ đại.
- 15 Và chuyện rằng, tôi thấy cơn thịnh nộ của Thượng Đế trút lên giáo hội vĩ đại và khả ố đó, đến nỗi có chiến tranh và tiếng đồn về chiến tranh ở giữa khắp các quốc gia và các sắc tộc trên thế gian.
- 16 Và khi chiến tranh và tiếng đồn về chiến tranh bắt đầu nổi lên khắp các quốc gia thuộc về mẹ của các điều khả ố đó, thì thiên sứ lại bảo tôi rằng: Nay, cơn thịnh nộ của Thượng Đế đang trút lên mẹ của các gái điếm: Và này, người thấy tất cả những việc ấy—
- 17 Và ngày mà cơn thịnh nộ của Thượng Đế trút lên mẹ của các gái điếm, tức là giáo hội vĩ đại và khả ố của toàn thể thế gian, mà kẻ thành lập lên nó là quỷ dữ, thì đó tức là ngày công việc của Đức Chúa Cha sẽ bắt đầu, để sửa soạn đường lối thực hiện những giao ước mà Ngài đã lập với dân Ngài thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 18 Và chuyện rằng, thiên sứ bảo tôi: Xem kia!
- 19 Tôi bèn nhìn và thấy một người đàn ông mặc áo trắng.
- 20 Và thiên sứ nói với tôi: Nay, một trong mười hai vị sứ đồ của Chiên Con.
- 21 Nay, người sẽ chứng kiến và viết ra phần còn lại của những điều này; phải, và cũng sẽ viết ra nhiều điều đã xảy ra.
- 22 Và người còn viết về ngày tận thế nữa.

And it came to pass that I, Nephi, beheld the power of the Lamb of God, that it descended upon the saints of the church of the Lamb, and upon the covenant people of the Lord, who were scattered upon all the face of the earth; and they were armed with righteousness and with the power of God in great glory.

And it came to pass that I beheld that the wrath of God was poured out upon that great and abominable church, insomuch that there were wars and rumors of wars among all the nations and kindreds of the earth.

And as there began to be wars and rumors of wars among all the nations which belonged to the mother of abominations, the angel spake unto me, saying: Behold, the wrath of God is upon the mother of harlots; and behold, thou seest all these things—

And when the day cometh that the wrath of God is poured out upon the mother of harlots, which is the great and abominable church of all the earth, whose founder is the devil, then, at that day, the work of the Father shall commence, in preparing the way for the fulfilling of his covenants, which he hath made to his people who are of the house of Israel.

And it came to pass that the angel spake unto me, saying: Look!

And I looked and beheld a man, and he was dressed in a white robe.

And the angel said unto me: Behold one of the twelve apostles of the Lamb.

Behold, he shall see and write the remainder of these things; yea, and also many things which have been.

And he shall also write concerning the end of the world.

- 23 Vậy nên, những điều gì người viết ra đều xác đáng và chân thật; và này, những điều này được viết ra trong sách mà người thấy từ miệng người Do Thái truyền ra. Và lúc mà những điều này từ miệng người Do Thái truyền ra, hay là lúc mà sách này được truyền ra từ miệng người Do Thái, thì những điều được viết ra đây đều minh bạch, tinh khiết, dễ hiểu, và quý báu nhất đối với tất cả loài người.
- 24 Và này, những điều mà vị sứ đồ này của Chiên Con sẽ viết ra là nhiều điều mà người đã thấy; và này, những điều còn lại người cũng sẽ thấy.
- 25 Nhưng những điều người sẽ thấy sau này người không được viết ra; vì Đức Chúa Trời đã sắc phong vị sứ đồ này của Chiên Con của Thượng Đế để viết ra những điều ấy.
- 26 Và cũng còn có những vị khác mà Ngài đã cho thấy mọi điều, và họ đã viết ra những điều ấy; và những điều ấy được niêm phong, để đến kỳ định của Chúa, nó sẽ đến với gia tộc Y Sơ Ra Ên một cách xác thật, theo lẽ thật hằng có trong Chiên Con.
- 27 Và tôi, Nê Phi, đã nghe và làm chứng rằng tên của vị sứ đồ này của Chiên Con là Giảng, theo lời của thiên sứ.
- 28 Và này, tôi, Nê Phi, bị cấm không được viết ra những điều còn lại mà tôi đã nghe và thấy; vậy nên, những điều tôi đã viết ra đây đối với tôi đã đầy đủ và tôi đã viết lại chỉ một phần nhỏ những điều tôi đã thấy mà thôi.
- 29 Và tôi xin làm chứng rằng, tôi đã thấy những điều mà cha tôi đã thấy, và thiên sứ của Chúa đã cho tôi thấy những điều đó.
- 30 Và giờ đây tôi xin ngừng nói về những điều tôi đã thấy khi tôi được Thánh Linh đưa đi; và nếu tất cả những điều tôi thấy tôi không được viết hết ra, thì những điều tôi đã viết ra đây đều đúng sự thật. Quả thật vậy. A Men.

Wherefore, the things which he shall write are just and true; and behold they are written in the book which thou beheld proceeding out of the mouth of the Jew; and at the time they proceeded out of the mouth of the Jew, or, at the time the book proceeded out of the mouth of the Jew, the things which were written were plain and pure, and most precious and easy to the understanding of all men.

And behold, the things which this apostle of the Lamb shall write are many things which thou hast seen; and behold, the remainder shalt thou see.

But the things which thou shalt see hereafter thou shalt not write; for the Lord God hath ordained the apostle of the Lamb of God that he should write them.

And also others who have been, to them hath he shown all things, and they have written them; and they are sealed up to come forth in their purity, according to the truth which is in the Lamb, in the own due time of the Lord, unto the house of Israel.

And I, Nephi, heard and bear record, that the name of the apostle of the Lamb was John, according to the word of the angel.

And behold, I, Nephi, am forbidden that I should write the remainder of the things which I saw and heard; wherefore the things which I have written sufficeth me; and I have written but a small part of the things which I saw.

And I bear record that I saw the things which my father saw, and the angel of the Lord did make them known unto me.

And now I make an end of speaking concerning the things which I saw while I was carried away in the Spirit; and if all the things which I saw are not written, the things which I have written are true. And thus it is. Amen.

## 1 Nê Phi 15

- 1 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, sau khi được Thánh Linh đưa đi và thấy tất cả những điều này, tôi bèn trở về lều của cha tôi.
- 2 Và chuyện rằng, tôi thấy các anh tôi đang cãi vã nhau về những điều cha tôi đã nói cho họ nghe.
- 3 Vì quả thật ông đã nói cho họ nghe rất nhiều điều quan trọng. Đó là những điều khó hiểu được, trừ phi người ta biết cầu vấn Chúa. Vả lại, vì lòng dạ họ chai đá nên họ đã không biết tìm tới Chúa như theo lẽ họ phải làm.
- 4 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, hết sức phiền muộn vì lòng dạ chai đá của họ, và cũng vì những điều tôi đã thấy, và tôi biết rằng những điều ấy sẽ xảy ra và không thể nào tránh được vì sự độc ác của con cái loài người.
- 5 Và chuyện rằng, tôi bị rũ liệt bởi những nỗi đau khổ của tôi; vì tôi xem đó là những nỗi đau khổ lớn lao hơn hết, bởi dân tôi sẽ bị hủy diệt vì tôi đã thấy được sự sụp đổ của họ.
- 6 Và chuyện rằng, sau khi lấy lại sức, tôi bèn nói với các anh tôi là tôi muốn biết về lý do những cuộc cãi vã của họ.
- 7 Và họ bảo rằng: Nay, các anh không hiểu những lời cha chúng ta đã nói về các cành cây ô liu thiên nhiên và về Dân Ngoại.
- 8 Tôi bèn hỏi họ: Vậy các anh đã cầu vấn Chúa chưa?
- 9 Họ bảo tôi rằng: Các anh không có câu vấn, vì Chúa không tiết lộ cho các anh biết những điều như vậy.
- 10 Nay, tôi bèn bảo họ rằng: Sao các anh không biết tuân giữ các lệnh truyền của Chúa? Sao các anh lại muốn cho mình phải bị diệt vong vì lòng dạ chai đá của mình?
- 11 Các anh không nhớ những điều Chúa đã phán bảo hay sao?—Nếu người không chai đá trong lòng, và biết cầu vấn ta với đức tin, và tin tưởng rằng người sẽ nhận được, cũng như biết chuyên tâm tuân giữ các lệnh truyền của ta, thì chắc chắn những điều này sẽ được tiết lộ cho người biết.

## 1 Nephi 15

And it came to pass that after I, Nephi, had been carried away in the Spirit, and seen all these things, I returned to the tent of my father.

And it came to pass that I beheld my brethren, and they were disputing one with another concerning the things which my father had spoken unto them.

For he truly spake many great things unto them, which were hard to be understood, save a man should inquire of the Lord; and they being hard in their hearts, therefore they did not look unto the Lord as they ought.

And now I, Nephi, was grieved because of the hardness of their hearts, and also, because of the things which I had seen, and knew they must unavoidably come to pass because of the great wickedness of the children of men.

And it came to pass that I was overcome because of my afflictions, for I considered that mine afflictions were great above all, because of the destruction of my people, for I had beheld their fall.

And it came to pass that after I had received strength I spake unto my brethren, desiring to know of them the cause of their disputations.

And they said: Behold, we cannot understand the words which our father hath spoken concerning the natural branches of the olive tree, and also concerning the Gentiles.

And I said unto them: Have ye inquired of the Lord?

And they said unto me: We have not; for the Lord maketh no such thing known unto us.

Behold, I said unto them: How is it that ye do not keep the commandments of the Lord? How is it that ye will perish, because of the hardness of your hearts?

Do ye not remember the things which the Lord hath said?—If ye will not harden your hearts, and ask me in faith, believing that ye shall receive, with diligence in keeping my commandments, surely these things shall be made known unto you.

12      Này, tôi nói cho các anh hay, gia tộc Y Sơ Ra Ên đã được ví như cây ô liu, bởi Thánh Linh của Chúa đã ngự trong cha chúng ta; và này, chúng ta chẳng phải đã bị tách rời khỏi gia tộc Y Sơ Ra Ên sao, và chúng ta chẳng phải là một nhánh của gia tộc Y Sơ Ra Ên sao?

13      Và này, điều mà cha chúng ta muốn nói về việc ghép lại những cành cây thiên nhiên nhờ sự trọn vẹn của Dân Ngoại là, vào những ngày sau, khi mà dòng dõi chúng ta đã sa vào vòng vô tín ngưỡng, phải, trong một thời gian nhiều năm, và nhiều thế hệ sau ngày Đấng Mê Si xuất hiện trong thế xác cho con cái loài người trông thấy, thì lúc đó phúc âm trọn vẹn của Đấng Mê Si sẽ đến với Dân Ngoại, và từ Dân Ngoại truyền qua cho dòng dõi còn sót lại của chúng ta—

14      Và vào ngày đó, dòng dõi còn sót lại của chúng ta sẽ biết rằng, chúng thuộc về gia tộc Y Sơ Ra Ên, và chúng là dân giao ước của Chúa; và rồi chúng sẽ biết và hiểu được về tổ tiên của chúng, và chúng cũng hiểu được về phúc âm của Đấng Cứu Chuộc của chúng, là phúc âm đã được Ngài thuyết giảng cho tổ phụ chúng. Vậy nên chúng sẽ hiểu được về Đấng Cứu Chuộc của chúng và những điểm trung thực trong giáo lý của Ngài, ngõ hầu chúng có thể biết được cách thức đến cùng Ngài và được cứu.

15      Và rồi vào ngày ấy chúng sẽ chẳng vui mừng và tán mỹ Thượng Đế trường cửu của chúng, là đá và sự cứu rỗi của chúng hay sao? Phải, vào ngày ấy chúng sẽ chẳng nhận được sinh lực và sự dinh dưỡng từ cây nho thật hay sao? Phải, chúng sẽ chẳng đến cùng đàn chiên chân chính của Thượng Đế hay sao?

16      Này, tôi nói cho các anh hay, phải, chúng sẽ lại được nhắc nhở tới trong gia tộc Y Sơ Ra Ên; và vì chúng là một cành thiên nhiên của cây ô liu nên chúng sẽ được ghép vào một cây ô liu thật.

17      Và đó là điều mà cha chúng ta muốn nói; và ông muốn nói rằng việc ấy sẽ không xảy ra cho đến sau khi chúng bị Dân Ngoại phân tán; và ông muốn nói rằng, việc ấy sẽ do Dân Ngoại gây ra, để Chúa có thể tỏ quyền năng của Ngài cho Dân Ngoại biết, vì Ngài sẽ bị dân Do Thái hay gia tộc Y Sơ Ra Ên chối bỏ.

Behold, I say unto you, that the house of Israel was compared unto an olive tree, by the Spirit of the Lord which was in our father; and behold are we not broken off from the house of Israel, and are we not a branch of the house of Israel?

And now, the thing which our father meaneth concerning the grafting in of the natural branches through the fulness of the Gentiles, is, that in the latter days, when our seed shall have dwindled in unbelief, yea, for the space of many years, and many generations after the Messiah shall be manifested in body unto the children of men, then shall the fulness of the gospel of the Messiah come unto the Gentiles, and from the Gentiles unto the remnant of our seed—

And at that day shall the remnant of our seed know that they are of the house of Israel, and that they are the covenant people of the Lord; and then shall they know and come to the knowledge of their forefathers, and also to the knowledge of the gospel of their Redeemer, which was ministered unto their fathers by him; wherefore, they shall come to the knowledge of their Redeemer and the very points of his doctrine, that they may know how to come unto him and be saved.

And then at that day will they not rejoice and give praise unto their everlasting God, their rock and their salvation? Yea, at that day, will they not receive the strength and nourishment from the true vine? Yea, will they not come unto the true fold of God?

Behold, I say unto you, Yea; they shall be remembered again among the house of Israel; they shall be grafted in, being a natural branch of the olive tree, into the true olive tree.

And this is what our father meaneth; and he meaneth that it will not come to pass until after they are scattered by the Gentiles; and he meaneth that it shall come by way of the Gentiles, that the Lord may show his power unto the Gentiles, for the very cause that he shall be rejected of the Jews, or of the house of Israel.

18 Vậy nên, cha chúng ta không những chỉ nói riêng về dòng dõi của chúng ta mà còn nói đến tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên khi ông đề cập đến giao ước mà sẽ được thực hiện vào những ngày sau; là giao ước mà Chúa đã lập với tổ phụ Áp Ra Ham của chúng ta rằng: Nhờ dòng dõi người mà mọi dân trên thế gian này sẽ được phước.

19 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, đã nói rất nhiều cho họ nghe về những việc này; phải, tôi đã nói cho họ nghe về sự phục hồi dân Do Thái vào những ngày sau.

20 Và tôi đã nhắc lại cho họ nghe những lời nói của Ê Sai về sự phục hồi dân Do Thái, hay là gia tộc Y Sơ Ra Ên; và sau khi được phục hồi họ sẽ không còn bị lẫn lộn và phân tán nữa. Và chuyện rằng, tôi nói rất nhiều lời cho các anh tôi nghe làm họ trở nên ôn hòa và biết hạ mình trước mặt Chúa.

21 Và chuyện rằng, họ lại hỏi tôi rằng: Điều mà cha chúng ta trông thấy trong giấc mộng có nghĩa gì vậy? Cái cây mà ông thấy có nghĩa gì?

22 Và tôi đáp lại họ rằng: Đó là biểu tượng của cây sự sống.

23 Và họ nói với tôi: Thanh sắt dẫn đến bên cái cây mà cha chúng ta đã trông thấy có nghĩa gì vậy?

24 Và tôi nói với họ rằng đó là lời của Thượng Đế; và những ai biết nghe theo lời của Thượng Đế và biết giữ vững lời ấy thì sẽ không bao giờ bị diệt vong; và họ cũng không bị mù quáng bởi những cám dỗ cùng những tên lửa của kẻ thù nghịch khiến họ phải đi vào con đường hủy diệt.

25 Vậy nên, tôi, Nê Phi, đã khuyên nhủ họ phải biết chú tâm đến lời của Chúa; phải, tôi đã khuyên nhủ các anh tôi với tất cả tấm lòng nhiệt thành của tôi, cùng với tất cả khả năng mà tôi có, ngõ hầu họ biết chú tâm đến lời của Thượng Đế và nhớ luôn luôn tuân giữ những lệnh truyền của Ngài trong mọi sự việc.

26 Và họ nói với tôi: Dòng sông có nước mà cha chúng ta trông thấy có nghĩa gì vậy?

Wherefore, our father hath not spoken of our seed alone, but also of all the house of Israel, pointing to the covenant which should be fulfilled in the latter days; which covenant the Lord made to our father Abraham, saying: In thy seed shall all the kindreds of the earth be blessed.

And it came to pass that I, Nephi, spake much unto them concerning these things; yea, I spake unto them concerning the restoration of the Jews in the latter days.

And I did rehearse unto them the words of Isaiah, who spake concerning the restoration of the Jews, or of the house of Israel; and after they were restored they should no more be confounded, neither should they be scattered again. And it came to pass that I did speak many words unto my brethren, that they were pacified and did humble themselves before the Lord.

And it came to pass that they did speak unto me again, saying: What meaneth this thing which our father saw in a dream? What meaneth the tree which he saw?

And I said unto them: It was a representation of the tree of life.

And they said unto me: What meaneth the rod of iron which our father saw, that led to the tree?

And I said unto them that it was the word of God; and whoso would hearken unto the word of God, and would hold fast unto it, they would never perish; neither could the temptations and the fiery darts of the adversary overpower them unto blindness, to lead them away to destruction.

Wherefore, I, Nephi, did exhort them to give heed unto the word of the Lord; yea, I did exhort them with all the energies of my soul, and with all the faculty which I possessed, that they would give heed to the word of God and remember to keep his commandments always in all things.

And they said unto me: What meaneth the river of water which our father saw?

- 27 Và tôi nói với họ rằng dòng nước mà cha tôi trông thấy là sự dơ bẩn; vì tâm trí của ông quá bận rộn về các điều khác nên ông không trông thấy được sự dơ bẩn của dòng nước.
- 28 Và tôi nói với họ rằng đó là một vực thẳm ghê gớm làm tách rời những kẻ độc ác ra khỏi cây sự sống, và cũng tách rời luôn cả những thánh đồ của Thượng Đế nữa.
- 29 Và tôi nói với họ rằng đó là biểu tượng của ngục giới ghê sợ, là nơi mà thiên sứ bảo tôi rằng đã được chuẩn bị cho những kẻ độc ác.
- 30 Và tôi nói với họ rằng cha chúng ta còn trông thấy công lý của Thượng Đế đã chia cách kẻ ác với người ngay chính; và sự sáng chói của nó giống như sự sáng chói của ngọn lửa sáng rực bốc lên cao tới tận Thượng Đế mãi mãi và đời đời, không bao giờ ngừng.
- 31 Và họ nói với tôi: Có phải điều này có nghĩa là sự thống khổ của thể xác trong những ngày thử thách, hay nó có nghĩa là trạng thái cuối cùng của linh hồn sau khi thể xác thể tục đã chết, hay điều ấy chỉ về những việc của thể tục?
- 32 Và chuyện rằng, tôi nói với họ rằng, điều đó tượng trưng cho cả những điều thể tục lẫn thuộc linh; vì khi ngày ấy đến, họ phải bị phán xét về việc làm của mình; phải, những việc do thể xác thể tục đã làm trong những ngày thử thách của họ.
- 33 Vậy nên, nếu họ chết trong sự độc ác của mình thì họ cũng sẽ bị khai trừ khỏi những sự việc thuộc linh thuộc về sự ngay chính; vậy nên họ phải bị đem đến đứng trước mặt Thượng Đế để được phán xét theo những việc làm của mình. Và nếu những việc làm của họ ô uế thì đương nhiên họ phải ô uế; và một khi họ ô uế thì họ không thể nào ở trong vương quốc của Thượng Đế được, vì nếu không như vậy thì vương quốc của Thượng Đế cũng bị ô uế.
- 34 Nhưng này, tôi nói cho các anh hay, vương quốc của Thượng Đế không ô uế, và không có một vật gì dơ bẩn có thể đi vào vương quốc của Thượng Đế được; vậy nên, cần phải có một chỗ ô uế được chuẩn bị sẵn cho những gì ô uế.

And I said unto them that the water which my father saw was filthiness; and so much was his mind swallowed up in other things that he beheld not the filthiness of the water.

And I said unto them that it was an awful gulf, which separated the wicked from the tree of life, and also from the saints of God.

And I said unto them that it was a representation of that awful hell, which the angel said unto me was prepared for the wicked.

And I said unto them that our father also saw that the justice of God did also divide the wicked from the righteous; and the brightness thereof was like unto the brightness of a flaming fire, which ascendeth up unto God forever and ever, and hath no end.

And they said unto me: Doth this thing mean the torment of the body in the days of probation, or doth it mean the final state of the soul after the death of the temporal body, or doth it speak of the things which are temporal?

And it came to pass that I said unto them that it was a representation of things both temporal and spiritual; for the day should come that they must be judged of their works, yea, even the works which were done by the temporal body in their days of probation.

Wherefore, if they should die in their wickedness they must be cast off also, as to the things which are spiritual, which are pertaining to righteousness; wherefore, they must be brought to stand before God, to be judged of their works; and if their works have been filthiness they must needs be filthy; and if they be filthy it must needs be that they cannot dwell in the kingdom of God; if so, the kingdom of God must be filthy also.

But behold, I say unto you, the kingdom of God is not filthy, and there cannot any unclean thing enter into the kingdom of God; wherefore there must needs be a place of filthiness prepared for that which is filthy.



35 Và có một chỗ đã được chuẩn bị sẵn, phải, chỗ đó chính là ngục giới gồm ghê kia mà tôi đã nói tới, và quỷ dữ là kẻ chuẩn bị của nó. Vậy nên trạng thái cuối cùng của linh hồn loài người là được ở trong vương quốc của Thượng Đế, hay là bị khai trừ bởi công lý mà tôi đã nói đến.

36 Vậy nên, những kẻ độc ác đều bị tách ra khỏi những người ngay chính, và cũng ra khỏi cây sự sống là cây có những trái quý giá và được hấp dẫn hơn hết thảy mọi thứ trái khác; phải, và đó là một ân tứ lớn lao hơn hết thảy mọi ân tứ khác của Thượng Đế. Và tôi đã nói vậy với các anh tôi. Amen.

And there is a place prepared, yea, even that awful hell of which I have spoken, and the devil is the preparator of it; wherefore the final state of the souls of men is to dwell in the kingdom of God, or to be cast out because of that justice of which I have spoken.

Wherefore, the wicked are rejected from the righteous, and also from that tree of life, whose fruit is most precious and most desirable above all other fruits; yea, and it is the greatest of all the gifts of God. And thus I spake unto my brethren. Amen.

## 1 Nê Phi 16

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, sau khi tôi, Nê Phi, nói dứt lời với các anh tôi, này, họ bảo tôi rằng: Mây đã nặng lời với tội tao đến nỗi tội tao không thể nào chịu được.
- 2 Và chuyện rằng, tôi bèn nói với họ rằng tôi biết tôi đã nặng lời chống đối kẻ ác, đúng theo sự thật; và tôi đã biện minh cho những người ngay chính và làm chứng rằng họ sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng; vậy nên, những kẻ có tội lấy sự thật làm điều khốn khó, vì sự thật làm họ đau tận đáy lòng.
- 3 Và này, hỡi các anh, nếu quả các anh ngay chính và muốn nghe sự thật, cùng để tâm đến sự thật, ngõ hầu mình có thể bước đi ngay thẳng trước mặt Thượng Đế, thì các anh đã không tạ thán vì sự thật và bảo rằng: Mây nặng lời chống đối chúng tao.
- 4 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, đã chuyên tâm khuyên nhủ các anh tôi tuân giữ các lệnh truyền của Chúa.
- 5 Và chuyện rằng, họ đã biết hạ mình trước mặt Chúa, đến nỗi tôi đã vui mừng và có hy vọng lớn lao về họ là họ sẽ đi trong đường lối của sự ngay chính.
- 6 Này, tất cả những sự việc này đều đã được nói và làm khi cha tôi còn ở trong lều trong thung lũng mà ông đặt tên là Lê Mu Ên.
- 7 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, lấy một người con gái của Ích Ma Ên làm vợ; và các anh tôi cũng lấy các con gái của Ích Ma Ên làm vợ; còn Giô Ram thì lấy người con gái đầu lòng của Ích Ma Ên làm vợ.
- 8 Và như vậy là cha tôi đã làm tròn tất cả những lệnh truyền Chúa đã ban cho ông. Và tôi, Nê Phi, cũng đã được Chúa ban rất nhiều ơn phước.
- 9 Và chuyện rằng, tiếng nói của Chúa đã đến với cha tôi vào lúc ban đêm và truyền lệnh cho ông phải hành trình vào vùng hoang dã ngày hôm sau.

## 1 Nephi 16

And now it came to pass that after I, Nephi, had made an end of speaking to my brethren, behold they said unto me: Thou hast declared unto us hard things, more than we are able to bear.

And it came to pass that I said unto them that I knew that I had spoken hard things against the wicked, according to the truth; and the righteous have I justified, and testified that they should be lifted up at the last day; wherefore, the guilty taketh the truth to be hard, for it cutteth them to the very center.

And now my brethren, if ye were righteous and were willing to hearken to the truth, and give heed unto it, that ye might walk uprightly before God, then ye would not murmur because of the truth, and say: Thou speakest hard things against us.

And it came to pass that I, Nephi, did exhort my brethren, with all diligence, to keep the commandments of the Lord.

And it came to pass that they did humble themselves before the Lord; insomuch that I had joy and great hopes of them, that they would walk in the paths of righteousness.

Now, all these things were said and done as my father dwelt in a tent in the valley which he called Lemuel.

And it came to pass that I, Nephi, took one of the daughters of Ishmael to wife; and also, my brethren took of the daughters of Ishmael to wife; and also Zoram took the eldest daughter of Ishmael to wife.

And thus my father had fulfilled all the commandments of the Lord which had been given unto him. And also, I, Nephi, had been blessed of the Lord exceedingly.

And it came to pass that the voice of the Lord spake unto my father by night, and commanded him that on the morrow he should take his journey into the wilderness.

10 Và chuyện rằng, sáng hôm sau, khi cha tôi thức dậy bước ra cửa lều, ông rất đỗi ngạc nhiên khi thấy trên mặt đất một quả cầu chế tạo rất tinh vi và làm bằng đồng tốt. Và trên quả cầu có hai cây kim; và một trong hai cây kim đó chỉ phương hướng mà chúng tôi phải đi trong vùng hoang dã.

11 Và chuyện rằng, chúng tôi thu góp tất cả những vật gì chúng tôi cần phải mang đi vào vùng hoang dã, cùng tất cả những lương thực còn lại mà Chúa đã ban cho chúng tôi; chúng tôi còn đem theo những hạt giống đủ loại mà chúng tôi có thể mang theo được vào vùng hoang dã.

12 Và chuyện rằng chúng tôi mang theo lều rồi lên đường, băng qua sông La Man, tiến vào vùng hoang dã.

13 Và chuyện rằng, chúng tôi đã đi được bốn ngày, gần đúng theo hướng nam đông nam, và rồi chúng tôi lại dựng lều; và chúng tôi gọi chôn ấy là Sa Se.

14 Và chuyện rằng, chúng tôi lấy cung tên đi vào vùng hoang dã để săn thú kiếm lương thực cho gia đình mình; và sau khi săn thú kiếm được lương thực cho gia đình rồi, chúng tôi lại trở về cùng gia đình mình trong vùng hoang dã nơi mà chúng tôi gọi là Sa Se. Và rồi tất cả chúng tôi lại lên đường trong vùng hoang dã, chúng tôi đi theo hướng cũ, giữ lộ trình trong những vùng phì nhiêu nhất của vùng hoang dã, trong những vùng ranh giới gần Biển Đỏ.

15 Và chuyện rằng, chúng tôi đi như vậy trong nhiều ngày, vừa đi vừa săn thú kiếm lương thực với cung tên, đá và trành ném đá của chúng tôi.

16 Chúng tôi đi theo sự hướng dẫn của quả cầu, và quả cầu đã dẫn chúng tôi đến những vùng đất phì nhiêu hơn trong vùng hoang dã.

17 Và sau khi đi được nhiều ngày, chúng tôi dừng lại và dựng lều nghỉ ngơi một thời gian để lấy lại sức và kiếm thêm lương thực cho gia đình mình.

And it came to pass that as my father arose in the morning, and went forth to the tent door, to his great astonishment he beheld upon the ground a round ball of curious workmanship; and it was of fine brass. And within the ball were two spindles; and the one pointed the way whither we should go into the wilderness.

And it came to pass that we did gather together whatsoever things we should carry into the wilderness, and all the remainder of our provisions which the Lord had given unto us; and we did take seed of every kind that we might carry into the wilderness.

And it came to pass that we did take our tents and depart into the wilderness, across the river Laman.

And it came to pass that we traveled for the space of four days, nearly a south-southeast direction, and we did pitch our tents again; and we did call the name of the place Shazer.

And it came to pass that we did take our bows and our arrows, and go forth into the wilderness to slay food for our families; and after we had slain food for our families we did return again to our families in the wilderness, to the place of Shazer. And we did go forth again in the wilderness, following the same direction, keeping in the most fertile parts of the wilderness, which were in the borders near the Red Sea.

And it came to pass that we did travel for the space of many days, slaying food by the way, with our bows and our arrows and our stones and our slings.

And we did follow the directions of the ball, which led us in the more fertile parts of the wilderness.

And after we had traveled for the space of many days, we did pitch our tents for the space of a time, that we might again rest ourselves and obtain food for our families.

- 18 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, khi đi săn thú kiếm lương thực, này, tôi đã làm gãy cây cung làm bằng một thứ thép tốt; và sau khi tôi làm gãy cung, này, các anh tôi tức giận tôi vì tôi đã làm gãy cung nên chúng tôi không kiếm được lương thực.
- 19 Và chuyện rằng, chúng tôi đành trở về, không có lương thực cho gia đình mình, và vì đã bị mỏi mệt bởi cuộc hành trình, nên họ đã khổ sở nhiều vì thiếu lương thực.
- 20 Và chuyện rằng, La Man, Lê Mu Ên, cùng với những người con trai của Ích Ma Ên bắt đầu ta thán vô cùng vì những khốn khổ và những nỗi khổ cực của họ trong vùng hoang dã; và cha tôi cũng bắt đầu ta thán Chúa, Thượng Đế của ông; phải, và tất cả những người này đều rất buồn rầu đến nỗi họ đã ta thán Chúa.
- 21 Thế rồi, chuyện rằng, tôi, Nê Phi, cũng buồn khổ như các anh tôi về việc tôi làm gãy cung; và các cung của họ thì lại mất sức co giãn, nên việc kiếm lương thực bắt đầu rất khó khăn, phải đến nỗi chúng tôi không kiếm được chút lương thực nào.
- 22 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, nói rất nhiều với các anh tôi, vì họ lại chai đá trong lòng đến nỗi oán trách Chúa, Thượng Đế của họ.
- 23 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, làm một cái cung bằng gỗ và làm một mũi tên bằng một nhánh cây thẳng; vậy nên tôi đã tự trang bị cho mình cung tên, tránh và đá. Và tôi hỏi cha tôi rằng: Bây giờ con phải đi đâu để kiếm lương thực?
- 24 Và chuyện rằng, ông cầu vấn Chúa, vì nhờ lời nói của tôi mà họ đã biết hạ mình; vì tôi nói với họ rất nhiều điều với tất cả tấm lòng nhiệt thành của tôi.
- 25 Và chuyện rằng, tiếng nói của Chúa đã đến với cha tôi; và quả thật cha tôi đã bị khiển trách vì ông đã ta thán Chúa đến nỗi ông phải chịu đấm sâu trong vực thẳm buồn rầu.
- 26 Và chuyện rằng, tiếng nói của Chúa đến với ông rằng: Hãy nhìn trên quả cầu và xem những điều viết trên đó.

And it came to pass that as I, Nephi, went forth to slay food, behold, I did break my bow, which was made of fine steel; and after I did break my bow, behold, my brethren were angry with me because of the loss of my bow, for we did obtain no food.

And it came to pass that we did return without food to our families, and being much fatigued, because of their journeying, they did suffer much for the want of food.

And it came to pass that Laman and Lemuel and the sons of Ishmael did begin to murmur exceedingly, because of their sufferings and afflictions in the wilderness; and also my father began to murmur against the Lord his God; yea, and they were all exceedingly sorrowful, even that they did murmur against the Lord.

Now it came to pass that I, Nephi, having been afflicted with my brethren because of the loss of my bow, and their bows having lost their springs, it began to be exceedingly difficult, yea, insomuch that we could obtain no food.

And it came to pass that I, Nephi, did speak much unto my brethren, because they had hardened their hearts again, even unto complaining against the Lord their God.

And it came to pass that I, Nephi, did make out of wood a bow, and out of a straight stick, an arrow; wherefore, I did arm myself with a bow and an arrow, with a sling and with stones. And I said unto my father: Whither shall I go to obtain food?

And it came to pass that he did inquire of the Lord, for they had humbled themselves because of my words; for I did say many things unto them in the energy of my soul.

And it came to pass that the voice of the Lord came unto my father; and he was truly chastened because of his murmuring against the Lord, insomuch that he was brought down into the depths of sorrow.

And it came to pass that the voice of the Lord said unto him: Look upon the ball, and behold the things which are written.

27 Và chuyện rằng, khi cha tôi thấy những điều viết trên quả cầu ấy, ông đã sợ hãi và run lên bần bật, luôn cả các anh tôi và những người con trai của Ích Ma Ên và những người vợ của chúng tôi cũng vậy.

28 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, thấy rằng các cây kim trên quả cầu ấy đã hoạt động theo đức tin, sự chuyên tâm và sự chú ý của chúng tôi đối với chúng.

29 Và ở trên ấy được viết một lối văn tự mới rất dễ đọc, làm cho chúng tôi hiểu được những đường lối của Chúa; những chữ ấy được viết ra và thỉnh thoảng lại thay đổi theo đức tin và sự chuyên tâm của chúng tôi đối với nó. Và do đó, chúng tôi thấy được rằng, bằng những phương tiện nhỏ bé Chúa có thể đem lại những việc lớn lao.

30 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, đã đi lên đỉnh ngọn núi theo những sự chỉ dẫn được ban ra trên quả cầu.

31 Và chuyện rằng, tôi đã săn được dã thú, nhiều đến nỗi tôi đã kiếm được lương thực cho các gia đình chúng tôi.

32 Và chuyện rằng tôi trở về lều của chúng tôi, mang theo những con thú tôi đã săn được; và này, khi họ thấy tôi đã kiếm được lương thực, thì nỗi vui mừng của họ thật lớn lao xiết bao! Và chuyện rằng, họ đã biết hạ mình trước mặt Chúa, và dâng lời cảm tạ lên Ngài.

33 Và chuyện rằng, chúng tôi lại lên đường, hành trình theo gần đúng một hướng như lúc mới khởi hành; và sau khi đi được nhiều ngày, chúng tôi dừng lại dựng lều tạm trú một thời gian.

34 Và chuyện rằng, Ích Ma Ên qua đời, và được mai táng ở một nơi gọi là Na Hom.

35 Và chuyện rằng, các con gái của Ích Ma Ên khóc than rất nhiều vì mất cha và cũng vì những nỗi khổ cực của họ trong vùng hoang dã; và họ ta thán cha tôi vì ông đã đem họ ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, họ bảo rằng: Nay cha chúng tôi đã chết; phải, và chúng tôi đã lang thang quá lâu trong vùng hoang dã, chúng tôi đã chịu đựng quá nhiều nỗi khổ cực, đói khát, cùng mệt nhọc; và sau khi chịu đựng tất cả những nỗi thống khổ này, chúng tôi sẽ phải chết đói trong vùng hoang dã.

And it came to pass that when my father beheld the things which were written upon the ball, he did fear and tremble exceedingly, and also my brethren and the sons of Ishmael and our wives.

And it came to pass that I, Nephi, beheld the pointers which were in the ball, that they did work according to the faith and diligence and heed which we did give unto them.

And there was also written upon them a new writing, which was plain to be read, which did give us understanding concerning the ways of the Lord; and it was written and changed from time to time, according to the faith and diligence which we gave unto it. And thus we see that by small means the Lord can bring about great things.

And it came to pass that I, Nephi, did go forth up into the top of the mountain, according to the directions which were given upon the ball.

And it came to pass that I did slay wild beasts, in-somuch that I did obtain food for our families.

And it came to pass that I did return to our tents, bearing the beasts which I had slain; and now when they beheld that I had obtained food, how great was their joy! And it came to pass that they did humble themselves before the Lord, and did give thanks unto him.

And it came to pass that we did again take our journey, traveling nearly the same course as in the beginning; and after we had traveled for the space of many days we did pitch our tents again, that we might tarry for the space of a time.

And it came to pass that Ishmael died, and was buried in the place which was called Nahom.

And it came to pass that the daughters of Ishmael did mourn exceedingly, because of the loss of their father, and because of their afflictions in the wilderness; and they did murmur against my father, because he had brought them out of the land of Jerusalem, saying: Our father is dead; yea, and we have wandered much in the wilderness, and we have suffered much affliction, hunger, thirst, and fatigue; and after all these sufferings we must perish in the wilderness with hunger.

- 36 Và họ đã ta thán cha tôi như vậy, và ta thán luôn cả tôi nữa; và họ mong muốn trở về Giê Ru Sa Lem.
- 37 Và La Man bảo Lê Mu Ên cùng những người con trai của Ích Ma Ên rằng: Nay, chúng ta hãy giết cha đi, cả đứa em chúng ta là Nê Phi nữa, nó đã tự tôn làm người cai trị và người giảng dạy chúng ta, trong khi chúng ta là anh nó.
- 38 Giờ đây, nó nói rằng Chúa đã nói chuyện với nó, và rằng các thiên sứ cũng đã phục sự nó nữa. Nhưng này, chúng ta biết nó đã nói dối với chúng ta; nó đã nói với chúng ta những điều này, và nó còn làm nhiều điều do tài xảo trá của nó để đánh lừa con mắt chúng ta, với hy vọng có thể dẫn dắt chúng ta đến vùng hoang dã xa lạ; và sau khi đã dắt chúng ta đi xa nó còn nghĩ rằng nó sẽ tự phong mình làm vua và làm người cai trị chúng ta để nó có thể làm gì chúng ta tùy theo ý muốn và sự vui thích của nó. Và theo cách đó mà anh tôi là La Man đã khích động lòng tức giận của họ.
- 39 Và chuyện rằng, Chúa đã ở cùng chúng tôi, phải, tiếng nói của Chúa đã đến và nói với họ nhiều điều, và đã sửa phạt họ hết sức nghiêm khắc; và sau khi bị tiếng nói của Chúa khiển trách họ liền nguôi cơn tức giận và hối cải tội lỗi của mình, khiến Chúa lại ban phước cho chúng tôi với lương thực để chúng tôi khỏi bị chết.

And thus they did murmur against my father, and also against me; and they were desirous to return again to Jerusalem.

And Laman said unto Lemuel and also unto the sons of Ishmael: Behold, let us slay our father, and also our brother Nephi, who has taken it upon him to be our ruler and our teacher, who are his elder brethren.

Now, he says that the Lord has talked with him, and also that angels have ministered unto him. But behold, we know that he lies unto us; and he tells us these things, and he worketh many things by his cunning arts, that he may deceive our eyes, thinking, perhaps, that he may lead us away into some strange wilderness; and after he has led us away, he has thought to make himself a king and a ruler over us, that he may do with us according to his will and pleasure. And after this manner did my brother Laman stir up their hearts to anger.

And it came to pass that the Lord was with us, yea, even the voice of the Lord came and did speak many words unto them, and did chasten them exceedingly; and after they were chastened by the voice of the Lord they did turn away their anger, and did repent of their sins, insomuch that the Lord did bless us again with food, that we did not perish.

## 1 Nê Phi 17

- 1 Và chuyện rằng, chúng tôi lại hành trình vào vùng hoang dã; và từ lúc đó trở đi chúng tôi đi gần hướng chính đông. Trong cuộc hành trình chúng tôi đã trải qua nhiều nỗi khổ cực trong vùng hoang dã, và vợ của chúng tôi cũng đã sinh con trong vùng hoang dã.
- 2 Những phước lành của Chúa đã ban cho chúng tôi thật lớn lao thay, vì trong lúc chúng tôi đã sống nhờ vào thịt sống ở trong vùng hoang dã, vợ của chúng tôi lại có đầy đủ sữa cho con bú, và rất mạnh khỏe, phải, họ mạnh như đàn ông; và họ bắt đầu chịu đựng cuộc hành trình mà không ta thán.
- 3 Do đó chúng tôi thấy rằng những lệnh truyền của Thượng Đế phải được thi hành trọn vẹn. Và nếu con cái của loài người tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế thì Ngài sẽ nuôi dưỡng họ, làm tăng thêm sức mạnh cho họ, và cung cấp cho họ những phương tiện để nhờ đó có thể thực hiện được điều Ngài đã ra lệnh cho họ; vậy nên Ngài đã cung cấp cho chúng tôi phương tiện trong lúc chúng tôi tạm trú trong vùng hoang dã.
- 4 Và chúng tôi đã ở như vậy nhiều năm, phải, chúng tôi đã ở tám năm trong vùng hoang dã.
- 5 Và rồi chúng tôi đến được một vùng đất mà chúng tôi gọi là Phong Phú, vì chỗ ấy có nhiều trái cây và nhiều mật; và tất cả những vật này đã được Chúa chuẩn bị sẵn để chúng tôi khỏi chết. Và chúng tôi trông thấy biển, và chúng tôi gọi biển ấy là Y Rê An Tum, có nghĩa là nhiều mặt nước.
- 6 Và chuyện rằng, chúng tôi dựng lều cạnh bờ biển; và mặc dầu đã trải qua nhiều khổ cực và gian truân, phải, nhiều đến nỗi chúng tôi không thể nào viết hết ra đây được, chúng tôi rất vui sướng khi được đến bên bờ biển; và chúng tôi gọi chỗ ấy là Phong Phú, vì có nhiều trái cây.
- 7 Và chuyện rằng, sau khi tôi, Nê Phi, ở tại đất Phong Phú được nhiều ngày, thì tiếng nói của Chúa lại đến với tôi mà rằng: Người hãy trở dậy và đi vào núi. Và chuyện rằng, tôi bèn trở dậy đi lên núi và kêu cầu Chúa.

## 1 Nephi 17

And it came to pass that we did again take our journey in the wilderness; and we did travel nearly eastward from that time forth. And we did travel and wade through much affliction in the wilderness; and our women did bear children in the wilderness.

And so great were the blessings of the Lord upon us, that while we did live upon raw meat in the wilderness, our women did give plenty of suck for their children, and were strong, yea, even like unto the men; and they began to bear their journeyings without murmurings.

And thus we see that the commandments of God must be fulfilled. And if it so be that the children of men keep the commandments of God he doth nourish them, and strengthen them, and provide means whereby they can accomplish the thing which he has commanded them; wherefore, he did provide means for us while we did sojourn in the wilderness.

And we did sojourn for the space of many years, yea, even eight years in the wilderness.

And we did come to the land which we called Bountiful, because of its much fruit and also wild honey; and all these things were prepared of the Lord that we might not perish. And we beheld the sea, which we called Irreantum, which, being interpreted, is many waters.

And it came to pass that we did pitch our tents by the seashore; and notwithstanding we had suffered many afflictions and much difficulty, yea, even so much that we cannot write them all, we were exceedingly rejoiced when we came to the seashore; and we called the place Bountiful, because of its much fruit.

And it came to pass that after I, Nephi, had been in the land of Bountiful for the space of many days, the voice of the Lord came unto me, saying: Arise, and get thee into the mountain. And it came to pass that I arose and went up into the mountain, and cried unto the Lord.

- 8 Và chuyện rằng, Chúa bảo tôi rằng: Người phải đóng một chiếc tàu, theo cách ta sẽ chỉ cho người, để ta có thể đem dân của người vượt qua biển này.
- 9 Và tôi thưa rằng: Thưa Chúa, con phải đi đâu kiếm khoáng kim để nấu cho chảy ra, ngõ hầu con có thể làm những dụng cụ đóng tàu theo như cách Ngài đã chỉ cho con?
- 10 Và chuyện rằng, Chúa đã chỉ cho tôi chỗ đến lấy khoáng kim để tôi có thể làm dụng cụ.
- 11 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, làm một cái bể thổi bằng da thú để thổi lửa; và sau khi tôi đã làm bể thổi lửa xong, tôi lấy hai viên đá đập vào nhau để lấy lửa.
- 12 Vì cho đến bấy giờ, Chúa chưa cho phép chúng tôi dùng lửa nhiều khi hành trình trong vùng hoang dã, vì Ngài phán rằng: Ta sẽ làm cho thực phẩm của các người trở nên ngon ngọt để các người khỏi cần phải nấu nướng;
- 13 Và ta cũng sẽ là ánh sáng cho các người trong vùng hoang dã nữa; và ta sẽ sửa soạn con đường trước cho các người, nếu các người tuân giữ các lệnh truyền của ta. Vậy nên, chừng nào các người còn tuân giữ các lệnh truyền của ta thì các người sẽ được dẫn dắt đến đất hứa; và các người sẽ biết rằng chính nhờ ta mà các người được dẫn đi.
- 14 Phải, và Chúa còn phán rằng: Sau khi đã đến được đất hứa rồi, các người sẽ biết rằng, ta, Chúa, là Thượng Đế; và ta, Chúa, đã giải cứu các người khỏi bị hủy diệt; phải, chính ta đã đem các người ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem.
- 15 Vậy nên, tôi, Nê Phi, đã cố gắng tuân giữ những lệnh truyền của Chúa; và tôi cũng khuyên nhủ các anh tôi phải thành tín và cần mẫn.
- 16 Và chuyện rằng, tôi làm được những dụng cụ với khoáng kim mà tôi đã nấu chảy ra từ trong đá.
- 17 Và khi các anh tôi thấy tôi sắp sửa đóng một chiếc tàu, họ lại bắt đầu ta thán tôi mà rằng: Đứa em của chúng ta là một kẻ điên rồ, vì nó tưởng rằng nó có thể đóng được một chiếc tàu; phải, và nó còn tưởng rằng nó có thể vượt qua được những biển cả này.

And it came to pass that the Lord spake unto me, saying: Thou shalt construct a ship, after the manner which I shall show thee, that I may carry thy people across these waters.

And I said: Lord, whither shall I go that I may find ore to molten, that I may make tools to construct the ship after the manner which thou hast shown unto me?

And it came to pass that the Lord told me whither I should go to find ore, that I might make tools.

And it came to pass that I, Nephi, did make a bellows wherewith to blow the fire, of the skins of beasts; and after I had made a bellows, that I might have wherewith to blow the fire, I did smite two stones together that I might make fire.

For the Lord had not hitherto suffered that we should make much fire, as we journeyed in the wilderness; for he said: I will make thy food become sweet, that ye cook it not;

And I will also be your light in the wilderness; and I will prepare the way before you, if it so be that ye shall keep my commandments; wherefore, inasmuch as ye shall keep my commandments ye shall be led towards the promised land; and ye shall know that it is by me that ye are led.

Yea, and the Lord said also that: After ye have arrived in the promised land, ye shall know that I, the Lord, am God; and that I, the Lord, did deliver you from destruction; yea, that I did bring you out of the land of Jerusalem.

Wherefore, I, Nephi, did strive to keep the commandments of the Lord, and I did exhort my brethren to faithfulness and diligence.

And it came to pass that I did make tools of the ore which I did molten out of the rock.

And when my brethren saw that I was about to build a ship, they began to murmur against me, saying: Our brother is a fool, for he thinketh that he can build a ship; yea, and he also thinketh that he can cross these great waters.



18 Và đó là những điều mà các anh tôi đã ta thán tôi, và họ muốn rằng họ không phải lao nhọc, vì họ không tin là tôi có thể đóng được một chiếc tàu; và họ cũng không tin rằng tôi đã nhận được chỉ thị của Chúa.

19 Và giờ đây chuyện rằng, tôi, Nê Phi, hết sức buồn rầu vì lòng dạ chai đá của họ; và giờ đây, khi họ thấy tôi bắt đầu buồn phiền thì họ sung sướng trong lòng, đến nỗi họ lấy làm vui mừng về việc đó mà nói rằng: Chúng tao biết mày không thể đóng được một chiếc tàu, vì chúng tao biết mày còn thiếu suy xét; vậy nên mày không thể thực hiện được một việc lớn lao như vậy.

20 Và mày giống cha chúng ta, đã bị lạc lối vì óc tưởng tượng điên rồ của mình; phải, ông đã dẫn chúng ta ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, và chúng ta đã lưu lạc trong vùng hoang dã biết bao năm rồi; và vợ chúng ta đã làm việc nhọc nhằn trong khi thai nghén; và họ đã sinh con trong vùng hoang dã và chịu đựng tất cả mọi điều, chỉ trừ cái chết. Thà rằng để họ chết trước khi rời khỏi Giê Ru Sa Lem còn hơn là phải chịu đựng những nỗi khổ cực như vậy.

21 Nay, lẽ ra chúng ta đã được sung sướng hưởng thụ những của cải và đất thừa hưởng của mình; phải, và có thể chúng ta đã hạnh phúc biết bao, thay vì phải chịu đựng khốn khổ trong vùng hoang dã trong nhiều năm qua.

22 Và chúng ta biết rằng, những người ở xứ Giê Ru Sa Lem là những người ngay chính; vì họ đã tuân giữ các luật lệ, các mạng lệnh của Chúa, và tất cả các giáo lệnh của Ngài theo luật pháp Môi Se; vậy nên, chúng ta biết rằng họ là những người ngay chính; vậy mà cha chúng ta đã xét đoán họ, và dẫn chúng ta ra đi, vì chúng ta đã nghe theo những lời của ông; phải, và đứa em chúng ta cũng giống như ông. Và với luận điệu này, các anh tôi đã ta thán và oán trách chúng tôi.

23 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, nói với họ rằng: Các anh có tin rằng tổ phụ chúng ta, tức con cái của Y Sơ Ra Ên, đã được giải cứu khỏi tay quân Ai Cập nếu họ không nghe theo lời của Chúa sao?

And thus my brethren did complain against me, and were desirous that they might not labor, for they did not believe that I could build a ship; neither would they believe that I was instructed of the Lord.

And now it came to pass that I, Nephi, was exceedingly sorrowful because of the hardness of their hearts; and now when they saw that I began to be sorrowful they were glad in their hearts, in-somuch that they did rejoice over me, saying: We knew that ye could not construct a ship, for we knew that ye were lacking in judgment; wherefore, thou canst not accomplish so great a work.

And thou art like unto our father, led away by the foolish imaginations of his heart; yea, he hath led us out of the land of Jerusalem, and we have wandered in the wilderness for these many years; and our women have toiled, being big with child; and they have borne children in the wilderness and suffered all things, save it were death; and it would have been better that they had died before they came out of Jerusalem than to have suffered these afflictions.

Behold, these many years we have suffered in the wilderness, which time we might have enjoyed our possessions and the land of our inheritance; yea, and we might have been happy.

And we know that the people who were in the land of Jerusalem were a righteous people; for they kept the statutes and judgments of the Lord, and all his commandments, according to the law of Moses; wherefore, we know that they are a righteous people; and our father hath judged them, and hath led us away because we would hearken unto his words; yea, and our brother is like unto him. And after this manner of language did my brethren murmur and complain against us.

And it came to pass that I, Nephi, spake unto them, saying: Do ye believe that our fathers, who were the children of Israel, would have been led away out of the hands of the Egyptians if they had not hearkened unto the words of the Lord?

- 24 Phải, các anh có cho rằng, họ cũng đã được dẫn dắt thoát vòng nô lệ, nếu Chúa không truyền lệnh cho Môi Se phải dẫn dắt họ ra khỏi vòng nô lệ chẳng?
- 25 Nay, các anh biết rằng các con cái của Y Sơ Ra Ên bị cảnh nô lệ, và các anh cũng biết rằng họ bị bắt phải làm những việc nặng nề, khó mà chịu đựng nổi; vậy nên, các anh biết rằng, một điều tốt cần phải xảy ra cho họ là họ phải được giải thoát khỏi vòng nô lệ.
- 26 Nay, các anh biết rằng, Môi Se được Chúa truyền lệnh phải thi hành công việc vĩ đại ấy; và các anh biết rằng, do lời nói của ông nước Biển Đỏ đã rẽ làm đôi từ bên này qua bên kia, và họ đi qua như đi trên đất liền khô ráo.
- 27 Nhưng các anh biết rằng, dân Ai Cập, tức là quân của Pha Ra Ôn, đã chết đuối trong Biển Đỏ.
- 28 Và các anh cũng biết rằng, họ được nuôi dưỡng bằng ma na trong vùng hoang dã.
- 29 Phải, và các anh cũng biết rằng, Môi Se, do lời nói của mình thể theo quyền năng của Thượng Đế hằng có trong ông, đã đánh vào đá và làm nước chảy ra để con cái của Y Sơ Ra Ên uống cho khỏi khát.
- 30 Và không những họ được dẫn dắt đi, mà Chúa, Thượng Đế của họ, Đấng Cứu Chuộc của họ, còn đi trước mặt họ, hướng dẫn họ ban ngày, và ban cho họ ánh sáng ban đêm, và làm tất cả mọi việc cho họ, những việc thích hợp cho loài người thụ nhận; vậy mà họ chai đá trong lòng, và mù quáng trong trí, nên đã thóa mạ Môi Se và Đấng Thượng Đế chân thật và hằng sống.
- 31 Và chuyện rằng, theo lời Ngài, Ngài đã hủy diệt họ; và cũng theo lời Ngài, Ngài dẫn dắt họ đi; và theo lời Ngài, Ngài làm mọi việc cho họ; và không có một điều gì được thực hiện trừ phi do lời Ngài.
- 32 Và sau khi họ vượt qua được sông Giô Đanh, Ngài đã làm cho họ trở nên hùng mạnh để đánh đuổi dân bản xứ, phải, khiến dân ấy chạy tứ tán đến nỗi bị diệt vong.

Yea, do ye suppose that they would have been led out of bondage, if the Lord had not commanded Moses that he should lead them out of bondage?

Now ye know that the children of Israel were in bondage; and ye know that they were laden with tasks, which were grievous to be borne; wherefore, ye know that it must needs be a good thing for them, that they should be brought out of bondage.

Now ye know that Moses was commanded of the Lord to do that great work; and ye know that by his word the waters of the Red Sea were divided hither and thither, and they passed through on dry ground.

But ye know that the Egyptians were drowned in the Red Sea, who were the armies of Pharaoh.

And ye also know that they were fed with manna in the wilderness.

Yea, and ye also know that Moses, by his word according to the power of God which was in him, smote the rock, and there came forth water, that the children of Israel might quench their thirst.

And notwithstanding they being led, the Lord their God, their Redeemer, going before them, leading them by day and giving light unto them by night, and doing all things for them which were expedient for man to receive, they hardened their hearts and blinded their minds, and reviled against Moses and against the true and living God.

And it came to pass that according to his word he did destroy them; and according to his word he did lead them; and according to his word he did do all things for them; and there was not any thing done save it were by his word.

And after they had crossed the river Jordan he did make them mighty unto the driving out of the children of the land, yea, unto the scattering them to destruction.

33 Và giờ đây, các anh có cho rằng, dân bản xứ này, là những người ở trên đất hứa, tức là dân đã bị tổ phụ chúng ta đánh đuổi, các anh có cho rằng họ là những người ngay chính không? Nay, tôi nói cho các anh hay: Không.

34 Các anh có cho rằng tổ phụ chúng ta đã được ưu đãi hơn họ nếu họ là những người ngay chính không? Tôi nói cho các anh hay: Không.

35 Nay, Chúa xem mọi xác thịt như nhau; kẻ nào ngay chính thì được Thượng Đế ưu đãi. Nhưng này, dân này đã bác bỏ mọi lời của Thượng Đế, và họ đã chín muồi trong sự bất chính; và cơn thịnh nộ tràn đầy của Thượng Đế đã trút xuống họ; và Chúa đã rửa sả đất vì họ và ban phước đất ấy cho tổ phụ chúng ta; phải, Ngài đã rửa sả đất để họ bị diệt vong, và Ngài đã ban phước cho tổ phụ chúng ta để họ có quyền thống trị trên đất ấy.

36 Nay, Chúa đã sáng tạo ra trái đất để trái đất có người trú ngụ; và Ngài đã sáng tạo ra con cái của Ngài để họ chiếm ngụ trái đất.

37 Và Ngài dựng lên một quốc gia ngay chính, và hủy diệt những quốc gia có dân độc ác.

38 Và Ngài dẫn dắt người ngay chính đến những vùng đất quý, còn những kẻ ác thì Ngài hủy diệt, và rửa sả đất vì họ.

39 Ngài ngự trị trên các tầng trời cao, vì đó là ngai của Ngài, và trái đất này là bệ gác chân của Ngài.

40 Và Ngài yêu thương những kẻ nào muốn chọn Ngài làm Thượng Đế của họ. Nay, Ngài đã thương yêu tổ phụ chúng ta, và Ngài đã giao ước với họ, phải, với Áp Ra Ham, Y Sác, và Gia Cốp; và Ngài đã ghi nhớ những giao ước mà Ngài đã lập; vậy nên, Ngài đã đem họ ra khỏi xứ Ai Cập.

41 Và trong vùng hoang dã Ngài đã trừng trị họ với cây roi của Ngài; vì họ chai đá trong lòng như các anh đã chai đá trong lòng vậy; và Chúa đã trừng trị họ vì sự bất chính của họ. Ngài sai những con rắn lửa bay xuống ở giữa họ; và sau khi họ bị rắn cắn, Ngài đã sửa soạn cách thức cho họ được chữa lành; và công việc mà họ phải làm là chỉ cần nhìn mà thôi, nhưng vì cách thức quá giản dị, hay quá dễ dàng, nên có nhiều người đã chết.

And now, do ye suppose that the children of this land, who were in the land of promise, who were driven out by our fathers, do ye suppose that they were righteous? Behold, I say unto you, Nay.

Do ye suppose that our fathers would have been more choice than they if they had been righteous? I say unto you, Nay.

Behold, the Lord esteemeth all flesh in one; he that is righteous is favored of God. But behold, this people had rejected every word of God, and they were ripe in iniquity; and the fulness of the wrath of God was upon them; and the Lord did curse the land against them, and bless it unto our fathers; yea, he did curse it against them unto their destruction, and he did bless it unto our fathers unto their obtaining power over it.

Behold, the Lord hath created the earth that it should be inhabited; and he hath created his children that they should possess it.

And he raiseth up a righteous nation, and destroyeth the nations of the wicked.

And he leadeth away the righteous into precious lands, and the wicked he destroyeth, and curseth the land unto them for their sakes.

He ruleth high in the heavens, for it is his throne, and this earth is his footstool.

And he loveth those who will have him to be their God. Behold, he loved our fathers, and he covenanted with them, yea, even Abraham, Isaac, and Jacob; and he remembered the covenants which he had made; wherefore, he did bring them out of the land of Egypt.

And he did straiten them in the wilderness with his rod; for they hardened their hearts, even as ye have; and the Lord straitened them because of their iniquity. He sent fiery flying serpents among them; and after they were bitten he prepared a way that they might be healed; and the labor which they had to perform was to look; and because of the simpleness of the way, or the easiness of it, there were many who perished.

42 Đôi khi họ lại chai đá trong lòng, và thóa mạ Môi Se và cả Thượng Đế nữa; tuy nhiên, các anh biết rằng, họ đã được dẫn dắt đến đất hứa nhờ quyền năng vô song của Ngài.

43 Và này, sau khi tất cả những sự việc này thì đã đến lúc họ trở nên độc ác; phải, gần như đã quá chín muồi; và tôi không biết rõ là đến ngày nay họ đã gần bị hủy diệt chưa; vì tôi biết rằng cái ngày đó chắc chắn phải đến để họ bị hủy diệt, chỉ trừ một số ít bị dẫn đi vào cảnh tù đày.

44 Vậy nên, Chúa đã truyền lệnh cho cha tôi phải ra đi vào vùng hoang dã; và dân Do Thái cũng tìm cách lấy mạng sống của ông; phải, và các anh cũng tìm cách lấy mạng sống của ông; vậy nên, trong thâm tâm các anh là những kẻ sát nhân và các anh cũng giống như họ vậy.

45 Các anh nhạy làm điều bất chính, nhưng chậm nhớ đến Chúa, Thượng Đế của các anh. Các anh đã thấy một thiên sứ, và vị ấy đã ngỏ lời cùng các anh; phải, đôi khi các anh có nghe tiếng nói của vị ấy; và vị ấy đã nói với các anh bằng một tiếng nói nhỏ nhẹ êm ái, nhưng vì các anh đã mất hết cảm giác đến đối các anh không còn cảm thấy lời nói của vị ấy nữa; vậy nên, vị ấy đã phải nói với các anh bằng một giọng vang rền như tiếng sấm sét, khiến đất phải rung chuyển như sắp vỡ tan.

46 Và các anh cũng biết rằng, với sức mạnh của lời nói toàn năng của Chúa, Chúa có thể khiến quả đất này tan biến; phải, và các anh biết rằng, bằng lời nói, Ngài có thể khiến cho những nơi gập ghềnh trở nên bằng phẳng và khiến những nơi bằng phẳng trở nên nứt rạn. Hỡi ôi, vậy thì, sao các anh lại có thể quá chai đá trong lòng như vậy?

47 Này, tâm hồn tôi bị cấu xé bởi bao nỗi lo âu vì các anh, còn tim tôi thì đau nhói. Tôi sợ rằng, các anh sẽ bị loại trừ mãi mãi. Này, tôi đang được đầy dẫy Thánh Linh của Thượng Đế, đến nỗi thể xác tôi như mất hết sức lực.

And they did harden their hearts from time to time, and they did revile against Moses, and also against God; nevertheless, ye know that they were led forth by his matchless power into the land of promise.

And now, after all these things, the time has come that they have become wicked, yea, nearly unto ripeness; and I know not but they are at this day about to be destroyed; for I know that the day must surely come that they must be destroyed, save a few only, who shall be led away into captivity.

Wherefore, the Lord commanded my father that he should depart into the wilderness; and the Jews also sought to take away his life; yea, and ye also have sought to take away his life; wherefore, ye are murderers in your hearts and ye are like unto them.

Ye are swift to do iniquity but slow to remember the Lord your God. Ye have seen an angel, and he spake unto you; yea, ye have heard his voice from time to time; and he hath spoken unto you in a still small voice, but ye were past feeling, that ye could not feel his words; wherefore, he has spoken unto you like unto the voice of thunder, which did cause the earth to shake as if it were to divide asunder.

And ye also know that by the power of his almighty word he can cause the earth that it shall pass away; yea, and ye know that by his word he can cause the rough places to be made smooth, and smooth places shall be broken up. O, then, why is it, that ye can be so hard in your hearts?

Behold, my soul is rent with anguish because of you, and my heart is pained; I fear lest ye shall be cast off forever. Behold, I am full of the Spirit of God, insomuch that my frame has no strength.

48 Và giờ đây, chuyện rằng, khi tôi nói xong những lời này, họ liền tức giận tôi, và muốn đem tôi liệng xuống lòng biển sâu; và vừa khi họ bước tới định nắm lấy tôi, thì tôi nói với họ rằng: Trong danh Thượng Đế Toàn Năng, tôi ra lệnh cho các người không được đụng tới tôi, vì tôi được đầy dẫy quyền năng của Thượng Đế, đến độ thể xác tôi hầu như tan biến. Và kẻ nào động đến người tôi thì sẽ bị héo đi như cây sậy khô; và kẻ đó sẽ trở thành hư không trước quyền năng của Thượng Đế, vì Thượng Đế sẽ đánh kẻ đó.

49 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, bảo họ không nên ta thán cha mình nữa; và cũng không được từ chối công việc tôi nhờ cậy, vì Thượng Đế đã truyền lệnh cho tôi phải đóng một chiếc tàu.

50 Và tôi nói với họ rằng: Nếu Thượng Đế đã truyền lệnh cho tôi phải làm mọi việc ấy thì tôi có thể làm được hết. Nếu Ngài truyền lệnh cho tôi phải nói với nước biển này: Người hãy biến thành đất, thì nước này sẽ trở thành đất; và tôi nói thế nào thì việc đó sẽ trở thành thế ấy.

51 Và này, nếu Chúa đã có quyền năng vĩ đại như vậy, và Ngài đã làm biết bao nhiêu phép lạ cho con cái loài người, thì lẽ nào Ngài lại không thể chỉ dẫn tôi đóng một chiếc tàu được?

52 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, đã nói rất nhiều điều với các anh tôi, đến nỗi họ bị đuối lý, và không thể tranh chấp với tôi. Họ cũng không còn dám đặt tay lên người tôi hay lấy ngón tay đụng vào người tôi, ngay cả suốt nhiều ngày sau đó. Kìa, họ không dám làm như vậy là vì họ sợ sẽ bị khô héo trước mặt tôi, vì Thánh Linh của Thượng Đế hùng mạnh thay; và Ngài đã ảnh hưởng đến họ như vậy.

53 Và chuyện rằng, Chúa phán cùng tôi: Hãy đưa tay người ra cho các anh người lần nữa, và chúng sẽ không khô héo trước mặt người đâu, nhưng ta sẽ làm chấn động chúng, Chúa phán như vậy, và sở dĩ ta làm điều này là ta muốn để chúng biết rằng ta là Chúa, Thượng Đế của chúng.

54 Và chuyện rằng, tôi đưa tay ra cho các anh tôi, và họ không bị khô héo trước mặt tôi; nhưng Chúa đã làm chấn động họ theo như lời Ngài đã phán.

And now it came to pass that when I had spoken these words they were angry with me, and were desirous to throw me into the depths of the sea; and as they came forth to lay their hands upon me I spake unto them, saying: In the name of the Almighty God, I command you that ye touch me not, for I am filled with the power of God, even unto the consuming of my flesh; and whoso shall lay his hands upon me shall wither even as a dried reed; and he shall be as naught before the power of God, for God shall smite him.

And it came to pass that I, Nephi, said unto them that they should murmur no more against their father; neither should they withhold their labor from me, for God had commanded me that I should build a ship.

And I said unto them: If God had commanded me to do all things I could do them. If he should command me that I should say unto this water, be thou earth, it should be earth; and if I should say it, it would be done.

And now, if the Lord has such great power, and has wrought so many miracles among the children of men, how is it that he cannot instruct me, that I should build a ship?

And it came to pass that I, Nephi, said many things unto my brethren, insomuch that they were confounded and could not contend against me; neither durst they lay their hands upon me nor touch me with their fingers, even for the space of many days. Now they durst not do this lest they should wither before me, so powerful was the Spirit of God; and thus it had wrought upon them.

And it came to pass that the Lord said unto me: Stretch forth thine hand again unto thy brethren, and they shall not wither before thee, but I will shock them, saith the Lord, and this will I do, that they may know that I am the Lord their God.

And it came to pass that I stretched forth my hand unto my brethren, and they did not wither before me; but the Lord did shake them, even according to the word which he had spoken.

55      Và giờ đây, họ bảo rằng: Các anh biết chắc rằng Chúa ở với em, vì các anh biết rằng, quyền năng của Chúa đã chấn động các anh. Rồi họ phủ phục xuống trước mặt tôi và gần như sắp tôn thờ tôi, nhưng tôi đã cản họ lại mà bảo rằng: Tôi là em của các anh; phải, tôi nhỏ tuổi hơn các anh; vậy nên, xin các anh hãy tôn thờ Chúa, Thượng Đế của các anh; và hãy hiếu kính cha mẹ các anh để các anh sống được lâu dài trong xứ mà Chúa, Thượng Đế của các anh sẽ ban cho các anh.

And now, they said: We know of a surety that the Lord is with thee, for we know that it is the power of the Lord that has shaken us. And they fell down before me, and were about to worship me, but I would not suffer them, saying: I am thy brother, yea, even thy younger brother; wherefore, worship the Lord thy God, and honor thy father and thy mother, that thy days may be long in the land which the Lord thy God shall give thee.

## 1 Nê Phi 18

- 1 Và chuyện rằng, họ tôn thờ Chúa và đi với tôi; và chúng tôi sử dụng mộc liệu theo một phương thức khác thường. Và thính thoảng Chúa đã chỉ cho tôi cách sử dụng mộc liệu để đóng tàu.
- 2 Bây giờ, tôi, Nê Phi, không sử dụng mộc liệu theo cách thức mà con người đã học được, và tôi cũng không đóng tàu theo cách của loài người, nhưng tôi đóng tàu ấy theo cách thức Chúa đã chỉ dạy cho tôi; vậy nên tàu không đóng theo cách của loài người.
- 3 Và tôi, Nê Phi, thường đi lên núi, và thường cầu nguyện Chúa, vậy nên Chúa đã chỉ cho tôi biết nhiều điều vĩ đại.
- 4 Và chuyện rằng, sau khi tôi hoàn thành chiếc tàu, theo như lời của Chúa, các anh tôi thấy rằng tàu ấy rất tốt, cách kiến trúc của chiếc tàu rất đẹp, vậy nên, họ lại biết hạ mình trước mặt Chúa.
- 5 Và chuyện rằng, tiếng nói của Chúa đã đến với Cha tôi, bảo rằng chúng tôi phải đứng lên và đi xuống tàu.
- 6 Và chuyện rằng, đến ngày hôm sau, sau khi chúng tôi sửa soạn xong tất cả các thứ, nhiều trái cây và thịt từ vùng hoang dã, và rất nhiều mật, cùng các vật dự trữ theo lệnh của Chúa, chúng tôi đi xuống tàu và khiêng theo tất cả các vật dụng cùng các hạt giống, và tất cả những thứ gì mà chúng tôi đã đem theo trước kia, mỗi người tùy theo tuổi của mình; vậy nên chúng tôi đi xuống tàu cùng với vợ con chúng tôi.
- 7 Và giờ đây, cha tôi đã sinh được hai người con trai trong vùng hoang dã; người con lớn tên là Gia Cốp, và người con nhỏ tên là Giô Sép.
- 8 Và chuyện rằng, sau khi tất cả chúng tôi đã xuống tàu và đem theo các vật dự trữ mà chúng tôi được lệnh phải mang theo, chúng tôi liền cho tàu ra khơi, và được gió thổi hướng về đất hứa.

## 1 Nephi 18

And it came to pass that they did worship the Lord, and did go forth with me; and we did work timbers of curious workmanship. And the Lord did show me from time to time after what manner I should work the timbers of the ship.

Now I, Nephi, did not work the timbers after the manner which was learned by men, neither did I build the ship after the manner of men; but I did build it after the manner which the Lord had shown unto me; wherefore, it was not after the manner of men.

And I, Nephi, did go into the mount oft, and I did pray oft unto the Lord; wherefore the Lord showed unto me great things.

And it came to pass that after I had finished the ship, according to the word of the Lord, my brethren beheld that it was good, and that the workmanship thereof was exceedingly fine; wherefore, they did humble themselves again before the Lord.

And it came to pass that the voice of the Lord came unto my father, that we should arise and go down into the ship.

And it came to pass that on the morrow, after we had prepared all things, much fruits and meat from the wilderness, and honey in abundance, and provisions according to that which the Lord had commanded us, we did go down into the ship, with all our loading and our seeds, and whatsoever thing we had brought with us, every one according to his age; wherefore, we did all go down into the ship, with our wives and our children.

And now, my father had begat two sons in the wilderness; the elder was called Jacob and the younger Joseph.

And it came to pass after we had all gone down into the ship, and had taken with us our provisions and things which had been commanded us, we did put forth into the sea and were driven forth before the wind towards the promised land.

9 Và sau khi chúng tôi thuận buồm xuôi gió trong thời gian nhiều ngày, này, các anh tôi, cùng các con trai của Ích Ma Ên và vợ của họ bắt đầu vui đùa, đến đổi họ bắt đầu nhảy múa, ca hát, và nói năng thô lỗ, phải, đến đổi họ đã quên hẳn nhờ quyền năng nào mà họ được dẫn dắt đến đây; phải, họ đã buông thả theo sự thô lỗ quá mức.

10 Và tôi, Nê Phi, bắt đầu thấy sợ hãi hết sức, e rằng Chúa sẽ nổi giận và trừng phạt chúng tôi vì sự bất chính của chúng tôi, khiến chúng tôi phải bị chôn vùi xuống lòng biển sâu; vậy nên, tôi, Nê Phi, bắt đầu nói với họ một cách hết sức nghiêm trang; nhưng, này, họ tức giận với tôi và nói rằng: Chúng ta không muốn em chúng ta trở nên người cai trị chúng ta.

11 Và chuyện rằng, La Man và Lê Mu Ên đã bắt tôi, lấy dây thừng trói tôi lại, và họ đã đối xử với tôi rất tàn nhẫn. Tuy nhiên, Chúa để cho họ làm như vậy hầu Ngài có thể biểu dương quyền năng của Ngài, để làm ứng nghiệm những lời Ngài nói về những kẻ ác.

12 Và chuyện rằng, sau khi họ trói tôi chặt đến nỗi tôi không cử động được, thì địa bàn mà Chúa đã chuẩn bị cho, không còn hoạt động nữa.

13 Vậy nên, họ không biết hướng nào mà lái thuyền đi; rồi một trận bão to nổi lên, phải, một trận bão to và khủng khiếp, và chúng tôi bị đẩy lui trên biển trong suốt ba ngày; và họ bắt đầu kinh hãi tột cùng, e sẽ phải chết chìm dưới biển; tuy nhiên, họ vẫn không cởi trói cho tôi.

14 Và đến ngày thứ tư, khi thuyền chúng tôi vẫn tiếp tục bị đẩy lui, thì trận bão lại trở nên vô cùng khốc liệt.

And after we had been driven forth before the wind for the space of many days, behold, my brethren and the sons of Ishmael and also their wives began to make themselves merry, insomuch that they began to dance, and to sing, and to speak with much rudeness, yea, even that they did forget by what power they had been brought thither; yea, they were lifted up unto exceeding rudeness.

And I, Nephi, began to fear exceedingly lest the Lord should be angry with us, and smite us because of our iniquity, that we should be swallowed up in the depths of the sea; wherefore, I, Nephi, began to speak to them with much soberness; but behold they were angry with me, saying: We will not that our younger brother shall be a ruler over us.

And it came to pass that Laman and Lemuel did take me and bind me with cords, and they did treat me with much harshness; nevertheless, the Lord did suffer it that he might show forth his power, unto the fulfilling of his word which he had spoken concerning the wicked.

And it came to pass that after they had bound me insomuch that I could not move, the compass, which had been prepared of the Lord, did cease to work.

Wherefore, they knew not whither they should steer the ship, insomuch that there arose a great storm, yea, a great and terrible tempest, and we were driven back upon the waters for the space of three days; and they began to be frightened exceedingly lest they should be drowned in the sea; nevertheless they did not loose me.

And on the fourth day, which we had been driven back, the tempest began to be exceedingly sore.



15 Và chuyện rằng, chúng tôi sắp sửa bị chôn vùi xuống lòng biển sâu. Và sau khi thuyền chúng tôi bị đẩy lui trên biển bốn ngày liền, thì các anh tôi mới bắt đầu thấy rằng những sự đoán phạt của Thượng Đế đang đổ xuống họ, và họ sẽ chết nếu họ không hối cải về những điều bất chính của mình; vậy nên, họ đến bên tôi và mở dây trói tay tôi; và này, cổ tay tôi sưng vù hẳn lên, và luôn cả cổ chân tôi cũng sưng nhiều; và những chỗ ấy hết sức đau đớn.

16 Tuy nhiên, tôi đã hướng về Thượng Đế của tôi, và tôi đã ca ngợi Ngài suốt ngày; và tôi không hề ta thán Chúa vì những nỗi khổ đau của tôi.

17 Này, cha tôi, Lê Hi, đã nói với họ rất nhiều điều, và ông còn nói với những người con trai của Ích Ma Ên nữa; nhưng này, họ đã thốt ra nhiều lời hăm dọa bất cứ ai ngó ý bênh vực tôi; và cha mẹ tôi, vì đã lớn tuổi, và đã trải qua bao nỗi ưu phiền vì con cái của mình, nên cả hai đã lâm bệnh và nằm liệt giường.

18 Vì những nỗi ưu phiền và sâu muộn, và sự bất chính của các anh tôi, nên họ xuýt phải lìa đời để về với Thượng Đế của họ; phải, mái tóc bạc trắng của hai người gần như sắp bị chôn vùi trong bụi đất; phải, họ đã xuýt bị đem xuống nằm mò biển cả cùng với nỗi sâu muộn.

19 Và luôn cả Gia Cốp và Giô Sép, vì còn trẻ nên cần phải được nuôi dưỡng nhiều, cũng ưu phiền vì nỗi đau khổ của mẹ mình; và luôn cả vợ tôi, với nước mắt và những lời van xin của nàng, và cả các con tôi nữa, cũng chẳng làm mềm lòng được các anh tôi, để họ mở trói cho tôi.

20 Và chẳng có một điều gì có thể làm mềm lòng họ được, ngoại trừ quyền năng của Thượng Đế đã hăm dọa sẽ hủy diệt họ; vậy nên khi thấy mình sắp bị chôn vùi dưới lòng biển sâu, họ mới hối hận về điều họ đã làm, đến nỗi họ đã mở trói cho tôi.

And it came to pass that we were about to be swallowed up in the depths of the sea. And after we had been driven back upon the waters for the space of four days, my brethren began to see that the judgments of God were upon them, and that they must perish save that they should repent of their iniquities; wherefore, they came unto me, and loosed the bands which were upon my wrists, and behold they had swollen exceedingly; and also mine ankles were much swollen, and great was the soreness thereof.

Nevertheless, I did look unto my God, and I did praise him all the day long; and I did not murmur against the Lord because of mine afflictions.

Now my father, Lehi, had said many things unto them, and also unto the sons of Ishmael; but, behold, they did breathe out much threatenings against anyone that should speak for me; and my parents being stricken in years, and having suffered much grief because of their children, they were brought down, yea, even upon their sick-beds.

Because of their grief and much sorrow, and the iniquity of my brethren, they were brought near even to be carried out of this time to meet their God; yea, their grey hairs were about to be brought down to lie low in the dust; yea, even they were near to be cast with sorrow into a watery grave.

And Jacob and Joseph also, being young, having need of much nourishment, were grieved because of the afflictions of their mother; and also my wife with her tears and prayers, and also my children, did not soften the hearts of my brethren that they would loose me.

And there was nothing save it were the power of God, which threatened them with destruction, could soften their hearts; wherefore, when they saw that they were about to be swallowed up in the depths of the sea they repented of the thing which they had done, insomuch that they loosed me.

21 Và chuyện rằng, sau khi họ đã cởi trói cho tôi, này, tôi cầm địa bàn lên, và nó lại hoạt động theo ý muốn của tôi. Và chuyện rằng tôi cầu nguyện Chúa; và sau khi tôi cầu nguyện xong thì gió ngừng thổi, bão tan, và mặt bể lại trở nên vô cùng yên lặng.

22 Và chuyện rằng, tôi, Nê Phi, điều khiển chiếc tàu và chúng tôi lại vượt biển hướng về đất hứa.

23 Và chuyện rằng, sau nhiều ngày vượt biển, chúng tôi đến được đất hứa; và chúng tôi tiến vào trong đất ấy, và dựng lều lên; và chúng tôi gọi chỗ ấy là đất hứa.

24 Và chuyện rằng, chúng tôi bắt đầu cuộc xới đất đai, và bắt đầu trồng hạt giống; phải, chúng tôi đã gieo hết những hạt giống của chúng tôi xuống đất, những hạt giống mà chúng tôi đã đem từ xứ Giê Ru Sa Lem đến. Và chuyện rằng, sau đó chúng mọc lên rất tốt; vậy nên, chúng tôi được ban phước trong sự dồi dào no đủ.

25 Và chuyện rằng, trong khi hành trình trong vùng hoang dã thuộc vùng đất hứa này, chúng tôi tìm thấy đủ thứ súc vật trong rừng, cả bò cái lẫn bò đực, lừa, ngựa, dê, và dê rừng, cùng đủ loại thú rừng có ích lợi cho loài người. Chúng tôi còn tìm thấy đủ loại khoáng chất như vàng, bạc và đồng.

And it came to pass after they had loosed me, behold, I took the compass, and it did work whither I desired it. And it came to pass that I prayed unto the Lord; and after I had prayed the winds did cease, and the storm did cease, and there was a great calm.

And it came to pass that I, Nephi, did guide the ship, that we sailed again towards the promised land.

And it came to pass that after we had sailed for the space of many days we did arrive at the promised land; and we went forth upon the land, and did pitch our tents; and we did call it the promised land.

And it came to pass that we did begin to till the earth, and we began to plant seeds; yea, we did put all our seeds into the earth, which we had brought from the land of Jerusalem. And it came to pass that they did grow exceedingly; wherefore, we were blessed in abundance.

And it came to pass that we did find upon the land of promise, as we journeyed in the wilderness, that there were beasts in the forests of every kind, both the cow and the ox, and the ass and the horse, and the goat and the wild goat, and all manner of wild animals, which were for the use of men. And we did find all manner of ore, both of gold, and of silver, and of copper.

## 1 Nê Phi 19

- 1 Và chuyện rằng, vì Chúa truyền lệnh nên tôi phải làm những bằng bằng kim khoáng để tôi có thể ghi khắc lịch sử dân tôi lên trên đó. Trên các tấm bằng khắc tôi làm ra, tôi ghi khắc biên sử của cha tôi, và luôn cả cuộc hành trình của chúng tôi trong vùng hoang dã, cùng những lời tiên tri của cha tôi; và tôi còn ghi khắc nhiều điều tiên tri của riêng tôi lên trên ấy nữa.
- 2 Và, khi tôi làm các bằng khắc, tôi đâu có biết rằng Chúa sẽ truyền lệnh cho tôi phải làm những bằng khắc này; vậy nên, biên sử của cha tôi, và gia phả của tổ phụ ông, cùng phần lớn các sự việc đã xảy đến cho chúng tôi trong vùng hoang dã đều được ghi khắc trên những bằng khắc tôi vừa nói đó; vậy nên, những sự việc đã xảy ra trước khi tôi làm ra những bằng khắc này thì lẽ cố nhiên là được đề cập đến trong các bằng khắc đầu tiên.
- 3 Và sau khi tôi đã làm những bằng khắc này theo lệnh truyền, tôi, Nê Phi, nhận được lệnh truyền rằng giáo vụ và những lời tiên tri, những phần rõ ràng và quý báu hơn của các sự việc đó, phải được ghi chép trên các bằng khắc này; và những điều được ghi chép ra đây sẽ được lưu giữ để giáo huấn dân tôi, là những người sẽ nhận được đất này, và còn vì những mục đích thông sáng khác nữa mà chỉ có Chúa mới biết được.
- 4 Vậy nên, tôi, Nê Phi, đã ghi khắc biên sử trên những bằng khắc khác, có tường thuật, hay kể lại một cách đầy đủ hơn về những cuộc chiến và tranh chấp cùng sự hủy diệt của dân tôi. Và tôi đã làm như vậy, và còn dặn bảo dân tôi phải làm những gì sau khi tôi chết đi; và những bằng khắc này phải được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, hoặc từ tiên tri này đến tiên tri khác, cho đến khi nào họ nhận được thêm những lệnh truyền của Chúa.
- 5 Và việc tôi làm ra các bằng khắc này sẽ được tường thuật sau; này tôi xin kể tiếp những điều tôi vừa nói; và sở dĩ tôi làm vậy là để cho những sự việc thiêng liêng hơn được lưu truyền cho dân chúng của tôi sau này biết.

## 1 Nephi 19

And it came to pass that the Lord commanded me, wherefore I did make plates of ore that I might engraven upon them the record of my people. And upon the plates which I made I did engraven the record of my father, and also our journeyings in the wilderness, and the prophecies of my father; and also many of mine own prophecies have I engraven upon them.

And I knew not at the time when I made them that I should be commanded of the Lord to make these plates; wherefore, the record of my father, and the genealogy of his fathers, and the more part of all our proceedings in the wilderness are engraven upon those first plates of which I have spoken; wherefore, the things which transpired before I made these plates are, of a truth, more particularly made mention upon the first plates.

And after I had made these plates by way of commandment, I, Nephi, received a commandment that the ministry and the prophecies, the more plain and precious parts of them, should be written upon these plates; and that the things which were written should be kept for the instruction of my people, who should possess the land, and also for other wise purposes, which purposes are known unto the Lord.

Wherefore, I, Nephi, did make a record upon the other plates, which gives an account, or which gives a greater account of the wars and contentions and destructions of my people. And this have I done, and commanded my people what they should do after I was gone; and that these plates should be handed down from one generation to another, or from one prophet to another, until further commandments of the Lord.

And an account of my making these plates shall be given hereafter; and then, behold, I proceed according to that which I have spoken; and this I do that the more sacred things may be kept for the knowledge of my people.

- 6 Tuy nhiên, tôi không ghi chép bất cứ một điều nào trên các bảng khắc này ngoại trừ những điều mà tôi nhận thấy có tính cách thiêng liêng. Và giờ đây, nếu tôi có lầm lẫn, thì cũng như người xưa đã từng lầm lẫn. Chẳng phải tôi muốn đưa người khác ra để tự bào chữa cho mình, nhưng chính vì sự yếu kém của tôi, theo thể cách xác thật, nên tôi xin tự bào chữa cho mình vậy.
- 7 Vì có nhiều việc mà vài kẻ cho là có giá trị lớn lao, đối với cả thể xác lẫn tâm hồn, nhưng kẻ khác lại coi nó như hư không và chà đạp dưới chân họ. Phải, chính Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên cũng từng bị loài người chà đạp dưới chân họ; tôi nói họ chà đạp dưới chân, là ý tôi muốn nói rằng họ xem Ngài là hư không, và không muốn nghe theo những lời khuyên dạy của Ngài.
- 8 Và này, theo như lời vị thiên sứ, thì Ngài sẽ đến sáu trăm năm sau kể từ ngày cha tôi rời Giê Ru Sa Lem.
- 9 Và thế gian, vì sự bất chính của mình, sẽ xét đoán Ngài như một người hư không; vậy nên, họ quất Ngài bằng roi, Ngài hứng chịu cho họ quất; họ đánh đập Ngài, Ngài hứng chịu cho họ đánh đập. Phải, họ khắc nhổ vào Ngài, Ngài cũng hứng chịu cho họ khắc nhổ, vì lòng thương yêu nhân từ và sự nhịn nhục của Ngài đối với con cái loài người.
- 10 Và Thượng Đế của tổ phụ chúng ta, là những người đã từng được dẫn dắt ra khỏi Ai Cập, để thoát khỏi vòng nô lệ, và cũng đã từng được Ngài bảo tồn trong vùng hoang dã, phải, đó là Thượng Đế của Áp Ra Ham, và Y Sác, và Thượng Đế của Gia Cốp, theo như lời của thiên sứ nói, Ngài sẽ nạp mình dưới hình thức một phạm nhân, vào tay những kẻ độc ác, để bị treo lên, theo như lời của Giê Nốt, và để bị đóng đinh trên thập tự giá, theo như lời của Nê Um, và để bị chôn xuống mộ, theo như lời của Giê Nốt, khi vị này nói về ba ngày tối tăm, đó sẽ là điềm triệu báo cái chết của Ngài cho dân ở các hải đảo biết, và nhất là cho những kẻ thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên biết.

Nevertheless, I do not write anything upon plates save it be that I think it be sacred. And now, if I do err, even did they err of old; not that I would excuse myself because of other men, but because of the weakness which is in me, according to the flesh, I would excuse myself.

For the things which some men esteem to be of great worth, both to the body and soul, others set at naught and trample under their feet. Yea, even the very God of Israel do men trample under their feet; I say, trample under their feet but I would speak in other words—they set him at naught, and hearken not to the voice of his counsels.

And behold he cometh, according to the words of the angel, in six hundred years from the time my father left Jerusalem.

And the world, because of their iniquity, shall judge him to be a thing of naught; wherefore they scourge him, and he suffereth it; and they smite him, and he suffereth it. Yea, they spit upon him, and he suffereth it, because of his loving kindness and his long-suffering towards the children of men.

And the God of our fathers, who were led out of Egypt, out of bondage, and also were preserved in the wilderness by him, yea, the God of Abraham, and of Isaac, and the God of Jacob, yieldeth himself, according to the words of the angel, as a man, into the hands of wicked men, to be lifted up, according to the words of Zenock, and to be crucified, according to the words of Neum, and to be buried in a sepulchre, according to the words of Zenos, which he spake concerning the three days of darkness, which should be a sign given of his death unto those who should inhabit the isles of the sea, more especially given unto those who are of the house of Israel.

- 11 Vì vị tiên tri ấy đã nói như vậy: Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ đến viếng tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên vào ngày đó, một số sẽ được Ngài viếng bằng tiếng nói của Ngài, vì sự ngay chính của họ, để họ được vui mừng lớn lao và được cứu rỗi, còn một số khác sẽ bằng sấm chớp của quyền năng của Ngài, bằng bão tố, lửa, khói, và hơi ẩm của bóng tối, bằng mặt đất nứt ra, và bằng những ngọn núi trời lên.
- 12 Và tất cả những việc này chắc chắn sẽ xảy đến, tiên tri Giê Nốt bảo vậy. Và núi đá trên mặt đất ất sẽ nứt ra; và vì tiếng gầm của đất nên nhiều vị vua ở các hải đảo sẽ được thúc đẩy bởi Thánh Linh của Thượng Đế tác động mà kêu lên rằng: Thượng Đế của vạn vật đang thống khổ.
- 13 Và về phần những người dân ở Giê Ru Sa Lem, theo lời vị tiên tri ấy bảo, sẽ bị mọi dân tộc trừng phạt vì họ đóng đinh Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên trên thập tự giá, và trở lòng, chối bỏ những điềm triệu và những điều kỳ diệu, quyền năng và vinh quang của Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên.
- 14 Và vì họ trở lòng, lời vị tiên tri nói, và xem thường Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, họ sẽ lưu lạc trong thể xác, bị diệt vong, bị nhạo báng và khinh bỉ và sẽ bị tất cả các quốc gia ghét bỏ.
- 15 Tuy nhiên, vị tiên tri bảo, khi ngày ấy đến mà họ không còn trở lòng nghịch lại Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên nữa thì Ngài sẽ nhớ những điều Ngài đã giao ước với tổ phụ họ.
- 16 Phải, lúc đó Ngài sẽ nhớ tới các hải đảo; phải, và theo lời của tiên tri Giê Nốt, Chúa có phán rằng: Ta sẽ quy tụ tất cả những người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên từ bốn phương trời của thế gian.
- 17 Phải, vị tiên tri bảo, tất cả thế gian sẽ thấy sự cứu rỗi của Chúa; mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc đều sẽ được phước.
- 18 Và tôi, Nê Phi, đã ghi chép những điều này cho dân tôi để may ra có thể thuyết phục họ biết nhớ đến Chúa, Đấng Cứu Chuộc của họ.
- 19 Vậy nên, tôi muốn nói với tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên, nếu việc ấy xảy ra thì họ cần phải nhận được những điều này.

For thus spake the prophet: The Lord God surely shall visit all the house of Israel at that day, some with his voice, because of their righteousness, unto their great joy and salvation, and others with the thunderings and the lightnings of his power, by tempest, by fire, and by smoke, and vapor of darkness, and by the opening of the earth, and by mountains which shall be carried up.

And all these things must surely come, saith the prophet Zenos. And the rocks of the earth must rend; and because of the groanings of the earth, many of the kings of the isles of the sea shall be wrought upon by the Spirit of God, to exclaim: The God of nature suffers.

And as for those who are at Jerusalem, saith the prophet, they shall be scourged by all people, because they crucify the God of Israel, and turn their hearts aside, rejecting signs and wonders, and the power and glory of the God of Israel.

And because they turn their hearts aside, saith the prophet, and have despised the Holy One of Israel, they shall wander in the flesh, and perish, and become a hiss and a byword, and be hated among all nations.

Nevertheless, when that day cometh, saith the prophet, that they no more turn aside their hearts against the Holy One of Israel, then will he remember the covenants which he made to their fathers.

Yea, then will he remember the isles of the sea; yea, and all the people who are of the house of Israel, will I gather in, saith the Lord, according to the words of the prophet Zenos, from the four quarters of the earth.

Yea, and all the earth shall see the salvation of the Lord, saith the prophet; every nation, kindred, tongue and people shall be blessed.

And I, Nephi, have written these things unto my people, that perhaps I might persuade them that they would remember the Lord their Redeemer.

Wherefore, I speak unto all the house of Israel, if it so be that they should obtain these things.

20 Vì này, tâm hồn tôi hết sức buồn phiền vì những người ở Giê Ru Sa Lem, khiến tôi mệt mỏi đến nỗi tất cả tứ chi tôi đều bại hoại; vì nếu Chúa không vì lòng thương xót mà cho tôi thấy những việc của họ như Ngài đã từng cho các tiên tri ngày xưa thấy, thì tôi cũng đã bị chết rồi.

21 Và quả thật Ngài đã cho các tiên tri ngày xưa thấy tất cả những điều có liên quan tới họ; và Ngài cũng còn cho nhiều người thấy những điều liên quan đến chúng tôi; vậy nên, chúng tôi cần phải biết những điều này vì những điều này được ghi chép trên các bảng khắc bằng đồng.

22 Chuyện rằng lúc bấy giờ, tôi, Nê Phi, đã giảng dạy những điều này cho các anh tôi biết; và chuyện rằng, tôi đọc cho họ nghe nhiều điều ghi chép trên các bảng khắc bằng đồng để họ hiểu những gì Chúa đã làm ở những xứ khác, cho những người thời xưa.

23 Và tôi còn đọc cho họ nghe nhiều điều ghi chép trong các sách của Môi Se; nhưng để thuyết phục họ tin nhiều hơn về Chúa, Đấng Cứu Chuộc của họ, tôi đã đọc cho họ nghe những điều do tiên tri Ê Sai viết ra; vì tôi muốn áp dụng tất cả các thánh thư cho chúng tôi, ngõ hầu đem lại nhiều lợi ích cho sự học hỏi của chúng tôi.

24 Vậy nên, tôi nói với họ rằng: Các anh hãy lắng nghe những lời của vị tiên tri, các anh là dân còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên, là một nhánh đã bị tách lìa; các anh hãy lắng nghe những lời vị tiên tri đã viết ra cho tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên, và hãy tự mình áp dụng những lời ấy, ngõ hầu các anh có thể hy vọng như các đồng bào của các anh là những người mà các anh đã bị tách lìa; vì vị tiên tri đã ghi chép như vậy.

For behold, I have workings in the spirit, which doth weary me even that all my joints are weak, for those who are at Jerusalem; for had not the Lord been merciful, to show unto me concerning them, even as he had prophets of old, I should have perished also.

And he surely did show unto the prophets of old all things concerning them; and also he did show unto many concerning us; wherefore, it must needs be that we know concerning them for they are written upon the plates of brass.

Now it came to pass that I, Nephi, did teach my brethren these things; and it came to pass that I did read many things to them, which were engraven upon the plates of brass, that they might know concerning the doings of the Lord in other lands, among people of old.

And I did read many things unto them which were written in the books of Moses; but that I might more fully persuade them to believe in the Lord their Redeemer I did read unto them that which was written by the prophet Isaiah; for I did liken all scriptures unto us, that it might be for our profit and learning.

Wherefore I spake unto them, saying: Hear ye the words of the prophet, ye who are a remnant of the house of Israel, a branch who have been broken off; hear ye the words of the prophet, which were written unto all the house of Israel, and liken them unto yourselves, that ye may have hope as well as your brethren from whom ye have been broken off; for after this manner has the prophet written.

## 1 Nê Phi 20

- 1 Hãy nghe đây, hỡi gia tộc Gia Cóp, là những người được xưng bằng danh Y Sơ Ra Ên, và do các dòng nước Giu Đa hoặc do các dòng nước báp têm mà ra, là những người chỉ danh Chúa mà thề, và kêu cầu Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên, nhưng chẳng lấy hết lòng chân thật và ngay chính khi thề.
- 2 Mặc dù họ tự xưng mình thuộc thành thánh, nhưng họ không cậy nhờ đến Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên là Chúa Muôn Quân; phải Chúa Muôn Quân là danh Ngài.
- 3 Nay, ta đã loan báo những sự việc ngày xưa từ lúc khởi đầu; và những sự việc ấy do từ miệng ta phát ra, và ta đã cho thấy những việc ấy. Ta đã cho thấy một cách bất thành linh.
- 4 Và ta đã làm như vậy vì ta biết người ương ngạnh, cổ người là gân sắt, và trán người là đồng;
- 5 Ta đã loan báo cùng người từ lúc ban đầu; trước khi những điều đó xảy ra ta đã cho người thấy; và ta đã cho thấy vì sợ người sẽ bảo rằng: Ấy là do thần tượng của tôi đã làm nên, và tượng chạm cùng tượng đúc của tôi đã ra lệnh làm những sự việc đó.
- 6 Người đã nghe và thấy mọi điều ấy; sao người không nói lên đi? Từ nay về sau ta sẽ cho người thấy những điều mới, là những điều giấu kín mà người chưa biết.
- 7 Bây giờ những sự việc đó mới được sáng tạo ra, không phải từ lúc ban đầu, trước ngày người chưa nghe chi về điều đó, nó sẽ được loan báo cho các người biết, kẻ người sẽ nói rằng: Nay, tôi đã biết những điều đó rồi.
- 8 Phải, người chưa từng nghe; phải, người chưa từng biết; phải, lúc ấy tai người chưa mở; vì ta biết rằng người thường làm điều gian dối và đã bị gọi là kẻ phạm giới từ lúc còn trong lòng mẹ.
- 9 Tuy nhiên, ta vì danh mình mà tạm nhịn cơn tức giận, và ta vì vinh hiển mình mà nén lại để khỏi khai trừ người.
- 10 Vì này, ta đã luyện người, ta đã chọn người từ trong lò gian khổ.

## 1 Nephi 20

Hearken and hear this, O house of Jacob, who are called by the name of Israel, and are come forth out of the waters of Judah, or out of the waters of baptism, who swear by the name of the Lord, and make mention of the God of Israel, yet they swear not in truth nor in righteousness.

Nevertheless, they call themselves of the holy city, but they do not stay themselves upon the God of Israel, who is the Lord of Hosts; yea, the Lord of Hosts is his name.

Behold, I have declared the former things from the beginning; and they went forth out of my mouth, and I showed them. I did show them suddenly.

And I did it because I knew that thou art obstinate, and thy neck is an iron sinew, and thy brow brass;

And I have even from the beginning declared to thee; before it came to pass I showed them thee; and I showed them for fear lest thou shouldst say—Mine idol hath done them, and my graven image, and my molten image hath commanded them.

Thou hast seen and heard all this; and will ye not declare them? And that I have showed thee new things from this time, even hidden things, and thou didst not know them.

They are created now, and not from the beginning, even before the day when thou heardest them not they were declared unto thee, lest thou shouldst say—Behold I knew them.

Yea, and thou heardest not; yea, thou knewest not; yea, from that time thine ear was not opened; for I knew that thou wouldst deal very treacherously, and wast called a transgressor from the womb.

Nevertheless, for my name's sake will I defer mine anger, and for my praise will I refrain from thee, that I cut thee not off.

For, behold, I have refined thee, I have chosen thee in the furnace of affliction.

- 11 Ấy là vì ta, phải, chính vì ta mà ta sẽ làm điều này; vì ta sẽ chẳng để danh ta bị ô nhục; và ta sẽ không nhường vinh quang của ta cho kẻ khác.
- 12 Hãy nghe lời ta, hỡi Gia Cóp và Y Sơ Ra Ên mà ta đã gọi, vì ta là Đấng đó; ta là đầu tiên và cũng là sau cùng.
- 13 Tay ta cũng đã lập lên nền đất, và tay hữu ta đã giương lên các tầng trời. Ta gọi đến, trời đất đều đứng lên.
- 14 Hỡi tất cả các người, hãy nhóm lại và nghe đây; trong số họ có ai đã rao truyền những điều này cho họ nghe không? Người mà Chúa yêu, sẽ thực hiện lời Ngài đã nói lên qua họ; và người sẽ làm điều đẹp ý Ngài nghịch cùng Ba Bi Lôn, và cánh tay người sẽ giá lên nghịch cùng dân Canh Êđê.
- 15 Ngoài ra, Chúa còn phán rằng: Ta là Chúa, phải, ta đã phán; phải, ta đã gọi người lại để loan báo, ta đã khiến người đến, và người sẽ làm thịnh vượng đường lối mình.
- 16 Các người hãy đến gần ta; ta chưa từng nói cách kín giấu; từ lúc ban đầu, từ lúc việc ấy vừa được rao truyền, ta đã nói ra rồi; và Đức Chúa Trời cùng Thánh Linh của Ngài đã sai ta đến.
- 17 Và Chúa, Đấng Cứu Chuộc của người, Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên có phán như vậy: Ta đã sai người đến; ta là Chúa, Thượng Đế của người, Đấng dạy người những điều có ích, và dẫn dắt người trên con đường người phải đi, đã làm như vậy.
- 18 Than ôi, ước gì người biết nghe theo lệnh truyền của ta—thì sự bình an của người như sông ngòi và sự ngay chính của người như sóng biển.
- 19 Dòng dõi người như cát và mầm non trong bụng người như sạn đá; danh của người chẳng hề bị khai trừ hoặc bị tiêu hủy trước mặt ta.
- 20 Hãy ra khỏi Ba Bi Lôn, hãy chạy trốn dân Canh Êđê, hãy cất tiếng vui ca mà rao truyền tin này, hãy tuyên bố và truyền tin này đến tận cùng quả đất; hãy nói rằng: Chúa đã cứu chuộc tôi tớ Ngài là Gia Cóp.
- 21 Và họ không khát khi Ngài dẫn họ qua các sa mạc; vì Ngài khiến nước từ trong vàng đá chảy ra cho họ; Ngài cũng đập vàng đá và nước trào ra.

For mine own sake, yea, for mine own sake will I do this, for I will not suffer my name to be polluted, and I will not give my glory unto another.

Hearken unto me, O Jacob, and Israel my called, for I am he; I am the first, and I am also the last.

Mine hand hath also laid the foundation of the earth, and my right hand hath spanned the heavens. I call unto them and they stand up together.

All ye, assemble yourselves, and hear; who among them hath declared these things unto them? The Lord hath loved him; yea, and he will fulfil his word which he hath declared by them; and he will do his pleasure on Babylon, and his arm shall come upon the Chaldeans.

Also, saith the Lord; I the Lord, yea, I have spoken; yea, I have called him to declare, I have brought him, and he shall make his way prosperous.

Come ye near unto me; I have not spoken in secret; from the beginning, from the time that it was declared have I spoken; and the Lord God, and his Spirit, hath sent me.

And thus saith the Lord, thy Redeemer, the Holy One of Israel; I have sent him, the Lord thy God who teacheth thee to profit, who leadeth thee by the way thou shouldst go, hath done it.

O that thou hadst hearkened to my commandments—then had thy peace been as a river, and thy righteousness as the waves of the sea.

Thy seed also had been as the sand; the offspring of thy bowels like the gravel thereof; his name should not have been cut off nor destroyed from before me.

Go ye forth of Babylon, flee ye from the Chaldeans, with a voice of singing declare ye, tell this, utter to the end of the earth; say ye: The Lord hath redeemed his servant Jacob.

And they thirsted not; he led them through the deserts; he caused the waters to flow out of the rock for them; he clave the rock also and the waters gushed out.



22      Và mặc dù Ngài đã làm ra tất cả những việc này,  
và còn nhiều việc vĩ đại hơn nữa, vẫn không có sự  
bình an cho những kẻ độc ác, Chúa phán vậy.

And notwithstanding he hath done all this, and  
greater also, there is no peace, saith the Lord, unto  
the wicked.

## 1 Nê Phi 21

- 1 Và lại nữa: Hãy nghe đây, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, tất cả các người đều là những kẻ bị tách lìa và bị xua đuổi vì sự độc ác của các kẻ chặn giữ dân ta; phải, tất cả các người là những kẻ đã bị tách lìa và bị phân tán khắp phương xa, các người là dân ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên. Hỡi các hải đảo, hãy nghe ta! Hỡi các dân ở xa, hãy lắng nghe! Chúa đã gọi ta từ trong bụng mẹ; từ lúc ta còn ở trong lòng mẹ Ngài đã nói đến danh ta.
- 2 Và Ngài đã làm cho miệng ta như gươm bén; và lấy bóng bàn tay Ngài mà che ta, làm ta thành tên nhọn và giấu ta trong ống đựng tên của Ngài.
- 3 Ngài phán cùng ta rằng: Hỡi Y Sơ Ra Ên, người là tôi tớ của ta, ta sẽ được tôn vinh nơi người.
- 4 Rồi ta có nói rằng: Ta đã lao nhọc uổng công, đã hao sức vô ích và không kết quả; quả thật sự phán xét của ta là ở nơi Chúa, và công việc của ta là ở nơi Thượng Đế của ta.
- 5 Và này, Chúa—Đấng đã lập ta làm tôi tớ Ngài từ trong bụng mẹ, để dẫn Gia Cóp trở lại với Ngài—có phán rằng, mặc dầu Y Sơ Ra Ên không được quy tụ, ta vẫn được tôn vinh trước mắt Chúa, và Thượng Đế của ta sẽ là sức mạnh của ta.
- 6 Và Ngài phán rằng: Đó là việc nhỏ khi người làm tôi tớ ta để lập lại các chi tộc Gia Cóp, và phục hồi những kẻ được gìn giữ của Y Sơ Ra Ên. Ta cũng sẽ khiến người làm sự sáng cho Dân Ngoại, hầu cho người có thể trở thành sự cứu rỗi của ta đến các nơi tận cùng của trái đất.
- 7 Chúa, Đấng Cứu Chuộc của Y Sơ Ra Ên, Đấng Thánh của Ngài có phán như vậy, đối với kẻ bị loài người khinh dể, bị dân này gớm ghiếc, là tôi tớ của người cai trị: Các vua sẽ thấy và đứng dậy, các hoàng tử cũng sẽ tôn thờ, vì Chúa là Đấng trung thành.
- 8 Chúa có phán như vậy: Ta đã nhậm lời người vào lúc thuận tiện, hỡi các hải đảo, và ta đã giúp người vào ngày cứu rỗi; và ta sẽ gìn giữ người, sẽ giao tôi tớ ta cho người để làm giao ước của dân, đặt lập lại thế gian và chia đất tiêu điều làm sản nghiệp thừa hưởng;

## 1 Nephi 21

And again: Hearken, O ye house of Israel, all ye that are broken off and are driven out because of the wickedness of the pastors of my people; yea, all ye that are broken off, that are scattered abroad, who are of my people, O house of Israel. Listen, O isles, unto me, and hearken ye people from far; the Lord hath called me from the womb; from the bowels of my mother hath he made mention of my name.

And he hath made my mouth like a sharp sword; in the shadow of his hand hath he hid me, and made me a polished shaft; in his quiver hath he hid me;

And said unto me: Thou art my servant, O Israel, in whom I will be glorified.

Then I said, I have labored in vain, I have spent my strength for naught and in vain; surely my judgment is with the Lord, and my work with my God.

And now, saith the Lord—that formed me from the womb that I should be his servant, to bring Jacob again to him—though Israel be not gathered, yet shall I be glorious in the eyes of the Lord, and my God shall be my strength.

And he said: It is a light thing that thou shouldst be my servant to raise up the tribes of Jacob, and to restore the preserved of Israel. I will also give thee for a light to the Gentiles, that thou mayest be my salvation unto the ends of the earth.

Thus saith the Lord, the Redeemer of Israel, his Holy One, to him whom man despiseth, to him whom the nations abhorreth, to servant of rulers: Kings shall see and arise, princes also shall worship, because of the Lord that is faithful.

Thus saith the Lord: In an acceptable time have I heard thee, O isles of the sea, and in a day of salvation have I helped thee; and I will preserve thee, and give thee my servant for a covenant of the people, to establish the earth, to cause to inherit the desolate heritages;

- 9 Để người có thể nói với những kẻ bị cầm tù: Hãy ra! Và bảo với những kẻ ngồi nơi tối tăm: Hãy tỏ mình! Họ sẽ chăn nuôi trên đường, và đồng cỏ của họ sẽ ở trên những nơi cao.
- 10 Họ sẽ không đói không khát, và hơi nóng hay mặt trời sẽ chẳng phạm đến họ được; vì Đấng thương xót họ sẽ dẫn dắt, đem họ đến bên các suối nước.
- 11 Và ta sẽ làm cho mọi núi của ta trở nên đường phẳng, và các đường cái của ta sẽ được đắp cao.
- 12 Và rồi, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, này, những kẻ này sẽ từ phương xa đến; và trông kia, những kẻ kia sẽ từ phương bắc và phương tây, còn những kẻ nọ sẽ từ xứ Si Ni.
- 13 Hỡi các tầng trời, hãy hát lên; hỡi thế gian, hãy vui mừng; vì chân những kẻ ở phương đông sẽ được vững vàng. Hỡi các núi, hãy cất tiếng ca; vì họ sẽ không còn bị đánh đập nữa; vì Chúa đã an ủi dân Ngài, và sẽ thương xót những kẻ khốn khổ của Ngài.
- 14 Nhưng này, Si Ôn từng nói rằng: Chúa đã lìa bỏ ta, và Chúa của ta đã quên ta—nhưng Ngài sẽ cho thấy rằng Ngài không bỏ, không quên.
- 15 Vì người đàn bà há dễ quên được đứa con còn bú của mình, để đến nỗi không thương hại đến đứa con trai ruột thịt của mình hay sao? Phải, dầu có thể là họ quên, nhưng ta sẽ không quên người đâu, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 16 Này, ta đã chạm người trong lòng bàn tay ta; các tường thành của người luôn ở trước mặt ta.
- 17 Con cái của người sẽ vội vã chống lại những kẻ hủy diệt người; và những kẻ phá hoại người sẽ ra khỏi giữa người.
- 18 Hãy ngược mắt nhìn quanh người xem; tất cả những kẻ này đều nhóm họp lại và đến cùng người. Chúa có phán rằng: Thật như ta là Đấng hằng sống, người sẽ mặc lấy những kẻ này như đồ trang sức, và dùng họ mà thắt quanh mình như nàng dâu.
- 19 Vì các nơi đổ nát và tiêu điều của người, và xứ bị tàn phá của người, nay có đông dân cư ở thành ra chật hẹp quá; và những kẻ nuốt người sẽ lánh xa.

That thou mayest say to the prisoners: Go forth; to them that sit in darkness: Show yourselves. They shall feed in the ways, and their pastures shall be in all high places.

They shall not hunger nor thirst, neither shall the heat nor the sun smite them; for he that hath mercy on them shall lead them, even by the springs of water shall he guide them.

And I will make all my mountains a way, and my highways shall be exalted.

And then, O house of Israel, behold, these shall come from far; and lo, these from the north and from the west; and these from the land of Sinim.

Sing, O heavens; and be joyful, O earth; for the feet of those who are in the east shall be established; and break forth into singing, O mountains; for they shall be smitten no more; for the Lord hath comforted his people, and will have mercy upon his afflicted.

But, behold, Zion hath said: The Lord hath forsaken me, and my Lord hath forgotten me—but he will show that he hath not.

For can a woman forget her sucking child, that she should not have compassion on the son of her womb? Yea, they may forget, yet will I not forget thee, O house of Israel.

Behold, I have graven thee upon the palms of my hands; thy walls are continually before me.

Thy children shall make haste against thy destroyers; and they that made thee waste shall go forth of thee.

Lift up thine eyes round about and behold; all these gather themselves together, and they shall come to thee. And as I live, saith the Lord, thou shalt surely clothe thee with them all, as with an ornament, and bind them on even as a bride.

For thy waste and thy desolate places, and the land of thy destruction, shall even now be too narrow by reason of the inhabitants; and they that swallowed thee up shall be far away.

- 20 Con cái mà người sẽ có, sau khi người bị mất những đứa đầu, sẽ lại nói vào tai người rằng: Chỗ này quá chật hẹp cho tôi; hãy sắm chỗ cho tôi dựng tôi cư ngụ.
- 21 Lúc đó chắc người sẽ tự nói trong lòng: Ai đã sinh cho ta những đứa này? Nay, ta đã mất hết con cái, ta đã không sinh nở, bị tù đầy và lưu lạc khắp nơi kia mà? Vậy ai đã nuôi những đứa này? Kia, ta đã ở một mình; vậy những đứa này ở đâu mà ra?
- 22 Đức Chúa Trời có phán như vậy: Nay, ta sẽ giã tay lên các Dân Ngoại và dựng cờ của ta trong các dân; và chúng sẽ bồng các con trai của người trong tay và vác các con gái của người trên vai mà đến.
- 23 Các vua sẽ làm dưỡng phụ người và các hoàng hậu sẽ làm dưỡng mẫu người; họ sẽ cúi mặt sát đất ở trước mặt người và liếm bụi đất dưới chân người; và người sẽ biết rằng ta là Chúa; vì những kẻ trông chờ ta sẽ chẳng hổ thẹn.
- 24 Vì có thể nào giựt lại được miếng mồi ở tay kẻ mạnh, hay kẻ phu tù hợp pháp được giải thoát chẳng?
- 25 Nhưng Chúa có phán như vậy: Ngay cả các phu tù của kẻ mạnh cũng sẽ được giải cứu, và mồi của kẻ đáng sợ cũng sẽ được giải thoát; vì ta sẽ chống lại kẻ nào chống đối người, và ta sẽ cứu con cái người.
- 26 Và ta sẽ làm cho những kẻ hiếp đáp người phải tự ăn thịt mình; chúng sẽ say sưa với chính máu của mình như rượu ngọt; và tất cả các loài xác thịt sẽ biết rằng ta, là Chúa, Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của người, Đấng Toàn Năng của Gia Cóp.

The children whom thou shalt have, after thou hast lost the first, shall again in thine ears say: The place is too strait for me; give place to me that I may dwell.

Then shalt thou say in thine heart: Who hath begotten me these, seeing I have lost my children, and am desolate, a captive, and removing to and fro? And who hath brought up these? Behold, I was left alone; these, where have they been?

Thus saith the Lord God: Behold, I will lift up mine hand to the Gentiles, and set up my standard to the people; and they shall bring thy sons in their arms, and thy daughters shall be carried upon their shoulders.

And kings shall be thy nursing fathers, and their queens thy nursing mothers; they shall bow down to thee with their face towards the earth, and lick up the dust of thy feet; and thou shalt know that I am the Lord; for they shall not be ashamed that wait for me.

For shall the prey be taken from the mighty, or the lawful captives delivered?

But thus saith the Lord, even the captives of the mighty shall be taken away, and the prey of the terrible shall be delivered; for I will contend with him that contendeth with thee, and I will save thy children.

And I will feed them that oppress thee with their own flesh; they shall be drunken with their own blood as with sweet wine; and all flesh shall know that I, the Lord, am thy Savior and thy Redeemer, the Mighty One of Jacob.

## 1 Nê Phi 22

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, sau khi tôi, Nê Phi, đọc xong những điều ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng, các anh tôi bèn đến bên tôi mà hỏi rằng: Những điều người vừa đọc xong có ý nghĩa gì? Nay, phải chăng những điều đó chỉ được hiểu theo những việc thuộc linh, là những điều chỉ sẽ xảy ra theo thể cách thuộc linh chứ không theo thể cách xác thịt?
- 2 Và tôi, Nê Phi, nói với họ rằng: Nay, những điều ấy đã được biểu hiện cho vị tiên tri đó biết qua tiếng nói của Thánh Linh; vì bởi Thánh Linh mà mọi sự việc được tỏ bày cho các vị tiên tri biết, và những điều ấy sẽ đến với con cái loài người theo thể cách xác thịt.
- 3 Vậy nên, những điều tôi vừa đọc đó là những điều liên hệ đến các vấn đề thể tục lẫn thuộc linh; vì dường như gia tộc Y Sơ Ra Ên, không sớm thì muộn, sẽ bị phân tán trên khắp mặt đất, và ở giữa tất cả các quốc gia.
- 4 Và này, có nhiều người mà những kẻ ở Giê Ru Sa Lem không còn biết đến họ nữa. Phải, phần lớn tất cả các chi tộc đã bị dẫn dắt đi khỏi; và họ bị phân tán khắp nơi trên các hải đảo; và chúng ta chẳng một ai biết bây giờ họ ở đâu, mà chúng ta chỉ biết rằng họ đã bị dẫn dắt đi khỏi mà thôi.
- 5 Và từ lúc họ bị dẫn dắt đi khỏi như vậy, thì những điều tiên tri này đã nói ra về họ, và về tất cả những kẻ sẽ bị phân tán và bị lẫn lộn sau này, vì Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên; vì họ chai đá trong lòng chống lại Ngài; vậy nên, họ sẽ bị phân tán ở giữa khắp các quốc gia và bị tất cả mọi người ghét bỏ.
- 6 Tuy nhiên, sau khi họ được Dân Ngoại nuôi dưỡng, và Chúa đã giá tay lên trên Dân Ngoại, và dựng họ lên như một hiệu kỳ, và con cái họ được bồng trong tay, và các con gái của họ được vác trên vai, này, những điều đã nói ra đây đều thuộc về thể tục; vì đó là những giao ước của Chúa với tổ phụ chúng ta là như vậy; và nó sẽ xảy đến cho chúng ta vào những ngày sắp tới, và cũng sẽ xảy đến cho tất cả các anh em của chúng ta thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.

## 1 Nephi 22

And now it came to pass that after I, Nephi, had read these things which were engraven upon the plates of brass, my brethren came unto me and said unto me: What meaneth these things which ye have read? Behold, are they to be understood according to things which are spiritual, which shall come to pass according to the spirit and not the flesh?

And I, Nephi, said unto them: Behold they were manifest unto the prophet by the voice of the Spirit; for by the Spirit are all things made known unto the prophets, which shall come upon the children of men according to the flesh.

Wherefore, the things of which I have read are things pertaining to things both temporal and spiritual; for it appears that the house of Israel, sooner or later, will be scattered upon all the face of the earth, and also among all nations.

And behold, there are many who are already lost from the knowledge of those who are at Jerusalem. Yea, the more part of all the tribes have been led away; and they are scattered to and fro upon the isles of the sea; and whither they are none of us knoweth, save that we know that they have been led away.

And since they have been led away, these things have been prophesied concerning them, and also concerning all those who shall hereafter be scattered and be confounded, because of the Holy One of Israel; for against him will they harden their hearts; wherefore, they shall be scattered among all nations and shall be hated of all men.

Nevertheless, after they shall be nursed by the Gentiles, and the Lord has lifted up his hand upon the Gentiles and set them up for a standard, and their children have been carried in their arms, and their daughters have been carried upon their shoulders, behold these things of which are spoken are temporal; for thus are the covenants of the Lord with our fathers; and it meaneth us in the days to come, and also all our brethren who are of the house of Israel.

7 Và điều đó có nghĩa là tới lúc đó sau khi tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên bị phân tán và bị lẫn lộn, thì Đức Chúa Trời sẽ dựng lên một quốc gia hùng mạnh giữa Dân Ngoại, phải, ngay trên xứ này; và dòng dõi chúng ta sẽ bị họ phân tán.

8 Và sau khi dòng dõi chúng ta bị phân tán, Đức Chúa Trời sẽ tiến hành một công việc kỳ diệu giữa Dân Ngoại, đó là một công việc có giá trị lớn lao đối với dòng dõi chúng ta; vậy nên, nó được so sánh chẳng khác chi dòng dõi chúng ta sẽ được Dân Ngoại nuôi dưỡng, và được họ bồng ẵm trong tay và vác trên vai vậy.

9 Và nó cũng có giá trị đối với Dân Ngoại; và không phải chỉ riêng cho Dân Ngoại, mà nó còn có giá trị cho tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên nữa, vì nhờ đó mà mọi người sẽ biết được những giao ước của Cha Thiên Thượng đã ban cho Áp Ra Ham, khi Ngài phán rằng: Nhờ dòng dõi người mà mọi dân trên thế gian này sẽ được phước.

10 Hỡi các anh, tôi mong các anh nên biết rằng tất cả mọi dân trên thế gian này không thể được ban phước lành, trừ phi Ngài tỏ trần cánh tay Ngài trước mắt các quốc gia.

11 Vậy nên, Đức Chúa Trời sẽ tỏ trần cánh tay Ngài trước mắt tất cả các quốc gia, để thực hiện các giao ước và phúc âm của Ngài cho những người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.

12 Vậy nên, Ngài sẽ lại giải thoát cho họ khỏi cảnh tù đày, và họ sẽ được quy tụ về những đất thừa hưởng của họ; và họ sẽ được đem ra khỏi nơi u ám và tối tăm. Họ sẽ biết rằng Chúa là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của họ, là Đấng Toàn Năng của Y Sơ Ra Ên.

13 Và máu của giáo hội vĩ đại và khả ố đó, là gái điếm của toàn thể thế gian, sẽ đổ ra ngay trên đầu chúng; vì chúng sẽ gây chiến lẫn nhau, và gươm trong tay chúng sẽ rơi ngay trên đầu chúng, và chúng sẽ say sưa với máu của chính mình.

And it meaneth that the time cometh that after all the house of Israel have been scattered and confounded, that the Lord God will raise up a mighty nation among the Gentiles, yea, even upon the face of this land; and by them shall our seed be scattered.

And after our seed is scattered the Lord God will proceed to do a marvelous work among the Gentiles, which shall be of great worth unto our seed; wherefore, it is likened unto their being nourished by the Gentiles and being carried in their arms and upon their shoulders.

And it shall also be of worth unto the Gentiles; and not only unto the Gentiles but unto all the house of Israel, unto the making known of the covenants of the Father of heaven unto Abraham, saying: In thy seed shall all the kindreds of the earth be blessed.

And I would, my brethren, that ye should know that all the kindreds of the earth cannot be blessed unless he shall make bare his arm in the eyes of the nations.

Wherefore, the Lord God will proceed to make bare his arm in the eyes of all the nations, in bringing about his covenants and his gospel unto those who are of the house of Israel.

Wherefore, he will bring them again out of captivity, and they shall be gathered together to the lands of their inheritance; and they shall be brought out of obscurity and out of darkness; and they shall know that the Lord is their Savior and their Redeemer, the Mighty One of Israel.

And the blood of that great and abominable church, which is the whore of all the earth, shall turn upon their own heads; for they shall war among themselves, and the sword of their own hands shall fall upon their own heads, and they shall be drunken with their own blood.

- 14 Và bất cứ quốc gia nào gây chiến với người, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, sẽ bị làm cho quay lại nghịch lẫn nhau, và chúng sẽ rơi ngay vào hầm mà chúng đào ra để sập bẫy dân của Chúa. Và tất cả những kẻ nào đánh lại Si Ôn sẽ bị hủy diệt, và con gái điếm vĩ đại kia, kẻ đã làm sai lạc những đường lối ngay chính của Chúa, phải, giáo hội vĩ đại và khả ố đó, sẽ ngã xuống bụi đất, và sự sụp đổ của nó sẽ rất lớn lao biết bao.
- 15 Vì này, vị tiên tri đó đã nói, sẽ chóng đến lúc Satan không còn quyền năng gì đối với trái tim con cái loài người nữa; vì ngày ấy sẽ chóng đến khi mà tất cả những kẻ kiêu ngạo cùng những kẻ làm điều ác sẽ như rơm rạ, và ngày ấy đến để chúng phải bị cháy thiêu.
- 16 Vì sẽ chóng đến lúc cơn thịnh nộ tràn đầy của Thượng Đế trút xuống tất cả con cái loài người; vì Ngài không chịu để kẻ độc ác hủy diệt người ngay chính.
- 17 Vậy nên Ngài sẽ dùng quyền năng của mình để bảo tồn người ngay chính, vì dù cho cơn thịnh nộ tràn đầy của Ngài có phát ra đi nữa, thì những người ngay chính cũng được bảo tồn, còn kẻ thù của họ thì sẽ bị lửa hủy diệt. Vậy nên, những người ngay chính không cần phải sợ hãi; vì theo như lời vị tiên tri đó nói, họ sẽ được cứu, ngay cả việc họ được cứu bằng lửa.
- 18 Này, hỡi các anh, tôi nói cho các anh hay, những điều này sẽ phải xảy ra một ngày rất gần đây; phải, ngay cả máu, lửa và hơi khói cũng sẽ xảy đến, và phải xảy đến trên mặt địa cầu này. Và điều đó sẽ xảy đến với loài người theo thể cách xác thịt nếu họ chai đá trong lòng chống lại Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.
- 19 Vì này, những người ngay chính sẽ không bị diệt vong; vì chắc chắn sẽ đến lúc tất cả những kẻ nào chống lại Si Ôn sẽ bị loại trừ.
- 20 Và chắc chắn Chúa sẽ sửa soạn một đường lối cho dân Ngài để những lời của Môi Se nói sau đây sẽ được ứng nghiệm khi ông nói rằng: Chúa, Thượng Đế của các người, sẽ dựng lên cho các người một vị tiên tri như ta đây; các người phải nghe theo tất cả những gì người nói với các người. Và chuyện rằng, tất cả những người nào không biết nghe lời vị tiên tri ấy thì sẽ bị loại trừ khỏi dân chúng.

And every nation which shall war against thee, O house of Israel, shall be turned one against another, and they shall fall into the pit which they digged to ensnare the people of the Lord. And all that fight against Zion shall be destroyed, and that great whore, who hath perverted the right ways of the Lord, yea, that great and abominable church, shall tumble to the dust and great shall be the fall of it.

For behold, saith the prophet, the time cometh speedily that Satan shall have no more power over the hearts of the children of men; for the day soon cometh that all the proud and they who do wickedly shall be as stubble; and the day cometh that they must be burned.

For the time soon cometh that the fulness of the wrath of God shall be poured out upon all the children of men; for he will not suffer that the wicked shall destroy the righteous.

Wherefore, he will preserve the righteous by his power, even if it so be that the fulness of his wrath must come, and the righteous be preserved, even unto the destruction of their enemies by fire. Wherefore, the righteous need not fear; for thus saith the prophet, they shall be saved, even if it so be as by fire.

Behold, my brethren, I say unto you, that these things must shortly come; yea, even blood, and fire, and vapor of smoke must come; and it must needs be upon the face of this earth; and it cometh unto men according to the flesh if it so be that they will harden their hearts against the Holy One of Israel.

For behold, the righteous shall not perish; for the time surely must come that all they who fight against Zion shall be cut off.

And the Lord will surely prepare a way for his people, unto the fulfilling of the words of Moses, which he spake, saying: A prophet shall the Lord your God raise up unto you, like unto me; him shall ye hear in all things whatsoever he shall say unto you. And it shall come to pass that all those who will not hear that prophet shall be cut off from among the people.

- 21 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, nói rõ cho các anh hay rằng, vị tiên tri mà Môi Se vừa nói đó là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên; vậy nên, Ngài sẽ phán xét theo lẽ công bình.
- 22 Và những người ngay chính không cần phải sợ hãi, vì họ là những người không bị ngăn trở. Nhưng chính vương quốc của quỷ dữ mới cần phải sợ hãi, đó là vương quốc sẽ được tạo dựng lên giữa đám con cái loài người, và sẽ được thiết lập giữa những gì thuộc xác thịt—
- 23 Vì sẽ chóng đến lúc tất cả những giáo hội nào được dựng lên để kiếm lợi, và những giáo hội nào được dựng lên để tìm kiếm quyền hành đối với loài người, và tất cả những giáo hội nào được dựng lên để nổi tiếng dưới mắt người thế gian, và tất cả những kẻ tìm kiếm dục vọng xác thịt, cùng những vật của thế gian và làm mọi điều bất chính; phải, nói tóm lại, tất cả những kẻ nào thuộc vương quốc của quỷ dữ, thì đó là những kẻ cần phải biết kinh hãi, run rẩy và run sợ; chính chúng là những kẻ cần phải bị hạ xuống tận bụi đất; chính chúng là những kẻ sẽ bị đốt cháy như rơm rạ; và đây là theo lời vị tiên tri ấy đã nói.
- 24 Và sẽ chóng đến lúc những người ngay chính phải được dẫn dắt như bầy chiên con trong chuồng, và Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên sẽ trị vì bằng sự thống trị, sức mạnh, quyền năng, và vinh quang lớn lao.
- 25 Rồi Ngài quy tụ con cái Ngài từ bốn phương trời của thế gian; Ngài đếm số chiên của Ngài, và chúng nhận biết Ngài; và sẽ có một đàn chiên với một người chăn; và Ngài sẽ nuôi dưỡng đàn chiên của Ngài, và nơi Ngài chúng sẽ tìm thấy đồng cỏ.
- 26 Và vì sự ngay chính của dân Ngài, Sa Tan không còn quyền hành; vậy nên, nó không được thả ra suốt nhiều năm. Nó không còn chế ngự được trái tim dân chúng, vì họ sống trong sự ngay chính, và Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên trị vì.
- 27 Và giờ đây, này, tôi, Nê Phi, nói cho các anh hay rằng, tất cả những điều này phải xảy đến theo thể cách xác thịt.
- 28 Nhưng, này, tất cả các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc sẽ an toàn cư ngụ trong Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, nếu họ biết hối cải.

And now I, Nephi, declare unto you, that this prophet of whom Moses spake was the Holy One of Israel; wherefore, he shall execute judgment in righteousness.

And the righteous need not fear, for they are those who shall not be confounded. But it is the kingdom of the devil, which shall be built up among the children of men, which kingdom is established among them which are in the flesh—

For the time speedily shall come that all churches which are built up to get gain, and all those who are built up to get power over the flesh, and those who are built up to become popular in the eyes of the world, and those who seek the lusts of the flesh and the things of the world, and to do all manner of iniquity; yea, in fine, all those who belong to the kingdom of the devil are they who need fear, and tremble, and quake; they are those who must be brought low in the dust; they are those who must be consumed as stubble; and this is according to the words of the prophet.

And the time cometh speedily that the righteous must be led up as calves of the stall, and the Holy One of Israel must reign in dominion, and might, and power, and great glory.

And he gathereth his children from the four quarters of the earth; and he numbereth his sheep, and they know him; and there shall be one fold and one shepherd; and he shall feed his sheep, and in him they shall find pasture.

And because of the righteousness of his people, Satan has no power; wherefore, he cannot be loosed for the space of many years; for he hath no power over the hearts of the people, for they dwell in righteousness, and the Holy One of Israel reigneth.

And now behold, I, Nephi, say unto you that all these things must come according to the flesh.

But, behold, all nations, kindreds, tongues, and people shall dwell safely in the Holy One of Israel if it so be that they will repent.



29 Và bây giờ, tôi, Nê Phi, xin chấm dứt; vì tôi không dám nói nhiều hơn về những điều này.

30 Vậy nên, hỡi các anh, tôi mong rằng các anh hãy xem những điều đã được ghi chép trên các bảng khắc bằng đồng này là chân thật; và những điều ấy làm chứng rằng loài người phải vâng theo các lệnh truyền của Thượng Đế.

31 Vậy nên, các anh chớ nên cho rằng chỉ có tôi và cha tôi là những người đã làm chứng và giảng dạy những điều đó. Vậy nên, nếu các anh biết tuân theo các lệnh truyền, và kiên trì đến cùng, thì các anh sẽ được cứu vào ngày sau cùng. Quả thật vậy. A Men.

And now I, Nephi, make an end; for I durst not speak further as yet concerning these things.

Wherefore, my brethren, I would that ye should consider that the things which have been written upon the plates of brass are true; and they testify that a man must be obedient to the commandments of God.

Wherefore, ye need not suppose that I and my father are the only ones that have testified, and also taught them. Wherefore, if ye shall be obedient to the commandments, and endure to the end, ye shall be saved at the last day. And thus it is. Amen.

# Sách Nê Phi Thứ Nhì

Truyện ký về cái chết của Lê Hi. Các anh của Nê Phi nổi lên chống ông. Chúa báo trước cho Nê Phi biết ông phải ra đi vào vùng hoang dã. Những cuộc hành trình của ông trong vùng hoang dã, và những sự việc khác.

## 2 Nê Phi 1

- 1 Và rồi chuyện rằng sau khi tôi, Nê Phi, chấm dứt lời giảng dạy các anh tôi, thì cha tôi là Lê Hi còn nói với họ nhiều điều, và kể lại cho họ nghe những điều vĩ đại biết bao mà Chúa đã làm cho họ khi đem họ ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem.
- 2 Và ông đã nói với họ về chuyện họ nổi loạn khi còn ở ngoài khơi, cùng lòng thương xót của Thượng Đế đã tha mạng sống cho họ để họ khỏi bị nuốt vào lòng biển.
- 3 Và ông còn nói cho họ nghe về đất hứa mà họ đã nhận được—chứng tỏ Chúa đã đầy lòng thương xót biết bao khi Ngài báo trước cho chúng tôi biết để chạy khỏi xứ Giê Ru Sa Lem.
- 4 Vì này, ông đã nói: Cha đã thấy một khả tượng, nhờ đó cha biết được rằng Giê Ru Sa Lem bị hủy diệt; và nếu chúng ta còn ở lại Giê Ru Sa Lem thì chúng ta cũng đã bị chết rồi.
- 5 Nhưng, ông nói, mặc dù trải qua biết bao nỗi thống khổ, chúng ta đã nhận được đất hứa, một vùng đất chọn lọc hơn hết thảy mọi vùng đất khác; một vùng đất mà Đức Chúa Trời đã giao ước với cha sẽ là một vùng đất dành cho dòng dõi của cha thừa hưởng. Phải, Chúa đã giao ước ban đất này cho cha và cho con cái của cha mãi mãi, và cũng cho tất cả những người được bàn tay Chúa dẫn ra khỏi các xứ khác.
- 6 Vậy nên, cha, Lê Hi, tiên tri qua những tác động của Thánh Linh đang ở trong cha rằng: Không một ai đến được đất này, trừ khi họ được bàn tay của Chúa dẫn đến.

# The Second Book of Nephi

An account of the death of Lehi. Nephi's brethren rebel against him. The Lord warns Nephi to depart into the wilderness. His journeyings in the wilderness, and so forth.

## 2 Nephi 1

And now it came to pass that after I, Nephi, had made an end of teaching my brethren, our father, Lehi, also spake many things unto them, and rehearsed unto them, how great things the Lord had done for them in bringing them out of the land of Jerusalem.

And he spake unto them concerning their rebellions upon the waters, and the mercies of God in sparing their lives, that they were not swallowed up in the sea.

And he also spake unto them concerning the land of promise, which they had obtained—how merciful the Lord had been in warning us that we should flee out of the land of Jerusalem.

For, behold, said he, I have seen a vision, in which I know that Jerusalem is destroyed; and had we remained in Jerusalem we should also have perished.

But, said he, notwithstanding our afflictions, we have obtained a land of promise, a land which is choice above all other lands; a land which the Lord God hath covenanted with me should be a land for the inheritance of my seed. Yea, the Lord hath covenanted this land unto me, and to my children forever, and also all those who should be led out of other countries by the hand of the Lord.

Wherefore, I, Lehi, prophesy according to the workings of the Spirit which is in me, that there shall none come into this land save they shall be brought by the hand of the Lord.

7 Vậy nên, vùng đất này được biệt riêng cho những ai mà Ngài sẽ dẫn đến. Và nếu những người đó sẽ phục vụ Ngài đúng theo các lệnh truyền Ngài đã ban ra, thì đây sẽ là vùng đất tự do cho họ; vậy nên, họ sẽ không bao giờ bị đưa vào cảnh tù đày; nhưng, nếu có, thì đó là do sự bất chính mà ra; bởi vì, khi nào sự bất chính đầy dẫy thì đất này vì tại họ mà bị rửa sả; còn đối với những người ngay chính, thì đất này vẫn được ban phước đời đời.

8 Và này, đây là điều thông sáng để cho đất này sẽ được giữ không cho các dân khác biết; vì này, nhiều dân tộc sẽ tràn vào đất này làm cho không còn chỗ làm nơi thừa hưởng.

9 Vậy nên, cha, Lê Hi, đã nhận được một lời hứa rằng chừng nào những kẻ được Đức Chúa Trời đem ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem còn tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, thì họ sẽ còn được thịnh vượng trên đất này; và họ sẽ được gìn giữ riêng ra khỏi mọi dân khác, để họ có thể làm sở hữu chủ đất này. Và nếu họ tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, thì họ sẽ được ban phước lành trên đất này, và sẽ không có ai ức hiếp được họ, hoặc chiếm đoạt đất đai thừa hưởng của họ được, và họ sẽ an toàn cư ngụ mãi mãi.

10 Nhưng này, đến khi nào mà họ sa vào vòng vô tín ngưỡng, sau khi họ đã thụ nhận biết bao ân phước lớn lao từ bàn tay của Chúa—như hiểu biết về sự sáng tạo thế gian và loài người, hiểu biết về các việc làm vĩ đại và kỳ diệu của Chúa từ lúc sáng thế, thụ nhận quyền năng nhờ đức tin để làm mọi công việc; có tất cả các lệnh truyền từ lúc mới khởi đầu, và được dẫn dắt đến vùng đất hứa quý giá này nhờ lòng nhân từ vô biên của Ngài—này, cha nói đây, nếu đến một ngày nào họ chối bỏ Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, Đấng Mê Si chân chính, Đấng Cứu Chuộc và Thượng Đế của họ, này, những sự đoán phạt của Đấng công bình sẽ giáng xuống họ.

11 Phải, Ngài sẽ đem các dân khác đến với họ, và Ngài sẽ ban cho các dân này quyền lực; Ngài sẽ lấy đi đất thừa hưởng của họ và làm cho họ phải bị phân tán và bị đánh đập.

Wherefore, this land is consecrated unto him whom he shall bring. And if it so be that they shall serve him according to the commandments which he hath given, it shall be a land of liberty unto them; wherefore, they shall never be brought down into captivity; if so, it shall be because of iniquity; for if iniquity shall abound cursed shall be the land for their sakes, but unto the righteous it shall be blessed forever.

And behold, it is wisdom that this land should be kept as yet from the knowledge of other nations; for behold, many nations would overrun the land, that there would be no place for an inheritance.

Wherefore, I, Lehi, have obtained a promise, that inasmuch as those whom the Lord God shall bring out of the land of Jerusalem shall keep his commandments, they shall prosper upon the face of this land; and they shall be kept from all other nations, that they may possess this land unto themselves. And if it so be that they shall keep his commandments they shall be blessed upon the face of this land, and there shall be none to molest them, nor to take away the land of their inheritance; and they shall dwell safely forever.

But behold, when the time cometh that they shall dwindle in unbelief, after they have received so great blessings from the hand of the Lord—having a knowledge of the creation of the earth, and all men, knowing the great and marvelous works of the Lord from the creation of the world; having power given them to do all things by faith; having all the commandments from the beginning, and having been brought by his infinite goodness into this precious land of promise—behold, I say, if the day shall come that they will reject the Holy One of Israel, the true Messiah, their Redeemer and their God, behold, the judgments of him that is just shall rest upon them.

Yea, he will bring other nations unto them, and he will give unto them power, and he will take away from them the lands of their possessions, and he will cause them to be scattered and smitten.

- 12 Phải, rồi thế hệ này tiếp nối thế hệ khác, sẽ có biết bao cảnh đổ máu, và biết bao sự viếng phạt ở giữa họ; vậy nên, hỡi các con, cha mong rằng, các con hãy ghi nhớ; phải, cha mong rằng các con hãy nghe theo những lời của cha.
- 13 Ôi, cha mong các con thức tỉnh; hãy thức tỉnh khỏi giấc ngủ triền miên, phải, hãy tỉnh giấc ngủ ngục giới, và hãy cởi bỏ những xiềng xích góm ghê mà các con đang bị trói buộc, đó là những xiềng xích cột trói con cái loài người, để họ bị đem vào cảnh tù đày dưới chốn vực thẳm vĩnh cửu của sự khốn cùng và đau khổ vậy.
- 14 Hãy thức tỉnh! Hãy trỗi dậy từ nơi bụi đất, và hãy nghe những lời của một người cha run rẩy, mà chẳng còn bao lâu nữa, thân xác này sẽ được các con đặt vào trong lòng mộ giá lạnh im lìm, nơi mà không một kẻ lữ hành nào có thể trở về được; một vài ngày nữa thôi, cha sẽ đi con đường của mọi người trần thế.
- 15 Nhưng này, Chúa đã cứu chuộc linh hồn cha ra khỏi chốn ngục giới; cha đã nhìn thấy sự vinh quang của Ngài, và cha đang được bảo bọc vĩnh viễn trong vòng tay thương yêu của Ngài.
- 16 Và cha mong các con nhớ tuân hành các luật lệ và mạng lệnh của Chúa; này, điều này đã là mối lo âu của tâm hồn cha từ lúc ban đầu.
- 17 Tim cha đôi lúc bị nặng trĩu mối ưu phiền, vì cha sợ rằng, lòng dạ chai đá của các con sẽ khiến Chúa, Thượng Đế của các con, trút trọn cơn thịnh nộ tràn đầy của Ngài xuống các con, khiến các con phải bị khai trừ và hủy diệt mãi mãi;
- 18 Hoặc, một sự nguyên rủa sẽ giáng xuống các con suốt nhiều thế hệ; và các con bị viếng phạt bằng nạn gươm đao, và bằng nạn đói, và các con sẽ bị ghét bỏ, và bị dẫn dắt theo ý muốn và sự cầm tù của quỷ dữ.
- 19 Hỡi các con trai của cha, mong sao những điều này không xảy đến cho các con, mà trái lại, các con sẽ trở thành một dân tộc chọn lọc và ưu đãi của Chúa. Nhưng này, cầu xin thánh ý của Ngài được nên; vì những đường lối của Ngài ngay chính mãi mãi.

Yea, as one generation passeth to another there shall be bloodsheds, and great visitations among them; wherefore, my sons, I would that ye would remember; yea, I would that ye would hearken unto my words.

O that ye would awake; awake from a deep sleep, yea, even from the sleep of hell, and shake off the awful chains by which ye are bound, which are the chains which bind the children of men, that they are carried away captive down to the eternal gulf of misery and woe.

Awake! and arise from the dust, and hear the words of a trembling parent, whose limbs ye must soon lay down in the cold and silent grave, from whence no traveler can return; a few more days and I go the way of all the earth.

But behold, the Lord hath redeemed my soul from hell; I have beheld his glory, and I am encircled about eternally in the arms of his love.

And I desire that ye should remember to observe the statutes and the judgments of the Lord; behold, this hath been the anxiety of my soul from the beginning.

My heart hath been weighed down with sorrow from time to time, for I have feared, lest for the hardness of your hearts the Lord your God should come out in the fulness of his wrath upon you, that ye be cut off and destroyed forever;

Or, that a cursing should come upon you for the space of many generations; and ye are visited by sword, and by famine, and are hated, and are led according to the will and captivity of the devil.

O my sons, that these things might not come upon you, but that ye might be a choice and a favored people of the Lord. But behold, his will be done; for his ways are righteousness forever.

20 Và Ngài đã từng phán rằng: Chừng nào các người còn tuân giữ những lệnh truyền của ta thì các người sẽ được thịnh vượng trong xứ; nhưng chừng nào các người không còn tuân giữ những lệnh truyền của ta thì các người sẽ bị khai trừ khỏi sự hiện diện của ta.

21 Và giờ đây, để cho tâm hồn cha được hân hoan nơi các con, và để cho lòng cha được sung sướng mà từ giã thế gian này vì các con, để cho cha không bị đem theo những nỗi ưu phiền và đau khổ xuống mồ, thì các con hãy trở dậy từ nơi bụi đất, hỡi các con của cha, các con hãy tỏ ra là những người trượng phu, và hãy đồng tâm nhất trí một lòng đoàn kết trong mọi công việc, để các con khỏi bị rơi vào vòng tù đày;

22 Để các con khỏi bị rửa sả nặng nề; và cũng để các con khỏi hứng chịu sự bất bình của một Thượng Đế công bình, khiến cho các con phải bị hủy diệt, phải, đó là một sự hủy diệt vĩnh cửu của cả linh hồn lẫn thể xác.

23 Hãy thức tỉnh, hỡi các con trai của cha; hãy khoác áo giáp của sự ngay chính. Hãy cởi bỏ mọi xiềng xích đang trói buộc các con, và hãy bước ra khỏi chốn tối tăm, và trở dậy khỏi bụi đất.

24 Chớ chống đối em của các con nữa, nó từng mục kích nhiều sự vinh quang, và nó đã tuân giữ các lệnh truyền ngay từ lúc chúng ta rời khỏi Giê Ru Sa Lem; và nó còn là một công cụ trong tay Thượng Đế để dẫn dắt chúng ta đến đất hứa; vì nếu không có nó thì chúng ta đã chết đói hết trong vùng hoang dã rồi; vậy mà các con lại tìm cách lấy mạng sống của nó; phải, nó đã từng đau khổ nhiều vì các con.

25 Và cha rất đỗi sợ hãi và run sợ vì các con, vì cha sợ rằng nó sẽ bị đau khổ một lần nữa; vì này các con đã kết tội cho nó là muốn tìm kiếm uy quyền và quyền hành trên các con, nhưng cha biết rằng nó chẳng tìm kiếm uy quyền mà cũng không tìm kiếm quyền hành gì trên các con, mà nó chỉ tìm kiếm vinh quang của Thượng Đế và sự an lạc vĩnh cửu cho các con mà thôi.

And he hath said that: Inasmuch as ye shall keep my commandments ye shall prosper in the land; but inasmuch as ye will not keep my commandments ye shall be cut off from my presence.

And now that my soul might have joy in you, and that my heart might leave this world with gladness because of you, that I might not be brought down with grief and sorrow to the grave, arise from the dust, my sons, and be men, and be determined in one mind and in one heart, united in all things, that ye may not come down into captivity;

That ye may not be cursed with a sore cursing; and also, that ye may not incur the displeasure of a just God upon you, unto the destruction, yea, the eternal destruction of both soul and body.

Awake, my sons; put on the armor of righteousness. Shake off the chains with which ye are bound, and come forth out of obscurity, and arise from the dust.

Rebel no more against your brother, whose views have been glorious, and who hath kept the commandments from the time that we left Jerusalem; and who hath been an instrument in the hands of God, in bringing us forth into the land of promise; for were it not for him, we must have perished with hunger in the wilderness; nevertheless, ye sought to take away his life; yea, and he hath suffered much sorrow because of you.

And I exceedingly fear and tremble because of you, lest he shall suffer again; for behold, ye have accused him that he sought power and authority over you; but I know that he hath not sought for power nor authority over you, but he hath sought the glory of God, and your own eternal welfare.

26 Và các con đã ta thán vì nó đã thẳng thắn với các con. Các con bảo rằng nó đã dùng lời lẽ sắc bén; các con bảo rằng, nó đã tức giận các con; nhưng này, sự sắc bén của nó là sự sắc bén do quyền năng của lời Thượng Đế đang ngự trị trong nó; và điều mà các con gọi là sự tức giận đó tức là lẽ thật, theo lẽ thật của Thượng Đế, lẽ thật mà nó không thể giấu lòng được nên phải bộc lộ ra một cách mạnh mẽ vì những sự bất chính của các con.

27 Và quyền năng của Thượng Đế cần phải có trong nó, để nó có thể ra lệnh cho các con phải tuân theo. Nhưng này, đó chẳng phải là cá nhân nó, mà chính là Thánh Linh của Chúa trong nó làm nó mở miệng phát nên lời mà nó không thể nín thính được.

28 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, La Man, và luôn cả Lê Mu Ên, và Sam, và luôn cả các con trai của cha là những người con của Ích Ma Ên, này, nếu các con nghe theo lời của Nê Phi, thì các con sẽ không bị diệt vong. Và nếu các con nghe theo nó thì cha để lại cho các con một phước lành, phải, phước lành đầu tiên của cha vậy.

29 Nhưng nếu các con không nghe theo nó thì cha lấy lại phước lành đầu tiên của cha, phải, đó là phước lành của cha, và phước lành đó sẽ thuộc về nó.

30 Và giờ đây, hỡi Giô Ram, ta nói với con: Này, con là tôi tớ của La Ban; tuy vậy, con được đem ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, và ta biết rằng con mãi mãi là bạn chân thành của con trai ta là Nê Phi.

31 Vậy nên, vì con đã trung thành mà dòng dõi của con sẽ được phước lành cùng với dòng dõi của nó, để chúng được sống trong sự thịnh vượng lâu dài trên đất này; và chẳng có một điều gì, ngoại trừ sự bất chính của chúng, có thể quấy rầy và làm trở ngại sự thịnh vượng đời đời của chúng trên đất này.

32 Vậy nên, nếu các con tuân giữ các lệnh truyền của Chúa, thì Chúa sẽ biệt riêng đất này cho sự an lạc của dòng dõi con với dòng dõi của con trai ta.

And ye have murmured because he hath been plain unto you. Ye say that he hath used sharpness; ye say that he hath been angry with you; but behold, his sharpness was the sharpness of the power of the word of God, which was in him; and that which ye call anger was the truth, according to that which is in God, which he could not restrain, manifesting boldly concerning your iniquities.

And it must needs be that the power of God must be with him, even unto his commanding you that ye must obey. But behold, it was not he, but it was the Spirit of the Lord which was in him, which opened his mouth to utterance that he could not shut it.

And now my son, Laman, and also Lemuel and Sam, and also my sons who are the sons of Ishmael, behold, if ye will hearken unto the voice of Nephi ye shall not perish. And if ye will hearken unto him I leave unto you a blessing, yea, even my first blessing.

But if ye will not hearken unto him I take away my first blessing, yea, even my blessing, and it shall rest upon him.

And now, Zoram, I speak unto you: Behold, thou art the servant of Laban; nevertheless, thou hast been brought out of the land of Jerusalem, and I know that thou art a true friend unto my son, Nephi, forever.

Wherefore, because thou hast been faithful thy seed shall be blessed with his seed, that they dwell in prosperity long upon the face of this land; and nothing, save it shall be iniquity among them, shall harm or disturb their prosperity upon the face of this land forever.

Wherefore, if ye shall keep the commandments of the Lord, the Lord hath consecrated this land for the security of thy seed with the seed of my son.

## 2 Nê Phi 2

- 1 Và giờ đây, cha nói riêng với con đây, hỡi Gia Cốp: Con là đứa con đầu sinh của cha ra đời vào những ngày gian truân của cha trong vùng hoang dã. Và này, từ thuở ấu thơ con đã từng chịu nhiều nỗi khổ đau và phiền muộn vì tính tình lỗ mãng của các anh con.
- 2 Tuy vậy, hỡi Gia Cốp, đứa con đầu sinh của cha trong vùng hoang dã, con đã biết được sự vĩ đại của Thượng Đế; và Ngài sẽ biệt riêng sự đau khổ của con thành lợi ích cho con.
- 3 Vậy nên, linh hồn con sẽ được phước, và con sẽ được sống yên lành với Nê Phi, anh con; và những ngày tháng của đời con sẽ được dùng để phục vụ Thượng Đế của con. Vì thế, cha biết rằng, con được cứu chuộc nhờ sự ngay chính của Đấng Cứu Chuộc của con; vì con đã được thấy rằng vào thời kỳ trọn vẹn, Ngài sẽ đến để mang sự cứu rỗi đến cho loài người.
- 4 Trong thuở ấu thơ con đã được thấy sự vinh quang của Ngài; vậy nên, con được ban phước lành như những người sẽ được Ngài phục sự khi Ngài mang xác thân trần thế; vì Thánh Linh lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau. Và đường lối đã được chuẩn bị từ lúc sự sa ngã của loài người, và sự cứu rỗi được ban không cho mọi người.
- 5 Và loài người được dạy dỗ đầy đủ để họ biết phân biệt được thiện và ác. Và luật pháp cũng được ban ra cho loài người. Và chiếu theo luật pháp thì không một xác thịt nào được biện minh; hay chiếu theo luật pháp thì con người phải bị khai trừ. Phải, chiếu theo luật pháp thế tục, họ phải bị khai trừ; và chiếu theo luật pháp thuộc linh, họ cũng bị diệt vong đối với điều thiện, và trở nên khốn cùng mãi mãi.
- 6 Vậy nên, sự cứu chuộc sẽ đến trong và qua Đấng Mê Si Thánh; vì Ngài đầy ân điển và lễ thật.
- 7 Này, để đáp ứng các mục đích của luật pháp, Ngài tự hiến thân mình làm vật hy sinh để chuộc tội cho tất cả những ai có một tấm lòng đau khổ và một tâm hồn thống hối; ngoài ra, chẳng một ai khác có thể được các mục đích của luật pháp đáp ứng cả.

## 2 Nephi 2

And now, Jacob, I speak unto you: Thou art my firstborn in the days of my tribulation in the wilderness. And behold, in thy childhood thou hast suffered afflictions and much sorrow, because of the rudeness of thy brethren.

Nevertheless, Jacob, my firstborn in the wilderness, thou knowest the greatness of God; and he shall consecrate thine afflictions for thy gain.

Wherefore, thy soul shall be blessed, and thou shalt dwell safely with thy brother, Nephi; and thy days shall be spent in the service of thy God. Wherefore, I know that thou art redeemed, because of the righteousness of thy Redeemer; for thou hast beheld that in the fulness of time he cometh to bring salvation unto men.

And thou hast beheld in thy youth his glory; wherefore, thou art blessed even as they unto whom he shall minister in the flesh; for the Spirit is the same, yesterday, today, and forever. And the way is prepared from the fall of man, and salvation is free.

And men are instructed sufficiently that they know good from evil. And the law is given unto men. And by the law no flesh is justified; or, by the law men are cut off. Yea, by the temporal law they were cut off; and also, by the spiritual law they perish from that which is good, and become miserable forever.

Wherefore, redemption cometh in and through the Holy Messiah; for he is full of grace and truth.

Behold, he offereth himself a sacrifice for sin, to answer the ends of the law, unto all those who have a broken heart and a contrite spirit; and unto none else can the ends of the law be answered.

- 8      Vậy nên, việc tối quan trọng là làm sao phổ biến những điều này cho dân cư của thế gian, để họ biết rằng không một xác thịt nào có thể sống được trong sự hiện diện của Thượng Đế, trừ phi phải qua sự trung gian của công lao, lòng thương xót, và ân điển của Đấng Mê Si Thánh là Đấng sẽ bỏ sự sống của mình theo thể cách xác thịt, và sẽ sống lại nhờ quyền năng của Thánh Linh, ngõ hầu Ngài có thể mang lại sự phục sinh cho người chết, vì Ngài là người đầu tiên sẽ sống lại.
- 9      Vậy nên, Ngài là trái đầu mùa của Thượng Đế, và Ngài sẽ can thiệp cho tất cả con cái loài người, và ai tin Ngài thì sẽ được cứu.
- 10     Và vì là sự can thiệp cho tất cả, nên mọi người đều đến với Thượng Đế; vậy nên, họ đứng trước sự hiện diện của Ngài để được Ngài phán xét theo lẽ thật và sự thánh thiện hằng có nơi Ngài. Vậy nên, các mục đích của luật pháp mà Đấng Thánh đã ban hành để thiết lập sự trừng phạt gắn liền với luật pháp, mà sự trừng phạt gắn liền với luật pháp là một điều tương phản đối với hạnh phúc, và chính hạnh phúc này cũng gắn liền với luật pháp nữa, là để đáp ứng cho các mục đích của sự chuộc tội—
- 11     Vì cần phải có sự tương phản trong mọi sự việc. Nếu không thì, hỡi đứa con đầu sinh của cha trong vùng hoang dã, sự ngay chính không thể có được, và cũng không thể có sự tà ác hay sự thánh thiện, không có sự khốn cùng, hay điều phải lẽ quấy. Vậy nên, tất cả mọi sự vật cần phải có sự kết hợp thành một; vì nếu mọi vật vẫn còn là những đơn thể, thì mọi vật được xem như đã chết, vì không có sự sống và sự chết, không có sự hư nát hay không hư nát, không có hạnh phúc hay khốn cùng, và cũng không có tri giác hay vô tri giác.
- 12     Vậy nên, nó kể như đã được sáng tạo thành hư không; vậy nên đã không có mục đích gì trong mục tiêu sáng tạo ra nó. Vậy ắt là nó hủy diệt sự thông sáng của Thượng Đế và những mục đích vĩnh cửu của Ngài, cùng quyền năng, lòng thương xót, và công lý của Thượng Đế.

Wherefore, how great the importance to make these things known unto the inhabitants of the earth, that they may know that there is no flesh that can dwell in the presence of God, save it be through the merits, and mercy, and grace of the Holy Messiah, who layeth down his life according to the flesh, and taketh it again by the power of the Spirit, that he may bring to pass the resurrection of the dead, being the first that should rise.

Wherefore, he is the firstfruits unto God, inasmuch as he shall make intercession for all the children of men; and they that believe in him shall be saved.

And because of the intercession for all, all men come unto God; wherefore, they stand in the presence of him, to be judged of him according to the truth and holiness which is in him. Wherefore, the ends of the law which the Holy One hath given, unto the inflicting of the punishment which is affixed, which punishment that is affixed is in opposition to that of the happiness which is affixed, to answer the ends of the atonement—

For it must needs be, that there is an opposition in all things. If not so, my firstborn in the wilderness, righteousness could not be brought to pass, neither wickedness, neither holiness nor misery, neither good nor bad. Wherefore, all things must needs be a compound in one; wherefore, if it should be one body it must needs remain as dead, having no life neither death, nor corruption nor incorruption, happiness nor misery, neither sense nor insensibility.

Wherefore, it must needs have been created for a thing of naught; wherefore there would have been no purpose in the end of its creation. Wherefore, this thing must needs destroy the wisdom of God and his eternal purposes, and also the power, and the mercy, and the justice of God.



13 Và nếu con bảo rằng không có luật pháp tức là con bảo rằng không có tội lỗi. Nếu con bảo rằng không có tội lỗi tức là con bảo rằng không có sự ngay chính. Và nếu không có sự ngay chính thì làm gì có hạnh phúc. Và nếu không có sự ngay chính lẫn hạnh phúc thì cũng không có sự trừng phạt hay sự khổ cùng. Và nếu không có những điều ấy, thì Thượng Đế cũng không có. Và nếu không có Thượng Đế thì làm gì có chúng ta, làm gì có thế gian này; vì không thể có sự sáng tạo ra vạn vật, để hành động hay bị tác động; vậy thì ắt là vạn vật đã tan biến hết.

14 Và giờ đây, hỡi các con trai của cha, cha nói lên tất cả những điều này cũng vì sự lợi ích và sự học hỏi của các con; vì quả thực có một Thượng Đế, và Ngài đã sáng tạo vạn vật, cả trời, đất, và mọi vật ở trong đó; tất cả những vật hành động lẫn những vật bị tác động.

15 Và để mang lại các mục đích vĩnh cửu cho loài người, sau khi Ngài sáng tạo ra thủy tổ chúng ta, cùng những loài vật trên đồng cỏ và chim muôn trên trời, nói tóm lại, sau khi vạn vật được sáng tạo, thì cần phải có sự tương phản, như trái cấm để tương phản với cây sự sống; một bên thì ngọt bùi còn một bên thì cay đắng vậy.

16 Vậy nên, Đức Chúa Trời đã cho loài người được hành động lấy một mình. Vậy nên, loài người không thể hành động lấy một mình nếu không bị xúi giục bởi bên này hay bên kia.

17 Và cha, Lê Hi, dựa theo những điều mà cha đã đọc được, theo như những lời đã chép, thì có một thiên thần của Thượng Đế sa ngã từ trời; vậy nên thiên thần ấy trở thành quỷ dữ vì đã tìm cách làm điều ác trước mặt Thượng Đế.

18 Và bởi lẽ nó sa ngã từ trời và bị khổ sở đời đời nên mới tìm cách làm cho tất cả loài người phải khổ sở theo. Vậy nên, nó nói với Ê Va, phải, chính nó là con rắn thuở xưa, là quỷ dữ, là cha của mọi điều dối trá; nó nói: Hãy ăn trái cấm đi, rồi người sẽ không chết, người sẽ được như Thượng Đế, biết điều thiện và điều ác.

19 Và sau khi A Đam và Ê Va đã ăn trái cấm thì cả hai đều bị đuổi ra khỏi vườn Ê Đen để trồng trọt đất đai.

And if ye shall say there is no law, ye shall also say there is no sin. If ye shall say there is no sin, ye shall also say there is no righteousness. And if there be no righteousness there be no happiness. And if there be no righteousness nor happiness there be no punishment nor misery. And if these things are not there is no God. And if there is no God we are not, neither the earth; for there could have been no creation of things, neither to act nor to be acted upon; wherefore, all things must have vanished away.

And now, my sons, I speak unto you these things for your profit and learning; for there is a God, and he hath created all things, both the heavens and the earth, and all things that in them are, both things to act and things to be acted upon.

And to bring about his eternal purposes in the end of man, after he had created our first parents, and the beasts of the field and the fowls of the air, and in fine, all things which are created, it must needs be that there was an opposition; even the forbidden fruit in opposition to the tree of life; the one being sweet and the other bitter.

Wherefore, the Lord God gave unto man that he should act for himself. Wherefore, man could not act for himself save it should be that he was enticed by the one or the other.

And I, Lehi, according to the things which I have read, must needs suppose that an angel of God, according to that which is written, had fallen from heaven; wherefore, he became a devil, having sought that which was evil before God.

And because he had fallen from heaven, and had become miserable forever, he sought also the misery of all mankind. Wherefore, he said unto Eve, yea, even that old serpent, who is the devil, who is the father of all lies, wherefore he said: Partake of the forbidden fruit, and ye shall not die, but ye shall be as God, knowing good and evil.

And after Adam and Eve had partaken of the forbidden fruit they were driven out of the garden of Eden, to till the earth.

20 Rồi họ sinh sản con cái; phải, là gia đình của cả thế gian này vậy.

21 Và những ngày tháng cuộc đời của con cái loài người được kéo dài, thể theo ý muốn của Thượng Đế để họ có thể hối cải khi họ còn ở trong xác thịt, vậy nên, tình trạng của họ đã trở nên một tình trạng thử thách, và thời gian của họ được kéo dài thể theo những lệnh truyền của Đức Chúa Trời đã ban cho con cái loài người. Vì Ngài có ban ra một lệnh truyền rằng tất cả loài người phải hối cải vì Ngài đã cho tất cả loài người thấy rằng, họ đã lạc lối vì sự phạm giới của tổ tiên họ.

22 Và giờ đây, này, nếu A Đam không phạm giới thì ông đã không sa ngã, mà trái lại ông vẫn còn ở trong vườn Ê Đen, và tất cả những vật được sáng tạo đều ở nguyên trong trạng thái như lúc mới sơ khai, và sẽ cứ như vậy mà tồn tại mãi mãi và không có sự chấm dứt.

23 Và rồi họ đã không sinh sản con cái, họ ở mãi trong trạng thái ngây thơ, không có sự vui sướng, vì họ đâu biết sự khổ sở, họ không làm điều gì lành, vì họ đâu biết thế nào là tội lỗi.

24 Nhưng này, mọi sự việc đã được thực hiện theo sự thông sáng của Đấng thông hiểu mọi sự việc.

25 A Đam sa ngã để loài người sinh tồn, và loài người có sinh tồn thì họ mới hưởng được niềm vui.

26 Rồi Đấng Mê Si sẽ đến trong thời kỳ trọn vẹn để Ngài có thể cứu chuộc con cái loài người khỏi sự sa ngã. Và nhờ được cứu chuộc khỏi sự sa ngã họ đã được tự do mãi mãi, phân biệt được thiện ác, và tự hành động lấy một mình, chứ không bị tác động, trừ phi đó là sự trừng phạt theo luật pháp vào ngày vĩ đại cuối cùng, dựa trên các lệnh truyền mà Thượng Đế đã ban.

27 Vậy nên, loài người được tự do theo thể cách xác thịt, và tất cả những điều gì cần thiết cho loài người đều được ban phát cho họ. Và họ được tự ý lựa chọn sự tự do và cuộc sống vĩnh cửu, qua Đấng Trung Gian vĩ đại của tất cả loài người; hay là họ muốn lựa chọn cảnh tù đày và sự chết dưới xiềng xích và quyền hành của quỷ dữ; vì nó rất muốn tìm cách làm cho tất cả loài người phải đau khổ như nó vậy.

And they have brought forth children; yea, even the family of all the earth.

And the days of the children of men were prolonged, according to the will of God, that they might repent while in the flesh; wherefore, their state became a state of probation, and their time was lengthened, according to the commandments which the Lord God gave unto the children of men. For he gave commandment that all men must repent; for he showed unto all men that they were lost, because of the transgression of their parents.

And now, behold, if Adam had not transgressed he would not have fallen, but he would have remained in the garden of Eden. And all things which were created must have remained in the same state in which they were after they were created; and they must have remained forever, and had no end.

And they would have had no children; wherefore they would have remained in a state of innocence, having no joy, for they knew no misery; doing no good, for they knew no sin.

But behold, all things have been done in the wisdom of him who knoweth all things.

Adam fell that men might be; and men are, that they might have joy.

And the Messiah cometh in the fulness of time, that he may redeem the children of men from the fall. And because that they are redeemed from the fall they have become free forever, knowing good from evil; to act for themselves and not to be acted upon, save it be by the punishment of the law at the great and last day, according to the commandments which God hath given.

Wherefore, men are free according to the flesh; and all things are given them which are expedient unto man. And they are free to choose liberty and eternal life, through the great Mediator of all men, or to choose captivity and death, according to the captivity and power of the devil; for he seeketh that all men might be miserable like unto himself.

28 Và giờ đây, hỡi các con trai của cha, cha mong muốn các con hãy hưởng về Đấng Trung Gian vĩ đại ấy, các con hãy nghe theo những lệnh truyền của Ngài, hãy trung thành gìn giữ những lời của Ngài, và hãy chọn lựa cuộc sống vĩnh cửu theo ý muốn của Đức Thánh Linh của Ngài;

29 Và chớ chọn lựa cái chết vĩnh cửu theo ý muốn của xác thịt cùng điều tà ác bên trong, khiến cho linh hồn của quỷ dữ có đủ quyền năng bắt giữ và đem các con xuống ngục giới ngỗ hầu nó có thể thống trị các con trong lãnh giới của nó.

30 Cha có bấy nhiêu lời nhắn nhủ tất cả các con, là những đứa con trai của cha, vào những ngày thử thách cuối cùng trong đời cha, và cha đã chọn lựa phần tốt theo như lời của vị tiên tri. Cha không cầu mong điều gì hơn ngoài sự an lạc vĩnh viễn của tâm hồn các con. Amen.

And now, my sons, I would that ye should look to the great Mediator, and hearken unto his great commandments; and be faithful unto his words, and choose eternal life, according to the will of his Holy Spirit;

And not choose eternal death, according to the will of the flesh and the evil which is therein, which giveth the spirit of the devil power to captivate, to bring you down to hell, that he may reign over you in his own kingdom.

I have spoken these few words unto you all, my sons, in the last days of my probation; and I have chosen the good part, according to the words of the prophet. And I have none other object save it be the everlasting welfare of your souls. Amen.

## 2 Nê Phi 3

- 1 Và giờ đây, cha nói với con, hỡi Giô Sép, con út của cha. Con đã sinh ra trong vùng hoang dã đầy đau khổ của cha; phải, mẹ con đã mang thai con trong những ngày sầu khổ nhất của đời cha.
- 2 Và ước mong sao Chúa cũng biệt riêng cho con đất này là đất quý nhất, để con thừa hưởng, và để dòng dõi của con cùng dòng dõi của các anh con cũng được thừa hưởng nữa, cho sự an lạc của con mãi mãi, nếu các con biết tuân giữ các lệnh truyền của Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.
- 3 Và này, hỡi Giô Sép, con út của cha, đứa con mà cha đã đem ra khỏi vùng hoang dã đầy đau khổ của cha, cha cầu mong Chúa ban phước cho con mãi mãi, để cho dòng dõi của con sẽ khỏi phải bị tận diệt.
- 4 Vì này, con là con ruột thịt của cha, và cha là một con cháu của Giô Sép, người đã bị bắt đày qua Ai Cập. Và vĩ đại thay những giao ước mà Chúa đã lập với Giô Sép.
- 5 Vậy nên, Giô Sép đã thực sự nhìn thấy thời đại của chúng ta. Ông đã được Chúa hứa rằng trong số những hậu tự của ông sẽ được Đức Chúa Trời dựng lên một nhánh ngay chính cho gia tộc Y Sơ Ra Ên; không phải là Đấng Mê Si, mà là một nhánh bị tách lìa, nhưng cũng được nhớ tới trong các giao ước của Chúa rằng Đấng Mê Si sẽ biểu hiện cho họ biết vào những ngày sau, trong tinh thần quyền năng, để đem họ từ chỗ tối tăm ra nơi ánh sáng—phải, đem họ ra khỏi chốn tối tăm ẩn khuất và khỏi chốn tù đày để hưởng tự do.
- 6 Vì Giô Sép quả thật đã làm chứng rằng: Chúa, Thượng Đế của ta sẽ dựng lên một vị tiên kiến, người là một tiên kiến chọn lọc cho đám hậu tự của ta.
- 7 Phải, quả thật Giô Sép có nói rằng: Chúa đã phán với ta như vậy: Ta sẽ dựng lên một vị tiên kiến chọn lọc trong đám hậu tự của người, và người ấy sẽ rất được kính trọng trong đám hậu tự của người. Và ta sẽ ra lệnh cho người ấy làm một công việc cho hậu tự của người, tức là đồng bào của người ấy, và công việc này sẽ có một giá trị lớn lao đối với chúng, vì nhờ thế chúng mới hiểu được những giao ước mà ta đã lập với tổ phụ người.

## 2 Nephi 3

And now I speak unto you, Joseph, my last-born. Thou wast born in the wilderness of mine afflictions; yea, in the days of my greatest sorrow did thy mother bear thee.

And may the Lord consecrate also unto thee this land, which is a most precious land, for thine inheritance and the inheritance of thy seed with thy brethren, for thy security forever, if it so be that ye shall keep the commandments of the Holy One of Israel.

And now, Joseph, my last-born, whom I have brought out of the wilderness of mine afflictions, may the Lord bless thee forever, for thy seed shall not utterly be destroyed.

For behold, thou art the fruit of my loins; and I am a descendant of Joseph who was carried captive into Egypt. And great were the covenants of the Lord which he made unto Joseph.

Wherefore, Joseph truly saw our day. And he obtained a promise of the Lord, that out of the fruit of his loins the Lord God would raise up a righteous branch unto the house of Israel; not the Messiah, but a branch which was to be broken off, nevertheless, to be remembered in the covenants of the Lord that the Messiah should be made manifest unto them in the latter days, in the spirit of power, unto the bringing of them out of darkness unto light—yea, out of hidden darkness and out of captivity unto freedom.

For Joseph truly testified, saying: A seer shall the Lord my God raise up, who shall be a choice seer unto the fruit of my loins.

Yea, Joseph truly said: Thus saith the Lord unto me: A choice seer will I raise up out of the fruit of thy loins; and he shall be esteemed highly among the fruit of thy loins. And unto him will I give commandment that he shall do a work for the fruit of thy loins, his brethren, which shall be of great worth unto them, even to the bringing of them to the knowledge of the covenants which I have made with thy fathers.

- 8 Và ta còn truyền lệnh cho người ấy không được làm một việc gì khác ngoài việc mà ta giao phó cho người ấy làm. Và ta sẽ làm cho người ấy vĩ đại trước mắt ta, vì người ấy sẽ thi hành công việc của ta.
- 9 Và người ấy sẽ vĩ đại như Môi Se, người mà ta đã nói là ta sẽ dựng lên cho người để giải cứu dân ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 10 Và ta sẽ dựng lên Môi Se để giải cứu dân của người ra khỏi xứ Ai Cập.
- 11 Nhưng ta sẽ dựng một vị tiên kiến trong đám hậu tự của người, và ta sẽ ban quyền năng cho người ấy để phổ biến lời của ta đến cho dòng dõi hậu tự người—và không phải chỉ phổ biến lời của ta mà thôi, nhưng còn thuyết phục cho họ tin lời của ta, là lời đã được rao truyền giữa họ từ trước, lời Chúa phán vậy.
- 12 Vậy nên, hậu tự của người sẽ ghi chép, và hậu tự của Giu Đa cũng ghi chép nữa; và tất cả những gì mà hậu tự người và hậu tự của Giu Đa ghi chép sẽ được kết hợp lại, để khuynh đảo các giáo lý sai lạc, để chấm dứt các sự tranh chấp, để đem lại sự thuận hòa giữa đám hậu tự của người, và đem lại cho chúng sự hiểu biết về tổ phụ của chúng vào những ngày sau, cùng sự hiểu biết về các giao ước của ta, lời Chúa phán vậy.
- 13 Và từ chỗ yếu đuối, người ấy sẽ được làm cho mạnh mẽ, vào ngày mà công việc của ta bắt đầu giữa tất cả dân của ta, để phục hồi người, hỡi Gia Tộc Y Sơ Ra Ên, lời Chúa phán vậy.
- 14 Và Giô Sép đã tiên tri như vậy: Đây, Chúa sẽ ban phước cho vị tiên kiến ấy; và những kẻ nào muốn tìm cách hủy diệt người sẽ bị ngăn trở; vì lời hứa này, là lời hứa mà ta đã tiếp nhận được từ Chúa phán về hậu tự của ta, sẽ được thực hiện. Đây, ta chắc chắn về việc thực hiện lời hứa này.
- 15 Và tên của vị ấy sẽ được đặt theo tên của ta; và tên đó cũng sẽ theo tên cha của vị ấy. Và vị ấy sẽ giống như ta; vì công việc mà Chúa sẽ phổ biến qua tay của người, bởi quyền năng của Chúa, sẽ dẫn dắt dân ta đến sự cứu rỗi.
- 16 Phải, Giô Sép đã tiên tri như vậy: Ta chắc chắn về điều này cũng như ta chắc chắn về lời hứa về Môi Se; vì Chúa đã phán bảo ta rằng: Ta sẽ bảo tồn dòng dõi của người mãi mãi.

And I will give unto him a commandment that he shall do none other work, save the work which I shall command him. And I will make him great in mine eyes; for he shall do my work.

And he shall be great like unto Moses, whom I have said I would raise up unto you, to deliver my people, O house of Israel.

And Moses will I raise up, to deliver thy people out of the land of Egypt.

But a seer will I raise up out of the fruit of thy loins; and unto him will I give power to bring forth my word unto the seed of thy loins—and not to the bringing forth my word only, saith the Lord, but to the convincing them of my word, which shall have already gone forth among them.

Wherefore, the fruit of thy loins shall write; and the fruit of the loins of Judah shall write; and that which shall be written by the fruit of thy loins, and also that which shall be written by the fruit of the loins of Judah, shall grow together, unto the confounding of false doctrines and laying down of contentions, and establishing peace among the fruit of thy loins, and bringing them to the knowledge of their fathers in the latter days, and also to the knowledge of my covenants, saith the Lord.

And out of weakness he shall be made strong, in that day when my work shall commence among all my people, unto the restoring thee, O house of Israel, saith the Lord.

And thus prophesied Joseph, saying: Behold, that seer will the Lord bless; and they that seek to destroy him shall be confounded; for this promise, which I have obtained of the Lord, of the fruit of my loins, shall be fulfilled. Behold, I am sure of the fulfilling of this promise;

And his name shall be called after me; and it shall be after the name of his father. And he shall be like unto me; for the thing, which the Lord shall bring forth by his hand, by the power of the Lord shall bring my people unto salvation.

Yea, thus prophesied Joseph: I am sure of this thing, even as I am sure of the promise of Moses; for the Lord hath said unto me, I will preserve thy seed forever.

- 17 Và Chúa có phán rằng: Ta sẽ dựng lên một Môi Se; và ta sẽ ban cho hắn quyền năng trong một cây gậy; ta sẽ ban cho hắn óc xét đoán trong việc ghi chép. Tuy nhiên, ta không tháo lưỡi hắn ra để hắn nói nhiều, vì ta không muốn làm cho hắn dũng mãnh trong lời nói. Nhưng ta sẽ ban cho hắn luật pháp của ta do chính tay ta viết ra, và ta sẽ lập một người phát ngôn cho hắn.
- 18 Và Chúa cũng bảo ta rằng: Ta sẽ dựng một người cho đám hậu tự của ngươi, và ta sẽ lập một người phát ngôn cho người ấy. Và ta, này, ta sẽ chỉ cho người ấy ghi chép lại những điều mà hậu tự ngươi đã ghi chép cho hậu tự ngươi sau này, và những điều ấy sẽ được người phát ngôn của hậu tự ngươi rao truyền.
- 19 Và những lời người ấy sẽ viết ra là những lời do sự thông sáng của ta thấy cần phải phổ biến cho hậu tự ngươi. Và điều đó sẽ chẳng khác chi như hậu tự ngươi từ trong bụi đất đã kêu gọi chúng, vì ta biết đức tin của chúng.
- 20 Và chúng sẽ kêu gào từ nơi bụi đất; phải, ngay cả chúng kêu gọi sự hối cải của đồng bào mình, mặc dù biết bao nhiêu thế hệ đã trôi qua. Và chuyện rằng, những lời kêu gào của chúng sẽ vang đi, thể theo sự đơn giản của những lời của chúng.
- 21 Nhờ đức tin của chúng mà những lời của chúng sẽ được truyền qua miệng của ta đến đồng bào của chúng, tức là hậu tự của ngươi; và sự yếu đuối trong lời nói của chúng sẽ được ta làm cho mạnh mẽ trong đức tin của chúng để chúng nhớ lại những giao ước mà ta đã lập với các tổ phụ ngươi.
- 22 Và giờ đây, này, hỡi con trai Giô Sép của cha, theo phương cách này mà tổ phụ ngày xưa của cha đã tiên tri như vậy.
- 23 Vậy nên, nhờ có giao ước này mà con được ban phước; vì dòng dõi của con sẽ không bị hủy diệt, vì chúng sẽ nghe theo những lời trong sách.
- 24 Và ở giữa chúng sẽ dậy lên một vị dũng mãnh, người sẽ làm nên nhiều việc tốt lành, cả trong ngôn từ lẫn hành động, sẽ là một công cụ trong tay Thượng Đế nhờ đức tin mãnh liệt của mình, để thực hiện những công việc hết sức kỳ diệu, và làm những điều vĩ đại trước mắt Thượng Đế, để đem lại nhiều sự phục hồi cho gia tộc Y Sơ Ra Ên, và cho dòng dõi của các anh con.

And the Lord hath said: I will raise up a Moses; and I will give power unto him in a rod; and I will give judgment unto him in writing. Yet I will not loose his tongue, that he shall speak much, for I will not make him mighty in speaking. But I will write unto him my law, by the finger of mine own hand; and I will make a spokesman for him.

And the Lord said unto me also: I will raise up unto the fruit of thy loins; and I will make for him a spokesman. And I, behold, I will give unto him that he shall write the writing of the fruit of thy loins, unto the fruit of thy loins; and the spokesman of thy loins shall declare it.

And the words which he shall write shall be the words which are expedient in my wisdom should go forth unto the fruit of thy loins. And it shall be as if the fruit of thy loins had cried unto them from the dust; for I know their faith.

And they shall cry from the dust; yea, even repentance unto their brethren, even after many generations have gone by them. And it shall come to pass that their cry shall go, even according to the simpleness of their words.

Because of their faith their words shall proceed forth out of my mouth unto their brethren who are the fruit of thy loins; and the weakness of their words will I make strong in their faith, unto the remembering of my covenant which I made unto thy fathers.

And now, behold, my son Joseph, after this manner did my father of old prophesy.

Wherefore, because of this covenant thou art blessed; for thy seed shall not be destroyed, for they shall hearken unto the words of the book.

And there shall rise up one mighty among them, who shall do much good, both in word and in deed, being an instrument in the hands of God, with exceeding faith, to work mighty wonders, and do that thing which is great in the sight of God, unto the bringing to pass much restoration unto the house of Israel, and unto the seed of thy brethren.

25      Và này, phước thay cho con, hỡi Giô Sép! Này, con còn nhỏ; vậy nên, con phải nghe theo lời của anh con là Nê Phi, và những điều đó sẽ được thực hiện cho con theo như lời cha nói. Hãy ghi nhớ những lời của cha con đang hấp hối. A Men.

And now, blessed art thou, Joseph. Behold, thou art little; wherefore hearken unto the words of thy brother, Nephi, and it shall be done unto thee even according to the words which I have spoken. Remember the words of thy dying father. Amen.

## 2 Nê Phi 4

- 1 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, xin nói về những điều tiên tri mà cha tôi đã nói về Giô Sép là người bị bắt đày qua Ai Cập.
- 2 Vì này, quả thật ông đã tiên tri về tất cả dòng dõi của ông. Và so với những điều tiên tri ông đã viết ra thì ít có điều gì quan trọng hơn. Ông đã tiên tri về chúng tôi và những thế hệ tương lai của chúng tôi; những điều này được ghi chép trên các bảng khắc bằng đồng.
- 3 Vậy nên, sau khi cha tôi nói xong về những lời tiên tri của Giô Sép, ông bèn gọi các con của La Man, các con trai và con gái của anh ấy, mà nói với chúng rằng: Này, các cháu trai và cháu gái của ta, là các con trai và con gái của con đầu lòng của ta, ta muốn các cháu để tai nghe những lời ta nói đây.
- 4 Vì Đức Chúa Trời có phán rằng: Chừng nào các người còn tuân giữ các lệnh truyền của ta thì các người sẽ được thịnh vượng trong xứ; chừng nào các người không còn tuân giữ các lệnh truyền của ta thì các người sẽ bị khai trừ khỏi sự hiện diện của ta.
- 5 Nhưng này, hỡi các cháu trai và các cháu gái của ta, ta không thể nào nằm xuống mộ phần mà không để lại cho các cháu một phước lành; vì này, ta biết rằng, nếu các cháu được nuôi dưỡng theo đường lối các cháu nên noi theo thì các cháu sẽ không lìa bỏ đường lối đó.
- 6 Vậy nên, này, ta để lại cho các cháu một phước lành, để nếu các cháu có bị rửa sả thì những sự rửa sả ấy sẽ được cất khỏi các cháu, mà rơi lên đầu cha mẹ các cháu.
- 7 Vậy nên, nhờ phước lành của ta mà Đức Chúa Trời sẽ không để cho các cháu phải bị diệt vong; vì vậy mà Ngài sẽ thương xót các cháu và dòng dõi của các cháu mãi mãi.
- 8 Và chuyện rằng, sau khi cha tôi nói với các con trai và con gái của La Man xong, ông cho gọi các con trai và con gái của Lê Mu Ên dẫn đến trước mặt ông.

## 2 Nephi 4

And now, I, Nephi, speak concerning the prophecies of which my father hath spoken, concerning Joseph, who was carried into Egypt.

For behold, he truly prophesied concerning all his seed. And the prophecies which he wrote, there are not many greater. And he prophesied concerning us, and our future generations; and they are written upon the plates of brass.

Wherefore, after my father had made an end of speaking concerning the prophecies of Joseph, he called the children of Laman, his sons, and his daughters, and said unto them: Behold, my sons, and my daughters, who are the sons and the daughters of my firstborn, I would that ye should give ear unto my words.

For the Lord God hath said that: Inasmuch as ye shall keep my commandments ye shall prosper in the land; and inasmuch as ye will not keep my commandments ye shall be cut off from my presence.

But behold, my sons and my daughters, I cannot go down to my grave save I should leave a blessing upon you; for behold, I know that if ye are brought up in the way ye should go ye will not depart from it.

Wherefore, if ye are cursed, behold, I leave my blessing upon you, that the cursing may be taken from you and be answered upon the heads of your parents.

Wherefore, because of my blessing the Lord God will not suffer that ye shall perish; wherefore, he will be merciful unto you and unto your seed forever.

And it came to pass that after my father had made an end of speaking to the sons and daughters of Laman, he caused the sons and daughters of Lemuel to be brought before him.



- 9 Và ông bảo chúng rằng: Nay, hỡi các cháu trai và cháu gái của ta, là các con trai và con gái của đứa con trai thứ nhì của ta; nay, ta để lại cho các cháu một phước lành giống như phước lành mà ta đã để lại cho các con trai và con gái của La Man; nhờ đó mà các cháu sẽ không bị tận diệt; nhưng lúc cuối cùng dòng dõi của các cháu sẽ được phước.
- 10 Và chuyện rằng, sau khi cha tôi nói với chúng xong, nay, ông bèn nói với các con trai của Ích Ma Ên, phải, và tất cả gia đình ông ấy.
- 11 Và sau khi nói với họ xong, ông bèn nói với Sam rằng: Phước thay cho con và dòng dõi của con; vì con sẽ được thừa hưởng đất này giống như em Nê Phi của con. Và dòng dõi của con sẽ được tính chung với dòng dõi của nó: và con cũng sẽ được như nó, và dòng dõi của con cũng giống như dòng dõi của em con, và con sẽ được ban phước suốt đời.
- 12 Và chuyện rằng, sau khi cha tôi, Lê Hi, đã nói với tất cả gia quyến của mình, theo những cảm nghĩ của lòng ông và Thánh Linh của Chúa hằng có trong ông, ông trở nên già nua. Và chuyện rằng, ông từ trần và được mai táng.
- 13 Và chuyện rằng, chẳng bao lâu sau ngày ông chết, La Man, Lê Mu Ên, và các con trai của Ích Ma Ên tức giận tôi vì những lời khiển trách của Chúa.
- 14 Vì tôi, Nê Phi, buộc lòng phải nói với họ theo lời của Ngài; và cũng vì tôi đã nói với họ nhiều điều chẳng khác chi cha tôi đã nói trước khi ông chết; và phần lớn những lời ấy được ghi chép trên các bảng khắc khác của tôi; vì những phần lịch sử đầy đủ hơn đã được ghi chép trên các bảng khắc khác của tôi.
- 15 Và trên các bảng khắc này, tôi chỉ ghi lại những điều trong tâm hồn tôi, cùng nhiều đoạn thánh thư đã được ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng. Vì tâm hồn tôi rất vui thích các thánh thư, và lòng tôi suy ngẫm nhiều về thánh thư, và tôi đã ghi chép những điều này vì sự học hỏi và lợi ích của con cháu tôi.
- 16 Nay, tâm hồn tôi rất vui thích những công việc của Chúa; và lòng tôi không ngớt suy ngẫm về những điều tôi đã nghe và thấy.

And he spake unto them, saying: Behold, my sons and my daughters, who are the sons and the daughters of my second son; behold I leave unto you the same blessing which I left unto the sons and daughters of Laman; wherefore, thou shalt not utterly be destroyed; but in the end thy seed shall be blessed.

And it came to pass that when my father had made an end of speaking unto them, behold, he spake unto the sons of Ishmael, yea, and even all his household.

And after he had made an end of speaking unto them, he spake unto Sam, saying: Blessed art thou, and thy seed; for thou shalt inherit the land like unto thy brother Nephi. And thy seed shall be numbered with his seed; and thou shalt be even like unto thy brother, and thy seed like unto his seed; and thou shalt be blessed in all thy days.

And it came to pass after my father, Lehi, had spoken unto all his household, according to the feelings of his heart and the Spirit of the Lord which was in him, he waxed old. And it came to pass that he died, and was buried.

And it came to pass that not many days after his death, Laman and Lemuel and the sons of Ishmael were angry with me because of the admonitions of the Lord.

For I, Nephi, was constrained to speak unto them, according to his word; for I had spoken many things unto them, and also my father, before his death; many of which sayings are written upon mine other plates; for a more history part are written upon mine other plates.

And upon these I write the things of my soul, and many of the scriptures which are engraven upon the plates of brass. For my soul delighteth in the scriptures, and my heart pondereth them, and writeth them for the learning and the profit of my children.

Behold, my soul delighteth in the things of the Lord; and my heart pondereth continually upon the things which I have seen and heard.

17 Tuy nhiên, mặc dù với tấm lòng nhân từ bao la của Chúa, khi cho tôi thấy những công việc vĩ đại và kỳ diệu của Ngài, nhưng lòng tôi cũng không khỏi thốt nên lời: Ôi, khốn thay cho thân tôi! Phải, lòng tôi sầu khổ vì xác thịt của tôi; tâm hồn tôi phiền não vì những sự bất chính của tôi.

18 Tôi bị bao vây bởi những cám dỗ và những tội lỗi, chúng đã quấy nhiễu tôi một cách quá dễ dàng.

19 Và mỗi khi tôi muốn được hoan hỉ thì tim tôi lại rên rỉ vì những tội lỗi của tôi; tuy nhiên, tôi biết mình đã đặt lòng tin cậy nơi ai rồi.

20 Thượng Đế của tôi là nơi nương tựa của tôi; Ngài đã dẫn dắt tôi vượt qua mọi nỗi khổ đau trong vùng hoang dã; và Ngài đã bảo tồn tôi trên nước của vực sâu.

21 Ngài đã tràn ngập lòng tôi với tình thương yêu của Ngài, đến nỗi tôi cảm thấy da thịt tôi hầu như bị tan biến.

22 Ngài đã làm cho các kẻ thù của tôi phải bối rối, đến nỗi họ phải run rẩy trước mặt tôi.

23 Nay, ban ngày Ngài nghe lời kêu cầu của tôi, và ban đêm Ngài cho tôi sự hiểu biết qua những khái tượng.

24 Và ban ngày tôi đã trở nên mạnh dạn thốt lên những lời cầu nguyện chân thành trước mặt Ngài; phải, tôi đã cất tiếng cầu nguyện mãnh liệt; và các thiên sứ đã xuống phục sự tôi.

25 Và trên đôi cánh của Thánh Linh Ngài, thể xác tôi đã được đem lên ngọn núi rất cao. Và mắt tôi đã nhìn thấy những việc rất vĩ đại, phải, quá vĩ đại đối với con người; vậy nên, tôi bị cấm không được viết ra những điều ấy.

26 Hỡi ôi, thế thì một khi tôi đã được trông thấy những việc quá vĩ đại như vậy, và nếu Chúa, với tấm lòng hạ cố của Ngài đối với con cái loài người đã đến viếng thăm loài người với biết bao thương xót, thì tại sao lòng tôi lại than khóc, và tâm hồn tôi phải lưu lạc trong thung lũng phiền muộn, và xác thịt tôi phải héo mòn, sức lực tôi phải suy yếu, cũng vì những nỗi đau khổ của chính tôi?

Nevertheless, notwithstanding the great goodness of the Lord, in showing me his great and marvellous works, my heart exclaimeth: O wretched man that I am! Yea, my heart sorroweth because of my flesh; my soul grieveth because of mine iniquities.

I am encompassed about, because of the temptations and the sins which do so easily beset me.

And when I desire to rejoice, my heart groaneth because of my sins; nevertheless, I know in whom I have trusted.

My God hath been my support; he hath led me through mine afflictions in the wilderness; and he hath preserved me upon the waters of the great deep.

He hath filled me with his love, even unto the consuming of my flesh.

He hath confounded mine enemies, unto the causing of them to quake before me.

Behold, he hath heard my cry by day, and he hath given me knowledge by visions in the night-time.

And by day have I waxed bold in mighty prayer before him; yea, my voice have I sent up on high; and angels came down and ministered unto me.

And upon the wings of his Spirit hath my body been carried away upon exceedingly high mountains. And mine eyes have beheld great things, yea, even too great for man; therefore I was bidden that I should not write them.

O then, if I have seen so great things, if the Lord in his condescension unto the children of men hath visited men in so much mercy, why should my heart weep and my soul linger in the valley of sorrow, and my flesh waste away, and my strength slacken, because of mine afflictions?

- 27 Và tại sao tôi phải nhượng bộ tội lỗi, vì xác thịt của tôi? Phải, tại sao tôi phải ngã theo cám dỗ, khiến cho kẻ tà ác đó chiếm ngự được một chỗ trong lòng tôi để làm mất sự bình an của tôi và làm cho tâm hồn tôi đau khổ? Tại sao tôi tức giận vì kẻ thù của tôi?
- 28 Hãy thức tỉnh, hỡi linh hồn ta! Đừng chìm đắm trong tội lỗi nữa. Hãy hân hoan lên, hỡi tâm hồn của ta, đừng nhượng bộ kẻ thù của linh hồn ta nữa.
- 29 Đừng tức giận vì những kẻ thù của ta nữa. Đừng làm suy yếu sức lực vì nỗi đau khổ của ta.
- 30 Hãy vui lên, hỡi tâm hồn của ta, và hãy kêu cầu Chúa rằng: Hỡi Chúa, con sẽ ca ngợi Ngài mãi mãi; phải, linh hồn con sẽ hoan lạc trong Ngài, là Thượng Đế, là tảng đá cứu rỗi của con.
- 31 Hỡi Chúa, Ngài sẽ cứu chuộc linh hồn con chăng? Ngài sẽ giải cứu con thoát khỏi bàn tay những kẻ thù của con chăng? Ngài sẽ làm cho con biết run sợ trước sự xuất hiện của tội lỗi chăng?
- 32 Mong sao những cánh cổng của ngục giới sẽ mãi mãi đóng chặt trước mặt con vì tâm lòng con đau khổ và tâm hồn con thống hối! Hỡi Chúa, xin Ngài đừng đóng chặt những cánh cổng ngay chính của Ngài trước mặt con, để con có thể đi vào nẻo của thung lũng thấp, để con có thể đi đúng con đường bằng phẳng!
- 33 Hỡi Chúa, xin Ngài bao bọc con trong chiếc áo công minh của Ngài! Hỡi Chúa, xin Ngài mở đường để con có thể thoát khỏi những kẻ thù của con! Xin Ngài làm cho con đường trước mặt con được ngay thẳng! Xin Ngài chớ đặt chướng ngại vật trên đường con đi—nhưng xin Ngài dẹp trống con đường trước mặt con, và đừng dựng lên rào cản trên đường con đi, mà hãy dựng lên trên đường của kẻ thù con.
- 34 Hỡi Chúa, con đã tin cậy nơi Ngài, và con sẽ tin cậy Ngài mãi mãi. Con sẽ không bao giờ đặt niềm tin cậy vào cánh tay xác thịt; vì con biết rằng đáng rửa sả thay cho kẻ đặt lòng tin cậy của mình vào cánh tay xác thịt. Phải, đáng rửa sả thay cho kẻ đặt lòng tin cậy của mình vào loài người, hay lấy xác thịt làm cánh tay của mình.

And why should I yield to sin, because of my flesh? Yea, why should I give way to temptations, that the evil one have place in my heart to destroy my peace and afflict my soul? Why am I angry because of mine enemy?

Awake, my soul! No longer droop in sin. Rejoice, O my heart, and give place no more for the enemy of my soul.

Do not anger again because of mine enemies. Do not slacken my strength because of mine afflictions.

Rejoice, O my heart, and cry unto the Lord, and say: O Lord, I will praise thee forever; yea, my soul will rejoice in thee, my God, and the rock of my salvation.

O Lord, wilt thou redeem my soul? Wilt thou deliver me out of the hands of mine enemies? Wilt thou make me that I may shake at the appearance of sin?

May the gates of hell be shut continually before me, because that my heart is broken and my spirit is contrite! O Lord, wilt thou not shut the gates of thy righteousness before me, that I may walk in the path of the low valley, that I may be strict in the plain road!

O Lord, wilt thou encircle me around in the robe of thy righteousness! O Lord, wilt thou make a way for mine escape before mine enemies! Wilt thou make my path straight before me! Wilt thou not place a stumbling block in my way—but that thou wouldst clear my way before me, and hedge not up my way, but the ways of mine enemy.

O Lord, I have trusted in thee, and I will trust in thee forever. I will not put my trust in the arm of flesh; for I know that cursed is he that putteth his trust in the arm of flesh. Yea, cursed is he that putteth his trust in man or maketh flesh his arm.

35 Phải, tôi biết rằng Thượng Đế sẽ ban bố một cách rộng rãi cho những ai cầu xin Ngài. Phải, Thượng Đế của tôi sẽ ban cho tôi nếu tôi không cầu xin điều gì bất chính; vì thế mà tôi sẽ cất lời cầu xin Ngài; phải, tôi sẽ kêu cầu Ngài, Thượng Đế của tôi, là tảng đá ngay chính của tôi. Nay, tiếng nói của tôi sẽ mãi mãi dâng cao lên tới Ngài, tảng đá của tôi, Thượng Đế trường cửu của tôi. A Men.

Yea, I know that God will give liberally to him that asketh. Yea, my God will give me, if I ask not amiss; therefore I will lift up my voice unto thee; yea, I will cry unto thee, my God, the rock of my righteousness. Behold, my voice shall forever ascend up unto thee, my rock and mine everlasting God. Amen.

## 2 Nê Phi 5

- 1    Này, chuyện rằng tôi, Nê Phi, đã kêu cầu rất nhiều lên Chúa, Thượng Đế của tôi, vì sự giận dữ của các anh tôi.
- 2    Nhưng này, sự giận dữ của họ đã gia tăng quá mức, đến nỗi họ tìm cách lấy mạng sống của tôi.
- 3    Phải, họ đã ta thán tôi mà rằng: Đứa em của chúng ta có ý định muốn cai trị chúng ta; và chúng ta cũng đã chịu đựng biết bao thử thách vì nó; vậy nên, bây giờ chúng ta hãy giết nó đi, để chúng ta khỏi bị khốn khổ vì những lời lẽ của nó nữa. Vì này, chúng ta không chấp nhận nó làm người cai trị chúng ta; vì việc cai trị đám dân này thuộc về chúng ta là những người anh lớn.
- 4    Giờ đây, tôi không ghi chép trên những bảng khắc này tất cả những lời ta thán của họ về tôi. Nhưng tôi chỉ nói họ tìm cách lấy mạng sống của tôi là đủ rồi.
- 5    Và chuyện rằng, Chúa đã cảnh cáo tôi, Nê Phi, phải đi khỏi họ, và chạy trốn vào vùng hoang dã cùng với những ai muốn đi theo tôi.
- 6    Vậy nên, chuyện rằng tôi, Nê Phi, đã đem gia đình mình, Giô Ram và gia đình anh ta, Sam, là anh tôi, và gia đình anh ấy, và hai em trai tôi là Gia Cốp và Giô Sép, cùng các chị em gái tôi và tất cả những người nào muốn đi theo tôi. Và tất cả những người muốn đi theo tôi đều là những người tin vào những sự báo trước và mặc khải của Thượng Đế; vậy nên, họ đã nghe theo lời của tôi.
- 7    Và chúng tôi lấy những lều vải cùng những vật dụng nào chúng tôi có thể đem theo được, rồi chúng tôi lên đường vào vùng hoang dã suốt nhiều ngày. Và sau khi đi được nhiều ngày, chúng tôi bèn dừng lại dựng lều.
- 8    Và những người đi theo tôi muốn rằng chúng tôi nên gọi nơi ấy là Nê Phi; vậy nên, chúng tôi đã gọi chốn đó là Nê Phi.
- 9    Và tất cả những người đi theo tôi tự đặt tên cho mình là dân Nê Phi.
- 10    Và chúng tôi cố gắng tuân giữ các mạng lệnh, các luật lệ và các lệnh truyền của Chúa trong mọi sự việc đúng theo luật pháp Môi Se.

## 2 Nephi 5

Behold, it came to pass that I, Nephi, did cry much unto the Lord my God, because of the anger of my brethren.

But behold, their anger did increase against me, insomuch that they did seek to take away my life.

Yea, they did murmur against me, saying: Our younger brother thinks to rule over us; and we have had much trial because of him; wherefore, now let us slay him, that we may not be afflicted more because of his words. For behold, we will not have him to be our ruler; for it belongs unto us, who are the elder brethren, to rule over this people.

Now I do not write upon these plates all the words which they murmured against me. But it sufficeth me to say, that they did seek to take away my life.

And it came to pass that the Lord did warn me, that I, Nephi, should depart from them and flee into the wilderness, and all those who would go with me.

Wherefore, it came to pass that I, Nephi, did take my family, and also Zoram and his family, and Sam, mine elder brother and his family, and Jacob and Joseph, my younger brethren, and also my sisters, and all those who would go with me. And all those who would go with me were those who believed in the warnings and the revelations of God; wherefore, they did hearken unto my words.

And we did take our tents and whatsoever things were possible for us, and did journey in the wilderness for the space of many days. And after we had journeyed for the space of many days we did pitch our tents.

And my people would that we should call the name of the place Nephi; wherefore, we did call it Nephi.

And all those who were with me did take upon them to call themselves the people of Nephi.

And we did observe to keep the judgments, and the statutes, and the commandments of the Lord in all things, according to the law of Moses.

- 11 Và Chúa đã ở với chúng tôi; và chúng tôi trở nên phát đạt vô cùng; vì chúng tôi đã gieo trồng và gặt hái rất dồi dào. Và chúng tôi bắt đầu chăn nuôi các đàn gia súc và các bầy thú đủ loại.
- 12 Và tôi, Nê Phi, có đem theo các biên sử ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng; và đem theo luôn cả quả cầu, hay là địa bàn, mà ngày trước đã được chuẩn bị cho cha tôi bởi bàn tay của Chúa, theo như điều ghi chép.
- 13 Và chuyện rằng, chúng tôi bắt đầu trở nên phát đạt vô cùng và gia tăng dân số rất nhiều trong xứ.
- 14 Rồi tôi, Nê Phi, lấy gươm của La Ban làm mẫu để làm thêm nhiều gươm khác, vì sợ rằng dân mà lúc bấy giờ có tên gọi là La Man sẽ đến đánh phá và hủy diệt chúng tôi, vì tôi biết họ rất thù hận tôi và con cháu tôi và luôn cả những người được gọi là dân của tôi nữa.
- 15 Rồi tôi dạy cho dân tôi biết cách cất nhà cùng làm mọi việc về gỗ, sắt, đồng, thau, thép, vàng, bạc, và các kim loại quý mà trong xứ có rất nhiều.
- 16 Rồi tôi, Nê Phi, xây một đền thờ; tôi xây cất đền thờ ấy theo cách thức của đền thờ Sa Lô Môn, chỉ khác ở điểm là, nó không được xây cất bằng nhiều vật quý; vì những vật liệu ấy không thể tìm thấy trong xứ này được, vậy nên đền thờ này không thể được xây cất giống như đền thờ Sa Lô Môn. Nhưng cách thức xây cất thì lại giống đền thờ Sa Lô Môn; và cách kiến trúc của đền thờ hết sức tinh xảo.
- 17 Và chuyện rằng tôi, Nê Phi, huấn luyện cho dân tôi trở nên cần mẫn và lao động với hai bàn tay mình.
- 18 Và chuyện rằng, họ muốn tôi lên làm vua của họ. Nhưng, tôi, Nê Phi, lại muốn rằng, họ không nên có vua; tuy nhiên, tôi cũng làm cho họ tất cả những gì trong quyền hạn của tôi.
- 19 Và này, những lời của Chúa nói về các anh tôi nay đã được ứng nghiệm đối với họ, rằng tôi sẽ là người cai trị và là người giảng dạy họ. Vậy nên, tôi đã là người cai trị và là người giảng dạy họ, đúng theo những lệnh truyền của Chúa, cho đến ngày mà họ tìm cách lấy mạng sống của tôi.

And the Lord was with us; and we did prosper exceedingly; for we did sow seed, and we did reap again in abundance. And we began to raise flocks, and herds, and animals of every kind.

And I, Nephi, had also brought the records which were engraven upon the plates of brass; and also the ball, or compass, which was prepared for my father by the hand of the Lord, according to that which is written.

And it came to pass that we began to prosper exceedingly, and to multiply in the land.

And I, Nephi, did take the sword of Laban, and after the manner of it did make many swords, lest by any means the people who were now called Lamanites should come upon us and destroy us; for I knew their hatred towards me and my children and those who were called my people.

And I did teach my people to build buildings, and to work in all manner of wood, and of iron, and of copper, and of brass, and of steel, and of gold, and of silver, and of precious ores, which were in great abundance.

And I, Nephi, did build a temple; and I did construct it after the manner of the temple of Solomon save it were not built of so many precious things; for they were not to be found upon the land, wherefore, it could not be built like unto Solomon's temple. But the manner of the construction was like unto the temple of Solomon; and the workmanship thereof was exceedingly fine.

And it came to pass that I, Nephi, did cause my people to be industrious, and to labor with their hands.

And it came to pass that they would that I should be their king. But I, Nephi, was desirous that they should have no king; nevertheless, I did for them according to that which was in my power.

And behold, the words of the Lord had been fulfilled unto my brethren, which he spake concerning them, that I should be their ruler and their teacher. Wherefore, I had been their ruler and their teacher, according to the commandments of the Lord, until the time they sought to take away my life.

20 Vậy nên, lời của Chúa đã được ứng nghiệm. Ngài đã phán lời ấy với tôi rằng: Ngày nào chúng không biết nghe theo lời của người, thì chúng sẽ bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Chúa. Và này, quả thật bây giờ họ đã bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Ngài.

21 Và Ngài đã giáng sự nguyên rủa xuống đầu họ, phải, một sự nguyên rủa rất nặng nề, cũng vì những điều bất chính của họ. Vì này, họ đã chai đá trong lòng chống lại Ngài, đến nỗi họ đã cứng rắn như đá lửa; vậy nên, lúc ấy họ đang là một dân tộc trắng trẻo, xinh đẹp và dễ thương làm sao, thì nay bị Đức Chúa Trời biến màu da họ trở nên đen đúa để họ không thể dụ dỗ dân tôi được.

22 Và Đức Chúa Trời có phán rằng: Ta sẽ làm cho chúng trở nên một dân ghê tởm trước mắt dân của con trừ phi chúng biết hối cải về những điều bất chính của mình.

23 Và dòng dõi của kẻ nào trộn lẫn với dòng dõi của chúng cũng bị rủa sả; vì những kẻ ấy cũng chịu chung một lời rủa sả như chúng vậy. Chúa phán điều đó, và nó đã được thực hiện.

24 Và cũng vì sự rủa sả đã giáng xuống họ nên họ trở nên một dân tộc biếng nhác đầy dẫy sự xấu xa và xảo quyệt, chỉ biết săn thú dữ trong vùng hoang dã.

25 Và Đức Chúa Trời có phán cùng tôi rằng: Chúng sẽ là một tai họa cho dòng dõi người sau này, để nhắc nhở họ nhớ đến ta; và ngày nào họ không còn nhớ đến ta và không nghe theo lời của ta nữa, thì chúng sẽ gieo nhiều tai họa cho họ đến khi họ bị hủy diệt.

26 Và chuyện rằng tôi, Nê Phi, đã lập Gia Cóp và Giô Sép để họ trở thành thầy tư tế và thầy giảng trong xứ của dân tôi.

27 Và chuyện rằng, chúng tôi được sống trong hạnh phúc.

28 Rồi ba mươi năm đã trôi qua kể từ ngày chúng tôi rời Giê Ru Sa Lem.

29 Và tôi, Nê Phi, đã ghi chép được đến đây các biên sử về dân tôi trên các bảng khắc mà tôi đã làm.

30 Và chuyện rằng, Đức Chúa Trời phán cùng tôi rằng: Hãy làm thêm những bảng khắc khác; và người hãy ghi khắc trên ấy những điều mà ta cho là tốt đẹp và có lợi ích cho dân người.

Wherefore, the word of the Lord was fulfilled which he spake unto me, saying that: Inasmuch as they will not hearken unto thy words they shall be cut off from the presence of the Lord. And behold, they were cut off from his presence.

And he had caused the cursing to come upon them, yea, even a sore cursing, because of their iniquity. For behold, they had hardened their hearts against him, that they had become like unto a flint; wherefore, as they were white, and exceedingly fair and delightsome, that they might not be enticing unto my people the Lord God did cause a skin of blackness to come upon them.

And thus saith the Lord God: I will cause that they shall be loathsome unto thy people, save they shall repent of their iniquities.

And cursed shall be the seed of him that mixeth with their seed; for they shall be cursed even with the same cursing. And the Lord spake it, and it was done.

And because of their cursing which was upon them they did become an idle people, full of mischief and subtlety, and did seek in the wilderness for beasts of prey.

And the Lord God said unto me: They shall be a scourge unto thy seed, to stir them up in remembrance of me; and inasmuch as they will not remember me, and hearken unto my words, they shall scourge them even unto destruction.

And it came to pass that I, Nephi, did consecrate Jacob and Joseph, that they should be priests and teachers over the land of my people.

And it came to pass that we lived after the manner of happiness.

And thirty years had passed away from the time we left Jerusalem.

And I, Nephi, had kept the records upon my plates, which I had made, of my people thus far.

And it came to pass that the Lord God said unto me: Make other plates; and thou shalt engraven many things upon them which are good in my sight, for the profit of thy people.

31 Vậy nên, tôi, Nê Phi, để tuân theo các lệnh truyền của Chúa, đã đi làm thêm những bảng khắc này, và trên đó tôi đã ghi khắc những điều này.

32 Và tôi đã ghi khắc những điều gì làm đẹp lòng Thượng Đế. Và nếu dân của tôi thấy hoan hỷ với những sự việc của Thượng Đế thì họ cũng sẽ hoan hỷ với những điều tôi đã ghi khắc trên các bảng khắc này.

33 Và nếu dân của tôi muốn biết thêm chi tiết về lịch sử dân tôi, thì họ phải tra cứu các bảng khắc khác của tôi.

34 Và tôi thấy cần phải nói rằng bốn mươi năm trôi qua, và chúng tôi đã trải qua những cuộc chiến tranh và tranh chấp với các anh tôi.

Wherefore, I, Nephi, to be obedient to the commandments of the Lord, went and made these plates upon which I have engraven these things.

And I engraved that which is pleasing unto God. And if my people are pleased with the things of God they will be pleased with mine engravings which are upon these plates.

And if my people desire to know the more particular part of the history of my people they must search mine other plates.

And it sufficeth me to say that forty years had passed away, and we had already had wars and contentions with our brethren.



## 2 Nê Phi 6

- 1 Lời Gia Cốp, em trai của Nê Phi, đã ngỏ với dân Nê Phi:
- 2     Này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi, Gia Cốp, đã được Thượng Đế kêu gọi và sắc phong theo thánh ban của Ngài, và đã được lập lên bởi anh tôi, Nê Phi, là người mà các người xem như một vị vua hay một người bảo vệ, và cũng là người mà các người trông cậy vào việc giữ gìn sự an ninh. Này, các người biết rằng tôi đã nói với các người rất nhiều điều.
- 3     Tuy nhiên, nay tôi lại nói thêm với các người nữa; vì tôi muốn có được sự an lạc của tâm hồn các người. Phải, tôi rất lo âu cho các người; và chính các người cũng hiểu rằng điều ấy luôn có thật như vậy; vì tôi đã chuyên tâm khuyên nhủ các người, và tôi đã giảng dạy cho các người biết những lời dạy dỗ của cha tôi; và tôi cũng đã nói với các người về tất cả những điều đã được ghi chép từ lúc sáng thế.
- 4     Và giờ đây, này, tôi muốn nói với các người về những điều đang xảy ra và cả những điều sẽ xảy ra trong tương lai nữa; vậy nên, tôi sẽ đọc cho các người nghe những lời của Ê Sai. Và chính đó là những điều mà anh tôi muốn tôi nói cho các người nghe. Và tôi nói với các người đây cũng vì lợi ích của các người, ngõ hầu các người có thể biết và vinh danh Thượng Đế của mình.
- 5     Và này, những lời tôi sắp đọc là những lời mà Ê Sai đã nói về tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên; vậy nên, những lời đó có thể được áp dụng cho các người, vì các người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên. Có nhiều điều đã được Ê Sai nói ra mà nó có thể áp dụng cho các người được, vì các người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 6     Và này, đây là những lời đó: Đức Chúa Trời phán như vậy: Này, ta sẽ giá tay lên các Dân Ngoại, và dựng cờ của ta cho các dân; và chúng sẽ bồng các con trai người trên tay và vác các con gái người trên vai mà đến.

## 2 Nephi 6

The words of Jacob, the brother of Nephi, which he spake unto the people of Nephi:

Behold, my beloved brethren, I, Jacob, having been called of God, and ordained after the manner of his holy order, and having been consecrated by my brother Nephi, unto whom ye look as a king or a protector, and on whom ye depend for safety, behold ye know that I have spoken unto you exceedingly many things.

Nevertheless, I speak unto you again; for I am desirous for the welfare of your souls. Yea, mine anxiety is great for you; and ye yourselves know that it ever has been. For I have exhorted you with all diligence; and I have taught you the words of my father; and I have spoken unto you concerning all things which are written, from the creation of the world.

And now, behold, I would speak unto you concerning things which are, and which are to come; wherefore, I will read you the words of Isaiah. And they are the words which my brother has desired that I should speak unto you. And I speak unto you for your sakes, that ye may learn and glorify the name of your God.

And now, the words which I shall read are they which Isaiah spake concerning all the house of Israel; wherefore, they may be likened unto you, for ye are of the house of Israel. And there are many things which have been spoken by Isaiah which may be likened unto you, because ye are of the house of Israel.

And now, these are the words: Thus saith the Lord God: Behold, I will lift up mine hand to the Gentiles, and set up my standard to the people; and they shall bring thy sons in their arms, and thy daughters shall be carried upon their shoulders.

- 7 Các vua sẽ làm dưỡng phụ người, và các hoàng hậu sẽ làm dưỡng mẫu người; họ sẽ cúi mặt sát đất trước mặt người và liếm bụi đất dưới chân người; và người sẽ biết rằng ta là Chúa; vì những kẻ trông chờ ta sẽ chẳng hổ thẹn.
- 8 Và giờ đây, tôi, Gia Cóp, muốn nói một phần nào về những lời này. Vì này, Chúa đã cho tôi thấy rằng những người ở Giê Ru Sa Lem, nơi mà chúng ta đã bỏ đi, đều bị giết chết hay bị tù đày.
- 9 Tuy nhiên, Chúa đã cho tôi thấy rằng, họ sẽ được trở về lại. Và Ngài cũng còn cho tôi thấy rằng Đức Chúa Trời, Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, sẽ biểu hiện cho họ thấy trong thể xác; và sau khi Ngài biểu hiện, Ngài sẽ bị họ quất bằng roi và bị đóng đinh trên thập tự giá, theo như lời vị thiên sứ đã nói điều đó cho tôi.
- 10 Và sau khi họ đã chai đá trong lòng và cứng cổ chống lại Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, này, những sự phán xét của Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên sẽ giáng xuống họ. Và một ngày kia họ sẽ bị đánh đập và bị khốn khổ.
- 11 Vậy nên, sau khi họ bị xua đuổi hết nơi này đến nơi kia, vì thiên sứ đã nói như vậy, thì nhiều người trong bọn họ sẽ bị đau đớn trong xác thịt, nhưng sẽ không bị hủy diệt, nhờ lời cầu nguyện của những người trung thành; họ sẽ bị phân tán, bị đánh đập và bị thù ghét; tuy nhiên, Chúa sẽ thương xót họ, vì khi họ nhận biết Đấng Cứu Chuộc của mình, thì họ sẽ được quy tụ lại về đất thừa hưởng của họ.
- 12 Và phước thay cho những người Dân Ngoại là những người mà vị tiên tri đã viết đến; vì này, nếu họ hối cải và không chống đối Si Ôn và không liên kết với giáo hội vĩ đại và khả ố kia, thì họ sẽ được cứu; vì Đức Chúa Trời sẽ làm tròn những giao ước mà Ngài đã lập với con cái của Ngài; và cũng vì lý do đó mà vị tiên tri đã viết ra những điều này.

And kings shall be thy nursing fathers, and their queens thy nursing mothers; they shall bow down to thee with their faces towards the earth, and lick up the dust of thy feet; and thou shalt know that I am the Lord; for they shall not be ashamed that wait for me.

And now I, Jacob, would speak somewhat concerning these words. For behold, the Lord has shown me that those who were at Jerusalem, from whence we came, have been slain and carried away captive.

Nevertheless, the Lord has shown unto me that they should return again. And he also has shown unto me that the Lord God, the Holy One of Israel, should manifest himself unto them in the flesh; and after he should manifest himself they should scourge him and crucify him, according to the words of the angel who spake it unto me.

And after they have hardened their hearts and stiffened their necks against the Holy One of Israel, behold, the judgments of the Holy One of Israel shall come upon them. And the day cometh that they shall be smitten and afflicted.

Wherefore, after they are driven to and fro, for thus saith the angel, many shall be afflicted in the flesh, and shall not be suffered to perish, because of the prayers of the faithful; they shall be scattered, and smitten, and hated; nevertheless, the Lord will be merciful unto them, that when they shall come to the knowledge of their Redeemer, they shall be gathered together again to the lands of their inheritance.

And blessed are the Gentiles, they of whom the prophet has written; for behold, if it so be that they shall repent and fight not against Zion, and do not unite themselves to that great and abominable church, they shall be saved; for the Lord God will fulfil his covenants which he has made unto his children; and for this cause the prophet has written these things.

- 13 Vậy nên, những kẻ nào chống đối Si Ôn và dân giao ước của Chúa thì sẽ phải liếm bụi đất dưới chân họ; và dân của Chúa sẽ không hổ thẹn. Vì dân của Chúa là những người biết chờ đợi Ngài; vì họ vẫn chờ đợi sự hiện diện đến của Đấng Mê Si.
- 14 Và này, theo lời của vị tiên tri, thì Đấng Mê Si sẽ giơ tay lần thứ hai để phục hồi họ; vậy nên, Ngài sẽ biểu hiện cho họ biết với quyền năng và vinh quang lớn lao, để hủy diệt những kẻ thù của họ vào ngày mà họ biết tin nơi Ngài; và Ngài sẽ không hủy diệt bất cứ kẻ nào biết tin nơi Ngài.
- 15 Và những kẻ nào không tin nơi Ngài sẽ bị hủy diệt bởi lửa, bão tố, động đất, đổ máu, bệnh dịch, và nạn đói. Rồi họ sẽ biết rằng Chúa là Thượng Đế, Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.
- 16 Vì có thể nào giựt lại được miếng mồi ở tay kẻ mạnh, hay kẻ phu tù hợp pháp được giải thoát chẳng?
- 17 Nhưng Chúa có phán như vậy: Ngay cả các phu tù của kẻ mạnh cũng sẽ được giải cứu, và con mồi của kẻ đáng sợ cũng sẽ được giải thoát; vì Thượng Đế Toàn Năng sẽ giải thoát cho dân giao ước của Ngài. Vì Chúa có phán như vậy: Ta sẽ chống lại kẻ nào chống đối người—
- 18 Và ta sẽ làm cho kẻ hiếp đáp người phải tự ăn thịt mình; chúng sẽ say sưa với chính máu của mình như rượu ngọt; và tất cả các loài xác thịt sẽ biết rằng ta, là Chúa, Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của người, Đấng Toàn Năng của Gia Cóp.

Wherefore, they that fight against Zion and the covenant people of the Lord shall lick up the dust of their feet; and the people of the Lord shall not be ashamed. For the people of the Lord are they who wait for him; for they still wait for the coming of the Messiah.

And behold, according to the words of the prophet, the Messiah will set himself again the second time to recover them; wherefore, he will manifest himself unto them in power and great glory, unto the destruction of their enemies, when that day cometh when they shall believe in him; and none will he destroy that believe in him.

And they that believe not in him shall be destroyed, both by fire, and by tempest, and by earthquakes, and by bloodsheds, and by pestilence, and by famine. And they shall know that the Lord is God, the Holy One of Israel.

For shall the prey be taken from the mighty, or the lawful captive delivered?

But thus saith the Lord: Even the captives of the mighty shall be taken away, and the prey of the terrible shall be delivered; for the Mighty God shall deliver his covenant people. For thus saith the Lord: I will contend with them that contendeth with thee—

And I will feed them that oppress thee, with their own flesh; and they shall be drunken with their own blood as with sweet wine; and all flesh shall know that I the Lord am thy Savior and thy Redeemer, the Mighty One of Jacob.

## 2 Nê Phi 7

- 1 Phải, vì Chúa có phán như vậy: Nào ta có bỏ người, hay khai trừ người mãi mãi đâu? Vì Chúa có phán như vậy: Vậy chứng thư li dị của mẹ người đâu? Vậy chớ ta đã bỏ người cho ai hoặc đã bán người cho kẻ nào trong đám chủ nợ của ta? Phải, ta đã bán người cho ai? Nay, chính vì những điều bất chính của người mà người phải tự bán mình, và cũng chính vì những tội lỗi của người mà mẹ người phải bị từ bỏ.
- 2 Vậy nên, khi ta đến, chẳng thấy một ai; phải, khi ta gọi, chẳng ai đáp lại. Hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, phải chẳng tay ta quá ngắn đến nỗi không cứu chuộc được ai hay ta không đủ quyền năng để giải cứu? Nay, ta chỉ quở mắng một tiếng là biển liền khô cạn. Ta biến các sông thành một vùng hoang dã và cá dưới sông phải sinh thối vì nước khô cạn, và chúng chết vì khát.
- 3 Ta lấy sự tối tăm mặc cho các tầng trời, và ta sẽ khoác cho một cái bao gai.
- 4 Đức Chúa Trời đã ban cho ta cái lưỡi của người có học để ta biết nói với người đúng lúc, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên. Khi người mệt mỏi thì chính Ngài đã đánh thức mỗi buổi sáng. Ngài đã mở tai ta để ta có thể nghe được như người có học.
- 5 Đức Chúa Trời đã mở tai cho ta và ta không trái nghịch lại cũng không ngoảnh mặt làm ngơ.
- 6 Ta đưa lưng cho kẻ đánh ta và đưa cằm cho kẻ nhổ râu ta. Ta chẳng hề che mặt vì sợ xấu hổ hay sợ kẻ phỉ nhổ ta.
- 7 Vì Đức Chúa Trời sẽ giúp ta nên ta chẳng bị ngăn trở. Vậy ta sẽ làm cho mặt ta cứng như đá lửa, vì ta biết rằng ta sẽ chẳng có điều chi xấu hổ.
- 8 Chúa ở gần kề, và Ngài biện minh cho ta. Ai dám tranh chấp với ta? Hãy cùng ta đứng lên! Ai là kẻ thù nghịch của ta? Hãy để kẻ đó đến gần ta, và ta sẽ đánh kẻ đó bằng sức mạnh của miệng ta.
- 9 Vì Đức Chúa Trời sẽ giúp ta. Và tất cả những kẻ kết tội ta, này, chúng sẽ trở nên cũ như chiếc áo, và mỗi một sẽ gặm mòn chúng.
- 10 Trong các người, ai là kẻ kính sợ Chúa, ai là kẻ biết tuân theo lời tôi tớ của Ngài, ai là kẻ đi trong bóng tối không có chút ánh sáng?

## 2 Nephi 7

Yea, for thus saith the Lord: Have I put thee away, or have I cast thee off forever? For thus saith the Lord: Where is the bill of your mother's divorcement? To whom have I put thee away, or to which of my creditors have I sold you? Yea, to whom have I sold you? Behold, for your iniquities have ye sold yourselves, and for your transgressions is your mother put away.

Wherefore, when I came, there was no man; when I called, yea, there was none to answer. O house of Israel, is my hand shortened at all that it cannot redeem, or have I no power to deliver? Behold, at my rebuke I dry up the sea, I make their rivers a wilderness and their fish to stink because the waters are dried up, and they die because of thirst.

I clothe the heavens with blackness, and I make sackcloth their covering.

The Lord God hath given me the tongue of the learned, that I should know how to speak a word in season unto thee, O house of Israel. When ye are weary he waketh morning by morning. He waketh mine ear to hear as the learned.

The Lord God hath opened mine ear, and I was not rebellious, neither turned away back.

I gave my back to the smiter, and my cheeks to them that plucked off the hair. I hid not my face from shame and spitting.

For the Lord God will help me, therefore shall I not be confounded. Therefore have I set my face like a flint, and I know that I shall not be ashamed.

And the Lord is near, and he justifieth me. Who will contend with me? Let us stand together. Who is mine adversary? Let him come near me, and I will smite him with the strength of my mouth.

For the Lord God will help me. And all they who shall condemn me, behold, all they shall wax old as a garment, and the moth shall eat them up.

Who is among you that feareth the Lord, that obeyeth the voice of his servant, that walketh in darkness and hath no light?

11      Này, tất cả các người ai đã thắp lửa và đốt được  
vây lấy mình, thì đi giữa ngọn lửa và giữa những  
đuốc mình đã đốt. Đây là những gì các người sẽ  
nhận được nơi tay ta: Các người sẽ nằm xuống  
trong ưu phiền.

Behold all ye that kindle fire, that compass your-  
selves about with sparks, walk in the light of your  
fire and in the sparks which ye have kindled. This  
shall ye have of mine hand—ye shall lie down in  
sorrow.

## 2 Nê Phi 8

- 1 Hãy nghe ta, hỡi các người là những kẻ theo sự ngay chính. Hãy lưu tâm đến vàng đá mà các người đã được đục ra, và miệng hố mà các người đã được đào lên.
- 2 Hãy nhớ đến Áp Ra Ham, tổ phụ của các người, và Sa Ra, người đã sinh ra các người; vì ta chỉ gọi một mình người và ban phước cho người.
- 3 Vì Chúa sẽ an ủi Si Ôn; Ngài sẽ an ủi tất cả những nơi đổ nát của nó; và Ngài sẽ biến vùng hoang dã của nó trở nên như vườn Ê Đen, và sa mạc của nó trở nên như vườn của Chúa. Trong đó sẽ có niềm vui và sự mừng rỡ, lòng biết ơn, và tiếng ca êm ái.
- 4 Hỡi dân ta, hãy nghe ta; hỡi nước ta, hãy lắng tai nghe ta; vì sẽ có luật pháp phát xuất từ ta, và ta sẽ lập sự công bình của ta làm sự sáng cho các dân.
- 5 Sự ngay chính của ta đã gần kề; sự cứu rỗi của ta đã xuất hiện, và cánh tay ta sẽ xét xử dân chúng. Các hải đảo sẽ trông đợi ta, và chúng sẽ nhờ cậy vào cánh tay ta.
- 6 Hãy ngược mắt lên nhìn các tầng trời, và cúi xuống xem dưới đất; vì các tầng trời sẽ tan đi như khói, đất sẽ trở nên cũ đi như áo quần, và các dân cư sống trên ấy cũng sẽ chết đi theo cách thức như vậy. Nhưng sự cứu rỗi của ta thì còn mãi mãi, và sự ngay chính của ta chẳng hề bị hủy bỏ.
- 7 Hãy nghe ta, hỡi các người là những kẻ biết điều ngay chính, là dân mà trong lòng họ ta đã ghi luật pháp của ta, chớ e người ta chê bai, cũng đừng sợ họ nhiếc mắng.
- 8 Vì mối sẽ gặm nhấm họ như áo quần, và mối sẽ ăn họ như ăn len vậy. Nhưng sự ngay chính của ta thì còn mãi mãi, và sự cứu rỗi của ta còn từ thế hệ này đến thế hệ khác.
- 9 Hãy thức dậy, hãy thức dậy! Hãy mặc lấy sức mạnh, hỡi cánh tay của Chúa; hãy thức dậy như ngày xưa. Há chẳng phải Ngài là Đấng đã phân thây Ra Háp và đã thương con rồng sao?
- 10 Há chẳng phải Ngài là Đấng đã làm biển cạn, rút hết nước của vực sâu, làm cho biển sâu trở nên con đường hầu cho dân đã được chuộc đi qua sao?

## 2 Nephi 8

Hearken unto me, ye that follow after righteousness. Look unto the rock from whence ye are hewn, and to the hole of the pit from whence ye are digged.

Look unto Abraham, your father, and unto Sarah, she that bare you; for I called him alone, and blessed him.

For the Lord shall comfort Zion, he will comfort all her waste places; and he will make her wilderness like Eden, and her desert like the garden of the Lord. Joy and gladness shall be found therein, thanksgiving and the voice of melody.

Hearken unto me, my people; and give ear unto me, O my nation; for a law shall proceed from me, and I will make my judgment to rest for a light for the people.

My righteousness is near; my salvation is gone forth, and mine arm shall judge the people. The isles shall wait upon me, and on mine arm shall they trust.

Lift up your eyes to the heavens, and look upon the earth beneath; for the heavens shall vanish away like smoke, and the earth shall wax old like a garment; and they that dwell therein shall die in like manner. But my salvation shall be forever, and my righteousness shall not be abolished.

Hearken unto me, ye that know righteousness, the people in whose heart I have written my law, fear ye not the reproach of men, neither be ye afraid of their revilings.

For the moth shall eat them up like a garment, and the worm shall eat them like wool. But my righteousness shall be forever, and my salvation from generation to generation.

Awake, awake! Put on strength, O arm of the Lord; awake as in the ancient days. Art thou not he that hath cut Rahab, and wounded the dragon?

Art thou not he who hath dried the sea, the waters of the great deep; that hath made the depths of the sea a way for the ransomed to pass over?

- 11 Vậy nên, dân được Chúa cứu chuộc sẽ trở về, họ sẽ ca hát mà đến Si Ôn; và niềm vui vĩnh viễn và sự thánh thiện sẽ tỏa trên đầu họ; họ sẽ được vui mừng và sung sướng; sự buồn phiền than khóc sẽ tránh xa.
- 12 Chính ta, phải, chính ta là Đấng an ủi các người. Nay, người là ai mà sợ loài người là những kẻ sẽ chết, và sợ con của người là những kẻ sẽ trở nên như cỏ?
- 13 Và lại quên Chúa, Đấng sáng tạo các người, Đấng đã giương các tầng trời và đặt nền móng của đất, và hằng ngày cứ sợ cơn giận dữ của kẻ ức hiếp như nó toan hủy diệt các người? Và cơn giận dữ của kẻ ức hiếp ấy bây giờ ở đâu?
- 14 Kẻ bị bắt đi đày sẽ chóng được thả ra, và sẽ chẳng chết trong hầm và cũng không thiếu lương thực.
- 15 Nhưng ta là Chúa, Thượng Đế của các người, tức là Đấng làm cho nổi sóng âm âm, Chúa Muôn Quân là danh ta.
- 16 Ta đã để lời nói của ta trong miệng các người, và che các người dưới bóng bàn tay ta, đặt ta có thể dựng lên các tầng trời và đặt nền móng của đất, và nói cùng Si Ôn rằng: Nay, người là dân của ta.
- 17 Hãy thức dậy, thức dậy và đứng lên, hỡi Giê Ru Sa Lem, người đã uống chén thịnh nộ từ tay của Chúa—người đã uống cạn bã trong chén run rẩy của Ngài—
- 18 Trong vòng các con trai mà nó đã sinh ra, chẳng một đứa nào dẫn dắt nó; trong vòng các con trai mà nó đã nuôi dưỡng, chẳng một đứa nào đến cầm tay nó.
- 19 Hai đứa con trai này đã đến với người, và sẽ thương tiếc cho người—cho sự tiêu điều và hủy diệt, nạn đói và gươm đao—và ta sẽ nhờ ai mà an ủi người?
- 20 Các con trai của người đều ngất xỉu hết, chỉ trừ ra hai đứa ấy; chúng nằm ngổn ngang ở đầu các đường phố, như con bò rừng bị mắc trong lưới, đầy cơn thịnh nộ của Chúa và sự quở mắng của Thượng Đế người.
- 21 Vậy thì, bây giờ người hãy nghe đây, hỡi kẻ khôn khổ và say sưa, nhưng không phải vì rượu:

Therefore, the redeemed of the Lord shall return, and come with singing unto Zion; and everlasting joy and holiness shall be upon their heads; and they shall obtain gladness and joy; sorrow and mourning shall flee away.

I am he; yea, I am he that comforteth you. Behold, who art thou, that thou shouldst be afraid of man, who shall die, and of the son of man, who shall be made like unto grass?

And forgettest the Lord thy maker, that hath stretched forth the heavens, and laid the foundations of the earth, and hast feared continually every day, because of the fury of the oppressor, as if he were ready to destroy? And where is the fury of the oppressor?

The captive exile hasteneth, that he may be loosed, and that he should not die in the pit, nor that his bread should fail.

But I am the Lord thy God, whose waves roared; the Lord of Hosts is my name.

And I have put my words in thy mouth, and have covered thee in the shadow of mine hand, that I may plant the heavens and lay the foundations of the earth, and say unto Zion: Behold, thou art my people.

Awake, awake, stand up, O Jerusalem, which hast drunk at the hand of the Lord the cup of his fury—thou hast drunken the dregs of the cup of trembling wrung out—

And none to guide her among all the sons she hath brought forth; neither that taketh her by the hand, of all the sons she hath brought up.

These two sons are come unto thee, who shall be sorry for thee—thy desolation and destruction, and the famine and the sword—and by whom shall I comfort thee?

Thy sons have fainted, save these two; they lie at the head of all the streets; as a wild bull in a net, they are full of the fury of the Lord, the rebuke of thy God.

Therefore hear now this, thou afflicted, and drunken, and not with wine:

22 Chúa người, Chúa, và Thượng Đế của người binh vực dân Ngài, có phán như vậy: Nay, ta đã lấy lại chén run rẩy từ tay người, tức là chén của chén thịnh nộ của ta, từ rày về sau người sẽ không uống nó nữa.

23 Nhưng ta sẽ để chén ấy trong tay những kẻ làm người đau khổ; tức là những kẻ đã bảo tâm hồn người rằng: Hãy cúi xuống đặng chúng ta bước ngang qua—và người nằm dài sát đất như con đường cho chúng bước qua lại.

24 Hãy thức dậy, thức dậy, mặc lấy sức mạnh người, hỡi Si Ôn; hãy mặc vào những y phục đẹp của người, hỡi Giê Ru Sa Lem, thành phố thánh; vì từ nay về sau kẻ không chịu phép cắt bì và kẻ ô uế sẽ không được vào nơi người nữa.

25 Hỡi Giê Ru Sa Lem, hãy giữ bụi đất đi; trỗi dậy, và ngồi lên; hỡi con gái bị tù đầy của Si Ôn, hãy tháo xiềng cổ người ra.

Thus saith thy Lord, the Lord and thy God pleading the cause of his people; behold, I have taken out of thine hand the cup of trembling, the dregs of the cup of my fury; thou shalt no more drink it again.

But I will put it into the hand of them that afflict thee; who have said to thy soul: Bow down, that we may go over—and thou hast laid thy body as the ground and as the street to them that went over.

Awake, awake, put on thy strength, O Zion; put on thy beautiful garments, O Jerusalem, the holy city; for henceforth there shall no more come into thee the uncircumcised and the unclean.

Shake thyself from the dust; arise, sit down, O Jerusalem; loose thyself from the bands of thy neck, O captive daughter of Zion.



## 2 Nê Phi 9

- 1 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi đã đọc cho các người nghe những điều này để các người có thể biết được những giao ước mà Chúa đã lập với tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 2 Rằng, Ngài đã từng nói với dân Do Thái qua miệng các thánh tiên tri, từ lúc khởi đầu, từ thế hệ này đến thế hệ khác, cho đến ngày họ sẽ được phục hồi trong giáo hội chân chính và trong bầy chiên của Thượng Đế; ngày mà họ sẽ được quy tụ về quê hương xứ sở, nơi đất thừa hưởng của họ, và sẽ được định cư trên khắp các vùng đất hứa của họ.
- 3 Nay, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi nói với các người những điều này để cho các người được vui mừng, và ngược đầu lên mãi mãi, nhờ những phước lành mà Đức Chúa Trời sẽ ban cho con cái các người.
- 4 Vì tôi biết rằng, nhiều người trong các người đã tìm kiếm để biết được những chuyện sẽ xảy ra; vậy nên, tôi biết các người cũng biết là xác thịt chúng ta sẽ hao mòn và chết đi; tuy vậy, trong thể xác của chúng ta, chúng ta sẽ thấy Thượng Đế.
- 5 Phải, tôi biết các người cũng biết rằng, Ngài sẽ xuất hiện trong thể xác cho những người ở Giê Ru Sa Lem thấy, tức là nơi mà chúng ta đã bỏ ra đi; vì điều cần thiết là Ngài phải xuất hiện giữa họ; vì Đấng Sáng Tạo vĩ đại thấy Ngài cần phải chịu đau khổ để lệ thuộc dưới quyền của loài người trong xác thịt, và chết đi vì tất cả loài người, để sau đó tất cả loài người phải lệ thuộc dưới quyền của Ngài.
- 6 Vì một khi sự chết đã đến với tất cả loài người, để làm trọn vẹn kế hoạch thương xót của Đấng Sáng Tạo vĩ đại, thì cần phải có một quyền lực phục sinh, và sự phục sinh cần phải đến với loài người vì sự sa ngã; và sự sa ngã đến do sự phạm giới; vì loài người sa ngã nên họ phải bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Chúa.

## 2 Nephi 9

And now, my beloved brethren, I have read these things that ye might know concerning the covenants of the Lord that he has covenanted with all the house of Israel—

That he has spoken unto the Jews, by the mouth of his holy prophets, even from the beginning down, from generation to generation, until the time comes that they shall be restored to the true church and fold of God; when they shall be gathered home to the lands of their inheritance, and shall be established in all their lands of promise.

Behold, my beloved brethren, I speak unto you these things that ye may rejoice, and lift up your heads forever, because of the blessings which the Lord God shall bestow upon your children.

For I know that ye have searched much, many of you, to know of things to come; wherefore I know that ye know that our flesh must waste away and die; nevertheless, in our bodies we shall see God.

Yea, I know that ye know that in the body he shall show himself unto those at Jerusalem, from whence we came; for it is expedient that it should be among them; for it behooveth the great Creator that he suffereth himself to become subject unto man in the flesh, and die for all men, that all men might become subject unto him.

For as death hath passed upon all men, to fulfil the merciful plan of the great Creator, there must needs be a power of resurrection, and the resurrection must needs come unto man by reason of the fall; and the fall came by reason of transgression; and because man became fallen they were cut off from the presence of the Lord.

- 7 Vậy nên cần phải có một sự chuộc tội vô hạn— nếu không có sự chuộc tội vô hạn thì sự hư nát này sẽ không thể trở thành sự không hư nát được. Vậy nên, sự đoán phạt đầu tiên đến với loài người cần phải được tồn tại bất tận. Và nếu điều đó xảy ra, thì xác thịt này chắc đã phải nằm xuống, bị rửa nát và tan rã trong lòng đất mẹ mà không bao giờ trỗi dậy được nữa.
- 8 Ôi, sự thông sáng của Thượng Đế, lòng thương xót và ân điển của Ngài! Vì này, nếu thể xác của chúng ta không bao giờ trỗi dậy được nữa, thì linh hồn của chúng ta ắt phải lệ thuộc vào thiên thần mà đã sa ngã khỏi sự hiện diện của Thượng Đế vĩnh cửu và đã trở thành quỷ dữ để không bao giờ còn trỗi dậy được nữa.
- 9 Và linh hồn của chúng ta ắt đã trở thành giống như nó, và chúng ta đã trở thành quỷ dữ và quỷ sứ, bị loại ra khỏi sự hiện diện của Thượng Đế của chúng ta, và ở lại với cha đẻ của mọi sự dối trá, sống trong sự khốn cùng, chẳng khác chi chính nó vậy; phải, chúng ta sẽ giống như kẻ đã lừa dối thủy tổ của chúng ta; kẻ biến dạng thành thiên thần ánh sáng để xách động con cái loài người, đem họ vào những tập đoàn sát nhân bí mật cùng đủ mọi hình thức những việc làm bí mật trong bóng tối.
- 10 Ôi, vĩ đại thay tâm lòng nhân từ của Thượng Đế chúng ta, Ngài đã sửa soạn con đường cho chúng ta tránh được sự vô chụp của con yêu quỷ ghê gớm ấy; phải, con yêu quỷ ấy là sự chết và ngục giới mà tôi gọi là cái chết thể xác, và cũng là cái chết linh hồn nữa.
- 11 Và cũng nhờ đường lối giải thoát của Thượng Đế chúng ta, Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, mà cái chết này, như tôi vừa nói tới, là cái chết thể chất, sẽ phải trả lại những kẻ chết của nó; cái chết thể chất đây tức là mộ phần vậy.

Wherefore, it must needs be an infinite atonement—save it should be an infinite atonement this corruption could not put on incorruption. Wherefore, the first judgment which came upon man must needs have remained to an endless duration. And if so, this flesh must have laid down to rot and to crumble to its mother earth, to rise no more.

O the wisdom of God, his mercy and grace! For behold, if the flesh should rise no more our spirits must become subject to that angel who fell from before the presence of the Eternal God, and became the devil, to rise no more.

And our spirits must have become like unto him, and we become devils, angels to a devil, to be shut out from the presence of our God, and to remain with the father of lies, in misery, like unto himself; yea, to that being who beguiled our first parents, who transformeth himself nigh unto an angel of light, and stirreth up the children of men unto secret combinations of murder and all manner of secret works of darkness.

O how great the goodness of our God, who prepareth a way for our escape from the grasp of this awful monster; yea, that monster, death and hell, which I call the death of the body, and also the death of the spirit.

And because of the way of deliverance of our God, the Holy One of Israel, this death, of which I have spoken, which is the temporal, shall deliver up its dead; which death is the grave.

12 Và cái chết mà tôi vừa nói đây là cái chết linh hồn sẽ trả lại những kẻ chết của nó; cái chết thuộc linh đây tức là ngục giới vậy; vậy nên, sự chết và ngục giới đều phải trả lại những kẻ chết của chúng, và ngục giới phải trả lại những linh hồn nó đã bắt giữ, và mộ phần cũng phải trả lại những thể xác nó giam cầm, và thể xác cùng linh hồn của con người sẽ được phục hồi lại với nhau; và đó là nhờ quyền năng phục sinh của Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên vậy.

13 Ôi vĩ đại thay kế hoạch của Thượng Đế chúng ta! Vì mặt khác, thiên đàng của Thượng Đế cũng phải trả lại linh hồn của những người ngay chính, và mộ phần cũng giao hoàn lại thể xác của những người ngay chính; và rồi, linh hồn cùng thể xác sẽ phục hồi lại với nhau, và tất cả mọi người sẽ trở nên không hư nát và bất diệt, và họ là những bản thể sống, có một sự hiểu biết hoàn toàn như chúng ta trong thể xác, ngoại trừ là sự hiểu biết của chúng ta lúc ấy sẽ trở nên hoàn toàn.

14 Vậy nên, chúng ta sẽ có một sự hiểu biết hoàn toàn về tất cả tội lỗi, sự ô uế và sự trần truồng của chúng ta; và người ngay chính sẽ có một sự hiểu biết hoàn toàn về niềm vui và sự ngay chính của họ, và sẽ được khoác lên mình sự tinh khiết, phải, bằng chiếc áo công minh.

15 Và chuyện rằng, sau khi tất cả loài người đã trải qua cái chết đầu tiên này để đi vào sự sống, và một khi họ đã được trở thành bất diệt rồi, thì họ phải ra trước ghế phán xét của Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên; và lúc đó sẽ có sự phán xét, và lúc đó họ phải bị xét xử theo sự phán xét thánh thiện của Thượng Đế.

16 Và như Chúa là Đấng hằng sống, vì Đức Chúa Trời có phán như vậy, và đó là lời vĩnh cửu của Ngài, không thể nào bỏ qua được, rằng những người nào ngay chính thì vẫn ngay chính, và kẻ nào dơ bẩn thì vẫn dơ bẩn; vậy nên, những kẻ dơ bẩn tức là quỷ dữ và các quỷ sứ của nó; chúng sẽ đi vào ngọn lửa vĩnh viễn đã được sửa soạn trước cho chúng; và cực hình của chúng tựa như là một hồ lửa với diêm sinh, có ngọn lửa bốc cháy lên cao mãi mãi và đời đời.

And this death of which I have spoken, which is the spiritual death, shall deliver up its dead; which spiritual death is hell; wherefore, death and hell must deliver up their dead, and hell must deliver up its captive spirits, and the grave must deliver up its captive bodies, and the bodies and the spirits of men will be restored one to the other; and it is by the power of the resurrection of the Holy One of Israel.

O how great the plan of our God! For on the other hand, the paradise of God must deliver up the spirits of the righteous, and the grave deliver up the body of the righteous; and the spirit and the body is restored to itself again, and all men become incorruptible, and immortal, and they are living souls, having a perfect knowledge like unto us in the flesh, save it be that our knowledge shall be perfect.

Wherefore, we shall have a perfect knowledge of all our guilt, and our uncleanness, and our nakedness; and the righteous shall have a perfect knowledge of their enjoyment, and their righteousness, being clothed with purity, yea, even with the robe of righteousness.

And it shall come to pass that when all men shall have passed from this first death unto life, inasmuch as they have become immortal, they must appear before the judgment-seat of the Holy One of Israel; and then cometh the judgment, and then must they be judged according to the holy judgment of God.

And assuredly, as the Lord liveth, for the Lord God hath spoken it, and it is his eternal word, which cannot pass away, that they who are righteous shall be righteous still, and they who are filthy shall be filthy still; wherefore, they who are filthy are the devil and his angels; and they shall go away into everlasting fire, prepared for them; and their torment is as a lake of fire and brimstone, whose flame ascendeth up forever and ever and has no end.

17 Ôi, vĩ đại thay và công lý thay Thượng Đế của chúng ta! Vì Ngài thực hiện tất cả những lời nói của Ngài, và những lời nói ấy đã phát ra từ miệng Ngài, và luật pháp của Ngài phải được thi hành.

18 Nhưng, này, những người ngay chính, những thánh hữu của Đấng Thánh Y Sơ Ra Ên, những người đã tin nơi Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, những người đã gánh chịu những thập tự giá của thế gian, và đã xem thường sự hổ thẹn của nó, là những người sẽ được thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế, một vương quốc đã được chuẩn bị cho họ từ lúc thế gian mới được tạo dựng, và niềm vui sướng của họ sẽ tràn đầy mãi mãi.

19 Ôi vĩ đại thay lòng thương xót của Thượng Đế chúng ta, Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên! Vì Ngài đã giải thoát cho các thánh hữu của Ngài khỏi tên ác quỷ gồm ghê đó tức là quỷ dữ, sự chết, và ngục giới, cùng hồ lửa với diêm sinh, là cực hình bất tận.

20 Ôi vĩ đại thay sự thánh thiện của Thượng Đế chúng ta! Vì Ngài đã thông hiểu mọi sự việc, và chẳng có một sự việc gì mà Ngài không biết tới.

21 Và Ngài sẽ xuống thế gian để cứu vớt tất cả loài người nếu họ biết nghe theo lời của Ngài; vì này, Ngài sẽ hứng lấy những sự đau đớn của mọi người, phải, những sự đau đớn của từng sinh linh một, cả đàn ông lẫn đàn bà và trẻ con, là những người thuộc gia đình A Đam.

22 Và Ngài chịu đựng như vậy là để cho sự phục sinh có thể đến được với tất cả mọi người, và để cho tất cả mọi người đều có thể đứng trước mặt Ngài vào ngày phán xét trọng đại ấy.

23 Và Ngài truyền lệnh cho tất cả mọi người phải hối cải, và chịu phép báp têm trong danh Ngài, có đức tin trọn vẹn nơi Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, nếu không thì họ sẽ không được cứu rỗi trong vương quốc của Thượng Đế.

24 Và nếu họ không hối cải cùng tin vào danh Ngài, không chịu phép báp têm trong danh Ngài, và không kiên trì đến cùng, thì họ sẽ bị đoán phạt; vì Đức Chúa Trời, Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, đã phán vậy.

O the greatness and the justice of our God! For he executeth all his words, and they have gone forth out of his mouth, and his law must be fulfilled.

But, behold, the righteous, the saints of the Holy One of Israel, they who have believed in the Holy One of Israel, they who have endured the crosses of the world, and despised the shame of it, they shall inherit the kingdom of God, which was prepared for them from the foundation of the world, and their joy shall be full forever.

O the greatness of the mercy of our God, the Holy One of Israel! For he delivereth his saints from that awful monster the devil, and death, and hell, and that lake of fire and brimstone, which is endless torment.

O how great the holiness of our God! For he knoweth all things, and there is not anything save he knows it.

And he cometh into the world that he may save all men if they will hearken unto his voice; for behold, he suffereth the pains of all men, yea, the pains of every living creature, both men, women, and children, who belong to the family of Adam.

And he suffereth this that the resurrection might pass upon all men, that all might stand before him at the great and judgment day.

And he commandeth all men that they must repent, and be baptized in his name, having perfect faith in the Holy One of Israel, or they cannot be saved in the kingdom of God.

And if they will not repent and believe in his name, and be baptized in his name, and endure to the end, they must be damned; for the Lord God, the Holy One of Israel, has spoken it.

25 Vậy nên, Ngài đã ban hành một luật pháp; và nơi nào không có luật pháp ban hành thì không có sự trừng phạt; và nơi nào không có sự trừng phạt thì không có sự kết tội; và nơi nào không có sự kết tội thì lòng thương xót của Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên có quyền đòi hỏi họ qua sự chuộc tội vì họ được giải thoát nhờ quyền năng của Ngài.

26 Vì sự chuộc tội làm thỏa mãn những đòi hỏi của công lý của Ngài đối với những kẻ chưa được ban cho luật pháp để họ thoát khỏi con ác quỷ gồm ghê đó, tức là sự chết và ngục giới, quỷ dữ, cùng hồ lửa với diêm sinh, là cực hình bất tận; và họ sẽ được phục hồi lại với Thượng Đế, Đấng đã cho họ hơi thở, tức là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên vậy.

27 Nhưng khốn thay cho kẻ đã được ban cho luật pháp, phải, kẻ đã có được tất cả các lệnh truyền của Thượng Đế, như chúng ta đây, nhưng lại vi phạm những lệnh truyền ấy, và phi phạm những ngày tháng thử thách của mình, vì tình trạng của kẻ ấy thật đáng kinh sợ xiết bao!

28 Ôi xảo quyệt thay kế hoạch của kẻ tà ác đó! Ôi tính kiêu căng, sự yếu đuối, sự rồ dại của loài người! Một khi có học thức họ lại tự cho mình là khôn ngoan, và họ không nghe theo lời khuyên dạy của Thượng Đế, vì họ đã để những lời ấy ra ngoài tai và tự cho rằng mình đã thông hiểu hết mọi sự việc, vì thế, sự khôn ngoan của họ chỉ là sự rồ dại, không đem lại lợi ích gì cho họ hết, và họ sẽ bị diệt vong.

29 Nhưng có kiến thức là một điều tốt nếu họ nghe theo những lời khuyên dạy của Thượng Đế.

30 Nhưng khốn thay cho kẻ giàu, là những kẻ giàu có những vật chất của thế gian. Vì họ giàu có nên họ xem thường kẻ nghèo khó, và ngược đãi kẻ nhu mì; trái tim của họ chỉ nằm trong cửa cải của họ; vì vậy của cải của họ là thượng đế của họ. Và này, của cải của họ sẽ bị hủy diệt với họ.

31 Và khốn thay cho những kẻ điếc không muốn nghe; vì họ sẽ bị diệt vong.

32 Khốn thay cho những kẻ mù không muốn nhìn; vì họ cũng sẽ bị diệt vong.

33 Khốn thay cho những kẻ chưa chịu phép cắt bì trong lòng, vì sự hiểu rõ những điều bất chính của họ sẽ đánh ngã họ vào ngày sau cùng.

34 Khốn thay cho kẻ nói dối, vì kẻ đó sẽ bị xô xuống ngục giới.

Wherefore, he has given a law; and where there is no law given there is no punishment; and where there is no punishment there is no condemnation; and where there is no condemnation the mercies of the Holy One of Israel have claim upon them, because of the atonement; for they are delivered by the power of him.

For the atonement satisfieth the demands of his justice upon all those who have not the law given to them, that they are delivered from that awful monster, death and hell, and the devil, and the lake of fire and brimstone, which is endless torment; and they are restored to that God who gave them breath, which is the Holy One of Israel.

But wo unto him that has the law given, yea, that has all the commandments of God, like unto us, and that transgresseth them, and that wasteth the days of his probation, for awful is his state!

O that cunning plan of the evil one! O the vainness, and the frailties, and the foolishness of men! When they are learned they think they are wise, and they hearken not unto the counsel of God, for they set it aside, supposing they know of themselves, wherefore, their wisdom is foolishness and it profiteth them not. And they shall perish.

But to be learned is good if they hearken unto the counsels of God.

But wo unto the rich, who are rich as to the things of the world. For because they are rich they despise the poor, and they persecute the meek, and their hearts are upon their treasures; wherefore, their treasure is their god. And behold, their treasure shall perish with them also.

And wo unto the deaf that will not hear; for they shall perish.

Wo unto the blind that will not see; for they shall perish also.

Wo unto the uncircumcised of heart, for a knowledge of their iniquities shall smite them at the last day.

Wo unto the liar, for he shall be thrust down to hell.

35 Khốn thay cho kẻ sát nhân với dụng ý giết người, vì kẻ đó sẽ chết.

36 Khốn thay cho những kẻ phạm tội tà dâm, vì họ sẽ bị xô xuống ngục giới.

37 Phải, khốn thay cho những kẻ thờ hình tượng, vì quỷ dữ ưa thích bọn người này.

38 Và tóm lại, khốn thay cho tất cả những kẻ chết trong tội lỗi của mình; vì họ sẽ trở về với Thượng Đế, và sẽ thấy mặt Ngài, mà vẫn còn ở trong tội lỗi của mình.

39 Hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, hãy ghi nhớ rằng, nghịch phạm Đấng Thượng Đế Thánh ấy là một điều đáng sợ, và thuận theo những sự dụ dỗ của kẻ quỷ quyệt kia cũng là một điều đáng sợ. Hãy ghi nhớ rằng, có tinh thần hướng về xác thịt là sự chết, và có tinh thần hướng về tâm linh là cuộc sống vĩnh cửu vậy.

40 Hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, hãy để tai nghe lời tôi nói. Hãy nhớ tới sự vĩ đại của Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên. Xin chớ cho rằng tôi đã nặng lời với các người; vì nếu các người nói như vậy tức là các người đã thóa mạ sự thật; vì tôi đã nói những lời của Đấng Sáng Tạo các người. Tôi biết rằng, những lời nói của sự thật rất khó nghe đối với tất cả những gì không trong sạch; nhưng người ngay chính không hề sợ những lời ấy, vì họ yêu lẽ thật, và không bị nao núng.

41 Vậy thì, hỡi đồng bào thân mến của tôi, hãy đến với Chúa, Đấng Thánh. Hãy ghi nhớ rằng, các ngõ đường của Ngài đều ngay chính. Nay, con đường dành cho nhân loại tuy chật hẹp, nhưng nó nằm trong một lộ trình thẳng trước mặt họ, và người giữ cổng là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên; và Ngài không thu dụng tôi tớ nào ở đó cả; và cũng không có một lối nào khác ngoài lối vào bởi cổng đó; vì Ngài không thể nào bị lừa gạt được đâu, vì Đức Chúa Trời là danh Ngài.

Wo unto the murderer who deliberately killeth, for he shall die.

Wo unto them who commit whoredoms, for they shall be thrust down to hell.

Yea, wo unto those that worship idols, for the devil of all devils delighteth in them.

And, in fine, wo unto all those who die in their sins; for they shall return to God, and behold his face, and remain in their sins.

O, my beloved brethren, remember the awfulness in transgressing against that Holy God, and also the awfulness of yielding to the enticings of that cunning one. Remember, to be carnally-minded is death, and to be spiritually-minded is life eternal.

O, my beloved brethren, give ear to my words. Remember the greatness of the Holy One of Israel. Do not say that I have spoken hard things against you; for if ye do, ye will revile against the truth; for I have spoken the words of your Maker. I know that the words of truth are hard against all uncleanness; but the righteous fear them not, for they love the truth and are not shaken.

O then, my beloved brethren, come unto the Lord, the Holy One. Remember that his paths are righteous. Behold, the way for man is narrow, but it lieth in a straight course before him, and the keeper of the gate is the Holy One of Israel; and he employeth no servant there; and there is none other way save it be by the gate; for he cannot be deceived, for the Lord God is his name.

- 42 Và kẻ nào gõ, Ngài sẽ mở cho; những kẻ khôn ngoan, những kẻ học thức, cùng những kẻ giàu có, là những kẻ tràn đầy kiêu ngạo vì sự học thức, sự khôn ngoan, và sự giàu có của mình—phải chính họ là những người bị Ngài khinh rẻ; và trừ phi họ chịu từ bỏ những điều ấy, và tự xem mình như kẻ điên rồ trước mặt Thượng Đế, và hạ mình xuống tận đáy sâu của sự khiêm nhường, thì Ngài sẽ không mở cửa cho họ đâu.
- 43 Những gì dành riêng cho người khôn ngoan và người thận trọng sẽ bị cất giấu khỏi họ mãi mãi—phải, nguồn hạnh phúc đó đã được sửa soạn sẵn cho các thánh hữu.
- 44 Hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, xin hãy nhớ những lời tôi nói. Nay, tôi cởi bỏ y phục của tôi, và giữ nó trước mặt các người; tôi cầu nguyện Thượng Đế của sự cứu rỗi của tôi, để Ngài nhìn thấy tôi với con mắt khám xét của Ngài; vậy nên, vào ngày sau cùng, vào ngày mà tất cả mọi người sẽ được phán xét theo những việc làm của mình, các người sẽ biết rằng Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên đã chứng kiến rằng tôi đã giữ sạch các điều bất chính của các người khỏi linh hồn tôi, và tôi đứng với sự sáng chói trước mặt Ngài, và dứt bỏ được máu của các người.
- 45 Hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, hãy lánh xa tội lỗi của mình; hãy cởi bỏ những xiềng xích của kẻ muốn trói chặt các người, hãy đến với Đấng Thượng Đế là tảng đá cứu rỗi của các người.
- 46 Hãy chuẩn bị linh hồn mình cho ngày vinh quang đó, ngày mà công lý sẽ được thực thi cho người ngay chính, là ngày phán xét, để các người khỏi phải co rúm trong sự sợ hãi ghê gớm; để các người khỏi phải nhớ tới một cách rõ rệt tội lỗi hết sức ghê gớm của mình, đến nỗi phải buột miệng thốt lên rằng: Thánh thiện thay, thánh thiện thay những sự phán xét của Ngài, ôi Đức Chúa Trời Toàn Năng—con đã biết tội lỗi của con, con đã vi phạm luật pháp của Ngài; và những sự vi phạm ấy chính con đã làm ra; và quỷ dữ đã chiếm được con, khiến con là miếng mồi ngon cho sự khốn cùng ghê gớm của nó.

And whoso knocketh, to him will he open; and the wise, and the learned, and they that are rich, who are puffed up because of their learning, and their wisdom, and their riches—yea, they are they whom he despiseth; and save they shall cast these things away, and consider themselves fools before God, and come down in the depths of humility, he will not open unto them.

But the things of the wise and the prudent shall be hid from them forever—yea, that happiness which is prepared for the saints.

O, my beloved brethren, remember my words. Behold, I take off my garments, and I shake them before you; I pray the God of my salvation that he view me with his all-searching eye; wherefore, ye shall know at the last day, when all men shall be judged of their works, that the God of Israel did witness that I shook your iniquities from my soul, and that I stand with brightness before him, and am rid of your blood.

O, my beloved brethren, turn away from your sins; shake off the chains of him that would bind you fast; come unto that God who is the rock of your salvation.

Prepare your souls for that glorious day when justice shall be administered unto the righteous, even the day of judgment, that ye may not shrink with awful fear; that ye may not remember your awful guilt in perfectness, and be constrained to exclaim: Holy, holy are thy judgments, O Lord God Almighty—but I know my guilt; I transgressed thy law, and my transgressions are mine; and the devil hath obtained me, that I am a prey to his awful misery.

47 Nhưng này, hỡi đồng bào, tôi có cần phải thức tỉnh các người để các người chú ý đến sự thực gớm ghê của những sự việc này chẳng? Lẽ nào tôi làm cho các người ray rứt trong tâm hồn nếu tâm trí các người thanh khiết? Lẽ nào tôi muốn minh bạch với các người, dựa theo sự minh bạch của lẽ thật, nếu các người đã được thoát tội?

48 Này, nếu các người thánh thiện thì tôi sẽ nói những điều thánh thiện với các người; nhưng, vì các người không thánh thiện, và xem tôi như một người giảng dạy, nên tôi thấy cần phải giảng dạy cho các người biết về những hậu quả của tội lỗi.

49 Này, tâm hồn tôi ghê tởm tội lỗi, và lòng tôi hân hoan về sự ngay chính; và tôi sẽ ca ngợi thánh danh của Thượng Đế của tôi.

50 Hãy lại đây, hỡi đồng bào của tôi, bất cứ ai khát thì hãy đến dòng nước này, và ai không tiền hãy lại đây mua mà ăn; phải, hãy lại đây mua rượu nho và sữa mà khỏi phải trả tiền, và không cần giá cả.

51 Vậy nên, xin chớ tiêu phí tiền bạc về những gì không có giá trị, và cũng đừng lao nhọc sức lực về những gì không thể làm thỏa mãn được. Xin hãy chuyên tâm nghe tôi và nhớ lấy những lời tôi nói; hãy đến với Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, và hãy nuôi dưỡng những gì không bị hư mất hay mục nát được, và hãy để cho tâm hồn các người vui thích trong sự béo bở.

52 Này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, hãy ghi nhớ những lời của Thượng Đế của các người; hãy luôn cầu nguyện Ngài ban ngày, và hãy tạ ơn thánh danh Ngài ban đêm. Hãy để cho lòng mình vui sướng.

53 Và này, thật vĩ đại thay những giao ước của Chúa, và vĩ đại thay tấm lòng hạ cố của Ngài đối với con cái loài người; vì sự cao cả của Ngài, và ân điển cùng lòng thương xót của Ngài, nên Ngài đã hứa với chúng ta rằng, dòng dõi của chúng ta sẽ không bị tận diệt, theo thể cách xác thịt, nhưng Ngài sẽ bảo tồn chúng; và trong những thế hệ tương lai, chúng sẽ trở nên một nhánh ngay chính của gia tộc Y Sơ Ra Ên.

54 Và giờ đây, hỡi đồng bào, tôi cần muốn nói với các người nhiều hơn nữa; nhưng hãy để ngày mai, tôi sẽ nói những lời còn lại của tôi cho các người nghe. Amen.

But behold, my brethren, is it expedient that I should awake you to an awful reality of these things? Would I harrow up your souls if your minds were pure? Would I be plain unto you according to the plainness of the truth if ye were freed from sin?

Behold, if ye were holy I would speak unto you of holiness; but as ye are not holy, and ye look upon me as a teacher, it must needs be expedient that I teach you the consequences of sin.

Behold, my soul abhorreth sin, and my heart delighteth in righteousness; and I will praise the holy name of my God.

Come, my brethren, every one that thirsteth, come ye to the waters; and he that hath no money, come buy and eat; yea, come buy wine and milk without money and without price.

Wherefore, do not spend money for that which is of no worth, nor your labor for that which cannot satisfy. Hearken diligently unto me, and remember the words which I have spoken; and come unto the Holy One of Israel, and feast upon that which perisheth not, neither can be corrupted, and let your soul delight in fatness.

Behold, my beloved brethren, remember the words of your God; pray unto him continually by day, and give thanks unto his holy name by night. Let your hearts rejoice.

And behold how great the covenants of the Lord, and how great his condescensions unto the children of men; and because of his greatness, and his grace and mercy, he has promised unto us that our seed shall not utterly be destroyed, according to the flesh, but that he would preserve them; and in future generations they shall become a righteous branch unto the house of Israel.

And now, my brethren, I would speak unto you more; but on the morrow I will declare unto you the remainder of my words. Amen.



## 2 Nê Phi 10

- 1 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi, Gia Cốp, xin nói tiếp với các người về nhánh ngay chính mà tôi đã nói đến.
- 2 Vì này, những lời hứa mà chúng ta đã nhận được là những lời hứa với chúng ta theo thể cách xác thật; vậy nên, tôi đã được cho thấy rằng, phần đông các con cháu của chúng ta sẽ bị hủy diệt trong thể xác vì sự vô tín ngưỡng; tuy nhiên, Thượng Đế sẽ thương xót nhiều người; và con cháu chúng ta sẽ được phục hồi, để chúng có thể đạt được điều mà đem lại cho chúng sự hiểu biết trung thực về Đấng Cứu Chuộc của chúng.
- 3 Vậy nên, như tôi đã có nói với các người, Đấng Ky Tô—vì trong đêm trước vị thiên sứ đã nói cho tôi biết rằng tên của Ngài là vậy—cần phải đến giữa đám người Do Thái, giữa những con người độc ác nhất trên thế gian, và họ sẽ đóng đinh Ngài trên thập tự giá—vì Thượng Đế của chúng ta thấy cần phải có như vậy; và chẳng có một dân tộc nào khác trên thế gian này lại đóng đinh Thượng Đế của mình trên thập tự giá như vậy.
- 4 Vì nếu những phép lạ phi thường này mà xảy đến cho các dân tộc khác, thì họ sẽ hối cải và nhận biết Ngài là Thượng Đế của họ.
- 5 Nhưng vì những mưu chước tăng tế và những điều bất chính, nên những kẻ ở Giê Ru Sa Lem sẽ cứng cổ chống lại Ngài, khiến Ngài phải bị đóng đinh trên thập tự giá.
- 6 Vậy nên, chính vì những điều bất chính của họ, mà sự tàn phá, nạn đói kém, bệnh dịch, cùng những cuộc đổ máu sẽ trút lên đầu họ; và những kẻ nào không bị hủy diệt thì cũng sẽ bị phân tán khắp các quốc gia khác.
- 7 Nhưng này, Đức Chúa Trời có phán như vậy: Đến ngày nào mà họ biết tin rằng ta là Đấng Ky Tô, thì như ta đã giao ước với các tổ phụ của họ, họ sẽ được mang trở về đất thừa hưởng của mình khi họ còn trong thể xác trên thế gian này.

## 2 Nephi 10

And now I, Jacob, speak unto you again, my beloved brethren, concerning this righteous branch of which I have spoken.

For behold, the promises which we have obtained are promises unto us according to the flesh; wherefore, as it has been shown unto me that many of our children shall perish in the flesh because of unbelief, nevertheless, God will be merciful unto many; and our children shall be restored, that they may come to that which will give them the true knowledge of their Redeemer.

Wherefore, as I said unto you, it must needs be expedient that Christ—for in the last night the angel spake unto me that this should be his name—should come among the Jews, among those who are the more wicked part of the world; and they shall crucify him—for thus it behooveth our God, and there is none other nation on earth that would crucify their God.

For should the mighty miracles be wrought among other nations they would repent, and know that he be their God.

But because of priestcrafts and iniquities, they at Jerusalem will stiffen their necks against him, that he be crucified.

Wherefore, because of their iniquities, destructions, famines, pestilences, and bloodshed shall come upon them; and they who shall not be destroyed shall be scattered among all nations.

But behold, thus saith the Lord God: When the day cometh that they shall believe in me, that I am Christ, then have I covenanted with their fathers that they shall be restored in the flesh, upon the earth, unto the lands of their inheritance.

- 8 Và chuyện rằng, sau một thời gian bị phân tán lâu dài, họ sẽ được quy tụ lại từ các hải đảo và từ bốn phương trời của thế gian; và các quốc gia của Dân Ngoại sẽ trở thành vĩ đại trước mắt ta, trong việc đem họ trở về đất thừa hưởng của họ, lời Thượng Đế phán vậy.
- 9 Phải, các vua của Dân Ngoại sẽ là dưỡng phụ của họ và các hoàng hậu sẽ là dưỡng mẫu của họ; vậy nên, những lời hứa của Chúa với người Dân Ngoại rất lớn lao, vì một khi Ngài đã phán vậy thì ai dám bàn cãi?
- 10 Nhưng này, Thượng Đế có phán rằng: Xứ này sẽ là xứ thừa hưởng của các người, và những người Dân Ngoại sẽ được ban phước trong xứ này.
- 11 Và xứ này sẽ là xứ tự do cho người Dân Ngoại, và họ sẽ không lập một ai lên làm vua trong xứ này, là những người sẽ được đẩy lên cho người Dân Ngoại.
- 12 Và ta sẽ ban thêm sức mạnh cho xứ này để chống lại tất cả các quốc gia khác.
- 13 Và kẻ nào chống lại Si Ôn sẽ bị diệt vong, Thượng Đế phán vậy.
- 14 Vì kẻ nào lập vua lên để chống lại ta thì sẽ bị diệt vong; vì ta, là Chúa, là vua trên trời, sẽ là vua của họ. Ta sẽ mãi mãi là sự sáng cho những ai biết nghe lời của ta.
- 15 Vậy nên, vì lý do này, để các giao ước mà ta đã lập với con cái loài người được làm tròn, những giao ước mà ta hứa sẽ thực hiện khi con cái loài người còn ở trong xác thịt, ta phải cần hủy diệt những việc làm bí mật trong bóng tối, sát nhân và khả ố.
- 16 Vậy nên, kẻ nào chống lại Si Ôn, cả người Do Thái lẫn Dân Ngoại, nô lệ cũng như tự do, nam cũng như nữ, đều sẽ bị diệt vong; vì những kẻ đó là gái điếm của toàn thể thế gian; vì kẻ nào không theo ta tức là chống ta, Thượng Đế của chúng ta phán vậy.
- 17 Vì ta sẽ làm tròn những lời ta đã hứa với con cái loài người, là những lời hứa ta sẽ thực hiện cho họ khi họ còn sống trong xác thịt—

And it shall come to pass that they shall be gathered in from their long dispersion, from the isles of the sea, and from the four parts of the earth; and the nations of the Gentiles shall be great in the eyes of me, saith God, in carrying them forth to the lands of their inheritance.

Yea, the kings of the Gentiles shall be nursing fathers unto them, and their queens shall become nursing mothers; wherefore, the promises of the Lord are great unto the Gentiles, for he hath spoken it, and who can dispute?

But behold, this land, said God, shall be a land of thine inheritance, and the Gentiles shall be blessed upon the land.

And this land shall be a land of liberty unto the Gentiles, and there shall be no kings upon the land, who shall raise up unto the Gentiles.

And I will fortify this land against all other nations.

And he that fighteth against Zion shall perish, saith God.

For he that raiseth up a king against me shall perish, for I, the Lord, the king of heaven, will be their king, and I will be a light unto them forever, that hear my words.

Wherefore, for this cause, that my covenants may be fulfilled which I have made unto the children of men, that I will do unto them while they are in the flesh, I must needs destroy the secret works of darkness, and of murders, and of abominations.

Wherefore, he that fighteth against Zion, both Jew and Gentile, both bond and free, both male and female, shall perish; for they are they who are the whore of all the earth; for they who are not for me are against me, saith our God.

For I will fulfil my promises which I have made unto the children of men, that I will do unto them while they are in the flesh—

- 18 Vậy nên, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, Thượng Đế của chúng ta có phán như vậy: Ta sẽ làm cho dòng dõi của người phải đau khổ vì bàn tay của người Dân Ngoại; tuy nhiên, ta sẽ làm mềm lòng người Dân Ngoại để họ trở nên như một người cha của chúng; vì thế mà những người Dân Ngoại sẽ được ban phước và được liệt vào gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 19 Vậy nên, ta sẽ biệt riêng xứ này cho dòng dõi người, và cho những kẻ được liệt vào dòng dõi người, được thừa hưởng xứ này mãi mãi; vì Thượng Đế có phán rằng đối với ta xứ này là một xứ chọn lọc, hơn hết thấy mọi xứ khác, vì lẽ đó mà ta muốn rằng tất cả những kẻ nào sống trên đất này sẽ tôn thờ ta, Thượng Đế phán vậy.
- 20 Và này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, vì lẽ Thượng Đế nhân từ của chúng ta đã ban cho chúng ta một sự hiểu biết quá lớn lao về những điều ấy, chúng ta hãy nhớ đến Ngài, và hãy gạt bỏ qua một bên những tội lỗi của mình, và đừng cúi gầm mặt xuống, vì chúng ta không bị loại trừ; mặc dù chúng ta đã bị đui ra khỏi đất thừa hưởng của chúng ta, chúng ta đã được dẫn dắt tới một xứ tốt đẹp hơn, vì Chúa đã lấy biển làm lối đi cho chúng ta và chúng ta đang được ở trên một hải đảo.
- 21 Nhưng vĩ đại thay những lời hứa mà Chúa đã ban cho những người ở trên các hải đảo; Vậy nên, một khi đã gọi là các hải đảo thì tức là còn nhiều hải đảo khác hơn hải đảo này, và trên những hải đảo ấy đồng bào của chúng ta cũng đang ở.
- 22 Vì này, Đức Chúa Trời thánh thoảng đã dẫn họ đi khỏi gia tộc Y Sơ Ra Ên, tùy theo ý muốn và sự vui thích của Ngài. Và giờ đây này, Chúa nhớ tới tất cả những kẻ bị tách lìa đó, vậy nên Ngài cũng nhớ đến chúng ta nữa.
- 23 Vì vậy, hãy hoan hỷ lên đi, và nên nhớ rằng, các người là những người được tự do hành động cho chính mình—được tự do chọn lựa lấy con đường của sự chết vĩnh viễn hay là con đường của cuộc sống vĩnh cửu.
- 24 Vì thế, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, hãy hòa mình thuận theo ý muốn của Thượng Đế, và chớ có làm theo ý muốn của quỷ dữ và của xác thịt; và xin ghi nhớ rằng, sau khi các người đã hòa hiệp với Thượng Đế, chỉ trong và qua ân điển của Thượng Đế các người mới được cứu mà thôi.

Wherefore, my beloved brethren, thus saith our God: I will afflict thy seed by the hand of the Gentiles; nevertheless, I will soften the hearts of the Gentiles, that they shall be like unto a father to them; wherefore, the Gentiles shall be blessed and numbered among the house of Israel.

Wherefore, I will consecrate this land unto thy seed, and them who shall be numbered among thy seed, forever, for the land of their inheritance; for it is a choice land, saith God unto me, above all other lands, wherefore I will have all men that dwell thereon that they shall worship me, saith God.

And now, my beloved brethren, seeing that our merciful God has given us so great knowledge concerning these things, let us remember him, and lay aside our sins, and not hang down our heads, for we are not cast off; nevertheless, we have been driven out of the land of our inheritance; but we have been led to a better land, for the Lord has made the sea our path, and we are upon an isle of the sea.

But great are the promises of the Lord unto them who are upon the isles of the sea; wherefore as it says isles, there must needs be more than this, and they are inhabited also by our brethren.

For behold, the Lord God has led away from time to time from the house of Israel, according to his will and pleasure. And now behold, the Lord remembereth all them who have been broken off, wherefore he remembereth us also.

Therefore, cheer up your hearts, and remember that ye are free to act for yourselves—to choose the way of everlasting death or the way of eternal life.

Wherefore, my beloved brethren, reconcile yourselves to the will of God, and not to the will of the devil and the flesh; and remember, after ye are reconciled unto God, that it is only in and through the grace of God that ye are saved.

25      Vậy nên, cầu mong sao Thượng Đế nhắc các người ra khỏi cõi chết nhờ quyền năng phục sinh và luôn cả khỏi sự chết vĩnh viễn nhờ quyền năng chuộc tội, để các người có thể được thu nhận vào trong vương quốc vĩnh cửu của Thượng Đế, ngõ hầu các người có thể ca ngợi Ngài qua ân điển thiêng liêng. A Men.

Wherefore, may God raise you from death by the power of the resurrection, and also from everlasting death by the power of the atonement, that ye may be received into the eternal kingdom of God, that ye may praise him through grace divine. Amen.

## 2 Nê Phi 11

- 1 Và giờ đây, Gia Cóp còn nói thêm nhiều điều với dân tôi vào lúc đó; nhưng tôi chỉ cho chép lại có bấy nhiêu thôi; vì những điều tôi đã ghi chép ra đây, tôi thấy đã đầy đủ rồi.
- 2 Và giờ đây tôi, Nê Phi, xin viết thêm về những lời của Ê Sai, vì tâm hồn tôi hân hoan về những lời của ông. Vì tôi sẽ áp dụng những lời của ông cho dân tôi, và tôi sẽ lưu truyền những lời ấy cho tất cả con cháu của tôi nữa, vì quả thật ông đã thấy Đấng Cứu Chuộc của tôi, cũng như tôi đã thấy Ngài vậy.
- 3 Và Gia Cóp, em của tôi, cũng được thấy Ngài như tôi đã được thấy Ngài vậy; vì thế tôi sẽ lưu truyền những lời của họ cho con cháu tôi để chứng minh cho chúng biết rằng, những lời nói của tôi là chân thật. Vì Thượng Đế có phán rằng: Với lời nói của ba người, ta sẽ thiết lập lời của ta. Tuy nhiên, Thượng Đế còn gửi thêm những nhân chứng khác, và Ngài chứng minh cho tất cả các lời nói của Ngài.
- 4 Nay, tâm hồn tôi hân hoan trong việc mình chứng cho dân tôi biết sự thật về sự hiện đến của Đấng Ky Tô; và chính vì mục đích này mà luật pháp Môi Se đã được ban bố; và tất cả những điều mà Thượng Đế đã ban cho loài người từ lúc thế gian mới được tạo dựng đều tượng trưng cho Ngài vậy.
- 5 Và tâm hồn tôi cũng hân hoan về những giao ước Chúa đã lập với các tổ phụ của chúng ta; phải, tâm hồn tôi hân hoan về ân điển của Ngài, về công lý, quyền năng và lòng thương xót của Ngài trong kế hoạch vĩ đại và vĩnh cửu về sự giải thoát khỏi sự chết.
- 6 Và tâm hồn tôi hân hoan trong việc mình chứng cho dân tôi biết rằng, trừ phi Đấng Ky Tô đến, nếu không, thì tất cả loài người phải bị diệt vong.
- 7 Vì nếu không có Đấng Ky Tô, thì không có Thượng Đế; và nếu không có Thượng Đế thì không có chúng ta, vì đã không thể có sự sáng tạo. Nhưng quả thật có một Thượng Đế, và Ngài là Đấng Ky Tô, và Ngài sẽ đến lúc thời kỳ trọn vẹn của Ngài.
- 8 Và giờ đây, tôi ghi lại một số lời nói của Ê Sai, để những ai trong số dân tôi đọc thấy những lời này sẽ nức lòng và hoan hỷ cho tất cả loài người. Nay, đây là những lời ấy, và các người có thể áp dụng cho chính mình và cho tất cả mọi người.

## 2 Nephi 11

And now, Jacob spake many more things to my people at that time; nevertheless only these things have I caused to be written, for the things which I have written sufficeth me.

And now I, Nephi, write more of the words of Isaiah, for my soul delighteth in his words. For I will liken his words unto my people, and I will send them forth unto all my children, for he verily saw my Redeemer, even as I have seen him.

And my brother, Jacob, also has seen him as I have seen him; wherefore, I will send their words forth unto my children to prove unto them that my words are true. Wherefore, by the words of three, God hath said, I will establish my word. Nevertheless, God sendeth more witnesses, and he proveth all his words.

Behold, my soul delighteth in proving unto my people the truth of the coming of Christ; for, for this end hath the law of Moses been given; and all things which have been given of God from the beginning of the world, unto man, are the typifying of him.

And also my soul delighteth in the covenants of the Lord which he hath made to our fathers; yea, my soul delighteth in his grace, and in his justice, and power, and mercy in the great and eternal plan of deliverance from death.

And my soul delighteth in proving unto my people that save Christ should come all men must perish.

For if there be no Christ there be no God; and if there be no God we are not, for there could have been no creation. But there is a God, and he is Christ, and he cometh in the fulness of his own time.

And now I write some of the words of Isaiah, that whoso of my people shall see these words may lift up their hearts and rejoice for all men. Now these are the words, and ye may liken them unto you and unto all men.

## 2 Nê Phi 12

- 1 Lời mà Ê Sai, con trai của A Mô, đã thấy về Giu Đa và Giê Ru Sa Lem như sau:
- 2 Và sẽ xảy ra trong những ngày sau cùng: Núi của nhà Chúa sẽ được lập trên đỉnh các núi, và sẽ được nâng cao hơn các đồi, và tất cả các nước sẽ đổ về đó.
- 3 Và nhiều dân tộc sẽ đến đó mà nói rằng: Hãy đến đây, chúng ta hãy lên núi của Chúa, đến nhà Thượng Đế của Gia Cốp; Ngài sẽ dạy chúng ta những đường lối của Ngài, và chúng ta sẽ đi trong các nẻo của Ngài. Vì luật pháp sẽ phát xuất từ Si Ôn, lời của Chúa sẽ ra từ Giê Ru Sa Lem.
- 4 Ngài sẽ phán xét trong các nước, và quở mắng nhiều dân tộc. Bấy giờ họ sẽ lấy gươm rèn thành lưỡi cày, và lấy giáo rèn thành lưỡi liềm—nước này không còn vung gươm lên đánh nước khác nữa, và họ cũng không còn tập sự chiến tranh.
- 5 Hỡi gia tộc Gia Cốp, hãy đến đây, chúng ta hãy bước đi trong sự sáng của Chúa; phải, hãy đến đây, vì tất cả các người đều đi lạc lối, ai cũng đi theo con đường độc ác của mình.
- 6 Vì vậy, hỡi Chúa, Ngài đã bỏ dân Ngài là gia tộc Gia Cốp, vì họ đầy dẫy tập tục phượng đồng, nghe lời các thầy bói như người Phi Li Tin, và họ lại ưa thích con cái của người lạ.
- 7 Xứ của họ cũng đầy dẫy bạc vàng, và các kho tàng của họ thì vô tận; xứ của họ cũng đầy dẫy ngựa, và xe ngựa của họ đông vô số kể.
- 8 Xứ của họ cũng đầy dẫy hình tượng; họ thờ lạy đồ do tay mình làm ra, đồ do ngón tay mình tạo nên.
- 9 Và kẻ hèn không chịu cúi đầu, người sang chẳng chịu hạ mình; vì thế, xin Ngài đừng tha họ.
- 10 Ôi, hỡi các người là những kẻ độc ác, hãy vào trong hang đá và ẩn mình trong bụi đất, vì sự kính sợ Chúa và sự chói sáng của vẻ uy nghiêm Ngài sẽ đánh các người.

## 2 Nephi 12

The word that Isaiah, the son of Amoz, saw concerning Judah and Jerusalem:

And it shall come to pass in the last days, when the mountain of the Lord's house shall be established in the top of the mountains, and shall be exalted above the hills, and all nations shall flow unto it.

And many people shall go and say, Come ye, and let us go up to the mountain of the Lord, to the house of the God of Jacob; and he will teach us of his ways, and we will walk in his paths; for out of Zion shall go forth the law, and the word of the Lord from Jerusalem.

And he shall judge among the nations, and shall rebuke many people: and they shall beat their swords into plow-shares, and their spears into pruning-hooks—nation shall not lift up sword against nation, neither shall they learn war any more.

O house of Jacob, come ye and let us walk in the light of the Lord; yea, come, for ye have all gone astray, every one to his wicked ways.

Therefore, O Lord, thou hast forsaken thy people, the house of Jacob, because they be replenished from the east, and hearken unto soothsayers like the Philistines, and they please themselves in the children of strangers.

Their land also is full of silver and gold, neither is there any end of their treasures; their land is also full of horses, neither is there any end of their chariots.

Their land is also full of idols; they worship the work of their own hands, that which their own fingers have made.

And the mean man boweth not down, and the great man humbleth himself not, therefore, forgive him not.

O ye wicked ones, enter into the rock, and hide thee in the dust, for the fear of the Lord and the glory of his majesty shall smite thee.

11 Và chuyện rằng, những cái nhìn cao ngạo của loài người sẽ bị hạ thấp và tính kiêu căng của loài người sẽ bị dằn xuống, và vào ngày ấy, chỉ có một mình Chúa là sẽ được tôn cao mà thôi.

12 Vì ngày của Chúa Muôn Quân sẽ chóng đến trên tất cả các nước, phải, sẽ đến trên mọi người; phải, trên những kẻ kiêu căng và cao ngạo, và trên bất cứ kẻ nào tự cao; kẻ đó sẽ bị hạ xuống.

13 Phải, và ngày của Chúa sẽ đến trên mọi cây bách hương của Li Ban, vì những cây ấy cao và ngạo nghễ; và sẽ đến trên mọi cây sồi của Ba San;

14 Cùng trên mọi núi cao, mọi ngọn đồi, trên mọi nước nào kiêu căng và trên mọi dân tộc;

15 Và trên mọi tháp cao cùng trên mọi tường thành kiên cố;

16 Và trên mọi tàu bè của biển cả, trên mọi tàu bè của Ta Rê Si, và trên mọi cảnh vật ngoạn mục.

17 Và rồi lòng cao ngạo của loài người sẽ bị dằn xuống, và tính kiêu căng của loài người sẽ bị hạ đi; và vào ngày ấy, chỉ có Chúa là được tôn cao mà thôi.

18 Và những hình tượng sẽ bị Ngài tiêu hủy hoàn toàn.

19 Và họ sẽ ẩn mình trong hang đá, trong hầm đất, và sự kính sợ Chúa sẽ đến trên họ, và sự chói sáng của vẻ uy nghiêm Ngài sẽ đánh họ, khi Ngài trỗi dậy để rung chuyển trái đất một cách khủng khiếp.

20 Vào ngày ấy người ta sẽ ném cho chuột và dơi những hình tượng bằng bạc và những hình tượng bằng vàng mà họ làm ra cho mình thờ lạy;

21 Để ẩn trốn trong các hốc đá và trong các kẽ đá, vì sự kính sợ Chúa sẽ đến trên họ, và vẻ uy nghiêm chói sáng của Ngài sẽ đánh họ, khi Ngài trỗi dậy để rung chuyển trái đất một cách khủng khiếp.

22 Hãy thôi trông cậy vào loài người là loài có hơi thở trong lỗ mũi; vì họ nào có đáng kể gì đâu?

And it shall come to pass that the lofty looks of man shall be humbled, and the haughtiness of men shall be bowed down, and the Lord alone shall be exalted in that day.

For the day of the Lord of Hosts soon cometh upon all nations, yea, upon every one; yea, upon the proud and lofty, and upon every one who is lifted up, and he shall be brought low.

Yea, and the day of the Lord shall come upon all the cedars of Lebanon, for they are high and lifted up; and upon all the oaks of Bashan;

And upon all the high mountains, and upon all the hills, and upon all the nations which are lifted up, and upon every people;

And upon every high tower, and upon every fenced wall;

And upon all the ships of the sea, and upon all the ships of Tarshish, and upon all pleasant pictures.

And the loftiness of man shall be bowed down, and the haughtiness of men shall be made low; and the Lord alone shall be exalted in that day.

And the idols he shall utterly abolish.

And they shall go into the holes of the rocks, and into the caves of the earth, for the fear of the Lord shall come upon them and the glory of his majesty shall smite them, when he ariseth to shake terribly the earth.

In that day a man shall cast his idols of silver, and his idols of gold, which he hath made for himself to worship, to the moles and to the bats;

To go into the clefts of the rocks, and into the tops of the ragged rocks, for the fear of the Lord shall come upon them and the majesty of his glory shall smite them, when he ariseth to shake terribly the earth.

Cease ye from man, whose breath is in his nostrils; for wherein is he to be accounted of?

## 2 Nê Phi 13

- 1 Vì này, Chúa, vị Chúa Muôn Quân, sẽ cất lấy sự cậy trông và nương tựa khỏi Giê Ru Sa Lem và Giu Đa, tức là cả bánh nó cậy và cả nước nó nhờ—
- 2 Người mạnh mẽ, chiến sĩ, phán quan, tiên tri, thầy bói và bô lão;
- 3 Đội trưởng năm chục người, người quý phái, mưu sĩ, lương công, và thuật sĩ.
- 4 Và ta sẽ ban cho họ những người trai trẻ để làm quan trưởng, và con nít sẽ cai trị họ.
- 5 Dân chúng sẽ bị đè ép, người này bị kẻ kia, người lân cận này bị người lân cận nọ; con nít sẽ lấn lướt người già, và kẻ hèn hạ lấn lướt người danh giá.
- 6 Khi một người nắm lấy người anh em mình tại nhà cha mình mà nói rằng: Anh có áo quần đầy đủ, hãy làm người cai quản chúng ta, và chớ để cho sự bại hoại này đến dưới tay anh—
- 7 Vào ngày đó người kia sẽ lên tiếng thề rằng: Không, ta không làm thầy chữa lành, vì trong nhà ta không có bánh cũng không có áo; chớ lập ta làm người cai trị dân.
- 8 Vì Giê Ru Sa Lem điêu tàn và Giu Đa xiêu đổ, vì lời nói và việc làm của họ đã nghịch lại Chúa để trêu chọc mắt vinh quang của Ngài.
- 9 Bộ mặt họ làm chứng nghịch lại mình; họ bêu tội rõ ràng như thành Sô Đôm chẳng che giấu chút nào. Khốn thay cho tâm hồn họ, vì họ đã rước lấy điều bất hạnh cho mình!
- 10 Hãy nói với những người ngay chính rằng: Mọi việc đều tốt đẹp đối với họ; vì họ sẽ ăn trái của việc làm của mình.
- 11 Khốn thay cho những kẻ độc ác, vì họ sẽ bị diệt vong; vì họ sẽ nhận lấy những hậu quả do tay mình làm ra!
- 12 Còn đối với dân ta thì sẽ bị con nít hà hiếp và bị đàn bà cai trị. Hỡi dân ta, kẻ dẫn dắt các người sẽ làm cho các người sai lạc, và phá hoại đường lối của các người.
- 13 Chúa đứng lên để biện luận, và đứng phán xét dân chúng.

## 2 Nephi 13

- For behold, the Lord, the Lord of Hosts, doth take away from Jerusalem, and from Judah, the stay and the staff, the whole staff of bread, and the whole stay of water—
- The mighty man, and the man of war, the judge, and the prophet, and the prudent, and the ancient;
- The captain of fifty, and the honorable man, and the counselor, and the cunning artificer, and the eloquent orator.
- And I will give children unto them to be their princes, and babes shall rule over them.
- And the people shall be oppressed, every one by another, and every one by his neighbor; the child shall behave himself proudly against the ancient, and the base against the honorable.
- When a man shall take hold of his brother of the house of his father, and shall say: Thou hast clothing, be thou our ruler, and let not this ruin come under thy hand—
- In that day shall he swear, saying: I will not be a healer; for in my house there is neither bread nor clothing; make me not a ruler of the people.
- For Jerusalem is ruined, and Judah is fallen, because their tongues and their doings have been against the Lord, to provoke the eyes of his glory.
- The show of their countenance doth witness against them, and doth declare their sin to be even as Sodom, and they cannot hide it. Wo unto their souls, for they have rewarded evil unto themselves!
- Say unto the righteous that it is well with them; for they shall eat the fruit of their doings.
- Wo unto the wicked, for they shall perish; for the reward of their hands shall be upon them!
- And my people, children are their oppressors, and women rule over them. O my people, they who lead thee cause thee to err and destroy the way of thy paths.
- The Lord standeth up to plead, and standeth to judge the people.



14 Chúa sẽ phán xét các trưởng lão và các trưởng  
quan của dân Ngài; vì chính các người đã nuốt  
vườn nho và của cướp bóc của kẻ nghèo đang ở  
trong nhà các người.

15 Các người có ý gì mà đè ép dân ta và giày vò mặt  
kẻ nghèo khó? Lời Đức Chúa Trời Muôn Quân  
phán vậy.

16 Hơn nữa, Chúa phán rằng: Vì những con gái Si  
Ôn kiêu ngạo, ngẩng cổ bước đi, đôi mắt đưa tình  
khêu gợi, vừa đi ông ọ, vừa khua động tiếng dưới  
chân—

17 Vậy nên, Chúa sẽ làm cho đỉnh đầu con gái Si Ôn  
bị đóng vảy, và Ngài sẽ phơi trần những chỗ kín của  
chúng.

18 Trong ngày đó, Chúa sẽ cất bỏ đi những vòng mắt  
cá trang sức, những cái lưới tóc và những cái mẽ  
đai dây chuyền hình mặt trăng lưỡi liềm;

19 Giây chuyền, vòng đeo tay, và khăn choàng cổ;  
20 Mào, vòng đeo chân, vải buộc tóc, hộp hương, và  
bông tai;

21 Cà rá và khoen đeo mũi;

22 Y phục đủ kiểu, áo choàng, khăn trùm đầu, và  
trâm cài tóc;

23 Gương soi, hàng lụa mỏng, khăn bịt đầu, và màn  
che mặt.

24 Và chuyện rằng, sẽ có mùi hôi hám thay vì thơm  
tho; dây tói thay vì nịt lưng; đầu sói thay vì tóc  
quần; bao gai quần mình thay vì áo dài phất phới;  
đầu phỏng thay vì sắc đẹp mỹ miều.

25 Các lính chiến của người sẽ ngã dưới gươm, và  
những kẻ dũng mãnh của người sẽ tử trận.

26 Các cổng Si Ôn sẽ rên rỉ và than khóc; nó sẽ tiêu  
điều và ngồi xếp dưới đất.

The Lord will enter into judgment with the an-  
cients of his people and the princes thereof; for ye  
have eaten up the vineyard and the spoil of the  
poor in your houses.

What mean ye? Ye beat my people to pieces, and  
grind the faces of the poor, saith the Lord God of  
Hosts.

Moreover, the Lord saith: Because the daughters  
of Zion are haughty, and walk with stretched-forth  
necks and wanton eyes, walking and mincing as  
they go, and making a tinkling with their feet—

Therefore the Lord will smite with a scab the  
crown of the head of the daughters of Zion, and the  
Lord will discover their secret parts.

In that day the Lord will take away the bravery of  
their tinkling ornaments, and cauls, and round  
tires like the moon;

The chains and the bracelets, and the mufflers;  
The bonnets, and the ornaments of the legs, and  
the headbands, and the tablets, and the ear-rings;  
The rings, and nose jewels;

The changeable suits of apparel, and the man-  
tles, and the wimples, and the cringing-pins;

The glasses, and the fine linen, and hoods, and  
the veils.

And it shall come to pass, instead of sweet smell  
there shall be stink; and instead of a girdle, a rent;  
and instead of well set hair, baldness; and instead  
of a stomacher, a girding of sackcloth; burning in-  
stead of beauty.

Thy men shall fall by the sword and thy mighty in  
the war.

And her gates shall lament and mourn; and she  
shall be desolate, and shall sit upon the ground.

## 2 Nê Phi 14

- 1 Và vào ngày đó, bảy người nữ sẽ níu lấy một người nam mà nói rằng: Chúng tôi ăn bánh của mình, và mặc áo của mình; chỉ xin phép cho chúng tôi được mang tên chàng để cất bỏ sự nhục nhã của chúng tôi.
- 2 Vào ngày đó, nhánh của Chúa sẽ xinh đẹp và vinh quang; hoa trái của đất sẽ tốt lành và hiền dịu cho những kẻ trốn thoát của Y Sơ Ra Ên.
- 3 Và chuyện rằng, những kẻ còn lại ở Si Ôn và còn sót lại ở Giê Ru Sa Lem, tức là những người được chép vào sổ người sống tại Giê Ru Sa Lem, sẽ được gọi là thánh.
- 4 Khi Chúa đã dùng tinh thần công bằng và tinh thần thiêu đốt mà rửa sự ô uế của các con gái Si Ôn, và tẩy sạch huyết Giê Ru Sa Lem khỏi giữa nó.
- 5 Chúa sẽ tạo ra trên khắp nơi cư ngụ của núi Si Ôn, và trên các nơi hội họp của nó, một đám mây khói lúc ban ngày, và một ngọn lửa rực sáng lúc ban đêm; vì tất cả sự vinh quang của Si Ôn sẽ được bảo vệ.
- 6 Và sẽ có một đền tạm làm bóng mát che nắng ban ngày, và làm nơi dung thân tránh bão táp mưa sa.

## 2 Nephi 14

And in that day, seven women shall take hold of one man, saying: We will eat our own bread, and wear our own apparel; only let us be called by thy name to take away our reproach.

In that day shall the branch of the Lord be beautiful and glorious; the fruit of the earth excellent and comely to them that are escaped of Israel.

And it shall come to pass, they that are left in Zion and remain in Jerusalem shall be called holy, every one that is written among the living in Jerusalem—

When the Lord shall have washed away the filth of the daughters of Zion, and shall have purged the blood of Jerusalem from the midst thereof by the spirit of judgment and by the spirit of burning.

And the Lord will create upon every dwelling-place of mount Zion, and upon her assemblies, a cloud and smoke by day and the shining of a flaming fire by night; for upon all the glory of Zion shall be a defence.

And there shall be a tabernacle for a shadow in the daytime from the heat, and for a place of refuge, and a covert from storm and from rain.

## 2 Nê Phi 15

- 1 Và rồi ta sẽ hát cho người yêu dẫu của ta một bài ca của người ta yêu dẫu về vườn nho của người. Người yêu dẫu của ta có một vườn nho ở trên đồi đất màu mỡ.
- 2 Người rào vườn nho, lượm bỏ những đá sỏi, và trồng những gốc nho chọn lọc nhất. Rồi người dựng một cái tháp ở giữa vườn, và còn làm một máy ép rượu trong đó nữa; và người mong rằng nó sẽ sinh trái nho, nhưng nó lại sinh trái nho hoang.
- 3 Và này, hỡi dân cư của Giê Ru Sa Lem và những người của Giu Đa, ta xin các người hãy xét đoán giữa ta với vườn nho của ta.
- 4 Vậy nên, có điều chi cần làm thêm cho vườn nho của ta mà trong đó ta đã chưa làm chẳng? Cớ sao khi ta mong nó sinh ra trái nho thì nó lại sinh trái nho hoang?
- 5 Và này, ta sẽ bảo cho các người về những điều ta định làm cho vườn nho của ta: Ta sẽ phá bỏ hàng rào, nó sẽ bị cắn nuốt; ta hạ tường xuống, nó sẽ bị giày đạp;
- 6 Ta sẽ để nó hoang tàn, chẳng tưới hớt, chẳng vun xới; nhưng tại đó sẽ mọc lên những gai góc và chà chuôm. Ta lại truyền cho mây đừng làm mưa xuống trên nó nữa.
- 7 Vì vườn nho của Chúa Muôn Quân là gia tộc Y Sơ Ra Ên, và những người của Giu Đa tức là cây mà Ngài ưa thích, và Ngài trông mong sự công bình, và thấy bạo tàn; trông mong sự ngay chính, nhưng thấy tiếng kêu la.
- 8 Khốn thay cho những kẻ thêm nhà vào nhà cho đến khi chẳng còn chỗ nào trống nữa, để họ có thể ở một mình giữa trái đất!
- 9 Chúa Muôn Quân có phán vào tai tôi những lời này: Thật nhiều nhà sẽ bỏ hoang, và nhiều thành phố vĩ đại và xinh đẹp chẳng có dân cư.
- 10 Phải, mười mẫu vườn nho chỉ sinh được một bát rượu, và một ô me hạt giống chỉ được một ê pha.
- 11 Khốn thay cho những kẻ dậy sớm lúc ban sáng để tìm kiếm rượu, uống cho đến tối và rượu đốt cháy mình!

## 2 Nephi 15

And then will I sing to my well-beloved a song of my beloved, touching his vineyard. My well-beloved hath a vineyard in a very fruitful hill.

And he fenced it, and gathered out the stones thereof, and planted it with the choicest vine, and built a tower in the midst of it, and also made a wine-press therein; and he looked that it should bring forth grapes, and it brought forth wild grapes.

And now, O inhabitants of Jerusalem, and men of Judah, judge, I pray you, betwixt me and my vineyard.

What could have been done more to my vineyard that I have not done in it? Wherefore, when I looked that it should bring forth grapes it brought forth wild grapes.

And now go to; I will tell you what I will do to my vineyard—I will take away the hedge thereof, and it shall be eaten up; and I will break down the wall thereof, and it shall be trodden down;

And I will lay it waste; it shall not be pruned nor digged; but there shall come up briars and thorns; I will also command the clouds that they rain no rain upon it.

For the vineyard of the Lord of Hosts is the house of Israel, and the men of Judah his pleasant plant; and he looked for judgment, and behold, oppression; for righteousness, but behold, a cry.

Wo unto them that join house to house, till there can be no place, that they may be placed alone in the midst of the earth!

In mine ears, said the Lord of Hosts, of a truth many houses shall be desolate, and great and fair cities without inhabitant.

Yea, ten acres of vineyard shall yield one bath, and the seed of a homer shall yield an ephah.

Wo unto them that rise up early in the morning, that they may follow strong drink, that continue until night, and wine inflame them!

12 Và trong yến tiệc của họ có đủ những đàn cầm, đàn sắt, trống, sáo và rượu; nhưng họ lại chẳng thiết đến công việc của Chúa, và cũng chẳng xem xét công trình của tay Ngài.

13 Vậy nên, dân của ta phải đi vào cảnh tù đày, vì họ không hiểu biết; người sang chết đói, dân chúng chết khô vì khát.

14 Vì thế mà ngục giới đã mở rộng thêm ra, và há miệng lớn không lường được; và sự vinh quang của họ, dân của họ, vẻ hào hoa của họ, và những kẻ đi tìm vui thú, đều sẽ sa xuống đó hết.

15 Kẻ hèn bị khuất phục, kẻ mạnh bị thấp hèn, và con mắt người cao ngạo bị hạ xuống.

16 Nhưng Chúa Muôn Quân sẽ được tôn cao trong sự công bình, và Thượng Đế là Đấng thánh sẽ được thánh hóa trong sự ngay chính.

17 Bây giờ, những chiên con sẽ ăn cỏ như trong đồng cỏ của mình, và những người lạ sẽ ăn ruộng hoang của những con được nuôi mập.

18 Khốn thay cho kẻ lấy sự kiêu căng làm dây kéo sự bất chính theo sau, và như dùng dây xe ngựa kéo tội lỗi.

19 Họ nói: Xin Ngài hãy vội vã làm nên công việc của Ngài hầu cho chúng tôi được thấy; và xin mưu sự của Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên gần đến để chúng tôi được biết.

20 Khốn thay cho kẻ gọi dữ là lành, và gọi lành là dữ; lấy tối làm sáng, lấy sáng làm tối; vật chi đắng cho là ngọt, vật chi ngọt cho là đắng!

21 Khốn thay cho kẻ chính mắt mình coi mình là thông sáng, và tự mình xét đoán mình là khôn ngoan!

22 Khốn thay cho kẻ mạnh uống rượu, và người có sức lực pha các thứ rượu mạnh;

23 Vì hối lộ mà biện minh cho kẻ ác, và cướp lấy sự ngay chính của người ngay chính!

24 Vậy nên, như lửa đốt gốc rạ và rơm rạ bị cháy thiêu trong ngọn lửa thế nào, thì rễ họ cũng bị mục nát và hoa họ cũng bay đi như bụi đất thế ấy; vì họ đã bỏ luật pháp của Chúa Muôn Quân, và khinh lời Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.

And the harp, and the viol, the tabret, and pipe, and wine are in their feasts; but they regard not the work of the Lord, neither consider the operation of his hands.

Therefore, my people are gone into captivity, because they have no knowledge; and their honorable men are famished, and their multitude dried up with thirst.

Therefore, hell hath enlarged herself, and opened her mouth without measure; and their glory, and their multitude, and their pomp, and he that rejoiceth, shall descend into it.

And the mean man shall be brought down, and the mighty man shall be humbled, and the eyes of the lofty shall be humbled.

But the Lord of Hosts shall be exalted in judgment, and God that is holy shall be sanctified in righteousness.

Then shall the lambs feed after their manner, and the waste places of the fat ones shall strangers eat.

Wo unto them that draw iniquity with cords of vanity, and sin as it were with a cart rope;

That say: Let him make speed, hasten his work, that we may see it; and let the counsel of the Holy One of Israel draw nigh and come, that we may know it.

Wo unto them that call evil good, and good evil, that put darkness for light, and light for darkness, that put bitter for sweet, and sweet for bitter!

Wo unto the wise in their own eyes and prudent in their own sight!

Wo unto the mighty to drink wine, and men of strength to mingle strong drink;

Who justify the wicked for reward, and take away the righteousness of the righteous from him!

Therefore, as the fire devoureth the stubble, and the flame consumeth the chaff, their root shall be rottenness, and their blossoms shall go up as dust; because they have cast away the law of the Lord of Hosts, and despised the word of the Holy One of Israel.

- 25 Vì vậy, cơn giận của Chúa đã phùng lên chống lại dân Ngài. Ngài đã giơ tay nghịch cùng họ và đánh họ. Các đồi núi đều rung động, và xác chết của họ bị phân ngang ngửa giữa đường. Dầu vậy cơn giận của Ngài cũng chưa nguôi, tay Ngài vẫn còn giơ ra.
- 26 Ngài sẽ dựng lên một cờ hiệu hưởng về các dân ở xa, và huyết gọi họ từ nơi tận cùng của quả đất; và này, họ lật đật chạy đến rất mau; trong đám họ chẳng có người nào mỏi mệt và cũng chẳng ai bị vấp ngã.
- 27 Chẳng ai ngủ gật hoặc ngủ mê; chẳng ai phải tháo dây lưng hay dây giày bị đứt.
- 28 Các mũi tên của họ sẽ bén nhọn và tất cả cung của họ đều giương ra, vó ngựa của họ cứng như đá lửa, và bánh xe của họ chẳng khác chi cơn gió lốc, tiếng gầm thét của họ như con sư tử.
- 29 Chúng sẽ rống lên như sư tử con; phải, chúng sẽ rống lên, và bắt mỗi đem đi một cách an toàn, và không ai cứu được.
- 30 Và vào ngày đó, sẽ có tiếng gầm chống lại chúng, chẳng khác chi tiếng gầm của biển; và nếu chúng ngó vào trong xứ, thì này, chỉ thấy sự tối tăm và sầu muộn, và ánh sáng sẽ bị che tối trong các tầng trời.

Therefore, is the anger of the Lord kindled against his people, and he hath stretched forth his hand against them, and hath smitten them; and the hills did tremble, and their carcasses were torn in the midst of the streets. For all this his anger is not turned away, but his hand is stretched out still.

And he will lift up an ensign to the nations from far, and will hiss unto them from the end of the earth; and behold, they shall come with speed swiftly; none shall be weary nor stumble among them.

None shall slumber nor sleep; neither shall the girdle of their loins be loosed, nor the latchet of their shoes be broken;

Whose arrows shall be sharp, and all their bows bent, and their horses' hoofs shall be counted like flint, and their wheels like a whirlwind, their roaring like a lion.

They shall roar like young lions; yea, they shall roar, and lay hold of the prey, and shall carry away safe, and none shall deliver.

And in that day they shall roar against them like the roaring of the sea; and if they look unto the land, behold, darkness and sorrow, and the light is darkened in the heavens thereof.

## 2 Nê Phi 16

- 1 Vào năm vua Ô Xia băng hà, tôi thấy Chúa ngự trên ngôi cao sang, và vật áo của Ngài trải rộng khắp đền thờ.
- 2 Các Sê Ra Phin đứng bên trên đó; mỗi vị có sáu cánh, hai cánh che mặt, hai cánh che chân, và hai cánh dùng để bay.
- 3 Và mỗi vị cùng nhau kêu lên rằng: Thánh thay, thánh thay, thánh thay Chúa Muôn Quân! Khắp thế gian đầy sự vinh quang của Ngài!
- 4 Tiếng tung hô của mỗi vị làm cho cột cửa lung lay và ngôi đền đầy khói.
- 5 Thế rồi tôi nói: Khôn thay cho tôi! Xong đời tôi rồi; vì tôi là người có môi dơ dáy, và tôi ở giữa một dân có môi dơ dáy, bởi mắt tôi đã thấy Vua, là Chúa Muôn Quân.
- 6 Bấy giờ một vị Sê Ra Phin bay đến bên tôi, tay cầm cục than lửa đỏ mà vị ấy đã dùng kẹp gấp nơi bàn thờ;
- 7 Vị ấy để trên miệng tôi mà nói rằng: Trông kia, cái này đã chạm đến môi người, thì những điều bất chính của người đã được cất bỏ, tội lỗi của người được tẩy sạch rồi.
- 8 Đoạn tôi nghe tiếng nói của Chúa phán rằng: Ta sẽ sai ai đi đây? Ai sẽ đi cho chúng ta? Tôi bèn thưa rằng: Có tôi đây; xin hãy sai tôi đi.
- 9 Ngài phán rằng: Hãy đi nói với dân này rằng: Các người thực sự có nghe nhưng chẳng hiểu được chi, các người thực sự có xem nhưng chẳng thấy được gì.
- 10 Hãy làm cho dân này béo lòng, hãy làm cho chúng nặng tai, và nhắm mắt; vì e rằng, mắt chúng thấy được, tai chúng nghe được, lòng chúng hiểu được, rồi quay lại và được chữa lành chẳng.
- 11 Tôi lại nói: Lạy Chúa, cho đến chừng nào? Và Ngài đáp rằng: Cho đến chừng nào các thành phố bị hoang phế không có dân cư, nhà không có người ở, và đất trở nên tiêu điều hoàn toàn;
- 12 Cho đến chừng nào Chúa dời dân đi xa, và trong xứ rất là tiêu điều.

## 2 Nephi 16

In the year that king Uzziah died, I saw also the Lord sitting upon a throne, high and lifted up, and his train filled the temple.

Above it stood the seraphim; each one had six wings; with twain he covered his face, and with twain he covered his feet, and with twain he did fly.

And one cried unto another, and said: Holy, holy, holy, is the Lord of Hosts; the whole earth is full of his glory.

And the posts of the door moved at the voice of him that cried, and the house was filled with smoke.

Then said I: Wo is unto me! for I am undone; because I am a man of unclean lips; and I dwell in the midst of a people of unclean lips; for mine eyes have seen the King, the Lord of Hosts.

Then flew one of the seraphim unto me, having a live coal in his hand, which he had taken with the tongs from off the altar;

And he laid it upon my mouth, and said: Lo, this has touched thy lips; and thine iniquity is taken away, and thy sin purged.

Also I heard the voice of the Lord, saying: Whom shall I send, and who will go for us? Then I said: Here am I; send me.

And he said: Go and tell this people—Hear ye indeed, but they understood not; and see ye indeed, but they perceived not.

Make the heart of this people fat, and make their ears heavy, and shut their eyes—lest they see with their eyes, and hear with their ears, and understand with their heart, and be converted and be healed.

Then said I: Lord, how long? And he said: Until the cities be wasted without inhabitant, and the houses without man, and the land be utterly desolate;

And the Lord have removed men far away, for there shall be a great forsaking in the midst of the land.

13 Nhưng vẫn còn lại một phần mười dân cư ở đó. Họ sẽ trở lại và bị thiêu nuốt, chẳng khác chi như cây thông, như cây sồi, dù bị rụng hết lá nhưng gốc vẫn còn; cũng vậy dòng dõi thánh là gốc của họ.

But yet there shall be a tenth, and they shall return, and shall be eaten, as a teil tree, and as an oak whose substance is in them when they cast their leaves; so the holy seed shall be the substance thereof.

## 2 Nê Phi 17

- 1 Và chuyện rằng, về đời A Cha, con trai Giô Tham, con trai Ô Xia, vua Giu Đa, có Rê Xin, vua Sy Ri, và Phê Ca, con trai Rê Ma Lia, vua Y Sơ Ra Ên, lên đánh Giê Ru Sa Lem, nhưng không thắng được.
- 2 Có người báo tin đó cho gia tộc Đa Vít mà rằng: Sy Ri liên minh cùng Êp Ra Im. Bây giờ lòng vua cũng như dân chúng kinh động như cây trong rừng bị gió lay.
- 3 Thế rồi Chúa phán cùng Ê Sai rằng: Người cùng con trai người là Sê A Gia Súp hãy đi đón A Cha tại cuối cống của ao thượng, trên đường cái trong ruộng thợ nhuộm;
- 4 Và nói cùng người rằng: Hãy cẩn thận và im lặng; đừng sợ chi và lòng chớ bủn rủn vì hai đuôi đuốc có khói, tức là vì cơn giận dữ của Rê Xin và Sy Ri, và của con trai Rê Ma Lia.
- 5 Vì Sy Ri với Êp Ra Im và con trai của Rê Ma Lia đồng mưu hại người, nói rằng:
- 6 Chúng ta hãy lên nghịch cùng Giu Đa, quấy rối nó, chia cắt nó cho chúng ta và lập một vua giữa nó, phải, đó là con trai của Ta Bê Ên.
- 7 Đức Chúa Trời phán như vậy: Dự định đó sẽ không thành và chuyện đó sẽ không xảy ra được.
- 8 Vì đầu của Sy Ri là Đa Mách, và đầu của Đa Mách là Rê Xin; và trong vòng sáu mươi lăm năm, Êp Ra Im sẽ bị tan nát, không còn được kể là một dân nữa.
- 9 Và đầu của Êp Ra Im là Sa Ma Ri, đầu của Sa Ma Ri là con trai của Rê Ma Lia. Nếu các người không tin, thì chắc chắn các người sẽ không đứng vững được.
- 10 Hơn nữa, Chúa lại còn phán với A Cha rằng:
- 11 Hãy xin Chúa, Thượng Đế của người, một điềm triệu; hoặc dưới vực sâu hoặc trên trời cao.
- 12 Nhưng A Cha đáp rằng: Tôi sẽ chẳng xin và tôi cũng chẳng muốn thử Chúa.
- 13 Ê Sai bèn nói rằng: Này, hỡi gia tộc Đa Vít, hãy nghe đây: Đối với các người làm phiền loài người có là một việc nhỏ không, mà các người lại muốn làm phiền cả Thượng Đế của ta nữa?

## 2 Nephi 17

- And it came to pass in the days of Ahaz the son of Jotham, the son of Uzziah, king of Judah, that Rezin, king of Syria, and Pekah the son of Remaliah, king of Israel, went up toward Jerusalem to war against it, but could not prevail against it.
- And it was told the house of David, saying: Syria is confederate with Ephraim. And his heart was moved, and the heart of his people, as the trees of the wood are moved with the wind.
- Then said the Lord unto Isaiah: Go forth now to meet Ahaz, thou and Shearjashub thy son, at the end of the conduit of the upper pool in the highway of the fuller's field;
- And say unto him: Take heed, and be quiet; fear not, neither be faint-hearted for the two tails of these smoking firebrands, for the fierce anger of Rezin with Syria, and of the son of Remaliah.
- Because Syria, Ephraim, and the son of Remaliah, have taken evil counsel against thee, saying:
- Let us go up against Judah and vex it, and let us make a breach therein for us, and set a king in the midst of it, yea, the son of Tabeal.
- Thus saith the Lord God: It shall not stand, neither shall it come to pass.
- For the head of Syria is Damascus, and the head of Damascus, Rezin; and within threescore and five years shall Ephraim be broken that it be not a people.
- And the head of Ephraim is Samaria, and the head of Samaria is Remaliah's son. If ye will not believe surely ye shall not be established.
- Moreover, the Lord spake again unto Ahaz, saying:
- Ask thee a sign of the Lord thy God; ask it either in the depths, or in the heights above.
- But Ahaz said: I will not ask, neither will I tempt the Lord.
- And he said: Hear ye now, O house of David; is it a small thing for you to weary men, but will ye weary my God also?



14 Vậy nên, chính Chúa sẽ ban cho các người một điềm triệu: Nay, một nữ đồng trinh sẽ thọ thai rồi sinh ra một con trai, và đặt tên là Em Ma Nu Ên.

15 Con trẻ ấy sẽ ăn bơ và mật ong, để biết chối bỏ điều dữ và chọn điều lành.

16 Vì trước khi con trẻ ấy biết chối bỏ điều dữ và chọn điều lành, thì xứ của hai vua mà người đang ghét đó sẽ bị bỏ hoang.

17 Chúa sẽ giáng trên người, trên dân người, trên nhà cha người, những ngày mà từ trước chưa từng có như vậy kể từ ngày Ép Ra Im lia bỏ Giu Đa, vua xứ A Sy Ri.

18 Và đến ngày đó, chuyện rằng, Chúa sẽ huýt gọi những con ruồi ở nơi tận cùng của xứ Ai Cập, những con ong ở xứ A Sy Ri.

19 Chúng sẽ đến đậu trong các thung lũng tiêu điều, trong các hốc đá, trên mọi lùm gai và mọi bụi rậm.

20 Trong ngày đó, Chúa sẽ dùng dao cạo thuê, bởi những người ở bên kia sông, bởi vua A Sy Ri, mà cạo đầu cùng lông chân, và cạo luôn cả râu nữa.

21 Và chuyện rằng, vào ngày đó, mỗi người sẽ nuôi một con bò cái tơ và hai con chiên;

22 Và chuyện rằng, nhờ chúng có sữa dư dật nên họ sẽ làm bơ mà ăn; vì những ai còn sót lại trong xứ ấy sẽ nuôi sống mình bằng bơ và mật.

23 Và chuyện rằng, vào ngày đó, những chỗ đất ngày trước trồng được một ngàn gốc nho, đáng giá một ngàn siếc lơ bạc, sẽ mọc đầy những gai gộc và chà chuôm.

24 Người ta sẽ đem cung tên đến đó, vì cả xứ chỉ toàn là gai gộc và chà chuôm.

25 Cũng không đến trên các đồi núi là nơi mình đã cày cuốc nữa vì sợ gai gộc và chà chuôm, nhưng chỉ để thả bò và để mục súc giảm lên.

Therefore, the Lord himself shall give you a sign—Behold, a virgin shall conceive, and shall bear a son, and shall call his name Immanuel.

Butter and honey shall he eat, that he may know to refuse the evil and to choose the good.

For before the child shall know to refuse the evil and choose the good, the land that thou abhorrest shall be forsaken of both her kings.

The Lord shall bring upon thee, and upon thy people, and upon thy father's house, days that have not come from the day that Ephraim departed from Judah, the king of Assyria.

And it shall come to pass in that day that the Lord shall hiss for the fly that is in the uttermost part of Egypt, and for the bee that is in the land of Assyria.

And they shall come, and shall rest all of them in the desolate valleys, and in the holes of the rocks, and upon all thorns, and upon all bushes.

In the same day shall the Lord shave with a razor that is hired, by them beyond the river, by the king of Assyria, the head, and the hair of the feet; and it shall also consume the beard.

And it shall come to pass in that day, a man shall nourish a young cow and two sheep;

And it shall come to pass, for the abundance of milk they shall give he shall eat butter; for butter and honey shall every one eat that is left in the land.

And it shall come to pass in that day, every place shall be, where there were a thousand vines at a thousand silverlings, which shall be for briers and thorns.

With arrows and with bows shall men come thither, because all the land shall become briers and thorns.

And all hills that shall be digged with the mattock, there shall not come thither the fear of briers and thorns; but it shall be for the sending forth of oxen, and the treading of lesser cattle.

## 2 Nê Phi 18

- 1 Hơn nữa, lời Chúa phán cùng tôi rằng: Người hãy lấy một cái bảng rộng và viết lên trên ấy bằng bút loài người chữ Ma He Sa La Hát Bát.
- 2 Tôi có đem theo mấy nhân chứng trung thành để ghi chép, đó là U Ri, thầy tư tế, và Xa Cha Ri, con trai của Giê Bê Rê Kia.
- 3 Đoạn tôi đi đến nhà nữ tiên tri; người thọ thai và sinh một trai. Thế rồi, Chúa phán cùng tôi rằng: Hãy đặt tên cho trẻ ấy là Ma He Sa La Hát Bát.
- 4 Vì này, trước khi đứa trẻ ấy biết gọi 'ba ơi, mẹ ơi', thì sự giàu có của Đa Mách cùng những của cướp được của Sa Ma Ri sẽ bị cất đi trước mặt vua A Si Ri.
- 5 Chúa còn phán cùng tôi rằng:
- 6 Vì dân này đã từ bỏ các dòng nước Si Ô Lê chảy dịu dàng, mà ưa thích Rê Xin cùng con trai của Rê Ma Lia;
- 7 Vậy nên, giờ đây, này, Chúa sẽ khiến cho nước sông mạnh và nhiều chảy đến trên họ, tức là vua A Si Ri và cả oai vinh người; nó sẽ tràn ngập khắp lòng sông và tràn qua các bờ.
- 8 Nó sẽ chảy vào Giu Đa, tràn lan chảy xói, ngập lên tận cổ. Hỡi Em Ma Nu Ên, cánh nó sẽ xòe ra che phủ cả xứ người.
- 9 Hỡi các dân, hãy liên kết với nhau đi, rồi các người sẽ bị tan nát; hết thấy các nước ở phương xa, hãy lắng tai nghe; hãy nịt lưng lại đi, rồi các người sẽ bị tan nát; hãy nịt lưng lại đi, rồi các người sẽ bị nát tan.
- 10 Hãy cùng nhau bàn tính đi, nó sẽ nên hư không; hãy nói lên đi, rồi lời nói sẽ không đứng; vì Thượng Đế ở cùng chúng ta.
- 11 Vì Chúa đã dùng tay mạnh phán cùng tôi và dạy tôi đừng đi theo con đường của dân này, rằng:
- 12 Đừng nói: Kết đảng! Khi dân này nói rằng: Hãy kết đảng! Chớ sợ điều chúng sợ, và cũng đừng kinh hãi.
- 13 Hãy tôn Chúa Muôn Quân là thánh, và các người chỉ nên sợ Ngài và kinh hãi Ngài mà thôi.

## 2 Nephi 18

Moreover, the word of the Lord said unto me: Take thee a great roll, and write in it with a man's pen, concerning Maher-shalal-hash-baz.

And I took unto me faithful witnesses to record, Uriah the priest, and Zechariah the son of Jeberechiah.

And I went unto the prophetess; and she conceived and bare a son. Then said the Lord to me: Call his name, Maher-shalal-hash-baz.

For behold, the child shall not have knowledge to cry, My father, and my mother, before the riches of Damascus and the spoil of Samaria shall be taken away before the king of Assyria.

The Lord spake also unto me again, saying:

Forasmuch as this people refuseth the waters of Shiloah that go softly, and rejoice in Rezin and Remaliah's son;

Now therefore, behold, the Lord bringeth up upon them the waters of the river, strong and many, even the king of Assyria and all his glory; and he shall come up over all his channels, and go over all his banks.

And he shall pass through Judah; he shall overflow and go over, he shall reach even to the neck; and the stretching out of his wings shall fill the breadth of thy land, O Immanuel.

Associate yourselves, O ye people, and ye shall be broken in pieces; and give ear all ye of far countries; gird yourselves, and ye shall be broken in pieces; gird yourselves, and ye shall be broken in pieces.

Take counsel together, and it shall come to naught; speak the word, and it shall not stand; for God is with us.

For the Lord spake thus to me with a strong hand, and instructed me that I should not walk in the way of this people, saying:

Say ye not, A confederacy, to all to whom this people shall say, A confederacy; neither fear ye their fear, nor be afraid.

Sanctify the Lord of Hosts himself, and let him be your fear, and let him be your dread.

14 Và Ngài sẽ là thánh đường, nhưng cũng là hòn đá vấp ngã và tảng đá vướng mắc cho cả hai gia tộc Y Sơ Ra Ên, là bẫy và lưới cho dân cư Giê Ru Sa Lem vậy.

15 Và có nhiều người trong bọn họ sẽ vấp chân và té đập nát, sẽ sa vào lưới và bị bắt.

16 Hãy gói kỹ lời chứng này, hãy niêm phong luật pháp này giữa các môn đồ của ta.

17 Và tôi sẽ trông đợi Chúa, là Đấng ẩn mặt khỏi gia tộc Gia Cóp, tôi sẽ ngóng trông Ngài.

18 Này, tôi và các con cái mà Chúa đã ban cho tôi là điềm triệu và điềm kỳ diệu trong Y Sơ Ra Ên, do Chúa Muôn Quân ngự trên núi Si Ôn gửi đến.

19 Và khi nào có ai bảo các người: Hãy đi hỏi đồng bóng và phù thủy, là những kẻ nói lí nhí và thì thầm thì hãy đáp rằng: Một dân tộc há chẳng nên cầu hỏi Thượng Đế của mình để người sống có thể biết tin tức về người chết hay sao?

20 Hãy theo luật pháp và lời chứng; nếu chúng chẳng nói theo lời ấy, thì ắt là vì chẳng có ánh sáng trong chúng.

21 Và chúng sẽ bị lưu lạc, khốn khổ và đói khát; và chuyện rằng, trong cơn đói, chúng sẽ trở nên cầu kính và nguyện rửa vua và Thượng Đế của mình, và sẽ ngược xem trên cao.

22 Rồi chúng cúi xuống nhìn đất, chỉ thấy sự hoạn nạn, tối tăm, mịt mù do ưu sầu, và sẽ bị đuổi vào nơi tăm tối.

And he shall be for a sanctuary; but for a stone of stumbling, and for a rock of offense to both the houses of Israel, for a gin and a snare to the inhabitants of Jerusalem.

And many among them shall stumble and fall, and be broken, and be snared, and be taken.

Bind up the testimony, seal the law among my disciples.

And I will wait upon the Lord, that hideth his face from the house of Jacob, and I will look for him.

Behold, I and the children whom the Lord hath given me are for signs and for wonders in Israel from the Lord of Hosts, which dwelleth in Mount Zion.

And when they shall say unto you: Seek unto them that have familiar spirits, and unto wizards that peep and mutter—should not a people seek unto their God for the living to hear from the dead?

To the law and to the testimony; and if they speak not according to this word, it is because there is no light in them.

And they shall pass through it hardly bestead and hungry; and it shall come to pass that when they shall be hungry, they shall fret themselves, and curse their king and their God, and look upward.

And they shall look unto the earth and behold trouble, and darkness, dimness of anguish, and shall be driven to darkness.

## 2 Nê Phi 19

- 1 Tuy nhiên, sự mịt mù sẽ không đến nổi như sự buồn rầu của kẻ ấy, vào lúc đầu Ngài gây đau đớn nhẹ cho xứ Sa Bu Lôn và xứ Nép Ta Li, nhưng về sau, Ngài gây đau đớn nặng nề hơn cho đất gần mé Biển Đỏ, bên kia Giô Đanh trong xứ Ga Li Lê của các dân.
- 2 Dân đi trong bóng tối nay đã thấy sự sáng vĩ đại; và sự sáng đã chiếu trên những kẻ ở xứ thuộc về bóng của sự chết.
- 3 Ngài đã làm cho dân này thêm đông, và thêm niềm vui cho họ—họ vui mừng trước mặt Ngài như vui mừng trong ngày gặt, như người ta reo vui trong lúc chia của cướp được.
- 4 Vì Ngài đã bẻ gãy ách họ mang, cây gậy trên vai họ, và cái roi của kẻ hà hiếp họ.
- 5 Vì mọi chiến trường của chiến sĩ đều có những tiếng ồn ào hỗn độn, và những chiến bào vấy đầy máu; nhưng những sự vật này đều dùng để đốt và làm đồ mỗi lửa.
- 6 Vì có một con trẻ được sinh ra cho chúng ta, một con trai được ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ phủ trên vai Ngài, và danh Ngài sẽ được gọi là Đấng Kỳ Diệu, Đấng Mưu Luận, Thượng Đế Toàn Năng, Cha Vĩnh Viễn, Hoàng Tử Bình An.
- 7 Quyền cai trị và sự bình an của Ngài cứ thêm mãi không thôi, ở trên ngôi Đa Vít và trên vương quốc của Ngài, để làm cho nước bền vững, và lập lên trong sự phán xét và công lý từ nay cho đến mãi mãi về sau. Lòng nhiệt thành của Chúa Muôn Quân sẽ làm nên điều này.
- 8 Chúa truyền lời của Ngài cho Gia Cốp, và lời ấy đã chiếu sáng trên Y Sơ Ra Ên.
- 9 Và tất cả mọi người sẽ biết điều đó, tức là Ép Ra Im và dân cư của Sa Ma Ri, nhưng họ vì lòng kiêu căng ý thị mà nói rằng:
- 10 Gạch đã đổ, nhưng chúng ta sẽ xây lại bằng đá đẽo; những cây sung đã bị đốn, nhưng chúng ta sẽ thay thế bằng những cây hương bách.
- 11 Vì vậy Chúa khiến cho những kẻ thù nghịch của Rê Xin nổi lên đay nghịch cùng nó và làm cho những kẻ thù của nó liên kết với nhau.

## 2 Nephi 19

Nevertheless, the dimness shall not be such as was in her vexation, when at first he lightly afflicted the land of Zebulun, and the land of Naphtali, and afterwards did more grievously afflict by the way of the Red Sea beyond Jordan in Galilee of the nations.

The people that walked in darkness have seen a great light; they that dwell in the land of the shadow of death, upon them hath the light shined.

Thou hast multiplied the nation, and increased the joy—they joy before thee according to the joy in harvest, and as men rejoice when they divide the spoil.

For thou hast broken the yoke of his burden, and the staff of his shoulder, the rod of his oppressor.

For every battle of the warrior is with confused noise, and garments rolled in blood; but this shall be with burning and fuel of fire.

For unto us a child is born, unto us a son is given; and the government shall be upon his shoulder; and his name shall be called, Wonderful, Counselor, The Mighty God, The Everlasting Father, The Prince of Peace.

Of the increase of government and peace there is no end, upon the throne of David, and upon his kingdom to order it, and to establish it with judgment and with justice from henceforth, even forever. The zeal of the Lord of Hosts will perform this.

The Lord sent his word unto Jacob and it hath lighted upon Israel.

And all the people shall know, even Ephraim and the inhabitants of Samaria, that say in the pride and stoutness of heart:

The bricks are fallen down, but we will build with hewn stones; the sycamores are cut down, but we will change them into cedars.

Therefore the Lord shall set up the adversaries of Rezin against him, and join his enemies together;

12 Dân Sy Ri đằng trước, dân Phi Li Tin đằng sau, sẽ há miệng nuốt trọn Y Sơ Ra Ên. Vì tất cả những chuyện này, mà cơn giận dữ của Ngài không nguôi, nhưng tay Ngài vẫn còn giơ ra.

13 Vì dân chúng không quay lại với Đấng đánh mình, cũng không tìm đến với Chúa Muôn Quân.

14 Vậy nên, chỉ trong một ngày Chúa sẽ chặt đầu và đuôi, cành cây và cỏ lác của Y Sơ Ra Ên.

15 Trưởng lão chính là đầu, và người tiên tri dạy sự nói dối tức là đuôi.

16 Vì những kẻ dẫn dắt dân này làm cho họ sai lạc; còn những kẻ chịu chúng dẫn dắt thì bị hủy diệt.

17 Vậy nên, Chúa chẳng đẹp lòng về bọn trai trẻ của họ, và cũng chẳng thương xót đến kẻ mồ côi hay góa bụa chút nào; vì ai ai cũng đều giả đạo đức, làm điều ác, và miệng nào cũng nói điều càn rỡ. Vì tất cả những chuyện này mà cơn giận dữ của Ngài không nguôi, nhưng tay Ngài vẫn còn giơ ra.

18 Vì sự độc ác cháy hừng lên như lửa; nó sẽ thiêu đốt gai gộc và chà chuôm, và nó sẽ đốt cháy những nơi rậm rạp trong rừng, và nó sẽ bốc lên như trụ khói dâng cao.

19 Vì cơn thịnh nộ của Chúa Muôn Quân mà đất phải tối tăm, và dân chúng sẽ làm mồi cho lửa; chẳng ai thương tiếc anh em mình.

20 Có kẻ cướp bên hữu mà vẫn còn đói; có kẻ ăn bên tả mà chẳng được no; ai nấy đều ăn thịt chính cánh tay của mình—

21 Ma Na Se, Ép Ra Im; và Ép Ra Im, Ma Na Se; cả hai sẽ cùng chống Giu Đa. Vì tất cả những chuyện này mà cơn giận dữ của Ngài không nguôi, nhưng tay Ngài vẫn còn giơ ra.

The Syrians before and the Philistines behind; and they shall devour Israel with open mouth. For all this his anger is not turned away, but his hand is stretched out still.

For the people turneth not unto him that smiteth them, neither do they seek the Lord of Hosts.

Therefore will the Lord cut off from Israel head and tail, branch and rush in one day.

The ancient, he is the head; and the prophet that teacheth lies, he is the tail.

For the leaders of this people cause them to err; and they that are led of them are destroyed.

Therefore the Lord shall have no joy in their young men, neither shall have mercy on their fatherless and widows; for every one of them is a hypocrite and an evildoer, and every mouth speaketh folly. For all this his anger is not turned away, but his hand is stretched out still.

For wickedness burneth as the fire; it shall devour the briars and thorns, and shall kindle in the thickets of the forests, and they shall mount up like the lifting up of smoke.

Through the wrath of the Lord of Hosts is the land darkened, and the people shall be as the fuel of the fire; no man shall spare his brother.

And he shall snatch on the right hand and be hungry; and he shall eat on the left hand and they shall not be satisfied; they shall eat every man the flesh of his own arm—

Manasseh, Ephraim; and Ephraim, Manasseh; they together shall be against Judah. For all this his anger is not turned away, but his hand is stretched out still.

## 2 Nê Phi 20

- 1 Khôn thay cho những kẻ lập luật pháp bất công, và những kẻ chép lời phiến lụy;
- 2 Để cất mắt sự công bình khỏi kẻ nghèo, cướp lẽ phải của kẻ khốn khó trong dân ta, khiến cho kẻ góa bụa là miếng mồi ngon của chúng, và để chúng dễ bề bóc lột trẻ mồ côi!
- 3 Các người sẽ làm gì trong ngày viếng phạt, và lúc sự tiêu điều sẽ đến từ xa? Các người sẽ trốn đến cùng ai để cầu cứu? Và các người để sự vinh quang của mình ở đâu?
- 4 Không có ta, chúng sẽ khom mình giữa những kẻ phu tù, và sẽ ngã giữa những kẻ bị giết. Vì tất cả những điều này mà cơn giận dữ của Ngài không nguôi, nhưng tay Ngài vẫn còn giơ ra.
- 5 Hỡi A Si Ri, roi thịnh nộ của ta, cây gậy trong tay chúng là cơn phẫn nộ của chúng vậy.
- 6 Ta sẽ sai nó nghịch lại một nước đầy đạo đức giả và chống lại một dân mà ta nổi giận; ta sẽ ban cho nó quyền thu lấy những của cướp được, bắt lấy những con mồi, và giày đạp chúng dưới chân như bùn ngoài đường phố.
- 7 Tuy nó không có ý như vậy, và cũng chẳng nghĩ thế, nhưng trong tâm nó lại thích hủy diệt và loại trừ nhiều nước.
- 8 Vì nó nói rằng: Các hoàng tử của ta há chẳng phải đều là vua sao?
- 9 Ca Nô há lại chẳng như Cạt Kê Mít, Ha Mát chẳng như Ật Bát, và Sa Ma Ri chẳng như Đa Mách hay sao?
- 10 Như tay ta đã lập lên các nước thần tượng mà tượng chạm của họ lại nhiều hơn của Giê Ru Sa Lem và Sa Ma Ri nữa;
- 11 Há ta chẳng làm cho Sa Ma Ri và thần tượng của nó những gì ta đã làm cho Giê Ru Sa Lem và thần tượng của nó hay sao?
- 12 Vì thế, chuyện rằng khi Chúa đã làm xong trọn công việc của Ngài trên núi Si Ôn, và tại Giê Ru Sa Lem, thì ta sẽ trừng phạt những bông trái bởi lòng kiêu ngạo của vua A Si Ri cùng với sự vinh quang của cái nhìn cao ngạo của vua này.

## 2 Nephi 20

Wo unto them that decree unrighteous decrees, and that write grievousness which they have prescribed;

To turn away the needy from judgment, and to take away the right from the poor of my people, that widows may be their prey, and that they may rob the fatherless!

And what will ye do in the day of visitation, and in the desolation which shall come from far? to whom will ye flee for help? and where will ye leave your glory?

Without me they shall bow down under the prisoners, and they shall fall under the slain. For all this his anger is not turned away, but his hand is stretched out still.

O Assyrian, the rod of mine anger, and the staff in their hand is their indignation.

I will send him against a hypocritical nation, and against the people of my wrath will I give him a charge to take the spoil, and to take the prey, and to tread them down like the mire of the streets.

Howbeit he meaneth not so, neither doth his heart think so; but in his heart it is to destroy and cut off nations not a few.

For he saith: Are not my princes altogether kings?

Is not Calno as Carchemish? Is not Hamath as Arpad? Is not Samaria as Damascus?

As my hand hath founded the kingdoms of the idols, and whose graven images did excel them of Jerusalem and of Samaria;

Shall I not, as I have done unto Samaria and her idols, so do to Jerusalem and to her idols?

Wherefore it shall come to pass that when the Lord hath performed his whole work upon Mount Zion and upon Jerusalem, I will punish the fruit of the stout heart of the king of Assyria, and the glory of his high looks.

13 Vì người nói rằng: Bởi sức mạnh của bàn tay ta, và bởi sự khôn ngoan của ta mà ta đã làm ra những điều này, vì ta khôn khéo. Ta đã dời đổi ranh giới của dân, đã cướp những báu vật của họ, và đã chinh phục dân cư như một người dũng cảm;

14 Tay ta đã tìm được của cải của dân như bắt ổ chim, và đã thu góp tất cả thế gian như một người thu nhặt trứng rơi; chẳng có ai đập cánh, hay mở miệng, hay nhếch mồm.

15 Cái rìu há lại khoe mình với người cầm rìu ư? Cái cửa há lại dấy lên nghịch cùng kẻ cầm cửa ư? Như thế chẳng khác chi cây roi tự động chống lại người cầm roi, hay cây gậy tự đứng lên, làm như nó không phải bằng gỗ vậy!

16 Vậy nên Chúa, vị Chúa Muôn Quân, sẽ làm những người mập mạnh của nó trở nên gầy ốm; và dưới sự vinh quang của nó sẽ đốt cháy lên như lửa thiêu đốt vậy.

17 Và sự sáng của Y Sơ Ra Ên sẽ trở nên lửa, và Đấng Thánh của nó sẽ trở nên ngọn lửa, và sẽ thiêu đốt gai góc cùng chà chuôm của nó trong một ngày;

18 Và sẽ thiêu hủy vinh hoa của rừng cây cùng những ruộng màu mỡ của nó, cả tâm hồn lẫn thể xác; và chúng sẽ như người cầm cờ lệnh ngất xỉu vậy.

19 Và những cây trên rừng của nó còn sót lại chẳng là bao, một đứa bé cũng có thể chép lấy được.

20 Và chuyện rằng, vào ngày đó, dân còn sót lại của Y Sơ Ra Ên và những người thoát nạn của gia tộc Gia Cóp sẽ không còn cậy kẻ đánh mình nữa, nhưng họ sẽ thật lòng cậy Chúa là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.

21 Dân còn sót lại, phải, tức là dân còn sót lại của gia tộc Gia Cóp, sẽ trở về cùng Thượng Đế toàn năng.

22 Vì, hỡi Y Sơ Ra Ên, dù dân ngươi như cát biển, chỉ một phần dân còn sót lại sẽ trở về; sự hủy diệt đã định sẽ ngập tràn sự ngay chính.

23 Vì Đức Chúa Trời Muôn Quân sẽ làm trọn sự hủy diệt trên khắp xứ như đã định.

For he saith: By the strength of my hand and by my wisdom I have done these things; for I am prudent; and I have moved the borders of the people, and have robbed their treasures, and I have put down the inhabitants like a valiant man;

And my hand hath found as a nest the riches of the people; and as one gathereth eggs that are left have I gathered all the earth; and there was none that moved the wing, or opened the mouth, or peeped.

Shall the ax boast itself against him that heweth therewith? Shall the saw magnify itself against him that shaketh it? As if the rod should shake itself against them that lift it up, or as if the staff should lift up itself as if it were no wood!

Therefore shall the Lord, the Lord of Hosts, send among his fat ones, leanness; and under his glory he shall kindle a burning like the burning of a fire.

And the light of Israel shall be for a fire, and his Holy One for a flame, and shall burn and shall devour his thorns and his briars in one day;

And shall consume the glory of his forest, and of his fruitful field, both soul and body; and they shall be as when a standard-bearer fainteth.

And the rest of the trees of his forest shall be few, that a child may write them.

And it shall come to pass in that day, that the remnant of Israel, and such as are escaped of the house of Jacob, shall no more again stay upon him that smote them, but shall stay upon the Lord, the Holy One of Israel, in truth.

The remnant shall return, yea, even the remnant of Jacob, unto the mighty God.

For though thy people Israel be as the sand of the sea, yet a remnant of them shall return; the consumption decreed shall overflow with righteousness.

For the Lord God of Hosts shall make a consumption, even determined in all the land.

24 Vậy nên, Đức Chúa Trời Muôn Quân, có phán như vậy: Hỡi dân ta, người ở tại Si Ôn, chớ sợ người A Si Ri; dù họ sẽ lấy roi đánh người, hay giã gậy lên người, theo cách người Ai Cập.

25 Vì chỉ còn ít lâu nữa thôi, cơn phẫn nộ sẽ hạ đi, và sự giận dữ của ta nằm trong sự hủy diệt chúng.

26 Và Chúa Muôn Quân sẽ giơ roi trên nó, giống như sự tàn sát Ma Đi An ở vàng đá Hô Rếp; và Ngài sẽ giơ gậy trên biển như Ngài đã làm ở Ai Cập vậy.

27 Và chuyện rằng, vào ngày đó, gánh nặng của nó sẽ được cất khỏi vai người, và ách của nó sẽ được cất khỏi cổ người, và ách sẽ bị bẻ gãy vì sự xúc dầu.

28 Nó đi đến A Giát, băng qua Mi Gơ Rôn, và để hành trang lại ở Mích Ma.

29 Chúng vượt qua ải; chúng đã đóng trại tại Ghê Ba; Ra Ma run sợ; Ghi Bê A của Sau Lơ chạy trốn.

30 Hỡi con gái Ga Lim, hãy cất tiếng kêu to! Hỡi người La Ít, hãy lắng tai mà nghe! Tội nghiệp thay cho người A Na Tốt!

31 Mát Mê Na dời đi; dân cư Ghê Bim dắt nhau trốn tránh.

32 Vậy mà ngày đó, nó vẫn còn ở Nóp, và sẽ vung tay lên nghịch lại với núi của con gái Si Ôn, với đồi của Giê Ru Sa Lem.

33 Nay, Chúa là Chúa Muôn Quân, sẽ dùng sự khùng khiếp tĩa các cành cây; những cành cao lớn đều bị chặt, và những cành ngạo nghễ sẽ bị hạ xuống.

34 Và Ngài sẽ dùng sắt chặt những bụi rậm trong rừng, và Li Ban sẽ ngã xuống bởi người mạnh sức.

Therefore, thus saith the Lord God of Hosts: O my people that dwellest in Zion, be not afraid of the Assyrian; he shall smite thee with a rod, and shall lift up his staff against thee, after the manner of Egypt.

For yet a very little while, and the indignation shall cease, and mine anger in their destruction.

And the Lord of Hosts shall stir up a scourge for him according to the slaughter of Midian at the rock of Oreb; and as his rod was upon the sea so shall he lift it up after the manner of Egypt.

And it shall come to pass in that day that his burden shall be taken away from off thy shoulder, and his yoke from off thy neck, and the yoke shall be destroyed because of the anointing.

He is come to Aiath, he is passed to Migron; at Michmash he hath laid up his carriages.

They are gone over the passage; they have taken up their lodging at Geba; Ramath is afraid; Gibeah of Saul is fled.

Lift up the voice, O daughter of Gallim; cause it to be heard unto Laish, O poor Anathoth.

Madmenah is removed; the inhabitants of Gebim gather themselves to flee.

As yet shall he remain at Nob that day; he shall shake his hand against the mount of the daughter of Zion, the hill of Jerusalem.

Behold, the Lord, the Lord of Hosts shall lop the bough with terror; and the high ones of stature shall be hewn down; and the haughty shall be humbled.

And he shall cut down the thickets of the forests with iron, and Lebanon shall fall by a mighty one.



## 2 Nê Phi 21

- 1 Và có một chồi non sẽ nứt ra từ gốc Y Sai, và một nhánh sẽ mọc ra từ rễ của người.
- 2 Thánh Linh của Chúa sẽ ngự trên người, tức là thần thông sáng và hiểu biết, thần khuyên bảo và sức mạnh, thần kiến thức và kính sợ Chúa;
- 3 Và sẽ làm cho người thông hiểu mau lẹ sự kính sợ Chúa; người sẽ chẳng xét đoán theo mắt mình thấy, và cũng không khiển trách theo tai mình nghe.
- 4 Nhưng người sẽ dùng sự ngay chính mà xét đoán kẻ nghèo, và xử lý ngay thẳng cho những kẻ nhu mì trên thế gian. Người sẽ đánh thế gian bằng gậy của miệng mình, và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ độc ác.
- 5 Và sự ngay chính sẽ làm dây thắt lưng của người và sự thành tín sẽ làm dây ràng hông của người.
- 6 Sói sẽ ở chung với chiên con, beo sẽ nằm chung với dê con; và bò con, sư tử con và bò mập sẽ ở chung với nhau, và một trẻ nhỏ sẽ dắt chúng đi.
- 7 Bò cái sẽ ăn với gấu; đàn con nhỏ của chúng sẽ nằm chung; sư tử sẽ ăn rơm khô như bò.
- 8 Và trẻ con còn bú sẽ nô đùa trên hang rắn hổ mang, và trẻ con thôi bú sẽ thò tay vào hang rắn lục.
- 9 Chúng sẽ không làm hại ai hay hủy diệt ai trong cả núi thánh của ta, vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết về Chúa, như các dòng nước đầy ngập biển khơi vậy.
- 10 Và vào ngày đó, rễ Y Sai sẽ đứng lên làm cờ hiệu cho các dân, các Dân Ngoại sẽ tìm kiếm cờ hiệu đó; chốn an nghỉ của Ngài sẽ được vinh hiển.
- 11 Và chuyện rằng vào ngày đó Chúa lại sẽ đưa tay ra lần thứ hai để cứu vớt dân còn sót lại của Ngài, tức là dân sót lại ở A Si Ri, Ai Cập, Pha Trô, Cút, Ê Lam, Si Nê A, Ha Mát, cùng các hải đảo.

## 2 Nephi 21

- And there shall come forth a rod out of the stem of Jesse, and a branch shall grow out of his roots.
- And the Spirit of the Lord shall rest upon him, the spirit of wisdom and understanding, the spirit of counsel and might, the spirit of knowledge and of the fear of the Lord;
- And shall make him of quick understanding in the fear of the Lord; and he shall not judge after the sight of his eyes, neither reprove after the hearing of his ears.
- But with righteousness shall he judge the poor, and reprove with equity for the meek of the earth; and he shall smite the earth with the rod of his mouth, and with the breath of his lips shall he slay the wicked.
- And righteousness shall be the girdle of his loins, and faithfulness the girdle of his reins.
- The wolf also shall dwell with the lamb, and the leopard shall lie down with the kid, and the calf and the young lion and fatling together; and a little child shall lead them.
- And the cow and the bear shall feed; their young ones shall lie down together; and the lion shall eat straw like the ox.
- And the sucking child shall play on the hole of the asp, and the weaned child shall put his hand on the cockatrice's den.
- They shall not hurt nor destroy in all my holy mountain, for the earth shall be full of the knowledge of the Lord, as the waters cover the sea.
- And in that day there shall be a root of Jesse, which shall stand for an ensign of the people; to it shall the Gentiles seek; and his rest shall be glorious.
- And it shall come to pass in that day that the Lord shall set his hand again the second time to recover the remnant of his people which shall be left, from Assyria, and from Egypt, and from Pathros, and from Cush, and from Elam, and from Shinar, and from Hamath, and from the islands of the sea.

- 12 Ngài sẽ dựng lên một cờ hiệu cho các nước, nhóm họp những người Y Sơ Ra Ên bị đuổi, và thu góp những người Giu Đa bị phân tán từ bốn góc của thế gian.
- 13 Sự ghen ghét của Ép Ra Im sẽ mất đi, và kẻ thù nghịch với Giu Đa sẽ bị loại trừ; Ép Ra Im sẽ không còn ghen ghét Giu Đa nữa, và Giu Đa cũng không còn khuấy rối Ép Ra Im nữa.
- 14 Nhưng chúng sẽ bay trên vai dân Phi Li Tin hướng về phía tây; chúng sẽ cùng nhau cướp giật dân phương đông; chúng sẽ đặt tay trên Ê Đôm và Mô Áp, và con cái của Am Môn sẽ vâng phục chúng.
- 15 Chúa sẽ hủy diệt hoàn toàn dải biển Ai Cập; và với cơn gió mạnh của Ngài, Ngài sẽ vung tay trên sông, và sẽ đánh bẫy con suối, và khiến người ta đi qua không ướt dép.
- 16 Và sẽ có một đường cái cho dân còn sót lại của Ngài, là dân còn sót lại ở A Si Ri, cũng như đã có một đường cái cho Y Sơ Ra Ên vào ngày họ rời khỏi xứ Ai Cập vậy.

And he shall set up an ensign for the nations, and shall assemble the outcasts of Israel, and gather together the dispersed of Judah from the four corners of the earth.

The envy of Ephraim also shall depart, and the adversaries of Judah shall be cut off; Ephraim shall not envy Judah, and Judah shall not vex Ephraim.

But they shall fly upon the shoulders of the Philistines towards the west; they shall spoil them of the east together; they shall lay their hand upon Edom and Moab; and the children of Ammon shall obey them.

And the Lord shall utterly destroy the tongue of the Egyptian sea; and with his mighty wind he shall shake his hand over the river, and shall smite it in the seven streams, and make men go over dry shod.

And there shall be a highway for the remnant of his people which shall be left, from Assyria, like as it was to Israel in the day that he came up out of the land of Egypt.

## 2 Nê Phi 22

- 1 Và vào ngày đó người sẽ nói rằng: Hỡi Chúa, tôi xin tán dương Ngài; mặc dầu Ngài vốn giận tôi, nhưng nay cơn giận của Ngài đã nguôi, và Ngài đã an ủi tôi.
- 2 Nay, Thượng Đế là sự cứu rỗi của tôi; tôi sẽ tin cậy và không sợ hãi; vì Chúa GIÊ HÔ VA là sức mạnh của tôi và bài ca của tôi; Ngài cũng đã trở thành sự cứu rỗi của tôi nữa.
- 3 Vậy nên, các người sẽ vui vẻ mà múc nước nơi các nguồn cứu rỗi.
- 4 Và vào ngày đó các người sẽ nói rằng: Hãy tán dương Chúa, hãy kêu cầu danh Ngài, hãy rao những việc làm của Ngài trong các dân tộc, hãy xưng danh Ngài là cao trọng.
- 5 Hãy ca tụng Chúa; vì Ngài đã làm những công việc rực rỡ; điều này tất cả thế gian đều biết.
- 6 Hãy kêu to lên, hỡi các người, dân cư Si Ôn, vì cao trọng thay Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên đang ở giữa người.

## 2 Nephi 22

And in that day thou shalt say: O Lord, I will praise thee; though thou wast angry with me thine anger is turned away, and thou comfortedst me.

Behold, God is my salvation; I will trust, and not be afraid; for the Lord JEHOVAH is my strength and my song; he also has become my salvation.

Therefore, with joy shall ye draw water out of the wells of salvation.

And in that day shall ye say: Praise the Lord, call upon his name, declare his doings among the people, make mention that his name is exalted.

Sing unto the Lord; for he hath done excellent things; this is known in all the earth.

Cry out and shout, thou inhabitant of Zion; for great is the Holy One of Israel in the midst of thee.

## 2 Nê Phi 23

- 1 Gánh nặng của Ba Bi Lôn mà Ê Sai, con trai của A Mô, đã thấy.
- 2 Hãy dựng cờ trên núi cao, hãy cất tiếng kêu chúng, hãy vẫy tay để chúng có thể vào những cổng của người sang trọng.
- 3 Ta đã truyền lệnh cho những kẻ đã được ta thánh hóa, và ta cũng đã gọi những người mạnh mẽ của ta đến, vì cơn giận của ta không đổ trên những kẻ vui mừng trong sự cao trọng của ta.
- 4 Tiếng xôn xao của dân chúng trong các núi như tiếng xôn xao của một dân tộc đông đảo, đó là tiếng ồn ào của các vương quốc các dân nhóm lại. Vậy nên, Chúa Muôn Quân kiểm điểm những đạo quân của mình để ra trận.
- 5 Những đạo quân này đã đến từ một xứ xa, từ nơi tận cùng của thiên thượng, phải, chính Chúa và những vũ khí của cơn phẫn nộ của Ngài để hủy diệt cả đất.
- 6 Hãy gào thét lên, hỡi các người, vì ngày của Chúa đã gần kề; ngày ấy đến như một sự hủy diệt đến bởi Đấng Toàn Năng.
- 7 Vậy nên, mọi tay đều yếu đuối, lòng người đều tan chảy;
- 8 Họ sẽ khiếp sợ; sự đau đớn buồn rầu sẽ xâm chiếm họ; họ sẽ sợ hãi nhìn nhau; mặt họ chẳng khác chi ngọn lửa.
- 9 Ngày, ngày Chúa đến, là ngày tàn khốc đầy thịnh nộ và nóng giận để làm đất này tiêu điều, và Ngài sẽ hủy diệt những kẻ có tội khỏi đó.
- 10 Vì các ngôi sao và các tinh tú trên trời sẽ không chiếu sáng nữa; mặt trời sẽ tối sầm lại, và mặt trăng sẽ không để cho ánh sáng của mình chiếu sáng nữa.
- 11 Ta sẽ trừng phạt thế gian vì sự tà ác của nó, và phạt kẻ độc ác vì điều bất chính của chúng; ta sẽ khiến cho kẻ kiêu căng hết ngạo mạn, và hạ tính tự cao của kẻ bạo tàn.
- 12 Ta sẽ làm cho loài người hiếm có hơn vàng ròng, hiếm hơn vàng thoi xứ Ô Phiá.
- 13 Vậy nên, ta sẽ khiến các tầng trời rung chuyển, đất sẽ rời khỏi chỗ mình vì cơn thịnh nộ của Chúa Muôn Quân, vào ngày Ngài nóng giận.

## 2 Nephi 23

The burden of Babylon, which Isaiah the son of Amoz did see.

Lift ye up a banner upon the high mountain, exalt the voice unto them, shake the hand, that they may go into the gates of the nobles.

I have commanded my sanctified ones, I have also called my mighty ones, for mine anger is not upon them that rejoice in my highness.

The noise of the multitude in the mountains like as of a great people, a tumultuous noise of the kingdoms of nations gathered together, the Lord of Hosts mustereth the hosts of the battle.

They come from a far country, from the end of heaven, yea, the Lord, and the weapons of his indignation, to destroy the whole land.

Howl ye, for the day of the Lord is at hand; it shall come as a destruction from the Almighty.

Therefore shall all hands be faint, every man's heart shall melt;

And they shall be afraid; pangs and sorrows shall take hold of them; they shall be amazed one at another; their faces shall be as flames.

Behold, the day of the Lord cometh, cruel both with wrath and fierce anger, to lay the land desolate; and he shall destroy the sinners thereof out of it.

For the stars of heaven and the constellations thereof shall not give their light; the sun shall be darkened in his going forth, and the moon shall not cause her light to shine.

And I will punish the world for evil, and the wicked for their iniquity; I will cause the arrogancy of the proud to cease, and will lay down the haughtiness of the terrible.

I will make a man more precious than fine gold; even a man than the golden wedge of Ophir.

Therefore, I will shake the heavens, and the earth shall remove out of her place, in the wrath of the Lord of Hosts, and in the day of his fierce anger.

- 14 Ai nầy sẽ như con hươu bị săn đuổi, và như bầy chiên không người nhóm lại, sẽ trở lại cùng với dân mình, và sẽ trốn về với xứ sở mình.
- 15 Tất cả những kẻ nào kiêu ngạo sẽ bị đâm; phải, tất cả những kẻ nào giao kết với người độc ác sẽ ngã dưới mũi gươm.
- 16 Con cái của họ cũng sẽ bị phân làm muôn mảnh trước mắt họ, nhà cửa họ sẽ bị cướp bóc, vợ của họ bị hãm hiếp.
- 17 Này, ta sẽ xúi biếu dân Mê Đi chống lại họ, những người ấy chẳng quý bạc vàng và cũng chẳng thích thú gì những vật ấy.
- 18 Cung tên của chúng sẽ bắn nát người trai trẻ, và chúng cũng chẳng thương xót chi đến bào thai trong bụng mẹ; mắt chúng chẳng tiếc trẻ con.
- 19 Ba Bi Lôn, sự vinh quang của các vương quốc, vẻ đẹp của sự hùng vĩ xứ Canh Ê, sẽ giống như Sô Đôm và Gô Mô Rơ mà Thượng Đế đã lật đổ.
- 20 Nó sẽ chẳng hề có người cư ngụ nữa, trải từ thế hệ này đến thế hệ khác không có ai ở đó; người Á Rập cũng không đóng trại ở đó; những kẻ chăn chiên cũng không chăn bầy mình ở đó.
- 21 Nhưng dã thú của sa mạc sẽ nằm ở đó; và nhà của họ sẽ đầy những chim cú; chim đà sẽ ở đó, và các dê đực sẽ nhảy nhót tại đó.
- 22 Dã thú của hải đảo sẽ đến sửa tru trong các nhà bỏ hoang của họ, và rồng sẽ trú trong những cung điện hoan lạc của họ. Kỳ của nó đã gần đến, và ngày của nó sẽ không được kéo dài nữa. Vì ta sẽ hủy diệt nó cấp tốc; phải, vì ta sẽ thương xót dân ta, còn những kẻ độc ác sẽ phải bị diệt vong.

And it shall be as the chased roe, and as a sheep that no man taketh up; and they shall every man turn to his own people, and flee every one into his own land.

Every one that is proud shall be thrust through; yea, and every one that is joined to the wicked shall fall by the sword.

Their children also shall be dashed to pieces before their eyes; their houses shall be spoiled and their wives ravished.

Behold, I will stir up the Medes against them, which shall not regard silver and gold, nor shall they delight in it.

Their bows shall also dash the young men to pieces; and they shall have no pity on the fruit of the womb; their eyes shall not spare children.

And Babylon, the glory of kingdoms, the beauty of the Chaldees' excellency, shall be as when God overthrew Sodom and Gomorrah.

It shall never be inhabited, neither shall it be dwelt in from generation to generation: neither shall the Arabian pitch tent there; neither shall the shepherds make their fold there.

But wild beasts of the desert shall lie there; and their houses shall be full of doleful creatures; and owls shall dwell there, and satyrs shall dance there.

And the wild beasts of the islands shall cry in their desolate houses, and dragons in their pleasant palaces; and her time is near to come, and her day shall not be prolonged. For I will destroy her speedily; yea, for I will be merciful unto my people, but the wicked shall perish.

## 2 Nê Phi 24

- 1 Vì Chúa sẽ thương xót Gia Cốp, và còn lựa chọn Y Sơ Ra Ên nữa. Ngài sẽ lập chúng lại trong xứ sở của chúng; và những kẻ lạ sẽ tề tựu với chúng và họ liên hợp cùng với gia tộc Gia Cốp.
- 2 Và các dân sẽ đem chúng trở về bốn xứ; phải, từ nơi xa xôi, từ các nơi tận cùng của trái đất, chúng sẽ trở về đất hứa của chúng. Và gia tộc Y Sơ Ra Ên sẽ chiếm hữu đất ấy, và đất của Chúa sẽ thuộc về các tôi trai tớ gái; chúng sẽ bắt làm phu tù những kẻ đã bắt mình làm phu tù, và cai trị những kẻ đã hà hiếp mình.
- 3 Và chuyện rằng, vào ngày đó Chúa sẽ cho người được an nghỉ, khỏi đau buồn, lo sợ, và vòng nô lệ nặng nề mà người ta đã bắt người phục dịch.
- 4 Và chuyện rằng, vào ngày đó, người sẽ dùng câu châm ngôn này để châm biếm vua Ba Bi Lôn rằng: Kẻ bạo ngược đã tiệt rồi, đô thị vàng son này còn đâu!
- 5 Chúa đã bẻ gãy gậy của kẻ độc ác, và trượng của các kẻ cai trị.
- 6 Kẻ trong cơn thịnh nộ đã đánh các dân không thôi, kẻ đã dùng sự giận dữ cai trị các nước, sẽ bị hành hạ mà chẳng ai ngăn được.
- 7 Nay tất cả thế gian được an nghỉ và yên tĩnh; họ cất tiếng hát ca.
- 8 Phải, cây tùng, và cả cây hương bách ở Li Ban nữa, cũng nhân cố người mà vui mừng, và nói rằng: Từ khi người ngã xuống, không còn ai trèo lên để đốn ta nữa.
- 9 Ngục giới bên dưới rung động vì cơ người để đón rước người khi người tới. Nó đã vì người mà đánh thức các kẻ chết, ngay cả tất cả những kẻ có chức vị cao nhất trên thế gian; nó đã làm cho vua các nước phải đứng dậy khỏi ngai mình.
- 10 Hết thảy chúng nó đều sẽ cất tiếng nói cùng người rằng: Kìa, người cũng trở nên yếu đuối như chúng ta ư? Kìa, người cũng trở nên giống như chúng ta ư?

## 2 Nephi 24

For the Lord will have mercy on Jacob, and will yet choose Israel, and set them in their own land; and the strangers shall be joined with them, and they shall cleave to the house of Jacob.

And the people shall take them and bring them to their place; yea, from far unto the ends of the earth; and they shall return to their lands of promise. And the house of Israel shall possess them, and the land of the Lord shall be for servants and handmaids; and they shall take them captives unto whom they were captives; and they shall rule over their oppressors.

And it shall come to pass in that day that the Lord shall give thee rest, from thy sorrow, and from thy fear, and from the hard bondage wherein thou wast made to serve.

And it shall come to pass in that day, that thou shalt take up this proverb against the king of Babylon, and say: How hath the oppressor ceased, the golden city ceased!

The Lord hath broken the staff of the wicked, the scepters of the rulers.

He who smote the people in wrath with a continual stroke, he that ruled the nations in anger, is persecuted, and none hindereth.

The whole earth is at rest, and is quiet; they break forth into singing.

Yea, the fir trees rejoice at thee, and also the cedars of Lebanon, saying: Since thou art laid down no feller is come up against us.

Hell from beneath is moved for thee to meet thee at thy coming; it stirreth up the dead for thee, even all the chief ones of the earth; it hath raised up from their thrones all the kings of the nations.

All they shall speak and say unto thee: Art thou also become weak as we? Art thou become like unto us?

11 Về tráng lệ của người nay bị đem xuống mộ phần; tiếng đàn của người nay không còn nghe thấy nữa; dòi bọ trải dưới lưng người, và sâu bọ bao phủ lấy người.

12 Sao người bị từ trời sa xuống, hỡi Lu Xi Phe, con trai của ban mai? Hỡi kẻ làm suy yếu các nước kia, người đã bị chặt ngã xuống đất là thế nào?

13 Vì người thầm bảo trong lòng rằng: Ta sẽ lên trời, ta sẽ nhắc ngai ta lên trên các ngôi sao của Thượng Đế. Ta sẽ ngồi trên núi hội về cuối phương bắc;

14 Ta sẽ lên trên cao hơn các đám mây, ta sẽ giống như Đấng Tối Cao.

15 Tuy nhiên người phải bị đem xuống ngục giới, sa xuống lòng sâu của vực thẳm.

16 Những kẻ thấy người sẽ nhìn người chăm chú, và xem xét người mà bảo rằng: Có phải người này là kẻ đã làm cho đất phải rung động, làm cho các vương quốc phải rung chuyển?

17 Và làm cho thế gian thành đồng vắng, hủy diệt các thành, và không chịu buông tha tù nhân của mình về nhà đó chẳng?

18 Tất cả vua của các nước, phải, tất cả, đều an nghỉ nơi lăng tẩm của mình một cách vinh quang.

19 Nhưng người thì bị ném xa khỏi mồ mả của người, như nhánh cây khô ô, như xác chết của người bị giết, bị gươm đâm, bị xô xuống vực đá trong hố, chẳng khác chi thân chết bị giày đạp dưới chân.

20 Người sẽ không được hội hiệp cùng họ nơi lăng tẩm, vì người đã hủy diệt xứ mình và giết dân mình. Dòng dõi của những kẻ làm điều ác sẽ không bao giờ được nhắc đến danh nó nữa.

21 Hãy chuẩn bị sự tàn sát cho con cháu mình, vì sự bất chính của tổ phụ; hầu cho họ không dậy lên, cũng không chiếm hữu đất đai hay tạo lập thành thị khắp thế gian được nữa.

22 Vì ta sẽ đẩy lên nghịch cùng chúng, lời Chúa Muôn Quân phán, và ta sẽ tiêu diệt tên của Ba Bi Lôn và dân còn sót lại lẫn con và cháu, Chúa phán vậy.

23 Ta sẽ làm cho đất nó thuộc về con nhím và thành những ao nước; và ta sẽ dùng chổi hủy diệt mà quét nó, lời Chúa Muôn Quân phán vậy.

Thy pomp is brought down to the grave; the noise of thy viols is not heard; the worm is spread under thee, and the worms cover thee.

How art thou fallen from heaven, O Lucifer, son of the morning! Art thou cut down to the ground, which did weaken the nations!

For thou hast said in thy heart: I will ascend into heaven, I will exalt my throne above the stars of God; I will sit also upon the mount of the congregation, in the sides of the north;

I will ascend above the heights of the clouds; I will be like the Most High.

Yet thou shalt be brought down to hell, to the sides of the pit.

They that see thee shall narrowly look upon thee, and shall consider thee, and shall say: Is this the man that made the earth to tremble, that did shake kingdoms?

And made the world as a wilderness, and destroyed the cities thereof, and opened not the house of his prisoners?

All the kings of the nations, yea, all of them, lie in glory, every one of them in his own house.

But thou art cast out of thy grave like an abominable branch, and the remnant of those that are slain, thrust through with a sword, that go down to the stones of the pit; as a carcass trodden under feet.

Thou shalt not be joined with them in burial, because thou hast destroyed thy land and slain thy people; the seed of evil-doers shall never be renowned.

Prepare slaughter for his children for the iniquities of their fathers, that they do not rise, nor possess the land, nor fill the face of the world with cities.

For I will rise up against them, saith the Lord of Hosts, and cut off from Babylon the name, and remnant, and son, and nephew, saith the Lord.

I will also make it a possession for the bittern, and pools of water; and I will sweep it with the besom of destruction, saith the Lord of Hosts.

24 Chúa Muôn Quân đã thề rằng: Quả thật, sự ta đã định sẽ xảy đến, điều ta đã toan tính sẽ đứng vững như vậy—

25 Ta sẽ đem người A Si Ri vào trong đất ta, và sẽ giày đạp nó dưới chân trên các núi của ta; rồi ách của nó sẽ rời khỏi chúng, và gánh nặng của nó sẽ được cất khỏi vai chúng.

26 Đó là mục đích đã được định ra cho toàn thể thế gian, và đó là tay ta đã dang ra trên hết thủy các nước.

27 Vì Chúa Muôn Quân đã định như vậy thì ai bãi bỏ đi được? Và tay Ngài đã dang ra, thì ai xoay lại được?

28 Vào năm vua A Cha băng hà thì tin dữ này được rao ra.

29 Hỡi cả xứ Pha Lê Tin, chớ vui mừng, bởi cờ roi của kẻ đánh người đã gãy; vì từ giống rắn sẽ sinh ra thường luồng, thường luồng sẽ sinh ra rắn lửa bay.

30 Rồi con đầu lòng của kẻ nghèo sẽ được đồ ăn, và kẻ túng bần sẽ nằm yên ổn; nhưng ta sẽ giết dòng dõi của người bằng nạn đói, và nó sẽ giết những kẻ còn sót lại của người.

31 Hỡi công, hãy gào thét, hỡi thành thị, hãy kêu la; hỡi, tất cả xứ Pha Lê Tin, các người sẽ bị tan chảy hết; vì sẽ có luồng khói từ phương bắc đến, và chẳng ai phải bị cô đơn trong giờ phút của mình đã được ấn định.

32 Rồi các sứ giả của các nước sẽ trả lời chi đây? Rằng Chúa đã lập Si Ôn, và kẻ nghèo trong dân Ngài sẽ tin cậy vào đó.

The Lord of Hosts hath sworn, saying: Surely as I have thought, so shall it come to pass; and as I have purposed, so shall it stand—

That I will bring the Assyrian in my land, and upon my mountains tread him under foot; then shall his yoke depart from off them, and his burden depart from off their shoulders.

This is the purpose that is purposed upon the whole earth; and this is the hand that is stretched out upon all nations.

For the Lord of Hosts hath purposed, and who shall disannul? And his hand is stretched out, and who shall turn it back?

In the year that king Ahaz died was this burden.

Rejoice not thou, whole Palestina, because the rod of him that smote thee is broken; for out of the serpent's root shall come forth a cockatrice, and his fruit shall be a fiery flying serpent.

And the firstborn of the poor shall feed, and the needy shall lie down in safety; and I will kill thy root with famine, and he shall slay thy remnant.

Howl, O gate; cry, O city; thou, whole Palestina, art dissolved; for there shall come from the north a smoke, and none shall be alone in his appointed times.

What shall then answer the messengers of the nations? That the Lord hath founded Zion, and the poor of his people shall trust in it.



## 2 Nê Phi 25

- 1 Giờ đây, tôi, Nê Phi, xin nói một ít về những lời tôi đã viết, là những lời do miệng Ê Sai nói ra. Vì này, Ê Sai đã nói nhiều điều mà phần đông dân tôi khó lòng hiểu thấu được; vì họ không biết gì về lẽ lối tiên tri giữa người Do Thái.
- 2 Bởi vì tôi, Nê Phi, không dạy họ những điều theo lẽ lối của người Do Thái; vì những việc làm của họ là những việc làm trong bóng tối, và những hành vi của họ là những hành vi khả ố.
- 3 Vậy nên tôi mới viết ra cho dân tôi, và cho tất cả những ai sau này sẽ thụ nhận những điều tôi biên chép ra đây, để họ có thể hiểu được những sự phán xét của Thượng Đế, và những phán xét đó sẽ xảy đến cho mọi quốc gia, theo như lời Ngài đã phán.
- 4 Vậy nên, hỡi dân tôi, là những người trong gia tộc Y Sơ Ra Ên, hãy nghe đây, hãy để tai nghe những lời tôi nói đây; vì mặc dù những lời của Ê Sai không được rõ ràng đối với các người, tuy nhiên, những lời ấy lại rất rõ ràng đối với những ai có đầy dẫy tinh thần tiên tri. Nhưng, tôi sẽ đưa ra một lời tiên tri cho các người, thể theo tinh thần tiên tri hằng có ở trong tôi; vậy nên, tôi sẽ nói tiên tri dựa trên sự minh bạch mà tôi đã có được từ ngày tôi rời khỏi Giê Ru Sa Lem với cha tôi; vì này, tâm hồn tôi rất hân hoan được nói một cách minh bạch với dân tôi, để họ có thể học hỏi được.
- 5 Phải, và tâm hồn tôi cũng rất hân hoan bởi những lời của Ê Sai, vì tôi từ Giê Ru Sa Lem mà đến, và mắt tôi từng được chứng kiến nhiều điều của người Do Thái, và tôi biết rằng, người Do Thái thông hiểu những điều của các tiên tri, và không có một dân tộc nào khác lại hiểu rõ những điều tiên tri nói với người Do Thái hơn chính họ, trừ phi dân tộc đó cũng được giáo huấn theo lẽ lối của người Do Thái.

## 2 Nephi 25

Now I, Nephi, do speak somewhat concerning the words which I have written, which have been spoken by the mouth of Isaiah. For behold, Isaiah spake many things which were hard for many of my people to understand; for they know not concerning the manner of prophesying among the Jews.

For I, Nephi, have not taught them many things concerning the manner of the Jews; for their works were works of darkness, and their doings were doings of abominations.

Wherefore, I write unto my people, unto all those that shall receive hereafter these things which I write, that they may know the judgments of God, that they come upon all nations, according to the word which he hath spoken.

Wherefore, hearken, O my people, which are of the house of Israel, and give ear unto my words; for because the words of Isaiah are not plain unto you, nevertheless they are plain unto all those that are filled with the spirit of prophecy. But I give unto you a prophecy, according to the spirit which is in me; wherefore I shall prophesy according to the plainness which hath been with me from the time that I came out from Jerusalem with my father; for behold, my soul delighteth in plainness unto my people, that they may learn.

Yea, and my soul delighteth in the words of Isaiah, for I came out from Jerusalem, and mine eyes hath beheld the things of the Jews, and I know that the Jews do understand the things of the prophets, and there is none other people that understand the things which were spoken unto the Jews like unto them, save it be that they are taught after the manner of the things of the Jews.

- 6 Nhưng này, tôi, Nê Phi, không dạy dỗ con cái tôi theo lẽ lối của người Do Thái; nhưng này, chính tôi đã từng ở tại Giê Ru Sa Lem, nên tôi hiểu rõ các miền quanh đó, và tôi đã kể cho con cái tôi biết về sự phán xét của Thượng Đế đã xảy đến cho người Do Thái, cho con cái tôi biết, đúng theo tất cả những điều mà Ê Sai đã nói, nhưng tôi không chép ra.
- 7 Nhưng này, tôi xin tiếp tục lời tiên tri của tôi, theo sự minh bạch của tôi mà tôi biết rằng, với sự minh bạch ấy không một người nào có thể lầm lẫn được; tuy thế, vào ngày mà những lời tiên tri của Ê Sai được ứng nghiệm thì loài người sẽ hiểu một cách chắc chắn, khi những điều ấy xảy ra.
- 8 Vậy nên, những lời tiên tri này có một giá trị lớn đối với con cái loài người. Còn đối với những ai cho rằng những lời này không có giá trị, thì tôi sẽ ngỏ lời riêng cùng họ, và dành những lời này cho dân tôi, vì tôi biết rằng những lời này sẽ có giá trị rất lớn lao đối với họ vào những ngày sau cùng; vì vào ngày đó, họ sẽ hiểu được những lời này; vậy vì lợi ích cho họ mà tôi đã ghi chép những lời này.
- 9 Và như vì sự bất chính mà một thế hệ đã bị hủy diệt giữa dân Do Thái, thì cũng vậy, vì những điều bất chính của mình mà họ đã bị hủy diệt từ thế hệ này đến thế hệ khác; và không một thế hệ nào của họ bị hủy diệt mà lại không được các vị tiên tri của Chúa báo trước.
- 10 Vì thế mà họ đã được báo trước cho biết sự hủy diệt sẽ xảy đến với họ, ngay sau khi cha tôi rời Giê Ru Sa Lem; tuy nhiên, họ đã chai đá trong lòng; và theo như sự tiên tri của tôi thì họ đã bị hủy diệt, ngoại trừ những người bị bắt tù đày qua Ba Bi Lôn.
- 11 Và bây giờ tôi nói lên điều này là nhờ Thánh Linh hằng có trong tôi. Và dù họ có bị bắt đem đi, thì sau này họ cũng sẽ trở về, và chiếm hữu lại xứ Giê Ru Sa Lem; vậy nên, họ sẽ được phục hồi lại trên đất thừa hưởng của mình.

But behold, I, Nephi, have not taught my children after the manner of the Jews; but behold, I, of myself, have dwelt at Jerusalem, wherefore I know concerning the regions round about; and I have made mention unto my children concerning the judgments of God, which hath come to pass among the Jews, unto my children, according to all that which Isaiah hath spoken, and I do not write them.

But behold, I proceed with mine own prophecy, according to my plainness; in the which I know that no man can err; nevertheless, in the days that the prophecies of Isaiah shall be fulfilled men shall know of a surety, at the times when they shall come to pass.

Wherefore, they are of worth unto the children of men, and he that supposeth that they are not, unto them will I speak particularly, and confine the words unto mine own people; for I know that they shall be of great worth unto them in the last days; for in that day shall they understand them; wherefore, for their good have I written them.

And as one generation hath been destroyed among the Jews because of iniquity, even so have they been destroyed from generation to generation according to their iniquities; and never hath any of them been destroyed save it were foretold them by the prophets of the Lord.

Wherefore, it hath been told them concerning the destruction which should come upon them, immediately after my father left Jerusalem; nevertheless, they hardened their hearts; and according to my prophecy they have been destroyed, save it be those which are carried away captive into Babylon.

And now this I speak because of the spirit which is in me. And notwithstanding they have been carried away they shall return again, and possess the land of Jerusalem; wherefore, they shall be restored again to the land of their inheritance.

- 12 Nhưng này, họ sẽ có chiến tranh và tiếng đồn về chiến tranh; và khi ngày ấy đến, ngày mà Con Độc Sinh của Đức Chúa Cha, phải, Đức Chúa Cha của cả thiên thượng lẫn thế gian, sẽ biểu hiện ở giữa họ trong thể xác, này, cũng vì những điều bất chính và lòng dạ họ chai đá cùng sự cứng cổ của họ, nên họ sẽ chỗi bỏ Ngài.
- 13 Này, họ sẽ đóng đinh Ngài trên thập tự giá; và sau khi Ngài được mai táng ba ngày trong mộ, Ngài sẽ sống dậy từ cõi chết với sự chữa lành trong đôi cánh của Ngài; và tất cả những ai biết tin nơi danh Ngài sẽ được cứu rỗi vào vương quốc của Thượng Đế. Vậy nên, tâm hồn tôi rất hân hoan khi tiên tri về Ngài, vì tôi đã thấy ngày ấy của Ngài, và lòng tôi rất đỗi tán dương thánh danh của Ngài.
- 14 Và này, chuyện rằng, sau khi Đấng Mê Si sống dậy từ cõi chết, và biểu hiện cho dân Ngài thấy, cho tất cả những ai sẽ tin vào danh Ngài, này, Giê Ru Sa Lem sẽ bị hủy diệt lần nữa; vì khôn thay cho những kẻ nào chống lại Thượng Đế và dân của giáo hội Ngài.
- 15 Vậy nên, dân Do Thái sẽ bị phân tán khắp các quốc gia; phải, và luôn cả Ba Bi Lôn cũng bị hủy diệt nữa; vậy nên, dân Do Thái sẽ bị các quốc gia khác phân tán.
- 16 Sau khi họ bị phân tán, và Đức Chúa Trời đã dùng các dân tộc khác để trừng phạt họ trong nhiều thế hệ, phải, từ thế hệ này đến thế hệ khác, cho đến chừng nào họ được thuyết phục mà tin Đấng Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, cùng sự chuộc tội vô hạn cho tất cả loài người—và khi ngày ấy đến, ngày mà họ sẽ tin nơi Đấng Ky Tô, và tôn thờ Đức Chúa Cha trong danh Ngài, với trái tim thanh khiết, với bàn tay trong sạch, và không còn trông đợi một Đấng Mê Si nào khác nữa, rồi đến lúc đó, khi ngày ấy đến, là lúc cần thiết cho họ phải tin vào những điều này.
- 17 Và Chúa sẽ giơ tay lên lần thứ hai để phục hồi dân Ngài khỏi trạng thái lạc lối và sa ngã. Vậy nên, Ngài sẽ tiến hành thực hiện một công việc lạ lùng và một điều kỳ diệu giữa con cái loài người.

But, behold, they shall have wars, and rumors of wars; and when the day cometh that the Only Begotten of the Father, yea, even the Father of heaven and of earth, shall manifest himself unto them in the flesh, behold, they will reject him, because of their iniquities, and the hardness of their hearts, and the stiffness of their necks.

Behold, they will crucify him; and after he is laid in a sepulchre for the space of three days he shall rise from the dead, with healing in his wings; and all those who shall believe on his name shall be saved in the kingdom of God. Wherefore, my soul delighteth to prophesy concerning him, for I have seen his day, and my heart doth magnify his holy name.

And behold it shall come to pass that after the Messiah hath risen from the dead, and hath manifested himself unto his people, unto as many as will believe on his name, behold, Jerusalem shall be destroyed again; for wo unto them that fight against God and the people of his church.

Wherefore, the Jews shall be scattered among all nations; yea, and also Babylon shall be destroyed; wherefore, the Jews shall be scattered by other nations.

And after they have been scattered, and the Lord God hath scourged them by other nations for the space of many generations, yea, even down from generation to generation until they shall be persuaded to believe in Christ, the Son of God, and the atonement, which is infinite for all mankind—and when that day shall come that they shall believe in Christ, and worship the Father in his name, with pure hearts and clean hands, and look not forward any more for another Messiah, then, at that time, the day will come that it must needs be expedient that they should believe these things.

And the Lord will set his hand again the second time to restore his people from their lost and fallen state. Wherefore, he will proceed to do a marvelous work and a wonder among the children of men.

18 Vậy nên, Ngài sẽ mang những lời của Ngài đến cho họ, là những lời sẽ phán xét họ vào ngày sau cùng, vì những lời ấy sẽ được ban ra cho họ với mục đích thuyết phục cho họ tin về Đấng Mê Si chân chính, tức là Đấng đã bị họ chối bỏ; và cũng để thuyết phục cho họ tin rằng họ không cần phải trông đợi một Đấng Mê Si nào khác sẽ đến, vì sẽ chẳng có Đấng nào tới nữa, nếu không phải là một Đấng Mê Si giả đến để lừa gạt dân chúng; vì chỉ có một Đấng Mê Si duy nhất mà các vị tiên tri đã nói tới, và Đấng Mê Si ấy tức là Đấng sẽ bị người Do Thái chối bỏ.

19 Vì theo lời các vị tiên tri, thì sáu trăm năm sau, kể từ ngày cha tôi rời Giê Ru Sa Lem, Đấng Mê Si sẽ đến; và theo lời của các vị tiên tri, và cũng theo lời vị thiên sứ của Chúa, thì danh Ngài sẽ là Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế.

20 Và này, hỡi đồng bào của tôi, tôi đã nói một cách phân minh để cho các người không thể lầm lẫn được. Và như Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng đã đem Y Sơ Ra Ên ra khỏi xứ Ai Cập, và đã ban quyền năng cho Môi Se để ông chữa lành các dân khi họ bị rắn độc cắn, nếu họ chịu ngược mắt lên nhìn con rắn mà ông đã treo lên trước mắt họ, và Ngài còn ban cho ông quyền năng khiến ông có thể đánh vào đá làm cho nước trào ra; phải, này, tôi nói cho các người hay rằng, như những việc này đều có thật, và như Đức Chúa Trời hằng sống, thì không còn một danh hiệu nào khác được ban ra dưới gầm trời này ngoài danh hiệu Chúa Giê Su Ky Tô này mà tôi đã nói đến, tức là danh hiệu mà nhờ đó loài người mới có thể được cứu.

21 Vậy nên, bởi nguyên do đó mà Đức Chúa Trời có hứa với tôi rằng, những điều tôi viết ra đây sẽ được gìn giữ và bảo tồn, và được lưu truyền lại cho dòng dõi tôi từ thế hệ này đến thế hệ khác, ngõ hầu lời hứa với Giô Sép có thể được làm tròn. Lời hứa ấy rằng chừng nào thế gian còn tồn tại thì dòng dõi ông sẽ không bao giờ bị diệt vong.

Wherefore, he shall bring forth his words unto them, which words shall judge them at the last day, for they shall be given them for the purpose of convincing them of the true Messiah, who was rejected by them; and unto the convincing of them that they need not look forward any more for a Messiah to come, for there should not any come, save it should be a false Messiah which should deceive the people; for there is save one Messiah spoken of by the prophets, and that Messiah is he who should be rejected of the Jews.

For according to the words of the prophets, the Messiah cometh in six hundred years from the time that my father left Jerusalem; and according to the words of the prophets, and also the word of the angel of God, his name shall be Jesus Christ, the Son of God.

And now, my brethren, I have spoken plainly that ye cannot err. And as the Lord God liveth that brought Israel up out of the land of Egypt, and gave unto Moses power that he should heal the nations after they had been bitten by the poisonous serpents, if they would cast their eyes unto the serpent which he did raise up before them, and also gave him power that he should smite the rock and the water should come forth; yea, behold I say unto you, that as these things are true, and as the Lord God liveth, there is none other name given under heaven save it be this Jesus Christ, of which I have spoken, whereby man can be saved.

Wherefore, for this cause hath the Lord God promised unto me that these things which I write shall be kept and preserved, and handed down unto my seed, from generation to generation, that the promise may be fulfilled unto Joseph, that his seed should never perish as long as the earth should stand.

- 22 Vậy nên, chừng nào thế gian còn tồn tại thì những điều này sẽ được còn lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác; và những điều này được lưu truyền theo ý muốn và sở thích của Thượng Đế. Những quốc gia nào có được những điều này thì sẽ được phán xét theo các lời đã ghi chép.
- 23 Vì chúng tôi cố gắng cần mẫn viết ra để thuyết phục con cháu chúng ta, và luôn cả các anh em chúng ta nữa, để họ biết tin vào Đấng Ky Tô, và để được hòa hiệp với Thượng Đế; vì chúng ta biết rằng nhờ ân điển mà chúng ta được cứu rỗi, sau khi chúng ta đã làm tất cả những gì chúng ta có thể làm.
- 24 Và mặc dầu chúng ta tin nơi Đấng Ky Tô, chúng ta vẫn phải tuân giữ luật pháp Môi Se, và vững lòng trông đợi Đấng Ky Tô cho đến khi luật pháp ấy được thi hành trọn vẹn.
- 25 Vì chính bởi mục đích ấy mà luật pháp được ban hành; vậy nên luật pháp ấy đã trở thành chết đối với chúng ta, và chúng ta được làm cho sống lại trong Đấng Ky Tô nhờ đức tin của chúng ta; tuy nhiên, chúng ta tuân giữ luật pháp vì những lệnh truyền.
- 26 Và chúng tôi nói về Đấng Ky Tô, chúng tôi hoan hỷ về Đấng Ky Tô, chúng tôi thuyết giảng về Đấng Ky Tô, chúng tôi tiên tri về Đấng Ky Tô, và chúng tôi viết theo những điều tiên tri của chúng tôi, để cho con cháu chúng ta có thể hiểu được nguồn gốc nào mà chúng có thể tìm kiếm được sự xá miễn các tội lỗi của chúng.
- 27 Vậy nên, chúng tôi nói về luật pháp, để cho con cháu chúng ta hiểu được rằng, luật pháp đã chết; và một khi chúng ý thức được luật pháp đã chết, thì chúng sẽ trông đợi sự sống trong Đấng Ky Tô, và biết được rằng, bởi mục đích nào mà luật pháp được ban hành. Và sau khi luật pháp được làm trọn trong Đấng Ky Tô thì chúng chẳng cần phải chai đá trong lòng mà chống lại Ngài khi luật pháp cần phải được bãi bỏ.

Wherefore, these things shall go from generation to generation as long as the earth shall stand; and they shall go according to the will and pleasure of God; and the nations who shall possess them shall be judged of them according to the words which are written.

For we labor diligently to write, to persuade our children, and also our brethren, to believe in Christ, and to be reconciled to God; for we know that it is by grace that we are saved, after all we can do.

And, notwithstanding we believe in Christ, we keep the law of Moses, and look forward with steadfastness unto Christ, until the law shall be fulfilled.

For, for this end was the law given; wherefore the law hath become dead unto us, and we are made alive in Christ because of our faith; yet we keep the law because of the commandments.

And we talk of Christ, we rejoice in Christ, we preach of Christ, we prophesy of Christ, and we write according to our prophecies, that our children may know to what source they may look for a remission of their sins.

Wherefore, we speak concerning the law that our children may know the deadness of the law; and they, by knowing the deadness of the law, may look forward unto that life which is in Christ, and know for what end the law was given. And after the law is fulfilled in Christ, that they need not harden their hearts against him when the law ought to be done away.

28 Và giờ đây, này, hỡi dân tôi, các người là một dân cứng cổ; vì thế mà tôi đã nói một cách phân minh với các người, để các người không phải hiểu lầm. Và những lời mà tôi đã nói ra sẽ được xem như là một bằng chứng chống lại các người; vì nó đầy đủ để chỉ giáo cho bất cứ ai muốn đi vào con đường ngay chính; vì con đường ngay chính tức là tin nơi Đấng Ky Tô và không chối bỏ Ngài; vì khi chối bỏ Ngài thì các người cũng chối bỏ luôn cả các tiên tri và luật pháp.

29 Và giờ đây, này, tôi nói cho các người hay rằng, con đường ngay chính tức là tin nơi Đấng Ky Tô, và không chối bỏ Ngài; và Đấng Ky Tô tức là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên vậy. Vậy nên, các người phải cúi mình xuống trước mặt Ngài, và thờ phượng Ngài với tất cả năng lực, tâm trí, sức mạnh, và tâm hồn mình; và nếu làm được như vậy, các người sẽ không bao giờ bị khai trừ.

30 Và, vì đó sẽ là điều cần thiết, nên các người phải tuân giữ các nghi lễ và các giáo lễ của Thượng Đế cho đến khi nào luật pháp được làm trọn, đó là luật pháp ban cho Môi Se.

And now behold, my people, ye are a stiffnecked people; wherefore, I have spoken plainly unto you, that ye cannot misunderstand. And the words which I have spoken shall stand as a testimony against you; for they are sufficient to teach any man the right way; for the right way is to believe in Christ and deny him not; for by denying him ye also deny the prophets and the law.

And now behold, I say unto you that the right way is to believe in Christ, and deny him not; and Christ is the Holy One of Israel; wherefore ye must bow down before him, and worship him with all your might, mind, and strength, and your whole soul; and if ye do this ye shall in nowise be cast out.

And, inasmuch as it shall be expedient, ye must keep the performances and ordinances of God until the law shall be fulfilled which was given unto Moses.

## 2 Nê Phi 26

- 1 Hỡi các con và đồng bào thân mến của tôi, sau khi Đấng Ky Tô sống dậy từ cõi chết, Ngài sẽ xuất hiện cho các người thấy, và những lời mà Ngài sẽ phán cùng các người sẽ là luật pháp mà các người phải thi hành.
- 2 Vì này, tôi nói cho các người hay rằng, tôi đã thấy nhiều thế hệ trôi qua, và sẽ có nhiều cuộc chiến vĩ đại cùng nhiều sự tranh chấp giữa dân tôi.
- 3 Và sau khi Đấng Mê Si đến, sẽ có nhiều điềm triệu ban cho dân tôi biết về sự giáng sinh của Ngài, và cũng có những điềm triệu về cái chết cùng sự phục sinh của Ngài. Và ngày ấy sẽ là một ngày vĩ đại và khủng khiếp đối với kẻ độc ác, vì chúng sẽ chết. Chúng chết vì chúng đã xua đuổi các tiên tri cùng các thánh hữu; chúng đã ném đá họ và sát hại họ. Vậy nên, tiếng kêu gào của máu các thánh hữu sẽ từ dưới đất dâng lên tới Thượng Đế để chống lại chúng.
- 4 Vậy nên, tất cả những kẻ kiêu ngạo và những kẻ làm điều ác, ngày ấy đến sẽ thiêu đốt chúng, vì chúng chẳng khác chi rơm rạ, lời Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 5 Và những kẻ giết hại các tiên tri và các thánh hữu thì sẽ bị vực thẳm của thế gian nuốt, lời Chúa Muôn Quân phán; và các núi sẽ bao trùm lên chúng, các trận cuồng phong sẽ cuốn chúng đi, các dinh thự sẽ đổ lên mình chúng, đè nát chúng thành muôn mảnh, và nghiền nát chúng thành cát bụi.
- 6 Chúng sẽ bị sấm sét, động đất, cùng tất cả mọi sự tàn phá khác đến viếng, vì lửa giận của Chúa sẽ nhóm lên chống lại chúng, và chúng sẽ chẳng khác chi rơm rạ, và ngày ấy đến sẽ thiêu đốt chúng, lời Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 7 Ôi, sự đau đớn và mối ưu phiền của tâm hồn tôi về sự mất mát và chết chóc của dân tôi! Vì tôi, Nê Phi, đã được trông thấy điều ấy, và điều ấy đã hầu như hủy diệt tôi trước sự hiện diện của Chúa; nhưng tôi cần phải kêu to lên với Thượng Đế tôi rằng: Các đường lối của Ngài thì công bình.

## 2 Nephi 26

And after Christ shall have risen from the dead he shall show himself unto you, my children, and my beloved brethren; and the words which he shall speak unto you shall be the law which ye shall do.

For behold, I say unto you that I have beheld that many generations shall pass away, and there shall be great wars and contentions among my people.

And after the Messiah shall come there shall be signs given unto my people of his birth, and also of his death and resurrection; and great and terrible shall that day be unto the wicked, for they shall perish; and they perish because they cast out the prophets, and the saints, and stone them, and slay them; wherefore the cry of the blood of the saints shall ascend up to God from the ground against them.

Wherefore, all those who are proud, and that do wickedly, the day that cometh shall burn them up, saith the Lord of Hosts, for they shall be as stubble.

And they that kill the prophets, and the saints, the depths of the earth shall swallow them up, saith the Lord of Hosts; and mountains shall cover them, and whirlwinds shall carry them away, and buildings shall fall upon them and crush them to pieces and grind them to powder.

And they shall be visited with thunderings, and lightnings, and earthquakes, and all manner of destructions, for the fire of the anger of the Lord shall be kindled against them, and they shall be as stubble, and the day that cometh shall consume them, saith the Lord of Hosts.

O the pain, and the anguish of my soul for the loss of the slain of my people! For I, Nephi, have seen it, and it well nigh consumeth me before the presence of the Lord; but I must cry unto my God: Thy ways are just.

- 8 Nhưng này, những người ngay chính biết nghe theo những lời của các vị tiên tri và không sát hại họ, mặc dù có biết bao sự ngược đãi bắt bớ, nhưng họ vẫn kiên trì trông đợi Đấng Ky Tô, vì các điềm triệu được ban cho—này, họ chính là những người sẽ không chết.
- 9 Nhưng Vị Nam Tử Ngay Chính sẽ xuất hiện cùng họ; Ngài sẽ chữa lành họ, và họ sẽ có được sự bình an với Ngài, cho đến ba thế hệ sẽ trôi qua, và có nhiều người trong thế hệ thứ tư cũng được qua đi trong sự ngay chính nữa.
- 10 Và sau khi những việc này đã qua đi, thì một sự hủy diệt nhanh chóng sẽ xảy đến cho dân tôi; vì mặc dù những nỗi đau đớn của tâm hồn tôi, tôi vẫn trông thấy điều đó. Vậy nên, tôi biết rằng, việc đó sẽ xảy ra. Họ sẽ tự bán mình cho những gì hư không; vì phần thưởng của lòng kiêu ngạo cùng sự điên rồ của họ, nên họ sẽ gạt hái sự hủy diệt; vì họ đã nhượng bộ quỷ dữ và chọn lựa những việc làm trong bóng tối thay vì sự sáng, nên họ phải đi xuống ngục giời.
- 11 Vì Thánh Linh của Chúa sẽ không luôn luôn tranh đấu với loài người. Và khi Thánh Linh không còn tranh đấu với loài người nữa, thì đó là lúc sự hủy diệt sẽ đến cấp kỳ, và việc này làm tâm hồn tôi phiền não vậy.
- 12 Và như tôi đã nói về sự thuyết phục cho người Do Thái tin rằng Chúa Giê Su chính là Đấng Ky Tô, thì những người Dân Ngoại cũng cần phải được thuyết phục để tin rằng Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô, là Thượng Đế Vĩnh Cửu;
- 13 Và rằng, bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, Ngài sẽ tự biểu hiện cho tất cả những ai biết tin nơi Ngài; phải, cho mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc, cùng thực hiện những phép lạ lớn lao, những điềm triệu và những điều kỳ diệu giữa con cái loài người, tùy theo đức tin của họ.
- 14 Nhưng này, tôi tiên tri cho các người biết về những ngày cuối cùng, về những ngày mà Đức Chúa Trời sẽ mang lại những điều này cho con cái loài người.

But behold, the righteous that hearken unto the words of the prophets, and destroy them not, but look forward unto Christ with steadfastness for the signs which are given, notwithstanding all persecution—behold, they are they which shall not perish.

But the Son of Righteousness shall appear unto them; and he shall heal them, and they shall have peace with him, until three generations shall have passed away, and many of the fourth generation shall have passed away in righteousness.

And when these things have passed away a speedy destruction cometh unto my people; for, notwithstanding the pains of my soul, I have seen it; wherefore, I know that it shall come to pass; and they sell themselves for naught; for, for the reward of their pride and their foolishness they shall reap destruction; for because they yield unto the devil and choose works of darkness rather than light, therefore they must go down to hell.

For the Spirit of the Lord will not always strive with man. And when the Spirit ceaseth to strive with man then cometh speedy destruction, and this grieveth my soul.

And as I spake concerning the convincing of the Jews, that Jesus is the very Christ, it must needs be that the Gentiles be convinced also that Jesus is the Christ, the Eternal God;

And that he manifesteth himself unto all those who believe in him, by the power of the Holy Ghost; yea, unto every nation, kindred, tongue, and people, working mighty miracles, signs, and wonders, among the children of men according to their faith.

But behold, I prophesy unto you concerning the last days; concerning the days when the Lord God shall bring these things forth unto the children of men.



15 Sau khi dòng dõi của tôi và dòng dõi của các anh em tôi sa vào vòng vô tín ngưỡng và bị những người Dân Ngoại đánh đập; phải, sau khi Đức Chúa Trời đóng trại chung quanh để chống lại chúng, dùng núi mà bao vây, cùng dựng lên thành trì chống lại chúng; và sau khi chúng bị hạ xuống tận bụi đất đến nỗi không còn tồn tại được nữa, thì lúc đó những lời nói của người ngay chính sẽ được ghi chép ra, và những lời cầu nguyện của người trung thành sẽ được nghe thấy, và tất cả những ai đã sa vào vòng vô tín ngưỡng sẽ không bị bỏ quên.

16 Vì những kẻ bị hủy diệt sẽ nói lên với họ từ dưới đất, và lời nói khê của họ sẽ phát ra từ bụi đất, và giọng nói của họ sẽ như là giọng nói của người đồng bóng; vì Đức Chúa Trời sẽ ban cho người ấy một quyền năng để người ấy có thể thì thầm những chuyện có liên quan tới họ, những tiếng nói ấy như phát ra từ dưới đất; và những lời của họ sẽ thì thầm phát ra từ bụi đất.

17 Vì Đức Chúa Trời đã phán rằng: Họ sẽ ghi chép những việc xảy ra giữa họ, những sự việc ấy sẽ được ghi chép ra và niêm phong trong một cuốn sách, và những kẻ nào sa vào vòng vô tín ngưỡng sẽ không có được những điều đó, vì chúng tìm cách phá hoại những việc của Thượng Đế.

18 Vậy nên, những ai đã bị hủy diệt đều bị hủy diệt một cách mau chóng; và vô số những kẻ ghê gớm ấy sẽ tàn rụi như rơm rạ—phải, Đức Chúa Trời có phán như vậy: Việc ấy sẽ xảy ra trong chốc lát, cấp kỳ—

19 Và chuyện rằng, những kẻ nào sa vào vòng vô tín ngưỡng sẽ bị bàn tay Dân Ngoại đánh đập.

20 Và Dân Ngoại dương dương tự đắc trong mắt mình, và họ vấp ngã đá chướng ngại vật lớn lao của mình, tức là họ đã tạo dựng nên nhiều giáo hội; tuy nhiên, họ lại xem thường quyền năng và những phép lạ của Thượng Đế, và họ chỉ thuyết giảng về sự khôn ngoan và kiến thức riêng của họ mà thôi, ngộ hầu họ có thể trục lợi và nghiền nát mặt kẻ nghèo.

21 Và có nhiều giáo hội được tạo dựng, gây ra những sự ganh ghét, tranh chấp, và tính hiểm độc.

After my seed and the seed of my brethren shall have dwindled in unbelief, and shall have been smitten by the Gentiles; yea, after the Lord God shall have camped against them round about, and shall have laid siege against them with a mount, and raised forts against them; and after they shall have been brought down low in the dust, even that they are not, yet the words of the righteous shall be written, and the prayers of the faithful shall be heard, and all those who have dwindled in unbelief shall not be forgotten.

For those who shall be destroyed shall speak unto them out of the ground, and their speech shall be low out of the dust, and their voice shall be as one that hath a familiar spirit; for the Lord God will give unto him power, that he may whisper concerning them, even as it were out of the ground; and their speech shall whisper out of the dust.

For thus saith the Lord God: They shall write the things which shall be done among them, and they shall be written and sealed up in a book, and those who have dwindled in unbelief shall not have them, for they seek to destroy the things of God.

Wherefore, as those who have been destroyed have been destroyed speedily; and the multitude of their terrible ones shall be as chaff that passeth away—yea, thus saith the Lord God: It shall be at an instant, suddenly—

And it shall come to pass, that those who have dwindled in unbelief shall be smitten by the hand of the Gentiles.

And the Gentiles are lifted up in the pride of their eyes, and have stumbled, because of the greatness of their stumbling block, that they have built up many churches; nevertheless, they put down the power and miracles of God, and preach up unto themselves their own wisdom and their own learning, that they may get gain and grind upon the face of the poor.

And there are many churches built up which cause envyings, and strifes, and malice.

- 22 Và còn có những tập đoàn bí mật, chẳng khác chi thời xưa, rập theo những tập đoàn của quỷ dữ, vì chính nó là nền móng của mọi điều đó; phải, nó là nền móng của sự sát nhân và những việc làm trong bóng tối; phải, và nó sẽ buộc cổ họ bằng dây gai mà dẫn đi, cho đến khi nào nó trói được họ mãi mãi bằng dây thừng chắc chắn của nó.
- 23 Vì này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi nói cho các người hay rằng, Đức Chúa Trời không làm việc gì trong bóng tối cả.
- 24 Ngài không làm việc gì trừ phi có lợi ích cho thế gian; vì Ngài rất yêu mến thế gian, đến nỗi Ngài phải bỏ mạng sống của mình để lôi kéo tất cả loài người đến với Ngài. Vậy nên, Ngài không truyền lệnh cho một ai không được hưởng sự cứu rỗi của Ngài.
- 25 Này, phải chăng Ngài phán lớn tiếng với một người nào rằng: Hãy tránh xa ta đi? Này, tôi nói cho các người hay: Không; trái lại Ngài phán rằng: Hỡi tất cả mọi người ở các nơi tận cùng của trái đất, hãy đến cùng ta, mua sữa và mật mà khỏi phải trả tiền và không cần giá cả.
- 26 Này, Ngài có bao giờ truyền lệnh cho người nào phải ra khỏi các nhà hội hay các nhà thờ phượng chăng? Này, tôi nói cho các người hay: Không.
- 27 Ngài có bao giờ truyền lệnh cho một ai không được hưởng sự cứu rỗi của Ngài không? Này, tôi nói cho các người hay: Không; nhưng trái lại Ngài ban không cho mọi người; và Ngài đã truyền dạy cho dân Ngài rằng họ phải thuyết phục tất cả mọi người phải hối cải.
- 28 Này, có bao giờ Chúa lại truyền lệnh cho một ai không được thụ hưởng lòng nhân từ của Ngài chăng? Này, tôi nói cho các người hay: Không. Trái lại mọi người đều hưởng một đặc quyền như nhau, và không một ai bị cấm đoán cả.
- 29 Ngài phán truyền rằng, không được có những mưu chước tăng tể, vì này, những mưu chước tăng tể có nghĩa là những người đi thuyết giảng và trưng mình làm ánh sáng cho thế gian để họ có thể tìm lợi lộc và sự ca tụng của thế gian; nhưng họ lại không tìm sự an lạc của Si Ôn.

And there are also secret combinations, even as in times of old, according to the combinations of the devil, for he is the founder of all these things; yea, the founder of murder, and works of darkness; yea, and he leadeth them by the neck with a flaxen cord, until he bindeth them with his strong cords forever.

For behold, my beloved brethren, I say unto you that the Lord God worketh not in darkness.

He doeth not anything save it be for the benefit of the world; for he loveth the world, even that he layeth down his own life that he may draw all men unto him. Wherefore, he commandeth none that they shall not partake of his salvation.

Behold, doth he cry unto any, saying: Depart from me? Behold, I say unto you, Nay; but he saith: Come unto me all ye ends of the earth, buy milk and honey, without money and without price.

Behold, hath he commanded any that they should depart out of the synagogues, or out of the houses of worship? Behold, I say unto you, Nay.

Hath he commanded any that they should not partake of his salvation? Behold I say unto you, Nay; but he hath given it free for all men; and he hath commanded his people that they should persuade all men to repentance.

Behold, hath the Lord commanded any that they should not partake of his goodness? Behold I say unto you, Nay; but all men are privileged the one like unto the other, and none are forbidden.

He commandeth that there shall be no priestcrafts; for, behold, priestcrafts are that men preach and set themselves up for a light unto the world, that they may get gain and praise of the world; but they seek not the welfare of Zion.

30      Này, Chúa đã cấm đoán việc này; vậy nên, Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho tất cả mọi người phải có lòng bác ái, và lòng bác ái đó tức là tình thương yêu vậy. Và nếu không có lòng bác ái thì họ không là gì cả. Vậy nên, nếu có lòng bác ái, thì họ không để cho người lao động ở Si Ôn phải bị diệt vong.

31      Nhưng người lao động ở Si Ôn sẽ lao động vì Si Ôn; vì nếu họ lao động vì tiền bạc thì họ sẽ bị diệt vong.

32      Và lại nữa, Đức Chúa Trời đã truyền lệnh rằng loài người không được giết người, không được nói láo, không được trộm cắp, không được lấy danh Chúa, Thượng Đế của mình, mà làm chơi, không được ganh tị, chớ có tính hiểm độc, chớ tranh chấp nhau, chớ phạm tội tà dâm, chớ phạm một lỗi nào trong những điều ấy; vì nếu ai phạm đến những điều ấy thì sẽ bị diệt vong.

33      Vì không một điều bất chính nào trong số những điều bất chính này do Chúa mà ra cả; vì Ngài chỉ làm những điều tốt đẹp cho con cái loài người mà thôi; Ngài không bao giờ làm những điều gì không phân minh đối với con cái loài người; Ngài đã kêu gọi mọi người hãy đến cùng Ngài và thụ hưởng lòng nhân từ của Ngài; Ngài không từ chối bất cứ một ai biết tìm tới Ngài, dù là da đen hay da trắng, nô lệ hay tự do, nam cũng như nữ. Ngài cũng không quên kẻ tà giáo; tất cả mọi người, người Do Thái lẫn người Dân Ngoại, đều như nhau trước mặt Thượng Đế.

Behold, the Lord hath forbidden this thing; wherefore, the Lord God hath given a commandment that all men should have charity, which charity is love. And except they should have charity they were nothing. Wherefore, if they should have charity they would not suffer the laborer in Zion to perish.

But the laborer in Zion shall labor for Zion; for if they labor for money they shall perish.

And again, the Lord God hath commanded that men should not murder; that they should not lie; that they should not steal; that they should not take the name of the Lord their God in vain; that they should not envy; that they should not have malice; that they should not contend one with another; that they should not commit whoredoms; and that they should do none of these things; for whoso doeth them shall perish.

For none of these iniquities come of the Lord; for he doeth that which is good among the children of men; and he doeth nothing save it be plain unto the children of men; and he inviteth them all to come unto him and partake of his goodness; and he denieth none that come unto him, black and white, bond and free, male and female; and he remembereth the heathen; and all are alike unto God, both Jew and Gentile.

## 2 Nê Phi 27

- 1 Nhưng, này, vào những ngày sau cùng, hay là vào những ngày của người Dân Ngoại—phải, này, tất cả các quốc gia của người Dân Ngoại và luôn cả người Do Thái nữa, cả những dân sẽ đến trên xứ này lẫn những dân sẽ sống trên các xứ khác, phải, trên khắp lãnh thổ của trái đất, này, họ sẽ say sưa trong sự bất chính và mọi điều khả ố gồm ghê—
- 2 Và khi ngày ấy đến, Chúa Muôn Quân sẽ đến viếng họ bằng sấm sét, bằng động đất, bằng tiếng động kinh hồn, bằng bão tố, cuồng phong và ngọn lửa thiêu nuốt.
- 3 Và tất cả các quốc gia nào chống lại Si Ôn, và gây buồn phiền cho nó, thì sẽ trở nên như một giấc chiêm bao về khải tượng ban đêm; phải, những điều gì xảy đến cho họ chẳng khác chi một kẻ đói nằm chiêm bao thấy mình đang ăn, nhưng khi tỉnh giấc thì thấy tâm hồn mình trống rỗng; hay giống như một kẻ khát nước, nằm chiêm bao thấy mình uống nước, nhưng khi tỉnh dậy thì thấy mình bị kiệt sức, và tâm hồn mình vẫn còn khát; phải, cả quần chúng của mọi nước đánh lại Núi Si Ôn khác nào như vậy.
- 4 Vì này, hỡi tất cả các người, là những kẻ đã phạm điều bất chính, hãy sững sờ và kinh hãi, vì các người sẽ kêu gào than khóc; các người sẽ say sưa nhưng không phải vì rượu, các người sẽ lão đảo nhưng không phải vì rượu mạnh.
- 5 Vì này, Chúa đã rải thần ngủ mê trên các người. Vì này, các người đã nhắm mắt mình lại, và chối bỏ các vị tiên tri, nên Ngài đã giấu kín các nhà cai trị và các vị tiên kiến của các người, vì sự bất chính của các người.
- 6 Và chuyện rằng, Đức Chúa Trời sẽ mang đến cho các người những lời của một cuốn sách, và đó là lời của những người đã đắm chìm trong giấc ngủ triền miên.
- 7 Và này, sách ấy sẽ được niêm phong, và trong sách ấy có ghi chép lời mặc khải của Thượng Đế, từ lúc khởi thủy đến ngày tận thế.

## 2 Nephi 27

But, behold, in the last days, or in the days of the Gentiles—yea, behold all the nations of the Gentiles and also the Jews, both those who shall come upon this land and those who shall be upon other lands, yea, even upon all the lands of the earth, behold, they will be drunken with iniquity and all manner of abominations—

And when that day shall come they shall be visited of the Lord of Hosts, with thunder and with earthquake, and with a great noise, and with storm, and with tempest, and with the flame of devouring fire.

And all the nations that fight against Zion, and that distress her, shall be as a dream of a night vision; yea, it shall be unto them, even as unto a hungry man which dreameth, and behold he eateth but he awaketh and his soul is empty; or like unto a thirsty man which dreameth, and behold he drinketh but he awaketh and behold he is faint, and his soul hath appetite; yea, even so shall the multitude of all the nations be that fight against Mount Zion.

For behold, all ye that doeth iniquity, stay yourselves and wonder, for ye shall cry out, and cry; yea, ye shall be drunken but not with wine, ye shall stagger but not with strong drink.

For behold, the Lord hath poured out upon you the spirit of deep sleep. For behold, ye have closed your eyes, and ye have rejected the prophets; and your rulers, and the seers hath he covered because of your iniquity.

And it shall come to pass that the Lord God shall bring forth unto you the words of a book, and they shall be the words of them which have slumbered.

And behold the book shall be sealed; and in the book shall be a revelation from God, from the beginning of the world to the ending thereof.

- 8 Vậy nên, vì những điều ấy đã được niêm phong, nên những điều ấy sẽ không được truyền lại vào ngày có những điều tà ác và khả ố của dân chúng. Vì thế sách ấy phải được cất giấu khỏi họ.
- 9 Nhưng sách ấy sẽ được trao cho một người, và người ấy sẽ truyền lại những lời trong sách, là những lời của những kẻ đã ngủ say trong bụi đất, và người ấy sẽ truyền những lời ấy lại cho một kẻ khác.
- 10 Nhưng những lời được niêm phong người ấy sẽ không truyền lại, và luôn sách nữa, người ấy cũng không trao cho ai. Vì sách ấy sẽ được niêm phong bằng quyền năng của Thượng Đế, và những điều mặc khải được niêm phong sẽ được giữ trong sách cho đến kỳ định của Chúa mới được đem những lời ấy phổ biến; vì này, những lời ấy sẽ tiết lộ tất cả những sự việc từ lúc thế gian mới được tạo dựng cho đến ngày tận thế.
- 11 Khi ngày ấy đến, những lời trong sách niêm phong ấy sẽ được đọc lên trên các mái nhà; và những lời ấy được đọc lên bởi quyền năng của Đấng Ky Tô. Tất cả mọi sự việc sẽ được tiết lộ cho con cái loài người biết, những sự việc đã xảy ra giữa con cái loài người và những sự việc sẽ xảy ra sau này cho đến ngày tận thế.
- 12 Vì thế, vào ngày ấy, khi mà cuốn sách sẽ được trao cho người mà tôi nói đó, nó sẽ phải được giấu kỹ khỏi tầm mắt của thế gian, để cho không một ai có thể thấy được sách ấy, ngoại trừ ba nhân chứng thấy được là nhờ quyền năng của Thượng Đế, và người được trao cho cuốn sách ấy. Họ sẽ làm chứng cho lẽ thật của cuốn sách và những điều chứa đựng trong sách.
- 13 Và sẽ không có một ai khác nữa được trông thấy sách, ngoại trừ một số ít người, thể theo ý muốn của Thượng Đế, để làm chứng cho những lời nói của Ngài với con cái loài người; vì, Đức Chúa Trời có phán rằng: Những lời của kẻ trung thành sẽ nói ra chẳng khác chi những lời của kẻ chết nói vậy.
- 14 Vậy nên, Đức Chúa Trời sẽ tiến hành phổ biến những lời của cuốn sách. Ngài sẽ lập những lời nói của Ngài bởi miệng những nhân chứng mà Ngài thấy thích hợp; và khôn thay cho kẻ nào chối bỏ lời của Thượng Đế!

Wherefore, because of the things which are sealed up, the things which are sealed shall not be delivered in the day of the wickedness and abominations of the people. Wherefore the book shall be kept from them.

But the book shall be delivered unto a man, and he shall deliver the words of the book, which are the words of those who have slumbered in the dust, and he shall deliver these words unto another;

But the words which are sealed he shall not deliver, neither shall he deliver the book. For the book shall be sealed by the power of God, and the revelation which was sealed shall be kept in the book until the own due time of the Lord, that they may come forth; for behold, they reveal all things from the foundation of the world unto the end thereof.

And the day cometh that the words of the book which were sealed shall be read upon the house tops; and they shall be read by the power of Christ; and all things shall be revealed unto the children of men which ever have been among the children of men, and which ever will be even unto the end of the earth.

Wherefore, at that day when the book shall be delivered unto the man of whom I have spoken, the book shall be hid from the eyes of the world, that the eyes of none shall behold it save it be that three witnesses shall behold it, by the power of God, besides him to whom the book shall be delivered; and they shall testify to the truth of the book and the things therein.

And there is none other which shall view it, save it be a few according to the will of God, to bear testimony of his word unto the children of men; for the Lord God hath said that the words of the faithful should speak as if it were from the dead.

Wherefore, the Lord God will proceed to bring forth the words of the book; and in the mouth of as many witnesses as seemeth him good will he establish his word; and wo be unto him that rejecteth the word of God!

- 15 Nhưng này, chuyện rằng, Đức Chúa Trời sẽ phán bảo cùng người được Ngài trao cho sách ấy rằng: Hãy lấy những lời không niêm phong này mà trao cho một người khác, để người ấy đem đến cho một nhà học giả mà nói rằng: Xin ông đọc những chữ này. Và nhà học giả ấy sẽ trả lời: Hãy đem sách lại đây, tôi sẽ đọc cho.
- 16 Và này, vì vinh quang của thế gian, và cũng vì muốn kiếm lợi lộc mà họ nói như vậy, chứ không phải vì vinh quang của Thượng Đế.
- 17 Và người ấy sẽ bảo rằng: Tôi không thể đem sách lại, vì sách ấy đã bị niêm phong.
- 18 Lúc đó nhà học giả bèn nói: Thế thì tôi không thể đọc sách ấy được.
- 19 Vì thế, chuyện rằng, Đức Chúa Trời sẽ trao sách và những lời trong sách cho một người không có học thức; và người không có học ấy sẽ bảo rằng: Tôi không phải là học giả.
- 20 Thế rồi Đức Chúa Trời sẽ phán bảo người ấy rằng: Các nhà học giả sẽ không đọc được vì họ đã chối bỏ những lời ấy; ta có thể làm lấy công việc của ta; vì thế người sẽ đọc được những chữ mà ta sẽ trao cho người.
- 21 Chớ động đến những điều đã được niêm phong, vì ta sẽ phổ biến những điều đó vào kỳ định riêng của ta; vì ta sẽ cho con cái loài người biết rằng, ta có thể làm được công việc riêng của ta.
- 22 Vì thế, sau khi người đọc hết những lời mà ta truyền lệnh cho người phải đọc, và có những nhân chứng mà ta hứa sẽ ban cho người, thì người phải niêm phong sách ấy lại, và chôn giấu nó cho mục đích của ta, để ta có thể gìn giữ những lời mà người chưa đọc tới, cho đến ngày nào, theo sự nhận xét khôn ngoan của ta, ta thấy thích hợp để tiết lộ tất cả mọi điều cho con cái loài người.
- 23 Vì này, ta là Thượng Đế, là Thượng Đế có nhiều phép lạ, ta sẽ cho người thế gian biết rằng, ta lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau; và ta không hành động giữa con cái loài người ngoại trừ theo đức tin của họ.
- 24 Và lại nữa, chuyện rằng, Chúa sẽ phán với người sẽ đọc những lời được trao cho, rằng:

But behold, it shall come to pass that the Lord God shall say unto him to whom he shall deliver the book: Take these words which are not sealed and deliver them to another, that he may show them unto the learned, saying: Read this, I pray thee. And the learned shall say: Bring hither the book, and I will read them.

And now, because of the glory of the world and to get gain will they say this, and not for the glory of God.

And the man shall say: I cannot bring the book, for it is sealed.

Then shall the learned say: I cannot read it.

Wherefore it shall come to pass, that the Lord God will deliver again the book and the words thereof to him that is not learned; and the man that is not learned shall say: I am not learned.

Then shall the Lord God say unto him: The learned shall not read them, for they have rejected them, and I am able to do mine own work; wherefore thou shalt read the words which I shall give unto thee.

Touch not the things which are sealed, for I will bring them forth in mine own due time; for I will show unto the children of men that I am able to do mine own work.

Wherefore, when thou hast read the words which I have commanded thee, and obtained the witnesses which I have promised unto thee, then shalt thou seal up the book again, and hide it up unto me, that I may preserve the words which thou hast not read, until I shall see fit in mine own wisdom to reveal all things unto the children of men.

For behold, I am God; and I am a God of miracles; and I will show unto the world that I am the same yesterday, today, and forever; and I work not among the children of men save it be according to their faith.

And again it shall come to pass that the Lord shall say unto him that shall read the words that shall be delivered him:

25 Vì dân này chỉ đến gần ta bằng đầu môi chót lưỡi để tôn vinh ta mà thôi, nhưng lòng dạ chúng lại xa cách ta, và sự kính sợ của chúng đối với ta là do những điều giáo huấn của loài người—

26 Vì thế, ta sẽ tiến hành thực hiện một công việc lạ lùng giữa dân này, phải, một công việc lạ lùng và một điều kỳ diệu, vì sự khôn ngoan của những kẻ thông thái và học giả của chúng sẽ bị diệt vong, và những sự hiểu biết của những người khôn ngoan của chúng sẽ bị che giấu đi.

27 Khốn thay cho những kẻ nào cố tìm cách che giấu thâm ý của mình khỏi Chúa! Những việc làm của chúng trong bóng tối mà lại bảo rằng: Ai thấy được chúng ta, ai biết được chúng ta? Và chúng còn nói thêm rằng: Cố nhiên, sự đảo lộn sự việc từ dưới lên trên của các người sẽ ví như nắm đất sét trong tay người thợ gốm. Nhưng Chúa Muôn Quân phán, này, ta sẽ cho chúng thấy rằng ta biết hết những việc làm của chúng. Vì có khi nào một món đồ lại đi nói về người đã làm ra mình rằng: Người ấy không có làm ra tôi? Hay một vật được tạo ra lại đi nói về người tạo ra nó rằng: Người ấy không hiểu biết gì cả?

28 Nhưng này, Chúa Muôn Quân phán: Ta sẽ cho con cái loài người thấy rằng, chẳng còn bao lâu nữa Li Ban sẽ trở thành cánh đồng phì nhiêu, và cánh đồng phì nhiêu đó sẽ được xem như một cánh rừng.

29 Và vào ngày đó, kẻ điếc sẽ được nghe những lời trong sách, và mắt của kẻ đui sẽ xem thấy từ sự tối tăm mù mịt.

30 Và những kẻ nhu mì cũng sẽ được thêm sự vui sướng của mình trong Chúa, và những kẻ nghèo ở giữa loài người sẽ hân hoan trong Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.

31 Vì chắc chắn như Chúa là Đấng hằng sống, họ sẽ được thấy rằng, kẻ ghê gớm sẽ bị hạ xuống thành hư không, kẻ khinh khi sẽ bị thiêu hủy, và tất cả những ai tìm cách làm điều bất chính sẽ bị khai trừ;

32 Và những kẻ làm cho người khác xúc phạm lời nói, và gài bẫy cho người quở trách nơi cổng thành, lấy sự hư không làm khuất người công bình.

Forasmuch as this people draw near unto me with their mouth, and with their lips do honor me, but have removed their hearts far from me, and their fear towards me is taught by the precepts of men—

Therefore, I will proceed to do a marvelous work among this people, yea, a marvelous work and a wonder, for the wisdom of their wise and learned shall perish, and the understanding of their prudent shall be hid.

And wo unto them that seek deep to hide their counsel from the Lord! And their works are in the dark; and they say: Who seeth us, and who knoweth us? And they also say: Surely, your turning of things upside down shall be esteemed as the potter's clay. But behold, I will show unto them, saith the Lord of Hosts, that I know all their works. For shall the work say of him that made it, he made me not? Or shall the thing framed say of him that framed it, he had no understanding?

But behold, saith the Lord of Hosts: I will show unto the children of men that it is yet a very little while and Lebanon shall be turned into a fruitful field; and the fruitful field shall be esteemed as a forest.

And in that day shall the deaf hear the words of the book, and the eyes of the blind shall see out of obscurity and out of darkness.

And the meek also shall increase, and their joy shall be in the Lord, and the poor among men shall rejoice in the Holy One of Israel.

For assuredly as the Lord liveth they shall see that the terrible one is brought to naught, and the scorner is consumed, and all that watch for iniquity are cut off;

And they that make a man an offender for a word, and lay a snare for him that reproveth in the gate, and turn aside the just for a thing of naught.

33 Vì thế, Chúa, Đấng đã cứu chuộc Áp Ra Ham, đã phán bảo về gia tộc Gia Cốp rằng: Nay Gia Cốp không phải hổ thẹn nữa, và mặt nó nay cũng không còn tái xanh nữa.

34 Nhưng khi nó thấy các con cái mình, là tác phẩm do tay ta làm ra, ở giữa nó, thì sẽ tôn danh ta là thánh, và tôn sùng Đấng Thánh của Gia Cốp, cũng như sẽ biết kính sợ Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên.

35 Những kẻ lòng vốn sai lầm sẽ trở nên hiểu biết, và kẻ hay ta thán sẽ được học hỏi giáo lý.

Therefore, thus saith the Lord, who redeemed Abraham, concerning the house of Jacob: Jacob shall not now be ashamed, neither shall his face now wax pale.

But when he seeth his children, the work of my hands, in the midst of him, they shall sanctify my name, and sanctify the Holy One of Jacob, and shall fear the God of Israel.

They also that erred in spirit shall come to understanding, and they that murmured shall learn doctrine.



## 2 Nê Phi 28

- 1 Và giờ đây, này, hỡi đồng bào của tôi, tôi đã nói với các người những điều mà Thánh Linh đã bắt buộc tôi phải nói; vậy nên tôi biết rằng, những điều ấy chắc chắn sẽ phải xảy ra.
- 2 Những điều gì sẽ được chép ra từ sách ấy sẽ có một giá trị rất lớn lao đối với con cái loài người, và nhất là đối với dòng dõi của chúng ta là một dòng dõi còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 3 Vì chuyện rằng, vào ngày ấy, những giáo hội được thành lập nhưng không ở trong Chúa sẽ nói với nhau rằng: Này, tôi, tôi mới là giáo hội của Chúa; và giáo hội khác lại bảo rằng: Tôi, tôi đây mới là của Chúa; và cứ thế, những người thành lập giáo hội nhưng không ở trong Chúa sẽ nói với nhau như vậy—
- 4 Họ sẽ tranh chấp nhau, các giáo sĩ của họ cũng sẽ tranh chấp nhau. Họ dạy dỗ theo sự hiểu biết của mình và chối bỏ Đức Thánh Linh là Đấng ban ra lời nói.
- 5 Và họ còn chối bỏ quyền năng của Thượng Đế, là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên. Và họ bảo dân rằng: Hãy nghe chúng tôi, hãy nghe lời giáo huấn của chúng tôi; vì này, ngày nay không còn có Thượng Đế nữa, vì Chúa, Đấng Cứu Chuộc, đã hoàn tất công việc của Ngài, và Ngài đã trao quyền năng của Ngài cho loài người;
- 6 Này, các người hãy nghe theo lời giáo huấn của tôi; nếu có ai bảo các người là có một phép lạ đã được thực hiện do bàn tay của Chúa, thì các người chớ tin; vì ngày nay, Ngài không còn là Thượng Đế có nhiều phép lạ nữa; Ngài đã hoàn tất công việc của Ngài rồi.
- 7 Phải, và sẽ có nhiều người nói rằng: Hãy ăn đi, hãy uống đi, và hãy vui chơi thỏa thích đi! Vì ngày mai chúng ta sẽ chết; và mọi việc đều sẽ tốt đẹp đối với chúng ta.

## 2 Nephi 28

And now, behold, my brethren, I have spoken unto you, according as the Spirit hath constrained me; wherefore, I know that they must surely come to pass.

And the things which shall be written out of the book shall be of great worth unto the children of men, and especially unto our seed, which is a remnant of the house of Israel.

For it shall come to pass in that day that the churches which are built up, and not unto the Lord, when the one shall say unto the other: Behold, I, I am the Lord's; and the others shall say: I, I am the Lord's; and thus shall every one say that hath built up churches, and not unto the Lord—

And they shall contend one with another; and their priests shall contend one with another, and they shall teach with their learning, and deny the Holy Ghost, which giveth utterance.

And they deny the power of God, the Holy One of Israel; and they say unto the people: Harken unto us, and hear ye our precept; for behold there is no God today, for the Lord and the Redeemer hath done his work, and he hath given his power unto men;

Behold, hearken ye unto my precept; if they shall say there is a miracle wrought by the hand of the Lord, believe it not; for this day he is not a God of miracles; he hath done his work.

Yea, and there shall be many which shall say: Eat, drink, and be merry, for tomorrow we die; and it shall be well with us.

- 8 Cũng có nhiều kẻ khác sẽ nói rằng: Hãy ăn đi, hãy uống đi, và hãy vui chơi thỏa thích đi; tuy nhiên cũng phải biết kính sợ Thượng Đế—Ngài sẽ biện minh cho khi người ta chỉ phạm một tội nhỏ; phải, như nói dối một chút, lợi dụng kẻ khác vì lời nói của họ, đào hố gài bẫy kẻ láng giềng; việc này không có hại gì cả; và chúng ta làm những điều ấy đi, vì ngày mai chúng ta sẽ chết; và ví dù chúng ta có phạm tội đi nữa thì Thượng Đế cũng chỉ đánh chúng ta ít roi, rồi sau cùng chúng ta vẫn được cứu rỗi vào vương quốc của Thượng Đế.
- 9 Phải, và sẽ có nhiều kẻ dạy người ta những điều như vậy, những giáo lý sai lạc, vô ích và điên rồ. Họ tràn đầy kiêu ngạo trong lòng, và cố tìm cách che giấu thâm ý của mình khỏi Chúa; và những việc làm của họ đều ở trong bóng tối.
- 10 Máu của các thánh hữu sẽ từ dưới đất kêu gào lên chống lại họ.
- 11 Phải, tất cả bọn họ đều đi lệch khỏi đường ngay chính; họ đã trở nên sa đọa.
- 12 Vì lòng kiêu hãnh, vì các thầy giảng giả và giáo lý sai lầm mà các giáo hội của họ đã trở nên sa đọa; các giáo hội của họ tự đề cao mình, vì họ tràn đầy kiêu ngạo.
- 13 Họ bóc lột kẻ nghèo để làm các thánh đường của họ thêm phân lộng lẫy; họ bóc lột kẻ nghèo để có những y phục xa hoa. Họ ngược đãi kẻ nhu mì và kẻ nghèo trong lòng cũng vì họ tràn đầy kiêu ngạo.
- 14 Họ cứng cổ và ghéch mặt lên cao; phải, và cũng vì tính kiêu căng, những điều tà ác, khả ố và tà dâm của họ, mà tất cả bọn họ đều đi lạc lối, chỉ trừ ra một thiểu số, là những tín đồ khiêm nhường của Đấng Ky Tô; tuy nhiên, trong nhiều trường hợp họ cũng bị hướng dẫn làm điều sai lạc, vì họ được dạy dỗ theo những lời giáo huấn của loài người.
- 15 Ôi, những kẻ khôn ngoan, những người học thức, và những người giàu có nào đang tràn đầy kiêu ngạo trong lòng, và tất cả những kẻ thuyết giảng giáo lý sai lầm, tất cả những kẻ phạm tội tà dâm, và làm sai lạc đường lối ngay chính của Chúa! Khốn thay, khốn thay, khốn thay cho họ, vì họ sẽ bị xô xuống ngục giời, lời Đức Chúa Trời Toàn Năng phán vậy!

And there shall also be many which shall say: Eat, drink, and be merry; nevertheless, fear God—he will justify in committing a little sin; yea, lie a little, take the advantage of one because of his words, dig a pit for thy neighbor; there is no harm in this; and do all these things, for tomorrow we die; and if it so be that we are guilty, God will beat us with a few stripes, and at last we shall be saved in the kingdom of God.

Yea, and there shall be many which shall teach after this manner, false and vain and foolish doctrines, and shall be puffed up in their hearts, and shall seek deep to hide their counsels from the Lord; and their works shall be in the dark.

And the blood of the saints shall cry from the ground against them.

Yea, they have all gone out of the way; they have become corrupted.

Because of pride, and because of false teachers, and false doctrine, their churches have become corrupted, and their churches are lifted up; because of pride they are puffed up.

They rob the poor because of their fine sanctuaries; they rob the poor because of their fine clothing; and they persecute the meek and the poor in heart, because in their pride they are puffed up.

They wear stiff necks and high heads; yea, and because of pride, and wickedness, and abominations, and whoredoms, they have all gone astray save it be a few, who are the humble followers of Christ; nevertheless, they are led, that in many instances they do err because they are taught by the precepts of men.

O the wise, and the learned, and the rich, that are puffed up in the pride of their hearts, and all those who preach false doctrines, and all those who commit whoredoms, and pervert the right way of the Lord, wo, wo, wo be unto them, saith the Lord God Almighty, for they shall be thrust down to hell!

- 16 Khốn thay cho những ai lấy sự hư không làm  
khuất người công bình cùng thóa mạ điều tốt và  
cho đó chẳng có giá trị gì! Vì ngày ấy sẽ đến, Đức  
Chúa Trời sẽ cấp tốc viếng phạt dân cư thế gian; và  
vào ngày ấy, họ sẽ phải chết vì họ đã chín muồi  
trong sự bất chính.
- 17 Nhưng, này, nếu dân cư thế gian biết hối cải  
những điều tà ác và khả ố của mình thì họ sẽ không  
bị hủy diệt, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 18 Nhưng này, giáo hội vĩ đại và khả ố kia, là gái  
điểm của toàn thể thế gian, phải ngã xuống đất, và  
sự sụp đổ của nó sẽ lớn lao biết bao.
- 19 Vì lãnh giới của quỷ dữ sẽ phải rung chuyển, và  
tất cả những ai thuộc về nó đều phải cần được nhắc  
nhở để hối cải, nếu không thì quỷ dữ sẽ dùng xiềng  
xích vĩnh viễn của nó mà trói buộc họ, và họ sẽ bị  
khích động nổi cơn giận dữ và bị diệt vong;
- 20 Vì này, đến ngày ấy, nó sẽ gây cuồng nộ trong trái  
tim con cái loài người, và khích động họ giận dữ  
chống lại những gì tốt đẹp.
- 21 Nó sẽ dẹp yên những kẻ khác và ru ngủ họ trong  
một sự an toàn trần tục, khiến họ phải thốt ra rằng:  
Mọi việc đều tốt đẹp ở Si Ôn; phải, Si Ôn thịnh  
vượng, và mọi việc đều tốt đẹp—và đó là luận điệu  
mà quỷ dữ đã dùng để lừa gạt tâm hồn họ, và cẩn  
thận dẫn dắt họ xuống ngục giới.
- 22 Và này, nó nịnh hót những kẻ khác và bảo họ là  
không có ngục giới; nó nói với họ rằng: Tôi không  
phải là quỷ dữ, vì làm gì có quỷ—đó là lời nó dùng  
để nỉ non vào tai họ cho đến ngày nào nó túm được  
họ bằng những xiềng xích ghê gớm của nó, và từ  
đó, không có sự giải thoát ra được nữa.
- 23 Phải, họ sẽ bị nắm chặt bởi sự chết và ngục giới;  
và rồi, sự chết, ngục giới, quỷ dữ, cùng với tất cả  
những kẻ bị chúng bắt giữ sẽ đến đứng trước ngai  
của Thượng Đế để chịu sự phán xét tùy theo những  
việc làm của mình, và từ đó chúng sẽ đi đến nơi đã  
được sắm sẵn cho chúng, đó là hồ lửa với diêm  
sinh, tức là nơi của cực hình bất tận.
- 24 Vì thế, khốn thay cho kẻ đang an nhàn ở Si Ôn!
- 25 Khốn thay cho kẻ reo lên rằng: Mọi việc đều tốt  
đẹp!
- 26 Phải, khốn thay cho kẻ nghe theo những lời giáo  
huấn của người đời, và chối bỏ quyền năng của  
Thượng Đế và ân tứ Đức Thánh Linh!

Wo unto them that turn aside the just for a thing  
of naught and revile against that which is good,  
and say that it is of no worth! For the day shall  
come that the Lord God will speedily visit the in-  
habitants of the earth; and in that day that they are  
fully ripe in iniquity they shall perish.

But behold, if the inhabitants of the earth shall  
repent of their wickedness and abominations they  
shall not be destroyed, saith the Lord of Hosts.

But behold, that great and abominable church,  
the whore of all the earth, must tumble to the  
earth, and great must be the fall thereof.

For the kingdom of the devil must shake, and  
they which belong to it must needs be stirred up  
unto repentance, or the devil will grasp them with  
his everlasting chains, and they be stirred up to  
anger, and perish;

For behold, at that day shall he rage in the hearts  
of the children of men, and stir them up to anger  
against that which is good.

And others will he pacify, and lull them away  
into carnal security, that they will say: All is well in  
Zion; yea, Zion prospereth, all is well—and thus  
the devil cheateth their souls, and leadeth them  
away carefully down to hell.

And behold, others he flattereth away, and tel-  
leth them there is no hell; and he saith unto them: I  
am no devil, for there is none—and thus he whis-  
pereth in their ears, until he grasps them with his  
awful chains, from whence there is no deliverance.

Yea, they are grasped with death, and hell; and  
death, and hell, and the devil, and all that have  
been seized therewith must stand before the  
throne of God, and be judged according to their  
works, from whence they must go into the place  
prepared for them, even a lake of fire and brim-  
stone, which is endless torment.

Therefore, wo be unto him that is at ease in Zion!  
Wo be unto him that crieth: All is well!

Yea, wo be unto him that hearkeneth unto the  
precepts of men, and denieth the power of God,  
and the gift of the Holy Ghost!

- 27 Phải, khốn thay cho kẻ nào bảo rằng: Chúng tôi đã nhận được rồi và chúng tôi không cần thêm nữa!
- 28 Và lại nữa, khốn thay cho những kẻ run rẩy và tức giận vì lẽ thật của Thượng Đế! Vì này, kẻ nào được xây dựng trên đá thì sẽ tiếp nhận lẽ thật ấy một cách hân hoan; còn kẻ nào xây dựng trên nền móng bằng cát thì sẽ run rẩy vì sợ bị ngã.
- 29 Khốn thay cho kẻ nào sẽ nói rằng: Chúng tôi đã nhận được lời của Thượng Đế, và chúng tôi không cần nhận thêm lời của Thượng Đế nữa, vì chúng tôi đã có đủ rồi!
- 30 Vì này, Đức Chúa Trời có phán rằng: Ta sẽ ban cho con cái loài người từng hàng chữ một, từng lời chỉ giáo một, nơi này một ít, nơi kia một ít; và phước thay cho những ai biết nghe những lời giáo huấn của ta, và để tai nghe lời khuyên răn của ta, vì những kẻ đó sẽ học được sự khôn ngoan; vì kẻ nào tiếp nhận, ta sẽ ban thêm cho; còn kẻ nào bảo rằng: Chúng tôi đã có đủ, thì ta sẽ lấy lại, ngay cả những gì chúng đã có.
- 31 Đáng rửa sả thay cho kẻ đặt lòng tin cậy nơi loài người, hay lấy xác thịt làm cánh tay của mình, hay nghe theo những lời giáo huấn của loài người, trừ phi những lời giáo huấn đó được ban ra bởi quyền năng của Đức Thánh Linh.
- 32 Khốn thay cho Dân Ngoại, Đức Chúa Trời Muôn Quân phán vậy! Vì mặc dù ta sẽ đưa tay ra cho chúng, từ ngày này qua ngày khác, nhưng chúng vẫn chối bỏ ta; tuy nhiên, ta sẽ thương xót chúng, Đức Chúa Trời phán vậy, nếu chúng biết hối cải mà đến cùng ta; vì tay ta vẫn đưa ra suốt ngày, Đức Chúa Trời Muôn Quân phán vậy.

Yea, wo be unto him that saith: We have received, and we need no more!

And in fine, wo unto all those who tremble, and are angry because of the truth of God! For behold, he that is built upon the rock receiveth it with gladness; and he that is built upon a sandy foundation trembleth lest he shall fall.

Wo be unto him that shall say: We have received the word of God, and we need no more of the word of God, for we have enough!

For behold, thus saith the Lord God: I will give unto the children of men line upon line, precept upon precept, here a little and there a little; and blessed are those who hearken unto my precepts, and lend an ear unto my counsel, for they shall learn wisdom; for unto him that receiveth I will give more; and from them that shall say, We have enough, from them shall be taken away even that which they have.

Cursed is he that putteth his trust in man, or maketh flesh his arm, or shall hearken unto the precepts of men, save their precepts shall be given by the power of the Holy Ghost.

Wo be unto the Gentiles, saith the Lord God of Hosts! For notwithstanding I shall lengthen out mine arm unto them from day to day, they will deny me; nevertheless, I will be merciful unto them, saith the Lord God, if they will repent and come unto me; for mine arm is lengthened out all the day long, saith the Lord God of Hosts.

## 2 Nê Phi 29

- 1 Nhưng này, sẽ có nhiều người—vào ngày ấy là ngày mà ta sẽ tiến hành thực hiện một công việc lạ lùng giữa họ, ngõ hầu ta có thể nhớ lại những điều ta đã giao ước với con cái loài người, để ta đưa tay ra lần thứ hai mà cứu vớt dân ta, tức là những người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên;
- 2 Và hơn nữa, để ta có thể nhớ tới những điều ta đã hứa với người, Nê Phi, và luôn cả cha người nữa, ngõ hầu ta sẽ nhớ tới dòng dõi người; và những lời của dòng dõi người sẽ được nói ra từ miệng ta và truyền lại cho dòng dõi của người; và những lời của ta sẽ rít lên vang đến các nơi tận cùng của trái đất, như một cờ hiệu cho dân ta, tức là những người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên;
- 3 Và cũng vì lời của ta sẽ rít lên—nhiều Dân Ngoại sẽ reo lên: Kinh Thánh! Kinh Thánh! Chúng ta đã có một cuốn Kinh Thánh rồi, và chẳng còn cuốn Kinh Thánh nào khác nữa.
- 4 Nhưng Đức Chúa Trời phán rằng: Hỡi những kẻ ngu dại, họ sẽ có một cuốn Kinh Thánh; và nó sẽ xuất phát từ dân Do Thái, tức là dân giao ước lâu đời của ta. Và họ đã làm gì để trả ơn cho dân Do Thái về cuốn Kinh Thánh mà họ đã nhận được từ dân này? Phải, Dân Ngoại có ý gì? Họ có còn nhớ những sự vất vả, những sự lao nhọc, những khổ đau của người Do Thái, cùng sự chuyên tâm của họ đối với ta trong việc đem lại sự cứu rỗi cho người Dân Ngoại?
- 5 Hỡi Dân Ngoại, các người có nhớ đến dân Do Thái, là dân giao ước lâu đời của ta không? Không; nhưng các người đã nguyện rửa họ, đã ghét bỏ họ, và cũng không hề tìm cách phục hồi họ. Nhưng này, ta sẽ trút hết những sự việc đó lên đầu các người; vì ta là Chúa không hề quên dân ta.
- 6 Hỡi kẻ ngu dại là kẻ sẽ nói rằng: Kinh Thánh, chúng tôi đã có một cuốn Kinh Thánh rồi, và chúng tôi không cần cuốn Kinh Thánh nào khác nữa. Làm sao các người có được Kinh Thánh, nếu không phải là nhờ dân Do Thái?

## 2 Nephi 29

But behold, there shall be many—at that day when I shall proceed to do a marvelous work among them, that I may remember my covenants which I have made unto the children of men, that I may set my hand again the second time to recover my people, which are of the house of Israel;

And also, that I may remember the promises which I have made unto thee, Nephi, and also unto thy father, that I would remember your seed; and that the words of your seed should proceed forth out of my mouth unto your seed; and my words shall hiss forth unto the ends of the earth, for a standard unto my people, which are of the house of Israel;

And because my words shall hiss forth—many of the Gentiles shall say: A Bible! A Bible! We have got a Bible, and there cannot be any more Bible.

But thus saith the Lord God: O fools, they shall have a Bible; and it shall proceed forth from the Jews, mine ancient covenant people. And what thank they the Jews for the Bible which they receive from them? Yea, what do the Gentiles mean? Do they remember the travails, and the labors, and the pains of the Jews, and their diligence unto me, in bringing forth salvation unto the Gentiles?

O ye Gentiles, have ye remembered the Jews, mine ancient covenant people? Nay; but ye have cursed them, and have hated them, and have not sought to recover them. But behold, I will return all these things upon your own heads; for I the Lord have not forgotten my people.

Thou fool, that shall say: A Bible, we have got a Bible, and we need no more Bible. Have ye obtained a Bible save it were by the Jews?

7 Các người há không biết rằng ngoài dân này còn nhiều dân khác nữa hay sao? Các người há không biết rằng ta, Chúa, Thượng Đế của các người, đã sáng tạo ra tất cả loài người, và ta cũng không quên những người sống trên các hải đảo; và ta cai trị trên các tầng trời lẫn dưới đất; và ta ban trả những lời của ta cho con cái loài người, phải, cho tất cả các dân trên thế gian này hay sao?

8 Vậy sao các người còn ta thán, vì các người sẽ nhận thêm những lời của ta? Phải chăng các người không biết rằng, lời chứng của hai dân tộc là một bằng chứng cho các người thấy rằng, ta là Thượng Đế, và ta nhớ tới dân này như dân khác vậy? Vì thế, ta đã nói lên cùng một tiếng nói đối với dân này cũng như đối với dân kia. Và khi nào hai dân liên kết với nhau, thì lời chứng của hai dân cũng liên hợp với nhau.

9 Và sở dĩ ta làm vậy, là vì ta muốn chứng tỏ cho nhiều người thấy rằng, ta lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau; và ta ban truyền những lời nói của ta tùy theo ý thích riêng của ta. Và chẳng phải vì ta đã nói ra một lời, mà các người lại cho rằng ta sẽ không thể nói thêm lời nào khác nữa; vì việc làm của ta chưa chấm dứt; và việc làm ấy sẽ không chấm dứt trước ngày tận thế của loài người, và cũng không chấm dứt sau ngày ấy và mãi mãi về sau.

10 Vậy nên, chẳng phải vì các người đã có một cuốn Kinh Thánh, nên các người cho rằng, trong ấy có chứa đựng tất cả những lời của ta; và các người cũng chớ cho rằng ta sẽ không cho thêm điều gì khác để ghi chép nữa.

11 Vì ta truyền lệnh cho tất cả mọi người, bên đông cũng như bên tây, trên miền bắc lẫn dưới miền nam, và luôn cả trên các hải đảo, rằng họ sẽ phải viết lên những lời mà ta đã nói với họ; vì dựa theo những điều trong các sách sẽ được viết ra, thì ta sẽ phán xét thế gian, từng người một tùy theo những việc làm của họ, theo như những gì đã được ghi chép.

Know ye not that there are more nations than one? Know ye not that I, the Lord your God, have created all men, and that I remember those who are upon the isles of the sea; and that I rule in the heavens above and in the earth beneath; and I bring forth my word unto the children of men, yea, even upon all the nations of the earth?

Wherefore murmur ye, because that ye shall receive more of my word? Know ye not that the testimony of two nations is a witness unto you that I am God, that I remember one nation like unto another? Wherefore, I speak the same words unto one nation like unto another. And when the two nations shall run together the testimony of the two nations shall run together also.

And I do this that I may prove unto many that I am the same yesterday, today, and forever; and that I speak forth my words according to mine own pleasure. And because that I have spoken one word ye need not suppose that I cannot speak another; for my work is not yet finished; neither shall it be until the end of man, neither from that time henceforth and forever.

Wherefore, because that ye have a Bible ye need not suppose that it contains all my words; neither need ye suppose that I have not caused more to be written.

For I command all men, both in the east and in the west, and in the north, and in the south, and in the islands of the sea, that they shall write the words which I speak unto them; for out of the books which shall be written I will judge the world, every man according to their works, according to that which is written.

12 Vì này, ta sẽ nói với dân Do Thái, và họ sẽ ghi chép lại; và ta cũng nói với dân Nê Phi nữa, và họ sẽ chép lại; và ta cũng sẽ nói với những chi tộc khác của Gia Tộc Y Sơ Ra Ên, là những kẻ mà ta đã dẫn dắt đi khỏi, họ cũng sẽ ghi chép những lời ấy nữa; và ta còn nói với tất cả các dân khác trên thế gian, và họ sẽ ghi chép lại như vậy.

13 Và chuyện rằng, dân Do Thái sẽ có những lời của dân Nê Phi, và dân Nê Phi sẽ có những lời của dân Do Thái; và cả dân Nê Phi lẫn dân Do Thái sẽ có những lời của các chi tộc thất lạc của Y Sơ Ra Ên; và các chi tộc thất lạc của Y Sơ Ra Ên sẽ có những lời của dân Nê Phi và dân Do Thái.

14 Và chuyện rằng, dân ta tức là dân thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên sẽ quy tụ lại trên đất thừa hưởng của mình; và lúc đó lời nói của ta cũng sẽ gom lại thành một. Và ta sẽ tỏ cho những kẻ chống lại lời nói của ta, cùng chống lại dân của ta, tức là những người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên, biết rằng ta là Thượng Đế, và ta đã lập giao ước với Áp Ra Ham rằng ta sẽ nhớ đến dòng dõi của người mãi mãi.

For behold, I shall speak unto the Jews and they shall write it; and I shall also speak unto the Nephites and they shall write it; and I shall also speak unto the other tribes of the house of Israel, which I have led away, and they shall write it; and I shall also speak unto all nations of the earth and they shall write it.

And it shall come to pass that the Jews shall have the words of the Nephites, and the Nephites shall have the words of the Jews; and the Nephites and the Jews shall have the words of the lost tribes of Israel; and the lost tribes of Israel shall have the words of the Nephites and the Jews.

And it shall come to pass that my people, which are of the house of Israel, shall be gathered home unto the lands of their possessions; and my word also shall be gathered in one. And I will show unto them that fight against my word and against my people, who are of the house of Israel, that I am God, and that I covenanted with Abraham that I would remember his seed forever.

## 2 Nê Phi 30

- 1 Và giờ đây, này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi muốn nói với các người; vì tôi, Nê Phi, không muốn rằng, các người tự cho mình là những người ngay chính hơn Dân Ngoại sau này. Vì, này, nếu các người không biết tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế, thì tất cả các người cũng sẽ bị diệt vong. Và các người cũng đừng cho rằng, vì có những lời đã nói ra từ trước, mà Dân Ngoại sẽ bị tận diệt.
- 2 Vì này, tôi nói cho các người hay rằng tất cả những người Dân Ngoại nào biết hối cải đều sẽ là dân giao ước của Chúa; và tất cả những người dân Do Thái nào không biết hối cải sẽ bị khai trừ; vì Chúa không giao ước với ai, ngoại trừ những người biết hối cải và tin nơi Vị Nam Tử của Ngài, tức là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.
- 3 Và giờ đây, tôi xin nói một ít lời tiên tri về dân Do Thái và Dân Ngoại. Vì sau khi cuốn sách mà tôi đã nói sẽ xuất hiện và được viết ra cho người Dân Ngoại, và được niêm phong trở lại trong Chúa, thì lúc đó sẽ có nhiều người tin những lời đã được viết ra, và họ sẽ truyền đạt những lời ấy cho dòng dõi còn sót lại của chúng ta.
- 4 Và nhờ đó, dòng dõi còn sót lại của chúng ta sẽ hiểu biết về chúng ta, chúng sẽ hiểu được việc chúng ta rời bỏ Giê Ru Sa Lem như thế nào, và chúng là con cháu dân Do Thái.
- 5 Và phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô sẽ được truyền rao giữa chúng; vậy nên, chúng sẽ được phục hồi sự hiểu biết về tổ phụ của chúng, và luôn cả sự hiểu biết về Chúa Giê Su Ky Tô, chẳng khác chi tổ phụ ngày xưa của chúng đã hiểu biết về Ngài vậy.
- 6 Và rồi, chúng sẽ vô cùng hoan hỷ; vì chúng sẽ biết rằng đó là một phước lành cho chúng do bàn tay Thượng Đế ban ra; vầy bóng tối sẽ bắt đầu rơi ra khỏi mắt chúng; và nhiều thế hệ chưa qua đi nhưng chúng đã trở thành một dân tộc thanh khiết và dễ thương rồi.
- 7 Và chuyện rằng, những người dân Do Thái bị phân tán cũng sẽ bắt đầu tin nơi Đấng Ky Tô, họ sẽ khởi sự trở về quy tụ trong xứ; và những ai tin Đấng Ky Tô đều cũng trở thành một dân tộc dễ thương cả.

## 2 Nephi 30

And now behold, my beloved brethren, I would speak unto you; for I, Nephi, would not suffer that ye should suppose that ye are more righteous than the Gentiles shall be. For behold, except ye shall keep the commandments of God ye shall all likewise perish; and because of the words which have been spoken ye need not suppose that the Gentiles are utterly destroyed.

For behold, I say unto you that as many of the Gentiles as will repent are the covenant people of the Lord; and as many of the Jews as will not repent shall be cast off; for the Lord covenanteth with none save it be with them that repent and believe in his Son, who is the Holy One of Israel.

And now, I would prophesy somewhat more concerning the Jews and the Gentiles. For after the book of which I have spoken shall come forth, and be written unto the Gentiles, and sealed up again unto the Lord, there shall be many which shall believe the words which are written; and they shall carry them forth unto the remnant of our seed.

And then shall the remnant of our seed know concerning us, how that we came out from Jerusalem, and that they are descendants of the Jews.

And the gospel of Jesus Christ shall be declared among them; wherefore, they shall be restored unto the knowledge of their fathers, and also to the knowledge of Jesus Christ, which was had among their fathers.

And then shall they rejoice; for they shall know that it is a blessing unto them from the hand of God; and their scales of darkness shall begin to fall from their eyes; and many generations shall not pass away among them, save they shall be a pure and a delightsome people.

And it shall come to pass that the Jews which are scattered also shall begin to believe in Christ; and they shall begin to gather in upon the face of the land; and as many as shall believe in Christ shall also become a delightsome people.



- 8 Và chuyện rằng, Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu công việc của Ngài giữa tất cả các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc để phục hồi dân của Ngài trên thế gian này.
- 9 Đức Chúa Trời sẽ dùng sự ngay chính xét đoán kẻ nghèo, và xử lý công bình cho những kẻ nhu mì trên thế gian. Ngài sẽ đánh thế gian bằng cái gậy của miệng mình, và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ ác.
- 10 Vì sẽ chóng đến lúc mà Đức Chúa Trời sẽ gây một sự phân chia lớn lao trong quần chúng, và Ngài sẽ hủy diệt kẻ ác; nhưng Ngài sẽ thương tiếc dân của Ngài, phải, dù Ngài có phải dùng lửa để diệt trừ kẻ ác.
- 11 Và sự ngay chính sẽ làm dây thắt lưng của Ngài, và sự thành tín sẽ làm dây ràng hông của Ngài.
- 12 Và rồi, sói sẽ ở chung với chiên con, beo sẽ nằm chung với dê con; và bò con, sư tử con, và bò mập sẽ ở chung với nhau, và một trẻ nhỏ sẽ dắt chúng đi.
- 13 Bò cái sẽ ăn với gấu; đàn con nhỏ của chúng sẽ nằm chung; sư tử sẽ ăn rơm khô như bò.
- 14 Và trẻ con còn bú sẽ nô đùa trên hang rắn hổ mang, và trẻ con thôi bú sẽ thò tay vào hang rắn lục.
- 15 Chúng sẽ không còn làm hại ai hay hủy diệt ai trong cả núi thánh của ta; vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết về Chúa, như các dòng nước đầy ngập biển khơi vậy.
- 16 Vậy nên, những sự việc của tất cả các quốc gia sẽ được tiết lộ; phải, tất cả mọi sự việc sẽ được tiết lộ cho con cái loài người biết.
- 17 Không có một điều gì bí ẩn cả, vì mọi điều sẽ được tiết lộ; không có một việc gì trong bóng tối, vì mọi việc sẽ được phơi bày ra ánh sáng; và không có một điều gì bị niêm kín trên thế gian này, vì mọi điều sẽ được cởi mở.
- 18 Vậy nên, tất cả những sự việc gì đã được tiết lộ cho con cái loài người biết, thì đến ngày đó sẽ được tiết lộ; và Sa Tan sẽ không còn quyền hành gì đối với trái tim con cái loài người nữa suốt một thời gian lâu dài. Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi xin chấm dứt những lời của tôi ở đây.

And it shall come to pass that the Lord God shall commence his work among all nations, kindreds, tongues, and people, to bring about the restoration of his people upon the earth.

And with righteousness shall the Lord God judge the poor, and reprove with equity for the meek of the earth. And he shall smite the earth with the rod of his mouth; and with the breath of his lips shall he slay the wicked.

For the time speedily cometh that the Lord God shall cause a great division among the people, and the wicked will he destroy; and he will spare his people, yea, even if it so be that he must destroy the wicked by fire.

And righteousness shall be the girdle of his loins, and faithfulness the girdle of his reins.

And then shall the wolf dwell with the lamb; and the leopard shall lie down with the kid, and the calf, and the young lion, and the fatling, together; and a little child shall lead them.

And the cow and the bear shall feed; their young ones shall lie down together; and the lion shall eat straw like the ox.

And the sucking child shall play on the hole of the asp, and the weaned child shall put his hand on the cockatrice's den.

They shall not hurt nor destroy in all my holy mountain; for the earth shall be full of the knowledge of the Lord as the waters cover the sea.

Wherefore, the things of all nations shall be made known; yea, all things shall be made known unto the children of men.

There is nothing which is secret save it shall be revealed; there is no work of darkness save it shall be made manifest in the light; and there is nothing which is sealed upon the earth save it shall be loosed.

Wherefore, all things which have been revealed unto the children of men shall at that day be revealed; and Satan shall have power over the hearts of the children of men no more, for a long time. And now, my beloved brethren, I make an end of my sayings.

## 2 Nê Phi 31

- 1 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi, Nê Phi, xin chấm dứt những lời tiên tri của tôi. Và tôi chỉ có thể viết ra một ít điều mà thôi, đó là những điều tôi biết chắc chắn sẽ xảy ra sau này; và tôi cũng chỉ chép lại một ít lời của em tôi là Gia Cốp.
- 2 Vậy nên, những điều tôi đã viết ra tôi thấy cũng đủ rồi, ngoại trừ một ít lời mà tôi cần phải nói về giáo lý của Đấng Ky Tô; vậy nên, tôi sẽ nói với các người một cách minh bạch, dựa theo sự minh bạch của các điều tiên tri của tôi.
- 3 Vì tâm hồn tôi vui thích sự minh bạch; vì theo cách thức đó mà Đức Chúa Trời làm việc giữa con cái loài người. Vì Đức Chúa Trời ban sự sáng để họ hiểu biết; vì Ngài nói với loài người theo ngôn ngữ của họ, để họ có thể hiểu được.
- 4 Vậy nên, tôi mong các người hãy ghi nhớ những lời tôi đã nói với các người về vị tiên tri mà tôi đã được Chúa cho thấy; vị ấy sẽ làm phép báp têm cho Chiên Con của Thượng Đế, là Đấng sẽ cất bỏ tội lỗi của thế gian.
- 5 Và này, nếu Chiên Con của Thượng Đế, Ngài là Đấng thánh, mà cũng cần phải chịu phép báp têm bằng nước để làm tròn mọi sự ngay chính, ôi, vậy thì chúng ta, những kẻ không thánh thiện, lại càng cần được báp têm bằng nước lấm thay!
- 6 Và này, tôi muốn hỏi các người, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, bởi đâu Chiên Con của Thượng Đế làm tròn mọi sự ngay chính trong việc chịu phép báp têm bằng nước?
- 7 Các người há không biết rằng Ngài là Đấng thánh sao? Dù Ngài thánh thiện Ngài vẫn chứng tỏ cho con cái loài người biết rằng, theo thể cách xác thật Ngài cũng phải hạ mình trước mặt Đức Chúa Cha, và chứng tỏ cho Đức Chúa Cha thấy rằng, Ngài vâng lời và tuân giữ những lệnh truyền của Đức Chúa Cha.
- 8 Vậy nên, sau khi Ngài chịu phép báp têm bằng nước xong, Đức Thánh Linh liền giáng xuống trên Ngài trong hình dạng một con chim bồ câu.
- 9 Và lại nữa, điều đó còn tỏ cho con cái loài người biết rằng đó là con đường chật và cống hẹp mà họ phải đi vào, và chính Ngài đã nêu gương cho họ.

## 2 Nephi 31

And now I, Nephi, make an end of my prophesying unto you, my beloved brethren. And I cannot write but a few things, which I know must surely come to pass; neither can I write but a few of the words of my brother Jacob.

Wherefore, the things which I have written sufficeth me, save it be a few words which I must speak concerning the doctrine of Christ; wherefore, I shall speak unto you plainly, according to the plainness of my prophesying.

For my soul delighteth in plainness; for after this manner doth the Lord God work among the children of men. For the Lord God giveth light unto the understanding; for he speaketh unto men according to their language, unto their understanding.

Wherefore, I would that ye should remember that I have spoken unto you concerning that prophet which the Lord showed unto me, that should baptize the Lamb of God, which should take away the sins of the world.

And now, if the Lamb of God, he being holy, should have need to be baptized by water, to fulfil all righteousness, O then, how much more need have we, being unholy, to be baptized, yea, even by water!

And now, I would ask of you, my beloved brethren, wherein the Lamb of God did fulfil all righteousness in being baptized by water?

Know ye not that he was holy? But notwithstanding he being holy, he showeth unto the children of men that, according to the flesh he humbled himself before the Father, and witnesseth unto the Father that he would be obedient unto him in keeping his commandments.

Wherefore, after he was baptized with water the Holy Ghost descended upon him in the form of a dove.

And again, it showeth unto the children of men the straitness of the path, and the narrowness of the gate, by which they should enter, he having set the example before them.

- 10 Và Ngài đã phán với con cái loài người rằng: Các người hãy theo ta. Vậy nên, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, chúng ta có thể đi theo Chúa Giê Su được chăng, trừ phi chúng ta sẵn lòng tuân giữ các lệnh truyền của Đức Chúa Cha?
- 11 Và Đức Chúa Cha có phán rằng: Các người hãy hối cải, các người hãy hối cải, và hãy chịu phép báp têm trong danh Con Trai Yêu Dấu của ta.
- 12 Và tiếng nói của Đức Chúa Con cũng đến với tôi mà rằng: Kẻ nào chịu phép báp têm trong danh ta thì sẽ được Đức Chúa Cha ban cho Đức Thánh Linh, như Ngài đã ban cho ta vậy; vậy nên, hãy theo ta, và hãy làm những việc mà người thấy ta làm.
- 13 Vậy nên, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi biết rằng, nếu các người noi theo Đức Chúa Con một cách hết lòng, không hành động giả nghĩa và lừa dối trước mặt Thượng Đế, mà thực tâm hối cải tội lỗi của mình, và chứng tỏ cho Đức Chúa Cha thấy rằng, các người sẵn lòng muốn được mang danh Đấng Ky Tô bằng cách chịu phép báp têm—phải, bằng cách noi theo Chúa và Đấng Cứu Rỗi của các người, mà bước xuống nước, đúng theo lời phán dạy của Ngài, này, kể đó các người sẽ nhận được Đức Thánh Linh; phải, và rồi các người sẽ được báp têm bằng lửa và bằng Đức Thánh Linh; và thế rồi, các người có thể nói bằng ngôn ngữ của các thiên thần, và reo to lên lời tán mỹ Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên.
- 14 Nhưng này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, lời Đức Chúa Con lại đến với tôi mà rằng: Sau khi các người đã hối cải các tội lỗi của mình, và chứng tỏ cho Đức Chúa Cha thấy rằng, các người sẵn lòng tuân giữ các lệnh truyền của ta, bằng cách chịu phép báp têm bằng nước, và đã nhận được phép báp têm bằng lửa và bằng Đức Thánh Linh, và có thể nói bằng ngôn ngữ mới, phải, là ngôn ngữ của các thiên thần, mà lại chối bỏ ta, thì thà trước kia các người đừng biết đến ta.
- 15 Và tôi lại nghe tiếng nói của Đức Chúa Cha, rằng: Phải, lời nói của Con Yêu Dấu của ta đúng và trung thực. Kẻ nào kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu.
- 16 Và này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, do đó mà tôi biết được rằng, nếu loài người không kiên trì đến cùng bằng cách noi gương Vị Nam Tử của Thượng Đế hằng sống, thì kẻ đó không thể được cứu.

And he said unto the children of men: Follow thou me. Wherefore, my beloved brethren, can we follow Jesus save we shall be willing to keep the commandments of the Father?

And the Father said: Repent ye, repent ye, and be baptized in the name of my Beloved Son.

And also, the voice of the Son came unto me, saying: He that is baptized in my name, to him will the Father give the Holy Ghost, like unto me; wherefore, follow me, and do the things which ye have seen me do.

Wherefore, my beloved brethren, I know that if ye shall follow the Son, with full purpose of heart, acting no hypocrisy and no deception before God, but with real intent, repenting of your sins, witnessing unto the Father that ye are willing to take upon you the name of Christ, by baptism—yea, by following your Lord and your Savior down into the water, according to his word, behold, then shall ye receive the Holy Ghost; yea, then cometh the baptism of fire and of the Holy Ghost; and then can ye speak with the tongue of angels, and shout praises unto the Holy One of Israel.

But, behold, my beloved brethren, thus came the voice of the Son unto me, saying: After ye have repented of your sins, and witnessed unto the Father that ye are willing to keep my commandments, by the baptism of water, and have received the baptism of fire and of the Holy Ghost, and can speak with a new tongue, yea, even with the tongue of angels, and after this should deny me, it would have been better for you that ye had not known me.

And I heard a voice from the Father, saying: Yea, the words of my Beloved are true and faithful. He that endureth to the end, the same shall be saved.

And now, my beloved brethren, I know by this that unless a man shall endure to the end, in following the example of the Son of the living God, he cannot be saved.

17 Vậy nên, hãy làm những việc mà tôi đã nói với các người là tôi đã thấy rằng Chúa, Đấng Cứu Chuộc của các người sẽ phải làm; chính vì lý do đó mà tôi đã được cho thấy những điều ấy, để các người biết mình phải đi vào bằng cổng nào. Vì cổng mà các người phải đi vào tức là sự hối cải và phép báp têm bằng nước vậy; và tiếp đó là sự xá miễn các tội lỗi của các người bằng lửa và Đức Thánh Linh.

18 Và rồi, các người sẽ được ở trong con đường chật và hẹp ấy, tức là con đường dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu; phải, các người đã đi vào bằng lối cổng; các người đã làm theo những lệnh truyền của Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con; và các người đã tiếp nhận Đức Thánh Linh là Đấng làm chứng cho Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, để cho lời hứa của Ngài được thực hiện, rằng nếu các người đi vào bằng con đường đó, thì các người ấy sẽ nhận được.

19 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi xin hỏi các người rằng, sau khi các người đã đi vào con đường chật và hẹp ấy rồi, như vậy có thể gọi là xong được chưa? Nay, tôi nói cho các người hay: Chưa; vì các người đã không đến đó được nếu không nhờ lời của Đấng Ky Tô và với một đức tin nơi Ngài không bị lay chuyển và sự trông cậy hoàn toàn vào những công nghiệp của Đấng có quyền năng cứu rỗi.

20 Vậy nên, các người phải tiến tới với một sự trì chí trong Đấng Ky Tô, với một niềm hy vọng hết sức xán lạn, và với tình yêu thương Thượng Đế và mọi người. Vậy nên, nếu các người tiến tới, nuôi dưỡng lời của Đấng Ky Tô, và kiên trì đến cùng, này, Đức Chúa Cha có phán rằng: Các người sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu.

21 Và giờ đây, này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, đây là con đường; và ngoài ra không còn con đường hay danh hiệu nào khác được ban ra dưới gầm trời này mà nhờ đó loài người được cứu vào vương quốc của Thượng Đế. Và giờ đây, này đây là giáo lý của Đấng Ky Tô, và đây là giáo lý duy nhất và trung thực của Đức Chúa Cha, và của Đức Chúa Con, và của Đức Thánh Linh, và cả ba là một Thượng Đế bất tận. Amen.

Wherefore, do the things which I have told you I have seen that your Lord and your Redeemer should do; for, for this cause have they been shown unto me, that ye might know the gate by which ye should enter. For the gate by which ye should enter is repentance and baptism by water; and then cometh a remission of your sins by fire and by the Holy Ghost.

And then are ye in this strait and narrow path which leads to eternal life; yea, ye have entered in by the gate; ye have done according to the commandments of the Father and the Son; and ye have received the Holy Ghost, which witnesses of the Father and the Son, unto the fulfilling of the promise which he hath made, that if ye entered in by the way ye should receive.

And now, my beloved brethren, after ye have gotten into this strait and narrow path, I would ask if all is done? Behold, I say unto you, Nay; for ye have not come thus far save it were by the word of Christ with unshaken faith in him, relying wholly upon the merits of him who is mighty to save.

Wherefore, ye must press forward with a steadfastness in Christ, having a perfect brightness of hope, and a love of God and of all men. Wherefore, if ye shall press forward, feasting upon the word of Christ, and endure to the end, behold, thus saith the Father: Ye shall have eternal life.

And now, behold, my beloved brethren, this is the way; and there is none other way nor name given under heaven whereby man can be saved in the kingdom of God. And now, behold, this is the doctrine of Christ, and the only and true doctrine of the Father, and of the Son, and of the Holy Ghost, which is one God, without end. Amen.

## 2 Nê Phi 32

- 1 Và giờ đây, này, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi nghĩ rằng trong lòng các người có một phần nào suy tư về những việc mà các người phải nên làm sau khi các người đi vào bằng đường lối ấy. Nhưng, này, tại sao các người lại suy tư những điều đó trong lòng như vậy?
- 2 Phải chăng các người không nhớ rằng, tôi đã từng nói với các người là một khi các người thụ nhận Đức Thánh Linh rồi, các người có thể nói được ngôn ngữ của các thiên thần hay sao? Và này, làm sao các người có thể nói được ngôn ngữ của các thiên thần nếu không nhờ bởi Đức Thánh Linh?
- 3 Các thiên thần nói bằng quyền năng của Đức Thánh Linh; vậy nên, các vị ấy nói lên những lời của Đấng Ky Tô. Vậy nên, tôi nói cho các người hay rằng, các người hãy nuôi dưỡng những lời nói của Đấng Ky Tô; vì này, những lời nói của Đấng Ky Tô sẽ cho các người biết tất cả những gì các người phải làm.
- 4 Vậy nên, giờ đây sau khi tôi đã nói hết những lời này mà các người không thể hiểu được là vì các người không cầu xin và cũng không gõ cửa; vậy nên, các người không được đem ra ánh sáng, mà phải chết trong bóng tối.
- 5 Vì này, một lần nữa, tôi nói cho các người hay rằng, nếu các người đi vào bằng đường lối ấy, và nhận được Đức Thánh Linh thì Ngài sẽ chỉ dẫn cho các người tất cả mọi việc các người phải nên làm.
- 6 Này, đây là giáo lý của Đấng Ky Tô, và sẽ chẳng có giáo lý nào khác nữa được ban ra cho đến ngày Ngài sẽ tự biểu hiện cho các người thấy trong xác thịt. Và khi nào Ngài tự biểu hiện cho các người thấy trong xác thịt, thì những điều gì Ngài sẽ nói với các người, các người hãy cố tuân hành.
- 7 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, không thể nói thêm gì nữa; Thánh Linh đã chặn lời nói của tôi, và tôi bị bỏ mặc mà than khóc vì sự vô tín ngưỡng, vì lòng dạ độc ác, vì sự ngu muội và sự cứng cổ của loài người; vì họ không chịu tìm kiếm kiến thức, cũng không hiểu được những kiến thức lớn lao, khi những kiến thức ấy được đem ban bố cho họ một cách minh bạch, minh bạch như lời nói vậy.

## 2 Nephi 32

And now, behold, my beloved brethren, I suppose that ye ponder somewhat in your hearts concerning that which ye should do after ye have entered in by the way. But, behold, why do ye ponder these things in your hearts?

Do ye not remember that I said unto you that after ye had received the Holy Ghost ye could speak with the tongue of angels? And now, how could ye speak with the tongue of angels save it were by the Holy Ghost?

Angels speak by the power of the Holy Ghost; wherefore, they speak the words of Christ. Wherefore, I said unto you, feast upon the words of Christ; for behold, the words of Christ will tell you all things what ye should do.

Wherefore, now after I have spoken these words, if ye cannot understand them it will be because ye ask not, neither do ye knock; wherefore, ye are not brought into the light, but must perish in the dark.

For behold, again I say unto you that if ye will enter in by the way, and receive the Holy Ghost, it will show unto you all things what ye should do.

Behold, this is the doctrine of Christ, and there will be no more doctrine given until after he shall manifest himself unto you in the flesh. And when he shall manifest himself unto you in the flesh, the things which he shall say unto you shall ye observe to do.

And now I, Nephi, cannot say more; the Spirit stoppeth mine utterance, and I am left to mourn because of the unbelief, and the wickedness, and the ignorance, and the stiffneckedness of men; for they will not search knowledge, nor understand great knowledge, when it is given unto them in plainness, even as plain as word can be.

8 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi nhận thấy rằng, các người vẫn còn suy tư trong lòng; và tôi lấy làm phiền não khi phải nói ra điều này. Vì nếu các người nghe theo Thánh Linh, là Đấng dạy loài người cầu nguyện, thì các người ắt đã biết rằng mình phải cầu nguyện; vì quỷ dữ không dạy loài người cầu nguyện mà chỉ dạy loài người đừng cầu nguyện.

9 Nhưng này, tôi nói cho các người hay rằng các người phải cầu nguyện luôn luôn, và đừng chán nản; đừng bao giờ làm bất cứ một công việc gì trong Chúa trừ phi trước nhất các người phải cầu nguyện lên Đức Chúa Cha trong danh Đấng Ky Tô, để Ngài sẽ thánh hóa việc làm của các người cho chính các người, ngõ hầu việc làm của các người có thể giúp ích cho sự an lạc của tâm hồn các người.

And now, my beloved brethren, I perceive that ye ponder still in your hearts; and it grieveth me that I must speak concerning this thing. For if ye would hearken unto the Spirit which teacheth a man to pray, ye would know that ye must pray; for the evil spirit teacheth not a man to pray, but teacheth him that he must not pray.

But behold, I say unto you that ye must pray always, and not faint; that ye must not perform any thing unto the Lord save in the first place ye shall pray unto the Father in the name of Christ, that he will consecrate thy performance unto thee, that thy performance may be for the welfare of thy soul.

## 2 Nê Phi 33

- 1 Và giờ đây, tôi, Nê Phi, không thể viết hết những gì đã được giảng dạy trong dân tôi; vả lại tôi cũng không được hùng hồn trong văn chương bằng trong lời nói; vì khi một người nói lên nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh thì quyền năng của Đức Thánh Linh sẽ truyền những lời ấy đến tâm hồn con cái loài người.
- 2 Nhưng này, có nhiều người chai đá trong lòng chống lại Đức Thánh Linh, khiến cho Ngài không còn chỗ đứng trong họ; vậy nên họ đã vứt bỏ nhiều điều đã được ghi chép và coi những điều ấy là hư không.
- 3 Nhưng tôi, Nê Phi, đã viết ra những điều mà tôi đã viết, và tôi xem điều đó có giá trị lớn lao, nhất là đối với dân tôi. Vì tôi cầu nguyện cho họ không ngừng vào lúc ban ngày, và ban đêm thì nước mắt tôi đầm ướt gối cũng vì họ; và tôi chân thành khẩn cầu Thượng Đế của tôi với đức tin, và tôi biết rằng Ngài sẽ nghe lời cầu khẩn của tôi.
- 4 Và tôi biết rằng, Đức Chúa Trời sẽ thánh hóa những lời cầu nguyện của tôi vì lợi ích cho dân tôi. Và những lời mà tôi đã viết ra trong sự yếu kém của tôi sẽ được Ngài biến thành mạnh mẽ trong lòng họ; vì những lời ấy sẽ thuyết phục họ làm điều tốt; những lời ấy sẽ làm cho họ nhận biết tổ phụ họ; những lời ấy nói về Chúa Giê Su, và thuyết phục họ tin nơi Ngài cùng kiên trì đến cùng, đó tức là cuộc sống vĩnh cửu vậy.
- 5 Và những lời ấy lên án gay gắt các tội lỗi, dựa trên sự minh bạch của lẽ thật; vậy nên, chẳng có người nào tức giận về những lời tôi đã viết ra, ngoại trừ những kẻ có linh hồn của quỷ dữ.
- 6 Tôi hãnh diện trong sự minh bạch; tôi hãnh diện trong lẽ thật; tôi hãnh diện trong Chúa Giê Su của tôi, vì Ngài đã cứu chuộc linh hồn tôi ra khỏi ngục giới.
- 7 Tôi có lòng bác ái đối với dân tôi, và có một đức tin lớn lao nơi Đấng Ky Tô rằng tôi sẽ gặp được nhiều người không tì vết trước ghế phán xét của Ngài.
- 8 Tôi có lòng bác ái đối với người Do Thái—tôi nói người Do Thái, vì tôi muốn nói đến nơi xuất phát của tôi.

## 2 Nephi 33

And now I, Nephi, cannot write all the things which were taught among my people; neither am I mighty in writing, like unto speaking; for when a man speaketh by the power of the Holy Ghost the power of the Holy Ghost carrieth it unto the hearts of the children of men.

But behold, there are many that harden their hearts against the Holy Spirit, that it hath no place in them; wherefore, they cast many things away which are written and esteem them as things of naught.

But I, Nephi, have written what I have written, and I esteem it as of great worth, and especially unto my people. For I pray continually for them by day, and mine eyes water my pillow by night, because of them; and I cry unto my God in faith, and I know that he will hear my cry.

And I know that the Lord God will consecrate my prayers for the gain of my people. And the words which I have written in weakness will be made strong unto them; for it persuadeth them to do good; it maketh known unto them of their fathers; and it speaketh of Jesus, and persuadeth them to believe in him, and to endure to the end, which is life eternal.

And it speaketh harshly against sin, according to the plainness of the truth; wherefore, no man will be angry at the words which I have written save he shall be of the spirit of the devil.

I glory in plainness; I glory in truth; I glory in my Jesus, for he hath redeemed my soul from hell.

I have charity for my people, and great faith in Christ that I shall meet many souls spotless at his judgment-seat.

I have charity for the Jew—I say Jew, because I mean them from whence I came.

9 Tôi cũng có lòng bác ái đối với những người Dân Ngoại. Nhưng này, tôi không có hy vọng gì ở họ hết, trừ phi họ sẽ được hòa hiệp với Đấng Ky Tô, và đi vào cổng hẹp, bước đi trong con đường chật là con đường dẫn đến sự sống, và tiếp tục đi trong con đường ấy cho đến hết ngày thử thách.

10 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, và luôn cả những người Do Thái, cùng hết thảy mọi người ở các nơi tận cùng của trái đất, hãy nghe theo những lời này và hãy tin Đấng Ky Tô; và nếu các người không tin những lời này, thì hãy tin Đấng Ky Tô. Và nếu các người tin Đấng Ky Tô thì các người sẽ tin những lời này, vì đây là những lời của Đấng Ky Tô, và Ngài đã ban những lời này cho tôi; và những lời này dạy tất cả mọi người phải nên làm điều thiện.

11 Và nếu những lời này không phải là những lời của Đấng Ky Tô, thì các người hãy xét đi—vì Đấng Ky Tô sẽ chỉ cho các người thấy, vào ngày sau cùng, với quyền năng và vinh quang lớn lao, rằng đây chính là những lời của Ngài; và các người sẽ cùng tôi đứng đối diện trước rào phán xét của Ngài; và lúc đó các người sẽ biết rằng, tôi đã được Ngài truyền lệnh phải viết ra những điều này mà không quản ngại đến sự yếu kém của chính tôi.

12 Và tôi cầu nguyện lên Đức Chúa Cha trong danh Đấng Ky Tô cho đa số chúng ta, nếu không dám nói là cho tất cả mọi người, được cứu vào vương quốc của Ngài trong ngày trọng đại cuối cùng ấy.

13 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, hỡi tất cả những người trong gia tộc Y Sơ Ra Ên, và hỡi tất cả mọi người ở các nơi tận cùng của trái đất, tôi nói với các người đây chẳng khác chi tiếng kêu gào của một người từ bụi đất: Xin từ biệt cho đến khi nào ngày trọng đại ấy đến.

14 Còn các người là những kẻ không muốn chia sẻ lòng nhân từ của Thượng Đế, và không muốn tôn trọng những lời của dân Do Thái, và luôn cả những lời của tôi và những lời sẽ phát ra từ miệng của Chiên Con của Thượng Đế, này, tôi xin chào vĩnh biệt các người, vì những lời này sẽ kết tội các người vào ngày sau cùng.

15 Vì những gì tôi niêm phong trên thế gian, sẽ được đem ra để chống lại các người trước rào phán xét; vì Chúa đã truyền lệnh cho tôi như vậy, và tôi phải tuân theo. A Men.

I also have charity for the Gentiles. But behold, for none of these can I hope except they shall be reconciled unto Christ, and enter into the narrow gate, and walk in the strait path which leads to life, and continue in the path until the end of the day of probation.

And now, my beloved brethren, and also Jew, and all ye ends of the earth, hearken unto these words and believe in Christ; and if ye believe not in these words believe in Christ. And if ye shall believe in Christ ye will believe in these words, for they are the words of Christ, and he hath given them unto me; and they teach all men that they should do good.

And if they are not the words of Christ, judge ye—for Christ will show unto you, with power and great glory, that they are his words, at the last day; and you and I shall stand face to face before his bar; and ye shall know that I have been commanded of him to write these things, notwithstanding my weakness.

And I pray the Father in the name of Christ that many of us, if not all, may be saved in his kingdom at that great and last day.

And now, my beloved brethren, all those who are of the house of Israel, and all ye ends of the earth, I speak unto you as the voice of one crying from the dust: Farewell until that great day shall come.

And you that will not partake of the goodness of God, and respect the words of the Jews, and also my words, and the words which shall proceed forth out of the mouth of the Lamb of God, behold, I bid you an everlasting farewell, for these words shall condemn you at the last day.

For what I seal on earth, shall be brought against you at the judgment bar; for thus hath the Lord commanded me, and I must obey. Amen.



# Sách Gia Cốp

## Em Trai của Nê Phi

Những lời ông thuyết giảng cho đồng bào của ông. Ông làm đui lý một người muốn tìm cách khuynh đảo giáo lý của Đấng Ky Tô. Vài lời liên quan tới lịch sử dân của Nê Phi.

### Gia Cốp 1

- 1 Vì này, chuyện rằng, năm mươi lăm năm đã trôi qua, kể từ ngày Lê Hi rời khỏi Giê Ru Sa Lem; vậy nên, Nê Phi đã cho tôi là Gia Cốp một lệnh truyền về các bảng khắc nhỏ, trên ấy có ghi khắc những điều này.
- 2 Anh tôi còn dặn bảo tôi, Gia Cốp, phải ghi chép trên những bảng khắc này một ít điều mà tôi xem là quý báu nhất, và tôi chỉ nên đề cập một chút ít về lịch sử của dân này, mà được gọi là dân Nê Phi.
- 3 Vì anh tôi bảo rằng, lịch sử dân của anh nên được ghi khắc trên những bảng khắc khác của anh, và tôi có bốn phận phải bảo tồn những bảng khắc này để lưu truyền lại cho dòng dõi tôi, từ thế hệ này đến thế hệ khác.
- 4 Và nếu có điều giảng dạy nào thiêng liêng, hay sự mặc khải nào vĩ đại, hoặc những lời tiên tri, thì tôi phải ghi khắc những đề mục của các điều ấy trên những bảng khắc này, và tôi phải đề cập đến những điều đó càng nhiều càng tốt, vì lợi ích của Đấng Ky Tô và cũng vì lợi ích cho dân của chúng tôi nữa.
- 5 Vì bởi đức tin và lòng lo lắng sâu xa của chúng tôi, nên những điều gì sẽ xảy đến cho dân của chúng tôi đều thật sự được biểu hiện cho chúng tôi biết.
- 6 Và chúng tôi cũng đã có được nhiều điều mặc khải và tinh thần tiên tri nhiều điều; vậy nên, chúng tôi biết về Đấng Ky Tô và vương quốc của Ngài là điều sẽ đến.

# The Book of Jacob

## the Brother of Nephi

The words of his preaching unto his brethren. He confoundeth a man who seeketh to overthrow the doctrine of Christ. A few words concerning the history of the people of Nephi.

### Jacob 1

For behold, it came to pass that fifty and five years had passed away from the time that Lehi left Jerusalem; wherefore, Nephi gave me, Jacob, a commandment concerning the small plates, upon which these things are engraven.

And he gave me, Jacob, a commandment that I should write upon these plates a few of the things which I considered to be most precious; that I should not touch, save it were lightly, concerning the history of this people which are called the people of Nephi.

For he said that the history of his people should be engraven upon his other plates, and that I should preserve these plates and hand them down unto my seed, from generation to generation.

And if there were preaching which was sacred, or revelation which was great, or prophesying, that I should engraven the heads of them upon these plates, and touch upon them as much as it were possible, for Christ's sake, and for the sake of our people.

For because of faith and great anxiety, it truly had been made manifest unto us concerning our people, what things should happen unto them.

And we also had many revelations, and the spirit of much prophecy; wherefore, we knew of Christ and his kingdom, which should come.

- 7 Vậy nên chúng tôi đã làm việc một cách cần mẫn giữa đám dân của chúng tôi để thuyết phục họ đến cùng Đấng Kỳ Tô, và chia sẻ lòng nhân từ của Thượng Đế ngõ hầu họ có thể bước vào chốn an nghỉ của Ngài, vì sợ rằng bởi một nguyên nhân nào đó, Ngài sẽ nổi cơn thịnh nộ mà thề rằng, họ sẽ không được bước vào chốn ấy, giống như trong sự khiêu khích xảy ra vào những ngày cám dỗ khi con cái của Y Sơ Ra Ên đang còn ở trong vùng hoang dã.
- 8 Vậy nên, chúng tôi cầu xin Thượng Đế là chúng tôi có thể thuyết phục được mọi người chớ nên phản nghịch Thượng Đế và khiêu khích Ngài nổi cơn thịnh nộ, nhưng trái lại mọi người phải tin Đấng Kỳ Tô, suy ngẫm về cái chết của Ngài, vác thập tự giá của Ngài và gánh lấy sự hổ thẹn của thế gian; vậy nên, tôi, Gia Cốp, có bốn phận phải làm tròn lời dặn bảo của anh tôi là Nê Phi.
- 9 Giờ đây, Nê Phi đã bắt đầu già nua, và ông thấy mình đã sắp đến ngày từ giã cõi đời; vậy nên, ông xúc dầu cho một người làm vua và làm người cai trị dân ông, theo triều đại các vua.
- 10 Dân chúng hết lòng yêu mến Nê Phi, vì ông là một người bảo vệ đắc lực cho họ, ông đã sử dụng gươm của La Ban để bảo vệ họ, và đã lao nhọc suốt đời mình vì sự an lạc của họ—
- 11 Vậy nên, dân chúng muốn giữ lấy tên ông để tưởng niệm ông. Và người nào kế vị ông đều được dân chúng gọi là Nê Phi Đệ Nhị, Nê Phi Đệ Tam, vân vân, theo triều đại các vua và họ đã được dân gọi như vậy mặc dù họ có tên riêng gì đi nữa.
- 12 Và chuyện rằng, Nê Phi từ trần.
- 13 Lúc bấy giờ, những sắc dân nào không phải là dân La Man đều được gọi là dân Nê Phi; tuy nhiên, họ còn được gọi là dân Nê Phi, dân Gia Cốp, dân Giô Sép, dân Giô Ram, dân La Man, dân Lê Mu Ên, và dân Ích Ma Ên.
- 14 Nhưng, tôi, Gia Cốp, từ nay sẽ không phân biệt họ bằng những tên đó, mà tôi sẽ gọi tất cả những kẻ nào tìm cách hủy diệt dân Nê Phi là dân La Man, và những ai thân thiện với Nê Phi, thì tôi gọi họ là dân Nê Phi hay người Nê Phi, theo triều đại các vua.

Wherefore we labored diligently among our people, that we might persuade them to come unto Christ, and partake of the goodness of God, that they might enter into his rest, lest by any means he should swear in his wrath they should not enter in, as in the provocation in the days of temptation while the children of Israel were in the wilderness.

Wherefore, we would to God that we could persuade all men not to rebel against God, to provoke him to anger, but that all men would believe in Christ, and view his death, and suffer his cross and bear the shame of the world; wherefore, I, Jacob, take it upon me to fulfil the commandment of my brother Nephi.

Now Nephi began to be old, and he saw that he must soon die; wherefore, he anointed a man to be a king and a ruler over his people now, according to the reigns of the kings.

The people having loved Nephi exceedingly, he having been a great protector for them, having wielded the sword of Laban in their defence, and having labored in all his days for their welfare—

Wherefore, the people were desirous to retain in remembrance his name. And whoso should reign in his stead were called by the people, second Nephi, third Nephi, and so forth, according to the reigns of the kings; and thus they were called by the people, let them be of whatever name they would.

And it came to pass that Nephi died.

Now the people which were not Lamanites were Nephites; nevertheless, they were called Nephites, Jacobites, Josephites, Zoramites, Lamanites, Lemuelites, and Ishmaelites.

But I, Jacob, shall not hereafter distinguish them by these names, but I shall call them Lamanites that seek to destroy the people of Nephi, and those who are friendly to Nephi I shall call Nephites, or the people of Nephi, according to the reigns of the kings.

- 15 Và giờ đây, chuyện rằng, vào triều vua thứ hai, dân Nê Phi bắt đầu chai đá trong lòng, và buông thả phần nào theo các tập tục tà ác chẳng khác chi Đa Vít ngày xưa ưa lấy nhiều vợ và nhiều hầu thiếp, và Sa Lô Môn, con trai của ông cũng vậy.
- 16 Phải, họ còn bắt đầu tìm kiếm nhiều vàng bạc và cũng bắt đầu trở nên kiêu ngạo nữa.
- 17 Vậy nên tôi, Gia Cốp, đã nói với họ những lời này khi tôi giảng dạy họ trong đền thờ sau khi đã nhận được nhiệm vụ từ Chúa.
- 18 Vì tôi, Gia Cốp, và em tôi, Giô Sép, đã được chính tay Nê Phi lập lên làm thầy tư tế và thầy giảng cho dân này.
- 19 Và chúng tôi đã làm vinh hiển chức vụ của mình trong Chúa, chúng tôi nhận lấy trách nhiệm, gánh vác những tội lỗi của dân chúng lên đầu mình nếu chúng tôi không chuyên tâm giảng dạy lời của Thượng Đế cho họ biết. Vậy nên, nhờ sự tận tâm đem hết sức mình ra lao lực mà máu của họ không vấy được vào y phục chúng tôi; nếu không thì máu của họ sẽ vấy vào y phục chúng tôi, và chúng tôi sẽ không được xét thấy là không tì vết vào ngày sau cùng.

And now it came to pass that the people of Nephi, under the reign of the second king, began to grow hard in their hearts, and indulge themselves somewhat in wicked practices, such as like unto David of old desiring many wives and concubines, and also Solomon, his son.

Yea, and they also began to search much gold and silver, and began to be lifted up somewhat in pride.

Wherefore I, Jacob, gave unto them these words as I taught them in the temple, having first obtained mine errand from the Lord.

For I, Jacob, and my brother Joseph had been consecrated priests and teachers of this people, by the hand of Nephi.

And we did magnify our office unto the Lord, taking upon us the responsibility, answering the sins of the people upon our own heads if we did not teach them the word of God with all diligence; wherefore, by laboring with our might their blood might not come upon our garments; otherwise their blood would come upon our garments, and we would not be found spotless at the last day.

## Gia Cốp 2

- 1 Những lời mà Gia Cốp, em trai của Nê Phi đã nói cùng dân Nê Phi sau khi Nê Phi từ trần:
- 2 Nay, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi, Gia Cốp, do trách nhiệm của tôi đối với Thượng Đế là phải làm vinh hiển chức vụ của tôi một cách nghiêm chỉnh, và để tôi có thể tẩy sạch tội lỗi của các người khỏi y phục của tôi, hôm nay tôi lên đền thờ để rao truyền cho các người nghe lời của Thượng Đế.
- 3 Các người biết rằng, từ trước tới giờ, lúc nào tôi cũng cần mẫn trong chức vụ mà tôi đã được kêu gọi; nhưng ngày hôm nay lòng tôi nặng trĩu nỗi ước muốn và lo âu cho sự an lạc của tâm hồn các người hơn lúc nào hết.
- 4 Vì này, từ trước tới giờ các người đã tuân theo lời của Chúa do tôi rao truyền cho các người.
- 5 Nhưng này, hãy nghe tôi nói, và nên biết rằng nhờ sự giúp đỡ của Đấng Sáng Tạo đầy quyền năng của thiên thượng và thế gian mà tôi có thể cho các người biết những ý tưởng của các người, về cách thức mà các người đã bắt đầu hành động trong tội lỗi, và tội lỗi ấy rất khả ố đối với tôi, phải, và khả ố đối với Thượng Đế.
- 6 Phải, điều ấy làm cho tâm hồn tôi rất đau buồn, và làm cho tôi phải co người lại trong sự hổ thẹn trước sự hiện diện của Đấng Sáng Tạo của tôi; khiến tôi phải làm chứng cùng các người về những điều tà ác trong lòng các người.
- 7 Và điều cũng làm tôi đau buồn là tôi phải dùng đến những lời lẽ nghiêm khắc để nói về các người trước mặt vợ con các người, mà hầu hết những người này đều có tình cảm hết sức dịu dàng, thanh khiết và tế nhị trước mặt Thượng Đế, và đó là những điều đã làm Thượng Đế hài lòng;
- 8 Và tôi nghĩ rằng, họ đến đây để nghe những lời êm ái của Thượng Đế, phải, những lời làm hàn gắn một tâm hồn bị tổn thương.

## Jacob 2

The words which Jacob, the brother of Nephi, spake unto the people of Nephi, after the death of Nephi:

Now, my beloved brethren, I, Jacob, according to the responsibility which I am under to God, to magnify mine office with soberness, and that I might rid my garments of your sins, I come up into the temple this day that I might declare unto you the word of God.

And ye yourselves know that I have hitherto been diligent in the office of my calling; but I this day am weighed down with much more desire and anxiety for the welfare of your souls than I have hitherto been.

For behold, as yet, ye have been obedient unto the word of the Lord, which I have given unto you.

But behold, hearken ye unto me, and know that by the help of the all-powerful Creator of heaven and earth I can tell you concerning your thoughts, how that ye are beginning to labor in sin, which sin appeareth very abominable unto me, yea, and abominable unto God.

Yea, it grieveth my soul and causeth me to shrink with shame before the presence of my Maker, that I must testify unto you concerning the wickedness of your hearts.

And also it grieveth me that I must use so much boldness of speech concerning you, before your wives and your children, many of whose feelings are exceedingly tender and chaste and delicate before God, which thing is pleasing unto God;

And it supposeth me that they have come up hither to hear the pleasing word of God, yea, the word which healeth the wounded soul.

- 9 Vậy nên, thật là một gánh nặng cho tâm hồn tôi, khi tôi nhận được lệnh truyền nghiêm ngặt của Thượng Đế bắt buộc tôi phải khiển trách về những tội ác của các người, mở rộng vết thương của những người đã bị thương, thay vì an ủi và hàn gắn vết thương của họ; còn những ai không bị thương, thì thay vì được nuôi dưỡng bằng những lời êm ái của Thượng Đế, họ lại bị những lưỡi dao găm đâm xuyên qua tâm hồn và làm tổn thương tâm trí mềm yếu của họ.
- 10 Nhưng mặc dù nhiệm vụ của tôi có lớn lao, tôi vẫn phải làm theo những lệnh truyền nghiêm ngặt của Thượng Đế và nói cho các người hay về những điều tà ác và khả ố của các người trước mặt những kẻ có tấm lòng thanh khiết cùng những kẻ có tấm lòng đau khổ, và dưới mắt nhìn thấu suốt của Thượng Đế Toàn Năng.
- 11 Vậy nên, tôi phải cho các người biết lẽ thật theo sự minh bạch lời của Thượng Đế. Vì này, khi tôi cầu vấn Chúa, thì tiếng nói của Ngài đã đến với tôi mà rằng: Gia Cóp, ngày mai ngươi hãy vào đền thờ mà tuyên bố với dân này những lời ta sẽ ban cho ngươi đây.
- 12 Và giờ đây, này, hỡi các anh em, đây là lời tôi tuyên bố với các anh em: Một số đông các anh em đã bắt đầu đi tìm kiếm vàng bạc cùng đủ các thứ kim loại quý giá khác mà đất này, là đất hứa dành cho các anh em và dòng dõi của các anh em, có rất nhiều.
- 13 Và bàn tay thiên ân đã hoan hỷ nâng đỡ các anh em rất nhiều, khiến các anh em thu hoạch được nhiều của cải; và cũng vì một số các anh em đã thu hoạch được dồi dào hơn các anh em khác của mình nên các anh em dương dương tự đắc trong lòng mình, cứng cổ và vênh mặt vì các y phục đắt giá của mình; các anh em lại còn ngược đãi các anh em của mình vì cho rằng mình cao quý hơn họ.
- 14 Và giờ đây, hỡi các anh em, các anh em có cho rằng Thượng Đế sẽ biện minh cho các anh em trong việc làm như vậy không? Này, tôi nói cho các anh em hay: Không. Trái lại, Ngài sẽ kết tội các anh em và nếu các anh em cứ cố tình làm như thế mãi, thì những sự đoán phạt của Ngài sẽ đến với các anh em rất mau chóng.

Wherefore, it burdeneth my soul that I should be constrained, because of the strict commandment which I have received from God, to admonish you according to your crimes, to enlarge the wounds of those who are already wounded, instead of consoling and healing their wounds; and those who have not been wounded, instead of feasting upon the pleasing word of God have daggers placed to pierce their souls and wound their delicate minds.

But, notwithstanding the greatness of the task, I must do according to the strict commands of God, and tell you concerning your wickedness and abominations, in the presence of the pure in heart, and the broken heart, and under the glance of the piercing eye of the Almighty God.

Wherefore, I must tell you the truth according to the plainness of the word of God. For behold, as I inquired of the Lord, thus came the word unto me, saying: Jacob, get thou up into the temple on the morrow, and declare the word which I shall give thee unto this people.

And now behold, my brethren, this is the word which I declare unto you, that many of you have begun to search for gold, and for silver, and for all manner of precious ores, in the which this land, which is a land of promise unto you and to your seed, doth abound most plentifully.

And the hand of providence hath smiled upon you most pleasingly, that you have obtained many riches; and because some of you have obtained more abundantly than that of your brethren ye are lifted up in the pride of your hearts, and wear stiff necks and high heads because of the costliness of your apparel, and persecute your brethren because ye suppose that ye are better than they.

And now, my brethren, do ye suppose that God justifieth you in this thing? Behold, I say unto you, Nay. But he condemneth you, and if ye persist in these things his judgments must speedily come unto you.

- 15 Ôi, ước sao Ngài sẽ tỏ cho các anh em thấy rằng, Ngài có thể xuyên thấu các anh em, và với cái nhìn thoáng qua, Ngài cũng có thể đánh tan các anh em thành bụi đất!
- 16 Ôi, ước sao Ngài giải thoát cho các anh em khỏi sự bất chính và khả ố này! Ôi, ước sao các anh em biết nghe theo lời phán truyền của Ngài, và không để cho tính kiêu căng của mình hủy diệt tâm hồn mình!
- 17 Hãy nghĩ đến anh em mình cũng như chính mình vậy! Hãy thân thiện với mọi người và rộng rãi ban phát của cải mình để cho họ cũng được giàu có như các anh em.
- 18 Nhưng trước khi tìm kiếm của cải, các anh em hãy tìm kiếm vương quốc của Thượng Đế.
- 19 Và sau khi đã đạt được niềm hy vọng ở Đấng Kỳ Tô, các anh em sẽ thu nhận được của cải nếu các anh em tìm kiếm nó. Các anh em phải tìm kiếm của cải với mục đích làm điều thiện—như đem áo quần cho kẻ thiếu mặc, đem thức ăn lại cho kẻ đói, đem sự giải thoát cho kẻ bị giam cầm, và cứu trợ những kẻ bệnh hoạn cùng những kẻ đau khổ.
- 20 Và giờ đây, hỡi các anh em, tôi đã nói với các anh em về tính kiêu căng. Vậy có ai trong số các anh em đã từng làm đau khổ người láng giềng mình và ngược đãi người ấy vì các anh em kiêu ngạo trong lòng về những gì mà Thượng Đế đã ban cho mình, thì các anh em nghĩ sao về điều này?
- 21 Các anh em há không nghĩ rằng, hành động như vậy là khả ố đối với Đấng đã sáng tạo ra mọi loài xác thịt hay sao? Dưới mắt Ngài, mọi nhân thể đều quý báu như nhau. Mọi xác thịt đều là bụi đất; Ngài đã sáng tạo ra loài người cùng trong một mục đích, đó là, để họ tuân giữ những lệnh truyền của Ngài và tôn vinh Ngài mãi mãi.
- 22 Và giờ đây, tôi xin chấm dứt nói với các anh em về tính kiêu ngạo này. Và nếu tôi không buộc lòng phải nói với các anh em về một tội trọng hơn, thì lòng tôi sẽ vô cùng vui sướng vì các anh em.
- O that he would show you that he can pierce you, and with one glance of his eye he can smite you to the dust!
- O that he would rid you from this iniquity and abomination. And, O that ye would listen unto the word of his commands, and let not this pride of your hearts destroy your souls!
- Think of your brethren like unto yourselves, and be familiar with all and free with your substance, that they may be rich like unto you.
- But before ye seek for riches, seek ye for the kingdom of God.
- And after ye have obtained a hope in Christ ye shall obtain riches, if ye seek them; and ye will seek them for the intent to do good—to clothe the naked, and to feed the hungry, and to liberate the captive, and administer relief to the sick and the afflicted.
- And now, my brethren, I have spoken unto you concerning pride; and those of you which have afflicted your neighbor, and persecuted him because ye were proud in your hearts, of the things which God hath given you, what say ye of it?
- Do ye not suppose that such things are abominable unto him who created all flesh? And the one being is as precious in his sight as the other. And all flesh is of the dust; and for the selfsame end hath he created them, that they should keep his commandments and glorify him forever.
- And now I make an end of speaking unto you concerning this pride. And were it not that I must speak unto you concerning a grosser crime, my heart would rejoice exceedingly because of you.

23 Nhưng, lời của Thượng Đế đè nặng lên tôi cũng vì những tội trọng hơn của các anh em. Vì này, Chúa có phán rằng: Dân này đã bắt đầu gia tăng những điều bất chính; chúng không hiểu gì về thánh thư, vì chúng tìm cách tự bào chữa cho mình trong việc phạm tội tà dâm, vì những điều đã viết về Đa Vít và con trai hắn là Sa Lô Môn.

24 Này, quả thực Đa Vít và Sa Lô Môn đã có nhiều vợ và hầu thiếp, và điều đó khả ố trước mặt ta, lời Chúa phán vậy.

25 Vậy nên, lời Chúa phán, ta đã dẫn dân này ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem bằng quyền năng của cánh tay ta, để ta có thể gây dựng cho ta một nhánh ngay chính từ các hạt tự của Giô Sép.

26 Vậy nên ta là Đức Chúa Trời không muốn để cho dân này hành động như người xưa.

27 Vậy nên, hỡi các anh em, hãy nghe tôi, và hãy nghe theo lời của Chúa: Vì trong số các người, bất cứ ai cũng sẽ chỉ được có một vợ, và không được có một người hầu thiếp nào;

28 Vì ta là Đức Chúa Trời hài lòng về sự trinh khiết của phụ nữ. Và thói tà dâm là một điều khả ố trước mặt ta; lời Chúa Muôn Quân phán vậy.

29 Vậy nên, dân này phải tuân giữ các lệnh truyền của ta, bằng không thì xứ này sẽ bị rửa sạch vì họ, lời Chúa Muôn Quân phán vậy.

30 Vì nếu ta muốn gây dựng cho ta một dòng dõi, lời Chúa Muôn Quân phán, thì ta sẽ truyền lệnh cho dân của ta; bằng không thì họ sẽ phải nghe theo những điều này.

31 Vì này, ta là Chúa, đã thấy nỗi sầu khổ, và đã nghe những lời khóc than của các con gái của dân ta ở xứ Giê Ru Sa Lem, phải, và ở khắp tất cả các xứ của dân ta, về những điều tà ác và khả ố của chồng họ.

32 Ta không chịu để cho những tiếng kêu gào của những người con gái xinh đẹp của dân này, lời Chúa Muôn Quân phán vậy, là dân mà ta đã dẫn dắt ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, vang lên đến tai ta để chống lại những người đàn ông thuộc dân của ta, lời Chúa Muôn Quân phán vậy.

But the word of God burdens me because of your grosser crimes. For behold, thus saith the Lord: This people begin to wax in iniquity; they understand not the scriptures, for they seek to excuse themselves in committing whoredoms, because of the things which were written concerning David, and Solomon his son.

Behold, David and Solomon truly had many wives and concubines, which thing was abominable before me, saith the Lord.

Wherefore, thus saith the Lord, I have led this people forth out of the land of Jerusalem, by the power of mine arm, that I might raise up unto me a righteous branch from the fruit of the loins of Joseph.

Wherefore, I the Lord God will not suffer that this people shall do like unto them of old.

Wherefore, my brethren, hear me, and hearken to the word of the Lord: For there shall not any man among you have save it be one wife; and concubines he shall have none;

For I, the Lord God, delight in the chastity of women. And whoredoms are an abomination before me; thus saith the Lord of Hosts.

Wherefore, this people shall keep my commandments, saith the Lord of Hosts, or cursed be the land for their sakes.

For if I will, saith the Lord of Hosts, raise up seed unto me, I will command my people; otherwise they shall hearken unto these things.

For behold, I, the Lord, have seen the sorrow, and heard the mourning of the daughters of my people in the land of Jerusalem, yea, and in all the lands of my people, because of the wickedness and abominations of their husbands.

And I will not suffer, saith the Lord of Hosts, that the cries of the fair daughters of this people, which I have led out of the land of Jerusalem, shall come up unto me against the men of my people, saith the Lord of Hosts.

33 Vì chúng không thể bắt dẫn đi những người con gái của dân ta vì sự dịu dàng của họ mà lại không bị ta giáng xuống cho chúng một lời rủa sả nặng nề, ngay cả đưa đến sự diệt vong; vì chúng không được phạm tội tà dâm như người xưa, lời Chúa Muôn Quân phán vậy.

34 Và giờ đây, này, hỡi các anh em, chắc các anh em cũng biết rằng, những lệnh truyền này đã được ban ra cho cha chúng ta là Lê Hi; vậy nên các anh em đã biết đến những điều ấy từ trước; vậy mà các anh em lại để cho mình phải bị kết tội nặng nề; vì các anh em đã làm những điều mình không được phép làm.

35 Này, các anh em đã làm những điều bất chính lớn lao hơn cả dân La Man, là những anh em của chúng ta. Các anh em đã làm đau khổ trái tim của người vợ hiền của mình và làm mất sự tin tưởng của con cái mình, vì các anh em nêu gương xấu trước mặt họ; và những tiếng nức nở trong lòng họ đã vang lên thấu đến Thượng Đế để chống lại các anh em. Và vì sự nghiêm khắc của lời Thượng Đế đã đổ xuống chống các anh em nên nhiều trái tim đã chết, đã bị xuyên thấu bằng những vết thương sâu.

For they shall not lead away captive the daughters of my people because of their tenderness, save I shall visit them with a sore curse, even unto destruction; for they shall not commit whoredoms, like unto them of old, saith the Lord of Hosts.

And now behold, my brethren, ye know that these commandments were given to our father, Lehi; wherefore, ye have known them before; and ye have come unto great condemnation; for ye have done these things which ye ought not to have done.

Behold, ye have done greater iniquities than the Lamanites, our brethren. Ye have broken the hearts of your tender wives, and lost the confidence of your children, because of your bad examples before them; and the sobbings of their hearts ascend up to God against you. And because of the strictness of the word of God, which cometh down against you, many hearts died, pierced with deep wounds.



## Gia Cóp 3

- 1 Nhưng này, tôi, Gia Cóp, muốn nói với các anh em là những người có tấm lòng thanh khiết. Hãy hướng về Thượng Đế với một tinh thần cương quyết, và hãy cầu nguyện lên Ngài với một đức tin nhiệt thành, rồi Ngài sẽ an ủi các anh em trong những lúc đau khổ của mình, Ngài sẽ biện minh cho trường hợp của các anh em, và sẽ giáng công lý xuống những kẻ muốn tìm cách hủy diệt các anh em.
- 2 Hỡi tất cả những ai có tấm lòng thanh khiết, hãy ngẩng đầu lên nhận những lời êm ái của Thượng Đế và thụ hưởng tình thương của Ngài, vì nếu các anh em có tinh thần vững chắc thì các anh em sẽ hưởng được điều đó mãi mãi.
- 3 Nhưng, khốn thay, khốn thay cho những kẻ không có tấm lòng thanh khiết, những kẻ ô uế trước mặt Thượng Đế ngày hôm nay; vì nếu các anh em không biết hối cải, thì xứ sở này sẽ bị rửa sả vì các anh em; và dân La Man là những người không ô uế như các anh em, vậy mà họ đã bị rửa sả nặng nề, thì chính họ lại là những người sẽ trừng phạt các anh em đến phải bị hủy diệt.
- 4 Và thời gian ấy sẽ đến rất mau, nếu các anh em không biết hối cải, họ sẽ chiếm đoạt hết đất đai thừa hưởng của các anh em, và Đức Chúa Trời sẽ dẫn những người ngay chính ra khỏi các anh em.
- 5 Này, dân La Man, là anh em của các anh em nhưng đã bị các anh em ghét bỏ vì sự ô uế và sự rửa sả đã xảy đến cho màu da của họ, lại là những người ngay chính hơn các anh em; vì họ không quên lệnh truyền Chúa đã ban cho tổ phụ chúng ta—đó là, chỉ được lấy một vợ, không được có hầu thiếp, và không được phạm tội tà dâm.
- 6 Và giờ đây, lệnh truyền này đã được họ cố gắng tuân giữ; vậy nên, nhờ cố gắng tuân giữ lệnh truyền này mà Đức Chúa Trời sẽ không hủy diệt họ, trái lại, Ngài sẽ thương xót họ; và một ngày kia, họ sẽ trở thành một dân tộc có phước.

## Jacob 3

But behold, I, Jacob, would speak unto you that are pure in heart. Look unto God with firmness of mind, and pray unto him with exceeding faith, and he will console you in your afflictions, and he will plead your cause, and send down justice upon those who seek your destruction.

O all ye that are pure in heart, lift up your heads and receive the pleasing word of God, and feast upon his love; for ye may, if your minds are firm, forever.

But, wo, wo, unto you that are not pure in heart, that are filthy this day before God; for except ye repent the land is cursed for your sakes; and the Lamanites, which are not filthy like unto you, nevertheless they are cursed with a sore cursing, shall scourge you even unto destruction.

And the time speedily cometh, that except ye repent they shall possess the land of your inheritance, and the Lord God will lead away the righteous out from among you.

Behold, the Lamanites your brethren, whom ye hate because of their filthiness and the cursing which hath come upon their skins, are more righteous than you; for they have not forgotten the commandment of the Lord, which was given unto our father—that they should have save it were one wife, and concubines they should have none, and there should not be whoredoms committed among them.

And now, this commandment they observe to keep; wherefore, because of this observance, in keeping this commandment, the Lord God will not destroy them, but will be merciful unto them; and one day they shall become a blessed people.

- 7     Này, trong sắc dân ấy, chồng biết thương yêu vợ, vợ biết yêu thương chồng, và cả vợ lẫn chồng đều biết thương yêu con cái. Còn sự vô tín ngưỡng hay lòng thù hận của họ đối với các anh em chỉ vì sự bất chính của tổ phụ họ; vậy nên, trước mắt Đấng Sáng Tạo vĩ đại của các anh em, các anh em có tốt lành hơn họ chăng?
- 8     Hỡi các anh em, tôi sợ rằng, nếu các anh em không chịu hối cải tội lỗi của mình thì da của họ sẽ trắng hơn da của các anh em, khi các anh em cùng họ được dẫn đến trước ngai của Thượng Đế.
- 9     Vậy nên, tôi xin gửi tới các anh em một lệnh truyền, đó là lời của Thượng Đế, rằng các anh em chớ có thóa mạ họ nữa vì màu da ngăm đen của họ; và cũng chớ có thóa mạ họ vì sự ô uế của họ, mà trái lại các anh em phải nhớ đến sự ô uế của chính mình, và phải nhớ rằng sự ô uế của họ là do tổ phụ họ để lại.
- 10    Vậy nên, phải nghĩ đến con cháu mình, nghĩ tới việc các anh em đã làm đau khổ chúng vì gương xấu mà các anh em đã nêu ra; và hơn nữa, phải nhớ rằng, vì sự ô uế của mình mà các anh em có thể đưa con cháu mình đến chỗ diệt vong, và những tội lỗi của chúng sẽ chồng chất lên đầu các anh em vào ngày sau cùng.
- 11    Hỡi các anh em, hãy nghe những lời của tôi; hãy thức tỉnh những năng lực của tâm hồn mình; hãy đánh thức mình tỉnh dậy khỏi giấc ngủ triền miên của cõi chết; hãy cởi bỏ những đau đớn của ngục giới để khỏi phải trở thành quỷ sứ bị ném vào hồ lửa với diêm sinh tức là sự chết thứ hai vậy.
- 12    Và này, tôi, Gia Cốp còn nói nhiều điều khác nữa với dân Nê Phi, để cảnh cáo họ phải đề phòng tội thông dâm và dâm dật cùng mọi tội lỗi khác, và nói cho họ biết những hậu quả ghê gớm của các tội lỗi đó.
- 13    Trên các bảng khắc này, tôi không thể ghi được tới một phần trăm những tiến trình của dân này, là một dân tộc giờ đây đã bắt đầu đông đúc; nhưng nhiều tiến trình của dân này, cùng những trận chiến, những cuộc tranh chấp, và triều đại các vua của họ, đều được ghi khắc trên những bảng khắc lớn hơn.

Behold, their husbands love their wives, and their wives love their husbands; and their husbands and their wives love their children; and their unbelief and their hatred towards you is because of the iniquity of their fathers; wherefore, how much better are you than they, in the sight of your great Creator?

O my brethren, I fear that unless ye shall repent of your sins that their skins will be whiter than yours, when ye shall be brought with them before the throne of God.

Wherefore, a commandment I give unto you, which is the word of God, that ye revile no more against them because of the darkness of their skins; neither shall ye revile against them because of their filthiness; but ye shall remember your own filthiness, and remember that their filthiness came because of their fathers.

Wherefore, ye shall remember your children, how that ye have grieved their hearts because of the example that ye have set before them; and also, remember that ye may, because of your filthiness, bring your children unto destruction, and their sins be heaped upon your heads at the last day.

O my brethren, hearken unto my words; arouse the faculties of your souls; shake yourselves that ye may awake from the slumber of death; and loose yourselves from the pains of hell that ye may not become angels to the devil, to be cast into that lake of fire and brimstone which is the second death.

And now I, Jacob, spake many more things unto the people of Nephi, warning them against fornication and lasciviousness, and every kind of sin, telling them the awful consequences of them.

And a hundredth part of the proceedings of this people, which now began to be numerous, cannot be written upon these plates; but many of their proceedings are written upon the larger plates, and their wars, and their contentions, and the reigns of their kings.

14 Những bảng khắc này được gọi là bảng khắc Gia Cốp, do bàn tay của Nê Phi làm ra. Tôi xin dứt lời.

These plates are called the plates of Jacob, and they were made by the hand of Nephi. And I make an end of speaking these words.

## Gia Cóp 4

- 1 Giờ đây, này, chuyện rằng, tôi, Gia Cóp, đã dùng lời thuyết giảng cho dân tôi rất nhiều điều (và tôi không thể ghi chép được nhiều về những lời tôi đã giảng dạy, vì việc ghi chép trên các bảng khắc rất khó khăn) và chúng tôi biết rằng, những điều mà chúng tôi ghi chép trên các bảng khắc sẽ được tồn tại;
- 2 Nhưng, ngoài các bảng khắc ra, những điều gì được ghi chép trên những vật khác sẽ bị hư hỏng và phai mờ; song chúng tôi cũng chỉ có thể ghi chép một ít điều trên các bảng khắc để lưu truyền cho con cháu chúng tôi, và cho các đồng bào yêu dấu của chúng tôi nữa, những điều hiểu biết ít ỏi về chúng tôi, hoặc về tổ phụ họ—
- 3 Giờ đây chúng tôi rất hoan hỷ về điều này; chúng tôi đã cần mẫn làm việc để ghi khắc những chữ này trên các bảng khắc, với hy vọng rằng, các đồng bào yêu dấu của chúng tôi và các con cháu chúng tôi sẽ nhận được những lời này với lòng biết ơn, và chuyên cần đọc những lời này để họ có thể học hỏi một cách vui sướng chứ không phải với sự buồn rầu hay khinh miệt về những gì có liên hệ đến thủy tổ của họ.
- 4 Vì mục đích ấy nên chúng tôi mới viết ra những điều này, để họ hiểu rằng, chúng tôi đã biết về Đấng Ky Tô, và chúng tôi đã từng hy vọng trông đợi vinh quang của Ngài hằng bao thế kỷ trước khi Ngài đến; và không phải chỉ riêng chúng tôi mới có niềm hy vọng về vinh quang của Ngài, mà trước chúng tôi, tất cả các thánh tiên tri cũng vậy.
- 5 Này, họ đã tin Đấng Ky Tô, và thờ phượng Đức Chúa Cha trong danh Ngài, và chúng tôi cũng thờ phượng Đức Chúa Cha trong danh Ngài. Và vì mục đích ấy nên chúng tôi tuân giữ luật pháp Môi Se, bởi luật pháp ấy hướng dẫn tâm hồn chúng tôi đến cùng Ngài; và vì lẽ đó, luật pháp này được thánh hóa cho chúng tôi vì sự ngay chính, chẳng khác chi Áp Ra Ham trong vùng hoang dã, khi ông tuân theo những lệnh truyền của Thượng Đế bằng cách hiến dâng con trai mình là Y Sác, điều đó tiêu biểu cho trường hợp của Thượng Đế và Con Độc Sinh của Ngài.

## Jacob 4

Now behold, it came to pass that I, Jacob, having ministered much unto my people in word, (and I cannot write but a little of my words, because of the difficulty of engraving our words upon plates) and we know that the things which we write upon plates must remain;

But whatsoever things we write upon anything save it be upon plates must perish and vanish away; but we can write a few words upon plates, which will give our children, and also our beloved brethren, a small degree of knowledge concerning us, or concerning their fathers—

Now in this thing we do rejoice; and we labor diligently to engraven these words upon plates, hoping that our beloved brethren and our children will receive them with thankful hearts, and look upon them that they may learn with joy and not with sorrow, neither with contempt, concerning their first parents.

For, for this intent have we written these things, that they may know that we knew of Christ, and we had a hope of his glory many hundred years before his coming; and not only we ourselves had a hope of his glory, but also all the holy prophets which were before us.

Behold, they believed in Christ and worshiped the Father in his name, and also we worship the Father in his name. And for this intent we keep the law of Moses, it pointing our souls to him; and for this cause it is sanctified unto us for righteousness, even as it was accounted unto Abraham in the wilderness to be obedient unto the commands of God in offering up his son Isaac, which is a similitude of God and his Only Begotten Son.

6 Vậy nên, chúng tôi tìm hiểu các lời tiên tri, chúng tôi có được nhiều điều mặc khải và tinh thần tiên tri; và sau khi có tất cả những bằng chứng ấy, chúng tôi gầy được niềm hy vọng, và đức tin của chúng tôi trở nên khó lay chuyển, đến độ, trong danh Chúa Giê Su chúng tôi có thể thực sự truyền lệnh cho cây cối, núi non và sóng biển phải tuân theo chúng tôi.

7 Tuy nhiên, Đức Chúa Trời cũng cho chúng tôi thấy sự yếu kém của chúng tôi để chúng tôi ý thức được rằng, nhờ ân điển và lòng hạ cố lớn lao của Ngài đối với con cái loài người mà chúng tôi mới có quyền năng làm được những việc này.

8 Nay, vĩ đại và kỳ diệu thay những việc làm của Chúa! Thật khó thấu đáo thay sự kín nhiệm thâm diệu của Ngài! Loài người không thể nào tìm hiểu được hết những đường lối của Ngài. Và chẳng có một ai biết được đường lối của Ngài ngoại trừ nó được tiết lộ cho mình biết; vậy nên, hỡi các anh em, chớ coi thường những điều mặc khải của Thượng Đế.

9 Vì này, do quyền năng của lời Ngài phán mà loài người mới có trên mặt đất, và thế gian này cũng được tạo ra bởi quyền năng của lời Ngài. Vậy nên, nếu chỉ cần một lời phán ra, mà Thượng Đế có thể tạo ra thế gian, và chỉ cần một lời phán thôi mà loài người được sáng tạo, vậy thì, tại sao Ngài lại không thể ra lệnh cho thế gian hay cho những tác phẩm do bàn tay Ngài đã tạo ra trên mặt trái đất này, theo ý muốn và sự vui thích của Ngài?

10 Vậy nên, hỡi các anh em, chớ tìm cách khuyên dạy Chúa, mà phải nhận lãnh những lời khuyên dạy từ Ngài. Vì này, chính các anh em cũng biết rằng, Ngài khuyên dạy với sự khôn ngoan, sự công bình, và lòng thương xót bao la đối với tất cả những công việc của Ngài.

11 Vậy nên, hỡi các anh em yêu dấu, hãy hòa giải với Ngài qua sự chuộc tội của Đấng Kỳ Tô, là Con Độc Sinh của Ngài, rồi các anh em có thể sống lại nhờ quyền năng phục sinh hằng có trong Đấng Kỳ Tô, và các anh em sẽ được dâng lên Thượng Đế như những trái đầu mùa của Đấng Kỳ Tô, nhờ các anh em có đức tin và có hy vọng vững chãi về vinh quang nơi Ngài, trước khi Ngài tự biểu hiện trong xác thịt.

Wherefore, we search the prophets, and we have many revelations and the spirit of prophecy; and having all these witnesses we obtain a hope, and our faith becometh unshaken, insomuch that we truly can command in the name of Jesus and the very trees obey us, or the mountains, or the waves of the sea.

Nevertheless, the Lord God showeth us our weakness that we may know that it is by his grace, and his great condescensions unto the children of men, that we have power to do these things.

Behold, great and marvelous are the works of the Lord. How unsearchable are the depths of the mysteries of him; and it is impossible that man should find out all his ways. And no man knoweth of his ways save it be revealed unto him; wherefore, brethren, despise not the revelations of God.

For behold, by the power of his word man came upon the face of the earth, which earth was created by the power of his word. Wherefore, if God being able to speak and the world was, and to speak and man was created, O then, why not able to command the earth, or the workmanship of his hands upon the face of it, according to his will and pleasure?

Wherefore, brethren, seek not to counsel the Lord, but to take counsel from his hand. For behold, ye yourselves know that he counseleth in wisdom, and in justice, and in great mercy, over all his works.

Wherefore, beloved brethren, be reconciled unto him through the atonement of Christ, his Only Begotten Son, and ye may obtain a resurrection, according to the power of the resurrection which is in Christ, and be presented as the firstfruits of Christ unto God, having faith, and obtained a good hope of glory in him before he manifesteth himself in the flesh.

- 12 Và giờ đây, hỡi các anh em yêu dấu, chớ kinh ngạc khi nghe tôi nói những điều này; vì tại sao không nói tới sự chuộc tội của Đấng Ky Tô, và thu hoạch được một sự hiểu biết tường tận về Ngài, cũng như để thu hoạch được một sự hiểu biết về sự phục sinh và về thế giới sắp tới?
- 13 Nay, hỡi các anh em, người nào nói lời tiên tri thì hãy để người đó nói tiên tri cách nào cho mọi người có thể hiểu được; vì Thánh Linh chỉ nói sự thật và không nói dối. Vậy nên, Thánh Linh nói lên những điều đúng với sự thật hiện hữu, và đúng với sự thật mà những điều ấy sẽ có; vậy nên, những điều này đã được biểu hiện cho chúng ta thấy một cách rõ ràng, vì sự cứu rỗi linh hồn của chúng ta. Nhưng này, chúng ta không phải là những người duy nhất được chứng kiến những điều này; vì Thượng Đế còn nói cho các vị tiên tri ngày xưa biết nữa.
- 14 Nhưng này, dân Do Thái là một dân cứng cổ; họ đã coi thường những lời nói minh bạch ấy, họ đã giết chết các vị tiên tri, và tìm kiếm những điều mà họ không thể hiểu được. Vậy nên, do sự mù quáng của họ, một sự mù quáng vì đã nhìn xa quá điểm nhắm, nên họ phải sa ngã; vì Thượng Đế đã cất đi sự minh bạch của Ngài khỏi họ, và trao cho họ nhiều điều mà họ không thể hiểu thấu được, vì họ muốn vậy. Và cũng vì họ muốn, nên Thượng Đế đã làm như vậy, để họ vấp ngã.
- 15 Và giờ đây, tôi, Gia Cóp, được Thánh Linh hướng dẫn nói lên lời tiên tri; vì nhờ tác động của Thánh Linh ở trong tôi nên tôi thấu hiểu được rằng, vì người Do Thái vấp ngã nên họ sẽ ném bỏ tảng đá, mà đáng lẽ trên đó họ có thể xây dựng một nền móng vững chắc.
- 16 Nhưng này, theo như thánh thư, thì tảng đá đó sẽ trở thành một nền móng vĩ đại, nền móng cuối cùng duy nhất và vững chắc nhất mà người Do Thái có thể xây dựng trên đó.
- 17 Và giờ đây, hỡi các anh em yêu dấu, một khi những người Do Thái này đã ném bỏ nền móng vững chắc ấy đi rồi, thì làm sao họ có thể xây dựng lên trên nền móng ấy, để nó có thể trở thành đá đầu góc nhà của họ được?

And now, beloved, marvel not that I tell you these things; for why not speak of the atonement of Christ, and attain to a perfect knowledge of him, as to attain to the knowledge of a resurrection and the world to come?

Behold, my brethren, he that prophesieth, let him prophesy to the understanding of men; for the Spirit speaketh the truth and lieth not. Wherefore, it speaketh of things as they really are, and of things as they really will be; wherefore, these things are manifested unto us plainly, for the salvation of our souls. But behold, we are not witnesses alone in these things; for God also spake them unto prophets of old.

But behold, the Jews were a stiffnecked people; and they despised the words of plainness, and killed the prophets, and sought for things that they could not understand. Wherefore, because of their blindness, which blindness came by looking beyond the mark, they must needs fall; for God hath taken away his plainness from them, and delivered unto them many things which they cannot understand, because they desired it. And because they desired it God hath done it, that they may stumble.

And now I, Jacob, am led on by the Spirit unto prophesying; for I perceive by the workings of the Spirit which is in me, that by the stumbling of the Jews they will reject the stone upon which they might build and have safe foundation.

But behold, according to the scriptures, this stone shall become the great, and the last, and the only sure foundation, upon which the Jews can build.

And now, my beloved, how is it possible that these, after having rejected the sure foundation, can ever build upon it, that it may become the head of their corner?

18      Này, hỡi các anh em yêu dấu, tôi sẽ tiết lộ sự kín nhiệm này cho các anh em biết; nếu tôi không vì một lẽ nào đó mà bị lung lay khỏi sự vững vàng của mình nơi Thánh Linh, và nếu tôi không bị vấp ngã vì quá lo âu cho các anh em.

Behold, my beloved brethren, I will unfold this mystery unto you; if I do not, by any means, get shaken from my firmness in the Spirit, and stumble because of my over anxiety for you.

## Gia Cóp 5

- 1 Nay, hỡi các anh em, các anh em không nhớ rằng mình đã từng đọc những lời của tiên tri Giê Nốt nói về gia tộc Y Sơ Ra Ên như vậy sao:
- 2 Hãy nghe đây, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, hãy nghe những lời của tôi, là tiên tri của Chúa.
- 3 Vì này, Chúa có phán rằng: Hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, ta sánh các người như một cây ô liu lành mà một người kia đã đem về chăm bón trong vườn mình; và cây đó đã lớn lên, rồi trở nên già cỗi và bắt đầu tàn tạ.
- 4 Và chuyện rằng, chủ vườn đi ra trông thấy cây ô liu của mình bắt đầu tàn tạ, ông bèn nói rằng: Ta sẽ tỉa xén cây này, vun xới và chăm bón nó, may ra nó sẽ mọc lên những nhánh non mềm mại, và nó sẽ không bị chết đi.
- 5 Và chuyện rằng, người ấy tỉa xén cây, vun xới và chăm bón cho nó y như lời ông nói.
- 6 Và chuyện rằng, sau nhiều ngày, cây ấy bắt đầu mọc lên những nhánh nhỏ, non, mềm mại; nhưng này, ngọn chính của cây lại bắt đầu héo úa.
- 7 Và chuyện rằng, khi chủ vườn trông thấy vậy, ông bèn bảo tôi tớ của mình rằng: Ta rất đau buồn nếu phải mất cây này; vậy người hãy đi kiếm những cành của cây ô liu dại đem về đây cho ta; rồi chúng ta sẽ cắt bỏ những cành lớn đang héo úa này đi, và chúng ta sẽ liệng chúng vào lửa cho thiêu cháy hết.
- 8 Và này, Chúa vườn bảo rằng: ta cắt nhiều cành non mềm mại này đi, và ta sẽ đem những cành này ghép vào bất cứ nơi nào ta thích; và nếu rễ cây ấy có chết cũng không quan hệ gì, miễn sao ta vẫn giữ trái của cây ấy cho ta là được; vậy nên ta phải lấy những cành non mềm mại này ghép vào bất cứ nơi nào ta thích.
- 9 Người hãy lấy những cành của cây ô liu dại, và ghép chúng thay thế vào đó; và những cành ta đã cắt bỏ này, ta sẽ liệng vào lửa cho cháy thiêu hết để chúng không choán đất trong vườn của ta.

## Jacob 5

Behold, my brethren, do ye not remember to have read the words of the prophet Zenos, which he spake unto the house of Israel, saying:

Hearken, O ye house of Israel, and hear the words of me, a prophet of the Lord.

For behold, thus saith the Lord, I will liken thee, O house of Israel, like unto a tame olive tree, which a man took and nourished in his vineyard; and it grew, and waxed old, and began to decay.

And it came to pass that the master of the vineyard went forth, and he saw that his olive tree began to decay; and he said: I will prune it, and dig about it, and nourish it, that perhaps it may shoot forth young and tender branches, and it perish not.

And it came to pass that he pruned it, and digged about it, and nourished it according to his word.

And it came to pass that after many days it began to put forth somewhat a little, young and tender branches; but behold, the main top thereof began to perish.

And it came to pass that the master of the vineyard saw it, and he said unto his servant: It grieveth me that I should lose this tree; wherefore, go and pluck the branches from a wild olive tree, and bring them hither unto me; and we will pluck off those main branches which are beginning to wither away, and we will cast them into the fire that they may be burned.

And behold, saith the Lord of the vineyard, I take away many of these young and tender branches, and I will graft them whithersoever I will; and it mattereth not that if it so be that the root of this tree will perish, I may preserve the fruit thereof unto myself; wherefore, I will take these young and tender branches, and I will graft them whithersoever I will.

Take thou the branches of the wild olive tree, and graft them in, in the stead thereof; and these which I have plucked off I will cast into the fire and burn them, that they may not cumber the ground of my vineyard.



- 10 Và chuyện rằng, tôi tớ của Chúa vườn đã làm đúng theo lời Chúa vườn chỉ bảo, và đem ghép những cành cây ô liu dại vào.
- 11 Và Chúa vườn bảo phải vun xới, tỉa xén và chăm bón cho cây. Ông bảo tôi tớ ông rằng: Ta rất đau buồn nếu phải mất cây này, vậy nên, để may ra có thể gìn giữ những rễ cây này khỏi chết ngỗ hầu ta có thể bảo tồn những rễ ấy cho riêng ta, mà ta đã làm vậy.
- 12 Vậy nên, người hãy đi trông nom cây và chăm bón nó, theo như lời ta chỉ bảo.
- 13 Và ta sẽ trồng những nhánh cây này vào nơi xa nhất trong vườn của ta, vào nơi mà ta thích, điều đó không quan hệ gì đến người; và sở dĩ ta làm vậy là vì ta muốn bảo tồn cho riêng ta những cành thiên nhiên của cây ấy; và hơn nữa, ta muốn để dành trái của cây ấy cho ta vào lúc trái mùa; vì ta sẽ đau buồn nếu ta phải mất cả cây lẫn trái của nó.
- 14 Và chuyện rằng, Chúa vườn làm theo cách thức của mình, đem trồng giấu những cành thiên nhiên của cây ô liu lành vào những nơi xa nhất trong vườn, nơi này một ít, nơi kia một ít, tùy theo ý muốn và sự vui thích của ông.
- 15 Và chuyện rằng, một thời gian lâu trôi qua, Chúa vườn bảo tôi tớ của ông rằng: Lại đây, chúng ta hãy cùng đi xuống vườn để chúng ta có thể làm việc trong vườn.
- 16 Và chuyện rằng, Chúa vườn và người tôi tớ xuống vườn làm việc. Và chuyện rằng, người tôi tớ thưa với chủ mình rằng: Nay, Ngài hãy xem đây, hãy nhìn cây này!
- 17 Và chuyện rằng, Chúa vườn bèn nhìn và trông thấy cây mà trước kia những cành ô liu dại đã được ghép vào, nay nó mọc lớn mạnh và bắt đầu có trái. Và ông nhận thấy nó tươi tốt và những trái của nó chẳng khác chi trái thiên nhiên.

And it came to pass that the servant of the Lord of the vineyard did according to the word of the Lord of the vineyard, and grafted in the branches of the wild olive tree.

And the Lord of the vineyard caused that it should be digged about, and pruned, and nourished, saying unto his servant: It grieveth me that I should lose this tree; wherefore, that perhaps I might preserve the roots thereof that they perish not, that I might preserve them unto myself, I have done this thing.

Wherefore, go thy way; watch the tree, and nourish it, according to my words.

And these will I place in the nethermost part of my vineyard, whithersoever I will, it mattereth not unto thee; and I do it that I may preserve unto myself the natural branches of the tree; and also, that I may lay up fruit thereof against the season, unto myself; for it grieveth me that I should lose this tree and the fruit thereof.

And it came to pass that the Lord of the vineyard went his way, and hid the natural branches of the tame olive tree in the nethermost parts of the vineyard, some in one and some in another, according to his will and pleasure.

And it came to pass that a long time passed away, and the Lord of the vineyard said unto his servant: Come, let us go down into the vineyard, that we may labor in the vineyard.

And it came to pass that the Lord of the vineyard, and also the servant, went down into the vineyard to labor. And it came to pass that the servant said unto his master: Behold, look here; behold the tree.

And it came to pass that the Lord of the vineyard looked and beheld the tree in the which the wild olive branches had been grafted; and it had sprung forth and begun to bear fruit. And he beheld that it was good; and the fruit thereof was like unto the natural fruit.

18 Và ông bèn bảo người tôi tớ rằng: Nay, những cành cây dại ghép vào đã giữ được nhựa của rễ cây khiến cho rễ cây mang được một sức sống dồi dào; và cũng nhờ sức sống dồi dào của rễ nên những cành cây dại đã kết được những trái lành. Nay, nếu lúc trước chúng ta không ghép vào những cành này thì nay cây này đã chết rồi. Và giờ đây, kìa, ta sẽ thu hoạch được nhiều trái mà cây này đã kết được, và ta sẽ để dành những trái này cho ta khi lúc trái mùa.

19 Và chuyện rằng, Chúa vườn bảo người tôi tớ rằng: Nào, chúng ta hãy đi xuống chỗ xa nhất trong vườn để xem những cành thiên nhiên của cây ấy có kết nhiều trái không, hầu ta có thể để dành trái của nó cho ta khi lúc trái mùa.

20 Và chuyện rằng, cả hai cùng đi đến nơi mà ngày trước chủ vườn đã trồng giấu những cành thiên nhiên của cây ô liu ấy. Ông bảo tôi tớ của ông rằng: Hãy xem những cành cây này; và người tôi tớ thấy rằng cành cây thứ nhất đã kết được nhiều trái, và người tôi tớ cũng thấy rằng những trái ấy rất tốt. Ông bèn bảo người tôi tớ: Người hãy hái những trái này và để dành nó cho lúc trái mùa, ngõ hầu ta có thể cất giữ nó cho riêng ta; vì này, ông bảo, ta đã chăm bón trong suốt thời gian dài qua, và nay nó đã kết nhiều trái.

21 Và chuyện rằng, người tôi tớ thưa cùng chủ mình rằng: Thưa, cố sao Ngài lại tới đây để trồng cây này hay cành này? Vì này, nơi đây là chỗ đất xấu nhất trong vườn.

22 Chúa vườn bèn nói với hắn: Chớ khuyên dạy ta; ta biết nơi đây là phần đất xấu, vậy nên ta đã bảo người rằng: Ta đã chăm bón nó trong suốt thời gian dài qua, và như người đã thấy, nay nó đã kết nhiều trái.

23 Và chuyện rằng Chúa vườn bảo người tôi tớ rằng: Hãy xem đây! Nay ta có trồng một cành khác của cây ấy ở đây nữa; và người biết rằng phần đất này lại còn xấu hơn phần đất trước nữa. Nhưng hãy nhìn xem cây này! Ta đã chăm bón nó suốt thời gian dài qua, và nay nó kết nhiều trái; vậy hãy hái những trái ấy và để dành nó cho lúc trái mùa, ngõ hầu ta có thể cất giữ nó cho riêng ta.

And he said unto the servant: Behold, the branches of the wild tree have taken hold of the moisture of the root thereof, that the root thereof hath brought forth much strength; and because of the much strength of the root thereof the wild branches have brought forth tame fruit. Now, if we had not grafted in these branches, the tree thereof would have perished. And now, behold, I shall lay up much fruit, which the tree thereof hath brought forth; and the fruit thereof I shall lay up against the season, unto mine own self.

And it came to pass that the Lord of the vineyard said unto the servant: Come, let us go to the nethermost part of the vineyard, and behold if the natural branches of the tree have not brought forth much fruit also, that I may lay up of the fruit thereof against the season, unto mine own self.

And it came to pass that they went forth whither the master had hid the natural branches of the tree, and he said unto the servant: Behold these; and he beheld the first that it had brought forth much fruit; and he beheld also that it was good. And he said unto the servant: Take of the fruit thereof, and lay it up against the season, that I may preserve it unto mine own self; for behold, said he, this long time have I nourished it, and it hath brought forth much fruit.

And it came to pass that the servant said unto his master: How comest thou hither to plant this tree, or this branch of the tree? For behold, it was the poorest spot in all the land of thy vineyard.

And the Lord of the vineyard said unto him: Counsel me not; I knew that it was a poor spot of ground; wherefore, I said unto thee, I have nourished it this long time, and thou beholdest that it hath brought forth much fruit.

And it came to pass that the Lord of the vineyard said unto his servant: Look hither; behold I have planted another branch of the tree also; and thou knowest that this spot of ground was poorer than the first. But, behold the tree. I have nourished it this long time, and it hath brought forth much fruit; therefore, gather it, and lay it up against the season, that I may preserve it unto mine own self.

- 24 Và chuyện rằng, Chúa vườn lại bảo người tôi tớ của mình rằng: Hãy xem đây! Hãy nhìn một cành khác nữa đây mà ta đã trồng; này, ta cũng đã chăm bón cây này, và nó đã kết trái.
- 25 Rồi ông bảo người tôi tớ: Hãy xem đây, hãy nhìn cây cuối cùng này! Này, cây này ta đã trồng trong một phần đất tốt, và ta đã chăm sóc nó suốt thời gian dài qua, nhưng chỉ có một phần của cây kết cho ta những quả lành, còn những phần khác của cây toàn kết trái dại cả; này, ta đã chăm bón cây này chẳng khác chi những cây khác.
- 26 Và chuyện rằng, Chúa vườn bảo người tôi tớ rằng: Hãy cắt những cành không kết trái lành và quăng hết vào lửa cho ta.
- 27 Nhưng này, người tôi tớ bèn thưa với ông rằng: Chúng ta hãy tĩa xén nó, vun xới nó và chăm bón nó một thời gian nữa, rồi biết đâu nó chẳng đem lại cho Ngài những trái tốt lành để Ngài có thể để dành cho lúc trái mùa.
- 28 Và chuyện rằng, Chúa vườn cùng tôi tớ của Chúa vườn chăm bón tất cả các cây trái trong vườn.
- 29 Và chuyện rằng, một thời gian lâu qua đi, Chúa vườn bèn bảo tôi tớ của ông rằng: Nào, chúng ta hãy đi xuống vườn để chúng ta có thể làm việc lại trong vườn. Vì này, thời gian đã gần kề, và sự cuối cùng cũng sắp đến rồi, vậy nên, ta cần phải để dành các trái cho ta khi trái mùa.
- 30 Và chuyện rằng, Chúa vườn và người tôi tớ đi xuống vườn. Cả hai cùng đi đến cây mà lúc trước những cành thiên nhiên đã bị cắt bỏ, và những cành dại đã được ghép thay vào. Này, đủ loại trái đã kết nặng trĩu trên cành!
- 31 Và chuyện rằng, Chúa vườn ném thử trái cây ấy, ông ném đủ loại theo thứ tự của nó. Rồi Chúa vườn bảo rằng: Này, chúng ta đã chăm bón cây này suốt thời gian dài qua, và nay ta đã để dành cho ta được nhiều trái cho lúc trái mùa.
- And it came to pass that the Lord of the vineyard said again unto his servant: Look hither, and behold another branch also, which I have planted; behold that I have nourished it also, and it hath brought forth fruit.
- And he said unto the servant: Look hither and behold the last. Behold, this have I planted in a good spot of ground; and I have nourished it this long time, and only a part of the tree hath brought forth tame fruit, and the other part of the tree hath brought forth wild fruit; behold, I have nourished this tree like unto the others.
- And it came to pass that the Lord of the vineyard said unto the servant: Pluck off the branches that have not brought forth good fruit, and cast them into the fire.
- But behold, the servant said unto him: Let us prune it, and dig about it, and nourish it a little longer, that perhaps it may bring forth good fruit unto thee, that thou canst lay it up against the season.
- And it came to pass that the Lord of the vineyard and the servant of the Lord of the vineyard did nourish all the fruit of the vineyard.
- And it came to pass that a long time had passed away, and the Lord of the vineyard said unto his servant: Come, let us go down into the vineyard, that we may labor again in the vineyard. For behold, the time draweth near, and the end soon cometh; wherefore, I must lay up fruit against the season, unto mine own self.
- And it came to pass that the Lord of the vineyard and the servant went down into the vineyard; and they came to the tree whose natural branches had been broken off, and the wild branches had been grafted in; and behold all sorts of fruit did cumber the tree.
- And it came to pass that the Lord of the vineyard did taste of the fruit, every sort according to its number. And the Lord of the vineyard said: Behold, this long time have we nourished this tree, and I have laid up unto myself against the season much fruit.

32 Nhưng này, mặc dù lần này nó kết nhiều trái, nhưng chẳng có trái nào tốt lành cả. Và này, nó cho ta đủ loại trái xấu, và nó chẳng lợi ích gì cho ta cả, mặc dù với biết bao công lao khó nhọc của chúng ta; và giờ đây, ta lấy làm đau buồn là ta phải mất cây này.

33 Rồi Chúa vườn hỏi người tôi tớ rằng: Bây giờ chúng ta phải làm gì với cây này để ta có thể thu hoạch được lại những trái tốt cho riêng ta?

34 Người tôi tớ bèn thưa với chủ mình rằng: Này, vì Ngài đã ghép những cành cây ô liu dại vào cây này để nó nuôi dưỡng những rễ cây ấy sống và không chết; nhờ thế mà Ngài thấy nó vẫn được tươi tốt.

35 Và chuyện rằng, Chúa vườn bèn bảo người tôi tớ của mình rằng: Cây này chẳng đem lại lợi ích gì cho ta, cả rễ cây này nữa, cũng chẳng ích lợi gì cho ta nếu nó vẫn đem lại cho ta những trái xấu.

36 Tuy nhiên ta biết rằng, những rễ cây này đều tốt cả, và vì mục đích riêng của ta, ta đã giữ gìn chúng; và cũng vì chúng còn đầy sức sống mạnh nên, cho tới giờ, chúng vẫn kết trái tốt trên những cành dại.

37 Nhưng này, những cành dại đã mọc lấn các rễ cây ấy; và cũng vì những cành dại đã mọc lên mạnh hơn rễ nên cây đã kết nhiều trái xấu; và vì cây đã kết quá nhiều trái xấu nên người thấy rằng cây đã bắt đầu héo tàn; và chẳng bao lâu sẽ tới lúc nó chín muồi và phải bị ném vào lửa, trừ phi chúng ta phải làm một việc gì để gìn giữ nó.

38 Và chuyện rằng, Chúa vườn đã bảo người tôi tớ của mình rằng: Chúng ta hãy đi xuống chỗ xa nhất trong vườn để xem những cành thiên nhiên của cây ấy có kết trái xấu không.

39 Và chuyện rằng, hai người cùng đi xuống chỗ xa nhất trong vườn. Và chuyện rằng, họ trông thấy những trái do cành thiên nhiên sinh ra cũng hư; phải, cả cành thứ nhất lẫn cành thứ nhì và cành cuối cùng; và tất cả trái đều hư hết.

But behold, this time it hath brought forth much fruit, and there is none of it which is good. And behold, there are all kinds of bad fruit; and it profiteth me nothing, notwithstanding all our labor; and now it grieveth me that I should lose this tree.

And the Lord of the vineyard said unto the servant: What shall we do unto the tree, that I may preserve again good fruit thereof unto mine own self?

And the servant said unto his master: Behold, because thou didst graft in the branches of the wild olive tree they have nourished the roots, that they are alive and they have not perished; wherefore thou beholdest that they are yet good.

And it came to pass that the Lord of the vineyard said unto his servant: The tree profiteth me nothing, and the roots thereof profit me nothing so long as it shall bring forth evil fruit.

Nevertheless, I know that the roots are good, and for mine own purpose I have preserved them; and because of their much strength they have hitherto brought forth, from the wild branches, good fruit.

But behold, the wild branches have grown and have overrun the roots thereof; and because that the wild branches have overcome the roots thereof it hath brought forth much evil fruit; and because that it hath brought forth so much evil fruit thou beholdest that it beginneth to perish; and it will soon become ripened, that it may be cast into the fire, except we should do something for it to preserve it.

And it came to pass that the Lord of the vineyard said unto his servant: Let us go down into the nethermost parts of the vineyard, and behold if the natural branches have also brought forth evil fruit.

And it came to pass that they went down into the nethermost parts of the vineyard. And it came to pass that they beheld that the fruit of the natural branches had become corrupt also; yea, the first and the second and also the last; and they had all become corrupt.

40 Và những trái dại của cành cuối cùng đã lan tràn phần cây mà trước kia đã kết trái tốt, đến nỗi cành này đã khô héo và chết.

41 Và chuyện rằng, Chúa vườn khóc và bảo người tôi tớ rằng: Ta đã có thể làm gì hơn nữa cho vườn cây này của ta?

42 Nay, ta đã biết rằng tất cả những trái cây trong vườn, trừ những cây này, đều hư hết. Và giờ đây, ngay cả những cây này đã có lần kết trái tốt nay cũng trở nên hư; và giờ đây, tất cả cây trong vườn của ta đều vô dụng hết, chỉ còn cách đốn đi và ném vào lửa mà thôi.

43 Và hãy nhìn xem cây cuối cùng này, là cây có cành khô héo, ta đã trồng nó trong một chỗ đất tốt; phải, một chỗ đất chọn lọc cho ta hơn hết thảy mọi nơi khác trong vườn của ta.

44 Và người đã thấy rằng ta cũng đã đốn hết những cây khác đã choán chỗ đất này để ta có thể trồng cây này thay vào.

45 Và người đã thấy rằng, một phần của cây đã kết trái tốt, và một phần của cây thì kết trái dại; và cũng vì ta không chịu chặt những cành xấu đi và quăng vào lửa, này, chúng đã lấn qua phần tốt của cây, đến nỗi nay nó đã khô héo.

46 Và giờ đây, này, mặc dù với tất cả sự chăm sóc chúng ta đã dành cho khu vườn này, nhưng các cây trong vườn đều hư hết, khiến chúng không còn kết được một trái tốt lành nào nữa, và ta đã từng hy vọng giữ gìn chúng để có thể để dành trái được cho ta lúc trái mùa. Nhưng, này, chúng chẳng khác chi cây ô liu dại, và chúng không còn giá trị gì nữa, mà chỉ còn cách bị đốn đi và ném vào lửa mà thôi; và ta lấy làm đau buồn là ta phải mất chúng.

47 Nhưng ta đã có thể làm gì hơn nữa trong vườn của ta? Phải chăng ta đã nghỉ tay không chăm bón nó? Không, ta đã chăm sóc nó, đã vun xới nó, đã tưới xén và đã bón phân cho nó. Hầu như suốt ngày bàn tay ta đã dang ra, và sự cuối cùng đã gần kề. Ta rất lấy làm đau buồn là ta phải đốn tất cả cây trong vườn của ta, và quăng chúng vào lửa để đốt bỏ chúng đi. Ai là người đã làm hư vườn của ta?

And the wild fruit of the last had overcome that part of the tree which brought forth good fruit, even that the branch had withered away and died.

And it came to pass that the Lord of the vineyard wept, and said unto the servant: What could I have done more for my vineyard?

Behold, I knew that all the fruit of the vineyard, save it were these, had become corrupted. And now these which have once brought forth good fruit have also become corrupted; and now all the trees of my vineyard are good for nothing save it be to be hewn down and cast into the fire.

And behold this last, whose branch hath withered away, I did plant in a good spot of ground; yea, even that which was choice unto me above all other parts of the land of my vineyard.

And thou beheldest that I also cut down that which cumbered this spot of ground, that I might plant this tree in the stead thereof.

And thou beheldest that a part thereof brought forth good fruit, and a part thereof brought forth wild fruit; and because I plucked not the branches thereof and cast them into the fire, behold, they have overcome the good branch that it hath withered away.

And now, behold, notwithstanding all the care which we have taken of my vineyard, the trees thereof have become corrupted, that they bring forth no good fruit; and these I had hoped to preserve, to have laid up fruit thereof against the season, unto mine own self. But, behold, they have become like unto the wild olive tree, and they are of no worth but to be hewn down and cast into the fire; and it grieveth me that I should lose them.

But what could I have done more in my vineyard? Have I slackened mine hand, that I have not nourished it? Nay, I have nourished it, and I have digged about it, and I have pruned it, and I have dunged it; and I have stretched forth mine hand almost all the day long, and the end draweth nigh. And it grieveth me that I should hew down all the trees of my vineyard, and cast them into the fire that they should be burned. Who is it that has corrupted my vineyard?

48 Và chuyện rằng, người tôi tớ bèn thưa với chủ mình rằng: Phải chăng đó là vì cây trong vườn mọc cao quá—phải chăng vì những cành cây đã lấn áp phần rễ cây tốt ở dưới? Và phải chăng vì các cành cây đã lấn áp rễ cây, nên này, chúng đã mọc mau lẹ hơn sức sống của rễ cây, chúng đã giành hết sức sống về phần chúng. Này, tôi xin thưa, phải chăng đó là nguyên do đã làm cho những cây trong vườn của Ngài hư hết?

49 Và chuyện rằng, Chúa vườn đã bảo người tôi tớ rằng: Chúng ta hãy đi đốn hết cây trong vườn và ném chúng vào lửa, để chúng không còn choán đất trong vườn của ta nữa, vì ta đã làm tất cả mọi việc cho chúng rồi. Ta đã có thể làm gì hơn nữa cho vườn cây của ta?

50 Nhưng này, người tôi tớ lại thưa cùng Chúa vườn rằng: Xin Ngài hãy tha cho nó một thời gian ngắn nữa.

51 Chúa vườn bèn nói rằng: Phải, ta sẽ tha cho nó một thời gian ngắn nữa, vì ta cũng lấy làm đau buồn là ta phải mất những cây trong vườn của ta.

52 Vậy nên, chúng ta hãy cắt những cành của những cây mà ta đã trồng trong chỗ xa nhất trong vườn của ta, rồi chúng ta hãy đem ghép chúng lại với cây hồi trước của chúng; và chúng ta hãy chặt bỏ những cành có trái đắng đi, và ghép những cành thiên nhiên thay vào những chỗ đó.

53 Và ta sẽ làm vậy là để cho cây khỏi bị chết, để may ra, ta có thể gìn giữ rễ của nó cho mục đích riêng của ta.

54 Và, này, những rễ của các cành thiên nhiên của cây mà ta đã trồng tại những nơi ta thích nay vẫn còn sống; vậy nên, để ta có thể gìn giữ chúng cho mục đích riêng của ta, ta sẽ lấy những cành của cây này đem ghép trở lại với chúng. Phải, ta sẽ ghép những cành cây vào cây mẹ của chúng, để ta cũng có thể gìn giữ cho riêng ta những rễ cây, và đợi cho đến khi nào chúng đủ sức mạnh, thì biết đâu, chúng lại chẳng kết cho ta những trái tốt lành, và ta vẫn có thể hãnh diện về những trái cây trong vườn của ta.

And it came to pass that the servant said unto his master: Is it not the loftiness of thy vineyard—have not the branches thereof overcome the roots which are good? And because the branches have overcome the roots thereof, behold they grew faster than the strength of the roots, taking strength unto themselves. Behold, I say, is not this the cause that the trees of thy vineyard have become corrupted?

And it came to pass that the Lord of the vineyard said unto the servant: Let us go to and hew down the trees of the vineyard and cast them into the fire, that they shall not cumber the ground of my vineyard, for I have done all. What could I have done more for my vineyard?

But, behold, the servant said unto the Lord of the vineyard: Spare it a little longer.

And the Lord said: Yea, I will spare it a little longer, for it grieveth me that I should lose the trees of my vineyard.

Wherefore, let us take of the branches of these which I have planted in the nethermost parts of my vineyard, and let us graft them into the tree from whence they came; and let us pluck from the tree those branches whose fruit is most bitter, and graft in the natural branches of the tree in the stead thereof.

And this will I do that the tree may not perish, that, perhaps, I may preserve unto myself the roots thereof for mine own purpose.

And, behold, the roots of the natural branches of the tree which I planted whithersoever I would are yet alive; wherefore, that I may preserve them also for mine own purpose, I will take of the branches of this tree, and I will graft them in unto them. Yea, I will graft in unto them the branches of their mother tree, that I may preserve the roots also unto mine own self, that when they shall be sufficiently strong perhaps they may bring forth good fruit unto me, and I may yet have glory in the fruit of my vineyard.

55 Và chuyện rằng, cả hai người bèn lấy những cành cây từ cây thiên nhiên nhưng nay nó đã trở thành hoang dại, và đem ghép vào với những cây thiên nhiên mà nay chúng cũng đã trở thành hoang dại.

56 Và họ còn lấy những cành của các cây thiên nhiên nhưng nay đã trở thành hoang dại mà ghép vào với cây mẹ của chúng.

57 Rồi Chúa vườn bảo người tôi tớ rằng: Chớ bẻ những cành cây dại, mà hãy bẻ những cành có trái đắng nhất; và ghép những cành thiên nhiên vào như lời ta đã nói.

58 Và chúng ta sẽ lại chăm bón những cây trong vườn, và chúng ta sẽ tỉa xén các cành và cắt bỏ những cành chín muồi và phải chết mà ném chúng vào lửa.

59 Và ta làm như vậy để may ra rễ cây sẽ lấy lại được sức sống vì chúng vốn rất tốt; và nhờ sự thay đổi các cành mà cành tốt có thể lấn áp được cành xấu.

60 Và vì ta đã gìn giữ các cành thiên nhiên cùng với rễ của chúng, và ta đã ghép những cành thiên nhiên này trở lại với cây mẹ của chúng, và đã gìn giữ những rễ cây mẹ, để may ra, những cây trong vườn của ta sẽ có thể kết lại những trái tốt lành; và để ta có thể tìm lại được niềm vui về những trái trong vườn của ta, và biết đâu, ta sẽ được vô cùng hân hoan vì ta đã gìn giữ được cả rễ lẫn cành của cây đầu tiên—

61 Vậy nên, hãy đi gọi các tôi tớ lại đây, để chúng ta cùng làm việc cần mẫn với tất cả sức lực của chúng ta trong vườn, để chúng ta có thể chuẩn bị đường lối, ngõ hầu ta lại có được trái thiên nhiên, là trái tốt lành và quý báu hơn hết thảy mọi trái khác.

62 Vậy nên, chúng ta hãy đi và làm việc tận lực một lần chót, vì này, sự cuối cùng đã gần kề, và đây cũng là lần chót mà ta xén tỉa vườn cây của ta.

And it came to pass that they took from the natural tree which had become wild, and grafted in unto the natural trees, which also had become wild.

And they also took of the natural trees which had become wild, and grafted into their mother tree.

And the Lord of the vineyard said unto the servant: Pluck not the wild branches from the trees, save it be those which are most bitter; and in them ye shall graft according to that which I have said.

And we will nourish again the trees of the vineyard, and we will trim up the branches thereof; and we will pluck from the trees those branches which are ripened, that must perish, and cast them into the fire.

And this I do that, perhaps, the roots thereof may take strength because of their goodness; and because of the change of the branches, that the good may overcome the evil.

And because that I have preserved the natural branches and the roots thereof, and that I have grafted in the natural branches again into their mother tree, and have preserved the roots of their mother tree, that, perhaps, the trees of my vineyard may bring forth again good fruit; and that I may have joy again in the fruit of my vineyard, and, perhaps, that I may rejoice exceedingly that I have preserved the roots and the branches of the first fruit—

Wherefore, go to, and call servants, that we may labor diligently with our might in the vineyard, that we may prepare the way, that I may bring forth again the natural fruit, which natural fruit is good and the most precious above all other fruit.

Wherefore, let us go to and labor with our might this last time, for behold the end draweth nigh, and this is for the last time that I shall prune my vineyard.

- 63 Hãy ghép những cành vào; hãy bắt đầu bằng những cành cuối cùng để chúng sẽ trở thành những cành đầu tiên, và rồi những cành đầu tiên sẽ trở thành những cành cuối cùng, và hãy vun xới các cây, cả cây non lẫn cây già, cả cây đầu tiên lẫn cây cuối cùng; và cây cuối cùng lẫn cây đầu tiên, để cho tất cả mọi cây đều có thể được chăm bón một lần cuối.
- 64 Vậy nên, hãy vun xới, tỉa xén và bón phân cho chúng một lần cuối, vì sự cuối cùng đã gần kề. Và nếu những cành ghép lần chót này nảy nở và kết thành những trái thiên nhiên, thì lúc đó, các người hãy chuẩn bị con đường cho chúng để chúng có thể nảy nở.
- 65 Và khi nào chúng bắt đầu nảy nở, thì các người sẽ tỉa xén bớt những cành có trái đắng, tùy theo sức mọc và độ lớn của chúng; và các người chớ cắt bỏ những cành xấu ngay một lúc, vì sợ rằng, rễ cây mạnh quá đối với những cành mới ghép, rồi làm những cành mới ghép sẽ chết đi, và ta sẽ mất hết những cây trong vườn của ta.
- 66 Vì ta sẽ đau buồn nếu ta phải mất những cây trong vườn của ta; vậy nên các người chỉ nên cắt bỏ những cành xấu tùy theo sức lớn của cành tốt, để cho sức sống của rễ cây và ngọn cây được đồng đều, cho đến khi nào cành tốt lấn áp được cành xấu, và những cành xấu đều bị đốn đi và ném vào lửa hết, để cho chúng không choán đất trong vườn của ta, và như vậy, ta sẽ loại bỏ được những cây xấu khỏi vườn của ta.
- 67 Và các cành của cây thiên nhiên ta sẽ ghép trở lại vào cây thiên nhiên;
- 68 Và các cành của cây thiên nhiên ta sẽ ghép vào những cành thiên nhiên của cây; và cứ thế, ta sẽ ghép chúng lại với nhau để chúng kết trái thiên nhiên, và chúng sẽ trở thành một.
- 69 Và những cây xấu sẽ bị loại bỏ, phải, chúng sẽ bị loại bỏ khỏi phần đất trong vườn cây của ta; vì này, ta chỉ tỉa xén vườn cây của ta một lần này nữa mà thôi.
- 70 Và chuyện rằng, Chúa vườn phải tôi tớ của ông đi. Người tôi tớ ra đi làm đúng theo lời Chúa đã truyền lệnh; và còn đem theo những tôi tớ khác; và họ không đông lắm.

Graft in the branches; begin at the last that they may be first, and that the first may be last, and dig about the trees, both old and young, the first and the last; and the last and the first, that all may be nourished once again for the last time.

Wherefore, dig about them, and prune them, and dung them once more, for the last time, for the end draweth nigh. And if it be so that these last grafts shall grow, and bring forth the natural fruit, then shall ye prepare the way for them, that they may grow.

And as they begin to grow ye shall clear away the branches which bring forth bitter fruit, according to the strength of the good and the size thereof; and ye shall not clear away the bad thereof all at once, lest the roots thereof should be too strong for the graft, and the graft thereof shall perish, and I lose the trees of my vineyard.

For it grieveth me that I should lose the trees of my vineyard; wherefore ye shall clear away the bad according as the good shall grow, that the root and the top may be equal in strength, until the good shall overcome the bad, and the bad be hewn down and cast into the fire, that they cumber not the ground of my vineyard; and thus will I sweep away the bad out of my vineyard.

And the branches of the natural tree will I graft in again into the natural tree;

And the branches of the natural tree will I graft into the natural branches of the tree; and thus will I bring them together again, that they shall bring forth the natural fruit, and they shall be one.

And the bad shall be cast away, yea, even out of all the land of my vineyard; for behold, only this once will I prune my vineyard.

And it came to pass that the Lord of the vineyard sent his servant; and the servant went and did as the Lord had commanded him, and brought other servants; and they were few.



71 Và Chúa vườn bảo họ rằng: Các người hãy đi làm việc trong vườn với hết sức lực của mình. Vì này, đây là lần chót ta nuôi dưỡng vườn cây của ta; vì sự cuối cùng đã gần kề, và vụ mùa cũng sắp đến; và nếu các người đem hết sức mình ra làm việc với ta thì các người sẽ vui mừng về những trái mà ta sẽ dành cho ta để đề phòng thời gian sắp tới.

72 Và chuyện rằng, các tôi tớ ấy đi làm việc với hết sức lực của mình. Chúa vườn cũng ra làm việc chung với họ nữa, và họ đã tuân theo những lệnh truyền của Chúa vườn trong mọi việc.

73 Và rồi những trái thiên nhiên đã bắt đầu có lại trong vườn, và những cành thiên nhiên cũng bắt đầu nảy nở và lớn mạnh. Còn những cành cây dại bắt đầu bị cắt và loại bỏ; và họ giữ cho rễ và ngọn được thẳng bằng theo sự tăng trưởng sức sống của chúng.

74 Và cứ thế, họ đã cần mẫn làm việc theo những lệnh truyền của Chúa vườn cho đến khi những cành xấu đã bị loại bỏ khỏi vườn, và Chúa đã giữ cho mình những cây kết lại trái thiên nhiên; và những cây ấy đều trở thành một giống duy nhất, và những trái cây đều bằng nhau; và Chúa vườn đã giữ cho mình được những trái thiên nhiên là những trái quý giá nhất đối với ông từ lúc đầu.

75 Và chuyện rằng, khi Chúa vườn trông thấy trái cây của mình tốt và vườn cây của mình không còn hư nữa, ông bèn gọi các tôi tớ của mình lại mà bảo rằng: Này, đây là lần cuối cùng mà chúng ta nuôi dưỡng vườn cây của ta; và các người đã thấy rằng, ta đã làm theo ý muốn của ta; và ta đã giữ được những trái thiên nhiên tốt lành chẳng khác chi những trái lúc đầu. Và phước thay cho các người, vì các người đã cùng ta làm việc một cách cần mẫn trong vườn cây của ta, và đã tuân giữ những lệnh truyền của ta, và còn đem lại cho ta những trái thiên nhiên, khiến cho vườn của ta không còn hư nữa, và những cành xấu đều bị loại bỏ. Này, các người sẽ có được sự vui mừng với ta vì những trái cây trong vườn của ta.

And the Lord of the vineyard said unto them: Go to, and labor in the vineyard, with your might. For behold, this is the last time that I shall nourish my vineyard; for the end is nigh at hand, and the season speedily cometh; and if ye labor with your might with me ye shall have joy in the fruit which I shall lay up unto myself against the time which will soon come.

And it came to pass that the servants did go and labor with their might; and the Lord of the vineyard labored also with them; and they did obey the commandments of the Lord of the vineyard in all things.

And there began to be the natural fruit again in the vineyard; and the natural branches began to grow and thrive exceedingly; and the wild branches began to be plucked off and to be cast away; and they did keep the root and the top thereof equal, according to the strength thereof.

And thus they labored, with all diligence, according to the commandments of the Lord of the vineyard, even until the bad had been cast away out of the vineyard, and the Lord had preserved unto himself that the trees had become again the natural fruit; and they became like unto one body; and the fruits were equal; and the Lord of the vineyard had preserved unto himself the natural fruit, which was most precious unto him from the beginning.

And it came to pass that when the Lord of the vineyard saw that his fruit was good, and that his vineyard was no more corrupt, he called up his servants, and said unto them: Behold, for this last time have we nourished my vineyard; and thou beholdest that I have done according to my will; and I have preserved the natural fruit, that it is good, even like as it was in the beginning. And blessed art thou; for because ye have been diligent in laboring with me in my vineyard, and have kept my commandments, and have brought unto me again the natural fruit, that my vineyard is no more corrupted, and the bad is cast away, behold ye shall have joy with me because of the fruit of my vineyard.

76 Vì này, đã lâu lắm ta mới để dành được cho ta những trái trong vườn của ta cho lúc trái mùa, mà nó sẽ tới rất gần đây; và đây cũng là lần chót mà ta đã nuôi dưỡng vườn cây của ta, và tỉa xén, vun xới, và bón phân cho nó; vậy nên ta sẽ để dành cho ta những trái ấy trong một thời gian lâu dài, như ta đã từng nói.

77 Và khi đến lúc những trái xấu trở lại vườn của ta, thì lúc đó ta sẽ cho hái cả trái tốt lẫn trái xấu; và những trái tốt ta sẽ giữ lại cho ta, còn những trái xấu ta sẽ ném vào nơi dành riêng cho chúng. Và rồi vụ mùa và sự cuối cùng sẽ đến; và vườn cây của ta sẽ cho đốt cháy hết.

For behold, for a long time will I lay up of the fruit of my vineyard unto mine own self against the season, which speedily cometh; and for the last time have I nourished my vineyard, and pruned it, and dug about it, and dunged it; wherefore I will lay up unto mine own self of the fruit, for a long time, according to that which I have spoken.

And when the time cometh that evil fruit shall again come into my vineyard, then will I cause the good and the bad to be gathered; and the good will I preserve unto myself, and the bad will I cast away into its own place. And then cometh the season and the end; and my vineyard will I cause to be burned with fire.

## Gia Cóp 6

- 1 Và giờ đây, này, hỡi các anh em, tôi đã nói với các anh em rằng, tôi sẽ tiên tri, thì này đây là lời tiên tri của tôi rằng những gì mà tiên tri Giê Nốt đã nói, liên quan tới gia tộc Y Sơ Ra Ên, khi ông sánh họ như cây ô liu lành, đều chắc chắn phải xảy ra.
- 2 Và ngày mà Ngài sẽ đưa tay ra lần thứ hai để phục hồi dân Ngài, đó là ngày, phải, là lần cuối cùng, mà những tội tớ của Chúa sẽ ra đi nhờ quyền năng của Ngài để nuôi dưỡng và tỉa xén vườn cây của Ngài; và sau đó sự cuối cùng sẽ đến.
- 3 Và phước thay cho những ai đã cần mẫn làm việc trong vườn cây của Ngài; và đáng rửa sả thay cho những kẻ bị đuổi vào nơi dành riêng của mình! Và rồi thế gian sẽ bị lửa thiêu hủy.
- 4 Và Thượng Đế của chúng ta đã thương xót chúng ta biết bao, vì Ngài đã nhớ tới gia tộc Y Sơ Ra Ên, cả rễ lẫn nhánh. Ngài đưa tay ra cho họ suốt ngày; vậy mà họ lại là một dân tộc cứng cổ và hay chống báng; nhưng tất cả những ai không chai đá trong lòng đều sẽ được cứu vào vương quốc của Thượng Đế.
- 5 Vậy nên, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi van xin các người bằng những lời phải lẽ là các người hãy hối cải và đến với một tấm lòng cương quyết, và hãy gắn bó với Thượng Đế cũng như Ngài đã gắn bó với các người. Và một khi cánh tay thương xót của Ngài còn đưa ra đón chờ các người trong ánh sáng ban ngày, thì xin các người đừng có chai đá trong lòng.
- 6 Phải, nếu hôm nay các người nghe tiếng nói của Ngài, thì chớ có chai đá trong lòng; vì tại sao các người lại muốn chết?
- 7 Vì này, sau khi các người được nuôi dưỡng bằng lời tốt đẹp của Thượng Đế suốt ngày, lẽ nào các người lại còn muốn sinh ra trái xấu để các người phải bị đốn đi và ném vào lửa?

## Jacob 6

And now, behold, my brethren, as I said unto you that I would prophesy, behold, this is my prophecy—that the things which this prophet Zenos spake, concerning the house of Israel, in the which he likened them unto a tame olive tree, must surely come to pass.

And the day that he shall set his hand again the second time to recover his people, is the day, yea, even the last time, that the servants of the Lord shall go forth in his power, to nourish and prune his vineyard; and after that the end soon cometh.

And how blessed are they who have labored diligently in his vineyard; and how cursed are they who shall be cast out into their own place! And the world shall be burned with fire.

And how merciful is our God unto us, for he remembereth the house of Israel, both roots and branches; and he stretches forth his hands unto them all the day long; and they are a stiffnecked and a gainsaying people; but as many as will not harden their hearts shall be saved in the kingdom of God.

Wherefore, my beloved brethren, I beseech of you in words of soberness that ye would repent, and come with full purpose of heart, and cleave unto God as he cleaveth unto you. And while his arm of mercy is extended towards you in the light of the day, harden not your hearts.

Yea, today, if ye will hear his voice, harden not your hearts; for why will ye die?

For behold, after ye have been nourished by the good word of God all the day long, will ye bring forth evil fruit, that ye must be hewn down and cast into the fire?

- 8      Này, lẽ nào các người lại bác bỏ những lời này? Lẽ nào các người lại bác bỏ những lời của các vị tiên tri? Và lẽ nào các người lại bác bỏ tất cả những lời nói về Đấng Ky Tô sau khi đã có biết bao nhiêu người nói về Ngài? Lẽ nào các người lại chối bỏ những lời tốt đẹp của Đấng Ky Tô, và quyền năng của Thượng Đế, cùng ân tứ Đức Thánh Linh? Và lẽ nào các người lại dập tắt Thánh Linh và nhạo báng kế hoạch cứu chuộc vĩ đại đã được chuẩn bị trước cho mình?
- 9      Các người há không biết rằng, nếu các người làm như vậy, thì quyền năng cứu chuộc và phục sinh, hằng có nơi Đấng Ky Tô, sẽ đem các người đến trước rào phán xét của Thượng Đế với sự hổ thẹn và tội lỗi ghê gớm hay sao?
- 10     Và theo quyền năng của công lý, vì công lý không thể bị chối bỏ được, các người phải đi vào hồ lửa với diêm sinh, mà các ngọn lửa của nó không bao giờ tắt được, và khói của nó cứ bốc lên mãi mãi và đời đời; hồ lửa với diêm sinh ấy là cực hình bất tận.
- 11     Ôi, vậy thì, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, các người hãy hối cải và đi vào cổng hẹp, và hãy tiếp tục đi trên con đường hẹp, cho đến khi nào các người đạt được cuộc sống vĩnh cửu.
- 12     Ôi, hãy khôn ngoan! Bây giờ tôi còn biết nói gì thêm nữa đây?
- 13     Sau hết, tôi xin vĩnh biệt các người cho đến ngày tôi gặp lại các người trước rào phán xét dễ chịu của Thượng Đế, là nơi đánh những kẻ độc ác bằng sự sợ hãi kinh hồn. A Men.

Behold, will ye reject these words? Will ye reject the words of the prophets; and will ye reject all the words which have been spoken concerning Christ, after so many have spoken concerning him; and deny the good word of Christ, and the power of God, and the gift of the Holy Ghost, and quench the Holy Spirit, and make a mock of the great plan of redemption, which hath been laid for you?

Know ye not that if ye will do these things, that the power of the redemption and the resurrection, which is in Christ, will bring you to stand with shame and awful guilt before the bar of God?

And according to the power of justice, for justice cannot be denied, ye must go away into that lake of fire and brimstone, whose flames are unquenchable, and whose smoke ascendeth up forever and ever, which lake of fire and brimstone is endless torment.

O then, my beloved brethren, repent ye, and enter in at the strait gate, and continue in the way which is narrow, until ye shall obtain eternal life.

O be wise; what can I say more?

Finally, I bid you farewell, until I shall meet you before the pleasing bar of God, which bar striketh the wicked with awful dread and fear. Amen.

## Gia Cốp 7

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, mấy năm sau đó, có một người đàn ông đến ở với dân Nê Phi, tên hắn là Sê Rem.
- 2 Và chuyện rằng, hắn bắt đầu thuyết giảng trong dân chúng và tuyên bố với họ rằng sẽ không có Đấng Ky Tô. Và hắn còn giảng dạy nhiều điều nịnh hót dân chúng; và hắn làm như vậy để hắn có thể đánh đổ giáo lý của Đấng Ky Tô.
- 3 Và hắn cần mẫn làm việc để hắn có thể dẫn dụ lòng dân, đến nỗi hắn đã dẫn dụ được nhiều người; và khi hắn biết rằng, tôi, Gia Cốp có đức tin nơi Đấng Ky Tô là Đấng sẽ đến, hắn liền tìm nhiều cơ hội để hắn có thể đến với tôi.
- 4 Và hắn là người học rộng đến độ hắn có một sự hiểu biết tường tận về ngôn ngữ của dân chúng; vậy nên hắn đã đem tài ăn nói của mình ra nịnh hót dựa theo quyền năng của quỷ dữ.
- 5 Và hắn hy vọng có thể lay chuyển được đức tin của tôi, mặc dù có biết bao nhiêu điều mặc khải và nhiều điều mà tôi đã từng được chứng kiến về vấn đề này; vì quả thật tôi đã trông thấy các thiên sứ và các vị ấy đã thuyết giảng cho tôi. Ngoài ra đôi khi tôi còn được nghe cả tiếng nói của Chúa phán với tôi bằng chính giọng nói của Ngài; vậy nên, tôi không thể nào bị lay chuyển được.
- 6 Và chuyện rằng, hắn đã đến với tôi và nói với tôi những lời như vậy: Hỡi anh Gia Cốp, tôi đã tìm nhiều cơ hội để tôi có thể nói chuyện với anh; vì tôi thường nghe và cũng được biết rằng anh hay đi thuyết giảng những điều mà anh gọi là phúc âm hay là giáo lý của Đấng Ky Tô.

## Jacob 7

And now it came to pass after some years had passed away, there came a man among the people of Nephi, whose name was Sherem.

And it came to pass that he began to preach among the people, and to declare unto them that there should be no Christ. And he preached many things which were flattering unto the people; and this he did that he might overthrow the doctrine of Christ.

And he labored diligently that he might lead away the hearts of the people, insomuch that he did lead away many hearts; and he knowing that I, Jacob, had faith in Christ who should come, he sought much opportunity that he might come unto me.

And he was learned, that he had a perfect knowledge of the language of the people; wherefore, he could use much flattery, and much power of speech, according to the power of the devil.

And he had hope to shake me from the faith, notwithstanding the many revelations and the many things which I had seen concerning these things; for I truly had seen angels, and they had ministered unto me. And also, I had heard the voice of the Lord speaking unto me in very word, from time to time; wherefore, I could not be shaken.

And it came to pass that he came unto me, and on this wise did he speak unto me, saying: Brother Jacob, I have sought much opportunity that I might speak unto you; for I have heard and also know that thou goest about much, preaching that which ye call the gospel, or the doctrine of Christ.

- 7 Và anh đã dẫn dụ được một số đông dân này khiến họ đi sai đường lối ngay chính của Thượng Đế và không còn tuân giữ luật pháp Môi Se, là một luật pháp chân chính; và đã biến đổi luật pháp Môi Se thành sự tôn thờ một người, mà theo anh nói, sẽ hiện đến vào mấy trăm năm sau. Và giờ đây này, tôi, Sê Rem, xin tuyên bố với anh rằng, đây là một sự phạm thượng; vì không một ai có thể hiểu được những việc như vậy; vì không ai có thể nói được những điều chưa xảy tới. Và đó là luận điệu mà Sê Rem đã dùng để chống đối tôi.
- 8 Nhưng này, Đức Chúa Trời đã trút Thánh Linh của Ngài vào tâm hồn tôi đến nỗi tôi đã làm cho hẳn phải luống cuống trong mọi lời nói của hẳn.
- 9 Rồi tôi bảo hẳn rằng: Anh chớ bỏ Đấng Ky Tô là Đấng sẽ đến hay sao? Hẳn bèn trả lời: Nếu quả thật có một Đấng Ky Tô, thì tôi đâu dám chớ bỏ Ngài; nhưng tôi biết rằng không có Đấng Ky Tô, chưa bao giờ có, và cũng sẽ chẳng bao giờ có.
- 10 Tôi bèn hỏi hẳn: Anh có tin thánh thư không? Và hẳn đáp lời: Có.
- 11 Tôi bèn bảo hẳn: Như vậy là anh không hiểu thánh thư, vì quả thật thánh thư đã làm chứng về Đấng Ky Tô. Này, tôi nói cho anh hay rằng, chẳng có một vị tiên tri nào đã viết hay nói tiên tri mà không đề cập tới Đấng Ky Tô này.
- 12 Và như vậy chưa phải là hết—điều ấy còn biểu hiện rõ ràng cho tôi biết nữa, vì chính tôi đã được nghe và thấy; và điều ấy cũng đã được biểu hiện cho tôi biết bằng quyền năng của Đức Thánh Linh; vậy nên tôi biết rằng nếu không có sự chuộc tội thì tất cả loài người ắt sẽ bị lạc lối.
- 13 Và chuyện rằng, hẳn bảo tôi: Hãy cho tôi thấy một điềm triệu bằng quyền năng này của Đức Thánh Linh mà nhờ đó anh biết được nhiều việc như vậy.

And ye have led away much of this people that they pervert the right way of God, and keep not the law of Moses which is the right way; and convert the law of Moses into the worship of a being which ye say shall come many hundred years hence. And now behold, I, Sherem, declare unto you that this is blasphemy; for no man knoweth of such things; for he cannot tell of things to come. And after this manner did Sherem contend against me.

But behold, the Lord God poured in his Spirit into my soul, insomuch that I did confound him in all his words.

And I said unto him: Deniest thou the Christ who shall come? And he said: If there should be a Christ, I would not deny him; but I know that there is no Christ, neither has been, nor ever will be.

And I said unto him: Believest thou the scriptures? And he said, Yea.

And I said unto him: Then ye do not understand them; for they truly testify of Christ. Behold, I say unto you that none of the prophets have written, nor prophesied, save they have spoken concerning this Christ.

And this is not all—it has been made manifest unto me, for I have heard and seen; and it also has been made manifest unto me by the power of the Holy Ghost; wherefore, I know if there should be no atonement made all mankind must be lost.

And it came to pass that he said unto me: Show me a sign by this power of the Holy Ghost, in the which ye know so much.

- 14 Và tôi trả lời hắn rằng: Tôi là ai mà dám thử Thượng Đế để cho anh thấy một điềm triệu về điều mà chính anh đã biết rõ là có thật? Vậy mà anh chối bỏ điều đó là vì anh thuộc về quỷ dữ. Tuy nhiên, không phải ý tôi được nên, nhưng nếu Thượng Đế có đánh phạt anh, thì đó chính là một điềm triệu để chứng tỏ rằng Ngài có quyền năng cả trên trời lẫn dưới đất; và cũng để chứng tỏ rằng Đấng Ky Tô sẽ đến. Lạy Chúa, ý Ngài được nên, chứ không phải ý con.
- 15 Và chuyện rằng, tôi, Gia Cóp, sau khi nói xong những lời này, thì quyền năng của Chúa đã giáng xuống hẳn, đến nỗi hẳn phải ngã lăn xuống đất. Và chuyện rằng, hẳn phải được săn sóc nuôi dưỡng nhiều ngày.
- 16 Và chuyện rằng, hẳn đã nói với dân chúng: Ngày mai hãy tụ họp lại đây, vì tôi sẽ chết; vậy nên tôi muốn nói với dân chúng trước khi tôi chết.
- 17 Và chuyện rằng, ngày hôm sau, dân chúng tụ họp lại, và hẳn nói với họ một cách rõ ràng và phủ nhận tất cả những điều gì hẳn đã dạy họ từ trước đến nay, và hẳn thừa nhận Đấng Ky Tô cùng quyền năng của Đức Thánh Linh và sự phù trợ của các thiên sứ.
- 18 Và hẳn đã nói rõ cho dân chúng hay rằng hẳn đã bị quyền năng của quỷ dữ lừa gạt. Và hẳn còn nói về ngục giới và sự vĩnh cửu cùng hình phạt vĩnh cửu.
- 19 Rồi hẳn nói: Tôi e rằng tôi đã phạm một tội lỗi không thể tha thứ được, vì tôi đã dối Thượng Đế; vì tôi đã chối bỏ Đấng Ky Tô và nói rằng tôi tin thánh thư; quả thật thánh thư đã làm chứng về Ngài. Và vì tôi đã dối Thượng Đế như vậy nên tôi rất sợ rằng trường hợp của tôi sẽ rất khủng khiếp; tuy nhiên tôi vẫn thú tội với Thượng Đế.
- 20 Và chuyện rằng, sau khi nói xong những lời này hẳn không còn nói thêm được gì nữa và hẳn đã trút linh hồn.
- 21 Và sau khi dân chúng nghe được những lời hẳn nói trước khi hẳn trút linh hồn, họ quá đỗi ngạc nhiên; rồi quyền năng của Thượng Đế bao trùm lấy họ đến độ họ phải choáng váng và ngã xuống đất.

And I said unto him: What am I that I should tempt God to show unto thee a sign in the thing which thou knowest to be true? Yet thou wilt deny it, because thou art of the devil. Nevertheless, not my will be done; but if God shall smite thee, let that be a sign unto thee that he has power, both in heaven and in earth; and also, that Christ shall come. And thy will, O Lord, be done, and not mine.

And it came to pass that when I, Jacob, had spoken these words, the power of the Lord came upon him, insomuch that he fell to the earth. And it came to pass that he was nourished for the space of many days.

And it came to pass that he said unto the people: Gather together on the morrow, for I shall die; wherefore, I desire to speak unto the people before I shall die.

And it came to pass that on the morrow the multitude were gathered together; and he spake plainly unto them and denied the things which he had taught them, and confessed the Christ, and the power of the Holy Ghost, and the ministering of angels.

And he spake plainly unto them, that he had been deceived by the power of the devil. And he spake of hell, and of eternity, and of eternal punishment.

And he said: I fear lest I have committed the unpardonable sin, for I have lied unto God; for I denied the Christ, and said that I believed the scriptures; and they truly testify of him. And because I have thus lied unto God I greatly fear lest my case shall be awful; but I confess unto God.

And it came to pass that when he had said these words he could say no more, and he gave up the ghost.

And when the multitude had witnessed that he spake these things as he was about to give up the ghost, they were astonished exceedingly; insomuch that the power of God came down upon them, and they were overcome that they fell to the earth.

22 Giờ đây, sự việc này đã làm cho tôi là Gia Cóp hài lòng, vì tôi đã cầu xin điều này với Cha tôi trên trời; vì Ngài đã nghe lời kêu cầu của tôi, và nhậm lời cầu nguyện của tôi.

23 Và chuyện rằng, sự bình an và tình thương yêu Thượng Đế được phục hồi lại trong dân chúng; rồi họ tìm đọc thánh thư và không còn nghe theo những lời của người độc ác đó nữa.

24 Và chuyện rằng, có biết bao nhiêu phương cách được phác họa ra để cải thiện và phục hồi cho dân La Man sự hiểu biết về lẽ thật. Nhưng chỉ hoài công, vì họ chỉ thấy vui thích trong chiến tranh và đổ máu, và họ còn ôm lòng thù hận vĩnh cửu với chúng tôi là những người anh em của họ. Họ luôn luôn tìm cách hủy diệt chúng tôi bằng vũ lực.

25 Vậy nên, dân Nê Phi đã tăng cường chống lại họ với khí giới và với tất cả khả năng của mình, và đặt tin cậy vào Thượng Đế là đá cứu rỗi của họ; vậy nên, từ trước đến nay họ lúc nào cũng thắng được kẻ thù của mình.

26 Và chuyện rằng, tôi, Gia Cóp, bắt đầu trở nên già cả; và vì biên sử của dân tộc này đã được ghi khắc trên các bảng khắc khác của Nê Phi, nên tôi xin chấm dứt biên sử này, và xin tuyên bố rằng, tôi đã ghi chép với tất cả sự hiểu biết chín chắn nhất của tôi, và cũng xin nói thêm rằng, thời gian đã trôi qua cùng với chúng tôi, và cuộc đời của chúng tôi rồi đây cũng trôi qua như một giấc mộng. Hơn nữa chúng tôi chỉ là một dân tộc cô đơn, trầm lặng, nay đây mai đó, đã bị đuổi ra khỏi Giê Ru Sa Lem, và sinh trưởng trong nỗi thống khổ trong vùng hoang dã, đã bị anh em mình ghét bỏ, và điều đó đã gây ra biết bao chiến tranh cùng những cuộc tranh chấp; vậy nên, chúng tôi đã sống trọn cuộc đời của chúng tôi trong trạng thái buồn thảm.

27 Và tôi, Gia Cóp, thấy rằng mình sắp nằm xuống lòng mộ nay mai, nên đã dặn dò con trai tôi là Ê Nót rằng: Con hãy cất giữ những bảng khắc này. Tôi còn nói cho nó biết những điều mà anh Nê Phi của tôi đã dặn tôi phải làm, và nó có hứa là sẽ tuân theo những lời dặn bảo đó. Tôi xin chấm dứt việc ghi chép lên các bảng khắc này, mặc dù tôi chẳng ghi chép được gì nhiều; và tôi xin gửi lời chào vĩnh biệt độc giả, hy vọng rằng, những lời của tôi sẽ được nhiều đồng bào của tôi đọc tới. Vĩnh biệt đồng bào.

Now, this thing was pleasing unto me, Jacob, for I had requested it of my Father who was in heaven; for he had heard my cry and answered my prayer.

And it came to pass that peace and the love of God was restored again among the people; and they searched the scriptures, and hearkened no more to the words of this wicked man.

And it came to pass that many means were devised to reclaim and restore the Lamanites to the knowledge of the truth; but it all was vain, for they delighted in wars and bloodshed, and they had an eternal hatred against us, their brethren. And they sought by the power of their arms to destroy us continually.

Wherefore, the people of Nephi did fortify against them with their arms, and with all their might, trusting in the God and rock of their salvation; wherefore, they became as yet, conquerors of their enemies.

And it came to pass that I, Jacob, began to be old; and the record of this people being kept on the other plates of Nephi, wherefore, I conclude this record, declaring that I have written according to the best of my knowledge, by saying that the time passed away with us, and also our lives passed away like as it were unto us a dream, we being a lonesome and a solemn people, wanderers, cast out from Jerusalem, born in tribulation, in a wilderness, and hated of our brethren, which caused wars and contentions; wherefore, we did mourn out our days.

And I, Jacob, saw that I must soon go down to my grave; wherefore, I said unto my son Enos: Take these plates. And I told him the things which my brother Nephi had commanded me, and he promised obedience unto the commands. And I make an end of my writing upon these plates, which writing has been small; and to the reader I bid farewell, hoping that many of my brethren may read my words. Brethren, adieu.



## Sách Ê Nót

- 1 Đây, chuyện rằng, tôi, Ê Nót, biết cha tôi là một người công minh—vì ông đã dạy tôi bằng ngôn ngữ của ông và theo sự dưỡng dục cùng sự khuyên răn của Chúa—phước thay danh Thượng Đế của tôi về vấn đề này—
- 2 Và tôi xin kể cho các người nghe về sự phấn đấu của tôi trước Thượng Đế, trước khi tôi được xá miễn tội lỗi.
- 3 Đây, khi tôi vào rừng săn thú, thì những lời mà tôi thường nghe cha tôi nói về cuộc sống vĩnh cửu và niềm vui của các thánh đồ in sâu vào tim tôi.
- 4 Và tâm hồn tôi tràn đầy sự khao khát; tôi bèn quỳ xuống trước Đấng Sáng Tạo tôi, và tôi kêu cầu Ngài với lời cầu nguyện và khẩn cầu mãnh liệt cho tâm hồn tôi; và tôi đã kêu cầu Ngài suốt ngày; phải, và khi đêm đến, tôi vẫn còn cất cao lời van xin để cho những lời của tôi thấu đến các tầng trời.
- 5 Và thế rồi, một tiếng nói vọng đến tai tôi mà rằng: Ê Nót, người đã được tha tội, và người sẽ được phước.
- 6 Và tôi, Ê Nót, biết rằng Thượng Đế không thể nói dối được; vậy nên tội lỗi của tôi đã được tẩy sạch.
- 7 Và tôi thưa rằng: Lạy Chúa, làm sao điều này lại có thể xảy ra được?
- 8 Và Ngài phán cùng tôi rằng: Vì đức tin của người nơi Đấng Ky Tô, là Đấng mà người chưa từng nghe hay thấy. Và phải còn nhiều năm nữa Ngài mới biểu hiện trong xác thịt. Vậy nên, hãy đi, đức tin của người làm cho người được trọn lành.
- 9 Giờ đây, chuyện rằng, khi tôi nghe được những lời như vậy, tôi bắt đầu cảm thấy ước mong cho sự an lạc của đồng bào tôi, là dân Nê Phi; vậy nên, tôi đã đem hết tâm hồn mình dâng lên Thượng Đế vì họ.

## The Book of Enos

Behold, it came to pass that I, Enos, knowing my father that he was a just man—for he taught me in his language, and also in the nurture and admonition of the Lord—and blessed be the name of my God for it—

And I will tell you of the wrestle which I had before God, before I received a remission of my sins.

Behold, I went to hunt beasts in the forests; and the words which I had often heard my father speak concerning eternal life, and the joy of the saints, sunk deep into my heart.

And my soul hungered; and I kneeled down before my Maker, and I cried unto him in mighty prayer and supplication for mine own soul; and all the day long did I cry unto him; yea, and when the night came I did still raise my voice high that it reached the heavens.

And there came a voice unto me, saying: Enos, thy sins are forgiven thee, and thou shalt be blessed.

And I, Enos, knew that God could not lie; wherefore, my guilt was swept away.

And I said: Lord, how is it done?

And he said unto me: Because of thy faith in Christ, whom thou hast never before heard nor seen. And many years pass away before he shall manifest himself in the flesh; wherefore, go to, thy faith hath made thee whole.

Now, it came to pass that when I had heard these words I began to feel a desire for the welfare of my brethren, the Nephites; wherefore, I did pour out my whole soul unto God for them.

10 Và trong lúc tôi đang vận dụng hết tâm hồn mình như vậy, này, tiếng nói của Chúa lại đến với tâm trí tôi mà rằng: Ta sẽ đến viếng thăm đồng bào của người tùy theo sự chuyên tâm của chúng trong việc tuân giữ các lệnh truyền của ta. Ta đã ban cho chúng đất này, và đây là đất thánh; và ta sẽ không bao giờ rửa sạch đất này nếu không phải vì sự bất chính; vậy nên, ta sẽ đến viếng thăm đồng bào của người đúng như lời ta đã phán; và những tội lỗi của chúng, ta sẽ ghép cùng sự buồn khổ mà trút lên đầu chúng.

11 Và sau khi tôi, Ê Nót, nghe được những lời như vậy, thì đức tin của tôi nơi Chúa bắt đầu khó lay chuyển; và tôi vận dụng hết tâm hồn mình, khẩn cầu Ngài rất lâu cho đồng bào của tôi là dân La Man.

12 Và chuyện rằng, sau khi tôi chuyên tâm cầu nguyện và gắng sức thì Chúa phán bảo tôi rằng: Ta sẽ ban cho người theo những điều người mong muốn, nhờ đức tin của người.

13 Và giờ đây này, đây là điều mà tôi mong muốn cầu xin Ngài: Nếu quả thật dân của tôi, là dân Nê Phi một ngày kia sẽ sa vào vòng phạm giới, và bằng cách nào đó bị hủy diệt, còn dân La Man sẽ không bị hủy diệt, thì Đức Chúa Trời sẽ bảo tồn một biên sử của dân tôi, là dân Nê Phi; dù Ngài có phải dùng đến quyền năng cánh tay thánh của Ngài, để cho đến một ngày nào đó trong tương lai, biên sử này sẽ được truyền đến tay dân La Man, thì may ra, họ có thể sẽ được dẫn đến sự cứu rỗi—

14 Vì hiện nay, tất cả sự cố gắng của chúng tôi để phục hồi cho họ đức tin chân chính đều vô hiệu quả. Và họ còn thề nguyện trong cơn nóng giận rằng: Nếu có thể, họ sẽ hủy diệt hết những biên sử của chúng tôi cùng chúng tôi, và hủy diệt luôn cả những truyền thống của tổ phụ chúng tôi nữa.

15 Vậy nên, vì tôi biết được rằng Đức Chúa Trời có thể bảo tồn những biên sử của chúng tôi, tôi lại càng không ngớt kêu cầu Ngài, vì Ngài có phán bảo tôi rằng: Bất cứ điều gì người xin với đức tin, và tin tưởng rằng mình sẽ được ban cho trong danh Đấng Kỵ Tô, thì người sẽ nhận được.

16 Và tôi đã có đức tin, tôi đã kêu cầu Thượng Đế, xin Ngài bảo tồn các biên sử; và Ngài đã giao ước với tôi rằng Ngài sẽ mang nó tới người La Man khi đến kỳ định của Ngài.

And while I was thus struggling in the spirit, behold, the voice of the Lord came into my mind again, saying: I will visit thy brethren according to their diligence in keeping my commandments. I have given unto them this land, and it is a holy land; and I curse it not save it be for the cause of iniquity; wherefore, I will visit thy brethren according as I have said; and their transgressions will I bring down with sorrow upon their own heads.

And after I, Enos, had heard these words, my faith began to be unshaken in the Lord; and I prayed unto him with many long strugglings for my brethren, the Lamanites.

And it came to pass that after I had prayed and labored with all diligence, the Lord said unto me: I will grant unto thee according to thy desires, because of thy faith.

And now behold, this was the desire which I desired of him—that if it should so be, that my people, the Nephites, should fall into transgression, and by any means be destroyed, and the Lamanites should not be destroyed, that the Lord God would preserve a record of my people, the Nephites; even if it so be by the power of his holy arm, that it might be brought forth at some future day unto the Lamanites, that, perhaps, they might be brought unto salvation—

For at the present our strugglings were vain in restoring them to the true faith. And they swore in their wrath that, if it were possible, they would destroy our records and us, and also all the traditions of our fathers.

Wherefore, I knowing that the Lord God was able to preserve our records, I cried unto him continually, for he had said unto me: Whatsoever thing ye shall ask in faith, believing that ye shall receive in the name of Christ, ye shall receive it.

And I had faith, and I did cry unto God that he would preserve the records; and he covenanted with me that he would bring them forth unto the Lamanites in his own due time.

- 17 Và tôi, Ê Nót, biết rằng, điều này sẽ xảy ra đúng như giao ước mà Ngài đã lập; vậy nên, tâm hồn tôi được yên ổn.
- 18 Và Chúa có phán bảo tôi rằng: Tổ phụ của con cũng đã cầu khẩn ta điều này; và điều này sẽ được thực hiện cho họ theo đức tin của họ; vì đức tin của họ cũng giống như đức tin của con.
- 19 Và giờ đây chuyện rằng, tôi, Ê Nót đi khắp nơi trong dân Nê Phi, nói tiên tri về những điều sẽ xảy ra, và làm chứng cho những điều tôi đã được nghe và thấy.
- 20 Và tôi làm chứng rằng, dân Nê Phi đã chuyên tâm tìm cách để phục hồi cho người La Man đức tin chân chính nơi Thượng Đế. Nhưng công lao khó nhọc của chúng tôi đã vô hiệu quả; lòng thù hận của họ đã cố định, và họ đã buông thả theo bản chất xấu xa của họ, khiến họ trở nên một dân tộc dã man, tàn bạo, và khát máu, tôn thờ hình tượng, bần thủ, ăn thịt dã thú; họ ở trong các lều trại, và đi lang thang khắp chốn trong vùng hoang dã với khố da thắt ngang lưng và đầu cạo trọc; và tài năng của họ nằm trong việc sử dụng cung, đao, và rìu. Và phần đông họ chỉ ăn thịt sống; và họ luôn luôn tìm cách hủy diệt chúng tôi.
- 21 Và chuyện rằng, dân Nê Phi thì cày cấy đất đai, trồng tía đủ loại ngũ cốc, trái cây, chăn nuôi các đàn gia súc và các bầy thú, các đàn bò chiên đủ loại, dê, dê rừng, và nhiều ngựa.
- 22 Và có rất nhiều vị tiên tri ở giữa chúng tôi. Và dân chúng thì lại cứng cổ và chậm hiểu.
- 23 Và không có gì khác hơn ngoài sự nghiêm khắc, việc thuyết giảng và tiên tri về chiến tranh, những cuộc tranh chấp và diệt vong, để liên tục nhắc nhở họ về cái chết và sự trường tồn vĩnh cửu, cùng những sự phán xét và quyền năng của Thượng Đế, và tất cả những điều này—để thức tỉnh họ và giữ cho họ luôn luôn trong sự kính sợ Chúa. Tôi xin nói rằng, không có điều nào ngoài những điều này, và bằng những lời nói hết sức minh bạch, mới có thể ngăn ngừa họ khỏi bị chóng rơi vào chỗ diệt vong. Và theo cách thức này mà tôi viết về họ.

And I, Enos, knew it would be according to the covenant which he had made; wherefore my soul did rest.

And the Lord said unto me: Thy fathers have also required of me this thing; and it shall be done unto them according to their faith; for their faith was like unto thine.

And now it came to pass that I, Enos, went about among the people of Nephi, prophesying of things to come, and testifying of the things which I had heard and seen.

And I bear record that the people of Nephi did seek diligently to restore the Lamanites unto the true faith in God. But our labors were vain; their hatred was fixed, and they were led by their evil nature that they became wild, and ferocious, and a blood-thirsty people, full of idolatry and filthiness; feeding upon beasts of prey; dwelling in tents, and wandering about in the wilderness with a short skin girdle about their loins and their heads shaven; and their skill was in the bow, and in the cimeter, and the ax. And many of them did eat nothing save it was raw meat; and they were continually seeking to destroy us.

And it came to pass that the people of Nephi did till the land, and raise all manner of grain, and of fruit, and flocks of herds, and flocks of all manner of cattle of every kind, and goats, and wild goats, and also many horses.

And there were exceedingly many prophets among us. And the people were a stiffnecked people, hard to understand.

And there was nothing save it was exceeding harshness, preaching and prophesying of wars, and contentions, and destructions, and continually reminding them of death, and the duration of eternity, and the judgments and the power of God, and all these things—stirring them up continually to keep them in the fear of the Lord. I say there was nothing short of these things, and exceedingly great plainness of speech, would keep them from going down speedily to destruction. And after this manner do I write concerning them.

24 Và tôi đã nhìn thấy những cuộc chiến tranh giữa dân Nê Phi và dân La Man trong những ngày tháng của đời tôi.

25 Và chuyện rằng, tôi đã bắt đầu già cả, thế là một trăm bảy mươi chín năm đã qua rồi, kể từ ngày tổ phụ Lê Hi của chúng tôi rời Giê Ru Sa Lem.

26 Và tôi thấy rằng, chẳng còn bao lâu nữa tôi sẽ đi xuống mồ, sau khi đã được quyền năng của Thượng Đế tác động, để tôi phải thuyết giảng và nói tiên tri với dân này, và rao truyền lời của Thượng Đế theo lẽ thật hằng có trong Đấng Ky Tô. Và suốt đời tôi, tôi đã rao truyền lời đó, và vui với công việc này hơn hết mọi điều gì khác trên thế gian này.

27 Và chẳng còn bao lâu nữa tôi sẽ đến chôn an nghỉ của tôi, tức là về với Đấng Cứu Chuộc của tôi; vì tôi biết rằng, nơi Ngài tôi sẽ an nghỉ. Và tôi cảm thấy sung sướng khi nghĩ tới ngày mà thể xác hữu diệt của tôi đây sẽ được khoác lên sự bất diệt, và sẽ được đứng trước mặt Ngài; lúc đó tôi sẽ hân hoan nhìn thấy mặt Ngài, và Ngài sẽ phán bảo tôi rằng: Hãy đến cùng ta, hỡi người là kẻ được phước, có một chỗ đã sửa soạn sẵn cho người trong các gian nhà của Cha ta. A Men.

And I saw wars between the Nephites and Lamanites in the course of my days.

And it came to pass that I began to be old, and an hundred and seventy and nine years had passed away from the time that our father Lehi left Jerusalem.

And I saw that I must soon go down to my grave, having been wrought upon by the power of God that I must preach and prophesy unto this people, and declare the word according to the truth which is in Christ. And I have declared it in all my days, and have rejoiced in it above that of the world.

And I soon go to the place of my rest, which is with my Redeemer; for I know that in him I shall rest. And I rejoice in the day when my mortal shall put on immortality, and shall stand before him; then shall I see his face with pleasure, and he will say unto me: Come unto me, ye blessed, there is a place prepared for you in the mansions of my Father. Amen.

## Sách Gia Rôm

- 1 Giờ đây, này, tôi, Gia Rôm, xin được viết ít lời, theo lệnh của cha tôi là Ê Nót, để cho gia phả của chúng tôi được lưu giữ.
- 2 Và vì các bảng khắc này quá nhỏ, và những điều viết ra đây là nhằm mục đích có lợi ích cho đồng bào của chúng tôi là dân La Man, vậy nên tôi cần phải viết lên một ít; tuy nhiên, tôi sẽ không viết về những điều tôi tiên tri và những điều tôi được mặc khải. Vì tôi có thể viết gì hơn những điều mà tổ phụ tôi đã viết? Chẳng phải họ đã tiết lộ kế hoạch cứu rỗi hay sao? Tôi nói cho các người hay, phải, và như thế là đủ cho tôi lắm rồi.
- 3 Này, điều cần thiết là có nhiều việc phải làm ở giữa dân này, vì lòng họ chai đá, tai họ điếc, trí họ tối tăm, và cổ họ cứng; tuy nhiên, Thượng Đế vẫn còn thương xót họ vô cùng, và cho đến bây giờ Ngài cũng chưa nở quét họ khỏi mặt đất này.
- 4 Và trong số chúng ta cũng có nhiều người có được nhiều điều mặc khải, vì họ không phải ai cũng là những người cứng cổ. Và tất cả những ai không cứng cổ và có đức tin thì sẽ có được sự giao cảm với Đức Thánh Linh, là Đấng biểu hiện cho con cái loài người biết tùy theo đức tin của họ.
- 5 Và giờ đây, này, hai trăm năm đã trôi qua, và dân Nê Phi nay đã trở nên hùng mạnh trong xứ. Họ biết tuân giữ luật pháp Môi Se cùng giữ ngày sa bát được thánh đối với Chúa. Họ không phạm thượng và cũng không phỉ báng. Và các luật pháp trong xứ hết sức nghiêm nhặt.
- 6 Và họ sống phân tán khắp nơi trong xứ, và cả dân La Man cũng vậy. Và họ đông hơn dân Nê Phi; và họ thích sát nhân và uống máu thú vật.

## The Book of Jarom

Now behold, I, Jarom, write a few words according to the commandment of my father, Enos, that our genealogy may be kept.

And as these plates are small, and as these things are written for the intent of the benefit of our brethren the Lamanites, wherefore, it must needs be that I write a little; but I shall not write the things of my prophesying, nor of my revelations. For what could I write more than my fathers have written? For have not they revealed the plan of salvation? I say unto you, Yea; and this sufficeth me.

Behold, it is expedient that much should be done among this people, because of the hardness of their hearts, and the deafness of their ears, and the blindness of their minds, and the stiffness of their necks; nevertheless, God is exceedingly merciful unto them, and has not as yet swept them off from the face of the land.

And there are many among us who have many revelations, for they are not all stiffnecked. And as many as are not stiffnecked and have faith, have communion with the Holy Spirit, which maketh manifest unto the children of men, according to their faith.

And now, behold, two hundred years had passed away, and the people of Nephi had waxed strong in the land. They observed to keep the law of Moses and the sabbath day holy unto the Lord. And they profaned not; neither did they blaspheme. And the laws of the land were exceedingly strict.

And they were scattered upon much of the face of the land, and the Lamanites also. And they were exceedingly more numerous than were they of the Nephites; and they loved murder and would drink the blood of beasts.

7 Và chuyện rằng, họ đến gây chiến với chúng tôi, dân Nê Phi, rất nhiều lần. Nhưng các vua và các nhà lãnh đạo của chúng tôi là những người có đức tin mạnh mẽ ở Chúa; và họ đã dạy cho dân chúng biết những đường lối của Chúa; vậy nên, chúng tôi đã chống cự được dân La Man và đánh đuổi họ ra khỏi xứ sở chúng tôi; và chúng tôi bắt đầu củng cố lại các thành phố của chúng tôi, hay bất cứ nơi nào khác trên đất thừa hưởng của chúng tôi.

8 Và chúng tôi gia tăng dân số rất mau lẹ, và sống lan tràn khắp xứ, và trở nên vô cùng giàu có về vàng, bạc, các vật quý giá, các kiến trúc mỹ thuật bằng gỗ, các dinh thự, máy móc, và luôn cả sắt, đồng, thau, thép, làm được đủ loại dụng cụ cày xới đất, và vũ khí chiến tranh—phải, như những mũi tên bén nhọn, ống đựng tên, lao, giáo, và tất cả mọi thứ để chuẩn bị cho chiến tranh.

9 Và vì chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với dân La Man như vậy, nên họ không đánh thắng chúng tôi. Nhưng lời của Chúa đã được ứng nghiệm, khi Ngài phán với tổ phụ chúng tôi như vậy: Chừng nào các người còn biết tuân giữ các lệnh truyền của ta, thì các người sẽ được thịnh vượng trong xứ.

10 Và chuyện rằng, các vị tiên tri của Chúa cũng cảnh cáo dân Nê Phi, theo lời của Thượng Đế, rằng nếu họ không biết tuân giữ các lệnh truyền mà lại sa vào vòng phạm giới thì họ sẽ bị hủy diệt khỏi mặt đất.

11 Vậy nên, các vị tiên tri, các thầy tư tế và các thầy giảng đều cần mẫn làm việc và hết sức nhẫn nại khuyên nhủ dân chúng hãy cần mẫn, giảng dạy luật pháp Môi Se và mục đích của sự ban hành luật pháp này; thuyết phục dân chúng trông chờ Đấng Mê Si và tin nơi Ngài là Đấng sẽ đến như thể là Ngài đã đến rồi vậy. Và trên đây là những điều mà họ đã giảng dạy dân chúng.

12 Và chuyện rằng, nhờ làm vậy mà họ đã tránh cho dân chúng khỏi bị hủy diệt trên xứ sở này; vì họ dùng lời nói làm cắn rứt lòng dân chúng, và luôn luôn đưa dân chúng đến sự hối cải.

And it came to pass that they came many times against us, the Nephites, to battle. But our kings and our leaders were mighty men in the faith of the Lord; and they taught the people the ways of the Lord; wherefore, we withstood the Lamanites and swept them away out of our lands, and began to fortify our cities, or whatsoever place of our inheritance.

And we multiplied exceedingly, and spread upon the face of the land, and became exceedingly rich in gold, and in silver, and in precious things, and in fine workmanship of wood, in buildings, and in machinery, and also in iron and copper, and brass and steel, making all manner of tools of every kind to till the ground, and weapons of war—yea, the sharp pointed arrow, and the quiver, and the dart, and the javelin, and all preparations for war.

And thus being prepared to meet the Lamanites, they did not prosper against us. But the word of the Lord was verified, which he spake unto our fathers, saying that: Inasmuch as ye will keep my commandments ye shall prosper in the land.

And it came to pass that the prophets of the Lord did threaten the people of Nephi, according to the word of God, that if they did not keep the commandments, but should fall into transgression, they should be destroyed from off the face of the land.

Wherefore, the prophets, and the priests, and the teachers, did labor diligently, exhorting with all long-suffering the people to diligence; teaching the law of Moses, and the intent for which it was given; persuading them to look forward unto the Messiah, and believe in him to come as though he already was. And after this manner did they teach them.

And it came to pass that by so doing they kept them from being destroyed upon the face of the land; for they did prick their hearts with the word, continually stirring them up unto repentance.

13 Và chuyện rằng, hai trăm ba mươi tám năm đã trôi qua—mà phần lớn khoảng thời gian này đã đầy những cuộc chiến tranh, những sự tranh chấp, cùng những mối bất hòa.

14 Và tôi, Gia Rôm, không viết thêm gì nữa, vì các bảng khắc này quá nhỏ. Nhưng này, hỡi đồng bào, các người có thể tìm đọc những bảng khắc khác của Nê Phi; vì này, trên các bảng khắc đó có ghi chép các biên sử về các trận chiến của chúng ta, theo sự ghi chép của các vua, hay của những người mà họ sai ghi chép.

15 Và tôi trao những bảng khắc này vào tay con trai tôi là Ôm Ni, để những bảng khắc này được gìn giữ theo những lệnh truyền của tổ phụ tôi.

And it came to pass that two hundred and thirty and eight years had passed away—after the manner of wars, and contentions, and dissensions, for the space of much of the time.

And I, Jarom, do not write more, for the plates are small. But behold, my brethren, ye can go to the other plates of Nephi; for behold, upon them the records of our wars are engraven, according to the writings of the kings, or those which they caused to be written.

And I deliver these plates into the hands of my son Omni, that they may be kept according to the commandments of my fathers.

## Sách Ôm Ni

- 1 Đây, chuyện rằng, tôi, Ôm Ni, có nhận được lệnh của cha tôi là Gia Rôm bảo phải viết chút ít vào những bảng khắc này, để bảo tồn gia phả của chúng tôi—
- 2 Vậy nên, tôi muốn các người hiểu rằng, trong đời tôi, tôi đã từng chiến đấu với gươm đao để gìn giữ dân tôi, là dân Nê Phi, khỏi rơi vào tay kẻ thù của họ, là dân La Man. Nhưng này, chính tôi lại là một người độc ác, và tôi đã không tuân giữ các luật lệ cùng các lệnh truyền của Chúa mà đáng lẽ tôi đã phải tuân theo.
- 3 Và chuyện rằng, hai trăm bảy mươi sáu năm đã trôi qua, chúng tôi đã có nhiều thời gian thái bình; và chúng tôi cũng có nhiều thời gian chiến tranh và đổ máu trầm trọng. Phải, tóm lại, hai trăm tám mươi hai năm đã trôi qua, và tôi đã lưu giữ những bảng khắc này theo những lệnh truyền của các tổ phụ tôi; và tôi đã trao những bảng khắc này lại cho con trai tôi là A Ma Rôn. Và tôi xin chấm dứt.
- 4 Và giờ đây, tôi, A Ma Rôn, sẽ viết xuống bất cứ điều gì tôi muốn viết, mặc dù chỉ rất ít, vào sách của cha tôi.
- 5 Đây, chuyện rằng, ba trăm hai mươi năm đã trôi qua, và phần lớn những phần tử ác độc của dân Nê Phi đều bị hủy diệt.
- 6 Vì Chúa không chịu, để sau khi Ngài đã đem họ ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem và gìn giữ và bảo tồn cho họ khỏi bị rơi vào tay kẻ thù, phải, Ngài không chịu để cho những lời của Ngài không được ứng nghiệm, đó là những lời mà Ngài đã phán với các tổ phụ chúng tôi như vậy: Chừng nào các người không còn tuân giữ những lệnh truyền của ta thì các người sẽ không được thịnh vượng trong xứ.
- 7 Vậy nên, Chúa đã đến viếng họ bằng sự đoán phạt nặng nề; tuy nhiên, Ngài đã dung tha những người ngay chính để họ khỏi bị diệt vong, và giải cứu họ khỏi bàn tay kẻ thù của họ.
- 8 Và chuyện rằng, tôi trao những bảng khắc này lại cho em trai tôi là Kê Mích.

## The Book of Omni

Behold, it came to pass that I, Omni, being commanded by my father, Jarom, that I should write somewhat upon these plates, to preserve our genealogy—

Wherefore, in my days, I would that ye should know that I fought much with the sword to preserve my people, the Nephites, from falling into the hands of their enemies, the Lamanites. But behold, I of myself am a wicked man, and I have not kept the statutes and the commandments of the Lord as I ought to have done.

And it came to pass that two hundred and seventy and six years had passed away, and we had many seasons of peace; and we had many seasons of serious war and bloodshed. Yea, and in fine, two hundred and eighty and two years had passed away, and I had kept these plates according to the commandments of my fathers; and I conferred them upon my son Amaron. And I make an end.

And now I, Amaron, write the things whatsoever I write, which are few, in the book of my father.

Behold, it came to pass that three hundred and twenty years had passed away, and the more wicked part of the Nephites were destroyed.

For the Lord would not suffer, after he had led them out of the land of Jerusalem and kept and preserved them from falling into the hands of their enemies, yea, he would not suffer that the words should not be verified, which he spake unto our fathers, saying that: Inasmuch as ye will not keep my commandments ye shall not prosper in the land.

Wherefore, the Lord did visit them in great judgment; nevertheless, he did spare the righteous that they should not perish, but did deliver them out of the hands of their enemies.

And it came to pass that I did deliver the plates unto my brother Chemish.



- 9 Giờ đây, tôi, Kê Mích, xin ghi chép lại một ít sự việc cùng chung trong một sách với anh tôi; vì này, tôi nhận thấy những dòng chữ cuối cùng đã do chính tay anh tôi viết ra; và anh tôi đã viết những dòng đó ngay trong ngày anh tôi trao những bản khắc này lại cho tôi. Và theo cách thức này, chúng tôi lưu giữ những biên sử, đúng theo các lệnh truyền của các tổ phụ chúng tôi. Và tôi xin chấm dứt.
- 10 Này, tôi, A Bi Na Đôm, là con trai của Kê Mích. Này, chuyện rằng tôi đã chứng kiến nhiều cuộc chiến và tranh chấp giữa dân tôi, là dân Nê Phi, và dân La Man; và với thanh kiếm của tôi, tôi đã từng lấy mạng nhiều người La Man để bảo vệ đồng bào của tôi.
- 11 Và này, biên sử của dân này được ghi khắc trên các bản khắc đã được các vị vua lưu giữ theo các thế hệ; và tôi không biết được một điều mặc khải hay tiên tri nào ngoài những điều đã ghi chép trong sách; vậy nên, những điều đã viết ra đây là đầy đủ rồi. Và tôi xin chấm dứt.
- 12 Này, tôi là A Ma Lê Ki, con trai của A Bi Na Đôm. Này, tôi xin nói với các người ít lời về Mô Si A, là người đã được tôn lên làm vua xứ Gia Ra Hem La; vì này, ông được Chúa báo cho biết phải trốn khỏi xứ Nê Phi, và tất cả những ai biết nghe theo tiếng nói của Chúa cũng phải rời khỏi xứ ấy cùng với ông, để đi vào vùng hoang dã.
- 13 Và chuyện rằng, ông đã làm theo như lời Chúa truyền lệnh cho ông. Và họ, tất cả những người biết nghe theo tiếng nói của Chúa, đã rời khỏi xứ ấy đi vào vùng hoang dã; và họ được hưởng dẫn bởi nhiều điều giáo huấn và tiên tri. Và họ không ngớt được lời của Thượng Đế khuyên răn; và họ được cánh tay quyền năng của Ngài dẫn dắt, qua vùng hoang dã, cho đến khi họ đến được xứ mà người ta gọi là xứ Gia Ra Hem La.
- 14 Và họ đã tìm thấy một sắc dân gọi là dân Gia Ra Hem La. Giờ đây, có một sự vui mừng lớn lao trong dân Gia Ra Hem La; và Gia Ra Hem La cũng mừng rỡ vô cùng vì Chúa đã gửi đến dân của Mô Si A cùng với những bản khắc bằng đồng có chứa đựng biên sử của dân Do Thái.

Now I, Chemish, write what few things I write, in the same book with my brother; for behold, I saw the last which he wrote, that he wrote it with his own hand; and he wrote it in the day that he delivered them unto me. And after this manner we keep the records, for it is according to the commandments of our fathers. And I make an end.

Behold, I, Abinadom, am the son of Chemish. Behold, it came to pass that I saw much war and contention between my people, the Nephites, and the Lamanites; and I, with my own sword, have taken the lives of many of the Lamanites in the defence of my brethren.

And behold, the record of this people is engraven upon plates which is had by the kings, according to the generations; and I know of no revelation save that which has been written, neither prophecy; wherefore, that which is sufficient is written. And I make an end.

Behold, I am Amaleki, the son of Abinadom. Behold, I will speak unto you somewhat concerning Mosiah, who was made king over the land of Zarahemla; for behold, he being warned of the Lord that he should flee out of the land of Nephi, and as many as would hearken unto the voice of the Lord should also depart out of the land with him, into the wilderness—

And it came to pass that he did according as the Lord had commanded him. And they departed out of the land into the wilderness, as many as would hearken unto the voice of the Lord; and they were led by many preachings and prophesyings. And they were admonished continually by the word of God; and they were led by the power of his arm, through the wilderness until they came down into the land which is called the land of Zarahemla.

And they discovered a people, who were called the people of Zarahemla. Now, there was great rejoicing among the people of Zarahemla; and also Zarahemla did rejoice exceedingly, because the Lord had sent the people of Mosiah with the plates of brass which contained the record of the Jews.

- 15      Này, chuyện rằng, Mô Si A khám phá ra rằng, dân Gia Ra Hem La phát xuất từ Giê Ru Sa Lem vào thời Sê Ê Kia, vua Giu Đa, bị bắt đày qua Ba Bi Lôn.
- 16      Và họ đã hành trình trong vùng hoang dã và được bàn tay Chúa dẫn qua đại dương để đến vùng đất mà Mô Si A tìm thấy họ; và họ đã cư ngụ ở đó từ ngày ấy.
- 17      Và vào lúc Mô Si A tìm thấy họ, thì họ đã trở nên vô cùng đông đảo. Tuy nhiên, họ cũng từng trải qua nhiều cuộc chiến tranh, nhiều sự tranh chấp trầm trọng, và thỉnh thoảng đã bị ngã gục bởi gươm đao. Ngôn ngữ của họ đã trở nên hủ bại; và họ đã không mang theo một biên sử nào với họ; và họ phủ nhận sự hiện hữu của Đấng Sáng Tạo ra họ; và cả Mô Si A lẫn dân của Mô Si A đều không hiểu được họ.
- 18      Nhưng chuyện rằng, Mô Si A khiến họ được dạy ngôn ngữ của ông. Và chuyện rằng, sau khi họ được dạy ngôn ngữ của Mô Si A, Gia Ra Hem La kể gia phả của tổ phụ ông theo trí nhớ của ông; và những lời ấy được ghi chép nhưng không nằm trong những bảng khắc này.
- 19      Và chuyện rằng, dân Gia Ra Hem La và dân Mô Si A cùng nhập vào nhau, và Mô Si A được tôn lên làm vua của họ.
- 20      Và chuyện rằng, vào thời Mô Si A, người ta có mang đến cho ông một tảng đá lớn có những điều chạm khắc trên đó; và ông đã phiên dịch những điều chạm khắc ấy bằng ân tứ và quyền năng của Thượng Đế.
- 21      Những điều chạm khắc ấy có kể về một người tên là Cô Ri An Tum Rơ, và việc dân ông bị sát hại. Và Cô Ri An Tum Rơ đã được dân Gia Ra Hem La tìm thấy; và ông đã sống với họ trong một thời gian là chín tháng.
- 22      Nó cũng còn đề cập ít lời về tổ phụ ông. Và thủy tổ của ông phát xuất từ ngọn tháp, vào thời mà Chúa làm lộn xộn ngôn ngữ của dân chúng và sự nghiêm trị của Chúa đã giáng xuống họ, theo sự phán xét công bình của Ngài; và những nắm xương tàn của họ đã nằm rải rác trên đất miền bắc.

Behold, it came to pass that Mosiah discovered that the people of Zarahemla came out from Jerusalem at the time that Zedekiah, king of Judah, was carried away captive into Babylon.

And they journeyed in the wilderness, and were brought by the hand of the Lord across the great waters, into the land where Mosiah discovered them; and they had dwelt there from that time forth.

And at the time that Mosiah discovered them, they had become exceedingly numerous. Nevertheless, they had had many wars and serious contentions, and had fallen by the sword from time to time; and their language had become corrupted; and they had brought no records with them; and they denied the being of their Creator; and Mosiah, nor the people of Mosiah, could understand them.

But it came to pass that Mosiah caused that they should be taught in his language. And it came to pass that after they were taught in the language of Mosiah, Zarahemla gave a genealogy of his fathers, according to his memory; and they are written, but not in these plates.

And it came to pass that the people of Zarahemla, and of Mosiah, did unite together; and Mosiah was appointed to be their king.

And it came to pass in the days of Mosiah, there was a large stone brought unto him with engravings on it; and he did interpret the engravings by the gift and power of God.

And they gave an account of one Coriantumr, and the slain of his people. And Coriantumr was discovered by the people of Zarahemla; and he dwelt with them for the space of nine moons.

It also spake a few words concerning his fathers. And his first parents came out from the tower, at the time the Lord confounded the language of the people; and the severity of the Lord fell upon them according to his judgments, which are just; and their bones lay scattered in the land northward.

- 23 Nay, tôi, A Ma Lê Ki, sinh ra vào thời Mô Si A. Tôi sống và chứng kiến được lúc ông băng hà; và Bê-nê Gia Min, con trai của ông, lên trị vì thế cho ông.
- 24 Và này, vào thời vua Bê-nê Gia Min, tôi đã chứng kiến một trận chiến rất ác liệt và đổ máu rất nhiều giữa hai dân tộc Nê Phi và La Man. Nhưng này, dân Nê Phi được nhiều ưu thế hơn họ; phải, đến đời vua Bê-nê Gia Min đã đánh đuổi họ ra khỏi xứ Gia Ra Hê-ma.
- 25 Và chuyện rằng, tôi bắt đầu trở nên già cả; và vì không con nối dõi, và biết vua Bê-nê Gia Min là một người công minh trước mặt Chúa, vậy nên tôi trao những bảng khắc này cho vua, khuyên nhủ mọi người hãy đến với Thượng Đế, Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, và hãy tin các lời tiên tri và những điều mặc khải, và vào sự phù trợ của các thiên sứ và ân tứ nói nhiều thứ tiếng, ân tứ thông dịch các ngôn ngữ, cùng tất cả những điều thiện; vì chẳng có một điều thiện nào lại không do Chúa mà ra; còn những điều gì xấu xa đều do quỷ dữ đem lại.
- 26 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu dấu của tôi, tôi mong rằng các người hãy đến cùng Đấng Ky Tô, là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên, và chia sẻ sự cứu rỗi của Ngài cùng quyền năng cứu chuộc của Ngài. Phải, các người hãy đến cùng Ngài, và hãy dâng tất cả tâm hồn mình như một của lễ hiến dâng lên Ngài, và hãy tiếp tục nhịn ăn và cầu nguyện, và kiên trì đến cùng; và như Chúa là Đấng hằng sống, các người sẽ được cứu.
- 27 Và giờ đây tôi xin nói sơ qua về một số người đã đi vào vùng hoang dã để trở lại xứ Nê Phi; vì có một số đông mong muốn chiếm hữu lại đất thừa hưởng của mình.
- 28 Vậy nên họ đã đi vào vùng hoang dã. Và người lãnh đạo của họ là một người cường tráng, mạnh mẽ và cứng cổ, vậy nên hắn đã gây ra một cuộc tranh chấp giữa bọn họ; rồi tất cả bọn họ đều bị giết chết trong vùng hoang dã, chỉ còn lại năm chục người, và họ trở về lại xứ Gia Ra Hê-ma.
- 29 Và chuyện rằng, họ lại đem một số đông người khác hành trình vào vùng hoang dã.

Behold, I, Amaleki, was born in the days of Mosiah; and I have lived to see his death; and Benjamin, his son, reigneth in his stead.

And behold, I have seen, in the days of king Benjamin, a serious war and much bloodshed between the Nephites and the Lamanites. But behold, the Nephites did obtain much advantage over them; yea, insomuch that king Benjamin did drive them out of the land of Zarahemla.

And it came to pass that I began to be old; and, having no seed, and knowing king Benjamin to be a just man before the Lord, wherefore, I shall deliver up these plates unto him, exhorting all men to come unto God, the Holy One of Israel, and believe in prophesying, and in revelations, and in the ministering of angels, and in the gift of speaking with tongues, and in the gift of interpreting languages, and in all things which are good; for there is nothing which is good save it comes from the Lord: and that which is evil cometh from the devil.

And now, my beloved brethren, I would that ye should come unto Christ, who is the Holy One of Israel, and partake of his salvation, and the power of his redemption. Yea, come unto him, and offer your whole souls as an offering unto him, and continue in fasting and praying, and endure to the end; and as the Lord liveth ye will be saved.

And now I would speak somewhat concerning a certain number who went up into the wilderness to return to the land of Nephi; for there was a large number who were desirous to possess the land of their inheritance.

Wherefore, they went up into the wilderness. And their leader being a strong and mighty man, and a stiffnecked man, wherefore he caused a contention among them; and they were all slain, save fifty, in the wilderness, and they returned again to the land of Zarahemla.

And it came to pass that they also took others to a considerable number, and took their journey again into the wilderness.

30      Và tôi, A Ma Lê Ki, có một người em trai cũng đi theo bọn họ. Và từ ngày ấy, tôi không còn biết gì về họ nữa. Và nay tôi sắp phải nằm xuống trong lòng mộ; và những bảng khắc này đã đầy. Và tôi xin dứt lời.

And I, Amaleki, had a brother, who also went with them; and I have not since known concerning them. And I am about to lie down in my grave; and these plates are full. And I make an end of my speaking.

## Lời Mặc Môn

- 1 Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, khi sắp trao vào tay con trai tôi là Mô Rô Ni biên sử mà tôi hằng ghi chép, này, tôi đã chứng kiến hầu hết tất cả sự hủy diệt của dân tôi là dân Nê Phi.
- 2 Và nhiều trăm năm sau ngày hiện đến của Đấng Ky Tô, tôi trao những biên sử này vào tay con trai tôi; và tôi nghĩ rằng, nó là người sẽ chứng kiến sự hủy diệt hoàn toàn của dân tôi. Nhưng, cầu mong sao Thượng Đế sẽ cứu nó sống sót để nó có thể viết lên một phần nào về họ, và một phần nào về Đấng Ky Tô, để may ra một ngày kia những điều này sẽ mang lại lợi ích cho họ.
- 3 Và giờ đây, tôi xin nói sơ qua về những điều tôi đã viết ra; vì sau khi tôi đã tóm lược những bảng khắc Nê Phi, xuống tới triều vua Bên Gia Min này, là vị vua mà A Ma Lê Ki đã nói tới, thì tôi tìm kiếm trong những biên sử đã được giao vào tay tôi, và tôi đã tìm thấy những bảng khắc này, là những bảng khắc có chứa đựng truyện ký nhỏ này về các vị tiên tri từ thời Gia Cốp cho tới triều vua Bên Gia Min này, và nhiều lời nói của Nê Phi.
- 4 Và những điều ghi chép trên các bảng khắc này làm cho tôi vô cùng hoan hỷ, vì đó là những lời tiên tri về sự hiện đến của Đấng Ky Tô; và các tổ phụ của tôi đều biết rằng, đa số những điều tiên tri ấy đã được ứng nghiệm; phải, và tôi cũng biết rằng, nhiều điều tiên tri về chúng tôi cho đến ngày nay đều đã được ứng nghiệm, và nhiều điều tiên tri về tương lai cũng chắc chắn sẽ xảy ra—
- 5 Vậy nên, tôi chọn những điều này để viết cho xong biên sử của tôi trên đó, và phần còn lại của biên sử của tôi mà tôi sẽ lấy từ các bảng khắc Nê Phi; và dù một phần trăm những sự việc của dân tôi, tôi cũng không thể viết hết được.
- 6 Nhưng này, tôi sẽ lấy những bảng khắc này, là những bảng có chứa đựng những điều tiên tri và mặc khải này, và đem để chung với phần còn lại của biên sử của tôi, vì đối với tôi, đây là những bảng khắc chọn lọc; và tôi biết rằng nó cũng sẽ là những bảng khắc chọn lọc đối với đồng bào của tôi.

## The Words of Mormon

And now I, Mormon, being about to deliver up the record which I have been making into the hands of my son Moroni, behold I have witnessed almost all the destruction of my people, the Nephites.

And it is many hundred years after the coming of Christ that I deliver these records into the hands of my son; and it supposeth me that he will witness the entire destruction of my people. But may God grant that he may survive them, that he may write somewhat concerning them, and somewhat concerning Christ, that perhaps some day it may profit them.

And now, I speak somewhat concerning that which I have written; for after I had made an abridgment from the plates of Nephi, down to the reign of this king Benjamin, of whom Amaleki spake, I searched among the records which had been delivered into my hands, and I found these plates, which contained this small account of the prophets, from Jacob down to the reign of this king Benjamin, and also many of the words of Nephi.

And the things which are upon these plates pleasing me, because of the prophecies of the coming of Christ; and my fathers knowing that many of them have been fulfilled; yea, and I also know that as many things as have been prophesied concerning us down to this day have been fulfilled, and as many as go beyond this day must surely come to pass—

Wherefore, I chose these things, to finish my record upon them, which remainder of my record I shall take from the plates of Nephi; and I cannot write the hundredth part of the things of my people.

But behold, I shall take these plates, which contain these prophesyings and revelations, and put them with the remainder of my record, for they are choice unto me; and I know they will be choice unto my brethren.

- 7 Và tôi đã làm vậy vì mục đích thông sáng; vì tôi đã được thâm nhập bởi những tác động của Thánh Linh của Chúa hằng có trong tôi. Và giờ đây, tôi không hiểu hết mọi sự vật, nhưng Chúa hiểu hết mọi điều sẽ xảy ra trong tương lai; vậy nên, Ngài đã tác động tôi làm theo ý muốn của Ngài.
- 8 Và lời cầu nguyện của tôi dâng lên Thượng Đế có liên quan đến đồng bào của tôi, để cầu mong cho họ một lần nữa trở nên hiểu biết được Thượng Đế, phải, hiểu biết được sự cứu chuộc của Đấng Ky Tô, ngõ hầu họ có thể trở thành một dân tộc khả ái như trước.
- 9 Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, xin chấm dứt biên sử của tôi, là biên sử mà tôi đã lấy ra từ các bảng khắc Nê Phi; và tôi đã làm ra biên sử này thể theo sự hiểu biết và kiến thức mà Thượng Đế đã ban cho tôi.
- 10 Vậy nên, chuyện rằng sau khi A Ma Lê Ki trao những bảng này vào tay vua Bên Gia Min, thì nhà vua đem những bảng này để chung với những bảng khắc khác, là những bảng khắc có chứa đựng các biên sử mà các vị vua trước đã lưu truyền, xuống từ thế hệ này đến thế hệ khác cho tới thời vua Bên Gia Min.
- 11 Và từ vua Bên Gia Min, các bảng khắc này được lưu truyền xuống, từ thế hệ này đến thế hệ khác cho đến khi chúng rơi vào tay tôi. Và tôi, Mặc Môn, cầu nguyện lên Thượng Đế rằng những bảng khắc này từ nay trở đi có thể được bảo tồn. Và tôi biết rằng, những bảng khắc này sẽ được bảo tồn; vì có nhiều sự việc vĩ đại được ghi chép trên ấy, và dựa theo các bảng khắc ấy mà dân tôi và đồng bào của họ sẽ bị xét xử vào ngày trọng đại cuối cùng, theo lời của Thượng Đế đã được ghi chép.
- 12 Và giờ đây, về vị vua Bên Gia Min này—ông đã có một ít sự tranh chấp giữa dân ông.
- 13 Và chuyện rằng, quân La Man tiến xuống xứ Nê Phi để đánh dân ông. Nhưng này, vua Bên Gia Min đã tập hợp các quân đội của mình, và ông đã chống cự lại chúng. Ông đã chiến đấu với sức mạnh của cánh tay ông, với gươm của La Ban.

And I do this for a wise purpose; for thus it whispereth me, according to the workings of the Spirit of the Lord which is in me. And now, I do not know all things; but the Lord knoweth all things which are to come; wherefore, he worketh in me to do according to his will.

And my prayer to God is concerning my brethren, that they may once again come to the knowledge of God, yea, the redemption of Christ; that they may once again be a delightsome people.

And now I, Mormon, proceed to finish out my record, which I take from the plates of Nephi; and I make it according to the knowledge and the understanding which God has given me.

Wherefore, it came to pass that after Amaleki had delivered up these plates into the hands of king Benjamin, he took them and put them with the other plates, which contained records which had been handed down by the kings, from generation to generation until the days of king Benjamin.

And they were handed down from king Benjamin, from generation to generation until they have fallen into my hands. And I, Mormon, pray to God that they may be preserved from this time henceforth. And I know that they will be preserved; for there are great things written upon them, out of which my people and their brethren shall be judged at the great and last day, according to the word of God which is written.

And now, concerning this king Benjamin—he had somewhat of contentions among his own people.

And it came to pass also that the armies of the Lamanites came down out of the land of Nephi, to battle against his people. But behold, king Benjamin gathered together his armies, and he did stand against them; and he did fight with the strength of his own arm, with the sword of Laban.

- 14 Và trong sức mạnh của Chúa, họ đã giao chiến với quân thù của mình, cho đến khi họ giết chết được hàng ngàn quân La Man. Và chuyện rằng họ đã giao chiến với quân La Man cho đến khi họ đánh đuổi chúng ra khỏi tất cả đất thừa hưởng của họ.
- 15 Và chuyện rằng, sau khi có các Đấng Ky Tô giả, thì miệng những kẻ ấy đã bị bịt lại và bị trừng phạt theo tội trạng của mình;
- 16 Và sau khi đã có những nhà tiên tri giả, những nhà thuyết giảng và những thầy giảng giả, thì những người này cũng bị trừng phạt tùy theo tội trạng của mình; và sau khi những sự tranh chấp cùng những mối bất hòa đã lan tràn đến dân La Man, này, chuyện rằng, vua Bê-ni-min được các thánh tiên tri trong dân ông ra giúp đỡ—
- 17 Vì này, vua Bê-ni-min là một thánh nhân, và ông đã trị vì dân mình trong sự ngay chính; và trong xứ lúc ấy cũng có nhiều thánh nhân khác, và họ đã truyền rao lời của Thượng Đế với quyền năng và thẩm quyền; và họ đã dùng nhiều sự nghiêm khắc cũng vì dân chúng cứng cổ—
- 18 Vậy nên, nhờ sự giúp đỡ của các thánh nhân ấy, và nhờ công lao khó nhọc làm việc với tất cả sức lực của thể xác và tất cả năng lực của tâm hồn mình, và của các vị tiên tri, mà vua Bê-ni-min một lần nữa đã thiết lập được thái bình trong xứ.

And in the strength of the Lord they did contend against their enemies, until they had slain many thousands of the Lamanites. And it came to pass that they did contend against the Lamanites until they had driven them out of all the lands of their inheritance.

And it came to pass that after there had been false Christs, and their mouths had been shut, and they punished according to their crimes;

And after there had been false prophets, and false preachers and teachers among the people, and all these having been punished according to their crimes; and after there having been much contention and many dissensions away unto the Lamanites, behold, it came to pass that king Benjamin, with the assistance of the holy prophets who were among his people—

For behold, king Benjamin was a holy man, and he did reign over his people in righteousness; and there were many holy men in the land, and they did speak the word of God with power and with authority; and they did use much sharpness because of the stiffneckedness of the people—

Wherefore, with the help of these, king Benjamin, by laboring with all the might of his body and the faculty of his whole soul, and also the prophets, did once more establish peace in the land.

# Sách Mô Si A

## Mô Si A 1

- 1 Và giờ đây trên khắp lãnh thổ Gia Ra Hem La, không còn có một cuộc tranh chấp nào trong tất cả các dân thuộc về vua Bên Gia Min nữa, nhờ thế mà vua Bên Gia Min đã được hưởng thái bình suốt những ngày còn lại của ông.
- 2 Và chuyện rằng vua có ba người con trai; và vua đặt tên cho họ là Mô Si A, Hê Lô Rum và Hê La Man. Và ông đã khiến cho họ được dạy dỗ bằng tất cả ngôn ngữ của tổ phụ ông, để họ nhờ đó trở thành những người trí thức, ngõ hầu họ có thể biết được những lời tiên tri đã được thốt ra từ miệng tổ phụ họ, và đã được chính bàn tay Chúa ban cho tổ tiên họ.
- 3 Và ông còn dạy họ về các biên sử ghi khắc trên những bảng khắc bằng đồng, ông nói: Hỡi các con trai của cha, cha muốn các con hãy ghi nhớ rằng nếu không nhờ có những bảng khắc này, trên đó có chứa đựng các biên sử và các lệnh truyền này, thì chúng ta đã phải chịu sự ngu dốt cho đến ngày nay, không biết được những điều kín nhiệm của Thượng Đế.
- 4 Vì không thể nào tổ phụ Lê Hi của chúng ta có thể nhớ hết được tất cả những điều này để giảng dạy con cháu ông ngoại trừ qua sự giúp đỡ từ những bảng khắc này; vì ông đã được dạy dỗ bằng ngôn ngữ của người Ai Cập nên ông đọc được các điều ghi khắc này và dạy lại cho con cháu ông, và nhờ thế mà họ lại giảng dạy cho con cháu họ, và khiến cho những lệnh truyền của Thượng Đế được thi hành như vậy, ngay cả cho đến ngày nay.

# The Book of Mosiah

## Mosiah 1

And now there was no more contention in all the land of Zarahemla, among all the people who belonged to king Benjamin, so that king Benjamin had continual peace all the remainder of his days.

And it came to pass that he had three sons; and he called their names Mosiah, and Helorum, and Helaman. And he caused that they should be taught in all the language of his fathers, that thereby they might become men of understanding; and that they might know concerning the prophecies which had been spoken by the mouths of their fathers, which were delivered them by the hand of the Lord.

And he also taught them concerning the records which were engraven on the plates of brass, saying: My sons, I would that ye should remember that were it not for these plates, which contain these records and these commandments, we must have suffered in ignorance, even at this present time, not knowing the mysteries of God.

For it were not possible that our father, Lehi, could have remembered all these things, to have taught them to his children, except it were for the help of these plates; for he having been taught in the language of the Egyptians therefore he could read these engravings, and teach them to his children, that thereby they could teach them to their children, and so fulfilling the commandments of God, even down to this present time.



5 Các con trai của cha, cha nói cho các con hay, nếu không nhờ những điều này, là những điều đã được bàn tay của Thượng Đế gìn giữ và bảo tồn để cho chúng ta có thể đọc và hiểu về những sự kín nhiệm của Ngài, và luôn có được các lệnh truyền của Ngài trước mắt chúng ta, thì tổ phụ chúng ta ắt đã sa vào vòng vô tín nguỡng, và ngày nay chúng ta ắt đã giống như những người anh em của chúng ta là dân La Man, là những người không biết gì về những điều này, hay dù cho họ có được giảng dạy những điều này, thì họ cũng không tin, vì những truyền thống của tổ phụ họ là những truyền thống sai lầm.

6 Hỡi các con trai của cha, cha mong các con hãy ghi nhớ rằng, những lời này là đúng sự thật, và những biên sử này cũng đúng sự thật. Và này, ngay cả những bảng khắc Nê Phi, là những bảng khắc có chứa đựng lịch sử và những lời nói của tổ phụ chúng ta kể từ ngày họ rời khỏi Giê Ru Sa Lem cho đến ngày nay, cũng đúng sự thật; và chúng ta có thể biết chắc những điều này vì chúng ta có được chúng ở trước mắt chúng ta.

7 Và giờ đây, hỡi các con trai của cha, cha mong rằng các con nên nhớ tìm tòi những điều đó một cách cần mẫn, để các con có thể nhờ đó mà được lợi ích; và cha cũng mong rằng các con biết tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, để các con được thịnh vượng trong xứ này theo như lời Chúa đã hứa với tổ phụ chúng ta.

8 Và vua Bên Gia Min còn giảng dạy các con trai của ông nhiều điều khác nữa, nhưng không có ghi chép trong sách này.

9 Và chuyện rằng, sau khi vua Bên Gia Min chấm dứt việc giảng dạy các con trai của ông, ông trở nên già yếu, và ông thấy rằng, chẳng còn bao lâu nữa ông cũng phải đi theo con đường của mọi người thế gian; vậy nên, ông nghĩ rằng, đã đến lúc thích hợp để ông trao vương quốc này lại cho một trong những người con trai của ông.

I say unto you, my sons, were it not for these things, which have been kept and preserved by the hand of God, that we might read and understand of his mysteries, and have his commandments always before our eyes, that even our fathers would have dwindled in unbelief, and we should have been like unto our brethren, the Lamanites, who know nothing concerning these things, or even do not believe them when they are taught them, because of the traditions of their fathers, which are not correct.

O my sons, I would that ye should remember that these sayings are true, and also that these records are true. And behold, also the plates of Nephi, which contain the records and the sayings of our fathers from the time they left Jerusalem until now, and they are true; and we can know of their surety because we have them before our eyes.

And now, my sons, I would that ye should remember to search them diligently, that ye may profit thereby; and I would that ye should keep the commandments of God, that ye may prosper in the land according to the promises which the Lord made unto our fathers.

And many more things did king Benjamin teach his sons, which are not written in this book.

And it came to pass that after king Benjamin had made an end of teaching his sons, that he waxed old, and he saw that he must very soon go the way of all the earth; therefore, he thought it expedient that he should confer the kingdom upon one of his sons.

10 Vậy nên, ông cho gọi Mô Si A đến trước mặt mình; và sau đây là những lời ông nói với Mô Si A: Hỡi con trai của cha, cha muốn con hãy tuyên cáo cho tất cả mọi người trên lãnh thổ này hay, cả dân Gia Ra Hem La lẫn dân Mô Si A đang sống trong xứ này, để họ quy tụ lại; vì ngày mai cha sẽ tuyên bố với chính miệng mình cho dân tộc này của cha biết rằng, con sẽ là vua và là người cai trị dân này, là dân mà Chúa, Thượng Đế của chúng ta, đã ban cho chúng ta.

11 Và hơn nữa, cha sẽ đặt cho dân này một danh hiệu, để họ được phân biệt với tất cả những dân khác mà Đức Chúa Trời đã đem ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem; và sở dĩ cha làm vậy là vì họ là một dân rất chuyên tâm trong việc tuân giữ các lệnh truyền của Chúa.

12 Và cha sẽ đặt cho họ một cái tên mà sẽ không bao giờ bị xóa bỏ, trừ phi họ phạm giới.

13 Phải, và hơn nữa, cha nói cho con hay, nếu dân tộc được Chúa dành cho nhiều ưu đãi này lại sa vào vòng phạm giới, và trở thành một dân tộc tà ác và ngoại tình, thì Chúa sẽ từ bỏ họ, lúc đó họ sẽ trở nên yếu đuối như những người anh em của họ; và Ngài sẽ không còn bảo tồn họ với quyền năng vô song và kỳ diệu của Ngài nữa, như Ngài đã từng bảo tồn tổ phụ chúng ta từ trước đến nay.

14 Vì cha nói cho con hay, nếu Ngài không dang cánh tay ra che chở cho tổ phụ chúng ta thì họ đã rơi vào tay dân La Man và đã là nạn nhân của lòng thù hận của dân ấy.

15 Và chuyện rằng, sau khi vua Bên Gia Min chấm dứt những lời này với con trai của ông, ông bèn giao phó cho con trai ông trách nhiệm trông coi mọi công việc triều chính.

16 Ngoài ra, ông cũng giao phó cho con trai mình trách nhiệm bảo tồn các biên sử ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng; và luôn cả các bảng khắc Nê Phi, cùng với gươm của La Ban và quả cầu hay vật chỉ hướng, mà ngày xưa đã chỉ đường cho tổ phụ chúng ta vượt qua vùng hoang dã, và do bàn tay Chúa chuẩn bị để nhờ đó mà họ được dẫn dắt, tùy theo sự chú tâm và sự cần mẫn của mỗi người đối với Ngài.

Therefore, he had Mosiah brought before him; and these are the words which he spake unto him, saying: My son, I would that ye should make a proclamation throughout all this land among all this people, or the people of Zarahemla, and the people of Mosiah who dwell in the land, that thereby they may be gathered together; for on the morrow I shall proclaim unto this my people out of mine own mouth that thou art a king and a ruler over this people, whom the Lord our God hath given us.

And moreover, I shall give this people a name, that thereby they may be distinguished above all the people which the Lord God hath brought out of the land of Jerusalem; and this I do because they have been a diligent people in keeping the commandments of the Lord.

And I give unto them a name that never shall be blotted out, except it be through transgression.

Yea, and moreover I say unto you, that if this highly favored people of the Lord should fall into transgression, and become a wicked and an adulterous people, that the Lord will deliver them up, that thereby they become weak like unto their brethren; and he will no more preserve them by his matchless and marvelous power, as he has hitherto preserved our fathers.

For I say unto you, that if he had not extended his arm in the preservation of our fathers they must have fallen into the hands of the Lamanites, and become victims to their hatred.

And it came to pass that after king Benjamin had made an end of these sayings to his son, that he gave him charge concerning all the affairs of the kingdom.

And moreover, he also gave him charge concerning the records which were engraven on the plates of brass; and also the plates of Nephi; and also, the sword of Laban, and the ball or director, which led our fathers through the wilderness, which was prepared by the hand of the Lord that thereby they might be led, every one according to the heed and diligence which they gave unto him.

17 Vậy nên, mỗi khi họ không trung thành, họ đều không được thịnh vượng và không tiến triển được trong cuộc hành trình của họ, trái lại họ còn bị đẩy lui và hứng chịu sự bất bình của Thượng Đế; và vì thế mà họ phải bị đánh phạt bằng nạn đói cùng những nỗi khổ đau lớn lao để nhắc nhở họ nhớ đến bổn phận của mình.

18 Và giờ đây chuyện rằng, Mô Si A đã đi làm đúng theo những điều cha mình truyền lệnh, tuyên cáo với tất cả dân chúng ở xứ Gia Ra Hem La để họ có thể quy tụ lại với nhau và đi lên đền thờ để nghe lời mà cha ông sẽ nói với họ.

Therefore, as they were unfaithful they did not prosper nor progress in their journey, but were driven back, and incurred the displeasure of God upon them; and therefore they were smitten with famine and sore afflictions, to stir them up in remembrance of their duty.

And now, it came to pass that Mosiah went and did as his father had commanded him, and proclaimed unto all the people who were in the land of Zarahemla that thereby they might gather themselves together, to go up to the temple to hear the words which his father should speak unto them.

## Mô Si A 2

- 1 Và chuyện rằng, sau khi Mô Si A đã làm theo lệnh dạy của cha mình, và đã truyền cáo khắp xứ cho dân chúng quy tụ lại để đi lên đền thờ nghe những lời mà vua Bê-ni-min sẽ nói với họ.
- 2 Và con số dân chúng rất đông, nhiều đến nỗi họ không thể đếm được; vì họ đã sinh sôi nảy nở rất nhiều và trở nên hùng mạnh trong xứ.
- 3 Và họ còn mang theo những con vật đầu lòng trong đàn gia súc của mình, để họ có thể dâng lễ vật hy sinh và của lễ thiêu theo luật pháp Môi Se;
- 4 Và cũng để họ có thể tạ ơn Chúa, Thượng Đế của họ, là Đấng đã đem họ ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, và là Đấng đã giải thoát họ khỏi tay kẻ thù, cùng chỉ định những người công minh làm thầy dạy dỗ họ và một người công minh làm vua họ, là người đã đem lại thanh bình cho xứ Gia Ra Hem La, và đã dạy họ tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, để họ có thể vui mừng và tràn đầy lòng thương yêu đối với Thượng Đế và tất cả mọi người.
- 5 Và chuyện rằng, khi họ lên đến đền thờ, họ dựng lều chung quanh, mỗi người ở cùng với gia đình mình gồm có vợ, các con trai và con gái của mình, và các con trai và con gái của chúng, từ đứa lớn nhất đến đứa nhỏ nhất, mỗi gia đình ở riêng với nhau.
- 6 Và họ dựng lều chung quanh đền thờ, và mọi người đều hướng cửa lều của mình về phía đền thờ, để họ có thể ở trong lều của mình mà nghe được những lời vua Bê-ni-min ngỏ cùng họ;
- 7 Vì đám quần chúng quá đông đảo, đến nỗi vua Bê-ni-min không thể nào từ trong đền thờ mà truyền dạy tất cả mọi người được, vậy nên ông đã cho dựng lên một tháp cao, để từ đó dân ông có thể nghe được những lời ông ngỏ cùng họ.

## Mosiah 2

And it came to pass that after Mosiah had done as his father had commanded him, and had made a proclamation throughout all the land, that the people gathered themselves together throughout all the land, that they might go up to the temple to hear the words which king Benjamin should speak unto them.

And there were a great number, even so many that they did not number them; for they had multiplied exceedingly and waxed great in the land.

And they also took of the firstlings of their flocks, that they might offer sacrifice and burnt offerings according to the law of Moses;

And also that they might give thanks to the Lord their God, who had brought them out of the land of Jerusalem, and who had delivered them out of the hands of their enemies, and had appointed just men to be their teachers, and also a just man to be their king, who had established peace in the land of Zarahemla, and who had taught them to keep the commandments of God, that they might rejoice and be filled with love towards God and all men.

And it came to pass that when they came up to the temple, they pitched their tents round about, every man according to his family, consisting of his wife, and his sons, and his daughters, and their sons, and their daughters, from the eldest down to the youngest, every family being separate one from another.

And they pitched their tents round about the temple, every man having his tent with the door thereof towards the temple, that thereby they might remain in their tents and hear the words which king Benjamin should speak unto them;

For the multitude being so great that king Benjamin could not teach them all within the walls of the temple, therefore he caused a tower to be erected, that thereby his people might hear the words which he should speak unto them.

- 8 Và chuyện rằng, ông bắt đầu ngỏ lời với dân của mình từ trên tháp cao; và vì quần chúng quá đông nên có nhiều người không nghe được lời nói của ông; vậy nên ông phải cho ghi chép lại những lời nói của mình rồi đem phát cho những người ở ngoài tầm tiếng nói của ông, để họ cũng có thể nhận được những lời của ông nói.
- 9 Và đây là những lời ông nói và đã cho ghi chép lại: Hỡi đồng bào của tôi, là tất cả những người đang tập hợp để nghe những lời tôi sẽ nói với các người ngày hôm nay; vì tôi không ra lệnh cho các người lên đến đây để xem thường những lời tôi sắp nói, mà để chú ý nghe lời tôi nói; các người hãy mở tai ra để nghe, hãy mở tâm hồn ra để hiểu, và hãy mở tâm trí ra để những điều kín nhiệm của Thượng Đế có thể phơi bày ra trước mắt mình.
- 10 Tôi không ra lệnh cho các người đến đây để các người sợ hãi tôi hoặc để có ý nghĩ rằng tôi là vĩ đại hơn một người hữu diệt.
- 11 Nhưng tôi cũng giống như các người, cũng phải chịu tất cả mọi thứ yếu đuối về thể xác và tâm trí; tuy nhiên, tôi đã được dân này lựa chọn, và đã được cha tôi lập lên, và cũng đã được bàn tay của Chúa chịu để cho tôi làm người cai trị và làm vua dân này; và tôi đã được gìn giữ và bảo vệ bởi quyền năng vô song của Ngài, để phục vụ các người với tất cả năng lực, tâm trí và sức mạnh mà Chúa đã ban cho tôi.
- 12 Tôi nói cho các người hay rằng, tôi đã chịu dành hết những ngày tháng của đời tôi để phục vụ các người, ngay cả cho đến giờ phút này, và tôi đã không tìm kiếm vàng bạc hay bất cứ của cải nào của các người;
- 13 Tôi cũng đã không chịu để cho các người phải bị giam cầm trong ngục tối, hay để cho các người bắt người này làm nô lệ người kia, cũng không chịu để cho các người phạm tội sát nhân, cướp bóc, trộm cắp, hay phạm tội ngoại tình; tôi đã không chịu để cho các người phạm bất cứ một sự tà ác nào, và đã dạy các người nên tuân giữ các lệnh truyền của Chúa, cùng tất cả những gì Ngài đã truyền lệnh cho các người—

And it came to pass that he began to speak to his people from the tower; and they could not all hear his words because of the greatness of the multitude; therefore he caused that the words which he spake should be written and sent forth among those that were not under the sound of his voice, that they might also receive his words.

And these are the words which he spake and caused to be written, saying: My brethren, all ye that have assembled yourselves together, you that can hear my words which I shall speak unto you this day; for I have not commanded you to come up hither to trifle with the words which I shall speak, but that you should hearken unto me, and open your ears that ye may hear, and your hearts that ye may understand, and your minds that the mysteries of God may be unfolded to your view.

I have not commanded you to come up hither that ye should fear me, or that ye should think that I of myself am more than a mortal man.

But I am like as yourselves, subject to all manner of infirmities in body and mind; yet I have been chosen by this people, and consecrated by my father, and was suffered by the hand of the Lord that I should be a ruler and a king over this people; and have been kept and preserved by his matchless power, to serve you with all the might, mind and strength which the Lord hath granted unto me.

I say unto you that as I have been suffered to spend my days in your service, even up to this time, and have not sought gold nor silver nor any manner of riches of you;

Neither have I suffered that ye should be confined in dungeons, nor that ye should make slaves one of another, nor that ye should murder, or plunder, or steal, or commit adultery; nor even have I suffered that ye should commit any manner of wickedness, and have taught you that ye should keep the commandments of the Lord, in all things which he hath commanded you—

14 Và ngay cả chính tôi cũng phải lao nhọc với chính bàn tay mình để phục vụ các người, để các người khỏi phải chịu sưu cao thuế nặng, và để các người khỏi phải hứng chịu một điều gì nặng nề khó mà chịu đựng nổi—và hôm nay các người có thể làm chứng cho tất cả những điều tôi vừa nói.

15 Tuy nhiên, hỡi đồng bào của tôi, tôi không phải làm những điều này để tôi khoe khoang, và cũng không phải tôi nói ra những điều này để tôi kết tội các người; nhưng tôi nói với các người những điều này là để cho các người có thể biết rằng, hôm nay tôi có thể trả lời trước mặt Thượng Đế với một lương tâm trong sạch.

16 Nay, tôi nói cho các người hay, vì tôi đã nói với các người là tôi đã dành hết những ngày tháng của đời mình để phục vụ các người, tôi không muốn khoe khoang, vì tôi làm thế là để phục vụ Thượng Đế.

17 Và này, tôi nói với các người những điều này là để các người có thể học sự thông sáng; để các người hiểu rằng, khi mình phục vụ đồng bào mình, thì tức là mình phục vụ Thượng Đế của mình vậy.

18 Nay, các người đã xưng gọi tôi là vua của các người, và nếu một khi tôi là người đã được các người gọi là vua của các người mà lại biết lao nhọc để phục vụ các người, thì lẽ nào các người lại không lao nhọc để phục vụ lẫn nhau?

19 Và này, nếu tôi là người đã được các người xưng gọi là vua của các người, là người đã dành hết những ngày tháng của đời mình ra phục vụ các người, và cũng chính thực là để phục vụ Thượng Đế, mà còn được các người dành cho một sự biết ơn, thì các người cần phải biết cảm ơn Vua trên trời của các người biết dường nào!

20 Tôi nói cho các người, là đồng bào của tôi, hay rằng nếu các người dâng tất cả những lời cảm ơn và lời ca ngợi với tất cả tâm hồn mà các người có đủ khả năng có được, lên Đấng Thượng Đế đã sáng tạo ra mình, đã gìn giữ và bảo tồn mình, và đã làm cho mình có lý do để vui mừng, và đã ban cho mình một cuộc sống an bình bên nhau—

And even I, myself, have labored with mine own hands that I might serve you, and that ye should not be laden with taxes, and that there should nothing come upon you which was grievous to be borne—and of all these things which I have spoken, ye yourselves are witnesses this day.

Yet, my brethren, I have not done these things that I might boast, neither do I tell these things that thereby I might accuse you; but I tell you these things that ye may know that I can answer a clear conscience before God this day.

Behold, I say unto you that because I said unto you that I had spent my days in your service, I do not desire to boast, for I have only been in the service of God.

And behold, I tell you these things that ye may learn wisdom; that ye may learn that when ye are in the service of your fellow beings ye are only in the service of your God.

Behold, ye have called me your king; and if I, whom ye call your king, do labor to serve you, then ought not ye to labor to serve one another?

And behold also, if I, whom ye call your king, who has spent his days in your service, and yet has been in the service of God, do merit any thanks from you, O how you ought to thank your heavenly King!

I say unto you, my brethren, that if you should render all the thanks and praise which your whole soul has power to possess, to that God who has created you, and has kept and preserved you, and has caused that ye should rejoice, and has granted that ye should live in peace one with another—

21 Tôi nói cho các người hay, nếu các người phục vụ Đấng đã sáng tạo ra mình từ thuở ban đầu, và đang bảo tồn mình ngày này qua ngày khác, bằng cách ban cho mình hơi thở, để mình có thể sống được, có thể cử động được, và có thể hoạt động theo như ý muốn của mình, và đã từng trợ giúp mình từ giai đoạn này qua giai đoạn khác—tôi nói, dù các người có phục vụ Ngài với hết tâm hồn mình đi nữa, thì các người vẫn còn là những tôi tớ vô dụng.

22 Và này, tất cả những gì Ngài đòi hỏi ở các người là tuân giữ các lệnh truyền của Ngài; và Ngài có hứa với các người rằng, nếu các người tuân giữ các lệnh truyền của Ngài thì các người sẽ được thịnh vượng trong xứ; và Ngài không bao giờ thay đổi những điều Ngài đã nói; vậy nên, nếu các người tuân giữ các lệnh truyền của Ngài thì Ngài sẽ ban phước cho các người, và sẽ làm cho các người được thịnh vượng.

23 Và này, trước hết, Ngài đã sáng tạo ra các người và ban cho các người sự sống, việc này đã làm cho các người phải mắc nợ Ngài.

24 Và thứ đến, Ngài đòi hỏi các người phải biết làm theo điều Ngài truyền phán; vì nếu các người làm được như vậy, thì Ngài ban phước lành cho các người ngay; và như vậy là Ngài đã trả công cho các người. Và như vậy là các người vẫn còn mắc nợ Ngài, và hiện giờ, và sẽ mãi mãi và đời đời vẫn còn mắc nợ Ngài; vậy thì các người có gì đâu mà phải khoe khoang?

25 Và giờ đây tôi xin hỏi, các người có thể nói gì về bản thân mình được chẳng? Tôi xin trả lời: Không. Các người không thể nói rằng mình cũng bằng như bụi đất thế gian; mặc dù các người đã từ bụi đất thế gian mà được tạo ra; nhưng này, chính bụi đất ấy cũng thuộc về Đấng đã sáng tạo ra các người.

26 Và ngay cả chính tôi đây là người được các người xưng gọi là vua của các người cũng không hơn gì các người; vì tôi cũng chỉ là bụi đất. Và các người thấy rằng nay tôi đã già rồi, và tôi sắp nhượng lại hình hài trần gian này cho lòng đất mẹ.

I say unto you that if ye should serve him who has created you from the beginning, and is preserving you from day to day, by lending you breath, that ye may live and move and do according to your own will, and even supporting you from one moment to another—I say, if ye should serve him with all your whole souls yet ye would be unprofitable servants.

And behold, all that he requires of you is to keep his commandments; and he has promised you that if ye would keep his commandments ye should prosper in the land; and he never doth vary from that which he hath said; therefore, if ye do keep his commandments he doth bless you and prosper you.

And now, in the first place, he hath created you, and granted unto you your lives, for which ye are indebted unto him.

And secondly, he doth require that ye should do as he hath commanded you; for which if ye do, he doth immediately bless you; and therefore he hath paid you. And ye are still indebted unto him, and are, and will be, forever and ever; therefore, of what have ye to boast?

And now I ask, can ye say aught of yourselves? I answer you, Nay. Ye cannot say that ye are even as much as the dust of the earth; yet ye were created of the dust of the earth; but behold, it belongeth to him who created you.

And I, even I, whom ye call your king, am no better than ye yourselves are; for I am also of the dust. And ye behold that I am old, and am about to yield up this mortal frame to its mother earth.

- 27 Vậy nên, như tôi đã nói với các người là tôi đã phục vụ các người và bước đi trước mặt Thượng Đế với một lương tâm trong sạch, cũng như ngày hôm nay, tôi tập hợp các người lại đây để tôi có thể được xét thấy là vô tội, và máu của các người sẽ không vấy được vào tôi, khi tôi đứng ra để được Thượng Đế phán xét về những việc mà Ngài đã truyền lệnh tôi phải làm cho các người.
- 28 Tôi nói cho các người hay, tôi đã cho tập hợp các người lại đây là để tôi có thể tẩy sạch máu của các người khỏi y phục của tôi vào lúc này là lúc tôi sắp sửa bước xuống mồ, ngõ hầu tôi có thể nằm xuống trong sự bình an, và linh hồn bất diệt của tôi có thể họp cùng các ca đoàn trên cao kia để đồng ca lên những lời tán mỹ Đấng Thượng Đế công minh.
- 29 Và ngoài ra, tôi nói cho các người hay, tôi đã cho tập hợp các người lại đây là để tôi có thể tuyên bố với các người rằng, tôi sẽ không còn là người giáo huấn và là vua của các người nữa;
- 30 Vì, ngay như giờ phút này, toàn thân tôi vô cùng run rẩy khi tôi cố gắng nói với các người; nhưng Đức Chúa Trời đã trợ giúp tôi, và đã cho phép tôi nói chuyện với các người, và đã truyền lệnh cho tôi rằng tôi phải tuyên bố với các người ngày hôm nay là con tôi Mô Si A sẽ là vua và là người cai trị của các người.
- 31 Và bây giờ, hỡi đồng bào của tôi, tôi mong các người hãy làm những điều như từ trước đến nay các người vẫn làm. Như các người đã từng làm theo lệnh của tôi, cũng như đã từng làm theo lệnh phụ thân tôi, và đã được thịnh vượng và được giữ gìn khỏi bị rơi vào tay kẻ thù của mình, thì ngày nay cũng vậy, nếu các người tuân theo lệnh của con tôi, hay là những lệnh truyền của Thượng Đế sẽ được truyền đến cho các người bởi con tôi, thì các người sẽ được thịnh vượng trong xứ, và kẻ thù của các người sẽ không có quyền lực gì đối với các người hết.
- 32 Nhưng, hỡi đồng bào của tôi, hãy đề phòng, kẻo sự tranh chấp sẽ phát khởi giữa các người, và rồi các người chịu vâng theo quỷ dữ, như điều mà phụ thân tôi là Mô Si A đã có nói tới.

Therefore, as I said unto you that I had served you, walking with a clear conscience before God, even so I at this time have caused that ye should assemble yourselves together, that I might be found blameless, and that your blood should not come upon me, when I shall stand to be judged of God of the things whereof he hath commanded me concerning you.

I say unto you that I have caused that ye should assemble yourselves together that I might rid my garments of your blood, at this period of time when I am about to go down to my grave, that I might go down in peace, and my immortal spirit may join the choirs above in singing the praises of a just God.

And moreover, I say unto you that I have caused that ye should assemble yourselves together, that I might declare unto you that I can no longer be your teacher, nor your king;

For even at this time, my whole frame doth tremble exceedingly while attempting to speak unto you; but the Lord God doth support me, and hath suffered me that I should speak unto you, and hath commanded me that I should declare unto you this day, that my son Mosiah is a king and a ruler over you.

And now, my brethren, I would that ye should do as ye have hitherto done. As ye have kept my commandments, and also the commandments of my father, and have prospered, and have been kept from falling into the hands of your enemies, even so if ye shall keep the commandments of my son, or the commandments of God which shall be delivered unto you by him, ye shall prosper in the land, and your enemies shall have no power over you.

But, O my people, beware lest there shall arise contentions among you, and ye list to obey the evil spirit, which was spoken of by my father Mosiah.



33 Vì này, có một lời nguyền rủa đã được dành sẵn cho kẻ nào chịu vâng theo quỷ dữ đó; vì nếu kẻ nào chịu vâng theo nó, và duy trì như vậy và chết trong tội lỗi của mình, thì kẻ đó sẽ phải uống sự đoán phạt cho linh hồn mình; vì kẻ đó sẽ nhận thù lao của mình bằng một hình phạt vĩnh viễn, vì đã vi phạm luật pháp của Thượng Đế trái với sự hiểu biết của mình.

34 Tôi nói cho các người hay rằng, ngoại trừ trẻ con của các người ra là những kẻ chưa được giáo huấn về những điều này, thì trong số các người ai ai cũng biết rằng mình đã mắc nợ Cha trên trời mãi mãi, để trả ơn những gì mình có và tình trạng của mình ngày nay; và cũng đã được giảng dạy về những biên sử trong ấy có chứa đựng những lời tiên tri mà đã được các thánh tiên tri nói ra, cho đến thời tổ phụ Lê Hi của chúng ta rời Giê Ru Sa Lem;

35 Và luôn tất cả những gì các tổ phụ chúng ta đã nói ra từ trước cho đến nay. Và này, những gì họ nói ra đều do Chúa truyền lệnh cho họ; vậy nên những điều đó chính đáng và chân thật cả.

36 Và giờ đây, tôi nói cho các người, là đồng bào của tôi, hay rằng, sau khi các người đã biết và đã được giáo huấn về tất cả những điều này mà nếu các người phạm giới và làm ngược lại những điều đã được nói ra, thì tức là các người đã tự lánh xa khỏi Thánh Linh của Chúa, khiến Ngài không còn chỗ đứng trong các người để hướng dẫn các người vào những nẻo đường của sự khôn ngoan, ngõ hầu các người được phước, được thịnh vượng, và được bảo tồn—

37 Tôi nói cho các người hay rằng, ai làm như vậy tức là công khai chống lại Thượng Đế; vậy nên, kẻ ấy chịu vâng theo linh hồn quỷ dữ, và trở thành kẻ thù của mọi sự ngay chính; do đó, Chúa không còn ở trong kẻ ấy nữa, vì Ngài không ngự trong những đền thờ không thánh thiện.

For behold, there is a wo pronounced upon him who listeth to obey that spirit; for if he listeth to obey him, and remaineth and dieth in his sins, the same drinketh damnation to his own soul; for he receiveth for his wages an everlasting punishment, having transgressed the law of God contrary to his own knowledge.

I say unto you, that there are not any among you, except it be your little children that have not been taught concerning these things, but what knoweth that ye are eternally indebted to your heavenly Father, to render to him all that you have and are; and also have been taught concerning the records which contain the prophecies which have been spoken by the holy prophets, even down to the time our father, Lehi, left Jerusalem;

And also, all that has been spoken by our fathers until now. And behold, also, they spake that which was commanded them of the Lord; therefore, they are just and true.

And now, I say unto you, my brethren, that after ye have known and have been taught all these things, if ye should transgress and go contrary to that which has been spoken, that ye do withdraw yourselves from the Spirit of the Lord, that it may have no place in you to guide you in wisdom's paths that ye may be blessed, prospered, and preserved—

I say unto you, that the man that doeth this, the same cometh out in open rebellion against God; therefore he listeth to obey the evil spirit, and becometh an enemy to all righteousness; therefore, the Lord has no place in him, for he dwelleth not in unholy temples.

38 Vậy nên, nếu kẻ đó không hối cải, và tiếp tục sống trong tội lỗi và chết như là một kẻ thù của Thượng Đế, thì những sự đòi hỏi của một công lý thiêng liêng sẽ đánh thức linh hồn bất diệt của hắn để nhận thức một cách sâu xa những tội lỗi mình, khiến hắn phải thối lui trước sự hiện diện của Chúa, và làm cho tâm hồn hắn tràn đầy tội lỗi, đau đớn và lo âu, chẳng khác chi một đám lửa không thể bị dập tắt được, mà ngọn lửa cứ cháy bùng lên mãi mãi và đời đời.

39 Và giờ đây, tôi nói cho các người hay rằng, lòng thương xót không còn hiệu lực gì nữa đối với kẻ đó; vậy nên số phận cuối cùng của hắn là phải chịu một cực hình bất tận.

40 Hỡi các niên lão, hỡi các thanh niên, và hỡi các con trẻ nào có thể hiểu được những lời tôi nói, vì tôi đã nói một cách minh bạch để các người có thể hiểu được, tôi xin cầu nguyện rằng các người sẽ thức tỉnh mà nhớ tới tình trạng khủng khiếp của những kẻ đã rơi vào vòng phạm giới.

41 Và ngoài ra, tôi mong rằng các người hãy nên suy ngẫm về trạng thái đầy phước lành và hạnh phúc của những người tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế. Vì này, họ được ban phước lành trong tất cả mọi điều, cả vật chất lẫn tinh thần; và nếu họ trung thành cho đến cùng thì họ sẽ được thu nhận vào thiên thượng, để nhờ đó họ có thể ở với Thượng Đế trong một trạng thái hạnh phúc bất tận. Hãy ghi nhớ, hãy ghi nhớ rằng những điều này là có thật; vì Đức Chúa Trời đã phán vậy.

Therefore if that man repenteth not, and remaineth and dieth an enemy to God, the demands of divine justice do awaken his immortal soul to a lively sense of his own guilt, which doth cause him to shrink from the presence of the Lord, and doth fill his breast with guilt, and pain, and anguish, which is like an unquenchable fire, whose flame ascendeth up forever and ever.

And now I say unto you, that mercy hath no claim on that man; therefore his final doom is to endure a never-ending torment.

O, all ye old men, and also ye young men, and you little children who can understand my words, for I have spoken plainly unto you that ye might understand, I pray that ye should awake to a remembrance of the awful situation of those that have fallen into transgression.

And moreover, I would desire that ye should consider on the blessed and happy state of those that keep the commandments of God. For behold, they are blessed in all things, both temporal and spiritual; and if they hold out faithful to the end they are received into heaven, that thereby they may dwell with God in a state of never-ending happiness. O remember, remember that these things are true; for the Lord God hath spoken it.

## Mô Si A 3

- 1 Hỡi đồng bào của tôi, và một lần nữa tôi muốn kêu gọi sự chú ý của các người, vì tôi còn một vài điều khác nữa muốn nói với các người; vì này, tôi muốn nói với các người về những điều sẽ phải xảy đến.
- 2 Và những điều mà tôi sẽ nói cho các người biết đây là những điều tôi đã được một thiên sứ của Thượng Đế cho biết. Và vị ấy bảo tôi rằng: Hãy thức dậy; và tôi thức dậy, này, vị ấy đã đứng trước mặt tôi.
- 3 Và vị ấy đã nói cùng tôi rằng: Hãy thức dậy mà nghe những lời ta sắp nói cho người biết đây; vì này, ta đến đây để rao truyền cho người tin lành vui mừng lớn lao.
- 4 Vì Chúa đã nghe lời cầu nguyện của người, và đã phán xét sự ngay chính của người, và đã sai ta xuống rao truyền cho người hay, để người có được vui mừng; và người hãy rao truyền cho dân của người biết để họ cũng được chữa chan niềm vui.
- 5 Vì này, chẳng còn bao lâu nữa ngày ấy sẽ đến, đó tức là ngày mà Chúa Vạn Năng, Đấng hằng trị vì, Đấng từ mọi vịnh cửa này đến mọi vịnh cửa khác, sẽ từ trên trời xuống giữa đám con cái loài người với quyền năng, và sẽ trú trong một đền tạm bằng đất sét, và sẽ đi giữa loài người để thực hiện những phép lạ lớn lao, như chữa lành người bệnh, cứu sống kẻ chết, làm cho kẻ què đi được, kẻ đui thấy được, kẻ điếc nghe được, cùng chữa lành mọi thứ bệnh tật.
- 6 Và Ngài sẽ xua đuổi những quỷ dữ hay những ác linh đang chiếm ngự trong trái tim con cái loài người.
- 7 Và trông kìa, Ngài sẽ phải chịu đựng những cảm dỗ, nỗi đau đớn của thể xác, sự đói khát, sự mệt nhọc, ngay cả hơn những gì loài người có thể chịu đựng được, trừ cái chết; vì này, máu sẽ chảy ra từ mọi lỗ chân lông, nỗi lo âu của Ngài về sự độc ác và những sự khờ ồ của dân Ngài thật lớn lao thay.
- 8 Và Ngài sẽ được gọi là Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, Cha của trời đất, Đấng Sáng Tạo tất cả mọi sự vật từ lúc khởi đầu, và mẹ của Ngài sẽ được gọi là Ma Ri.

## Mosiah 3

And again my brethren, I would call your attention, for I have somewhat more to speak unto you; for behold, I have things to tell you concerning that which is to come.

And the things which I shall tell you are made known unto me by an angel from God. And he said unto me: Awake; and I awoke, and behold he stood before me.

And he said unto me: Awake, and hear the words which I shall tell thee; for behold, I am come to declare unto you the glad tidings of great joy.

For the Lord hath heard thy prayers, and hath judged of thy righteousness, and hath sent me to declare unto thee that thou mayest rejoice; and that thou mayest declare unto thy people, that they may also be filled with joy.

For behold, the time cometh, and is not far distant, that with power, the Lord Omnipotent who reigneth, who was, and is from all eternity to all eternity, shall come down from heaven among the children of men, and shall dwell in a tabernacle of clay, and shall go forth amongst men, working mighty miracles, such as healing the sick, raising the dead, causing the lame to walk, the blind to receive their sight, and the deaf to hear, and curing all manner of diseases.

And he shall cast out devils, or the evil spirits which dwell in the hearts of the children of men.

And lo, he shall suffer temptations, and pain of body, hunger, thirst, and fatigue, even more than man can suffer, except it be unto death; for behold, blood cometh from every pore, so great shall be his anguish for the wickedness and the abominations of his people.

And he shall be called Jesus Christ, the Son of God, the Father of heaven and earth, the Creator of all things from the beginning; and his mother shall be called Mary.

- 9 Và trông kìa, Ngài sẽ đến cùng với dân của Ngài để cho sự cứu rỗi có thể đến được với con cái loài người nhờ có đức tin nơi danh Ngài; và mặc dù sau khi Ngài đã làm tất cả những điều này, họ cũng chỉ xem Ngài như một người thường, và còn bảo rằng Ngài bị quỷ ám, và sẽ đánh Ngài bằng roi và đóng đinh Ngài trên thập tự giá.
- 10 Và Ngài sẽ từ cõi chết sống lại vào ngày thứ ba; và này, Ngài sẽ đứng phán xét thế gian; và này, tất cả những điều này sẽ được thực hiện để cho sự phán xét công bình có thể đến với con cái loài người.
- 11 Vì này, máu của Ngài cũng chuộc tội lỗi của những người đã sa ngã vì sự phạm giới của A Đam, là những người đã chết mà không được biết ý định của Thượng Đế đối với họ, hay là những người phạm tội vì không hiểu biết.
- 12 Nhưng khốn thay, khốn thay cho những ai biết mình chống đối Thượng Đế! Vì sự cứu rỗi sẽ không đến với những kẻ ấy trừ phi họ hối cải và có đức tin nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô.
- 13 Và Đức Chúa Trời đã gửi các thánh tiên tri của Ngài đến giữa tất cả con cái loài người để rao truyền những điều này cho mọi sắc tộc, mọi quốc gia và mọi sắc ngữ rằng, kẻ nào nhờ đó mà tin rằng Đấng Kỵ Tô sẽ đến thì kẻ đó sẽ nhận được sự xá miễn các tội lỗi của mình và sẽ được tràn đầy niềm vui lớn lao, chẳng khác chi Ngài đã đến với họ rồi vậy.
- 14 Tuy nhiên, vì Đức Chúa Trời thấy dân của Ngài là một dân cứng cổ, nên Ngài có chỉ định cho họ một luật pháp, đó là luật pháp Môi Se.
- 15 Và Ngài còn cho họ thấy nhiều điềm triệu, những điều kỳ diệu, các dấu hiệu, và các biểu tượng về sự hiện đến của Ngài; và các thánh tiên tri cũng có nói cho họ biết về sự hiện đến của Ngài; vậy mà họ vẫn chai đá trong lòng và họ chẳng chịu hiểu rằng luật pháp Môi Se không ích lợi gì nếu không nhờ sự chuộc tội của máu của Ngài.
- 16 Và ngay cả nếu có thể là trẻ con có khả năng phạm tội thì chúng không được cứu; nhưng ta nói cho người hay, chúng được phước; vì này, như trong A Đam, hay vì bản tính, chúng sa ngã như thế nào, thì máu của Đấng Kỵ Tô cũng chuộc tội lỗi cho chúng như thể ấy.

And lo, he cometh unto his own, that salvation might come unto the children of men even through faith on his name; and even after all this they shall consider him a man, and say that he hath a devil, and shall scourge him, and shall crucify him.

And he shall rise the third day from the dead; and behold, he standeth to judge the world; and behold, all these things are done that a righteous judgment might come upon the children of men.

For behold, and also his blood atoneth for the sins of those who have fallen by the transgression of Adam, who have died not knowing the will of God concerning them, or who have ignorantly sinned.

But wo, wo unto him who knoweth that he rebel-leth against God! For salvation cometh to none such except it be through repentance and faith on the Lord Jesus Christ.

And the Lord God hath sent his holy prophets among all the children of men, to declare these things to every kindred, nation, and tongue, that thereby whosoever should believe that Christ should come, the same might receive remission of their sins, and rejoice with exceedingly great joy, even as though he had already come among them.

Yet the Lord God saw that his people were a stiff-necked people, and he appointed unto them a law, even the law of Moses.

And many signs, and wonders, and types, and shadows showed he unto them, concerning his coming; and also holy prophets spake unto them concerning his coming; and yet they hardened their hearts, and understood not that the law of Moses availeth nothing except it were through the atonement of his blood.

And even if it were possible that little children could sin they could not be saved; but I say unto you they are blessed; for behold, as in Adam, or by nature, they fall, even so the blood of Christ atoneth for their sins.

17 Và ngoài ra, ta nói cho người hay rằng, sẽ không có một danh xưng nào khác được ban ra, hay một con đường hoặc một phương tiện nào khác mà nhờ đó sự cứu rỗi có thể đến với con cái loài người, chỉ có ở trong hay nhờ danh của Đấng Kỳ Tô, Chúa Vạn Năng mà thôi.

18 Vì này, Ngài phán xét, và sự phán xét của Ngài thì công bình; và trẻ nhỏ chết trong lúc còn thơ ấu sẽ không bị diệt vong; nhưng loài người sẽ phải uống sự đoán phạt cho linh hồn mình, ngoại trừ họ biết hạ mình để trở thành như những trẻ con, và tin rằng sự cứu rỗi đã xảy ra, đang xảy ra, và sẽ xảy ra, ở trong và qua máu chuộc tội của Đấng Kỳ Tô, Chúa Vạn Năng.

19 Vì con người thiên nhiên là một kẻ thù của Thượng Đế, và từ lúc sự sa ngã của A Đam đến nay, và sẽ mãi mãi là kẻ thù của Ngài, trừ phi người ấy chịu theo những sự khuyên dỗ của Đức Thánh Linh, cởi bỏ con người thiên nhiên của mình, và trở nên một thánh hữu nhờ sự chuộc tội của Đấng Kỳ Tô, là Chúa, và trở thành như trẻ nhỏ, phục tùng, nhu mì, khiêm nhường, kiên nhẫn, đầy sự yêu thương, sẵn sàng chấp nhận tất cả những điều gì Chúa thấy cần gán cho mình, chẳng khác chi trẻ con thuần phục cha mình vậy.

20 Và ngoài ra, ta nói cho người hay rằng, sẽ đến lúc sự hiểu biết về Đấng Cứu Rỗi sẽ lan tràn đến mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc.

21 Và này, đến lúc đó thì chẳng còn ai được xét thấy là vô tội trước mặt Thượng Đế, chỉ trừ trẻ thơ, nếu không nhờ hối cải và đức tin nơi danh Đức Chúa Trời Vạn Năng.

22 Và ngay cả vào lúc này, sau khi người đã dạy dân mình về những điều mà Chúa, Thượng Đế của người, đã truyền lệnh cho người, thì họ cũng không được xét thấy là vô tội nữa trước mắt Thượng Đế, đúng như những lời mà ta đã phán cùng người.

23 Và giờ đây tôi đã nói những lời mà Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho tôi.

And moreover, I say unto you, that there shall be no other name given nor any other way nor means whereby salvation can come unto the children of men, only in and through the name of Christ, the Lord Omnipotent.

For behold he judgeth, and his judgment is just; and the infant perisheth not that dieth in his infancy; but men drink damnation to their own souls except they humble themselves and become as little children, and believe that salvation was, and is, and is to come, in and through the atoning blood of Christ, the Lord Omnipotent.

For the natural man is an enemy to God, and has been from the fall of Adam, and will be, forever and ever, unless he yields to the enticings of the Holy Spirit, and putteth off the natural man and becometh a saint through the atonement of Christ the Lord, and becometh as a child, submissive, meek, humble, patient, full of love, willing to submit to all things which the Lord seeth fit to inflict upon him, even as a child doth submit to his father.

And moreover, I say unto you, that the time shall come when the knowledge of a Savior shall spread throughout every nation, kindred, tongue, and people.

And behold, when that time cometh, none shall be found blameless before God, except it be little children, only through repentance and faith on the name of the Lord God Omnipotent.

And even at this time, when thou shalt have taught thy people the things which the Lord thy God hath commanded thee, even then are they found no more blameless in the sight of God, only according to the words which I have spoken unto thee.

And now I have spoken the words which the Lord God hath commanded me.

24 Và Chúa đã phán như vậy: Những lời này sẽ là bằng chứng sáng ngời chống lại dân này, vào ngày phán xét; vậy nên họ sẽ bị phán xét, mỗi người tùy theo việc làm của mình, dù cho những việc làm của mình thiện, hay dù cho những việc làm của mình ác.

25 Và nếu những việc làm của họ ác thì họ sẽ bị đưa vào một viễn ảnh đáng sợ của tội lỗi và của những điều khả ố của họ, khiến họ phải thối lui khỏi sự hiện diện của Chúa để đi vào một trạng thái khổ sở và cực hình bất tận, mà từ đó họ không thể nào trở về được; vậy nên họ đã uống sự đoán phạt cho linh hồn mình.

26 Vậy nên, họ đã uống cạn chén thịnh nộ của Thượng Đế, là điều mà công lý không thể chối cãi với họ chẳng khác gì việc công lý không thể chối cãi là A Đam đã sa ngã vì ăn trái cấm; vậy nên, sự thương xót không bao giờ còn bình vực họ được nữa và mãi mãi.

27 Và cực hình của họ chẳng khác chi hồ lửa với diêm sinh, mà những ngọn lửa của nó không thể bị dập tắt được, và khói của nó cứ dâng lên mãi mãi và đời đời. Chúa đã truyền lệnh cho tôi như vậy. Amen.

And thus saith the Lord: They shall stand as a bright testimony against this people, at the judgment day; whereof they shall be judged, every man according to his works, whether they be good, or whether they be evil.

And if they be evil they are consigned to an awful view of their own guilt and abominations, which doth cause them to shrink from the presence of the Lord into a state of misery and endless torment, from whence they can no more return; therefore they have drunk damnation to their own souls.

Therefore, they have drunk out of the cup of the wrath of God, which justice could no more deny unto them than it could deny that Adam should fall because of his partaking of the forbidden fruit; therefore, mercy could have claim on them no more forever.

And their torment is as a lake of fire and brimstone, whose flames are unquenchable, and whose smoke ascendeth up forever and ever. Thus hath the Lord commanded me. Amen.

## Mô Si A 4

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, khi vua Bê-ni-min chấm dứt nói những lời ông được thiên sứ của Chúa truyền dạy, ông đưa mắt nhìn quanh đám đông, và thấy rằng họ đã ngã xuống đất, vì sự kính sợ Chúa đã bao trùm lấy họ.
- 2 Và họ tự nhận thấy bản thân họ trong trạng thái trần tục còn kém hơn cả bụi đất thế gian. Và tất cả đồng cất tiếng kêu to lên mà rằng: Xin hãy thương xót, và hãy áp dụng máu chuộc tội của Đấng Ky Tô để chúng tôi có thể nhận được sự tha thứ tội lỗi của chúng tôi, và trái tim chúng tôi có thể được thanh tẩy, vì chúng tôi tin ở Chúa Giê-su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, Đấng đã sáng tạo ra trời đất và vạn vật; là Đấng sẽ đến giữa con cái loài người.
- 3 Và chuyện rằng, sau khi họ nói xong những lời này, thì Thánh Linh của Chúa giáng xuống trên họ, và họ tràn đầy hân hoan, vì đã nhận được sự xá miễn tội lỗi của mình và có được sự yên ổn trong lương tâm, nhờ họ có đức tin mãnh liệt nơi Chúa Giê-su Ky Tô, là Đấng sẽ đến, theo như những lời vua Bê-ni-min đã nói với họ.
- 4 Và vua Bê-ni-min lại mở miệng và bắt đầu ngỏ lời với họ rằng: Hỡi các bạn, là anh em của tôi, hỡi đồng bào, là dân của tôi, một lần nữa tôi mong rằng các người hãy chú ý, để các người có thể nghe và hiểu những lời sau cùng mà tôi sắp nói với các người đây.
- 5 Vì này, nếu vào giờ phút này sự hiểu biết về lòng nhân từ của Thượng Đế đã thức tỉnh các người để nhận thức được sự vô nghĩa và trạng thái không xứng đáng và sa ngã của mình—

## Mosiah 4

And now, it came to pass that when king Benjamin had made an end of speaking the words which had been delivered unto him by the angel of the Lord, that he cast his eyes round about on the multitude, and behold they had fallen to the earth, for the fear of the Lord had come upon them.

And they had viewed themselves in their own carnal state, even less than the dust of the earth. And they all cried aloud with one voice, saying: O have mercy, and apply the atoning blood of Christ that we may receive forgiveness of our sins, and our hearts may be purified; for we believe in Jesus Christ, the Son of God, who created heaven and earth, and all things; who shall come down among the children of men.

And it came to pass that after they had spoken these words the Spirit of the Lord came upon them, and they were filled with joy, having received a remission of their sins, and having peace of conscience, because of the exceeding faith which they had in Jesus Christ who should come, according to the words which king Benjamin had spoken unto them.

And king Benjamin again opened his mouth and began to speak unto them, saying: My friends and my brethren, my kindred and my people, I would again call your attention, that ye may hear and understand the remainder of my words which I shall speak unto you.

For behold, if the knowledge of the goodness of God at this time has awakened you to a sense of your nothingness, and your worthless and fallen state—

- 6 Tôi nói cho các người hay, nếu các người đã đạt tới sự hiểu biết về lòng nhân từ của Thượng Đế và quyền năng vô song của Ngài, cùng sự thông sáng, sự kiên nhẫn và sự nhịn nhục của Ngài đối với con cái loài người; cũng như sự chuộc tội đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng, để nhờ đó mà sự cứu rỗi có thể đến với ai biết đặt lòng tin cậy của mình nơi Chúa và chuyên tâm tuân giữ những lệnh truyền của Ngài, cùng kiên trì trong đức tin cho đến ngày cuối cùng của đời mình, tôi muốn nói là cuộc đời của thể xác hữu diệt này—
- 7 Tôi xin nói, chính kẻ đó là người nhận được sự cứu rỗi, nhờ sự chuộc tội đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng cho tất cả loài người, là những người sống trên cõi đời này, kể từ lúc sự sa ngã của A Đam cho đến nay, và mãi mãi về sau, dù cho đến ngày tận thế.
- 8 Và đó là phương cách mà nhờ đó sự cứu rỗi sẽ đến. Và không có sự cứu rỗi nào khác hơn là sự cứu rỗi đã được nói đến; và cũng chẳng có điều kiện nào khác hơn để loài người được cứu ngoài những điều kiện tôi đã nói với các người.
- 9 Hãy tin nơi Thượng Đế; hãy tin là Ngài hằng hữu, và Ngài đã sáng tạo vạn vật, cả trên trời lẫn dưới đất; hãy tin rằng Ngài có mọi sự thông sáng, mọi quyền năng, cả trên trời lẫn dưới đất; hãy tin rằng loài người không hiểu tất cả những sự việc mà Chúa có thể hiểu được.
- 10 Và lại nữa, hãy tin rằng, các người cần phải hối cải tội lỗi của mình và hãy từ bỏ những tội lỗi ấy đi, hãy biết hạ mình trước mặt Thượng Đế; và với tấm lòng chân thành, hãy cầu xin Ngài tha thứ cho các người; và giờ đây, nếu các người tin tất cả những điều này, thì các người hãy chú tâm thi hành những điều này đi.

I say unto you, if ye have come to a knowledge of the goodness of God, and his matchless power, and his wisdom, and his patience, and his long-suffering towards the children of men; and also, the atonement which has been prepared from the foundation of the world, that thereby salvation might come to him that should put his trust in the Lord, and should be diligent in keeping his commandments, and continue in the faith even unto the end of his life, I mean the life of the mortal body—

I say, that this is the man who receiveth salvation, through the atonement which was prepared from the foundation of the world for all mankind, which ever were since the fall of Adam, or who are, or who ever shall be, even unto the end of the world.

And this is the means whereby salvation cometh. And there is none other salvation save this which hath been spoken of; neither are there any conditions whereby man can be saved except the conditions which I have told you.

Believe in God; believe that he is, and that he created all things, both in heaven and in earth; believe that he has all wisdom, and all power, both in heaven and in earth; believe that man doth not comprehend all the things which the Lord can comprehend.

And again, believe that ye must repent of your sins and forsake them, and humble yourselves before God; and ask in sincerity of heart that he would forgive you; and now, if you believe all these things see that ye do them.



11 Và một lần nữa, tôi nói cho các người hay như tôi đã nói với các người trước kia: Một khi các người đã đạt tới sự hiểu biết về sự vinh quang của Thượng Đế, hay nếu các người đã được biết về lòng nhân từ của Ngài, và đã nếm được tình yêu thương của Ngài, cũng như đã nhận được sự xá miễn các tội lỗi của mình, mà điều này đã đem lại cho các người một sự hân hoan cực độ trong tâm hồn mình, nếu quả thật như vậy, thì tôi mong rằng các người hãy ghi nhớ, và luôn luôn ghi nhớ, về sự vĩ đại của Thượng Đế, và sự vô nghĩa của chính bản thân mình, cùng lòng nhân từ và sự nhịn nhục của Ngài đối với các người là những sinh vật không xứng đáng, để các người biết hạ mình xuống tận đáy sâu của sự khiêm nhường, và kêu gọi tôn danh Chúa hằng ngày cùng đứng vững trong đức tin đối với những điều sẽ phải xảy đến, là điều đã được thốt ra từ miệng của thiên sứ.

12 Và này, tôi nói cho các người hay rằng, nếu các người làm được như vậy, thì các người luôn luôn được vui sướng, và được tràn đầy tình thương yêu của Thượng Đế, và luôn luôn được xá miễn các tội lỗi của mình; và các người sẽ được tăng thêm sự hiểu biết về sự vinh quang của Đấng đã tạo ra các người, hay sự hiểu biết về những điều gì chính đáng và chân thật.

13 Và các người sẽ không còn ý tưởng làm hại nhau nữa, mà sẽ sống an lành, và trả lại cho mọi người những gì họ đáng được hưởng.

14 Và các người sẽ không để cho con cái mình phải đói rách; và cũng không để cho chúng phạm các luật pháp của Thượng Đế, và gây gỗ, kình chống nhau, và thuận phục quỷ dữ, vốn là chủ của tội lỗi, là ác linh, là kẻ thù của mọi điều ngay chính, như tổ phụ chúng ta đã từng nói tới.

15 Trái lại, các người sẽ dạy chúng theo đường lối của lẽ thật và sự nghiêm chỉnh; các người sẽ dạy chúng biết thương yêu nhau và phục vụ cho nhau.

16 Và ngoài ra, chính các người cũng sẽ trợ giúp cho những ai cần sự trợ giúp của mình; các người sẽ chia sẻ của cải mình cho những ai thiếu thốn; và các người sẽ không để cho kẻ hành khất phải cầu xin các người một cách vô vọng, và sẽ không xua đuổi họ để họ phải chết.

And again I say unto you as I have said before, that as ye have come to the knowledge of the glory of God, or if ye have known of his goodness and have tasted of his love, and have received a remission of your sins, which causeth such exceedingly great joy in your souls, even so I would that ye should remember, and always retain in remembrance, the greatness of God, and your own nothingness, and his goodness and long-suffering towards you, unworthy creatures, and humble yourselves even in the depths of humility, calling on the name of the Lord daily, and standing steadfastly in the faith of that which is to come, which was spoken by the mouth of the angel.

And behold, I say unto you that if ye do this ye shall always rejoice, and be filled with the love of God, and always retain a remission of your sins; and ye shall grow in the knowledge of the glory of him that created you, or in the knowledge of that which is just and true.

And ye will not have a mind to injure one another, but to live peaceably, and to render to every man according to that which is his due.

And ye will not suffer your children that they go hungry, or naked; neither will ye suffer that they transgress the laws of God, and fight and quarrel one with another, and serve the devil, who is the master of sin, or who is the evil spirit which hath been spoken of by our fathers, he being an enemy to all righteousness.

But ye will teach them to walk in the ways of truth and soberness; ye will teach them to love one another, and to serve one another.

And also, ye yourselves will succor those that stand in need of your succor; ye will administer of your substance unto him that standeth in need; and ye will not suffer that the beggar putteth up his petition to you in vain, and turn him out to perish.

17 Có lẽ các người sẽ nói rằng: Người này tự chuộc lấy sự khôn khó vào mình; vậy nên, ta sẽ không dang tay bố thí cho hắn thực phẩm, và cũng không chia sẻ của cải của ta để làm cho hắn bớt đau khổ, vì sự trừng phạt của hắn thật là công bình—

18 Nhưng, tôi nói cho các người hay, hỡi loài người, nếu ai làm như vậy thì sẽ có lý do lớn lao để hối cải; và nếu người đó không hối cải về điều mình đã làm thì người đó sẽ bị diệt vong mãi mãi, và sẽ không có quyền lợi gì trong vương quốc của Thượng Đế.

19 Vì này, chẳng phải chúng ta toàn là những kẻ hành khát cả hay sao? Chẳng phải tất cả chúng ta đều tùy thuộc vào một Đấng, tức là Thượng Đế, về mọi vật chất mà chúng ta đang có như lương thực, áo quần, vàng bạc, và tất cả của cải đủ loại mà chúng ta có hay sao?

20 Và này, ngay cả trong giờ phút này, các người cũng đang kêu gọi đến danh Ngài, và cầu xin Ngài xá miễn tội lỗi cho mình. Và Ngài có để cho các người phải khẩn cầu một cách vô hiệu quả hay chẳng? Không, Ngài đã trút Thánh Linh của Ngài lên các người, và khiến trái tim các người tràn ngập niềm vui, và khiến cho miệng các người phải nín lặng không thốt được nên lời, vì niềm vui của mình quá lớn lao.

21 Và giờ đây, nếu Thượng Đế, là Đấng đã tạo ra các người, là Đấng mà các người tùy thuộc vào trong cuộc sống và trong tất cả những gì mình đang có và trong trạng thái hiện tại của mình, lại còn ban cho các người bất cứ điều gì các người cầu xin chính đáng, trong đức tin, và tin tưởng rằng các người sẽ nhận được, vậy thì các người lại càng nên san sẻ bớt những của cải mình có cho người khác.

22 Và nếu các người xét đoán rồi kết tội kẻ cầu xin mình cứu giúp để kẻ ấy khỏi phải chết, thì thử hỏi phải có sự công bình đến bậc nào để kết tội các người, vì các người đã tàng trữ của cải không phải của mình mà là của Thượng Đế, là Đấng mà ngay cả đời sống của các người cũng thuộc về; vậy mà các người không dâng lên Ngài một lời cầu xin nào, cũng như không hối cải về điều mình đã làm.

23 Tôi nói cho các người hay, khôn thay cho kẻ đó, vì của cải của hắn sẽ bị hư mất theo hắn; và này, tôi nói những điều này với những kẻ giàu có theo những vật chất của thế gian này.

Perhaps thou shalt say: The man has brought upon himself his misery; therefore I will stay my hand, and will not give unto him of my food, nor impart unto him of my substance that he may not suffer, for his punishments are just—

But I say unto you, O man, whosoever doeth this the same hath great cause to repent; and except he repenteth of that which he hath done he perisheth forever, and hath no interest in the kingdom of God.

For behold, are we not all beggars? Do we not all depend upon the same Being, even God, for all the substance which we have, for both food and raiment, and for gold, and for silver, and for all the riches which we have of every kind?

And behold, even at this time, ye have been calling on his name, and begging for a remission of your sins. And has he suffered that ye have begged in vain? Nay; he has poured out his Spirit upon you, and has caused that your hearts should be filled with joy, and has caused that your mouths should be stopped that ye could not find utterance, so exceedingly great was your joy.

And now, if God, who has created you, on whom you are dependent for your lives and for all that ye have and are, doth grant unto you whatsoever ye ask that is right, in faith, believing that ye shall receive, O then, how ye ought to impart of the substance that ye have one to another.

And if ye judge the man who putteth up his petition to you for your substance that he perish not, and condemn him, how much more just will be your condemnation for withholding your substance, which doth not belong to you but to God, to whom also your life belongeth; and yet ye put up no petition, nor repent of the thing which thou hast done.

I say unto you, wo be unto that man, for his substance shall perish with him; and now, I say these things unto those who are rich as pertaining to the things of this world.

- 24 Và lại nữa, tôi nói với những người nghèo khó rằng, các người chẳng có tài sản gì hết, các người chỉ có vừa đủ sống qua ngày; ý tôi muốn nói với tất cả các người đã từ chối kẻ hành khất, vì các người không có gì để cho họ; tôi mong các người tự nhủ trong lòng mình rằng: Sở dĩ tôi không cho bởi tôi không có gì để cho, nhưng nếu tôi có thì tôi sẽ cho.
- 25 Và này, nếu các người tự nhủ lòng mình như vậy thì các người sẽ được vô tội, bằng không thì các người phải bị kết tội; và sự kết tội các người rất công bình, vì các người tham muốn những gì mình đã không nhận được.
- 26 Và này, vì những lời tôi vừa nói với các người—có nghĩa là để hằng ngày gìn giữ sự xá miễn các tội lỗi cho các người ngõ hầu các người có thể trở nên vô tội khi các người bước đi trước mặt Thượng Đế—tôi mong rằng, các người nên san xẻ những của cải của mình cho người nghèo khó, mỗi người tùy theo những gì mình có, như đem thức ăn cho kẻ đói, đem áo quần cho kẻ thiếu mặc, thăm viếng kẻ bệnh, và trợ giúp họ về tinh thần lẫn vật chất, tùy theo nhu cầu của họ.
- 27 Và hãy chú tâm làm tất cả những việc ấy một cách sáng suốt và có trật tự; vì không bắt buộc con người phải chạy mau hơn sức mình có thể chạy được. Và lại nữa, con người cần phải chuyên tâm, để nhờ đó mà họ có thể chiếm được phần thưởng; vậy nên, mọi việc cần phải được thi hành một cách trật tự.
- 28 Và tôi muốn các người phải ghi nhớ rằng, bất cứ ai trong vòng các người có mượn vật gì của người láng giềng, thì phải nhớ trả lại vật mình đã mượn, đúng như mình đã hứa, nếu không, các người sẽ phạm tội; và có thể các người sẽ làm cho người láng giềng mình cũng phạm tội theo.
- 29 Và sau cùng, tôi không thể kể hết tất cả những điều mà bởi đó các người có thể phạm tội được; vì có nhiều đường lối và nhiều cách thức khác nhau, nhiều đến nỗi tôi không thể đếm được.

And again, I say unto the poor, ye who have not and yet have sufficient, that ye remain from day to day; I mean all you who deny the beggar, because ye have not; I would that ye say in your hearts that: I give not because I have not, but if I had I would give.

And now, if ye say this in your hearts ye remain guiltless, otherwise ye are condemned; and your condemnation is just for ye covet that which ye have not received.

And now, for the sake of these things which I have spoken unto you—that is, for the sake of retaining a remission of your sins from day to day, that ye may walk guiltless before God—I would that ye should impart of your substance to the poor, every man according to that which he hath, such as feeding the hungry, clothing the naked, visiting the sick and administering to their relief, both spiritually and temporally, according to their wants.

And see that all these things are done in wisdom and order; for it is not requisite that a man should run faster than he has strength. And again, it is expedient that he should be diligent, that thereby he might win the prize; therefore, all things must be done in order.

And I would that ye should remember, that whosoever among you borroweth of his neighbor should return the thing that he borroweth, according as he doth agree, or else thou shalt commit sin; and perhaps thou shalt cause thy neighbor to commit sin also.

And finally, I cannot tell you all the things whereby ye may commit sin; for there are divers ways and means, even so many that I cannot number them.

30 Nhưng tôi có thể nói tóm tắt với các người rằng: Nếu các người không tự kiểm soát lấy mình, cùng tư tưởng, lời nói và việc làm của mình, và tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, và kiên trì trong đức tin về những gì mình đã nghe nói về sự hiện đến của Chúa chúng ta, cho đến ngày cuối cùng của mình, thì các người sẽ phải bị diệt vong. Và giờ đây, hỡi loài người, hãy ghi nhớ và đừng để cho mình phải bị diệt vong.

But this much I can tell you, that if ye do not watch yourselves, and your thoughts, and your words, and your deeds, and observe the commandments of God, and continue in the faith of what ye have heard concerning the coming of our Lord, even unto the end of your lives, ye must perish. And now, O man, remember, and perish not.

## Mô Si A 5

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, khi vua Bê-ni-min đã ngỏ lời cùng dân mình xong, ông có gửi thông điệp đến họ, để muốn biết dân ông có tin theo những lời ông nói với họ không.
- 2 Và tất cả dân chúng đồng thanh kêu lên rằng: Vâng, chúng tôi tin mọi lời mà vua đã nói với chúng tôi; và hơn nữa, chúng tôi biết những lời ấy thật vững vàng và chân thật, vì Thánh Linh của Chúa Vạn Năng đã đem lại một sự thay đổi lớn lao trong chúng tôi, hay trong lòng chúng tôi, khiến chúng tôi không còn ý muốn làm điều tà ác nữa, mà chỉ muốn luôn luôn làm điều thiện.
- 3 Và chính chúng tôi, nhờ lòng nhân từ vô biên của Thượng Đế và những sự biểu hiện của Thánh Linh Ngài, cũng có được những viễn tượng lớn lao về những điều sẽ phải xảy đến; và nếu cần thì chúng tôi cũng có thể nói tiên tri về tất cả mọi việc.
- 4 Và chính nhờ đức tin chúng tôi có nơi những lời vua của chúng tôi đã nói với chúng tôi khiến chúng tôi có được kiến thức lớn lao này, nhờ đó mà chúng tôi sung sướng vô cùng.
- 5 Và chúng tôi sẵn lòng lập giao ước với Thượng Đế của chúng tôi để làm theo ý Ngài, và tuân giữ các lệnh truyền của Ngài trong mọi điều mà Ngài sẽ truyền lệnh cho chúng tôi, suốt quãng đời còn lại của mình, để chúng tôi khỏi rước vào thân một cực hình bất tận, theo như lời vị thiên sứ đã nói, ngõ hầu chúng tôi khỏi phải uống cạn chén thịnh nộ của Thượng Đế.
- 6 Và này, đây chính là những lời mà vua Bê-ni-min mong muốn nơi họ; vậy nên ông bảo họ rằng: Các người đã nói lên những lời mà tôi mong muốn được nghe; và giao ước mà các người đã lập là giao ước ngay chính.
- 7 Và giờ đây, nhờ giao ước mà các người đã lập, các người sẽ được gọi là con cái của Đấng Kỳ Tô, các con trai và con gái của Ngài; vì này, hôm nay, Ngài đã sinh ra các người theo thể thuộc linh; vì các người có nói rằng, lòng các người đã thay đổi nhờ có đức tin nơi danh Ngài; vậy nên các người được Ngài sinh ra và đã trở thành các con trai và con gái của Ngài.

## Mosiah 5

And now, it came to pass that when king Benjamin had thus spoken to his people, he sent among them, desiring to know of his people if they believed the words which he had spoken unto them.

And they all cried with one voice, saying: Yea, we believe all the words which thou hast spoken unto us; and also, we know of their surety and truth, because of the Spirit of the Lord Omnipotent, which has wrought a mighty change in us, or in our hearts, that we have no more disposition to do evil, but to do good continually.

And we, ourselves, also, through the infinite goodness of God, and the manifestations of his Spirit, have great views of that which is to come; and were it expedient, we could prophesy of all things.

And it is the faith which we have had on the things which our king has spoken unto us that has brought us to this great knowledge, whereby we do rejoice with such exceedingly great joy.

And we are willing to enter into a covenant with our God to do his will, and to be obedient to his commandments in all things that he shall command us, all the remainder of our days, that we may not bring upon ourselves a never-ending torment, as has been spoken by the angel, that we may not drink out of the cup of the wrath of God.

And now, these are the words which king Benjamin desired of them; and therefore he said unto them: Ye have spoken the words that I desired; and the covenant which ye have made is a righteous covenant.

And now, because of the covenant which ye have made ye shall be called the children of Christ, his sons, and his daughters; for behold, this day he hath spiritually begotten you; for ye say that your hearts are changed through faith on his name; therefore, ye are born of him and have become his sons and his daughters.

- 8 Và dưới danh nghĩa này các người đã được tự do, và chẳng còn danh nghĩa nào khác hơn mà nhờ đó các người có thể được tự do. Không có danh xưng nào khác được ban ra mà nhờ đó sự cứu rỗi đến được; vì thế mà tôi mong rằng, các người hãy mang danh Đấng Ky Tô vào mình, tất cả các người đã lập giao ước với Thượng Đế, là các người sẽ vâng lời cho đến ngày cuối cùng của đời mình.
- 9 Và chuyện rằng, bất cứ ai làm như vậy sẽ được tìm thấy ở bên tay phải của Thượng Đế, vì người đó sẽ được biết danh xưng mà mình được gọi; vì người đó sẽ được gọi bằng danh của Đấng Ky Tô.
- 10 Và giờ đây, chuyện rằng, bất cứ ai không mang danh của Đấng Ky Tô thì sẽ phải bị gọi bằng một tên khác; vậy nên, kẻ đó sẽ tìm thấy mình ở bên tay trái của Thượng Đế.
- 11 Và tôi mong các người cũng hãy ghi nhớ rằng, đây là tên mà tôi đã nói là tôi sẽ ban cho các người, là tên sẽ không bao giờ bị xóa bỏ, ngoại trừ trường hợp có sự phạm giới; vậy nên, các người hãy giữ mình đừng phạm tội, để cho danh xưng ấy không bị xóa bỏ khỏi tim mình.
- 12 Tôi nói cho các người hay, tôi mong các người hãy ghi khắc tên đó vào tim mình luôn luôn, để các người không bị tìm thấy ở bên tay trái của Thượng Đế, mà các người phải để tai nghe và nhận biết tiếng gọi tên mình, và cũng để nhận biết tên mà Ngài sẽ dùng để gọi các người.
- 13 Vì làm sao một người có thể nhận biết được chủ mà mình chưa bao giờ phục vụ, và là một người xa lạ đối với mình, xa lạ cả trong ý tưởng lẫn ý muốn trong tâm hồn mình?
- 14 Và lại nữa, có khi nào một người lại đem con lừa của láng giềng mình về săn sóc chẳng? Tôi nói cho các người hay: Không; dù chỉ để cho nó ăn chung với đàn súc vật của mình, hấn cũng không chịu, hấn sẽ xua đuổi nó đi chỗ khác. Tôi nói cho các người hay, sự kiện như vậy cũng sẽ xảy ra cho các người, nếu các người không biết đến tên mà các người được gọi.

And under this head ye are made free, and there is no other head whereby ye can be made free. There is no other name given whereby salvation cometh; therefore, I would that ye should take upon you the name of Christ, all you that have entered into the covenant with God that ye should be obedient unto the end of your lives.

And it shall come to pass that whosoever doeth this shall be found at the right hand of God, for he shall know the name by which he is called; for he shall be called by the name of Christ.

And now it shall come to pass, that whosoever shall not take upon him the name of Christ must be called by some other name; therefore, he findeth himself on the left hand of God.

And I would that ye should remember also, that this is the name that I said I should give unto you that never should be blotted out, except it be through transgression; therefore, take heed that ye do not transgress, that the name be not blotted out of your hearts.

I say unto you, I would that ye should remember to retain the name written always in your hearts, that ye are not found on the left hand of God, but that ye hear and know the voice by which ye shall be called, and also, the name by which he shall call you.

For how knoweth a man the master whom he has not served, and who is a stranger unto him, and is far from the thoughts and intents of his heart?

And again, doth a man take an ass which belongeth to his neighbor, and keep him? I say unto you, Nay; he will not even suffer that he shall feed among his flocks, but will drive him away, and cast him out. I say unto you, that even so shall it be among you if ye know not the name by which ye are called.

15      Vậy nên, tôi mong rằng, các người hãy vững vàng và cương quyết, luôn luôn làm những việc tốt lành để cho Đấng Ky Tô, Đức Chúa Trời Vạn Năng, có thể gắn bó với các người, ngõ hầu các người có thể được đưa lên trời và được hưởng sự cứu rỗi vĩnh viễn và cuộc sống vĩnh cửu, nhờ sự thông sáng, quyền năng, công lý, cùng lòng thương xót của Đấng đã tạo ra tất cả mọi sự vật cả trên trời lẫn dưới đất, là Thượng Đế trên tất cả. A Men.

Therefore, I would that ye should be steadfast and immovable, always abounding in good works, that Christ, the Lord God Omnipotent, may seal you his, that you may be brought to heaven, that ye may have everlasting salvation and eternal life, through the wisdom, and power, and justice, and mercy of him who created all things, in heaven and in earth, who is God above all. Amen.

## Mô Si A 6

- 1 Và giờ đây, sau khi nói với dân chúng xong, vua Bên Gia Min bèn nghĩ rằng, điều cần thiết là ông phải ghi tên tất cả những ai đã lập giao ước với Thượng Đế để tuân giữ các lệnh truyền của Ngài.
- 2 Và chuyện rằng, ngoại trừ những trẻ nhỏ, chẳng một ai mà không lập giao ước và không mang danh của Đấng Ky Tô.
- 3 Và lại nữa, chuyện rằng, khi vua Bên Gia Min làm xong tất cả những điều này, và đã lập con trai của ông là Mô Si A lên làm người cai trị và làm vua dân mình, và đã giao cho Mô Si A tất cả trọng trách về vương quốc, và cũng đã chỉ định những thầy tư tế để dạy dỗ dân chúng, để nhờ đó dân chúng được nghe và biết những lệnh truyền của Thượng Đế, và cũng để nhắc nhở họ nhớ đến lời thề mà họ đã lập, ông bèn cho dân chúng giải tán, và mọi người, tùy theo gia đình mình, ai nấy đều trở về nhà.
- 4 Và Mô Si A bắt đầu trị vì thay thế cha mình. Ông bắt đầu trị vì vào lúc ba mươi tuổi, như vậy là từ lúc Lê Hi rời bỏ Giê Ru Sa Lem ra đi đến nay đã được gần bốn trăm bảy mươi sáu năm rồi.
- 5 Và vua Bên Gia Min sống thêm được ba năm nữa thì băng hà.
- 6 Và chuyện rằng, vua Mô Si A đi theo đường lối của Chúa, tuân theo những mạng lệnh và luật lệ của Ngài, cùng tuân giữ các lệnh truyền trong mọi điều Ngài phán dạy ông.
- 7 Và vua Mô Si A truyền bảo dân mình phải cày bừa đất đai. Và chính ông cũng thân hành ra cày bừa đất đai nữa, vì ông không muốn trở thành gánh nặng cho dân mình, và cũng vì ông muốn làm theo những điều mà phụ thân ông đã làm trong mọi công việc. Và trong khoảng thời gian ba năm, không có một cuộc tranh chấp nào xảy ra trong tất cả dân ông.

## Mosiah 6

And now, king Benjamin thought it was expedient, after having finished speaking to the people, that he should take the names of all those who had entered into a covenant with God to keep his commandments.

And it came to pass that there was not one soul, except it were little children, but who had entered into the covenant and had taken upon them the name of Christ.

And again, it came to pass that when king Benjamin had made an end of all these things, and had consecrated his son Mosiah to be a ruler and a king over his people, and had given him all the charges concerning the kingdom, and also had appointed priests to teach the people, that thereby they might hear and know the commandments of God, and to stir them up in remembrance of the oath which they had made, he dismissed the multitude, and they returned, every one, according to their families, to their own houses.

And Mosiah began to reign in his father's stead. And he began to reign in the thirtieth year of his age, making in the whole, about four hundred and seventy-six years from the time that Lehi left Jerusalem.

And king Benjamin lived three years and he died.

And it came to pass that king Mosiah did walk in the ways of the Lord, and did observe his judgments and his statutes, and did keep his commandments in all things whatsoever he commanded him.

And king Mosiah did cause his people that they should till the earth. And he also, himself, did till the earth, that thereby he might not become burdensome to his people, that he might do according to that which his father had done in all things. And there was no contention among all his people for the space of three years.



## Mô Si A 7

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, sau khi vua Mô Si A được hưởng thái bình ba năm liên tiếp, ông muốn biết về tình trạng của những người đã lên cư ngụ ở xứ Lê Hi-Nê Phi, hay là ở trong thành phố Lê Hi-Nê Phi; vì dân ông không hề được tin tức gì của những người ấy từ ngày họ rời khỏi xứ Gia Ra Hem La; vậy nên, dân của ông đã quấy rầy ông rất nhiều về việc này.
- 2 Và chuyện rằng, vua Mô Si A cho phép mười sáu người đàn ông khỏe mạnh của họ lên xứ Lê Hi-Nê Phi để dò hỏi về những đồng bào ấy.
- 3 Và chuyện rằng, ngày hôm sau họ bắt đầu lên đường; trong nhóm họ có một người mạnh mẽ và uy thế tên là Am Môn, con cháu của Gia Ra Hem La; và người này cũng là người dẫn đầu bọn họ.
- 4 Và giờ đây, họ không biết phải theo lộ trình nào trong vùng hoang dã để lên xứ Lê Hi-Nê Phi; vì vậy họ đã đi lang thang nhiều ngày trong vùng hoang dã, phải, họ đã đi lang thang hết bốn mươi ngày.
- 5 Sau khi họ đã đi lang thang hết bốn mươi ngày, họ đến được một ngọn đồi ở hướng bắc của xứ Si Lôm, và họ dựng lều ở đó.
- 6 Và Am Môn dẫn ba người trong số đồng bào của ông, và tên của ba người này là A Ma Lê Ki, Hê Lem, và Hem, và họ đi vào xứ Nê Phi.
- 7 Và này, họ gặp được vua của dân sống trong xứ Nê Phi và xứ Si Lôm; và họ bị các vệ binh của vua bao vây, và bị bắt trói và cầm tù.
- 8 Và chuyện rằng, sau khi bị cầm tù hai ngày, họ lại bị áp giải đến trước mặt vua, và được cởi trói. Họ được đứng trước mặt vua, và được phép, hay nói đúng hơn bị ra lệnh, là họ phải trả lời những câu hỏi mà vua sẽ hỏi họ.
- 9 Và vua bảo họ rằng: Này, ta là Lim Hi, con trai của Nô Ê, ông là con trai của Giê Níp, là người đã ra đi khỏi xứ Gia Ra Hem La để đến thừa hưởng đất này, là đất của tổ phụ họ, và là người đã được tiếng nói của dân tôn lên làm vua.

## Mosiah 7

And now, it came to pass that after king Mosiah had had continual peace for the space of three years, he was desirous to know concerning the people who went up to dwell in the land of Lehi-Nephi, or in the city of Lehi-Nephi; for his people had heard nothing from them from the time they left the land of Zarahemla; therefore, they wearied him with their teasings.

And it came to pass that king Mosiah granted that sixteen of their strong men might go up to the land of Lehi-Nephi, to inquire concerning their brethren.

And it came to pass that on the morrow they started to go up, having with them one Ammon, he being a strong and mighty man, and a descendant of Zarahemla; and he was also their leader.

And now, they knew not the course they should travel in the wilderness to go up to the land of Lehi-Nephi; therefore they wandered many days in the wilderness, even forty days did they wander.

And when they had wandered forty days they came to a hill, which is north of the land of Shilom, and there they pitched their tents.

And Ammon took three of his brethren, and their names were Amaleki, Helem, and Hem, and they went down into the land of Nephi.

And behold, they met the king of the people who were in the land of Nephi, and in the land of Shilom; and they were surrounded by the king's guard, and were taken, and were bound, and were committed to prison.

And it came to pass when they had been in prison two days they were again brought before the king, and their bands were loosed; and they stood before the king, and were permitted, or rather commanded, that they should answer the questions which he should ask them.

And he said unto them: Behold, I am Limhi, the son of Noah, who was the son of Zeniff, who came up out of the land of Zarahemla to inherit this land, which was the land of their fathers, who was made a king by the voice of the people.

- 10 Và giờ đây, ta muốn biết vì lý do gì mà các người dám táo bạo đến gần tường thành, trong lúc chính ta cùng vệ binh của ta ở ngoài cổng thành?
- 11 Và giờ đây, vì lý do này ta mới để cho các người được bảo tồn, để ta có thể tra hỏi các người, nếu không thì ta đã cho những vệ binh của ta giết chết các người rồi. Các người được phép nói.
- 12 Và giờ đây, khi Am Môn thấy mình được phép nói, ông bèn bước tới nghiêng mình trước mặt vua, rồi đứng thẳng người lên mà thưa rằng: Muôn tâu bệ hạ, thần rất đội ơn Thượng Đế vì còn được sống đến hôm nay và được phép nói; và thần sẽ cố gắng nói lên một cách bạo dạn;
- 13 Vì thần tin chắc rằng, nếu bệ hạ biết thần là ai thì bệ hạ đã không để thần phải mang những dây trói này. Vì thần là Am Môn, con cháu của Gia Ra Hem La, và đã rời khỏi xứ Gia Ra Hem La để đi tìm những đồng bào của chúng thần mà ngày trước Giê Níp đã dẫn ra khỏi xứ đó.
- 14 Và giờ đây, chuyện rằng, sau khi Lim Hi nghe Am Môn nói như vậy, nhà vua quá đỗi mừng rỡ mà bảo rằng: Bây giờ trẫm mới biết chắc là đồng bào của trẫm ở Gia Ra Hem La vẫn còn sống. Và giờ đây, trẫm rất vui mừng, và ngày mai trẫm sẽ báo cho dân chúng hay để họ cũng được vui mừng.
- 15 Vì này, chúng tôi đang bị làm tôi mọi cho dân La Man, và bị đánh thuế nặng nề khó mà chịu đựng nổi. Và giờ đây, này, đồng bào của chúng tôi đến để giải thoát cho chúng tôi khỏi vòng nô lệ, hay là thoát khỏi bàn tay của dân La Man, và chúng tôi bằng lòng làm nô lệ cho họ; vì thà chúng tôi làm nô lệ cho dân Nê Phi còn hơn là phải triều cống cho vua dân La Man.
- 16 Và giờ đây, vua Lim Hi ra lệnh cho các vệ binh không được trói Am Môn và những người anh em của ông nữa, và còn bảo họ đi lên ngọn đồi ở hướng bắc Si Lôm mà đem những người anh em còn lại của họ về thành phố, để họ có thể được ăn uống, nghỉ ngơi lấy lại sức sau cuộc hành trình vất vả của họ; vì họ đã chịu khổ nhiều điều; họ đã chịu đựng sự đói khát và mệt nhọc.

And now, I desire to know the cause whereby ye were so bold as to come near the walls of the city, when I, myself, was with my guards without the gate?

And now, for this cause have I suffered that ye should be preserved, that I might inquire of you, or else I should have caused that my guards should have put you to death. Ye are permitted to speak.

And now, when Ammon saw that he was permitted to speak, he went forth and bowed himself before the king; and rising again he said: O king, I am very thankful before God this day that I am yet alive, and am permitted to speak; and I will endeavor to speak with boldness;

For I am assured that if ye had known me ye would not have suffered that I should have worn these bands. For I am Ammon, and am a descendant of Zarahemla, and have come up out of the land of Zarahemla to inquire concerning our brethren, whom Zeniff brought up out of that land.

And now, it came to pass that after Limhi had heard the words of Ammon, he was exceedingly glad, and said: Now, I know of a surety that my brethren who were in the land of Zarahemla are yet alive. And now, I will rejoice; and on the morrow I will cause that my people shall rejoice also.

For behold, we are in bondage to the Lamanites, and are taxed with a tax which is grievous to be borne. And now, behold, our brethren will deliver us out of our bondage, or out of the hands of the Lamanites, and we will be their slaves; for it is better that we be slaves to the Nephites than to pay tribute to the king of the Lamanites.

And now, king Limhi commanded his guards that they should no more bind Ammon nor his brethren, but caused that they should go to the hill which was north of Shilom, and bring their brethren into the city, that thereby they might eat, and drink, and rest themselves from the labors of their journey; for they had suffered many things; they had suffered hunger, thirst, and fatigue.

17 Và giờ đây, chuyện rằng, qua ngày hôm sau, vua Lim Hi ra một thông cáo gửi đến toàn dân của ông, bảo họ hãy tụ họp lại tại đền thờ để nghe lời vua sắp nói với họ.

18 Và chuyện rằng, khi dân chúng tụ họp lại với nhau rồi, vua bèn ngỏ cùng họ rằng: Hỡi đồng bào của trẫm, đồng bào hãy ngẩng đầu lên và hãy an lòng; vì này, trong thời gian sắp tới, chẳng còn bao lâu nữa, chúng ta sẽ không còn bị lệ thuộc kẻ thù của chúng ta nữa, mặc dù đã nhiều lần chúng ta tranh đấu nhưng đều vô hiệu; tuy nhiên, trẫm tin rằng, chúng ta còn một lần tranh đấu nữa với đầy hiệu quả.

19 Vậy nên, đồng bào hãy ngẩng đầu lên, hãy vui mừng và tin cậy vào Thượng Đế, là Đấng Thượng Đế của Áp Ra Ham, của Y Sác, và của Gia Cốp; và đó cũng là Đấng Thượng Đế đã đem con cháu của Y Sơ Ra Ên ra khỏi xứ Ai Cập, và đã làm cho họ vượt qua Biển Đỏ như đi trên đất khô ráo, và đã nuôi dưỡng họ bằng ma na để họ khỏi chết trong vùng hoang dã; và Ngài còn làm nhiều việc khác nữa cho họ.

20 Và lại nữa, cũng chính Thượng Đế ấy đã đem tổ phụ chúng ta ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, và đã gìn giữ và bảo tồn dân của Ngài cho đến hôm nay; và này, chính vì những điều bất chính và khả ố của chúng ta mà Ngài đã đưa chúng ta vào vòng nô lệ.

21 Và tất cả đồng bào hôm nay là các nhân chứng rằng, Giê Níp, là người được tôn lên làm vua dân này, vì lòng quá nhiệt thành khi muốn thừa hưởng phần đất của tổ phụ mình, nên đã bị mưu kế xảo quyệt của vua La Man lường gạt, là kẻ đã ký kết một hiệp ước với vua Giê Níp, và đã nhượng quyền chiếm hữu cho hắn một phần đất của xứ này, tức là thành phố Lê Hi-Nê Phi và thành phố Si Lôm cùng các vùng đất chung quanh—

And now, it came to pass on the morrow that king Limhi sent a proclamation among all his people, that thereby they might gather themselves together to the temple, to hear the words which he should speak unto them.

And it came to pass that when they had gathered themselves together that he spake unto them in this wise, saying: O ye, my people, lift up your heads and be comforted; for behold, the time is at hand, or is not far distant, when we shall no longer be in subjection to our enemies, notwithstanding our many strugglings, which have been in vain; yet I trust there remaineth an effectual struggle to be made.

Therefore, lift up your heads, and rejoice, and put your trust in God, in that God who was the God of Abraham, and Isaac, and Jacob; and also, that God who brought the children of Israel out of the land of Egypt, and caused that they should walk through the Red Sea on dry ground, and fed them with manna that they might not perish in the wilderness; and many more things did he do for them.

And again, that same God has brought our fathers out of the land of Jerusalem, and has kept and preserved his people even until now; and behold, it is because of our iniquities and abominations that he has brought us into bondage.

And ye all are witnesses this day, that Zeniff, who was made king over this people, he being overzealous to inherit the land of his fathers, therefore being deceived by the cunning and craftiness of king Laman, who having entered into a treaty with king Zeniff, and having yielded up into his hands the possessions of a part of the land, or even the city of Lehi-Nephi, and the city of Shilom; and the land round about—

22 Và tất cả những điều này hấn đã làm vì mục đích duy nhất là biến dân này thành một dân tộc bị lệ thuộc hay là một dân tộc nô lệ. Và này, hiện nay chúng ta phải triều cống cho vua dân La Man, với số lượng lên tới phân nửa số bắp, lúa mạch, cùng tất cả các ngũ cốc đủ loại của chúng ta, và phân nửa số các đàn gia súc và các bầy thú của chúng ta; và luôn cả phân nửa tất cả những gì chúng ta có mà vua dân La Man đòi hỏi ở chúng ta, nếu không mạng sống của chúng ta phải thế vào.

23 Và này, điều ấy chẳng phải quá sức chịu đựng của chúng ta hay sao? Và nỗi thống khổ của chúng ta như vậy không phải là quá lớn lao hay sao? Giờ đây này, chúng ta có lý do lớn lao biết bao để than khóc!

24 Phải, trẫm nói cho đồng bào hay, các lý do mà chúng ta phải than khóc quá lớn lao; vì này, có biết bao nhiêu đồng bào của chúng ta đã bị sát hại, và máu của họ đã đổ ra một cách vô ích, và tất cả những việc này cũng do điều bất chính mà ra.

25 Vì nếu dân này không rơi vào vòng phạm giới, thì Chúa đã không khiến cho tai họa lớn lao này đổ xuống trên họ. Nhưng này, họ đã không chịu nghe theo lời của Ngài; trái lại có những cuộc tranh chấp nổi lên giữa họ, đến nỗi họ đã làm đổ máu lẫn nhau.

26 Và họ đã sát hại một vị tiên tri của Chúa; phải, một người chọn lọc của Thượng Đế; là người đã nói cho họ biết về những điều tà ác và khả ố của họ, và còn tiên tri về nhiều điều sẽ xảy đến trong tương lai, phải, ngay cả về sự hiện đến của Đấng Ky Tô nữa.

27 Và vì ông đã nói cho họ biết rằng, Đấng Ky Tô là Thượng Đế, là Cha của vạn vật, và còn bảo rằng, Ngài sẽ mang hình dáng loài người, là hình dáng mà loài người được tạo ra từ lúc ban đầu; hay nói cách khác, ông muốn bảo rằng, loài người được sáng tạo theo hình ảnh của Thượng Đế, và Thượng Đế sẽ xuống giữa con cái loài người, và mang vào mình xác thịt và máu, và đi trên mặt đất này—

And all this he did, for the sole purpose of bringing this people into subjection or into bondage. And behold, we at this time do pay tribute to the king of the Lamanites, to the amount of one half of our corn, and our barley, and even all our grain of every kind, and one half of the increase of our flocks and our herds; and even one half of all we have or possess the king of the Lamanites doth exact of us, or our lives.

And now, is not this grievous to be borne? And is not this, our affliction, great? Now behold, how great reason we have to mourn.

Yea, I say unto you, great are the reasons which we have to mourn; for behold how many of our brethren have been slain, and their blood has been spilt in vain, and all because of iniquity.

For if this people had not fallen into transgression the Lord would not have suffered that this great evil should come upon them. But behold, they would not hearken unto his words; but there arose contentions among them, even so much that they did shed blood among themselves.

And a prophet of the Lord have they slain; yea, a chosen man of God, who told them of their wickedness and abominations, and prophesied of many things which are to come, yea, even the coming of Christ.

And because he said unto them that Christ was the God, the Father of all things, and said that he should take upon him the image of man, and it should be the image after which man was created in the beginning; or in other words, he said that man was created after the image of God, and that God should come down among the children of men, and take upon him flesh and blood, and go forth upon the face of the earth—

28 Và giờ đây, cũng vì ông đã nói như vậy nên họ xử tử ông; và họ còn làm nhiều việc khác nữa khiến họ phải chuốc lấy cơn thịnh nộ của Thượng Đế; vậy nên, có ai ngạc nhiên khi thấy họ bị làm nô lệ, và họ bị khốn đốn với bao nỗi khổ đau lớn lao?

29 Vì này, Chúa có phán rằng: Ta sẽ không cứu giúp dân của ta vào ngày mà chúng phạm giới; trái lại ta còn ngăn lối chúng để chúng không thể thịnh vượng được; và những việc làm của chúng sẽ chẳng khác chi chướng ngại vật trước mặt chúng.

30 Và lại nữa, Ngài có phán rằng: Nếu dân của ta gieo sự ô uế thì chúng sẽ gặt lấy rơm của nó trong cơn gió lốc, và kết quả sẽ là sự độc hại.

31 Và Ngài còn phán rằng: Nếu dân của ta gieo sự ô uế thì chúng sẽ gặt lấy ngọn gió đông, là ngọn gió đem lại sự hủy diệt cấp kỳ.

32 Và giờ đây, này, lời hứa của Chúa nay đã ứng nghiệm, và đồng bào đã bị đánh phạt và bị đau khổ.

33 Nhưng nếu đồng bào quay về với Chúa một cách hết lòng, đặt tin cậy vào Ngài, và phục vụ Ngài với tất cả sự cần mẫn của tâm trí mình, nếu đồng bào làm như vậy, thì Ngài sẽ giải thoát cho đồng bào khỏi vòng nô lệ theo như ý muốn và sở thích của Ngài.

And now, because he said this, they did put him to death; and many more things did they do which brought down the wrath of God upon them. Therefore, who wondereth that they are in bondage, and that they are smitten with sore afflictions?

For behold, the Lord hath said: I will not succor my people in the day of their transgression; but I will hedge up their ways that they prosper not; and their doings shall be as a stumbling block before them.

And again, he saith: If my people shall sow filthiness they shall reap the chaff thereof in the whirlwind; and the effect thereof is poison.

And again he saith: If my people shall sow filthiness they shall reap the east wind, which bringeth immediate destruction.

And now, behold, the promise of the Lord is fulfilled, and ye are smitten and afflicted.

But if ye will turn to the Lord with full purpose of heart, and put your trust in him, and serve him with all diligence of mind, if ye do this, he will, according to his own will and pleasure, deliver you out of bondage.

## Mô Si A 8

- 1 Và chuyện rằng, sau khi vua Lim Hi đã ngỏ lời với dân của ông xong, vì ông đã nói với họ rất nhiều điều và tôi chỉ ghi chép một phần ít vào sách này mà thôi, ông còn nói cho dân ông biết về tất cả những việc có liên hệ đến đồng bào của họ ở trong xứ Gia Ra Hem La.
- 2 Và ông bảo Am Môn hãy đứng lên trước đám đông và kể lại cho họ nghe tất cả những chuyện gì đã xảy ra cho đồng bào của họ từ lúc Giê Níp bỏ xứ ra đi cho đến khi ông rời khỏi xứ.
- 3 Và ông còn kể lại cho họ nghe những lời cuối cùng vua Bên Gia Min đã dạy họ, và giải thích những lời ấy cho dân của vua Lim Hi nghe, để họ hiểu được tất cả những lời ông nói.
- 4 Và chuyện rằng, sau khi ông làm xong tất cả những việc này, vua Lim Hi bèn cho dân chúng giải tán và bảo họ mỗi người hãy trở về nhà riêng của mình.
- 5 Và chuyện rằng, nhà vua truyền đem đến trước mặt Am Môn, cho ông đọc những bảng khắc có chứa đựng biên sử của dân ông, kể từ thời họ mới rời bỏ xứ Gia Ra Hem La.
- 6 Giờ đây, khi Am Môn đọc xong biên sử, vua bèn hỏi ông có phiên dịch được các ngôn ngữ không, và Am Môn đáp rằng, ông không phiên dịch được.
- 7 Và vua nói với ông rằng: Vì ta buồn phiền về những nỗi khôn khổ của dân ta, nên ta có phái bốn mươi ba người trong dân của ta hành trình vào vùng hoang dã để tìm kiếm xứ Gia Ra Hem La, để nhờ đó chúng tôi có thể cầu cứu đồng bào của mình đến giải thoát cho chúng tôi khỏi vòng nô lệ.

## Mosiah 8

And it came to pass that after king Limhi had made an end of speaking to his people, for he spake many things unto them and only a few of them have I written in this book, he told his people all the things concerning their brethren who were in the land of Zarahemla.

And he caused that Ammon should stand up before the multitude, and rehearse unto them all that had happened unto their brethren from the time that Zeniff went up out of the land even until the time that he himself came up out of the land.

And he also rehearsed unto them the last words which king Benjamin had taught them, and explained them to the people of king Limhi, so that they might understand all the words which he spake.

And it came to pass that after he had done all this, that king Limhi dismissed the multitude, and caused that they should return every one unto his own house.

And it came to pass that he caused that the plates which contained the record of his people from the time that they left the land of Zarahemla, should be brought before Ammon, that he might read them.

Now, as soon as Ammon had read the record, the king inquired of him to know if he could interpret languages, and Ammon told him that he could not.

And the king said unto him: Being grieved for the afflictions of my people, I caused that forty and three of my people should take a journey into the wilderness, that thereby they might find the land of Zarahemla, that we might appeal unto our brethren to deliver us out of bondage.

8 Và họ đã đi lạc trong vùng hoang dã nhiều ngày, mặc dù họ rất cần mẫn, nhưng không tìm ra được xứ Gia Ra Hem La và đành phải trở về xứ này, sau khi đã hành trình trong xứ nằm giữa các vùng nước, và khám phá thấy một xứ đầy xương người và xương thú vật, cùng những lâu đài đổ nát khắp nơi, và thấy một xứ mà ngày xưa đã từng có một dân tộc đông như các đạo quân của Y Sơ Ra Ên.

9 Và để làm chứng cho những điều họ nói là có thật, họ đã mang về hai mươi bốn bảng khắc có ghi đầy những chữ chạm khắc, và những bảng khắc này làm bằng vàng y.

10 Và này, họ còn đem về những tấm áo giáp khổ lớn, và những tấm áo giáp này làm bằng thau và bằng đồng, và còn rất tốt.

11 Và lại nữa, họ còn đem về những cây kiếm, nhưng chuôi kiếm đều bị hư nát và lưỡi kiếm thì rỉ sét; và trong xứ này không có một người nào có thể phiên dịch được ngôn ngữ hay những chữ ghi khắc trên các bảng khắc ấy. Vậy nên ta đã hỏi khanh, khanh có thể phiên dịch được chăng?

12 Và ta lại hỏi khanh rằng: Khanh có biết ai có thể phiên dịch được không? Vì ta muốn những biên sử này phải được phiên dịch ra ngôn ngữ của chúng ta; vì có thể những bảng khắc này sẽ cho chúng ta một sự hiểu biết về những người còn sót lại thuộc dân tộc đã bị hủy diệt, là nguồn gốc xuất phát của những bảng khắc này; hoặc có thể những bảng khắc này sẽ cho chúng ta một sự hiểu biết về dân tộc đã bị hủy diệt này; và ta muốn biết nguyên nhân sự diệt vong của họ.

13 Rồi Am Môn đáp lời vua rằng: Kính thưa bệ hạ, thần có thể nói chắc với bệ hạ rằng, có một người có thể phiên dịch được những biên sử này; vì người đó có những dụng cụ để nhìn vào đó mà phiên dịch tất cả các văn kiện rất cổ xưa; đó là một ân tứ của Thượng Đế ban cho. Và những vật ấy được gọi là dụng cụ phiên dịch, và không một người nào có thể nhìn vào những vật ấy được nếu người ấy không được lệnh, vì e rằng kẻ ấy sẽ tìm hiểu những điều mình không được phép tìm hiểu, mà phải bị diệt vong. Và ai được lệnh cho nhìn vào những dụng cụ ấy thì sẽ được gọi là vị tiên kiến.

And they were lost in the wilderness for the space of many days, yet they were diligent, and found not the land of Zarahemla but returned to this land, having traveled in a land among many waters, having discovered a land which was covered with bones of men, and of beasts, and was also covered with ruins of buildings of every kind, having discovered a land which had been peopled with a people who were as numerous as the hosts of Israel.

And for a testimony that the things that they had said are true they have brought twenty-four plates which are filled with engravings, and they are of pure gold.

And behold, also, they have brought breast-plates, which are large, and they are of brass and of copper, and are perfectly sound.

And again, they have brought swords, the hilts thereof have perished, and the blades thereof were cankered with rust; and there is no one in the land that is able to interpret the language or the engravings that are on the plates. Therefore I said unto thee: Canst thou translate?

And I say unto thee again: Knowest thou of any one that can translate? For I am desirous that these records should be translated into our language; for, perhaps, they will give us a knowledge of a remnant of the people who have been destroyed, from whence these records came; or, perhaps, they will give us a knowledge of this very people who have been destroyed; and I am desirous to know the cause of their destruction.

Now Ammon said unto him: I can assuredly tell thee, O king, of a man that can translate the records; for he has wherewith that he can look, and translate all records that are of ancient date; and it is a gift from God. And the things are called interpreters, and no man can look in them except he be commanded, lest he should look for that he ought not and he should perish. And whosoever is commanded to look in them, the same is called seer.

- 14 Và này, vị vua của dân tộc cư ngụ trên xứ Gia Ra Hem La là người được lệnh làm những công việc này, và là người có được ân tứ vĩ đại đó từ Thượng Đế.
- 15 Và nhà vua nói rằng vị tiên kiến còn lớn hơn vị tiên tri.
- 16 Và Am Môn tâu rằng: Vị tiên kiến là một vị mặc khải và đồng thời cũng là một tiên tri; và không một ai có thể có được ân tứ lớn lao hơn ngoại trừ người đó có được quyền năng của Thượng Đế, điều mà không ai có được; tuy nhiên, một người có thể có được quyền năng lớn lao của Thượng Đế ban cho.
- 17 Nhưng vị tiên kiến có thể biết được những việc đã xảy ra trong quá khứ cũng như những việc sẽ xảy đến trong tương lai; và nhờ những dụng cụ đó mà mọi sự việc sẽ được tiết lộ, hay nói cách khác, mọi điều bí mật sẽ được phơi bày, và những điều che giấu sẽ được đưa ra ánh sáng, cùng những điều chưa ai được biết tới thì sẽ nhờ những dụng cụ đó mà biết được, và ngoài ra có những sự việc sẽ nhờ những dụng cụ đó mà được biết đến, nếu không thì chẳng ai có thể biết được.
- 18 Như vậy là Thượng Đế đã cung ứng một phương tiện để loài người, qua đức tin, có thể làm được những phép lạ vĩ đại; vì thế họ sẽ trở thành nguồn lợi ích lớn lao cho đồng loại mình.
- 19 Và giờ đây, sau khi Am Môn nói xong những lời này, nhà vua rất đổi hân hoan và cất lời cảm tạ Thượng Đế mà rằng: Thật không còn nghi ngờ gì nữa, một sự mầu nhiệm lớn lao được chứa đựng trong những bảng khắc này, và những dụng cụ phiên dịch này chắc chắn được chuẩn bị ra với mục đích để tiết lộ những sự kín nhiệm ấy cho con cái loài người.
- 20 Ôi, kỳ diệu thay cho những việc làm của Chúa, và sự kiên nhẫn của Ngài đối với dân Ngài thật là lâu dài lắm thay; phải, sự hiểu biết của con cái loài người thật là tối tăm nông cạn thay; vì họ không muốn tìm kiếm sự khôn ngoan, và cũng không muốn sự khôn ngoan hướng dẫn mình!
- 21 Phải, họ chẳng khác chi một bầy chiên hoảng hốt chạy tứ tán khỏi tay người chăn, và bị các thú dữ trong rừng săn đuổi và ăn thịt vậy.

And behold, the king of the people who are in the land of Zarahemla is the man that is commanded to do these things, and who has this high gift from God.

And the king said that a seer is greater than a prophet.

And Ammon said that a seer is a revelator and a prophet also; and a gift which is greater can no man have, except he should possess the power of God, which no man can; yet a man may have great power given him from God.

But a seer can know of things which are past, and also of things which are to come, and by them shall all things be revealed, or, rather, shall secret things be made manifest, and hidden things shall come to light, and things which are not known shall be made known by them, and also things shall be made known by them which otherwise could not be known.

Thus God has provided a means that man, through faith, might work mighty miracles; therefore he becometh a great benefit to his fellow beings.

And now, when Ammon had made an end of speaking these words the king rejoiced exceedingly, and gave thanks to God, saying: Doubtless a great mystery is contained within these plates, and these interpreters were doubtless prepared for the purpose of unfolding all such mysteries to the children of men.

O how marvelous are the works of the Lord, and how long doth he suffer with his people; yea, and how blind and impenetrable are the understandings of the children of men; for they will not seek wisdom, neither do they desire that she should rule over them!

Yea, they are as a wild flock which fleeth from the shepherd, and scattereth, and are driven, and are devoured by the beasts of the forest.



BIÊN SỬ CỦA GIÊ NÍP—Truyện ký về dân tộc ông kể từ ngày họ rời khỏi xứ Gia Ra Hem La cho đến khi họ được giải thoát khỏi bàn tay của dân La Man.

## Mô Si A 9

- 1 Tôi, Giê Níp, được dạy dỗ bằng tất cả ngôn ngữ của dân Nê Phi, và biết rõ về xứ Nê Phi, hay là xứ thừa hưởng đầu tiên của tổ phụ chúng tôi, và được phái đi làm một người do thám trong dân La Man để do thám lực lượng của họ ngõ hầu quân đội của chúng tôi có thể đến tấn công và hủy diệt họ—nhưng khi tôi trông thấy những điều tốt đẹp của họ, thì tôi lại muốn họ không bị hủy diệt.
- 2 Vậy nên, tôi đã tranh luận với người anh em của tôi trong vùng hoang dã, vì tôi muốn người cai trị chúng tôi lập một hiệp ước với họ; nhưng hỡi là một người tàn bạo và khát máu nên ra lệnh giết chết tôi; nhưng tôi đã được cứu sống giữa trận chiến đẫm máu; vì cha thì đánh với cha, anh em thì đánh với anh em, cho đến khi một phần lớn quân đội của chúng tôi phải bị hủy diệt trong vùng hoang dã; và chúng tôi, những người còn sống sót, trở về đất Gia Ra Hem La, kể lại cho vợ con mình nghe những việc đã xảy ra.
- 3 Mặc dù vậy, lòng tôi vẫn quá nồng nhiệt khao khát được thừa hưởng xứ sở của tổ phụ chúng tôi, nên tôi đã thu nhận tất cả những ai muốn đi lên chiếm hữu xứ ấy, và rồi chúng tôi lại bắt đầu cuộc hành trình vào vùng hoang dã để đi lên xứ ấy; nhưng chúng tôi đã bị khốn đốn vì nạn đói và những nỗi khổ đau lớn lao; vì chúng tôi đã chậm trễ trong việc tưởng nhớ đến Chúa Thượng Đấng của chúng tôi.
- 4 Tuy vậy, sau nhiều ngày lang thang trong vùng hoang dã, chúng tôi đã dựng lều trại tại nơi mà trước kia các đồng bào của chúng tôi đã bị giết, nơi ấy ở gần xứ sở của tổ phụ chúng tôi.
- 5 Và chuyện rằng, tôi lại đi với bốn người trong nhóm của tôi vào thành phố, đến yết kiến vua, để tôi có thể biết ý định của vua, và để tôi có thể biết là tôi có được đem dân tôi đến chiếm hữu xứ này một cách hòa bình không.

THE RECORD OF ZENIFF—An account of his people, from the time they left the land of Zarahemla until the time that they were delivered out of the hands of the Lamanites.

## Mosiah 9

I, Zeniff, having been taught in all the language of the Nephites, and having had a knowledge of the land of Nephi, or of the land of our fathers' first inheritance, and having been sent as a spy among the Lamanites that I might spy out their forces, that our army might come upon them and destroy them—but when I saw that which was good among them I was desirous that they should not be destroyed.

Therefore, I contended with my brethren in the wilderness, for I would that our ruler should make a treaty with them; but he being an austere and a blood-thirsty man commanded that I should be slain; but I was rescued by the shedding of much blood; for father fought against father, and brother against brother, until the greater number of our army was destroyed in the wilderness; and we returned, those of us that were spared, to the land of Zarahemla, to relate that tale to their wives and their children.

And yet, I being over-zealous to inherit the land of our fathers, collected as many as were desirous to go up to possess the land, and started again on our journey into the wilderness to go up to the land; but we were smitten with famine and sore afflictions; for we were slow to remember the Lord our God.

Nevertheless, after many days' wandering in the wilderness we pitched our tents in the place where our brethren were slain, which was near to the land of our fathers.

And it came to pass that I went again with four of my men into the city, in unto the king, that I might know of the disposition of the king, and that I might know if I might go in with my people and possess the land in peace.

- 6 Và tôi đi đến yết kiến vua và vua giao ước với tôi là tôi có thể chiếm hữu xứ Lê Hi-Nê Phi, và luôn cả xứ Si Lôm nữa.
- 7 Và vua còn truyền lệnh cho dân ông phải rời khỏi xứ ấy, và tôi cùng dân của tôi đi vào xứ ấy để chúng tôi có thể chiếm hữu.
- 8 Rồi chúng tôi bắt đầu xây cất nhà cửa, tu bổ các tường thành của thành phố, phải, các tường thành của thành phố Lê Hi-Nê Phi và thành phố Si Lôm.
- 9 Và chúng tôi bắt đầu cày cấy đất đai, phải, chúng tôi trồng trọt đủ mọi thứ hạt giống như bắp, lúa mì, lúa mạch, kê át, sê um, cùng các thứ hạt giống của mọi thứ cây ăn trái; và chúng tôi bắt đầu sinh sôi nẩy nở và thịnh vượng trong xứ.
- 10 Nay, nhưng đây chỉ là sự xảo quyệt và quỷ kế của vua La Man để đưa dân tôi vào vòng nô lệ, nên ông mới nhường đất này cho dân tôi chiếm hữu.
- 11 Vậy nên chuyện rằng, sau khi chúng tôi đã sống trên đất này được mười hai năm, thì vua La Man bắt đầu cảm thấy không an tâm, vì ông ta sợ rằng dân tôi sẽ trở nên hùng mạnh khiến họ không thể lần áp dân tôi và đưa dân tôi vào vòng nô lệ được.
- 12 Nay, họ là một dân tộc biếng nhác và thờ thần tượng; vậy nên họ muốn đưa chúng tôi vào vòng nô lệ để họ có thể tận dụng sức lao động của hai bàn tay chúng tôi; phải, để họ có thể thụ hưởng những đàn súc vật chăn nuôi trong đồng cỏ của chúng tôi.
- 13 Vậy nên chuyện rằng, vua La Man bắt đầu xúi giục dân của ông để họ gây hấn với dân tôi; vì thế từ đó bắt đầu xảy ra nhiều cuộc chiến tranh cùng tranh chấp trong xứ.
- 14 Vì đến năm thứ mười ba dưới triều đại của tôi trong xứ Nê Phi, thì ở miền đất xa về phía nam xứ Si Lôm, trong khi dân tôi đang chăm sóc nuôi nấng các đàn gia súc của mình, và đang cày cấy đất đai, thì một đạo quân đông đảo của dân La Man đến đánh phá và giết chết họ để chiếm đoạt các đàn gia súc cùng các bắp ngô trên đồng ruộng của họ.
- 15 Phải, và chuyện rằng, họ đã chạy trốn, tất cả những ai không bị bắt kịp, đến thành phố Nê Phi và cầu cứu tôi che chở.

And I went in unto the king, and he covenanted with me that I might possess the land of Lehi-Nephi, and the land of Shilom.

And he also commanded that his people should depart out of the land, and I and my people went into the land that we might possess it.

And we began to build buildings, and to repair the walls of the city, yea, even the walls of the city of Lehi-Nephi, and the city of Shilom.

And we began to till the ground, yea, even with all manner of seeds, with seeds of corn, and of wheat, and of barley, and with neas, and with sheum, and with seeds of all manner of fruits; and we did begin to multiply and prosper in the land.

Now it was the cunning and the craftiness of king Laman, to bring my people into bondage, that he yielded up the land that we might possess it.

Therefore it came to pass, that after we had dwelt in the land for the space of twelve years that king Laman began to grow uneasy, lest by any means my people should wax strong in the land, and that they could not overpower them and bring them into bondage.

Now they were a lazy and an idolatrous people; therefore they were desirous to bring us into bondage, that they might glut themselves with the labors of our hands; yea, that they might feast themselves upon the flocks of our fields.

Therefore it came to pass that king Laman began to stir up his people that they should contend with my people; therefore there began to be wars and contentions in the land.

For, in the thirteenth year of my reign in the land of Nephi, away on the south of the land of Shilom, when my people were watering and feeding their flocks, and tilling their lands, a numerous host of Lamanites came upon them and began to slay them, and to take off their flocks, and the corn of their fields.

Yea, and it came to pass that they fled, all that were not overtaken, even into the city of Nephi, and did call upon me for protection.

16 Và chuyện rằng, tôi trang bị cho họ cung tên, gươm, đao, chùy, trành ném đá, cùng đủ loại vũ khí mà chúng tôi có thể sáng chế ra, rồi tôi cùng dân tôi ra đi đánh lại dân La Man.

17 Phải, trong sức mạnh của Chúa quả thật chúng tôi đã tiến đánh dân La Man; vì tôi và dân tôi đã thiết tha kêu cầu Chúa xin Ngài giải thoát chúng tôi khỏi tay kẻ thù, vì chúng tôi đã thức tỉnh để nhớ lại sự giải thoát của các tổ phụ chúng tôi.

18 Và Thượng Đế đã nghe những lời kêu cầu của chúng tôi, và đã đáp lại lời cầu nguyện của chúng tôi; và chúng tôi đã tiến lên trong sức mạnh của Ngài; phải, chúng tôi đã tiến đánh dân La Man, và chỉ trong một ngày một đêm mà chúng tôi đã giết được ba ngàn bốn mươi ba tên; chúng tôi đã chém giết họ cho đến khi chúng tôi đánh đuổi họ ra khỏi xứ của mình.

19 Và chính tôi đã tự tay giúp chôn xác họ. Và này, phần các người anh em của chúng tôi cũng bị giết chết hết hai trăm bảy mươi chín người, khiến cho chúng tôi vô cùng đau khổ và thương tiếc.

And it came to pass that I did arm them with bows, and with arrows, with swords, and with cimeters, and with clubs, and with slings, and with all manner of weapons which we could invent, and I and my people did go forth against the Lamanites to battle.

Yea, in the strength of the Lord did we go forth to battle against the Lamanites; for I and my people did cry mightily to the Lord that he would deliver us out of the hands of our enemies, for we were awakened to a remembrance of the deliverance of our fathers.

And God did hear our cries and did answer our prayers; and we did go forth in his might; yea, we did go forth against the Lamanites, and in one day and a night we did slay three thousand and forty-three; we did slay them even until we had driven them out of our land.

And I, myself, with mine own hands, did help to bury their dead. And behold, to our great sorrow and lamentation, two hundred and seventy-nine of our brethren were slain.

## Mô Si A 10

- 1 Và chuyện rằng chúng tôi bắt đầu kiến thiết lại vương quốc, và chúng tôi lại bắt đầu chiếm hữu xứ sở trong hòa bình. Và tôi cho chế tạo các thứ vũ khí chiến tranh đủ loại, để tôi có đủ khí giới cho dân của tôi phòng khi dân La Man lại đến gây chiến với dân tôi nữa.
- 2 Và tôi cho đặt lính canh khắp quanh xứ, để dân La Man không thể bắt thần đến tấn công chúng tôi và hủy diệt chúng tôi được; và như vậy là tôi đã bảo vệ dân tôi cùng các đàn gia súc để họ khỏi rơi vào tay kẻ thù của mình.
- 3 Và chuyện rằng, chúng tôi được thừa hưởng xứ sở của tổ phụ chúng tôi trong nhiều năm, phải, suốt thời gian hai mươi hai năm.
- 4 Và tôi đã ra lệnh cho nam giới phải biết cày cấy đất đai, cùng trồng trọt đủ loại ngũ cốc và đủ loại cây trái.
- 5 Và tôi đã ra lệnh cho nữ giới phải biết kéo sợi, hết sức ra công làm việc để dệt vải mịn đủ loại, phải, những vải vóc đủ thứ để chúng tôi có thể may mặc cho khỏi lỏa lồ thân thể; và như thế, chúng tôi đã được thịnh vượng trong xứ—chúng tôi được sống trong thái bình liên tục như vậy suốt thời gian hai mươi hai năm.
- 6 Và chuyện rằng, vua La Man băng hà, và con trai ông lên trị vì thế ông. Và hắn bắt đầu khích động dân mình nổi lên chống đối dân tôi; vì thế họ bắt đầu chuẩn bị chiến tranh, và tiến lên đánh dân tôi.
- 7 Nhưng tôi đã phái nhiều người do thám đến những vùng lân cận xứ Sem Lân, để tôi có thể khám phá những việc chuẩn bị của họ, ngõ hầu tôi biết mà đề phòng, để cho họ không thể bắt thần đến tấn công dân tôi và hủy diệt họ được.
- 8 Và chuyện rằng, họ kéo đến miền bắc xứ Si Lôm, với các đạo quân đông đảo gồm những người được trang bị cung tên, gươm, đao, đá và trành ném đá; đầu của họ thì cạo trọc, và họ dùng một cái khổ da thắt ngang hông.

## Mosiah 10

And it came to pass that we again began to establish the kingdom and we again began to possess the land in peace. And I caused that there should be weapons of war made of every kind, that thereby I might have weapons for my people against the time the Lamanites should come up again to war against my people.

And I set guards round about the land, that the Lamanites might not come upon us again un-awares and destroy us; and thus I did guard my people and my flocks, and keep them from falling into the hands of our enemies.

And it came to pass that we did inherit the land of our fathers for many years, yea, for the space of twenty and two years.

And I did cause that the men should till the ground, and raise all manner of grain and all manner of fruit of every kind.

And I did cause that the women should spin, and toil, and work, and work all manner of fine linen, yea, and cloth of every kind, that we might clothe our nakedness; and thus we did prosper in the land—thus we did have continual peace in the land for the space of twenty and two years.

And it came to pass that king Laman died, and his son began to reign in his stead. And he began to stir his people up in rebellion against my people; therefore they began to prepare for war, and to come up to battle against my people.

But I had sent my spies out round about the land of Shemlon, that I might discover their preparations, that I might guard against them, that they might not come upon my people and destroy them.

And it came to pass that they came up upon the north of the land of Shilom, with their numerous hosts, men armed with bows, and with arrows, and with swords, and with cimeters, and with stones, and with slings; and they had their heads shaved that they were naked; and they were girded with a leathern girdle about their loins.

- 9 Và chuyện rằng, tôi đã cho đem đàn bà và trẻ con của dân tôi vào ẩn trong vùng hoang dã; rồi tôi ra lệnh cho tất cả đàn ông lớn tuổi mà còn đủ sức mang khí giới, và tất cả thanh niên trai tráng nào đủ sức mang khí giới, đều phải tập hợp lại để tiến đánh dân La Man; và tôi sắp họ thành hàng ngũ, mỗi người tùy theo lứa tuổi của mình.
- 10 Và chuyện rằng, chúng tôi tiến lên đánh dân La Man; còn tôi, dù với tuổi già, cũng thân chinh chiến đấu với dân La Man. Và chuyện rằng, chúng tôi tiến lên trong sức mạnh của Chúa để chiến đấu.
- 11 Nay, dân La Man không hiểu biết gì về Chúa, cũng chẳng biết gì về sức mạnh của Chúa, vậy nên họ chỉ trông cậy vào sức mạnh của mình. Nếu nói về sức mạnh của loài người thì họ là một dân tộc mạnh mẽ.
- 12 Họ là một dân tộc man dại, hung bạo và khát máu, và tin vào truyền thống của tổ phụ họ như vậy: Họ tin rằng vì sự bất chính nên tổ phụ họ bị đuổi ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, và họ đã bị anh em mình áp bức trong vùng hoang dã, và họ cũng bị áp bức cả trong khi vượt biển nữa.
- 13 Và hơn nữa, họ còn bị áp bức khi ở trên mảnh đất thừa hưởng đầu tiên của họ sau khi vượt biển và tất cả những sự việc này đã xảy ra cũng vì ngày xưa Nê Phi đã trung thành hơn trong việc tuân giữ các lệnh truyền của Chúa—vậy nên ông đã được Chúa ưu đãi, vì Chúa đã nghe và nhậm lời cầu nguyện của ông, và ông đã dẫn dắt cuộc hành trình của họ trong vùng hoang dã.
- 14 Và các anh của ông đã tức giận ông vì họ không hiểu những việc làm của Chúa; họ còn tức giận ông khi ở trên mặt bể vì họ đã chai đá trong lòng chống lại Chúa.
- 15 Và lại nữa, họ còn tức giận ông khi họ đã đến đất hứa, vì họ bảo rằng, ông đã cướp đoạt quyền cai trị dân khỏi tay họ, rồi họ tìm cách sát hại ông.

And it came to pass that I caused that the women and children of my people should be hid in the wilderness; and I also caused that all my old men that could bear arms, and also all my young men that were able to bear arms, should gather themselves together to go to battle against the Lamanites; and I did place them in their ranks, every man according to his age.

And it came to pass that we did go up to battle against the Lamanites; and I, even I, in my old age, did go up to battle against the Lamanites. And it came to pass that we did go up in the strength of the Lord to battle.

Now, the Lamanites knew nothing concerning the Lord, nor the strength of the Lord, therefore they depended upon their own strength. Yet they were a strong people, as to the strength of men.

They were a wild, and ferocious, and a blood-thirsty people, believing in the tradition of their fathers, which is this—Believing that they were driven out of the land of Jerusalem because of the iniquities of their fathers, and that they were wronged in the wilderness by their brethren, and they were also wronged while crossing the sea;

And again, that they were wronged while in the land of their first inheritance, after they had crossed the sea, and all this because that Nephi was more faithful in keeping the commandments of the Lord—therefore he was favored of the Lord, for the Lord heard his prayers and answered them, and he took the lead of their journey in the wilderness.

And his brethren were wroth with him because they understood not the dealings of the Lord; they were also wroth with him upon the waters because they hardened their hearts against the Lord.

And again, they were wroth with him when they had arrived in the promised land, because they said that he had taken the ruling of the people out of their hands; and they sought to kill him.

- 16 Và lại nữa, họ còn tức giận ông vì ông đã ra đi vào vùng hoang dã theo như lời Chúa đã truyền lệnh cho ông và mang theo các biên sử ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng, vì họ cho rằng ông đã cướp đoạt những bảng khắc này của họ.
- 17 Và vì thế mà họ đã dạy dỗ con cháu mình phải thù ghét con cháu của Nê Phi, sát hại họ, trộm cắp, cướp đoạt của họ, và làm đủ mọi cách để hủy diệt họ; vậy nên họ có một mối thù vĩnh cửu với con cháu của Nê Phi.
- 18 Cũng vì lý do này mà vua La Man, với sự xảo quyệt và quỷ kế, cùng những lời hứa hẹn tốt đẹp của mình, đã đánh lừa tôi, để tôi đem dân tôi đến xứ này ngộ hầu họ có thể hủy diệt được dân tôi; phải, và chúng tôi đã phải chịu đựng biết bao nhiêu năm tháng khốn khổ trong xứ này.
- 19 Và giờ đây, tôi, Giê Níp, sau khi kể hết những điều này về dân La Man cho dân tôi nghe, tôi liền khuyến khích họ xông ra chiến trường với tất cả sức mạnh của mình, và đặt tin cậy vào Chúa; vậy nên chúng tôi đã mặt đối mặt đánh lại họ.
- 20 Và chuyện rằng, một lần nữa chúng tôi lại đánh đuổi được họ ra khỏi xứ của chúng tôi. Chúng tôi đã sát hại họ trong một cuộc tàn sát lớn lao, nhiều đến nỗi chúng tôi không thể đếm xác họ được.
- 21 Và chuyện rằng, chúng tôi lại trở về xứ của mình, và dân tôi lại bắt đầu chăn nuôi súc vật và cày cấy đất đai.
- 22 Và giờ đây, tôi đã già cả rồi nên trao vương quốc này lại cho một trong những người con trai của tôi; vậy nên tôi không nói thêm gì nữa. Và tôi cầu xin Chúa ban phước lành cho dân tôi. Amen.

And again, they were wroth with him because he departed into the wilderness as the Lord had commanded him, and took the records which were engraven on the plates of brass, for they said that he robbed them.

And thus they have taught their children that they should hate them, and that they should murder them, and that they should rob and plunder them, and do all they could to destroy them; therefore they have an eternal hatred towards the children of Nephi.

For this very cause has king Laman, by his cunning, and lying craftiness, and his fair promises, deceived me, that I have brought this my people up into this land, that they may destroy them; yea, and we have suffered these many years in the land.

And now I, Zeniff, after having told all these things unto my people concerning the Lamanites, I did stimulate them to go to battle with their might, putting their trust in the Lord; therefore, we did contend with them, face to face.

And it came to pass that we did drive them again out of our land; and we slew them with a great slaughter, even so many that we did not number them.

And it came to pass that we returned again to our own land, and my people again began to tend their flocks, and to till their ground.

And now I, being old, did confer the kingdom upon one of my sons; therefore, I say no more. And may the Lord bless my people. Amen.

## Mô Si A 11

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, Giê Níp trao vương quốc lại cho Nô Ê, một trong những người con trai của ông; vậy nên Nô Ê bắt đầu trị vì thay cha, nhưng ông không đi theo đường lối của cha mình.
- 2 Vì này, ông không tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế, mà ông chỉ đi theo sở thích riêng của lòng mình. Và ông có nhiều vợ và hầu thiếp. Và ông khiến cho dân ông phạm tội, và làm những điều khỗ ố trước mắt Chúa. Phải, họ đã phạm tội tà dâm và đủ mọi hành vi tà ác.
- 3 Và ông còn đặt ra một thứ thuế để thu một phần năm tất cả những gì họ có, như một phần năm vàng và bạc, một phần năm díp, thau, đồng và sắt; và một phần năm các gia súc; cùng một phần năm tất cả ngũ cốc của họ.
- 4 Và ông đánh tất cả các sắc thuế này là để cấp dưỡng mình cùng các vợ và các hầu thiếp của mình; và cấp dưỡng luôn cả các thầy tư tế cùng vợ và các hầu thiếp của chúng; như vậy là ông đã thay đổi tất cả các công việc triều chính của vương quốc.
- 5 Và ông giải nhiệm tất cả các thầy tư tế đã được cha ông lập lên, và lập lên những người mới vào thay thế họ, những người này dương dương tự đắc trong lòng mình.
- 6 Phải, và cứ thế, chúng được cấp dưỡng trong sự biếng nhác, trong việc thờ hình tượng, và trong sự tà dâm của chúng, nhờ những sắc thuế mà vua Nô Ê đã đánh lên đầu dân của ông; và như vậy là dân chúng đã phải làm việc khó nhọc vô cùng để nuôi dưỡng những điều bất chính.
- 7 Phải, và họ cũng trở nên thờ thần tượng nữa, vì họ đã bị những lời phù phiếm và tâng bốc của vua và của các thầy tư tế lừa gạt, vì chúng đã nói những lời tâng bốc họ.
- 8 Và chuyện rằng, vua Nô Ê xây cất nhiều dinh thự rộng lớn nguy nga, và ông trang hoàng những dinh thự ấy với những công nghệ mỹ thuật bằng gỗ, cùng tất cả những thứ quý giá khác bằng vàng, bạc, sắt, thau, díp và đồng;

## Mosiah 11

And now it came to pass that Zeniff conferred the kingdom upon Noah, one of his sons; therefore Noah began to reign in his stead; and he did not walk in the ways of his father.

For behold, he did not keep the commandments of God, but he did walk after the desires of his own heart. And he had many wives and concubines. And he did cause his people to commit sin, and do that which was abominable in the sight of the Lord. Yea, and they did commit whoredoms and all manner of wickedness.

And he laid a tax of one fifth part of all they possessed, a fifth part of their gold and of their silver, and a fifth part of their ziff, and of their copper, and of their brass and their iron; and a fifth part of their fatlings; and also a fifth part of all their grain.

And all this did he take to support himself, and his wives and his concubines; and also his priests, and their wives and their concubines; thus he had changed the affairs of the kingdom.

For he put down all the priests that had been consecrated by his father, and consecrated new ones in their stead, such as were lifted up in the pride of their hearts.

Yea, and thus they were supported in their laziness, and in their idolatry, and in their whoredoms, by the taxes which king Noah had put upon his people; thus did the people labor exceedingly to support iniquity.

Yea, and they also became idolatrous, because they were deceived by the vain and flattering words of the king and priests; for they did speak flattering things unto them.

And it came to pass that king Noah built many elegant and spacious buildings; and he ornamented them with fine work of wood, and of all manner of precious things, of gold, and of silver, and of iron, and of brass, and of ziff, and of copper;

- 9 Ông còn xây cất cho mình một lâu đài rộng lớn, và một cái ngai ở chính giữa, tất cả những thứ ấy đều làm bằng gỗ quý, và được trang trí bằng vàng, bạc, cùng những vật quý giá.
- 10 Ông còn cho thợ làm mọi thứ công nghệ mỹ thuật bằng gỗ quý, đồng và thau ở bên trong các bức tường của đền thờ.
- 11 Và tất cả ghế ngồi mà được dành riêng cho các thầy tư tế thượng phẩm là những ghế được đặt cao hơn hết thảy mọi ghế khác, ông đã cho tô điểm bằng vàng y; và phía trước ghế ông còn cho dựng lên chỗ dựa để bọn tăng tế thượng phẩm có thể ngã mình hay tỳ tay lên đó trong khi chúng nói với dân những lời phù phiếm và dối trá.
- 12 Và chuyện rằng, ông xây một cái tháp gần bên đền thờ; phải, một cái tháp rất cao, cao đến đôi khi đứng trên đỉnh tháp, ông có thể trông thấy cả xứ Si Lôm, lẫn xứ Sem Lân, là xứ do dân La Man chiếm hữu; và ông còn có thể nhìn thấy được khắp xứ chung quanh.
- 13 Và chuyện rằng, ông cho xây cất nhiều dinh thự trên xứ Si Lôm; và ông cho xây một tháp cao vĩ đại trên ngọn đồi nằm về hướng bắc xứ Si Lôm, nơi đó xưa kia là chỗ ẩn náu của con cháu Nê Phi khi họ trốn khỏi xứ. Và đó là những việc ông đã làm với của cải thu góp được do các sắc thuế đánh vào dân ông.
- 14 Và chuyện rằng, ông để hết tâm trí vào tài sản của mình, và ông tiêu hết thì giờ của mình trong cuộc sống trụy lạc với các vợ và các hầu thiếp của ông; các thầy tư tế của ông cũng tiêu hết thì giờ của mình với các gái điếm.
- 15 Và chuyện rằng ông trồng nho khắp nơi trong xứ; và ông dựng các máy ép nho và làm ra thật nhiều rượu nho; và do đó mà ông đã trở thành một kẻ nghiện rượu, và dân của ông cũng vậy.
- 16 Và chuyện rằng, dân La Man bắt đầu xâm nhập, đánh phá dân ông, từng đám dân nhỏ, và sát hại họ trong các cánh đồng của họ, khi họ đang ở ngoài đồng chăn súc vật.

And he also built him a spacious palace, and a throne in the midst thereof, all of which was of fine wood and was ornamented with gold and silver and with precious things.

And he also caused that his workmen should work all manner of fine work within the walls of the temple, of fine wood, and of copper, and of brass.

And the seats which were set apart for the high priests, which were above all the other seats, he did ornament with pure gold; and he caused a breastwork to be built before them, that they might rest their bodies and their arms upon while they should speak lying and vain words to his people.

And it came to pass that he built a tower near the temple; yea, a very high tower, even so high that he could stand upon the top thereof and overlook the land of Shilom, and also the land of Shemlon, which was possessed by the Lamanites; and he could even look over all the land round about.

And it came to pass that he caused many buildings to be built in the land Shilom; and he caused a great tower to be built on the hill north of the land Shilom, which had been a resort for the children of Nephi at the time they fled out of the land; and thus he did do with the riches which he obtained by the taxation of his people.

And it came to pass that he placed his heart upon his riches, and he spent his time in riotous living with his wives and his concubines; and so did also his priests spend their time with harlots.

And it came to pass that he planted vineyards round about in the land; and he built wine-presses, and made wine in abundance; and therefore he became a wine-bibber, and also his people.

And it came to pass that the Lamanites began to come in upon his people, upon small numbers, and to slay them in their fields, and while they were tending their flocks.



17 Và vua Nô Ê phái vệ binh đến đóng quanh xứ để xua đuổi chúng; nhưng ông lại không phái đầy đủ quân lính, và dân La Man vẫn đến tấn công và giết chết họ, và xua nhiều đàn gia súc của họ ra khỏi xứ; như thế là dân La Man đã bắt đầu hủy diệt họ để thỏa lòng thù hận của chúng đối với họ.

18 Và chuyện rằng, vua Nô Ê phái quân lính đến đánh lại chúng, và chúng bị đẩy lui, hay nói cách khác, quân lính đã đẩy lui được chúng trong một thời gian; vậy nên, họ đã hân hoan trở về với chiến lợi phẩm của mình.

19 Và giờ đây, vì sự thắng lợi lớn lao ấy mà họ đã dương dương tự đắc trong lòng mình; họ rất khoe khoang về sức mạnh của mình, và nói rằng: Với năm chục người họ có thể đánh bại được hàng ngàn dân La Man; và cứ thế họ đã khoe khoang và vui thích trong máu, và sự đổ máu của các người anh em mình, và nguyên do cũng vì sự tà ác của nhà vua và các thầy tư tế.

20 Và chuyện rằng, trong dân chúng có một người tên là A Bi Na Đi; và người này đi đến với dân chúng và bắt đầu tiên tri rằng: Nay, lời Chúa phán và truyền lệnh cho tôi rằng: Hãy ra đi và nói với dân này, lời Chúa phán như vậy: Khốn thay cho dân này, vì ta đã thấy những hành vi khả ố, những sự tà ác và tính tà dâm của chúng; và nếu chúng không biết hối cải thì ta sẽ đến viếng phạt chúng trong cơn thịnh nộ của ta.

21 Và nếu chúng không biết hối cải mà quay về với Chúa, Thượng Đế của chúng, này, ta sẽ trao chúng vào tay kẻ thù của chúng; phải, và chúng sẽ bị đưa vào vòng nô lệ, và chúng sẽ phải bị đau khổ vì bàn tay kẻ thù của chúng.

22 Và chuyện rằng, đến lúc đó chúng sẽ biết ta là Chúa, Thượng Đế của chúng, và là một Thượng Đế hay ghen, sẽ đến viếng phạt những điều bất chính của dân ta.

23 Và chuyện rằng, nếu dân này không biết hối cải để trở về với Chúa, Thượng Đế của chúng, thì chúng sẽ bị đưa vào vòng nô lệ; và sẽ chẳng có một ai có thể giải cứu cho chúng được, ngoại trừ Chúa, Thượng Đế Toàn Năng.

And king Noah sent guards round about the land to keep them off; but he did not send a sufficient number, and the Lamanites came upon them and killed them, and drove many of their flocks out of the land; thus the Lamanites began to destroy them, and to exercise their hatred upon them.

And it came to pass that king Noah sent his armies against them, and they were driven back, or they drove them back for a time; therefore, they returned rejoicing in their spoil.

And now, because of this great victory they were lifted up in the pride of their hearts; they did boast in their own strength, saying that their fifty could stand against thousands of the Lamanites; and thus they did boast, and did delight in blood, and the shedding of the blood of their brethren, and this because of the wickedness of their king and priests.

And it came to pass that there was a man among them whose name was Abinadi; and he went forth among them, and began to prophesy, saying: Behold, thus saith the Lord, and thus hath he commanded me, saying, Go forth, and say unto this people, thus saith the Lord—Wo be unto this people, for I have seen their abominations, and their wickedness, and their whoredoms; and except they repent I will visit them in mine anger.

And except they repent and turn to the Lord their God, behold, I will deliver them into the hands of their enemies; yea, and they shall be brought into bondage; and they shall be afflicted by the hand of their enemies.

And it shall come to pass that they shall know that I am the Lord their God, and am a jealous God, visiting the iniquities of my people.

And it shall come to pass that except this people repent and turn unto the Lord their God, they shall be brought into bondage; and none shall deliver them, except it be the Lord the Almighty God.

- 24 Phải, và chuyện rằng, khi chúng kêu cầu đến ta thì ta sẽ chậm chạp nghe lời kêu cầu của chúng; phải, ta sẽ để cho chúng bị kẻ thù đánh.
- 25 Và nếu chúng không biết hối cải, không biết che mình bằng bao gai và tro bụi, và kêu cầu thống thiết với Chúa, Thượng Đế của chúng, thì ta sẽ không nghe lời cầu nguyện của chúng, và ta cũng sẽ không giải thoát cho chúng khỏi những nỗi thống khổ; và Chúa đã phán như vậy, và Ngài đã truyền lệnh cho tôi như vậy.
- 26 Giờ đây, chuyện rằng, sau khi A Bi Na Đi nói xong những lời này với họ, thì họ bèn tức giận ông và tìm cách lấy mạng sống ông; nhưng Chúa đã giải cứu ông thoát khỏi tay họ.
- 27 Bây giờ, khi vua Nô Ê nghe được những lời A Bi Na Đi đã nói với dân chúng, ông cũng tức giận và nói rằng: A Bi Na Đi là ai mà ta và dân ta phải bị hấn xét đoán? Hay Chúa là ai mà có thể đem lại những nỗi khốn khổ lớn lao cho dân ta như vậy?
- 28 Ta truyền lệnh cho các người phải dẫn A Bi Na Đi lại đây cho ta giết chết hẳn, vì hẳn đã nói lên những điều này để hẳn có thể xúi giục cho dân ta tức giận lẫn nhau, và khiến dân ta nổi lên tranh chấp lẫn nhau; vậy nên ta sẽ giết chết hẳn.
- 29 Bây giờ, con mắt của dân chúng đều mù quáng hết, vậy nên họ chai đá trong lòng chống lại với những lời nói của A Bi Na Đi; và từ lúc đó họ tìm cách bắt ông. Và vua Nô Ê cũng chai đá trong lòng chống lại lời của Chúa, và ông không hối cải những hành vi xấu xa của mình.

Yea, and it shall come to pass that when they shall cry unto me I will be slow to hear their cries; yea, and I will suffer them that they be smitten by their enemies.

And except they repent in sackcloth and ashes, and cry mightily to the Lord their God, I will not hear their prayers, neither will I deliver them out of their afflictions; and thus saith the Lord, and thus hath he commanded me.

Now it came to pass that when Abinadi had spoken these words unto them they were wroth with him, and sought to take away his life; but the Lord delivered him out of their hands.

Now when king Noah had heard of the words which Abinadi had spoken unto the people, he was also wroth; and he said: Who is Abinadi, that I and my people should be judged of him, or who is the Lord, that shall bring upon my people such great affliction?

I command you to bring Abinadi hither, that I may slay him, for he has said these things that he might stir up my people to anger one with another, and to raise contentions among my people; therefore I will slay him.

Now the eyes of the people were blinded; therefore they hardened their hearts against the words of Abinadi, and they sought from that time forward to take him. And king Noah hardened his heart against the word of the Lord, and he did not repent of his evil doings.

## Mô Si A 12

- 1 Và chuyện rằng, hai năm sau, A Bi Na Đi cải trang đến với họ, để họ không nhận ra được ông, rồi ông bắt đầu tiên tri cho họ hay rằng: Chúa đã truyền lệnh cho tôi như vậy: Hỡi A Bi Na Đi, hãy ra đi nói lời tiên tri cho dân này của ta hay, vì chúng đã chai đá trong lòng chống lại lời của ta; chúng không biết hối cải những hành vi tà ác của mình; vì thế ta sẽ đến viếng phạt chúng trong cơn thịnh nộ của ta; phải, trong cơn thịnh nộ mãnh liệt của ta, ta sẽ đến viếng phạt chúng vì những hành vi bất chính và khỗ của chúng.
- 2 Phải, khốn thay cho thế hệ này! Và Chúa phán cùng tôi rằng: Hãy dang tay người ra và tiên tri rằng: Chúa có phán như vậy: Chuyện rằng, vì sự bất chính mà thế hệ này sẽ bị đưa vào vòng nô lệ, và sẽ bị đánh vào má; phải, và sẽ bị người ta xua đuổi, và sẽ bị giết chết; và rồi những con kên kên trên trời, cùng những con chó, phải, và những con thú hoang dại, sẽ ăn thịt chúng.
- 3 Và chuyện rằng, đời của vua Nô Ê sẽ chỉ giá trị như một chiếc áo trong lò lửa nóng; vì hắn sẽ biết ta là Chúa.
- 4 Và chuyện rằng, ta sẽ đánh dân này của ta bằng những nỗi đau khổ lớn lao, phải, bằng nạn đói và bệnh dịch; và ta sẽ làm cho chúng phải gào thét suốt ngày.
- 5 Phải, ta sẽ khiến cho chúng có những gánh nặng đeo chặt lên lưng chúng; và chúng sẽ bị dẫn đi như một con lừa câm.
- 6 Và chuyện rằng, ta sẽ khiến mưa đá rơi trên chúng, và nó sẽ đánh chúng; và chúng cũng sẽ bị ngọn gió đông quất mạnh; và sâu bọ sẽ phá hoại đất đai của chúng và ăn nuốt hết các hạt giống của chúng.
- 7 Và chúng sẽ bị bệnh dịch hoành hành—và sở dĩ ta sẽ làm tất cả những điều này cũng vì sự bất chính và những điều khỗ của chúng.

## Mosiah 12

And it came to pass that after the space of two years that Abinadi came among them in disguise, that they knew him not, and began to prophesy among them, saying: Thus has the Lord commanded me, saying—Abinadi, go and prophesy unto this my people, for they have hardened their hearts against my words; they have repented not of their evil doings; therefore, I will visit them in my anger, yea, in my fierce anger will I visit them in their iniquities and abominations.

Yea, wo be unto this generation! And the Lord said unto me: Stretch forth thy hand and prophesy, saying: Thus saith the Lord, it shall come to pass that this generation, because of their iniquities, shall be brought into bondage, and shall be smitten on the cheek; yea, and shall be driven by men, and shall be slain; and the vultures of the air, and the dogs, yea, and the wild beasts, shall devour their flesh.

And it shall come to pass that the life of king Noah shall be valued even as a garment in a hot furnace; for he shall know that I am the Lord.

And it shall come to pass that I will smite this my people with sore afflictions, yea, with famine and with pestilence; and I will cause that they shall howl all the day long.

Yea, and I will cause that they shall have burdens lashed upon their backs; and they shall be driven before like a dumb ass.

And it shall come to pass that I will send forth hail among them, and it shall smite them; and they shall also be smitten with the east wind; and insects shall pester their land also, and devour their grain.

And they shall be smitten with a great pestilence—and all this will I do because of their iniquities and abominations.

- 8 Và chuyện rằng, nếu chúng không biết hối cải, thì ta sẽ tận diệt chúng khỏi mặt đất; tuy nhiên, chúng sẽ để lại một biên sử của chúng, và ta sẽ bảo tồn biên sử đó cho những quốc gia khác sau này đến chiếm hữu xứ này; phải, ta sẽ làm vậy để ta có thể tiết lộ cho các quốc gia khác biết những điều khả ố của dân này. Và A Bi Na Đi còn tiên tri nhiều điều nghịch cùng dân này.
- 9 Và chuyện rằng, họ tức giận ông; và họ bắt ông rời trời ông lại mang đến trước mặt vua, và trình với vua rằng: Muôn tâu bệ hạ, chúng tôi xin dẫn đến trước mặt bệ hạ một người đã tiên tri những điềm dữ về dân của bệ hạ, và còn bảo rằng Thượng Đế sẽ hủy diệt họ.
- 10 Và hần còn tiên tri những điềm dữ về đời bệ hạ, và bảo rằng đời bệ hạ chẳng khác chi một chiếc áo trong lò lửa đỏ.
- 11 Và hơn nữa, hần còn bảo rằng, bệ hạ sẽ chẳng khác chi một thân cây nhỏ bé, một thân cây khô héo ngoài đồng, bị thú vật xô ngã và chà đạp dưới chân.
- 12 Và lại nữa, hần còn bảo rằng, bệ hạ sẽ giống như hoa cây gai, khi đã nở nếu gặp cơn gió thổi sẽ bay tán mác khắp xứ. Và hần làm bộ như Chúa đã phán như vậy. Và hần còn nói tất cả những điều này sẽ xảy đến cho bệ hạ vì hành vi bất chính của bệ hạ, trừ phi bệ hạ biết hối cải.
- 13 Và giờ đây, muôn tâu bệ hạ, bệ hạ đã làm điều ác lớn lao nào, hay dân bệ hạ đã phạm những tội lỗi lớn lao nào mà nay khiến cho chúng ta phải bị Thượng Đế kết tội hay bị người này xét đoán vậy?
- 14 Và giờ đây, muôn tâu bệ hạ, này, chúng ta là những kẻ vô tội, và muôn tâu bệ hạ, bệ hạ chưa hề phạm tội; vậy thì, người này đã nói những điều dối trá về bệ hạ, và hần đã tiên tri một cách vô ích.
- 15 Và này, chúng ta đang hùng mạnh, chúng ta sẽ không bị làm nô lệ hay bị kẻ thù của chúng ta bắt tù đày; phải, và bệ hạ đã thịnh vượng trong xứ, và bệ hạ sẽ còn thịnh vượng thêm nữa.
- 16 Này, kẻ đó ở đây, chúng tôi xin trao hần vào tay bệ hạ, vậy xin bệ hạ tùy nghi mà định đoạt số phận hần.

And it shall come to pass that except they repent I will utterly destroy them from off the face of the earth; yet they shall leave a record behind them, and I will preserve them for other nations which shall possess the land; yea, even this will I do that I may discover the abominations of this people to other nations. And many things did Abinadi prophesy against this people.

And it came to pass that they were angry with him; and they took him and carried him bound before the king, and said unto the king: Behold, we have brought a man before thee who has prophesied evil concerning thy people, and saith that God will destroy them.

And he also prophesieth evil concerning thy life, and saith that thy life shall be as a garment in a furnace of fire.

And again, he saith that thou shalt be as a stalk, even as a dry stalk of the field, which is run over by the beasts and trodden under foot.

And again, he saith thou shalt be as the blossoms of a thistle, which, when it is fully ripe, if the wind bloweth, it is driven forth upon the face of the land. And he pretendeth the Lord hath spoken it. And he saith all this shall come upon thee except thou repent, and this because of thine iniquities.

And now, O king, what great evil hast thou done, or what great sins have thy people committed, that we should be condemned of God or judged of this man?

And now, O king, behold, we are guiltless, and thou, O king, hast not sinned; therefore, this man has lied concerning you, and he has prophesied in vain.

And behold, we are strong, we shall not come into bondage, or be taken captive by our enemies; yea, and thou hast prospered in the land, and thou shalt also prosper.

Behold, here is the man, we deliver him into thy hands; thou mayest do with him as seemeth thee good.

17 Và chuyện rằng, vua Nô Ê sai đem A Bi Na Đi bỏ vào ngục thất; và vua truyền lệnh cho các thầy tư tế tụ họp lại để cùng vua thảo luận xem nên làm gì với ông.

18 Và chuyện rằng, chúng tâu với vua rằng: Xin bệ hạ cho dẫn hẳn lại đây để chúng tôi tra hỏi hẳn; vua bèn ra lệnh đem ông lại trước mặt chúng.

19 Và chúng bắt đầu tra hỏi ông để chúng làm cho ông nói những lời mâu thuẫn, ngõ hầu chúng có cơ hội buộc tội ông; nhưng ông đã trả lời chúng một cách vững vàng quả quyết, và đối đáp được hết tất cả những câu tra hỏi của chúng, phải, làm cho chúng phải ngạc nhiên; vì ông đã đáp được hết tất cả những câu tra hỏi của chúng và làm chúng đuối lý trong mọi lời nói của chúng.

20 Và chuyện rằng, một người trong bọn chúng hỏi ông rằng: Những lời đã được ghi chép và đã được tỏ phụ chúng ta giảng dạy như sau có ý nghĩa gì:

21 Trên các núi xinh đẹp làm sao gót chân của người đem lại tin lành, rao truyền sự bình an, đem tin lành về điều tốt, rao truyền sự cứu rỗi và nói với Si Ôn rằng: Thượng Đế của người trị vì;

22 Những người canh gác của người sẽ cất tiếng lên; họ sẽ cùng nhau cất tiếng xướng ca, vì họ sẽ thấy tận mắt khi Chúa đem Si Ôn trở lại.

23 Hãy hoan hỷ, hãy cùng nhau ca hát, hỡi những nơi hoang vắng của Giê Ru Sa Lem; vì Chúa đã an ủi dân Ngài, Ngài đã cứu chuộc Giê Ru Sa Lem;

24 Chúa đã tỏ trần cánh tay thánh của Ngài trước mắt tất cả các quốc gia, và khắp mọi nơi tận cùng của trái đất sẽ được trông thấy sự cứu rỗi của Thượng Đế chúng ta?

25 Thế rồi, A Bi Na Đi nói với họ rằng: Các người có phải là các thầy tư tế, và giả vờ dạy dân này, và hiểu được tinh thần tiên tri, mà lại muốn biết từ ta những điều này có ý nghĩa gì?

26 Ta nói cho các người hay, khốn thay cho các người vì đã làm sai lạc đường lối của Chúa! Vì nếu các người hiểu những điều này thì các người cũng chưa đem ra giảng dạy; vậy nên các người đã làm sai lạc đường lối của Chúa.

And it came to pass that king Noah caused that Abinadi should be cast into prison; and he commanded that the priests should gather themselves together that he might hold a council with them what he should do with him.

And it came to pass that they said unto the king: Bring him hither that we may question him; and the king commanded that he should be brought before them.

And they began to question him, that they might cross him, that thereby they might have wherewith to accuse him; but he answered them boldly, and withstood all their questions, yea, to their astonishment; for he did withstand them in all their questions, and did confound them in all their words.

And it came to pass that one of them said unto him: What meaneth the words which are written, and which have been taught by our fathers, saying:

How beautiful upon the mountains are the feet of him that bringeth good tidings; that publisheth peace; that bringeth good tidings of good; that publisheth salvation; that saith unto Zion, Thy God reigneth;

Thy watchmen shall lift up the voice; with the voice together shall they sing; for they shall see eye to eye when the Lord shall bring again Zion;

Break forth into joy; sing together ye waste places of Jerusalem; for the Lord hath comforted his people, he hath redeemed Jerusalem;

The Lord hath made bare his holy arm in the eyes of all the nations, and all the ends of the earth shall see the salvation of our God?

And now Abinadi said unto them: Are you priests, and pretend to teach this people, and to understand the spirit of prophesying, and yet desire to know of me what these things mean?

I say unto you, wo be unto you for perverting the ways of the Lord! For if ye understand these things ye have not taught them; therefore, ye have perverted the ways of the Lord.

27 Các người đã không đem hết lòng mình tìm hiểu; vậy nên các người chưa được khôn ngoan. Vậy các người đã giảng dạy gì cho dân này?

28 Chúng đáp lời rằng: Chúng tôi giảng dạy luật pháp Môi Se.

29 Ông lại hỏi chúng rằng: Nếu các người giảng dạy luật pháp Môi Se thì tại sao các người không tuân giữ luật ấy? Tại sao các người lại để tâm vào các cửa cải? Tại sao các người lại phạm tội tà dâm và tiêu hao sinh lực của mình với các gái điếm, phải, và làm cho dân này phạm tội, khiến Chúa phải sai ta đến nói lời tiên tri nghịch cùng dân này, phải, tức là nói về một điềm dữ lớn lao sẽ xảy đến cho dân này?

30 Các người có biết chẳng ta đã nói lên sự thật? Phải, các người biết rằng ta nói lên sự thật; vậy các người cần phải biết run sợ trước mặt Thượng Đế.

31 Và chuyện rằng, các người sẽ bị đánh phạt vì những điều bất chính của mình, vì chính các người đã bảo là các người giảng dạy luật pháp Môi Se. Và các người biết gì về luật pháp Môi Se? Sự cứu rỗi có nhờ luật pháp Môi Se mà đến chẳng? Các người nói sao?

32 Chúng trả lời rằng sự cứu rỗi nhờ luật pháp Môi Se mà đến.

33 Nhưng A Bi Na Đi đã nói với chúng rằng: Ta biết rằng nếu các người tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế thì các người sẽ được cứu rỗi; phải, nếu các người biết tuân giữ các lệnh truyền mà Chúa đã ban cho Môi Se trên núi Si Na I như sau:

34 Ta là Chúa, Thượng Đế của ngươi, đã đem ngươi ra khỏi xứ Ai Cập, khỏi nhà nô lệ.

35 Trước mặt ta, ngươi chớ có Thượng Đế nào khác.

36 Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao hay những vật ở dưới đất.

37 Thế rồi A Bi Na Đi hỏi họ rằng: Các người đã làm được mọi điều này chưa? Ta nói cho các người hay: Chưa, các người chưa làm. Và các người có giảng dạy cho dân này biết để họ làm theo mọi điều này chưa? Ta nói cho các người hay: Chưa, các người chưa giảng dạy cho họ.

Ye have not applied your hearts to understanding; therefore, ye have not been wise. Therefore, what teach ye this people?

And they said: We teach the law of Moses.

And again he said unto them: If ye teach the law of Moses why do ye not keep it? Why do ye set your hearts upon riches? Why do ye commit whoredoms and spend your strength with harlots, yea, and cause this people to commit sin, that the Lord has cause to send me to prophesy against this people, yea, even a great evil against this people?

Know ye not that I speak the truth? Yea, ye know that I speak the truth; and you ought to tremble before God.

And it shall come to pass that ye shall be smitten for your iniquities, for ye have said that ye teach the law of Moses. And what know ye concerning the law of Moses? Doth salvation come by the law of Moses? What say ye?

And they answered and said that salvation did come by the law of Moses.

But now Abinadi said unto them: I know if ye keep the commandments of God ye shall be saved; yea, if ye keep the commandments which the Lord delivered unto Moses in the mount of Sinai, saying:

I am the Lord thy God, who hath brought thee out of the land of Egypt, out of the house of bondage.

Thou shalt have no other God before me.

Thou shalt not make unto thee any graven image, or any likeness of any thing in heaven above, or things which are in the earth beneath.

Now Abinadi said unto them, Have ye done all this? I say unto you, Nay, ye have not. And have ye taught this people that they should do all these things? I say unto you, Nay, ye have not.

## Mô Si A 13

- 1 Và giờ đây khi vua nghe xong những lời này, ông bèn bảo các thầy tư tế của ông rằng: Hãy đem hắn ra giết chết đi; vì hắn là một thằng điên, chúng ta còn biết làm gì khác hơn nữa.
- 2 Và chúng tiến tới định đặt tay lên người ông, nhưng ông đã kháng cự, và bảo họ rằng:
- 3 Đừng động vào người ta, vì Thượng Đế sẽ đánh các người nếu các người đặt tay lên người ta, vì ta chưa trao sứ điệp mà Chúa sai ta đến để trao; và ta cũng chưa nói cho các người hay những điều mà các người yêu cầu ta nói; vậy nên, Thượng Đế không chịu để ta phải bị hủy diệt trong lúc này.
- 4 Nhưng ta cần phải làm tròn những lệnh truyền mà Thượng Đế đã truyền lệnh cho ta; và vì ta đã nói lên sự thật nên các người tức giận ta. Và hơn nữa, vì ta đã nói lên lời Thượng Đế nên các người cho rằng ta điên.
- 5 Giờ đây, chuyện rằng, sau khi A Bi Na Đi thốt lên những lời này, thì bộ hạ của vua Nô Ê không dám đặt tay lên người ông, vì Thánh Linh của Chúa ở trên ông; và mặt ông sáng ngời một cách khác thường, chẳng khác chi mặt của Môi Se lúc đang hầu chuyện với Chúa trên núi Si Na I vậy.
- 6 Và ông nói bằng quyền năng và thẩm quyền của Thượng Đế; và ông tiếp tục nói những lời rằng:
- 7 Các người thấy rằng các người không có quyền năng để giết ta, vậy nên, ta xin nói hết sứ điệp của ta. Phải, ta nhận thấy rằng sứ điệp này làm các người đau nhói tận tâm can, vì ta nói lên sự thật về những điều bất chính của các người.
- 8 Phải, và những lời nói của ta làm cho các người tràn đầy ngạc nhiên, kinh dị và tức giận.
- 9 Nhưng ta sẽ nói xong sứ điệp của ta; và rồi ta có đi hay không điều đó không quan trọng, dù ta được cứu hay không cũng chẳng sao.
- 10 Nhưng ta nói cho các người biết như vậy: những gì các người làm cho ta, sau này sẽ là một khuôn mẫu và một biểu tượng cho những điều sẽ xảy đến.

## Mosiah 13

And now when the king had heard these words, he said unto his priests: Away with this fellow, and slay him; for what have we to do with him, for he is mad.

And they stood forth and attempted to lay their hands on him; but he withstood them, and said unto them:

Touch me not, for God shall smite you if ye lay your hands upon me, for I have not delivered the message which the Lord sent me to deliver; neither have I told you that which ye requested that I should tell; therefore, God will not suffer that I shall be destroyed at this time.

But I must fulfil the commandments wherewith God has commanded me; and because I have told you the truth ye are angry with me. And again, because I have spoken the word of God ye have judged me that I am mad.

Now it came to pass after Abinadi had spoken these words that the people of king Noah durst not lay their hands on him, for the Spirit of the Lord was upon him; and his face shone with exceeding luster, even as Moses' did while in the mount of Sinai, while speaking with the Lord.

And he spake with power and authority from God; and he continued his words, saying:

Ye see that ye have not power to slay me, therefore I finish my message. Yea, and I perceive that it cuts you to your hearts because I tell you the truth concerning your iniquities.

Yea, and my words fill you with wonder and amazement, and with anger.

But I finish my message; and then it matters not whither I go, if it so be that I am saved.

But this much I tell you, what you do with me, after this, shall be as a type and a shadow of things which are to come.

11 Và giờ đây, ta đọc cho các người nghe phần còn lại các điều giáo lệnh của Thượng Đế, vì ta nhận thấy những lời ấy không được khắc ghi vào tim các người; ta nhận thấy rằng, các người đã học hỏi và giảng dạy những điều bất chính hầu như suốt đời mình.

12 Và giờ đây, các người hãy nhớ rằng ta đã nói với các người: Người chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao hay những vật ở dưới đất, hay những vật trong nước dưới đất.

13 Lại nữa: Người chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì ta, Chúa, Thượng Đế của người, là Thượng Đế hay ghen, sẽ viếng phạt sự bất chính của tổ phụ trên con cháu đến ba bốn đời của những kẻ ghét ta;

14 Nhưng sẽ thương xót ngàn đời những kẻ yêu mến ta và tuân giữ các lệnh truyền của ta.

15 Người chớ lấy danh Chúa, Thượng Đế của người, mà làm chơi; vì Chúa sẽ chẳng cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi.

16 Hãy nhớ ngày Sa Bát đặng giữ cho ngày ấy được thánh.

17 Người hãy lao nhọc và làm hết việc của mình trong sáu ngày.

18 Nhưng vào ngày thứ bảy, là ngày Sa Bát của Chúa, Thượng Đế của người, người chớ làm công việc chi hết, người, con trai, con gái, tôi trai tớ gái của người, và luôn cả gia súc của người, hay khách lạ trong nhà người cũng vậy.

19 Vì trong sáu ngày, Chúa đã dựng nên trời, đất, biển, và vạn vật ở trong đó; vậy nên Chúa đã ban phước cho ngày Sa Bát và thánh hóa ngày đó.

20 Hãy hiếu kính cha mẹ người, hầu cho người được sống lâu trong xứ mà Chúa, Thượng Đế của người, ban cho người.

21 Người chớ giết người.

22 Người chớ phạm tội ngoại tình. Người chớ trộm cắp.

23 Người chớ làm chứng dối chống lại kẻ lân cận mình.

And now I read unto you the remainder of the commandments of God, for I perceive that they are not written in your hearts; I perceive that ye have studied and taught iniquity the most part of your lives.

And now, ye remember that I said unto you: Thou shalt not make unto thee any graven image, or any likeness of things which are in heaven above, or which are in the earth beneath, or which are in the water under the earth.

And again: Thou shalt not bow down thyself unto them, nor serve them; for I the Lord thy God am a jealous God, visiting the iniquities of the fathers upon the children, unto the third and fourth generations of them that hate me;

And showing mercy unto thousands of them that love me and keep my commandments.

Thou shalt not take the name of the Lord thy God in vain; for the Lord will not hold him guiltless that taketh his name in vain.

Remember the sabbath day, to keep it holy.

Six days shalt thou labor, and do all thy work;

But the seventh day, the sabbath of the Lord thy God, thou shalt not do any work, thou, nor thy son, nor thy daughter, thy man-servant, nor thy maid-servant, nor thy cattle, nor thy stranger that is within thy gates;

For in six days the Lord made heaven and earth, and the sea, and all that in them is; wherefore the Lord blessed the sabbath day, and hallowed it.

Honor thy father and thy mother, that thy days may be long upon the land which the Lord thy God giveth thee.

Thou shalt not kill.

Thou shalt not commit adultery. Thou shalt not steal.

Thou shalt not bear false witness against thy neighbor.



24 Người chớ ham muốn nhà của kẻ lân cận mình, người chớ ham muốn vợ của kẻ lân cận mình, hoặc tôi trai tớ gái, bò, lừa, hay vật chi thuộc về kẻ lân cận mình.

25 Và chuyện rằng, sau khi A Bi Na Đi nói xong những lời này ông bèn hỏi họ rằng: Các người có giảng dạy cho dân này biết rằng, họ cần phải làm theo tất cả những điều này để tuân giữ các điều giáo lệnh này không?

26 Ta nói cho các người hay: Không; vì nếu các người có làm, thì Chúa đã không ra lệnh cho ta đến đây để tiên tri những điềm dữ về dân này.

27 Và này, các người đã nói rằng, sự cứu rỗi do luật pháp Môi Se mà đến, ta nói cho các người hay rằng, trong lúc này điều cần thiết là các người cần phải tuân giữ luật pháp Môi Se; nhưng ta cho các người hay rằng, sẽ có lúc việc tuân giữ luật pháp Môi Se sẽ không còn cần thiết nữa.

28 Và hơn nữa, ta nói cho các người hay rằng, sự cứu rỗi không phải chỉ do luật pháp đến mà thôi; vì nếu không nhờ sự chuộc tội, mà chính Thượng Đế sẽ thực hiện vì những tội lỗi và những điều bất chính của dân Ngài, thì loài người sẽ không thể tránh khỏi diệt vong, mặc dù đã có luật pháp Môi Se.

29 Và này, ta nói cho các người hay rằng, điều cần thiết là phải có một luật pháp ban cho con cái Y Sơ Ra Ên, phải, ngay cả một luật pháp rất nghiêm nhặt; vì họ là một dân tộc cứng cổ, mau làm điều bất chính, nhưng chậm nhớ tới Chúa, Thượng Đế của mình.

30 Vậy nên, có một luật pháp đã được ban cho họ, phải, đó là luật pháp về các nghi lễ và các giáo lễ, một luật pháp mà họ phải triệt để tôn trọng từng ngày một, để giữ cho họ nhớ tới Thượng Đế và bổn phận của mình đối với Ngài.

31 Nhưng này, ta nói cho các người hay rằng, tất cả những điều này đều là những biểu tượng cho những điều sắp xảy tới.

32 Và này, họ có hiểu luật pháp ấy không? Ta nói cho các người hay: Không, họ không phải tất cả đều hiểu về luật pháp ấy; và sở dĩ như vậy là vì lòng dạ họ chai đá; vì họ không hiểu được rằng, chẳng có một người nào được cứu rỗi nếu không nhờ sự cứu chuộc của Thượng Đế.

Thou shalt not covet thy neighbor's house, thou shalt not covet thy neighbor's wife, nor his manservant, nor his maid-servant, nor his ox, nor his ass, nor anything that is thy neighbor's.

And it came to pass that after Abinadi had made an end of these sayings that he said unto them: Have ye taught this people that they should observe to do all these things for to keep these commandments?

I say unto you, Nay; for if ye had, the Lord would not have caused me to come forth and to prophesy evil concerning this people.

And now ye have said that salvation cometh by the law of Moses. I say unto you that it is expedient that ye should keep the law of Moses as yet; but I say unto you, that the time shall come when it shall no more be expedient to keep the law of Moses.

And moreover, I say unto you, that salvation doth not come by the law alone; and were it not for the atonement, which God himself shall make for the sins and iniquities of his people, that they must unavoidably perish, notwithstanding the law of Moses.

And now I say unto you that it was expedient that there should be a law given to the children of Israel, yea, even a very strict law; for they were a stiffnecked people, quick to do iniquity, and slow to remember the Lord their God;

Therefore there was a law given them, yea, a law of performances and of ordinances, a law which they were to observe strictly from day to day, to keep them in remembrance of God and their duty towards him.

But behold, I say unto you, that all these things were types of things to come.

And now, did they understand the law? I say unto you, Nay, they did not all understand the law; and this because of the hardness of their hearts; for they understood not that there could not any man be saved except it were through the redemption of God.

33 Vì này, chẳng phải Môi Se đã từng tiên tri với họ về sự hiện đến của Đấng Mê Si, và Thượng Đế sẽ cứu chuộc dân của Ngài hay sao? Phải, và ngay cả tất cả những vị tiên tri đã từng tiên tri từ lúc thế gian mới bắt đầu—chẳng phải họ đã từng đề cập ít nhiều về những vấn đề này hay sao?

34 Chẳng phải họ đã từng bảo rằng, chính Thượng Đế sẽ xuống giữa con cái loài người, sẽ mang hình thể loài người, và sẽ đi trên mặt đất này với một quyền năng lớn lao hay sao?

35 Phải, và chẳng phải họ đã từng bảo rằng, Ngài sẽ mang lại sự phục sinh cho người chết, và chính Ngài cũng sẽ chịu sự áp bức và đau khổ hay sao?

For behold, did not Moses prophesy unto them concerning the coming of the Messiah, and that God should redeem his people? Yea, and even all the prophets who have prophesied ever since the world began—have they not spoken more or less concerning these things?

Have they not said that God himself should come down among the children of men, and take upon him the form of man, and go forth in mighty power upon the face of the earth?

Yea, and have they not said also that he should bring to pass the resurrection of the dead, and that he, himself, should be oppressed and afflicted?

## Mô Si A 14

- 1 Phải, Ê Sai không từng nói như vậy sao: Ai đã tin lời rao truyền của chúng tôi, và cánh tay Chúa đã được tỏ ra cho ai?
- 2 Vì người sẽ được lớn lên trước mặt Ngài như một chồi non, và như một cái rễ mọc ra từ đất khô cằn. Người chẳng có hình dung, chẳng có sự đẹp đẽ; và khi chúng ta thấy người, không có sự tốt đẹp nào làm chúng ta ưa thích được.
- 3 Người bị người ta khinh rẻ và ghét bỏ, một người sần khổ và từng trải sự ưu phiền; và chúng ta đã che mặt không muốn nhìn thấy người; người bị khinh rẻ và chúng ta cũng chẳng coi người ra gì.
- 4 Quả thật người đã mang sự đau khổ của chúng ta, và gánh lấy sự sầu muộn của chúng ta; vậy mà chúng ta lại cho rằng người bị Thượng Đế đánh đập và làm cho đau khổ.
- 5 Nhưng người đã bị thương tích vì tội lỗi của chúng ta, người đã bị bầm mình vì những điều bất chính của chúng ta; bởi sự sửa phạt Ngài gánh chịu chúng ta được bình an, và bởi lần roi quất vào người mà chúng ta được lành bệnh.
- 6 Tất cả chúng ta đều như chiên đi lạc; mỗi người chúng ta đều đi theo con đường riêng của mình; và Chúa đã chất sự bất chính của tất cả chúng ta lên mình người.
- 7 Người bị áp bức, và bị khốn khổ, nhưng người chẳng hề mở miệng; người bị dẫn đi như chiên con bị dẫn đến lò sát sinh, và như chiên câm ở trước mặt kẻ hớt lông, người chẳng hề mở miệng.
- 8 Người bị lôi ra từ chốn ngục tù, và từ nơi xét xử; và ai sẽ thuật lại thể hệ của người? Vì người đã bị khai trừ ra khỏi đất người sống; vì sự phạm tội của dân ta mà người phải bị đánh đập.
- 9 Và người đã dựng mồ mình chung với kẻ ác và với kẻ giàu trong cõi chết; vì người chẳng hề làm điều ác, và chẳng nói điều chi dối trá trong miệng mình.
- 10 Thế mà Chúa lấy làm vừa ý để làm thương tổn người; Ngài đã đem sự đau đớn lại cho người. Sau khi đã dâng tâm hồn người làm của lễ chuộc tội thì người sẽ thấy dòng dõi mình, người sẽ làm cho những ngày của mình dài thêm ra, và ý chỉ Chúa sẽ nhờ tay người được thịnh đạt.

## Mosiah 14

Yea, even doth not Isaiah say: Who hath believed our report, and to whom is the arm of the Lord revealed?

For he shall grow up before him as a tender plant, and as a root out of dry ground; he hath no form nor comeliness; and when we shall see him there is no beauty that we should desire him.

He is despised and rejected of men; a man of sorrows, and acquainted with grief; and we hid as it were our faces from him; he was despised, and we esteemed him not.

Surely he has borne our griefs, and carried our sorrows; yet we did esteem him stricken, smitten of God, and afflicted.

But he was wounded for our transgressions, he was bruised for our iniquities; the chastisement of our peace was upon him; and with his stripes we are healed.

All we, like sheep, have gone astray; we have turned every one to his own way; and the Lord hath laid on him the iniquities of us all.

He was oppressed, and he was afflicted, yet he opened not his mouth; he is brought as a lamb to the slaughter, and as a sheep before her shearers is dumb so he opened not his mouth.

He was taken from prison and from judgment; and who shall declare his generation? For he was cut off out of the land of the living; for the transgressions of my people was he stricken.

And he made his grave with the wicked, and with the rich in his death; because he had done no evil, neither was any deceit in his mouth.

Yet it pleased the Lord to bruise him; he hath put him to grief; when thou shalt make his soul an offering for sin he shall see his seed, he shall prolong his days, and the pleasure of the Lord shall prosper in his hand.

11 Ngài sẽ thấy sự khốn khổ của tâm hồn người và sẽ lấy làm thỏa mãn. Tội tớ ngay chính của ta sẽ nhờ sự hiểu biết của mình làm cho nhiều người được biện minh; vì người sẽ gánh lấy những điều bất chính của họ.

12 Vậy nên ta sẽ chia cho người một phần với những vĩ nhân, và người sẽ chia của chiếm được với những kẻ mạnh; vì người đã trút hết tâm hồn mình cho đến chết; và người đã bị kể vào hàng những kẻ phạm tội; và người đã mang lấy tội lỗi của nhiều người, cùng can thiệp cho những kẻ phạm tội.

He shall see the travail of his soul, and shall be satisfied; by his knowledge shall my righteous servant justify many; for he shall bear their iniquities.

Therefore will I divide him a portion with the great, and he shall divide the spoil with the strong; because he hath poured out his soul unto death; and he was numbered with the transgressors; and he bore the sins of many, and made intercession for the transgressors.

## Mô Si A 15

- 1 Và giờ đây A Bi Na Đi bảo họ rằng: Ta muốn các người hiểu rằng chính Thượng Đế sẽ đến giữa con cái loài người, và sẽ cứu chuộc dân Ngài.
- 2 Và vì Ngài sống trong xác thịt nên được gọi là Vị Nam Tử của Thượng Đế, và vì xác thịt ấy lệ thuộc vào ý muốn của Đức Chúa Cha, nên Ngài là Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con—
- 3 Gọi là Đức Chúa Cha vì Ngài được sinh ra bởi quyền năng của Thượng Đế; và gọi là Đức Chúa Con vì bởi xác thịt; do đó Ngài trở thành Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con—
- 4 Và cả hai là một Thượng Đế, phải, đó chính là Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu của trời đất.
- 5 Và do đó xác thịt trở nên lệ thuộc Thánh Linh, hay Đức Chúa Con lệ thuộc Đức Chúa Cha, mà cả hai chỉ là một Thượng Đế, chịu cám dỗ, và không nhượng bộ cám dỗ, nhưng chịu để cho dân mình nhạo báng, đánh đập, đuổi xua, và khước từ mình.
- 6 Và sau khi đã chịu đựng tất cả những điều này, sau khi đã làm biết bao phép lạ lớn lao giữa con cái loài người, Ngài sẽ bị dẫn đi, phải, đúng theo như lời Ê Sai đã nói, như chiên câm trước mặt kẻ xén lông, Ngài chẳng hề mở miệng.
- 7 Phải, Ngài sẽ bị dẫn đi, bị đóng đinh trên thập tự giá, và bị giết chết, xác thịt trở nên lệ thuộc sự chết, và ý muốn của Đức Chúa Con lọt vào trong ý muốn của Đức Chúa Cha.
- 8 Và như vậy Thượng Đế sẽ cắt đứt những dây trói buộc của sự chết, vì Ngài đã chiến thắng được sự chết; và Ngài ban cho Đức Chúa Con quyền năng để can thiệp cho con cái loài người—
- 9 Và Ngài đã thăng lên trời, và lòng Ngài chứa đầy sự thương xót, và Ngài tràn đầy những nỗi lòng thương hại đối với con cái loài người; và Ngài đã đứng trung gian giữa họ và công lý; và Ngài đã bứt những dây trói buộc của sự chết và chịu gánh vác phần mình những điều bất chính và phạm giới của họ, và đã cứu chuộc họ cùng đáp ứng những đòi hỏi của công lý.

## Mosiah 15

And now Abinadi said unto them: I would that ye should understand that God himself shall come down among the children of men, and shall redeem his people.

And because he dwelleth in flesh he shall be called the Son of God, and having subjected the flesh to the will of the Father, being the Father and the Son—

The Father, because he was conceived by the power of God; and the Son, because of the flesh; thus becoming the Father and Son—

And they are one God, yea, the very Eternal Father of heaven and of earth.

And thus the flesh becoming subject to the Spirit, or the Son to the Father, being one God, suffereth temptation, and yieldeth not to the temptation, but suffereth himself to be mocked, and scourged, and cast out, and disowned by his people.

And after all this, after working many mighty miracles among the children of men, he shall be led, yea, even as Isaiah said, as a sheep before the shearer is dumb, so he opened not his mouth.

Yea, even so he shall be led, crucified, and slain, the flesh becoming subject even unto death, the will of the Son being swallowed up in the will of the Father.

And thus God breaketh the bands of death, having gained the victory over death; giving the Son power to make intercession for the children of men—

Having ascended into heaven, having the bowels of mercy; being filled with compassion towards the children of men; standing betwixt them and justice; having broken the bands of death, taken upon himself their iniquity and their transgressions, having redeemed them, and satisfied the demands of justice.

- 10 Và giờ đây ta nói cho các người hay, ai sẽ thuật lại thể hệ của Ngài? Nay, ta nói cho các người hay rằng, khi mà tâm hồn Ngài được hiến dâng làm của lễ chuộc tội, thì Ngài sẽ thấy dòng dõi của Ngài. Và giờ đây các người bảo sao? Ai sẽ là dòng dõi của Ngài?
- 11 Nay, ta nói cho các người hay rằng, bất cứ ai đã được nghe những lời nói của các vị tiên tri, phải, tất cả các thánh tiên tri đã nói tiên tri về sự hiện đến của Chúa—ta nói cho các người hay rằng, tất cả những ai đã nghe theo những lời của họ, và tin rằng Chúa sẽ cứu chuộc dân Ngài, cùng trông chờ ngày đó để được xá miễn tội lỗi của mình, thì ta nói cho các người hay rằng, chính những người này là dòng dõi của Ngài vậy, hay họ chính là những người sẽ thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế.
- 12 Vì chính những người này đã được Ngài gánh tội lỗi của họ; họ là những người mà Ngài đã chết để cứu chuộc họ khỏi những điều phạm giới của họ. Và này, như vậy họ chẳng phải là dòng dõi của Ngài sao?
- 13 Phải, và chẳng phải các vị tiên tri, mọi người đều đã mở miệng ra để tiên tri và không sa vào vòng phạm giới, ý ta muốn nói tất cả các thánh tiên tri kể từ lúc thế gian mới bắt đầu? Tôi nói cho các người hay rằng, họ là dòng dõi của Ngài.
- 14 Và chính những vị này là những người đã rao truyền sự bình an, là những người đã đem lại tin lành về điều tốt, là những người đã rao truyền sự cứu rỗi, và đã nói với Si Ôn rằng: Thượng Đế của người đang trị vì!
- 15 Ôi trên các núi, gót chân của họ xinh đẹp dường nào!
- 16 Và lại nữa, trên các núi, xinh đẹp làm sao gót chân của những vị đang rao truyền sự bình an!
- 17 Và lại nữa, trên các núi, xinh đẹp làm sao gót chân của những vị sẽ rao truyền sự bình an từ nay và mãi mãi về sau!
- 18 Và này, ta nói cho các người hay, như thế cũng chưa phải là hết. Vì trên các núi, xinh đẹp làm sao gót chân của Đấng sẽ đem lại tin lành, đó là Đấng sáng lập sự bình an, phải, tức là Chúa, Đấng đã cứu chuộc dân Ngài; phải, là Đấng đã ban sự cứu rỗi cho dân Ngài;

And now I say unto you, who shall declare his generation? Behold, I say unto you, that when his soul has been made an offering for sin he shall see his seed. And now what say ye? And who shall be his seed?

Behold I say unto you, that whosoever has heard the words of the prophets, yea, all the holy prophets who have prophesied concerning the coming of the Lord—I say unto you, that all those who have hearkened unto their words, and believed that the Lord would redeem his people, and have looked forward to that day for a remission of their sins, I say unto you, that these are his seed, or they are the heirs of the kingdom of God.

For these are they whose sins he has borne; these are they for whom he has died, to redeem them from their transgressions. And now, are they not his seed?

Yea, and are not the prophets, every one that has opened his mouth to prophesy, that has not fallen into transgression, I mean all the holy prophets ever since the world began? I say unto you that they are his seed.

And these are they who have published peace, who have brought good tidings of good, who have published salvation; and said unto Zion: Thy God reigneth!

And O how beautiful upon the mountains were their feet!

And again, how beautiful upon the mountains are the feet of those that are still publishing peace!

And again, how beautiful upon the mountains are the feet of those who shall hereafter publish peace, yea, from this time henceforth and forever!

And behold, I say unto you, this is not all. For O how beautiful upon the mountains are the feet of him that bringeth good tidings, that is the founder of peace, yea, even the Lord, who has redeemed his people; yea, him who has granted salvation unto his people;

- 19 Vì nếu không có sự cứu chuộc mà Ngài đã thực hiện cho dân Ngài, và đã được sửa soạn từ lúc thế gian mới được tạo dựng, tôi nói cho các người hay, nếu không có sự cứu chuộc ấy thì toàn thể nhân loại chắc phải bị diệt vong hết.
- 20 Nhưng này, những dây trói buộc của sự chết sẽ bị cắt đứt, và Đức Chúa Con sẽ trị vì và có quyền năng đối với kẻ chết; vì thế, Ngài sẽ mang lại sự phục sinh cho kẻ chết.
- 21 Và sự phục sinh sẽ đến, đó là sự phục sinh lần thứ nhất; phải, đó là sự phục sinh của những kẻ đã sống, đang sống, và sẽ sống, cho tới khi có sự phục sinh của Đấng Ky Tô—vì Ngài sẽ được gọi như vậy.
- 22 Và này, sự phục sinh của tất cả các vị tiên tri, và của tất cả những ai đã tin những lời nói của họ, hay tất cả những ai đã tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, đều được sống lại trong lần phục sinh thứ nhất; vậy nên, họ là những người phục sinh đầu tiên.
- 23 Họ được sống lại để ở với Thượng Đế là Đấng đã cứu chuộc họ; do đó họ có được cuộc sống vĩnh cửu nhờ Đấng Ky Tô, là Đấng đã cắt đứt những dây trói buộc của sự chết.
- 24 Và những người này là những người được dự phần vào lần phục sinh thứ nhất; và họ là những người đã chết trước khi Đấng Ky Tô đến, họ đã chết trong sự vô tri vì sự cứu rỗi chưa được rao truyền cho họ biết. Vậy nên Chúa mới thực hiện sự phục hồi cho những người này, và họ được dự phần trong lần phục sinh thứ nhất, hay có được cuộc sống vĩnh cửu, sau khi được Chúa cứu chuộc.
- 25 Và trẻ thơ có được cuộc sống vĩnh cửu.
- 26 Nhưng này, hãy kính sợ và run rẩy trước mặt Thượng Đế, vì các người phải run rẩy như vậy; vì Chúa không cứu chuộc những kẻ phản nghịch chống lại Ngài và chết trong tội lỗi của mình; phải, ngay cả tất cả những kẻ đã chết trong tội lỗi từ khi thế gian mới bắt đầu, những kẻ cố ý phản nghịch chống lại Thượng Đế, những kẻ đã biết những lệnh truyền của Thượng Đế nhưng lại không tuân theo; họ là những kẻ không được dự phần vào lần phục sinh thứ nhất đó.

For were it not for the redemption which he hath made for his people, which was prepared from the foundation of the world, I say unto you, were it not for this, all mankind must have perished.

But behold, the bands of death shall be broken, and the Son reigneth, and hath power over the dead; therefore, he bringeth to pass the resurrection of the dead.

And there cometh a resurrection, even a first resurrection; yea, even a resurrection of those that have been, and who are, and who shall be, even until the resurrection of Christ—for so shall he be called.

And now, the resurrection of all the prophets, and all those that have believed in their words, or all those that have kept the commandments of God, shall come forth in the first resurrection; therefore, they are the first resurrection.

They are raised to dwell with God who has redeemed them; thus they have eternal life through Christ, who has broken the bands of death.

And these are those who have part in the first resurrection; and these are they that have died before Christ came, in their ignorance, not having salvation declared unto them. And thus the Lord bringeth about the restoration of these; and they have a part in the first resurrection, or have eternal life, being redeemed by the Lord.

And little children also have eternal life.

But behold, and fear, and tremble before God, for ye ought to tremble; for the Lord redeemeth none such that rebel against him and die in their sins; yea, even all those that have perished in their sins ever since the world began, that have wilfully rebelled against God, that have known the commandments of God, and would not keep them; these are they that have no part in the first resurrection.

27 Như vậy, các người không thấy phải run sợ sao? Vì sự cứu rỗi sẽ không đến với những kẻ như vậy; vì Chúa đã không cứu chuộc cho những kẻ nào như vậy; phải, Chúa không thể nào cứu những kẻ như vậy, vì Ngài không thể phủ nhận chính mình; vì Ngài không thể phủ nhận công lý một khi nó có quyền đòi hỏi quyền riêng của nó.

28 Và giờ đây ta nói cho các người hay rằng, sẽ đến lúc sự cứu rỗi của Chúa được rao truyền đến mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc.

29 Phải, hỡi Chúa, những người canh gác của Ngài sẽ cùng cất tiếng lên; họ sẽ cùng nhau cất tiếng xướng ca; vì họ sẽ thấy tận mắt khi Chúa đem Si Ôn trở lại.

30 Hỡi những nơi hoang vắng của Giê Ru Sa Lem, hãy hoan hỷ, hãy cùng nhau ca hát; vì Chúa đã an ủi dân Ngài, Ngài đã cứu chuộc Giê Ru Sa Lem.

31 Chúa đã tỏ trần cánh tay thánh của Ngài trước mắt tất cả các quốc gia; và khắp mọi nơi tận cùng của trái đất sẽ thấy sự cứu rỗi của Thượng Đế chúng ta.

Therefore ought ye not to tremble? For salvation cometh to none such; for the Lord hath redeemed none such; yea, neither can the Lord redeem such; for he cannot deny himself; for he cannot deny justice when it has its claim.

And now I say unto you that the time shall come that the salvation of the Lord shall be declared to every nation, kindred, tongue, and people.

Yea, Lord, thy watchmen shall lift up their voice; with the voice together shall they sing; for they shall see eye to eye, when the Lord shall bring again Zion.

Break forth into joy, sing together, ye waste places of Jerusalem; for the Lord hath comforted his people, he hath redeemed Jerusalem.

The Lord hath made bare his holy arm in the eyes of all the nations; and all the ends of the earth shall see the salvation of our God.



## Mô Si A 16

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, sau khi A Bi Na Đi nói xong những lời này, ông bèn dang tay ra mà bảo: Sẽ đến lúc mọi người được thấy sự cứu rỗi của Chúa; khi mà mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ và dân tộc sẽ được thấy tận mắt, và sẽ thú nhận trước mặt Thượng Đế rằng, những sự phán xét của Ngài thì công bình.
- 2 Và rồi lúc ấy những kẻ độc ác sẽ bị khai trừ, và chúng sẽ có lý do để gào thét, khóc than, rên rỉ và nghiến răng; và sở dĩ như vậy vì chúng không chịu nghe theo tiếng nói của Chúa; do đó Chúa sẽ không cứu chuộc chúng.
- 3 Vì chúng là những kẻ sống theo xác thịt và quỷ quái, và quỷ dữ có quyền hành đối với chúng; phải, nó chính là con rắn xưa đã lừa dối tổ tiên chúng ta, việc đó là nguyên nhân của sự sa ngã của họ; sự sa ngã này là nguyên nhân khiến cho tất cả nhân loại trở nên xác thịt, nhục dục, quỷ quái, biết phân biệt thiện ác, nhưng lại tự đem mình lệ thuộc vào quỷ dữ.
- 4 Vì lẽ đó mà tất cả nhân loại đều lạc lối; và này, họ đã vĩnh viễn thất lạc nếu không nhờ Thượng Đế cứu chuộc dân Ngài thoát khỏi trạng thái lạc lối và sa ngã.
- 5 Nhưng hãy ghi nhớ rằng, kẻ nào cố duy trì bản chất xác thịt của mình và tiếp tục đi vào đường tội lỗi cùng phản nghịch Thượng Đế, thì kẻ đó vẫn còn ở trong trạng thái sa ngã của mình, và quỷ dữ vẫn còn đủ quyền hành đối với họ. Vì thế, đối với kẻ ấy, sự cứu chuộc sẽ xem như không có, vì họ là kẻ thù của Thượng Đế; và quỷ dữ cũng là kẻ thù của Thượng Đế.
- 6 Và này, nếu Đấng Ky Tô không đến thế gian, nói những điều sẽ xảy đến như thể là đã xảy ra rồi, thì sự cứu chuộc đã không thể nào có được.
- 7 Và nếu Đấng Ky Tô không sống lại từ cõi chết, hay không cắt đứt những dây trói buộc của sự chết để cho nắm mồ không còn sự đắc thắng nữa, và sự chết không còn nọc độc nữa, thì làm sao có sự phục sinh được.
- 8 Nhưng có sự phục sinh, vì thế mà mồ mả không còn sự đắc thắng được nữa, và nọc của sự chết đã bị nuốt mất trong Đấng Ky Tô.

## Mosiah 16

And now, it came to pass that after Abinadi had spoken these words he stretched forth his hand and said: The time shall come when all shall see the salvation of the Lord; when every nation, kindred, tongue, and people shall see eye to eye and shall confess before God that his judgments are just.

And then shall the wicked be cast out, and they shall have cause to howl, and weep, and wail, and gnash their teeth; and this because they would not hearken unto the voice of the Lord; therefore the Lord redeemeth them not.

For they are carnal and devilish, and the devil has power over them; yea, even that old serpent that did beguile our first parents, which was the cause of their fall; which was the cause of all mankind becoming carnal, sensual, devilish, knowing evil from good, subjecting themselves to the devil.

Thus all mankind were lost; and behold, they would have been endlessly lost were it not that God redeemed his people from their lost and fallen state.

But remember that he that persists in his own carnal nature, and goes on in the ways of sin and rebellion against God, remaineth in his fallen state and the devil hath all power over him. Therefore he is as though there was no redemption made, being an enemy to God; and also is the devil an enemy to God.

And now if Christ had not come into the world, speaking of things to come as though they had already come, there could have been no redemption.

And if Christ had not risen from the dead, or have broken the bands of death that the grave should have no victory, and that death should have no sting, there could have been no resurrection.

But there is a resurrection, therefore the grave hath no victory, and the sting of death is swallowed up in Christ.

- 9 Ngài là sự sáng và sự sống của thế gian; phải, một sự sáng bất tận, không bao giờ có thể bị lu mờ được; phải, và cũng là một sự sống bất tận, để không thể có sự chết được nữa.
- 10 Ngay cả thể xác hữu diệt này cũng sẽ khoác lên sự bất diệt và sự hư nát này cũng sẽ khoác lên sự không hư nát, và sẽ được dẫn đến đứng trước rào phán xét của Thượng Đế để Ngài xét xử tùy theo những việc làm của mình, dù cho đó là những việc làm thiện hay ác—
- 11 Nếu là những việc làm thiện thì sẽ được phục sinh với một cuộc sống bất tận và hạnh phúc; và nếu là những việc làm ác thì sẽ phục sinh với sự đoán phạt bất tận, bị trao cho quỷ dữ là kẻ đã chinh phục được họ, và đó là sự đoán phạt vậy—
- 12 Họ đã buông mình theo những sở thích và những ham muốn xác thịt của họ; và vì họ chẳng bao giờ biết khẩn cầu đến Chúa trong lúc cánh tay thương xót của Ngài vẫn còn dang ra cho họ; vì cánh tay xót thương của Ngài đã dang ra cho họ, nhưng họ không nắm lấy; họ đã được cảnh cáo về những điều bất chính của họ, nhưng họ không chịu từ bỏ; và họ đã được truyền lệnh phải hối cải, nhưng họ vẫn không chịu hối cải.
- 13 Và giờ đây, các người không thấy run sợ và hối cải tội lỗi của mình hay sao, và không đáng ghi nhớ rằng, chỉ trong và qua Đấng Ky Tô các người mới có thể được cứu hay sao?
- 14 Vì thế, nếu các người có giảng dạy luật pháp Môi Se thì cũng nên giảng dạy rằng luật pháp ấy là hình bóng của những điều sẽ xảy đến—
- 15 Hãy dạy họ biết rằng sự cứu chuộc có được là nhờ Đấng Ky Tô, là Chúa, và Ngài chính là Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu. A Men.

He is the light and the life of the world; yea, a light that is endless, that can never be darkened; yea, and also a life which is endless, that there can be no more death.

Even this mortal shall put on immortality, and this corruption shall put on incorruption, and shall be brought to stand before the bar of God, to be judged of him according to their works whether they be good or whether they be evil—

If they be good, to the resurrection of endless life and happiness; and if they be evil, to the resurrection of endless damnation, being delivered up to the devil, who hath subjected them, which is damnation—

Having gone according to their own carnal wills and desires; having never called upon the Lord while the arms of mercy were extended towards them; for the arms of mercy were extended towards them, and they would not; they being warned of their iniquities and yet they would not depart from them; and they were commanded to repent and yet they would not repent.

And now, ought ye not to tremble and repent of your sins, and remember that only in and through Christ ye can be saved?

Therefore, if ye teach the law of Moses, also teach that it is a shadow of those things which are to come—

Teach them that redemption cometh through Christ the Lord, who is the very Eternal Father. Amen.

## Mô Si A 17

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi A Bi Na Đi nói xong những lời này, vua ra lệnh cho các thầy tư tế dẫn ông đi để xử tử ông.
- 2 Nhưng trong số bọn chúng có một người tên là An Ma, ông cũng là con cháu của Nê Phi. Và ông là một người trẻ tuổi, và tin những lời A Bi Na Đi đã nói, vì ông biết những điều bất chính mà A Bi Na Đi đã làm chứng chống lại chúng; vậy nên ông bắt đầu van xin vua đừng tức giận A Bi Na Đi, mà hãy để cho ông ta ra đi yên lành.
- 3 Nhưng vua lại tức giận thêm, và ra lệnh đuổi An Ma ra khỏi bọn chúng, và còn sai các tội tớ của mình đuổi theo để giết ông.
- 4 Nhưng ông đã chạy thoát khỏi bọn chúng và ẩn mình khiến chúng không tìm thấy ông được. Và trong nhiều ngày ẩn trốn ấy, ông đã viết lại những lời A Bi Na Đi đã nói.
- 5 Và chuyện rằng, vua sai các vệ binh vây bắt A Bi Na Đi; rồi chúng trói ông và đem ông bỏ vào ngục thất.
- 6 Và ba ngày sau, khi đã bàn luận xong với các thầy tư tế của mình, vua lại sai dẫn A Bi Na Đi đến trước mặt mình.
- 7 Và vua bảo ông rằng: A Bi Na Đi, chúng ta đã tìm được lời buộc tội người rồi, người thật đáng chết.
- 8 Vì người bảo rằng, chính Thượng Đế sẽ giáng xuống giữa con cái loài người; và này, chính vì lời nói đó mà người phải bị xử tử nếu người không rút lại tất cả những lời mà người đã nói điềm dữ về ta và dân ta.
- 9 Thế rồi A Bi Na Đi đã đáp rằng: Ta nói cho người hay, ta không rút lại những lời mà ta đã nói với người về dân này, vì những lời nói đó là chân thật; và để người biết được sự thật của những lời nói đó, ta đã chịu trao mạng sống của ta vào tay người.

## Mosiah 17

And now it came to pass that when Abinadi had finished these sayings, that the king commanded that the priests should take him and cause that he should be put to death.

But there was one among them whose name was Alma, he also being a descendant of Nephi. And he was a young man, and he believed the words which Abinadi had spoken, for he knew concerning the iniquity which Abinadi had testified against them; therefore he began to plead with the king that he would not be angry with Abinadi, but suffer that he might depart in peace.

But the king was more wroth, and caused that Alma should be cast out from among them, and sent his servants after him that they might slay him.

But he fled from before them and hid himself that they found him not. And he being concealed for many days did write all the words which Abinadi had spoken.

And it came to pass that the king caused that his guards should surround Abinadi and take him; and they bound him and cast him into prison.

And after three days, having counseled with his priests, he caused that he should again be brought before him.

And he said unto him: Abinadi, we have found an accusation against thee, and thou art worthy of death.

For thou hast said that God himself should come down among the children of men; and now, for this cause thou shalt be put to death unless thou wilt recall all the words which thou hast spoken evil concerning me and my people.

Now Abinadi said unto him: I say unto you, I will not recall the words which I have spoken unto you concerning this people, for they are true; and that ye may know of their surety I have suffered myself that I have fallen into your hands.

- 10 Phải, ta sẽ chịu đau đớn cho đến chết, và ta nhất quyết không rút lại những lời nói của ta, và những lời nói của ta sẽ là một bằng chứng chống lại người. Và nếu người giết chết ta tức là người đã làm đổ máu kẻ vô tội, và điều này sẽ là một bằng chứng chống lại người vào ngày sau cùng.
- 11 Và thế rồi, vua Nô Ê gần như sắp thả ông ra, vì vua sợ lời nói của ông. Vì vua sợ rằng những sự đoán phạt của Thượng Đế sẽ đến với mình.
- 12 Nhưng các thầy tư tế đã cất tiếng chống lại A Bi Na Đì, và bắt đầu buộc tội ông với lời rằng: Hắn đã nhục mạ vua. Thế là vua bị kích động nổi cơn tức giận ông, vua giao ông cho bọn chúng để ông bị giết chết.
- 13 Và chuyện rằng, chúng bắt ông trói lại, và lấy các bó củi đốt da ông, phải, họ đốt ông đến chết.
- 14 Và bây giờ, khi ngọn lửa bắt đầu cháy đến người ông, ông liền thét lên mà bảo chúng rằng:
- 15 Đây, những điều gì các người làm cho ta, thì sau này dòng dõi các người cũng sẽ khiến cho nhiều người phải chịu sự đau đớn mà ta đang chịu đựng, ngay cả sự đau đớn của cái chết vì bị lửa thiêu đốt; và điều này cũng vì họ tin vào sự cứu rỗi của Chúa, Thượng Đế của họ.
- 16 Và chuyện rằng, các người sẽ bị đau đớn với đủ các thứ bệnh tật vì những điều bất chính của các người.
- 17 Phải, các người sẽ bị đánh từ mọi hướng, và sẽ bị xua đuổi và phân tử tán khắp nơi, chẳng khác chi bầy gia súc hoang hốt, bị các thú rừng hung dữ săn đuổi.
- 18 Và vào ngày ấy các người sẽ bị săn đuổi, và các người sẽ bị kẻ thù của mình bắt được, và lúc ấy các người sẽ phải chịu đau đớn chẳng khác chi ta đang chịu sự đau đớn của cái chết vì bị lửa thiêu đốt.
- 19 Thượng Đế sẽ thi hành việc trả thù như vậy đối với những kẻ sát hại dân Ngài. Hỡi Thượng Đế, xin tiếp nhận linh hồn con.
- 20 Và thế rồi, khi A Bi Na Đì nói xong những lời này, ông ngã xuống, sau khi chịu đựng cái chết vì lửa thiêu; phải, ông đã chịu tử hình vì không chịu chối bỏ những lệnh truyền của Thượng Đế, và đã đóng ấn lẽ thật của lời mình nói bằng cái chết của mình.

Yea, and I will suffer even until death, and I will not recall my words, and they shall stand as a testimony against you. And if ye slay me ye will shed innocent blood, and this shall also stand as a testimony against you at the last day.

And now king Noah was about to release him, for he feared his word; for he feared that the judgments of God would come upon him.

But the priests lifted up their voices against him, and began to accuse him, saying: He has reviled the king. Therefore the king was stirred up in anger against him, and he delivered him up that he might be slain.

And it came to pass that they took him and bound him, and scourged his skin with faggots, yea, even unto death.

And now when the flames began to scorch him, he cried unto them, saying:

Behold, even as ye have done unto me, so shall it come to pass that thy seed shall cause that many shall suffer the pains that I do suffer, even the pains of death by fire; and this because they believe in the salvation of the Lord their God.

And it will come to pass that ye shall be afflicted with all manner of diseases because of your iniquities.

Yea, and ye shall be smitten on every hand, and shall be driven and scattered to and fro, even as a wild flock is driven by wild and ferocious beasts.

And in that day ye shall be hunted, and ye shall be taken by the hand of your enemies, and then ye shall suffer, as I suffer, the pains of death by fire.

Thus God executeth vengeance upon those that destroy his people. O God, receive my soul.

And now, when Abinadi had said these words, he fell, having suffered death by fire; yea, having been put to death because he would not deny the commandments of God, having sealed the truth of his words by his death.

## Mô Si A 18

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, khi An Ma trốn thoát khỏi các tội tở của vua Nô Ê, ông đã hối cải những tội lỗi và những điều bất chính của mình, rồi ông bí mật đến cùng dân chúng và bắt đầu giảng dạy những lời của A Bi Na Đi—
- 2 Phải, về những điều liên quan tới những việc sẽ xảy đến, và luôn cả những điều liên hệ đến sự phục sinh của người chết, cùng sự cứu chuộc dân, là điều sẽ được thực hiện qua quyền năng, những sự thống khổ và cái chết của Đấng Ky Tô, và sự phục sinh cùng sự thăng thiên của Ngài nữa.
- 3 Ông giảng dạy cho tất cả những ai muốn nghe lời của ông. Và ông giảng dạy họ một cách bí mật để vua khỏi biết. Và nhiều người đã tin theo lời ông.
- 4 Và chuyện rằng, tất cả những người tin ông đều đi đến một nơi gọi là Mạc Môn, đặt tên theo một vị vua ở gần biên giới xứ này, là một xứ có dã thú thường đến quấy phá từng lúc hoặc từng mùa.
- 5 Bây giờ, tại Mạc Môn có một con suối nước trong, và An Ma đã ẩn náu tại đó, vì gần bên suối có một cánh rừng cây nhỏ rậm rạp, nơi ông trốn lúc ban ngày để tránh những cuộc truy nã của vua.
- 6 Và chuyện rằng, tất cả những người tin ông đều đến đó để nghe lời ông giảng.
- 7 Và chuyện rằng, sau nhiều ngày, có một số rất đông người đến tụ họp tại Mạc Môn để nghe lời An Ma giảng. Phải, tất cả những ai tin lời của ông đều tụ họp lại đó để nghe ông giảng. Và ông đã giảng dạy họ, và đã thuyết giảng cho họ nghe về sự hối cải, sự cứu chuộc và đức tin nơi Chúa.
- 8 Và chuyện rằng, ông bảo họ rằng: Đây, đây là dòng suối Mạc Môn (vì đó là tên gọi dòng suối ấy) và giờ đây, vì các người muốn gia nhập đàn chiên của Thượng Đế và để được gọi là dân Ngài, và sẵn lòng mang gánh nặng lẫn nhau để cho gánh nặng ấy được nhẹ nhàng;

## Mosiah 18

And now, it came to pass that Alma, who had fled from the servants of king Noah, repented of his sins and iniquities, and went about privately among the people, and began to teach the words of Abinadi—

Yea, concerning that which was to come, and also concerning the resurrection of the dead, and the redemption of the people, which was to be brought to pass through the power, and sufferings, and death of Christ, and his resurrection and ascension into heaven.

And as many as would hear his word he did teach. And he taught them privately, that it might not come to the knowledge of the king. And many did believe his words.

And it came to pass that as many as did believe him did go forth to a place which was called Mormon, having received its name from the king, being in the borders of the land having been infested, by times or at seasons, by wild beasts.

Now, there was in Mormon a fountain of pure water, and Alma resorted thither, there being near the water a thicket of small trees, where he did hide himself in the daytime from the searches of the king.

And it came to pass that as many as believed him went thither to hear his words.

And it came to pass after many days there were a goodly number gathered together at the place of Mormon, to hear the words of Alma. Yea, all were gathered together that believed on his word, to hear him. And he did teach them, and did preach unto them repentance, and redemption, and faith on the Lord.

And it came to pass that he said unto them: Behold, here are the waters of Mormon (for thus were they called) and now, as ye are desirous to come into the fold of God, and to be called his people, and are willing to bear one another's burdens, that they may be light;

9 Phải, và sẵn sàng than khóc với những ai than khóc; phải, và an ủi những ai cần được an ủi, và đứng lên làm nhân chứng cho Thượng Đế bất cứ lúc nào, trong bất cứ việc gì, và ở bất cứ nơi đâu mà các người hiện diện, cho đến khi chết, ngõ hầu các người có thể được Thượng Đế cứu chuộc và được tính chung với những người thuộc về lần phục sinh thứ nhất, để các người có được cuộc sống vĩnh cửu—

10 Giờ đây tôi nói cho các người hay, nếu đây là điều mong muốn trong lòng các người, thì có việc gì làm cản trở các người được báp têm trong danh Chúa, để chứng tỏ trước mặt Ngài rằng, các người đã lập giao ước với Ngài, rằng các người sẽ phụng sự Ngài và tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, để Ngài có thể trút Thánh Linh của Ngài xuống các người một cách dồi dào hơn chăng?

11 Và giờ đây khi dân chúng nghe những lời này, họ liền vỗ tay vui mừng mà reo lên rằng: Đây chính là điều mong muốn trong lòng chúng tôi.

12 Và giờ đây chuyện rằng, An Ma dẫn Hê Lam là một trong những người đến đầu tiên, bước xuống và đứng trong nước và nói lớn lên rằng: Thừa Chúa, xin trút Thánh Linh của Ngài xuống tôi tớ của Ngài đây, để cho tôi tớ này có thể thực hành công việc này với một tâm lòng thánh thiện.

13 Và khi ông nói xong những lời này, thì Thánh Linh của Chúa đã đến với ông, và ông cất tiếng nói rằng: Hỡi Hê Lam, với tư cách là người có được thẩm quyền của Thượng Đế Toàn Năng, tôi làm phép báp têm cho anh, để làm chứng rằng, anh đã lập giao ước là sẽ phục vụ Ngài cho đến khi thể xác hữu diệt của anh chết đi; và cầu xin Thánh Linh của Chúa trút xuống anh; và xin Ngài hãy ban cho anh một cuộc sống vĩnh cửu, qua sự cứu chuộc của Đấng Kỳ Tô, là Đấng đã được Ngài chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng.

14 Và sau khi An Ma nói xong những lời này, thì cả An Ma lẫn Hê Lam đều chìm mình xuống nước; và rồi cả hai đều đứng lên và bước ra khỏi suối nước, trong lòng đầy hoan hỷ vì đã được đầy dẫy Thánh Linh.

Yea, and are willing to mourn with those that mourn; yea, and comfort those that stand in need of comfort, and to stand as witnesses of God at all times and in all things, and in all places that ye may be in, even until death, that ye may be redeemed of God, and be numbered with those of the first resurrection, that ye may have eternal life—

Now I say unto you, if this be the desire of your hearts, what have you against being baptized in the name of the Lord, as a witness before him that ye have entered into a covenant with him, that ye will serve him and keep his commandments, that he may pour out his Spirit more abundantly upon you?

And now when the people had heard these words, they clapped their hands for joy, and exclaimed: This is the desire of our hearts.

And now it came to pass that Alma took Helam, he being one of the first, and went and stood forth in the water, and cried, saying: O Lord, pour out thy Spirit upon thy servant, that he may do this work with holiness of heart.

And when he had said these words, the Spirit of the Lord was upon him, and he said: Helam, I baptize thee, having authority from the Almighty God, as a testimony that ye have entered into a covenant to serve him until you are dead as to the mortal body; and may the Spirit of the Lord be poured out upon you; and may he grant unto you eternal life, through the redemption of Christ, whom he has prepared from the foundation of the world.

And after Alma had said these words, both Alma and Helam were buried in the water; and they arose and came forth out of the water rejoicing, being filled with the Spirit.

- 15 Và tiếp đó, An Ma dẫn người thứ hai xuống nước, và báp têm cho người này giống như người thứ nhất, nhưng ông không tự chìm mình xuống nước nữa.
- 16 Và theo cách thức này, ông lần lượt báp têm cho mọi người đã đến khu vực Mặc Môn; và tất cả đếm được hai trăm lẻ bốn người; và những người này đều được báp têm trong dòng suối Mặc Môn, và đều được tràn đầy ân điển của Thượng Đế.
- 17 Và kể từ đó họ được gọi là giáo hội của Thượng Đế, hay là giáo hội của Đấng Ky Tô. Và chuyện rằng, bất cứ ai đã được báp têm bởi quyền năng và thẩm quyền của Thượng Đế đều được tính vào số tín hữu của giáo hội của Ngài.
- 18 Và chuyện rằng, với thẩm quyền của Thượng Đế, An Ma đã sắc phong các thầy tư tế; cứ mỗi nhóm năm chục người thì ông sắc phong một thầy tư tế để thuyết giáo và giảng dạy họ những điều liên quan đến vương quốc của Thượng Đế.
- 19 Và ông ra lệnh cho họ không được giảng dạy những điều gì ngoài các điều ông đã dạy, và những điều do từ miệng các thánh tiên tri đã nói ra.
- 20 Phải, ông còn ra lệnh cho họ không được thuyết giảng những điều gì khác hơn là sự hối cải và đức tin nơi Chúa, là Đấng đã cứu chuộc dân Ngài.
- 21 Và ông ra lệnh cho họ không được có sự tranh chấp lẫn nhau, mà họ phải nhìn thấy những sự việc một cách giống nhau, phải có một đức tin và một phép báp têm, phải đồng tâm đoàn kết trong tình thương yêu lẫn nhau.
- 22 Và ông đã ra lệnh cho họ phải thuyết giảng như vậy. Và cũng nhờ đó mà họ đã trở thành con cái của Thượng Đế.
- 23 Ông còn ra lệnh cho họ phải tôn trọng ngày Sa Bát, và giữ cho ngày ấy được thánh, và hằng ngày phải tạ ơn Chúa, Thượng Đế của họ.
- 24 Ngoài ra ông còn ra lệnh cho họ rằng, các thầy tư tế mà ông đã sắc phong phải lao động bằng chính tay mình để tự cấp dưỡng.

And again, Alma took another, and went forth a second time into the water, and baptized him according to the first, only he did not bury himself again in the water.

And after this manner he did baptize every one that went forth to the place of Mormon; and they were in number about two hundred and four souls; yea, and they were baptized in the waters of Mormon, and were filled with the grace of God.

And they were called the church of God, or the church of Christ, from that time forward. And it came to pass that whosoever was baptized by the power and authority of God was added to his church.

And it came to pass that Alma, having authority from God, ordained priests; even one priest to every fifty of their number did he ordain to preach unto them, and to teach them concerning the things pertaining to the kingdom of God.

And he commanded them that they should teach nothing save it were the things which he had taught, and which had been spoken by the mouth of the holy prophets.

Yea, even he commanded them that they should preach nothing save it were repentance and faith on the Lord, who had redeemed his people.

And he commanded them that there should be no contention one with another, but that they should look forward with one eye, having one faith and one baptism, having their hearts knit together in unity and in love one towards another.

And thus he commanded them to preach. And thus they became the children of God.

And he commanded them that they should observe the sabbath day, and keep it holy, and also every day they should give thanks to the Lord their God.

And he also commanded them that the priests whom he had ordained should labor with their own hands for their support.

25 Và phải dành riêng một ngày trong tuần để họ tụ họp lại giảng dạy dân chúng, và thờ phượng Chúa, Thượng Đế của họ, và ngoài ra, trong khả năng của họ, họ nên nhóm họp với nhau càng thường xuyên càng tốt.

26 Và các thầy tư tế không được trông cậy dân chúng cấp dưỡng mình; mà chính họ phải lao động để nhận được ân điển của Thượng Đế, ngõ hầu họ được tăng thêm sức mạnh trong Thánh Linh, có được sự hiểu biết về Thượng Đế, để họ có thể giảng dạy với quyền năng và thẩm quyền của Thượng Đế.

27 Và lại nữa, An Ma còn ra lệnh cho dân của giáo hội phải san sẻ tài sản mình, mỗi người tùy theo khả năng mình có; kẻ nào có nhiều thì đóng góp dồi dào hơn; kẻ nào có ít thì đòi hỏi ở họ ít hơn; và kẻ nào chẳng có gì thì ban phát cho họ.

28 Và cứ thế họ cần phải san sẻ tài sản của họ với lòng tự nguyện thể theo sự mong mỏi của mình đối với Thượng Đế, và đối với các thầy tư tế đang thiếu thốn đó, phải, và đối với tất cả những ai đang túng thiếu và đói rách.

29 Và ông nói những điều này cho họ biết vì ông đã được Thượng Đế truyền lệnh; và họ đã bước đi ngay thẳng trước mặt Thượng Đế, san sẻ cho nhau về vật chất lẫn tinh thần, tùy theo sự cần thiết và nhu cầu của họ.

30 Và giờ đây chuyện rằng, tất cả những sự việc này đều đã được thực hiện tại Mặc Môn; phải, bên dòng suối Mặc Môn, trong khu rừng gần dòng suối Mặc Môn; phải, khu vực Mặc Môn, dòng suối Mặc Môn, khu rừng Mặc Môn, những chốn ấy xinh đẹp làm sao dưới mắt những ai đến đó để tìm hiểu về Đấng Cứu Chuộc của họ; phải, và họ có phước biết bao, vì họ sẽ hát lên lời ca ngợi Ngài mãi mãi.

31 Và những sự việc này đã được thực hiện tại biên thùy của xứ đó, để họ không bị nhà vua hay biết tới.

32 Nhưng này, chuyện rằng, khi vua khám phá ra biến chuyển trong dân chúng, ông đã sai các tôi tớ của mình theo dõi họ. Vì thế mà một ngày nọ, khi họ đang tụ họp để nghe giảng lời của Chúa, thì họ bị nhà vua khám phá ra.

And there was one day in every week that was set apart that they should gather themselves together to teach the people, and to worship the Lord their God, and also, as often as it was in their power, to assemble themselves together.

And the priests were not to depend upon the people for their support; but for their labor they were to receive the grace of God, that they might wax strong in the Spirit, having the knowledge of God, that they might teach with power and authority from God.

And again Alma commanded that the people of the church should impart of their substance, every one according to that which he had; if he have more abundantly he should impart more abundantly; and of him that had but little, but little should be required; and to him that had not should be given.

And thus they should impart of their substance of their own free will and good desires towards God, and to those priests that stood in need, yea, and to every needy, naked soul.

And this he said unto them, having been commanded of God; and they did walk uprightly before God, imparting to one another both temporally and spiritually according to their needs and their wants.

And now it came to pass that all this was done in Mormon, yea, by the waters of Mormon, in the forest that was near the waters of Mormon; yea, the place of Mormon, the waters of Mormon, the forest of Mormon, how beautiful are they to the eyes of them who there came to the knowledge of their Redeemer; yea, and how blessed are they, for they shall sing to his praise forever.

And these things were done in the borders of the land, that they might not come to the knowledge of the king.

But behold, it came to pass that the king, having discovered a movement among the people, sent his servants to watch them. Therefore on the day that they were assembling themselves together to hear the word of the Lord they were discovered unto the king.



33 Và thế rồi vua bảo rằng An Ma đã sách động dân chúng nổi lên chống lại vua, vậy nên vua sai quân đến hủy diệt họ.

34 Và chuyện rằng, An Ma cùng dân của Chúa được báo trước việc quân lính của vua sắp tiến tới, nên họ thu dọn lều trại và dẫn gia đình mình ra đi vào vùng hoang dã.

35 Tất cả nhóm họ vào khoảng bốn trăm năm mươi người.

And now the king said that Alma was stirring up the people to rebellion against him; therefore he sent his army to destroy them.

And it came to pass that Alma and the people of the Lord were apprised of the coming of the king's army; therefore they took their tents and their families and departed into the wilderness.

And they were in number about four hundred and fifty souls.

## Mô Si A 19

- 1 Và chuyện rằng, quân đội của nhà vua phải quay trở về sau một cuộc truy tìm dân của Chúa vô hiệu quả.
- 2 Và giờ đây này, các lực lượng của nhà vua quá ít, và đã bị giảm sút, và một sự chia rẽ đã bắt đầu nhóm lên trong số dân chúng còn lại.
- 3 Và một số ít bắt đầu thì thầm những lời hăm dọa vua, và một sự tranh chấp lớn lao đã bắt đầu nhóm lên trong bọn họ.
- 4 Và giờ đây trong bọn họ có một người tên là Ghê Đê Ôn, ông ta là một người có sức mạnh và lại là kẻ thù của vua; vì thế nên ông tuốt gươm ra mà thề trong cơn tức giận rằng, ông sẽ giết chết vua.
- 5 Và chuyện rằng, ông đã đánh nhau với vua; và khi vua thấy ông ta sắp thắng được mình, vua liền thoát chạy và leo lên ngọn tháp gần đền thờ.
- 6 Và Ghê Đê Ôn rượt theo vua, và sắp leo lên ngọn tháp để giết vua, thì lúc ấy vua đưa mắt nhìn về phía xứ Sem Lân, và này, vua trông thấy quân đội La Man đã vượt qua biên thù của xứ ấy.
- 7 Và này, vua liền la lên với nỗi lo lắng trong tâm hồn mình mà rằng: Hỡi Ghê Đê Ôn, hãy tha cho ta, vì dân La Man đang tấn công chúng ta, và chúng sẽ hủy diệt chúng ta; phải, chúng sẽ hủy diệt dân ta.
- 8 Và này, nhà vua không lo lắng gì nhiều cho dân của ông bằng chính mạng sống của ông; tuy vậy Ghê Đê Ôn vẫn tha mạng sống cho vua.
- 9 Và vua ra lệnh cho dân mình phải chạy trốn dân La Man, và chính vua đã dẫn đầu, họ chạy trốn vào vùng hoang dã cùng với vợ con họ.
- 10 Và chuyện rằng, dân La Man đuổi theo họ, chúng bắt kịp và khởi sự tàn sát họ.
- 11 Giờ đây chuyện rằng, vua ra lệnh cho tất cả nam giới phải bỏ vợ con lại mà chạy trốn dân La Man.
- 12 Giờ đây có nhiều người không chịu bỏ vợ con mình lại, nhưng thà chịu ở lại chết chung với họ. Và phần còn lại thì bỏ vợ con lại chạy trốn một mình.

## Mosiah 19

And it came to pass that the army of the king returned, having searched in vain for the people of the Lord.

And now behold, the forces of the king were small, having been reduced, and there began to be a division among the remainder of the people.

And the lesser part began to breathe out threatenings against the king, and there began to be a great contention among them.

And now there was a man among them whose name was Gideon, and he being a strong man and an enemy to the king, therefore he drew his sword, and swore in his wrath that he would slay the king.

And it came to pass that he fought with the king; and when the king saw that he was about to overpower him, he fled and ran and got upon the tower which was near the temple.

And Gideon pursued after him and was about to get upon the tower to slay the king, and the king cast his eyes round about towards the land of Shemlon, and behold, the army of the Lamanites were within the borders of the land.

And now the king cried out in the anguish of his soul, saying: Gideon, spare me, for the Lamanites are upon us, and they will destroy us; yea, they will destroy my people.

And now the king was not so much concerned about his people as he was about his own life; nevertheless, Gideon did spare his life.

And the king commanded the people that they should flee before the Lamanites, and he himself did go before them, and they did flee into the wilderness, with their women and their children.

And it came to pass that the Lamanites did pursue them, and did overtake them, and began to slay them.

Now it came to pass that the king commanded them that all the men should leave their wives and their children, and flee before the Lamanites.

Now there were many that would not leave them, but had rather stay and perish with them. And the rest left their wives and their children and fled.

- 13 Và chuyện rằng, những người ở lại với vợ con bèn cho các con gái xinh đẹp của mình ra van xin dân La Man đừng giết họ.
- 14 Và chuyện rằng, dân La Man tỏ lòng thương hại họ, vì chúng bị sắc đẹp của các phụ nữ ấy quyến rũ.
- 15 Vậy nên dân La Man đã tha mạng cho họ và bắt họ làm phu tù và dẫn họ về xứ Nê Phi, và ban cho họ xứ này để chiếm hữu với điều kiện là họ phải trao vua Nô Ê vào tay dân La Man, và phải nộp tài sản của họ, tức là phân nửa tất cả những gì họ có, phân nửa vàng, bạc, và tất cả những vật quý giá của họ, và họ đã phải triều cống cho vua dân La Man hằng năm như vậy.
- 16 Và giờ đây, trong số những người bị bắt làm phu tù có một trong những người con trai của vua tên là Lim Hi.
- 17 Và giờ đây, Lim Hi không muốn rằng cha mình phải bị hủy diệt; mặc dù Lim Hi cũng biết những điều bất chính của cha mình, vì chính ông là một người công minh.
- 18 Và chuyện rằng, Ghê Đê Ôn bí mật cho người vào vùng hoang dã để dò tìm vua và những người đi theo vua. Và chuyện rằng những người này gặp dân chúng trong vùng hoang dã, tất cả chỉ trừ vua và các thầy tư tế.
- 19 Bây giờ họ đã thề trong lòng rằng, họ sẽ trở về xứ Nê Phi, và nếu vợ con họ đều bị giết chết hết cùng với những người trước kia đã ở lại, thì họ sẽ trả thù và cùng chết theo.
- 20 Nhưng vua đã ra lệnh không cho họ trở về; nên họ rất đỗi tức giận vua và bắt vua phải chịu thống khổ cho đến chết bằng lửa thiêu.
- 21 Và họ cũng định bắt các thầy tư tế để giết luôn, nhưng chúng đã chạy thoát.

And it came to pass that those who tarried with their wives and their children caused that their fair daughters should stand forth and plead with the Lamanites that they would not slay them.

And it came to pass that the Lamanites had compassion on them, for they were charmed with the beauty of their women.

Therefore the Lamanites did spare their lives, and took them captives and carried them back to the land of Nephi, and granted unto them that they might possess the land, under the conditions that they would deliver up king Noah into the hands of the Lamanites, and deliver up their property, even one half of all they possessed, one half of their gold, and their silver, and all their precious things, and thus they should pay tribute to the king of the Lamanites from year to year.

And now there was one of the sons of the king among those that were taken captive, whose name was Limhi.

And now Limhi was desirous that his father should not be destroyed; nevertheless, Limhi was not ignorant of the iniquities of his father, he himself being a just man.

And it came to pass that Gideon sent men into the wilderness secretly, to search for the king and those that were with him. And it came to pass that they met the people in the wilderness, all save the king and his priests.

Now they had sworn in their hearts that they would return to the land of Nephi, and if their wives and their children were slain, and also those that had tarried with them, that they would seek revenge, and also perish with them.

And the king commanded them that they should not return; and they were angry with the king, and caused that he should suffer, even unto death by fire.

And they were about to take the priests also and put them to death, and they fled before them.

- 22 Và chuyện rằng, lúc họ sắp trở về xứ Nê Phi, thì họ gặp những người của Ghê Đê Ôn. Và những người của Ghê Đê Ôn kể cho họ nghe tất cả những gì đã xảy ra cho vợ con họ, và rằng dân La Man đã bằng lòng cho họ chiếm hữu xứ sở bằng cách phải nộp triều cống cho dân La Man phân nửa tất cả những gì họ có.
- 23 Và dân chúng kể lại cho những người của Ghê Đê Ôn hay rằng họ đã giết chết vua, còn các thầy tư tế của vua thì đã trốn chạy vào vùng hoang dã.
- 24 Và chuyện rằng, sau khi hành lễ xong, họ trở về xứ Nê Phi, và rất vui sướng, vì vợ con mình không bị sát hại; và họ kể cho Ghê Đê Ôn nghe những gì họ đã làm đối với vua.
- 25 Và chuyện rằng, vua dân La Man tuyên thệ với họ là dân ông sẽ không sát hại họ.
- 26 Ngoài ra, Lim Hi, là con trai của vua và cũng là người được dân chúng trao cho vương quốc đã tuyên thệ với vua dân La Man rằng, dân ông sẽ triều cống cho vua dân La Man phân nửa tất cả những tài sản họ có.
- 27 Và chuyện rằng, Lim Hi bắt đầu xây dựng vương quốc và thiết lập lại hòa bình trong dân ông.
- 28 Và vua dân La Man phái lính canh quanh xứ để giữ dân của Lim Hi trong xứ, ngõ hầu họ không thể đi vào vùng hoang dã được; và ông đã cấp dưỡng những lính canh này bằng những vật triều cống mà ông nhận được từ dân Nê Phi.
- 29 Và giờ đây vua Lim Hi hưởng được thái bình liên tục trong vương quốc của ông suốt hai năm, vì dân La Man không hề quấy nhiễu hay tìm cách hủy diệt họ.

And it came to pass that they were about to return to the land of Nephi, and they met the men of Gideon. And the men of Gideon told them of all that had happened to their wives and their children; and that the Lamanites had granted unto them that they might possess the land by paying a tribute to the Lamanites of one half of all they possessed.

And the people told the men of Gideon that they had slain the king, and his priests had fled from them farther into the wilderness.

And it came to pass that after they had ended the ceremony, that they returned to the land of Nephi, rejoicing, because their wives and their children were not slain; and they told Gideon what they had done to the king.

And it came to pass that the king of the Lamanites made an oath unto them, that his people should not slay them.

And also Limhi, being the son of the king, having the kingdom conferred upon him by the people, made oath unto the king of the Lamanites that his people should pay tribute unto him, even one half of all they possessed.

And it came to pass that Limhi began to establish the kingdom and to establish peace among his people.

And the king of the Lamanites set guards round about the land, that he might keep the people of Limhi in the land, that they might not depart into the wilderness; and he did support his guards out of the tribute which he did receive from the Nephites.

And now king Limhi did have continual peace in his kingdom for the space of two years, that the Lamanites did not molest them nor seek to destroy them.

## Mô Si A 20

- 1 Bấy giờ tại Sem Lân có một nơi mà các con gái dân La Man tụ họp nhau lại để ca hát, nhảy múa và vui đùa.
- 2 Và chuyện rằng, một ngày nọ có một nhóm nhỏ những người con gái ấy tụ họp tại đây ca hát và nhảy múa.
- 3 Và bấy giờ, các thầy tư tế của vua Nô Ê, vì hổ thẹn nên không trở về thành phố Nê Phi, phải, và còn sợ bị dân chúng giết nữa, vậy nên chúng không dám trở về cùng vợ con mình.
- 4 Và khi tạm trú trong vùng hoang dã, chúng đã khám phá ra các người con gái dân La Man, chúng bèn ẩn núp và rình xem;
- 5 Và khi thấy chỉ có ít các nàng ấy tụ họp nhảy múa, chúng liền rời khỏi nơi ẩn núp và bắt các nàng đem vào vùng hoang dã; phải, chúng đã bắt đem vào vùng hoang dã hết hai mươi bốn người con gái của dân La Man.
- 6 Và chuyện rằng, khi dân La Man thấy các con gái mình bị mất tích, họ tức giận dân của Lim Hi, vì họ cho rằng chính dân của Lim Hi đã làm việc này.
- 7 Vậy nên họ phái quân đội tới; phải, chính vua của họ cũng thân hành dẫn đầu đi trước; và họ tiến lên xứ Nê Phi để hủy diệt dân của Lim Hi.
- 8 Và này, Lim Hi đã khám phá ra họ từ trên tháp cao, và ông còn khám phá ra tất cả những sự chuẩn bị chiến tranh của họ nữa; vậy nên, ông cho tụ tập dân mình lại, và phục kích họ cả ở ngoài đồng lẫn trong rừng.
- 9 Và chuyện rằng, khi dân La Man tiến tới, thì dân của Lim Hi liền từ những nơi mai phục nhào ra và xông tới đánh giết họ.
- 10 Và chuyện rằng, trận chiến trở nên vô cùng ác liệt, vì họ đánh nhau như những con sư tử tranh mồi.

## Mosiah 20

Now there was a place in Shemlon where the daughters of the Lamanites did gather themselves together to sing, and to dance, and to make themselves merry.

And it came to pass that there was one day a small number of them gathered together to sing and to dance.

And now the priests of king Noah, being ashamed to return to the city of Nephi, yea, and also fearing that the people would slay them, therefore they durst not return to their wives and their children.

And having tarried in the wilderness, and having discovered the daughters of the Lamanites, they laid and watched them;

And when there were but few of them gathered together to dance, they came forth out of their secret places and took them and carried them into the wilderness; yea, twenty and four of the daughters of the Lamanites they carried into the wilderness.

And it came to pass that when the Lamanites found that their daughters had been missing, they were angry with the people of Limhi, for they thought it was the people of Limhi.

Therefore they sent their armies forth; yea, even the king himself went before his people; and they went up to the land of Nephi to destroy the people of Limhi.

And now Limhi had discovered them from the tower, even all their preparations for war did he discover; therefore he gathered his people together, and laid wait for them in the fields and in the forests.

And it came to pass that when the Lamanites had come up, that the people of Limhi began to fall upon them from their waiting places, and began to slay them.

And it came to pass that the battle became exceedingly sore, for they fought like lions for their prey.

- 11 Và chuyện rằng, dân của Lim Hi bắt đầu đẩy lui được quân La Man, mặc dù quân số của họ chưa bằng phân nửa quân La Man. Nhưng vì chiến đấu cho sự sống còn và cho vợ con mình, nên họ đã đem hết sức bình sinh của mình ra chiến đấu chẳng khác chi những con rồng.
- 12 Và chuyện rằng, họ tìm thấy vua La Man trong đám xác những người chết; nhưng vua chưa chết, chỉ bị thương và bị bỏ rơi trên mặt đất vì dân của ông đã chạy trốn quá mau lẹ.
- 13 Họ bắt ông và băng bó vết thương cho ông, kế đó họ dẫn ông đến trước mặt Lim Hi mà thưa rằng: Muôn tâu bệ hạ, đây là vua dân La Man; hắn đã bị thương và ngã xuống trong đám xác chết, và chúng đã bỏ rơi hắn; và này, chúng tôi đã mang hắn lại trình bệ hạ; và giờ đây xin bệ hạ để cho chúng tôi giết hắn.
- 14 Nhưng vua Lim Hi bảo họ rằng: Các người chớ giết ông ta, hãy đem ông ta lại đây cho ta xem mặt. Và họ dẫn ông ta lại. Lim Hi bèn nói với ông ta rằng: Vì lý do gì mà ông đến gây chiến với dân tôi? Này, dân của tôi đâu có phạm lời thề tôi đã lập với ông; vậy tại sao ông lại phạm lời thề ông đã lập với dân tôi?
- 15 Và thế rồi, vua trả lời rằng: Ta phạm lời thề vì dân người đã bắt cóc các con gái của dân ta đi; vậy nên ta đã nổi giận và cho dân ta đến gây chiến với dân người.
- 16 Và này, vì Lim Hi chưa hề nghe biết những việc như vậy, nên ông bảo rằng: Tôi sẽ cho điều tra trong dân tôi, nếu kẻ nào làm vậy thì sẽ bị tội chết. Vậy nên ông đã cho mở cuộc điều tra trong dân của ông.
- 17 Bấy giờ khi Ghê Đê Ôn nghe biết việc này, ông là một vị lãnh binh của vua, ông bèn đến bên vua mà thưa rằng: Xin bệ hạ hãy thận trọng, chớ cho điều tra dân này và gán cho họ tội này.
- 18 Bệ hạ không nhớ đến các thầy tư tế của thân phụ bệ hạ, là những kẻ mà dân này đang lùng kiếm để giết chết hay sao? Chẳng phải những kẻ đó đang ở trong vùng hoang dã hay sao? Và chẳng phải chúng là những kẻ đã cướp đi các con gái của dân La Man hay sao?

And it came to pass that the people of Limhi began to drive the Lamanites before them; yet they were not half so numerous as the Lamanites. But they fought for their lives, and for their wives, and for their children; therefore they exerted themselves and like dragons did they fight.

And it came to pass that they found the king of the Lamanites among the number of their dead; yet he was not dead, having been wounded and left upon the ground, so speedy was the flight of his people.

And they took him and bound up his wounds, and brought him before Limhi, and said: Behold, here is the king of the Lamanites; he having received a wound has fallen among their dead, and they have left him; and behold, we have brought him before you; and now let us slay him.

But Limhi said unto them: Ye shall not slay him, but bring him hither that I may see him. And they brought him. And Limhi said unto him: What cause have ye to come up to war against my people? Behold, my people have not broken the oath that I made unto you; therefore, why should ye break the oath which ye made unto my people?

And now the king said: I have broken the oath because thy people did carry away the daughters of my people; therefore, in my anger I did cause my people to come up to war against thy people.

And now Limhi had heard nothing concerning this matter; therefore he said: I will search among my people and whosoever has done this thing shall perish. Therefore he caused a search to be made among his people.

Now when Gideon had heard these things, he being the king's captain, he went forth and said unto the king: I pray thee forbear, and do not search this people, and lay not this thing to their charge.

For do ye not remember the priests of thy father, whom this people sought to destroy? And are they not in the wilderness? And are not they the ones who have stolen the daughters of the Lamanites?

19 Và giờ đây, này, xin bệ hạ hãy nói cho nhà vua biết những điều này để ông ta nói lại cho dân mình nghe để họ nguôi giận chúng ta; vì này, họ đang sửa soạn đến đánh chúng ta; và này, chúng ta lại có quá ít người.

20 Và này, họ sẽ đến với các đạo quân đông đảo; và nếu nhà vua của họ không làm cho họ nguôi giận chúng ta; kìa chúng ta ắt sẽ bị hủy diệt.

21 Vì phải chăng như vậy là lời tiên tri của A Bi Na Đi nói về chúng ta nay đã ứng nghiệm—và tất cả những việc này xảy ra là vì chúng ta không muốn nghe theo lời của Chúa, và không chịu từ bỏ những điều bất chính của mình?

22 Và giờ đây chúng ta hãy làm cho vua nguôi giận, và chúng ta nên giữ đúng lời thề đã lập với ông ta; vì thà chúng ta chịu làm nô lệ còn hơn là phải mất mạng sống; vậy nên chúng ta hãy chấm dứt cuộc đổ máu quá nhiều này.

23 Và thế rồi Lim Hi kể cho vua nghe hết những việc liên quan tới thân phụ mình và các thầy tư tế đã chạy trốn vào vùng hoang dã, và quy tội cho chúng đã bắt cóc các con gái của họ.

24 Và chuyện rằng, vua nguôi giận dân ông và vua nói với họ rằng: Chúng ta hãy đi đến gặp dân của ta, mà không mang theo khí giới; và ta xin thề với người rằng, dân của ta sẽ không sát hại dân người.

25 Và chuyện rằng họ đi theo vua đến gặp dân La Man mà không mang theo khí giới. Và chuyện rằng, họ đã gặp dân La Man; và vua La Man đã nghiêng mình trước mặt họ mà bào chữa cho dân của Lim Hi.

26 Và khi dân La Man trông thấy dân của Lim Hi không mang theo khí giới, họ động lòng thương hại và nguôi giận, rồi cùng nhau trở về nước với vua của mình một cách ôn hòa.

And now, behold, and tell the king of these things, that he may tell his people that they may be pacified towards us; for behold they are already preparing to come against us; and behold also there are but few of us.

And behold, they come with their numerous hosts; and except the king doth pacify them towards us we must perish.

For are not the words of Abinadi fulfilled, which he prophesied against us—and all this because we would not hearken unto the words of the Lord, and turn from our iniquities?

And now let us pacify the king, and we fulfil the oath which we have made unto him; for it is better that we should be in bondage than that we should lose our lives; therefore, let us put a stop to the shedding of so much blood.

And now Limhi told the king all the things concerning his father, and the priests that had fled into the wilderness, and attributed the carrying away of their daughters to them.

And it came to pass that the king was pacified towards his people; and he said unto them: Let us go forth to meet my people, without arms; and I swear unto you with an oath that my people shall not slay thy people.

And it came to pass that they followed the king, and went forth without arms to meet the Lamanites. And it came to pass that they did meet the Lamanites; and the king of the Lamanites did bow himself down before them, and did plead in behalf of the people of Limhi.

And when the Lamanites saw the people of Limhi, that they were without arms, they had compassion on them and were pacified towards them, and returned with their king in peace to their own land.

## Mô Si A 21

- 1 Và chuyện rằng, Lim Hi cùng dân của ông trở về thành phố Nê Phi, và bắt đầu sống trong xứ trong cảnh thái bình trở lại.
- 2 Và chuyện rằng, sau nhiều ngày, dân La Man lại bắt đầu bị khơi động lòng tức giận dân Nê Phi, và chúng bắt đầu xâm nhập vùng biên giới chung quanh.
- 3 Bây giờ chúng không dám sát hại họ vì lời thề mà vua chúng đã lập với Lim Hi; nhưng chúng tát vào má họ và dùng quyền uy đối với họ; chúng bắt đầu đặt những gánh nặng lên lưng họ, và sai khiến họ chẳng khác chi đối với con lừa câm—
- 4 Phải, tất cả những sự việc này đã xảy ra để cho lời của Chúa được ứng nghiệm.
- 5 Và giờ đây những nỗi thống khổ của dân Nê Phi thật là lớn lao, và chẳng có cách nào để họ có thể thoát khỏi đũa tay của chúng, vì dân La Man đã vây kín họ ở mọi phía.
- 6 Và chuyện rằng, dân chúng bắt đầu than vãn với nhà vua về những nỗi thống khổ của họ; và họ bắt đầu muốn xuất trận đánh lại chúng. Và họ đã làm cho nhà vua buồn khổ vô cùng vì những lời than vãn ấy; vậy nên, ông thuận cho họ làm theo ý muốn của họ.
- 7 Thế là dân chúng lại cùng nhau tập hợp, và mặc áo giáp rồi tiến đánh dân La Man để đuổi chúng ra khỏi xứ sở của họ.
- 8 Và chuyện rằng, dân La Man đánh bại họ, và đẩy lui được họ và giết họ chết rất nhiều.
- 9 Và giờ đây, tiếng than khóc và buồn thảm nổi lên trong dân Lim Hi, nào đàn bà góa than khóc chồng, nào con trai và con gái than khóc cha, nào em than khóc anh.
- 10 Giờ đây, trong xứ có rất nhiều đàn bà góa, họ khóc than thảm thiết hết ngày này qua ngày khác, vì nỗi lo sợ dân La Man đã bao trùm lấy họ.

## Mosiah 21

And it came to pass that Limhi and his people returned to the city of Nephi, and began to dwell in the land again in peace.

And it came to pass that after many days the Lamanites began again to be stirred up in anger against the Nephites, and they began to come into the borders of the land round about.

Now they durst not slay them, because of the oath which their king had made unto Limhi; but they would smite them on their cheeks, and exercise authority over them; and began to put heavy burdens upon their backs, and drive them as they would a dumb ass—

Yea, all this was done that the word of the Lord might be fulfilled.

And now the afflictions of the Nephites were great, and there was no way that they could deliver themselves out of their hands, for the Lamanites had surrounded them on every side.

And it came to pass that the people began to murmur with the king because of their afflictions; and they began to be desirous to go against them to battle. And they did afflict the king sorely with their complaints; therefore he granted unto them that they should do according to their desires.

And they gathered themselves together again, and put on their armor, and went forth against the Lamanites to drive them out of their land.

And it came to pass that the Lamanites did beat them, and drove them back, and slew many of them.

And now there was a great mourning and lamentation among the people of Limhi, the widow mourning for her husband, the son and the daughter mourning for their father, and the brothers for their brethren.

Now there were a great many widows in the land, and they did cry mightily from day to day, for a great fear of the Lamanites had come upon them.



- 11 Và chuyện rằng, những lời kêu gào không ngớt của họ đã khích động những người dân còn sống sót của Lim Hi tức giận dân La Man; và họ lại xuất trận nữa, nhưng họ lại bị đẩy lui và chịu tổn thất rất nhiều.
- 12 Phải, họ lại xuất trận lần thứ ba, nhưng cũng vẫn chịu chung một số phận như vậy; và những ai không bị giết chết đều trở về thành phố Nê Phi.
- 13 Và rồi họ đã biết hạ mình xuống tận bụi đất, chịu ách nô lệ, chịu để cho bị đánh đập, bị lôi kéo từ nơi này qua nơi khác và bị đặt gánh nặng trên vai, tùy theo ý muốn của kẻ thù.
- 14 Và họ đã biết hạ mình xuống tận đáy sâu của sự khiêm nhường; họ kêu cầu thông thiết lên Thượng Đế; phải, hầu như suốt ngày họ kêu cầu lên Thượng Đế của họ, xin Ngài giải thoát họ khỏi những nỗi khốn khổ.
- 15 Và giờ đây, Chúa đã chậm rãi trong việc nghe lời kêu cầu của họ, vì những điều bất chính của họ; tuy nhiên, sau đó Chúa cũng nghe lời kêu cầu của họ và bắt đầu làm mềm lòng dân La Man khiến chúng bắt đầu giảm bớt gánh nặng cho họ; tuy nhiên, Chúa xét thấy chưa phải lúc giải thoát cho họ khỏi vòng nô lệ.
- 16 Và chuyện rằng, họ bắt đầu được thịnh vượng dần dần trong xứ, và cũng bắt đầu trồng ngũ cốc dồi dào hơn và nuôi các đàn gia súc và các bầy thú, để họ không còn chịu khổ vì đói nữa.
- 17 Bây giờ số đàn bà nhiều hơn đàn ông; vì thế mà vua Lim Hi ra lệnh cho mọi người đàn ông phải cấp dưỡng các bà góa và con của họ để họ khỏi chết đói; và sở dĩ họ phải làm như vậy vì một số rất lớn đàn ông đã bị giết chết.
- 18 Thế rồi, dân của Lim Hi cố gắng quy tụ lại với nhau càng đông càng tốt để bảo vệ mùa màng và gia súc của họ.
- 19 Và chính vua cũng không dám mạo hiểm ra ngoài tường thành nếu không dẫn theo vệ binh, vì ông sợ rằng ông có thể bất thần bị rơi vào tay quân La Man.
- And it came to pass that their continual cries did stir up the remainder of the people of Limhi to anger against the Lamanites; and they went again to battle, but they were driven back again, suffering much loss.
- Yea, they went again even the third time, and suffered in the like manner; and those that were not slain returned again to the city of Nephi.
- And they did humble themselves even to the dust, subjecting themselves to the yoke of bondage, submitting themselves to be smitten, and to be driven to and fro, and burdened, according to the desires of their enemies.
- And they did humble themselves even in the depths of humility; and they did cry mightily to God; yea, even all the day long did they cry unto their God that he would deliver them out of their afflictions.
- And now the Lord was slow to hear their cry because of their iniquities; nevertheless the Lord did hear their cries, and began to soften the hearts of the Lamanites that they began to ease their burdens; yet the Lord did not see fit to deliver them out of bondage.
- And it came to pass that they began to prosper by degrees in the land, and began to raise grain more abundantly, and flocks, and herds, that they did not suffer with hunger.
- Now there was a great number of women, more than there was of men; therefore king Limhi commanded that every man should impart to the support of the widows and their children, that they might not perish with hunger; and this they did because of the greatness of their number that had been slain.
- Now the people of Limhi kept together in a body as much as it was possible, and secured their grain and their flocks;
- And the king himself did not trust his person without the walls of the city, unless he took his guards with him, fearing that he might by some means fall into the hands of the Lamanites.

20 Và ông còn ra lệnh cho dân ông phải canh gác quanh xứ để may ra có cơ hội bắt được các thầy tư tế đang ẩn trốn trong vùng hoang dã, là những kẻ đã cướp đi các con gái của dân La Man và đã đem lại sự hủy hoại lớn lao cho họ.

21 Vì họ rất mong muốn bắt được những kẻ ấy để trị tội; vì chúng đã lẻn vào xứ Nê Phi lúc ban đêm để mang đi những ngũ cốc và nhiều vật quý giá; vì thế mà họ đã phục kích để bắt chúng.

22 Và chuyện rằng, giữa dân La Man và dân của Lim Hi không còn sự xích mích nào xảy ra cả, cho đến lúc Am Môn và những người anh em của ông vào xứ này.

23 Và khi vua ra ngoài cổng thành với vệ binh của mình, vua đã bắt gặp Am Môn và những người anh em của ông ta; vua tưởng họ là các thầy tư tế của vua Nô Ê nên ra lệnh bắt trói họ lại và bỏ vào ngục. Và nếu họ quả thật là các thầy tư tế của vua Nô Ê thì ông đã ra lệnh xử tử họ.

24 Nhưng khi khám phá ra họ không phải bọn tăng tế, mà lại là những người anh em của mình từ xứ Gia Ra Hem La đến, thì vua rất đổi vui mừng.

25 Nay, trước khi Am Môn đến, vua Lim Hi cũng có phái một số ít người đi tìm xứ Gia Ra Hem La; nhưng họ không tìm thấy, mà lại lạc trong vùng hoang dã.

26 Tuy nhiên, họ đã tìm thấy một xứ trước kia có người ở; phải, một xứ đầy những xương khô; phải, một xứ trước kia có người ở nhưng nay đã bị hủy diệt, và họ cho rằng đó là xứ Gia Ra Hem La, nên họ trở về xứ Nê Phi, và mới đến được ranh giới của xứ này mấy ngày trước khi Am Môn đến.

27 Và họ đem về được một biên sử, là biên sử của sắc dân mà họ tìm thấy nay chỉ còn có những bộ xương khô; biên sử này được ghi khắc trên các bảng kim khí.

And he caused that his people should watch the land round about, that by some means they might take those priests that fled into the wilderness, who had stolen the daughters of the Lamanites, and that had caused such a great destruction to come upon them.

For they were desirous to take them that they might punish them; for they had come into the land of Nephi by night, and carried off their grain and many of their precious things; therefore they laid wait for them.

And it came to pass that there was no more disturbance between the Lamanites and the people of Limhi, even until the time that Ammon and his brethren came into the land.

And the king having been without the gates of the city with his guard, discovered Ammon and his brethren; and supposing them to be priests of Noah therefore he caused that they should be taken, and bound, and cast into prison. And had they been the priests of Noah he would have caused that they should be put to death.

But when he found that they were not, but that they were his brethren, and had come from the land of Zarahemla, he was filled with exceedingly great joy.

Now king Limhi had sent, previous to the coming of Ammon, a small number of men to search for the land of Zarahemla; but they could not find it, and they were lost in the wilderness.

Nevertheless, they did find a land which had been peopled; yea, a land which was covered with dry bones; yea, a land which had been peopled and which had been destroyed; and they, having supposed it to be the land of Zarahemla, returned to the land of Nephi, having arrived in the borders of the land not many days before the coming of Ammon.

And they brought a record with them, even a record of the people whose bones they had found; and it was engraven on plates of ore.

28 Và giờ đây Lim Hi lại tràn ngập niềm vui sướng trong lòng khi được nghe chính miệng Am Môn nói rằng, vua Mô Si A có được ân tứ của Thượng Đế, nhờ đó vua có thể dịch được những điều ghi khắc như vậy; phải, và cả Am Môn cũng lấy làm vui sướng nữa.

29 Tuy vậy, Am Môn và những người anh em của mình cũng tràn ngập nỗi đau buồn vì những người anh em của họ đã bị giết quá nhiều;

30 Và cũng vì vua Nô Ê và các thầy tư tế của ông đã làm cho dân này phạm quá nhiều tội lỗi và những điều bất chính đối với Thượng Đế; họ cũng khóc than cho cái chết của A Bi Na Đi; và luôn cả sự ra đi của An Ma cùng những người theo ông, là những người đã thiết lập lên một giáo hội của Thượng Đế, nhờ sức mạnh và quyền năng của Thượng Đế, và nhờ đức tin vào những lời A Bi Na Đi đã nói ra.

31 Phải, họ đã khóc than cho sự ra đi của những người ấy, vì họ chẳng biết những người ấy đã lẫn trốn nơi nào. Vì lẽ ra họ đã được sung sướng nhập bọn với những người ấy, vì chính họ cũng đã lập giao ước với Thượng Đế là sẽ phục vụ Ngài và tuân giữ các lệnh truyền của Ngài.

32 Và giờ đây kể từ ngày Am Môn đến, cả vua Lim Hi lẫn một số đông dân của ông cũng đã lập giao ước với Thượng Đế là sẽ phục vụ Ngài và tuân giữ các lệnh truyền của Ngài.

33 Và chuyện rằng, vua Lim Hi và một số đông dân của ông muốn được báp têm; nhưng trong xứ này, chẳng có ai có được thẩm quyền của Thượng Đế. Và chính Am Môn cũng khước từ làm công việc này, vì ông tự xem mình là một tôi tớ không xứng đáng.

34 Vậy nên, lúc bấy giờ họ không thiết lập họ thành một giáo hội mà lại chờ đợi Thánh Linh của Chúa. Giờ đây họ ao ước được trở thành như An Ma và đồng bào của ông, là những người đã lẫn trốn trong vùng hoang dã.

35 Họ ao ước được báp têm để làm chứng và tỏ rõ rằng, họ sẵn lòng phục vụ Thượng Đế với tất cả lòng thành của mình; tuy nhiên, họ phải kéo dài thời gian đó ra; và câu chuyện về lễ báp têm của họ sẽ được kể lại sau này.

And now Limhi was again filled with joy on learning from the mouth of Ammon that king Mosiah had a gift from God, whereby he could interpret such engravings; yea, and Ammon also did rejoice.

Yet Ammon and his brethren were filled with sorrow because so many of their brethren had been slain;

And also that king Noah and his priests had caused the people to commit so many sins and iniquities against God; and they also did mourn for the death of Abinadi; and also for the departure of Alma and the people that went with him, who had formed a church of God through the strength and power of God, and faith on the words which had been spoken by Abinadi.

Yea, they did mourn for their departure, for they knew not whither they had fled. Now they would have gladly joined with them, for they themselves had entered into a covenant with God to serve him and keep his commandments.

And now since the coming of Ammon, king Limhi had also entered into a covenant with God, and also many of his people, to serve him and keep his commandments.

And it came to pass that king Limhi and many of his people were desirous to be baptized; but there was none in the land that had authority from God. And Ammon declined doing this thing, considering himself an unworthy servant.

Therefore they did not at that time form themselves into a church, waiting upon the Spirit of the Lord. Now they were desirous to become even as Alma and his brethren, who had fled into the wilderness.

They were desirous to be baptized as a witness and a testimony that they were willing to serve God with all their hearts; nevertheless they did prolong the time; and an account of their baptism shall be given hereafter.

36      Và giờ đây, tất cả sự nghiên cứu của Am Môn và những người của ông, cùng vua Lim Hi và dân của vua, là tìm cách làm sao thoát khỏi tay dân La Man và thoát khỏi vòng nô lệ.

And now all the study of Ammon and his people, and king Limhi and his people, was to deliver themselves out of the hands of the Lamanites and from bondage.

## Mô Si A 22

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, Am Môn và vua Lim Hi bắt đầu bàn với dân chúng để tìm cách tự giải thoát khỏi vòng nô lệ. Họ còn cho tập hợp tất cả dân chúng lại, và họ làm vậy để có tiếng nói chung của toàn dân về vấn đề này.
- 2 Và chuyện rằng, họ chẳng tìm ra được cách thức nào để thoát khỏi vòng nô lệ, ngoại trừ việc đem tất cả vợ con, các đàn gia súc và các bầy thú và lều vải của họ đi vào vùng hoang dã; vì dân La Man quá đông nên dân của Lim Hi không thể đánh lại chúng được, nếu họ có ý định tự giải thoát khỏi vòng nô lệ bằng gươm đao.
- 3 Giờ đây, chuyện rằng, Ghê Đê Ôn bước ra đứng trước mặt vua mà thưa rằng: Muôn tâu bệ hạ, từ trước đến giờ bệ hạ đã bao phen nghe theo lời của hạ thần khi chúng ta phải chống lại với đồng bào của chúng ta là dân La Man.
- 4 Và bây giờ, muôn tâu bệ hạ, nếu bệ hạ không cho thần là một tôi tớ vô dụng, hoặc cho đến giờ phút này, bệ hạ vẫn còn nghe những lời nói của thần với một mức độ nào đó, vì những lời ấy cũng đã từng đem lại lợi ích cho bệ hạ, thì lần này cũng vậy, thần xin bệ hạ ngày hôm nay hãy nghe những lời thần nói, và thần nguyện là một tôi tớ của bệ hạ và giải thoát cho dân này khỏi vòng nô lệ.
- 5 Và nhà vua đã cho phép ông nói. Ghê Đê Ôn bèn tâu với vua rằng:
- 6 Này, lối đi phía sau xuyên qua bức tường mặt hậu ở phía sau thành phố. Dân La Man, hay lính gác La Man, ban đêm thường hay say sưa; vậy chúng ta hãy ra hịch truyền cho tất cả dân chúng biết để họ thu nhóm các đàn gia súc và các bầy thú của họ lại, để đợi khi đêm xuống họ sẽ dẫn chúng đi vào vùng hoang dã.
- 7 Và theo lệnh bệ hạ, thần sẽ đi nộp phần rượu cuối cùng cho dân La Man, và chúng sẽ say sưa; rồi chúng ta sẽ ra đi bằng lối đi bí mật ấy nằm phía trái trại lính trong khi chúng say sưa và ngủ thiếp đi.

## Mosiah 22

And now it came to pass that Ammon and king Limhi began to consult with the people how they should deliver themselves out of bondage; and even they did cause that all the people should gather themselves together; and this they did that they might have the voice of the people concerning the matter.

And it came to pass that they could find no way to deliver themselves out of bondage, except it were to take their women and children, and their flocks, and their herds, and their tents, and depart into the wilderness; for the Lamanites being so numerous, it was impossible for the people of Limhi to contend with them, thinking to deliver themselves out of bondage by the sword.

Now it came to pass that Gideon went forth and stood before the king, and said unto him: Now O king, thou hast hitherto hearkened unto my words many times when we have been contending with our brethren, the Lamanites.

And now O king, if thou hast not found me to be an unprofitable servant, or if thou hast hitherto listened to my words in any degree, and they have been of service to thee, even so I desire that thou wouldst listen to my words at this time, and I will be thy servant and deliver this people out of bondage.

And the king granted unto him that he might speak. And Gideon said unto him:

Behold the back pass, through the back wall, on the back side of the city. The Lamanites, or the guards of the Lamanites, by night are drunken; therefore let us send a proclamation among all this people that they gather together their flocks and herds, that they may drive them into the wilderness by night.

And I will go according to thy command and pay the last tribute of wine to the Lamanites, and they will be drunken; and we will pass through the secret pass on the left of their camp when they are drunken and asleep.

- 8 Như vậy chúng ta sẽ ra đi vào vùng hoang dã cùng với vợ con và các đàn gia súc và các bầy thú của chúng ta; rồi chúng ta sẽ đi bọc quanh xứ Si Lôm.
- 9 Và chuyện rằng, vua nghe theo lời của Ghê Đê Ôn.
- 10 Và vua Lim Hi truyền lệnh cho dân chúng phải thu nhóm các đàn gia súc của họ lại; rồi vua cho đem nộp phần rượu cho dân La Man; ông còn cho gửi thêm rượu để làm quà tặng chúng; và chúng đã tha hồ uống rượu mà vua Lim Hi đã gửi cho chúng.
- 11 Và chuyện rằng, khi đêm xuống, dân của vua Lim Hi ra đi vào vùng hoang dã với các đàn gia súc và các bầy thú của họ, và họ đi vòng quanh xứ Si Lôm trong vùng hoang dã rồi đổi hướng về lộ trình đến xứ Gia Ra Hem La, dưới sự hướng dẫn của Am Môn và những người của ông.
- 12 Và họ đã đem theo tất cả vàng, bạc và các vật quý giá, mà họ có thể mang theo được, cùng thực phẩm, vào vùng hoang dã; rồi họ tiến theo lộ trình đã định.
- 13 Sau nhiều ngày trong vùng hoang dã, họ đã đến được xứ Gia Ra Hem La, và sáp nhập vào với dân của Mô Si A và trở thành thần dân của ông.
- 14 Và chuyện rằng, Mô Si A rất vui mừng tiếp nhận họ; ông còn thu nhận những biên sử của họ, và thu nhận luôn cả những biên sử mà dân của Lim Hi đã tìm thấy.
- 15 Và giờ đây, chuyện rằng, khi dân La Man hay được dân của Lim Hi đã ra đi khỏi xứ lúc ban đêm, chúng liền phái một đạo quân đuổi theo họ vào vùng hoang dã;
- 16 Và sau khi đuổi theo họ được hai ngày, chúng không còn tìm thấy dấu vết của họ đâu nữa; vậy nên chúng bị lạc trong vùng hoang dã.

Thus we will depart with our women and our children, our flocks, and our herds into the wilderness; and we will travel around the land of Shilom.

And it came to pass that the king hearkened unto the words of Gideon.

And king Limhi caused that his people should gather their flocks together; and he sent the tribute of wine to the Lamanites; and he also sent more wine, as a present unto them; and they did drink freely of the wine which king Limhi did send unto them.

And it came to pass that the people of king Limhi did depart by night into the wilderness with their flocks and their herds, and they went round about the land of Shilom in the wilderness, and bent their course towards the land of Zarahemla, being led by Ammon and his brethren.

And they had taken all their gold, and silver, and their precious things, which they could carry, and also their provisions with them, into the wilderness; and they pursued their journey.

And after being many days in the wilderness they arrived in the land of Zarahemla, and joined Mosiah's people, and became his subjects.

And it came to pass that Mosiah received them with joy; and he also received their records, and also the records which had been found by the people of Limhi.

And now it came to pass when the Lamanites had found that the people of Limhi had departed out of the land by night, that they sent an army into the wilderness to pursue them;

And after they had pursued them two days, they could no longer follow their tracks; therefore they were lost in the wilderness.

Truyện ký về An Ma và dân của Chúa, là những người bị dân của vua Nô Ê đuổi chạy vào vùng hoang dã.

## Mô Si A 23

- 1 Giờ đây, An Ma được Chúa báo trước cho biết là quân của vua Nô Ê sẽ đến đánh họ, ông bèn cho dân ông hay, do đó họ thu góp các đàn gia súc và các ngũ cốc để ra đi vào vùng hoang dã trước khi quân của vua Nô Ê đến.
- 2 Và Chúa đã ban thêm sức lực cho họ, để quân của vua Nô Ê không thể đuổi kịp họ mà sát hại được.
- 3 Và họ đã hành trình chạy trốn tám ngày trong vùng hoang dã.
- 4 Và họ đến được một vùng đất, phải, một vùng đất rất đẹp và đáng yêu, một vùng đất có nước trong lành.
- 5 Họ bèn dựng lều, rồi bắt đầu cày cấy đất đai, và bắt đầu xây dựng nhà cửa; phải, họ là những con người rất chăm chỉ và làm việc hết sức siêng năng.
- 6 Và dân chúng muốn An Ma làm vua của họ, vì ông rất được lòng yêu mến của dân ông.
- 7 Nhưng ông đã nói với họ rằng: Này, việc chúng ta nên có một vị vua là điều không thích hợp, vì Chúa có phán rằng: Các người không được xem trọng người này hơn người kia, và chớ tự cho mình là cao quý hơn kẻ khác; vậy nên, tôi nói cho đồng bào hay rằng, việc đồng bào nên có vua là điều không thích hợp.
- 8 Tuy nhiên, nếu đồng bào có thể luôn luôn tìm được người công minh để tôn lên làm vua, thì đó là điều rất hay để đồng bào có được một vị vua.
- 9 Nhưng hãy ghi nhớ đến những điều bất chính của vua Nô Ê và các thầy tư tế của hắn; và chính tôi cũng đã từng bị rơi vào cạm bẫy và đã làm nhiều điều khỗ trước mắt Chúa, khiến tôi hối hận vô cùng;

An account of Alma and the people of the Lord, who were driven into the wilderness by the people of King Noah.

## Mosiah 23

Now Alma, having been warned of the Lord that the armies of king Noah would come upon them, and having made it known to his people, therefore they gathered together their flocks, and took of their grain, and departed into the wilderness before the armies of king Noah.

And the Lord did strengthen them, that the people of king Noah could not overtake them to destroy them.

And they fled eight days' journey into the wilderness.

And they came to a land, yea, even a very beautiful and pleasant land, a land of pure water.

And they pitched their tents, and began to till the ground, and began to build buildings; yea, they were industrious, and did labor exceedingly.

And the people were desirous that Alma should be their king, for he was beloved by his people.

But he said unto them: Behold, it is not expedient that we should have a king; for thus saith the Lord: Ye shall not esteem one flesh above another, or one man shall not think himself above another; therefore I say unto you it is not expedient that ye should have a king.

Nevertheless, if it were possible that ye could always have just men to be your kings it would be well for you to have a king.

But remember the iniquity of king Noah and his priests; and I myself was caught in a snare, and did many things which were abominable in the sight of the Lord, which caused me sore repentance;

- 10 Tuy nhiên, sau khi trải qua nhiều nỗi gian truân, Chúa đã nghe lời kêu cầu của tôi, Ngài đã nhậm lời cầu xin của tôi và biến tôi thành một công cụ trong tay Ngài để đem lại cho biết bao nhiêu người trong số đồng bào sự hiểu biết được lẽ thật của Ngài.
- 11 Tuy nhiên, trong việc này tôi không dám tự hào, vì tôi không xứng đáng để khoe khoang về điều đó.
- 12 Và giờ đây tôi nói cho đồng bào hay, đồng bào đã từng bị vua Nô Ê áp bức, đã từng chịu vòng nô lệ của hấn và của các thầy tư tế của hấn, và đã bị họ đưa vào đường bất chính; vậy nên đồng bào đã bị trói buộc bằng những sợi dây của điều bất chính.
- 13 Và giờ đây, nhờ quyền năng của Thượng Đế đồng bào đã được giải thoát khỏi những dây trói buộc ấy; phải, ngay cả thoát khỏi bàn tay vua Nô Ê và dân của hấn, và cũng thoát khỏi những dây trói buộc của điều bất chính nữa, vậy nên tôi mong rằng đồng bào hãy cương quyết đứng vững trong sự tự do này mà nhờ nó đồng bào đã được buông tha, và tôi mong rằng đồng bào sẽ không tin cậy vào một ai để làm vua mình cả.
- 14 Và cũng đừng tin cậy vào một người nào để làm thầy giảng hay làm giáo sĩ của mình, trừ phi người đó là người của Thượng Đế, biết đi theo đường lối của Ngài và tuân giữ các lệnh truyền của Ngài.
- 15 An Ma đã dạy dỗ dân ông như vậy, mọi người phải biết thương yêu người láng giềng của mình như chính bản thân mình, để không có sự tranh chấp nào ở giữa họ.
- 16 Và giờ đây An Ma là thầy tư tế thượng phẩm của họ, vì ông là người sáng lập ra giáo hội của họ.
- 17 Và chuyện rằng, chẳng có ai nhận được thẩm quyền để thuyết giáo hay giảng dạy, trừ phi bởi người của Thượng Đế. Vậy nên ông lập lên tất cả các thầy tư tế và tất cả các thầy giảng của họ; và chẳng một ai được lập lên nếu họ không phải là người công minh.
- 18 Vậy nên họ đã chăm sóc dân của họ và nuôi dưỡng họ bằng những điều thuộc về sự ngay chính.
- 19 Và chuyện rằng, họ bắt đầu hết sức thịnh vượng trong xứ, và họ gọi xứ đó là Hê Lam.

Nevertheless, after much tribulation, the Lord did hear my cries, and did answer my prayers, and has made me an instrument in his hands in bringing so many of you to a knowledge of his truth.

Nevertheless, in this I do not glory, for I am unworthy to glory of myself.

And now I say unto you, ye have been oppressed by king Noah, and have been in bondage to him and his priests, and have been brought into iniquity by them; therefore ye were bound with the bands of iniquity.

And now as ye have been delivered by the power of God out of these bonds; yea, even out of the hands of king Noah and his people, and also from the bonds of iniquity, even so I desire that ye should stand fast in this liberty wherewith ye have been made free, and that ye trust no man to be a king over you.

And also trust no one to be your teacher nor your minister, except he be a man of God, walking in his ways and keeping his commandments.

Thus did Alma teach his people, that every man should love his neighbor as himself, that there should be no contention among them.

And now, Alma was their high priest, he being the founder of their church.

And it came to pass that none received authority to preach or to teach except it were by him from God. Therefore he consecrated all their priests and all their teachers; and none were consecrated except they were just men.

Therefore they did watch over their people, and did nourish them with things pertaining to righteousness.

And it came to pass that they began to prosper exceedingly in the land; and they called the land Helam.



20 Và chuyện rằng, họ gia tăng dân số và phát đạt vô cùng trong xứ Hê Lam. Họ xây dựng một thành phố gọi là thành phố Hê Lam.

21 Tuy nhiên, Chúa thấy cần phải sửa phạt dân Ngài; phải, Ngài thử lòng kiên nhẫn và đức tin của họ.

22 Tuy nhiên—bất cứ kẻ nào biết đặt lòng tin cậy của mình nơi Ngài thì sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng. Phải, và đối với dân này là như vậy.

23 Vì này, tôi sẽ cho các người thấy rằng họ đã bị đưa vào vòng nô lệ và chẳng ai có thể giải cứu họ được ngoại trừ Chúa, Thượng Đế của họ, phải, là Thượng Đế của Áp Ra Ham, của Y Sác, và của Gia Cóp.

24 Và chuyện rằng, quả thật Ngài đã giải cứu họ, và Ngài đã cho họ thấy quyền năng lớn lao của Ngài, và những niềm vui sướng của họ lớn lao biết bao.

25 Vì này, chuyện rằng, trong lúc họ đang ở trong xứ Hê Lam, phải, trong thành phố Hê Lam, trong lúc họ đang cày cấy đất đai chung quanh, này, một đạo binh của dân La Man đã xâm nhập biên thùy của xứ họ.

26 Giờ đây chuyện rằng, đồng bào của An Ma băng đồng chạy trốn, và cùng nhau tụ tập lại trong thành phố Hê Lam; và họ rất đỗi kinh hãi vì sự xuất hiện của dân La Man.

27 Nhưng An Ma đã tiến đến đứng giữa họ và khuyên nhủ họ chớ nên kinh sợ như vậy, trái lại, họ phải nhớ đến Chúa, Thượng Đế của họ, thì Ngài sẽ giải cứu cho họ.

28 Vậy nên họ đã nén được cơn sợ hãi, và bắt đầu kêu cầu Chúa, xin Ngài hãy làm mềm lòng dân La Man khiến cho chúng tha cho họ và vợ con họ.

29 Và chuyện rằng, Chúa đã làm mềm lòng dân La Man. Và An Ma cùng đồng bào ông tự ra nộp mình vào tay chúng; và rồi dân La Man chiếm xứ Hê Lam.

30 Này, các đạo quân La Man, khi đuổi theo dân của vua Lim Hi đã đi lạc trong vùng hoang dã nhiều ngày.

And it came to pass that they did multiply and prosper exceedingly in the land of Helam; and they built a city, which they called the city of Helam.

Nevertheless the Lord seeth fit to chasten his people; yea, he trieth their patience and their faith.

Nevertheless—whosoever putteth his trust in him the same shall be lifted up at the last day. Yea, and thus it was with this people.

For behold, I will show unto you that they were brought into bondage, and none could deliver them but the Lord their God, yea, even the God of Abraham and Isaac and of Jacob.

And it came to pass that he did deliver them, and he did show forth his mighty power unto them, and great were their rejoicings.

For behold, it came to pass that while they were in the land of Helam, yea, in the city of Helam, while tilling the land round about, behold an army of the Lamanites was in the borders of the land.

Now it came to pass that the brethren of Alma fled from their fields, and gathered themselves together in the city of Helam; and they were much frightened because of the appearance of the Lamanites.

But Alma went forth and stood among them, and exhorted them that they should not be frightened, but that they should remember the Lord their God and he would deliver them.

Therefore they hushed their fears, and began to cry unto the Lord that he would soften the hearts of the Lamanites, that they would spare them, and their wives, and their children.

And it came to pass that the Lord did soften the hearts of the Lamanites. And Alma and his brethren went forth and delivered themselves up into their hands; and the Lamanites took possession of the land of Helam.

Now the armies of the Lamanites, which had followed after the people of king Limhi, had been lost in the wilderness for many days.

31 Và này, họ đã tìm thấy các thầy tư tế của vua Nô Ê tại một nơi gọi là A Mu Lôn; vì các thầy tư tế này đã bắt đầu chiếm cứ xứ A Mu Lôn và chúng đã bắt đầu cày cấy đất đai.

32 Bây giờ tên người cầm đầu các thầy tư tế đó là A Mu Lôn.

33 Và chuyện rằng, A Mu Lôn đã khẩn cầu dân La Man, và hẳn còn sai vợ của bọn chúng là những con gái của dân La Man, đến khẩn cầu đồng bào của họ đừng giết hại chồng họ.

34 Và dân La Man động lòng thương hại A Mu Lôn và những người anh em của hắn, và không giết chúng, vì vợ của chúng.

35 Và rồi A Mu Lôn cùng đồng bọn đã sáp nhập với dân La Man, rồi chúng cùng nhau lên đường vào vùng hoang dã để kiếm xứ Nê Phi, thì lúc ấy chúng khám phá ra xứ Hê Lam do An Ma và những người anh em của ông chiếm hữu.

36 Và chuyện rằng, dân La Man hứa với An Ma và những người anh em của ông rằng nếu họ chỉ cho chúng đường đi đến xứ Nê Phi, thì chúng sẽ để cho họ được sống và tự do.

37 Nhưng sau khi An Ma đã chỉ đường cho dân La Man đi đến xứ Nê Phi rồi, thì chúng không giữ lời hứa; chúng đặt quân canh gác quanh xứ Hê Lam để canh chừng An Ma cùng những người anh em của ông.

38 Và số quân còn lại của chúng thì đi đến xứ Nê Phi; và một phần bọn chúng trở lại xứ Hê Lam, đem theo cả vợ con của các lính canh đã được để lại trong xứ.

39 Và vua dân La Man đã cho A Mu Lôn lên làm vua để cai trị dân của hắn, tức là dân sống trong xứ Hê Lam; tuy vậy, hắn không được quyền làm điều gì trái ý vua dân La Man.

And behold, they had found those priests of king Noah, in a place which they called Amulon; and they had begun to possess the land of Amulon and had begun to till the ground.

Now the name of the leader of those priests was Amulon.

And it came to pass that Amulon did plead with the Lamanites; and he also sent forth their wives, who were the daughters of the Lamanites, to plead with their brethren, that they should not destroy their husbands.

And the Lamanites had compassion on Amulon and his brethren, and did not destroy them, because of their wives.

And Amulon and his brethren did join the Lamanites, and they were traveling in the wilderness in search of the land of Nephi when they discovered the land of Helam, which was possessed by Alma and his brethren.

And it came to pass that the Lamanites promised unto Alma and his brethren, that if they would show them the way which led to the land of Nephi that they would grant unto them their lives and their liberty.

But after Alma had shown them the way that led to the land of Nephi the Lamanites would not keep their promise; but they set guards round about the land of Helam, over Alma and his brethren.

And the remainder of them went to the land of Nephi; and a part of them returned to the land of Helam, and also brought with them the wives and the children of the guards who had been left in the land.

And the king of the Lamanites had granted unto Amulon that he should be a king and a ruler over his people, who were in the land of Helam; nevertheless he should have no power to do anything contrary to the will of the king of the Lamanites.

## Mô Si A 24

- 1 Và chuyện rằng, A Mu Lôn chiếm được cảm tình của vua dân La Man; vậy nên vua dân La Man đã ban cho hắn và đồng bọn của hắn chức vụ thầy giảng của dân hắn, phải, và luôn cả dân ở xứ Sem Lôn, ở xứ Si Lôm và ở xứ A Mu Lôn.
- 2 Vì dân La Man đã chiếm hữu tất cả những xứ này; vậy nên vua dân La Man có phong nhiều vua khác để trị vì các xứ này.
- 3 Và bấy giờ danh hiệu của vua dân La Man là La Man, được gọi theo tên của thân phụ ông; và vì thế ông được gọi là vua La Man. Và ông là vua của một dân tộc đông đảo.
- 4 Vua còn phong cho đồng bọn của A Mu Lôn được làm thầy giảng tại mọi xứ mà dân ông chiếm hữu; và do đó mà ngôn ngữ của dân Nê Phi được bắt đầu đem giảng dạy cho tất cả dân tộc La Man.
- 5 Và họ là một dân tộc rất thân thiện với nhau; tuy nhiên, họ không biết Thượng Đế, và những người của A Mu Lôn cũng không hề giảng dạy cho họ hiểu gì về Chúa, Thượng Đế của họ, hay luật pháp Môi Se; và những người ấy cũng không dạy họ biết gì về những lời của A Bi Na Đì;
- 6 Nhưng các thầy giảng ấy đã giảng dạy họ rằng họ cần phải biết gìn giữ biên sử của họ và họ có thể viết thư cho nhau.
- 7 Và rồi dân La Man bắt đầu gia tăng của cải, và bắt đầu giao dịch buôn bán với nhau, và trở nên hùng mạnh; họ cũng bắt đầu trở thành một dân tộc xảo quyệt và khôn ngoan, theo sự khôn ngoan của thế gian, phải, một dân tộc xảo quyệt, thích thú trong mọi sự độc ác và cướp bóc, chỉ trừ ra họ không làm những điều đó trong vòng đồng bào của họ mà thôi.
- 8 Và chuyện rằng, A Mu Lôn bắt đầu sử dụng quyền uy của mình đối với An Ma và các người anh em của ông; hắn bắt đầu ngược đãi ông, và còn xúi con cháu mình ngược đãi con cháu họ nữa.

## Mosiah 24

And it came to pass that Amulon did gain favor in the eyes of the king of the Lamanites; therefore, the king of the Lamanites granted unto him and his brethren that they should be appointed teachers over his people, yea, even over the people who were in the land of Shemlon, and in the land of Shilom, and in the land of Amulon.

For the Lamanites had taken possession of all these lands; therefore, the king of the Lamanites had appointed kings over all these lands.

And now the name of the king of the Lamanites was Laman, being called after the name of his father; and therefore he was called king Laman. And he was king over a numerous people.

And he appointed teachers of the brethren of Amulon in every land which was possessed by his people; and thus the language of Nephi began to be taught among all the people of the Lamanites.

And they were a people friendly one with another; nevertheless they knew not God; neither did the brethren of Amulon teach them anything concerning the Lord their God, neither the law of Moses; nor did they teach them the words of Abinadi;

But they taught them that they should keep their record, and that they might write one to another.

And thus the Lamanites began to increase in riches, and began to trade one with another and wax great, and began to be a cunning and a wise people, as to the wisdom of the world, yea, a very cunning people, delighting in all manner of wickedness and plunder, except it were among their own brethren.

And now it came to pass that Amulon began to exercise authority over Alma and his brethren, and began to persecute him, and cause that his children should persecute their children.

- 9 Vì A Mu Lôn biết An Ma trước kia là một thầy tư tế của vua, và biết chính ông ta là người đã tin những lời nói của A Bi Na Đi và bị vua đuổi đi, vậy nên hấn tức giận ông; mặc dù hấn là người dưới quyền vua La Man, hấn cũng dùng quyền uy đối xử với họ, bắt họ làm những việc nặng nhọc, và còn lập lên những tên cai trên họ.
- 10 Và chuyện rằng, những nỗi thống khổ của họ thật quá lớn lao đến nỗi họ phải kêu cầu thống thiết với Thượng Đế.
- 11 Và A Mu Lôn ra lệnh cho họ phải chấm dứt những lời kêu cầu ấy; rồi hấn còn phái người canh gác theo dõi họ, hễ thấy ai kêu cầu Thượng Đế thì đem xử tử.
- 12 Và An Ma cùng dân của ông không còn cất lời lên Chúa, Thượng Đế của họ nữa, mà chỉ biết dâng hết lòng mình lên Ngài; và Ngài đã hiểu thấu những ý nghĩ trong lòng họ.
- 13 Và chuyện rằng, tiếng nói của Chúa đến trong nỗi thống khổ của họ mà rằng: Các người hãy ngẩng đầu lên và vui vẻ, vì ta biết giao ước mà các người đã lập với ta; và ta sẽ giao ước với dân ta và giải thoát cho họ khỏi vòng nô lệ.
- 14 Và ta cũng sẽ làm nhẹ gánh nặng trên vai các người, đến nỗi các người không còn cảm thấy gì hết trên vai mình, mặc dù trong lúc các người vẫn còn ở trong vòng nô lệ; và ta sẽ làm vậy để các người đứng lên làm chứng cho ta sau này, để các người biết chắc rằng ta, Đức Chúa Trời, có đến viếng thăm dân ta trong cơn đau khổ của họ.
- 15 Và giờ đây chuyện rằng, những gánh nặng trên vai An Ma cùng những người anh em của ông đều được làm cho nhẹ đi; phải, Chúa đã ban thêm sức mạnh cho họ để họ có thể mang những gánh nặng ấy một cách dễ dàng, và họ đã tuân phục tất cả ý muốn của Chúa một cách vui vẻ và đầy kiên nhẫn.
- 16 Và chuyện rằng, đức tin và lòng kiên nhẫn của họ quá lớn lao đến nỗi tiếng nói của Chúa lại đến với họ mà rằng: Hãy vui vẻ lên, vì ngày mai ta sẽ giải thoát các người khỏi vòng nô lệ.
- 17 Và Ngài phán bảo An Ma rằng: Người hãy đi trước mặt dân này, và ta sẽ cùng đi với người và giải thoát dân này khỏi vòng nô lệ.

For Amulon knew Alma, that he had been one of the king's priests, and that it was he that believed the words of Abinadi and was driven out before the king, and therefore he was wroth with him; for he was subject to king Laman, yet he exercised authority over them, and put tasks upon them, and put task-masters over them.

And it came to pass that so great were their afflictions that they began to cry mightily to God.

And Amulon commanded them that they should stop their cries; and he put guards over them to watch them, that whosoever should be found calling upon God should be put to death.

And Alma and his people did not raise their voices to the Lord their God, but did pour out their hearts to him; and he did know the thoughts of their hearts.

And it came to pass that the voice of the Lord came to them in their afflictions, saying: Lift up your heads and be of good comfort, for I know of the covenant which ye have made unto me; and I will covenant with my people and deliver them out of bondage.

And I will also ease the burdens which are put upon your shoulders, that even you cannot feel them upon your backs, even while you are in bondage; and this will I do that ye may stand as witnesses for me hereafter, and that ye may know of a surety that I, the Lord God, do visit my people in their afflictions.

And now it came to pass that the burdens which were laid upon Alma and his brethren were made light; yea, the Lord did strengthen them that they could bear up their burdens with ease, and they did submit cheerfully and with patience to all the will of the Lord.

And it came to pass that so great was their faith and their patience that the voice of the Lord came unto them again, saying: Be of good comfort, for on the morrow I will deliver you out of bondage.

And he said unto Alma: Thou shalt go before this people, and I will go with thee and deliver this people out of bondage.

- 18 Giờ đây chuyện rằng, khi đêm xuống, An Ma cùng dân của ông thu góp các đàn gia súc của họ lại, và cả các hạt ngũ cốc nữa; phải, họ thu góp tất cả các đàn gia súc của họ suốt cả đêm trường.
- 19 Và sáng hôm sau, Chúa khiến cho dân La Man thấy đều ngủ say, phải, và tất cả những bọn cai canh giữ họ cũng đều ngủ mê.
- 20 Và An Ma cùng dân của ông ra đi vào vùng hoang dã; và sau khi đi hết ngày hôm đó, họ dừng lại và dựng lều lên trong một thung lũng mà họ gọi là thung lũng An Ma, vì ông đã dẫn đường cho họ đi trong vùng hoang dã.
- 21 Phải, và khi ở trong thung lũng An Ma, họ đã dâng lời tạ ơn lên Thượng Đế, vì Ngài đã thương xót họ và làm nhẹ gánh nặng cho họ, cùng giải thoát họ khỏi vòng nô lệ; vì họ ở trong cảnh nô lệ và chẳng một ai có thể giải thoát được cho họ ngoại trừ Chúa, Thượng Đế của họ.
- 22 Và họ cảm tạ Thượng Đế, phải, tất cả đàn ông, đàn bà cùng những trẻ con biết nói đều cất cao giọng lên tán mỹ Thượng Đế của họ.
- 23 Và thế rồi, Chúa phán cùng An Ma rằng: Người hãy mau đem dân của người đi khỏi xứ này, vì dân La Man đã thức dậy, và đang đuổi theo người; vậy người hãy ra khỏi xứ này, và ta sẽ cầm chân dân La Man lại trong thung lũng này, để chúng không đuổi theo dân này nữa.
- 24 Và chuyện rằng, họ lên đường ra khỏi thung lũng, và tiếp tục cuộc hành trình vào vùng hoang dã.
- 25 Và sau khi đã ở trong vùng hoang dã mười hai ngày, họ đến được xứ Gia Ra Hem La; và vua Mô Si A cũng đã vui mừng đón tiếp họ.

Now it came to pass that Alma and his people in the night-time gathered their flocks together, and also of their grain; yea, even all the night-time were they gathering their flocks together.

And in the morning the Lord caused a deep sleep to come upon the Lamanites, yea, and all their task-masters were in a profound sleep.

And Alma and his people departed into the wilderness; and when they had traveled all day they pitched their tents in a valley, and they called the valley Alma, because he led their way in the wilderness.

Yea, and in the valley of Alma they poured out their thanks to God because he had been merciful unto them, and eased their burdens, and had delivered them out of bondage; for they were in bondage, and none could deliver them except it were the Lord their God.

And they gave thanks to God, yea, all their men and all their women and all their children that could speak lifted their voices in the praises of their God.

And now the Lord said unto Alma: Haste thee and get thou and this people out of this land, for the Lamanites have awakened and do pursue thee; therefore get thee out of this land, and I will stop the Lamanites in this valley that they come no further in pursuit of this people.

And it came to pass that they departed out of the valley, and took their journey into the wilderness.

And after they had been in the wilderness twelve days they arrived in the land of Zarahemla; and king Mosiah did also receive them with joy.

## Mô Si A 25

- 1 Và giờ đây vua Mô Si A cho tập họp tất cả dân chúng lại.
- 2 Lúc bấy giờ không có nhiều con cháu của Nê Phi, hay là kể tất cả con cháu của Nê Phi lại vẫn không đông bằng dân Gia Ra Hem La, là con cháu của Mơ Léc, và những người đã đi theo ông vào vùng hoang dã.
- 3 Còn tất cả dân Nê Phi và dân Gia Ra Hem La gộp lại vẫn không đông bằng dân La Man; phải, họ không bằng phân nửa dân La Man.
- 4 Và giờ đây, tất cả dân Nê Phi đều tụ họp lại, và tất cả dân Gia Ra Hem La cũng vậy, và họ tụ họp lại thành hai nhóm.
- 5 Và chuyện rằng, Mô Si A đọc lên, và cho người đọc lên, các biên sử của Giê Níp cho dân ông nghe; phải, ông đọc những biên sử của dân Giê Níp từ lúc họ rời bỏ xứ Gia Ra Hem La ra đi cho đến lúc họ trở về.
- 6 Và ông cũng đọc luôn cả truyện ký về An Ma và các đồng bào của ông, cùng tất cả những nỗi khổ đau của họ từ lúc họ rời bỏ xứ Gia Ra Hem La cho đến khi họ trở về.
- 7 Và giờ đây, khi Mô Si A đọc xong những biên sử ấy, thì dân của ông, là những người còn ở lại trong xứ, rất đỗi ngạc nhiên và kinh dị.
- 8 Vì họ không biết phải suy nghĩ gì; vì họ tràn đầy sự vui mừng lớn lao khi thấy những người đã được giải thoát khỏi vòng nô lệ.
- 9 Và lại nữa, khi họ nghĩ đến các đồng bào của họ đã bị dân La Man sát hại thì lòng họ tràn đầy đau đớn đến phải rơi lệ xót thương.
- 10 Và lại nữa, khi họ nghĩ tới lòng nhân từ kẻ cận của Thượng Đế và quyền năng của Ngài trong việc giải thoát An Ma cùng những người anh em của ông ra khỏi bàn tay của dân La Man và ra khỏi vòng nô lệ, thì họ đồng cất lời cảm tạ Thượng Đế.
- 11 Và lại nữa, khi họ nghĩ tới dân La Man, là đồng bào của họ, và nghĩ tới trạng thái tội lỗi và ô uế của dân này, thì lòng họ cảm thấy tràn đầy sự đau đớn và lo âu cho sự an lạc của tâm hồn họ.

## Mosiah 25

And now king Mosiah caused that all the people should be gathered together.

Now there were not so many of the children of Nephi, or so many of those who were descendants of Nephi, as there were of the people of Zarahemla, who was a descendant of Mulek, and those who came with him into the wilderness.

And there were not so many of the people of Nephi and of the people of Zarahemla as there were of the Lamanites; yea, they were not half so numerous.

And now all the people of Nephi were assembled together, and also all the people of Zarahemla, and they were gathered together in two bodies.

And it came to pass that Mosiah did read, and caused to be read, the records of Zeniff to his people; yea, he read the records of the people of Zeniff, from the time they left the land of Zarahemla until they returned again.

And he also read the account of Alma and his brethren, and all their afflictions, from the time they left the land of Zarahemla until the time they returned again.

And now, when Mosiah had made an end of reading the records, his people who tarried in the land were struck with wonder and amazement.

For they knew not what to think; for when they beheld those that had been delivered out of bondage they were filled with exceedingly great joy.

And again, when they thought of their brethren who had been slain by the Lamanites they were filled with sorrow, and even shed many tears of sorrow.

And again, when they thought of the immediate goodness of God, and his power in delivering Alma and his brethren out of the hands of the Lamanites and of bondage, they did raise their voices and give thanks to God.

And again, when they thought upon the Lamanites, who were their brethren, of their sinful and polluted state, they were filled with pain and anguish for the welfare of their souls.

- 12 Và chuyện rằng, các con cháu của A Mu Lôn và đồng bọn của hắn, tức là những người trước kia đã bắt các con gái của dân La Man đem về làm vợ, đều không hài lòng về phẩm hạnh của cha mình, và họ không muốn được gọi bằng tên cha của họ nữa, vì thế họ mang lấy tên Nê Phi để được gọi là con cháu của Nê Phi, và được kể vào dân số những người được gọi là dân Nê Phi.
- 13 Và giờ đây, tất cả dân Gia Ra Hem La đều được kể vào dân Nê Phi, và việc này cũng vì vương quốc đó chỉ được trao cho con cháu của Nê Phi mà thôi.
- 14 Và giờ đây chuyện rằng, khi Mô Si A dứt lời và đọc xong biên sử cho dân chúng nghe, ông muốn An Ma cũng ngỏ lời với dân chúng.
- 15 Và An Ma đã ngỏ lời cùng họ khi họ đang còn tụ họp thành nhiều đám đông, và ông đi đến từng đám đông thuyết giảng cho dân chúng nghe về sự hối cải và đức tin nơi Chúa.
- 16 Và ông đã khuyên nhủ dân của Lim Hi cùng các người anh em của ông, tất cả những người đã được giải thoát khỏi vòng nô lệ, rằng họ nên ghi nhớ là chính Chúa đã giải thoát họ.
- 17 Và chuyện rằng, sau khi An Ma giảng dạy cho dân chúng biết nhiều điều, và khi ông đã dứt lời, thì vua Lim Hi ngỏ ý muốn được báp têm; và luôn cả dân của ông cũng muốn được báp têm nữa.
- 18 Vậy nên, An Ma đã bước xuống nước và làm phép báp têm cho họ; phải, ông đã báp têm cho họ đúng theo thể thức như khi ông báp têm các người anh em của mình trong dòng suối Mặc Môn; phải, và tất cả những ai đã được ông báp têm đều thuộc về giáo hội của Thượng Đế; và sở dĩ được vậy là vì họ có lòng tin vào những lời của An Ma.
- 19 Và chuyện rằng, vua Mô Si A cho phép An Ma được quyền thiết lập các giáo hội trên toàn lãnh thổ xứ Gia Ra Hem La; và ban cho ông quyền hành được sắc phong các thầy tư tế và các thầy giảng cho mỗi giáo hội.

And it came to pass that those who were the children of Amulon and his brethren, who had taken to wife the daughters of the Lamanites, were displeased with the conduct of their fathers, and they would no longer be called by the names of their fathers, therefore they took upon themselves the name of Nephi, that they might be called the children of Nephi and be numbered among those who were called Nephites.

And now all the people of Zarahemla were numbered with the Nephites, and this because the kingdom had been conferred upon none but those who were descendants of Nephi.

And now it came to pass that when Mosiah had made an end of speaking and reading to the people, he desired that Alma should also speak to the people.

And Alma did speak unto them, when they were assembled together in large bodies, and he went from one body to another, preaching unto the people repentance and faith on the Lord.

And he did exhort the people of Limhi and his brethren, all those that had been delivered out of bondage, that they should remember that it was the Lord that did deliver them.

And it came to pass that after Alma had taught the people many things, and had made an end of speaking to them, that king Limhi was desirous that he might be baptized; and all his people were desirous that they might be baptized also.

Therefore, Alma did go forth into the water and did baptize them; yea, he did baptize them after the manner he did his brethren in the waters of Mormon; yea, and as many as he did baptize did belong to the church of God; and this because of their belief on the words of Alma.

And it came to pass that king Mosiah granted unto Alma that he might establish churches throughout all the land of Zarahemla; and gave him power to ordain priests and teachers over every church.

- 20 Bấy giờ sở dĩ phải làm như vậy, vì dân số quá đông, nên một thầy giảng không thể cai quản hết tất cả được; và tất cả mọi người cũng không thể nghe được lời Thượng Đế trong một buổi họp chung;
- 21 Vậy nên, họ phải hội họp lại thành nhiều nhóm khác nhau, và mỗi nhóm được gọi là một giáo hội; và mỗi giáo hội đều có các thầy tư tế và các thầy giảng, và mọi thầy tư tế đều phải thuyết giảng lời của Thượng Đế đúng theo lời do từ miệng An Ma nói ra cho người ấy.
- 22 Và như vậy, mặc dù có nhiều giáo hội, nhưng tất cả chỉ là một giáo hội; phải, đó là giáo hội của Thượng Đế; vì trong tất cả các giáo hội đó chẳng thuyết giảng điều gì khác hơn là sự hối cải và đức tin nơi Thượng Đế.
- 23 Và giờ đây có tất cả bảy giáo hội trong xứ Gia Ra Hem La. Và chuyện rằng, bất cứ ai muốn mang danh Đấng Ky Tô, hay danh Thượng Đế, đều gia nhập vào các giáo hội của Thượng Đế;
- 24 Và họ được gọi là dân của Thượng Đế. Và Chúa đã trút Thánh Linh của Ngài lên họ; họ được phước và được thịnh vượng trong xứ.

Now this was done because there were so many people that they could not all be governed by one teacher; neither could they all hear the word of God in one assembly;

Therefore they did assemble themselves together in different bodies, being called churches; every church having their priests and their teachers, and every priest preaching the word according as it was delivered to him by the mouth of Alma.

And thus, notwithstanding there being many churches they were all one church, yea, even the church of God; for there was nothing preached in all the churches except it were repentance and faith in God.

And now there were seven churches in the land of Zarahemla. And it came to pass that whosoever were desirous to take upon them the name of Christ, or of God, they did join the churches of God;

And they were called the people of God. And the Lord did pour out his Spirit upon them, and they were blessed, and prospered in the land.



## Mô Si A 26

- 1 Giờ đây chuyện rằng, có nhiều người trong thế hệ đang vươn lên không hiểu được những lời của vua Bên Gia Min nói, vì khi vua nói với dân ông thì họ đang còn nhỏ; và họ không tin vào truyền thống của tổ phụ họ.
- 2 Họ không tin những lời nói về sự phục sinh của người chết, cũng như họ không tin về sự hiện đến của Đấng Ky Tô.
- 3 Và giờ đây vì sự vô tín ngưỡng của họ nên họ không thể hiểu được lời của Thượng Đế; và lòng họ đã chai đá.
- 4 Và họ không chịu báp têm, cũng không chịu gia nhập giáo hội. Còn về đức tin thì họ là một dân tộc riêng biệt, và họ cứ sống mãi như thế, trong trạng thái xác thịt và tội lỗi của mình; vì họ không chịu cầu khẩn lên Chúa, Thượng Đế của họ.
- 5 Và giờ đây dưới triều Mô Si A, họ không đông bằng phân nửa dân của Thượng Đế; nhưng vì những mối bất hòa xảy ra giữa các tín hữu nên họ trở nên đông đảo hơn.
- 6 Vì chuyện rằng, họ đã lừa gạt được nhiều người trong giáo hội với những lời phỉnh nịnh, và đã xúi giục nhiều người phạm lỗi lầm điều tội lỗi; do đó điều trở nên cần thiết là những người nào ở trong giáo hội mà phạm tội cần phải bị giáo hội khiển trách.
- 7 Và chuyện rằng, họ bị dẫn đến trước mặt các thầy tư tế, và được các thầy giảng đem giao cho các thầy tư tế; và các thầy tư tế dẫn họ đến trước mặt An Ma là thầy tư tế thượng phẩm.
- 8 Bây giờ, vua Mô Si A đã ban cho An Ma thẩm quyền cai quản giáo hội.
- 9 Và chuyện rằng, An Ma không biết gì về họ; nhưng có nhiều nhân chứng chống lại họ; phải, dân chúng đứng lên làm chứng rất nhiều về những điều bất chính của họ.
- 10 Nay, từ trước tới giờ những chuyện như vậy chưa từng xảy ra trong giáo hội; vậy nên An Ma tâm thần bối rối, và ông cho dẫn những người ấy đến trước mặt vua.

## Mosiah 26

Now it came to pass that there were many of the rising generation that could not understand the words of king Benjamin, being little children at the time he spake unto his people; and they did not believe the tradition of their fathers.

They did not believe what had been said concerning the resurrection of the dead, neither did they believe concerning the coming of Christ.

And now because of their unbelief they could not understand the word of God; and their hearts were hardened.

And they would not be baptized; neither would they join the church. And they were a separate people as to their faith, and remained so ever after, even in their carnal and sinful state; for they would not call upon the Lord their God.

And now in the reign of Mosiah they were not half so numerous as the people of God; but because of the dissensions among the brethren they became more numerous.

For it came to pass that they did deceive many with their flattering words, who were in the church, and did cause them to commit many sins; therefore it became expedient that those who committed sin, that were in the church, should be admonished by the church.

And it came to pass that they were brought before the priests, and delivered up unto the priests by the teachers; and the priests brought them before Alma, who was the high priest.

Now king Mosiah had given Alma the authority over the church.

And it came to pass that Alma did not know concerning them; but there were many witnesses against them; yea, the people stood and testified of their iniquity in abundance.

Now there had not any such thing happened before in the church; therefore Alma was troubled in his spirit, and he caused that they should be brought before the king.

11 Và ông nói với vua rằng: Muôn tâu bệ hạ, đây là những người mà chúng tôi đã dẫn đến trước mặt bệ hạ, họ là những người bị những người anh em của họ kết tội; phải, họ đã bị bắt phạm tội bất chính. Và họ không hối cải những điều bất chính của mình; vậy nên chúng tôi đã dẫn họ đến trước mặt bệ hạ, để bệ hạ xét xử tùy theo tội trạng của họ.

12 Nhưng vua Mô Si A bảo An Ma rằng: Nay, trẫm không xét xử họ; vậy nên, trẫm trao họ vào lại tay khanh để khanh xét xử lấy.

13 Và giờ đây, tâm thần của An Ma lại bối rối; ông bèn đi cầu vấn Chúa để biết mình phải làm gì đối với vấn đề này, vì ông sợ mình sẽ làm điều quấy trước mắt Thượng Đế.

14 Và chuyện rằng, sau khi ông dâng hết tâm hồn mình lên Thượng Đế, thì tiếng nói của Chúa lại đến với ông mà rằng:

15 Hỡi An Ma, phước thay cho người, và phước thay cho những ai đã được báp têm trong dòng suối Mặc Môn. Người được phước vì đức tin lớn lao của người đối với những lời nói của tôi tớ A Bi Na Đi của ta mà thôi.

16 Và phước thay cho những kẻ kia vì đức tin lớn lao của họ đối với những lời người đã nói với họ.

17 Và phước thay cho người vì người đã thiết lập một giáo hội giữa dân này; và họ sẽ được thiết lập và sẽ là dân của ta.

18 Phải, phước thay cho dân này là những người sẵn lòng mang danh ta; vì họ sẽ được gọi theo danh ta, và họ thuộc về ta.

19 Và vì người đã cầu vấn ta về kẻ phạm giới, nên người được phước.

20 Người là tôi tớ của ta; và ta giao ước với người rằng người sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu; và người sẽ phục vụ ta và sẽ tiến bước trong danh ta, và sẽ quy tụ các con chiên của ta lại.

21 Và kẻ nào nghe tiếng nói của ta sẽ là chiên của ta; và kẻ đó người sẽ tiếp nhận vào trong giáo hội, và kẻ đó ta cũng sẽ tiếp nhận.

22 Vì này, đây là giáo hội của ta; bất cứ kẻ nào được báp têm thì sẽ được báp têm để hối cải. Và bất cứ kẻ nào được người tiếp nhận đều sẽ tin nơi danh ta, và kẻ đó sẽ được ta rộng lòng tha thứ.

And he said unto the king: Behold, here are many whom we have brought before thee, who are accused of their brethren; yea, and they have been taken in divers iniquities. And they do not repent of their iniquities; therefore we have brought them before thee, that thou mayest judge them according to their crimes.

But king Mosiah said unto Alma: Behold, I judge them not; therefore I deliver them into thy hands to be judged.

And now the spirit of Alma was again troubled; and he went and inquired of the Lord what he should do concerning this matter, for he feared that he should do wrong in the sight of God.

And it came to pass that after he had poured out his whole soul to God, the voice of the Lord came to him, saying:

Blessed art thou, Alma, and blessed are they who were baptized in the waters of Mormon. Thou art blessed because of thy exceeding faith in the words alone of my servant Abinadi.

And blessed are they because of their exceeding faith in the words alone which thou hast spoken unto them.

And blessed art thou because thou hast established a church among this people; and they shall be established, and they shall be my people.

Yea, blessed is this people who are willing to bear my name; for in my name shall they be called; and they are mine.

And because thou hast inquired of me concerning the transgressor, thou art blessed.

Thou art my servant; and I covenant with thee that thou shalt have eternal life; and thou shalt serve me and go forth in my name, and shalt gather together my sheep.

And he that will hear my voice shall be my sheep; and him shall ye receive into the church, and him will I also receive.

For behold, this is my church; whosoever is baptized shall be baptized unto repentance. And whomsoever ye receive shall believe in my name; and him will I freely forgive.

23 Vì chính ta là Đấng sẽ nhận lấy các tội lỗi của thế gian; vì chính ta là Đấng đã sáng tạo ra họ; và cũng chính ta là Đấng sẽ ban một chỗ bên tay phải của ta cho kẻ biết tin ta cho tới cùng.

24 Vì này, họ được gọi bằng danh ta; và nếu họ biết ta thì họ sẽ đến và sẽ có một chỗ bên tay phải của ta đời đời.

25 Và chuyện rằng, khi mà tiếng kèn thứ hai thổi lên, thì tất cả những kẻ chưa bao giờ biết ta sẽ bước ra đứng trước mặt ta.

26 Và rồi lúc ấy họ sẽ biết rằng ta là Chúa, Thượng Đế của họ, rằng ta là Đấng Cứu Chuộc của họ, nhưng họ sẽ không được cứu chuộc.

27 Và lúc ấy, ta sẽ nói với họ rằng, ta chưa hề biết họ; và rồi họ sẽ phải đi vào ngọn lửa vĩnh viễn, đã được sắm sẵn cho quỷ dữ và các quỷ sứ của nó.

28 Vậy nên ta nói cho người hay rằng, kẻ nào không chịu nghe lời của ta thì người chớ thu nhận vào giáo hội của ta, vì vào ngày sau cùng ta sẽ không thu nhận kẻ đó.

29 Vậy nên ta bảo người, hãy đi; và kẻ nào phạm tội chống lại ta thì người cứ xét xử theo tội trạng của kẻ đó; và nếu kẻ đó thú tội trước mặt người và ta, và biết hối cải một cách chân thật trong lòng, thì người hãy tha thứ cho kẻ đó, và ta cũng sẽ tha thứ cho kẻ đó.

30 Phải, và bất cứ lúc nào dân của ta biết hối cải, thì ta sẽ tha thứ cho họ về những điều họ đã xúc phạm đến ta.

31 Và các người cũng phải tha thứ cho nhau về những điều các người xúc phạm lẫn nhau; vì quả thật ta nói cho người hay, kẻ nào không biết tha thứ những lầm lỗi của người lân cận khi người này nói mình đã biết hối cải, thì chính kẻ đó đã tự chuốc lấy sự kết tội vậy.

32 Giờ đây ta bảo người, hãy đi; và kẻ nào không chịu hối cải tội lỗi của mình thì sẽ không được kể là dân của ta; và từ nay trở đi điều này phải được tuân giữ.

33 Và chuyện rằng, khi An Ma nghe xong những lời này, ông bèn ghi chép hết lại để lưu giữ những điều đó, ngõ hầu ông có thể xét xử dân của giáo hội đó theo như những lệnh truyền của Thượng Đế.

For it is I that taketh upon me the sins of the world; for it is I that hath created them; and it is I that granteth unto him that believeth unto the end a place at my right hand.

For behold, in my name are they called; and if they know me they shall come forth, and shall have a place eternally at my right hand.

And it shall come to pass that when the second trump shall sound then shall they that never knew me come forth and shall stand before me.

And then shall they know that I am the Lord their God, that I am their Redeemer; but they would not be redeemed.

And then I will confess unto them that I never knew them; and they shall depart into everlasting fire prepared for the devil and his angels.

Therefore I say unto you, that he that will not hear my voice, the same shall ye not receive into my church, for him I will not receive at the last day.

Therefore I say unto you, Go; and whosoever transgresseth against me, him shall ye judge according to the sins which he has committed; and if he confess his sins before thee and me, and repenteth in the sincerity of his heart, him shall ye forgive, and I will forgive him also.

Yea, and as often as my people repent will I forgive them their trespasses against me.

And ye shall also forgive one another your trespasses; for verily I say unto you, he that forgiveth not his neighbor's trespasses when he says that he repents, the same hath brought himself under condemnation.

Now I say unto you, Go; and whosoever will not repent of his sins the same shall not be numbered among my people; and this shall be observed from this time forward.

And it came to pass when Alma had heard these words he wrote them down that he might have them, and that he might judge the people of that church according to the commandments of God.

- 34 Và chuyện rằng, An Ma đã ra đi xét xử những kẻ bị bắt phạm tội bất chính, đúng theo lời của Chúa phán dạy.
- 35 Và bất cứ kẻ nào biết hối cải tội lỗi của mình và thú tội, thì họ đều được ông kể vào hàng giáo dân của giáo hội.
- 36 Còn những kẻ nào không chịu thú tội cùng hối cải sự bất chính của mình, thì những kẻ đó không được kể vào hàng dân của giáo hội, và tên của họ bị xóa bỏ.
- 37 Và chuyện rằng, An Ma chỉnh đốn lại tất cả các công việc trong giáo hội; và họ lại bắt đầu có sự an bình và thành công vượt bậc trong các công việc của giáo hội. Họ bước đi một cách thận trọng trước mặt Thượng Đế, tiếp nhận nhiều người và báp têm nhiều người.
- 38 Và giờ đây An Ma cùng những người cộng sự của ông là những người cai quản giáo hội, đã làm tất cả những công việc ấy, và họ bước đi một cách cẩn mẫn, giảng dạy lời của Thượng Đế trong mọi việc, chịu đựng đủ mọi thứ khổ đau, và chịu sự ngược đãi của những người không thuộc giáo hội của Thượng Đế.
- 39 Và họ đã khiển trách những người anh em của họ; và chính họ, ai nấy cũng đều bị lời của Thượng Đế khiển trách, tùy theo tội lỗi của mình hay những tội lỗi mình đã phạm từ trước, và họ được Thượng Đế truyền lệnh phải cầu nguyện không ngừng và phải tạ ơn trong mọi việc.

And it came to pass that Alma went and judged those that had been taken in iniquity, according to the word of the Lord.

And whosoever repented of their sins and did confess them, them he did number among the people of the church;

And those that would not confess their sins and repent of their iniquity, the same were not numbered among the people of the church, and their names were blotted out.

And it came to pass that Alma did regulate all the affairs of the church; and they began again to have peace and to prosper exceedingly in the affairs of the church, walking circumspectly before God, receiving many, and baptizing many.

And now all these things did Alma and his fellow laborers do who were over the church, walking in all diligence, teaching the word of God in all things, suffering all manner of afflictions, being persecuted by all those who did not belong to the church of God.

And they did admonish their brethren; and they were also admonished, every one by the word of God, according to his sins, or to the sins which he had committed, being commanded of God to pray without ceasing, and to give thanks in all things.

## Mô Si A 27

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, sự ngược đãi giáo hội của những người vô tín ngưỡng đã trở nên quá khắc nghiệt, đến nỗi giáo hội bắt đầu phải ta thán và phàn nàn với các người lãnh đạo của họ về việc này. Rồi họ đã phàn nàn với An Ma, và An Ma đem trường hợp này báo cáo với vua của họ là Mô Si A. Và Mô Si A hội ý với các thầy tư tế của mình.
- 2 Và chuyện rằng, vua Mô Si A ra một hịch truyền rao khắp xứ rằng, không một người vô tín ngưỡng nào được quyền ngược đãi bất cứ ai thuộc giáo hội của Thượng Đế.
- 3 Và một lệnh truyền nghiêm ngặt được ban ra cho tất cả các giáo hội là, không được để cho một sự ngược đãi nào xảy ra giữa họ, mà phải có sự bình đẳng giữa mọi người;
- 4 Không được để cho sự kiêu căng hay ngạo mạn nào quấy rầy sự thanh bình của họ; mọi người phải tôn trọng người lân cận của mình như chính mình, và phải làm việc với chính bàn tay mình để nuôi sống mình.
- 5 Phải, tất cả các thầy tư tế và thầy giảng đều phải làm việc với chính bàn tay của mình để nuôi sống mình, trong tất cả mọi trường hợp trừ những khi đau ốm hay quá túng thiếu. Và khi làm những điều này, họ đã được tràn đầy ân điển của Thượng Đế.
- 6 Và thanh bình lại bắt đầu đầy dẫy trong xứ; và dân chúng bắt đầu gia tăng đông đảo và bắt đầu ở rải rác khắp mặt đất, phải, ở miền bắc, và ở miền nam, ở phía đông, và ở phía tây; họ dựng lên những thành phố rộng lớn, và những làng mạc trên khắp bốn phương trời của xứ sở.
- 7 Và Chúa có đến viếng thăm họ và làm cho họ được thịnh vượng, và họ đã trở thành một dân tộc đông đảo và phú cường.
- 8 Bây giờ, các con trai của vua Mô Si A lại bị kể vào thành phần những người vô tín ngưỡng; và một trong những con trai của An Ma cũng bị kể vào thành phần đó, người này có tên là An Ma, lấy theo tên của cha mình; tuy nhiên, ông lại là một người hết sức độc ác và tôn thờ hình tượng. Ông là một người lắm lời, và thường nói nhiều lời phỉ nhổ dân chúng; vì thế mà ông đã hướng dẫn nhiều người làm theo những điều bất chính của mình.

## Mosiah 27

And now it came to pass that the persecutions which were inflicted on the church by the unbelievers became so great that the church began to murmur, and complain to their leaders concerning the matter; and they did complain to Alma. And Alma laid the case before their king, Mosiah. And Mosiah consulted with his priests.

And it came to pass that king Mosiah sent a proclamation throughout the land round about that there should not any unbeliever persecute any of those who belonged to the church of God.

And there was a strict command throughout all the churches that there should be no persecutions among them, that there should be an equality among all men;

That they should let no pride nor haughtiness disturb their peace; that every man should esteem his neighbor as himself, laboring with their own hands for their support.

Yea, and all their priests and teachers should labor with their own hands for their support, in all cases save it were in sickness, or in much want; and doing these things, they did abound in the grace of God.

And there began to be much peace again in the land; and the people began to be very numerous, and began to scatter abroad upon the face of the earth, yea, on the north and on the south, on the east and on the west, building large cities and villages in all quarters of the land.

And the Lord did visit them and prosper them, and they became a large and wealthy people.

Now the sons of Mosiah were numbered among the unbelievers; and also one of the sons of Alma was numbered among them, he being called Alma, after his father; nevertheless, he became a very wicked and an idolatrous man. And he was a man of many words, and did speak much flattery to the people; therefore he led many of the people to do after the manner of his iniquities.

- 9 Và ông đã trở thành một chướng ngại lớn lao cho sự phát triển của giáo hội của Thượng Đế; ông đã khéo chiếm đoạt lòng dân chúng, gây nhiều sự bất hòa giữa mọi người, tạo cơ hội cho kẻ thù của Thượng Đế sử dụng quyền hành của nó đối với họ.
- 10 Và chuyện rằng, trong lúc ông đang đi khắp nơi để phá hoại giáo hội của Thượng Đế, vì ông đã bí mật đi khắp nơi cùng các con trai của Mô Si A để tìm cách phá hoại giáo hội và hướng dẫn dân của Chúa đi lạc lối, trái với các lệnh truyền của Thượng Đế, hay ngay cả của vua nữa—
- 11 Và như tôi đã nói với các người, trong lúc họ đi khắp nơi để chống lại Thượng Đế, này, một vị thiên sứ của Chúa hiện ra cùng họ; và vị này giáng xuống như trong một đám mây, và cất lời nói với họ như tiếng sấm sét, khiến cho đất nơi họ đang đứng phải rung chuyển.
- 12 Và họ ngạc nhiên đến nỗi ngã lăn xuống đất, và không hiểu được những lời vị thiên sứ đã nói với họ.
- 13 Tuy nhiên vị thiên sứ lại kêu lên mà rằng: An Ma, hãy đứng lên, và bước lại đây, sao người dám ngược đãi giáo hội của Thượng Đế? Vì Chúa đã phán rằng: Đây là giáo hội của ta, và ta sẽ thiết lập nó; và không một điều gì có thể lật đổ được nó, ngoại trừ sự phạm giới của dân ta.
- 14 Và vị thiên sứ lại bảo rằng: Này, Chúa đã nghe những lời cầu nguyện của dân Ngài và cả lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài, là An Ma, cha của người; vì người đã cầu nguyện cho người với một đức tin mãnh liệt để người có thể được mang tới sự hiểu biết lẽ thật; vậy nên, vì mục đích này ta mới đến đây để thuyết phục cho người tin về quyền năng và thẩm quyền của Thượng Đế, ngõ hầu cho những lời cầu nguyện của các tôi tớ của Ngài có thể được đáp ứng tùy theo đức tin của họ.
- 15 Và giờ đây này, người có thể tranh biện về quyền năng của Thượng Đế được không? Vì này, chẳng phải tiếng nói của ta đã làm rung chuyển mặt đất này sao? Và người cũng chẳng trông thấy ta đang đứng trước mặt người đây sao? Và ta được Thượng Đế sai xuống.

And he became a great hinderment to the prosperity of the church of God; stealing away the hearts of the people; causing much dissension among the people; giving a chance for the enemy of God to exercise his power over them.

And now it came to pass that while he was going about to destroy the church of God, for he did go about secretly with the sons of Mosiah seeking to destroy the church, and to lead astray the people of the Lord, contrary to the commandments of God, or even the king—

And as I said unto you, as they were going about rebelling against God, behold, the angel of the Lord appeared unto them; and he descended as it were in a cloud; and he spake as it were with a voice of thunder, which caused the earth to shake upon which they stood;

And so great was their astonishment, that they fell to the earth, and understood not the words which he spake unto them.

Nevertheless he cried again, saying: Alma, arise and stand forth, for why persecutest thou the church of God? For the Lord hath said: This is my church, and I will establish it; and nothing shall overthrow it, save it is the transgression of my people.

And again, the angel said: Behold, the Lord hath heard the prayers of his people, and also the prayers of his servant, Alma, who is thy father; for he has prayed with much faith concerning thee that thou mightest be brought to the knowledge of the truth; therefore, for this purpose have I come to convince thee of the power and authority of God, that the prayers of his servants might be answered according to their faith.

And now behold, can ye dispute the power of God? For behold, doth not my voice shake the earth? And can ye not also behold me before you? And I am sent from God.

16 Giờ đây, ta nói cùng người: Hãy đi, và hãy nhớ sự tù đày của các tổ phụ người trong xứ Hê Lam và trong xứ Nê Phi; và hãy nhớ những điều Ngài đã làm cho họ thật vĩ đại biết bao; vì họ bị ở trong vòng nô lệ, và đã được Ngài giải thoát. Và giờ đây ta bảo người, hỡi An Ma, hãy đi và đừng tìm cách phá hoại giáo hội nữa, để cho những lời cầu nguyện của họ có thể được đáp ứng, và điều này ngay cả nếu chính người muốn bị khai trừ.

17 Và giờ đây chuyện rằng, đó là những lời cuối cùng mà vị thiên sứ đã nói với An Ma, rồi vị thiên sứ bỏ đi.

18 Và giờ đây, An Ma và những người đi theo ông lại một lần nữa ngã xuống đất, vì họ quá đỗi kinh ngạc; vì chính mắt họ đã trông thấy thiên sứ của Chúa; và tiếng nói của vị này như sấm làm rung chuyển cả mặt đất; và họ biết rằng, chỉ có quyền năng của Thượng Đế mới có thể làm cho mặt đất lay chuyển được và khiến cho nó rung động như sấm nứt ra.

19 Và giờ đây, vì quá đỗi kinh ngạc nên An Ma đã trở nên câm và không mở miệng ra được; phải, ông đã trở nên quá yếu đuối đến nỗi không cử động được chân tay; vậy nên ông được những người đi theo ông khiêng ông đi trong lúc ông bất động, ngay cả cho đến khi ông được đặt trước mặt cha ông.

20 Và họ kể lại cho cha ông nghe tất cả những gì đã xảy ra; và cha ông rất vui mừng vì cha ông biết đó là quyền năng của Thượng Đế.

21 Rồi cha ông truyền bảo dân chúng tụ họp lại để chứng kiến những gì Chúa đã làm cho con trai mình cùng những người theo con trai mình.

22 Và cha ông còn bảo các thầy tư tế họp lại; và họ bắt đầu nhịn ăn và cầu nguyện lên Chúa, Thượng Đế của họ, để Ngài mở miệng An Ma, để ông có thể nói được và cũng cầu xin cho tứ chi của ông được phục hồi sinh lực—để cho mắt của dân chúng có thể được mở ra để thấy và biết được lòng nhân từ và sự vinh quang của Thượng Đế.

23 Và chuyện rằng, sau khi họ nhịn ăn và cầu nguyện suốt hai ngày hai đêm, thì tứ chi của An Ma lấy lại được sinh lực, và ông đứng lên bắt đầu nói cùng họ, bảo họ hãy vui vẻ lên.

Now I say unto thee: Go, and remember the captivity of thy fathers in the land of Helam, and in the land of Nephi; and remember how great things he has done for them; for they were in bondage, and he has delivered them. And now I say unto thee, Alma, go thy way, and seek to destroy the church no more, that their prayers may be answered, and this even if thou wilt of thyself be cast off.

And now it came to pass that these were the last words which the angel spake unto Alma, and he departed.

And now Alma and those that were with him fell again to the earth, for great was their astonishment; for with their own eyes they had beheld an angel of the Lord; and his voice was as thunder, which shook the earth; and they knew that there was nothing save the power of God that could shake the earth and cause it to tremble as though it would part asunder.

And now the astonishment of Alma was so great that he became dumb, that he could not open his mouth; yea, and he became weak, even that he could not move his hands; therefore he was taken by those that were with him, and carried helpless, even until he was laid before his father.

And they rehearsed unto his father all that had happened unto them; and his father rejoiced, for he knew that it was the power of God.

And he caused that a multitude should be gathered together that they might witness what the Lord had done for his son, and also for those that were with him.

And he caused that the priests should assemble themselves together; and they began to fast, and to pray to the Lord their God that he would open the mouth of Alma, that he might speak, and also that his limbs might receive their strength—that the eyes of the people might be opened to see and know of the goodness and glory of God.

And it came to pass after they had fasted and prayed for the space of two days and two nights, the limbs of Alma received their strength, and he stood up and began to speak unto them, bidding them to be of good comfort:

- 24 Vì ông nói: Tôi đã hối cải tội lỗi của tôi, và đã được Chúa cứu chuộc; này, tôi đã được sinh ra bởi Thánh Linh.
- 25 Và Chúa có phán với tôi rằng: Người chớ kinh ngạc khi thấy tất cả loài người, phải, cả nam lẫn nữ, tất cả các quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc, đều phải được tái sinh; phải, được Thượng Đế sinh ra, được chuyển từ trạng thái trần tục và sa ngã qua trạng thái ngay chính, được Thượng Đế cứu chuộc, và trở thành những con trai và con gái của Ngài.
- 26 Và như vậy họ trở thành những sinh linh mới; và nếu họ không làm điều này thì không có cách gì họ có thể thừa hưởng được vương quốc của Thượng Đế.
- 27 Tôi nói cho các người hay, nếu không được như vậy, thì họ phải bị loại trừ; và điều này tôi biết rõ, vì chính tôi đây cũng gần bị loại trừ.
- 28 Tuy nhiên, sau khi tôi trải qua nhiều nỗi gian truân, và đã hối cải lúc hầu như gần kề sự chết, thì Chúa với lòng thương xót đã thấy đến lúc phải giật tôi ra khỏi ngọn lửa vĩnh viễn, nên tôi mới được Thượng Đế sinh ra.
- 29 Linh hồn tôi đã được cứu chuộc ra khỏi nỗi thống khổ đắng cay cùng những dây trói buộc của sự bất chính. Trước kia tôi đã ở trong vực thẳm tối tăm nhất, nhưng nay tôi đã được trông thấy ánh sáng kỳ diệu của Thượng Đế. Trước kia tâm hồn tôi bị giày vò bởi cực hình vĩnh cửu, nhưng nay tôi đã được cứu vớt, và tâm hồn tôi không còn đau khổ nữa.
- 30 Trước kia tôi chối bỏ Đấng Cứu Chuộc của tôi, và phủ nhận những gì các tổ phụ chúng ta đã nói, nhưng bây giờ vì muốn cho mọi người thấy trước rằng Ngài sẽ đến, và Ngài vẫn còn nhớ tới tất cả mọi sinh linh mà Ngài đã sáng tạo, nên Ngài sẽ tự biểu hiện cho mọi người biết.
- For, said he, I have repented of my sins, and have been redeemed of the Lord; behold I am born of the Spirit.
- And the Lord said unto me: Marvel not that all mankind, yea, men and women, all nations, kindreds, tongues and people, must be born again; yea, born of God, changed from their carnal and fallen state, to a state of righteousness, being redeemed of God, becoming his sons and daughters;
- And thus they become new creatures; and unless they do this, they can in nowise inherit the kingdom of God.
- I say unto you, unless this be the case, they must be cast off; and this I know, because I was like to be cast off.
- Nevertheless, after wading through much tribulation, repenting nigh unto death, the Lord in mercy hath seen fit to snatch me out of an everlasting burning, and I am born of God.
- My soul hath been redeemed from the gall of bitterness and bonds of iniquity. I was in the darkest abyss; but now I behold the marvelous light of God. My soul was racked with eternal torment; but I am snatched, and my soul is pained no more.
- I rejected my Redeemer, and denied that which had been spoken of by our fathers; but now that they may foresee that he will come, and that he remembereth every creature of his creating, he will make himself manifest unto all.



31 Phải, mọi đầu gối sẽ phải quỳ xuống và mọi lưỡi sẽ phải thú nhận trước mặt Ngài. Phải, chính đến ngày sau cùng ấy, khi mà tất cả mọi người sẽ phải đứng lên để Ngài phán xét, thì đến lúc ấy, họ sẽ phải thú nhận rằng Ngài là Thượng Đế; lúc ấy, những ai khi sống không thèm biết đến Thượng Đế trong thế gian, sẽ thú nhận rằng sự xét xử hình phạt vĩnh viễn là một sự phán xét công bình cho họ; và những kẻ ấy sẽ run rẩy, rụng rời và co rúm trước cái nhìn của con mắt thấy suốt mọi sự việc của Ngài.

32 Và giờ đây chuyện rằng, từ đó trở đi, An Ma, và những người đã đi theo ông khi thiên sứ xuất hiện cùng họ, bắt đầu dạy dỗ dân chúng, đi khắp nơi trong xứ rao truyền cho dân chúng biết những gì họ đã nghe, thấy, và giảng dạy lời của Thượng Đế với bao nỗi gian truân vì họ bị những kẻ vô tín ngưỡng ngược đãi khắt nghiệt, và bị nhiều người trong bọn ấy đánh đập nữa.

33 Nhưng dù với tất cả những chuyện như vậy, họ vẫn đem lại một niềm an ủi lớn lao cho giáo hội, xác nhận đức tin của họ, và hết sức nhịn nhục khuyên nhủ họ tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế.

34 Và bốn người trong nhóm họ là các con trai của vua Mô Si A, có tên là: Am Môn, A Rôn, Ôm Nê và Him Ni; đó là tên các con trai của vua Mô Si A.

35 Và họ đã hành trình khắp chốn trên toàn xứ Gia Ra Hem La, và đến cùng mọi sắc dân sống dưới triều vua Mô Si A; họ cố gắng với đầy lòng nhiệt thành để sửa chữa những tổn hại mà họ đã gây ra cho giáo hội, cùng thú nhận tất cả những tội lỗi của mình, và rao truyền những điều họ đã được mục kích, cùng giảng giải những lời tiên tri và thánh thư cho những ai muốn nghe họ.

36 Vậy nên, họ đã trở thành những công cụ trong bàn tay của Thượng Đế trong việc mang nhiều người đến sự hiểu biết lẽ thật, phải, sự hiểu biết về Đấng Cứu Chuộc của mình.

37 Và phước thay cho họ biết bao! Vì họ đã rao truyền sự bình an; họ đã rao truyền tin lành về điều tốt; và họ đã tuyên bố cho mọi người hay rằng Chúa đang trị vì.

Yea, every knee shall bow, and every tongue confess before him. Yea, even at the last day, when all men shall stand to be judged of him, then shall they confess that he is God; then shall they confess, who live without God in the world, that the judgment of an everlasting punishment is just upon them; and they shall quake, and tremble, and shrink beneath the glance of his all-searching eye.

And now it came to pass that Alma began from this time forward to teach the people, and those who were with Alma at the time the angel appeared unto them, traveling round about through all the land, publishing to all the people the things which they had heard and seen, and preaching the word of God in much tribulation, being greatly persecuted by those who were unbelievers, being smitten by many of them.

But notwithstanding all this, they did impart much consolation to the church, confirming their faith, and exhorting them with long-suffering and much travail to keep the commandments of God.

And four of them were the sons of Mosiah; and their names were Ammon, and Aaron, and Omner, and Himni; these were the names of the sons of Mosiah.

And they traveled throughout all the land of Zarahemla, and among all the people who were under the reign of king Mosiah, zealously striving to repair all the injuries which they had done to the church, confessing all their sins, and publishing all the things which they had seen, and explaining the prophecies and the scriptures to all who desired to hear them.

And thus they were instruments in the hands of God in bringing many to the knowledge of the truth, yea, to the knowledge of their Redeemer.

And how blessed are they! For they did publish peace; they did publish good tidings of good; and they did declare unto the people that the Lord reigneth.

## Mô Si A 28

- 1 Giờ đây chuyện rằng, sau khi các con trai của vua Mô Si A đã làm xong tất cả những việc này, họ bèn dẫn một số ít người trở về với vua cha, và xin phép ông cho họ cùng với số người họ đã chọn đi lên xứ Nê Phi để thuyết giảng những điều họ đã nghe, và chia sẻ lời của Thượng Đế cho đồng bào của họ là dân La Man—
- 2 Để may ra họ có thể mang đến cho dân ấy hiểu biết về Chúa, Thượng Đế của họ, cùng chứng giải cho họ biết về sự bất chính của tổ phụ họ; và để may ra có thể giúp họ dứt bỏ mọi hận thù với dân Nê Phi, hầu cho họ cũng có thể được mang tới sự vui mừng trong Chúa, Thượng Đế của họ, khiến cho hai dân tộc này có thể trở nên thân thiện với nhau, và nhờ thế sẽ không còn sự tranh chấp nào xảy ra trên dải đất mà Chúa, Thượng Đế của họ, đã ban cho họ.
- 3 Giờ đây họ mong muốn rằng, sự cứu rỗi phải được rao truyền cho mọi sinh linh, vì họ không thể chịu đựng được khi nghe có người nào phải bị diệt vong; phải, dù chỉ có ý nghĩ một linh hồn nào đó sẽ phải chịu cực hình bất tận cũng đủ làm cho họ run rẩy và kinh sợ.
- 4 Và như vậy là Thánh Linh của Chúa đã tác động trên họ, vì họ đã từng là những kẻ xấu xa nhất trong số những kẻ phạm tội. Và Chúa với lòng xót thương vô hạn của Ngài đã xét thấy nên dung tha cho họ; tuy vậy họ vẫn phải chịu đựng nhiều nỗi đau đớn lớn lao trong tâm hồn vì những điều bất chính của họ, và họ đau khổ rất nhiều và lo sợ rằng mình sẽ bị loại trừ mãi mãi.
- 5 Và chuyện rằng, họ khẩn cầu với thân phụ của họ trong nhiều ngày để họ có thể đi lên xứ Nê Phi.
- 6 Vua Mô Si A bèn đi cầu vấn Chúa để được biết là mình có nên cho phép các con trai đi thuyết giảng lời của Thượng Đế cho dân La Man không?

## Mosiah 28

Now it came to pass that after the sons of Mosiah had done all these things, they took a small number with them and returned to their father, the king, and desired of him that he would grant unto them that they might, with these whom they had selected, go up to the land of Nephi that they might preach the things which they had heard, and that they might impart the word of God to their brethren, the Lamanites—

That perhaps they might bring them to the knowledge of the Lord their God, and convince them of the iniquity of their fathers; and that perhaps they might cure them of their hatred towards the Nephites, that they might also be brought to rejoice in the Lord their God, that they might become friendly to one another, and that there should be no more contentions in all the land which the Lord their God had given them.

Now they were desirous that salvation should be declared to every creature, for they could not bear that any human soul should perish; yea, even the very thoughts that any soul should endure endless torment did cause them to quake and tremble.

And thus did the Spirit of the Lord work upon them, for they were the very vilest of sinners. And the Lord saw fit in his infinite mercy to spare them; nevertheless they suffered much anguish of soul because of their iniquities, suffering much and fearing that they should be cast off forever.

And it came to pass that they did plead with their father many days that they might go up to the land of Nephi.

And king Mosiah went and inquired of the Lord if he should let his sons go up among the Lamanites to preach the word.

- 7 Và Chúa phán cùng Mô Si A rằng: Hãy để cho chúng đi, vì sẽ có nhiều người tin lời chúng và chúng sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu; và ta sẽ giải thoát cho các con trai của người khỏi tay dân La Man.
- 8 Và chuyện rằng, Mô Si A cho phép họ ra đi làm theo như sự thỉnh cầu của họ.
- 9 Và họ lên đường vào vùng hoang dã để đi thuyết giảng lời của Thượng Đế cho dân La Man; và sau này tôi sẽ kể lại những hoạt động của họ.
- 10 Giờ đây vua Mô Si A không còn ai để trao lại vương quyền, vì các con trai của vua không ai chịu nhận lãnh vương quyền ấy cả.
- 11 Vậy nên, vua lấy các biên sử ghi khắc trên các bảng khắc bằng đồng, và luôn cả những bảng khắc Nê Phi, cùng tất cả những gì ông đã cất giữ và bảo tồn theo các lệnh truyền của Thượng Đế, sau khi ông đã phiên dịch và cho ghi chép lại các biên sử trên các bảng khắc bằng vàng mà dân của Lim Hi đã tìm thấy, và được bàn tay của Lim Hi trao cho ông;
- 12 Và sở dĩ ông làm vậy là vì dân ông rất đói nóng lòng; vì họ vô cùng khao khát muốn biết về những người đã bị hủy diệt.
- 13 Và này, ông phiên dịch các biên sử ấy nhờ hai viên đá gắn liền vào hai cái gọng hình vòng cung.
- 14 Những vật này đã được sắm sẵn từ lúc ban đầu và được lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác với mục đích để phiên dịch các ngôn ngữ;
- 15 Và những vật này đã được bàn tay của Chúa bảo tồn và cất giữ để sau này Ngài có thể tiết lộ cho mọi sắc dân nào chiếm hữu xứ sở này biết những điều bất chính và khả ố của dân Ngài;
- 16 Và bất cứ người nào có được những vật này đều được gọi là vị tiên kiến, theo cách thức thời xưa.

And the Lord said unto Mosiah: Let them go up, for many shall believe on their words, and they shall have eternal life; and I will deliver thy sons out of the hands of the Lamanites.

And it came to pass that Mosiah granted that they might go and do according to their request.

And they took their journey into the wilderness to go up to preach the word among the Lamanites; and I shall give an account of their proceedings hereafter.

Now king Mosiah had no one to confer the kingdom upon, for there was not any of his sons who would accept of the kingdom.

Therefore he took the records which were engraven on the plates of brass, and also the plates of Nephi, and all the things which he had kept and preserved according to the commandments of God, after having translated and caused to be written the records which were on the plates of gold which had been found by the people of Limhi, which were delivered to him by the hand of Limhi;

And this he did because of the great anxiety of his people; for they were desirous beyond measure to know concerning those people who had been destroyed.

And now he translated them by the means of those two stones which were fastened into the two rims of a bow.

Now these things were prepared from the beginning, and were handed down from generation to generation, for the purpose of interpreting languages;

And they have been kept and preserved by the hand of the Lord, that he should discover to every creature who should possess the land the iniquities and abominations of his people;

And whosoever has these things is called seer, after the manner of old times.

17 Giờ đây sau khi vua Mô Si A phiên dịch xong các biên sử này, này, nó tường thuật về sắc dân đã bị hủy diệt, kể từ thời họ bị hủy diệt trở lui lại cho đến thời ngọn tháp vĩ đại được dựng lên, tức là thời mà Chúa làm lộn xộn ngôn ngữ của dân chúng, và họ bị phân tán khắp nơi trên mặt địa cầu, phải, và từ thời ấy ngược lên cho tới thời sáng tạo A Đam.

18 Giờ đây thiên ký thuật này đã làm cho dân của Mô Si A than khóc vô cùng, phải, họ tràn đầy nỗi buồn thảm; tuy nhiên, nó cũng đem lại cho họ nhiều sự hiểu biết, mà nhờ đó họ cảm thấy hân hoan vô cùng.

19 Và thiên ký thuật này sẽ được viết ra sau này; vì này, mọi người cần phải biết những điều ghi chép trong đó.

20 Và giờ đây, như tôi đã nói với các người, sau khi vua Mô Si A hoàn tất những công việc này, vua bèn lấy tất cả những bản khắc bằng đồng, cùng tất cả những vật vua đã lưu giữ, trao lại cho An Ma, là con trai của An Ma; phải, vua trao lại cho ông tất cả các biên sử và các dụng cụ phiên dịch, và vua truyền lệnh cho ông phải bảo tồn và lưu giữ những vật này, cũng như phải lưu giữ biên sử của dân chúng, để lưu truyền xuống cho thế hệ này đến thế hệ khác, giống như chúng đã được lưu truyền từ thời Lê Hi rời Giê Ru Sa Lem vậy.

Now after Mosiah had finished translating these records, behold, it gave an account of the people who were destroyed, from the time that they were destroyed back to the building of the great tower, at the time the Lord confounded the language of the people and they were scattered abroad upon the face of all the earth, yea, and even from that time back until the creation of Adam.

Now this account did cause the people of Mosiah to mourn exceedingly, yea, they were filled with sorrow; nevertheless it gave them much knowledge, in the which they did rejoice.

And this account shall be written hereafter; for behold, it is expedient that all people should know the things which are written in this account.

And now, as I said unto you, that after king Mosiah had done these things, he took the plates of brass, and all the things which he had kept, and conferred them upon Alma, who was the son of Alma; yea, all the records, and also the interpreters, and conferred them upon him, and commanded him that he should keep and preserve them, and also keep a record of the people, handing them down from one generation to another, even as they had been handed down from the time that Lehi left Jerusalem.

## Mô Si A 29

- 1 Giờ đây khi Mô Si A đã làm xong những việc này, ông bèn gửi hịch truyền đi khắp xứ, đến khắp mọi người dân, để muốn biết ý kiến của họ về người nào sẽ lên làm vua của họ.
- 2 Và chuyện rằng, tiếng nói của toàn dân đến với ông mà rằng: Chúng tôi muốn A Rôn, con trai của bê hạ, lên làm vua và người cai trị của chúng tôi.
- 3 Bây giờ A Rôn đã đi lên xứ Nê Phi rồi, vậy nên vua không thể trao vương quốc lại cho ông được; và lại A Rôn cũng không muốn nhận lãnh vương quốc này, và cũng chẳng có một người con trai nào của vua Mô Si A muốn nhận lãnh vương quốc này cả.
- 4 Vậy nên, vua Mô Si A lại một lần nữa gửi hịch truyền đến dân chúng; phải, ông gửi đến dân chúng một thông điệp. Và đây là những lời đã được viết ra:
- 5 Nay hỡi dân của trẫm, hay là những người anh em của trẫm, vì trẫm xem đồng bào như là anh em vậy. Trẫm muốn đồng bào nên cân nhắc vấn đề mà đồng bào đang được kêu gọi để suy xét—vì đồng bào mong muốn có một vị vua.
- 6 Giờ đây trẫm tuyên bố cho đồng bào hay rằng, người mà vương quyền này chính thức thuộc về đã từ chối, và sẽ không muốn nhận lãnh vương quyền này.
- 7 Và giờ đây, nếu có ai được cử lên thay thế, này, trẫm sợ rằng sẽ có sự tranh chấp xảy ra giữa đồng bào. Và biết đâu lúc đó, con trai của trẫm, là người mà vương quyền này thuộc về, trở nên tức giận và lôi kéo một phần dân này theo mình; việc này sẽ đưa đến chiến tranh và sự tranh chấp giữa đồng bào, nó sẽ đưa đến sự đổ máu lớn lao, và làm sai lạc đường lối của Chúa, phải, và sẽ hủy diệt sinh mạng của biết bao nhiêu người.
- 8 Giờ đây trẫm nói cho đồng bào hay chúng ta phải khôn ngoan mà suy nghĩ kỹ những vấn đề này, vì chúng ta không có quyền hủy diệt con trai của trẫm, cũng như chúng ta không có quyền hủy diệt bất cứ một người nào khác nếu người đó được đưa lên thay thế con trai trẫm.

## Mosiah 29

Now when Mosiah had done this he sent out throughout all the land, among all the people, desiring to know their will concerning who should be their king.

And it came to pass that the voice of the people came, saying: We are desirous that Aaron thy son should be our king and our ruler.

Now Aaron had gone up to the land of Nephi, therefore the king could not confer the kingdom upon him; neither would Aaron take upon him the kingdom; neither were any of the sons of Mosiah willing to take upon them the kingdom.

Therefore king Mosiah sent again among the people; yea, even a written word sent he among the people. And these were the words that were written, saying:

Behold, O ye my people, or my brethren, for I esteem you as such, I desire that ye should consider the cause which ye are called to consider—for ye are desirous to have a king.

Now I declare unto you that he to whom the kingdom doth rightly belong has declined, and will not take upon him the kingdom.

And now if there should be another appointed in his stead, behold I fear there would rise contentions among you. And who knoweth but what my son, to whom the kingdom doth belong, should turn to be angry and draw away a part of this people after him, which would cause wars and contentions among you, which would be the cause of shedding much blood and perverting the way of the Lord, yea, and destroy the souls of many people.

Now I say unto you let us be wise and consider these things, for we have no right to destroy my son, neither should we have any right to destroy another if he should be appointed in his stead.

9 Và nếu con trai trẫm trở lòng kiêu ngạo và ham thích những điều vô bổ, khi đó nó sẽ rút lại những lời nó đã nói và đòi lại vương quyền thì điều đó sẽ khiến cho nó và dân này phạm nhiều tội lỗi.

10 Và giờ đây, chúng ta hãy khôn ngoan, hãy tiên liệu những điều này, và hãy làm những gì có thể đảm bảo sự an bình cho dân này.

11 Vậy nên trẫm vẫn là vua của đồng bào trong những ngày còn lại của đời trẫm; tuy nhiên, chúng ta hãy chỉ định các phán quan để xét xử dân này theo luật pháp của chúng ta; và chúng ta sẽ sắp đặt công việc của dân này theo một đường lối mới, vì chúng ta sẽ chỉ định những người thông sáng lên làm phán quan để xét xử dân này theo các lệnh truyền của Thượng Đế.

12 Nay, một người nên được xét xử bởi Thượng Đế thì tốt hơn là bởi loài người, vì sự phán xét của Thượng Đế lúc nào cũng công bình; trái lại, sự xét xử của loài người không phải lúc nào cũng công bình.

13 Vậy nên, nếu đồng bào có thể tìm thấy những người công minh để làm vua của mình, tức là những vị vua biết thiết lập luật pháp của Thượng Đế và xét xử dân này theo các lệnh truyền của Ngài, phải, nếu đồng bào có được những vị vua của mình hành động như vua Bên Gia Min là phụ thân trẫm đã làm cho dân này—thì trẫm nói cho đồng bào hay, nếu trường hợp đó luôn luôn như vậy thì đó là một điều thích hợp để đồng bào luôn luôn có những vị vua cai trị mình.

14 Và ngay chính cả trẫm đây đã từng lao nhọc với tất cả khả năng và sức lực của mình để giảng dạy đồng bào những lệnh truyền của Thượng Đế và thiết lập hòa bình trên khắp xứ này, để cho không còn xảy ra chiến tranh, tranh chấp, trộm cắp, cướp bóc, chém giết, hay bất cứ một hành vi bất chính nào;

15 Và bất cứ kẻ nào phạm điều bất chính, trẫm cũng trừng phạt kẻ đó theo tội trạng mà kẻ đó đã phạm và theo luật pháp mà đã được tổ phụ của chúng ban hành.

16 Giờ đây trẫm nói cho đồng bào hay rằng, vì tất cả mọi người đều không công minh, nên đồng bào chớ nên có vua hay những vị vua cai trị mình.

And if my son should turn again to his pride and vain things he would recall the things which he had said, and claim his right to the kingdom, which would cause him and also this people to commit much sin.

And now let us be wise and look forward to these things, and do that which will make for the peace of this people.

Therefore I will be your king the remainder of my days; nevertheless, let us appoint judges, to judge this people according to our law; and we will newly arrange the affairs of this people, for we will appoint wise men to be judges, that will judge this people according to the commandments of God.

Now it is better that a man should be judged of God than of man, for the judgments of God are always just, but the judgments of man are not always just.

Therefore, if it were possible that you could have just men to be your kings, who would establish the laws of God, and judge this people according to his commandments, yea, if ye could have men for your kings who would do even as my father Benjamin did for this people—I say unto you, if this could always be the case then it would be expedient that ye should always have kings to rule over you.

And even I myself have labored with all the power and faculties which I have possessed, to teach you the commandments of God, and to establish peace throughout the land, that there should be no wars nor contentions, no stealing, nor plundering, nor murdering, nor any manner of iniquity;

And whosoever has committed iniquity, him have I punished according to the crime which he has committed, according to the law which has been given to us by our fathers.

Now I say unto you, that because all men are not just it is not expedient that ye should have a king or kings to rule over you.

- 17 Vì này, một ông vua độc ác sẽ khiến cho biết bao nhiều điều bất chính bị vấp phạm, phải, và sự hủy diệt sẽ vô cùng lớn lao thay!
- 18 Phải, hãy nhớ lại vua Nô Ê với những điều tà ác và khả ố của ông ta, cùng những sự độc ác và khả ố của dân ông. Này, sự hủy diệt đã đến với họ thật là lớn lao biết bao! Và cũng vì những sự bất chính của mình mà họ đã bị mang vào vòng nô lệ.
- 19 Và nếu không có sự can thiệp của Đấng Sáng Tạo đầy thông sáng của họ, và sở dĩ có điều này là vì họ đã biết thành thật hối cải, thì mãi tới bây giờ họ vẫn không tránh khỏi vòng nô lệ.
- 20 Nhưng này, Ngài đã giải thoát họ vì họ đã biết hạ mình trước mặt Ngài; và vì họ đã tha thiết khẩn cầu Ngài, nên Ngài đã đem họ ra khỏi vòng nô lệ; như vậy là Chúa đã thực hiện quyền năng của Ngài trong mọi trường hợp giữa con cái loài người, và dang cánh tay đầy xót thương của Ngài ra cho những ai đặt lòng tin cậy của mình nơi Ngài.
- 21 Và này, giờ đây trẫm nói cho đồng bào hay, đồng bào không thể truất phế một ông vua bất chính nếu không trải qua nhiều cuộc tranh chấp và đổ máu lớn lao.
- 22 Vì này, hấn cũng có những bạn bè bất chính, và hấn đặt nhiều vệ sĩ canh gác quanh mình; hấn xé bỏ những luật pháp của những người trước hấn đã trị vì trong sự ngay chính và chà đạp dưới chân những lệnh truyền của Thượng Đế;
- 23 Rồi hấn ban hành nhiều đạo luật mới, và truyền xuống cho dân chúng thi hành, phải, những đạo luật phù hợp với sự độc ác của mình; và người nào không tuân theo luật pháp của hấn, thì hấn khiến cho người ấy bị hủy diệt; và những ai nổi lên chống đối hấn, hấn sẽ phái quân đến gây chiến với họ, và nếu có thể hấn sẽ hủy diệt họ; và một ông vua bất chính làm sai lạc đường lối của mọi sự ngay chính là như vậy.
- 24 Và giờ đây, này, trẫm nói cho đồng bào hay, đồng bào chớ nên để cho những điều khả ố như vậy xảy đến cho mình.
- 25 Vậy nên, đồng bào hãy chọn lựa các phán quan bằng tiếng nói chung của dân này, để đồng bào có thể được xét xử theo luật pháp tổ phụ chúng ta đã ban hành, đó là những luật pháp đúng đắn, do chính bàn tay Chúa ban cho họ.

For behold, how much iniquity doth one wicked king cause to be committed, yea, and what great destruction!

Yea, remember king Noah, his wickedness and his abominations, and also the wickedness and abominations of his people. Behold what great destruction did come upon them; and also because of their iniquities they were brought into bondage.

And were it not for the interposition of their all-wise Creator, and this because of their sincere repentance, they must unavoidably remain in bondage until now.

But behold, he did deliver them because they did humble themselves before him; and because they cried mightily unto him he did deliver them out of bondage; and thus doth the Lord work with his power in all cases among the children of men, extending the arm of mercy towards them that put their trust in him.

And behold, now I say unto you, ye cannot dethrone an iniquitous king save it be through much contention, and the shedding of much blood.

For behold, he has his friends in iniquity, and he keepeth his guards about him; and he teareth up the laws of those who have reigned in righteousness before him; and he trampleth under his feet the commandments of God;

And he enacteth laws, and sendeth them forth among his people, yea, laws after the manner of his own wickedness; and whosoever doth not obey his laws he causeth to be destroyed; and whosoever doth rebel against him he will send his armies against them to war, and if he can he will destroy them; and thus an unrighteous king doth pervert the ways of all righteousness.

And now behold I say unto you, it is not expedient that such abominations should come upon you.

Therefore, choose you by the voice of this people, judges, that ye may be judged according to the laws which have been given you by our fathers, which are correct, and which were given them by the hand of the Lord.

- 26      Này, rất ít khi tiếng nói của dân chúng lại mong muốn những điều gì trái với lẽ công bình, mà thường thì thiểu số dân chúng lại muốn điều trái với lẽ công bình; vậy nên, đồng bào hãy lưu ý đến điểm này và đặt nó thành luật pháp của mình—thi hành mọi công việc qua tiếng nói chung của toàn dân.
- 27      Và nếu đến lúc mà tiếng nói của dân chúng lại chọn lựa điều bất chính, thì đó là lúc sự phán xét của Thượng Đế sẽ xảy đến cho đồng bào; phải, đó là lúc Ngài sẽ đến viếng phạt đồng bào bằng sự hủy diệt lớn lao như từ trước tới nay Ngài đã từng đến viếng phạt xứ sở này.
- 28      Và giờ đây nếu đồng bào có các phán quan, nhưng những phán quan ấy lại không xét xử đồng bào đúng theo luật pháp đã được ban hành, thì đồng bào có thể khiến cho vị phán quan cao cấp hơn xét xử họ.
- 29      Nếu các phán quan cao cấp hơn của đồng bào lại không xét xử công bình, thì đồng bào hãy khiến cho một nhóm các phán quan thấp hơn họp nhau lại và họ sẽ xét xử các phán quan cao cấp theo tiếng nói chung của toàn dân.
- 30      Và trẫm ra lệnh cho đồng bào hãy làm những việc này trong sự kính sợ Chúa; và trẫm ra lệnh cho đồng bào phải làm vậy, và đừng nên có một vị vua nào; để nếu dân này có phạm những tội lỗi và những điều bất chính thì chính họ phải gánh chịu trách nhiệm về những điều đó.
- 31      Vì này trẫm nói cho đồng bào hay, những tội lỗi của nhiều người là do sự bất chính của các vua họ gây ra; vậy nên, các vị vua của họ phải chịu trách nhiệm về những điều bất chính của họ.
- 32      Và giờ đây trẫm muốn rằng sự bất bình đẳng sẽ không còn tồn tại trên xứ sở này nữa, đặc biệt là đối với dân này của ta đây; nhưng trẫm muốn rằng, xứ này sẽ là một xứ tự do, mà trên đó mọi người đều hưởng quyền lợi và đặc ân như nhau, cho đến chừng nào mà Chúa xét thấy chúng ta còn được sống và thừa hưởng xứ này, phải, cho đến chừng nào con cháu chúng ta còn tồn tại trên mặt đất của xứ sở này.

Now it is not common that the voice of the people desireth anything contrary to that which is right; but it is common for the lesser part of the people to desire that which is not right; therefore this shall ye observe and make it your law—to do your business by the voice of the people.

And if the time comes that the voice of the people doth choose iniquity, then is the time that the judgments of God will come upon you; yea, then is the time he will visit you with great destruction even as he has hitherto visited this land.

And now if ye have judges, and they do not judge you according to the law which has been given, ye can cause that they may be judged of a higher judge.

If your higher judges do not judge righteous judgments, ye shall cause that a small number of your lower judges should be gathered together, and they shall judge your higher judges, according to the voice of the people.

And I command you to do these things in the fear of the Lord; and I command you to do these things, and that ye have no king; that if these people commit sins and iniquities they shall be answered upon their own heads.

For behold I say unto you, the sins of many people have been caused by the iniquities of their kings; therefore their iniquities are answered upon the heads of their kings.

And now I desire that this inequality should be no more in this land, especially among this my people; but I desire that this land be a land of liberty, and every man may enjoy his rights and privileges alike, so long as the Lord sees fit that we may live and inherit the land, yea, even as long as any of our posterity remains upon the face of the land.



- 33 Và vua Mô Si A còn viết gửi đến họ nhiều điều khác nữa, phơi bày cho họ biết tất cả những thử thách và phiền toái của một ông vua ngay chính, phải, tất cả những việc lao tâm khổ trí đối với dân mình, và luôn cả những tiếng than oán của dân chúng đối với vua của họ; và ông đã giải thích tất cả những điều đó cho họ nghe.
- 34 Và ông bảo với họ rằng, những điều như vậy chớ nên để xảy ra, nhưng phải đặt gánh nặng lên toàn thể dân chúng, để mỗi người gánh chịu lấy phần của mình.
- 35 Và ông cũng phơi bày cho họ thấy tất cả những điều bất lợi họ phải gánh chịu nếu họ để cho một ông vua bất chính cai trị họ;
- 36 Phải, tất cả những điều bất chính và khả ô của một vua như vậy, tất cả những cuộc chiến cùng những cuộc tranh chấp đổ máu, trộm cắp, cướp bóc, và tội tà dâm, cùng tất cả mọi hình thức bất chính không thể kể xiết được—và ông bảo họ rằng, những điều đó không nên để cho xảy ra, vì đó quả là những điều ghê tởm trái hẳn các lệnh truyền của Thượng Đế.
- 37 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi vua Mô Si A gửi những lời này đến cùng dân chúng thì sự chân thật của những lời của ông đã làm cho họ tin chắc.
- 38 Vậy nên, họ bỏ ý muốn có một vị vua, và hết sức quan tâm đến việc để cho mọi người có cơ hội đồng đều trong khắp xứ; phải, và mọi người đều tỏ ý sẵn lòng gánh lấy trách nhiệm về tội lỗi của mình.
- 39 Vậy nên, chuyện rằng, họ họp nhau lại từng nhóm khắp xứ để nói lên tiếng nói chung về việc ai sẽ làm phán quan của họ, để xét xử họ theo như luật pháp đã được ban hành; và họ rất đổi vui sướng vì sự tự do mà họ được ban cho.

And many more things did king Mosiah write unto them, unfolding unto them all the trials and troubles of a righteous king, yea, all the travails of soul for their people, and also all the murmurings of the people to their king; and he explained it all unto them.

And he told them that these things ought not to be; but that the burden should come upon all the people, that every man might bear his part.

And he also unfolded unto them all the disadvantages they labored under, by having an unrighteous king to rule over them;

Yea, all his iniquities and abominations, and all the wars, and contentions, and bloodshed, and the stealing, and the plundering, and the committing of whoredoms, and all manner of iniquities which cannot be enumerated—telling them that these things ought not to be, that they were expressly repugnant to the commandments of God.

And now it came to pass, after king Mosiah had sent these things forth among the people they were convinced of the truth of his words.

Therefore they relinquished their desires for a king, and became exceedingly anxious that every man should have an equal chance throughout all the land; yea, and every man expressed a willingness to answer for his own sins.

Therefore, it came to pass that they assembled themselves together in bodies throughout the land, to cast in their voices concerning who should be their judges, to judge them according to the law which had been given them; and they were exceedingly rejoiced because of the liberty which had been granted unto them.

40 Và lòng thương yêu của họ đối với vua Mô Si A lại càng gia tăng; phải, họ kính mến ông hơn hết thấy mọi người; vì họ không xem ông như một bạo chúa, chỉ biết kiếm tìm điều lợi cho mình, phải, vì sự vụ lợi đó làm cho con người trở nên đồi bại; ông không đòi hỏi tài sản của họ, ông cũng không vui thích trong sự đổ máu; nhưng ông đã thiết lập hòa bình trong xứ, và ông đã cho phép dân mình được cởi bỏ mọi hình thức nô lệ; vậy nên họ kính trọng ông, phải, họ kính trọng ông vô cùng, không thể lấy gì mà đo lường được.

41 Và chuyện rằng, họ tuyển chọn những vị phán quan để cai trị họ, hay là để xét xử họ theo luật pháp; và họ đã làm như vậy khắp cả xứ.

42 Và chuyện rằng, An Ma được chọn làm vị trưởng phán quan đầu tiên, và ông cũng là thầy tư tế thượng phẩm, vì phụ thân ông đã truyền giao chức vụ này cho ông, và trao cho ông phụ trách mọi công việc của giáo hội.

43 Và giờ đây chuyện rằng, An Ma đi theo đường lối của Chúa, ông tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, ông xét xử rất công bình, và sự bình an đã được liên tục khắp xứ.

44 Và như vậy là chế độ các phán quan bắt đầu trên toàn cõi xứ Gia Ra Hem La, giữa tất cả những người được gọi là dân Nê Phi; và An Ma là vị trưởng phán quan đầu tiên của họ.

45 Và giờ đây chuyện rằng, phụ thân ông từ trần lúc tám mươi hai tuổi, sau khi đã sống một đời làm tròn những lệnh truyền của Thượng Đế.

46 Và chuyện rằng, vua Mô Si A cũng băng hà, vào năm thứ ba mươi ba của triều đại ông, hưởng thọ sáu mươi ba tuổi; tính chung tất cả là năm trăm lẻ chín năm kể từ ngày Lê Hi rời khỏi Giê Ru Sa Lem.

47 Và như vậy là chấm dứt triều đại các vị vua đã trị vì dân Nê Phi, và cũng chấm dứt thời đại của An Ma, người đã sáng lập giáo hội của họ.

And they did wax strong in love towards Mosiah; yea, they did esteem him more than any other man; for they did not look upon him as a tyrant who was seeking for gain, yea, for that lucre which doth corrupt the soul; for he had not exacted riches of them, neither had he delighted in the shedding of blood; but he had established peace in the land, and he had granted unto his people that they should be delivered from all manner of bondage; therefore they did esteem him, yea, exceedingly, beyond measure.

And it came to pass that they did appoint judges to rule over them, or to judge them according to the law; and this they did throughout all the land.

And it came to pass that Alma was appointed to be the first chief judge, he being also the high priest, his father having conferred the office upon him, and having given him the charge concerning all the affairs of the church.

And now it came to pass that Alma did walk in the ways of the Lord, and he did keep his commandments, and he did judge righteous judgments; and there was continual peace through the land.

And thus commenced the reign of the judges throughout all the land of Zarahemla, among all the people who were called the Nephites; and Alma was the first and chief judge.

And now it came to pass that his father died, being eighty and two years old, having lived to fulfil the commandments of God.

And it came to pass that Mosiah died also, in the thirty and third year of his reign, being sixty and three years old; making in the whole, five hundred and nine years from the time Lehi left Jerusalem.

And thus ended the reign of the kings over the people of Nephi; and thus ended the days of Alma, who was the founder of their church.

# Sách An Ma

## Con Trai của An Ma

Thiên ký thuật của An Ma, ông là con trai của An Ma, và là vị trưởng phán quan đầu tiên cai trị dân Nê Phi, và cũng là thầy tư tế thượng phẩm cai quản Giáo Hội. Thiên ký thuật về chế độ các phán quan cùng những trận chiến và những cuộc tranh chấp trong dân chúng. Đây cũng là một thiên ký thuật nói về trận chiến giữa dân Nê Phi và dân La Man, theo biên sử của An Ma, vị trưởng phán quan đầu tiên.

### An Ma 1

- 1 Giờ đây chuyện rằng, vào năm thứ nhất của chế độ các phán quan của dân Nê Phi, từ nay trở đi, tức là kể từ ngày vua Mô Si A chết đi như mọi người phạm tục khác, sau khi đã anh dũng chiến đấu và đã bước đi ngay thẳng trước mặt Thượng Đế, và khi chết đi ông không để lại một ai lên thay thế ông trị vì; tuy nhiên ông đã thiết lập các luật pháp được dân chúng công nhận; vậy nên họ có bổn phận phải tôn trọng những luật pháp ông đã lập ra.
- 2 Và chuyện rằng, vào năm thứ nhất của triều đại An Ma trong chức vụ phán quan, có một người bị áp giải đến trước mặt ông để ông xét xử, đó là một người đàn ông to lớn và nổi tiếng là có nhiều sức mạnh.
- 3 Và người này đã đi khắp nơi trong dân chúng giảng dạy những điều mà hấn gọi là lời của Thượng Đế, để cố gắng phá hoại giáo hội, hấn rao truyền cùng dân chúng rằng mọi thầy tư tế và thầy giảng phải được ngưỡng mộ; họ không cần phải lao động chân tay, mà trái lại họ cần phải được dân chúng cấp dưỡng.
- 4 Và hấn còn làm chứng với dân chúng rằng tất cả nhân loại sẽ được cứu vào ngày sau cùng, và họ không cần phải kinh hãi hay run sợ gì cả, trái lại, họ có thể ngẩng đầu lên mà vui mừng; vì Chúa đã sáng tạo ra tất cả mọi người và cũng đã cứu chuộc tất cả mọi người; và cuối cùng là tất cả mọi người sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu.

# The Book of Alma

## the Son of Alma

The account of Alma, who was the son of Alma, the first and chief judge over the people of Nephi, and also the high priest over the Church. An account of the reign of the judges, and the wars and contentions among the people. And also an account of a war between the Nephites and the Lamanites, according to the record of Alma, the first and chief judge.

### Alma 1

Now it came to pass that in the first year of the reign of the judges over the people of Nephi, from this time forward, king Mosiah having gone the way of all the earth, having warred a good warfare, walking uprightly before God, leaving none to reign in his stead; nevertheless he had established laws, and they were acknowledged by the people; therefore they were obliged to abide by the laws which he had made.

And it came to pass that in the first year of the reign of Alma in the judgment-seat, there was a man brought before him to be judged, a man who was large, and was noted for his much strength.

And he had gone about among the people, preaching to them that which he termed to be the word of God, bearing down against the church; declaring unto the people that every priest and teacher ought to become popular; and they ought not to labor with their hands, but that they ought to be supported by the people.

And he also testified unto the people that all mankind should be saved at the last day, and that they need not fear nor tremble, but that they might lift up their heads and rejoice; for the Lord had created all men, and had also redeemed all men; and, in the end, all men should have eternal life.

- 5 Và chuyện rằng, hã đã giảng dạy rất nhiều về những điều này khiến cho nhiều người tin theo lời nói của hã, đến đỗi có rất nhiều người đã bắt đầu cấp dưỡng hã và cho hã tiền bạc.
- 6 Rồi hã bắt đầu dương dương tự đắc trong lòng mình, và mặc y phục đắt giá, phải, ngay cả bắt đầu thiết lập một giáo hội theo như những điều hã thuyết giảng.
- 7 Và chuyện rằng, một hôm khi đi thuyết giảng cho những người đã tin theo lời của hã, thì hã gặp một người thuộc giáo hội của Thượng Đế, phải, một thầy giảng của giáo hội. Thế rồi hã bắt đầu tranh luận gay gắt với vị này để hã có thể dẫn dắt giáo dân đi lạc lối; nhưng vị này đã dùng những lời của Thượng Đế chống lại hã và khiến trách hã.
- 8 Nay, tên của vị ấy là Ghê Đê Ôn; chính ông là một công cụ trong tay Thượng Đế trong việc giải thoát dân Lim Hi ra khỏi vòng nô lệ.
- 9 Thế rồi, vì Ghê Đê Ôn đã chống lại hã với những lời của Thượng Đế nên hã tức giận Ghê Đê Ôn và tuốt gươm ra chém ông. Giờ đây vì Ghê Đê Ôn đã luống tuổi nên không thể chống cự lại được những đường gươm của hã, do đó ông đã bị giết chết bởi lưỡi gươm của hã.
- 10 Và kẻ giết ông đã bị dân của giáo hội bắt giữ và bị áp giải đến trước mặt An Ma để được xét xử theo tội trạng hã đã phạm.
- 11 Và chuyện rằng, khi đứng trước mặt An Ma hã đã mạnh bạo tự bào chữa cho mình.
- 12 Nhưng An Ma bảo với hã rằng: Nay, đây là lần đầu tiên có sự mưu chước tăng tế xảy ra trong dân này. Và này, không phải người chỉ có tội dùng sự mưu chước tăng tế mà thôi, mà người còn dùng gươm để bắt buộc người ta phải chấp nhận nữa; và nếu những sự mưu chước tăng tế được đem ra thi hành trong dân này thì đó là nguyên nhân sẽ đưa lại sự hủy diệt cho họ.
- 13 Và người lại còn làm đổ máu một người ngay chính, phải, một người đã làm nhiều điều tốt lành cho dân này; và nếu chúng ta tha tội cho người, thì máu của người chết này sẽ đổ trên chúng ta để trả thù.

And it came to pass that he did teach these things so much that many did believe on his words, even so many that they began to support him and give him money.

And he began to be lifted up in the pride of his heart, and to wear very costly apparel, yea, and even began to establish a church after the manner of his preaching.

And it came to pass as he was going, to preach to those who believed on his word, he met a man who belonged to the church of God, yea, even one of their teachers; and he began to contend with him sharply, that he might lead away the people of the church; but the man withstood him, admonishing him with the words of God.

Now the name of the man was Gideon; and it was he who was an instrument in the hands of God in delivering the people of Limhi out of bondage.

Now, because Gideon withstood him with the words of God he was wroth with Gideon, and drew his sword and began to smite him. Now Gideon being stricken with many years, therefore he was not able to withstand his blows, therefore he was slain by the sword.

And the man who slew him was taken by the people of the church, and was brought before Alma, to be judged according to the crimes which he had committed.

And it came to pass that he stood before Alma and pled for himself with much boldness.

But Alma said unto him: Behold, this is the first time that priestcraft has been introduced among this people. And behold, thou art not only guilty of priestcraft, but hast endeavored to enforce it by the sword; and were priestcraft to be enforced among this people it would prove their entire destruction.

And thou hast shed the blood of a righteous man, yea, a man who has done much good among this people; and were we to spare thee his blood would come upon us for vengeance.

- 14 Vậy nên, người phải bị kết án tử hình, đúng theo luật pháp mà vị vua quá cố của chúng ta là Mô Si A đã ban hành, và nó đã được dân này công nhận; vậy nên dân này phải tôn trọng luật pháp đó.
- 15 Và chuyện rằng, họ dẫn hắn đi; tên hắn là Nê Hô. Họ đem hắn lên đỉnh đồi Man Ti, và tại đó hắn bị truyền lệnh, hay nói đúng ra đã nhìn nhận với trời đất rằng, những điều hắn đã thuyết giảng dân chúng là trái ngược với lời của Thượng Đế; và tại đó hắn đã chịu cái chết ô nhục.
- 16 Tuy nhiên, việc này cũng không chấm dứt được sự mưu chước tăng tế đang lan tràn khắp xứ, vì có nhiều người vẫn ưa thích những điều hão huyền của thế gian và đi rao giảng các giáo lý sai lầm; và họ làm như vậy là vì lòng ham thích sự giàu sang và danh vọng.
- 17 Tuy nhiên, họ vẫn không dám nói dối vì sợ luật pháp, bởi vì những kẻ nói dối, nếu bị khám phá, sẽ bị trừng phạt; vậy nên, họ giả vờ thuyết giảng theo tín ngưỡng của mình; và giờ đây luật pháp không có quyền hành chi đối với tín ngưỡng của một người nào.
- 18 Và họ cũng không dám trộm cắp vì sợ luật pháp, vì những kẻ như vậy sẽ bị trừng phạt; và họ cũng không dám cướp bóc hoặc giết người, vì kẻ nào giết người sẽ bị tội tử hình.
- 19 Nhưng chuyện rằng những kẻ không thuộc giáo hội của Thượng Đế lại bắt đầu ngược đãi những người thuộc giáo hội của Thượng Đế, và những người đã mang danh Đấng Ky Tô.
- 20 Phải, chúng ngược đãi và làm họ đau khổ với đủ mọi lời lẽ, và việc này đã xảy ra là vì họ rất khiêm nhường; vì họ không tỏ ra kiêu ngạo, và vì họ đã chia sẻ cho nhau lời của Thượng Đế mà không cần tiền bạc hay giá cả gì.
- 21 Bây giờ, trong dân của giáo hội có một luật pháp rất nghiêm khắc, đó là không một ai, thuộc giáo hội, được nổi dậy ngược đãi những người ngoài giáo hội, và những người trong giáo hội cũng không được ngược đãi lẫn nhau.

Therefore thou art condemned to die, according to the law which has been given us by Mosiah, our last king; and it has been acknowledged by this people; therefore this people must abide by the law.

And it came to pass that they took him; and his name was Nehor; and they carried him upon the top of the hill Manti, and there he was caused, or rather did acknowledge, between the heavens and the earth, that what he had taught to the people was contrary to the word of God; and there he suffered an ignominious death.

Nevertheless, this did not put an end to the spreading of priestcraft through the land; for there were many who loved the vain things of the world, and they went forth preaching false doctrines; and this they did for the sake of riches and honor.

Nevertheless, they durst not lie, if it were known, for fear of the law, for liars were punished; therefore they pretended to preach according to their belief; and now the law could have no power on any man for his belief.

And they durst not steal, for fear of the law, for such were punished; neither durst they rob, nor murder, for he that murdered was punished unto death.

But it came to pass that whosoever did not belong to the church of God began to persecute those that did belong to the church of God, and had taken upon them the name of Christ.

Yea, they did persecute them, and afflict them with all manner of words, and this because of their humility; because they were not proud in their own eyes, and because they did impart the word of God, one with another, without money and without price.

Now there was a strict law among the people of the church, that there should not any man, belonging to the church, arise and persecute those that did not belong to the church, and that there should be no persecution among themselves.

- 22 Tuy nhiên, có nhiều người trong bọn họ đã bắt đầu trở nên kiêu ngạo, và bắt đầu tranh chấp nhau rất sôi nổi với các kẻ thù nghịch của mình, đến độ ẩu đả nhau; phải, họ đã dùng cả nắm tay để thoi nhau.
- 23 Bây giờ chuyện này xảy ra vào năm thứ hai của chế độ An Ma, và đã gây nên lắm sự buồn khổ cho giáo hội; phải, đó là nguyên nhân của lắm sự thử thách đối với giáo hội.
- 24 Vì lòng dạ của nhiều người đã trở nên chai đá, nên tên họ bị xóa bỏ, để họ không còn được nhắc nhở giữa dân của Thượng Đế nữa. Và cũng có nhiều người tự ý rút lui ra khỏi họ.
- 25 Giờ đây điều này là một thử thách lớn lao đối với những người cương quyết đứng vững trong đức tin; tuy nhiên, họ vẫn một lòng vững chắc không lay chuyển trong việc tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, và họ kiên nhẫn chịu đựng những sự ngược đãi đang chồng chất lên họ.
- 26 Và khi các thầy tư tế ngưng công việc làm ăn của mình để truyền giảng lời của Thượng Đế cho dân chúng, thì dân chúng cũng ngưng công việc làm ăn của mình để nghe giảng lời của Thượng Đế. Và sau khi các thầy tư tế giảng lời của Thượng Đế xong, họ lại trở về tiếp tục công việc làm ăn của mình một cách cần mẫn; và các thầy tư tế không xem mình là cao quý hơn những người nghe giảng, vì người thuyết giảng không hơn gì người nghe giảng, và người giảng dạy cũng không hơn gì người học; do đó tất cả mọi người đều bình đẳng như nhau, ai ai cũng phải lao động chân tay tùy theo sức lực của mình.
- 27 Mỗi người còn tùy theo những gì mình có, họ chia sẻ tài sản của họ cho người nghèo, người túng thiếu, người đau ốm và người khốn khổ; và tuy không mặc y phục đắt giá, họ vẫn gọn gàng đáng yêu.
- 28 Và như thế, họ đã tổ chức các công việc của giáo hội; và do đó họ bắt đầu có được hòa bình liên tục trở lại, mặc dù có mọi sự ngược đãi đã xảy đến cho họ.

Nevertheless, there were many among them who began to be proud, and began to contend warmly with their adversaries, even unto blows; yea, they would smite one another with their fists.

Now this was in the second year of the reign of Alma, and it was a cause of much affliction to the church; yea, it was the cause of much trial with the church.

For the hearts of many were hardened, and their names were blotted out, that they were remembered no more among the people of God. And also many withdrew themselves from among them.

Now this was a great trial to those that did stand fast in the faith; nevertheless, they were steadfast and immovable in keeping the commandments of God, and they bore with patience the persecution which was heaped upon them.

And when the priests left their labor to impart the word of God unto the people, the people also left their labors to hear the word of God. And when the priest had imparted unto them the word of God they all returned again diligently unto their labors; and the priest, not esteeming himself above his hearers, for the preacher was no better than the hearer, neither was the teacher any better than the learner; and thus they were all equal, and they did all labor, every man according to his strength.

And they did impart of their substance, every man according to that which he had, to the poor, and the needy, and the sick, and the afflicted; and they did not wear costly apparel, yet they were neat and comely.

And thus they did establish the affairs of the church; and thus they began to have continual peace again, notwithstanding all their persecutions.

29 Và giờ đây, nhờ sự vững vàng của giáo hội, họ bắt đầu trở nên rất giàu, có đầy đủ tất cả những gì họ cần—nhiều đàn gia súc và nhiều bầy thú và thú béo mập đủ loại, ngũ cốc dồi dào, vô số vàng, bạc và các vật quý giá, cùng vô số lụa là, và vải gai mịn, và đủ các loại hàng vải gia dụng.

30 Và mặc dầu sống trong cảnh thịnh vượng như vậy, nhưng họ không xua đuổi những kẻ thiếu áo quần, đói khát hay bệnh tật, hoặc không ai nuôi nấng; và họ không chú tâm đến của cải; vậy nên, họ ban phát rất rộng rãi cho tất cả mọi người, trẻ cũng như già, nô lệ cũng như tự do, nam cũng như nữ, người trong giáo hội cũng như người ngoài giáo hội, không phân biệt một ai khi cần sự giúp đỡ.

31 Và nhờ thế mà họ được thịnh vượng và trở nên giàu có hơn những người ngoài giáo hội rất nhiều.

32 Vì những người không thuộc giáo hội đều đắm mình trong những chuyện đồng bóng, trong sự tôn thờ hình tượng, hay sự lừa dối, và trong những lời nói xàm bậy, trong những đổ kỵ và gây gỗ lẫn nhau; mặc những y phục đắt giá, dương dương tự đắc trong mắt mình; ngược đãi người khác, nói dối, trộm cắp, cướp bóc, phạm tội tà dâm, phạm tội giết người, và làm đủ mọi thứ tà ác; tuy nhiên, luật pháp cũng đã được đem ra thi hành đối với tất cả những kẻ phạm pháp, tới một mức độ mà việc thi hành luật pháp có thể làm được.

33 Và chuyện rằng, nhờ đem luật pháp áp dụng cho những kẻ ấy, nên mỗi người phải gánh chịu lấy hình phạt tùy theo những gì mình đã làm, khiến họ trở nên hiền hòa hơn, và không còn dám phạm bất cứ một điều ác nào một cách công khai nữa. Vì thế mà có nhiều sự bình an trong dân Nê Phi, cho đến năm thứ năm của chế độ các phán quan.

And now, because of the steadiness of the church they began to be exceedingly rich, having abundance of all things whatsoever they stood in need—an abundance of flocks and herds, and fatlings of every kind, and also abundance of grain, and of gold, and of silver, and of precious things, and abundance of silk and fine-twined linen, and all manner of good homely cloth.

And thus, in their prosperous circumstances, they did not send away any who were naked, or that were hungry, or that were athirst, or that were sick, or that had not been nourished; and they did not set their hearts upon riches; therefore they were liberal to all, both old and young, both bond and free, both male and female, whether out of the church or in the church, having no respect to persons as to those who stood in need.

And thus they did prosper and become far more wealthy than those who did not belong to their church.

For those who did not belong to their church did indulge themselves in sorceries, and in idolatry or idleness, and in babblings, and in envyings and strife; wearing costly apparel; being lifted up in the pride of their own eyes; persecuting, lying, thieving, robbing, committing whoredoms, and murdering, and all manner of wickedness; nevertheless, the law was put in force upon all those who did transgress it, inasmuch as it was possible.

And it came to pass that by thus exercising the law upon them, every man suffering according to that which he had done, they became more still, and durst not commit any wickedness if it were known; therefore, there was much peace among the people of Nephi until the fifth year of the reign of the judges.

## An Ma 2

- 1 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ năm của chế độ các phán quan, có một cuộc tranh chấp bắt đầu xảy ra trong dân chúng; vì có một người tên là Am Li Si, hẳn rất xảo quyệt, phải, một người khôn ngoan theo sự khôn ngoan của thế gian, và là người đi theo đường lối của kẻ đã giết chết Ghê Ê Ôn bằng gươm, và đã bị xử tử theo luật pháp—
- 2 Giờ đây tên Am Li Si này đã nhờ sự xảo quyệt của mình mà lôi cuốn được rất nhiều người theo, nhiều đến nỗi chúng đã bắt đầu trở nên rất hùng mạnh; và chúng cũng bắt đầu tìm cách lập Am Li Si lên làm vua cai trị dân.
- 3 Giờ đây sự việc này là một điều đáng lo ngại cho dân của giáo hội và cho cả những người không bị lôi cuốn theo những lời thuyết phục của Am Li Si; vì họ hiểu rằng, theo luật pháp của họ, những việc như vậy phải được quyết định bằng tiếng nói của dân chúng.
- 4 Vậy nên, nếu một kẻ độc ác như Am Li Si mà có thể đạt được tiếng nói của dân chúng thì hẳn sẽ tước đoạt hết những quyền hạn của họ cùng quyền lợi của giáo hội, vì hẳn đã có ý định phá hoại giáo hội của Thượng Đế.
- 5 Và chuyện rằng, dân chúng khắp nơi trong xứ cùng nhau quy tụ lại thành từng nhóm riêng biệt, mỗi người theo ý kiến riêng của mình là theo hay chống lại Am Li Si. Họ cãi vã và tranh chấp với nhau rất dữ dội.
- 6 Và dân chúng đã quy tụ lại với nhau như vậy để nói lên tiếng nói của mình về vấn đề này, và tiếng nói của họ đã được đưa ra trước các phán quan.
- 7 Và chuyện rằng, tiếng nói của dân chúng đã chống lại Am Li Si, để hẳn không được lập lên làm vua cai trị dân chúng.
- 8 Giờ đây sự việc này đã làm cho những người chống đối hẳn hết sức hài lòng, nhưng Am Li Si lại xúi giục những kẻ có cảm tình với hẳn tức giận chống lại những người không có cảm tình với hẳn.
- 9 Và chuyện rằng, những người này cùng nhau họp lại và lập Am Li Si lên làm vua của mình.

## Alma 2

And it came to pass in the commencement of the fifth year of their reign there began to be a contention among the people; for a certain man, being called Amlici, he being a very cunning man, yea, a wise man as to the wisdom of the world, he being after the order of the man that slew Gideon by the sword, who was executed according to the law—

Now this Amlici had, by his cunning, drawn away much people after him; even so much that they began to be very powerful; and they began to endeavor to establish Amlici to be a king over the people.

Now this was alarming to the people of the church, and also to all those who had not been drawn away after the persuasions of Amlici; for they knew that according to their law that such things must be established by the voice of the people.

Therefore, if it were possible that Amlici should gain the voice of the people, he, being a wicked man, would deprive them of their rights and privileges of the church; for it was his intent to destroy the church of God.

And it came to pass that the people assembled themselves together throughout all the land, every man according to his mind, whether it were for or against Amlici, in separate bodies, having much dispute and wonderful contentions one with another.

And thus they did assemble themselves together to cast in their voices concerning the matter; and they were laid before the judges.

And it came to pass that the voice of the people came against Amlici, that he was not made king over the people.

Now this did cause much joy in the hearts of those who were against him; but Amlici did stir up those who were in his favor to anger against those who were not in his favor.

And it came to pass that they gathered themselves together, and did consecrate Amlici to be their king.



- 10 Giờ đây khi Am Li Si được tôn lên làm vua rồi, hắn bèn ra lệnh cho những người này phải cầm khí giới đánh lại đồng bào mình; và hắn làm vậy là để bắt họ phải thần phục hắn.
- 11 Giờ đây những kẻ theo Am Li Si đã được phân biệt bằng tên của Am Li Si, nên được gọi là dân Am Li Si; còn số dân còn lại thì được gọi là dân Nê Phi hay dân của Thượng Đế.
- 12 Dân Nê Phi đã nhận biết được ý đồ của dân Am Li Si, do đó họ đã chuẩn bị sẵn sàng để đương đầu với chúng; phải, họ tự trang bị gươm, đao, cung, tên, đá và trành ném đá, cùng đủ các loại vũ khí chiến tranh.
- 13 Và họ đã chuẩn bị như vậy để đương đầu với dân Am Li Si khi chúng đến. Họ bổ nhiệm các lãnh binh, các thượng lãnh binh, và các tổng lãnh binh, tùy theo quân số của họ.
- 14 Và chuyện rằng, Am Li Si cũng võ trang quân lính của hắn với đủ các loại vũ khí chiến tranh, và cũng bổ nhiệm những người chỉ huy và lãnh đạo dân của hắn, để hướng dẫn họ đi gây chiến với đồng bào mình.
- 15 Và chuyện rằng, dân Am Li Si tiến lên ngọn đồi Am Ni Hu, ở về phía đông sông Si Đôn, chảy dọc theo xứ Gia Ra Hem La, và ở đó chúng bắt đầu gây chiến với dân Nê Phi.
- 16 Giờ đây An Ma là vị trưởng phán quan, và cũng là người cai trị dân Nê Phi, nên ông đã lên đường cùng với dân ông, phải, cùng với các lãnh binh và tổng lãnh binh của mình, phải, ông dẫn đầu quân đội mình tiến đánh dân Am Li Si.
- 17 Và họ bắt đầu tàn sát quân Am Li Si trên ngọn đồi ở phía đông sông Si Đôn. Và dân của Am Li Si đã chiến đấu với dân Nê Phi rất mãnh liệt, đến nỗi nhiều người dân Nê Phi phải ngã gục trước dân Am Li Si.
- 18 Tuy nhiên, Chúa đã tăng thêm sức mạnh cho cánh tay của dân Nê Phi, khiến họ tàn sát lại dân Am Li Si khủng khiếp, đến nỗi chúng bắt đầu bỏ chạy.

Now when Amlici was made king over them he commanded them that they should take up arms against their brethren; and this he did that he might subject them to him.

Now the people of Amlici were distinguished by the name of Amlici, being called Amlicites; and the remainder were called Nephites, or the people of God.

Therefore the people of the Nephites were aware of the intent of the Amlicites, and therefore they did prepare to meet them; yea, they did arm themselves with swords, and with cimeters, and with bows, and with arrows, and with stones, and with slings, and with all manner of weapons of war, of every kind.

And thus they were prepared to meet the Amlicites at the time of their coming. And there were appointed captains, and higher captains, and chief captains, according to their numbers.

And it came to pass that Amlici did arm his men with all manner of weapons of war of every kind; and he also appointed rulers and leaders over his people, to lead them to war against their brethren.

And it came to pass that the Amlicites came upon the hill Amnihu, which was east of the river Sidon, which ran by the land of Zarahemla, and there they began to make war with the Nephites.

Now Alma, being the chief judge and the governor of the people of Nephi, therefore he went up with his people, yea, with his captains, and chief captains, yea, at the head of his armies, against the Amlicites to battle.

And they began to slay the Amlicites upon the hill east of Sidon. And the Amlicites did contend with the Nephites with great strength, insomuch that many of the Nephites did fall before the Amlicites.

Nevertheless the Lord did strengthen the hand of the Nephites, that they slew the Amlicites with great slaughter, that they began to flee before them.

- 19 Và chuyện rằng, dân Nê Phi rượt đuổi theo dân Am Li Si suốt ngày hôm đó, và tàn sát chúng rất khủng khiếp, đến nỗi có mười hai ngàn năm trăm ba mươi hai dân của Am Li Si bị giết chết; còn phía dân Nê Phi thì có sáu ngàn năm trăm sáu mươi hai người tử trận.
- 20 Và chuyện rằng, khi An Ma không còn đuổi theo dân Am Li Si được nữa, ông bèn cho quân lính dừng lại cắm lều tại thung lũng Ghê Đê Ôn, thung lũng này được gọi theo tên của Ghê Đê Ôn là người đã bị bàn tay Nê Hô giết chết bằng gươm; và trong thung lũng này, dân Nê Phi đã dựng lều nghỉ tạm qua đêm.
- 21 Và An Ma phái quân do thám theo dõi đám tàn quân của dân Am Li Si, ngõ hầu ông có thể biết được những kế hoạch và âm mưu của chúng, để nhờ đó ông có thể đề phòng chống lại chúng và gìn giữ dân mình khỏi bị hủy diệt.
- 22 Nay, những người được ông phái đi do thám trại của dân Am Li Si có tên là: Giê Ram, Am No, Man Ti và Lim Hê; những người này dẫn quân lính của mình đi do thám trại dân Am Li Si.
- 23 Và chuyện rằng, vào ngày hôm sau, họ hồi hả chạy về trại của dân Nê Phi với vẻ hốt hoảng và kinh sợ mà báo cáo rằng:
- 24 Nay, chúng tôi do thám trại của dân Am Li Si, và chúng tôi quá đỗi ngạc nhiên khi thấy tại xứ Mi Non, phía trên xứ Gia Ra Hem La, trên hướng đi đến xứ Nê Phi, có một đạo quân La Man đông đảo; và này, dân Am Li Si đã gia nhập với bọn chúng;
- 25 Và chúng đã tấn công các đồng bào của chúng ta trong xứ đó; và họ đang chạy trốn với vợ con và các đàn gia súc của mình về hướng thành phố của chúng ta; và nếu chúng ta không gấp rút quay về thì chúng sẽ đánh chiếm thành phố của chúng ta, và lúc ấy cha mẹ và vợ con chúng ta sẽ bị chúng giết chết hết.
- 26 Và chuyện rằng, dân Nê Phi dẹp lều trại và rời khỏi thung lũng Ghê Đê Ôn để trở về thành phố của họ, tức là thành phố Gia Ra Hem La.

And it came to pass that the Nephites did pursue the Amlicites all that day, and did slay them with much slaughter, insomuch that there were slain of the Amlicites twelve thousand five hundred thirty and two souls; and there were slain of the Nephites six thousand five hundred sixty and two souls.

And it came to pass that when Alma could pursue the Amlicites no longer he caused that his people should pitch their tents in the valley of Gideon, the valley being called after that Gideon who was slain by the hand of Nehor with the sword; and in this valley the Nephites did pitch their tents for the night.

And Alma sent spies to follow the remnant of the Amlicites, that he might know of their plans and their plots, whereby he might guard himself against them, that he might preserve his people from being destroyed.

Now those whom he had sent out to watch the camp of the Amlicites were called Zeram, and Amnor, and Manti, and Limher; these were they who went out with their men to watch the camp of the Amlicites.

And it came to pass that on the morrow they returned into the camp of the Nephites in great haste, being greatly astonished, and struck with much fear, saying:

Behold, we followed the camp of the Amlicites, and to our great astonishment, in the land of Minon, above the land of Zarahemla, in the course of the land of Nephi, we saw a numerous host of the Lamanites; and behold, the Amlicites have joined them;

And they are upon our brethren in that land; and they are fleeing before them with their flocks, and their wives, and their children, towards our city; and except we make haste they obtain possession of our city, and our fathers, and our wives, and our children be slain.

And it came to pass that the people of Nephi took their tents, and departed out of the valley of Gideon towards their city, which was the city of Zarahemla.

27 Và này, khi họ đang băng qua sông Si Đôn thì dân La Man và dân Am Li Si, đông như cát biển, đã tấn công họ để hủy diệt họ.

28 Tuy nhiên, dân Nê Phi nhờ bàn tay Chúa tăng thêm sức mạnh, vì họ đã tha thiết khẩn cầu Ngài, xin Ngài giải thoát họ khỏi bàn tay của kẻ thù, nên Chúa đã nghe lời cầu khẩn của họ mà ban thêm sức mạnh cho họ và dân La Man cùng dân Am Li Si đã ngã gục trước mặt họ.

29 Và chuyện rằng, An Ma đã dùng gươm giao chiến với Am Li Si, mặt đối mặt; hai người đã quần thảo với nhau rất kịch liệt.

30 Và chuyện rằng, vì An Ma là người của Thượng Đế, nên ông đã đem hết đức tin ra mà kêu cầu rằng: Hỡi Chúa, xin Ngài thương xót mà gìn giữ mạng sống cho con, ngõ hầu con có thể trở thành một công cụ trong bàn tay của Ngài để cứu vớt và bảo tồn dân này.

31 Giờ đây sau khi An Ma nói xong những lời này, ông đã giao chiến với Am Li Si; và ông đã được tăng thêm sức mạnh mãnh liệt đến nỗi ông giết chết Am Li Si với lưỡi gươm của mình.

32 Và An Ma cũng giao chiến với vua dân La Man, nhưng vua dân La Man bỏ chạy trốn trước mặt An Ma và cho các vệ binh của mình ra đánh lại An Ma.

33 Nhưng An Ma cùng vệ binh mình đánh lại vệ binh của vua dân La Man cho đến khi ông giết chết và đẩy lui được chúng.

34 Và như vậy ông cho thu dọn chiến trường, hay nói đúng hơn là khu vực bên bờ phía tây sông Si Đôn, liệng xác dân La Man xuống sông Si Đôn, để dân của ông có đường tiến sang đánh dân La Man và dân Am Li Si bên bờ phía tây sông Si Đôn.

35 Và chuyện rằng, khi tất cả quân của ông đều qua được bên kia sông Si Đôn thì dân La Man và dân Am Li Si bắt đầu bỏ chạy, mặc dù chúng vô cùng đông đảo không kể xiết được.

And behold, as they were crossing the river Sidon, the Lamanites and the Amlicites, being as numerous almost, as it were, as the sands of the sea, came upon them to destroy them.

Nevertheless, the Nephites being strengthened by the hand of the Lord, having prayed mightily to him that he would deliver them out of the hands of their enemies, therefore the Lord did hear their cries, and did strengthen them, and the Lamanites and the Amlicites did fall before them.

And it came to pass that Alma fought with Amlici with the sword, face to face; and they did contend mightily, one with another.

And it came to pass that Alma, being a man of God, being exercised with much faith, cried, saying: O Lord, have mercy and spare my life, that I may be an instrument in thy hands to save and preserve this people.

Now when Alma had said these words he contended again with Amlici; and he was strengthened, insomuch that he slew Amlici with the sword.

And he also contended with the king of the Lamanites; but the king of the Lamanites fled back from before Alma and sent his guards to contend with Alma.

But Alma, with his guards, contended with the guards of the king of the Lamanites until he slew and drove them back.

And thus he cleared the ground, or rather the bank, which was on the west of the river Sidon, throwing the bodies of the Lamanites who had been slain into the waters of Sidon, that thereby his people might have room to cross and contend with the Lamanites and the Amlicites on the west side of the river Sidon.

And it came to pass that when they had all crossed the river Sidon that the Lamanites and the Amlicites began to flee before them, notwithstanding they were so numerous that they could not be numbered.

- 36 Và chúng chạy trốn dân Nê Phi, hướng về vùng hoang dã tức là hướng tây bắc, ngoài biên giới của xứ; và dân Nê Phi hết sức đuổi theo và giết chết chúng.
- 37 Phải, chúng bị tấn công mọi mặt, bị giết và bị đánh đuổi cho đến khi chúng bị phân tán về hướng tây và hướng bắc, đến tận vùng hoang dã gọi là Hét Môn; và chỗ này là một phần của vùng hoang dã đầy đầy những thú rừng hung hăng và háu đói.
- 38 Và chuyện rằng, nhiều người trong bọn chúng đã chết trong vùng hoang dã vì các vết thương, và bị thú dữ và kên kên xâu xé; còn xương của chúng thì phơi bày và chồng chất trên mặt đất.

And they fled before the Nephites towards the wilderness which was west and north, away beyond the borders of the land; and the Nephites did pursue them with their might, and did slay them.

Yea, they were met on every hand, and slain and driven, until they were scattered on the west, and on the north, until they had reached the wilderness, which was called Hermounts; and it was that part of the wilderness which was infested by wild and ravenous beasts.

And it came to pass that many died in the wilderness of their wounds, and were devoured by those beasts and also the vultures of the air; and their bones have been found, and have been heaped up on the earth.

## An Ma 3

- 1 Và chuyện rằng, những người Nê Phi không bị giết chết vì các vũ khí chiến tranh sau khi đã chôn cất những người bị giết—giờ đây vì số người bị giết quá nhiều, nên không thể đếm xiết được—sau khi đã chôn cất xong những người chết, tất cả họ đều trở về với đất đai, nhà cửa, và vợ con của mình.
- 2 Giờ đây có nhiều đàn bà và trẻ con bị chết bởi gươm đao, và các đàn gia súc và các bầy thú của họ cũng bị sát hại; và nhiều cánh đồng ngũ cốc của họ cũng bị tàn phá, vì bị các đạo quân dày xéo.
- 3 Và giờ đây tất cả những người dân La Man và dân Am Li Si bị giết ở bên bờ sông Si Đôn đều bị ném xuống sông Si Đôn; và này, những xương tàn của họ đều nằm dưới lòng biển, và nhiều vô số.
- 4 Và dân Am Li Si khác biệt với dân Nê Phi, vì họ làm dấu đỏ trên trán của họ theo kiểu của dân La Man, nhưng họ không cạo đầu như dân La Man.
- 5 Bây giờ dân La Man đầu thì cạo trọc; mình thì trần truồng, chỉ có một miếng da bọc quanh hông, áo giáp che mình, cung, tên, đá, trành ném đá và những thứ khác.
- 6 Và nước da của dân La Man thì sậm, theo dấu hiệu đã đánh trên mình tổ phụ họ, đó là một sự rửa sả đã giáng lên tổ tiên họ vì sự phạm giới và sự phản nghịch của họ đối với anh em mình là Nê Phi, Gia Cốp, Giô Sép, và Sam, là những người công minh và thánh thiện.
- 7 Và các anh em của những người này đã tìm cách giết họ nên đã bị rửa sả; và Đức Chúa Trời đã đánh dấu trên mình họ, phải, trên người La Man và Lê Mu Ên, và luôn cả trên mình những người con trai của Ích Ma Ên và các phụ nữ Ích Ma Ên.

## Alma 3

And it came to pass that the Nephites who were not slain by the weapons of war, after having buried those who had been slain—now the number of the slain were not numbered, because of the greatness of their number—after they had finished burying their dead they all returned to their lands, and to their houses, and their wives, and their children.

Now many women and children had been slain with the sword, and also many of their flocks and their herds; and also many of their fields of grain were destroyed, for they were trodden down by the hosts of men.

And now as many of the Lamanites and the Amlicites who had been slain upon the bank of the river Sidon were cast into the waters of Sidon; and behold their bones are in the depths of the sea, and they are many.

And the Amlicites were distinguished from the Nephites, for they had marked themselves with red in their foreheads after the manner of the Lamanites; nevertheless they had not shorn their heads like unto the Lamanites.

Now the heads of the Lamanites were shorn; and they were naked, save it were skin which was girded about their loins, and also their armor, which was girded about them, and their bows, and their arrows, and their stones, and their slings, and so forth.

And the skins of the Lamanites were dark, according to the mark which was set upon their fathers, which was a curse upon them because of their transgression and their rebellion against their brethren, who consisted of Nephi, Jacob, and Joseph, and Sam, who were just and holy men.

And their brethren sought to destroy them, therefore they were cursed; and the Lord God set a mark upon them, yea, upon Laman and Lemuel, and also the sons of Ishmael, and Ishmaelitish women.

- 8 Và sở dĩ có chuyện này là để phân biệt dòng dõi của họ với dòng dõi của các anh em họ, ngõ hầu Đức Chúa Trời có thể bảo tồn được dân Ngài, để họ không bị pha trộn và tin theo những truyền thống sai lầm khiến họ phải bị hủy diệt.
- 9 Và chuyện rằng, bất cứ kẻ nào pha trộn dòng dõi mình với dòng dõi của dân La Man đều phải rước lấy sự rửa sả đó cho dòng dõi mình.
- 10 Vậy nên, bất cứ người nào chịu để mình bị dân La Man dẫn dắt đều được gọi theo danh đó và đều phải bị đánh dấu vào mình.
- 11 Và chuyện rằng, kẻ nào không tin theo truyền thống của dân La Man, nhưng biết tin vào những biên sử được đem ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, và biết tin theo truyền thống đúng đắn của tổ phụ mình, là những người tin vào các lệnh truyền của Thượng Đế và biết tuân giữ những lệnh truyền ấy, đều được gọi là người Nê Phi hay là dân Nê Phi, từ đó về sau—
- 12 Và họ chính là những người đã cất giữ các biên sử chân chính của dân tộc họ và luôn cả của dân La Man nữa.
- 13 Giờ đây chúng ta hãy trở lại nói về người Am Li Si, vì những người này cũng có dấu khắc trên mình nữa; phải, họ đã đánh dấu trên người họ, phải, một dấu đỏ trên trán họ.
- 14 Như vậy là lời Thượng Đế đã ứng nghiệm, vì Ngài đã từng phán bảo với Nê Phi như vậy: Này, ta đã rửa sả dân La Man, và ta sẽ đánh dấu lên người chúng, để cho chúng và dòng dõi của chúng có thể được phân biệt với người và dòng dõi của người từ nay và mãi mãi về sau, trừ phi chúng biết hối cải sự độc ác của mình và quay về với ta để ta có thể thương xót chúng.
- 15 Và lại nữa, ta sẽ đánh dấu lên những kẻ pha trộn dòng giống mình với dân của các anh người để những kẻ ấy cũng bị rửa sả.
- 16 Và lại nữa ta sẽ đánh dấu lên kẻ nào đánh lại người và dòng dõi người.
- 17 Và lại nữa, ta phán rằng kẻ nào tách rời khỏi người sẽ không còn được gọi là dòng dõi của người nữa; và ta sẽ ban phước lành cho người cùng bất cứ ai được gọi là dòng dõi người, từ nay và mãi mãi về sau; và đây là những lời Chúa đã hứa với Nê Phi và dòng dõi của ông.

And this was done that their seed might be distinguished from the seed of their brethren, that thereby the Lord God might preserve his people, that they might not mix and believe in incorrect traditions which would prove their destruction.

And it came to pass that whosoever did mingle his seed with that of the Lamanites did bring the same curse upon his seed.

Therefore, whosoever suffered himself to be led away by the Lamanites was called under that head, and there was a mark set upon him.

And it came to pass that whosoever would not believe in the tradition of the Lamanites, but believed those records which were brought out of the land of Jerusalem, and also in the tradition of their fathers, which were correct, who believed in the commandments of God and kept them, were called the Nephites, or the people of Nephi, from that time forth—

And it is they who have kept the records which are true of their people, and also of the people of the Lamanites.

Now we will return again to the Amlicites, for they also had a mark set upon them; yea, they set the mark upon themselves, yea, even a mark of red upon their foreheads.

Thus the word of God is fulfilled, for these are the words which he said to Nephi: Behold, the Lamanites have I cursed, and I will set a mark on them that they and their seed may be separated from thee and thy seed, from this time henceforth and forever, except they repent of their wickedness and turn to me that I may have mercy upon them.

And again: I will set a mark upon him that minglenth his seed with thy brethren, that they may be cursed also.

And again: I will set a mark upon him that fighteth against thee and thy seed.

And again, I say he that departeth from thee shall no more be called thy seed; and I will bless thee, and whomsoever shall be called thy seed, henceforth and forever; and these were the promises of the Lord unto Nephi and to his seed.

- 18 Giờ đây dân Am Li Si không hiểu rằng mình đã làm cho những lời của Thượng Đế ứng nghiệm khi chúng bắt đầu tự đánh dấu vào trán mình; như vậy là chúng đã công khai chống lại Thượng Đế; vậy nên sự rủa sả đã giáng lên chúng là một điều thích hợp.
- 19 Giờ đây tôi muốn đồng bào thấy rằng, chính chúng tự rước vào mình sự rủa sả; và cũng vậy hễ ai bị rủa sả là tự mình chuốc lấy sự kết tội.
- 20 Giờ đây chuyện rằng, chẳng bao lâu sau trận chiến tại xứ Gia Ra Hem La do dân La Man và dân Am Li Si đánh, thì lại có một đạo quân La Man khác đến đánh dân Nê Phi, tại cùng một nơi mà đạo quân đầu tiên đã gặp dân Am Li Si.
- 21 Và chuyện rằng, có một đạo quân được phái tới để đánh đuổi chúng ra khỏi xứ.
- 22 Giờ đây vì An Ma bị thương nên ông không xuất trận đánh đuổi dân La Man được;
- 23 Nhưng ông đã gửi lên một đạo quân đông đảo đến đánh lại chúng; và đạo quân ấy đã tiến lên và giết chết được rất nhiều dân La Man, và đánh đuổi số tàn binh của chúng ra khỏi biên giới.
- 24 Và rồi họ trở về và bắt đầu tái lập sự bình an trong xứ, và trong một thời gian họ không còn bị quân thù quấy nhiễu nữa.
- 25 Giờ đây tất cả những sự việc này đã xảy ra, phải, những cuộc chiến và những sự tranh chấp này đều đã được bắt đầu và kết thúc trong năm thứ năm của chế độ các phán quan.
- 26 Và chỉ trong một năm trời mà có tới hàng ngàn, hàng chục ngàn sinh linh bị đưa qua thế giới vĩnh cửu, ngõ hầu họ gặt hái những phần thưởng tùy theo những việc làm của mình, dù việc làm đó tốt hoặc xấu, để gặt hái được hạnh phúc vĩnh cửu hay sự bất hạnh đời đời tùy theo thần linh thiện hay ác mà họ tuân theo.
- 27 Vì mỗi người đều nhận được thù lao của kẻ mình tuân theo, và đây là theo những lời của tinh thần tiên tri; vậy nên hãy để những lời này thể hiện theo lẽ thật. Và như thế là chấm dứt năm thứ năm của chế độ các phán quan.

Now the Amlicites knew not that they were fulfilling the words of God when they began to mark themselves in their foreheads; nevertheless they had come out in open rebellion against God; therefore it was expedient that the curse should fall upon them.

Now I would that ye should see that they brought upon themselves the curse; and even so doth every man that is cursed bring upon himself his own condemnation.

Now it came to pass that not many days after the battle which was fought in the land of Zarahemla, by the Lamanites and the Amlicites, that there was another army of the Lamanites came in upon the people of Nephi, in the same place where the first army met the Amlicites.

And it came to pass that there was an army sent to drive them out of their land.

Now Alma himself being afflicted with a wound did not go up to battle at this time against the Lamanites;

But he sent up a numerous army against them; and they went up and slew many of the Lamanites, and drove the remainder of them out of the borders of their land.

And then they returned again and began to establish peace in the land, being troubled no more for a time with their enemies.

Now all these things were done, yea, all these wars and contentions were commenced and ended in the fifth year of the reign of the judges.

And in one year were thousands and tens of thousands of souls sent to the eternal world, that they might reap their rewards according to their works, whether they were good or whether they were bad, to reap eternal happiness or eternal misery, according to the spirit which they listed to obey, whether it be a good spirit or a bad one.

For every man receiveth wages of him whom he listeth to obey, and this according to the words of the spirit of prophecy; therefore let it be according to the truth. And thus endeth the fifth year of the reign of the judges.

## An Ma 4

- 1 Giờ đây chuyện rằng, vào năm thứ sáu của chế độ các phán quan trong dân tộc Nê Phi, trong xứ Gia Ra Hem La không có cuộc chiến hay sự tranh chấp nào cả;
- 2 Nhưng dân chúng lại buồn khổ, phải, họ rất buồn khổ vì đã mất các đồng bào của họ, hơn nữa họ còn bị mất các đàn gia súc và các bầy thú và mất luôn cả các cánh đồng ngũ cốc bị dân La Man giày đạp dưới chân và tàn phá hết.
- 3 Và sự buồn khổ của họ quá lớn lao đến nỗi ai ai cũng có lý do để than khóc; và họ tin rằng đó là những sự đoán phạt của Thượng Đế đã giáng xuống họ vì sự tà ác và những điều khả ô của họ; vậy nên họ đã được thức tỉnh để nhớ đến bổn phận của mình.
- 4 Rồi họ bắt đầu chỉnh đốn lại giáo hội một cách hoàn hảo hơn; phải, có nhiều người được báp têm trong dòng nước Si Đôn và gia nhập giáo hội của Thượng Đế; phải, họ được chính tay của An Ma báp têm, ông là người được chính tay phụ thân ông là An Ma lập lên làm thầy tư tế thượng phẩm cai quản dân của giáo hội.
- 5 Và chuyện rằng, vào năm thứ bảy của chế độ các phán quan, có khoảng ba ngàn năm trăm người gia nhập giáo hội của Thượng Đế và được báp têm. Và như vậy là năm thứ bảy của chế độ các phán quan của dân Nê Phi đã chấm dứt, và thái bình đã được liên tục trong suốt khoảng thời gian đó.
- 6 Và chuyện rằng, đến năm thứ tám của chế độ các phán quan thì dân của giáo hội bắt đầu trở nên kiêu căng, vì của cải của họ quá dồi dào, và những lụa là và vải gai mịn của họ, vì nhiều đàn gia súc và nhiều bầy thú, và vàng bạc cùng các vật quý giá đủ loại mà họ đã có được nhờ tính cần mẫn của họ; và với những tài vật ấy họ đã dương dương tự đắc trong mắt mình, vì họ đã bắt đầu mặc những y phục rất đắt giá.

## Alma 4

Now it came to pass in the sixth year of the reign of the judges over the people of Nephi, there were no contentions nor wars in the land of Zarahemla;

But the people were afflicted, yea, greatly afflicted for the loss of their brethren, and also for the loss of their flocks and herds, and also for the loss of their fields of grain, which were trodden under foot and destroyed by the Lamanites.

And so great were their afflictions that every soul had cause to mourn; and they believed that it was the judgments of God sent upon them because of their wickedness and their abominations; therefore they were awakened to a remembrance of their duty.

And they began to establish the church more fully; yea, and many were baptized in the waters of Sidon and were joined to the church of God; yea, they were baptized by the hand of Alma, who had been consecrated the high priest over the people of the church, by the hand of his father Alma.

And it came to pass in the seventh year of the reign of the judges there were about three thousand five hundred souls that united themselves to the church of God and were baptized. And thus ended the seventh year of the reign of the judges over the people of Nephi; and there was continual peace in all that time.

And it came to pass in the eighth year of the reign of the judges, that the people of the church began to wax proud, because of their exceeding riches, and their fine silks, and their fine-twined linen, and because of their many flocks and herds, and their gold and their silver, and all manner of precious things, which they had obtained by their industry; and in all these things were they lifted up in the pride of their eyes, for they began to wear very costly apparel.



7 Giờ đây việc này là nguyên nhân gây lắm nỗi đau buồn cho An Ma, phải, và cho nhiều người đã được An Ma lập lên làm thầy giảng, thầy tư tế, và anh cả trong giáo hội; phải, đa số những vị này rất phiền muộn vì họ trông thấy sự tà ác bắt đầu nảy nở trong dân chúng.

8 Vì họ trông thấy và nhận biết được trong sự phiền muộn lớn lao rằng, dân của giáo hội đã bắt đầu dương dương tự đắc trong mắt mình, và đặt hết lòng yêu thích vào của cải cùng những ảo ảnh của thế gian, và họ lại bắt đầu khinh bỉ lẫn nhau, và họ bắt đầu ngược đãi những ai không biết tin theo ý muốn và sở thích của mình.

9 Do đó mà vào năm thứ tám của chế độ các phán quan, những cuộc tranh chấp lớn đã bắt đầu nổi lên giữa dân của giáo hội; phải, có những chuyện gây gỗ, tranh giành, thù ghét, ngược đãi, và kiêu căng còn hơn cả sự kiêu căng của những người không thuộc giáo hội của Thượng Đế.

10 Và như vậy là năm thứ tám của chế độ các phán quan đã chấm dứt; và sự tà ác của dân của giáo hội là một chướng ngại vật lớn lao cho những người không thuộc giáo hội; và vì thế mà giáo hội bắt đầu suy yếu trên đà tiến triển của nó.

11 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ chín, An Ma đã thấy sự tà ác của dân của giáo hội, và ông còn thấy rằng, cái gương xấu của dân của giáo hội đã bắt đầu dẫn dắt những người vô tín ngưỡng đi từ điều bất chính này đến điều bất chính khác, như vậy sẽ đưa đến sự hủy diệt dân tộc.

12 Phải, ông thấy có một sự bất bình đẳng lớn lao giữa dân chúng, một số người thì tự tôn, khinh miệt kẻ khác, quay lưng làm ngơ những người nghèo túng, thiếu ăn thiếu mặc, và những người đói khát, bệnh hoạn và đau khổ.

13 Giờ đây việc này là nguyên nhân lớn của sự than vãn trong dân chúng, trong khi ấy lại có một số tự hạ mình cứu giúp những ai cần họ cứu giúp, chẳng hạn như chia sẻ tài vật của mình cho người nghèo khổ và túng thiếu, nuôi dưỡng người đói khát, và chịu mọi nỗi thống khổ vì Đấng Ky Tô, là Đấng sẽ đến theo tinh thần tiên tri;

Now this was the cause of much affliction to Alma, yea, and to many of the people whom Alma had consecrated to be teachers, and priests, and elders over the church; yea, many of them were sorely grieved for the wickedness which they saw had begun to be among their people.

For they saw and beheld with great sorrow that the people of the church began to be lifted up in the pride of their eyes, and to set their hearts upon riches and upon the vain things of the world, that they began to be scornful, one towards another, and they began to persecute those that did not believe according to their own will and pleasure.

And thus, in this eighth year of the reign of the judges, there began to be great contentions among the people of the church; yea, there were envyings, and strife, and malice, and persecutions, and pride, even to exceed the pride of those who did not belong to the church of God.

And thus ended the eighth year of the reign of the judges; and the wickedness of the church was a great stumbling-block to those who did not belong to the church; and thus the church began to fail in its progress.

And it came to pass in the commencement of the ninth year, Alma saw the wickedness of the church, and he saw also that the example of the church began to lead those who were unbelievers on from one piece of iniquity to another, thus bringing on the destruction of the people.

Yea, he saw great inequality among the people, some lifting themselves up with their pride, despising others, turning their backs upon the needy and the naked and those who were hungry, and those who were athirst, and those who were sick and afflicted.

Now this was a great cause for lamentations among the people, while others were abasing themselves, succoring those who stood in need of their succor, such as imparting their substance to the poor and the needy, feeding the hungry, and suffering all manner of afflictions, for Christ's sake, who should come according to the spirit of prophecy;

- 14 Họ trông chờ ngày đó là ngày họ được xá miễn các tội lỗi; lòng họ tràn đầy hân hoan vì sự phục sinh của người chết, theo như ý muốn, quyền năng và sự giải thoát của Chúa Giê Su Ky Tô khỏi những dây trói buộc của sự chết.
- 15 Và giờ đây chuyện rằng, vì An Ma đã nhìn thấy những nỗi thống khổ của những tín đồ khiêm nhường của Thượng Đế, cùng những sự ngược đãi của đám dân còn lại của ông chồng chất lên họ, cũng như nhìn thấy tất cả sự bất bình đẳng của họ, nên ông bắt đầu buồn rầu vô hạn; tuy nhiên Thánh Linh của Chúa đã không lia bỏ ông.
- 16 Rồi ông chọn một người thông sáng trong số các anh cả của giáo hội, và trao cho người này quyền hành theo như tiếng nói của toàn dân, để ông ta có đủ thẩm quyền ban hành các luật pháp dựa theo những luật pháp đã được ban hành, và thi hành luật pháp tùy theo sự tà ác và tội lỗi của dân chúng.
- 17 Bây giờ người này có tên là Nê Phi Ha, được bổ nhiệm giữ chức trưởng phán quan và được ngồi vào ghế xét xử để xét xử và cai trị dân chúng.
- 18 Bây giờ An Ma không giao phó cho ông này chức vụ làm thầy tư tế thượng phẩm cai quản giáo hội, ông giữ lại chức thầy tư tế thượng phẩm cho mình, nhưng ông giao ghế xét xử cho Nê Phi Ha.
- 19 Và sở dĩ ông đã làm như vậy là để ông được thân hành đi đến giữa dân mình, hay là đến giữa dân Nê Phi, để thuyết giảng cho họ nghe lời của Thượng Đế, để nhắc nhở họ nhớ đến bốn phận của mình, và để nhờ lời của Thượng Đế mà ông có thể hạ xuống tất cả mọi sự kiêu căng và mưu chước, cùng mọi cuộc tranh chấp đang đầy dẫy trong dân của ông, vì ông không thấy đường lối nào khác để ông có thể cải hóa họ được ngoài cách ông phải nói lên lời chứng thuần nhất chống lại họ.
- 20 Và như vậy là vào đầu năm thứ chín của chế độ các phán quan trong dân Nê Phi, An Ma đã trao ghế xét xử cho Nê Phi Ha và tự dâng trọn đời mình cho chức tư tế thượng phẩm thuộc thánh ban của Thượng Đế, để làm chứng về lời của Thượng Đế, đúng theo tinh thần mặc khải và tiên tri.

Looking forward to that day, thus retaining a remission of their sins; being filled with great joy because of the resurrection of the dead, according to the will and power and deliverance of Jesus Christ from the bands of death.

And now it came to pass that Alma, having seen the afflictions of the humble followers of God, and the persecutions which were heaped upon them by the remainder of his people, and seeing all their inequality, began to be very sorrowful; nevertheless the Spirit of the Lord did not fail him.

And he selected a wise man who was among the elders of the church, and gave him power according to the voice of the people, that he might have power to enact laws according to the laws which had been given, and to put them in force according to the wickedness and the crimes of the people.

Now this man's name was Nephiah, and he was appointed chief judge; and he sat in the judgment-seat to judge and to govern the people.

Now Alma did not grant unto him the office of being high priest over the church, but he retained the office of high priest unto himself; but he delivered the judgment-seat unto Nephiah.

And this he did that he himself might go forth among his people, or among the people of Nephi, that he might preach the word of God unto them, to stir them up in remembrance of their duty, and that he might pull down, by the word of God, all the pride and craftiness and all the contentions which were among his people, seeing no way that he might reclaim them save it were in bearing down in pure testimony against them.

And thus in the commencement of the ninth year of the reign of the judges over the people of Nephi, Alma delivered up the judgment-seat to Nephiah, and confined himself wholly to the high priesthood of the holy order of God, to the testimony of the word, according to the spirit of revelation and prophecy.

Những lời của An Ma, Thầy Tư Tế Thượng Phẩm theo thánh ban của Thượng Đế, đã ngỏ cùng dân chúng trong các thành phố và làng mạc của họ ở khắp xứ.

## An Ma 5

- 1 Giờ đây chuyện rằng, An Ma bắt đầu rao truyền lời của Thượng Đế cho dân chúng, đầu tiên là tại xứ Gia Ra Hem La rồi đến toàn khắp lãnh thổ.
- 2 Và sau đây là những lời ông đã nói với dân chúng trong giáo hội đã được thiết lập trong thành phố Gia Ra Hem La, đúng theo sự ghi chép của ông như vậy:
- 3 Tôi, An Ma, đã được cha tôi, cũng có tên là An Ma, lập lên làm thầy tư tế thượng phẩm cai quản giáo hội của Thượng Đế, vì ông có được quyền năng và thẩm quyền của Thượng Đế để làm những việc này. Nay tôi nói cho các người hay rằng, ông bắt đầu thiết lập một giáo hội trong xứ gần biên giới Nê Phi; phải, xứ ấy được gọi là xứ Mặc Môn; phải, và ông đã báp têm cho các đồng bào của mình trong dòng suối Mặc Môn.
- 4 Nay, tôi nói cho các người hay, họ đã được cứu thoát khỏi bàn tay của dân vua Nô Ê nhờ lòng thương xót và quyền năng của Thượng Đế.
- 5 Và này, sau đó họ lại bị bàn tay của dân La Man đưa vào vòng nô lệ trong vùng hoang dã; phải, tôi nói cho các người hay, họ bị tù đầy, và Chúa lại một lần nữa giải cứu họ khỏi vòng nô lệ bởi quyền năng của lời Ngài; và chúng ta đã được dẫn đến xứ này, và ở đây chúng ta bắt đầu thiết lập giáo hội của Thượng Đế trên khắp xứ sở này.
- 6 Và giờ đây, này, hỡi đồng bào, tôi nói cho các người hay, là những người thuộc giáo hội này, các người có còn nhớ rõ sự tù đầy của tổ phụ mình chẳng? Phải, các người có còn nhớ rõ lòng xót thương và sự nhịn nhục của Ngài đối với họ chẳng? Và hơn nữa, các người có còn nhớ rõ là Ngài đã giải cứu linh hồn họ thoát khỏi ngục giới chẳng?

The words which Alma, the High Priest according to the holy order of God, delivered to the people in their cities and villages throughout the land.

## Alma 5

Now it came to pass that Alma began to deliver the word of God unto the people, first in the land of Zarahemla, and from thence throughout all the land.

And these are the words which he spake to the people in the church which was established in the city of Zarahemla, according to his own record, saying:

I, Alma, having been consecrated by my father, Alma, to be a high priest over the church of God, he having power and authority from God to do these things, behold, I say unto you that he began to establish a church in the land which was in the borders of Nephi; yea, the land which was called the land of Mormon; yea, and he did baptize his brethren in the waters of Mormon.

And behold, I say unto you, they were delivered out of the hands of the people of king Noah, by the mercy and power of God.

And behold, after that, they were brought into bondage by the hands of the Lamanites in the wilderness; yea, I say unto you, they were in captivity, and again the Lord did deliver them out of bondage by the power of his word; and we were brought into this land, and here we began to establish the church of God throughout this land also.

And now behold, I say unto you, my brethren, you that belong to this church, have you sufficiently retained in remembrance the captivity of your fathers? Yea, and have you sufficiently retained in remembrance his mercy and long-suffering towards them? And moreover, have ye sufficiently retained in remembrance that he has delivered their souls from hell?

- 7      Này, Ngài đã thay đổi lòng họ; phải, Ngài đã thức tỉnh họ khỏi một giấc ngủ triền miên, và họ đã thức tỉnh trong Thượng Đế. Này, họ đã ở trong bóng tối; tuy nhiên linh hồn họ được soi sáng bởi ánh sáng của lời nói vĩnh viễn; phải, họ đã bị vây quanh bởi những dây trói buộc của sự chết, cùng những xiềng xích của ngục giới, và sự hủy diệt vĩnh viễn đang chờ đón họ.
- 8      Và giờ đây tôi xin hỏi các người, hồi đồng bào của tôi, vậy họ có bị hủy diệt không? Này, tôi nói cho các người hay: Không, họ đã không bị hủy diệt.
- 9      Và lại nữa, tôi xin hỏi rằng, những dây trói buộc của sự chết có bị cắt đứt không, và những xiềng xích của ngục giới giam cầm họ có được cởi bỏ không? Tôi nói cho các người hay: Có, những vật ấy đều được cởi bỏ, và linh hồn họ được hân hoan cởi mở, và họ đã cất tiếng ca ngợi tình yêu cứu chuộc. Và tôi nói cho các người hay rằng họ được cứu.
- 10     Và giờ đây tôi xin hỏi các người, vậy với điều kiện nào họ được cứu? Phải, họ dựa trên căn bản nào mà hy vọng sự cứu rỗi như vậy? Và nguyên nhân nào khiến họ được cởi bỏ những dây trói buộc của sự chết, phải, và luôn cả những xiềng xích của ngục giới?
- 11     Này, tôi có thể giải thích cho các người biết—chẳng phải phụ thân tôi là An Ma đã tin những lời do từ miệng A Bi Na Đi nói ra hay sao? Và chẳng phải ông là thánh tiên tri hay sao? Chẳng phải ông đã nói lên những lời của Thượng Đế, và chẳng phải phụ thân tôi đã tin những lời nói ấy hay sao?
- 12     Và nhờ đức tin của ông nên mới có được một sự thay đổi lớn lao trong lòng mình. Này, tôi nói cho các người hay rằng, tất cả những điều này đều là sự thật.
- 13     Và này, ông đã giảng lời của Thượng Đế cho tổ phụ của các người nghe, và một sự thay đổi lớn lao cũng đã đến trong lòng họ khiến họ hạ mình và đặt tin cậy vào Đấng Thượng Đế chân thật và hằng sống. Và này, họ đã trung thành cho tới cùng; vậy nên họ được cứu.

Behold, he changed their hearts; yea, he awakened them out of a deep sleep, and they awoke unto God. Behold, they were in the midst of darkness; nevertheless, their souls were illuminated by the light of the everlasting word; yea, they were encircled about by the bands of death, and the chains of hell, and an everlasting destruction did await them.

And now I ask of you, my brethren, were they destroyed? Behold, I say unto you, Nay, they were not.

And again I ask, were the bands of death broken, and the chains of hell which encircled them about, were they loosed? I say unto you, Yea, they were loosed, and their souls did expand, and they did sing redeeming love. And I say unto you that they are saved.

And now I ask of you on what conditions are they saved? Yea, what grounds had they to hope for salvation? What is the cause of their being loosed from the bands of death, yea, and also the chains of hell?

Behold, I can tell you—did not my father Alma believe in the words which were delivered by the mouth of Abinadi? And was he not a holy prophet? Did he not speak the words of God, and my father Alma believe them?

And according to his faith there was a mighty change wrought in his heart. Behold I say unto you that this is all true.

And behold, he preached the word unto your fathers, and a mighty change was also wrought in their hearts, and they humbled themselves and put their trust in the true and living God. And behold, they were faithful until the end; therefore they were saved.

14 Và giờ đây, này, hỡi anh em trong giáo hội, tôi xin hỏi các người, các người đã được Thượng Đế sinh ra trong thể thuộc linh chưa? Các người đã thụ nhận được hình ảnh của Ngài trong sắc mặt mình chưa? Các người đã có nhận thấy sự thay đổi lớn lao này trong lòng mình chưa?

15 Các người có thực hành đức tin vào sự cứu chuộc của Đấng đã sáng tạo ra mình không? Các người có trông đợi bằng con mắt của đức tin và nhìn thấy rằng thể xác hữu diệt này sẽ được sống lại thành bất diệt, và sự hư nát này sẽ được sống lại thành không hư nát, để đứng trước Thượng Đế và được phán xét theo những hành vi mình đã làm khi còn ở trong thể xác hữu diệt không?

16 Tôi hỏi các người, phải chăng các người có thể tưởng tượng là vào ngày đó mình sẽ được nghe tiếng nói của Chúa phán rằng: Các người là những kẻ được phước, hãy đến cùng ta, vì này, những việc làm của các người trên mặt đất có phải là những việc làm ngay chính không?

17 Hay phải chăng các người có thể tưởng tượng được rằng, vào ngày ấy, các người có thể nói đối với Chúa rằng: Thưa Chúa, những việc làm của chúng tôi trên mặt đất là những việc làm ngay chính—Và rồi Ngài sẽ cứu các người chẳng?

18 Hay nói cách khác, phải chăng các người có thể tưởng tượng lúc mình bị dẫn ra đứng trước tòa phán xét của Thượng Đế với linh hồn đầy tội lỗi và hối hận, nhớ đến tất cả mọi tội lỗi của mình, phải, với một ký ức rõ ràng về tất cả những điều tà ác của mình, phải, một ký ức về việc mình đã bất chấp những lệnh truyền của Thượng Đế?

19 Tôi hỏi các người, vào ngày ấy, các người có thể ngược mắt lên nhìn Thượng Đế với một tấm lòng thanh khiết và hai bàn tay trong sạch không? Tôi hỏi các người, các người có thể ngược mắt lên nhìn, với hình ảnh của Thượng Đế ghi khắc trên mặt mình không?

20 Tôi hỏi các người, các người có thể nghĩ rằng mình sẽ được cứu khi các người tự mình nương bộ để chịu lệ thuộc quỷ dữ không?

And now behold, I ask of you, my brethren of the church, have ye spiritually been born of God? Have ye received his image in your countenances? Have ye experienced this mighty change in your hearts?

Do ye exercise faith in the redemption of him who created you? Do you look forward with an eye of faith, and view this mortal body raised in immortality, and this corruption raised in incorruption, to stand before God to be judged according to the deeds which have been done in the mortal body?

I say unto you, can you imagine to yourselves that ye hear the voice of the Lord, saying unto you, in that day: Come unto me ye blessed, for behold, your works have been the works of righteousness upon the face of the earth?

Or do ye imagine to yourselves that ye can lie unto the Lord in that day, and say—Lord, our works have been righteous works upon the face of the earth—and that he will save you?

Or otherwise, can ye imagine yourselves brought before the tribunal of God with your souls filled with guilt and remorse, having a remembrance of all your guilt, yea, a perfect remembrance of all your wickedness, yea, a remembrance that ye have set at defiance the commandments of God?

I say unto you, can ye look up to God at that day with a pure heart and clean hands? I say unto you, can you look up, having the image of God engraven upon your countenances?

I say unto you, can ye think of being saved when you have yielded yourselves to become subjects to the devil?

- 21 Tôi nói cho các người hay, vào ngày ấy các người sẽ biết rằng mình không thể được cứu; vì chẳng ai có thể được cứu nếu y phục của kẻ ấy không được tẩy trắng; phải, y phục của kẻ ấy phải được tẩy sạch cho đến khi không còn một vết dơ nào, qua máu của Đấng mà tổ phụ chúng ta đã nói tới, là Đấng sẽ đến để cứu chuộc dân Ngài khỏi tội lỗi của họ.
- 22 Và bây giờ, hỡi anh em, tôi xin hỏi bất cứ ai trong số các người sẽ cảm thấy ra sao một khi mình đứng trước rào phán xét của Thượng Đế với y phục vậy đầy máu và mọi vết ô uế khác? Nay, những thứ đó sẽ làm chứng gì để chống lại các người?
- 23 Nay, chẳng phải những vết đó sẽ làm chứng rằng các người là những kẻ sát nhân sao; phải, và chẳng phải chúng còn làm chứng rằng các người đã phạm đủ mọi điều tà ác sao?
- 24 Nay, hỡi anh em, các người có cho rằng những kẻ như vậy lại được một chỗ ngồi trong vương quốc của Thượng Đế cùng với Áp Ra Ham, Y Sác, Gia Cốp, và tất cả các vị thánh tiên tri, là những người có y phục được tẩy sạch và không tì vết, tinh khiết và trắng toát không?
- 25 Tôi nói cho các người hay: Không, trừ phi các người làm cho Đấng Sáng Tạo của chúng ta thành một kẻ nói dối từ lúc ban đầu, hay cho rằng Ngài là kẻ nói dối từ lúc ban đầu, thì các người không thể cho rằng những kẻ như vậy có thể có một chỗ đứng trong vương quốc thiên thượng được; mà trái lại, họ phải bị đuổi ra, vì họ là con cái thuộc lãnh giới của quỷ dữ.
- 26 Và giờ đây này, hỡi anh em, tôi nói cho các người hay, nếu các người có cảm thấy được một sự thay đổi trong lòng mình, và các người có muốn hát lên một bài ca về tình yêu cứu chuộc, tôi xin hỏi, các người có cảm thấy như vậy ngay giờ phút này không?
- 27 Các người đã bước đi và giữ mình không có tội trước mặt Thượng Đế chưa? Các người có thể nói rằng, nếu trong giờ phút này, các người bị kêu gọi phải chết thì các người đã đủ khiêm nhường chưa? Các người có thể bảo rằng y phục của mình đã được tẩy sạch và trắng nhờ máu của Đấng Kỳ Tô là Đấng sẽ đến để cứu chuộc dân Ngài khỏi tội lỗi của họ không?

I say unto you, ye will know at that day that ye cannot be saved; for there can no man be saved except his garments are washed white; yea, his garments must be purified until they are cleansed from all stain, through the blood of him of whom it has been spoken by our fathers, who should come to redeem his people from their sins.

And now I ask of you, my brethren, how will any of you feel, if ye shall stand before the bar of God, having your garments stained with blood and all manner of filthiness? Behold, what will these things testify against you?

Behold will they not testify that ye are murderers, yea, and also that ye are guilty of all manner of wickedness?

Behold, my brethren, do ye suppose that such an one can have a place to sit down in the kingdom of God, with Abraham, with Isaac, and with Jacob, and also all the holy prophets, whose garments are cleansed and are spotless, pure and white?

I say unto you, Nay; except ye make our Creator a liar from the beginning, or suppose that he is a liar from the beginning, ye cannot suppose that such can have place in the kingdom of heaven; but they shall be cast out for they are the children of the kingdom of the devil.

And now behold, I say unto you, my brethren, if ye have experienced a change of heart, and if ye have felt to sing the song of redeeming love, I would ask, can ye feel so now?

Have ye walked, keeping yourselves blameless before God? Could ye say, if ye were called to die at this time, within yourselves, that ye have been sufficiently humble? That your garments have been cleansed and made white through the blood of Christ, who will come to redeem his people from their sins?

28      Này các người có dứt bỏ được tính kiêu căng chưa? Tôi nói cho các người hay, nếu chưa thì các người chưa được sẵn sàng để gặp Thượng Đế. Này, các người phải chuẩn bị gấp; vì vương quốc thiên thượng đã gần kề, và kẻ nào như vậy thì không có được cuộc sống vĩnh cửu.

29      Này, tôi xin hỏi, có ai trong số các người chưa dứt bỏ được tính đố kỵ? Tôi nói cho các người hay rằng, người như vậy là chưa được sẵn sàng; và tôi mong người ấy nên chuẩn bị gấp, vì giờ đã gần kề rồi, và mình cũng không biết rõ là lúc nào; vì một kẻ như vậy không được xem là vô tội.

30      Và lại nữa, tôi hỏi các người, có ai trong số các người đã nhạo báng anh em mình hay hành hạ ngược đãi họ?

31      Khốn thay cho kẻ đó, vì như vậy là hẳn chưa được sẵn sàng, và giờ đã gần kề nên hẳn cần phải hối cải, nếu không thì hẳn không được cứu!

32      Phải, khốn thay cho tất cả những ai là kẻ làm việc bất chính; hãy hối cải, hãy hối cải, vì Đức Chúa Trời đã phán vậy!

33      Này, Ngài gửi lời mời đến tất cả mọi người, vì cánh tay thương xót của Ngài đang dang ra về phía họ, và Ngài phán: Hãy hối cải, rồi ta sẽ thu nhận các người.

34      Phải, Ngài phán rằng: Hãy đến cùng ta, rồi các người sẽ được hưởng trái cây sự sống; phải, các người sẽ được tự do ăn uống bánh nước của sự sống;

35      Phải, hãy đến cùng ta và hãy làm những công việc ngay chính, thì các người sẽ không bị đốn đi và ném vào lửa—

36      Vì này, giờ đã gần kề rồi, và bất cứ ai không đem lại quả tốt, hay không làm những công việc ngay chính, thì sẽ có lý do để khóc than vậy.

37      Hỡi các người là những kẻ làm việc bất chính, những kẻ dương dương tự đắc bởi những ảo ảnh của thế gian, những kẻ đã tự xưng là mình biết con đường ngay chính nhưng vẫn đi lầm đường lạc lối, chẳng khác chi chiên không có người chăn, và mặc dù người chăn có kêu gọi mình và nay vẫn còn kêu gọi mình, nhưng các người vẫn không muốn nghe lời kêu gọi của Ngài!

Behold, are ye stripped of pride? I say unto you, if ye are not ye are not prepared to meet God. Behold ye must prepare quickly; for the kingdom of heaven is soon at hand, and such an one hath not eternal life.

Behold, I say, is there one among you who is not stripped of envy? I say unto you that such an one is not prepared; and I would that he should prepare quickly, for the hour is close at hand, and he knoweth not when the time shall come; for such an one is not found guiltless.

And again I say unto you, is there one among you that doth make a mock of his brother, or that heapeth upon him persecutions?

Wo unto such an one, for he is not prepared, and the time is at hand that he must repent or he cannot be saved!

Yea, even wo unto all ye workers of iniquity; repent, repent, for the Lord God hath spoken it!

Behold, he sendeth an invitation unto all men, for the arms of mercy are extended towards them, and he saith: Repent, and I will receive you.

Yea, he saith: Come unto me and ye shall partake of the fruit of the tree of life; yea, ye shall eat and drink of the bread and the waters of life freely;

Yea, come unto me and bring forth works of righteousness, and ye shall not be hewn down and cast into the fire—

For behold, the time is at hand that whosoever bringeth forth not good fruit, or whosoever doeth not the works of righteousness, the same have cause to wail and mourn.

O ye workers of iniquity; ye that are puffed up in the vain things of the world, ye that have professed to have known the ways of righteousness nevertheless have gone astray, as sheep having no shepherd, notwithstanding a shepherd hath called after you and is still calling after you, but ye will not hearken unto his voice!

- 38      Này, tôi nói cho các người hay rằng, người chăn hiền lành kêu gọi các người; phải, và Ngài kêu gọi các người trong danh Ngài, là danh của Đấng Ky Tô; và nếu các người không muốn nghe theo tiếng nói của người chăn hiền lành, cũng như không muốn nghe đến danh mà mình được gọi, này, các người không phải là chiên của người chăn hiền lành ấy.
- 39      Và giờ đây nếu các người không phải là chiên của người chăn hiền lành ấy, thì các người thuộc về bầy chiên nào? Này, tôi nói cho các người hay rằng, chính quỷ dữ là kẻ chăn các người đó, và các người thuộc bầy chiên của nó; và giờ đây, ai có thể chối bỏ được điều này? Này, tôi nói cho các người hay, kẻ nào chối bỏ điều này là kẻ nói dối và là con cái của quỷ dữ.
- 40      Vì tôi nói cho các người hay rằng bất cứ sự việc gì tốt lành đều đến từ Thượng Đế, và những gì xấu xa đều do quỷ dữ mà ra.
- 41      Vậy nên, nếu người nào làm những việc thiện thì nghe tiếng nói của người chăn hiền lành và đi theo Ngài; còn bất cứ ai làm những việc tà ác thì trở thành con cái của quỷ dữ, vì kẻ đó nghe theo tiếng nói của quỷ dữ và đi theo nó.
- 42      Và bất cứ kẻ nào làm vậy đều nhận thù lao của nó; vậy nên, nhận thù lao của nó tức là nhận sự chết đối với những điều thuộc về sự ngay chính, vì bị chết đối với mọi việc thiện.
- 43      Và giờ đây, hỡi anh em, tôi mong rằng các người nghe tôi, vì tôi đã nói lên với tất cả tâm hồn thiết tha của mình; vì này, tôi đã nói với các người một cách hết sức minh bạch, để các người không thể lầm lạc được, hay nói cách khác, tôi đã nói với các người theo những lệnh truyền của Thượng Đế.
- 44      Vì tôi được kêu gọi để nói lên như vậy, đúng theo thánh ban của Thượng Đế hằng có trong Chúa Giê Su Ky Tô; phải, tôi được truyền lệnh là phải đứng lên làm chứng với dân này về những điều mà tổ phụ chúng ta đã đề cập đến có liên quan những việc sẽ xảy đến sau này.

Behold, I say unto you, that the good shepherd doth call you; yea, and in his own name he doth call you, which is the name of Christ; and if ye will not hearken unto the voice of the good shepherd, to the name by which ye are called, behold, ye are not the sheep of the good shepherd.

And now if ye are not the sheep of the good shepherd, of what fold are ye? Behold, I say unto you, that the devil is your shepherd, and ye are of his fold; and now, who can deny this? Behold, I say unto you, whosoever denieth this is a liar and a child of the devil.

For I say unto you that whatsoever is good cometh from God, and whatsoever is evil cometh from the devil.

Therefore, if a man bringeth forth good works he hearkeneth unto the voice of the good shepherd, and he doth follow him; but whosoever bringeth forth evil works, the same becometh a child of the devil, for he hearkeneth unto his voice, and doth follow him.

And whosoever doeth this must receive his wages of him; therefore, for his wages he receiveth death, as to things pertaining unto righteousness, being dead unto all good works.

And now, my brethren, I would that ye should hear me, for I speak in the energy of my soul; for behold, I have spoken unto you plainly that ye cannot err, or have spoken according to the commandments of God.

For I am called to speak after this manner, according to the holy order of God, which is in Christ Jesus; yea, I am commanded to stand and testify unto this people the things which have been spoken by our fathers concerning the things which are to come.



- 45 Và như vậy chưa phải là hết. Các người không có cho rằng tôi đã tự mình biết được những điều này phải không? Nay, tôi xin làm chứng rằng, tôi biết những điều tôi nói ra đây là thật. Và các người có cho rằng làm sao tôi biết chắc về những điều này không?
- 46 Nay, tôi nói cho các người hay rằng, những điều này đã được Đức Thánh Linh của Thượng Đế biểu lộ cho tôi biết. Nay, tôi đã nhịn ăn và cầu nguyện nhiều ngày để tự mình biết được những điều này. Và bây giờ tôi tự biết rằng những điều này là thật; vì Đức Chúa Trời đã biểu lộ những điều này cho tôi biết bằng Đức Thánh Linh của Ngài, và đó là tinh thần mặc khải hiện có ở trong tôi vậy.
- 47 Và hơn nữa, tôi nói cho các người hay rằng, tôi đã được mặc khải cho biết là những lời mà tổ phụ chúng ta đã nói là thật, cũng như theo tinh thần tiên tri hiện có ở trong tôi, và cũng do sự biểu hiện của Thánh Linh của Thượng Đế.
- 48 Tôi nói cho các người hay rằng, tôi tự biết là bất cứ những điều gì tôi sẽ nói với các người, về những điều sẽ phải xảy đến, đều có thật; và tôi nói cho các người hay rằng, tôi biết Chúa Giê Su Kỵ Tô sẽ đến, phải, Vị Nam Tử, Con Độc Sinh của Đức Chúa Cha, đầy ân điển, lòng xót thương và lẽ thật. Và này, chính Ngài sẽ đến để cất bỏ tội lỗi của thế gian, phải, tội lỗi của bất cứ kẻ nào vững tin nơi danh Ngài.
- 49 Và giờ đây tôi nói cho các người hay rằng, đây là thánh chức mà tôi được kêu gọi, phải, để thuyết giảng cho các đồng bào thân mến của tôi, phải, và cho mọi người cư ngụ trong xứ này; phải, để thuyết giảng cho tất cả mọi người, già cũng như trẻ, nô lệ cũng như tự do; phải, tôi nói cho các người hay, già cả cũng như trung niên, và cả thế hệ đang lên nữa; phải, để kêu gọi họ phải hối cải và được tái sinh.

And this is not all. Do ye not suppose that I know of these things myself? Behold, I testify unto you that I do know that these things whereof I have spoken are true. And how do ye suppose that I know of their surety?

Behold, I say unto you they are made known unto me by the Holy Spirit of God. Behold, I have fasted and prayed many days that I might know these things of myself. And now I do know of myself that they are true; for the Lord God hath made them manifest unto me by his Holy Spirit; and this is the spirit of revelation which is in me.

And moreover, I say unto you that it has thus been revealed unto me, that the words which have been spoken by our fathers are true, even so according to the spirit of prophecy which is in me, which is also by the manifestation of the Spirit of God.

I say unto you, that I know of myself that whatsoever I shall say unto you, concerning that which is to come, is true; and I say unto you, that I know that Jesus Christ shall come, yea, the Son, the Only Begotten of the Father, full of grace, and mercy, and truth. And behold, it is he that cometh to take away the sins of the world, yea, the sins of every man who steadfastly believeth on his name.

And now I say unto you that this is the order after which I am called, yea, to preach unto my beloved brethren, yea, and every one that dwelleth in the land; yea, to preach unto all, both old and young, both bond and free; yea, I say unto you the aged, and also the middle aged, and the rising generation; yea, to cry unto them that they must repent and be born again.

50 Phải, Thánh Linh đã phán như vậy: Hãy hối cải, hối tất cả các người ở các nơi tận cùng của trái đất, vì vương quốc thiên thượng đã gần kề; phải, Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ đến trong vinh quang của Ngài, trong sức mạnh, uy nghiêm, trong quyền năng và thống trị của Ngài. Phải, hối đồng bào thân mến của tôi, tôi nói cho các người hay rằng, Thánh Linh có phán: Hãy nhìn xem vinh quang của Vua toàn thể thế gian; và Vua trên trời sẽ chói chiếu sáng vào tất cả con cái loài người.

51 Và Thánh Linh còn phán bảo tôi, phải, Ngài kêu to vào tai tôi với một giọng đầy quyền lực rằng: Hãy đi và nói với dân này rằng: Hãy hối cải, vì nếu các người không chịu hối cải thì không có cách gì thừa hưởng được vương quốc thiên thượng.

52 Và lại nữa, tôi nói cho các người hay Thánh Linh có phán rằng: Nay, lưỡi rìu đã để bên gốc cây; vậy nên bất cứ cây nào không đem lại quả tốt thì sẽ bị đốn đi và ném vào lửa, phải, một ngọn lửa không bao giờ tàn, một ngọn lửa không thể bị dập tắt được. Hãy nhìn xem và hãy nhớ, Đấng Thánh đã phán vậy.

53 Và bây giờ, hối đồng bào thân mến của tôi, tôi hỏi các người, các người có thể cưỡng lại những lời này được chẳng; phải, các người có thể để những điều này qua một bên và chà đạp Đấng Thánh dưới chân mình được chẳng; phải, các người có thể tràn đầy kiêu ngạo trong lòng được chẳng; phải, các người có còn khăng khăng khoác lên mình y phục đắt giá và để hết lòng mình vào những ảo ảnh của thế gian và vào những của cải của mình được chẳng?

54 Phải, các người có còn khăng khăng tự cho mình là tốt hơn kẻ khác được chẳng; phải, các người có còn giữ sự ngược đãi nữa chẳng đối với đồng bào của mình, là những người biết hạ mình và bước đi theo thánh ban của Thượng Đế, và nhờ đó mà họ được dẫn dắt vào giáo hội này, và được thánh hóa bởi Đức Thánh Linh, và đã làm những công việc thích hợp cho sự hối cải—

55 Phải, các người có còn khăng khăng quay lưng làm ngơ trước kẻ nghèo khó và túng thiếu, và không bố thí cho họ những tài vật mình có được chẳng?

Yea, thus saith the Spirit: Repent, all ye ends of the earth, for the kingdom of heaven is soon at hand; yea, the Son of God cometh in his glory, in his might, majesty, power, and dominion. Yea, my beloved brethren, I say unto you, that the Spirit saith: Behold the glory of the King of all the earth; and also the King of heaven shall very soon shine forth among all the children of men.

And also the Spirit saith unto me, yea, crieth unto me with a mighty voice, saying: Go forth and say unto this people—Repent, for except ye repent ye can in nowise inherit the kingdom of heaven.

And again I say unto you, the Spirit saith: Behold, the ax is laid at the root of the tree; therefore every tree that bringeth not forth good fruit shall be hewn down and cast into the fire, yea, a fire which cannot be consumed, even an unquenchable fire. Behold, and remember, the Holy One hath spoken it.

And now my beloved brethren, I say unto you, can ye withstand these sayings; yea, can ye lay aside these things, and trample the Holy One under your feet; yea, can ye be puffed up in the pride of your hearts; yea, will ye still persist in the wearing of costly apparel and setting your hearts upon the vain things of the world, upon your riches?

Yea, will ye persist in supposing that ye are better one than another; yea, will ye persist in the persecution of your brethren, who humble themselves and do walk after the holy order of God, wherewith they have been brought into this church, having been sanctified by the Holy Spirit, and they do bring forth works which are meet for repentance—

Yea, and will you persist in turning your backs upon the poor, and the needy, and in withholding your substance from them?

56 Và cuối cùng, tất cả những ai một mực cố giữ sự độc ác của mình, thì tôi nói cho các người hay rằng, những kẻ ấy sẽ bị đốn đi và ném vào lửa, trừ phi họ nhanh chóng hối cải.

57 Và giờ đây tôi nói cho các người hay, tất cả những ai muốn nghe theo tiếng nói của người chăn hiền lành thì hãy bước ra khỏi nơi những kẻ độc ác, hãy tách rời chúng, và chớ sờ mó vào những vật ô uế của chúng; và này, tên của chúng sẽ bị xóa bỏ, và tên của những kẻ độc ác sẽ không được tính chung với tên những người ngay chính, để cho lời của Thượng Đế được ứng nghiệm, lời đó đã phán ra như vậy: Tên của những kẻ độc ác sẽ không được lẫn lộn với tên của dân ta;

58 Vì tên của người ngay chính sẽ được ghi vào sách sự sống, và ta sẽ ban cho họ một sự thừa hưởng ở bên tay phải của ta. Và giờ đây, hỡi đồng bào, các người có điều chi để phản đối việc này không? Tôi nói cho các người hay, dù các người có phản đối hay không thì cũng không có gì quan trọng, vì lời của Thượng Đế phải được ứng nghiệm.

59 Vì trong số các người, có người chăn chiên nào có nhiều chiên mà lại không canh chừng để chó sói khỏi vào ăn thịt đàn chiên của mình không? Và này, nếu chó sói đột nhập vào đàn chiên của mình, thì người ấy không đuổi nó ra chăng? Có, và sau cùng, nếu có thể, thì người ấy sẽ diệt trừ nó.

60 Và giờ đây tôi nói cho các người hay rằng, người chăn hiền lành kêu gọi các người; và nếu các người chịu nghe theo tiếng gọi ấy, thì Ngài sẽ đem các người vào đàn chiên của Ngài, và các người sẽ là chiên của Ngài; và Ngài đã truyền lệnh cho các người không được để chó sói háu ăn đột nhập vào giữa các người, để các người khỏi bị hủy diệt.

61 Và giờ đây, tôi, An Ma, ra lệnh cho các người, theo ngôn từ của Đấng đã truyền lệnh cho tôi, là hãy tuân hành những lời tôi đã nói với các người.

62 Dưới hình thức một lệnh truyền, tôi nói với các người là những người thuộc giáo hội; còn đối với những người không thuộc giáo hội thì tôi nói với lời mời mọc rằng: Hãy lại đây và chịu phép báp têm để hối cải, ngõ hầu các người cũng được hưởng trái cây sự sống.

And finally, all ye that will persist in your wickedness, I say unto you that these are they who shall be hewn down and cast into the fire except they speedily repent.

And now I say unto you, all you that are desirous to follow the voice of the good shepherd, come ye out from the wicked, and be ye separate, and touch not their unclean things; and behold, their names shall be blotted out, that the names of the wicked shall not be numbered among the names of the righteous, that the word of God may be fulfilled, which saith: The names of the wicked shall not be mingled with the names of my people;

For the names of the righteous shall be written in the book of life, and unto them will I grant an inheritance at my right hand. And now, my brethren, what have ye to say against this? I say unto you, if ye speak against it, it matters not, for the word of God must be fulfilled.

For what shepherd is there among you having many sheep doth not watch over them, that the wolves enter not and devour his flock? And behold, if a wolf enter his flock doth he not drive him out? Yea, and at the last, if he can, he will destroy him.

And now I say unto you that the good shepherd doth call after you; and if you will hearken unto his voice he will bring you into his fold, and ye are his sheep; and he commandeth you that ye suffer no ravenous wolf to enter among you, that ye may not be destroyed.

And now I, Alma, do command you in the language of him who hath commanded me, that ye observe to do the words which I have spoken unto you.

I speak by way of command unto you that belong to the church; and unto those who do not belong to the church I speak by way of invitation, saying: Come and be baptized unto repentance, that ye also may be partakers of the fruit of the tree of life.

## An Ma 6

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma dứt lời với dân của giáo hội, đã được thiết lập tại thành phố Gia Ra Hem La, ông bèn sắc phong các thầy tư tế và các anh cả, qua phép đặt tay theo thánh ban của Thượng Đế, để chủ tọa và trông coi giáo hội.
- 2 Và chuyện rằng, bất cứ ai không thuộc vào giáo hội mà biết hối cải tội lỗi của mình đều được báp têm để hối cải và được thu nhận vào giáo hội.
- 3 Và chuyện rằng, bất cứ kẻ nào đã thuộc vào giáo hội mà không biết hối cải những điều tà ác của mình và không biết hạ mình trước mặt Thượng Đế—ý tôi muốn nói, những kẻ dương dương tự đắc trong lòng mình—thì đều bị loại bỏ, và tên họ bị xóa đi, để họ không được kể chung với những người ngay chính.
- 4 Và như vậy, họ bắt đầu thiết lập trật tự trong giáo hội tại thành phố Gia Ra Hem La.
- 5 Giờ đây tôi muốn các người hiểu rằng, lời của Thượng Đế dành chung cho tất cả mọi người, và không một ai bị tước mất đặc ân trong việc được quyền nhóm họp để nghe giảng lời của Thượng Đế.
- 6 Tuy nhiên, con cái của Thượng Đế được truyền lệnh là phải thường xuyên tụ họp để cùng nhau nhin ăn và cầu nguyện mãnh liệt vì sự lợi ích cho sự an lạc tâm hồn của những người chưa từng được biết Thượng Đế.
- 7 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma ban hành các quy lệ này xong, ông đã rời khỏi họ; phải, ông rời giáo hội tại thành phố Gia Ra Hem La và đi về hướng đông sông Si Đôn, vào thung lũng Ghê Đê Ôn, ở đây có một thành phố đã được thiết lập gọi là thành phố Ghê Đê Ôn. Thành phố này nằm trong thung lũng được gọi là Ghê Đê Ôn, lấy theo tên người đã bị bàn tay Nê Hô giết chết bằng gươm.

## Alma 6

And now it came to pass that after Alma had made an end of speaking unto the people of the church, which was established in the city of Zarahemla, he ordained priests and elders, by laying on his hands according to the order of God, to preside and watch over the church.

And it came to pass that whosoever did not belong to the church who repented of their sins were baptized unto repentance, and were received into the church.

And it also came to pass that whosoever did belong to the church that did not repent of their wickedness and humble themselves before God—I mean those who were lifted up in the pride of their hearts—the same were rejected, and their names were blotted out, that their names were not numbered among those of the righteous.

And thus they began to establish the order of the church in the city of Zarahemla.

Now I would that ye should understand that the word of God was liberal unto all, that none were deprived of the privilege of assembling themselves together to hear the word of God.

Nevertheless the children of God were commanded that they should gather themselves together oft, and join in fasting and mighty prayer in behalf of the welfare of the souls of those who knew not God.

And now it came to pass that when Alma had made these regulations he departed from them, yea, from the church which was in the city of Zarahemla, and went over upon the east of the river Sidon, into the valley of Gideon, there having been a city built, which was called the city of Gideon, which was in the valley that was called Gideon, being called after the man who was slain by the hand of Nehor with the sword.

8 An Ma đi đến đó và bắt đầu rao truyền lời của Thượng Đế cho giáo hội thiết lập tại thung lũng Ghê Đê Ôn, theo điều mặc khải về lẽ thật của lời Thượng Đế mà tổ phụ ông đã từng nói đến, và theo tinh thần tiên tri hăng có trong ông, theo chứng ngôn về Chúa Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, là Đấng sẽ đến để cứu chuộc dân Ngài khỏi tội lỗi của họ, và theo thánh ban mà ông được kêu gọi. Và trên đây là những điều đã được ghi chép. A Men.

And Alma went and began to declare the word of God unto the church which was established in the valley of Gideon, according to the revelation of the truth of the word which had been spoken by his fathers, and according to the spirit of prophecy which was in him, according to the testimony of Jesus Christ, the Son of God, who should come to redeem his people from their sins, and the holy order by which he was called. And thus it is written. Amen.

Lời của An Ma nói cùng dân chúng ở Ghê Đê Ôn, viết theo biên sử riêng của ông.

## An Ma 7

- 1 Nay hỡi đồng bào thân mến của tôi, vì tôi được phép đến đây với đồng bào nên tôi cố gắng nói lời cùng đồng bào bằng ngôn ngữ của tôi; phải, do chính miệng tôi, vì đây là lần đầu tiên tôi được nói lời cùng đồng bào bằng chính miệng tôi, vì từ trước đến nay tôi phải để hết thì giờ trong chức vụ phán quan của tôi khiến tôi quá bận rộn vì công vụ mà không thể đến với đồng bào được.
- 2 Và ngay cả bây giờ, lẽ ra tôi cũng không thể đến với đồng bào được nếu chức vụ phán quan đã không được nhường lại cho một người khác để điều hành công việc thế tôi; và Chúa với lòng xót thương bao la của Ngài đã cho phép tôi đến cùng đồng bào.
- 3 Và này, tôi đã đến với một niềm hy vọng lớn lao và nhiều ao ước là tôi được trông thấy đồng bào biết khiêm nhường trước mặt Thượng Đế cùng luôn luôn biết khẩn cầu ân điển của Ngài, và để tôi được thấy đồng bào là những người vô tội trước mặt Ngài, để tôi được thấy đồng bào không ở trong tình trạng quá nan giải như các đồng bào của chúng ta ở Gia Ra Hem La.
- 4 Nhưng phước thay danh của Thượng Đế, Ngài đã cho tôi được biết, phải, Ngài đã ban cho tôi niềm vui vô tận trong sự hiểu biết rằng, họ đã được gây dựng lại trong đường lối ngay chính của Ngài.
- 5 Và theo Thánh Linh của Thượng Đế hằng có trong tôi, tôi tin rằng, tôi cũng sẽ có được niềm vui về đồng bào; nhưng tôi không muốn rằng niềm vui của tôi về đồng bào sẽ đến bởi nhiều nỗi đau thương và buồn khổ mà tôi đã có đối với các đồng bào ở Gia Ra Hem La, vì này, niềm vui của tôi về họ chỉ đến sau khi tôi phải trải qua biết bao đau thương và buồn khổ.

The words of Alma which he delivered to the people in Gideon, according to his own record.

## Alma 7

Behold my beloved brethren, seeing that I have been permitted to come unto you, therefore I attempt to address you in my language; yea, by my own mouth, seeing that it is the first time that I have spoken unto you by the words of my mouth, I having been wholly confined to the judgment-seat, having had much business that I could not come unto you.

And even I could not have come now at this time were it not that the judgment-seat hath been given to another, to reign in my stead; and the Lord in much mercy hath granted that I should come unto you.

And behold, I have come having great hopes and much desire that I should find that ye had humbled yourselves before God, and that ye had continued in the supplicating of his grace, that I should find that ye were blameless before him, that I should find that ye were not in the awful dilemma that our brethren were in at Zarahemla.

But blessed be the name of God, that he hath given me to know, yea, hath given unto me the exceedingly great joy of knowing that they are established again in the way of his righteousness.

And I trust, according to the Spirit of God which is in me, that I shall also have joy over you; nevertheless I do not desire that my joy over you should come by the cause of so much afflictions and sorrow which I have had for the brethren at Zarahemla, for behold, my joy cometh over them after wading through much affliction and sorrow.

6 Và này, tôi tin rằng, đồng bào không ở trong trạng thái quá ư vô tín ngưỡng như các đồng bào của mình; tôi tin rằng, đồng bào không dương dương tự đắc trong lòng mình; phải, tôi tin rằng đồng bào không để hết lòng mình vào của cải và những điều vô bổ của thế gian; phải, tôi tin rằng đồng bào không thờ lạy hình tượng, mà chỉ biết tôn thờ Đấng Thượng Đế chân thật và hằng sống, và đồng bào trông chờ sự xá miễn tội lỗi của mình, với một đức tin vững bền vĩnh viễn, về những điều sẽ phải xảy đến.

7 Vì này, tôi nói cho đồng bào hay, sẽ có nhiều sự việc xảy đến; và này, sẽ có một việc quan trọng hơn hết thảy—vì này, chẳng còn bao lâu nữa, Đấng Cứu Chuộc sẽ sống và đến giữa dân Ngài.

8 Này, tôi không nói là Ngài sẽ đến với chúng ta khi Ngài đang sống trong đền tạm bằng đất sét; vì này, Thánh Linh không phán với tôi như vậy. Giờ đây, về điều này thì tôi không biết rõ; nhưng tôi biết chắc là Đức Chúa Trời có đủ quyền năng để làm mọi việc theo lời nói của Ngài.

9 Nhưng này, Thánh Linh đã phán bảo tôi như vậy: Hãy rao truyền cho dân này hay rằng: Các người hãy hối cải, hãy sửa soạn con đường của Chúa, và hãy đi vào các lối đi của Ngài, là những lối đi ngay thẳng; vì này, vương quốc thiên thượng đã gần kề, và Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ đến trên mặt đất.

10 Và này, Ngài sẽ do Ma Ri sinh ra tại Giê Ru Sa Lem, là xứ của tổ tiên chúng ta, người là một nữ đồng trinh, và là một bình chứa quý giá được chọn; người sẽ được che phủ và thụ thai bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, và sinh ra một người con trai, phải, đó là Vị Nam Tử của Thượng Đế.

11 Và Ngài sẽ đi ra ngoài đời để chịu đựng mọi sự đau đớn, thống khổ, cùng mọi cám dỗ; và Ngài phải chịu như vậy là để cho lời báo trước được ứng nghiệm, lời đó là: Ngài sẽ mang lấy những đau đớn và bệnh tật của dân Ngài.

But behold, I trust that ye are not in a state of so much unbelief as were your brethren; I trust that ye are not lifted up in the pride of your hearts; yea, I trust that ye have not set your hearts upon riches and the vain things of the world; yea, I trust that you do not worship idols, but that ye do worship the true and the living God, and that ye look forward for the remission of your sins, with an everlasting faith, which is to come.

For behold, I say unto you there be many things to come; and behold, there is one thing which is of more importance than they all—for behold, the time is not far distant that the Redeemer liveth and cometh among his people.

Behold, I do not say that he will come among us at the time of his dwelling in his mortal tabernacle; for behold, the Spirit hath not said unto me that this should be the case. Now as to this thing I do not know; but this much I do know, that the Lord God hath power to do all things which are according to his word.

But behold, the Spirit hath said this much unto me, saying: Cry unto this people, saying—Repent ye, and prepare the way of the Lord, and walk in his paths, which are straight; for behold, the kingdom of heaven is at hand, and the Son of God cometh upon the face of the earth.

And behold, he shall be born of Mary, at Jerusalem which is the land of our forefathers, she being a virgin, a precious and chosen vessel, who shall be overshadowed and conceive by the power of the Holy Ghost, and bring forth a son, yea, even the Son of God.

And he shall go forth, suffering pains and afflictions and temptations of every kind; and this that the word might be fulfilled which saith he will take upon him the pains and the sicknesses of his people.

- 12 Và Ngài sẽ nhận lấy cái chết để Ngài có thể mở những dây trói buộc của sự chết đang trói buộc dân Ngài; và Ngài sẽ nhận lấy những sự yếu đuối của họ để cho lòng Ngài tràn đầy sự thương xót, theo thể cách xác thịt, để Ngài có thể theo thể cách xác thịt mà biết được cách giúp đỡ dân Ngài theo những sự yếu đuối của họ.
- 13 Giờ đây, Thánh Linh biết hết mọi điều; tuy vậy, Vì Nam Tử của Thượng Đế vẫn phải chịu thống khổ theo thể cách xác thịt ngõ hầu Ngài có thể mang lấy những tội lỗi của dân Ngài, để Ngài có thể xóa bỏ sự phạm tội của họ qua quyền năng giải thoát của Ngài; và giờ đây này, đây là chứng ngôn hằng có trong tôi.
- 14 Giờ đây tôi nói cho đồng bào hay rằng, đồng bào phải hối cải, và phải được tái sinh; vì Thánh Linh có phán rằng, nếu đồng bào không được tái sinh thì đồng bào sẽ không được thừa hưởng vương quốc thiên thượng. Vậy nên, hãy đến đây và chịu phép báp têm để hối cải, ngõ hầu đồng bào có thể được tẩy sạch tội lỗi của mình, và có được đức tin nơi Chiên Con của Thượng Đế, là Đấng cất bỏ tội lỗi của thế gian, là Đấng có quyền năng để cứu rỗi và tẩy sạch mọi điều bất chính.
- 15 Phải, tôi nói cho đồng bào hay, hãy lại đây, đừng sợ hãi gì cả, và hãy từ bỏ mọi tội lỗi hằng quấy nhiễu đồng bào một cách dễ dàng, nó hằng ràng buộc đồng bào xuống chỗ diệt vong. Phải, hãy lại đây và chứng tỏ cùng Thượng Đế rằng đồng bào sẵn sàng hối cải những tội lỗi của mình và lập giao ước với Ngài để tuân giữ những lệnh truyền của Ngài, và mình chứng điều đó với Ngài ngày hôm nay bằng cách bước vào nước báp têm.
- 16 Và kẻ nào làm như vậy cùng tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế kể từ giờ phút này thì kẻ đó sẽ nhớ những lời tôi đã nói, phải, kẻ đó sẽ nhớ là tôi có nói rằng kẻ đó sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu, đúng theo chứng ngôn của Đức Thánh Linh là Đấng đã làm chứng trong tôi.

And he will take upon him death, that he may loose the bands of death which bind his people; and he will take upon him their infirmities, that his bowels may be filled with mercy, according to the flesh, that he may know according to the flesh how to succor his people according to their infirmities.

Now the Spirit knoweth all things; nevertheless the Son of God suffereth according to the flesh that he might take upon him the sins of his people, that he might blot out their transgressions according to the power of his deliverance; and now behold, this is the testimony which is in me.

Now I say unto you that ye must repent, and be born again; for the Spirit saith if ye are not born again ye cannot inherit the kingdom of heaven; therefore come and be baptized unto repentance, that ye may be washed from your sins, that ye may have faith on the Lamb of God, who taketh away the sins of the world, who is mighty to save and to cleanse from all unrighteousness.

Yea, I say unto you come and fear not, and lay aside every sin, which easily doth beset you, which doth bind you down to destruction, yea, come and go forth, and show unto your God that ye are willing to repent of your sins and enter into a covenant with him to keep his commandments, and witness it unto him this day by going into the waters of baptism.

And whosoever doeth this, and keepeth the commandments of God from thenceforth, the same will remember that I say unto him, yea, he will remember that I have said unto him, he shall have eternal life, according to the testimony of the Holy Spirit, which testifieth in me.



17 Và giờ đây hỡi đồng bào thân mến của tôi, đồng bào có tin những điều này chẳng? Nay, tôi nói cho đồng bào hay, phải, tôi biết là đồng bào có tin những điều này; và làm sao tôi biết được rằng đồng bào có tin những điều này là nhờ sự biểu hiện của Thánh Linh hằng có trong tôi. Và giờ đây vì đức tin của đồng bào về những điều đó rất mạnh mẽ, phải, về những điều mà tôi đã nói với đồng bào, nên sự vui mừng của tôi thật lớn lao.

18 Vì như tôi đã nói với đồng bào từ lúc ban đầu rằng, tôi rất mong muốn được thấy đồng bào không ở trong trạng thái nan giải như các đồng bào khác của mình, nên giờ đây tôi thấy rằng những điều tôi mong ước đều được thỏa mãn.

19 Vì tôi nhận thấy rằng đồng bào đang đi trong những con đường ngay chính; tôi nhận thấy rằng đồng bào đang đi trong con đường dẫn đến vương quốc của Thượng Đế; phải, tôi nhận thấy rằng, đồng bào đang làm cho các lối đi của Ngài được thẳng.

20 Tôi nhận thấy rằng đồng bào đã được cho biết bằng chứng ngôn của lời Ngài là Ngài không thể đi trên những con đường quanh co, và Ngài cũng không thể làm khác những lời Ngài đã phán, Ngài không có mảy may ý định quay từ phải qua trái hay đổi đúng thành sai; vậy nên, lộ trình của Ngài là một vòng tròn vĩnh cửu.

21 Và Ngài không trú ngụ trong những đền thờ không thánh thiện, cũng như những gì ô uế hay không trong sạch đều không được thu nhận vào vương quốc của Thượng Đế; vậy nên tôi nói cho đồng bào hay, sắp đến lúc rồi, phải, đó là ngày sau cùng, và kẻ nào ô uế thì sẽ phải ở mãi trong tình trạng ô uế của mình.

22 Và giờ đây, hỡi đồng bào thân mến của tôi, tôi nói lên những điều này với đồng bào là để thức tỉnh đồng bào ý thức được bổn phận của mình đối với Thượng Đế, ngõ hầu đồng bào có thể bước đi một cách vô tội trước mặt Ngài, ngõ hầu đồng bào có thể bước đi đúng theo thánh ban của Thượng Đế, mà nhờ đó đồng bào đã được thu nhận.

And now my beloved brethren, do you believe these things? Behold, I say unto you, yea, I know that ye believe them; and the way that I know that ye believe them is by the manifestation of the Spirit which is in me. And now because your faith is strong concerning that, yea, concerning the things which I have spoken, great is my joy.

For as I said unto you from the beginning, that I had much desire that ye were not in the state of dilemma like your brethren, even so I have found that my desires have been gratified.

For I perceive that ye are in the paths of righteousness; I perceive that ye are in the path which leads to the kingdom of God; yea, I perceive that ye are making his paths straight.

I perceive that it has been made known unto you, by the testimony of his word, that he cannot walk in crooked paths; neither doth he vary from that which he hath said; neither hath he a shadow of turning from the right to the left, or from that which is right to that which is wrong; therefore, his course is one eternal round.

And he doth not dwell in unholy temples; neither can filthiness or anything which is unclean be received into the kingdom of God; therefore I say unto you the time shall come, yea, and it shall be at the last day, that he who is filthy shall remain in his filthiness.

And now my beloved brethren, I have said these things unto you that I might awaken you to a sense of your duty to God, that ye may walk blameless before him, that ye may walk after the holy order of God, after which ye have been received.

23 Và giờ đây, tôi mong rằng đồng bào hãy khiêm nhường, biết phục tùng và hiền lành; dễ dạy; lòng đầy kiên nhẫn và nhịn nhục; ôn hòa trong mọi việc; chuyên tâm tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế bất cứ lúc nào; chuyên tâm bất cứ những gì mình cần, về vật chất lẫn tinh thần; luôn luôn biết dâng lời tạ ơn Thượng Đế về bất cứ những gì mình nhận được.

24 Và hãy lưu ý rằng mình có đức tin, hy vọng, và lòng bác ái, và rồi đồng bào sẽ luôn luôn làm nhiều việc tốt lành.

25 Và cầu xin Chúa ban phước cho đồng bào, và gìn giữ cho y phục đồng bào không bị tí vết, để sau cùng đồng bào có thể được dẫn đến ngôi chung với Áp Ra Ham, Y Sác, Gia Cóp và các thánh tiên tri đã có kể từ lúc thế gian mới bắt đầu, để cho y phục của đồng bào không bị tí vết chẳng khác chi y phục của các vị ấy không tí vết, trong vương quốc thiên thượng để không còn đi ra ngoài nữa.

26 Và giờ đây, hỡi đồng bào thân mến của tôi, tôi đã nói với đồng bào những lời này theo như Thánh Linh là Đấng làm chứng ở trong tôi; và tâm hồn tôi rất đổi hân hoan vì đồng bào rất cần mẫn và chú tâm nghe những lời tôi nói.

27 Và giờ đây, tôi cầu xin cho sự bình an của Thượng Đế ở cùng với đồng bào, với nhà cửa và đất đai của đồng bào, với các đàn gia súc và các bầy thú và tất cả những gì mà đồng bào có, cùng vợ con đồng bào, thể theo đức tin và những việc làm tốt của đồng bào, từ nay và mãi mãi về sau. Và tôi đã nói như vậy. A Men.

And now I would that ye should be humble, and be submissive and gentle; easy to be entreated; full of patience and long-suffering; being temperate in all things; being diligent in keeping the commandments of God at all times; asking for whatsoever things ye stand in need, both spiritual and temporal; always returning thanks unto God for whatsoever things ye do receive.

And see that ye have faith, hope, and charity, and then ye will always abound in good works.

And may the Lord bless you, and keep your garments spotless, that ye may at last be brought to sit down with Abraham, Isaac, and Jacob, and the holy prophets who have been ever since the world began, having your garments spotless even as their garments are spotless, in the kingdom of heaven to go no more out.

And now my beloved brethren, I have spoken these words unto you according to the Spirit which testifieth in me; and my soul doth exceedingly rejoice, because of the exceeding diligence and heed which ye have given unto my word.

And now, may the peace of God rest upon you, and upon your houses and lands, and upon your flocks and herds, and all that you possess, your women and your children, according to your faith and good works, from this time forth and forever. And thus I have spoken. Amen.

## An Ma 8

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, An Ma từ xứ Ghê Đê Ôn trở về, sau khi đã giảng dạy cho dân Ghê Đê Ôn biết nhiều điều mà không thể ghi chép hết ra được, và đã thiết lập trật tự trong chi nhánh giáo hội như trước kia ông đã làm ở xứ Gia Ra Hem La, phải, ông trở về nhà riêng của mình ở Gia Ra Hem La để nghỉ ngơi sau biết bao công lao khó nhọc mà ông đã làm.
- 2 Và như vậy là chấm dứt năm thứ chín của chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 3 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ mười của chế độ các phán quan của dân Nê Phi, An Ma đã lên đường từ đó ra đi đến xứ Mê Lê ở phía tây sông Si Đôn, về phía tây gần ven vùng hoang dã.
- 4 Rồi ông bắt đầu giảng dạy dân chúng ở xứ Mê Lê theo thánh ban của Thượng Đế mà ông đã được kêu gọi; và ông bắt đầu giảng dạy dân chúng khắp xứ Mê Lê.
- 5 Và chuyện rằng, dân chúng ở khắp các biên thùỵ bên cạnh vùng hoang dã đều đến nghe ông giảng dạy. Và họ được làm phép báp têm khắp nơi trong xứ;
- 6 Sau khi hoàn tất công việc của mình ở Mê Lê, ông đã rời khỏi đó và hành trình ba ngày lên hướng bắc xứ Mê Lê; rồi ông đến một thành phố gọi là Am Mô Ni Ha.
- 7 Bây giờ, dân Nê Phi có tục lệ gọi các lãnh thổ, các thành phố cùng làng mạc của họ, phải, ngay cả mọi làng mạc nhỏ của họ nữa, theo tên của người đầu tiên đến chiếm cứ; vậy nên xứ Am Mô Ni Ha đã được đặt tên theo cách thức đó.
- 8 Và chuyện rằng, khi An Ma đến thành phố Am Mô Ni Ha, ông đã bắt đầu thuyết giảng lời của Thượng Đế cho họ nghe.
- 9 Giờ đây Sa Tan đã chiếm được lòng dân trong thành phố Am Mô Ni Ha, vậy nên họ không muốn nghe những lời thuyết giảng của An Ma.

## Alma 8

And now it came to pass that Alma returned from the land of Gideon, after having taught the people of Gideon many things which cannot be written, having established the order of the church, according as he had before done in the land of Zarahemla, yea, he returned to his own house at Zarahemla to rest himself from the labors which he had performed.

And thus ended the ninth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And it came to pass in the commencement of the tenth year of the reign of the judges over the people of Nephi, that Alma departed from thence and took his journey over into the land of Melek, on the west of the river Sidon, on the west by the borders of the wilderness.

And he began to teach the people in the land of Melek according to the holy order of God, by which he had been called; and he began to teach the people throughout all the land of Melek.

And it came to pass that the people came to him throughout all the borders of the land which was by the wilderness side. And they were baptized throughout all the land;

So that when he had finished his work at Melek he departed thence, and traveled three days' journey on the north of the land of Melek; and he came to a city which was called Ammonihah.

Now it was the custom of the people of Nephi to call their lands, and their cities, and their villages, yea, even all their small villages, after the name of him who first possessed them; and thus it was with the land of Ammonihah.

And it came to pass that when Alma had come to the city of Ammonihah he began to preach the word of God unto them.

Now Satan had gotten great hold upon the hearts of the people of the city of Ammonihah; therefore they would not hearken unto the words of Alma.

- 10 Tuy nhiên, An Ma vẫn cố đem hết tinh thần gắng sức làm việc, ông tranh đấu với Thượng Đế trong lời cầu nguyện mãnh liệt, để xin Ngài trút Thánh Linh của Ngài xuống cho dân chúng trong thành phố này, cùng cầu xin Ngài cho ông có thể báp têm họ trong sự hối cải.
- 11 Tuy nhiên, họ đã chai đá trong lòng, họ bảo ông rằng: Này, chúng tôi biết ông là An Ma, và chúng tôi cũng biết ông là thầy tư tế thượng phẩm cai quản giáo hội do ông thành lập nhiều nơi trong nước, theo truyền thống của ông; nhưng chúng tôi không thuộc giáo hội của ông và chúng tôi không tin những truyền thống điên rồ như vậy.
- 12 Và giờ đây chúng tôi biết rằng vì chúng tôi không thuộc giáo hội của ông nên chúng tôi biết rằng ông không có quyền hành gì đối với chúng tôi; hơn nữa ông đã giao ghế xét xử cho Nê Phi Ha, nên ông không còn là vị trưởng phán quan cai trị chúng tôi nữa.
- 13 Giờ đây sau khi dân chúng nói như vậy, và chống đối tất cả mọi lời nói của ông, cùng chửi rủa ông, khạc nhổ vào ông, và khiến ông bị xua đuổi khỏi thành phố, ông bèn rời khỏi đó và hành trình về phía thành phố gọi là A Rôn.
- 14 Và chuyện rằng, trong lúc ông hành trình về thành phố này, ông cảm thấy nặng trĩu ưu sầu, cùng với bao nỗi đau thương và thống khổ trong tâm hồn vì sự độc ác của dân trong thành phố Am Mô Ni Ha, chuyện rằng trong lúc An Ma đang nặng trĩu ưu sầu như vậy, này, một vị thiên sứ của Chúa đã hiện ra bảo ông rằng:
- 15 Phước thay cho ngươi, An Ma; vậy nên hãy ngẩng đầu lên và vui vẻ, vì ngươi đã có lý do lớn lao để vui mừng; vì ngươi đã trung thành tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế ngay từ khi ngươi mới tiếp nhận sứ điệp đầu tiên của Ngài. Này, chính ta đã trao sứ điệp ấy cho ngươi.
- 16 Và này, nay ta được phái tới đây để truyền lệnh cho ngươi hãy trở lại thành phố Am Mô Ni Ha và thuyết giảng lại cho dân trong thành phố đó; phải, hãy thuyết giảng cho họ. Phải, hãy nói với họ rằng, nếu họ không biết hối cải thì Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt họ.

Nevertheless Alma labored much in the spirit, wrestling with God in mighty prayer, that he would pour out his Spirit upon the people who were in the city; that he would also grant that he might baptize them unto repentance.

Nevertheless, they hardened their hearts, saying unto him: Behold, we know that thou art Alma; and we know that thou art high priest over the church which thou hast established in many parts of the land, according to your tradition; and we are not of thy church, and we do not believe in such foolish traditions.

And now we know that because we are not of thy church we know that thou hast no power over us; and thou hast delivered up the judgment-seat unto Nephiah; therefore thou art not the chief judge over us.

Now when the people had said this, and withstood all his words, and reviled him, and spit upon him, and caused that he should be cast out of their city, he departed thence and took his journey towards the city which was called Aaron.

And it came to pass that while he was journeying thither, being weighed down with sorrow, wading through much tribulation and anguish of soul, because of the wickedness of the people who were in the city of Ammonihah, it came to pass while Alma was thus weighed down with sorrow, behold an angel of the Lord appeared unto him, saying:

Blessed art thou, Alma; therefore, lift up thy head and rejoice, for thou hast great cause to rejoice; for thou hast been faithful in keeping the commandments of God from the time which thou receivedst thy first message from him. Behold, I am he that delivered it unto you.

And behold, I am sent to command thee that thou return to the city of Ammonihah, and preach again unto the people of the city; yea, preach unto them. Yea, say unto them, except they repent the Lord God will destroy them.

17 Vì này, trong lúc này họ đang tìm cách để hủy diệt nền tự do của dân tộc người, (vì Chúa có phán như vậy) việc này trái với các luật lệ, mạng lệnh, và những lệnh truyền mà Ngài đã ban cho dân Ngài.

18 Giờ đây, chuyện rằng, sau khi An Ma nhận được sứ điệp từ thiên sứ của Chúa, ông liền cấp tốc trở lại xứ Am Mô Ni Ha. Và ông đã đi vào thành phố bằng một lối khác, phải, bằng lối phía nam của thành phố Am Mô Ni Ha.

19 Và khi ông đi vào thành phố ông thấy đói lả, ông bèn nói với một người đàn ông rằng: Anh có thể cho tôi tớ hèn mọn của Thượng Đế một chút gì để ăn không?

20 Và người đàn ông đó đã trả lời rằng: Tôi là người Nê Phi, và tôi biết ông là một thánh tiên tri của Thượng Đế, vì ông chính là người mà một vị thiên sứ đã nói trong một khải tượng như vậy: Người sẽ phải đón tiếp. Vậy nên, xin mời ông hãy theo tôi vào nhà, và tôi sẽ chia sẻ với ông phần ăn của tôi; và tôi biết rằng ông sẽ là một phước lành cho tôi và gia đình tôi.

21 Và chuyện rằng người đó tiếp nhận An Ma vào nhà mình; và ông ta tên là A Mu Léc; rồi ông ta đem bánh mì và thịt để trước mặt An Ma.

22 Và chuyện rằng, sau khi ăn bánh và được no đủ, An Ma bèn chúc phước cho A Mu Léc và gia đình người, rồi ông dâng lời tạ ơn lên Thượng Đế.

23 Và sau khi đã ăn uống no đủ, ông bảo A Mu Léc rằng: Tôi là An Ma, thầy tư tế thượng phẩm cai quản giáo hội của Thượng Đế trên khắp xứ.

24 Và này tôi đã được kêu gọi để thuyết giảng lời của Thượng Đế cho tất cả dân này, thể theo tinh thần mặc khải và tiên tri; và tôi đã đến xứ này, nhưng họ không muốn tiếp nhận tôi, họ còn xua đuổi tôi, và tôi đã định quay lưng đi khỏi xứ này mãi mãi.

25 Nhưng này, tôi đã được truyền lệnh phải trở lại đây để nói tiên tri cho dân này, phải, và để làm chứng chống lại họ về những điều bất chính của họ.

26 Và giờ đây, hỡi A Mu Léc, vì anh đã tiếp đón tôi và cho tôi ăn uống, nên anh được phước; sở dĩ tôi bị đói khát là vì tôi đã nhịn ăn nhiều ngày.

For behold, they do study at this time that they may destroy the liberty of thy people, (for thus saith the Lord) which is contrary to the statutes, and judgments, and commandments which he has given unto his people.

Now it came to pass that after Alma had received his message from the angel of the Lord he returned speedily to the land of Ammonihah. And he entered the city by another way, yea, by the way which is on the south of the city of Ammonihah.

And as he entered the city he was an hungered, and he said to a man: Will ye give to an humble servant of God something to eat?

And the man said unto him: I am a Nephite, and I know that thou art a holy prophet of God, for thou art the man whom an angel said in a vision: Thou shalt receive. Therefore, go with me into my house and I will impart unto thee of my food; and I know that thou wilt be a blessing unto me and my house.

And it came to pass that the man received him into his house; and the man was called Amulek; and he brought forth bread and meat and set before Alma.

And it came to pass that Alma ate bread and was filled; and he blessed Amulek and his house, and he gave thanks unto God.

And after he had eaten and was filled he said unto Amulek: I am Alma, and am the high priest over the church of God throughout the land.

And behold, I have been called to preach the word of God among all this people, according to the spirit of revelation and prophecy; and I was in this land and they would not receive me, but they cast me out and I was about to set my back towards this land forever.

But behold, I have been commanded that I should turn again and prophesy unto this people, yea, and to testify against them concerning their iniquities.

And now, Amulek, because thou hast fed me and taken me in, thou art blessed; for I was an hungered, for I had fasted many days.

27 Và An Ma đã ở lại nhiều ngày với A Mu Léc trước khi ông bắt đầu đi thuyết giảng cho dân chúng.

28 Và chuyện rằng, dân chúng đã trở nên tà ác hơn trong những hành vi bất chính của họ.

29 Và rồi lời của Thượng Đế lại đến với An Ma mà rằng: Hãy đi; và cũng hãy bảo tôi tớ A Mu Léc của ta: hãy đi và nói tiên tri cho dân này hay rằng—Các người hãy hối cải, vì Chúa đã phán như vậy: Nếu dân này không hối cải thì ta sẽ đến viếng phạt dân này trong cơn thịnh nộ của ta; phải, và ta không đổi hướng cơn thịnh nộ mãnh liệt của ta đi khỏi đâu.

30 Và rồi An Ma cùng A Mu Léc ra đi đến cùng dân chúng để rao truyền những lời của Thượng Đế cho họ nghe; và hai người được đầy đầy Đức Thánh Linh.

31 Và hai người được ban cho nhiều quyền năng đến nỗi không một ngục thất nào có thể giam cầm họ được; và cũng không một ai có thể sát hại họ được; tuy vậy, họ không sử dụng quyền năng của mình cho đến khi họ bị bắt trói và bị nhốt vào ngục thất. Kia, sở dĩ họ làm được như vậy là để Chúa có thể cho thấy quyền năng của Ngài nơi họ.

32 Và chuyện rằng, họ ra đi và bắt đầu thuyết giảng và nói tiên tri cho dân chúng, thể theo tinh thần và quyền năng mà Chúa đã ban cho họ.

And Alma tarried many days with Amulek before he began to preach unto the people.

And it came to pass that the people did wax more gross in their iniquities.

And the word came to Alma, saying: Go; and also say unto my servant Amulek, go forth and prophesy unto this people, saying—Repent ye, for thus saith the Lord, except ye repent I will visit this people in mine anger; yea, and I will not turn my fierce anger away.

And Alma went forth, and also Amulek, among the people, to declare the words of God unto them; and they were filled with the Holy Ghost.

And they had power given unto them, insomuch that they could not be confined in dungeons; neither was it possible that any man could slay them; nevertheless they did not exercise their power until they were bound in bands and cast into prison. Now, this was done that the Lord might show forth his power in them.

And it came to pass that they went forth and began to preach and to prophesy unto the people, according to the spirit and power which the Lord had given them.

Những lời của An Ma, và cả những lời của A Mu Léc đã nói với dân xứ Am Mô Ni Ha. Và hai người cũng bị bắt bỏ vào ngục thất, và được cứu thoát nhờ quyền năng kỳ diệu của Thượng Đế trong họ, theo biên sử của An Ma.

## An Ma 9

- 1 Và lại nữa, tôi, An Ma, sau khi được Thượng Đế truyền lệnh tôi phải đem A Mu Léc đi thuyết giảng một lần nữa cho dân này, tức là dân trong thành phố Am Mô Ni Ha, thì chuyện rằng, khi tôi bắt đầu thuyết giảng cho họ nghe thì họ bắt đầu tranh luận với tôi mà rằng:
- 2 Ông là ai? Chắc ông tưởng rằng chúng tôi sẽ tin theo lời chứng của một người, dù người đó thuyết giảng cho chúng tôi nghe là trái đất này sẽ qua đi hay sao?
- 3 Bây giờ, họ không hiểu những lời họ nói; vì họ không biết rằng, trái đất này sẽ qua đi.
- 4 Và họ còn bảo rằng: Chúng tôi sẽ không tin lời ông nói nếu ông tiên tri rằng thành phố vĩ đại này sẽ bị hủy diệt trong một ngày.
- 5 Bây giờ, dân chúng không hiểu rằng Thượng Đế có thể làm được những việc kỳ diệu như vậy, vì họ là những người có trái tim chai đá và cứng cổ.
- 6 Rồi họ hỏi rằng: Thượng Đế là ai, mà không phải những gì có uy quyền hơn mà chỉ phải có một người đến với dân này để rao truyền cho họ biết về lẽ thật của những sự việc vĩ đại và kỳ diệu như vậy?
- 7 Rồi họ tiến lên định đưa tay đánh tôi; nhưng này, họ không làm được. Và tôi đã mạnh bạo đứng tuyên bố với họ, phải, tôi đã mạnh dạn làm chứng với họ rằng:
- 8 Này, hỡi các người là một thế hệ độc ác và ngược ngạo, sao các người lại có thể quên được truyền thống của tổ phụ các người; phải, sao các người lại chóng quên những lệnh truyền của Thượng Đế như vậy?
- 9 Các người không nhớ rằng tổ phụ chúng ta là Lê Hi đã được bàn tay của Thượng Đế đem ra khỏi Giê Ru Sa Lem hay sao? Các người không nhớ rằng họ đã được Ngài dẫn dắt qua vùng hoang dã hay sao?

The words of Alma, and also the words of Amulek, which were declared unto the people who were in the land of Ammonihah. And also they are cast into prison, and delivered by the miraculous power of God which was in them, according to the record of Alma.

## Alma 9

And again, I, Alma, having been commanded of God that I should take Amulek and go forth and preach again unto this people, or the people who were in the city of Ammonihah, it came to pass as I began to preach unto them, they began to contend with me, saying:

Who art thou? Suppose ye that we shall believe the testimony of one man, although he should preach unto us that the earth should pass away?

Now they understood not the words which they spake; for they knew not that the earth should pass away.

And they said also: We will not believe thy words if thou shouldst prophesy that this great city should be destroyed in one day.

Now they knew not that God could do such marvelous works, for they were a hard-hearted and a stiffnecked people.

And they said: Who is God, that sendeth no more authority than one man among this people, to declare unto them the truth of such great and marvelous things?

And they stood forth to lay their hands on me; but behold, they did not. And I stood with boldness to declare unto them, yea, I did boldly testify unto them, saying:

Behold, O ye wicked and perverse generation, how have ye forgotten the tradition of your fathers; yea, how soon ye have forgotten the commandments of God.

Do ye not remember that our father, Lehi, was brought out of Jerusalem by the hand of God? Do ye not remember that they were all led by him through the wilderness?

- 10 Và phải chăng các người đã chóng quên rằng, đã biết bao lần Ngài giải thoát cho tổ phụ chúng ta ra khỏi bàn tay quân thù, và đã bảo tồn họ khỏi bị hủy diệt, ngay cả bởi bàn tay của chính đồng bào mình?
- 11 Phải, và nếu không nhờ có quyền năng vô song của Ngài cùng lòng thương xót và sự nhịn nhục của Ngài đối với chúng ta, thì chúng ta đã không thể nào tránh khỏi bị loại trừ ra khỏi mặt đất này từ lâu rồi, và có lẽ chúng ta đã bị giam cầm trong một trạng thái đau đớn khổ cực bất tận.
- 12 Bây giờ đây tôi nói cho các người hay rằng, Ngài truyền lệnh cho các người phải hối cải; và nếu các người không hối cải thì không có cách gì các người có thể thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế. Nhưng này, như vậy chưa phải là hết—Ngài đã truyền lệnh cho các người phải hối cải, nếu không thì Ngài sẽ tận diệt các người khỏi mặt đất này; phải, Ngài sẽ đến viếng phạt các người trong cơn thịnh nộ của Ngài, và trong cơn giận dữ của Ngài, Ngài sẽ không quay lưng bỏ đi.
- 13 Này, các người không nhớ những lời Ngài đã phán với Lê Hi như vậy sao: Chừng nào các người còn tuân giữ những lệnh truyền của ta thì các người sẽ được thịnh vượng trong xứ? Và còn có lời rằng: chừng nào các người không tuân giữ những lệnh truyền của ta thì các người sẽ bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Chúa.
- 14 Giờ đây tôi mong các người nhớ rằng, vì dân La Man không tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế nên họ đã bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Chúa. Giờ đây chúng ta thấy rằng, lời của Chúa đã được chứng nghiệm trong sự việc này, và dân La Man đã bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Ngài từ khi họ mới bắt đầu phạm giới trong xứ.
- 15 Tuy nhiên, tôi nói cho các người hay rằng, vào ngày phán xét họ sẽ được khoan dung nhiều hơn các người, nếu các người vẫn sống trong tội lỗi của mình, phải, và ngay cả trong cuộc sống này, họ cũng được khoan dung nhiều hơn các người, nếu các người không biết hối cải.

And have ye forgotten so soon how many times he delivered our fathers out of the hands of their enemies, and preserved them from being destroyed, even by the hands of their own brethren?

Yea, and if it had not been for his matchless power, and his mercy, and his long-suffering towards us, we should unavoidably have been cut off from the face of the earth long before this period of time, and perhaps been consigned to a state of endless misery and woe.

Behold, now I say unto you that he commandeth you to repent; and except ye repent, ye can in no wise inherit the kingdom of God. But behold, this is not all—he has commanded you to repent, or he will utterly destroy you from off the face of the earth; yea, he will visit you in his anger, and in his fierce anger he will not turn away.

Behold, do ye not remember the words which he spake unto Lehi, saying that: Inasmuch as ye shall keep my commandments, ye shall prosper in the land? And again it is said that: Inasmuch as ye will not keep my commandments ye shall be cut off from the presence of the Lord.

Now I would that ye should remember, that inasmuch as the Lamanites have not kept the commandments of God, they have been cut off from the presence of the Lord. Now we see that the word of the Lord has been verified in this thing, and the Lamanites have been cut off from his presence, from the beginning of their transgressions in the land.

Nevertheless I say unto you, that it shall be more tolerable for them in the day of judgment than for you, if ye remain in your sins, yea, and even more tolerable for them in this life than for you, except ye repent.



16 Vì có nhiều điều hứa đã được ban trải cho dân La Man; vì sở dĩ họ phải ở trong trạng thái ngu muội là do những truyền thống của tổ phụ họ; vậy nên Chúa thương xót họ và sẽ kéo dài sự sinh tồn của họ trong xứ.

17 Và đến một thời gian nào đó, họ sẽ được dìu dắt để tin lời của Ngài, và để biết được sự sai lầm của các truyền thống của tổ phụ họ; và trong số họ sẽ có nhiều người được cứu, vì Chúa sẽ thương xót bất cứ ai biết cầu gọi đến danh Ngài.

18 Nhưng này, tôi nói cho các người hay rằng, nếu các người vẫn cố tình giữ mãi sự tà ác của mình, thì cuộc đời của các người sẽ không được kéo dài trong xứ, vì dân La Man sẽ được phái tới để đánh các người; và nếu các người không biết hối cải thì họ sẽ đến vào lúc mà các người không biết được, và các người sẽ bị viếng phạt bằng sự hủy diệt hoàn toàn, và đó là do cơn giận mãnh liệt của Chúa.

19 Vì Ngài không chịu để cho các người sống trong sự bất chính để phá hoại dân Ngài. Tôi nói cho các người hay: Không, Ngài muốn thà rằng dân La Man hủy diệt hết dân của Ngài, là những người được gọi là dân Nê Phi, nếu có thể là họ rơi vào vòng tội lỗi và phạm giới, sau khi họ đã nhận được biết bao nhiêu sự sáng và sự hiểu biết từ Chúa, Thượng Đế của họ;

20 Phải, sau khi đã là một dân tộc được rất nhiều ưu đãi của Chúa như vậy; phải, sau khi đã được ưu đãi hơn hết thảy mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ hay dân tộc; sau khi đã được cho biết về tất cả mọi điều, thể theo ý muốn, đức tin cùng những lời cầu nguyện của họ đối với những sự việc đã xảy ra, đang xảy ra, và những điều sẽ phải xảy đến;

21 Sau khi được Thánh Linh của Thượng Đế đến viếng, được đối thoại với các vị thiên sứ, và được nghe tiếng nói của Chúa phán ra; sau khi có được tinh thần tiên tri, tinh thần mặc khải, cùng nhiều ân tứ, như ân tứ nói nhiều thứ tiếng, ân tứ giảng dạy, ân tứ Đức Thánh Linh; và ân tứ phiên dịch;

For there are many promises which are extended to the Lamanites; for it is because of the traditions of their fathers that caused them to remain in their state of ignorance; therefore the Lord will be merciful unto them and prolong their existence in the land.

And at some period of time they will be brought to believe in his word, and to know of the incorrectness of the traditions of their fathers; and many of them will be saved, for the Lord will be merciful unto all who call on his name.

But behold, I say unto you that if ye persist in your wickedness that your days shall not be prolonged in the land, for the Lamanites shall be sent upon you; and if ye repent not they shall come in a time when you know not, and ye shall be visited with utter destruction; and it shall be according to the fierce anger of the Lord.

For he will not suffer you that ye shall live in your iniquities, to destroy his people. I say unto you, Nay; he would rather suffer that the Lamanites might destroy all his people who are called the people of Nephi, if it were possible that they could fall into sins and transgressions, after having had so much light and so much knowledge given unto them of the Lord their God;

Yea, after having been such a highly favored people of the Lord; yea, after having been favored above every other nation, kindred, tongue, or people; after having had all things made known unto them, according to their desires, and their faith, and prayers, of that which has been, and which is, and which is to come;

Having been visited by the Spirit of God; having conversed with angels, and having been spoken unto by the voice of the Lord; and having the spirit of prophecy, and the spirit of revelation, and also many gifts, the gift of speaking with tongues, and the gift of preaching, and the gift of the Holy Ghost, and the gift of translation;

22 Phải, và sau khi được Thượng Đế cứu thoát khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, bởi bàn tay của Chúa; sau khi được cứu khỏi nạn đói và bệnh tật cùng đủ mọi thứ bệnh; và sau khi họ đã trở nên hùng mạnh trên chiến trường để khỏi bị hủy diệt; sau khi được giải thoát khỏi vòng nô lệ nhiều lần và được gìn giữ và bảo tồn cho đến bây giờ; và họ đã được làm cho thịnh vượng cho đến khi họ giàu có về tất cả mọi thứ—

23 Và giờ đây này, tôi nói cho các người hay, nếu dân này, là những người đã thụ nhận biết bao phước lành từ bàn tay của Chúa, mà nay lại phạm giới và đi ngược lại sự sáng và sự hiểu biết mà họ đã có được, thì tôi nói cho các người hay rằng, nếu quả trường hợp đó xảy ra, nếu quả họ đã sa vào vòng phạm giới, thì dân La Man đáng được khoan dung hơn họ nhiều.

24 Vì này, những lời hứa của Chúa đã được ban trải tới dân La Man, nhưng những lời hứa ấy không dành cho các người nếu các người phạm giới; vì chẳng phải Chúa đã hứa rõ và cương quyết ban sắc lệnh rằng nếu các người chống lại Ngài thì các người sẽ bị tận diệt khỏi mặt đất hay sao?

25 Và giờ đây, vì lý do muốn để các người khỏi bị hủy diệt nên Chúa đã phái thiên sứ của Ngài đến viếng thăm nhiều người trong dân của Ngài, và bảo họ rằng họ phải tiến lên và rao truyền một cách mạnh mẽ cho dân này biết rằng: Các người phải hối cải vì vương quốc thiên thượng đã gần kề.

26 Và chẳng còn bao nhiêu ngày nữa Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ đến trong ánh vinh quang của Ngài; và vinh quang của Ngài sẽ là vinh quang của Con Độc Sinh của Đức Chúa Cha, đầy ân điển, công bằng và lẽ thật, đầy sự kiên nhẫn, thương xót và nhịn nhục, mau mắn nghe lời kêu cầu của dân Ngài và mau mắn đáp lại lời cầu nguyện của họ.

27 Và này, Ngài sẽ đến để cứu chuộc những ai chịu báp têm để hối cải, qua đức tin nơi tôn danh của Ngài.

Yea, and after having been delivered of God out of the land of Jerusalem, by the hand of the Lord; having been saved from famine, and from sickness, and all manner of diseases of every kind; and they having waxed strong in battle, that they might not be destroyed; having been brought out of bondage time after time, and having been kept and preserved until now; and they have been prospered until they are rich in all manner of things—

And now behold I say unto you, that if this people, who have received so many blessings from the hand of the Lord, should transgress contrary to the light and knowledge which they do have, I say unto you that if this be the case, that if they should fall into transgression, it would be far more tolerable for the Lamanites than for them.

For behold, the promises of the Lord are extended to the Lamanites, but they are not unto you if ye transgress; for has not the Lord expressly promised and firmly decreed, that if ye will rebel against him that ye shall utterly be destroyed from off the face of the earth?

And now for this cause, that ye may not be destroyed, the Lord has sent his angel to visit many of his people, declaring unto them that they must go forth and cry mightily unto this people, saying: Repent ye, for the kingdom of heaven is nigh at hand;

And not many days hence the Son of God shall come in his glory; and his glory shall be the glory of the Only Begotten of the Father, full of grace, equity, and truth, full of patience, mercy, and long-suffering, quick to hear the cries of his people and to answer their prayers.

And behold, he cometh to redeem those who will be baptized unto repentance, through faith on his name.

- 28 Vậy nên, các người hãy sửa soạn con đường của Chúa, vì đã gần đến lúc mọi người sẽ gặt hái phần thưởng về những việc làm của mình, tùy theo những việc làm mà mình đã thực hiện—nếu là những việc làm ngay chính thì họ sẽ gặt hái sự cứu rỗi cho linh hồn mình thể theo quyền năng và sự giải thoát của Chúa Giê Su Ky Tô; còn nếu những việc làm tà ác thì họ sẽ gặt hái sự đoán phạt cho linh hồn mình, thể theo quyền năng và sự giam cầm của quỷ dữ.
- 29 Giờ đây này, đây là lời thiên sứ rao truyền cùng dân chúng.
- 30 Và giờ đây, hỡi đồng bào yêu mến của tôi, vì các người là đồng bào của tôi và là những người đáng được yêu mến, nên các người cần phải thực thi những công việc thích hợp cho sự hối cải, phải biết rằng từ trước đến nay lòng các người quá chai đá đối với lời Thượng Đế, và phải biết rằng các người là một dân tộc lạc lối và sa ngã.
- 31 Giờ đây chuyện rằng, sau khi tôi, An Ma, nói xong những lời này, này, dân chúng nổi giận với tôi, vì tôi đã gọi họ là những người có lòng dạ chai đá và cứng cổ.
- 32 Và cũng vì tôi đã bảo họ là một dân tộc lạc lối và sa ngã, nên họ tức giận tôi và tìm cách bắt giữ tôi để giam tôi vào ngục thất.
- 33 Nhưng chuyện rằng, Chúa không để cho họ bắt tôi lúc ấy và giam tôi vào ngục thất.
- 34 Và chuyện rằng, A Mu Léc tiến đến đứng trước mặt họ và cũng bắt đầu thuyết giảng cho họ nghe. Và giờ đây, tuy những lời của A Mu Léc không được ghi chép hết ra đây nhưng một phần những lời của ông cũng được ghi chép trong sách này.

Therefore, prepare ye the way of the Lord, for the time is at hand that all men shall reap a reward of their works, according to that which they have been—if they have been righteous they shall reap the salvation of their souls, according to the power and deliverance of Jesus Christ; and if they have been evil they shall reap the damnation of their souls, according to the power and captivation of the devil.

Now behold, this is the voice of the angel, crying unto the people.

And now, my beloved brethren, for ye are my brethren, and ye ought to be beloved, and ye ought to bring forth works which are meet for repentance, seeing that your hearts have been grossly hardened against the word of God, and seeing that ye are a lost and a fallen people.

Now it came to pass that when I, Alma, had spoken these words, behold, the people were wroth with me because I said unto them that they were a hard-hearted and a stiffnecked people.

And also because I said unto them that they were a lost and a fallen people they were angry with me, and sought to lay their hands upon me, that they might cast me into prison.

But it came to pass that the Lord did not suffer them that they should take me at that time and cast me into prison.

And it came to pass that Amulek went and stood forth, and began to preach unto them also. And now the words of Amulek are not all written, nevertheless a part of his words are written in this book.

## An Ma 10

- 1 Đây là những lời A Mu Léc đã thuyết giảng cho dân trong xứ Am Mô Ni Ha:
- 2 Tôi là A Mu Léc. Tôi là con trai của Ghi Đô Na, người là con trai của Ích Ma Ên, và Ích Ma Ên là con cháu của A Mi Na Đi; và A Mi Na Đi chính là người đã thông dịch các chữ viết trên tường trong đền thờ do ngón tay của Thượng Đế viết ra.
- 3 Và A Mi Na Đi là con cháu của Nê Phi, người là con trai của Lê Hi, Lê Hi là người đã rời khỏi xứ Giê Ru Sa Lem và là con cháu của Ma Na Se, Ma Na Se là con trai của Giô Sép, người bị các anh em mình bán qua Ai Cập.
- 4 Và này, tôi không phải là một người ít tiếng tăm đối với tất cả những người đã biết đến tôi; phải, và này, tôi có nhiều bà con và bạn bè, và tôi cũng có lắm của cải nhờ bàn tay siêng năng làm việc của tôi.
- 5 Tuy nhiên, mặc dù với bao nhiêu điều đó, tôi vẫn chưa từng được hiểu biết nhiều về đường lối của Chúa cùng những sự kín nhiệm và quyền năng kỳ diệu của Ngài. Tôi nói là tôi chưa từng được biết nhiều về những việc này; nhưng này, tôi đã nhảm, vì chính tôi đã được trông thấy nhiều về những sự kín nhiệm và quyền năng kỳ diệu của Ngài rồi; phải, ngay cả việc bảo tồn mạng sống của dân tộc này.
- 6 Vậy mà tôi vẫn chai đá trong lòng, vì tôi đã được kêu gọi nhiều lần nhưng tôi không chịu nghe; tôi được biết nhiều về những điều này nhưng tôi đã không muốn biết; vậy nên tôi đã tiếp tục chống lại Thượng Đế với sự tà ác trong lòng mình mãi cho đến ngày mồng bốn tháng bảy này, nhằm năm thứ mười của chế độ các phán quan.

## Alma 10

Now these are the words which Amulek preached unto the people who were in the land of Ammonihah, saying:

I am Amulek; I am the son of Giddonah, who was the son of Ishmael, who was a descendant of Aminadi; and it was that same Aminadi who interpreted the writing which was upon the wall of the temple, which was written by the finger of God.

And Aminadi was a descendant of Nephi, who was the son of Lehi, who came out of the land of Jerusalem, who was a descendant of Manasseh, who was the son of Joseph who was sold into Egypt by the hands of his brethren.

And behold, I am also a man of no small reputation among all those who know me; yea, and behold, I have many kindreds and friends, and I have also acquired much riches by the hand of my industry.

Nevertheless, after all this, I never have known much of the ways of the Lord, and his mysteries and marvelous power. I said I never had known much of these things; but behold, I mistake, for I have seen much of his mysteries and his marvelous power; yea, even in the preservation of the lives of this people.

Nevertheless, I did harden my heart, for I was called many times and I would not hear; therefore I knew concerning these things, yet I would not know; therefore I went on rebelling against God, in the wickedness of my heart, even until the fourth day of this seventh month, which is in the tenth year of the reign of the judges.

- 7 Trong khi tôi đang đi thăm một người bà con rất thân thuộc, này, một vị thiên sứ của Chúa hiện ra bảo tôi rằng: A Mu Léc, người hãy trở về nhà người, vì người phải cho một vị tiên tri của Chúa ăn uống; phải, một người thánh thiện, là một người được Thượng Đế chọn lựa; vì người đã nhịn ăn nhiều ngày vì tội lỗi của dân này, nên bây giờ người ấy rất đói, và người phải tiếp đón người vào nhà mình mà cho ăn uống, rồi người sẽ ban phước cho người và cho gia đình người; và ơn phước của Chúa sẽ ban xuống cho người và gia đình người.
- 8 Và chuyện rằng, tôi vâng lời vị thiên sứ và trở về nhà. Và trên đường về nhà tôi gặp người mà vị thiên sứ đã bảo tôi là: Người hãy tiếp đón vào nhà mình—và này, người đó chính là người vừa nói với các người về những việc của Thượng Đế.
- 9 Và vị thiên sứ đã bảo tôi rằng người ấy là một người thánh thiện; vì thế mà tôi biết ông là một người thánh thiện theo như lời vị thiên sứ của Thượng Đế.
- 10 Và lại nữa, tôi biết những điều ông đã làm chứng là đúng sự thật; vì này, tôi nói cho các người hay rằng, quả thật như Chúa là Đấng hằng sống, Ngài đã sai thiên sứ của Ngài đến bày tỏ những điều ấy cho tôi biết; và vị thiên sứ đã làm điều này khi An Ma cư ngụ trong nhà tôi.
- 11 Vì này, ông đã ban phước cho gia đình tôi, ông đã ban phước cho tôi và cho vợ con tôi, cho cha mẹ tôi cùng bà con tôi nữa; phải, ông đã chúc phước cho tất cả gia quyến tôi, và phước lành của Chúa đã đến cùng chúng tôi theo như những lời ông nói.
- 12 Và giờ đây, khi A Mu Léc nói xong những lời này thì dân chúng bắt đầu ngạc nhiên, vì họ thấy rằng, có hơn một người làm chứng về những điều họ bị kết tội, và luôn cả những điều sẽ xảy đến, thể theo tinh thần tiên tri đã có trong họ.

As I was journeying to see a very near kindred, behold an angel of the Lord appeared unto me and said: Amulek, return to thine own house, for thou shalt feed a prophet of the Lord; yea, a holy man, who is a chosen man of God; for he has fasted many days because of the sins of this people, and he is an hungered, and thou shalt receive him into thy house and feed him, and he shall bless thee and thy house; and the blessing of the Lord shall rest upon thee and thy house.

And it came to pass that I obeyed the voice of the angel, and returned towards my house. And as I was going thither I found the man whom the angel said unto me: Thou shalt receive into thy house—and behold it was this same man who has been speaking unto you concerning the things of God.

And the angel said unto me he is a holy man; wherefore I know he is a holy man because it was said by an angel of God.

And again, I know that the things whereof he hath testified are true; for behold I say unto you, that as the Lord liveth, even so has he sent his angel to make these things manifest unto me; and this he has done while this Alma hath dwelt at my house.

For behold, he hath blessed mine house, he hath blessed me, and my women, and my children, and my father and my kinsfolk; yea, even all my kindred hath he blessed, and the blessing of the Lord hath rested upon us according to the words which he spake.

And now, when Amulek had spoken these words the people began to be astonished, seeing there was more than one witness who testified of the things whereof they were accused, and also of the things which were to come, according to the spirit of prophecy which was in them.

- 13 Tuy vậy vẫn còn một số người muốn tra hỏi hai ông. Họ mong rằng, nhờ thủ đoạn khéo léo họ có thể hỏi vặn để gài bẫy hai ông trong lời nói, để họ có bằng cứ chống lại hai ông và bắt hai ông giao cho các phán quan của họ, khiến hai ông phải bị xét xử theo luật pháp, để hai ông phải bị hành quyết hay bị hạ ngục, tùy theo tội trạng mà họ có thể gán hoặc làm chứng chống lại hai ông.
- 14 Bây giờ, những kẻ tìm cách hủy diệt hai ông là những luật gia, là những người do dân chúng mướn hoặc chỉ định để thi hành luật pháp trong lúc xử án hay là trong lúc xét xử tội trạng của dân chúng trước mặt các phán quan.
- 15 Bây giờ những luật gia này đều am hiểu tất cả nghệ thuật và xảo kế của dân chúng; và điều này là để giúp họ trở nên thông thạo trong nghề nghiệp của mình.
- 16 Và chuyện rằng họ bắt đầu tra vấn A Mu Léc để mong rằng, ông sẽ vấp vấp trong lời nói của mình, hay nói trái ngược lại với những điều ông đã nói.
- 17 Bây giờ, họ có ngờ đâu A Mu Léc có thể biết rõ dự tính của họ. Nhưng chuyện rằng, khi họ vừa bắt đầu chất vấn ông, ông đã thấu hiểu được tư tưởng của họ nên ông bảo họ rằng: Hỡi các người là thế hệ độc ác và ngược ngạo, các người là những luật gia và những kẻ đạo đức giả, vì các người đang xây dựng nền móng của quỷ dữ; vì các người đang dựng lên những chiếc bẫy để sập bắt những thánh nhân của Thượng Đế.
- 18 Các người đang lập mưu để làm sai lạc đường lối của những người ngay chính và tự chuốc lấy cơn thịnh nộ của Thượng Đế lên đầu mình, ngay cả đưa đến sự diệt vong hoàn toàn cho dân này.
- 19 Phải, Mô Si A đã nói rất chí lý, là vị vua cuối cùng của chúng ta, khi ông sắp nhường ngôi vua nhưng không có ai để trao lại, muốn cho dân này tự cai trị bằng tiếng nói của mình—phải, vua đã nói rất chí lý rằng, nếu một ngày nào đó tiếng nói của dân này lại lựa chọn sự bất chính, nghĩa là đến lúc nào dân này sa vào vòng phạm giới thì đó tức là đã đến lúc họ chín muồi cho sự hủy diệt vậy.

Nevertheless, there were some among them who thought to question them, that by their cunning devices they might catch them in their words, that they might find witness against them, that they might deliver them to their judges that they might be judged according to the law, and that they might be slain or cast into prison, according to the crime which they could make appear or witness against them.

Now it was those men who sought to destroy them, who were lawyers, who were hired or appointed by the people to administer the law at their times of trials, or at the trials of the crimes of the people before the judges.

Now these lawyers were learned in all the arts and cunning of the people; and this was to enable them that they might be skilful in their profession.

And it came to pass that they began to question Amulek, that thereby they might make him cross his words, or contradict the words which he should speak.

Now they knew not that Amulek could know of their designs. But it came to pass as they began to question him, he perceived their thoughts, and he said unto them: O ye wicked and perverse generation, ye lawyers and hypocrites, for ye are laying the foundations of the devil; for ye are laying traps and snares to catch the holy ones of God.

Ye are laying plans to pervert the ways of the righteous, and to bring down the wrath of God upon your heads, even to the utter destruction of this people.

Yea, well did Mosiah say, who was our last king, when he was about to deliver up the kingdom, having no one to confer it upon, causing that this people should be governed by their own voices—yea, well did he say that if the time should come that the voice of this people should choose iniquity, that is, if the time should come that this people should fall into transgression, they would be ripe for destruction.

20 Và giờ đây tôi nói cho các người hay rằng, Chúa đã phán xét những hành vi bất chính của các người một cách thích đáng; qua tiếng nói của các thiên sứ Ngài đã rao truyền cho dân này một cách thích đáng rằng: Các người hãy hối cải, hãy hối cải, vì vương quốc thiên thượng đã gần kề.

21 Phải, qua tiếng nói của các thiên sứ Ngài đã rao truyền cho dân này hay rằng: Ta sẽ xuống giữa đám dân ta với sự vô tư và công lý trong tay ta.

22 Phải, tôi nói cho các người hay rằng, nếu không nhờ lời cầu nguyện của những người ngay chính đang sống trong xứ này, thì ngay bây giờ các người đã bị viếng phạt bằng sự hủy diệt hoàn toàn rồi; sự hủy diệt đó không phải là bị nạn lụt, như dân chúng bị ở thời Nô Ê, nhưng sẽ bằng nạn đói, bệnh dịch, và gươm đao.

23 Nhưng nhờ lời cầu nguyện của những người ngay chính mà các người được tha; vậy nên giờ đây nếu các người xua đuổi những người ngay chính ra khỏi đám các người, thì lúc đó Chúa sẽ không dãn tay của Ngài lại được; nhưng trong cơn giận dữ mãnh liệt của Ngài, Ngài sẽ đến sửa phạt các người; lúc đó các người sẽ bị đánh phạt bởi nạn đói, bệnh dịch, và gươm đao; và đã gần đến lúc rồi trừ phi các người hối cải.

24 Và giờ đây, chuyện rằng, dân chúng lại càng tức giận A Mu Léc hơn, và họ la lên rằng: Kẻ này đã thóa mạ các luật pháp công minh của chúng ta cùng những luật gia thông thái mà chúng ta đã lựa chọn.

25 Nhưng A Mu Léc đã dang tay ra mà kêu lớn hơn với họ rằng: Hỡi các người là thế hệ độc ác và ngược ngạo, làm sao quý Sa Tan lại có thể chế ngự trái tim của các người sâu đậm đến như vậy? Tại sao các người lại chịu nhượng bộ nó để nó có quyền hành sai khiến và bịt mắt các người, khiến các người không chịu hiểu những lời đã được thốt ra đúng theo lẽ thật?

26 Vì này, phải chăng tôi đã làm chứng nghịch lại luật pháp của các người? Các người không hiểu; các người bảo rằng tôi đã nói lời chống báng lại luật pháp của các người; nhưng tôi đâu có nói như vậy, trái lại tôi còn nói tốt cho luật pháp các người để xứng cho việc kết án các người.

And now I say unto you that well doth the Lord judge of your iniquities; well doth he cry unto this people, by the voice of his angels: Repent ye, repent, for the kingdom of heaven is at hand.

Yea, well doth he cry, by the voice of his angels that: I will come down among my people, with equity and justice in my hands.

Yea, and I say unto you that if it were not for the prayers of the righteous, who are now in the land, that ye would even now be visited with utter destruction; yet it would not be by flood, as were the people in the days of Noah, but it would be by famine, and by pestilence, and the sword.

But it is by the prayers of the righteous that ye are spared; now therefore, if ye will cast out the righteous from among you then will not the Lord stay his hand; but in his fierce anger he will come out against you; then ye shall be smitten by famine, and by pestilence, and by the sword; and the time is soon at hand except ye repent.

And now it came to pass that the people were more angry with Amulek, and they cried out, saying: This man doth revile against our laws which are just, and our wise lawyers whom we have selected.

But Amulek stretched forth his hand, and cried the mightier unto them, saying: O ye wicked and perverse generation, why hath Satan got such great hold upon your hearts? Why will ye yield yourselves unto him that he may have power over you, to blind your eyes, that ye will not understand the words which are spoken, according to their truth?

For behold, have I testified against your law? Ye do not understand; ye say that I have spoken against your law; but I have not, but I have spoken in favor of your law, to your condemnation.

- 27 Và này giờ đây tôi nói cho các người hay rằng, nền tảng của sự hủy diệt của dân này đang bắt đầu được xây dựng bởi sự bất chính của các luật gia và các phán quan của các người.
- 28 Và giờ đây chuyện rằng, khi A Mu Léc nói xong những lời ấy, dân chúng lại la lên phản đối ông rằng: Giờ đây chúng ta biết người này là con của quỷ dữ, vì hắn đã nói dối chúng ta; vì hắn đã nói lời chống báng luật pháp của chúng ta. Vậy mà hắn lại bảo hắn không chống báng luật pháp của chúng ta.
- 29 Và lại nữa, hắn còn thóa mạ các luật gia và các phán quan của chúng ta.
- 30 Và chuyện rằng, các luật gia đã gieo vào lòng dân chúng ý nghĩ họ phải ghi nhớ những điều này để chống lại ông.
- 31 Và trong đám này có một người tên là Giê Rôm. Bấy giờ hắn là người đứng đầu trong việc buộc tội A Mu Léc và An Ma, vì hắn là một người thành thạo nhất trong đám và có nhiều việc giao dịch với dân chúng.
- 32 Bấy giờ mục đích của các luật gia này là trục lợi; và họ thủ lợi tùy theo việc làm của họ.

And now behold, I say unto you, that the foundation of the destruction of this people is beginning to be laid by the unrighteousness of your lawyers and your judges.

And now it came to pass that when Amulek had spoken these words the people cried out against him, saying: Now we know that this man is a child of the devil, for he hath lied unto us; for he hath spoken against our law. And now he says that he has not spoken against it.

And again, he has reviled against our lawyers, and our judges.

And it came to pass that the lawyers put it into their hearts that they should remember these things against him.

And there was one among them whose name was Zeezrom. Now he was the foremost to accuse Amulek and Alma, he being one of the most expert among them, having much business to do among the people.

Now the object of these lawyers was to get gain; and they got gain according to their employ.



## An Ma 11

- 1 Giờ đây, trong luật pháp của Mô Si A có nói rằng, mỗi vị phán quan của luật pháp, hay là những người được chỉ định giữ chức xét xử, đều được lãnh một số tiền thù lao tùy theo thời gian họ lao nhọc để xét xử những người bị dẫn đến trước mặt mình để được xét xử.
- 2 Bây giờ nếu có một người mắc nợ một người khác nhưng không trả món nợ mình đã mắc thì y bị thưa kiện tới vị phán quan; và vị phán quan sẽ dùng uy quyền của mình sai cảnh lại đi áp giải người này lại trước mặt mình; rồi vị phán quan xét xử người này theo luật pháp và những chứng cứ buộc tội y, và như vậy là người này bị buộc phải trả lại những gì y đã mắc, nếu không, sẽ bị tịch thu của cải hay bị trục xuất khỏi dân chúng, chẳng khác chi một kẻ cắp hay một tên cướp vậy.
- 3 Và vị phán quan nhận tiền thù lao tùy theo thời gian làm việc của mình—một sê nin vàng một ngày, hay một sê num bạc, tương đương với một sê nin vàng; và điều này căn cứ theo luật pháp đã được ban hành.
- 4 Sau đây là tên các bản vị vàng và bạc tính theo giá trị khác nhau của chúng. Và những tên gọi này là do dân Nê Phi đặt ra, vì họ không tính theo cách thức của người Do Thái ở Giê Ru Sa Lem; họ cũng không đo lường theo cách của người Do Thái; nhưng họ lại thay đổi phép tính và cách đo lường tùy theo ý muốn và hoàn cảnh của người dân trong mỗi thế hệ, cho đến thời chế độ các phán quan thì đã được vua Mô Si A ban hành.
- 5 Bây giờ cách tính toán của họ được ấn định như sau: sê nin vàng, sê ôn vàng, sum vàng, và lim na vàng.
- 6 Sê num bạc, am no bạc, e rom bạc, và ôn ti bạc.
- 7 Một sê num bạc tương đương với một sê nin vàng, và cũng tương đương với một giạ lúa đại mạch hay các ngũ cốc khác.
- 8 Bây giờ giá trị của một sê ôn vàng bằng hai sê nin.
- 9 Và giá trị một sum vàng bằng hai sê ôn.

## Alma 11

Now it was in the law of Mosiah that every man who was a judge of the law, or those who were appointed to be judges, should receive wages according to the time which they labored to judge those who were brought before them to be judged.

Now if a man owed another, and he would not pay that which he did owe, he was complained of to the judge; and the judge executed authority, and sent forth officers that the man should be brought before him; and he judged the man according to the law and the evidences which were brought against him, and thus the man was compelled to pay that which he owed, or be stripped, or be cast out from among the people as a thief and a robber.

And the judge received for his wages according to his time—a senine of gold for a day, or a senum of silver, which is equal to a senine of gold; and this is according to the law which was given.

Now these are the names of the different pieces of their gold, and of their silver, according to their value. And the names are given by the Nephites, for they did not reckon after the manner of the Jews who were at Jerusalem; neither did they measure after the manner of the Jews; but they altered their reckoning and their measure, according to the minds and the circumstances of the people, in every generation, until the reign of the judges, they having been established by king Mosiah.

Now the reckoning is thus—a senine of gold, a seon of gold, a shum of gold, and a limnah of gold.

A senum of silver, an amnor of silver, an ezrom of silver, and an onti of silver.

A senum of silver was equal to a senine of gold, and either for a measure of barley, and also for a measure of every kind of grain.

Now the amount of a seon of gold was twice the value of a senine.

And a shum of gold was twice the value of a seon.

- 10 Và một lim na vàng giá trị bằng tất cả những thứ kia góp lại. And a limnah of gold was the value of them all.
- 11 Và một am no bạc bằng hai sê num. And an amnor of silver was as great as two senums.
- 12 Và một e rom bạc bằng bốn sê num. And an ezrom of silver was as great as four senums.
- 13 Và một ôn ti thì lớn bằng tất cả những thứ kia gom lại. And an onti was as great as them all.
- 14 Bây giờ, sau đây là giá trị của những bản vị nhỏ hơn trong phép tính của họ— Now this is the value of the lesser numbers of their reckoning—
- 15 Một síp lon giá trị bằng nửa sê num; vậy nên, một síp lon giá trị chỉ bằng nửa giạ lúa đại mạch. A shiblon is half of a senum; therefore, a shiblon for half a measure of barley.
- 16 Và một síp lum bằng nửa síp lon. And a shiblum is a half of a shiblon.
- 17 Và một lê a bằng nửa síp lum. And a leah is the half of a shiblum.
- 18 Bây giờ là trị số theo cách tính toán của họ. Now this is their number, according to their reckoning.
- 19 Một an ti ôn vàng bằng ba síp lon. Now an antion of gold is equal to three shiblons.
- 20 Bây giờ đó là mục đích duy nhất để trục lợi, vì họ nhận tiền thù lao tùy theo công việc mình làm, vậy nên họ xúi giục dân chúng nổi lên bạo động, và làm tất cả mọi cách thức gây rối và độc ác để họ có nhiều công việc làm, ngõ hầu họ có thể kiếm được nhiều tiền nhờ những vụ kiện tụng được mang ra xét xử trước mặt họ; vì thế mà họ xúi giục dân chúng chống đối An Ma và A Mu Léc. Now, it was for the sole purpose to get gain, because they received their wages according to their employ, therefore, they did stir up the people to riotings, and all manner of disturbances and wickedness, that they might have more employ, that they might get money according to the suits which were brought before them; therefore they did stir up the people against Alma and Amulek.
- 21 Và gã Giê Rôm này bắt đầu hạch hỏi A Mu Léc rằng: Ông có chịu trả lời mấy câu tôi sắp hỏi ông đây không? Bây giờ Giê Rôm là một người rất lão luyện về các mưu mô của quỷ dữ để hắn có thể hủy hoại những điều thiện; vì thế hắn mới nói với A Mu Léc rằng: Ông có chịu trả lời những câu tôi sắp hỏi đây không? And this Zeezrom began to question Amulek, saying: Will ye answer me a few questions which I shall ask you? Now Zeezrom was a man who was expert in the devices of the devil, that he might destroy that which was good; therefore, he said unto Amulek: Will ye answer the questions which I shall put unto you?
- 22 Và A Mu Léc trả lời hắn rằng: Có, nếu điều hợp ý với Thánh Linh của Chúa hằng có trong ta; vì ta sẽ không nói điều gì trái với Thánh Linh của Chúa. Và Giê Rôm nói với ông rằng: Đây, đây là sáu ôn ti bạc, và tôi sẽ biếu ông hết số bạc này nếu ông chịu phủ nhận sự hiện hữu của Đấng Tối Cao. And Amulek said unto him: Yea, if it be according to the Spirit of the Lord, which is in me; for I shall say nothing which is contrary to the Spirit of the Lord. And Zeezrom said unto him: Behold, here are six onties of silver, and all these will I give thee if thou wilt deny the existence of a Supreme Being.
- 23 Bây giờ A Mu Léc đáp lại rằng: Hỡi đứa con của ngục giới, sao người lại cám dỗ ta? Người có biết rằng những người ngay chính không nhượng bộ những sự cám dỗ như vậy không? Now Amulek said: O thou child of hell, why tempt ye me? Knowest thou that the righteous yieldeth to no such temptations?

24 Người có tin rằng không có Thượng Đế không? Ta nói cho người hay: Không, người biết có một Thượng Đế, nhưng người lại yêu chuộng lợi lộc hơn yêu kính Ngài.

25 Và giờ đây, người nói dối với ta trước mặt Thượng Đế. Người bảo rằng: Xem đây sáu ôn ti bạc, một số tiền rất lớn tôi sẽ tặng ông. Nhưng trong thâm tâm người, người đâu có muốn cho ta; người chỉ có một ý muốn duy nhất là ta sẽ chối bỏ Đấng Thượng Đế chân thật và hằng sống, để người có lý do hủy diệt ta. Và giờ đây này, vì sự tà ác lớn lao đó, người sẽ nhận lãnh phần thưởng của mình.

26 Và Giê Rôm nói với ông: Ông bảo rằng có một Đấng Thượng Đế chân thật và hằng sống phải không?

27 Và A Mu Léc đáp lại: Phải, có một Đấng Thượng Đế chân thật và hằng sống.

28 Thế rồi Giê Rôm nói: Có nhiều hơn một Thượng Đế không?

29 Và ông đáp: Không.

30 Thế rồi Giê Rôm lại hỏi ông: Làm sao ông biết được những điều này?

31 Và ông đáp lại: Một thiên sứ đã cho ta biết những điều này.

32 Và Giê Rôm lại hỏi thêm: Đấng sẽ đến là ai? Có phải Vị Nam Tử của Thượng Đế không?

33 Và ông đáp: Phải.

34 Và Giê Rôm lại hỏi: Phải chăng Ngài sẽ giải cứu dân của Ngài trong tội lỗi của họ? A Mu Léc bèn đáp lời và nói với hán rằng: Ta nói cho người hay, Ngài sẽ không làm vậy, vì Ngài không thể chối bỏ lời nói của Ngài được.

35 Thế rồi, Giê Rôm nói với dân chúng rằng: Đồng bào hãy chú tâm ghi nhớ những điều này, vì ông ta bảo chỉ có một Thượng Đế; vậy mà ông ta lại còn bảo Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ đến, nhưng sẽ không cứu dân Ngài—chẳng khác chi ông ta có quyền sai khiến Thượng Đế vậy.

36 Thế rồi, A Mu Léc lại bảo với Giê Rôm rằng: Nay, người đã nói dối, vì người bảo rằng ta nói như thể ta có quyền sai khiến Thượng Đế vì ta bảo là Ngài sẽ không giải cứu dân Ngài trong tội lỗi của họ.

Believest thou that there is no God? I say unto you, Nay, thou knowest that there is a God, but thou lovest that lucre more than him.

And now thou hast lied before God unto me. Thou saidst unto me—Behold these six onties, which are of great worth, I will give unto thee—when thou hadst it in thy heart to retain them from me; and it was only thy desire that I should deny the true and living God, that thou mightest have cause to destroy me. And now behold, for this great evil thou shalt have thy reward.

And Zeezrom said unto him: Thou sayest there is a true and living God?

And Amulek said: Yea, there is a true and living God.

Now Zeezrom said: Is there more than one God?

And he answered, No.

Now Zeezrom said unto him again: How knowest thou these things?

And he said: An angel hath made them known unto me.

And Zeezrom said again: Who is he that shall come? Is it the Son of God?

And he said unto him, Yea.

And Zeezrom said again: Shall he save his people in their sins? And Amulek answered and said unto him: I say unto you he shall not, for it is impossible for him to deny his word.

Now Zeezrom said unto the people: See that ye remember these things; for he said there is but one God; yet he saith that the Son of God shall come, but he shall not save his people—as though he had authority to command God.

Now Amulek saith again unto him: Behold thou hast lied, for thou sayest that I spake as though I had authority to command God because I said he shall not save his people in their sins.

37 Và ta nói lại cho người hay rằng: Ngài không thể cứu họ trong tội lỗi của họ; vì ta không thể chối bỏ lời của Ngài được, và Ngài có phán rằng: Không một vật gì ô uế có thể thừa hưởng vương quốc thiên thượng; như vậy thì các người làm sao có thể được giải cứu nếu các người không thừa hưởng được vương quốc thiên thượng? Vậy nên, các người không được giải cứu khi đang còn ở trong tội lỗi của mình.

38 Thế rồi Giê Rôm lại hỏi ông: Có phải Vị Nam Tử của Thượng Đế chính là Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu không?

39 Và A Mu Léc nói với hắn rằng: Phải, Ngài chính là Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu của cả trời đất cùng tất cả vạn vật trong ấy; Ngài là ban đầu và cuối cùng, đầu tiên và cuối cùng;

40 Và Ngài sẽ xuống thế gian để cứu chuộc dân Ngài; và Ngài sẽ tự nhận lấy tất cả những sự phạm giới của những ai tin nơi danh Ngài; và những người đó sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu, và sự cứu rỗi sẽ không đến với ai khác.

41 Vậy nên, những kẻ độc ác sẽ bị giữ nguyên tình trạng cũ, như không có sự cứu chuộc nào xảy ra cả, ngoại trừ việc những dây trói buộc của sự chết sẽ được cởi bỏ; vì này, khi ngày đó đến, tất cả mọi người đều sẽ sống lại từ cõi chết và đứng trước mặt Thượng Đế, để được phán xét tùy theo việc làm của mình.

42 Này, có một cái chết được mệnh danh là cái chết thể chất; và cái chết của Đấng Kỳ Tô sẽ cởi bỏ những dây trói buộc của cái chết thể chất này, để mọi người có thể sống lại từ cái chết thể chất này.

43 Linh hồn và thể xác sẽ được kết hợp lại trong hình thể toàn hảo của nó; tất cả tứ chi và khớp xương sẽ trở lại hình thể nguyên vẹn của nó chẳng khác chi chúng ta hiện đang sống bây giờ; và chúng ta sẽ được dẫn đến đứng trước mặt Thượng Đế với sự hiểu biết như chúng ta biết hiện giờ, và có một trí nhớ minh mẫn về tất cả những tội lỗi mình đã phạm.

And I say unto you again that he cannot save them in their sins; for I cannot deny his word, and he hath said that no unclean thing can inherit the kingdom of heaven; therefore, how can ye be saved, except ye inherit the kingdom of heaven? Therefore, ye cannot be saved in your sins.

Now Zeezrom saith again unto him: Is the Son of God the very Eternal Father?

And Amulek said unto him: Yea, he is the very Eternal Father of heaven and of earth, and all things which in them are; he is the beginning and the end, the first and the last;

And he shall come into the world to redeem his people; and he shall take upon him the transgressions of those who believe on his name; and these are they that shall have eternal life, and salvation cometh to none else.

Therefore the wicked remain as though there had been no redemption made, except it be the loosing of the bands of death; for behold, the day cometh that all shall rise from the dead and stand before God, and be judged according to their works.

Now, there is a death which is called a temporal death; and the death of Christ shall loose the bands of this temporal death, that all shall be raised from this temporal death.

The spirit and the body shall be reunited again in its perfect form; both limb and joint shall be restored to its proper frame, even as we now are at this time; and we shall be brought to stand before God, knowing even as we know now, and have a bright recollection of all our guilt.

44      Này, sự phục hồi này sẽ đến với tất cả mọi người, cả già lẫn trẻ, cả nô lệ lẫn tự do, cả nam lẫn nữ, cả người ngay chính lẫn người tà ác; và sẽ không có một sợi tóc nào trên đầu họ bị mất đi; trái lại tất cả mọi thứ sẽ được hoàn lại hình thể toàn hảo của nó như trong thể xác hiện giờ, và sẽ được dẫn tới và trình diện trước rào phán xét của Đấng Kỳ Tô Đức Chúa Con, cùng Thượng Đế Đức Chúa Cha, và Đức Thánh Linh, mà cả ba Đấng cùng là một Đấng Thượng Đế Vĩnh Cửu, để được xét xử tùy theo những việc làm của mình, dù cho những việc làm đó thiện hay ác.

45      Giờ đây này, tôi đã nói với các người về cái chết của thể xác hữu diệt và luôn cả về sự phục sinh của thể xác hữu diệt nữa. Tôi nói cho các người hay rằng, thể xác hữu diệt này sẽ được sống lại trở thành thể xác bất diệt, nghĩa là từ cái chết, hay là từ cái chết đầu tiên đến sự sống, để họ không thể chết được nữa; linh hồn sẽ kết hợp lại với thể xác để không bao giờ bị tách lìa nữa; và do đó trọn thể xác và linh hồn sẽ trở thành thuộc linh và bất diệt, để họ không còn bị hư rã nữa.

46      Giờ đây, khi A Mu Léc dứt lời, thì dân chúng lại bắt đầu ngạc nhiên, và Giê Rôm cũng bắt đầu run sợ. Và những lời nói của A Mu Léc đã chấm dứt như vậy, hay đây là tất cả những gì tôi đã ghi chép.

Now, this restoration shall come to all, both old and young, both bond and free, both male and female, both the wicked and the righteous; and even there shall not so much as a hair of their heads be lost; but every thing shall be restored to its perfect frame, as it is now, or in the body, and shall be brought and be arraigned before the bar of Christ the Son, and God the Father, and the Holy Spirit, which is one Eternal God, to be judged according to their works, whether they be good or whether they be evil.

Now, behold, I have spoken unto you concerning the death of the mortal body, and also concerning the resurrection of the mortal body. I say unto you that this mortal body is raised to an immortal body, that is from death, even from the first death unto life, that they can die no more; their spirits uniting with their bodies, never to be divided; thus the whole becoming spiritual and immortal, that they can no more see corruption.

Now, when Amulek had finished these words the people began again to be astonished, and also Zeezrom began to tremble. And thus ended the words of Amulek, or this is all that I have written.

## An Ma 12

- 1 Giờ đây, An Ma thấy rằng những lời nói của A Mu Léc đã làm cho Giê Rôm phải nín lặng, vì ông thấy A Mu Léc đã bắt được sự dối trá và lừa gạt của hắn để hủy diệt ông và khi thấy hắn bắt đầu run sợ vì ý thức được những tội lỗi của mình, ông bèn mở miệng bắt đầu nói với hắn, và đồng thời xác nhận những lời nói của A Mu Léc, cùng giải thích các sự việc, hay để diễn giải các thánh thư một cách sâu rộng hơn những lời A Mu Léc đã nói.
- 2 Giờ đây những lời An Ma nói với Giê Rôm đều được đám dân chúng đang đứng chung quanh nghe rõ hết; vì dân chúng tụ lại rất đông, và ông đã nói như vậy:
- 3 Giờ đây Giê Rôm, người thấy rằng người đã bị bắt quả tang khi nói những lời gian dối đầy quỷ kế của người, vì không những người chỉ dối trá với loài người mà người còn dối trá cả với Thượng Đế nữa; vì này, Ngài biết tất cả tư tưởng của người, và người cũng thấy rằng, Thánh Linh của Ngài đã tiết lộ những tư tưởng của người cho chúng ta biết;
- 4 Và người cũng thấy rằng, chúng ta biết rằng kế hoạch của người là một kế hoạch hết sức tinh xảo dựa trên sự tinh xảo của quỷ dữ, vì người nói dối và gạt gẫm dân này để người xúi giục họ chống lại chúng ta khiến họ thóa mạ và xua đuổi chúng ta—
- 5 Đây, đây là kế hoạch của kẻ thù nghịch của người, và nó đã tác động quyền năng của nó trong người. Giờ đây ta mong người hãy nhớ rằng những gì ta nói với người là ta nói với tất cả mọi người.
- 6 Và này, tôi nói cho tất cả mọi người hay rằng, đó là một chiếc bẫy của kẻ thù nghịch đang giương ra để sập bắt dân này, để nó bắt các người phải thần phục nó, để nó trói buộc các người vào xiềng xích của nó, khiến nó có thể xiềng xích các người vào sự hủy diệt vĩnh viễn, dưới quyền năng giam cầm của nó.

## Alma 12

Now Alma, seeing that the words of Amulek had silenced Zeezrom, for he beheld that Amulek had caught him in his lying and deceiving to destroy him, and seeing that he began to tremble under a consciousness of his guilt, he opened his mouth and began to speak unto him, and to establish the words of Amulek, and to explain things beyond, or to unfold the scriptures beyond that which Amulek had done.

Now the words that Alma spake unto Zeezrom were heard by the people round about; for the multitude was great, and he spake on this wise:

Now Zeezrom, seeing that thou hast been taken in thy lying and craftiness, for thou hast not lied unto men only but thou hast lied unto God; for behold, he knows all thy thoughts, and thou seest that thy thoughts are made known unto us by his Spirit;

And thou seest that we know that thy plan was a very subtle plan, as to the subtlety of the devil, for to lie and to deceive this people that thou mightest set them against us, to revile us and to cast us out—

Now this was a plan of thine adversary, and he hath exercised his power in thee. Now I would that ye should remember that what I say unto thee I say unto all.

And behold I say unto you all that this was a snare of the adversary, which he has laid to catch this people, that he might bring you into subjection unto him, that he might encircle you about with his chains, that he might chain you down to everlasting destruction, according to the power of his captivity.

- 7 Giờ đây khi An Ma nói xong những lời này, thì Giê Rôm bắt đầu run rẩy hơn, vì càng lúc hắn càng bị quyền năng của Thượng Đế khuất phục; và hắn cũng nhận biết rằng, cả An Ma lẫn A Mu Léc đều hiểu rõ hắn, vì hắn nhận thấy rằng họ đã biết rõ những tư tưởng và ý định trong thâm tâm hắn; vì họ đã được ban cho quyền năng để có thể biết được những điều này theo tinh thần tiên tri.
- 8 Và Giê Rôm bắt đầu hỏi họ một cách sốt sắng để được biết thêm về vương quốc của Thượng Đế. Và hắn hỏi An Ma rằng: Khi nói về sự phục sinh của người chết, A Mu Léc có nói rằng tất cả mọi người đều sống lại từ cõi chết, cả người biện minh lẫn người không thể biện bạch, và được dẫn đến đứng trước mặt Thượng Đế để được xét xử theo việc làm của mình, điều này có ý nghĩa gì?
- 9 Và thế rồi An Ma bắt đầu giải nghĩa những điều này cho hắn nghe mà rằng: Nhiều người được tiết lộ cho biết những điều kín nhiệm của Thượng Đế, nhưng họ nhận được lệnh rất nghiêm khắc là chỉ được tiết lộ một phần những lời Ngài đã ban phát cho con cái loài người, tùy theo sự chú tâm và cẩn mẫn của họ đối với Ngài.
- 10 Và vì thế, kẻ nào chai đá trong lòng chỉ nhận được một phần nhỏ lời của Thượng Đế, còn kẻ nào không chai đá trong lòng thì sẽ được ban cho phần lớn lời của Ngài, cho đến khi kẻ ấy được ban cho để biết được những điều kín nhiệm của Thượng Đế cho đến khi kẻ ấy biết những điều này một cách đầy đủ.
- 11 Và những người chai đá trong lòng thì được ban cho một phần nhỏ lời của Thượng Đế cho đến khi họ không còn hiểu được chút gì về những sự kín nhiệm của Ngài; và rồi họ bị quỷ dữ bắt cầm tù, và bị sai khiến theo ý muốn của nó cho đến khi phải bị hủy diệt. Nay, đây là những điều người ta thường ám chỉ là xiềng xích của ngục giới.
- 12 Và A Mu Léc đã nói rõ về sự chết, và việc được sống lại từ trạng thái hữu diệt này sang trạng thái bất diệt, và việc được dẫn đến trước rào phán xét của Thượng Đế để được xét xử tùy theo những việc làm của mình.

Now when Alma had spoken these words, Zeezrom began to tremble more exceedingly, for he was convinced more and more of the power of God; and he was also convinced that Alma and Amulek had a knowledge of him, for he was convinced that they knew the thoughts and intents of his heart; for power was given unto them that they might know of these things according to the spirit of prophecy.

And Zeezrom began to inquire of them diligently, that he might know more concerning the kingdom of God. And he said unto Alma: What does this mean which Amulek hath spoken concerning the resurrection of the dead, that all shall rise from the dead, both the just and the unjust, and are brought to stand before God to be judged according to their works?

And now Alma began to expound these things unto him, saying: It is given unto many to know the mysteries of God; nevertheless they are laid under a strict command that they shall not impart only according to the portion of his word which he doth grant unto the children of men, according to the heed and diligence which they give unto him.

And therefore, he that will harden his heart, the same receiveth the lesser portion of the word; and he that will not harden his heart, to him is given the greater portion of the word, until it is given unto him to know the mysteries of God until he know them in full.

And they that will harden their hearts, to them is given the lesser portion of the word until they know nothing concerning his mysteries; and then they are taken captive by the devil, and led by his will down to destruction. Now this is what is meant by the chains of hell.

And Amulek hath spoken plainly concerning death, and being raised from this mortality to a state of immortality, and being brought before the bar of God, to be judged according to our works.

13 Rồi nếu lòng chúng ta đã bị chai đá, phải, nếu chúng ta đã chai đá trong lòng mà chống lại lời của Thượng Đế đến đời vẫn không tìm thấy lời của Ngài trong chúng ta, thì đó là lúc trạng thái của chúng ta sẽ thật khủng khiếp, vì lúc đó chúng ta sẽ bị kết tội.

14 Vì lời nói của chúng ta sẽ kết tội chúng ta, phải, tất cả những việc làm của chúng ta sẽ kết tội chúng ta; chúng ta sẽ không được xem như là không tì vết; và tư tưởng của chúng ta cũng sẽ kết tội chúng ta; và trong trạng thái đáng sợ này, chúng ta sẽ không dám ngước mặt lên nhìn Thượng Đế của mình; mà chúng ta sẽ vui mừng nếu chúng ta có thể khiến cho đá và núi đổ lên chúng ta để che giấu chúng ta khỏi sự hiện diện của Ngài.

15 Nhưng điều này không thể có được; chúng ta vẫn phải bước ra đứng trước mặt Ngài, trong sự vinh quang, quyền năng, mãnh lực, vẻ uy nghiêm, và quyền thống trị của Ngài; và chúng ta phải thừa nhận trong sự hổ thẹn vĩnh viễn của chúng ta rằng, tất cả sự phán xét của Ngài đều công bình; Ngài công bình trong mọi việc làm của Ngài, và Ngài rất thương xót con cái loài người, Ngài có đủ quyền năng để cứu vớt những ai tin nơi danh Ngài và đem lại thành quả xứng đáng đối với sự hối cải.

16 Và giờ đây này, tôi nói cho các người hay, đó là lúc cái chết xảy đến, đó là cái chết thứ hai, tức là cái chết thuộc linh; đó là lúc mà những kẻ nào đã chết trong tội lỗi của mình đối với cái chết thể chất, thì cũng sẽ phải hứng chịu cái chết thuộc linh nữa; phải, họ sẽ chết đối với những gì có liên quan tới sự ngay chính.

17 Đó là lúc mà những cực hình của họ sẽ là hồ lửa với diêm sinh, mà ngọn của nó cứ dâng lên mãi mãi và đời đời; và đó là lúc mà họ bị xiềng xích trói chặt vào sự hủy diệt vĩnh viễn dưới quyền năng và sự giam cầm của quỷ Sa Tan, sau khi nó thống trị họ tùy ý thích của nó.

18 Rồi lúc đó, tôi nói cho các người hay, họ sẽ ở trong tình trạng như chưa bao giờ có sự cứu chuộc được thực hiện; vì họ không thể được cứu chuộc theo công lý của Thượng Đế; và họ cũng không thể chết được, vì chẳng còn sự hư rã nữa.

Then if our hearts have been hardened, yea, if we have hardened our hearts against the word, inso-much that it has not been found in us, then will our state be awful, for then we shall be condemned.

For our words will condemn us, yea, all our works will condemn us; we shall not be found spotless; and our thoughts will also condemn us; and in this awful state we shall not dare to look up to our God; and we would fain be glad if we could command the rocks and the mountains to fall upon us to hide us from his presence.

But this cannot be; we must come forth and stand before him in his glory, and in his power, and in his might, majesty, and dominion, and acknowledge to our everlasting shame that all his judgments are just; that he is just in all his works, and that he is merciful unto the children of men, and that he has all power to save every man that believeth on his name and bringeth forth fruit meet for repentance.

And now behold, I say unto you then cometh a death, even a second death, which is a spiritual death; then is a time that whosoever dieth in his sins, as to a temporal death, shall also die a spiritual death; yea, he shall die as to things pertaining unto righteousness.

Then is the time when their torments shall be as a lake of fire and brimstone, whose flame ascendeth up forever and ever; and then is the time that they shall be chained down to an everlasting destruction, according to the power and captivity of Satan, he having subjected them according to his will.

Then, I say unto you, they shall be as though there had been no redemption made; for they cannot be redeemed according to God's justice; and they cannot die, seeing there is no more corruption.



- 19 Giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma dứt lời, dân chúng bắt đầu kinh ngạc hơn nữa.
- 20 Nhưng có một người tên là An Tô Na, là một lãnh tụ giữa họ, tiến lên hỏi An Ma rằng: Ông vừa nói rằng loài người sẽ sống lại từ cõi chết và được thay đổi từ trạng thái hữu diệt này qua trạng thái bất diệt, và linh hồn không bao giờ có thể chết được, điều này có nghĩa gì?
- 21 Đoạn thánh thư sau đây có nghĩa gì khi nói rằng Thượng Đế đặt các thần Chê Ru Bin với gươm lửa chói lòa trấn giữ phía đông vườn Ê Đen để cho thủy tổ chúng ta không thể vào được mà ăn trái cây sự sống để sống mãi mãi? Và do đó chúng tôi thấy rằng, họ không thể có cơ hội để sống mãi mãi được.
- 22 Thế rồi An Ma đáp lời hắn rằng: Đây là điều mà tôi sắp giải thích. Chúng ta đã biết là A Đam sa ngã vì đã ăn trái cấm, theo lời của Thượng Đế; và do đó chúng ta thấy rằng, vì sự sa ngã của ông nên tất cả nhân loại trở thành một dân tộc lạc lối và sa ngã.
- 23 Và giờ đây này, tôi nói cho các người hay rằng, nếu lúc ấy A Đam có thể ăn trái cây sự sống thì sẽ không có sự chết xảy ra, và lời của Thượng Đế đã trở thành vô hiệu lực, và làm cho Thượng Đế trở thành kẻ nói dối, vì Ngài đã phán rằng: Nếu người ăn thì chắc chắn người sẽ chết.
- 24 Và chúng ta thấy rằng: Cái chết đã đến với nhân loại, phải, cái chết mà A Mu Léc đã nói là cái chết thể chất; tuy nhiên, phải có một kỳ hạn dành cho loài người để họ có thể hối cải; vậy nên, cuộc đời này trở thành một trạng thái thử thách, một thời gian chuẩn bị để gặp Thượng Đế; một thời gian chuẩn bị cho trạng thái bất tận mà chúng tôi đã nói đến, đó là trạng thái sau sự phục sinh của người chết.
- 25 Nay, nếu không có kế hoạch cứu chuộc được trừ liệu từ lúc thế gian mới được tạo dựng, thì sẽ chẳng có sự phục sinh của người chết; nhưng một kế hoạch cứu chuộc đã được trừ liệu, và kế hoạch này sẽ mang lại sự phục sinh cho người chết, như đã được nói đến.

Now it came to pass that when Alma had made an end of speaking these words, the people began to be more astonished;

But there was one Antionah, who was a chief ruler among them, came forth and said unto him: What is this that thou hast said, that man should rise from the dead and be changed from this mortal to an immortal state, that the soul can never die?

What does the scripture mean, which saith that God placed cherubim and a flaming sword on the east of the garden of Eden, lest our first parents should enter and partake of the fruit of the tree of life, and live forever? And thus we see that there was no possible chance that they should live forever.

Now Alma said unto him: This is the thing which I was about to explain. Now we see that Adam did fall by the partaking of the forbidden fruit, according to the word of God; and thus we see, that by his fall, all mankind became a lost and fallen people.

And now behold, I say unto you that if it had been possible for Adam to have partaken of the fruit of the tree of life at that time, there would have been no death, and the word would have been void, making God a liar, for he said: If thou eat thou shalt surely die.

And we see that death comes upon mankind, yea, the death which has been spoken of by Amulek, which is the temporal death; nevertheless there was a space granted unto man in which he might repent; therefore this life became a probationary state; a time to prepare to meet God; a time to prepare for that endless state which has been spoken of by us, which is after the resurrection of the dead.

Now, if it had not been for the plan of redemption, which was laid from the foundation of the world, there could have been no resurrection of the dead; but there was a plan of redemption laid, which shall bring to pass the resurrection of the dead, of which has been spoken.

26 Và giờ đây này, nếu ngày xưa thủy tổ chúng ta ăn trái cây sự sống thì họ đã khổ sở mãi mãi, vì không có trạng thái chuẩn bị; và như vậy thì kế hoạch cứu chuộc đã bị thất bại, và lời của Thượng Đế đã trở thành vô ích, không có hiệu lực gì.

27 Nhưng này, sự việc đã không xảy ra như vậy; trái lại loài người đã được ấn định phải chết; và sau cái chết họ phải bị phán xét, đó chính là sự phán xét mà chúng tôi đã nói tới, đó là lúc chung cuộc.

28 Và sau khi Thượng Đế đã ấn định những sự việc này phải xảy đến với loài người, thì này, Ngài lại thấy rằng, điều thích đáng cho loài người là họ phải được cho biết về những điều Ngài đã ấn định cho họ.

29 Vậy nên, Ngài đã phái các thiên sứ đến nói chuyện cùng họ, và các vị này đã làm cho loài người nhìn thấy sự vinh quang của Ngài.

30 Và từ đó họ bắt đầu cầu gọi đến danh Ngài; vậy nên Thượng Đế đã nói chuyện với loài người và tiết lộ cho họ biết kế hoạch cứu chuộc là kế hoạch đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng; và Ngài tiết lộ cho họ biết điều đó tùy theo đức tin, sự hối cải, và những việc làm thánh thiện của họ.

31 Vậy nên, Ngài ban cho loài người những lệnh truyền, vì loài người đã phạm những lệnh truyền thứ nhất có liên quan tới những sự việc thế tục, và đã trở thành như các vị Chúa, biết phân biệt thiện ác, tự đặt mình vào trạng thái chủ động, hay là đã được đặt vào trạng thái để hành động tùy theo sở thích và ý muốn của mình, dù để làm điều thiện hay điều ác—

32 Vậy nên Thượng Đế đã ban cho họ những lệnh truyền sau khi đã cho họ biết kế hoạch cứu chuộc, để họ đừng làm điều ác, vì sự trừng phạt sẽ là cái chết thứ hai, là cái chết vĩnh viễn đối với những gì có liên quan tới sự ngay chính; vì đối với những người này, kế hoạch cứu chuộc sẽ không có quyền năng gì hết, vì những việc làm công lý không thể bị hủy diệt được, thể theo lòng nhân từ cao cả của Thượng Đế.

And now behold, if it were possible that our first parents could have gone forth and partaken of the tree of life they would have been forever miserable, having no preparatory state; and thus the plan of redemption would have been frustrated, and the word of God would have been void, taking none effect.

But behold, it was not so; but it was appointed unto men that they must die; and after death, they must come to judgment, even that same judgment of which we have spoken, which is the end.

And after God had appointed that these things should come unto man, behold, then he saw that it was expedient that man should know concerning the things whereof he had appointed unto them;

Therefore he sent angels to converse with them, who caused men to behold of his glory.

And they began from that time forth to call on his name; therefore God conversed with men, and made known unto them the plan of redemption, which had been prepared from the foundation of the world; and this he made known unto them according to their faith and repentance and their holy works.

Wherefore, he gave commandments unto men, they having first transgressed the first commandments as to things which were temporal, and becoming as gods, knowing good from evil, placing themselves in a state to act, or being placed in a state to act according to their wills and pleasures, whether to do evil or to do good—

Therefore God gave unto them commandments, after having made known unto them the plan of redemption, that they should not do evil, the penalty thereof being a second death, which was an everlasting death as to things pertaining unto righteousness; for on such the plan of redemption could have no power, for the works of justice could not be destroyed, according to the supreme goodness of God.

- 33 Nhưng Thượng Đế đã kêu gọi loài người trong danh Vị Nam Tử của Ngài, (điều này nằm trong kế hoạch cứu chuộc đã được dự trù) với lời rằng: Nếu các người hối cải, và không chai đá trong lòng thì ta sẽ thương xót các người qua Con Độc Sinh của ta;
- 34 Vậy nên, bất cứ kẻ nào hối cải và không chai đá trong lòng đều sẽ có quyền hưởng được sự thương xót qua Con Độc Sinh của ta, để được xá miễn các tội lỗi của mình; và những kẻ này sẽ được bước vào chốn an nghỉ của ta.
- 35 Và bất cứ kẻ nào chai đá trong lòng và phạm điều bất chính, này, ta thề trong cơn thịnh nộ của ta rằng, kẻ đó sẽ không được bước vào chốn an nghỉ của ta.
- 36 Và giờ đây, hỡi đồng bào, này tôi nói cho các người hay rằng, nếu các người chai đá trong lòng thì các người sẽ không được bước vào chốn an nghỉ của Chúa; vậy nên sự bất chính của các người sẽ khiêu khích Ngài, khiến Ngài phải trút cơn thịnh nộ của Ngài xuống các người như lần khiêu khích đầu tiên, phải, theo lời của Ngài thì lần khiêu khích sau cùng cũng như lần khiêu khích đầu tiên, đều đưa lại sự hủy diệt vĩnh viễn cho linh hồn các người; vậy nên, theo lời của Ngài thì cái chết sau cùng cũng không khác chi cái chết đầu tiên.
- 37 Và giờ đây, hỡi đồng bào, một khi chúng ta đã biết được những điều này, và những điều này có thật, chúng ta hãy hối cải và chớ nên chai đá trong lòng, để chúng ta không khiêu khích Chúa, Thượng Đế của chúng ta, trút cơn thịnh nộ của Ngài xuống chúng ta, theo những lệnh truyền lần thứ hai mà Ngài đã ban cho chúng ta đây; nhưng chúng ta hãy bước vào chốn an nghỉ của Thượng Đế, là nơi đã được chuẩn bị theo như lời Ngài phán.

But God did call on men, in the name of his Son, (this being the plan of redemption which was laid) saying: If ye will repent, and harden not your hearts, then will I have mercy upon you, through mine Only Begotten Son;

Therefore, whosoever repenteth, and hardeneth not his heart, he shall have claim on mercy through mine Only Begotten Son, unto a remission of his sins; and these shall enter into my rest.

And whosoever will harden his heart and will do iniquity, behold, I swear in my wrath that he shall not enter into my rest.

And now, my brethren, behold I say unto you, that if ye will harden your hearts ye shall not enter into the rest of the Lord; therefore your iniquity provoketh him that he sendeth down his wrath upon you as in the first provocation, yea, according to his word in the last provocation as well as the first, to the everlasting destruction of your souls; therefore, according to his word, unto the last death, as well as the first.

And now, my brethren, seeing we know these things, and they are true, let us repent, and harden not our hearts, that we provoke not the Lord our God to pull down his wrath upon us in these his second commandments which he has given unto us; but let us enter into the rest of God, which is prepared according to his word.

## An Ma 13

- 1 Và lại nữa, hỡi đồng bào, tôi muốn nhắc nhở cho các người nhớ lại thời kỳ Đức Chúa Trời ban những lệnh truyền này cho con cái của Ngài. Và tôi muốn các người nhớ rằng Đức Chúa Trời đã sắc phong các thầy tư tế theo thánh ban của Ngài, mà đó cũng là theo thánh ban của Vị Nam Tử của Ngài, để giảng dạy những điều này cho dân chúng.
- 2 Và những thầy tư tế đó được sắc phong theo ban của Vị Nam Tử của Ngài, trong một cách thức mà nhờ đó dân chúng có thể biết được cách nào để trông đợi Vị Nam Tử của Ngài cho sự cứu chuộc.
- 3 Và đây là cách thức mà họ được sắc phong—họ đã được kêu gọi và chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng theo sự hiểu biết trước của Thượng Đế, nhờ họ có đức tin mãnh liệt và những việc làm tốt lành; thoạt tiên họ được tự do lựa chọn điều thiện hay điều ác; vì họ đã chọn lựa điều thiện và thực hành một đức tin vô cùng mãnh liệt, nên họ được kêu gọi bằng ơn kêu gọi thánh, phải, ơn kêu gọi thánh ấy đã được chuẩn bị cùng với, và dựa trên sự cứu chuộc dự bị cho những người như thế.
- 4 Và nhờ đức tin mà họ được kêu gọi vào chức vụ thánh này, trong lúc có nhiều kẻ khác lại chối bỏ Thánh Linh của Thượng Đế vì lòng dạ họ chai đá và tâm trí họ đui mù, trong lúc đáng lẽ họ cũng được hưởng những đặc ân lớn lao như những người anh em này của mình nếu họ không làm như vậy.
- 5 Hay nói tóm lại, thoạt tiên họ cũng được ngang hàng với những người anh em này của mình, vì ơn kêu gọi thánh này đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng cho những ai không chai đá trong lòng, là ơn kêu gọi trong và qua sự chuộc tội của Con Độc Sinh là Đấng đã được chuẩn bị từ trước—
- 6 Và do đó họ được kêu gọi bởi ơn kêu gọi thánh này, và được sắc phong chức tư tế thượng phẩm theo thánh ban của Thượng Đế, để giảng dạy các lệnh truyền của Ngài cho con cái loài người, ngõ hầu họ cũng được bước vào chốn an nghỉ của Ngài—

## Alma 13

And again, my brethren, I would cite your minds forward to the time when the Lord God gave these commandments unto his children; and I would that ye should remember that the Lord God ordained priests, after his holy order, which was after the order of his Son, to teach these things unto the people.

And those priests were ordained after the order of his Son, in a manner that thereby the people might know in what manner to look forward to his Son for redemption.

And this is the manner after which they were ordained—being called and prepared from the foundation of the world according to the foreknowledge of God, on account of their exceeding faith and good works; in the first place being left to choose good or evil; therefore they having chosen good, and exercising exceedingly great faith, are called with a holy calling, yea, with that holy calling which was prepared with, and according to, a preparatory redemption for such.

And thus they have been called to this holy calling on account of their faith, while others would reject the Spirit of God on account of the hardness of their hearts and blindness of their minds, while, if it had not been for this they might have had as great privilege as their brethren.

Or in fine, in the first place they were on the same standing with their brethren; thus this holy calling being prepared from the foundation of the world for such as would not harden their hearts, being in and through the atonement of the Only Begotten Son, who was prepared—

And thus being called by this holy calling, and ordained unto the high priesthood of the holy order of God, to teach his commandments unto the children of men, that they also might enter into his rest—

- 7 Chức tư tế thượng phẩm này được lập theo ban của Vị Nam Tử của Ngài, là ban đã có từ lúc thế gian mới được tạo dựng, hay nói cách khác, đã có từ lúc không có ngày bắt đầu hay năm kết thúc, đã được chuẩn bị từ vĩnh cửu này tới suốt vĩnh cửu khác, theo sự hiểu biết trước của Ngài về mọi sự việc—
- 8 Bây giờ họ được sắc phong theo thể cách này—họ được kêu gọi bằng ơn kêu gọi thánh, được sắc phong bằng một giáo lễ thánh và tiếp nhận chức tư tế thượng phẩm thuộc thánh ban, mà ơn kêu gọi, giáo lễ và chức tư tế thượng phẩm này không có ban đầu hay cuối cùng—
- 9 Do đó mà họ trở thành các thầy tư tế thượng phẩm mãi mãi theo ban của Vị Nam Tử, Con Độc Sinh của Đức Chúa Cha, là Đấng không có ngày bắt đầu hay năm kết thúc, là Đấng đầy ân điển, công bình và lẽ thật. Và quả thật vậy. A Men.
- 10 Bây giờ, như tôi đã nói về thánh ban, hay là chức tư tế thượng phẩm này, nhiều người đã được sắc phong và trở thành các thầy tư tế thượng phẩm của Thượng Đế; và đó là nhờ đức tin mãnh liệt, sự biết hối cải và sự ngay chính của họ trước mặt Thượng Đế, vì họ chọn hối cải và làm điều ngay chính hơn là phải bị diệt vong;
- 11 Vậy nên họ được kêu gọi theo thánh ban này, và được thánh hóa, và y phục của họ được tẩy trắng nhờ máu của Chiên Con.
- 12 Thế rồi, sau khi họ được thánh hóa bởi Đức Thánh Linh, sau khi y phục họ được tẩy trắng, để trở nên tinh khiết và không tì vết trước mặt Thượng Đế, thì họ không còn nhìn tội lỗi nữa trừ phi với một cái nhìn đầy sự ghê tởm, và có một số rất đông, hết sức đông, đã được làm nên thanh khiết và được bước vào chốn an nghỉ của Chúa, Thượng Đế của họ.
- 13 Và giờ đây, hỡi đồng bào, tôi mong rằng các người sẽ biết hạ mình trước mặt Thượng Đế, và mang lại thành quả xứng đáng đối với sự hối cải, để các người cũng được bước vào chốn an nghỉ ấy.
- 14 Phải, hãy biết hạ mình như dân chúng dưới thời Mên Chi Xê Đéc, ông cũng là một thầy tư tế thượng phẩm theo cùng thánh ban mà tôi đã nói tới. Ông cũng đã nhận chức tư tế thượng phẩm này mãi mãi.

This high priesthood being after the order of his Son, which order was from the foundation of the world; or in other words, being without beginning of days or end of years, being prepared from eternity to all eternity, according to his foreknowledge of all things—

Now they were ordained after this manner—being called with a holy calling, and ordained with a holy ordinance, and taking upon them the high priesthood of the holy order, which calling, and ordinance, and high priesthood, is without beginning or end—

Thus they become high priests forever, after the order of the Son, the Only Begotten of the Father, who is without beginning of days or end of years, who is full of grace, equity, and truth. And thus it is. Amen.

Now, as I said concerning the holy order, or this high priesthood, there were many who were ordained and became high priests of God; and it was on account of their exceeding faith and repentance, and their righteousness before God, they choosing to repent and work righteousness rather than to perish;

Therefore they were called after this holy order, and were sanctified, and their garments were washed white through the blood of the Lamb.

Now they, after being sanctified by the Holy Ghost, having their garments made white, being pure and spotless before God, could not look upon sin save it were with abhorrence; and there were many, exceedingly great many, who were made pure and entered into the rest of the Lord their God.

And now, my brethren, I would that ye should humble yourselves before God, and bring forth fruit meet for repentance, that ye may also enter into that rest.

Yea, humble yourselves even as the people in the days of Melchizedek, who was also a high priest after this same order which I have spoken, who also took upon him the high priesthood forever.

15 Và đây cũng chính là vị Mên Chi Xê Đéc mà Áp Ra Ham đã đóng thập phân cho người; phải, ngay cả tổ phụ Áp Ra Ham của chúng ta cũng đã đóng thập phân từ một phần mười của tất cả những gì ông có.

16 Bây giờ những giáo lễ này đã được ban hành theo cách thức như vậy, để nhờ đó dân chúng có thể trông chờ Vị Nam Tử của Thượng Đế, vì đó là một biểu tượng của ban của Ngài, hay đó chính là thánh ban của Ngài, và điều này để họ có thể trông chờ Ngài cho sự xá miễn tội lỗi của họ, ngõ hầu họ có thể bước vào chốn an nghỉ của Chúa.

17 Bây giờ vị Mên Chi Xê Đéc này là vua xứ Sa Lem; và dân của ông đã đi sâu vào những điều bất chính và khả ô; phải, tất cả mọi người đều đi lạc hướng; họ đầy đầy mọi hành vi tà ác;

18 Nhưng Mên Chi Xê Đéc sau khi đã thực hành một đức tin mạnh mẽ và đã nhận được chức phẩm của chức tư tế thượng phẩm theo thánh ban của Thượng Đế, đã thuyết giảng sự hối cải cho dân mình. Và này, họ đã hối cải; và Mên Chi Xê Đéc trong thời ông đã thiết lập được sự bình an trong xứ; vậy nên, ông được mệnh danh là hoàng tử bình an, vì ông là vua của Sa Lem; và đã trị vì dưới quyền phụ thân ông.

19 Này, đã có nhiều người trước ông và cũng có nhiều người sau ông, nhưng không ai vĩ đại hơn ông, vì thế mà họ đã đặc biệt nhắc nhở đến ông rất nhiều.

20 Giờ đây tôi không cần phải lặp lại vấn đề này; những gì tôi đã nói cũng lấy làm đủ rồi. Này, thánh thư trước mặt các người đó, nếu các người muốn làm sai ý nghĩa của thánh thư thì đó chính là các người sẽ tự rước lấy sự hủy diệt vào thân vậy.

21 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma nói xong những lời này với họ, ông bèn đưa tay về phía họ và nói lớn lên với giọng mạnh mẽ rằng: Bây giờ là lúc để hối cải, vì ngày cứu rỗi đã gần kề.

22 Phải, và tiếng nói của Chúa do miệng các thiên sứ đã rao truyền điều đó cho mọi quốc gia hay; phải, điều đó đã được rao truyền để cho họ có được tin lành vui mừng lớn lao; phải, và Ngài làm vang dội những tin lành này cho tất cả dân của Ngài hay, phải, cho cả những người sống tản lạc các nơi trên mặt đất; vì thế mà tin lành đó đã đến với chúng ta.

And it was this same Melchizedek to whom Abraham paid tithes; yea, even our father Abraham paid tithes of one-tenth part of all he possessed.

Now these ordinances were given after this manner, that thereby the people might look forward on the Son of God, it being a type of his order, or it being his order, and this that they might look forward to him for a remission of their sins, that they might enter into the rest of the Lord.

Now this Melchizedek was a king over the land of Salem; and his people had waxed strong in iniquity and abomination; yea, they had all gone astray; they were full of all manner of wickedness;

But Melchizedek having exercised mighty faith, and received the office of the high priesthood according to the holy order of God, did preach repentance unto his people. And behold, they did repent; and Melchizedek did establish peace in the land in his days; therefore he was called the prince of peace, for he was the king of Salem; and he did reign under his father.

Now, there were many before him, and also there were many afterwards, but none were greater; therefore, of him they have more particularly made mention.

Now I need not rehearse the matter; what I have said may suffice. Behold, the scriptures are before you; if ye will wrest them it shall be to your own destruction.

And now it came to pass that when Alma had said these words unto them, he stretched forth his hand unto them and cried with a mighty voice, saying: Now is the time to repent, for the day of salvation draweth nigh;

Yea, and the voice of the Lord, by the mouth of angels, doth declare it unto all nations; yea, doth declare it, that they may have glad tidings of great joy; yea, and he doth sound these glad tidings among all his people, yea, even to them that are scattered abroad upon the face of the earth; wherefore they have come unto us.

- 23 Và tin lành ấy đã được loan báo cho chúng ta bằng những lời rất rõ ràng để chúng ta có thể hiểu, ngõ hầu chúng ta không thể sai lầm; và sở dĩ như vậy là vì chúng ta là những kẻ lang thang trên đất lạ; vậy nên, chúng ta quả là những người được ưu đãi lớn lao, vì tin lành này đã được rao truyền cho chúng ta trên khắp vườn nho của chúng ta.
- 24 Vì này, ngay trong lúc này, các thiên sứ đang rao truyền điều này cho nhiều người trong xứ chúng ta biết; và việc làm này có mục đích chuẩn bị tâm lòng con cái loài người sẵn sàng tiếp nhận lời của Ngài vào lúc Ngài xuất hiện trong sự vinh quang của Ngài.
- 25 Và giờ đây chúng ta chỉ còn trông đợi để nghe tin mừng về sự hiện đến của Ngài do miệng các thiên sứ truyền rao; vì chúng ta không biết sẽ còn bao lâu nữa mới đến lúc. Cầu xin Thượng Đế cho ngày ấy sẽ đến trong đời tôi; nhưng dù ngày ấy đến sớm hay muộn tôi cũng vui mừng.
- 26 Và lúc Ngài đến thì tin này sẽ được loan báo cho những người công minh và thánh thiện biết qua miệng các thiên sứ, để cho lời nói của tổ phụ chúng ta được ứng nghiệm, thể theo những điều họ đã nói về Ngài dựa theo tinh thần tiên tri hằng có trong họ.
- 27 Và giờ đây, hỡi đồng bào, từ trong thâm tâm tôi mong mỏi, phải, tôi mong mỏi với một nỗi lo lắng lớn lao gần như đau đớn, rằng đồng bào nên nghe theo lời của tôi mà từ bỏ các tội lỗi của mình, và chớ nên trì hoãn ngày hối cải của mình;
- 28 Song phải biết hạ mình trước mặt Chúa, cầu gọi đến thánh danh của Ngài, cảnh tỉnh và cầu nguyện luôn luôn để khỏi bị cám dỗ ngoài sức chịu đựng của mình, ngõ hầu được Đức Thánh Linh dẫn dắt để trở thành người khiêm nhường, nhu mì, phục tùng, kiên nhẫn, đầy tình thương yêu và nhịn nhục;
- 29 Có đức tin nơi Chúa, hy vọng rằng mình sẽ nhận được một cuộc sống vĩnh cửu và luôn luôn có sự mến yêu Thượng Đế trong lòng, để các người có thể được nâng cao vào ngày sau cùng và được bước vào chốn an nghỉ của Ngài.

And they are made known unto us in plain terms, that we may understand, that we cannot err; and this because of our being wanderers in a strange land; therefore, we are thus highly favored, for we have these glad tidings declared unto us in all parts of our vineyard.

For behold, angels are declaring it unto many at this time in our land; and this is for the purpose of preparing the hearts of the children of men to receive his word at the time of his coming in his glory.

And now we only wait to hear the joyful news declared unto us by the mouth of angels, of his coming; for the time cometh, we know not how soon. Would to God that it might be in my day; but let it be sooner or later, in it I will rejoice.

And it shall be made known unto just and holy men, by the mouth of angels, at the time of his coming, that the words of our fathers may be fulfilled, according to that which they have spoken concerning him, which was according to the spirit of prophecy which was in them.

And now, my brethren, I wish from the inmost part of my heart, yea, with great anxiety even unto pain, that ye would hearken unto my words, and cast off your sins, and not procrastinate the day of your repentance;

But that ye would humble yourselves before the Lord, and call on his holy name, and watch and pray continually, that ye may not be tempted above that which ye can bear, and thus be led by the Holy Spirit, becoming humble, meek, submissive, patient, full of love and all long-suffering;

Having faith on the Lord; having a hope that ye shall receive eternal life; having the love of God always in your hearts, that ye may be lifted up at the last day and enter into his rest.

30      Và cầu xin Chúa ban cho các người sự hối cải, để các người không chuốc lấy cơn thịnh nộ của Ngài vào mình, để các người không bị trói buộc xuống bằng xiềng xích của ngục giới, và khỏi phải chịu cái chết thứ hai.

31      Và An Ma còn nói nhiều điều khác nữa với dân chúng, nhưng không có ghi chép trong sách này.

And may the Lord grant unto you repentance, that ye may not bring down his wrath upon you, that ye may not be bound down by the chains of hell, that ye may not suffer the second death.

And Alma spake many more words unto the people, which are not written in this book.



## An Ma 14

- 1 Và chuyện rằng, sau khi ông dứt lời cùng dân chúng, thì có nhiều người tin theo lời nói của ông, và họ bắt đầu hối cải và tìm hiểu thánh thư.
- 2 Nhưng đa số dân chúng lại muốn hủy diệt An Ma và A Mu Léc, vì họ tức giận An Ma về những lời nói minh bạch mà ông đã nói với Giê Rôm; và họ còn nói rằng A Mu Léc đã nói dối với họ, đã nhục mạ pháp luật và chống báng các luật gia và các phán quan của họ.
- 3 Và họ cũng tức giận An Ma và A Mu Léc; và vì hai ông đã làm chứng quá rõ ràng về sự độc ác của họ, nên họ tìm cách thủ tiêu hai ông một cách bí mật.
- 4 Nhưng chuyện rằng, họ không làm như vậy mà lại bắt hai người trói lại bằng dây thừng rắn chắc, rồi dẫn hai người đến trước mặt vị trưởng phán quan trong xứ.
- 5 Và dân chúng đến đó làm chứng chống lại hai ông—họ làm chứng rằng hai ông đã nhục mạ luật pháp, các luật gia, các phán quan, và luôn cả mọi người dân trong xứ nữa; và hai ông cũng đã làm chứng rằng, chỉ có một Thượng Đế, và Ngài sẽ sai Vị Nam Tử của Ngài xuống cùng dân chúng, nhưng Ngài sẽ không cứu họ; và dân chúng còn làm chứng nhiều điều khác tương tự như vậy để chống lại An Ma và A Mu Léc. Bây giờ, chuyện đã xảy ra như vậy trước mặt vị trưởng phán quan trong xứ.
- 6 Và chuyện rằng, Giê Rôm cảm thấy ngạc nhiên về những lời dân chúng đã nói ra; Ông cũng nhận thức được trí óc mù quáng mà do những lời nói dối của ông đã gây ra cho dân chúng; và tâm hồn ông bắt đầu cảm thấy bứt rứt vì đã ý thức được tội lỗi của mình; phải, ông bắt đầu bị ám ảnh bởi những nỗi đau đớn của ngục giới.

## Alma 14

And it came to pass after he had made an end of speaking unto the people many of them did believe on his words, and began to repent, and to search the scriptures.

But the more part of them were desirous that they might destroy Alma and Amulek; for they were angry with Alma, because of the plainness of his words unto Zeezrom; and they also said that Amulek had lied unto them, and had reviled against their law and also against their lawyers and judges.

And they were also angry with Alma and Amulek; and because they had testified so plainly against their wickedness, they sought to put them away privily.

But it came to pass that they did not; but they took them and bound them with strong cords, and took them before the chief judge of the land.

And the people went forth and witnessed against them—testifying that they had reviled against the law, and their lawyers and judges of the land, and also of all the people that were in the land; and also testified that there was but one God, and that he should send his Son among the people, but he should not save them; and many such things did the people testify against Alma and Amulek. Now this was done before the chief judge of the land.

And it came to pass that Zeezrom was astonished at the words which had been spoken; and he also knew concerning the blindness of the minds, which he had caused among the people by his lying words; and his soul began to be harrowed up under a consciousness of his own guilt; yea, he began to be encircled about by the pains of hell.

- 7 Và chuyện rằng, ông bắt đầu kêu lên với dân chúng rằng: Nay, tôi là kẻ có tội, và hai người này là những người không tì vết trước mặt Thượng Đế. Rồi từ giờ phút ấy trở đi ông bắt đầu biện hộ cho hai người; nhưng, dân chúng chửi rủa ông mà rằng: Người cũng bị quỷ ám nữa hay sao? Và họ khạc nhổ vào ông, họ xua đuổi ông ra khỏi đám của họ, và còn xua đuổi luôn cả những người tin theo lời nói của An Ma và A Mu Léc nữa; và dân chúng xua đuổi họ đi và sai người theo ném đá vào họ.
- 8 Rồi dân chúng còn tập trung vợ con họ lại, và những ai tin hay đã được dạy để tin lời của Thượng Đế đều bị dân chúng bắt ném vào lửa, và họ còn đem các biên sử có chứa đựng các thánh thư mà ném vào lửa để đốt cháy và tiêu hủy hết.
- 9 Và chuyện rằng, họ bắt An Ma và A Mu Léc áp giải tới nơi tuấn đạo để hai ông chứng kiến cái chết của những người bị lửa thiêu.
- 10 Và khi A Mu Léc trông thấy những nỗi đau đớn của những người đàn bà và trẻ con đang bị lửa thiêu cháy, ông cũng thấy đau đớn như họ, ông bèn nói với An Ma rằng: Làm sao chúng ta có thể chứng kiến cảnh tượng kinh khiếp này được? Vậy chúng ta hãy dang tay ra và vận dụng quyền năng của Thượng Đế hằng có trong chúng ta mà cứu họ thoát khỏi ngọn lửa.
- 11 Nhưng An Ma bảo ông rằng: Thánh Linh ngăn cản tôi, không cho tôi dang tay ra; vì này, Chúa đón họ về với Ngài trong vinh quang, và Ngài chịu để cho dân chúng làm như vậy, nghĩa là dân chúng làm việc này cho họ, theo lòng dạ chai đá của mình, để cho những sự phán xét của Ngài giáng lên dân chúng trong cơn thịnh nộ của Ngài được công bình; và để cho máu của những kẻ vô tội sẽ lưu lại như một chứng cứ chống lại họ, phải, máu đó sẽ kêu gào mạnh mẽ chống lại họ vào ngày sau cùng.
- 12 Thế rồi, A Mu Léc bèn nói với An Ma rằng: Nay, có lẽ họ cũng sẽ thiêu luôn cả chúng ta nữa.
- 13 Và An Ma đáp lại rằng: Hãy để việc ấy xảy ra tùy theo ý muốn của Chúa. Nhưng này, công việc của chúng ta chưa hoàn tất, vậy họ không thiêu được chúng ta đâu.

And it came to pass that he began to cry unto the people, saying: Behold, I am guilty, and these men are spotless before God. And he began to plead for them from that time forth; but they reviled him, saying: Art thou also possessed with the devil? And they spit upon him, and cast him out from among them, and also all those who believed in the words which had been spoken by Alma and Amulek; and they cast them out, and sent men to cast stones at them.

And they brought their wives and children together, and whosoever believed or had been taught to believe in the word of God they caused that they should be cast into the fire; and they also brought forth their records which contained the holy scriptures, and cast them into the fire also, that they might be burned and destroyed by fire.

And it came to pass that they took Alma and Amulek, and carried them forth to the place of martyrdom, that they might witness the destruction of those who were consumed by fire.

And when Amulek saw the pains of the women and children who were consuming in the fire, he also was pained; and he said unto Alma: How can we witness this awful scene? Therefore let us stretch forth our hands, and exercise the power of God which is in us, and save them from the flames.

But Alma said unto him: The Spirit constraineth me that I must not stretch forth mine hand; for behold the Lord receiveth them up unto himself, in glory; and he doth suffer that they may do this thing, or that the people may do this thing unto them, according to the hardness of their hearts, that the judgments which he shall exercise upon them in his wrath may be just; and the blood of the innocent shall stand as a witness against them, yea, and cry mightily against them at the last day.

Now Amulek said unto Alma: Behold, perhaps they will burn us also.

And Alma said: Be it according to the will of the Lord. But, behold, our work is not finished; therefore they burn us not.

14 Giờ đây chuyện rằng, sau khi xác những người bị ném vào lửa bị cháy thiêu hết, và luôn cả các biên sử cũng cháy theo, thì vị trưởng phán quan trong xứ đến đứng trước mặt An Ma và A Mu Léc trong khi hai người vẫn còn bị trói, rồi hấn lấy tay tát vào má hai ông mà bảo rằng: Sau khi chứng kiến cảnh này, các người có còn dám thuyết giảng với dân này rằng họ sẽ bị ném vào hồ lửa với diêm sinh nữa không?

15 Nay, các người thấy rằng các người không có một quyền năng gì để giải cứu những người bị ném vào lửa cả, và luôn cả Thượng Đế nữa cũng không cứu được chúng dù chúng cũng có cùng tín ngưỡng với các người. Và viên phán quan này lại tát vào má hai ông nữa và hỏi rằng: Các người trả lời sao về việc này?

16 Bây giờ viên phán quan này là người theo lẽ lối và tín ngưỡng của Nê Hô là kẻ đã giết Ghê Đê Ôn.

17 Và chuyện rằng, An Ma và A Mu Léc đều không trả lời hấn một lời nào; hấn lại đánh hai ông và giao hai ông cho các cảnh lại đem nhốt vào nhà giam.

18 Và sau khi hai ông bị giam được ba ngày, thì có nhiều luật gia, phán quan, các thầy tư tế và thầy giảng có tín ngưỡng theo kiểu Nê Hô đến ngục thất tra hỏi hai ông nhiều điều; nhưng hai ông không trả lời gì hết.

19 Và chuyện rằng, viên phán quan đứng trước mặt hai ông mà nói rằng: Sao các người không trả lời những người này? Các người không biết là ta có quyền ném các người vào ngọn lửa hay sao? Rồi hấn ta truyền lệnh cho hai ông phải nói, nhưng hai ông vẫn không trả lời gì hết.

20 Và chuyện rằng, chúng bỏ đi, nhưng qua ngày hôm sau chúng lại đến; và viên phán quan cũng lại tát vào má hai ông. Và nhiều người khác cũng đến đánh hai ông mà bảo rằng: Các người còn dám phán đoán dân này cùng chỉ trích luật pháp của chúng ta nữa không? Nếu quả các người có quyền năng lớn lao như vậy, thì tại sao các người không tự giải cứu cho mình?

Now it came to pass that when the bodies of those who had been cast into the fire were consumed, and also the records which were cast in with them, the chief judge of the land came and stood before Alma and Amulek, as they were bound; and he smote them with his hand upon their cheeks, and said unto them: After what ye have seen, will ye preach again unto this people, that they shall be cast into a lake of fire and brimstone?

Behold, ye see that ye had not power to save those who had been cast into the fire; neither has God saved them because they were of thy faith. And the judge smote them again upon their cheeks, and asked: What say ye for yourselves?

Now this judge was after the order and faith of Nehor, who slew Gideon.

And it came to pass that Alma and Amulek answered him nothing; and he smote them again, and delivered them to the officers to be cast into prison.

And when they had been cast into prison three days, there came many lawyers, and judges, and priests, and teachers, who were of the profession of Nehor; and they came in unto the prison to see them, and they questioned them about many words; but they answered them nothing.

And it came to pass that the judge stood before them, and said: Why do ye not answer the words of this people? Know ye not that I have power to deliver you up unto the flames? And he commanded them to speak; but they answered nothing.

And it came to pass that they departed and went their ways, but came again on the morrow; and the judge also smote them again on their cheeks. And many came forth also, and smote them, saying: Will ye stand again and judge this people, and condemn our law? If ye have such great power why do ye not deliver yourselves?

- 21 Và chúng còn nói với hai ông nhiều điều khác tương tự như vậy. Chúng nghiền răng và khạc nhổ vào hai ông mà bảo rằng: Các người có biết chúng ta sẽ có bộ mặt như thế nào khi chúng ta bị đoán phạt không?
- 22 Và chúng còn nói với hai ông nhiều điều tương tự như vậy, phải, nhiều điều với luận điệu như vậy, để nhạo báng hai ông suốt nhiều ngày. Và chúng rút phần lương thực của hai ông để hai ông phải chịu đói, và không cho nước để hai ông phải chịu khát; chúng còn lấy hết áo quần của hai ông để hai ông phải chịu trần truồng; và hai ông bị trói như vậy bằng dây thừng rắn chắc và bị giam vào ngục thất.
- 23 Và chuyện rằng, sau khi hai ông đã chịu thống khổ như vậy nhiều ngày, (và hôm đó là ngày mười hai, tháng mười, năm thứ mười của chế độ các phán quan của dân Nê Phi) viên trưởng phán quan của xứ Am Mô Ni Ha cùng với nhiều thầy giảng và luật gia đi đến nhà giam nơi An Ma và A Mu Léc đang bị trói bằng dây thừng.
- 24 Rồi viên trưởng phán quan bước đến trước mặt hai ông và đánh hai ông, hấn bảo rằng: Nếu các người có quyền năng của Thượng Đế thì hãy tự cởi những dây trói này ra, và lúc đó chúng ta mới tin là Chúa sẽ hủy diệt dân này theo như lời các người nói.
- 25 Và chuyện rằng, tất cả bọn ấy lần lượt tiến tới đánh hai ông và nói những lời giống nhau cho đến người cuối cùng; và sau khi người cuối cùng vừa dứt lời thì quyền năng của Thượng Đế giáng trên An Ma và A Mu Léc khiến hai ông liền trỗi dậy và đứng thẳng người lên.
- 26 Rồi An Ma kêu to lên rằng: Chúng con phải còn chịu đựng những sự thống khổ lớn lao này trong bao lâu nữa, hỡi Chúa? Hỡi Chúa, xin Ngài ban cho chúng con sức mạnh thể theo đức tin của chúng con hằng có nơi Đấng Ky Tô, để chúng con được giải thoát. Và hai ông bèn bứt đứt hết các dây thừng đang trói; và khi những người chung quanh trông thấy như vậy, chúng bắt đầu chạy trốn, vì sợ sự hủy diệt đã đến với mình.

And many such things did they say unto them, gnashing their teeth upon them, and spitting upon them, and saying: How shall we look when we are damned?

And many such things, yea, all manner of such things did they say unto them; and thus they did mock them for many days. And they did withhold food from them that they might hunger, and water that they might thirst; and they also did take from them their clothes that they were naked; and thus they were bound with strong cords, and confined in prison.

And it came to pass after they had thus suffered for many days, (and it was on the twelfth day, in the tenth month, in the tenth year of the reign of the judges over the people of Nephi) that the chief judge over the land of Ammonihah and many of their teachers and their lawyers went in unto the prison where Alma and Amulek were bound with cords.

And the chief judge stood before them, and smote them again, and said unto them: If ye have the power of God deliver yourselves from these bands, and then we will believe that the Lord will destroy this people according to your words.

And it came to pass that they all went forth and smote them, saying the same words, even until the last; and when the last had spoken unto them the power of God was upon Alma and Amulek, and they rose and stood upon their feet.

And Alma cried, saying: How long shall we suffer these great afflictions, O Lord? O Lord, give us strength according to our faith which is in Christ, even unto deliverance. And they broke the cords with which they were bound; and when the people saw this, they began to flee, for the fear of destruction had come upon them.

27 Và chuyện rằng, sự sợ hãi của chúng quá lớn lao đến nỗi chúng ngã lăn ra đất, không còn chạy nổi tới cổng ngoài của nhà giam; và mặt đất rung chuyển mãnh liệt, và các bức tường nhà giam nứt làm đôi và đổ sụp xuống đất; và rồi viên trưởng phán quan, các luật gia, các thầy tư tế, các thầy giảng, là những kẻ đã đánh An Ma và A Mu Léc, đều bị giết chết bởi các bức tường đổ sụp đó.

28 Rồi An Ma và A Mu Léc bước ra khỏi nhà giam mà không hề hấn gì, vì Chúa đã ban cho họ quyền năng, thể theo đức tin của họ hằng có nơi Đấng Ky Tô. Và họ đi thẳng ra khỏi nhà giam. Các dây trói họ đều được cởi bỏ hết. Nhà giam đã sụp đổ xuống mặt đất, và mọi người bên trong các bức tường của nhà giam đều bị giết chết, ngoại trừ An Ma và A Mu Léc; và hai ông đã tiến thẳng vào thành phố.

29 Giờ đây khi dân chúng nghe tiếng động lớn bèn chạy đến để xem việc gì đã xảy ra; và khi thấy An Ma cùng A Mu Léc ra khỏi nhà giam, và các bức tường của nhà giam đã sụp đổ xuống đất, họ quá kinh hãi, cùng nhau chạy trốn khỏi An Ma và A Mu Léc, chẳng khác chi cừu mẹ cùng bầy chiên con chạy trốn khỏi hai sư tử; và họ quả đã chạy trốn khỏi An Ma và A Mu Léc như vậy.

And it came to pass that so great was their fear that they fell to the earth, and did not obtain the outer door of the prison; and the earth shook mightily, and the walls of the prison were rent in twain, so that they fell to the earth; and the chief judge, and the lawyers, and priests, and teachers, who smote upon Alma and Amulek, were slain by the fall thereof.

And Alma and Amulek came forth out of the prison, and they were not hurt; for the Lord had granted unto them power, according to their faith which was in Christ. And they straightway came forth out of the prison; and they were loosed from their bands; and the prison had fallen to the earth, and every soul within the walls thereof, save it were Alma and Amulek, was slain; and they straightway came forth into the city.

Now the people having heard a great noise came running together by multitudes to know the cause of it; and when they saw Alma and Amulek coming forth out of the prison, and the walls thereof had fallen to the earth, they were struck with great fear, and fled from the presence of Alma and Amulek even as a goat fleeth with her young from two lions; and thus they did flee from the presence of Alma and Amulek.

## An Ma 15

- 1 Và chuyện rằng, An Ma và A Mu Léc được truyền lệnh phải rời khỏi thành phố ấy; họ lên đường đến xứ Si Đôm. Và này, ở xứ đó, họ tìm thấy tất cả những người trước kia đã rời bỏ xứ Am Mô Ni Ha ra đi, là những người bị xua đuổi và bị ném đá vì đã tin theo những lời của An Ma.
- 2 Hai ông đã kể lại cho họ nghe tất cả những gì đã xảy ra cho vợ con họ và cho chính bản thân hai ông, và về quyền năng giải thoát của hai ông.
- 3 Và Giê Rôm cũng bị bệnh nằm ở Si Đôm, với cơn sốt dữ dội do bởi quá ưu sầu trong tâm trí về những hành vi độc ác của mình, vì ông tưởng rằng An Ma và A Mu Léc không còn nữa, và ông cho rằng họ đã bị giết chết vì sự bất chính của mình. Rồi tội lỗi tầy đình này cùng với nhiều tội lỗi khác đã ray rứt tâm trí ông khiến ông hết sức đau thương mà không có một lối nào thoát được; vậy nên ông bắt đầu bị một sức nóng hừng hực thiêu đốt.
- 4 Giờ đây, khi ông nghe tin An Ma và A Mu Léc đang ở trong xứ Si Đôm, lòng ông bắt đầu lấy lại can đảm; ông bèn cấp tốc gửi lời nhắn nhủ đến hai người, ước mong hai người đến thăm mình.
- 5 Và chuyện rằng, hai người liền lên đường đi ngay theo lời nhắn nhủ mời mọc của ông. Khi hai người vào nhà để gặp Giê Rôm, họ thấy ông đang nằm trên giường bệnh, hết sức mệt nhọc vì cơn sốt nặng; và tâm trí ông cũng hết sức sầu khổ vì những điều bất chính của mình. Khi trông thấy hai người, ông liền đưa tay ra khẩn cầu họ chữa cho ông khỏi bệnh.
- 6 Và chuyện rằng, An Ma cầm lấy tay ông mà hỏi rằng: Anh có tin quyền năng của Đấng Ky Tô đem lại sự cứu rỗi không?
- 7 Ông bèn đáp lời rằng: Vâng, tôi tin theo tất cả những lời ông đã dạy.
- 8 An Ma bèn nói: Nếu anh tin vào sự cứu chuộc của Đấng Ky Tô thì anh sẽ được chữa lành.
- 9 Ông bèn nói: Vâng, tôi tin theo những lời ông nói.

## Alma 15

And it came to pass that Alma and Amulek were commanded to depart out of that city; and they departed, and came out even into the land of Sidom; and behold, there they found all the people who had departed out of the land of Ammonihah, who had been cast out and stoned, because they believed in the words of Alma.

And they related unto them all that had happened unto their wives and children, and also concerning themselves, and of their power of deliverance.

And also Zeezrom lay sick at Sidom, with a burning fever, which was caused by the great tribulations of his mind on account of his wickedness, for he supposed that Alma and Amulek were no more; and he supposed that they had been slain because of his iniquity. And this great sin, and his many other sins, did harrow up his mind until it did become exceedingly sore, having no deliverance; therefore he began to be scorched with a burning heat.

Now, when he heard that Alma and Amulek were in the land of Sidom, his heart began to take courage; and he sent a message immediately unto them, desiring them to come unto him.

And it came to pass that they went immediately, obeying the message which he had sent unto them; and they went in unto the house unto Zeezrom; and they found him upon his bed, sick, being very low with a burning fever; and his mind also was exceedingly sore because of his iniquities; and when he saw them he stretched forth his hand, and besought them that they would heal him.

And it came to pass that Alma said unto him, taking him by the hand: Believest thou in the power of Christ unto salvation?

And he answered and said: Yea, I believe all the words that thou hast taught.

And Alma said: If thou believest in the redemption of Christ thou canst be healed.

And he said: Yea, I believe according to thy words.

- 10 Và thế rồi, An Ma kêu cầu Chúa mà rằng: Hỡi Chúa, Thượng Đế của chúng con, xin Ngài hãy thương xót cho người này, và xin Ngài chữa lành cho người này theo đức tin của mình nơi Đấng Ky Tô.
- 11 Và sau khi An Ma nói xong những lời này, Giê Rôm liền đứng lên và bắt đầu đi lại được; và việc này đã xảy ra trước sự ngạc nhiên vô cùng của tất cả mọi người; và tin này được loan truyền ra khắp xứ Si Đôm.
- 12 Rồi An Ma báp têm cho Giê Rôm trong Chúa; và từ đó trở đi ông ta bắt đầu thuyết giảng cho dân chúng.
- 13 Và An Ma thiết lập một giáo hội trong xứ Si Đôm, và lập lên các thầy tư tế và các thầy giảng trong xứ, để báp têm trong Chúa cho những ai muốn được báp têm.
- 14 Và chuyện rằng, số người này rất đông; họ lũ lượt kéo đến từ các miền phụ cận Si Đôm và được báp têm.
- 15 Nhưng về phần những người ở trong xứ Am Mô Ni Ha thì họ vẫn còn là những kẻ lòng dạ chai đá và cứng cổ; họ không biết hối cải những tội lỗi của mình, lại còn cho rằng, quyền năng của An Ma và A Mu Léc là do quỷ dữ; vì họ có tín ngưỡng theo kiểu Nê Hô, không tin vào sự hối cải các tội lỗi của mình.
- 16 Và chuyện rằng, An Ma cùng A Mu Léc, A Mu Léc là người đã vì lời của Thượng Đế mà bỏ hết tất cả vàng bạc và những vật quý giá của mình tại xứ Am Mô Ni Ha, nên ông bị những người từng là bạn bè của ông, và cả thân phụ và thân quyến của ông từ bỏ;
- 17 Vậy nên, sau khi An Ma thiết lập xong giáo hội ở Si Đôm, ông nhận thấy có một sự đình chỉ lớn lao, phải, ông thấy rằng, dân chúng đã bỏ tính kiêu căng trong lòng, bắt đầu biết hạ mình trước mặt Thượng Đế, và bắt đầu nhóm họp tại các thánh đường của mình để tôn thờ Thượng Đế trước bàn thờ, cảnh tỉnh và cầu nguyện luôn luôn, để họ có thể được giải thoát khỏi Sa Tan, khỏi sự chết, và khỏi sự hủy diệt—

And then Alma cried unto the Lord, saying: O Lord our God, have mercy on this man, and heal him according to his faith which is in Christ.

And when Alma had said these words, Zeezrom leaped upon his feet, and began to walk; and this was done to the great astonishment of all the people; and the knowledge of this went forth throughout all the land of Sidom.

And Alma baptized Zeezrom unto the Lord; and he began from that time forth to preach unto the people.

And Alma established a church in the land of Sidom, and consecrated priests and teachers in the land, to baptize unto the Lord whosoever were desirous to be baptized.

And it came to pass that they were many; for they did flock in from all the region round about Sidom, and were baptized.

But as to the people that were in the land of Ammonihah, they yet remained a hard-hearted and a stiffnecked people; and they repented not of their sins, ascribing all the power of Alma and Amulek to the devil; for they were of the profession of Nehor, and did not believe in the repentance of their sins.

And it came to pass that Alma and Amulek, Amulek having forsaken all his gold, and silver, and his precious things, which were in the land of Ammonihah, for the word of God, he being rejected by those who were once his friends and also by his father and his kindred;

Therefore, after Alma having established the church at Sidom, seeing a great check, yea, seeing that the people were checked as to the pride of their hearts, and began to humble themselves before God, and began to assemble themselves together at their sanctuaries to worship God before the altar, watching and praying continually, that they might be delivered from Satan, and from death, and from destruction—

18 Giờ đây như tôi vừa nói, sau khi An Ma trông thấy tất cả mọi sự việc này, ông bèn dẫn A Mu Léc về xứ Gia Ra Hem La, đem ông ta về nhà riêng của mình, và phục sự ông ta trong những lúc buồn khổ và làm cho ông ta vững mạnh trong Chúa.

19 Và như vậy là chấm dứt năm thứ mười của chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

Now as I said, Alma having seen all these things, therefore he took Amulek and came over to the land of Zarahemla, and took him to his own house, and did administer unto him in his tribulations, and strengthened him in the Lord.

And thus ended the tenth year of the reign of the judges over the people of Nephi.



## An Ma 16

- 1 Và chuyện rằng, vào ngày mồng năm tháng hai, năm thứ mười một dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, sau khi đã có nhiều sự bình an trong xứ Gia Ra Hem La, và không có một trận chiến hay một cuộc tranh chấp nào xảy ra trong suốt nhiều năm, cho mãi đến ngày mồng năm tháng hai, năm thứ mười một, thì tiếng gào thét chiến tranh lại nghe vang dội khắp xứ.
- 2 Vì này, những đạo quân của dân La Man đã từ vùng hoang dã vượt biên giới xâm nhập vào tận thành phố Am Mô Ni Ha, và bắt đầu đánh giết dân chúng và hủy diệt thành phố.
- 3 Và giờ đây chuyện rằng, trước khi dân Nê Phi có thể tổ chức được một đạo quân đầy đủ để đánh đuổi chúng ra khỏi xứ, thì chúng đã hủy diệt dân trong thành phố Am Mô Ni Ha, và giết luôn cả một số dân ở chung quanh biên giới Nô Ê, và bắt theo nhiều người khác đem vào vùng hoang dã.
- 4 Giờ đây chuyện rằng, dân Nê Phi muốn giải cứu những người bị chúng bắt đem vào vùng hoang dã.
- 5 Vậy nên, một người đã được cử lên làm tổng lãnh binh các đạo quân của dân Nê Phi, (tên ông là Giô Ram, và ông có hai người con trai, Lê Hi và A Ha)—bây giờ Giô Ram và hai con trai của ông biết An Ma là thầy tư tế thượng phẩm cai quản giáo hội, và có nghe rằng ông có tinh thần tiên tri, nên họ tìm đến ông để hỏi xem Chúa có muốn họ vào vùng hoang dã tìm các đồng bào của họ bị dân La Man bắt cầm tù chăng.
- 6 Và chuyện rằng, An Ma cầu vấn Chúa về vấn đề này. Và An Ma trở về nói cho họ hay rằng: Này, dân La Man sẽ vượt qua sông Si Đôn ở về phía nam vùng hoang dã, ở tận bên kia biên giới xứ Man Ti. Và này, các người sẽ gặp chúng ở phía đông sông Si Đôn, và tại đó, Chúa sẽ giao cho các người những đồng bào bị dân La Man bắt cầm tù.

## Alma 16

And it came to pass in the eleventh year of the reign of the judges over the people of Nephi, on the fifth day of the second month, there having been much peace in the land of Zarahemla, there having been no wars nor contentions for a certain number of years, even until the fifth day of the second month in the eleventh year, there was a cry of war heard throughout the land.

For behold, the armies of the Lamanites had come in upon the wilderness side, into the borders of the land, even into the city of Ammonihah, and began to slay the people and destroy the city.

And now it came to pass, before the Nephites could raise a sufficient army to drive them out of the land, they had destroyed the people who were in the city of Ammonihah, and also some around the borders of Noah, and taken others captive into the wilderness.

Now it came to pass that the Nephites were desirous to obtain those who had been carried away captive into the wilderness.

Therefore, he that had been appointed chief captain over the armies of the Nephites, (and his name was Zoram, and he had two sons, Lehi and Aha)—now Zoram and his two sons, knowing that Alma was high priest over the church, and having heard that he had the spirit of prophecy, therefore they went unto him and desired of him to know whither the Lord would that they should go into the wilderness in search of their brethren, who had been taken captive by the Lamanites.

And it came to pass that Alma inquired of the Lord concerning the matter. And Alma returned and said unto them: Behold, the Lamanites will cross the river Sidon in the south wilderness, away up beyond the borders of the land of Manti. And behold there shall ye meet them, on the east of the river Sidon, and there the Lord will deliver unto thee thy brethren who have been taken captive by the Lamanites.

- 7 Và chuyện rằng, Giô Ram cùng các con trai của ông dẫn theo các đạo quân của họ vượt qua sông Si Đôn, và tiến lên phía bên kia biên giới Man Ti, nằm trong vùng hoang dã ở về phía nam, tức là nằm bên hướng đông sông Si Đôn.
- 8 Và họ đã xông tới đánh các đạo quân của dân La Man khiến cho dân La Man phải bị phân tán và bị đẩy lui vào vùng hoang dã; rồi họ cứu các đồng bào của họ đã bị dân La Man bắt cầm tù, và những người bị bắt này không thiếu mất một người nào hết. Xong họ đem các đồng bào này trở về chiếm hữu lại những đất đai của mình.
- 9 Như vậy là năm thứ mười một dưới chế độ các phán quan đã chấm dứt, dân La Man bị đánh đuổi ra khỏi xứ, còn dân Am Mô Ni Ha thì bị hủy diệt; phải, dân Am Mô Ni Ha bị tận diệt không còn một người nào, và luôn cả thành phố vĩ đại của họ nữa, thành phố mà họ cho rằng vì quá to lớn nên Thượng Đế không thể nào hủy diệt được.
- 10 Nhưng này, chỉ trong một ngày mà thành phố ấy đã trở thành tiêu điều; còn những xác chết thì bị chó và thú rừng trong vùng hoang dã rĩa xé.
- 11 Tuy nhiên, nhiều ngày sau đó, các xác chết ấy cũng được người ta dọn đồng lại trên mặt đất và được lấp lại sơ sài. Và giờ đây mùi xú uế ở đó bốc ra quá nồng nặc, đến nỗi suốt nhiều năm dân chúng không dám đến xứ ấy để chiếm hữu xứ Am Mô Ni Ha. Và xứ ấy được gọi là Hoang Vu Nê Hô; vì những kẻ bị tàn sát là những người có tín ngưỡng theo kiểu Nê Hô, và đất đai của họ vẫn cứ tiêu điều.
- 12 Và dân La Man không còn trở lại gây chiến với dân Nê Phi nữa cho đến năm thứ mười bốn dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi. Và do đó trong suốt ba năm trời, dân Nê Phi được hưởng thái bình liên tục khắp trong xứ.
- 13 Và An Ma cùng A Mu Léc ra đi thuyết giảng sự hối cải cho dân chúng trong các đền thờ, các thánh đường và các nhà hội của họ, là những nơi được xây cất theo kiểu người Do Thái.
- 14 Họ liên tục chia sẻ lời của Thượng Đế cho tất cả những ai muốn nghe những lời giảng dạy của họ, và không phân biệt ai cả.

And it came to pass that Zoram and his sons crossed over the river Sidon, with their armies, and marched away beyond the borders of Manti into the south wilderness, which was on the east side of the river Sidon.

And they came upon the armies of the Lamanites, and the Lamanites were scattered and driven into the wilderness; and they took their brethren who had been taken captive by the Lamanites, and there was not one soul of them had been lost that were taken captive. And they were brought by their brethren to possess their own lands.

And thus ended the eleventh year of the judges, the Lamanites having been driven out of the land, and the people of Ammonihah were destroyed; yea, every living soul of the Ammonihahites was destroyed, and also their great city, which they said God could not destroy, because of its greatness.

But behold, in one day it was left desolate; and the carcasses were mangled by dogs and wild beasts of the wilderness.

Nevertheless, after many days their dead bodies were heaped up upon the face of the earth, and they were covered with a shallow covering. And now so great was the scent thereof that the people did not go in to possess the land of Ammonihah for many years. And it was called Desolation of Nehors; for they were of the profession of Nehor, who were slain; and their lands remained desolate.

And the Lamanites did not come again to war against the Nephites until the fourteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi. And thus for three years did the people of Nephi have continual peace in all the land.

And Alma and Amulek went forth preaching repentance to the people in their temples, and in their sanctuaries, and also in their synagogues, which were built after the manner of the Jews.

And as many as would hear their words, unto them they did impart the word of God, without any respect of persons, continually.

- 15 Và An Ma cùng với A Mu Léc đã ra đi thuyết giảng lời của Thượng Đế như vậy khắp nơi trong nước, và cũng có nhiều người khác nữa được chọn lựa để làm công việc này. Và việc thiết lập giáo hội trở nên lan rộng trên toàn xứ, đến tận khắp vùng bao quanh xứ trong khắp dân tộc Nê Phi.
- 16 Và giữa họ không có sự bất bình đẳng; Chúa đã trút Thánh Linh của Ngài xuống khắp xứ để chuẩn bị cho tâm trí con cái loài người, hay nói cách khác là chuẩn bị tâm lòng họ cho sẵn sàng để đón nhận những lời sẽ được đem ra giảng dạy cho họ khi Ngài hiện đến—
- 17 Để họ không chai đá đối với lời của Thượng Đế, để họ không trở nên những kẻ vô tín ngưỡng, khiến họ phải đi vào con đường hủy diệt, nhưng làm cho họ nhận được lời của Thượng Đế với sự vui mừng, và chẳng khác chi một cành cây được ghép vào cây nho thật, để họ có thể bước vào chôn an nghỉ của Chúa, Thượng Đế của họ.
- 18 Giờ đây, các thầy tư tế ấy đi khắp nơi trong dân chúng, thuyết giảng cho mọi người biết để chống lại mọi sự dối trá, lừa đảo, đồ kỵ, tranh chấp, hận thù, nhục mạ, trộm cắp, cướp bóc, cưỡng đoạt, sát nhân, ngoại tình, cùng mọi hình thức dâm dật khác. Họ kêu gọi mọi người chớ để cho những việc ấy xảy ra—
- 19 Và thuyết giảng về những việc sắp phải xảy ra; phải, họ thuyết giảng về sự hiện đến của Vị Nam Tử của Thượng Đế, cùng những nỗi thống khổ và cái chết của Ngài, và luôn cả sự phục sinh của người chết.
- 20 Và có nhiều người dân hỏi họ về nơi chôn mà Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ hiện đến; và họ được giảng dạy rằng Ngài sẽ hiện ra cho họ thấy sau khi Ngài phục sinh; và dân chúng đã đón nhận tin này với một niềm vui sướng lớn lao.
- 21 Và giờ đây, sau khi giáo hội được thiết lập khắp nơi trong xứ—sau khi đã chiến thắng quỷ dữ, và lời của Thượng Đế được đem ra thuyết giảng với tất cả sự tinh khiết của nó trên khắp lãnh thổ, và Chúa đã trút phước lành của Ngài lên dân chúng—như vậy là chấm dứt năm thứ mười bốn dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

And thus did Alma and Amulek go forth, and also many more who had been chosen for the work, to preach the word throughout all the land. And the establishment of the church became general throughout the land, in all the region round about, among all the people of the Nephites.

And there was no inequality among them; the Lord did pour out his Spirit on all the face of the land to prepare the minds of the children of men, or to prepare their hearts to receive the word which should be taught among them at the time of his coming—

That they might not be hardened against the word, that they might not be unbelieving, and go on to destruction, but that they might receive the word with joy, and as a branch be grafted into the true vine, that they might enter into the rest of the Lord their God.

Now those priests who did go forth among the people did preach against all lyings, and deceivings, and envyings, and strifes, and malice, and revilings, and stealing, robbing, plundering, murdering, committing adultery, and all manner of lasciviousness, crying that these things ought not so to be—

Holding forth things which must shortly come; yea, holding forth the coming of the Son of God, his sufferings and death, and also the resurrection of the dead.

And many of the people did inquire concerning the place where the Son of God should come; and they were taught that he would appear unto them after his resurrection; and this the people did hear with great joy and gladness.

And now after the church had been established throughout all the land—having got the victory over the devil, and the word of God being preached in its purity in all the land, and the Lord pouring out his blessings upon the people—thus ended the fourteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

Thiên ký thuật nói về các con trai của Mô Si A, là những người đã chối bỏ đặc quyền lên ngôi vua vì lời của Thượng Đế, và đã đi lên xứ Nê Phi để thuyết giảng cho dân La Man. Những nỗi khổ của họ và việc họ được giải thoát—theo biên sử của An Ma.

## An Ma 17

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, trong lúc An Ma đang trên đường từ xứ Ghê Đê Ôn đi về phía nam, để tới xứ Man Ti, này, ngạc nhiên thay, ông lại gặp các con trai của Mô Si A đang hành trình về hướng xứ Gia Ra Hem La.
- 2 Này, những con trai này của Mô Si A đã có mặt với An Ma vào lúc vị thiên sứ hiện đến cùng ông lần đầu tiên; vậy nên An Ma rất đỗi vui mừng khi được gặp lại những người anh em của mình; và điều đã làm tăng thêm sự vui mừng cho ông là khi thấy họ vẫn còn là những người anh em của ông trong Chúa; phải, và họ đã trở nên mạnh mẽ trong sự hiểu biết lẽ thật, vì họ là những người có một sự hiểu biết vững chắc và rất chuyên tâm tìm tòi thánh thư để có thể hiểu thấu được lời của Thượng Đế.
- 3 Nhưng như vậy chưa phải là hết; họ đã hết lòng cầu nguyện và nhịn ăn; vậy nên họ có được tinh thần tiên tri và tinh thần mặc khải, và khi giảng dạy, họ đã giảng dạy với quyền năng và thẩm quyền của Thượng Đế.
- 4 Và suốt thời gian mười bốn năm, họ đã giảng dạy cho dân La Man nghe lời của Thượng Đế, và đã thành công nhiều trong việc đem lại sự hiểu biết lẽ thật cho nhiều người; phải, nhờ quyền năng trong lời nói của họ khiến cho nhiều người được dẫn tới trước bàn thờ của Thượng Đế, để gọi lên danh Ngài cùng thú nhận những tội lỗi của mình trước mặt Ngài.
- 5 Này, đây là những cảnh ngộ đã xảy đến với họ trong cuộc hành trình, vì họ phải trải qua rất nhiều nỗi thống khổ; họ đã chịu khổ nhiều, cả thể xác lẫn tinh thần, như đói khát, mệt nhọc và lao tâm nhiều.

An account of the sons of Mosiah, who rejected their rights to the kingdom for the word of God, and went up to the land of Nephi to preach to the Lamanites; their sufferings and deliverance—according to the record of Alma.

## Alma 17

And now it came to pass that as Alma was journeying from the land of Gideon southward, away to the land of Manti, behold, to his astonishment, he met with the sons of Mosiah journeying towards the land of Zarahemla.

Now these sons of Mosiah were with Alma at the time the angel first appeared unto him; therefore Alma did rejoice exceedingly to see his brethren; and what added more to his joy, they were still his brethren in the Lord; yea, and they had waxed strong in the knowledge of the truth; for they were men of a sound understanding and they had searched the scriptures diligently, that they might know the word of God.

But this is not all; they had given themselves to much prayer, and fasting; therefore they had the spirit of prophecy, and the spirit of revelation, and when they taught, they taught with power and authority of God.

And they had been teaching the word of God for the space of fourteen years among the Lamanites, having had much success in bringing many to the knowledge of the truth; yea, by the power of their words many were brought before the altar of God, to call on his name and confess their sins before him.

Now these are the circumstances which attended them in their journeyings, for they had many afflictions; they did suffer much, both in body and in mind, such as hunger, thirst and fatigue, and also much labor in the spirit.

6      Này, đây là cuộc hành trình của họ: Sau khi từ già phụ thân là Mô Si A, vào năm thứ nhất của chế độ các phán quan; sau khi từ chối vương quốc mà vua cha muốn trao cho, và đó cũng là ý muốn của dân chúng nữa;

7      Tuy nhiên, họ đã ra đi khỏi xứ Gia Ra Hem La; và đem theo kiếm, lao, cung, tên và tròng ném đá; họ đã làm như vậy là để họ có thể tìm lấy thực phẩm cho mình khi ở trong vùng hoang dã.

8      Và như vậy họ đã ra đi vào vùng hoang dã cùng với một số người mà họ đã lựa chọn, để đi lên xứ Nê Phi thuyết giảng lời của Thượng Đế cho dân La Man.

9      Và chuyện rằng, họ đã hành trình nhiều ngày trong vùng hoang dã, và họ đã nhịn ăn và cầu nguyện rất nhiều để xin Chúa ban cho họ một phần Thánh Linh của Ngài đi theo họ và ở cùng họ, ngõ hầu họ có thể trở thành một công cụ trong tay Thượng Đế, để, nếu có thể được, dẫn dắt các đồng bào của họ là dân La Man đến sự hiểu biết lẽ thật và ý thức được sự xấu xa của những truyền thống của tổ phụ họ, là những truyền thống sai lầm.

10     Và chuyện rằng, Chúa đã đến viếng thăm họ bằng Thánh Linh của Ngài, và phán cùng họ rằng: Hãy vững lòng. Và họ được vững lòng.

11     Và Chúa còn phán bảo họ rằng: Hãy đến với dân La Man là đồng bào của các người, và thiết lập lời của ta; tuy nhiên các người phải biết kiên nhẫn trong sự nhịn nhục và trong những nỗi đau khổ, ngõ hầu các người có thể nêu lên cho chúng thấy những tấm gương tốt nơi ta; rồi ta sẽ làm cho các người trở thành những công cụ trong tay ta để đem lại sự cứu rỗi cho nhiều người.

12     Và chuyện rằng, các con trai của Mô Si A, cùng những người đi theo họ, thấy lòng mình trở nên can đảm để đi đến cùng dân La Man và rao truyền cho họ lời của Thượng Đế.

13     Và chuyện rằng, khi đến biên giới của xứ dân La Man, họ phân ra mỗi người đi một nơi, và đặt lòng tin cậy vào Chúa rằng họ sẽ được tái ngộ khi mùa gặt kết thúc, vì họ nghĩ rằng công việc mà họ đảm nhận rất lớn lao.

Now these were their journeyings: Having taken leave of their father, Mosiah, in the first year of the judges; having refused the kingdom which their father was desirous to confer upon them, and also this was the minds of the people;

Nevertheless they departed out of the land of Zarahemla, and took their swords, and their spears, and their bows, and their arrows, and their slings; and this they did that they might provide food for themselves while in the wilderness.

And thus they departed into the wilderness with their numbers which they had selected, to go up to the land of Nephi, to preach the word of God unto the Lamanites.

And it came to pass that they journeyed many days in the wilderness, and they fasted much and prayed much that the Lord would grant unto them a portion of his Spirit to go with them, and abide with them, that they might be an instrument in the hands of God to bring, if it were possible, their brethren, the Lamanites, to the knowledge of the truth, to the knowledge of the baseness of the traditions of their fathers, which were not correct.

And it came to pass that the Lord did visit them with his Spirit, and said unto them: Be comforted. And they were comforted.

And the Lord said unto them also: Go forth among the Lamanites, thy brethren, and establish my word; yet ye shall be patient in long-suffering and afflictions, that ye may show forth good examples unto them in me, and I will make an instrument of thee in my hands unto the salvation of many souls.

And it came to pass that the hearts of the sons of Mosiah, and also those who were with them, took courage to go forth unto the Lamanites to declare unto them the word of God.

And it came to pass when they had arrived in the borders of the land of the Lamanites, that they separated themselves and departed one from another, trusting in the Lord that they should meet again at the close of their harvest; for they supposed that great was the work which they had undertaken.

- 14 Và cố nhiên trọng trách đó thật là lớn lao, vì họ phải đảm nhận việc thuyết giảng lời của Thượng Đế cho một dân tộc man dã, chai đá và tàn bạo; một dân tộc lấy sự đánh giết dân Nê Phi và trộm cắp cùng cướp bóc của cải của họ làm thích thú; và lòng của chúng chỉ chú trọng đến của cải, vàng bạc cùng các bảo thạch; nhưng chúng muốn có được những vật đó bằng sự giết chóc và cướp bóc, hơn là chúng phải làm việc bằng tay chân của mình để có những vật ấy.
- 15 Vậy nên chúng là một dân tộc rất lười biếng, đa số tôn thờ hình tượng, và sự rửa sả của Thượng Đế đã giáng xuống đầu chúng cũng vì các truyền thống của tổ phụ chúng, mặc dù những lời hứa của Chúa cũng ban trả cho chúng với điều kiện là chúng phải biết hối cải.
- 16 Vậy nên, đó là lý do khiến các con trai của Mô Si A phải đảm nhận công việc ấy, với hy vọng họ có thể đem chúng đến sự hối cải, để may ra họ có thể mang chúng đến sự hiểu biết về kế hoạch cứu chuộc.
- 17 Vậy nên họ chia tay nhau mỗi người một ngã để đi đến với dân chúng, thể theo lời nói và quyền năng của Thượng Đế đã ban cho từng người.
- 18 Bây giờ, Am Môn là lãnh tụ của họ, hay nói cho đúng hơn ông là người phục sự họ; và ông đã rời khỏi họ sau khi ban phước cho họ tùy theo vị thế của mỗi người, và đã chia sẻ lời của Thượng Đế cùng họ, hay nói cách khác là đã phục sự họ trước khi ông lên đường; do đó mọi người đều đã đi theo lộ trình riêng của mình đến khắp nơi trong xứ.
- 19 Và Am Môn đi đến xứ Ích Ma Ên, xứ này được gọi theo tên các con trai của Ích Ma Ên, là những người cũng đã trở thành dân La Man.
- 20 Và khi Am Môn vừa vào xứ Ích Ma Ên, thì dân La Man liền bắt ông trói lại, vì theo phong tục của chúng thì bất cứ một người dân Nê Phi nào rơi vào tay chúng cũng đều bị chúng trói lại và áp giải đến trước mặt vua; và như vậy việc đó phó vào sự vui thích của nhà vua muốn giết họ, hay bắt họ làm phu tù hoặc bỏ họ vào ngục thất, hay đuổi họ ra khỏi xứ, tùy theo ý muốn và sự vui thích của vua.

And assuredly it was great, for they had undertaken to preach the word of God to a wild and a hardened and a ferocious people; a people who delighted in murdering the Nephites, and robbing and plundering them; and their hearts were set upon riches, or upon gold and silver, and precious stones; yet they sought to obtain these things by murdering and plundering, that they might not labor for them with their own hands.

Thus they were a very indolent people, many of whom did worship idols, and the curse of God had fallen upon them because of the traditions of their fathers; notwithstanding the promises of the Lord were extended unto them on the conditions of repentance.

Therefore, this was the cause for which the sons of Mosiah had undertaken the work, that perhaps they might bring them unto repentance; that perhaps they might bring them to know of the plan of redemption.

Therefore they separated themselves one from another, and went forth among them, every man alone, according to the word and power of God which was given unto him.

Now Ammon being the chief among them, or rather he did administer unto them, and he departed from them, after having blessed them according to their several stations, having imparted the word of God unto them, or administered unto them before his departure; and thus they took their several journeys throughout the land.

And Ammon went to the land of Ishmael, the land being called after the sons of Ishmael, who also became Lamanites.

And as Ammon entered the land of Ishmael, the Lamanites took him and bound him, as was their custom to bind all the Nephites who fell into their hands, and carry them before the king; and thus it was left to the pleasure of the king to slay them, or to retain them in captivity, or to cast them into prison, or to cast them out of his land, according to his will and pleasure.

- 21 Và vì vậy mà Am Môn bị áp giải đến trước mặt vua cai trị xứ Ích Ma Ên; và tên của vua là La Mô Ni, và vua là con cháu của Ích Ma Ên.
- 22 Và vua hỏi Am Môn có phải ông muốn được ở lại xứ này với dân La Man là dân của vua không.
- 23 Am Môn bèn tâu rằng: Muôn tâu bệ hạ, thần muốn ở lại một thời gian với dân này; phải, có lẽ cho đến ngày thần chết đi.
- 24 Và chuyện rằng, vua La Mô Ni rất có thiện cảm với Am Môn, nên ra lệnh cởi trói cho ông; và vua còn muốn cho Am Môn cưới một trong những người con gái của vua làm vợ.
- 25 Nhưng Am Môn nói với vua rằng: Không, muôn tâu bệ hạ, thần chỉ muốn làm tôi tớ cho bệ hạ. Vậy nên Am Môn trở thành tôi tớ của vua La Mô Ni. Và chuyện rằng, ông được giao cho việc chăm sóc các đàn gia súc của La Mô Ni cùng với các tôi tớ khác, theo như phong tục của dân La Man.
- 26 Và sau khi ông phục vụ vua được ba ngày, trong khi ông cùng các tôi tớ người La Man đang dẫn các đàn gia súc đến một suối nước gọi là suối Sê Bút; tất cả những người La Man cũng đều dẫn súc vật của mình đến đó cho uống nước—
- 27 Vậy nên, khi Am Môn cùng các tôi tớ của vua dẫn các đàn gia súc đến bên suối nước này, này, một số người La Man, cũng đang cho gia súc của chúng uống nước, đã đứng lên xua đuổi các đàn gia súc của Am Môn và các tôi tớ của vua, và chúng làm cho các đàn gia súc chạy tán loạn khắp nơi làm thất lạc rất nhiều.
- 28 Bây giờ các tôi tớ của vua nổi lên than oán mà rằng: Nay, vua sẽ giết chết chúng ta cũng như vua đã từng giết chết những người anh em của chúng ta vì gia súc của họ bị các người ác độc này làm tán lạc. Rồi họ nổi lên khóc lóc thảm thiết mà rằng: Nay, các đàn gia súc của chúng ta đã chạy tán loạn hết rồi.

And thus Ammon was carried before the king who was over the land of Ishmael; and his name was Lamoni; and he was a descendant of Ishmael.

And the king inquired of Ammon if it were his desire to dwell in the land among the Lamanites, or among his people.

And Ammon said unto him: Yea, I desire to dwell among this people for a time; yea, and perhaps until the day I die.

And it came to pass that king Lamoni was much pleased with Ammon, and caused that his bands should be loosed; and he would that Ammon should take one of his daughters to wife.

But Ammon said unto him: Nay, but I will be thy servant. Therefore Ammon became a servant to king Lamoni. And it came to pass that he was set among other servants to watch the flocks of Lamoni, according to the custom of the Lamanites.

And after he had been in the service of the king three days, as he was with the Lamanitish servants going forth with their flocks to the place of water, which was called the water of Sebus, and all the Lamanites drive their flocks hither, that they may have water—

Therefore, as Ammon and the servants of the king were driving forth their flocks to this place of water, behold, a certain number of the Lamanites, who had been with their flocks to water, stood and scattered the flocks of Ammon and the servants of the king, and they scattered them insomuch that they fled many ways.

Now the servants of the king began to murmur, saying: Now the king will slay us, as he has our brethren because their flocks were scattered by the wickedness of these men. And they began to weep exceedingly, saying: Behold, our flocks are scattered already.

- 29 Bây giờ, họ khóc than vì sợ bị giết chết. Nhưng riêng Am Môn khi thấy vậy ông lại vui mừng trong lòng; vì ông tự nhủ rằng: Ta có dịp chứng tỏ quyền năng của ta cho những người bạn tôi tớ của ta đây biết, đó là quyền năng hằng có trong ta, trong việc thu hồi lại được các đàn gia súc này cho vua, để ta có thể chiếm được cảm tình của những người bạn tôi tớ này và có thể làm cho họ tin vào những lời ta nói.
- 30 Và này, đây là những ý nghĩ của Am Môn khi ông thấy sự đau khổ của những người mà ông gọi là những người anh em của mình.
- 31 Và chuyện rằng, ông cất lời an ủi họ mà rằng: Hỡi các anh em, hãy vui lên, và chúng ta hãy cùng nhau đi tìm các đàn gia súc. Chúng ta sẽ gom chúng lại, đem chúng trở về nơi suối nước, như thế chúng ta sẽ bảo tồn được các đàn gia súc cho vua và vua sẽ không giết chết chúng ta.
- 32 Và chuyện rằng, họ cùng nhau đi tìm các đàn gia súc. Họ theo chân Am Môn và chạy rất mau, rồi họ chặn lại được các đàn gia súc của vua, gom chúng lại và dẫn chúng trở về bên suối nước.
- 33 Và những người lúc trước lại đứng chặn đường xua đuổi các đàn gia súc của họ; nhưng Am Môn nói với các anh em mình rằng: Các anh em hãy vây lấy các đàn gia súc để chúng khỏi chạy mất; còn phần tôi sẽ ra kháng cự những kẻ xua đuổi các đàn gia súc của chúng ta.
- 34 Vậy nên, họ làm theo lời Am Môn dặn, còn ông thì đến đối đầu với những người đang đứng bên suối Sê Bút, và bọn này không phải là ít.
- 35 Vậy nên chúng không sợ Am Môn, vì chúng nghĩ rằng, chỉ một người trong bọn chúng cũng đủ sức đánh chết Am Môn như chơi, vì chúng đâu biết Chúa đã hứa với Mô Si A là Ngài sẽ giải cứu cho các con trai của ông thoát khỏi bàn tay của chúng; vả lại, chúng cũng không biết gì về Chúa; vậy nên chúng thích hủy diệt đồng bào của mình; và cũng vì lẽ đó nên chúng cứ một mực xua đuổi các đàn gia súc của vua.

Now they wept because of the fear of being slain. Now when Ammon saw this his heart was swollen within him with joy; for, said he, I will show forth my power unto these my fellow-servants, or the power which is in me, in restoring these flocks unto the king, that I may win the hearts of these my fellow-servants, that I may lead them to believe in my words.

And now, these were the thoughts of Ammon, when he saw the afflictions of those whom he termed to be his brethren.

And it came to pass that he flattered them by his words, saying: My brethren, be of good cheer and let us go in search of the flocks, and we will gather them together and bring them back unto the place of water; and thus we will preserve the flocks unto the king and he will not slay us.

And it came to pass that they went in search of the flocks, and they did follow Ammon, and they rushed forth with much swiftness and did head the flocks of the king, and did gather them together again to the place of water.

And those men again stood to scatter their flocks; but Ammon said unto his brethren: Encircle the flocks round about that they flee not; and I go and contend with these men who do scatter our flocks.

Therefore, they did as Ammon commanded them, and he went forth and stood to contend with those who stood by the waters of Sebus; and they were in number not a few.

Therefore they did not fear Ammon, for they supposed that one of their men could slay him according to their pleasure, for they knew not that the Lord had promised Mosiah that he would deliver his sons out of their hands; neither did they know anything concerning the Lord; therefore they delighted in the destruction of their brethren; and for this cause they stood to scatter the flocks of the king.



36 Nhưng Am Môn đã tiến tới và bắt đầu ném đá qua bọn chúng bằng cái trành ném đá của mình; phải, với tất cả sức lực dũng mãnh của ông, ông ném đá vào bọn chúng và làm chết một số người khiến bọn chúng phải lấy làm ngạc nhiên về sức mạnh của ông; tuy vậy, chúng vẫn nổi giận vì cái chết của đồng bọn chúng, và chúng quyết định phải hạ ông cho được; vậy nên, khi thấy rằng mình không thể đả thương ông bằng đá được, chúng bèn cầm chùy xông đến giết ông.

37 Nhưng này, mỗi lần có người đưa cao chùy lên định đánh Am Môn, thì lại bị ông dùng gươm chém đứt cánh tay; vì ông đã đánh lại những đòn chùy của chúng bằng lưỡi gươm sắc bén của ông chém vào cánh tay chúng đến nỗi chúng phải lấy làm ngạc nhiên và chạy trốn; phải, bọn chúng không phải là ít, nhưng ông đã làm cho chúng phải chạy trốn vì sức mạnh của cánh tay ông.

38 Bây giờ có sáu người trong bọn chúng đã chết vì trành ném đá của ông, nhưng với lưỡi gươm ông chỉ giết chết có tên cầm đầu; và ông đã chém đứt cánh tay của tất cả những kẻ nào giơ lên chống lại ông, và những người này không phải là ít.

39 Và sau khi đã đánh đuổi bọn chúng đi xa rồi, ông quay trở về và cùng những người tôi tớ dẫn các đàn gia súc cho uống nước, và dẫn chúng trở về đồng cỏ của vua, và kể đó họ đến gặp vua, đem theo cánh tay của những kẻ muốn tìm cách sát hại Am Môn bị gươm của ông chém đứt; và họ đem những vật đó về cho vua thấy để làm chứng cho những việc họ đã làm.

But Ammon stood forth and began to cast stones at them with his sling; yea, with mighty power he did sling stones amongst them; and thus he slew a certain number of them insomuch that they began to be astonished at his power; nevertheless they were angry because of the slain of their brethren, and they were determined that he should fall; therefore, seeing that they could not hit him with their stones, they came forth with clubs to slay him.

But behold, every man that lifted his club to smite Ammon, he smote off their arms with his sword; for he did withstand their blows by smiting their arms with the edge of his sword, insomuch that they began to be astonished, and began to flee before him; yea, and they were not few in number; and he caused them to flee by the strength of his arm.

Now six of them had fallen by the sling, but he slew none save it were their leader with his sword; and he smote off as many of their arms as were lifted against him, and they were not a few.

And when he had driven them afar off, he returned and they watered their flocks and returned them to the pasture of the king, and then went in unto the king, bearing the arms which had been smitten off by the sword of Ammon, of those who sought to slay him; and they were carried in unto the king for a testimony of the things which they had done.

## An Ma 18

- 1 Và chuyện rằng, vua La Mô Ni cho gọi các tôi tớ của mình lại để họ đứng ra làm chứng về tất cả những điều họ đã được trông thấy về việc này.
- 2 Và khi họ làm chứng xong những điều gì họ đã thấy, và khi vua hiểu được lòng trung thành của Am Môn trong việc bảo tồn các đàn gia súc của mình, cùng sức mạnh phi thường của ông trong việc đánh lại những kẻ định giết ông, thì vua rất đỗi ngạc nhiên và bảo rằng: Quả thật, đây không phải là một người thường. Nay, phải chăng đây là Vị Thần Vĩ Đại đã giáng những sự trừng phạt lớn lao như vậy xuống cho dân này vì tội sát nhân của họ?
- 3 Và họ trả lời vua rằng: Ông ta có phải là Vị Thần Vĩ Đại hay chỉ là một người thường thì điều đó chúng tôi không biết, nhưng chúng tôi chỉ biết rằng, ông ta không thể bị những kẻ thù của bộ hạ sát hại được; và những kẻ ấy cũng không thể xua đuổi các đàn gia súc của bộ hạ được khi ông ta đi với chúng tôi, nhờ sự thiện nghệ và sức mạnh phi thường của ông ta; vậy nên chúng tôi biết rằng ông ta là bạn của bộ hạ. Và giờ đây, muôn tâu bộ hạ, chúng tôi không tin rằng một người thường lại có thể có quyền năng lớn lao như vậy, vì chúng tôi biết chắc rằng ông ta không thể bị giết chết được.
- 4 Và giờ đây, khi vua nghe nói những lời ấy, vua bèn bảo họ rằng: Nay, ta biết đây là Vị Thần Vĩ Đại; và Ngài hiện đến lúc này là để bảo tồn mạng sống của các người đó, để cho ta không thể giết chết các người như ta đã giết những người anh em của các người. Nay, đây là Vị Thần Vĩ Đại mà tổ phụ chúng ta đã nói tới.
- 5 Nay, đây là truyền thuyết của vua La Mô Ni, là truyền thuyết mà vua đã thụ nhận từ cha của mình, cho rằng có một Vị Thần Vĩ Đại. Mặc dù họ tin có một Vị Thần Vĩ Đại, nhưng họ lại cho rằng, bất cứ việc gì họ làm cũng đều đúng cả; tuy vậy, vua La Mô Ni cũng bắt đầu thấy vô cùng kinh sợ vì e rằng ông đã làm điều sai lầm trong việc giết chết những tôi tớ của mình.

## Alma 18

And it came to pass that king Lamoni caused that his servants should stand forth and testify to all the things which they had seen concerning the matter.

And when they had all testified to the things which they had seen, and he had learned of the faithfulness of Ammon in preserving his flocks, and also of his great power in contending against those who sought to slay him, he was astonished exceedingly, and said: Surely, this is more than a man. Behold, is not this the Great Spirit who doth send such great punishments upon this people, because of their murders?

And they answered the king, and said: Whether he be the Great Spirit or a man, we know not; but this much we do know, that he cannot be slain by the enemies of the king; neither can they scatter the king's flocks when he is with us, because of his expertness and great strength; therefore, we know that he is a friend to the king. And now, O king, we do not believe that a man has such great power, for we know he cannot be slain.

And now, when the king heard these words, he said unto them: Now I know that it is the Great Spirit; and he has come down at this time to preserve your lives, that I might not slay you as I did your brethren. Now this is the Great Spirit of whom our fathers have spoken.

Now this was the tradition of Lamoni, which he had received from his father, that there was a Great Spirit. Notwithstanding they believed in a Great Spirit, they supposed that whatsoever they did was right; nevertheless, Lamoni began to fear exceedingly, with fear lest he had done wrong in slaying his servants;

6 Vì vua đã giết chết nhiều người trong bọn họ vì lý do những người anh em đó của họ đã làm tản lạc các đàn gia súc tại suối nước; vậy nên, vì họ đã để cho các đàn gia súc thất lạc mà họ bị giết.

7 Bây giờ, những người La Man này có thói quen thường hay đứng gần bên suối Sê Bút để xua đuổi các đàn gia súc của dân chúng, để nhờ đó mà chúng có thể lừa những con vật chạy lạc về phần đất riêng của mình, đó là một cách cướp bóc của chúng.

8 Và chuyện rằng, vua La Mô Ni hỏi các tôi tớ của ông rằng: Người có sức mạnh phi thường đó hiện giờ ở đâu?

9 Và họ đáp lời vua rằng: Nay, ông ta đang cho ngựa của bộ hạ ăn. Bây giờ, trước khi các tôi tớ của vua đem các đàn gia súc đi uống nước, nhà vua có dặn họ sửa soạn sẵn ngựa và xe để đưa vua đi đến xứ Nê Phi, vì ở xứ Nê Phi có đại yến do phụ thân của La Mô Ni là vua cai trị toàn xứ thiết đãi.

10 Giờ đây khi vua La Mô Ni nghe nói Am Môn đang sửa soạn ngựa xe cho vua, vua lại càng ngạc nhiên hơn về lòng trung thành của Am Môn, vua bảo rằng: Quả thật, trong tất cả tôi tớ của ta chẳng có một ai trung thành bằng người này, vì ông ta đã nhớ tất cả những lệnh truyền của ta để thi hành theo.

11 Giờ đây ta biết chắc đây là Vị Thần Vĩ Đại, và ta muốn ông ta đến gặp ta nhưng ta không dám.

12 Và chuyện rằng, khi Am Môn sửa soạn ngựa xe cho vua và các tôi tớ của vua xong, ông bèn đi đến gặp vua, nhưng khi ông trông thấy nét mặt của vua thay đổi, nên ông định quay gót trở ra.

13 Và một tôi tớ của vua đã nói với ông rằng: Ra Ba Na, được dịch ra là đấng đầy quyền lực hay là đại vương, vì họ xem các vua của họ ai cũng đầy quyền lực. Và do đó họ nói với ông: Ra Ba Na, vua muốn người hãy ở lại.

For he had slain many of them because their brethren had scattered their flocks at the place of water; and thus, because they had had their flocks scattered they were slain.

Now it was the practice of these Lamanites to stand by the waters of Sebus to scatter the flocks of the people, that thereby they might drive away many that were scattered unto their own land, it being a practice of plunder among them.

And it came to pass that king Lamoni inquired of his servants, saying: Where is this man that has such great power?

And they said unto him: Behold, he is feeding thy horses. Now the king had commanded his servants, previous to the time of the watering of their flocks, that they should prepare his horses and chariots, and conduct him forth to the land of Nephi; for there had been a great feast appointed at the land of Nephi, by the father of Lamoni, who was king over all the land.

Now when king Lamoni heard that Ammon was preparing his horses and his chariots he was more astonished, because of the faithfulness of Ammon, saying: Surely there has not been any servant among all my servants that has been so faithful as this man; for even he doth remember all my commandments to execute them.

Now I surely know that this is the Great Spirit, and I would desire him that he come in unto me, but I durst not.

And it came to pass that when Ammon had made ready the horses and the chariots for the king and his servants, he went in unto the king, and he saw that the countenance of the king was changed; therefore he was about to return out of his presence.

And one of the king's servants said unto him, Rabbanah, which is, being interpreted, powerful or great king, considering their kings to be powerful; and thus he said unto him: Rabbanah, the king desireth thee to stay.

- 14 Vậy nên, Am Môn quay lại phía vua và nói rằng: Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ muốn thần làm gì cho bệ hạ? Vua chẳng biết trả lời sao suốt cả tiếng đồng hồ, theo giờ giấc của họ, vì vua không biết phải nói gì với ông.
- 15 Và chuyện rằng, Am Môn lại hỏi vua: Bệ hạ muốn thần làm gì? Nhưng vua vẫn không trả lời.
- 16 Và chuyện rằng, Am Môn được đầy dẫy Thánh Linh của Thượng Đế nên ông thấu hiểu được ý nghĩ của vua. Ông bèn nói với vua rằng: Phải chăng đó là vì bệ hạ nghe nói thần đã bảo vệ các tội tở và các đàn gia súc của bệ hạ, và đã giết chết bảy người anh em chúng nó bằng trình ném đá và gươm, cùng chém đứt những cánh tay của những người khác để bảo vệ các đàn gia súc và các tội tở của bệ hạ; này, phải chăng điều này đã làm cho bệ hạ phải kinh ngạc?
- 17 Muôn tâu bệ hạ, điều gì đã làm bệ hạ phải kinh ngạc nhiều quá vậy? Này, thần chỉ là một người thường, và là một tội tở của bệ hạ, vì thế nên bất cứ điều gì bệ hạ muốn thần làm mà hợp với lẽ phải thì thần sẽ làm.
- 18 Giờ đây khi vua nghe những lời này, vua lại càng kinh ngạc, vì vua nhận thấy rằng Am Môn có thể nhận thức những tư tưởng của mình; nhưng mặc dù vậy, vua La Mô Ni cũng mở miệng và hỏi ông rằng: Khanh là ai vậy? Có phải khanh là Vị Thần Vĩ Đại, là đấng thấu suốt hết mọi điều không?
- 19 Am Môn bèn đáp lời vua rằng: Thưa không phải.
- 20 Vua bèn hỏi: Thế sao khanh hiểu được những ý nghĩ trong lòng trẫm. Trẫm cho phép khanh cứ mạnh dạn nói đi. Hãy kể cho trẫm nghe những việc này, và hãy cho trẫm biết nhờ quyền năng nào mà khanh giết chết và chặt đứt cánh tay của những người đồng bào của trẫm, là những kẻ đã phân tán các đàn gia súc của trẫm—
- 21 Và giờ đây, nếu khanh kể cho trẫm nghe những điều này thì trẫm sẽ cho khanh bất cứ điều gì khanh muốn; và nếu cần, trẫm sẽ cho quân lính của trẫm bảo vệ khanh; nhưng trẫm biết rằng, khanh còn mạnh hơn tất cả bọn họ. Nhưng dù sao, bất cứ điều gì khanh mong muốn nơi trẫm, trẫm cũng sẽ ban cho.

Therefore Ammon turned himself unto the king, and said unto him: What wilt thou that I should do for thee, O king? And the king answered him not for the space of an hour, according to their time, for he knew not what he should say unto him.

And it came to pass that Ammon said unto him again: What desirest thou of me? But the king answered him not.

And it came to pass that Ammon, being filled with the Spirit of God, therefore he perceived the thoughts of the king. And he said unto him: Is it because thou hast heard that I defended thy servants and thy flocks, and slew seven of their brethren with the sling and with the sword, and smote off the arms of others, in order to defend thy flocks and thy servants; behold, is it this that causeth thy marvelings?

I say unto you, what is it, that thy marvelings are so great? Behold, I am a man, and am thy servant; therefore, whatsoever thou desirest which is right, that will I do.

Now when the king had heard these words, he marveled again, for he beheld that Ammon could discern his thoughts; but notwithstanding this, king Lamoni did open his mouth, and said unto him: Who art thou? Art thou that Great Spirit, who knows all things?

Ammon answered and said unto him: I am not.

And the king said: How knowest thou the thoughts of my heart? Thou mayest speak boldly, and tell me concerning these things; and also tell me by what power ye slew and smote off the arms of my brethren that scattered my flocks—

And now, if thou wilt tell me concerning these things, whatsoever thou desirest I will give unto thee; and if it were needed, I would guard thee with my armies; but I know that thou art more powerful than all they; nevertheless, whatsoever thou desirest of me I will grant it unto thee.

22      Này, vì Am Môn là một người khôn ngoan, nhưng vô hại, nên ông tâu với La Mô Ni rằng: Bệ hạ có chịu nghe những lời của hạ thần, nếu hạ thần nói cho bệ hạ biết là bởi quyền năng nào mà hạ thần làm được những việc này không? Và đó chính là điều hạ thần mong muốn nơi bệ hạ.

23      Vua bèn trả lời ông rằng: Có, trăm sẽ tin tất cả những lời khanh nói. Và như vậy là vua đã mắc mưu.

24      Rồi Am Môn bắt đầu nói với vua một cách mạnh dạn mà rằng: Bệ hạ có tin rằng có một Đấng Thượng Đế hay không?

25      Vua trả lời ông rằng: Trẫm không hiểu điều đó có nghĩa gì.

26      Am Môn bèn hỏi rằng: Bệ hạ có tin là có Vị Thần Vĩ Đại không?

27      Vua bèn trả lời: Có.

28      Am Môn liền nói: Đó chính là Thượng Đế vậy. Và Am Môn lại hỏi vua: Bệ hạ có tin rằng Vị Thần Vĩ Đại này, tức là Thượng Đế, đã tạo dựng ra tất cả mọi vật trên trời và dưới đất không?

29      Và vua đáp: Có. Trẫm tin Ngài đã tạo dựng ra tất cả mọi vật trên thế gian này, nhưng trẫm không biết các tầng trời.

30      Am Môn bèn nói với vua rằng: Các tầng trời là nơi Thượng Đế cư ngụ cùng với tất cả các thiên sứ thánh của Ngài.

31      Vua La Mô Ni bèn hỏi: Chỗ ấy có phải ở bên trên quả đất này chăng?

32      Và Am Môn đáp: Phải, và Ngài ở trên cao nhìn xuống tất cả con cái loài người, và Ngài thấu hiểu hết mọi ý tưởng và dự định trong lòng mọi người; vì do bàn tay của Ngài, tất cả mọi người đã được sáng tạo ra từ lúc ban đầu.

33      Vua La Mô Ni bèn nói: Trẫm tin tất cả những lời khanh đã nói. Phải chăng khanh đã được Thượng Đế phái xuống?

34      Am Môn đáp lời vua: Hạ thần là một người thường, và loài người từ thuở ban đầu được sáng tạo theo hình ảnh của Thượng Đế, và hạ thần được Đức Thánh Linh của Ngài kêu gọi giảng dạy những điều này cho dân này, để họ có thể được dẫn dắt tới sự hiểu biết về những gì chính đáng và chân thật;

Now Ammon being wise, yet harmless, he said unto Lamoni: Wilt thou hearken unto my words, if I tell thee by what power I do these things? And this is the thing that I desire of thee.

And the king answered him, and said: Yea, I will believe all thy words. And thus he was caught with guile.

And Ammon began to speak unto him with boldness, and said unto him: Believest thou that there is a God?

And he answered, and said unto him: I do not know what that meaneth.

And then Ammon said: Believest thou that there is a Great Spirit?

And he said, Yea.

And Ammon said: This is God. And Ammon said unto him again: Believest thou that this Great Spirit, who is God, created all things which are in heaven and in the earth?

And he said: Yea, I believe that he created all things which are in the earth; but I do not know the heavens.

And Ammon said unto him: The heavens is a place where God dwells and all his holy angels.

And king Lamoni said: Is it above the earth?

And Ammon said: Yea, and he looketh down upon all the children of men; and he knows all the thoughts and intents of the heart; for by his hand were they all created from the beginning.

And king Lamoni said: I believe all these things which thou hast spoken. Art thou sent from God?

Ammon said unto him: I am a man; and man in the beginning was created after the image of God, and I am called by his Holy Spirit to teach these things unto this people, that they may be brought to a knowledge of that which is just and true;

35 Và một phần Thánh Linh đó đang ngự trị trong hạ thần khiến hạ thần có được sự hiểu biết và cũng có được quyền năng tùy theo đức tin và sự mong muốn của hạ thần hằng có nơi Thượng Đế.

36 Giờ đây khi Am Môn nói xong những lời này, ông bắt đầu nói về sự sáng tạo thế gian và luôn cả sự sáng tạo A Đam; ông còn kể cho vua nghe tất cả những sự việc có liên quan tới sự sa ngã của loài người, cùng kể lại và trưng bày trước mặt vua các biên sử và các thánh thư của dân mà các vị tiên tri đã nói tới, ngay cả đến thời tổ phụ của họ là Lê Hi rời Giê Ru Sa Lem ra đi.

37 Và ông cũng kể lại cho họ nghe (vì có cả vua lẫn tôi tớ của vua) tất cả những cuộc hành trình của tổ phụ họ trong vùng hoang dã và tất cả sự khốn khổ của họ vì đói khát, cùng cuộc viễn du của họ, v.v.

38 Và ông cũng kể cho họ nghe về các cuộc nổi loạn của La Man, Lê Mu Ên và các con trai của Ích Ma Ên, phải, tất cả những cuộc nổi loạn của những người đó ông đã kể cho họ nghe; ông còn giải thích cho họ nghe về tất cả các biên sử và thánh thư kể từ thời Lê Hi rời Giê Ru Sa Lem cho đến thời hiện tại.

39 Nhưng như vậy chưa phải là hết; vì ông còn thuyết giảng cho họ nghe về kế hoạch cứu chuộc đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng; ông cũng tiết lộ cho họ biết về sự hiện đến của Đấng Ky Tô, và tất cả những công việc của Chúa ông cũng cho họ biết.

40 Và chuyện rằng, sau khi ông nói hết những điều này, và giải thích hết cho vua nghe, thì vua tin tất cả những lời ông nói.

41 Rồi vua bắt đầu kêu cầu Chúa mà rằng: Lạy Chúa, xin Ngài thương xót; thể theo lòng thương xót bao la Ngài đã có đối với dân Nê Phi, xin Ngài có lòng thương xót đối với con và dân của con.

42 Và bây giờ, khi nói xong những lời này, vua liền ngã xuống đất, chẳng khác chi người chết rồi vậy.

43 Và chuyện rằng, các tôi tớ của vua khiêng vua vào cho hoàng hậu và đặt vua trên giường; và vua đã nằm như người chết suốt hai ngày hai đêm; hoàng hậu cùng các hoàng tử và công chúa đã khóc than vua, theo như thói tục của người La Man, họ khóc than rất náo nùng cho sự qua đời của ông.

And a portion of that Spirit dwelleth in me, which giveth me knowledge, and also power according to my faith and desires which are in God.

Now when Ammon had said these words, he began at the creation of the world, and also the creation of Adam, and told him all the things concerning the fall of man, and rehearsed and laid before him the records and the holy scriptures of the people, which had been spoken by the prophets, even down to the time that their father, Lehi, left Jerusalem.

And he also rehearsed unto them (for it was unto the king and to his servants) all the journeyings of their fathers in the wilderness, and all their sufferings with hunger and thirst, and their travail, and so forth.

And he also rehearsed unto them concerning the rebellions of Laman and Lemuel, and the sons of Ishmael, yea, all their rebellions did he relate unto them; and he expounded unto them all the records and scriptures from the time that Lehi left Jerusalem down to the present time.

But this is not all; for he expounded unto them the plan of redemption, which was prepared from the foundation of the world; and he also made known unto them concerning the coming of Christ, and all the works of the Lord did he make known unto them.

And it came to pass that after he had said all these things, and expounded them to the king, that the king believed all his words.

And he began to cry unto the Lord, saying: O Lord, have mercy; according to thy abundant mercy which thou hast had upon the people of Nephi, have upon me, and my people.

And now, when he had said this, he fell unto the earth, as if he were dead.

And it came to pass that his servants took him and carried him in unto his wife, and laid him upon a bed; and he lay as if he were dead for the space of two days and two nights; and his wife, and his sons, and his daughters mourned over him, after the manner of the Lamanites, greatly lamenting his loss.

## An Ma 19

- 1 Và chuyện rằng, sau hai ngày hai đêm, họ sắp lấy xác vua đi và đem đặt xuống nhà mộ, là nơi họ đã làm ra để chôn cất những người chết.
- 2 Lúc bấy giờ, hoàng hậu nghe đồn danh tiếng của Am Môn, nên bà cho người đi mời ông đến gặp bà.
- 3 Và chuyện rằng, Am Môn tuân theo lệnh, và đến gặp hoàng hậu để xem bà muốn ông phải làm gì.
- 4 Và bà bảo ông rằng: Các tôi tớ phu quân ta có cho ta hay rằng, ông là một vị tiên tri của Đấng Thượng Đế thánh, và ông có quyền năng làm nhiều việc phi thường trong danh Ngài;
- 5 Vậy nên, nếu quả thật như thế thì xin ông hãy vào gặp phu quân của ta, vì vua hiện đang nằm liệt giường suốt hai ngày hai đêm; có người bảo vua chưa chết, nhưng cũng có người lại bảo vua đã chết rồi và đã xông lên mùi hôi thúi, cần phải đem đặt vào nhà mộ; nhưng riêng ta thì ta không thấy có mùi hôi.
- 6 Bấy giờ, chính đó là điều Am Môn mong muốn, vì ông biết rằng vua La Mô Ni đang chịu ảnh hưởng dưới quyền năng của Thượng Đế; ông biết rằng tấm màn đen tối vô tín ngưỡng đang được cất khỏi tâm trí của vua, và sự sáng đang rọi vào tâm trí của vua, đó là sự sáng của ánh vinh quang của Thượng Đế, một sự sáng kỳ diệu của lòng nhân từ của Ngài—phải, sự sáng ấy đã truyền sự vui mừng vào tâm hồn vua khiến cho đám mây đen tối phải tan biến, và sự sáng của cuộc sống vĩnh viễn đang nhóm lên trong tâm hồn vua; phải, ông biết rằng, việc đó đã chế ngự phần thể xác thiên nhiên của vua, và vua đã được Thượng Đế cảm hóa đưa đi—
- 7 Vậy nên, điều mà hoàng hậu mong muốn nơi ông là điều mong muốn duy nhất của ông. Vì thế ông liền đi vào thăm vua theo như hoàng hậu mong muốn, và khi ông trông thấy vua, ông biết là vua không chết.
- 8 Ông bèn thưa với hoàng hậu rằng: Vua không chết, nhưng vua đang ngủ trong Thượng Đế, và ngày mai vua sẽ tỉnh dậy; vậy xin đừng đem vua đi chôn.

## Alma 19

And it came to pass that after two days and two nights they were about to take his body and lay it in a sepulchre, which they had made for the purpose of burying their dead.

Now the queen having heard of the fame of Ammon, therefore she sent and desired that he should come in unto her.

And it came to pass that Ammon did as he was commanded, and went in unto the queen, and desired to know what she would that he should do.

And she said unto him: The servants of my husband have made it known unto me that thou art a prophet of a holy God, and that thou hast power to do many mighty works in his name;

Therefore, if this is the case, I would that ye should go in and see my husband, for he has been laid upon his bed for the space of two days and two nights; and some say that he is not dead, but others say that he is dead and that he stinketh, and that he ought to be placed in the sepulchre; but as for myself, to me he doth not stink.

Now, this was what Ammon desired, for he knew that king Lamoni was under the power of God; he knew that the dark veil of unbelief was being cast away from his mind, and the light which did light up his mind, which was the light of the glory of God, which was a marvelous light of his goodness—yea, this light had infused such joy into his soul, the cloud of darkness having been dispelled, and that the light of everlasting life was lit up in his soul, yea, he knew that this had overcome his natural frame, and he was carried away in God—

Therefore, what the queen desired of him was his only desire. Therefore, he went in to see the king according as the queen had desired him; and he saw the king, and he knew that he was not dead.

And he said unto the queen: He is not dead, but he sleepeth in God, and on the morrow he shall rise again; therefore bury him not.

- 9 Và Am Môn hỏi bà rằng: Hoàng hậu có tin như vậy chăng? Hoàng hậu bèn trả lời ông rằng: Ta không thấy chứng cứ gì ngoài lời nói của ông, cùng lời nói của các tôi tớ ta; tuy nhiên ta cũng tin chuyện sẽ xảy ra theo như lời ông nói.
- 10 Am Môn bèn nói với hoàng hậu rằng: Phước thay cho hoàng hậu nhờ có đức tin vững chắc! Muôn tâu hoàng hậu, hạ thần xin thưa rằng, trong toàn thể dân Nê Phi chưa có một ai có đức tin mạnh như vậy.
- 11 Và chuyện rằng hoàng hậu thức canh bên giường chồng từ lúc đó cho đến ngày hôm sau, đến giờ mà Am Môn bảo là vua sẽ tỉnh dậy.
- 12 Và chuyện rằng, vua tỉnh dậy đúng như lời Am Môn nói; và khi vừa trở dậy, vua liền đưa tay về phía hoàng hậu mà bảo rằng: Phước thay danh Thượng Đế và phước thay cho ái khanh.
- 13 Vì này, quả thật như ái khanh là người đang sống, trẫm đã được thấy Đấng Cứu Chuộc của trẫm. Ngài sẽ đến, và sẽ do một người nữ sinh ra, và Ngài sẽ cứu chuộc tất cả nhân loại biết tin vào danh Ngài. Bây giờ, khi vua nói xong những lời này, vua thấy trái tim mình căng lên trong lồng ngực, rồi ông lại lịm đi trong niềm vui sướng; và cả hoàng hậu cũng lịm theo vì tràn ngập Thánh Linh.
- 14 Giờ đây khi Am Môn nhìn thấy Thánh Linh của Chúa thể theo lời cầu nguyện của ông đã được trút xuống trên dân La Man, là đồng bào của ông, là những người đã từng gây ra biết bao nhiêu tang tóc cho dân Nê Phi, hay cho toàn thể dân của Thượng Đế cũng vì những điều bất chính và những truyền thống của họ, ông bèn quỳ xuống và dâng hết tâm hồn mình lên cầu nguyện và tạ ơn Thượng Đế về những gì Ngài đã làm cho những người đồng bào của ông; rồi ông cũng được tràn ngập niềm vui; và như vậy là cả ba người đều ngã lịm xuống đất.
- 15 Bây giờ, khi các tôi tớ của vua thấy ba người ngã nằm dưới đất, thì họ cũng cất lời kêu cầu Thượng Đế, vì kính sợ Chúa cũng đã đến với họ, vì chính họ là những người đã đứng trước mặt vua để làm chứng cho quyền năng vĩ đại của Am Môn.

And Ammon said unto her: Believest thou this? And she said unto him: I have had no witness save thy word, and the word of our servants; nevertheless I believe that it shall be according as thou hast said.

And Ammon said unto her: Blessed art thou because of thy exceeding faith; I say unto thee, woman, there has not been such great faith among all the people of the Nephites.

And it came to pass that she watched over the bed of her husband, from that time even until that time on the morrow which Ammon had appointed that he should rise.

And it came to pass that he arose, according to the words of Ammon; and as he arose, he stretched forth his hand unto the woman, and said: Blessed be the name of God, and blessed art thou.

For as sure as thou livest, behold, I have seen my Redeemer; and he shall come forth, and be born of a woman, and he shall redeem all mankind who believe on his name. Now, when he had said these words, his heart was swollen within him, and he sunk again with joy; and the queen also sunk down, being overpowered by the Spirit.

Now Ammon seeing the Spirit of the Lord poured out according to his prayers upon the Lamanites, his brethren, who had been the cause of so much mourning among the Nephites, or among all the people of God because of their iniquities and their traditions, he fell upon his knees, and began to pour out his soul in prayer and thanksgiving to God for what he had done for his brethren; and he was also overpowered with joy; and thus they all three had sunk to the earth.

Now, when the servants of the king had seen that they had fallen, they also began to cry unto God, for the fear of the Lord had come upon them also, for it was they who had stood before the king and testified unto him concerning the great power of Ammon.



16 Và chuyện rằng, họ đã cầu gọi danh của Chúa với tất cả tấm lòng nhiệt thành của mình, cho đến khi tất cả bọn họ đều ngã xuống đất, trừ một người đàn bà La Man có tên là A Bích, là người đã cải đạo theo Chúa từ nhiều năm nay, nhờ một sự hiện thấy kỳ diệu của phụng thân mình—

17 Nay, từ khi cải đạo theo Chúa, người chưa bao giờ tiết lộ điều này cho ai hay cả, vậy nên, khi người trông thấy tất cả các tội tớ của vua La Mô Ni đã ngã xuống đất, và chủ của mình, hoàng hậu, và đức vua với Am Môn cũng đều nằm sấp dưới đất, thì người hiểu ngay rằng đó là do quyền năng của Thượng Đế; và người nghĩ rằng đây là cơ hội tốt cho dân chúng biết những gì đã xảy đến cho những người này và để dân chúng chứng kiến cảnh này và khiến họ tin vào quyền năng của Thượng Đế; vậy nên người chạy từ nhà này qua nhà khác để báo tin cho dân chúng biết.

18 Rồi họ bắt đầu tập họp trong dinh của vua. Và dân chúng đến rất đông, và họ ngạc nhiên vô cùng khi thấy vua, hoàng hậu, cùng các tội tớ nằm xấp dưới đất, và tất cả nằm đó như đã chết; và họ còn trông thấy cả Am Môn nữa, và này, ông là người Nê Phi.

19 Và giờ đây dân chúng bắt đầu than oán với nhau; người thì bảo rằng đó là một điều bất hạnh lớn lao xảy đến cho họ, hay cho nhà vua và hoàng gia, vì vua đã để cho một người Nê Phi ở lại trong xứ.

20 Những kẻ khác lại quở trách họ mà rằng: Chính nhà vua đã tự rước lấy điều bất hạnh này cho hoàng gia, vì vua đã giết những tội tớ của mình là những người đã để cho các đàn gia súc của vua bị tản lạc nơi suối Sê Bút.

21 Và những người này cũng bị quở trách bởi mấy người trước kia đứng bên suối nước Sê Bút để xua đuổi các đàn gia súc của vua vì chúng rất tức giận Am Môn là người đã giết chết những người đồng bọn của chúng bên suối nước Sê Bút để bảo vệ các đàn gia súc của vua.

And it came to pass that they did call on the name of the Lord, in their might, even until they had all fallen to the earth, save it were one of the Lamanitish women, whose name was Abish, she having been converted unto the Lord for many years, on account of a remarkable vision of her father—

Thus, having been converted to the Lord, and never having made it known, therefore, when she saw that all the servants of Lamoni had fallen to the earth, and also her mistress, the queen, and the king, and Ammon lay prostrate upon the earth, she knew that it was the power of God; and supposing that this opportunity, by making known unto the people what had happened among them, that by beholding this scene it would cause them to believe in the power of God, therefore she ran forth from house to house, making it known unto the people.

And they began to assemble themselves together unto the house of the king. And there came a multitude, and to their astonishment, they beheld the king, and the queen, and their servants prostrate upon the earth, and they all lay there as though they were dead; and they also saw Ammon, and behold, he was a Nephite.

And now the people began to murmur among themselves; some saying that it was a great evil that had come upon them, or upon the king and his house, because he had suffered that the Nephite should remain in the land.

But others rebuked them, saying: The king hath brought this evil upon his house, because he slew his servants who had had their flocks scattered at the waters of Sebus.

And they were also rebuked by those men who had stood at the waters of Sebus and scattered the flocks which belonged to the king, for they were angry with Ammon because of the number which he had slain of their brethren at the waters of Sebus, while defending the flocks of the king.

22 Bây giờ, một người trong bọn chúng có người anh bị giết vì lưỡi gươm của Am Môn nên hắn rất tức giận Am Môn vô cùng, hắn tuốt gươm ra tiến lên định hạ gươm xuống đâm chết ông; nhưng này, khi hắn vừa đưa gươm lên định giết ông thì hắn liền ngã lăn ra chết.

23 Giờ đây chúng ta thấy rằng, Am Môn không thể bị giết chết được, vì Chúa có phán với Mô Si A là phụ thân của ông rằng: Ta sẽ cứu mạng nó, và việc đó sẽ được thực hiện cho nó thể theo đức tin của người—vậy nên Mô Si A phó thác ông cho Chúa.

24 Và chuyện rằng, khi dân chúng thấy người ấy vừa giơ gươm lên định giết Am Môn lại ngã ra chết, thì họ khiếp sợ vô cùng, và không một người nào dám đưa tay sờ vào ông hay những người đã ngã xuống đất; và họ bắt đầu kinh ngạc nhìn nhau không hiểu nguyên do của quyền năng vĩ đại này, hay tất cả những sự việc xảy ra đây có nghĩa làm sao.

25 Và chuyện rằng, có nhiều người trong bọn họ bảo rằng: Am Môn là Vị Thần Vĩ Đại, còn những người khác thì lại bảo ông do Vị Thần Vĩ Đại sai tới.

26 Nhưng có một số người đã quở trách tất cả những người kia mà nói rằng ông là yêu quái do dân Nê Phi sai tới để làm khổ họ.

27 Và một số người khác lại cho rằng, Am Môn được Vị Thần Vĩ Đại sai tới để gây sự buồn khổ cho họ vì những điều bất chính của họ; và đó là Vị Thần Vĩ Đại mà đã luôn luôn gìn giữ dân Nê Phi, luôn luôn cứu dân Nê Phi thoát khỏi tay họ; và họ còn bảo rằng, chính Vị Thần Vĩ Đại này đã hủy diệt biết bao nhiêu người đồng bào dân La Man của họ.

28 Và cứ thế, cuộc cãi vã giữa họ đã trở nên vô cùng gay gắt. Và trong lúc họ đang cãi vã với nhau như vậy thì người tỳ nữ đi kêu gọi dân chúng tụ họp vừa trở về, và khi nghe đám đông cãi vã với nhau, nàng quá ư buồn rầu đến phải rơi lụy.

Now, one of them, whose brother had been slain with the sword of Ammon, being exceedingly angry with Ammon, drew his sword and went forth that he might let it fall upon Ammon, to slay him; and as he lifted the sword to smite him, behold, he fell dead.

Now we see that Ammon could not be slain, for the Lord had said unto Mosiah, his father: I will spare him, and it shall be unto him according to thy faith—therefore, Mosiah trusted him unto the Lord.

And it came to pass that when the multitude beheld that the man had fallen dead, who lifted the sword to slay Ammon, fear came upon them all, and they durst not put forth their hands to touch him or any of those who had fallen; and they began to marvel again among themselves what could be the cause of this great power, or what all these things could mean.

And it came to pass that there were many among them who said that Ammon was the Great Spirit, and others said he was sent by the Great Spirit;

But others rebuked them all, saying that he was a monster, who had been sent from the Nephites to torment them.

And there were some who said that Ammon was sent by the Great Spirit to afflict them because of their iniquities; and that it was the Great Spirit that had always attended the Nephites, who had ever delivered them out of their hands; and they said that it was this Great Spirit who had destroyed so many of their brethren, the Lamanites.

And thus the contention began to be exceedingly sharp among them. And while they were thus contending, the woman servant who had caused the multitude to be gathered together came, and when she saw the contention which was among the multitude she was exceedingly sorrowful, even unto tears.

29 Và chuyện rằng, người tỳ nữ này tiến lên nắm lấy tay hoàng hậu, định đỡ bà ngồi lên; nhưng vừa lúc nàng chạm tay vào hoàng hậu thì bà liền trỗi dậy và đứng lên kêu to rằng: Hỡi Chúa Giê Su đầy ân phước, là Đấng đã cứu con ra khỏi ngục giới gớm ghê! Hỡi Thượng Đế đầy ân phước, xin Ngài hãy thương xót dân này!

30 Và khi nói xong những lời này, hoàng hậu chấp hai bàn tay lại, lòng tràn ngập nỗi vui mừng, miệng thốt lên những lời không ai hiểu được; và sau khi làm xong điều này, bà nắm lấy tay vua La Mô Ni, và này, vua cũng trỗi dậy và đứng lên.

31 Và khi vua thấy sự cãi vã của dân chúng, vua liền bước tới và bắt đầu khiển trách họ và giảng dạy cho họ theo những lời mà vua đã được nghe từ miệng của Am Môn nói; và tất cả những người nghe những lời giảng dạy của vua đều tin và cải đạo theo Chúa.

32 Nhưng có nhiều người trong bọn họ không chịu nghe những lời giảng dạy của vua; vì thế mà họ bỏ đi theo con đường của họ.

33 Và chuyện rằng, khi Am Môn tỉnh dậy, ông phục sự cho họ, và cho tất cả những tôi tớ của vua La Mô Ni; và rồi tất cả đều rao truyền cho dân chúng những lời giống nhau rằng—lòng họ nay đã thay đổi, họ không còn mong muốn làm điều ác nữa.

34 Và này, nhiều người còn rao truyền cho dân chúng biết rằng, họ đã trông thấy các thiên sứ và nói chuyện với các vị này; do đó mà các vị này đã cho họ biết những điều có liên quan tới Thượng Đế và sự ngay chính của Ngài.

35 Và chuyện rằng, có nhiều người tin theo lời nói của họ, và tất cả những ai tin đều được báp têm; và họ đã trở thành một dân ngay chính; và họ đã thiết lập một giáo hội giữa họ.

36 Và như vậy là công việc của Chúa đã khởi đầu trong dân La Man; và như vậy Chúa cũng bắt đầu trút Thánh Linh của Ngài xuống trên họ; và do đó mà chúng ta thấy được rằng, cánh tay của Ngài dang ra cho tất cả những người nào biết hối cải và biết tin vào tôn danh của Ngài.

And it came to pass that she went and took the queen by the hand, that perhaps she might raise her from the ground; and as soon as she touched her hand she arose and stood upon her feet, and cried with a loud voice, saying: O blessed Jesus, who has saved me from an awful hell! O blessed God, have mercy on this people!

And when she had said this, she clasped her hands, being filled with joy, speaking many words which were not understood; and when she had done this, she took the king, Lamoni, by the hand, and behold he arose and stood upon his feet.

And he, immediately, seeing the contention among his people, went forth and began to rebuke them, and to teach them the words which he had heard from the mouth of Ammon; and as many as heard his words believed, and were converted unto the Lord.

But there were many among them who would not hear his words; therefore they went their way.

And it came to pass that when Ammon arose he also administered unto them, and also did all the servants of Lamoni; and they did all declare unto the people the selfsame thing—that their hearts had been changed; that they had no more desire to do evil.

And behold, many did declare unto the people that they had seen angels and had conversed with them; and thus they had told them things of God, and of his righteousness.

And it came to pass that there were many that did believe in their words; and as many as did believe were baptized; and they became a righteous people, and they did establish a church among them.

And thus the work of the Lord did commence among the Lamanites; thus the Lord did begin to pour out his Spirit upon them; and we see that his arm is extended to all people who will repent and believe on his name.

## An Ma 20

- 1 Và chuyện rằng, sau khi họ đã thiết lập xong giáo hội trong xứ đó, vua La Mô Ni muốn rằng Am Môn sẽ cùng đi với vua đến xứ Nê Phi để vua có thể giới thiệu ông với thân phụ mình.
- 2 Và tiếng nói của Chúa đã đến với Am Môn mà rằng: Người chớ đi lên xứ Nê Phi, vì này, vua xứ đó sẽ tìm cách giết người; nhưng người hãy đến xứ Mi Đô Ni; vì này, anh của người là A Rôn, và cả Mơ Lô Ki cùng Am Ma đang bị cầm tù.
- 3 Giờ đây chuyện rằng, khi Am Môn nghe vậy, ông đã tâu với vua La Mô Ni rằng: Này, anh và những người anh em của thần đang bị cầm tù ở Mi Đô Ni, vậy thần phải đi đến đó để giải cứu họ.
- 4 Bây giờ vua La Mô Ni bèn nói với Am Môn rằng: Trẫm biết nhờ sức mạnh của Chúa mà khanh có thể làm được tất cả mọi chuyện. Nhưng này, trẫm sẽ đi với khanh đến xứ Mi Đô Ni; vì vua của xứ Mi Đô Ni tên là An Ti Ôm Nô, là bạn của trẫm; vậy trẫm sẽ đi đến xứ Mi Đô Ni để tâng bốc vua xứ ấy, và ông ta sẽ tha các anh em của khanh ra khỏi ngục tù. Bây giờ vua La Mô Ni hỏi ông rằng: Ai bảo cho khanh biết là các anh em của khanh đang bị cầm tù?
- 5 Am Môn bèn đáp lời vua rằng: Không một ai nói cho hạ thần biết ngoài Thượng Đế. Ngài đã bảo hạ thần rằng: Hãy đi giải cứu các anh em người vì họ đang bị cầm tù trong xứ Mi Đô Ni.
- 6 Bây giờ, khi vua La Mô Ni nghe nói như vậy, ông liền truyền cho các tôi tớ sửa soạn ngựa xe cho ông đi.
- 7 Rồi ông bảo Am Môn rằng: Đi, trẫm sẽ đi với khanh xuống xứ Mi Đô Ni, ở đó trẫm sẽ năn nỉ vua tha các anh em khanh ra khỏi ngục tù.
- 8 Và chuyện rằng, trong khi Am Môn cùng vua La Mô Ni đang hành trình đến đó, họ gặp thân phụ của La Mô Ni là vị vua cai trị toàn lãnh thổ.
- 9 Và này, vua cha bảo La Mô Ni rằng: Tại sao con không đến dự đại yến vào ngày trọng đại đó khi cha thắt đai các con trai và dân của cha?
- 10 Và vua còn hỏi thêm rằng: Vậy chớ con đi đâu với tên Nê Phi này, là một trong số những con cái của kẻ nói dối?

## Alma 20

And it came to pass that when they had established a church in that land, that king Lamoni desired that Ammon should go with him to the land of Nephi, that he might show him unto his father.

And the voice of the Lord came to Ammon, saying: Thou shalt not go up to the land of Nephi, for behold, the king will seek thy life; but thou shalt go to the land of Middoni; for behold, thy brother Aaron, and also Muloki and Ammah are in prison.

Now it came to pass that when Ammon had heard this, he said unto Lamoni: Behold, my brother and brethren are in prison at Middoni, and I go that I may deliver them.

Now Lamoni said unto Ammon: I know, in the strength of the Lord thou canst do all things. But behold, I will go with thee to the land of Middoni; for the king of the land of Middoni, whose name is Antiomno, is a friend unto me; therefore I go to the land of Middoni, that I may flatter the king of the land, and he will cast thy brethren out of prison. Now Lamoni said unto him: Who told thee that thy brethren were in prison?

And Ammon said unto him: No one hath told me, save it be God; and he said unto me—Go and deliver thy brethren, for they are in prison in the land of Middoni.

Now when Lamoni had heard this he caused that his servants should make ready his horses and his chariots.

And he said unto Ammon: Come, I will go with thee down to the land of Middoni, and there I will plead with the king that he will cast thy brethren out of prison.

And it came to pass that as Ammon and Lamoni were journeying thither, they met the father of Lamoni, who was king over all the land.

And behold, the father of Lamoni said unto him: Why did ye not come to the feast on that great day when I made a feast unto my sons, and unto my people?

And he also said: Whither art thou going with this Nephite, who is one of the children of a liar?

- 11 Và chuyện rằng, La Mô Ni nói cho vua cha hay ông định đi đâu, vì ông sợ làm phật lòng vua cha.
- 12 Và ông còn nói cho vua cha hay lý do đã khiến cho ông phải ở lại trong xứ mình mà không thể đến dự buổi đại yến do vua cha thiết đãi.
- 13 Và bấy giờ, khi La Mô Ni kể cho vua cha nghe hết những điều này, thì này, ông rất đỗi ngạc nhiên vì vua cha đã tức giận ông và nói rằng: La Mô Ni, mi lại đi giải thoát cho các tên Nê Phi này là con cái của kẻ nói dối à? Nay, kẻ đó đã bóc lột tổ phụ chúng ta; và nay con cháu của hắn lại đến với chúng ta để dùng mưu mô xảo trá mà lường gạt chúng ta, để chúng có thể cướp bóc của cải của chúng ta nữa.
- 14 Bấy giờ vua cha ra lệnh La Mô Ni phải dùng gươm giết chết Am Môn. Và vua cha còn ra lệnh cho ông không được đi đến xứ Mi Đô Ni, mà phải cùng với vua cha trở về xứ Ích Ma Ên.
- 15 Nhưng La Mô Ni thưa với vua cha rằng: Con không thể giết chết Am Môn được, và con cũng không thể đi về xứ Ích Ma Ên, mà con phải đi đến xứ Mi Đô Ni để giải thoát cho các anh em của Am Môn, vì con biết rằng họ là những người công minh và là các vị tiên tri thánh của Thượng Đế chân thật.
- 16 Bấy giờ khi vua cha nghe nói những lời này, ông liền nổi giận tuốt gươm ra định chém con ngã gục xuống đất.
- 17 Nhưng Am Môn đã tiến ra ngăn cản mà rằng: Nay, xin bệ hạ chớ giết hoàng tử của bệ hạ; tuy nhiên, tốt hơn nên để hoàng tử ngã xuống thay vì bệ hạ, vì này, hoàng tử đã biết hối cải tội lỗi của mình; nhưng nếu bệ hạ ngã xuống trong lúc này trong cơn giận dữ của mình, thì linh hồn bệ hạ sẽ không được cứu rỗi.
- 18 Vả lại, bệ hạ nên kiên nhẫn một chút, vì nếu bệ hạ giết chết hoàng tử là một người vô tội, thì máu của hoàng tử sẽ kêu gào từ dưới đất lên đến Chúa Thượng Đế của người để cho sự trả thù sẽ giáng xuống bệ hạ, và có thể bệ hạ sẽ bị mất linh hồn mình.

And it came to pass that Lamoni rehearsed unto him whither he was going, for he feared to offend him.

And he also told him all the cause of his tarrying in his own kingdom, that he did not go unto his father to the feast which he had prepared.

And now when Lamoni had rehearsed unto him all these things, behold, to his astonishment, his father was angry with him, and said: Lamoni, thou art going to deliver these Nephites, who are sons of a liar. Behold, he robbed our fathers; and now his children are also come amongst us that they may, by their cunning and their lyings, deceive us, that they again may rob us of our property.

Now the father of Lamoni commanded him that he should slay Ammon with the sword. And he also commanded him that he should not go to the land of Middoni, but that he should return with him to the land of Ishmael.

But Lamoni said unto him: I will not slay Ammon, neither will I return to the land of Ishmael, but I go to the land of Middoni that I may release the brethren of Ammon, for I know that they are just men and holy prophets of the true God.

Now when his father had heard these words, he was angry with him, and he drew his sword that he might smite him to the earth.

But Ammon stood forth and said unto him: Behold, thou shalt not slay thy son; nevertheless, it were better that he should fall than thee, for behold, he has repented of his sins; but if thou shouldst fall at this time, in thine anger, thy soul could not be saved.

And again, it is expedient that thou shouldst forbear; for if thou shouldst slay thy son, he being an innocent man, his blood would cry from the ground to the Lord his God, for vengeance to come upon thee; and perhaps thou wouldst lose thy soul.

19 Bây giờ khi nghe Am Môn nói những lời này, vua cha bèn trả lời rằng: Ta biết nếu ta giết con trai ta thì ta sẽ làm đổ máu kẻ vô tội; vì chính người mới là người tìm cách sát hại nó.

20 Và vua cha dang tay ra để giết Am Môn, nhưng Am Môn đưa kiếm lên chống trả những đường gươm của ông và còn đánh vào cánh tay của ông khiến ông không thể sử dụng cánh tay ấy được nữa.

21 Bây giờ vua cha thấy rằng Am Môn có thể giết mình được, ông bèn van xin Am Môn tha mạng sống cho mình.

22 Nhưng Am Môn đưa gươm lên mà nói với ông rằng: Nay, hạ thần sẽ đánh bệ hạ nếu bệ hạ không chấp nhận với hạ thần rằng các anh em của hạ thần sẽ được thả ra khỏi ngục tù.

23 Bây giờ vì vua sợ mất mạng nên nói rằng: Nếu người tha cho ta thì ta sẽ ban cho người bất cứ những điều gì người xin, dù cho đó là một nửa vương quốc của ta cũng được.

24 Bây giờ khi Am Môn thấy rằng mình đã sai khiến được ông vua có tuổi này làm theo ý muốn của mình, ông bèn nói với vua rằng: Nếu bệ hạ chấp nhận cho các anh em của hạ thần được thả ra khỏi ngục tù, và nếu bệ hạ cũng chấp nhận cho La Mô Ni được nắm giữ vương quốc của người, và bệ hạ không tức giận người, trái lại còn để cho người được tùy ý hành động theo những mong muốn riêng của mình trong bất cứ điều gì mà người nghĩ tới, thì hạ thần sẽ tha cho bệ hạ, bằng không, hạ thần đánh bệ hạ gục xuống đất ngay.

25 Bây giờ khi Am Môn nói xong những lời này, vua cảm thấy vui mừng vì mạng sống của mình được toàn vẹn.

26 Và khi vua thấy Am Môn không có ý muốn giết mình và vua còn thấy lòng ưu ái lớn lao của ông đối với hoàng tử La Mô Ni, vua rất đỗi ngạc nhiên mà nói rằng: Vì những điều người đòi hỏi ta làm đó là thả các anh em người, và cho con trai ta là La Mô Ni được nắm giữ vương quốc của nó, này, ta chấp nhận với người rằng, con trai ta sẽ được nắm giữ vương quốc của nó từ nay cho đến mãi mãi về sau, và ta sẽ không cai trị nó nữa—

Now when Ammon had said these words unto him, he answered him, saying: I know that if I should slay my son, that I should shed innocent blood; for it is thou that hast sought to destroy him.

And he stretched forth his hand to slay Ammon. But Ammon withstood his blows, and also smote his arm that he could not use it.

Now when the king saw that Ammon could slay him, he began to plead with Ammon that he would spare his life.

But Ammon raised his sword, and said unto him: Behold, I will smite thee except thou wilt grant unto me that my brethren may be cast out of prison.

Now the king, fearing he should lose his life, said: If thou wilt spare me I will grant unto thee whatsoever thou wilt ask, even to half of the kingdom.

Now when Ammon saw that he had wrought upon the old king according to his desire, he said unto him: If thou wilt grant that my brethren may be cast out of prison, and also that Lamoni may retain his kingdom, and that ye be not displeased with him, but grant that he may do according to his own desires in whatsoever thing he thinketh, then will I spare thee; otherwise I will smite thee to the earth.

Now when Ammon had said these words, the king began to rejoice because of his life.

And when he saw that Ammon had no desire to destroy him, and when he also saw the great love he had for his son Lamoni, he was astonished exceedingly, and said: Because this is all that thou hast desired, that I would release thy brethren, and suffer that my son Lamoni should retain his kingdom, behold, I will grant unto you that my son may retain his kingdom from this time and forever; and I will govern him no more—

27 Và ta cũng chấp nhận với người là các anh em người sẽ được thả ra khỏi ngục tù; và người cùng các anh em người có thể đến cùng ta tại vương quốc của ta, vì ta rất mong muốn được gặp người. Vì vua rất đỗi ngạc nhiên về những lời của ông đã nói, và luôn cả những lời do hoàng tử La Mô Ni đã thốt ra, nên ông muốn học hỏi những điều đó.

28 Và chuyện rằng, Am Môn và La Mô Ni lại tiếp tục cuộc hành trình đến xứ Mi Đô Ni. Và La Mô Ni chiếm được cảm tình của vua xứ ấy, vì thế mà các anh em của Am Môn được dẫn ra khỏi ngục tù.

29 Và khi Am Môn gặp họ, ông rất đỗi đau lòng, vì này, họ trần truồng và da thịt họ trầy trụa khắp nơi vì bị trói bởi những dây thừng rắn chắc. Họ còn bị đói khát và chịu đựng đủ mọi thứ cơ cực khác; tuy nhiên họ rất kiên nhẫn trong mọi sự đau khổ của mình.

30 Và việc đã xảy ra như vậy cũng vì số phận họ đã bị rơi vào một dân tộc chai đá và cứng cổ hơn. Vậy nên chúng không chịu nghe theo những lời của họ, chúng đã đánh đuổi họ từ nhà này qua nhà khác, và từ chốn nọ qua chốn kia cho đến lúc họ đến xứ Mi Đô Ni; và ở đây, họ bị bắt giam vào ngục thất, và bị trói bằng dây thừng rắn chắc, và bị giam cầm trong ngục thất nhiều ngày, và rồi được Am Môn và La Mô Ni đến giải cứu.

And I will also grant unto thee that thy brethren may be cast out of prison, and thou and thy brethren may come unto me, in my kingdom; for I shall greatly desire to see thee. For the king was greatly astonished at the words which he had spoken, and also at the words which had been spoken by his son Lamoni, therefore he was desirous to learn them.

And it came to pass that Ammon and Lamoni proceeded on their journey towards the land of Middoni. And Lamoni found favor in the eyes of the king of the land; therefore the brethren of Ammon were brought forth out of prison.

And when Ammon did meet them he was exceedingly sorrowful, for behold they were naked, and their skins were worn exceedingly because of being bound with strong cords. And they also had suffered hunger, thirst, and all kinds of afflictions; nevertheless they were patient in all their sufferings.

And, as it happened, it was their lot to have fallen into the hands of a more hardened and a more stiff-necked people; therefore they would not hearken unto their words, and they had cast them out, and had smitten them, and had driven them from house to house, and from place to place, even until they had arrived in the land of Middoni; and there they were taken and cast into prison, and bound with strong cords, and kept in prison for many days, and were delivered by Lamoni and Ammon.

Thiên ký thuật về việc truyền giáo của A Rôn, Mơ Lô Ki và các anh em của họ cho dân La Man.

## An Ma 21

- 1 Giờ đây sau khi Am Môn cùng các anh em của ông chia tay từ giã nhau ở biên thùy xứ La Man, này, A Rôn lên đường tiến về xứ có tên gọi là Giê Ru Sa Lem, do dân La Man đặt ra theo tên quê hương của tổ phụ họ; và xứ ấy nằm sát tận biên giới Mạc Môn.
- 2 Bây giờ, dân La Man cùng dân A Ma Léc và dân A Mu Lôn đã xây dựng lên một thành phố lớn gọi là Giê Ru Sa Lem.
- 3 Bây giờ dân La Man một mình đã là một dân tộc chai đá rồi, vậy mà dân A Ma Léc và dân A Mu Lôn lại càng chai đá hơn; do đó, họ khiến cho dân La Man chai đá trong lòng, ngõ hầu tất cả càng đi sâu vào sự độc ác và hành vi khả ố của mình.
- 4 Và chuyện rằng, A Rôn đến thành phố Giê Ru Sa Lem, và việc đầu tiên là ông bắt đầu thuyết giảng cho dân A Ma Léc. Và ông bắt đầu thuyết giảng cho họ trong các nhà hội của họ, vì họ đã xây dựng nhiều nhà hội theo kiểu cách của dân Nê Hô; vì đa số dân A Ma Léc và dân A Mu Lôn đều theo lẽ lối của dân Nê Hô.
- 5 Vậy nên, khi A Rôn đi vào nhà hội của họ để thuyết giảng cho dân chúng nghe, và trong khi ông đang nói, này, có một người A Ma Léc đứng lên tranh luận với ông mà rằng: Ông đã làm chứng điều gì? Phải chăng ông đã trông thấy một thiên sứ? Tại sao thiên sứ không xuất hiện cho chúng tôi thấy? Này, phải chăng dân này không tốt bằng dân của ông?
- 6 Ông còn bảo rằng, nếu chúng tôi không hối cải thì chúng tôi sẽ phải bị diệt vong. Làm sao ông hiểu được những ý tưởng và những ý định trong lòng chúng tôi? Làm sao ông biết được là chúng tôi có lý do để hối cải? Làm sao ông biết được rằng chúng tôi là một dân tộc không ngay chính? Này, chúng tôi đã xây dựng các thánh đường, và chúng tôi cũng tụ họp lại để thờ phượng Thượng Đế. Chúng tôi tin rằng Thượng Đế sẽ cứu rỗi tất cả mọi người.

An account of the preaching of Aaron, and Muloki, and their brethren, to the Lamanites.

## Alma 21

Now when Ammon and his brethren separated themselves in the borders of the land of the Lamanites, behold Aaron took his journey towards the land which was called by the Lamanites, Jerusalem, calling it after the land of their fathers' nativity; and it was away joining the borders of Mormon.

Now the Lamanites and the Amalekites and the people of Amulon had built a great city, which was called Jerusalem.

Now the Lamanites of themselves were sufficiently hardened, but the Amalekites and the Amulonites were still harder; therefore they did cause the Lamanites that they should harden their hearts, that they should wax strong in wickedness and their abominations.

And it came to pass that Aaron came to the city of Jerusalem, and first began to preach to the Amalekites. And he began to preach to them in their synagogues, for they had built synagogues after the order of the Nehors; for many of the Amalekites and the Amulonites were after the order of the Nehors.

Therefore, as Aaron entered into one of their synagogues to preach unto the people, and as he was speaking unto them, behold there arose an Amalekite and began to contend with him, saying: What is that thou hast testified? Hast thou seen an angel? Why do not angels appear unto us? Behold are not this people as good as thy people?

Thou also sayest, except we repent we shall perish. How knowest thou the thought and intent of our hearts? How knowest thou that we have cause to repent? How knowest thou that we are not a righteous people? Behold, we have built sanctuaries, and we do assemble ourselves together to worship God. We do believe that God will save all men.



- 7 Bấy giờ A Rôn bèn hỏi anh ta rằng: Vậy anh có tin rằng Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ đến để cứu chuộc loài người khỏi tội lỗi của họ không?
- 8 Và người ấy đáp lại rằng: Chúng tôi không tin là ông biết được những việc như vậy. Chúng tôi không tin vào những truyền thống điên rồ này. Chúng tôi không tin là ông biết được những việc sẽ xảy đến, và chúng tôi cũng không tin rằng tổ phụ của ông lẫn tổ phụ của chúng tôi đã biết được những điều mà họ nói là sẽ phải xảy đến.
- 9 Bấy giờ A Rôn bắt đầu giảng dạy cho họ biết những đoạn thánh thư có liên quan đến sự hiện đến của Đấng Ky Tô cùng sự phục sinh của kẻ chết, và việc loài người không thể được cứu chuộc nếu không nhờ cái chết và những nỗi thống khổ của Đấng Ky Tô cùng sự chuộc tội bằng máu của Ngài.
- 10 Và chuyện rằng, khi ông bắt đầu giải nghĩa những điều này cho họ nghe thì họ tức giận ông, và bắt đầu nhạo báng ông; và họ không chịu nghe những lời ông nói.
- 11 Vậy nên, khi ông thấy họ không chịu nghe những lời mình nói, ông đã rời bỏ nhà hội của họ và đi đến một làng gọi là A Ni-An Ti, và ở đây ông thấy Mơ Lô Ki đang thuyết giảng lời của Thượng Đế cho họ nghe; và có cả Am Ma và các anh em của ông nữa. Và họ tranh luận về lời của Thượng Đế với nhiều người.
- 12 Và chuyện rằng, họ thấy dân này chai đá trong lòng, nên họ đã ra đi đến xứ Mi Đô Ni. Và họ đã thuyết giảng lời của Thượng Đế cho nhiều người, và có một số ít người tin theo những lời mà họ đã giảng dạy.
- 13 Tuy nhiên, A Rôn và một số anh em của ông đã bị bắt giam vào ngục thất, và số còn lại thì chạy trốn khỏi xứ Mi Đô Ni đến các vùng phụ cận.
- 14 Và những người bị giam vào ngục thất đã phải chịu nhiều điều khổ sở, và họ đã được bàn tay của La Mô Ni và Am Môn giải cứu cùng cho thức ăn và quần áo mặc.
- 15 Và họ lại ra đi để rao truyền lời của Thượng Đế, và họ đã được cứu thoát khỏi nhà giam lần đầu tiên là như vậy; và họ đã chịu thống khổ là như thế đó.

Now Aaron said unto him: Believest thou that the Son of God shall come to redeem mankind from their sins?

And the man said unto him: We do not believe that thou knowest any such thing. We do not believe in these foolish traditions. We do not believe that thou knowest of things to come, neither do we believe that thy fathers and also that our fathers did know concerning the things which they spake, of that which is to come.

Now Aaron began to open the scriptures unto them concerning the coming of Christ, and also concerning the resurrection of the dead, and that there could be no redemption for mankind save it were through the death and sufferings of Christ, and the atonement of his blood.

And it came to pass as he began to expound these things unto them they were angry with him, and began to mock him; and they would not hear the words which he spake.

Therefore, when he saw that they would not hear his words, he departed out of their synagogue, and came over to a village which was called Ani-Anti, and there he found Muloki preaching the word unto them; and also Ammah and his brethren. And they contended with many about the word.

And it came to pass that they saw that the people would harden their hearts, therefore they departed and came over into the land of Middoni. And they did preach the word unto many, and few believed on the words which they taught.

Nevertheless, Aaron and a certain number of his brethren were taken and cast into prison, and the remainder of them fled out of the land of Middoni unto the regions round about.

And those who were cast into prison suffered many things, and they were delivered by the hand of Lamoni and Ammon, and they were fed and clothed.

And they went forth again to declare the word, and thus they were delivered for the first time out of prison; and thus they had suffered.

- 16 Và họ đã đi đến bất cứ nơi nào mà Thánh Linh của Chúa dẫn dắt họ đến, để thuyết giảng lời của Thượng Đế trong mọi nhà hội của dân A Ma Léc, hay trong bất cứ buổi hội họp nào của dân La Man mà họ được phép tham dự.
- 17 Và chuyện rằng, Chúa bắt đầu ban phước cho họ nhiều đến nỗi họ đã mang nhiều người đến sự hiểu biết lẽ thật; phải, họ đã thuyết phục được nhiều người biết được về tội lỗi của mình và về những truyền thống sai lầm của tổ phụ họ.
- 18 Và chuyện rằng, Am Môn và La Mô Ni từ xứ Mi Đô Ni trở về xứ Ích Ma Ên là xứ thừa hưởng của họ.
- 19 Và vua La Mô Ni không chịu để cho Am Môn phải phục dịch ông hay làm một tôi tớ của ông.
- 20 Nhưng vua cho xây cất nhiều nhà hội trong xứ Ích Ma Ên; và vua còn khiến dân của ông, tức là những người dưới quyền cai trị của ông, phải nhóm họp tại đó.
- 21 Và vua đã vui mừng về họ và giảng dạy cho họ nhiều điều. Và vua còn tuyên bố cùng họ rằng, họ là một dân tộc tự do, chỉ dưới quyền ông mà thôi, và rằng họ đã thoát khỏi sự áp bức của phụ vương ông; vì phụ vương ông đã cho phép ông được quyền trị vì dân của ông trong xứ Ích Ma Ên và tất cả các vùng phụ cận.
- 22 Và vua còn tuyên bố cùng họ rằng, họ được tự do thờ phượng Chúa, Thượng Đế của họ, theo ý muốn của họ tại bất cứ nơi nào mà họ ở, nếu nơi đó thuộc quyền cai trị của vua La Mô Ni.
- 23 Và Am Môn đã thuyết giảng cho dân của vua La Mô Ni; và chuyện rằng, ông giảng dạy cho họ về tất cả mọi điều thuộc về sự ngay chính. Và hằng ngày ông khuyên nhủ họ với tất cả sự cần mẫn của ông; và họ chú tâm vào lời giảng của ông, và cũng rất nhiệt thành tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế.

And they went forth whithersoever they were led by the Spirit of the Lord, preaching the word of God in every synagogue of the Amalekites, or in every assembly of the Lamanites where they could be admitted.

And it came to pass that the Lord began to bless them, insomuch that they brought many to the knowledge of the truth; yea, they did convince many of their sins, and of the traditions of their fathers, which were not correct.

And it came to pass that Ammon and Lamoni returned from the land of Middoni to the land of Ishmael, which was the land of their inheritance.

And king Lamoni would not suffer that Ammon should serve him, or be his servant.

But he caused that there should be synagogues built in the land of Ishmael; and he caused that his people, or the people who were under his reign, should assemble themselves together.

And he did rejoice over them, and he did teach them many things. And he did also declare unto them that they were a people who were under him, and that they were a free people, that they were free from the oppressions of the king, his father; for that his father had granted unto him that he might reign over the people who were in the land of Ishmael, and in all the land round about.

And he also declared unto them that they might have the liberty of worshiping the Lord their God according to their desires, in whatsoever place they were in, if it were in the land which was under the reign of king Lamoni.

And Ammon did preach unto the people of king Lamoni; and it came to pass that he did teach them all things concerning things pertaining to righteousness. And he did exhort them daily, with all diligence; and they gave heed unto his word, and they were zealous for keeping the commandments of God.

## An Ma 22

- 1 Giờ đây, trong lúc Am Môn đang còn tiếp tục giảng dạy cho dân của vua La Mô Ni, chúng ta hãy trở lại truyện ký về A Rôn và các anh em của ông; vì sau khi ông rời khỏi xứ Mi Đô Ni, ông được Thánh Linh dẫn dắt đến xứ Nê Phi, đến tận cung của vị vua cai trị toàn xứ, trừ xứ Ích Ma Ên; và vị vua đó là thân phụ của La Mô Ni.
- 2 Và chuyện rằng, ông cùng các anh em của mình đi đến yết kiến vua tại cung điện của vua. Ông cúi mình trước mặt vua mà tâm rằng: Này, muôn tâu bệ hạ, chúng tôi là anh em của Am Môn, là những người đã được bệ hạ giải thoát khỏi ngục tù.
- 3 Và giờ đây, muôn tâu bệ hạ, nếu bệ hạ tha cho chúng tôi được toàn mạng thì chúng tôi nguyện sẽ làm tôi tớ cho bệ hạ. Vua bèn nói cùng họ rằng: Hãy đứng lên, trẫm bằng lòng tha mạng sống cho các người, nhưng trẫm không muốn các người làm tôi tớ cho trẫm; trẫm muốn yêu cầu các người giảng dạy trẫm, vì trẫm cảm thấy phần nào rối trí về lòng quảng đại và sự cao cả của những lời nói của Am Môn là anh em của các người; và trẫm muốn biết vì lý do gì Am Môn không đến cùng với các người từ Mi Đô Ni.
- 4 A Rôn bèn trả lời vua rằng: Này, Thánh Linh của Chúa đã kêu gọi ông ta đi hướng khác; ông ta đã đi về xứ Ích Ma Ên để giảng dạy cho dân của La Mô Ni.
- 5 Bây giờ, vua bèn hỏi họ rằng: Khanh vừa nói gì về Thánh Linh của Chúa? Này, đây là điều đang làm rối trí trẫm.
- 6 Và lại nữa, điều mà Am Môn nói như vậy có nghĩa là gì: Nếu các người hối cải thì các người sẽ được cứu; còn nếu các người không hối cải thì các người sẽ bị khai trừ vào ngày sau cùng?
- 7 A Rôn bèn đáp lời vua và hỏi vua rằng: Bệ hạ có tin là có một Thượng Đế không? Và vua đáp: Trẫm nghe dân A Ma Léc bảo rằng có một Thượng Đế, và trẫm đã cho phép họ xây dựng những thánh đường để họ có thể tụ họp lại mà thờ phượng Ngài. Và nếu bây giờ khanh nói là có một Thượng Đế, này, trẫm sẽ tin.

## Alma 22

Now, as Ammon was thus teaching the people of Lamoni continually, we will return to the account of Aaron and his brethren; for after he departed from the land of Middoni he was led by the Spirit to the land of Nephi, even to the house of the king which was over all the land save it were the land of Ishmael; and he was the father of Lamoni.

And it came to pass that he went in unto him into the king's palace, with his brethren, and bowed himself before the king, and said unto him: Behold, O king, we are the brethren of Ammon, whom thou hast delivered out of prison.

And now, O king, if thou wilt spare our lives, we will be thy servants. And the king said unto them: Arise, for I will grant unto you your lives, and I will not suffer that ye shall be my servants; but I will insist that ye shall administer unto me; for I have been somewhat troubled in mind because of the generosity and the greatness of the words of thy brother Ammon; and I desire to know the cause why he has not come up out of Middoni with thee.

And Aaron said unto the king: Behold, the Spirit of the Lord has called him another way; he has gone to the land of Ishmael, to teach the people of Lamoni.

Now the king said unto them: What is this that ye have said concerning the Spirit of the Lord? Behold, this is the thing which doth trouble me.

And also, what is this that Ammon said—If ye will repent ye shall be saved, and if ye will not repent, ye shall be cast off at the last day?

And Aaron answered him and said unto him: Believest thou that there is a God? And the king said: I know that the Amalekites say that there is a God, and I have granted unto them that they should build sanctuaries, that they may assemble themselves together to worship him. And if now thou sayest there is a God, behold I will believe.

- 8 Và giờ đây, khi A Rôn nghe được như vậy thì lòng ông bắt đầu thấy vui mừng, ông bèn nói rằng: Nay, muôn tâu bệ hạ, chắc chắn như bệ hạ đang sống, quả thật có một Thượng Đế.
- 9 Và vua hỏi: Phải chăng Thượng Đế là Vị Thần Vĩ Đại đã dẫn dắt tổ phụ chúng ta rời khỏi xứ Giê Ru Sa Lem?
- 10 A Rôn bèn nói với vua rằng: Thưa phải, chính Ngài là Vị Thần Vĩ Đại đó, và Ngài đã sáng tạo tất cả mọi vật, cả trên trời lẫn dưới đất. Bệ hạ có tin điều này chăng?
- 11 Vua bèn đáp: Có, trẫm tin rằng Vị Thần Vĩ Đại đã sáng tạo tất cả mọi vật, và trẫm muốn khanh kể cho trẫm nghe về tất cả những điều này, và trẫm sẽ tin những lời khanh nói.
- 12 Và chuyện rằng, khi A Rôn thấy vua sẽ tin những lời mình nói, ông bèn bắt đầu đọc cho vua nghe các đoạn thánh thư từ thời sáng tạo A Đam—Thượng Đế đã sáng tạo loài người theo hình ảnh của Ngài như thế nào, và Thượng Đế đã ban cho loài người các lệnh truyền, và vì vi phạm nên loài người đã sa ngã.
- 13 Rồi A Rôn giải nghĩa thánh thư cho vua nghe từ thời sáng tạo A Đam, trình bày cho vua thấy sự sa ngã của loài người, trạng thái trần tục của họ, cùng kế hoạch cứu chuộc, là kế hoạch đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng, qua Đấng Ky Tô, cho bất cứ những ai biết tin vào danh Ngài.
- 14 Và vì loài người đã sa ngã nên tự bản thân họ không thể hưởng được gì nữa. Nhưng những sự thống khổ và cái chết của Đấng Ky Tô sẽ chuộc tội lỗi của họ, qua đức tin và sự hối cải, vân vân; và Ngài sẽ bứt bỏ những dây trói buộc của sự chết, để cho mộ phần sẽ không còn thắng thế nữa và nọc độc của sự chết phải bị nuốt trọn trong niềm hy vọng về vinh quang. Và A Rôn đã giải nghĩa tất cả những điều này cho vua nghe.

And now when Aaron heard this, his heart began to rejoice, and he said: Behold, assuredly as thou livest, O king, there is a God.

And the king said: Is God that Great Spirit that brought our fathers out of the land of Jerusalem?

And Aaron said unto him: Yea, he is that Great Spirit, and he created all things both in heaven and in earth. Believest thou this?

And he said: Yea, I believe that the Great Spirit created all things, and I desire that ye should tell me concerning all these things, and I will believe thy words.

And it came to pass that when Aaron saw that the king would believe his words, he began from the creation of Adam, reading the scriptures unto the king—how God created man after his own image, and that God gave him commandments, and that because of transgression, man had fallen.

And Aaron did expound unto him the scriptures from the creation of Adam, laying the fall of man before him, and their carnal state and also the plan of redemption, which was prepared from the foundation of the world, through Christ, for all whosoever would believe on his name.

And since man had fallen he could not merit anything of himself; but the sufferings and death of Christ atone for their sins, through faith and repentance, and so forth; and that he breaketh the bands of death, that the grave shall have no victory, and that the sting of death should be swallowed up in the hopes of glory; and Aaron did expound all these things unto the king.

15 Và chuyện rằng, sau khi A Rôn thuyết giảng xong những điều này cho vua nghe, vua bèn hỏi: Vậy trẫm phải làm gì để trẫm có thể có được cuộc sống vĩnh cửu như khanh vừa nói đó? Phải, trẫm phải làm gì để trẫm có thể được Thượng Đế sinh ra, để cho ác linh này được nhổ ra khỏi lòng ngực trẫm, và để tiếp nhận Thánh Linh của Ngài ngõ hầu được tràn đầy niềm vui sướng và khỏi bị khai trừ vào ngày sau cùng? Vua nói, này, trẫm sẽ từ bỏ tất cả những gì trẫm có, phải, trẫm sẽ từ bỏ vương quốc của mình để trẫm có thể nhận được niềm vui lớn lao này.

16 Nhưng A Rôn nói với vua rằng: Nếu bệ hạ mong muốn điều này, nếu bệ hạ biết cúi mình trước mặt Thượng Đế, phải, nếu bệ hạ biết hối cải tất cả những tội lỗi của mình và cúi mình trước mặt Thượng Đế, cùng cầu gọi danh Ngài trong đức tin, và tin tưởng rằng mình sẽ nhận được, thì lúc đó bệ hạ sẽ nhận được niềm hy vọng như bệ hạ mong muốn.

17 Và chuyện rằng, khi A Rôn vừa nói xong những lời này, vua liền cúi mình quỳ xuống trước mặt Chúa; phải, vua rập mình xuống đất và kêu cầu tha thiết lên rằng:

18 Hỡi Thượng Đế, A Rôn nói với con rằng có một Thượng Đế; và nếu quả có một Thượng Đế, và nếu Ngài chính là Thượng Đế thì xin Ngài cho con được biết, hầu con từ bỏ tất cả mọi tội lỗi của con để chỉ biết có Ngài, để con có thể được sống lại từ cõi chết và được cứu rỗi vào ngày sau cùng. Và giờ đây sau khi nhà vua nói xong những lời này, ông liền bị ngất lịm đi như người đã chết.

19 Và chuyện rằng, các tôi tớ của vua chạy đi báo cho hoàng hậu biết tất cả những việc đã xảy đến cho vua. Và hoàng hậu đến bên vua; và khi bà trông thấy vua nằm như người chết, còn A Rôn cùng các anh em của ông đang đứng gần đó, có vẻ như là nguyên nhân làm cho vua phải ngất lịm, bà tức giận họ và truyền lệnh cho các tôi tớ của bà, hay nói đúng hơn, các tôi tớ của vua, phải bắt họ đem ra hành quyết.

And it came to pass that after Aaron had expounded these things unto him, the king said: What shall I do that I may have this eternal life of which thou hast spoken? Yea, what shall I do that I may be born of God, having this wicked spirit rooted out of my breast, and receive his Spirit, that I may be filled with joy, that I may not be cast off at the last day? Behold, said he, I will give up all that I possess, yea, I will forsake my kingdom, that I may receive this great joy.

But Aaron said unto him: If thou desirest this thing, if thou wilt bow down before God, yea, if thou wilt repent of all thy sins, and will bow down before God, and call on his name in faith, believing that ye shall receive, then shalt thou receive the hope which thou desirest.

And it came to pass that when Aaron had said these words, the king did bow down before the Lord, upon his knees; yea, even he did prostrate himself upon the earth, and cried mightily, saying:

O God, Aaron hath told me that there is a God; and if there is a God, and if thou art God, wilt thou make thyself known unto me, and I will give away all my sins to know thee, and that I may be raised from the dead, and be saved at the last day. And now when the king had said these words, he was struck as if he were dead.

And it came to pass that his servants ran and told the queen all that had happened unto the king. And she came in unto the king; and when she saw him lay as if he were dead, and also Aaron and his brethren standing as though they had been the cause of his fall, she was angry with them, and commanded that her servants, or the servants of the king, should take them and slay them.

- 20 Bấy giờ các tôi tớ đã trông thấy nguyên nhân làm cho vua ngất lịm nên họ không dám đưa tay bắt A Rôn và các anh em của ông. Họ bèn van xin hoàng hậu rằng: Sao hoàng hậu lại ra lệnh chúng tôi phải giết những người này, này, khi mà chỉ một người trong bọn họ cũng đủ mạnh hơn tất cả chúng tôi đây? Vì vậy chúng tôi sẽ phải ngã gục trước mặt họ.
- 21 Bấy giờ, khi hoàng hậu trông thấy vẻ kinh hãi của các tôi tớ, bà cũng cảm thấy sợ hãi vô cùng, e rằng điều dữ sẽ đến với bà. Bà bèn ra lệnh cho các tôi tớ đi gọi dân chúng lại để họ có thể giết chết A Rôn và các anh em của ông.
- 22 Bấy giờ khi A Rôn trông thấy sự quyết tâm của hoàng hậu và ông cũng hiểu tấm lòng chai đá của dân chúng, nên ông sợ rằng, nếu để dân chúng tụ họp lại thì sẽ có sự tranh chấp và rối loạn lớn giữa họ; do đó ông bước tới đưa tay đỡ vua lên khỏi mặt đất và bảo vua rằng: Hãy đứng lên. Vua liền đứng lên, và hồi sức lại như cũ.
- 23 Bấy giờ việc này đã xảy ra trước mặt hoàng hậu và nhiều tôi tớ. Và khi họ trông thấy điều xảy ra như vậy, họ kinh ngạc vô cùng và bắt đầu sợ hãi. Rồi vua đứng ra và bắt đầu giảng dạy cho họ nghe. Và vua giảng dạy cho họ nhiều điều đến nỗi tất cả hoàng gia đều cải đạo theo Chúa.
- 24 Bấy giờ có một đám đông đã tụ họp lại theo lệnh truyền của hoàng hậu, và đã bắt đầu có những tiếng ta thán ở giữa họ vì A Rôn và các anh em của ông.
- 25 Nhưng nhà vua đã đứng ra giữa đám đông và giảng dạy cho họ. Và họ nguôi giận đối với A Rôn và những người đi theo ông.
- 26 Và chuyện rằng, khi vua thấy dân chúng đã nguôi giận, vua bèn bảo A Rôn và các anh em của ông hãy ra đứng ra giữa đám dân chúng mà thuyết giảng lời của Thượng Đế cho họ nghe.

Now the servants had seen the cause of the king's fall, therefore they durst not lay their hands on Aaron and his brethren; and they pled with the queen saying: Why commandest thou that we should slay these men, when behold one of them is mightier than us all? Therefore we shall fall before them.

Now when the queen saw the fear of the servants she also began to fear exceedingly, lest there should some evil come upon her. And she commanded her servants that they should go and call the people, that they might slay Aaron and his brethren.

Now when Aaron saw the determination of the queen, he, also knowing the hardness of the hearts of the people, feared lest that a multitude should assemble themselves together, and there should be a great contention and a disturbance among them; therefore he put forth his hand and raised the king from the earth, and said unto him: Stand. And he stood upon his feet, receiving his strength.

Now this was done in the presence of the queen and many of the servants. And when they saw it they greatly marveled, and began to fear. And the king stood forth, and began to minister unto them. And he did minister unto them, insomuch that his whole household were converted unto the Lord.

Now there was a multitude gathered together because of the commandment of the queen, and there began to be great murmurings among them because of Aaron and his brethren.

But the king stood forth among them and administered unto them. And they were pacified towards Aaron and those who were with him.

And it came to pass that when the king saw that the people were pacified, he caused that Aaron and his brethren should stand forth in the midst of the multitude, and that they should preach the word unto them.

27 Và chuyện rằng, vua gửi một hịch truyền khắp xứ, cho tất cả mọi người dân của ông đang sống trên khắp xứ của ông, những người đang sống trên khắp các vùng quanh đó, xứ này giáp ranh với biển, về phía đông và về phía tây, bị chia cách xứ Gia Ra Hem La bởi một dải đất hoang dã hẹp, mà dải đất này chạy dài từ biển phía đông qua biển phía tây, cùng những vùng nằm quanh bờ biển và các vùng ranh giới của vùng hoang dã nằm về hướng bắc bên cạnh xứ Gia Ra Hem La, xuyên qua các ranh giới của xứ Man Ti, cạnh đầu sông Si Đôn, chạy dài từ đông sang tây—và hai sắc dân Nê Phi và La Man bị chia cách ra như vậy đó.

28 Bây giờ, những phần tử lười biếng nhất của dân La Man đều sống trong vùng hoang dã và ở trong các túp lều. Chúng ở rải rác trong vùng hoang dã về phía tây, thuộc xứ Nê Phi; phải, và cũng ở luôn cả về phía tây xứ Gia Ra Hem La nằm trong các vùng ranh giới cạnh bờ biển và về phía tây trong xứ Nê Phi, trong phần đất thừa hưởng đầu tiên của tổ phụ chúng, và do đó nằm giáp ranh dọc theo bờ biển.

29 Và cũng có nhiều dân La Man ở về hướng đông gần bờ biển, là nơi mà dân Nê Phi đã đánh đuổi chúng chạy tới. Và như vậy dân Nê Phi hầu như bị dân La Man bao vây tứ phía; tuy nhiên dân Nê Phi cũng đã chiếm được tất cả phần đất hướng bắc, giáp ranh với vùng hoang dã tại đầu sông Si Đôn, từ đông sang tây, chạy vòng quanh vùng hoang dã lên đến hướng bắc, đến tận xứ mà họ gọi là Phong Phú.

30 Và xứ này giáp ranh với một xứ gọi là Hoang Vu. Xứ này ở rất xa về phía bắc, đến tận một xứ mà trước kia đã có dân cư sống ở đó và đã bị hủy diệt, mà đồng xương tàn của họ đã được dân Gia Ra Hem La khám phá ra như chúng tôi đã nói tới, và đây cũng là nơi họ đổ bộ lên lần đầu tiên.

31 Và từ nơi đó, họ đi tới phía nam vùng hoang dã. Như vậy xứ phía bắc gọi là Hoang Vu và xứ phía nam gọi là Phong Phú, và xứ này là một vùng hoang dã đầy đầy dã thú đủ loại, mà một phần chúng từ phương bắc xuống kiếm mồi.

And it came to pass that the king sent a proclamation throughout all the land, amongst all his people who were in all his land, who were in all the regions round about, which was bordering even to the sea, on the east and on the west, and which was divided from the land of Zarahemla by a narrow strip of wilderness, which ran from the sea east even to the sea west, and round about on the borders of the seashore, and the borders of the wilderness which was on the north by the land of Zarahemla, through the borders of Manti, by the head of the river Sidon, running from the east towards the west—and thus were the Lamanites and the Nephites divided.

Now, the more idle part of the Lamanites lived in the wilderness, and dwelt in tents; and they were spread through the wilderness on the west, in the land of Nephi; yea, and also on the west of the land of Zarahemla, in the borders by the seashore, and on the west in the land of Nephi, in the place of their fathers' first inheritance, and thus bordering along by the seashore.

And also there were many Lamanites on the east by the seashore, whither the Nephites had driven them. And thus the Nephites were nearly surrounded by the Lamanites; nevertheless the Nephites had taken possession of all the northern parts of the land bordering on the wilderness, at the head of the river Sidon, from the east to the west, round about on the wilderness side; on the north, even until they came to the land which they called Bountiful.

And it bordered upon the land which they called Desolation, it being so far northward that it came into the land which had been peopled and been destroyed, of whose bones we have spoken, which was discovered by the people of Zarahemla, it being the place of their first landing.

And they came from there up into the south wilderness. Thus the land on the northward was called Desolation, and the land on the southward was called Bountiful, it being the wilderness which is filled with all manner of wild animals of every kind, a part of which had come from the land northward for food.

32 Và bây giờ, chỉ mất một ngày rưỡi đường bộ cho một người dân Nê Phi đi từ ranh giới xứ Phong Phú đến xứ Hoang Vu, từ biển đông qua biển tây; và như vậy là xứ Nê Phi và xứ Gia Ra Hem La hầu như bị bao vây bởi biển cả, và ở giữa hai miền nam bắc là một dải đất hẹp.

33 Và chuyện rằng, dân Nê Phi trước kia đã ở trong xứ Phong Phú, từ biển phía đông qua biển phía tây; và với sự khôn ngoan của mình, dân Nê Phi đã cho quân đội và vệ binh của mình ngăn chặn dân La Man ở phía nam, khiến chúng không có một sự chiếm hữu nào nữa ở phía bắc, để chúng không thể tràn ngập đất miền bắc được.

34 Vậy nên dân La Man không thể có một sự chiếm hữu nào nữa ngoại trừ xứ Nê Phi và vùng hoang dã chung quanh. Bây giờ, đó là sự khôn ngoan của dân Nê Phi—vì dân La Man là kẻ thù của họ, nên họ không chịu để chúng làm khổ mình từ mọi mặt, và cũng để cho họ có được một xứ mà họ có thể chạy trốn tới, tùy theo ý muốn của họ.

35 Và giờ đây, sau khi đã nói hết những điều này, tôi xin trở lại truyện ký về Am Môn, A Rôn, Ôm Nê, Him Ni, và các anh em của họ.

And now, it was only the distance of a day and a half's journey for a Nephite, on the line Bountiful and the land Desolation, from the east to the west sea; and thus the land of Nephi and the land of Zarahemla were nearly surrounded by water, there being a small neck of land between the land northward and the land southward.

And it came to pass that the Nephites had inhabited the land Bountiful, even from the east unto the west sea, and thus the Nephites in their wisdom, with their guards and their armies, had hemmed in the Lamanites on the south, that thereby they should have no more possession on the north, that they might not overrun the land northward.

Therefore the Lamanites could have no more possessions only in the land of Nephi, and the wilderness round about. Now this was wisdom in the Nephites—as the Lamanites were an enemy to them, they would not suffer their afflictions on every hand, and also that they might have a country whither they might flee, according to their desires.

And now I, after having said this, return again to the account of Ammon and Aaron, Omner and Himni, and their brethren.



## An Ma 23

- 1    Này, giờ đây, chuyện rằng, vua dân La Man ra một hịch truyền cho toàn dân của ông, là họ không được động tay tới Am Môn, hay A Rôn, hay Ôm Nê, hay Him Ni, hay bất cứ anh em nào của họ, là những người đi thuyết giảng lời của Thượng Đế, tại bất cứ nơi nào họ đến, trong bất cứ phần đất nào trong xứ.
- 2    Phải, vua ban một chiếu chỉ cho dân chúng là không được động tay tới họ, không được bắt trời hay giam cầm họ, cũng như không được khạc nhổ vào họ, không được đánh đập hay xua đuổi họ ra khỏi các nhà hội của mình, không được áp chế họ, cũng như không được ném đá vào họ, mà trái lại, họ cần phải có được tự do vào nhà mình hay vào các đền thờ và các thánh đường của mình.
- 3    Và nhờ đó mà họ có thể đi thuyết giảng lời của Thượng Đế theo ý muốn của họ, vì vua và tất cả hoàng gia đều đã được cải đạo theo Chúa; vậy nên vua mới ra một hịch truyền cho dân của mình ở khắp nước, để lời của Thượng Đế không gặp trở ngại, trái lại còn được truyền bá khắp xứ, ngõ hầu dân của ông có thể được thuyết phục để biết về những truyền thống tà ác của tổ phụ mình, và họ có thể được thuyết phục để biết rằng, họ đều là anh em với nhau, và họ không được sát nhân, cướp bóc, trộm cắp, phạm tội ngoại tình hay phạm bất cứ hành vi tà ác nào.
- 4    Và giờ đây, chuyện rằng, sau khi vua ra hịch truyền này, thì A Rôn cùng các anh em mình đều đi từ thành phố này qua thành phố khác, từ nhà thờ này qua nhà thờ khác, thiết lập các giáo hội, và lập lên các thầy tư tế và các thầy giảng giữa dân La Man khắp trong xứ, để thuyết giáo và giảng dạy lời của Thượng Đế cho dân chúng; và như thế là họ đã bắt đầu có được sự thành công lớn lao.
- 5    Và có hàng ngàn người được dẫn dắt tới sự hiểu biết về Chúa, phải, có hàng ngàn người được dẫn dắt để tin theo các truyền thống của dân Nê Phi; và họ còn được giảng dạy về các biên sử và các lời tiên tri được lưu truyền từ trước đến nay.

## Alma 23

Behold, now it came to pass that the king of the Lamanites sent a proclamation among all his people, that they should not lay their hands on Ammon, or Aaron, or Omner, or Himni, nor either of their brethren who should go forth preaching the word of God, in whatsoever place they should be, in any part of their land.

Yea, he sent a decree among them, that they should not lay their hands on them to bind them, or to cast them into prison; neither should they spit upon them, nor smite them, nor cast them out of their synagogues, nor scourge them; neither should they cast stones at them, but that they should have free access to their houses, and also their temples, and their sanctuaries.

And thus they might go forth and preach the word according to their desires, for the king had been converted unto the Lord, and all his household; therefore he sent his proclamation throughout the land unto his people, that the word of God might have no obstruction, but that it might go forth throughout all the land, that his people might be convinced concerning the wicked traditions of their fathers, and that they might be convinced that they were all brethren, and that they ought not to murder, nor to plunder, nor to steal, nor to commit adultery, nor to commit any manner of wickedness.

And now it came to pass that when the king had sent forth this proclamation, that Aaron and his brethren went forth from city to city, and from one house of worship to another, establishing churches, and consecrating priests and teachers throughout the land among the Lamanites, to preach and to teach the word of God among them; and thus they began to have great success.

And thousands were brought to the knowledge of the Lord, yea, thousands were brought to believe in the traditions of the Nephites; and they were taught the records and prophecies which were handed down even to the present time.

- 6 Và chắc chắn như Chúa là Đấng hằng sống, quả thật có nhiều người đã tin, hay nói cách khác, nhiều người đã được dẫn dắt tới sự hiểu biết lẽ thật, nhờ sự thuyết giảng của Am Môn và các anh em ông, thể theo tinh thần mặc khải và tiên tri, và quyền năng của Thượng Đế làm nhiều phép lạ trong họ—phải, tôi nói cho các người hay, như Chúa là Đấng hằng sống, quả thật nhiều người dân La Man sau khi tin theo lời thuyết giáo của các vị này, và đã cải đạo theo Chúa, họ không hề bỏ đạo.
- 7 Vì họ đã trở thành một dân tộc ngay chính; họ đã dẹp bỏ các khí giới phản nghịch của mình để không còn chống lại Thượng Đế nữa, cũng như không còn chống lại bất cứ một người đồng bào nào của họ nữa.
- 8 Giờ đây, đây là những người đã được cải đạo theo Chúa:
- 9 Những người La Man sống trong xứ Ích Ma Ên;
- 10 Cùng những người La Man sống trong xứ Mi Đô Ni;
- 11 Và những người La Man sống trong thành phố Nê Phi;
- 12 Và những người La Man sống trong xứ Si Lôm, và những người sống trong xứ Sem Lân, trong thành phố Lê Mu Ên và trong thành phố Sim Ni Lom.
- 13 Và trên đây là tên những thành phố của người La Man được cải đạo theo Chúa; và những người này là những người đã dẹp bỏ khí giới phản nghịch của họ, phải, tất cả những vũ khí chiến tranh của họ; và tất cả những người này đều là dân La Man.
- 14 Còn dân A Ma Léc thì không chịu cải đạo, chỉ trừ ra một người; cũng như không có một người dân A Mu Lôn nào chịu cải đạo, trái lại chúng chai đá trong lòng, và cả những người La Man đang cư ngụ trên phần đất của chúng cũng vậy, phải, và trong tất cả các làng mạc hay thành phố của chúng.
- 15 Vậy nên chúng tôi đã kể tên tất cả những thành phố nào của dân La Man biết hối cải và ý thức được lẽ thật và được cải đạo.

And as sure as the Lord liveth, so sure as many as believed, or as many as were brought to the knowledge of the truth, through the preaching of Ammon and his brethren, according to the spirit of revelation and of prophecy, and the power of God working miracles in them—yea, I say unto you, as the Lord liveth, as many of the Lamanites as believed in their preaching, and were converted unto the Lord, never did fall away.

For they became a righteous people; they did lay down the weapons of their rebellion, that they did not fight against God any more, neither against any of their brethren.

Now, these are they who were converted unto the Lord:

The people of the Lamanites who were in the land of Ishmael;

And also of the people of the Lamanites who were in the land of Middoni;

And also of the people of the Lamanites who were in the city of Nephi;

And also of the people of the Lamanites who were in the land of Shilom, and who were in the land of Shemlon, and in the city of Lemuel, and in the city of Shimnilom.

And these are the names of the cities of the Lamanites which were converted unto the Lord; and these are they that laid down the weapons of their rebellion, yea, all their weapons of war; and they were all Lamanites.

And the Amalekites were not converted, save only one; neither were any of the Amulonites; but they did harden their hearts, and also the hearts of the Lamanites in that part of the land wheresoever they dwelt, yea, and all their villages and all their cities.

Therefore, we have named all the cities of the Lamanites in which they did repent and come to the knowledge of the truth, and were converted.

- 16 Và giờ đây chuyện rằng, nhà vua cùng những người được cải đạo đều mong muốn có một danh hiệu riêng để họ có thể phân biệt được với những người đồng bào của họ; vậy nên vua tham khảo ý kiến với A Rôn và một số đông các thầy tư tế của họ về việc đặt một danh hiệu cho họ để họ được phân biệt.
- 17 Và chuyện rằng, họ lấy danh hiệu là An Ti Nê Phi Lê Hi; và từ đó họ được gọi theo danh hiệu trên và không còn gọi là dân La Man nữa.
- 18 Và họ bắt đầu trở thành một dân tộc rất siêng năng; phải, họ rất thân thiện với dân Nê Phi; vì thế họ mở rộng mối bang giao với dân Nê Phi, và sự rủa sả của Thượng Đế không còn theo họ nữa.

And now it came to pass that the king and those who were converted were desirous that they might have a name, that thereby they might be distinguished from their brethren; therefore the king consulted with Aaron and many of their priests, concerning the name that they should take upon them, that they might be distinguished.

And it came to pass that they called their names Anti-Nephi-Lehies; and they were called by this name and were no more called Lamanites.

And they began to be a very industrious people; yea, and they were friendly with the Nephites; therefore, they did open a correspondence with them, and the curse of God did no more follow them.

## An Ma 24

- 1 Và chuyện rằng, dân A Ma Léc, dân A Mu Lôn, và dân La Man sống trong xứ A Mu Lôn, và trong xứ Hê Lam và những người sống trong xứ Giê Ru Sa Lem, cùng trong tất cả các xứ chung quanh, nói tóm lại là những người không được cải đạo và không lấy tên là dân An Ti Nê Phi Lê Hi đều bị dân A Ma Léc và dân A Mu Lôn xúi giục tức giận chống lại các đồng bào của mình.
- 2 Và sự thù hận của họ đã lên đến cực độ khiến họ nổi dậy chống lại vua của mình, vì họ không muốn để ông làm vua họ nữa; vậy nên họ đã cầm khí giới chống lại dân An Ti Nê Phi Lê Hi.
- 3 Giờ đây, nhà vua đã trao vương quốc lại cho con trai mình, và vua đặt tên cho con trai mình là An Ti Nê Phi Lê Hi.
- 4 Nhà vua băng hà trong năm đó, tức là năm dân La Man bắt đầu chuẩn bị chiến tranh chống lại dân của Thượng Đế.
- 5 Giờ đây, khi Am Môn cùng các anh em của mình và những người đi theo họ thấy sự chuẩn bị chiến tranh của dân La Man để hủy diệt đồng bào của họ, họ bèn lên đường đi đến xứ Ma Đi An, và ở đó, Am Môn gặp tất cả các anh em của ông; và rồi từ nơi đó, họ đi đến xứ Ích Ma Ên để hội nghị với La Mô Ni và với anh của ông ta là An Ti Nê Phi Lê Hi để bàn tính xem họ phải làm gì để tự vệ chống lại dân La Man.
- 6 Giờ đây chẳng có một ai trong số những người đã được cải đạo theo Chúa lại muốn cầm khí giới đánh lại đồng bào mình; không, ngay cả chuyện chuẩn bị chiến tranh họ cũng không muốn; phải, và luôn cả vua của họ cũng bảo họ chớ nên làm như vậy.

## Alma 24

And it came to pass that the Amalekites and the Amulonites and the Lamanites who were in the land of Amulon, and also in the land of Helam, and who were in the land of Jerusalem, and in fine, in all the land round about, who had not been converted and had not taken upon them the name of Anti-Nephi-Lehi, were stirred up by the Amalekites and by the Amulonites to anger against their brethren.

And their hatred became exceedingly sore against them, even insomuch that they began to rebel against their king, insomuch that they would not that he should be their king; therefore, they took up arms against the people of Anti-Nephi-Lehi.

Now the king conferred the kingdom upon his son, and he called his name Anti-Nephi-Lehi.

And the king died in that selfsame year that the Lamanites began to make preparations for war against the people of God.

Now when Ammon and his brethren and all those who had come up with him saw the preparations of the Lamanites to destroy their brethren, they came forth to the land of Midian, and there Ammon met all his brethren; and from thence they came to the land of Ishmael that they might hold a council with Lamoni and also with his brother Anti-Nephi-Lehi, what they should do to defend themselves against the Lamanites.

Now there was not one soul among all the people who had been converted unto the Lord that would take up arms against their brethren; nay, they would not even make any preparations for war; yea, and also their king commanded them that they should not.

7 Thế rồi, sau đây là những lời vua đã nói với dân chúng về việc này: Hỡi đồng bào yêu mến, trẫm xin cảm tạ Thượng Đế của trẫm, vì Đấng Thượng Đế vĩ đại của chúng ta đã vì lòng nhân từ của Ngài mà gửi những người anh em này là những người Nê Phi đến với chúng ta để họ thuyết giảng cho chúng ta, và thuyết phục chúng ta biết được những truyền thống của tổ phụ ác độc của chúng ta.

8 Và này, trẫm cảm tạ Đấng Thượng Đế vĩ đại của trẫm đã ban cho chúng ta một phần Thánh Linh của Ngài để làm mềm lòng chúng ta, khiến chúng ta mở rộng mối bang giao với những người anh em này là những người Nê Phi.

9 Và này, trẫm còn cảm tạ Thượng Đế của trẫm vì nhờ sự mở rộng bang giao này mà chúng ta được thuyết phục để hiểu rõ tội lỗi của chúng ta và bao sự sát nhân mà chúng ta đã phạm phải.

10 Và trẫm còn cảm tạ Thượng Đế của trẫm, phải, Đấng Thượng Đế vĩ đại của trẫm, vì Ngài đã để cho chúng ta hối cải về những việc làm này, và qua công lao của Vị Nam Tử của Ngài, Ngài cũng đã tha thứ cho chúng ta về nhiều tội lỗi và nhiều vụ sát nhân mà chúng ta đã phạm, cùng cất bỏ tội lỗi khỏi trái tim của chúng ta.

11 Và giờ đây này, hỡi đồng bào, đây là tất cả những gì chúng ta có thể làm được (một khi chúng ta đã là những kẻ sa đọa nhất trong loài người) để hối cải tất cả những tội lỗi cùng nhiều vụ sát nhân mà chúng ta đã phạm, và để được Thượng Đế cất bỏ những tội lỗi ấy khỏi trái tim chúng ta, vì đó là tất cả những gì chúng ta có thể làm được để hối cải một cách đầy đủ trước mặt Thượng Đế, ngõ hầu Ngài sẽ cất bỏ vết dơ cho chúng ta—

12 Giờ đây, hỡi các đồng bào thân mến nhất của trẫm, vì Thượng Đế đã cất bỏ những vết dơ của chúng ta nên những lưỡi gươm của chúng ta đã trở nên sáng chói, vậy chúng ta chớ nên để gươm của mình vấy máu của đồng bào chúng ta nữa.

13 Này, trẫm nói cho đồng bào hay: Không, chúng ta hãy giữ cho gươm của mình khỏi bị vấy máu của các đồng bào chúng ta; vì biết đâu, nếu chúng ta vấy máu gươm của mình một lần nữa thì nó sẽ không còn được rửa lại cho sáng bằng máu của Vị Nam Tử của Đấng Thượng Đế vĩ đại của chúng ta nữa, đó là máu sẽ đổ ra để chuộc tội lỗi của chúng ta.

Now, these are the words which he said unto the people concerning the matter: I thank my God, my beloved people, that our great God has in goodness sent these our brethren, the Nephites, unto us to preach unto us, and to convince us of the traditions of our wicked fathers.

And behold, I thank my great God that he has given us a portion of his Spirit to soften our hearts, that we have opened a correspondence with these brethren, the Nephites.

And behold, I also thank my God, that by opening this correspondence we have been convinced of our sins, and of the many murders which we have committed.

And I also thank my God, yea, my great God, that he hath granted unto us that we might repent of these things, and also that he hath forgiven us of those our many sins and murders which we have committed, and taken away the guilt from our hearts, through the merits of his Son.

And now behold, my brethren, since it has been all that we could do (as we were the most lost of all mankind) to repent of all our sins and the many murders which we have committed, and to get God to take them away from our hearts, for it was all we could do to repent sufficiently before God that he would take away our stain—

Now, my best beloved brethren, since God hath taken away our stains, and our swords have become bright, then let us stain our swords no more with the blood of our brethren.

Behold, I say unto you, Nay, let us retain our swords that they be not stained with the blood of our brethren; for perhaps, if we should stain our swords again they can no more be washed bright through the blood of the Son of our great God, which shall be shed for the atonement of our sins.

14 Và Đấng Thượng Đế vĩ đại đã thương xót chúng ta, và cho chúng ta biết được những điều này để chúng ta khỏi bị diệt vong; phải, và Ngài đã cho chúng ta biết trước những điều này, vì Ngài thương yêu linh hồn chúng ta chẳng khác chi Ngài thương yêu con cái chúng ta; vậy nên, với lòng thương xót của Ngài, Ngài đã viếng thăm chúng ta qua các thiên sứ của Ngài, để cho kế hoạch cứu rỗi được tiết lộ cho chúng ta biết, chẳng khác chi đối với các thế hệ tương lai vậy.

15 Ôi, Thượng Đế của chúng ta thật đầy lòng thương xót biết bao! Và giờ đây này, vì đó là tất cả những gì chúng ta có thể làm được để những vết dơ của chúng ta được cất bỏ khỏi chúng ta, và vì gươm của chúng ta được sáng chói, nên chúng ta hãy cất giấu gươm đi để nó được giữ sáng chói, ngõ hầu làm bằng chứng trước mặt Thượng Đế của chúng ta vào ngày sau cùng, tức là ngày chúng ta được dẫn đến trước mặt Ngài để chịu phán xét, rằng chúng ta đã không để cho gươm của chúng ta vậy máu đồng bào của mình, kể từ khi Ngài ban truyền lời của Ngài cho chúng ta và đã làm cho chúng ta thanh sạch nhờ đó.

16 Và giờ đây, hỡi đồng bào, nếu các đồng bào của chúng ta muốn tìm cách hủy diệt chúng ta, này, chúng ta sẽ cất giấu gươm của chúng ta, phải, ngay cả chúng ta sẽ chôn giấu nó xuống sâu dưới đất, để giữ cho nó được sáng chói, ngõ hầu đến ngày sau cùng nó sẽ làm bằng chứng là chúng ta không hề sử dụng nó; và nếu các đồng bào của chúng ta có đến hủy diệt chúng ta, này, lúc đó chúng ta sẽ về với Thượng Đế của chúng ta và sẽ được cứu rỗi.

17 Và chuyện rằng, sau khi vua chấm dứt những lời này, và tất cả dân chúng đã tụ họp lại với nhau, họ bèn lấy gươm cùng tất cả các vũ khí dùng để làm đổ máu loài người và họ đem chôn sâu xuống đất.

And the great God has had mercy on us, and made these things known unto us that we might not perish; yea, and he has made these things known unto us beforehand, because he loveth our souls as well as he loveth our children; therefore, in his mercy he doth visit us by his angels, that the plan of salvation might be made known unto us as well as unto future generations.

Oh, how merciful is our God! And now behold, since it has been as much as we could do to get our stains taken away from us, and our swords are made bright, let us hide them away that they may be kept bright, as a testimony to our God at the last day, or at the day that we shall be brought to stand before him to be judged, that we have not stained our swords in the blood of our brethren since he imparted his word unto us and has made us clean thereby.

And now, my brethren, if our brethren seek to destroy us, behold, we will hide away our swords, yea, even we will bury them deep in the earth, that they may be kept bright, as a testimony that we have never used them, at the last day; and if our brethren destroy us, behold, we shall go to our God and shall be saved.

And now it came to pass that when the king had made an end of these sayings, and all the people were assembled together, they took their swords, and all the weapons which were used for the shedding of man's blood, and they did bury them up deep in the earth.

18 Và họ đã làm như vậy là để chứng minh với Thượng Đế và với loài người rằng, họ sẽ không bao giờ sử dụng vũ khí để làm đổ máu loài người nữa; và họ đã làm như vậy là để xác nhận và giao ước với Thượng Đế rằng, thà họ chịu hy sinh tính mạng mình còn hơn là làm đổ máu đồng bào của mình; và thà ban cho những gì mình có còn hơn lấy đi của anh em mình; và thà lao lực thật nhiều với đôi bàn tay mình còn hơn tiêu hao những ngày tháng trong sự biếng nhác.

19 Và do đó chúng ta thấy được rằng, một khi những người La Man này được dẫn dắt để tin và biết lẽ thật thì họ trở nên rất cương quyết, và thà chịu chết hơn là phạm tội; và vì thế mà chúng ta thấy họ đã chôn giấu vũ khí hòa bình, hay nói cách khác là họ đã chôn giấu vũ khí chiến tranh để có được hòa bình.

20 Và chuyện rằng, các đồng bào của họ, những người dân La Man đã chuẩn bị gây chiến, kéo đến xứ Nê Phi với mục đích hủy diệt vua xứ này, và để lập người khác lên thay vua, và còn định hủy diệt luôn cả những người dân An Ti Nê Phi Lê Hi khỏi xứ đó nữa.

21 Bây giờ, khi dân chúng trông thấy chúng tiến đến đánh họ, họ bèn đi ra gặp chúng, và nằm rạp xuống đất trước mặt chúng và bắt đầu cầu gọi danh Chúa; và họ cứ giữ nguyên thái độ này khi dân La Man bắt đầu xông tới và dùng gươm tàn sát họ.

22 Và cứ thế, chẳng gặp một sức kháng cự nào, chúng giết chết một ngàn lẻ năm người trong bọn họ; và chúng ta biết rằng, những người này được phước, vì họ đã lên sống cùng Thượng Đế của họ.

23 Bây giờ, khi dân La Man thấy các đồng bào của mình không tránh né đường gươm, và cũng không tránh qua bên trái hay bên phải, mà chỉ nằm xuống chịu chết, lại còn ca ngợi Thượng Đế ngay cả trong lúc bị chết dưới đường gươm—

And this they did, it being in their view a testimony to God, and also to men, that they never would use weapons again for the shedding of man's blood; and this they did, vouching and covenanting with God, that rather than shed the blood of their brethren they would give up their own lives; and rather than take away from a brother they would give unto him; and rather than spend their days in idleness they would labor abundantly with their hands.

And thus we see that, when these Lamanites were brought to believe and to know the truth, they were firm, and would suffer even unto death rather than commit sin; and thus we see that they buried their weapons of peace, or they buried the weapons of war, for peace.

And it came to pass that their brethren, the Lamanites, made preparations for war, and came up to the land of Nephi for the purpose of destroying the king, and to place another in his stead, and also of destroying the people of Anti-Nephi-Lehi out of the land.

Now when the people saw that they were coming against them they went out to meet them, and prostrated themselves before them to the earth, and began to call on the name of the Lord; and thus they were in this attitude when the Lamanites began to fall upon them, and began to slay them with the sword.

And thus without meeting any resistance, they did slay a thousand and five of them; and we know that they are blessed, for they have gone to dwell with their God.

Now when the Lamanites saw that their brethren would not flee from the sword, neither would they turn aside to the right hand or to the left, but that they would lie down and perish, and praised God even in the very act of perishing under the sword—

- 24 Bấy giờ, khi dân La Man trông thấy như vậy, chúng bèn ngưng tay không sát hại nữa; và có nhiều người trong bọn chúng thấy lòng xúc động cảm thương cho những người đồng bào của mình đã bị ngã gục dưới đường gươm, vì chúng thấy hối hận về những việc mình đã làm.
- 25 Và chuyện rằng, chúng bèn vứt bỏ các vũ khí chiến tranh, và không còn chịu cầm lại những vật ấy nữa, vì chúng thấy bị cắn rứt cho sự giết chóc mình đã phạm phải; và chúng bèn nằm rạp xuống như các đồng bào của mình, trông cậy vào lòng thương xót của những kẻ dang tay lên giết mình.
- 26 Và chuyện rằng, trong ngày hôm đó, số người gia nhập vào với dân Thượng Đế đã vượt hơn số người bị giết; và những người bị giết chết đều là những người ngay chính, vậy nên chúng ta không có lý do nào để nghi ngờ là họ sẽ không được cứu rỗi.
- 27 Và không có một người tà ác nào trong số những người bị giết; ngoài ra còn có hơn một ngàn người được dẫn dắt tới sự hiểu biết lẽ thật; như vậy chúng ta thấy rằng Chúa đã thực hiện nhiều cách để cứu rỗi dân Ngài.
- 28 Bấy giờ, đa số những người dân La Man đã sát hại nhiều đồng bào của mình đều là dân A Ma Léc và dân A Mu Lôn, và phần đông những kẻ này đều theo lẽ lối của Nê Hô.
- 29 Bấy giờ, trong số những người gia nhập với dân của Chúa, không có ai là dân A Ma Léc hay dân A Mu Lôn, hay là những người thuộc lẽ lối của Nê Hô, nhưng họ toàn là con cháu thật sự của La Man và Lê Mu Ên.
- 30 Và do đó chúng ta có thể nhận thức một cách rõ ràng rằng, một dân tộc nào đã có lần được Thánh Linh của Thượng Đế soi sáng, và đã có một sự hiểu biết sâu rộng về những điều thuộc về sự ngay chính, và sau đó lại rơi vào vòng tội lỗi và phạm giới, thì họ sẽ trở nên chai đá hơn, và do đó tình trạng của họ lại càng bi đát hơn là họ thà chưa bao giờ biết đến những điều này.

Now when the Lamanites saw this they did forbear from slaying them; and there were many whose hearts had swollen in them for those of their brethren who had fallen under the sword, for they repented of the things which they had done.

And it came to pass that they threw down their weapons of war, and they would not take them again, for they were stung for the murders which they had committed; and they came down even as their brethren, relying upon the mercies of those whose arms were lifted to slay them.

And it came to pass that the people of God were joined that day by more than the number who had been slain; and those who had been slain were righteous people, therefore we have no reason to doubt but what they were saved.

And there was not a wicked man slain among them; but there were more than a thousand brought to the knowledge of the truth; thus we see that the Lord worketh in many ways to the salvation of his people.

Now the greatest number of those of the Lamanites who slew so many of their brethren were Amalekites and Amulonites, the greatest number of whom were after the order of the Nehors.

Now, among those who joined the people of the Lord, there were none who were Amalekites or Amulonites, or who were of the order of Nehor, but they were actual descendants of Laman and Lemuel.

And thus we can plainly discern, that after a people have been once enlightened by the Spirit of God, and have had great knowledge of things pertaining to righteousness, and then have fallen away into sin and transgression, they become more hardened, and thus their state becomes worse than though they had never known these things.



## An Ma 25

- 1 Và này, giờ đây chuyện rằng, những người dân La Man ấy lại càng tức giận thêm, vì chúng đã giết đồng bào của mình; vậy nên chúng thề sẽ báo thù dân Nê Phi; và lúc đó chúng không còn toan tính sát hại dân An Ti Nê Phi Lê Hi nữa.
- 2 Nhưng chúng chuyển những đạo quân của mình đến biên thùy xứ Gia Ra Hem La, và tấn công những người dân sống trong xứ Am Mô Ni Ha và hủy diệt họ.
- 3 Và sau đó, chúng gây nhiều trận chiến với dân Nê Phi, mà trong các trận này, chúng bị đẩy lui và bị giết chết.
- 4 Và trong số dân La Man bị giết này phần đông đều thuộc dòng dõi của A Mu Lôn và các anh em của hắn, là các thầy tư tế của vua Nô Ê, và chúng đã bị bàn tay của dân Nê Phi giết chết;
- 5 Và số còn lại, sau khi chạy trốn vào vùng hoang dã phía đông đã tước đoạt uy quyền và quyền hành cai trị dân La Man, khiến cho nhiều người La Man phải bị chết thiêu vì tín ngưỡng của họ—
- 6 Vì có nhiều người trong bọn họ, sau khi phải chịu đựng nhiều tổn thất và nhiều nỗi khổ, đã bắt đầu được khơi động để nhớ lại những lời của A Rôn cùng các anh em của ông đã thuyết giảng cho họ trong xứ sở của họ; vì thế họ bắt đầu không tin vào những truyền thống của tổ phụ mình nữa, mà tin vào Chúa, và tin rằng Ngài đã ban cho dân Nê Phi quyền năng lớn lao; do đó mà có nhiều người trong bọn họ đã được cải đạo ở trong vùng hoang dã.
- 7 Và chuyện rằng, những người chỉ huy đó, là con cháu của A Mu Lôn còn sống sót lại, đã ra lệnh là họ phải bị hành quyết, phải, tất cả những ai tin vào các điều này.
- 8 Bây giờ, cuộc tuấn đạo này đã khiến cho nhiều đồng bào của họ bị khơi động lòng tức giận, và bắt đầu sự tranh chấp ngay trong vùng hoang dã; và dân La Man bắt đầu lùng bắt dòng dõi của A Mu Lôn và các anh em của hắn để giết; và chúng phải chạy trốn vào vùng hoang dã phía đông.

## Alma 25

And behold, now it came to pass that those Lamanites were more angry because they had slain their brethren; therefore they swore vengeance upon the Nephites; and they did no more attempt to slay the people of Anti-Nephi-Lehi at that time.

But they took their armies and went over into the borders of the land of Zarahemla, and fell upon the people who were in the land of Ammonihah and destroyed them.

And after that, they had many battles with the Nephites, in the which they were driven and slain.

And among the Lamanites who were slain were almost all the seed of Amulon and his brethren, who were the priests of Noah, and they were slain by the hands of the Nephites;

And the remainder, having fled into the east wilderness, and having usurped the power and authority over the Lamanites, caused that many of the Lamanites should perish by fire because of their belief—

For many of them, after having suffered much loss and so many afflictions, began to be stirred up in remembrance of the words which Aaron and his brethren had preached to them in their land; therefore they began to disbelieve the traditions of their fathers, and to believe in the Lord, and that he gave great power unto the Nephites; and thus there were many of them converted in the wilderness.

And it came to pass that those rulers who were the remnant of the children of Amulon caused that they should be put to death, yea, all those that believed in these things.

Now this martyrdom caused that many of their brethren should be stirred up to anger; and there began to be contention in the wilderness; and the Lamanites began to hunt the seed of Amulon and his brethren and began to slay them; and they fled into the east wilderness.

- 9 Và này, ngày này chúng bị dân La Man lùng bắt. Như vậy là những lời nói của A Bi Na Đi đã ứng nghiệm, là lời mà ông đã đề cập đến dòng dõi của các thầy tư tế là những kẻ đã bắt ông phải bị chết thiêu.
- 10 Vì ông đã nói với chúng rằng: Những gì các người làm cho ta sẽ tượng trưng cho những điều sẽ xảy đến sau này.
- 11 Và bây giờ A Bi Na Đi là người đầu tiên bị chết thiêu bởi vì niềm tin của ông nơi Thượng Đế; bây giờ điều ông muốn nói là, sẽ có nhiều người bị chết thiêu chẳng khác chi ông đã chịu vậy.
- 12 Và ông còn nói với các thầy tư tế của Nô Ê rằng, dòng dõi của chúng sẽ làm cho nhiều người bị hành quyết theo hình thức ông đã bị, và chúng sẽ bị phân tán khắp nơi cùng bị sát hại, giống như chiên không người chăn giữ bị thú rừng săn đuổi và giết chết; và giờ đây này, những lời này đã được ứng nghiệm, vì chúng đã bị dân La Man đánh đuổi, và chúng bị săn đuổi và chúng bị đánh đập.
- 13 Và chuyện rằng, khi dân La Man thấy mình không thắng nổi dân Nê Phi, họ bèn trở về xứ sở của mình; và nhiều người trong bọn họ đã đến cư ngụ trong xứ Ích Ma Ên và trong xứ Nê Phi, và gia nhập dân của Thượng Đế, tức là dân An Ti Nê Phi Lê Hi.
- 14 Và họ cũng chôn giấu các vũ khí chiến tranh của họ theo như các đồng bào của họ đã làm, và họ bắt đầu trở thành một dân tộc ngay chính; họ đi theo đường lối của Chúa, và cố gắng tuân giữ các lệnh truyền và các luật lệ của Ngài.
- 15 Phải, họ tuân giữ luật pháp Môi Se; vì họ vẫn cần phải tuân giữ luật pháp Môi Se, vì luật pháp đó chưa được làm trọn. Tuy có luật pháp Môi Se, họ vẫn trông chờ sự hiện đến của Đấng Ky Tô, xem luật pháp Môi Se như một biểu tượng cho sự hiện đến của Ngài, và tin rằng họ cần phải tuân giữ các lễ nghi bề ngoài này cho đến lúc Ngài xuất hiện cho họ thấy.

And behold they are hunted at this day by the Lamanites. Thus the words of Abinadi were brought to pass, which he said concerning the seed of the priests who caused that he should suffer death by fire.

For he said unto them: What ye shall do unto me shall be a type of things to come.

And now Abinadi was the first that suffered death by fire because of his belief in God; now this is what he meant, that many should suffer death by fire, according as he had suffered.

And he said unto the priests of Noah that their seed should cause many to be put to death, in the like manner as he was, and that they should be scattered abroad and slain, even as a sheep having no shepherd is driven and slain by wild beasts; and now behold, these words were verified, for they were driven by the Lamanites, and they were hunted, and they were smitten.

And it came to pass that when the Lamanites saw that they could not overpower the Nephites they returned again to their own land; and many of them came over to dwell in the land of Ishmael and the land of Nephi, and did join themselves to the people of God, who were the people of Anti-Nephi-Lehi.

And they did also bury their weapons of war, according as their brethren had, and they began to be a righteous people; and they did walk in the ways of the Lord, and did observe to keep his commandments and his statutes.

Yea, and they did keep the law of Moses; for it was expedient that they should keep the law of Moses as yet, for it was not all fulfilled. But notwithstanding the law of Moses, they did look forward to the coming of Christ, considering that the law of Moses was a type of his coming, and believing that they must keep those outward performances until the time that he should be revealed unto them.

16 Giờ đây, họ không cho rằng, sự cứu rỗi có được nhờ bởi luật pháp Môi Se; nhưng luật pháp Môi Se đã giúp củng cố đức tin của họ nơi Đấng Ky Tô; và nhờ đó mà họ giữ được niềm hy vọng qua đức tin về sự cứu rỗi vĩnh cửu, dựa trên tinh thần tiên tri đã nói lên những điều sẽ xảy đến.

17 Và giờ đây này, Am Môn, A Rôn, Ôm Nê, Him Ni, và các anh em của họ đều vui mừng quá đỗi, vì sự thành công của họ giữa người La Man, vì họ thấy rằng, Chúa đã ban phát cho họ theo những lời cầu nguyện của họ, và Ngài cũng làm ứng nghiệm lời của Ngài phán cùng họ trong mọi sự việc.

Now they did not suppose that salvation came by the law of Moses; but the law of Moses did serve to strengthen their faith in Christ; and thus they did retain a hope through faith, unto eternal salvation, relying upon the spirit of prophecy, which spake of those things to come.

And now behold, Ammon, and Aaron, and Omner, and Himni, and their brethren did rejoice exceedingly, for the success which they had had among the Lamanites, seeing that the Lord had granted unto them according to their prayers, and that he had also verified his word unto them in every particular.

## An Ma 26

- 1 Và giờ đây, đây là những lời của Am Môn đã nói cùng các anh em mình: Hỡi các anh em của tôi và những người anh em đồng đạo của tôi, này tôi nói cho các anh em hay, lý do để chúng ta hoan hỷ thật lớn lao biết bao, vì khi chúng ta khởi hành từ xứ Gia Ra Hem La, chúng ta đâu có ngờ rằng Thượng Đế sẽ ban cho chúng ta những phước lành vĩ đại như vậy?
- 2 Và giờ đây, tôi xin hỏi, những phước lành vĩ đại nào mà Ngài đã ban cho chúng ta? Các anh em có thể kể ra được không?
- 3 Này, tôi xin trả lời thay cho các anh em, vì các đồng bào của chúng ta là dân La Man trước kia ở trong bóng tối, phải, trong một vực thẳm tối tăm nhất, nhưng này, biết bao nhiêu người của họ nay đã được dẫn dắt để thấy được ánh sáng kỳ diệu của Thượng Đế! Và đây chính là phước lành đã được ban cho chúng ta, vì chúng ta đã được làm thành những công cụ trong tay Thượng Đế để thực hiện công việc vĩ đại này.
- 4 Này, có hàng ngàn người trong số họ đã vui mừng và được dẫn dắt vào đàn chiên của Thượng Đế.
- 5 Này, đồng lúa đã chín rồi, và phước thay cho các anh em, vì các anh em đã đưa lưỡi hái vào và gặt với tất cả năng lực của mình, phải, các anh em đã lao nhọc suốt ngày; và hãy nhìn xem những bó lúa của các anh em đã gặt hái được! Những bó lúa ấy sẽ được đem chắt vào vựa lúa để chúng không bị mất mát.
- 6 Phải, để chúng khỏi bị bão tố quật ngã vào ngày sau cùng; phải, để chúng không bị gió lốc cuốn mất đi; nhưng khi bão tố nổi lên, chúng sẽ được thu góp lại trong vị trí của chúng, để cho bão tố không xuyên thấu được tới chúng; phải, chúng sẽ không bị cuồng phong cuốn đến những nơi mà kẻ thù của chúng muốn đem chúng đến.
- 7 Nhưng này, chúng được ở trong tay vị Chúa của mùa gặt, và chúng thuộc về của Ngài; và Ngài sẽ nâng chúng lên vào ngày sau cùng.

## Alma 26

And now, these are the words of Ammon to his brethren, which say thus: My brothers and my brethren, behold I say unto you, how great reason have we to rejoice; for could we have supposed when we started from the land of Zarahemla that God would have granted unto us such great blessings?

And now, I ask, what great blessings has he bestowed upon us? Can ye tell?

Behold, I answer for you; for our brethren, the Lamanites, were in darkness, yea, even in the darkest abyss, but behold, how many of them are brought to behold the marvelous light of God! And this is the blessing which hath been bestowed upon us, that we have been made instruments in the hands of God to bring about this great work.

Behold, thousands of them do rejoice, and have been brought into the fold of God.

Behold, the field was ripe, and blessed are ye, for ye did thrust in the sickle, and did reap with your might, yea, all the day long did ye labor; and behold the number of your sheaves! And they shall be gathered into the garners, that they are not wasted.

Yea, they shall not be beaten down by the storm at the last day; yea, neither shall they be harrowed up by the whirlwinds; but when the storm cometh they shall be gathered together in their place, that the storm cannot penetrate to them; yea, neither shall they be driven with fierce winds whithersoever the enemy listeth to carry them.

But behold, they are in the hands of the Lord of the harvest, and they are his; and he will raise them up at the last day.

- 8 Phước thay danh của Thượng Đế chúng ta; chúng ta hãy hát lên những lời tán mỹ Ngài, chúng ta hãy tạ ơn thánh danh Ngài, vì Ngài sẽ thực hiện lễ công bằng mãi mãi.
- 9 Vì nếu chúng ta không rời xứ Gia Ra Hem La mà ra đi, thì các đồng bào yêu dấu của chúng ta đây, là những người đã hết sức yêu thương chúng ta, vẫn còn bị dằn vặt trong mối hận thù với chúng ta, phải, và họ vẫn còn là những con người xa lạ đối với Thượng Đế.
- 10 Và, chuyện rằng, khi Am Môn nói xong những lời này, thì anh của ông là A Rôn lên tiếng trách ông mà rằng: Em Am Môn, tôi sợ rằng sự vui mừng của em đã đưa em đến chỗ khoe khoang.
- 11 Nhưng Am Môn trả lời rằng: Tôi không khoe khoang về sức mạnh của tôi, mà cũng không khoe khoang sự thông sáng của tôi; nhưng này, sự vui mừng của tôi thật tràn trề, phải, tim tôi tràn trề niềm vui sướng, và tôi sẽ hoan hỷ trong Thượng Đế của tôi.
- 12 Phải, tôi biết rằng tôi chẳng có nghĩa lý gì; về sức lực thì tôi là một kẻ yếu đuối; vậy nên tôi không khoe khoang về tôi, nhưng tôi muốn khoe khoang về Thượng Đế của tôi, vì với sức mạnh của Ngài, tôi có thể làm được tất cả mọi điều; phải, này, nhiều phép lạ lớn lao chúng ta đã thực hiện trong xứ sở này, và vì những điều đó chúng ta sẽ ca ngợi danh Ngài mãi mãi.
- 13 Này, đã có biết bao nhiêu ngàn đồng bào của chúng ta được Ngài cởi bỏ những nỗi đau đớn của ngục giới; và họ được dẫn đến để hát lên lời ca ngợi tình yêu cứu chuộc, và sở dĩ được như vậy là nhờ sức mạnh của lời Ngài ở trong chúng ta, do đó chúng ta không có lý do mạnh mẽ để hoan hỷ hay sao?
- 14 Phải, chúng ta có lý do để ca ngợi Ngài mãi mãi, vì Ngài là Đấng Thượng Đế Tối Cao, và đã cởi bỏ những xiềng xích của ngục giới cho các đồng bào của chúng ta.

Blessed be the name of our God; let us sing to his praise, yea, let us give thanks to his holy name, for he doth work righteousness forever.

For if we had not come up out of the land of Zarahemla, these our dearly beloved brethren, who have so dearly beloved us, would still have been racked with hatred against us, yea, and they would also have been strangers to God.

And it came to pass that when Ammon had said these words, his brother Aaron rebuked him, saying: Ammon, I fear that thy joy doth carry thee away unto boasting.

But Ammon said unto him: I do not boast in my own strength, nor in my own wisdom; but behold, my joy is full, yea, my heart is brim with joy, and I will rejoice in my God.

Yea, I know that I am nothing; as to my strength I am weak; therefore I will not boast of myself, but I will boast of my God, for in his strength I can do all things; yea, behold, many mighty miracles we have wrought in this land, for which we will praise his name forever.

Behold, how many thousands of our brethren has he loosed from the pains of hell; and they are brought to sing redeeming love, and this because of the power of his word which is in us, therefore have we not great reason to rejoice?

Yea, we have reason to praise him forever, for he is the Most High God, and has loosed our brethren from the chains of hell.

15 Phải, họ đã bị bóng tối và sự hủy diệt vĩnh viễn bao vây; nhưng này, Ngài đã đem họ vào sự sáng vĩnh viễn của Ngài, phải, vào sự cứu rỗi vĩnh viễn; và họ được bao bọc trong tình yêu thương vô song của Ngài; phải, và chúng ta là những công cụ trong tay Ngài để thi hành công việc vĩ đại và kỳ diệu này.

16 Vậy thì chúng ta hãy hãnh diện, phải, chúng ta hãy hãnh diện trong Chúa; phải, chúng ta hãy hoan hỷ lên đi vì niềm vui của chúng ta đã tràn đầy; phải, chúng ta hãy ca ngợi Thượng Đế của chúng ta mãi mãi. Này, ai là người có thể hãnh diện quá nhiều trong Chúa? Phải, ai có thể nói quá nhiều đến quyền năng vĩ đại của Ngài, đến lòng thương xót của Ngài, đến sự nhịn nhục của Ngài đối với con cái loài người? Này, tôi nói cho các anh em hay, tôi không thể nói được một phần ít nhất những cảm giác của tôi.

17 Ai có thể cho rằng Thượng Đế của chúng ta đã thương xót chúng ta nhiều đến nỗi đã lôi chúng ta ra khỏi trạng thái khủng khiếp đầy tội lỗi và nhiễm uế của chúng ta?

18 Này, chúng ta đã ra đi trong cơn thịnh nộ với những lời hăm dọa ghê gớm là phá hoại giáo hội của Ngài.

19 Ôi, vậy mà tại sao lúc đó Ngài lại không bắt chúng ta phải chịu sự hủy diệt khủng khiếp, phải, tại sao lúc ấy Ngài lại không để gươm công lý của Ngài rơi trên chúng ta, và xử phạt chúng ta phải chịu một sự thất vọng vĩnh cửu?

20 Ôi linh hồn tôi hầu như muốn chạy trốn khi nghĩ như vậy. Này, Ngài đã không sử dụng công lý của Ngài lên chúng ta, nhưng ngược lại, với lòng thương xót vĩ đại của Ngài, Ngài đã đem chúng ta vượt qua vực thẳm vĩnh viễn của cái chết và sự khốn cùng, để đem đến sự cứu rỗi cho linh hồn chúng ta.

21 Và giờ đây này, hỡi các anh em, có người thiên nhiên nào biết được những điều này chẳng? Tôi nói cho các anh em hay, chẳng một ai biết được những điều này, ngoại trừ những người đã hối cải.

Yea, they were encircled about with everlasting darkness and destruction; but behold, he has brought them into his everlasting light, yea, into everlasting salvation; and they are encircled about with the matchless bounty of his love; yea, and we have been instruments in his hands of doing this great and marvelous work.

Therefore, let us glory, yea, we will glory in the Lord; yea, we will rejoice, for our joy is full; yea, we will praise our God forever. Behold, who can glory too much in the Lord? Yea, who can say too much of his great power, and of his mercy, and of his long-suffering towards the children of men? Behold, I say unto you, I cannot say the smallest part which I feel.

Who could have supposed that our God would have been so merciful as to have snatched us from our awful, sinful, and polluted state?

Behold, we went forth even in wrath, with mighty threatenings to destroy his church.

Oh then, why did he not consign us to an awful destruction, yea, why did he not let the sword of his justice fall upon us, and doom us to eternal despair?

Oh, my soul, almost as it were, fleeth at the thought. Behold, he did not exercise his justice upon us, but in his great mercy hath brought us over that everlasting gulf of death and misery, even to the salvation of our souls.

And now behold, my brethren, what natural man is there that knoweth these things? I say unto you, there is none that knoweth these things, save it be the penitent.

22 Phải, người nào hối cải và thực thi đức tin cùng mang lại những việc làm tốt và cầu nguyện luôn luôn không ngừng—thì sẽ được ân tứ để biết được những điều kín nhiệm của Thượng Đế; phải, người đó sẽ được ân tứ để tiết lộ những điều mà từ trước tới nay chưa bao giờ được tiết lộ; phải, người đó sẽ được ân tứ để dẫn dắt hàng ngàn người đến sự hối cải, chẳng khác chi chúng ta đã được ân tứ để dẫn dắt các đồng bào của chúng ta đến sự hối cải vậy.

23 Giờ đây, hỡi anh em, các anh em có nhớ rằng khi chúng ta nói với các đồng bào của chúng ta trong xứ Gia Ra Hem La là chúng ta đi đến xứ Nê Phi để thuyết giảng cho các đồng bào của chúng ta là dân La Man, thì họ đã cười chế nhạo chúng ta?

24 Vì họ đã bảo chúng ta rằng: Các người tưởng rằng mình có thể đem dân La Man về với sự hiểu biết lẽ thật à? Các người tưởng rằng mình có thể thuyết phục cho dân La Man tin được sự sai lầm của các truyền thống của tổ phụ chúng ta sao, trong khi chúng là một dân tộc cứng cổ; lòng chúng chỉ thấy vui thích trong sự đổ máu; những ngày tháng của chúng đã hoang phí trong những điều bất chính trầm trọng nhất; đường lối của chúng là đường lối của những kẻ phạm giới từ thuở ban đầu? Giờ đây, hỡi các anh em, các anh em nhớ rằng đó là ngôn ngữ của họ.

25 Và hơn nữa, họ còn bảo rằng: Chúng ta hãy cầm khí giới đánh lại chúng, để chúng ta hủy diệt chúng và loại bỏ những điều bất chính của chúng ra khỏi xứ mình, kéo chúng sẽ lấn áp chúng ta và hủy diệt chúng ta.

26 Nhưng này, hỡi các anh em thân mến, chúng ta đã đi vào vùng hoang dã không phải với ý định hủy diệt các đồng bào của chúng ta, nhưng với ý định là chúng ta có thể cứu vớt được một số ít linh hồn của họ.

27 Bây giờ khi lòng chúng ta nản, và chúng ta sắp sửa quay gót trở về, này, Chúa an ủi chúng ta mà rằng: Hãy đi đến với các đồng bào của các người là dân La Man, và hãy kiên nhẫn chịu đựng những nỗi khổ đau của mình, rồi ta sẽ ban cho các người sự thành công.

Yea, he that repenteth and exerciseth faith, and bringeth forth good works, and prayeth continually without ceasing—unto such it is given to know the mysteries of God; yea, unto such it shall be given to reveal things which never have been revealed; yea, and it shall be given unto such to bring thousands of souls to repentance, even as it has been given unto us to bring these our brethren to repentance.

Now do ye remember, my brethren, that we said unto our brethren in the land of Zarahemla, we go up to the land of Nephi, to preach unto our brethren, the Lamanites, and they laughed us to scorn?

For they said unto us: Do ye suppose that ye can bring the Lamanites to the knowledge of the truth? Do ye suppose that ye can convince the Lamanites of the incorrectness of the traditions of their fathers, as stiffnecked a people as they are; whose hearts delight in the shedding of blood; whose days have been spent in the grossest iniquity; whose ways have been the ways of a transgressor from the beginning? Now my brethren, ye remember that this was their language.

And moreover they did say: Let us take up arms against them, that we destroy them and their iniquity out of the land, lest they overrun us and destroy us.

But behold, my beloved brethren, we came into the wilderness not with the intent to destroy our brethren, but with the intent that perhaps we might save some few of their souls.

Now when our hearts were depressed, and we were about to turn back, behold, the Lord comforted us, and said: Go amongst thy brethren, the Lamanites, and bear with patience thine afflictions, and I will give unto you success.

28 Và bây giờ, này, chúng ta đã đến, và đã sống khắp nơi ở giữa họ; chúng ta đã kiên nhẫn chịu đựng những nỗi thống khổ của chúng ta, và chúng ta đã chịu đựng mọi sự thiếu thốn; phải, chúng ta đã đến từng nhà một, trông nhờ vào sự thương xót của người đời—không những nhờ vào sự thương xót của người đời, mà còn nhờ vào lòng thương xót của Thượng Đế nữa.

29 Và chúng ta đã đi vào từng nhà và giảng dạy cho họ, và chúng ta còn giảng dạy cho họ cả ngoài đường phố nữa; phải, chúng ta đã giảng dạy cho họ trên các ngọn đồi; và chúng ta cũng vào cả trong các đền thờ và các nhà hội của họ để giảng dạy họ nữa; chúng ta đã bị họ xua đuổi, nhạo báng, khạc nhổ, bị đánh vào má; chúng ta đã bị ném đá, bị bắt, và bị trói bằng dây thừng rắn chắc, rồi bị giam vào ngục thất; và qua quyền năng cùng sự thông sáng của Thượng Đế chúng ta lại được cứu thoát.

30 Và chúng ta đã chịu đựng mọi nỗi thống khổ, và tất cả những điều này, để chúng ta có thể là một phương tiện cứu rỗi một số linh hồn; và chúng ta đã nghĩ rằng, niềm vui của chúng ta sẽ được trọn vẹn nếu chúng ta có thể là một phương tiện cứu rỗi một số người.

31 Giờ đây này, chúng ta có thể nhìn tới trước để thấy thành quả của bao công lao của chúng ta; phải chăng những thành quả ấy còn ít lắm? Tôi nói cho các anh em hay, không đâu, những thành quả ấy rất nhiều; phải, và chúng ta có thể làm chứng cho sự thành tâm của họ, vì tình thương yêu của họ đối với các đồng bào của họ và luôn cả đối với chúng ta nữa.

32 Vì này, họ thà hy sinh mạng sống của mình còn hơn là lấy mạng sống của kẻ thù họ; và họ đã chôn giấu vũ khí chiến tranh của mình xuống sâu dưới lòng đất, cũng vì tình thương yêu của họ đối với các đồng bào của họ.

33 Và giờ đây này, tôi hỏi các anh em: Khắp xứ này có tình thương yêu nào lớn lao như vậy không? Này, tôi nói cho các anh em hay, không, không có đâu, dù là giữa các người Nê Phi với nhau.

And now behold, we have come, and been forth amongst them; and we have been patient in our sufferings, and we have suffered every privation; yea, we have traveled from house to house, relying upon the mercies of the world—not upon the mercies of the world alone but upon the mercies of God.

And we have entered into their houses and taught them, and we have taught them in their streets; yea, and we have taught them upon their hills; and we have also entered into their temples and their synagogues and taught them; and we have been cast out, and mocked, and spit upon, and smote upon our cheeks; and we have been stoned, and taken and bound with strong cords, and cast into prison; and through the power and wisdom of God we have been delivered again.

And we have suffered all manner of afflictions, and all this, that perhaps we might be the means of saving some soul; and we supposed that our joy would be full if perhaps we could be the means of saving some.

Now behold, we can look forth and see the fruits of our labors; and are they few? I say unto you, Nay, they are many; yea, and we can witness of their sincerity, because of their love towards their brethren and also towards us.

For behold, they had rather sacrifice their lives than even to take the life of their enemy; and they have buried their weapons of war deep in the earth, because of their love towards their brethren.

And now behold I say unto you, has there been so great love in all the land? Behold, I say unto you, Nay, there has not, even among the Nephites.



- 34 Vì này, lẽ ra họ cầm khí giới đánh lại đồng bào của mình; lẽ ra họ không chịu để cho người ta sát hại mình. Nhưng này, có biết bao nhiêu những người này đã bỏ mạng sống của mình; và chúng ta biết rằng họ đã đi về với Thượng Đế của họ, vì tình thương yêu của họ và vì sự thù ghét tội lỗi của họ.
- 35 Giờ đây, chúng ta không có lý do để hoan hỷ hay sao? Phải, tôi nói cho các anh em hay, từ lúc thế gian mới bắt đầu cho đến giờ, chưa có người nào có lý do mạnh mẽ để hoan hỷ như chúng ta cả; phải, và sự vui sướng của tôi tràn đầy đến độ tôi phải khoe khoang trong Thượng Đế của tôi, và quả Ngài có đủ mọi quyền năng, mọi sự thông sáng và mọi sự hiểu biết; Ngài thông suốt tất cả mọi điều, Ngài là một Đấng đầy lòng thương xót, và Ngài ban sự cứu rỗi cho bất cứ ai hối cải và tin nơi danh Ngài.
- 36 Giờ đây, nếu nói đó là sự khoe khoang thì tôi rất muốn khoe khoang, vì đó là sự sống và sự sáng của tôi, là niềm vui và sự cứu rỗi của tôi, và là sự cứu chuộc tôi khỏi nỗi khốn cùng vĩnh viễn. Phải, phước thay danh của Thượng Đế của tôi, là Đấng đã nhớ tới dân này, một cành của cây Y Sơ Ra Ên đã bị thất lạc khỏi thân gốc của nó trên đất lạ; phải, tôi xin nói, phước thay danh của Thượng Đế của tôi, là Đấng đã nhớ đến chúng ta là những kẻ lưu lạc trên đất lạ.
- 37 Giờ đây, hỡi các anh em, chúng ta thấy rằng Thượng Đế nhớ tới tất cả mọi sắc dân, dù họ ở tại xứ nào; phải, Ngài đã đếm từng người dân của Ngài, và lòng thương xót của Ngài ban trải ra cùng khắp thế gian. Giờ đây đó là sự vui mừng của tôi, và là sự tạ ơn lớn lao của tôi; phải, và tôi sẽ cảm tạ Thượng Đế của tôi mãi mãi. Amen.

For behold, they would take up arms against their brethren; they would not suffer themselves to be slain. But behold how many of these have laid down their lives; and we know that they have gone to their God, because of their love and of their hatred to sin.

Now have we not reason to rejoice? Yea, I say unto you, there never were men that had so great reason to rejoice as we, since the world began; yea, and my joy is carried away, even unto boasting in my God; for he has all power, all wisdom, and all understanding; he comprehendeth all things, and he is a merciful Being, even unto salvation, to those who will repent and believe on his name.

Now if this is boasting, even so will I boast; for this is my life and my light, my joy and my salvation, and my redemption from everlasting wo. Yea, blessed is the name of my God, who has been mindful of this people, who are a branch of the tree of Israel, and has been lost from its body in a strange land; yea, I say, blessed be the name of my God, who has been mindful of us, wanderers in a strange land.

Now my brethren, we see that God is mindful of every people, whatsoever land they may be in; yea, he numbereth his people, and his bowels of mercy are over all the earth. Now this is my joy, and my great thanksgiving; yea, and I will give thanks unto my God forever. Amen.

## An Ma 27

- 1 Thế rồi, chuyện rằng, khi những người dân La Man đi gây chiến với dân Nê Phi thấy rằng, sau nhiều lần cố gắng hủy diệt họ nhưng việc tìm cách hủy diệt họ đều vô hiệu quả, chúng đành trở về lại xứ Nê Phi.
- 2 Và chuyện rằng, vì bị thiệt hại, dân A Ma Léc thấy căm giận vô cùng. Và khi chúng thấy không thể tìm cách trả thù được dân Nê Phi, chúng bèn xúi giục dân chúng nổi lên chống lại các đồng bào của mình là dân An Ti Nê Phi Lê Hi; vì thế chúng lại bắt đầu hủy diệt họ.
- 3 Bây giờ, dân này lại một lần nữa từ chối không chịu cầm khí giới, và họ chịu để mình bị giết chết theo như ý muốn của kẻ thù họ.
- 4 Giờ đây, khi Am Môn và các anh em của ông trông thấy cảnh thảm diệt này giữa những người mà họ rất thương mến, và những người này cũng rất yêu mến họ—vì họ đã được đối xử như những vị thiên sứ do Thượng Đế sai đến để cứu vớt những người này khỏi sự hủy diệt vĩnh viễn—vậy nên, khi Am Môn và các anh em của ông trông thấy cảnh thảm diệt lớn lao ấy, họ đều động lòng thương hại nên họ đã tâu với vua rằng:
- 5 Chúng ta hãy quy tụ dân này của Chúa lại với nhau và chúng ta hãy đi xuống xứ Gia Ra Hem La đến cùng đồng bào chúng ta là dân Nê Phi, để trốn khỏi bàn tay kẻ thù của chúng ta ngõ hầu chúng ta khỏi bị hủy diệt.
- 6 Nhưng vua bảo họ rằng: Nay, dân Nê Phi sẽ hủy diệt chúng tôi, vì chúng tôi đã phạm nhiều tội lỗi và sát nhân đối với họ.
- 7 Am Môn bèn tâu rằng: Thần xin đi cầu vấn Chúa, và nếu Ngài phán bảo chúng ta, hãy đi đến với các đồng bào của chúng ta, thì bệ hạ có đi không?
- 8 Và vua đáp lời ông rằng: Có, nếu Chúa phán bảo chúng ta đi thì chúng ta sẽ đi đến với đồng bào chúng ta, và chúng ta sẽ làm nô lệ cho họ cho đến khi nào chúng ta đền bù hết mọi tội lỗi và tội sát nhân mà chúng ta đã phạm đối với họ.

## Alma 27

Now it came to pass that when those Lamanites who had gone to war against the Nephites had found, after their many struggles to destroy them, that it was in vain to seek their destruction, they returned again to the land of Nephi.

And it came to pass that the Amalekites, because of their loss, were exceedingly angry. And when they saw that they could not seek revenge from the Nephites, they began to stir up the people in anger against their brethren, the people of Anti-Nephi-Lehi; therefore they began again to destroy them.

Now this people again refused to take their arms, and they suffered themselves to be slain according to the desires of their enemies.

Now when Ammon and his brethren saw this work of destruction among those whom they so dearly beloved, and among those who had so dearly beloved them—for they were treated as though they were angels sent from God to save them from everlasting destruction—therefore, when Ammon and his brethren saw this great work of destruction, they were moved with compassion, and they said unto the king:

Let us gather together this people of the Lord, and let us go down to the land of Zarahemla to our brethren the Nephites, and flee out of the hands of our enemies, that we be not destroyed.

But the king said unto them: Behold, the Nephites will destroy us, because of the many murders and sins we have committed against them.

And Ammon said: I will go and inquire of the Lord, and if he say unto us, go down unto our brethren, will ye go?

And the king said unto him: Yea, if the Lord saith unto us go, we will go down unto our brethren, and we will be their slaves until we repair unto them the many murders and sins which we have committed against them.

- 9 Nhưng Am Môn tâu với vua rằng: Việc có nô lệ trong dân chúng là điều trái với luật pháp của đồng bào chúng ta, là luật pháp do phụ thân của thần lập ra, vì thế chúng ta hãy ra đi và trông cậy vào lòng thương xót của đồng bào chúng ta.
- 10 Nhưng vua lại bảo ông rằng: Hãy cầu vấn Chúa, và nếu Ngài phán bảo chúng ta đi thì chúng ta sẽ đi; còn nếu không thì chúng ta sẽ chết trong xứ này.
- 11 Và chuyện rằng, Am Môn đi cầu vấn Chúa, và Chúa phán bảo ông rằng:
- 12 Hãy đem dân này ra khỏi xứ này để họ khỏi chết; vì Sa Tan đã chiếm trọn trái tim dân A Ma Léc, khiến chúng xúi giục dân La Man nổi giận mà sát hại đồng bào mình; vì thế các người phải ra khỏi xứ này; và phước thay cho dân này trong thế hệ này, vì ta sẽ bảo tồn họ.
- 13 Và giờ đây chuyện rằng, Am Môn đi kể lại cho vua nghe tất cả những lời Chúa phán với ông.
- 14 Và rồi họ quy tụ tất cả dân chúng lại, phải, tất cả những người dân của Chúa và gom góp tất cả các đàn gia súc và các bầy thú lại rồi rời khỏi xứ; họ tiến vào vùng hoang dã là vùng phân chia ranh giới hai xứ Nê Phi và Gia Ra Hem La, và họ đi đến gần vùng biên thù trong xứ.
- 15 Và chuyện rằng, Am Môn bảo họ rằng: Nay, tôi cùng với các anh em của tôi sẽ đi vào xứ Gia Ra Hem La, còn các người thì cứ ở lại đây chờ cho tới khi nào chúng tôi trở lại; vì chúng tôi phải đi thử lòng các đồng bào của chúng ta xem họ có muốn cho các người vào xứ họ không.
- 16 Và chuyện rằng, khi Am Môn đi vào trong xứ, ông và các anh em của ông gặp được An Ma tại nơi đã nói ở trên; và này, thật là một cuộc gặp gỡ đầy vui mừng.
- 17 Giờ đây, sự vui mừng của Am Môn thật quá lớn lao đến nỗi ông cảm thấy tràn ngập trong lòng; phải, ông bị thu hút trọn vẹn trong sự vui mừng của Thượng Đế ông, đến nỗi làm cho ông mất hết sức lực; và ông lại ngã xuống đất.
- 18 Nay, chẳng phải đây là một sự vui mừng quá độ hay sao? Nay, sự vui mừng này chẳng ai có thể có được ngoại trừ những người thực sự biết ăn năn và khiêm nhường tìm kiếm hạnh phúc.

But Ammon said unto him: It is against the law of our brethren, which was established by my father, that there should be any slaves among them; therefore let us go down and rely upon the mercies of our brethren.

But the king said unto him: Inquire of the Lord, and if he saith unto us go, we will go; otherwise we will perish in the land.

And it came to pass that Ammon went and inquired of the Lord, and the Lord said unto him:

Get this people out of this land, that they perish not; for Satan has great hold on the hearts of the Amalekites, who do stir up the Lamanites to anger against their brethren to slay them; therefore get thee out of this land; and blessed are this people in this generation, for I will preserve them.

And now it came to pass that Ammon went and told the king all the words which the Lord had said unto him.

And they gathered together all their people, yea, all the people of the Lord, and did gather together all their flocks and herds, and departed out of the land, and came into the wilderness which divided the land of Nephi from the land of Zarahemla, and came over near the borders of the land.

And it came to pass that Ammon said unto them: Behold, I and my brethren will go forth into the land of Zarahemla, and ye shall remain here until we return; and we will try the hearts of our brethren, whether they will that ye shall come into their land.

And it came to pass that as Ammon was going forth into the land, that he and his brethren met Alma, over in the place of which has been spoken; and behold, this was a joyful meeting.

Now the joy of Ammon was so great even that he was full; yea, he was swallowed up in the joy of his God, even to the exhausting of his strength; and he fell again to the earth.

Now was not this exceeding joy? Behold, this is joy which none receiveth save it be the truly penitent and humble seeker of happiness.

19 Giờ đây, sự vui mừng của An Ma khi gặp lại được các anh em của ông thật quả lớn lao, và sự vui mừng của A Rôn, Ôm Nê, và Him Ni cũng như vậy; nhưng này, sự vui mừng của họ không đến nỗi làm họ phải mất hết sức lực.

20 Và giờ đây chuyện rằng, An Ma dẫn các anh em mình trở về xứ Gia Ra Hem La, đến thẳng nhà riêng của ông. Và rồi họ đi gặp vị trưởng phán quan để kể lại những gì đã xảy ra cho họ trên xứ Nê Phi, giữa các đồng bào của họ là dân La Man.

21 Và chuyện rằng, vị trưởng phán quan gửi một hịch truyền đi khắp xứ, mong muốn tiếng nói của dân chúng xem có bằng lòng đón nhận các đồng bào của họ là dân An Ti Nê Phi Lê Hi không.

22 Và chuyện rằng, tiếng nói của dân chúng phát biểu rằng: Này, chúng ta sẽ tặng họ xứ Giê Sơn nằm phía đông gần biển, giáp với xứ Phong Phú, tức là ở phía nam của xứ Phong Phú; xứ Giê Sơn này sẽ là xứ mà chúng ta sẽ hiến tặng cho các đồng bào của chúng ta làm đất thừa hưởng.

23 Và này, chúng ta sẽ đặt những đạo quân ở giữa xứ Giê Sơn và xứ Nê Phi, để chúng ta có thể bảo vệ cho các đồng bào của chúng ta trong đất Giê Sơn; và sở dĩ chúng ta phải làm vậy là vì các đồng bào ấy sợ phạm tội nếu phải cầm khí giới đánh lại các đồng bào của mình; và sự sợ hãi lớn lao này nguyên do cũng vì họ đã hết sức hối cải về những vụ sát nhân và những điều tà ác khủng khiếp mà ngày trước họ đã phạm.

24 Và giờ đây này, chúng ta sẽ làm như vậy cho các đồng bào của chúng ta để họ có thể thừa hưởng được xứ Giê Sơn; và với các đạo quân của chúng ta, chúng ta sẽ bảo vệ họ khỏi kẻ thù của họ, với điều kiện là họ sẽ cho chúng ta một phần tài nguyên của họ để giúp chúng ta duy trì các đạo quân của chúng ta.

Now the joy of Alma in meeting his brethren was truly great, and also the joy of Aaron, of Omner, and Himni; but behold their joy was not that to exceed their strength.

And now it came to pass that Alma conducted his brethren back to the land of Zarahemla; even to his own house. And they went and told the chief judge all the things that had happened unto them in the land of Nephi, among their brethren, the Lamanites.

And it came to pass that the chief judge sent a proclamation throughout all the land, desiring the voice of the people concerning the admitting their brethren, who were the people of Anti-Nephi-Lehi.

And it came to pass that the voice of the people came, saying: Behold, we will give up the land of Jershon, which is on the east by the sea, which joins the land Bountiful, which is on the south of the land Bountiful; and this land Jershon is the land which we will give unto our brethren for an inheritance.

And behold, we will set our armies between the land Jershon and the land Nephi, that we may protect our brethren in the land Jershon; and this we do for our brethren, on account of their fear to take up arms against their brethren lest they should commit sin; and this their great fear came because of their sore repentance which they had, on account of their many murders and their awful wickedness.

And now behold, this will we do unto our brethren, that they may inherit the land Jershon; and we will guard them from their enemies with our armies, on condition that they will give us a portion of their substance to assist us that we may maintain our armies.

25 Giờ đây, chuyện rằng, khi Am Môn nghe như vậy, ông bèn đi với An Ma trở lại cùng dân An Ti Nê Phi Lê Hi trong vùng hoang dã, nơi họ đã dựng lều để ở và nói cho họ nghe tất cả những điều này. Và An Ma cũng kể cho họ nghe về sự cải đạo của mình, với Am Môn, A Rôn cùng các anh em của ông.

26 Và chuyện rằng, điều này đã đem lại cho họ một niềm vui lớn lao. Thế rồi họ lên đường đi đến xứ Giê Sơn và chiếm hữu xứ Giê Sơn; và họ được dân Nê Phi gọi họ là dân Am Môn, và họ được phân biệt bằng tên này từ đó về sau.

27 Và họ được tính vào số những người dân Nê Phi, và cũng được tính vào số dân giáo hội của Thượng Đế. Và họ cũng được nổi tiếng về lòng nhiệt thành đối với Thượng Đế và luôn cả đối với đồng loại nữa; và quả họ là những người hết sức lương thiện và ngay chính trong tất cả mọi việc; và họ vững chắc trong đức tin nơi Đấng Ky Tô cho đến cùng.

28 Và họ xem việc làm đổ máu đồng bào của mình là một điều ghê tởm lớn lao; và chẳng bao giờ có ai có thể thuyết phục được họ cầm khí giới đánh lại các đồng bào của mình; và họ không bao giờ nhìn cái chết với một mảy may sợ hãi, vì họ trông chờ và hy vọng vào Đấng Ky Tô và sự phục sinh; vì thế đối với họ, cái chết đã bị sự đắc thắng của Đấng Ky Tô nuốt trọn.

29 Vậy nên họ thà chịu đựng cái chết đau đớn và ghê sợ nhất mà đồng bào của họ có thể bắt họ phải chịu, còn hơn là phải cầm gươm đao đánh lại đồng bào của mình.

30 Và do đó, họ là một dân tộc nhiệt thành và đáng yêu, một dân tộc được nhiều ưu đãi của Chúa.

Now, it came to pass that when Ammon had heard this, he returned to the people of Anti-Nephi-Lehi, and also Alma with him, into the wilderness, where they had pitched their tents, and made known unto them all these things. And Alma also related unto them his conversion, with Ammon and Aaron, and his brethren.

And it came to pass that it did cause great joy among them. And they went down into the land of Jershon, and took possession of the land of Jershon; and they were called by the Nephites the people of Ammon; therefore they were distinguished by that name ever after.

And they were among the people of Nephi, and also numbered among the people who were of the church of God. And they were also distinguished for their zeal towards God, and also towards men; for they were perfectly honest and upright in all things; and they were firm in the faith of Christ, even unto the end.

And they did look upon shedding the blood of their brethren with the greatest abhorrence; and they never could be prevailed upon to take up arms against their brethren; and they never did look upon death with any degree of terror, for their hope and views of Christ and the resurrection; therefore, death was swallowed up to them by the victory of Christ over it.

Therefore, they would suffer death in the most aggravating and distressing manner which could be inflicted by their brethren, before they would take the sword or cimeter to smite them.

And thus they were a zealous and beloved people, a highly favored people of the Lord.

## An Ma 28

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, sau khi dân Am Môn đã định cư xong trên xứ Giê Sôn, và một chi nhánh giáo hội cũng đã được thiết lập xong trong xứ Giê Sôn, và những đạo quân của dân Nê Phi cũng đã đóng chung quanh xứ Giê Sôn, phải, tại tất cả các vùng biên giới chung quanh xứ Gia Ra Hem La, này, các đạo quân của dân La Man đã theo các đồng bào của chúng vào vùng hoang dã.
- 2 Và vì thế mà một trận chiến kinh hồn đã xảy ra; phải, một trận chiến chưa từng bao giờ được thấy xảy ra ở giữa tất cả dân chúng trong xứ này kể từ ngày Lê Hi rời khỏi Giê Ru Sa Lem; phải, có hàng chục ngàn dân La Man bị giết chết và chạy tán loạn.
- 3 Phải, và một cuộc tàn sát lớn lao cũng đã xảy ra cho dân Nê Phi; tuy nhiên dân La Man bị xua đuổi chạy tán loạn và dân Nê Phi được trở về lại xứ sở của họ.
- 4 Và giờ đây người ta nghe tiếng khóc than và rên rỉ nổi lên khắp xứ trong tất cả dân tộc Nê Phi—
- 5 Phải, tiếng than khóc của quả phụ thương tiếc chồng, của cha thương tiếc con trai mình, của em gái thương tiếc anh, phải, của em trai khóc thương cha; và người ta đã nghe tiếng than khóc như vậy trong khắp dân chúng, tất cả đều khóc thương cho những người thân của mình đã bị giết chết.
- 6 Và giờ đây quả thật là một ngày đầy bi thảm; phải, đây quả là lúc nghiêm trọng, lúc cần phải nhịn ăn nhiều và cầu nguyện nhiều.
- 7 Và như vậy là chấm dứt năm thứ mười lăm của chế độ các phán quan trong dân Nê Phi.
- 8 Và đây là thiên ký thuật về Am Môn và các anh em ông, về những cuộc hành trình của họ trong xứ Nê Phi, những thống khổ của họ trong xứ ấy, những buồn phiền của họ, và những nỗi khổ đau cùng niềm vui khôn tả của họ, sự đón tiếp và sự an toàn của các đồng bào họ trong xứ Giê Sôn. Và giờ đây, cầu xin Chúa, Đấng Cứu Chuộc của tất cả loài người, ban phước lành cho tâm hồn họ mãi mãi.

## Alma 28

And now it came to pass that after the people of Ammon were established in the land of Jershon, and a church also established in the land of Jershon, and the armies of the Nephites were set round about the land of Jershon, yea, in all the borders round about the land of Zarahemla; behold the armies of the Lamanites had followed their brethren into the wilderness.

And thus there was a tremendous battle; yea, even such an one as never had been known among all the people in the land from the time Lehi left Jerusalem; yea, and tens of thousands of the Lamanites were slain and scattered abroad.

Yea, and also there was a tremendous slaughter among the people of Nephi; nevertheless, the Lamanites were driven and scattered, and the people of Nephi returned again to their land.

And now this was a time that there was a great mourning and lamentation heard throughout all the land, among all the people of Nephi—

Yea, the cry of widows mourning for their husbands, and also of fathers mourning for their sons, and the daughter for the brother, yea, the brother for the father; and thus the cry of mourning was heard among all of them, mourning for their kindred who had been slain.

And now surely this was a sorrowful day; yea, a time of solemnity, and a time of much fasting and prayer.

And thus endeth the fifteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi;

And this is the account of Ammon and his brethren, their journeyings in the land of Nephi, their sufferings in the land, their sorrows, and their afflictions, and their incomprehensible joy, and the reception and safety of the brethren in the land of Jershon. And now may the Lord, the Redeemer of all men, bless their souls forever.

- 9 Và đây là thiên ký thuật về các cuộc chiến và các cuộc tranh chấp trong dân Nê Phi, và luôn cả những trận chiến giữa dân Nê Phi và dân La Man; và năm thứ mười lăm của chế độ các phán quan đã chấm dứt.
- 10 Và từ năm thứ nhất đến năm thứ mười lăm đã có biết bao nhiêu ngàn sinh mạng đã bị hủy diệt; phải, đã xảy ra biết bao nhiêu cuộc đổ máu kinh hồn.
- 11 Và xác chết của biết bao ngàn người bị chôn vùi dưới đất, trong lúc đó có biết bao ngàn xác chết khác đang nằm thành đống rữa nát trên mặt đất; phải, và có biết bao nhiêu ngàn người đang khóc thương cho cái chết của thân nhân họ, vì theo lời hứa của Chúa, thì họ có lý do để sợ rằng thân nhân họ sẽ bị đày vào một trạng thái khốn khổ bất tận.
- 12 Trong khi đó có biết bao ngàn người khác thương cho cái chết của thân nhân họ, nhưng họ lại thấy vui mừng và hân hoan trong niềm hy vọng, và cũng biết rằng, theo lời hứa của Chúa, thân nhân họ sẽ được nhắc lên để sống bên tay phải của Thượng Đế, trong một trạng thái hạnh phúc bất tận.
- 13 Và do đó chúng ta thấy rằng, sự bất bình đẳng giữa loài người thật lớn lao biết bao, cũng tại vì tội lỗi và sự phạm giới, cùng quyền năng của quỷ dữ, mà những điều này đến bởi những kế hoạch xảo quyệt nó đã bày ra để sập bẫy trái tim con cái loài người.
- 14 Và do đó chúng ta thấy được lời kêu gọi vĩ đại cho con người phải làm việc cần mẫn trong vườn nho của Chúa; và cũng do đó mà chúng ta thấy được lý do quan trọng của sự sầu khổ hay sự vui sướng—sự sầu khổ là vì sự chết chóc và sự hủy diệt ở giữa loài người; sự vui sướng là vì ánh sáng của Đấng Kỳ Tô rọi vào cuộc đời.

And this is the account of the wars and contentions among the Nephites, and also the wars between the Nephites and the Lamanites; and the fifteenth year of the reign of the judges is ended.

And from the first year to the fifteenth has brought to pass the destruction of many thousand lives; yea, it has brought to pass an awful scene of bloodshed.

And the bodies of many thousands are laid low in the earth, while the bodies of many thousands are moldering in heaps upon the face of the earth; yea, and many thousands are mourning for the loss of their kindred, because they have reason to fear, according to the promises of the Lord, that they are consigned to a state of endless wo.

While many thousands of others truly mourn for the loss of their kindred, yet they rejoice and exult in the hope, and even know, according to the promises of the Lord, that they are raised to dwell at the right hand of God, in a state of never-ending happiness.

And thus we see how great the inequality of man is because of sin and transgression, and the power of the devil, which comes by the cunning plans which he hath devised to ensnare the hearts of men.

And thus we see the great call of diligence of men to labor in the vineyards of the Lord; and thus we see the great reason of sorrow, and also of rejoicing—sorrow because of death and destruction among men, and joy because of the light of Christ unto life.

## An Ma 29

- 1 Ôi, ước gì tôi là một thiên sứ và có được sự ước muốn của lòng tôi, để tôi có thể đi khắp nơi và nói lên bằng tiếng kèn của Thượng Đế, bằng một giọng nói làm rung chuyển địa cầu, và rao truyền sự hối cải cho mọi người!
- 2 Phải, tôi sẽ rao truyền cho từng người, bằng tiếng sấm sét, về sự hối cải và kế hoạch cứu chuộc, để họ hối cải mà đến với Thượng Đế của chúng ta, hầu không còn thêm một sự sầu khổ nào nữa trên khắp mặt đất này.
- 3 Nhưng này, tôi chỉ là một người, và tôi cũng phạm tội ngay cả trong điều ước muốn của tôi nữa; vì lẽ ra tôi phải hài lòng về những điều mà Chúa đã ban phát cho tôi.
- 4 Lẽ ra tôi không nên ray rứt với những điều ước muốn của tôi về sắc lệnh cương quyết của một Thượng Đế công bình, vì tôi biết rằng, Ngài ban cho loài người tùy theo sự mong muốn của họ, dù đó là sự chết hay sự sống; phải, tôi biết rằng, Ngài ban phát cho loài người, phải, ban hành cho họ những sắc lệnh bất di bất dịch, tùy theo những gì họ mong muốn, dù đó là sự cứu rỗi hay sự hủy diệt.
- 5 Phải, và tôi biết rằng, điều thiện và điều ác đã đến trước loài người; kẻ nào không biết phân biệt thiện với ác thì vô tội; còn kẻ nào biết thiện và ác thì sẽ được ban cho theo điều mình mong muốn, dù kẻ đó muốn điều thiện hay điều ác, sự sống hay sự chết, sự vui mừng hay hối hận trong lương tâm.
- 6 Giờ đây, một khi tôi đã biết những điều này, tại sao tôi lại còn mong muốn hơn những điều mà tôi được kêu gọi phải thi hành?
- 7 Tại sao tôi lại ước mong làm một thiên sứ để tôi có thể nói với khắp nơi tận cùng của trái đất?
- 8 Và này, Chúa đã ban cho tất cả mọi quốc gia, với những người cùng chung một nước và chung một ngôn ngữ, được giảng dạy lời của Ngài, phải, trong sự thông sáng, cho tất cả những ai mà Ngài thấy thích hợp cần phải nhận được; vậy nên, chúng ta thấy rằng, Chúa đã dùng sự thông sáng mà khuyên dạy, thể theo những điều chính đáng và chân thật.

## Alma 29

O that I were an angel, and could have the wish of mine heart, that I might go forth and speak with the trump of God, with a voice to shake the earth, and cry repentance unto every people!

Yea, I would declare unto every soul, as with the voice of thunder, repentance and the plan of redemption, that they should repent and come unto our God, that there might not be more sorrow upon all the face of the earth.

But behold, I am a man, and do sin in my wish; for I ought to be content with the things which the Lord hath allotted unto me.

I ought not to harrow up in my desires the firm decree of a just God, for I know that he granteth unto men according to their desire, whether it be unto death or unto life; yea, I know that he allot-teth unto men, yea, decreeth unto them decrees which are unalterable, according to their wills, whether they be unto salvation or unto destruction.

Yea, and I know that good and evil have come before all men; he that knoweth not good from evil is blameless; but he that knoweth good and evil, to him it is given according to his desires, whether he desireth good or evil, life or death, joy or remorse of conscience.

Now, seeing that I know these things, why should I desire more than to perform the work to which I have been called?

Why should I desire that I were an angel, that I could speak unto all the ends of the earth?

For behold, the Lord doth grant unto all nations, of their own nation and tongue, to teach his word, yea, in wisdom, all that he seeth fit that they should have; therefore we see that the Lord doth counsel in wisdom, according to that which is just and true.



- 9 Tôi biết những gì Chúa đã truyền lệnh cho tôi, và tôi hãnh diện về những điều ấy. Tôi không khoe khoang về cá nhân tôi, nhưng tôi hãnh diện về những điều Chúa đã truyền lệnh cho tôi; phải, và đây là sự khoe khoang của tôi, mà nhờ đó tôi có thể trở thành một công cụ trong tay Thượng Đế để đem một linh hồn nào đó tới sự hối cải; và đó là điều vui mừng của tôi vậy.
- 10 Và này, khi tôi trông thấy nhiều đồng bào của tôi thực sự biết ăn năn, và đến với Chúa, Thượng Đế của họ, thì tâm hồn tôi tràn ngập nỗi vui mừng; rồi tôi hồi tưởng lại những gì Chúa đã làm cho tôi, phải, Ngài đã nghe lời cầu nguyện của tôi; phải, thế rồi tôi nhớ lại cánh tay thương xót của Ngài đã dang ra cho tôi.
- 11 Phải, và tôi còn nhớ tới sự tù đày của tổ phụ tôi; vì tôi biết chắc Chúa đã giải thoát cho họ khỏi vòng nô lệ, và bằng cách này đã thiết lập lên giáo hội của Ngài; phải, Đức Chúa Trời, Thượng Đế của Áp Ra Ham, Thượng Đế của Y Sác, và Thượng Đế của Gia Cốp, đã giải thoát họ khỏi vòng nô lệ.
- 12 Phải, tôi luôn luôn nhớ tới sự tù đày của tổ phụ tôi, và cũng chính Đấng Thượng Đế đã giải thoát họ khỏi bàn tay của dân Ai Cập đã giải thoát cho họ khỏi vòng nô lệ.
- 13 Phải, cũng chính Thượng Đế đó đã thiết lập lên giáo hội của Ngài ở giữa họ; phải, và cũng chính Thượng Đế đó đã kêu gọi tôi bằng một ơn kêu gọi thánh để thuyết giảng lời của Thượng Đế cho dân này, và đã ban cho tôi biết bao sự thành công, mà nhờ đó sự vui mừng của tôi được tràn đầy.
- 14 Nhưng không phải tôi chỉ vui mừng cho sự thành công của riêng tôi, mà niềm vui của tôi lại càng được trọn vẹn hơn nhờ sự thành công của các anh em tôi khi họ lên xứ Nê Phi.
- 15 Này, họ đã lao nhọc quá nhiều, và đã đem lại rất nhiều thành quả; và phần thưởng của họ sẽ lớn lao biết bao!
- 16 Giờ đây, mỗi khi tôi nghĩ tới sự thành công của các anh em tôi, thì tâm hồn tôi lại quá hân hoan sung sướng đến độ dường như nó rời xa khỏi thể xác tôi, như vậy là sự vui sướng của tôi thật lớn lao vô cùng.

I know that which the Lord hath commanded me, and I glory in it. I do not glory of myself, but I glory in that which the Lord hath commanded me; yea, and this is my glory, that perhaps I may be an instrument in the hands of God to bring some soul to repentance; and this is my joy.

And behold, when I see many of my brethren truly penitent, and coming to the Lord their God, then is my soul filled with joy; then do I remember what the Lord has done for me, yea, even that he hath heard my prayer; yea, then do I remember his merciful arm which he extended towards me.

Yea, and I also remember the captivity of my fathers; for I surely do know that the Lord did deliver them out of bondage, and by this did establish his church; yea, the Lord God, the God of Abraham, the God of Isaac, and the God of Jacob, did deliver them out of bondage.

Yea, I have always remembered the captivity of my fathers; and that same God who delivered them out of the hands of the Egyptians did deliver them out of bondage.

Yea, and that same God did establish his church among them; yea, and that same God hath called me by a holy calling, to preach the word unto this people, and hath given me much success, in the which my joy is full.

But I do not joy in my own success alone, but my joy is more full because of the success of my brethren, who have been up to the land of Nephi.

Behold, they have labored exceedingly, and have brought forth much fruit; and how great shall be their reward!

Now, when I think of the success of these my brethren my soul is carried away, even to the separation of it from the body, as it were, so great is my joy.

17      Và giờ đây cầu xin Thượng Đế sẽ chấp nhận cho những người này, là những người anh em của tôi, được ngồi trong vương quốc của Thượng Đế; phải, và luôn cả những kẻ do thành quả của công lao khó nhọc của họ đem được về, để cho họ không còn đi ra ngoài nữa, mà để cho họ được ca ngợi Ngài mãi mãi. Và cầu xin Thượng Đế ban cho những điều này được thực hiện theo lời cầu xin của tôi, như những điều tôi đã nói. A Men.

And now may God grant unto these, my brethren, that they may sit down in the kingdom of God; yea, and also all those who are the fruit of their labors that they may go no more out, but that they may praise him forever. And may God grant that it may be done according to my words, even as I have spoken. Amen.

## An Ma 30

- 1 Nay, giờ đây, chuyện rằng, sau khi dân Am Môn đã định cư ở đất Giê Sơn, phải, sau khi dân La Man bị đẩy lui ra khỏi xứ, và sau khi các xác chết của chúng được dân trong xứ chôn cất xong—
- 2 Bây giờ, xác chết của chúng không thể đếm được vì quá nhiều; và luôn cả xác chết của dân Nê Phi cũng không đếm được—nhưng chuyện rằng, sau khi họ chôn cất xong các xác chết, và sau những ngày nhịn ăn, than khóc và cầu nguyện (lúc đó là vào năm thứ mười sáu của chế độ các phán quan của dân Nê Phi) thì lại bắt đầu có thái bình liên tục trên khắp đất nước.
- 3 Phải, và dân chúng đã cố gắng tuân giữ các lệnh truyền của Chúa; và họ đã nghiêm chỉnh tuân theo các giáo lễ của Thượng Đế, theo luật pháp Môi Se; vì họ được giảng dạy phải tuân giữ luật pháp Môi Se cho đến khi nào luật ấy được thi hành trọn vẹn.
- 4 Và nhờ thế mà dân chúng không có một sự rối loạn nào trong suốt năm thứ mười sáu của chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 5 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ mười bảy của chế độ các phán quan, thái bình vẫn còn được tiếp tục.
- 6 Nhưng chuyện rằng, vào gần cuối năm thứ mười bảy, có một người đến xứ Gia Ra Hem La, và người này là một người chống báng Đấng Ky Tô, vì hắn bắt đầu thuyết giảng cho dân chúng những lời chống báng lại các điều tiên tri mà các vị tiên tri đã nói về sự hiện đến của Đấng Ky Tô.
- 7 Bây giờ không có luật pháp nào cấm đoán tín ngưỡng của con người; vì nếu có luật pháp nào đưa con người tới chỗ bất bình đẳng thì điều đó hoàn toàn trái với những lệnh truyền của Thượng Đế.
- 8 Vì thánh thư có dạy rằng: Hôm nay hãy chọn ai mà các người muốn phục vụ.
- 9 Bây giờ, nếu người nào muốn phục vụ Thượng Đế, thì đó là đặc quyền của người ấy; hay nói cách khác, nếu kẻ nào tin nơi Thượng Đế, thì đó là đặc quyền của kẻ đó để phục vụ Ngài; nhưng nếu kẻ đó không tin nơi Ngài thì cũng không có luật pháp nào trừng phạt kẻ đó.

## Alma 30

Behold, now it came to pass that after the people of Ammon were established in the land of Jershon, yea, and also after the Lamanites were driven out of the land, and their dead were buried by the people of the land—

Now their dead were not numbered because of the greatness of their numbers; neither were the dead of the Nephites numbered—but it came to pass after they had buried their dead, and also after the days of fasting, and mourning, and prayer, (and it was in the sixteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi) there began to be continual peace throughout all the land.

Yea, and the people did observe to keep the commandments of the Lord; and they were strict in observing the ordinances of God, according to the law of Moses; for they were taught to keep the law of Moses until it should be fulfilled.

And thus the people did have no disturbance in all the sixteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And it came to pass that in the commencement of the seventeenth year of the reign of the judges, there was continual peace.

But it came to pass in the latter end of the seventeenth year, there came a man into the land of Zarahemla, and he was Anti-Christ, for he began to preach unto the people against the prophecies which had been spoken by the prophets, concerning the coming of Christ.

Now there was no law against a man's belief; for it was strictly contrary to the commands of God that there should be a law which should bring men on to unequal grounds.

For thus saith the scripture: Choose ye this day, whom ye will serve.

Now if a man desired to serve God, it was his privilege; or rather, if he believed in God it was his privilege to serve him; but if he did not believe in him there was no law to punish him.

10 Nhưng nếu giết người thì kẻ đó phải bị xử tử; nếu cướp bóc sẽ bị trừng phạt; và nếu trộm cắp thì cũng bị trừng phạt; và nếu phạm tội ngoại tình cũng bị trừng phạt; phải, vì tất cả những điều tà ác đó họ đều bị trừng phạt.

11 Vì luật pháp buộc con người phải bị xét xử tùy theo tội trạng của mình. Tuy nhiên, không có luật pháp nào ngăn cấm tín ngưỡng của con người; vậy nên, một người chỉ bị trừng phạt theo những tội trạng mình đã làm; do đó mọi người đều được bình đẳng.

12 Và kẻ chống báng Đấng Ky Tô này, tên là Cô Ri Ho, (và luật pháp không thể bắt tội hắn được) bắt đầu thuyết giảng cho dân chúng rằng, sẽ không có Đấng Ky Tô. Và hắn đã thuyết giảng dân chúng với luận điệu như sau:

13 Hỡi các người là những kẻ đang bị trói buộc bởi một hy vọng điên rồ và hão huyền, tại sao các người lại tự mang cái ách vào mình bằng những điều điên rồ như vậy? Tại sao các người lại trông chờ một Đấng Ky Tô? Vì không có một người nào có thể biết được những điều sẽ phải xảy đến.

14 Nay, những điều này mà các người gọi là những điều tiên tri, và các người bảo là do các thánh tiên tri truyền lại, này, đó toàn là những truyền thuyết điên rồ của tổ phụ các người.

15 Làm sao các người biết được sự chắc chắn của những điều này? Nay, các người không thể biết được những điều mà các người không trông thấy; vì thế, các người không thể biết được rằng sẽ có một Đấng Ky Tô.

16 Các người trông đợi và nói rằng mình trông thấy sự xá miễn các tội lỗi của mình. Nhưng này, đó là do ảnh hưởng của một trí óc điên loạn; và sự loạn trí này của các người là do những truyền thống của tổ phụ các người đã dẫn dắt các người đến chỗ tin tưởng vào những điều không có thực.

17 Và hắn còn nói với họ nhiều điều tương tự như vậy. Hắn bảo họ rằng, sẽ không có sự chuộc tội lỗi nào cho loài người cả, trái lại, mọi người đều trải qua cuộc đời này tùy theo cách cư xử của con người; vậy nên, mọi người thịnh vượng tùy theo thiên tài của mình, và mọi người chinh phục tùy theo sức lực của mình; và bất cứ điều gì loài người làm đều không phải là tội ác.

But if he murdered he was punished unto death; and if he robbed he was also punished; and if he stole he was also punished; and if he committed adultery he was also punished; yea, for all this wickedness they were punished.

For there was a law that men should be judged according to their crimes. Nevertheless, there was no law against a man's belief; therefore, a man was punished only for the crimes which he had done; therefore all men were on equal grounds.

And this Anti-Christ, whose name was Korihor, (and the law could have no hold upon him) began to preach unto the people that there should be no Christ. And after this manner did he preach, saying:

O ye that are bound down under a foolish and a vain hope, why do ye yoke yourselves with such foolish things? Why do ye look for a Christ? For no man can know of anything which is to come.

Behold, these things which ye call prophecies, which ye say are handed down by holy prophets, behold, they are foolish traditions of your fathers.

How do ye know of their surety? Behold, ye cannot know of things which ye do not see; therefore ye cannot know that there shall be a Christ.

Ye look forward and say that ye see a remission of your sins. But behold, it is the effect of a frenzied mind; and this derangement of your minds comes because of the traditions of your fathers, which lead you away into a belief of things which are not so.

And many more such things did he say unto them, telling them that there could be no atonement made for the sins of men, but every man fared in this life according to the management of the creature; therefore every man prospered according to his genius, and that every man conquered according to his strength; and whatsoever a man did was no crime.

- 18 Và hắn đã thuyết giảng cho họ nghe như vậy, và hắn đã dẫn dắt trái tim của nhiều người đi lạc hướng, khiến họ trở nên cao ngạo trong các điều tà ác của họ, phải, hắn đã dẫn dắt nhiều người, nam cũng như nữ, phạm tội tà dâm—hắn bảo họ rằng, một khi người ta chết là tất cả đều hết.
- 19 Giờ đây người này còn đi đến xứ Giê Sơn để thuyết giảng những điều ấy cho dân Am Môn, là những người trước kia là dân La Man.
- 20 Nhưng này, họ đã khôn ngoan hơn nhiều người dân Nê Phi; vì họ bắt hắn trói lại, rồi giải đến trước mặt Am Môn, là thầy tư tế thượng phẩm cai quản dân ấy.
- 21 Và chuyện rằng, ông ra lệnh hắn phải bị trục xuất ra khỏi xứ. Thế rồi hắn đi đến xứ Ghê Đê Ôn, và cũng bắt đầu thuyết giảng cho họ; và ở đây hắn không được thành công lắm, vì hắn cũng bị bắt trói và giải đến trước mặt thầy tư tế thượng phẩm và cũng là vị trưởng phán quan trong xứ.
- 22 Và chuyện rằng, thầy tư tế thượng phẩm hỏi hắn rằng: Tại sao người đi khắp nơi để làm sai lạc đường lối của Chúa như vậy? Tại sao người thuyết giảng dân này là sẽ không có Đấng Ky Tô, để làm gián đoạn sự vui mừng của họ? Tại sao người nói lời chống báng lại tất cả những điều tiên tri của các thánh tiên tri như vậy?
- 23 Bây giờ tên của thầy tư tế thượng phẩm ấy là Ghi Đô Na. Và Cô Ri Ho đáp lời ông rằng: Vì tôi không dạy họ những truyền thống điên rồ của tổ phụ ông, và tôi cũng không dạy dân này tự trói mình vào những giáo lễ và nghi thức điên rồ do các thầy tư tế ngày xưa bày ra, để tiếm đoạt uy quyền và quyền hành cai trị họ, để gò bó họ trong sự ngu dốt, khiến họ không thể cất đầu lên được, nhưng phải bị hạ xuống theo lời ông.
- 24 Ông nói rằng dân này là một dân tự do. Này, tôi cho rằng họ đang ở trong vòng nô lệ. Ông bảo rằng các điều tiên tri ngày xưa là có thật. Này, tôi cho rằng ông không biết là các điều ấy có thật.
- 25 Ông bảo rằng dân này là một dân tộc phạm tội và sa ngã, vì sự phạm giới của một người cha. Này, tôi cho rằng con cái không có tội vì cha mẹ mình.

And thus he did preach unto them, leading away the hearts of many, causing them to lift up their heads in their wickedness, yea, leading away many women, and also men, to commit whoredoms—telling them that when a man was dead, that was the end thereof.

Now this man went over to the land of Jershon also, to preach these things among the people of Ammon, who were once the people of the Lamanites.

But behold they were more wise than many of the Nephites; for they took him, and bound him, and carried him before Ammon, who was a high priest over that people.

And it came to pass that he caused that he should be carried out of the land. And he came over into the land of Gideon, and began to preach unto them also; and here he did not have much success, for he was taken and bound and carried before the high priest, and also the chief judge over the land.

And it came to pass that the high priest said unto him: Why do ye go about perverting the ways of the Lord? Why do ye teach this people that there shall be no Christ, to interrupt their rejoicings? Why do ye speak against all the prophecies of the holy prophets?

Now the high priest's name was Giddonah. And Korihor said unto him: Because I do not teach the foolish traditions of your fathers, and because I do not teach this people to bind themselves down under the foolish ordinances and performances which are laid down by ancient priests, to usurp power and authority over them, to keep them in ignorance, that they may not lift up their heads, but be brought down according to thy words.

Ye say that this people is a free people. Behold, I say they are in bondage. Ye say that those ancient prophecies are true. Behold, I say that ye do not know that they are true.

Ye say that this people is a guilty and a fallen people, because of the transgression of a parent. Behold, I say that a child is not guilty because of its parents.

- 26 Và ông còn bảo rằng Đấng Kỵ Tô sẽ đến. Nhưng này, tôi cho rằng ông không biết rằng sẽ có một Đấng Kỵ Tô. Và ông còn bảo là đấng ấy sẽ bị giết chết vì tội lỗi của thế gian—
- 27 Và như vậy là ông dẫn dắt dân này đi theo những truyền thống điên rồ của tổ phụ ông, và theo ý muốn riêng của ông; và ông hạ họ xuống thấp, đến độ gần như trong vòng nô lệ, để ông có thể sống xa hoa trên sức lao động của bàn tay họ, khiến họ không còn dám ngước mắt lên nhìn một cách bạo dạn, và không còn dám thụ hưởng những quyền lợi và đặc ân của mình nữa.
- 28 Phải, họ không còn dám sử dụng những gì thuộc quyền sở hữu của họ nữa, chỉ vì họ sợ xúc phạm đến các thầy tư tế của họ, là những người đã đặt cái ách lên họ theo ý muốn riêng của mình, và đã hướng dẫn họ, qua những truyền thống, những giấc mơ, những ý tưởng ngông cuồng, những ảo tưởng, và những toan tính bí mật của mình, tin rằng, nếu họ không làm theo những lời nói của mình, thì họ sẽ xúc phạm đến một đấng vô danh nào đó mà họ nói là Thượng Đế—một đấng mà họ chưa bao giờ thấy hay biết tới, là đấng chưa bao giờ có và cũng sẽ chẳng bao giờ có.
- 29 Giờ đây, khi thầy tư tế thượng phẩm và vị trưởng phán quan thấy lòng dạ hằn chai đá như vậy, phải, khi họ thấy rằng hấn dám thóa mạ cả Thượng Đế thì hai ông không còn trả lời với hấn lời nào nữa, mà ra lệnh cho trời hấn lại và giao cho các cảnh lại giải hấn đến xứ Gia Ra Hem La, để hấn bị áp giải tới trước mặt An Ma và vị trưởng phán quan là người cai trị cả toàn quốc.
- 30 Và chuyện rằng, khi bị giải tới trước mặt An Ma và vị trưởng phán quan, hấn vẫn giữ nguyên thái độ như khi còn ở xứ Ghê Ê Ôn; phải, hấn vẫn tiếp tục phỉ báng.
- 31 Và hấn cất cao giọng nói lên những lời khoác lác trước mặt An Ma, và thóa mạ các thầy tư tế và các thầy giảng, lên án họ đã dẫn dắt dân chúng làm theo những truyền thống điên rồ của tổ phụ họ, với mục đích để sống xa hoa trên sức lao động của dân chúng.

And ye also say that Christ shall come. But behold, I say that ye do not know that there shall be a Christ. And ye say also that he shall be slain for the sins of the world—

And thus ye lead away this people after the foolish traditions of your fathers, and according to your own desires; and ye keep them down, even as it were in bondage, that ye may glut yourselves with the labors of their hands, that they durst not look up with boldness, and that they durst not enjoy their rights and privileges.

Yea, they durst not make use of that which is their own lest they should offend their priests, who do yoke them according to their desires, and have brought them to believe, by their traditions and their dreams and their whims and their visions and their pretended mysteries, that they should, if they did not do according to their words, offend some unknown being, who they say is God—a being who never has been seen or known, who never was nor ever will be.

Now when the high priest and the chief judge saw the hardness of his heart, yea, when they saw that he would revile even against God, they would not make any reply to his words; but they caused that he should be bound; and they delivered him up into the hands of the officers, and sent him to the land of Zarahemla, that he might be brought before Alma, and the chief judge who was governor over all the land.

And it came to pass that when he was brought before Alma and the chief judge, he did go on in the same manner as he did in the land of Gideon; yea, he went on to blaspheme.

And he did rise up in great swelling words before Alma, and did revile against the priests and teachers, accusing them of leading away the people after the silly traditions of their fathers, for the sake of glutting on the labors of the people.

32 Giờ đây, An Ma bảo hắn rằng: Người biết là chúng ta không sống xa hoa trên sức lao động của dân này; vì này, ngay từ lúc khởi đầu chế độ các phán quan cho đến bây giờ, ta đã lao nhọc với chính bàn tay của ta để sinh sống, mặc dù ta phải đi đây đi đó rất nhiều trong xứ để rao truyền lời của Thượng Đế cho dân của ta nghe.

33 Và mặc dù với bao công lao khó nhọc mà ta đã làm trong giáo hội, ta cũng không bao giờ nhận tiền thù lao, dù chỉ là một sê nin bạc để trả công cho ta; và tất cả các anh em ta cũng vậy, ngoại trừ khi nào phải ngồi ghế xét xử; và lúc đó chúng ta cũng chỉ nhận thù lao theo luật pháp đã ấn định cho thời gian làm việc của chúng ta mà thôi.

34 Và giờ đây, nếu chúng ta đã không nhận lãnh bất cứ một vật gì cho sự lao nhọc của chúng ta trong giáo hội, thì thử hỏi chúng ta nhắm vào lợi lộc gì khi làm việc cho giáo hội, nếu đó không phải là rao truyền lẽ thật để chúng ta có thể có được sự hoan hỷ trong sự vui mừng của anh em mình?

35 Vậy thì tại sao người dám bảo chúng ta thuyết giảng cho dân này để thủ lợi, trong khi chính người cũng biết rằng chúng ta không được lợi lộc gì cả? Và giờ đây, người có còn cho rằng chúng ta lừa dối dân này, mà lại còn khiến cho họ có sự vui mừng lớn lao trong lòng họ như vậy chăng?

36 Và Cô Ri Ho trả lời ông rằng: Có.

37 An Ma bèn hỏi hắn: Người có tin là có một Thượng Đế không?

38 Và hắn trả lời: Không.

39 Lúc bấy giờ An Ma bèn hỏi hắn: Người có dám phủ nhận một lần nữa là không có Thượng Đế, và phủ nhận luôn Đấng Ky Tô không? Vì này, ta nói cho người hay, ta biết rằng có một Thượng Đế, và ta cũng biết rằng Đấng Ky Tô sẽ đến.

40 Và giờ đây, người có chứng cứ gì chắc chắn là không có Thượng Đế, hay là Đấng Ky Tô sẽ không đến không? Ta nói cho người hay rằng, người không có chứng cứ nào hết ngoại trừ lời nói của người mà thôi.

Now Alma said unto him: Thou knowest that we do not glut ourselves upon the labors of this people; for behold I have labored even from the commencement of the reign of the judges until now, with mine own hands for my support, notwithstanding my many travels round about the land to declare the word of God unto my people.

And notwithstanding the many labors which I have performed in the church, I have never received so much as even one senine for my labor; neither has any of my brethren, save it were in the judgment-seat; and then we have received only according to law for our time.

And now, if we do not receive anything for our labors in the church, what doth it profit us to labor in the church save it were to declare the truth, that we may have rejoicings in the joy of our brethren?

Then why sayest thou that we preach unto this people to get gain, when thou, of thyself, knowest that we receive no gain? And now, believest thou that we deceive this people, that causes such joy in their hearts?

And Korihor answered him, Yea.

And then Alma said unto him: Believest thou that there is a God?

And he answered, Nay.

Now Alma said unto him: Will ye deny again that there is a God, and also deny the Christ? For behold, I say unto you, I know there is a God, and also that Christ shall come.

And now what evidence have ye that there is no God, or that Christ cometh not? I say unto you that ye have none, save it be your word only.

41 Nhưng này, ta có tất cả những gì để làm chứng rằng những điều này có thật, và chính người cũng có tất cả những gì để làm chứng với người là những điều này có thật, vậy người sẽ chối bỏ những điều này không? Người có tin những điều này có thật không?

42 Này, ta biết là người có tin, nhưng người bị tà ma dối trá ám, và người đã gạt bỏ Thánh Linh của Thượng Đế, làm cho Thánh Linh của Ngài không có chỗ đứng trong người; còn quỷ dữ lại có quyền hành đối với người, và nó dẫn dắt người đi khắp nơi, làm đủ mọi mưu chước để nó có thể hủy diệt con cái của Thượng Đế.

43 Và giờ đây Cô Ri Ho nói với An Ma rằng: Nếu ông cho tôi thấy một điềm triệu để tôi có thể tin là có Thượng Đế, phải, hãy cho tôi thấy là Ngài có quyền năng thì tôi sẽ tin lời ông nói là có thật.

44 Nhưng An Ma nói với hắn rằng: Người đã có đủ điềm triệu rồi; người còn thử thách Thượng Đế của người làm gì nữa? Người có còn nói rằng: Hãy cho tôi thấy một điềm triệu, trong lúc người có lời chứng của tất cả những người anh em này của người và luôn cả của tất cả các thánh tiên tri? Các thánh thư đang ở trước mặt người đó, và tất cả mọi vật đều chứng tỏ là có Thượng Đế; phải, ngay cả quả đất này cùng muôn vật trên đó, phải, luôn cả sự vận chuyển của nó, phải, và luôn tất cả những hành tinh đang chuyển động theo một phương thức đều đặn của chúng cũng đủ làm chứng rằng có một Đấng Sáng Tạo Tối Cao.

45 Và mặc dù vậy, phải chăng người vẫn đi khắp mọi nơi để dẫn dắt trái tim dân này đi lạc lối và làm chứng với họ là không có Thượng Đế? Và người sẽ vẫn còn phủ nhận tất cả những chứng cứ này phải không? Và hắn đáp lời rằng: Phải, tôi sẽ phủ nhận, trừ phi ông cho tôi thấy một điềm triệu.

46 Và giờ đây chuyện rằng, An Ma nói với hắn rằng: Này, ta rất buồn lòng vì lòng dạ người chai đá, phải, đến nỗi người vẫn còn chống lại tinh thần của lẽ thật, khiến linh hồn người có thể vì vậy mà bị hủy diệt.

But, behold, I have all things as a testimony that these things are true; and ye also have all things as a testimony unto you that they are true; and will ye deny them? Believest thou that these things are true?

Behold, I know that thou believest, but thou art possessed with a lying spirit, and ye have put off the Spirit of God that it may have no place in you; but the devil has power over you, and he doth carry you about, working devices that he may destroy the children of God.

And now Korihor said unto Alma: If thou wilt show me a sign, that I may be convinced that there is a God, yea, show unto me that he hath power, and then will I be convinced of the truth of thy words.

But Alma said unto him: Thou hast had signs enough; will ye tempt your God? Will ye say, Show unto me a sign, when ye have the testimony of all these thy brethren, and also all the holy prophets? The scriptures are laid before thee, yea, and all things denote there is a God; yea, even the earth, and all things that are upon the face of it, yea, and its motion, yea, and also all the planets which move in their regular form do witness that there is a Supreme Creator.

And yet do ye go about, leading away the hearts of this people, testifying unto them there is no God? And yet will ye deny against all these witnesses? And he said: Yea, I will deny, except ye shall show me a sign.

And now it came to pass that Alma said unto him: Behold, I am grieved because of the hardness of your heart, yea, that ye will still resist the spirit of the truth, that thy soul may be destroyed.



47 Nhưng này, thà để cho linh hồn người bị mất đi còn hơn là để cho người trở thành một phương tiện dẫn dắt biết bao người khác đến chỗ hủy diệt, bởi những lời dối trá và phỉnh nịnh của người; vì thế, nếu người còn phủ nhận nữa, này, Thượng Đế sẽ đánh người để cho người trở thành câm và không bao giờ còn mở miệng ra nữa, để người không còn dối gạt dân này được nữa.

48 Bây giờ Cô Ri Ho đáp lại rằng: Tôi không phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế, nhưng tôi không tin là có một Đấng Thượng Đế; và tôi còn cho rằng, ông không biết là có một Đấng Thượng Đế; và nếu ông không cho tôi thấy một điềm triệu thì tôi sẽ không tin.

49 Bây giờ An Ma bèn nói với hắn: Đây là điềm triệu mà ta sẽ cho người thấy, người sẽ bị câm theo lời nói của ta; và ta nói rằng, trong danh Thượng Đế, người sẽ bị câm để người không còn thốt lên được lời nào nữa.

50 Bây giờ khi An Ma vừa nói xong những lời này, Cô Ri Ho liền bị câm, nên không còn thốt ra được lời nào nữa, đúng theo như lời An Ma.

51 Và bây giờ khi vị trưởng phán quan trông thấy vậy, ông liền đưa tay ra viết những lời đưa cho Cô Ri Ho như vậy: Bây giờ người đã chịu tin quyền năng của Thượng Đế chưa? Người muốn An Ma cho thấy điềm triệu nơi ai đây? Phải chăng người muốn ông ta làm đau khổ kẻ khác để cho người thấy một điềm triệu? Này, ông ta đã cho người thấy một điềm triệu rồi đó, vậy người có muốn bàn cãi gì thêm nữa không?

52 Và Cô Ri Ho đưa tay ra viết những lời đáp lại như vậy: Tôi biết là tôi đã bị câm, vì tôi không thể nói được; và tôi biết rằng, ngoài quyền năng của Thượng Đế, không gì có thể làm được chuyện này cho tôi; phải, và tôi cũng đã luôn luôn biết rằng có một Đấng Thượng Đế.

But behold, it is better that thy soul should be lost than that thou shouldst be the means of bringing many souls down to destruction, by thy lying and by thy flattering words; therefore if thou shalt deny again, behold God shall smite thee, that thou shalt become dumb, that thou shalt never open thy mouth any more, that thou shalt not deceive this people any more.

Now Korihor said unto him: I do not deny the existence of a God, but I do not believe that there is a God; and I say also, that ye do not know that there is a God; and except ye show me a sign, I will not believe.

Now Alma said unto him: This will I give unto thee for a sign, that thou shalt be struck dumb, according to my words; and I say, that in the name of God, ye shall be struck dumb, that ye shall no more have utterance.

Now when Alma had said these words, Korihor was struck dumb, that he could not have utterance, according to the words of Alma.

And now when the chief judge saw this, he put forth his hand and wrote unto Korihor, saying: Art thou convinced of the power of God? In whom did ye desire that Alma should show forth his sign? Would ye that he should afflict others, to show unto thee a sign? Behold, he has showed unto you a sign; and now will ye dispute more?

And Korihor put forth his hand and wrote, saying: I know that I am dumb, for I cannot speak; and I know that nothing save it were the power of God could bring this upon me; yea, and I always knew that there was a God.

53 Nhưng này, quý dữ đã lừa dối tôi; nó đã hiện ra cho tôi thấy dưới hình dạng một thiên sứ mà bảo tôi rằng: Người hãy đi tuyên bố cho dân này hay, vì dân này đã đi lầm đường lạc lối theo một Thượng Đế vô danh. Và nó còn bảo tôi rằng: Không có Thượng Đế nào hết; phải, nó đã dạy tôi những điều tôi phải nói. Và tôi đã giảng dạy những lời của nó; tôi đã giảng dạy những lời ấy vì nó làm thỏa chí đầu óc trần tục; và tôi đã giảng dạy những lời ấy cho tới khi tôi thành công quá nhiều, đến nỗi chính tôi cũng tin những lời ấy là đúng nữa; và cũng vì vậy mà tôi chống lại lẽ thật, cho đến khi tôi phải rước lấy sự rửa sả lớn lao này.

54 Bây giờ khi nói xong những lời này, hấn đã van xin An Ma hãy cầu nguyện lên Thượng Đế, để cho sự rửa sả này được cất khỏi hấn.

55 Nhưng An Ma nói với hấn rằng: Nếu sự rửa sả này được cất khỏi người thì người lại đi dẫn dắt trái tim dân này đi lạc lối nữa; vậy nên, sự rửa sả này được cất bỏ hay không là tùy theo Chúa định đoạt.

56 Và chuyện rằng, sự rửa sả này không được cất khỏi Cô Ri Ho; nhưng hấn đã bị đuổi đi và phải đi xin ăn hết nhà này qua nhà khác.

57 Giờ đây những điều xảy ra cho Cô Ri Ho liền được loan truyền ngay cho khắp xứ; phải, một hịch truyền đã được vị trưởng phán quan gửi cho toàn dân trong xứ để loan báo rằng, những ai đã tin theo lời Cô Ri Ho phải mau mau hối cải, kẻo những sự đoán phạt tương tự sẽ xảy đến cho họ.

58 Và chuyện rằng, tất cả bọn họ đều được thuyết phục tin sự tà ác của Cô Ri Ho; vậy nên tất cả lại được cải đạo theo Chúa; và như vậy là chấm dứt sự bất chính theo đường lối của Cô Ri Ho. Và Cô Ri Ho phải đi xin ăn từng nhà một để cấp dưỡng mình.

59 Và chuyện rằng, khi hấn đi lang thang trong dân chúng, phải, trong đám dân chúng đã tự tách rời ra khỏi dân Nê Phi và tự gọi là dân Giô Ram, vì chúng do một người tên là Giô Ram lãnh đạo—và trong lúc hấn đi lang thang trong bọn chúng, này, hấn bị người ta chạy xô ngã và bị giày xéo lên người cho đến chết.

But behold, the devil hath deceived me; for he appeared unto me in the form of an angel, and said unto me: Go and reclaim this people, for they have all gone astray after an unknown God. And he said unto me: There is no God; yea, and he taught me that which I should say. And I have taught his words; and I taught them because they were pleasing unto the carnal mind; and I taught them, even until I had much success, insomuch that I verily believed that they were true; and for this cause I withstood the truth, even until I have brought this great curse upon me.

Now when he had said this, he besought that Alma should pray unto God, that the curse might be taken from him.

But Alma said unto him: If this curse should be taken from thee thou wouldst again lead away the hearts of this people; therefore, it shall be unto thee even as the Lord will.

And it came to pass that the curse was not taken off of Korihor; but he was cast out, and went about from house to house begging for his food.

Now the knowledge of what had happened unto Korihor was immediately published throughout all the land; yea, the proclamation was sent forth by the chief judge to all the people in the land, declaring unto those who had believed in the words of Korihor that they must speedily repent, lest the same judgments would come unto them.

And it came to pass that they were all convinced of the wickedness of Korihor; therefore they were all converted again unto the Lord; and this put an end to the iniquity after the manner of Korihor. And Korihor did go about from house to house, begging food for his support.

And it came to pass that as he went forth among the people, yea, among a people who had separated themselves from the Nephites and called themselves Zoramites, being led by a man whose name was Zoram—and as he went forth amongst them, behold, he was run upon and trodden down, even until he was dead.

60      Và như vậy là chúng ta đã trông thấy cái chết của một kẻ làm sai lạc đường lối của Chúa; và như vậy là chúng ta càng thấy được rằng, quỷ dữ không nâng đỡ con cái của nó vào ngày sau cùng mà chỉ vội vã kéo chúng xuống ngục giời.

And thus we see the end of him who perverteth the ways of the Lord; and thus we see that the devil will not support his children at the last day, but doth speedily drag them down to hell.

## An Ma 31

- 1 Giờ đây chuyện rằng, sau khi Cô Ri Ho chết, An Ma nhận được tin là dân Giô Ram đang làm sai lạc đường lối của Chúa, và Giô Ram, người cầm đầu dân này, đã dẫn dắt trái tim dân chúng đến chỗ cúi lạy những thần tượng câm, khiến lòng ông lại bắt đầu khổ đau vì sự bất chính của dân chúng.
- 2 Vì đây là nguyên nhân cho nỗi buồn rầu lớn lao của An Ma khi ông biết được sự bất chính trong dân của ông; vì thế mà lòng ông hết sức ưu phiền khi thấy dân Giô Ram tách rời dân Nê Phi.
- 3 Giờ đây dân Giô Ram đã quy tụ sống trong xứ mà họ gọi là An Ti Ô Num. Xứ này nằm về hướng đông xứ Gia Ra Hem La, gần giáp bờ biển hướng nam xứ Giê Sơn, và cũng giáp ranh với vùng hoang dã phương nam, là vùng hoang dã đầy dẫy dân La Man.
- 4 Giờ đây, dân Nê Phi rất lo sợ dân Giô Ram sẽ giao thiệp với dân La Man, vì như vậy có nghĩa là sự mất mát lớn lao sẽ về phần dân Nê Phi.
- 5 Và bây giờ, vì việc giảng đạo có khuynh hướng dẫn dắt dân chúng làm điều chính đáng—phải, nó có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm trí dân chúng hơn gươm đao, hay bất cứ điều gì khác, đã xảy đến cho họ—vậy nên, An Ma nghĩ rằng họ cần phải thử dùng tới hiệu năng của lời Thượng Đế.
- 6 Vì thế, ông dẫn Am Môn, A Rôn và Ôm Nê đi—còn Him Ni thì ông để lại tại giáo hội ở Gia Ra Hem La; rồi ông dẫn ba người trên ra đi cùng với A Mu Léc và Giê Rôm, là những người ở Mê Lê; và ông còn đem theo hai người con trai của ông nữa.
- 7 Bây giờ người con trưởng mà ông không đem theo có tên là Hê La Man, còn tên của hai người con mà ông đem theo là Síp Lân và Cô Ri An Tôn, và đó là tên của những người đi theo ông đến với dân Giô Ram để thuyết giảng cho họ lời của Thượng Đế.
- 8 Bây giờ vì dân Giô Ram là những người ly khai khỏi dân Nê Phi, nên họ đã từng được nghe giảng lời của Thượng Đế.

## Alma 31

Now it came to pass that after the end of Korihor, Alma having received tidings that the Zoramites were perverting the ways of the Lord, and that Zoram, who was their leader, was leading the hearts of the people to bow down to dumb idols, his heart again began to sicken because of the iniquity of the people.

For it was the cause of great sorrow to Alma to know of iniquity among his people; therefore his heart was exceedingly sorrowful because of the separation of the Zoramites from the Nephites.

Now the Zoramites had gathered themselves together in a land which they called Antionum, which was east of the land of Zarahemla, which lay nearly bordering upon the seashore, which was south of the land of Jershon, which also bordered upon the wilderness south, which wilderness was full of the Lamanites.

Now the Nephites greatly feared that the Zoramites would enter into a correspondence with the Lamanites, and that it would be the means of great loss on the part of the Nephites.

And now, as the preaching of the word had a great tendency to lead the people to do that which was just—yea, it had had more powerful effect upon the minds of the people than the sword, or anything else, which had happened unto them—therefore Alma thought it was expedient that they should try the virtue of the word of God.

Therefore he took Ammon, and Aaron, and Omner; and Himni he did leave in the church in Zarahemla; but the former three he took with him, and also Amulek and Zeezrom, who were at Melek; and he also took two of his sons.

Now the eldest of his sons he took not with him, and his name was Helaman; but the names of those whom he took with him were Shiblôn and Corianton; and these are the names of those who went with him among the Zoramites, to preach unto them the word.

Now the Zoramites were dissenters from the Nephites; therefore they had had the word of God preached unto them.

- 9 Nhưng họ đã rơi vào những lỗi lầm lớn lao, vì họ không muốn cố gắng tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế và các luật lệ của Ngài theo luật pháp Môi Se.
- 10 Họ cũng không chịu tuân theo các nghi thức của giáo hội, để liên tục cầu nguyện và khẩn cầu Thượng Đế mỗi ngày, hầu cho mình khỏi rơi vào sự cám dỗ.
- 11 Phải, nói tóm lại, họ đã làm sai lạc đường lối của Chúa trong rất nhiều trường hợp; vậy nên, vì lý do này mà An Ma và các anh em ông đã đi đến xứ đó để thuyết giảng lời của Thượng Đế cho họ nghe.
- 12 Bây giờ, khi họ đến xứ ấy, này, họ rất đỗi ngạc nhiên khi thấy dân Giô Ram đã xây các nhà hội, và họ tụ họp ở đó mỗi tuần một ngày mà họ gọi là ngày của Chúa; và họ thờ phượng theo một cách thức mà chính An Ma và các anh em ông chưa từng thấy bao giờ;
- 13 Vì họ đã dựng lên một đài cao ở chính giữa nhà hội, một nơi đứng cao hơn đầu người, và nơi cao đó chỉ vừa chỗ cho một người đứng.
- 14 Vậy nên, kẻ nào muốn thờ phượng thì phải lên đứng trên đài này và đưa hai tay lên trời mà kêu to lên rằng:
- 15 Hỡi Thượng Đế thánh, thánh thiện, chúng con tin rằng Ngài là Thượng Đế, và chúng con tin rằng Ngài thánh thiện, và trước kia Ngài là một linh hồn, nay vẫn còn là một linh hồn và sẽ là một linh hồn mãi mãi.
- 16 Hỡi Thượng Đế thánh, chúng con tin rằng Ngài đã tách biệt chúng con ra khỏi đồng bào của chúng con; và chúng con không tin vào những truyền thống của đồng bào chúng con, là những truyền thống do sự ngây thơ của tổ phụ họ truyền lại; nhưng chúng con tin rằng Ngài đã tuyển chọn chúng con làm những người con thánh thiện của Ngài; và Ngài cũng cho chúng con biết là sẽ chẳng có Đấng Ky Tô nào cả.

But they had fallen into great errors, for they would not observe to keep the commandments of God, and his statutes, according to the law of Moses.

Neither would they observe the performances of the church, to continue in prayer and supplication to God daily, that they might not enter into temptation.

Yea, in fine, they did pervert the ways of the Lord in very many instances; therefore, for this cause, Alma and his brethren went into the land to preach the word unto them.

Now, when they had come into the land, behold, to their astonishment they found that the Zoramites had built synagogues, and that they did gather themselves together on one day of the week, which day they did call the day of the Lord; and they did worship after a manner which Alma and his brethren had never beheld;

For they had a place built up in the center of their synagogue, a place for standing, which was high above the head; and the top thereof would only admit one person.

Therefore, whosoever desired to worship must go forth and stand upon the top thereof, and stretch forth his hands towards heaven, and cry with a loud voice, saying:

Holy, holy God; we believe that thou art God, and we believe that thou art holy, and that thou wast a spirit, and that thou art a spirit, and that thou wilt be a spirit forever.

Holy God, we believe that thou hast separated us from our brethren; and we do not believe in the tradition of our brethren, which was handed down to them by the childishness of their fathers; but we believe that thou hast elected us to be thy holy children; and also thou hast made it known unto us that there shall be no Christ.

17 Nhưng Ngài thì lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau; và Ngài đã tuyển chọn chúng con làm những người được cứu rỗi, trong lúc những người khác ở chung quanh chúng con đều bị chọn để bị ném xuống ngục giời vì cơn thịnh nộ của Ngài; bởi Thượng Đế, vì sự thánh thiện đó, chúng con xin tạ ơn Ngài; và chúng con cũng tạ ơn Ngài đã tuyển chọn chúng con để chúng con không bị dẫn dắt lạc lối theo những truyền thống điên rồ của đồng bào chúng con, mà điều đó đã trói buộc họ vào niềm tin ở Đấng Ky Tô, khiến cho lòng họ xa cách Ngài, là Thượng Đế của chúng con.

18 Và một lần nữa, chúng con xin cảm tạ Ngài, bởi Thượng Đế, vì chúng con được làm một dân tộc chọn lọc và thánh thiện. Amen.

19 Giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma và các anh em ông cùng hai con trai ông nghe những lời cầu nguyện như vậy, họ quá đỗi ngạc nhiên.

20 Vì này, mỗi người đã bước lên đài và dâng lên những lời cầu nguyện giống nhau.

21 Bấy giờ nơi ấy được dân Giô Ram gọi là Ra Mê Um Tôm, có nghĩa là diễn đàn thánh.

22 Bấy giờ, tại diễn đàn này, mỗi người đều dâng lời cầu nguyện Thượng Đế giống hệt nhau, họ tạ ơn Thượng Đế vì họ đã được Ngài chọn lựa, và Ngài đã không dẫn dắt họ đi lạc lối theo truyền thống của đồng bào họ, và lòng họ không bị phỉnh gạt để tin vào những điều sắp xảy tới mà họ không hiểu biết gì.

23 Bấy giờ, sau khi tất cả mọi người dâng xong lời tạ ơn theo cách này, họ đều trở về nhà và không còn nhắc nhở gì đến Thượng Đế của họ nữa cho đến khi họ lại cùng nhau tụ họp tại diễn đàn thánh để dâng lên lời cảm tạ theo cách thức của họ.

24 Giờ đây khi An Ma trông thấy vậy, lòng ông rất buồn rầu; vì ông thấy họ đã trở nên một dân tộc độc ác và ngược ngạo; phải, ông thấy trái tim họ chỉ hướng về vàng bạc và mọi của cải đắt giá khác.

25 Phải, và ông còn thấy lòng họ đầy cao ngạo đưa tới sự khoác lác khoe khoang.

But thou art the same yesterday, today, and forever; and thou hast elected us that we shall be saved, whilst all around us are elected to be cast by thy wrath down to hell; for the which holiness, O God, we thank thee; and we also thank thee that thou hast elected us, that we may not be led away after the foolish traditions of our brethren, which doth bind them down to a belief of Christ, which doth lead their hearts to wander far from thee, our God.

And again we thank thee, O God, that we are a chosen and a holy people. Amen.

Now it came to pass that after Alma and his brethren and his sons had heard these prayers, they were astonished beyond all measure.

For behold, every man did go forth and offer up these same prayers.

Now the place was called by them Rameumptom, which, being interpreted, is the holy stand.

Now, from this stand they did offer up, every man, the selfsame prayer unto God, thanking their God that they were chosen of him, and that he did not lead them away after the tradition of their brethren, and that their hearts were not stolen away to believe in things to come, which they knew nothing about.

Now, after the people had all offered up thanks after this manner, they returned to their homes, never speaking of their God again until they had assembled themselves together again to the holy stand, to offer up thanks after their manner.

Now when Alma saw this his heart was grieved; for he saw that they were a wicked and a perverse people; yea, he saw that their hearts were set upon gold, and upon silver, and upon all manner of fine goods.

Yea, and he also saw that their hearts were lifted up unto great boasting, in their pride.

- 26 Và ông đã cất cao giọng lên trời mà kêu than rằng: Lạy Chúa, Ngài chịu cho các tội tớ của Ngài còn phải sống bao lâu nữa trong xác thịt trên thế gian này để chứng kiến những sự tà ác quá mức như thế giữa con cái loài người?
- 27 Nay, hỡi Thượng Đế, họ khấn cầu Ngài, nhưng lòng họ lại bị nuốt trọn trong tính kiêu căng của họ. Nay, hỡi Thượng Đế, họ khấn cầu Ngài bằng miệng, trong lúc họ tràn đầy kiêu ngạo vô cùng bởi những điều phù phiếm của thế gian.
- 28 Nay, hỡi Thượng Đế, những y phục đắt giá của họ, những vòng, những chuỗi, và những đồ trang sức bằng vàng, cùng tất cả những vật quý giá mà họ đeo; nay, lòng họ đang hướng về những vật đó, vậy mà họ lại kêu cầu lên Ngài rằng: Chúng con tạ ơn Ngài, hỡi Thượng Đế, vì chúng con là một dân chọn lọc của Ngài, trong lúc những kẻ khác sẽ bị diệt vong.
- 29 Phải, và họ còn bảo rằng, Ngài đã cho họ biết là sẽ chẳng có Đấng Ky Tô nào hết.
- 30 Hỡi Đức Chúa Trời, Ngài chịu để những sự bất chính và tà ác như vậy tồn tại trong đám dân này bao lâu nữa? Hỡi Chúa, xin Ngài ban cho con sức mạnh, để con có thể chịu đựng được trong sự yếu kém của con. Vì con yếu kém, và sự tà ác của dân này đã làm cho tâm hồn con đau đớn.
- 31 Hỡi Chúa, lòng con quá đổi buồn rầu; xin Ngài an ủi tâm hồn con trong Đấng Ky Tô. Hỡi Chúa, xin Ngài ban cho con có được sức mạnh để con có thể kiên nhẫn chịu đựng được những nỗi đau khổ sẽ xảy đến vì sự bất chính của dân này.
- 32 Hỡi Chúa, xin Ngài an ủi tâm hồn con, và ban sự thành công cho con và cho những người bạn đang lao nhọc với con—phải, đó là Am Môn, A Rôn, Ôm Nê, A Mu Léc và Giê Rôm, cùng hai con trai của con—phải, xin Ngài an ủi tất cả những người này, hỡi Chúa. Phải, xin Ngài an ủi tâm hồn họ trong Đấng Ky Tô.
- 33 Xin Ngài ban cho họ có được sức mạnh để họ có thể chịu đựng được những nỗi đau khổ sẽ đến với họ vì những điều bất chính của dân này.

And he lifted up his voice to heaven, and cried, saying: O, how long, O Lord, wilt thou suffer that thy servants shall dwell here below in the flesh, to behold such gross wickedness among the children of men?

Behold, O God, they cry unto thee, and yet their hearts are swallowed up in their pride. Behold, O God, they cry unto thee with their mouths, while they are puffed up, even to greatness, with the vain things of the world.

Behold, O my God, their costly apparel, and their ringlets, and their bracelets, and their ornaments of gold, and all their precious things which they are ornamented with; and behold, their hearts are set upon them, and yet they cry unto thee and say—We thank thee, O God, for we are a chosen people unto thee, while others shall perish.

Yea, and they say that thou hast made it known unto them that there shall be no Christ.

O Lord God, how long wilt thou suffer that such wickedness and infidelity shall be among this people? O Lord, wilt thou give me strength, that I may bear with mine infirmities. For I am infirm, and such wickedness among this people doth pain my soul.

O Lord, my heart is exceedingly sorrowful; wilt thou comfort my soul in Christ. O Lord, wilt thou grant unto me that I may have strength, that I may suffer with patience these afflictions which shall come upon me, because of the iniquity of this people.

O Lord, wilt thou comfort my soul, and give unto me success, and also my fellow laborers who are with me—yea, Ammon, and Aaron, and Omner, and also Amulek and Zeezrom, and also my two sons—yea, even all these wilt thou comfort, O Lord. Yea, wilt thou comfort their souls in Christ.

Wilt thou grant unto them that they may have strength, that they may bear their afflictions which shall come upon them because of the iniquities of this people.

34 Hỡi Chúa, xin Ngài ban cho chúng con có được sự thành công trong việc đem họ trở về cùng Ngài trong Đấng Kỵ Tô.

35 Nay, hỡi Chúa, tâm hồn họ thật là quý báu, và nhiều người trong bọn họ là đồng bào của chúng con; vậy nên, hỡi Chúa, xin Ngài ban cho chúng con quyền năng và sự thông sáng để chúng con có thể đem những người này, là đồng bào của chúng con, trở về cùng Ngài.

36 Giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma nói xong những lời này, ông bèn đặt tay lên tất cả những người cùng đi với ông. Và này, khi ông đặt tay lên người họ, thì họ liền được đầy dẫy Đức Thánh Linh.

37 Và sau đó, họ chia nhau ra đi mỗi người một ngã, lòng chẳng bận nghĩ đến bản thân họ là rồi đây mình sẽ ăn gì, uống gì, hay mặc gì.

38 Và Chúa đã cung cấp cho họ, để họ khỏi bị đói mà cũng không bị khát; phải, và Ngài còn ban cho họ sức mạnh để họ khỏi phải chịu một nỗi đau khổ nào, vì sự đau khổ đã bị nuốt trọn trong niềm vui về Đấng Kỵ Tô. Thế rồi, việc này đã được thực hiện thể theo lời cầu nguyện của An Ma; và sở dĩ được như vậy là nhờ ông đã dùng đức tin mà cầu nguyện.

O Lord, wilt thou grant unto us that we may have success in bringing them again unto thee in Christ.

Behold, O Lord, their souls are precious, and many of them are our brethren; therefore, give unto us, O Lord, power and wisdom that we may bring these, our brethren, again unto thee.

Now it came to pass that when Alma had said these words, that he clapped his hands upon all them who were with him. And behold, as he clapped his hands upon them, they were filled with the Holy Spirit.

And after that they did separate themselves one from another, taking no thought for themselves what they should eat, or what they should drink, or what they should put on.

And the Lord provided for them that they should hunger not, neither should they thirst; yea, and he also gave them strength, that they should suffer no manner of afflictions, save it were swallowed up in the joy of Christ. Now this was according to the prayer of Alma; and this because he prayed in faith.



## An Ma 32

- 1 Và chuyện rằng, họ ra đi và bắt đầu thuyết giảng lời của Thượng Đế cho dân chúng nghe. Họ đi vào các nhà hội và nhà riêng của dân; phải, và có lúc họ thuyết giảng lời của Thượng Đế ngay cả ngoài đường nữa.
- 2 Và chuyện rằng, sau khi đã lao nhọc nhiều trong dân chúng, họ bắt đầu thành công trong lớp dân nghèo; vì này, những người này bị đuổi ra khỏi nhà hội vì y phục thô kệch của họ—
- 3 Vì bị xem là dơ bẩn nên họ không được phép vào nhà hội để thờ phượng Thượng Đế; phải, vì họ nghèo nên họ bị các đồng bào của mình xem như những đồ cặn bã; vậy nên, không những họ đã nghèo về những vật chất của thế gian mà họ còn nghèo luôn cả trong lòng nữa.
- 4 Giờ đây, khi An Ma đang thuyết giảng và nói chuyện với dân chúng trên đồi Ô Ni Đa, thì có một số đông người kéo đến. Họ là những người mà chúng tôi vừa nói tới, là những người nghèo trong lòng, bởi vì sự nghèo nàn về những vật chất của thế gian.
- 5 Và họ đã đến với An Ma; và người đứng đầu trong đám họ hỏi An Ma rằng: Này, các anh em này của chúng tôi phải làm gì đây, vì họ đã bị tất cả mọi người khinh rẻ vì sự nghèo nàn của mình, phải, và đặc biệt nhất là các thầy tư tế của chúng tôi; vì họ đã xua đuổi chúng tôi ra khỏi nhà hội, là nơi mà chính chúng tôi đã biết bao công lao khó nhọc xây dựng lên với chính bàn tay của chúng tôi; và họ đã xua đuổi chúng tôi vì chúng tôi quá nghèo nàn; và chúng tôi không còn chỗ nào để thờ phượng Thượng Đế của chúng tôi; và này, chúng tôi phải làm gì đây?
- 6 Và bây giờ khi An Ma nghe những lời này, ông liền quay người lại nhìn thẳng vào mặt người ấy, và ông trông thấy với nỗi vui mừng lớn lao; vì ông thấy rằng những nỗi đau khổ của họ đã thật sự làm cho họ biết hạ mình và họ sẵn sàng để nghe giảng lời của Thượng Đế.

## Alma 32

And it came to pass that they did go forth, and began to preach the word of God unto the people, entering into their synagogues, and into their houses; yea, and even they did preach the word in their streets.

And it came to pass that after much labor among them, they began to have success among the poor class of people; for behold, they were cast out of the synagogues because of the coarseness of their apparel—

Therefore they were not permitted to enter into their synagogues to worship God, being esteemed as filthiness; therefore they were poor; yea, they were esteemed by their brethren as dross; therefore they were poor as to things of the world; and also they were poor in heart.

Now, as Alma was teaching and speaking unto the people upon the hill Onidah, there came a great multitude unto him, who were those of whom we have been speaking, of whom were poor in heart, because of their poverty as to the things of the world.

And they came unto Alma; and the one who was the foremost among them said unto him: Behold, what shall these my brethren do, for they are despised of all men because of their poverty, yea, and more especially by our priests; for they have cast us out of our synagogues which we have labored abundantly to build with our own hands; and they have cast us out because of our exceeding poverty; and we have no place to worship our God; and behold, what shall we do?

And now when Alma heard this, he turned him about, his face immediately towards him, and he beheld with great joy; for he beheld that their afflictions had truly humbled them, and that they were in a preparation to hear the word.

- 7 Vậy nên ông không nói thêm với đám đông nữa; mà lại đưa tay ra và nói to lên với nhóm người mà ông thấy là những người đã thực sự ăn năn, ông bảo họ rằng:
- 8 Tôi thấy các người thật khiêm tốn trong lòng; và nếu quả thật như vậy, thì phước thay cho các người.
- 9 Nay, người anh em của các người vừa hỏi: Chúng tôi phải làm gì đây?—Vì chúng tôi bị đuổi ra khỏi nhà hội của chúng tôi, khiến chúng tôi không thờ phượng Thượng Đế của chúng tôi được.
- 10 Nay, tôi hỏi các người, các người có cho rằng, các người không thể thờ phượng Thượng Đế được trừ khi trong các nhà hội của mình chẳng?
- 11 Hơn nữa, tôi xin hỏi, phải chăng các người cho rằng các người chỉ nên thờ phượng Thượng Đế mỗi tuần một lần?
- 12 Tôi nói cho các người hay, thật là một điều tốt khi các người bị đuổi ra khỏi các nhà hội của các người, và có thể các người mới trở nên khiêm nhường và mới học được sự khôn ngoan; vì điều cần thiết là các người phải học sự khôn ngoan; vì quá nghèo nàn nên các người đã bị đồng bào mình xua đuổi và khinh khi, và chính nhờ đó mà các người được dẫn dắt tới sự khiêm tốn trong lòng; vì các người cần được dẫn dắt để biết khiêm nhường.
- 13 Và giờ đây, vì các người đã bị bó buộc phải khiêm nhường nên phước thay cho các người; vì đôi khi người nào bị bó buộc phải khiêm nhường thì người đó thường tìm kiếm sự hối cải; và quả thật, người nào hối cải sẽ tìm thấy sự thương xót; và người nào tìm thấy sự thương xót và kiên trì cho đến cùng thì sẽ được cứu.
- 14 Và giờ đây, như tôi vừa nói với các người, vì các người đã bị bó buộc phải khiêm nhường nên các người đã được phước, vậy các người có nghĩ rằng, những người nào thật sự biết hạ mình vì lời của Thượng Đế thì sẽ được ban phước nhiều hơn không?
- 15 Phải, kẻ nào thật sự biết hạ mình và hối cải tội lỗi của mình, và chịu đựng cho đến cùng, thì sẽ được phước—phải, những kẻ đó sẽ được ban phước nhiều hơn những người vì nghèo khó nên bó buộc phải khiêm nhường.

Therefore he did say no more to the other multitude; but he stretched forth his hand, and cried unto those whom he beheld, who were truly penitent, and said unto them:

I behold that ye are lowly in heart; and if so, blessed are ye.

Behold thy brother hath said, What shall we do?—for we are cast out of our synagogues, that we cannot worship our God.

Behold I say unto you, do ye suppose that ye cannot worship God save it be in your synagogues only?

And moreover, I would ask, do ye suppose that ye must not worship God only once in a week?

I say unto you, it is well that ye are cast out of your synagogues, that ye may be humble, and that ye may learn wisdom; for it is necessary that ye should learn wisdom; for it is because that ye are cast out, that ye are despised of your brethren because of your exceeding poverty, that ye are brought to a lowliness of heart; for ye are necessarily brought to be humble.

And now, because ye are compelled to be humble blessed are ye; for a man sometimes, if he is compelled to be humble, seeketh repentance; and now surely, whosoever repenteth shall find mercy; and he that findeth mercy and endureth to the end the same shall be saved.

And now, as I said unto you, that because ye were compelled to be humble ye were blessed, do ye not suppose that they are more blessed who truly humble themselves because of the word?

Yea, he that truly humbleth himself, and repenteth of his sins, and endureth to the end, the same shall be blessed—yea, much more blessed than they who are compelled to be humble because of their exceeding poverty.

- 16 Vậy nên, phước thay cho những ai biết hạ mình mà không vì bị bó buộc phải khiêm nhường; hay nói cách khác, phước thay cho những ai tin vào lời của Thượng Đế, và chịu phép báp têm mà không ngoan cố trong lòng, phải, không bị thuyết phục để biết lời của Thượng Đế, hay bị ép buộc phải biết trước khi họ muốn tin.
- 17 Phải, có nhiều người nói rằng: Nếu cho chúng tôi thấy một điềm triệu gì từ trời để chúng tôi được biết một cách chắc chắn thì chúng tôi sẽ tin.
- 18 Giờ đây tôi xin hỏi, đó có phải là đức tin không? Nay, tôi nói cho các người hay: Không; vì nếu người nào biết được một điều gì rồi thì họ không cần phải có lý do để tin nữa, vì họ đã biết rõ điều ấy rồi.
- 19 Và này, kẻ nào biết ý Thượng Đế mà không làm theo ý Ngài thì có bị rửa sả nhiều hơn là những kẻ chỉ tin thôi, hay là những kẻ chỉ mới có lý do muốn tin nhưng lại bị rơi vào vòng phạm giới không?
- 20 Giờ đây đó là một sự kiện mà các người cần phải suy xét. Nay, tôi nói cho các người hay rằng, đứng về phương diện này hay đứng về phương diện kia cũng đều như nhau cả; và điều ấy sẽ xảy đến cho tất cả mọi người tùy theo việc làm của mình.
- 21 Và giờ đây như tôi đã từng đề cập đến đức tin—đức tin không phải là sự hiểu biết hoàn toàn về những sự việc; vậy nên, nếu các người có đức tin, các người hy vọng những gì không trông thấy được mà có thật.
- 22 Và giờ đây, này, tôi nói cho các người hay, và tôi mong các người ghi nhớ rằng Thượng Đế thương xót tất cả những ai tin vào danh Ngài; vậy nên, việc đầu tiên là Ngài muốn các người phải có đức tin, phải, ngay cả vào lời của Ngài.
- 23 Và giờ đây, Ngài đã ban phát lời của Ngài cho loài người qua các thiên sứ, phải, không những cho người nam mà còn cho cả người nữ. Nay, như vậy cũng chưa phải hết; cả trẻ con nữa cũng nhiều lần nhận được những lời lẽ khiến những người thông thái và những học giả phải bối rối.
- 24 Và giờ đây, hỡi đồng bào thân mến, vì các người đã hỏi tôi để biết mình sẽ phải làm gì vì các người đang bị đau khổ và bị xua đuổi—giờ đây tôi không muốn các người nghĩ rằng tôi có ý muốn phê phán các người, ngoại trừ thể theo những điều gì chân thật—

Therefore, blessed are they who humble themselves without being compelled to be humble; or rather, in other words, blessed is he that believeth in the word of God, and is baptized without stubbornness of heart, yea, without being brought to know the word, or even compelled to know, before they will believe.

Yea, there are many who do say: If thou wilt show unto us a sign from heaven, then we shall know of a surety; then we shall believe.

Now I ask, is this faith? Behold, I say unto you, Nay; for if a man knoweth a thing he hath no cause to believe, for he knoweth it.

And now, how much more cursed is he that knoweth the will of God and doeth it not, than he that only believeth, or only hath cause to believe, and falleth into transgression?

Now of this thing ye must judge. Behold, I say unto you, that it is on the one hand even as it is on the other; and it shall be unto every man according to his work.

And now as I said concerning faith—faith is not to have a perfect knowledge of things; therefore if ye have faith ye hope for things which are not seen, which are true.

And now, behold, I say unto you, and I would that ye should remember, that God is merciful unto all who believe on his name; therefore he desireth, in the first place, that ye should believe, yea, even on his word.

And now, he imparteth his word by angels unto men, yea, not only men but women also. Now this is not all; little children do have words given unto them many times, which confound the wise and the learned.

And now, my beloved brethren, as ye have desired to know of me what ye shall do because ye are afflicted and cast out—now I do not desire that ye should suppose that I mean to judge you only according to that which is true—

25 Vì tôi không có ý nói rằng, tất cả các người đều là những người bị bó buộc phải hạ mình; vì quả thật tôi tin rằng, cũng có một số trong các người thực lòng tự hạ mình, dù ở trong trường hợp nào cũng vậy.

26 Giờ đây, như tôi đã nói về đức tin—đó không phải là một sự hiểu biết hoàn hảo—ngay cả đối với những lời tôi nói cũng vậy. Lúc đầu các người không thể biết chắc chắn những lời của tôi một cách hoàn hảo được, giống như đức tin không phải là một sự hiểu biết cặn kẽ mọi sự việc được.

27 Nhưng này, nếu các người muốn thức tỉnh và phát huy khả năng của mình, ngay cả trong việc trải nghiệm những lời nói của tôi đây, và vận dụng một chút ít đức tin, phải, ngay cả nếu các người không thể làm gì khác hơn là muốn tin, thì xin hãy để cho sự mong muốn này tác động trong các người, cho đến khi các người tin ngỗ hầu các người có thể chứa được chỗ cho một phần nào những lời tôi nói.

28 Giờ đây chúng ta hãy so sánh lời của Thượng Đế như một hạt giống. Này, nếu các người chứa một chỗ để cho hạt giống có thể được trồng trong tim các người, này, nếu quả đó là một hạt giống chân thật hay một hạt giống tốt, nếu các người không liệng hạt giống ấy ra ngoài vì lòng không tin tưởng, khiến cho các người chống lại Thánh Linh của Chúa, này, hạt giống ấy sẽ bắt đầu nảy nở trong lòng ngực các người; và khi các người cảm thấy sự nảy nở ấy đang tiến triển thì các người sẽ bắt đầu tự nhủ với mình rằng: Chắc đây phải là một hạt giống tốt, hay là lời của Thượng Đế tốt, vì nó bắt đầu mở rộng tâm hồn ta; phải, vì nó bắt đầu soi sáng sự hiểu biết của ta; phải, nó bắt đầu trở thành ngon ngọt đối với ta.

29 Giờ đây này, việc ấy không làm tăng thêm đức tin cho các người hay sao? Tôi nói cho các người hay: Có; tuy nhiên nó chưa tăng trưởng cho tới một sự hiểu biết hoàn hảo.

For I do not mean that ye all of you have been compelled to humble yourselves; for I verily believe that there are some among you who would humble themselves, let them be in whatsoever circumstances they might.

Now, as I said concerning faith—that it was not a perfect knowledge—even so it is with my words. Ye cannot know of their surety at first, unto perfection, any more than faith is a perfect knowledge.

But behold, if ye will awake and arouse your faculties, even to an experiment upon my words, and exercise a particle of faith, yea, even if ye can no more than desire to believe, let this desire work in you, even until ye believe in a manner that ye can give place for a portion of my words.

Now, we will compare the word unto a seed. Now, if ye give place, that a seed may be planted in your heart, behold, if it be a true seed, or a good seed, if ye do not cast it out by your unbelief, that ye will resist the Spirit of the Lord, behold, it will begin to swell within your breasts; and when you feel these swelling motions, ye will begin to say within yourselves—It must needs be that this is a good seed, or that the word is good, for it beginneth to enlarge my soul; yea, it beginneth to enlighten my understanding, yea, it beginneth to be delicious to me.

Now behold, would not this increase your faith? I say unto you, Yea; nevertheless it hath not grown up to a perfect knowledge.

- 30 Nhưng này, một khi hạt giống ấy nở ra, nảy mầm và bắt đầu mọc thì các người cần phải nói rằng, đó là một hạt giống tốt; này, vì nó nở ra, nảy mầm và bắt đầu mọc. Và giờ đây, này, việc ấy không làm cho đức tin của các người vững mạnh thêm hay sao? Có, nó sẽ làm cho đức tin của các người vững mạnh thêm: Vì các người sẽ nói rằng đây là hạt giống tốt; vì này, nó đã nảy mầm và bắt đầu mọc.
- 31 Và giờ đây, này, các người có chắc rằng đó là một hạt giống tốt không? Tôi nói cho các người hay: Có; vì mọi hạt giống đều đem lại một thứ cây của giống đó.
- 32 Vậy nên, khi hạt giống đã mọc lên tức là hạt giống tốt; trái lại nếu nó không mọc lên, này, tức là nó không tốt; vì thế nó cần phải bị liệng bỏ đi.
- 33 Và bây giờ, này, vì các người đã thử trải nghiệm, và đã trồng hạt giống và nó đã nảy mầm và bắt đầu mọc, nên các người cần phải biết rằng đó là hạt giống tốt.
- 34 Và giờ đây, này, sự hiểu biết của các người đã hoàn hảo chưa? Phải, sự hiểu biết của các người về việc đó đã được hoàn hảo rồi, và đức tin của các người nằm ngủ im lìm và sơ dĩ như vậy là vì các người đã biết, vì các người đã biết được rằng lời của Thượng Đế đã nảy nở trong tâm hồn mình và các người cũng biết rằng nó đã nảy mầm, và sự hiểu biết của các người bắt đầu được sáng tỏ và tâm trí các người cũng đang bắt đầu cởi mở.
- 35 Ôi vậy thì sự đó không phải là có thật hay sao? Tôi nói cho các người hay, có, vì đó là ánh sáng; và bất cứ cái gì sáng sủa cũng đều tốt cả; vì nó có thể được phân biệt; vì thế mà các người phải biết là nó tốt; và giờ đây này, sau khi các người đã thụ nhận được sự sáng này, thì sự hiểu biết của các người đã được hoàn hảo chưa?
- 36 Này, tôi nói cho các người hay; Chưa; và các người lại càng không được đẹp đức tin qua một bên, vì các người chỉ mới vận dụng đức tin của mình để trồng hạt giống ngõ hầu các người có thể trải nghiệm xem hạt giống đó có tốt không.

But behold, as the seed swelleth, and sprouteth, and beginneth to grow, then you must needs say that the seed is good; for behold it swelleth, and sprouteth, and beginneth to grow. And now, behold, will not this strengthen your faith? Yea, it will strengthen your faith: for ye will say I know that this is a good seed; for behold it sprouteth and beginneth to grow.

And now, behold, are ye sure that this is a good seed? I say unto you, Yea; for every seed bringeth forth unto its own likeness.

Therefore, if a seed groweth it is good, but if it groweth not, behold it is not good, therefore it is cast away.

And now, behold, because ye have tried the experiment, and planted the seed, and it swelleth and sprouteth, and beginneth to grow, ye must needs know that the seed is good.

And now, behold, is your knowledge perfect? Yea, your knowledge is perfect in that thing, and your faith is dormant; and this because you know, for ye know that the word hath swelled your souls, and ye also know that it hath sprouted up, that your understanding doth begin to be enlightened, and your mind doth begin to expand.

O then, is not this real? I say unto you, Yea, because it is light; and whatsoever is light, is good, because it is discernible, therefore ye must know that it is good; and now behold, after ye have tasted this light is your knowledge perfect?

Behold I say unto you, Nay; neither must ye lay aside your faith, for ye have only exercised your faith to plant the seed that ye might try the experiment to know if the seed was good.

- 37 Và này, khi cây vừa bắt đầu mọc lên, các người sẽ bảo rằng: Chúng ta hãy nuôi dưỡng cây này một cách hết sức cẩn thận để cho nó mọc rễ, và lớn lên, và sau này nó sẽ sinh ra trái cho ta. Và giờ đây này, nếu các người nuôi dưỡng nó một cách hết sức cẩn thận, thì nó sẽ mọc rễ rồi lớn lên, và sinh ra trái.
- 38 Nhưng nếu các người sao lãng và không chăm lo nuôi dưỡng cây, này, nó sẽ chẳng mọc được rễ; và khi ánh nắng mặt trời chiếu xuống và thiêu đốt nó, thì nó sẽ héo khô đi vì không có rễ, và các người sẽ nhổ nó lên mà liệng đi.
- 39 Này, như vậy không phải là tại hạt giống không tốt, và cũng không phải là tại trái cây không ngon; nhưng tại vì đất trồng cây của các người quá cằn cỗi, và các người không chịu nuôi dưỡng cây, vậy nên các người không thể có được trái của cây ấy.
- 40 Và như vậy, nếu các người không chịu nuôi dưỡng lời của Thượng Đế, không trông đợi với cơn mắt của đức tin về những thành quả của nó, thì các người sẽ chẳng bao giờ hái được quả của cây sự sống.
- 41 Nhưng nếu các người biết nuôi dưỡng lời của Thượng Đế, phải, biết nuôi dưỡng cây từ lúc nó vừa mới bắt đầu mọc lên, với đức tin của mình, với sự chuyên tâm lớn lao, và sự kiên nhẫn trong niềm hy vọng trông chờ thành quả của nó, thì nó sẽ mọc rễ; và này, nó sẽ trở thành một cây lớn mạnh cho tới cuộc sống vĩnh viễn.
- 42 Và cũng nhờ sự chuyên tâm, đức tin, và lòng kiên nhẫn của các người trong việc nuôi dưỡng lời của Thượng Đế để nó có thể mọc rễ trong các người, nên này, chẳng bao lâu các người sẽ gặt hái được trái của nó là trái quý giá nhất, là trái ngon ngọt hơn hết thấy những trái ngon ngọt khác, và trắng trẻo hơn tất cả những gì trắng trẻo, phải, và tinh khiết hơn tất cả những gì tinh khiết; và rồi các người sẽ thưởng thức trái ấy cho đến no nê, để các người không còn đói và cũng không còn khát nữa.
- 43 Thế rồi, hồi đồng bào, các người sẽ gặt hái được phần thưởng của đức tin, sự chuyên tâm, sự kiên nhẫn và sự nhịn nhục, trong khi chờ đợi cây ấy sinh ra trái cho mình.

And behold, as the tree beginneth to grow, ye will say: Let us nourish it with great care, that it may get root, that it may grow up, and bring forth fruit unto us. And now behold, if ye nourish it with much care it will get root, and grow up, and bring forth fruit.

But if ye neglect the tree, and take no thought for its nourishment, behold it will not get any root; and when the heat of the sun cometh and scorcheth it, because it hath no root it withers away, and ye pluck it up and cast it out.

Now, this is not because the seed was not good, neither is it because the fruit thereof would not be desirable; but it is because your ground is barren, and ye will not nourish the tree, therefore ye cannot have the fruit thereof.

And thus, if ye will not nourish the word, looking forward with an eye of faith to the fruit thereof, ye can never pluck of the fruit of the tree of life.

But if ye will nourish the word, yea, nourish the tree as it beginneth to grow, by your faith with great diligence, and with patience, looking forward to the fruit thereof, it shall take root; and behold it shall be a tree springing up unto everlasting life.

And because of your diligence and your faith and your patience with the word in nourishing it, that it may take root in you, behold, by and by ye shall pluck the fruit thereof, which is most precious, which is sweet above all that is sweet, and which is white above all that is white, yea, and pure above all that is pure; and ye shall feast upon this fruit even until ye are filled, that ye hunger not, neither shall ye thirst.

Then, my brethren, ye shall reap the rewards of your faith, and your diligence, and patience, and long-suffering, waiting for the tree to bring forth fruit unto you.

## An Ma 33

- 1 Giờ đây, sau khi An Ma nói xong những lời này, họ bèn cử người lên hỏi ông, vì họ muốn biết là có phải họ chỉ nên tin một Thượng Đế để họ có thể được hưởng trái này như lời ông vừa nói không, hay là họ phải làm thế nào để trồng hạt giống hay lời của Thượng Đế mà ông vừa đề cập đến, và ông đã nói là phải trồng nó trong tim của mình; hay nói một cách khác là họ phải bắt đầu bằng cách thức nào để thực hành đức tin của mình.
- 2 Và An Ma đáp lời họ rằng: Này, các người nói rằng các người không thể thờ phượng Thượng Đế của mình được, vì các người bị đuổi ra khỏi nhà hội của mình. Nhưng này, tôi nói cho các người hay, nếu các người cho rằng các người không thể thờ phượng Thượng Đế của mình được, là các người đã sai lầm rất nhiều, và các người cần phải tìm hiểu thánh thư; nếu các người cho rằng thánh thư đã dạy các người điều này, thì tức là các người không hiểu gì thánh thư cả.
- 3 Các người có nhớ là đã đọc những điều mà Giê Nốt, vị tiên tri ngày xưa, có nói về sự cầu nguyện hay thờ phượng không?
- 4 Vì ông đã nói như vậy: Hỡi Thượng Đế, Ngài thật đầy lòng thương xót, vì Ngài đã nghe lời cầu nguyện của con, ngay cả khi con còn ở trong vùng hoang dã; phải, Ngài thật đầy lòng thương xót khi con cầu nguyện cho những kẻ thù của con, và Ngài đã khiến họ quay về cùng con.
- 5 Phải, hỡi Thượng Đế, và Ngài đã thương xót con, khi con kêu cầu Ngài ngoài đồng; và mỗi khi con kêu cầu Ngài trong lời cầu nguyện của con, Ngài đều nghe thấu lời con.
- 6 Và lại nữa, hỡi Thượng Đế, khi con trở về nhà, Ngài cũng nghe thấu lời cầu nguyện của con.
- 7 Và khi con lui vào phòng an nghỉ, và cầu nguyện Ngài, thì hỡi Chúa, Ngài cũng vẫn nghe thấu lời con.
- 8 Phải, Ngài thật đầy lòng thương xót đối với con cái của Ngài khi họ kêu cầu lên Ngài, để được Ngài nghe chứ không phải để cho loài người nghe, và Ngài sẽ lắng nghe lời cầu nguyện của họ.

## Alma 33

Now after Alma had spoken these words, they sent forth unto him desiring to know whether they should believe in one God, that they might obtain this fruit of which he had spoken, or how they should plant the seed, or the word of which he had spoken, which he said must be planted in their hearts; or in what manner they should begin to exercise their faith.

And Alma said unto them: Behold, ye have said that ye could not worship your God because ye are cast out of your synagogues. But behold, I say unto you, if ye suppose that ye cannot worship God, ye do greatly err, and ye ought to search the scriptures; if ye suppose that they have taught you this, ye do not understand them.

Do ye remember to have read what Zenos, the prophet of old, has said concerning prayer or worship?

For he said: Thou art merciful, O God, for thou hast heard my prayer, even when I was in the wilderness; yea, thou wast merciful when I prayed concerning those who were mine enemies, and thou didst turn them to me.

Yea, O God, and thou wast merciful unto me when I did cry unto thee in my field; when I did cry unto thee in my prayer, and thou didst hear me.

And again, O God, when I did turn to my house thou didst hear me in my prayer.

And when I did turn unto my closet, O Lord, and prayed unto thee, thou didst hear me.

Yea, thou art merciful unto thy children when they cry unto thee, to be heard of thee and not of men, and thou wilt hear them.

- 9 Phải, hỡi Thượng Đế, Ngài đã thương xót con, và đã nghe lời khẩn nguyện của con giữa các đám tin đồ của Ngài.
- 10 Phải, và Ngài cũng đã nghe thấu lời con khi con bị các kẻ thù của con xua đuổi và khinh bỉ; phải, Ngài đã nghe lời kêu cầu của con và đã nổi cơn giận dữ với các kẻ thù của con, và trong cơn giận dữ Ngài đã đến viếng phạt họ bằng sự hủy diệt nhanh chóng.
- 11 Ngài đã nghe thấu lời con vì những nỗi thống khổ và sự chân thành của con; và cũng vì Vị Nam Tử của Ngài mà Ngài đã thương xót con đến như vậy, do đó con sẽ kêu cầu Ngài trong mọi nỗi đau khổ của con, vì nơi Ngài là sự vui mừng của con; vì Ngài đã cất bỏ những sự đoán phạt của Ngài khỏi con, cũng vì Vị Nam Tử của Ngài.
- 12 Và giờ đây An Ma hỏi họ: Các người có tin vào các thánh thư do người xưa viết ra không?
- 13 Này, nếu các người tin thì các người cũng phải tin những lời Giê Nốt đã nói, vì này, ông bảo: Ngài đã cất bỏ những sự đoán phạt của Ngài vì Vị Nam Tử của Ngài.
- 14 Giờ đây này, hỡi đồng bào, tôi xin hỏi các người đã đọc thánh thư chưa? Nếu đã đọc rồi, thì sao các người lại có thể không tin vào Vị Nam Tử của Thượng Đế được?
- 15 Vì thánh thư không chép rằng chỉ riêng có một mình Giê Nốt đã nói về những điều này, nhưng mà luôn cả Giê Nốc cũng đề cập tới những điều đó nữa—
- 16 Vì này, ông có nói rằng: Hỡi Chúa, Ngài đã tức giận dân này vì họ không hiểu những sự thương xót mà Ngài đã ban cho họ, vì Vị Nam Tử của Ngài.
- 17 Và giờ đây, hỡi đồng bào, các người thấy rằng một vị tiên tri thứ hai của ngày xưa đã làm chứng về Vị Nam Tử của Thượng Đế, và cũng vì dân chúng không chịu hiểu những lời nói của vị ấy, nên họ lấy đá ném ông cho tới chết.
- 18 Nhưng này, như vậy chưa phải hết; những vị này không phải là những người duy nhất đã nói đến Vị Nam Tử của Thượng Đế.

Yea, O God, thou hast been merciful unto me, and heard my cries in the midst of thy congregations.

Yea, and thou hast also heard me when I have been cast out and have been despised by mine enemies; yea, thou didst hear my cries, and wast angry with mine enemies, and thou didst visit them in thine anger with speedy destruction.

And thou didst hear me because of mine afflictions and my sincerity; and it is because of thy Son that thou hast been thus merciful unto me, therefore I will cry unto thee in all mine afflictions, for in thee is my joy; for thou hast turned thy judgments away from me, because of thy Son.

And now Alma said unto them: Do ye believe those scriptures which have been written by them of old?

Behold, if ye do, ye must believe what Zenos said; for, behold he said: Thou hast turned away thy judgments because of thy Son.

Now behold, my brethren, I would ask if ye have read the scriptures? If ye have, how can ye disbelieve on the Son of God?

For it is not written that Zenos alone spake of these things, but Zenock also spake of these things—

For behold, he said: Thou art angry, O Lord, with this people, because they will not understand thy mercies which thou hast bestowed upon them because of thy Son.

And now, my brethren, ye see that a second prophet of old has testified of the Son of God, and because the people would not understand his words they stoned him to death.

But behold, this is not all; these are not the only ones who have spoken concerning the Son of God.



- 19      Này, Ngài còn được Môi Se nói tới nữa; phải, và này, một biểu tượng đã được treo lên trong vùng hoang dã, để cho bất cứ ai nhìn lên đó thì được sống. Và đã có nhiều người nhìn và được sống.
- 20      Nhưng ít người hiểu được ý nghĩa của những điều đó, và điều này cũng vì lòng dạ họ chai đá. Hơn nữa, có nhiều người lại còn quá chai đá khiến họ không chịu nhìn, vì thế mà họ đã chết. Bấy giờ lý do mà họ không chịu nhìn là vì họ không tin rằng, biểu tượng đó có thể chữa lành cho họ được.
- 21      Hỡi đồng bào, nếu các người chỉ có việc đưa mắt lên nhìn là sẽ được chữa lành, thì các người có nên mau lẹ nhìn lên không, hay các người vẫn chai đá trong lòng vì sự vô tín ngưỡng và biếng nhác đến nỗi các người không ngược mắt lên nhìn để các người phải diệt vong?
- 22      Nếu quả thật như vậy, thì sự bất hạnh sẽ đến với các người; còn nếu không, thì các người hãy ngược mắt lên nhìn và bắt đầu tin nơi Vị Nam Tử của Thượng Đế, rằng Ngài sẽ đến để cứu chuộc dân Ngài, và Ngài sẽ chịu thống khổ và chết để chuộc tội cho họ, và rằng Ngài sẽ sống lại từ cõi chết, mà điều này sẽ mang lại sự phục sinh, khiến cho tất cả mọi người đều sẽ được đứng lên trước mặt Ngài để được phán xét vào ngày phán xét cuối cùng, tùy theo những việc làm của mình.
- 23      Và giờ đây, hỡi đồng bào, tôi mong rằng các người sẽ gieo trồng lời này vào tim mình, và khi nào nó bắt đầu nảy nở thì các người hãy nuôi dưỡng nó với đức tin của mình. Và này, nó sẽ trở thành một cây lớn mạnh trong các người cho tới cuộc sống vĩnh viễn. Và kể đó cầu xin Thượng Đế khiến cho gánh nặng của các người sẽ được nhẹ đi, qua sự vui mừng về Vị Nam Tử của Ngài. Và tất cả những điều này các người đều có thể làm được nếu các người muốn. Amen.

Behold, he was spoken of by Moses; yea, and behold a type was raised up in the wilderness, that whosoever would look upon it might live. And many did look and live.

But few understood the meaning of those things, and this because of the hardness of their hearts. But there were many who were so hardened that they would not look, therefore they perished. Now the reason they would not look is because they did not believe that it would heal them.

O my brethren, if ye could be healed by merely casting about your eyes that ye might be healed, would ye not behold quickly, or would ye rather harden your hearts in unbelief, and be slothful, that ye would not cast about your eyes, that ye might perish?

If so, wo shall come upon you; but if not so, then cast about your eyes and begin to believe in the Son of God, that he will come to redeem his people, and that he shall suffer and die to atone for their sins; and that he shall rise again from the dead, which shall bring to pass the resurrection, that all men shall stand before him, to be judged at the last and judgment day, according to their works.

And now, my brethren, I desire that ye shall plant this word in your hearts, and as it beginneth to swell even so nourish it by your faith. And behold, it will become a tree, springing up in you unto everlasting life. And then may God grant unto you that your burdens may be light, through the joy of his Son. And even all this can ye do if ye will. Amen.

## An Ma 34

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma nói xong những lời này, ông bèn ngồi xuống đất, và A Mu Léc đứng lên bắt đầu giảng dạy họ rằng:
- 2 Hỡi đồng bào, tôi nghĩ rằng các người không thể nào không biết tới những điều đã được đề cập tới về sự hiện đến của Đấng Ky Tô, là Đấng mà chúng tôi giảng dạy rằng Ngài là Vị Nam Tử của Thượng Đế; phải, tôi biết những điều này đã được đem ra giảng dạy rất nhiều cho các người trước khi các người ly khai khỏi chúng tôi.
- 3 Và nay vì các người muốn người anh thân mến của tôi cho các người biết phải làm gì, vì những sự đau khổ của các người; và ông đã nói sơ qua cho các người biết để chuẩn bị tâm trí cho các người; phải, và ông đã khuyên nhủ các người nên có đức tin và lòng kiên nhẫn—
- 4 Phải, ông đã khuyên nhủ các người hãy có đầy đủ đức tin để các người có thể gieo trồng lời của Thượng Đế trong tim mình, ngõ hầu các người có thể trải nghiệm xem lời ấy có tốt hay không.
- 5 Và chúng tôi nhận thấy rằng, câu hỏi quan trọng đang làm bận trí các người là, lời đó có phải ở trong Vị Nam Tử của Thượng Đế không, hay là không có Đấng Ky Tô nào cả.
- 6 Và các người cũng thấy rằng, anh của tôi đã chứng tỏ cho các người thấy qua nhiều trường hợp, là lời đó ở trong Đấng Ky Tô để đem lại sự cứu rỗi.
- 7 Người anh em của tôi đã trích dẫn những lời nói của Giê Nốt như vậy: Sự cứu chuộc sẽ đến qua Vị Nam Tử của Thượng Đế; và ông còn trích dẫn thêm những lời nói của Giê Nốt nữa; và ông cũng nhắc đến Môi Se để chứng tỏ rằng những điều này là thật.
- 8 Và giờ đây, này, chính tôi cũng xin làm chứng với các người rằng những điều này đều là thật. Này, tôi nói cho các người hay rằng, tôi biết chắc Đấng Ky Tô sẽ đến giữa con cái loài người, để nhận lấy tất cả những sự phạm giới của dân Ngài, và Ngài sẽ chuộc tội lỗi của thế gian; vì Đức Chúa Trời đã phán vậy.

## Alma 34

And now it came to pass that after Alma had spoken these words unto them he sat down upon the ground, and Amulek arose and began to teach them, saying:

My brethren, I think that it is impossible that ye should be ignorant of the things which have been spoken concerning the coming of Christ, who is taught by us to be the Son of God; yea, I know that these things were taught unto you bountifully before your dissension from among us.

And as ye have desired of my beloved brother that he should make known unto you what ye should do, because of your afflictions; and he hath spoken somewhat unto you to prepare your minds; yea, and he hath exhorted you unto faith and to patience—

Yea, even that ye would have so much faith as even to plant the word in your hearts, that ye may try the experiment of its goodness.

And we have beheld that the great question which is in your minds is whether the word be in the Son of God, or whether there shall be no Christ.

And ye also beheld that my brother has proved unto you, in many instances, that the word is in Christ unto salvation.

My brother has called upon the words of Zenos, that redemption cometh through the Son of God, and also upon the words of Zenock; and also he has appealed unto Moses, to prove that these things are true.

And now, behold, I will testify unto you of myself that these things are true. Behold, I say unto you, that I do know that Christ shall come among the children of men, to take upon him the transgressions of his people, and that he shall atone for the sins of the world; for the Lord God hath spoken it.

- 9 Vì điều cần thiết là sự chuộc tội phải được thực hiện; vì theo kế hoạch vĩ đại của Thượng Đế Vĩnh Cửu thì cần phải thực hiện sự chuộc tội, nếu không, tất cả loài người sẽ không tránh khỏi bị diệt vong; phải, vì tất cả mọi người đều chai đá; phải, tất cả đều sa ngã và lạc lối, và sẽ bị diệt vong, ngoại trừ một sự chuộc tội thích đáng được thực hiện.
- 10 Vì điều cần thiết là phải có một sự hy sinh vĩ đại và cuối cùng; phải, đó không phải là sự hy sinh của một người nào, cũng không phải một con vật nào, hay bất cứ một loài chim muông nào; vì sự hy sinh đó sẽ không phải là một sự hy sinh với tính cách nhân loại; nhưng đó phải là một sự hy sinh vô hạn và vĩnh cửu.
- 11 Nay, chẳng có người nào có thể hy sinh máu của mình để chuộc tội cho kẻ khác được. Giờ đây, nếu có một người phạm tội sát nhân, này, luật pháp của chúng ta, là luật pháp công minh, có lấy mạng anh em của kẻ đó mà thế chẳng? Tôi nói cho các người hay: Không.
- 12 Nhưng luật pháp đòi hỏi chính mạng sống của kẻ đã phạm tội sát nhân; vậy nên, không có gì ngoài sự chuộc tội vô hạn mới có thể đầy đủ được cho các tội lỗi của thế gian.
- 13 Vậy nên, điều cần thiết là phải có một sự hy sinh vĩ đại và cuối cùng; rồi sau đó sẽ có, hay sau đó ắt phải có, sự chấm dứt đổ máu; và rồi lúc ấy luật pháp Môi Se mới được thi hành trọn vẹn; phải, lúc ấy luật pháp này sẽ được thi hành đầy đủ trọn vẹn, không thiếu sót một dấu chấm một nét phẩy nào, và sẽ chẳng có điều gì được bỏ qua hết.
- 14 Và này, đây là tất cả ý nghĩa của luật pháp, và mỗi điểm một đều hướng về sự hy sinh vĩ đại và cuối cùng ấy; và sự hy sinh vĩ đại và cuối cùng ấy sẽ là Vị Nam Tử của Thượng Đế, phải, vô hạn và vĩnh cửu.
- 15 Và do đó Ngài sẽ đem lại sự cứu rỗi cho tất cả những ai tin vào danh Ngài; đây chính là chủ đích của sự hy sinh cuối cùng này, để thực hiện lòng thương xót tận tâm can, mà lòng thương xót này chế ngự cả công lý và đem lại cho loài người một phương tiện để họ có được đức tin đưa đến sự hối cải.

For it is expedient that an atonement should be made; for according to the great plan of the Eternal God there must be an atonement made, or else all mankind must unavoidably perish; yea, all are hardened; yea, all are fallen and are lost, and must perish except it be through the atonement which it is expedient should be made.

For it is expedient that there should be a great and last sacrifice; yea, not a sacrifice of man, neither of beast, neither of any manner of fowl; for it shall not be a human sacrifice; but it must be an infinite and eternal sacrifice.

Now there is not any man that can sacrifice his own blood which will atone for the sins of another. Now, if a man murdereth, behold will our law, which is just, take the life of his brother? I say unto you, Nay.

But the law requireth the life of him who hath murdered; therefore there can be nothing which is short of an infinite atonement which will suffice for the sins of the world.

Therefore, it is expedient that there should be a great and last sacrifice, and then shall there be, or it is expedient there should be, a stop to the shedding of blood; then shall the law of Moses be fulfilled; yea, it shall be all fulfilled, every jot and tittle, and none shall have passed away.

And behold, this is the whole meaning of the law, every whit pointing to that great and last sacrifice; and that great and last sacrifice will be the Son of God, yea, infinite and eternal.

And thus he shall bring salvation to all those who shall believe on his name; this being the intent of this last sacrifice, to bring about the bowels of mercy, which overpowereth justice, and bringeth about means unto men that they may have faith unto repentance.

16 Và do đó, lòng thương xót có thể thỏa mãn được sự đòi hỏi của công lý, và bao quanh nó bởi vòng tay an toàn, trong lúc đó kẻ nào không thực hành đức tin đưa đến sự hối cải thì sẽ bị phơi bày ra trước luật pháp trọn vẹn về những đòi hỏi của công lý; vậy nên, chỉ có kẻ nào có đức tin đưa lại sự hối cải mới hưởng được kế hoạch cứu chuộc vĩ đại và vĩnh cửu.

17 Vậy nên, hỡi đồng bào, cầu xin Thượng Đế ban phước các người để các người có thể bắt đầu thực hành đức tin của mình đưa đến sự hối cải, để các người có thể bắt đầu khẩn cầu đến thánh danh Ngài, ngõ hầu Ngài rủ lòng thương xót các người;

18 Phải, hãy van xin lòng thương xót của Ngài; vì Ngài có quyền lực để giải cứu.

19 Phải, hãy biết hạ mình và tiếp tục cầu nguyện Ngài.

20 Hãy kêu cầu Ngài khi các người ở ngoài đồng, phải, hãy cầu xin cho tất cả các đàn gia súc của mình.

21 Hãy cầu xin Ngài khi ở trong nhà, phải, hãy cầu xin cho tất cả gia đình mình, sáng, trưa, chiều.

22 Phải, hãy cầu xin Ngài chống lại quyền năng của các kẻ thù của mình.

23 Phải, hãy cầu xin Ngài chống lại quỷ dữ, là kẻ thù của mọi sự ngay chính.

24 Hãy cầu xin Ngài che chở cho mùa màng đồng áng của mình, để các người có thể nhờ đó mà trở nên thịnh vượng.

25 Hãy cầu xin cho các đàn gia súc của mình ngoài đồng để chúng được gia tăng.

26 Nhưng như vậy chưa phải là hết; các người còn phải dâng hết tâm hồn mình trong phòng kín và những nơi vắng vẻ hay trong vùng hoang dã.

27 Phải, và khi nào các người ngưng cầu xin Chúa, thì hãy để cho lòng mình được tràn đầy mở rộng trong sự nguyện cầu Ngài luôn luôn cho sự an lạc của mình, và luôn cả cho sự an lạc của những người chung quanh mình nữa.

And thus mercy can satisfy the demands of justice, and encircles them in the arms of safety, while he that exercises no faith unto repentance is exposed to the whole law of the demands of justice; therefore only unto him that has faith unto repentance is brought about the great and eternal plan of redemption.

Therefore may God grant unto you, my brethren, that ye may begin to exercise your faith unto repentance, that ye begin to call upon his holy name, that he would have mercy upon you;

Yea, cry unto him for mercy; for he is mighty to save.

Yea, humble yourselves, and continue in prayer unto him.

Cry unto him when ye are in your fields, yea, over all your flocks.

Cry unto him in your houses, yea, over all your household, both morning, mid-day, and evening.

Yea, cry unto him against the power of your enemies.

Yea, cry unto him against the devil, who is an enemy to all righteousness.

Cry unto him over the crops of your fields, that ye may prosper in them.

Cry over the flocks of your fields, that they may increase.

But this is not all; ye must pour out your souls in your closets, and your secret places, and in your wilderness.

Yea, and when you do not cry unto the Lord, let your hearts be full, drawn out in prayer unto him continually for your welfare, and also for the welfare of those who are around you.

28 Và giờ đây, này, hỡi đồng bào thân mến, tôi nói cho các người hay, chớ cho như vậy là đã hết; vì sau khi các người làm xong tất cả những việc này, mà nếu các người ngoảnh mặt đi không nhìn đến người nghèo khó, thiếu ăn thiếu mặc, và không viếng thăm người bệnh hoạn và đau khổ, và không chia sẻ tài sản của mình với người thiếu thốn, trong khi mình có—tôi nói cho các người hay, nếu các người không làm được những điều này, này, những lời cầu nguyện của các người sẽ vô hiệu quả, không đem lại cho các người một lợi ích nào, và các người cũng chẳng khác chi những kẻ đạo đức giả đã chối bỏ đức tin.

29 Vậy nên, nếu các người không nhớ làm những việc từ thiện thì các người cũng chẳng khác chi những đồ cặn bã, bị những người thợ luyện gạt bỏ ra ngoài (vì không có giá trị gì) và bị loài người chà đạp dưới chân.

30 Và giờ đây, hỡi đồng bào, tôi mong rằng, sau khi các người đã nhận được biết bao điều minh chứng, và đã thấy được rằng thánh thư cũng làm chứng cho những điều này, thì các người hãy tiến đến và đem lại thành quả đưa tới sự hối cải.

31 Phải, tôi mong rằng các người hãy tiến đến và đừng chai đá trong lòng nữa; vì này, giờ đây là lúc và là ngày cứu rỗi của các người; vậy nên, nếu các người hối cải và không chai đá trong lòng, thì tức thời kế hoạch cứu chuộc vĩ đại sẽ được mang lại cho các người.

32 Vì này, cuộc sống này là thời gian cho loài người chuẩn bị để gặp Thượng Đế; phải, này, thời gian của cuộc sống này là thời gian cho loài người thực thi những công việc lao nhọc của mình.

33 Và giờ đây, như tôi đã nói với các người trước đây, vì các người đã có biết bao nhiêu điều minh chứng, vì thế mà tôi tha thiết mong các người chớ nên trì hoãn ngày hối cải của mình cho đến lúc cuối cùng; vì sau những ngày tháng của cuộc sống này, là thời gian chúng ta được ban cho để chuẩn bị cho thời vĩnh cửu, này, nếu chúng ta không dùng thời giờ của mình một cách hữu hiệu hơn khi còn trong cuộc sống này, thì lúc đêm tối mịt mù đến, sẽ chẳng còn công việc gì có thể thực hiện được nữa.

And now behold, my beloved brethren, I say unto you, do not suppose that this is all; for after ye have done all these things, if ye turn away the needy, and the naked, and visit not the sick and afflicted, and impart of your substance, if ye have, to those who stand in need—I say unto you, if ye do not any of these things, behold, your prayer is vain, and availeth you nothing, and ye are as hypocrites who do deny the faith.

Therefore, if ye do not remember to be charitable, ye are as dross, which the refiners do cast out, (it being of no worth) and is trodden under foot of men.

And now, my brethren, I would that, after ye have received so many witnesses, seeing that the holy scriptures testify of these things, ye come forth and bring fruit unto repentance.

Yea, I would that ye would come forth and harden not your hearts any longer; for behold, now is the time and the day of your salvation; and therefore, if ye will repent and harden not your hearts, immediately shall the great plan of redemption be brought about unto you.

For behold, this life is the time for men to prepare to meet God; yea, behold the day of this life is the day for men to perform their labors.

And now, as I said unto you before, as ye have had so many witnesses, therefore, I beseech of you that ye do not procrastinate the day of your repentance until the end; for after this day of life, which is given us to prepare for eternity, behold, if we do not improve our time while in this life, then cometh the night of darkness wherein there can be no labor performed.

- 34 Các người không thể nói rằng: Tôi sẽ hối cải, tôi sẽ trở về với Thượng Đế của tôi, khi các người bị đưa vào trong cơn khủng hoảng đáng sợ đó. Không, các người không thể nói như vậy được; vì cũng chính linh hồn đã làm chủ phần xác của các người khi các người vừa ra khỏi cuộc đời này, thì cũng chính linh hồn ấy sẽ có quyền năng để làm chủ thể xác các người trong thế giới vĩnh cửu ấy.
- 35 Vì này, nếu các người trì hoãn ngày hối cải của mình cho đến khi chết, này, các người sẽ bị lệ thuộc vào linh hồn quỷ dữ, và nó sẽ niêm kín các người làm vật sở hữu của nó; vì thế mà Thánh Linh của Chúa đã rút lui khỏi các người và không còn ngự trong các người nữa, và lúc ấy quỷ dữ sẽ có mọi quyền hành đối với các người; và đây là trạng thái cuối cùng của kẻ tà ác.
- 36 Về điều này tôi biết, vì Chúa có phán là Ngài không ngự trong những đền thờ không thánh thiện, mà Ngài chỉ ở trong tim những người ngay chính; phải, và Ngài cũng phán rằng, những người ngay chính sẽ được ngồi trong vương quốc của Ngài và không còn phải đi ra ngoài nữa; nhưng y phục của họ sẽ được tẩy trắng nhờ máu của Chiên Con.
- 37 Và giờ đây, hỡi đồng bào thân mến, tôi mong rằng các người nên ghi nhớ những điều này, và các người thực thi sự cứu rỗi của mình với sự kính sợ trước mặt Thượng Đế, và các người không còn phủ nhận sự hiện đến của Đấng Ky Tô nữa;
- 38 Tôi mong rằng các người không còn tranh chấp với Đức Thánh Linh nữa, mà đón nhận Ngài và mang danh Đấng Ky Tô; và rằng các người biết hạ mình xuống tận bụi đất mà thờ phượng Thượng Đế, tại bất cứ nơi nào mà các người có mặt, trong tinh thần và lẽ thật; và rằng các người sống trong sự tạ ơn hằng ngày, về nhiều phước lành và sự thương xót mà Ngài đã ban cho các người.
- 39 Phải, và tôi cũng khuyên nhủ các người, hỡi đồng bào, hãy chú tâm cầu nguyện luôn luôn, để các người khỏi bị dẫn dắt lạc lối bởi những cám dỗ của quỷ dữ, để nó không thể chế ngự được các người, để các người không bị lệ thuộc nó vào ngày cuối cùng; vì này, nó chẳng tưởng thưởng gì tốt đẹp cho các người đâu.

Ye cannot say, when ye are brought to that awful crisis, that I will repent, that I will return to my God. Nay, ye cannot say this; for that same spirit which doth possess your bodies at the time that ye go out of this life, that same spirit will have power to possess your body in that eternal world.

For behold, if ye have procrastinated the day of your repentance even until death, behold, ye have become subjected to the spirit of the devil, and he doth seal you his; therefore, the Spirit of the Lord hath withdrawn from you, and hath no place in you, and the devil hath all power over you; and this is the final state of the wicked.

And this I know, because the Lord hath said he dwelleth not in unholy temples, but in the hearts of the righteous doth he dwell; yea, and he has also said that the righteous shall sit down in his kingdom, to go no more out; but their garments should be made white through the blood of the Lamb.

And now, my beloved brethren, I desire that ye should remember these things, and that ye should work out your salvation with fear before God, and that ye should no more deny the coming of Christ;

That ye contend no more against the Holy Ghost, but that ye receive it, and take upon you the name of Christ; that ye humble yourselves even to the dust, and worship God, in whatsoever place ye may be in, in spirit and in truth; and that ye live in thanksgiving daily, for the many mercies and blessings which he doth bestow upon you.

Yea, and I also exhort you, my brethren, that ye be watchful unto prayer continually, that ye may not be led away by the temptations of the devil, that he may not overpower you, that ye may not become his subjects at the last day; for behold, he rewardeth you no good thing.

40 Và giờ đây, hỡi đồng bào thân mến, tôi khuyên  
nhủ các người hãy kiên nhẫn, và chịu đựng tất cả  
những nỗi thống khổ của mình; và xin các người  
chớ thóa mạ những kẻ đã xua đuổi mình vì mình  
quá nghèo khó, kéo các người cũng trở thành  
những kẻ phạm tội như họ;

41 Nhưng các người hãy kiên nhẫn, và chịu đựng  
những nỗi thống khổ ấy với một hy vọng vững chắc  
rằng một ngày kia các người sẽ được nghỉ ngơi khỏi  
mọi nỗi thống khổ của mình.

And now my beloved brethren, I would exhort  
you to have patience, and that ye bear with all man-  
ner of afflictions; that ye do not revile against  
those who do cast you out because of your exceed-  
ing poverty, lest ye become sinners like unto them;

But that ye have patience, and bear with those  
afflictions, with a firm hope that ye shall one day  
rest from all your afflictions.

## An Ma 35

- 1 Giờ đây chuyện rằng, sau khi A Mu Léc chấm dứt những lời trên, họ rút lui khỏi đám đông và đi qua xứ Giê Sơn.
- 2 Phải, và những anh em khác, sau khi đã thuyết giảng lời của Thượng Đế cho dân Giô Ram, cũng qua xứ Giê Sơn.
- 3 Và chuyện rằng, sau khi những nhân vật quan trọng của dân Giô Ram đã hội ý với nhau về những lời đã được giảng dạy cho họ, họ tức giận vì lời của Thượng Đế đã phá hủy sự xảo quyết của họ; vậy nên họ không muốn nghe theo những lời ấy.
- 4 Và họ cho người đi quy tụ tất cả dân chúng khắp trong xứ lại để hỏi ý kiến dân chúng về những lời đã được rao truyền.
- 5 Lúc bấy giờ những người cai trị, các thầy tư tế và các thầy giảng không để cho dân chúng hiểu thâm ý của mình; vì vậy họ bí mật tìm hiểu ý nghĩ của tất cả dân chúng.
- 6 Và chuyện rằng, sau khi đã tìm hiểu được ý nghĩ của tất cả dân chúng, họ bèn xua đuổi ra khỏi xứ những ai chấp nhận những lời do An Ma và các anh em ông rao truyền. Số người bị đuổi đi rất đông, và những người này cũng đi qua xứ Giê Sơn.
- 7 Và chuyện rằng, An Ma cùng các anh em ông đã dạy dỗ họ.
- 8 Giờ đây dân Giô Ram tức giận dân Am Môn là những người cư ngụ ở Giê Sơn, và vì người cầm đầu cai trị dân Giô Ram là một người rất độc ác, nên hấn sai người đến bảo dân Am Môn là hấn muốn họ phải đuổi hết những người đã bỏ chúng để đi qua xứ của họ.

## Alma 35

Now it came to pass that after Amulek had made an end of these words, they withdrew themselves from the multitude and came over into the land of Jershon.

Yea, and the rest of the brethren, after they had preached the word unto the Zoramites, also came over into the land of Jershon.

And it came to pass that after the more popular part of the Zoramites had consulted together concerning the words which had been preached unto them, they were angry because of the word, for it did destroy their craft; therefore they would not hearken unto the words.

And they sent and gathered together throughout all the land all the people, and consulted with them concerning the words which had been spoken.

Now their rulers and their priests and their teachers did not let the people know concerning their desires; therefore they found out privily the minds of all the people.

And it came to pass that after they had found out the minds of all the people, those who were in favor of the words which had been spoken by Alma and his brethren were cast out of the land; and they were many; and they came over also into the land of Jershon.

And it came to pass that Alma and his brethren did minister unto them.

Now the people of the Zoramites were angry with the people of Ammon who were in Jershon, and the chief ruler of the Zoramites, being a very wicked man, sent over unto the people of Ammon desiring them that they should cast out of their land all those who came over from them into their land.



9 Và hắn còn thốt lên nhiều lời đe dọa họ nữa. Và này, dân Am Môn không sợ lời đe dọa của chúng; vậy nên họ không xua đuổi những người ấy đi mà trái lại họ còn đón rước tất cả những người Giô Ram nghèo khó đến cùng họ. Họ nuôi dưỡng những người ấy, cung cấp áo quần và còn tặng đất đai cho những người ấy làm của thừa hưởng; và họ đã giúp đỡ những người ấy theo những nhu cầu của họ.

10 Giờ đây chuyện này đã khiến dân Giô Ram tức giận dân Am Môn, và chúng bắt đầu kết hợp với dân La Man và xúi giục dân này cũng tức giận theo.

11 Và do đó, dân Giô Ram cùng dân La Man bắt đầu chuẩn bị gây chiến với dân Am Môn và luôn cả dân Nê Phi nữa.

12 Và như vậy là chấm dứt năm thứ mười bảy thuộc chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

13 Và dân Am Môn ra đi khỏi xứ Giê Sơn. Họ đi qua xứ Mê Lê để nhường chỗ trong xứ Giê Sơn lại cho quân Nê Phi, để cho quân này có thể giao chiến với quân La Man và quân Giô Ram; và như vậy là chiến tranh lại bắt đầu nổi lên giữa dân La Man và dân Nê Phi vào năm thứ mười tám thuộc chế độ các phán quan; và thiên ký thuật về những trận chiến của họ sẽ được thuật lại sau này.

14 Và An Ma, Am Môn, cùng các anh em của họ và hai người con trai của An Ma trở về xứ Gia Ra Hem La, sau khi đã trở thành những công cụ trong tay Thượng Đế trong việc dẫn dắt nhiều người dân Giô Ram tới sự hối cải; và tất cả những ai được dẫn dắt tới sự hối cải đều bị đuổi ra khỏi xứ sở mình; nhưng họ có được đất thừa hưởng trong xứ Giê Sơn, và họ đã cầm khí giới lên để bảo vệ bản thân họ và vợ con cùng đất đai của họ.

And he breathed out many threatenings against them. And now the people of Ammon did not fear their words; therefore they did not cast them out, but they did receive all the poor of the Zoramites that came over unto them; and they did nourish them, and did clothe them, and did give unto them lands for their inheritance; and they did administer unto them according to their wants.

Now this did stir up the Zoramites to anger against the people of Ammon, and they began to mix with the Lamanites and to stir them up also to anger against them.

And thus the Zoramites and the Lamanites began to make preparations for war against the people of Ammon, and also against the Nephites.

And thus ended the seventeenth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And the people of Ammon departed out of the land of Jershon, and came over into the land of Melek, and gave place in the land of Jershon for the armies of the Nephites, that they might contend with the armies of the Lamanites and the armies of the Zoramites; and thus commenced a war betwixt the Lamanites and the Nephites, in the eighteenth year of the reign of the judges; and an account shall be given of their wars hereafter.

And Alma, and Ammon, and their brethren, and also the two sons of Alma returned to the land of Zarahemla, after having been instruments in the hands of God of bringing many of the Zoramites to repentance; and as many as were brought to repentance were driven out of their land; but they have lands for their inheritance in the land of Jershon, and they have taken up arms to defend themselves, and their wives, and children, and their lands.

15 Giờ đây An Ma cảm thấy phiền muộn vì sự bất chính của dân ông, phải, vì các cuộc chiến, các cuộc đổ máu và các cuộc tranh chấp giữa dân chúng; và vì ông đã đi rao truyền lời của Thượng Đế, hay đã phái người đi rao truyền lời của Thượng Đế, cho mọi người trong mọi thành phố nghe, vậy mà ông nhận thấy lòng dân chúng đã bắt đầu trở nên chai đá, và họ cũng đã bắt đầu xúc phạm vì sự nghiêm khắc của lời của Thượng Đế, nên lòng ông hết sức buồn khổ.

16 Vậy nên, ông truyền cho các con trai ông phải tụ họp lại để ông trao cho mỗi người một nhiệm vụ riêng biệt, có liên quan tới những điều thuộc về sự ngay chính. Và chúng ta có một thiên ký thuật về những lệnh truyền mà ông đã ban cho họ dựa theo biên sử riêng của ông.

Now Alma, being grieved for the iniquity of his people, yea for the wars, and the bloodsheds, and the contentions which were among them; and having been to declare the word, or sent to declare the word, among all the people in every city; and seeing that the hearts of the people began to wax hard, and that they began to be offended because of the strictness of the word, his heart was exceedingly sorrowful.

Therefore, he caused that his sons should be gathered together, that he might give unto them every one his charge, separately, concerning the things pertaining unto righteousness. And we have an account of his commandments, which he gave unto them according to his own record.

Những lệnh truyền của An Ma cho con trai ông là Hê La Man.

The commandments of Alma to his son Helaman.

## An Ma 36

- 1 Hỡi con trai của cha, hãy lắng tai nghe lời cha; vì cha thề với con rằng, chừng nào con còn tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế thì con sẽ còn được thịnh vượng trong xứ.
- 2 Cha mong rằng con sẽ làm như cha đã làm, trong sự ghi nhớ tới sự tù đầy của tổ phụ chúng ta; vì họ đã ở trong vòng nô lệ, và không một ai có thể giải thoát cho họ được ngoại trừ Thượng Đế của Áp Ra Ham, và Thượng Đế của Y Sác, và Thượng Đế của Gia Cốp; và quả thật Ngài đã giải thoát họ ra khỏi cảnh thống khổ của họ.
- 3 Và giờ đây, hỡi con trai Hê La Man của cha, này, con đang ở trong tuổi thanh xuân, vậy nên cha mong con hãy lắng nghe lời của cha và học hỏi từ cha; vì cha biết rằng, kẻ nào tin cậy nơi Thượng Đế thì sẽ được nâng đỡ trong những thử thách, trong những khó khăn và những thống khổ của mình, và sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng.
- 4 Và cha không muốn con nghĩ là chính cha đã tự biết được điều đó—điều đó không thể biết được do điều thế tục mà điều thuộc linh, và cũng không phải do trí óc trần tục mà là do Thượng Đế.
- 5 Giờ đây, này, cha nói cho con hay, nếu cha không được Thượng Đế sinh ra thì cha đã không thể biết được những điều này; nhưng Thượng Đế đã tiết lộ cho cha biết những điều này qua miệng thiên sứ thánh của Ngài, chứ không phải do sự xứng đáng gì của cha.
- 6 Vì cha đã đi khắp nơi với các con trai của Mô Si A, để tìm cách phá hoại giáo hội của Thượng Đế. Nhưng này, Thượng Đế đã phái thiên sứ thánh của Ngài đến ngăn chặn bọn cha giữa đường.
- 7 Và này, thiên sứ ấy đã nói với bọn cha như tiếng sấm sét, và cả mặt đất rung chuyển dưới chân bọn cha, và tất cả bọn cha đều ngã xuống đất, vì sự kính sợ Chúa đã bao trùm lấy bọn cha.
- 8 Nhưng này, tiếng nói ấy đã phán với cha rằng: Hãy trở dậy. Và cha trở dậy, rồi đứng lên, và trông thấy vị thiên sứ.

## Alma 36

My son, give ear to my words; for I swear unto you, that inasmuch as ye shall keep the commandments of God ye shall prosper in the land.

I would that ye should do as I have done, in remembering the captivity of our fathers; for they were in bondage, and none could deliver them except it was the God of Abraham, and the God of Isaac, and the God of Jacob; and he surely did deliver them in their afflictions.

And now, O my son Helaman, behold, thou art in thy youth, and therefore, I beseech of thee that thou wilt hear my words and learn of me; for I do know that whosoever shall put their trust in God shall be supported in their trials, and their troubles, and their afflictions, and shall be lifted up at the last day.

And I would not that ye think that I know of myself—not of the temporal but of the spiritual, not of the carnal mind but of God.

Now, behold, I say unto you, if I had not been born of God I should not have known these things; but God has, by the mouth of his holy angel, made these things known unto me, not of any worthiness of myself;

For I went about with the sons of Mosiah, seeking to destroy the church of God; but behold, God sent his holy angel to stop us by the way.

And behold, he spake unto us, as it were the voice of thunder, and the whole earth did tremble beneath our feet; and we all fell to the earth, for the fear of the Lord came upon us.

But behold, the voice said unto me: Arise. And I arose and stood up, and beheld the angel.

- 9 Vị thiên sứ bảo cha rằng: Nếu người muốn mình không bị hủy diệt, thì chớ tìm cách phá hoại giáo hội của Thượng Đế nữa.
- 10 Và chuyện rằng cha ngã xuống đất, và suốt ba ngày ba đêm cha không mở miệng hay cử động chân tay gì được cả.
- 11 Và vị thiên sứ còn nói nhiều điều nữa với cha, nhưng chỉ có các anh em của cha nghe được còn cha không nghe thấy gì; vì khi cha vừa nghe xong câu nói—Nếu người muốn mình không bị hủy diệt, thì chớ tìm cách phá hoại giáo hội của Thượng Đế nữa—thì cha quá sợ hãi và hết sức kinh ngạc e rằng mình sẽ bị hủy diệt, đến nỗi cha đã ngã xuống đất và không còn nghe thấy gì nữa cả.
- 12 Nhưng cha đã bị một cực hình vĩnh cửu xâu xé, tâm hồn cha bị ray rứt vô cùng và bị xâu xé với tất cả các tội lỗi của mình.
- 13 Phải, cha đã nhớ lại tất cả những tội lỗi và những điều bất chính của mình, và vì thế cha phải bị giày vò với những nỗi đau đớn của ngục giới; phải, cha thấy cha đã chống lại Thượng Đế của cha, và cha đã không tuân giữ những lệnh truyền thánh của Ngài.
- 14 Phải, cha đã giết hại biết bao con cái của Ngài, hay nói đúng hơn, cha đã dẫn dắt họ vào con đường hủy diệt; phải, nói tóm lại, những điều bất chính của cha quá lớn lao, đến nỗi chỉ mới có ý nghĩ là mình sẽ đến trước mặt Thượng Đế cũng đủ xâu xé tâm hồn cha một cách ghê sợ khôn tả.
- 15 Ôi, cha nghĩ rằng, ước gì cha bị lưu đày và tắt lịm đi, cả tâm hồn lẫn thể xác, để cha khỏi bị dẫn đến đứng trước sự hiện diện của Thượng Đế của mình, để bị xét xử về những việc làm của mình.
- 16 Và bây giờ, suốt ba ngày ba đêm cha đã bị xâu xé với những nỗi đau đớn của một linh hồn bị kết tội.
- 17 Và chuyện rằng, trong lúc cha bị khốn khổ với cực hình, trong lúc cha bị ray rứt bởi sự hồi tưởng tới bao tội lỗi của mình, này, cha bỗng nhớ lại lời tiên tri của phụ thân cha đã tiên tri cho dân chúng biết về sự hiện đến của một Chúa Giê Su Ky Tô, tức là Vị Nam Tử của Thượng Đế, để chuộc tội lỗi cho thế gian.

And he said unto me: If thou wilt of thyself be destroyed, seek no more to destroy the church of God.

And it came to pass that I fell to the earth; and it was for the space of three days and three nights that I could not open my mouth, neither had I the use of my limbs.

And the angel spake more things unto me, which were heard by my brethren, but I did not hear them; for when I heard the words—If thou wilt be destroyed of thyself, seek no more to destroy the church of God—I was struck with such great fear and amazement lest perhaps I should be destroyed, that I fell to the earth and I did hear no more.

But I was racked with eternal torment, for my soul was harrowed up to the greatest degree and racked with all my sins.

Yea, I did remember all my sins and iniquities, for which I was tormented with the pains of hell; yea, I saw that I had rebelled against my God, and that I had not kept his holy commandments.

Yea, and I had murdered many of his children, or rather led them away unto destruction; yea, and in fine so great had been my iniquities, that the very thought of coming into the presence of my God did rack my soul with inexpressible horror.

Oh, thought I, that I could be banished and become extinct both soul and body, that I might not be brought to stand in the presence of my God, to be judged of my deeds.

And now, for three days and for three nights was I racked, even with the pains of a damned soul.

And it came to pass that as I was thus racked with torment, while I was harrowed up by the memory of my many sins, behold, I remembered also to have heard my father prophesy unto the people concerning the coming of one Jesus Christ, a Son of God, to atone for the sins of the world.

- 18 Bây giờ, khi tâm trí cha vừa nghĩ đến điều đó, thì cha liền kêu cầu trong lòng mà rằng: Hỡi Chúa Giê Su, là Vị Nam Tử của Thượng Đế, xin Ngài hãy thương xót con là kẻ đang ở trong mật đắng và đang bị bao vây bởi xiềng xích vĩnh viễn của cõi chết.
- 19 Và bây giờ, này, cha vừa nghĩ xong điều ấy, thì cha không còn nhớ đến những sự đau đớn nữa; phải, cha không còn bị ray rứt bởi sự hồi tưởng tới các tội lỗi của mình nữa.
- 20 Và ô kìa, sự vui mừng biết bao, và cha đã được trông thấy một ánh sáng kỳ diệu làm sao; phải, tâm hồn cha tràn đầy nỗi vui mừng quá lớn lao chẳng khác chi sự đau đớn mà cha đã trải qua vậy.
- 21 Phải, cha nói cho con hay, hỡi con trai của cha, chẳng có sự gì đắng cay thắm thía như những sự đau đớn của cha. Phải, và cha cũng nói cho con hay, hỡi con trai của cha, trái lại, chẳng có sự vui mừng nào ngọt ngào êm dịu cho bằng niềm vui của cha.
- 22 Phải, cha nghĩ là cha đã trông thấy, chẳng khác chi tổ phụ Lê Hi của chúng ta đã trông thấy, Thượng Đế đang ngự trên ngai của Ngài, có vô số các nhóm thiên thần đang bao quanh, trong trạng thái ca hát và tán mỹ Thượng Đế của họ; phải, rồi tâm hồn cha hết sức khao khát được đến đó.
- 23 Nhưng này, chân tay cha đã lấy lại được sức lực, và cha liền đứng lên, và tiết lộ cho mọi người hay rằng cha vừa được Thượng Đế sinh ra.
- 24 Phải, và từ đó đến giờ, cha đã lao lực không ngừng, để cha có thể mang nhiều linh hồn đến sự hối cải; để cha có thể mang họ đến để nếm được nỗi vui mừng khôn tả như cha đã được nếm qua; ngõ hầu họ cũng có thể được Thượng Đế sinh ra và được đầy đầy Đức Thánh Linh.
- 25 Phải, và giờ đây, này, hỡi con trai của cha, Chúa đã ban cho cha một niềm vui quá lớn nhờ thành quả của bao công lao của cha.
- 26 Vì nhờ lời của Thượng Đế mà Ngài đã ban phát cho cha, này, nên có nhiều người đã được Thượng Đế sinh ra, và đã nếm được như cha đã được nếm qua, cũng đã được trông thấy tận mắt như cha đã được trông thấy; vậy nên, họ đã biết được những điều này mà cha đã nói đến, như cha đã biết; và sự hiểu biết mà cha có được là từ Thượng Đế mà ra.

Now, as my mind caught hold upon this thought, I cried within my heart: O Jesus, thou Son of God, have mercy on me, who am in the gall of bitterness, and am encircled about by the everlasting chains of death.

And now, behold, when I thought this, I could remember my pains no more; yea, I was harrowed up by the memory of my sins no more.

And oh, what joy, and what marvelous light I did behold; yea, my soul was filled with joy as exceeding as was my pain!

Yea, I say unto you, my son, that there could be nothing so exquisite and so bitter as were my pains. Yea, and again I say unto you, my son, that on the other hand, there can be nothing so exquisite and sweet as was my joy.

Yea, methought I saw, even as our father Lehi saw, God sitting upon his throne, surrounded with numberless concourses of angels, in the attitude of singing and praising their God; yea, and my soul did long to be there.

But behold, my limbs did receive their strength again, and I stood upon my feet, and did manifest unto the people that I had been born of God.

Yea, and from that time even until now, I have labored without ceasing, that I might bring souls unto repentance; that I might bring them to taste of the exceeding joy of which I did taste; that they might also be born of God, and be filled with the Holy Ghost.

Yea, and now behold, O my son, the Lord doth give me exceedingly great joy in the fruit of my labors;

For because of the word which he has imparted unto me, behold, many have been born of God, and have tasted as I have tasted, and have seen eye to eye as I have seen; therefore they do know of these things of which I have spoken, as I do know; and the knowledge which I have is of God.

27 Và cha đã được nâng đỡ trong những thử thách và khó khăn đủ loại, phải, và trong mọi hình thức thống khổ; phải, Thượng Đế đã giải thoát cha ra khỏi ngục tù, ra khỏi mọi dây trói buộc, ra khỏi sự chết; phải, và cha đã đặt sự tin cậy vào Ngài, và Ngài sẽ còn giải thoát cho cha nữa.

28 Và cha biết rằng, Ngài sẽ nhắc cha lên vào ngày sau cùng, để sống với Ngài trong vinh quang; phải, và cha sẽ ngợi khen Ngài mãi mãi, vì Ngài đã đem tổ phụ chúng ta ra khỏi Ai Cập, và Ngài đã nuốt trọn dân Ai Cập trong Biển Đỏ; và Ngài đã dùng quyền năng của Ngài dẫn dắt họ đến đất hứa; phải, và nhiều phen Ngài đã giải thoát họ khỏi vòng nô lệ và tù đầy.

29 Phải, và Ngài còn đem tổ phụ chúng ta ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem; và từ lúc ấy đến nay Ngài đã nhiều phen dùng quyền năng vĩnh viễn của Ngài để giải thoát họ khỏi vòng nô lệ và tù đầy; và cha luôn luôn ghi nhớ cảnh tù đầy của họ; phải, và nay, cũng như cha, con nên ghi nhớ cảnh tù đầy của họ.

30 Nhưng này, hỡi con trai của cha, như vậy chưa phải là hết; con cần phải biết, như cha đã từng biết, rằng chừng nào con còn tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế thì con sẽ được thịnh vượng trong xứ; và con cũng cần phải biết rằng, chừng nào con không còn tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế thì con sẽ bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Ngài. Này, đây là theo lời của Ngài phán vậy.

And I have been supported under trials and troubles of every kind, yea, and in all manner of afflictions; yea, God has delivered me from prison, and from bonds, and from death; yea, and I do put my trust in him, and he will still deliver me.

And I know that he will raise me up at the last day, to dwell with him in glory; yea, and I will praise him forever, for he has brought our fathers out of Egypt, and he has swallowed up the Egyptians in the Red Sea; and he led them by his power into the promised land; yea, and he has delivered them out of bondage and captivity from time to time.

Yea, and he has also brought our fathers out of the land of Jerusalem; and he has also, by his everlasting power, delivered them out of bondage and captivity, from time to time even down to the present day; and I have always retained in remembrance their captivity; yea, and ye also ought to retain in remembrance, as I have done, their captivity.

But behold, my son, this is not all; for ye ought to know as I do know, that inasmuch as ye shall keep the commandments of God ye shall prosper in the land; and ye ought to know also, that inasmuch as ye will not keep the commandments of God ye shall be cut off from his presence. Now this is according to his word.

## An Ma 37

- 1 Và giờ đây, hỡi con trai Hê La Man của cha, cha truyền lệnh cho con hãy đi lấy các biên sử mà cha đã được ủy thác;
- 2 Và cha cũng truyền lệnh cho con phải lưu giữ biên sử của dân này, theo như cha đã làm, trên các bảng khắc Nê Phi, và gìn giữ tất cả những vật thiêng liêng này như cha đã gìn giữ nó; vì đó là một mục đích thông sáng để cho các vật này cần phải được gìn giữ.
- 3 Và những bảng khắc bằng đồng này, trên có ghi khắc những văn kiện về thánh thư và gia phả của tổ tiên chúng ta ngay từ lúc ban đầu—
- 4 Nay, tổ phụ chúng ta đã tiên tri rằng, những bảng khắc này sẽ phải được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, và sẽ được bàn tay của Chúa gìn giữ và bảo tồn cho đến khi nó được đem ra truyền bá khắp mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc, để cho họ cũng biết được những điều kín nhiệm chứa đựng trên đó.
- 5 Và giờ đây này, nếu nó được gìn giữ thì nó phải giữ được nguyên vẻ sáng loáng của nó; phải, và nó sẽ giữ được nguyên vẻ sáng loáng của nó; phải, và luôn tất cả những bảng khắc mà có chứa đựng lời thánh thư cũng vậy.
- 6 Giờ đây con có thể cho rằng đó là điều điên rồ của cha; nhưng này, cha nói cho con hay rằng, chính do những chuyện nhỏ nhặt tầm thường mà những chuyện lớn mới thành được; và trong nhiều trường hợp, chính những phương tiện nhỏ bé làm bối rối kẻ khôn ngoan.
- 7 Và Đức Chúa Trời đã dùng những phương tiện đó để thực hiện các mục đích vĩ đại và vĩnh cửu của Ngài; và cũng chính với những phương tiện hết sức nhỏ bé ấy mà Chúa đã làm bối rối kẻ khôn ngoan và đem lại sự cứu rỗi cho biết bao linh hồn.
- 8 Và giờ đây, chính cũng nhờ sự thông sáng của Thượng Đế mà các vật này cần phải được bảo tồn; vì này, nó đã mở rộng trí nhớ của dân này, phải, và nó đã thuyết phục được nhiều người biết sự sai lầm trong đường lối của mình, và còn đưa họ tới sự hiểu biết về Thượng Đế của họ để dẫn dắt tới sự cứu rỗi cho linh hồn mình.

## Alma 37

And now, my son Helaman, I command you that ye take the records which have been entrusted with me;

And I also command you that ye keep a record of this people, according as I have done, upon the plates of Nephi, and keep all these things sacred which I have kept, even as I have kept them; for it is for a wise purpose that they are kept.

And these plates of brass, which contain these engravings, which have the records of the holy scriptures upon them, which have the genealogy of our forefathers, even from the beginning—

Behold, it has been prophesied by our fathers, that they should be kept and handed down from one generation to another, and be kept and preserved by the hand of the Lord until they should go forth unto every nation, kindred, tongue, and people, that they shall know of the mysteries contained thereon.

And now behold, if they are kept they must retain their brightness; yea, and they will retain their brightness; yea, and also shall all the plates which do contain that which is holy writ.

Now ye may suppose that this is foolishness in me; but behold I say unto you, that by small and simple things are great things brought to pass; and small means in many instances doth confound the wise.

And the Lord God doth work by means to bring about his great and eternal purposes; and by very small means the Lord doth confound the wise and bringeth about the salvation of many souls.

And now, it has hitherto been wisdom in God that these things should be preserved; for behold, they have enlarged the memory of this people, yea, and convinced many of the error of their ways, and brought them to the knowledge of their God unto the salvation of their souls.

- 9 Phải, cha nói cho con hay, nếu không có những điều đó ghi trong các biên sử này, nằm trên các bảng khắc này, thì Am Môn và các anh em của ông đã không thể thuyết phục được hàng ngàn dân La Man biết được các truyền thống sai lầm của tổ phụ họ; phải, các biên sử này và các lời giảng dạy trong đó đã dẫn dắt họ tới sự hối cải; như vậy có nghĩa là, các biên sử này đã dẫn dắt họ tới sự hiểu biết về Chúa, Thượng Đế của họ, và vui mừng trong Chúa Giê Su Kỵ Tô, Đấng Cứu Chuộc của họ.
- 10 Và có ai biết rằng các biên sử này sẽ là phương tiện để dẫn dắt hàng ngàn người La Man, phải, và luôn cả hàng ngàn đồng bào Nê Phi cứng cổ của chúng ta, là những kẻ hiện giờ đang chai đá trong lòng với những tội lỗi và điều bất chính của mình, tới sự hiểu biết về Đấng Cứu Chuộc của họ không?
- 11 Giờ đây những điều kín nhiệm này chưa được tiết lộ rõ ràng cho cha biết; vậy nên cha sẽ phải nhẫn nại.
- 12 Và cha chỉ cần nói rằng, các vật đó cần phải được bảo tồn cho một mục đích thông sáng là đủ rồi, và mục đích ấy được Thượng Đế biết tới; vì Ngài từng dùng sự thông sáng mà khuyên dạy về tất cả các công việc của Ngài, và lối đi của Ngài ngay thẳng, và lộ trình của Ngài là một vòng tròn vĩnh cửu.
- 13 Ôi, hãy ghi nhớ, hãy ghi nhớ, hỡi con trai Hê La Man của cha, các lệnh truyền của Thượng Đế thật nghiêm nhặt biết bao. Và Ngài đã phán rằng: Nếu các người tuân giữ các lệnh truyền của ta thì các người sẽ được thịnh vượng trong xứ—còn nếu các người không chịu tuân giữ các lệnh truyền của Ngài thì các người sẽ bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Ngài.
- 14 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, hãy nhớ rằng Thượng Đế đã ủy thác những vật thiêng liêng này cho con, những vật mà Ngài đã gìn giữ thiêng liêng, và Ngài cũng sẽ gìn giữ và bảo tồn nó cho một mục đích thông sáng của Ngài, ngõ hầu Ngài có thể tỏ cho các thế hệ tương lai thấy quyền năng của Ngài.

Yea, I say unto you, were it not for these things that these records do contain, which are on these plates, Ammon and his brethren could not have convinced so many thousands of the Lamanites of the incorrect tradition of their fathers; yea, these records and their words brought them unto repentance; that is, they brought them to the knowledge of the Lord their God, and to rejoice in Jesus Christ their Redeemer.

And who knoweth but what they will be the means of bringing many thousands of them, yea, and also many thousands of our stiffnecked brethren, the Nephites, who are now hardening their hearts in sin and iniquities, to the knowledge of their Redeemer?

Now these mysteries are not yet fully made known unto me; therefore I shall forbear.

And it may suffice if I only say they are preserved for a wise purpose, which purpose is known unto God; for he doth counsel in wisdom over all his works, and his paths are straight, and his course is one eternal round.

O remember, remember, my son Helaman, how strict are the commandments of God. And he said: If ye will keep my commandments ye shall prosper in the land—but if ye keep not his commandments ye shall be cut off from his presence.

And now remember, my son, that God has entrusted you with these things, which are sacred, which he has kept sacred, and also which he will keep and preserve for a wise purpose in him, that he may show forth his power unto future generations.



- 15 Và giờ đây, này, cha nói với con bằng tinh thần tiên tri rằng, nếu con vi phạm các lệnh truyền của Thượng Đế, thì này, những vật thiêng liêng này sẽ bị cất khỏi con bởi quyền năng của Thượng Đế, và con sẽ bị trao cho Sa Tan để nó sàng con như trấu trước gió vậy.
- 16 Nhưng nếu con tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế, và sử dụng những vật thiêng liêng này theo đúng những gì Chúa truyền dạy con, (vì con cần phải thính ý Chúa về tất cả mọi điều gì mà con phải làm với những vật này) thì này, không có một quyền lực nào trên thế gian hay ngục giới có thể lấy những vật này khỏi con, vì Thượng Đế có quyền năng để thực hiện tất cả những lời nói của Ngài.
- 17 Vì Ngài sẽ làm tròn tất cả những lời mà Ngài sẽ hứa với con vì Ngài đã làm tròn những lời mà Ngài đã hứa với tổ phụ chúng ta.
- 18 Vì Ngài đã hứa với họ rằng Ngài sẽ bảo tồn những vật này cho mục đích thông sáng của Ngài, để Ngài có thể tỏ cho các thế hệ tương lai thấy quyền năng của Ngài.
- 19 Và giờ đây này, Ngài đã thực hiện xong một mục đích, đó là việc đưa biết bao ngàn dân La Man trở lại sự hiểu biết lẽ thật; và Ngài đã cho họ thấy quyền năng của Ngài trong những vật này, và Ngài còn cho thấy quyền năng của Ngài trong những vật này cho các thế hệ tương lai nữa; vậy nên những vật này sẽ được bảo tồn.
- 20 Vậy nên, hỡi con trai Hê La Man của cha, cha truyền lệnh cho con hãy chuyên tâm làm tròn các lời cha dặn, và con phải chuyên tâm tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế như đã ghi chép.
- 21 Và giờ đây, cha sẽ nói cho con biết về hai mươi bốn bảng khắc mà con phải cất giữ, để cho những điều bí ẩn, những việc làm trong bóng tối và những việc làm bí mật của họ, hay những việc làm bí mật của những kẻ đã bị hủy diệt, có thể được tiết lộ cho dân này biết; phải, tất cả những chuyện sát nhân, trộm cắp, cướp bóc, cùng tất cả những điều tà ác và khả ố của họ sẽ được tiết lộ cho dân này biết; phải, và con phải bảo tồn những dụng cụ phiên dịch này.

And now behold, I tell you by the spirit of prophecy, that if ye transgress the commandments of God, behold, these things which are sacred shall be taken away from you by the power of God, and ye shall be delivered up unto Satan, that he may sift you as chaff before the wind.

But if ye keep the commandments of God, and do with these things which are sacred according to that which the Lord doth command you, (for you must appeal unto the Lord for all things whatsoever ye must do with them) behold, no power of earth or hell can take them from you, for God is powerful to the fulfilling of all his words.

For he will fulfil all his promises which he shall make unto you, for he has fulfilled his promises which he has made unto our fathers.

For he promised unto them that he would preserve these things for a wise purpose in him, that he might show forth his power unto future generations.

And now behold, one purpose hath he fulfilled, even to the restoration of many thousands of the Lamanites to the knowledge of the truth; and he hath shown forth his power in them, and he will also still show forth his power in them unto future generations; therefore they shall be preserved.

Therefore I command you, my son Helaman, that ye be diligent in fulfilling all my words, and that ye be diligent in keeping the commandments of God as they are written.

And now, I will speak unto you concerning those twenty-four plates, that ye keep them, that the mysteries and the works of darkness, and their secret works, or the secret works of those people who have been destroyed, may be made manifest unto this people; yea, all their murders, and robberings, and their plunderings, and all their wickedness and abominations, may be made manifest unto this people; yea, and that ye preserve these interpreters.

22 Vì này, Chúa thấy rằng dân của Ngài đã bắt đầu có những hành vi trong bóng tối, phải, những hành vi bí mật sát nhân và khả ố; vậy nên Chúa có phán rằng, nếu chúng không hối cải thì chúng sẽ bị hủy diệt khỏi mặt đất này.

23 Và Chúa có phán bảo: Ta sẽ sắm sẵn cho tôi tớ Ga Giê Lem của ta một viên đá, viên đá này sẽ chiếu rọi chỗ tối tăm thành nơi sáng sủa, để ta có thể phơi bày cho dân ta là những người phục vụ ta, để ta có thể phơi bày cho họ thấy được những việc làm của đồng bào họ, phải, những việc làm bí mật, những việc làm trong bóng tối, và những điều tà ác và khả ố của những kẻ ấy.

24 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, những dụng cụ phiên dịch này được sửa soạn sẵn để cho lời của Thượng Đế được ứng nghiệm, là lời mà Ngài đã phán rằng:

25 Ta sẽ đem từ trong bóng tối ra ánh sáng tất cả những việc làm bí mật và khả ố của chúng; và nếu chúng không hối cải, ta sẽ hủy diệt chúng khỏi mặt đất này; và ta sẽ đem ra ánh sáng tất cả những việc làm bí mật và khả ố của chúng, để cho mọi dân tộc nào chiếm hữu xứ này từ nay về sau được biết tới.

26 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, chúng ta thấy rằng họ không hối cải, vậy nên, họ đã bị hủy diệt, và như vậy là lời của Thượng Đế đã được ứng nghiệm; phải, và những hành vi khả ố bí mật của họ đã được đem ra khỏi bóng tối cho chúng ta biết.

27 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha truyền lệnh cho con phải giữ lại tất cả những lời thề nguyện, những giao ước, và những thỏa hiệp trong những hành vi khả ố bí mật của họ; phải, và con cũng phải che giấu khỏi dân này tất cả những điềm triệu và những việc kỳ diệu của họ, để cho họ không biết được, vì e rằng có thể họ cũng sẽ rơi vào bóng tối và bị hủy diệt luôn.

28 Vì này, có một sự rủa sả trên khắp xứ này, đó là sự hủy diệt sẽ giáng xuống tất cả những kẻ có hành vi trong bóng tối thể theo quyền năng của Thượng Đế, khi nào chúng đã chín muồi; vậy nên cha mong rằng, dân này sẽ không bị hủy diệt.

For behold, the Lord saw that his people began to work in darkness, yea, work secret murders and abominations; therefore the Lord said, if they did not repent they should be destroyed from off the face of the earth.

And the Lord said: I will prepare unto my servant Gazelem, a stone, which shall shine forth in darkness unto light, that I may discover unto my people who serve me, that I may discover unto them the works of their brethren, yea, their secret works, their works of darkness, and their wickedness and abominations.

And now, my son, these interpreters were prepared that the word of God might be fulfilled, which he spake, saying:

I will bring forth out of darkness unto light all their secret works and their abominations; and except they repent I will destroy them from off the face of the earth; and I will bring to light all their secrets and abominations, unto every nation that shall hereafter possess the land.

And now, my son, we see that they did not repent; therefore they have been destroyed, and thus far the word of God has been fulfilled; yea, their secret abominations have been brought out of darkness and made known unto us.

And now, my son, I command you that ye retain all their oaths, and their covenants, and their agreements in their secret abominations; yea, and all their signs and their wonders ye shall keep from this people, that they know them not, lest peradventure they should fall into darkness also and be destroyed.

For behold, there is a curse upon all this land, that destruction shall come upon all those workers of darkness, according to the power of God, when they are fully ripe; therefore I desire that this people might not be destroyed.

29 Vậy nên con phải che giấu khỏi dân này những kế hoạch bí mật về những lời thề nguyện và những giao ước của chúng, và con chỉ cho họ biết về sự tà ác, sát nhân, và các điều khả ố của chúng mà thôi; và con phải giảng dạy cho họ biết ghê tởm những điều tà ác, khả ố và sát nhân như thế; và con cũng phải giảng dạy cho họ biết rằng, những kẻ đó đã bị hủy diệt vì sự tà ác, khả ố và sát nhân của chúng.

30 Vì này, chúng đã giết hại tất cả các tiên tri của Chúa là những vị đã đến ở giữa chúng và rao truyền cho chúng biết về những điều bất chính của chúng; và máu của những người bị chúng sát hại đã kêu gào lên tận Chúa, Thượng Đế của họ, để xin được trả thù những kẻ đã giết chết họ; và do đó mà sự đoán phạt của Thượng Đế đã giáng xuống những kẻ có hành vi trong bóng tối và những tập đoàn bí mật này.

31 Phải, và xứ sở của những kẻ có hành vi trong bóng tối và những tập đoàn bí mật đó sẽ bị rửa sạch mãi mãi và đời đời cho đến khi bị hủy diệt, trừ phi chúng hối cải trước khi chúng đã chín muồi.

32 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, hãy ghi nhớ những lời cha đã nói với con; chớ tiết lộ những kế hoạch bí mật ấy cho dân này biết, mà phải giảng dạy cho họ biết vĩnh viễn thù ghét tội lỗi và điều bất chính.

33 Hãy thuyết giảng cho họ biết hối cải và có đức tin nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô; hãy dạy họ biết hạ mình, nhu mì và khiêm tốn trong lòng; hãy dạy họ biết chống lại mọi cám dỗ của quỷ dữ, với đức tin của họ nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô.

34 Hãy dạy họ đừng bao giờ mệt mỏi khi làm điều thiện, mà phải nhu mì và khiêm tốn trong lòng; vì người nào làm được vậy sẽ tìm thấy được sự an nghỉ cho linh hồn mình.

35 Ôi, hãy ghi nhớ, hỡi con trai của cha, hãy học sự thông sáng trong tuổi thanh xuân của con; phải, hãy học tập tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế trong tuổi thanh xuân của mình.

Therefore ye shall keep these secret plans of their oaths and their covenants from this people, and only their wickedness and their murders and their abominations shall ye make known unto them; and ye shall teach them to abhor such wickedness and abominations and murders; and ye shall also teach them that these people were destroyed on account of their wickedness and abominations and their murders.

For behold, they murdered all the prophets of the Lord who came among them to declare unto them concerning their iniquities; and the blood of those whom they murdered did cry unto the Lord their God for vengeance upon those who were their murderers; and thus the judgments of God did come upon these workers of darkness and secret combinations.

Yea, and cursed be the land forever and ever unto those workers of darkness and secret combinations, even unto destruction, except they repent before they are fully ripe.

And now, my son, remember the words which I have spoken unto you; trust not those secret plans unto this people, but teach them an everlasting hatred against sin and iniquity.

Preach unto them repentance, and faith on the Lord Jesus Christ; teach them to humble themselves and to be meek and lowly in heart; teach them to withstand every temptation of the devil, with their faith on the Lord Jesus Christ.

Teach them to never be weary of good works, but to be meek and lowly in heart; for such shall find rest to their souls.

O, remember, my son, and learn wisdom in thy youth; yea, learn in thy youth to keep the commandments of God.

36 Phải, và hãy kêu cầu Thượng Đế trong mọi sự nương cậy của con; phải, hãy làm mọi việc trong Chúa, và bất cứ nơi nào con đi, hãy đi trong Chúa; phải, hãy đưa ý nghĩ của con hướng về Chúa; phải, hãy đặt mọi sự thương mến trong lòng con vào Chúa mãi mãi.

37 Hãy hội ý với Chúa trong mọi việc làm của mình, và Ngài sẽ hướng dẫn con đến điều thiện; phải, khi đêm đến, con nằm xuống, hãy nằm xuống trong Chúa, để Ngài chăm sóc con trong giấc ngủ của con. Khi sáng thức dậy, con hãy để lòng mình tràn đầy lời tạ ơn Thượng Đế; và nếu con làm được như vậy, thì con sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng.

38 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha phải nói đôi lời về một vật mà tổ phụ chúng ta gọi là quả cầu, hay vật chỉ hướng—hay tổ phụ chúng ta gọi vật ấy là Li A Hô Na, có nghĩa là địa bàn; và Chúa đã sửa soạn sẵn vật ấy.

39 Và này, không có một người nào có thể làm ra được một vật lạ lùng như vậy. Và này, nó đã được làm ra sẵn để chỉ cho tổ phụ chúng ta biết lộ trình mà họ phải đi trong vùng hoang dã.

40 Và nó đã hoạt động tùy theo đức tin của họ nơi Thượng Đế; vậy nên, khi nào họ có đức tin để tin rằng Thượng Đế sẽ làm cho các kim của nó chỉ hướng cho họ đi, này, việc đó đã được thực hiện; vậy nên họ đã có được phép lạ này, và còn có được nhiều phép lạ khác do quyền năng của Thượng Đế đem lại, lần lượt ngày này qua ngày khác.

41 Tuy nhiên, vì những phép lạ đó đã được thực hiện bằng những phương tiện nhỏ bé, nên nó đã cho họ thấy những việc làm kỳ diệu. Họ trở nên biếng nhác và quên thực hành đức tin và sự chuyên tâm của mình, nên những việc làm kỳ diệu đó đã ngưng hoạt động, và họ không thể tiến thêm trong cuộc hành trình của họ được;

42 Vậy nên họ phải lưu lại trong vùng hoang dã, hay không biết đi theo lộ trình thẳng, và bị khốn khổ vì đói khát, bởi sự phạm giới của họ.

Yea, and cry unto God for all thy support; yea, let all thy doings be unto the Lord, and whithersoever thou goest let it be in the Lord; yea, let all thy thoughts be directed unto the Lord; yea, let the affections of thy heart be placed upon the Lord forever.

Counsel with the Lord in all thy doings, and he will direct thee for good; yea, when thou liest down at night lie down unto the Lord, that he may watch over you in your sleep; and when thou risest in the morning let thy heart be full of thanks unto God; and if ye do these things, ye shall be lifted up at the last day.

And now, my son, I have somewhat to say concerning the thing which our fathers call a ball, or director—or our fathers called it Liahona, which is, being interpreted, a compass; and the Lord prepared it.

And behold, there cannot any man work after the manner of so curious a workmanship. And behold, it was prepared to show unto our fathers the course which they should travel in the wilderness.

And it did work for them according to their faith in God; therefore, if they had faith to believe that God could cause that those spindles should point the way they should go, behold, it was done; therefore they had this miracle, and also many other miracles wrought by the power of God, day by day.

Nevertheless, because those miracles were worked by small means it did show unto them marvelous works. They were slothful, and forgot to exercise their faith and diligence and then those marvelous works ceased, and they did not progress in their journey;

Therefore, they tarried in the wilderness, or did not travel a direct course, and were afflicted with hunger and thirst, because of their transgressions.

43 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha mong con hãy hiểu rằng, những vật này không phải là không có một ngụ ý gì; vì giống như khi tổ phụ chúng ta biếng nhác đã không chú tâm đến địa bàn này (những vật này có tính cách thể tục) họ đã không thịnh vượng được; thì đối với những sự việc thuộc linh cũng giống như vậy.

44 Vì này, việc chú tâm đến lời của Đấng Ky Tô là lời sẽ dẫn dắt chúng ta đi vào lộ trình thẳng để đến hạnh phúc vĩnh cửu, thì cũng dễ dàng như việc tổ phụ chúng ta phải chú tâm đến địa bàn này, là vật đã dẫn dắt họ đi vào lộ trình thẳng dẫn đến vùng đất hứa vậy.

45 Và giờ đây cha hỏi, như vậy không phải là có một biểu tượng trong điều này hay sao? Vì cũng chắc chắn như vật chỉ hướng ấy đã hướng dẫn các tổ phụ chúng ta bằng cách đi theo lộ trình của nó, đến được vùng đất hứa, thì những lời của Đấng Ky Tô cũng vậy, nếu chúng ta biết đi theo lộ trình của lời ấy, nó sẽ hướng dẫn chúng ta ra khỏi thung lũng đau thương để đến được vùng đất hứa muôn phần tốt đẹp hơn.

46 Hỡi con trai của cha, con chớ để mình trở nên biếng nhác vì đường đi dễ; vì việc đó đã xảy ra cho các tổ phụ chúng ta như vậy rồi; vì nó đã được chuẩn bị sẵn cho họ như vậy, để nếu họ chịu nhìn đến là họ có thể sống được; và nay đối với chúng ta cũng vậy. Đường lối đã chuẩn bị sẵn và nếu chúng ta chịu nhìn là chúng ta sẽ sống mãi mãi.

47 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, con hãy để tâm chăm sóc những vật thiêng liêng này; phải, con hãy chú tâm hướng về Thượng Đế để sống. Hãy đi đến với dân này và rao truyền lời của Thượng Đế, và hãy thận trọng. Hỡi con trai của cha, vĩnh biệt con.

And now, my son, I would that ye should understand that these things are not without a shadow; for as our fathers were slothful to give heed to this compass (now these things were temporal) they did not prosper; even so it is with things which are spiritual.

For behold, it is as easy to give heed to the word of Christ, which will point to you a straight course to eternal bliss, as it was for our fathers to give heed to this compass, which would point unto them a straight course to the promised land.

And now I say, is there not a type in this thing? For just as surely as this director did bring our fathers, by following its course, to the promised land, shall the words of Christ, if we follow their course, carry us beyond this vale of sorrow into a far better land of promise.

O my son, do not let us be slothful because of the easiness of the way; for so was it with our fathers; for so was it prepared for them, that if they would look they might live; even so it is with us. The way is prepared, and if we will look we may live forever.

And now, my son, see that ye take care of these sacred things, yea, see that ye look to God and live. Go unto this people and declare the word, and be sober. My son, farewell.

Những lệnh truyền của An Ma cho con trai ông là Síp Lân.

The commandments of Alma to his son Shiblon.

## An Ma 38

- 1 Hỡi con trai của cha, hãy lắng tai nghe lời của cha, vì cha nói cho con hay như cha đã nói cho Hê La Man hay: Chừng nào con còn tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế thì con sẽ được thịnh vượng trong xứ; và chừng nào con không còn tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế thì con sẽ bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Ngài.
- 2 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha tin rằng cha sẽ có được sự vui mừng lớn lao nơi con, vì sự vững vàng và lòng thành tín của con nơi Thượng Đế; vì từ thuở thanh xuân con đã biết hướng về Chúa, Thượng Đế của con, do đó cha hy vọng con sẽ tiếp tục tuân giữ các lệnh truyền của Ngài; vì phước thay cho kẻ biết kiên trì đến cùng.
- 3 Hỡi con trai của cha, cha nói cho con hay, cha đã có được sự vui mừng lớn lao nơi con vì lòng thành tín, sự chuyên tâm, lòng kiên nhẫn, và sự nhịn nhục của con đối với dân Giô Ram.
- 4 Vì cha biết rằng con đã từng bị trói buộc; phải, và cha cũng biết rằng, con đã từng bị ném đá vì lời của Thượng Đế; và con đã kiên nhẫn chịu đựng tất cả những điều đó vì Chúa đã ở cùng con; và giờ đây con biết rằng Chúa đã giải thoát con.
- 5 Và giờ đây, hỡi Síp Lân, con trai của cha, cha muốn con ghi nhớ rằng, chừng nào con còn đặt sự tin cậy vào Thượng Đế, thì con sẽ được giải thoát khỏi những thử thách, những khó khăn và những nỗi đau buồn của con, và con sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng.
- 6 Giờ đây, hỡi con trai của cha, cha không muốn con nghĩ rằng cha đã tự biết được những điều này, mà chính là nhờ Thánh Linh của Thượng Đế hằng có ở trong cha đã tiết lộ những điều này cho cha biết; vì nếu cha không được Thượng Đế sinh ra thì làm sao cha biết được những điều này.

## Alma 38

My son, give ear to my words, for I say unto you, even as I said unto Helaman, that inasmuch as ye shall keep the commandments of God ye shall prosper in the land; and inasmuch as ye will not keep the commandments of God ye shall be cut off from his presence.

And now, my son, I trust that I shall have great joy in you, because of your steadiness and your faithfulness unto God; for as you have commenced in your youth to look to the Lord your God, even so I hope that you will continue in keeping his commandments; for blessed is he that endureth to the end.

I say unto you, my son, that I have had great joy in thee already, because of thy faithfulness and thy diligence, and thy patience and thy long-suffering among the people of the Zoramites.

For I know that thou wast in bonds; yea, and I also know that thou wast stoned for the word's sake; and thou didst bear all these things with patience because the Lord was with thee; and now thou knowest that the Lord did deliver thee.

And now my son, Shiblon, I would that ye should remember, that as much as ye shall put your trust in God even so much ye shall be delivered out of your trials, and your troubles, and your afflictions, and ye shall be lifted up at the last day.

Now, my son, I would not that ye should think that I know these things of myself, but it is the Spirit of God which is in me which maketh these things known unto me; for if I had not been born of God I should not have known these things.

- 7 Nhưng này, với lòng thương xót bao la của Ngài, Chúa đã sai thiên sứ xuống truyền lệnh cho cha rằng, cha phải ngưng ngay công việc hủy diệt dân Ngài; phải, và cha đã trông thấy một thiên sứ, mặt đối mặt, và vị ấy đã nói với cha, và giọng nói của vị ấy vang to như sấm, và nó làm rung chuyển cả mặt đất.
- 8 Và chuyện rằng, cha phải trải qua ba ngày ba đêm trong nỗi đau đớn đắng cay và lo âu nhất trong tâm hồn; cho đến khi cha kêu cầu Chúa Giê Su Kỵ Tô thương xót cha, nếu không thì chẳng bao giờ cha được xá miễn tội lỗi. Nhưng này, cha đã khẩn cầu Ngài, và cha đã tìm được sự bình an cho linh hồn cha.
- 9 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha nói điều này cho con nghe là để con học hỏi sự khôn ngoan, để con học được ở cha rằng, chẳng có đường lối hay phương tiện nào khác mà nhờ đó loài người có thể được cứu, chỉ ở trong và qua Đấng Kỵ Tô mà thôi. Này, Ngài là sự sống và là sự sáng của thế gian. Này, Ngài là lời nói của lẽ thật và sự ngay chính.
- 10 Và giờ đây, vì con đã bắt đầu giảng dạy lời của Thượng Đế, nên cha mong rằng con sẽ còn tiếp tục giảng dạy; và cha mong rằng, con sẽ chuyên tâm và ôn hòa trong mọi việc.
- 11 Con hãy lưu ý đừng dương dương tự đắc; phải, hãy lưu ý đừng khoe khoang sự khôn ngoan và sức mạnh của mình.
- 12 Hãy tỏ lòng can đảm nhưng đừng hống hách, và hãy lưu ý kiềm chế mọi dục vọng của mình, để cho con được tràn đầy tình thương. Hãy lưu ý đừng để trở nên biếng nhác.
- 13 Chớ nên cầu nguyện theo kiểu dân Giô Ram, vì con đã thấy rằng, họ cầu nguyện cho người thế gian nghe, và để được khen ngợi về sự khôn ngoan của họ.
- 14 Chớ nói rằng: Hỡi Thượng Đế, con tạ ơn Ngài vì chúng con tốt hơn đồng bào của chúng con; nhưng con phải nói rằng: Hỡi Chúa, xin Ngài tha thứ cho sự không xứng đáng của con, và xin Ngài hãy nhớ đến đồng bào của con với lòng thương xót của Ngài—Phải, con hãy luôn luôn thú nhận trước Thượng Đế sự không xứng đáng của mình.

But behold, the Lord in his great mercy sent his angel to declare unto me that I must stop the work of destruction among his people; yea, and I have seen an angel face to face, and he spake with me, and his voice was as thunder, and it shook the whole earth.

And it came to pass that I was three days and three nights in the most bitter pain and anguish of soul; and never, until I did cry out unto the Lord Jesus Christ for mercy, did I receive a remission of my sins. But behold, I did cry unto him and I did find peace to my soul.

And now, my son, I have told you this that ye may learn wisdom, that ye may learn of me that there is no other way or means whereby man can be saved, only in and through Christ. Behold, he is the life and the light of the world. Behold, he is the word of truth and righteousness.

And now, as ye have begun to teach the word even so I would that ye should continue to teach; and I would that ye would be diligent and temperate in all things.

See that ye are not lifted up unto pride; yea, see that ye do not boast in your own wisdom, nor of your much strength.

Use boldness, but not overbearance; and also see that ye bridle all your passions, that ye may be filled with love; see that ye refrain from idleness.

Do not pray as the Zoramites do, for ye have seen that they pray to be heard of men, and to be praised for their wisdom.

Do not say: O God, I thank thee that we are better than our brethren; but rather say: O Lord, forgive my unworthiness, and remember my brethren in mercy—yea, acknowledge your unworthiness before God at all times.

15      Và cầu xin Chúa ban phước cho linh hồn con, và  
thu nhận con vào vương quốc của Ngài vào ngày  
sau cùng, để con được ngồi xuống trong sự bình an.  
Giờ đây, hỡi con trai của cha, hãy đi giảng dạy lời  
của Thượng Đế cho dân này. Hãy thận trọng. Hỡi  
con trai của cha, vĩnh biệt con.

And may the Lord bless your soul, and receive  
you at the last day into his kingdom, to sit down in  
peace. Now go, my son, and teach the word unto  
this people. Be sober. My son, farewell.



Những lệnh truyền của An Ma cho con trai ông là Cô Ri An Tôn.

The commandments of Alma to his son Corianton.

## An Ma 39

- 1 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha có một vài điều nữa muốn nói với con ngoài những điều cha đã nói với anh con; vì này, con không để ý đến sự vững vàng, lòng thành tín và sự chuyên tâm của anh con trong việc tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế sao? Này, anh con không phải đã nêu lên một gương tốt cho con sao?
- 2 Vì con không để tâm nghe những lời răn dạy của cha như anh con khi ở với dân Giô Ram. Này, đây chính là điều mà cha khiển trách con; con đã lên mặt khoe khoang về sức mạnh và sự khôn ngoan của mình.
- 3 Và như vậy chưa phải là hết, hỡi con trai của cha. Con đã làm nhiều điều khiến lòng cha phải phiền muộn; vì con đã từ bỏ giáo vụ và đi vào đất Si Rôn, giữa các vùng biên giới của dân La Man để theo đuổi gái điếm Y Sa Ben.
- 4 Phải, gái điếm ấy đã chiếm mất trái tim của nhiều người; nhưng đó không phải là một lý do để bào chữa cho mình, hỡi con trai của cha. Lẽ ra con phải làm tròn giáo vụ mà con đã được giao phó.
- 5 Hỡi con trai của cha, con không biết rằng đó là điều khả ố trước mặt Chúa hay sao? Phải, đó là điều khả ố hơn hết mọi tội lỗi khác, ngoại trừ tội làm đổ máu người vô tội hay tội chối bỏ Đức Thánh Linh.
- 6 Vì này, nếu con chối bỏ Đức Thánh Linh khi mà Ngài đã từng ở trong con, và con biết rằng con chối bỏ Ngài, này, đó là một tội lỗi không thể nào tha thứ được; phải, và kẻ nào sát nhân sau khi đã nhận được sự sáng và sự hiểu biết về Thượng Đế, thì chẳng dễ gì cho kẻ ấy nhận được sự tha thứ; phải, cha nói cho con hay, chẳng dễ gì cho kẻ ấy nhận được sự tha thứ đâu.
- 7 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha hằng cầu mong Thượng Đế rằng con đã không phạm tội tày đình ấy. Lẽ ra cha không nên nói nhiều về những tội ác của con, khiến con phải rầy rứt trong tâm hồn, nếu đó không phải là vì lợi ích của con.

## Alma 39

And now, my son, I have somewhat more to say unto thee than what I said unto thy brother; for behold, have ye not observed the steadiness of thy brother, his faithfulness, and his diligence in keeping the commandments of God? Behold, has he not set a good example for thee?

For thou didst not give so much heed unto my words as did thy brother, among the people of the Zoramites. Now this is what I have against thee; thou didst go on unto boasting in thy strength and thy wisdom.

And this is not all, my son. Thou didst do that which was grievous unto me; for thou didst forsake the ministry, and did go over into the land of Siron among the borders of the Lamanites, after the harlot Isabel.

Yea, she did steal away the hearts of many; but this was no excuse for thee, my son. Thou shouldst have tended to the ministry wherewith thou wast entrusted.

Know ye not, my son, that these things are an abomination in the sight of the Lord; yea, most abominable above all sins save it be the shedding of innocent blood or denying the Holy Ghost?

For behold, if ye deny the Holy Ghost when it once has had place in you, and ye know that ye deny it, behold, this is a sin which is unpardonable; yea, and whosoever murdereth against the light and knowledge of God, it is not easy for him to obtain forgiveness; yea, I say unto you, my son, that it is not easy for him to obtain a forgiveness.

And now, my son, I would to God that ye had not been guilty of so great a crime. I would not dwell upon your crimes, to harrow up your soul, if it were not for your good.

8 Nhưng này, con không thể che giấu Thượng Đế những tội ác của mình được; và nếu con không hối cải, những tội ác đó sẽ là một bằng chứng chống lại con vào ngày sau cùng.

9 Giờ đây, hỡi con trai của cha, cha mong rằng con hãy hối cải và từ bỏ các tội lỗi của mình, và chớ đi theo sự thèm khát của mắt mình nữa, mà phải tránh xa tất cả những điều này; vì nếu con không làm như vậy thì chẳng còn cách nào khác để con được thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế. Con hỡi, hãy ghi nhớ, và hãy đảm nhận việc ấy, và tránh xa những điều này.

10 Và cha truyền lệnh cho con phải nhớ vắn ý với các anh con trong mọi hành động của con; vì này, con còn trẻ người non dạ, và con phải cần được các anh con dưỡng dục, vậy con phải chú tâm đến những lời khuyên răn của các anh con.

11 Chớ để cho những điều vô bổ và điên rồ lôi cuốn mình. Chớ để cho quỷ dữ hướng dẫn lòng mình đi theo các gái điếm tà ác ấy nữa. Này, hỡi con trai của cha, con đã đem lại cho người dân Giô Ram này một sự bất chính lớn lao xiết bao; vì khi họ nhìn thấy phẩm hạnh của con thì họ không còn muốn tin theo lời của cha nữa.

12 Và giờ đây, Thánh Linh của Chúa phán cùng cha rằng: Hãy truyền lệnh cho các con người làm điều thiện, nếu không chúng sẽ dẫn dắt trái tim nhiều người đến sự hủy diệt; vậy nên, vì lòng kính sợ Thượng Đế, cha truyền lệnh cho con, hỡi con trai của cha, con hãy dẫn lại những điều bất chính của mình;

13 Để quay về với Chúa với tất cả tâm trí, năng lực, và sức mạnh của mình; để con không còn dẫn dắt trái tim của những người khác làm điều tà ác nữa, mà trái lại, con phải trở lại với họ và thú nhận những điều sai quấy và những lỗi lầm mà con đã làm.

14 Chớ nên tìm kiếm của cải hay những điều phù phiếm của thế gian; vì này, con không thể đem những thứ đó theo con được.

15 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha nói cho con biết vài điều về sự hiện đến của Đấng Ky Tô. Này, cha nói cho con biết rằng, chắc chắn Ngài sẽ đến để cất bỏ tội lỗi của thế gian; phải, Ngài sẽ đến để rao truyền cho dân Ngài biết tin lành về sự cứu rỗi.

But behold, ye cannot hide your crimes from God; and except ye repent they will stand as a testimony against you at the last day.

Now my son, I would that ye should repent and forsake your sins, and go no more after the lusts of your eyes, but cross yourself in all these things; for except ye do this ye can in nowise inherit the kingdom of God. Oh, remember, and take it upon you, and cross yourself in these things.

And I command you to take it upon you to counsel with your elder brothers in your undertakings; for behold, thou art in thy youth, and ye stand in need to be nourished by your brothers. And give heed to their counsel.

Suffer not yourself to be led away by any vain or foolish thing; suffer not the devil to lead away your heart again after those wicked harlots. Behold, O my son, how great iniquity ye brought upon the Zoramites; for when they saw your conduct they would not believe in my words.

And now the Spirit of the Lord doth say unto me: Command thy children to do good, lest they lead away the hearts of many people to destruction; therefore I command you, my son, in the fear of God, that ye refrain from your iniquities;

That ye turn to the Lord with all your mind, might, and strength; that ye lead away the hearts of no more to do wickedly; but rather return unto them, and acknowledge your faults and that wrong which ye have done.

Seek not after riches nor the vain things of this world; for behold, you cannot carry them with you.

And now, my son, I would say somewhat unto you concerning the coming of Christ. Behold, I say unto you, that it is he that surely shall come to take away the sins of the world; yea, he cometh to declare glad tidings of salvation unto his people.

- 16 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, đó là giáo vụ mà con được kêu gọi để đi rao truyền tin lành đó cho dân này, để chuẩn bị tinh thần của họ; hay nói khác hơn, để cho sự cứu rỗi có thể đến với họ, để họ sửa soạn tinh thần cho con cái họ nghe lời của Thượng Đế vào lúc Ngài đến.
- 17 Và giờ đây, cha muốn làm cho tâm trí con được thơ thới phần nào về vấn đề này. Nay, chắc con kinh ngạc tự hỏi tại sao những việc này lại có thể được biết trước lâu quá như vậy. Nay, cha nói cho con hay, vậy chớ đối với Thượng Đế một linh hồn vào lúc này há chẳng đáng quý bằng một linh hồn vào lúc Ngài đến hay sao?
- 18 Việc tiết lộ kế hoạch cứu chuộc cho dân này biết há chẳng cần thiết bằng đối với con cháu họ sau này sao?
- 19 Việc Chúa phái thiên sứ của Ngài xuống rao truyền tin lành này cho chúng ta biết vào lúc này há chẳng dễ dàng bằng đối với con cháu chúng ta, hay đối với sau ngày Ngài đến hay sao?

And now, my son, this was the ministry unto which ye were called, to declare these glad tidings unto this people, to prepare their minds; or rather that salvation might come unto them, that they may prepare the minds of their children to hear the word at the time of his coming.

And now I will ease your mind somewhat on this subject. Behold, you marvel why these things should be known so long beforehand. Behold, I say unto you, is not a soul at this time as precious unto God as a soul will be at the time of his coming?

Is it not as necessary that the plan of redemption should be made known unto this people as well as unto their children?

Is it not as easy at this time for the Lord to send his angel to declare these glad tidings unto us as unto our children, or as after the time of his coming?

## An Ma 40

- 1 Giờ đây, hỡi con trai của cha, đây là những điều cha muốn nói thêm với con; vì cha nhận thấy tâm trí con đang băn khoăn về sự phục sinh của kẻ chết.
- 2 Nay, cha nói cho con hay rằng, không có sự phục sinh—hay cha muốn nói một cách khác, thể xác hữu diệt này không thể khoác lên sự bất diệt được, và thể hay hư nát này không thể mặc lấy sự không hay hư nát được—cho đến sau khi Đấng Ky Tô đến.
- 3 Nay, Ngài sẽ đem lại sự phục sinh cho kẻ chết. Nhưng này, hỡi con trai của cha, sự phục sinh ấy chưa xảy ra. Giờ đây, cha tiết lộ cho con biết một điều kín nhiệm; mặc dầu còn nhiều điều kín nhiệm khác nữa đang được giữ kín, để không một ai có thể biết được ngoại trừ Thượng Đế. Nhưng nay cha tiết lộ cho con hay một điều mà cha đã chuyên tâm cầu vấn Thượng Đế để được biết—đó là điều liên hệ đến sự phục sinh.
- 4 Nay, có một thời gian được ấn định trước để tất cả mọi người sẽ được sống lại từ cõi chết. Giờ đây chưa một ai biết được khi nào thời gian ấy đến; nhưng Thượng Đế biết được thời gian ấn định đó.
- 5 Giờ đây, dù cho sẽ có một lần, hai lần, hay ba lần, để loài người sẽ sống lại từ cõi chết, thì điều đó cũng không quan hệ gì; vì Thượng Đế biết tất cả mọi việc này; và cha chỉ cần biết trường hợp đó sẽ xảy ra là đủ rồi—có một thời gian được ấn định trước để cho tất cả mọi người sẽ được sống lại từ cõi chết.
- 6 Bây giờ cần phải có một khoảng cách giữa thời gian chết và thời gian phục sinh.
- 7 Và giờ đây cha thử hỏi, linh hồn của con người sẽ ra sao trong khoảng thời gian từ lúc chết cho đến lúc thời gian ấn định cho sự phục sinh?
- 8 Nay, dù cho có hơn một lần thời gian được ấn định trước để loài người sống lại, thì điều đó cũng không quan hệ gì; vì tất cả mọi người đều có chết cùng một lúc, và điều này cũng không quan hệ; tất cả chỉ được xem như một ngày đối với Thượng Đế, và sự đo lường thời gian chỉ áp dụng cho loài người.

## Alma 40

Now my son, here is somewhat more I would say unto thee; for I perceive that thy mind is worried concerning the resurrection of the dead.

Behold, I say unto you, that there is no resurrection—or, I would say, in other words, that this mortal does not put on immortality, this corruption does not put on incorruption—until after the coming of Christ.

Behold, he bringeth to pass the resurrection of the dead. But behold, my son, the resurrection is not yet. Now, I unfold unto you a mystery; nevertheless, there are many mysteries which are kept, that no one knoweth them save God himself. But I show unto you one thing which I have inquired diligently of God that I might know—that is concerning the resurrection.

Behold, there is a time appointed that all shall come forth from the dead. Now when this time cometh no one knows; but God knoweth the time which is appointed.

Now, whether there shall be one time, or a second time, or a third time, that men shall come forth from the dead, it mattereth not; for God knoweth all these things; and it sufficeth me to know that this is the case—that there is a time appointed that all shall rise from the dead.

Now there must needs be a space betwixt the time of death and the time of the resurrection.

And now I would inquire what becometh of the souls of men from this time of death to the time appointed for the resurrection?

Now whether there is more than one time appointed for men to rise it mattereth not; for all do not die at once, and this mattereth not; all is as one day with God, and time only is measured unto men.

- 9 Vậy nên, có một thời gian được ấn định trước cho loài người để họ sẽ được sống lại từ cõi chết; và có một khoảng cách giữa thời gian chết và sự phục sinh. Và này, về khoảng thời gian này, việc linh hồn loài người sẽ ra sao là điều mà cha đã chuyên tâm cầu vấn Chúa cho biết; và đây là điều mà cha được biết.
- 10 Và khi đến lúc tất cả mọi người đều được sống lại, thì lúc đó họ sẽ hiểu rõ rằng Thượng Đế đã biết tất cả thời gian được ấn định trước cho loài người.
- 11 Này, còn về trạng thái của linh hồn loài người giữa cái chết và sự phục sinh—Này, cha đã được một thiên sứ cho biết rằng, linh hồn của mọi người, khi vừa rời khỏi thể xác hữu diệt này, phải, linh hồn của mọi người, dù họ là người thiện hay người ác, đều được đem trở về với Thượng Đế là Đấng đã cho mình sự sống.
- 12 Và rồi chuyện rằng, linh hồn của những người ngay chính sẽ được đón nhận vào một trạng thái đầy hạnh phúc được gọi là thiên đàng, một trạng thái an nghỉ, một trạng thái bình an, là nơi mà họ sẽ được nghỉ ngơi khỏi mọi sự phiền nhiễu, lo âu và sầu muộn.
- 13 Và rồi chuyện rằng, linh hồn của những kẻ tà ác, phải, những kẻ dữ—vì này, họ không có được một phần hay một chút nào Thánh Linh của Chúa; vì này, họ đã chọn làm những điều ác thay vì điều thiện; vì thế mà linh hồn của quỷ dữ đã xâm nhập họ và chiếm hữu nhà họ—và những kẻ này sẽ bị liệt vào chỗ tối tăm bên ngoài; nơi đó sẽ có tiếng khóc than, rên rỉ, và nghiến răng, và điều này là do sự bất chính của riêng họ, khi để mình bị giam cầm do ý muốn của quỷ dữ.
- 14 Giờ đây, đây là trạng thái của linh hồn những kẻ tà ác, phải, trong bóng tối, và một trạng thái ghê sợ và kinh hãi chờ đợi cơn phẫn nộ mãnh liệt của cơn thịnh nộ của Thượng Đế trút xuống họ; như vậy là họ sẽ phải ở trong trạng thái này, cũng như người ngay chính sẽ được ở trong thiên đàng, cho đến lúc phục sinh của họ.

Therefore, there is a time appointed unto men that they shall rise from the dead; and there is a space between the time of death and the resurrection. And now, concerning this space of time, what becometh of the souls of men is the thing which I have inquired diligently of the Lord to know; and this is the thing of which I do know.

And when the time cometh when all shall rise, then shall they know that God knoweth all the times which are appointed unto man.

Now, concerning the state of the soul between death and the resurrection—Behold, it has been made known unto me by an angel, that the spirits of all men, as soon as they are departed from this mortal body, yea, the spirits of all men, whether they be good or evil, are taken home to that God who gave them life.

And then shall it come to pass, that the spirits of those who are righteous are received into a state of happiness, which is called paradise, a state of rest, a state of peace, where they shall rest from all their troubles and from all care, and sorrow.

And then shall it come to pass, that the spirits of the wicked, yea, who are evil—for behold, they have no part nor portion of the Spirit of the Lord; for behold, they chose evil works rather than good; therefore the spirit of the devil did enter into them, and take possession of their house—and these shall be cast out into outer darkness; there shall be weeping, and wailing, and gnashing of teeth, and this because of their own iniquity, being led captive by the will of the devil.

Now this is the state of the souls of the wicked, yea, in darkness, and a state of awful, fearful looking for the fiery indignation of the wrath of God upon them; thus they remain in this state, as well as the righteous in paradise, until the time of their resurrection.

- 15 Giờ đây, có một số người đã hiểu rằng trạng thái hạnh phúc này và trạng thái khổ sở này của linh hồn, trước sự phục sinh, là lần phục sinh thứ nhất. Phải, cha công nhận, có thể gọi đó là sự phục sinh, là sự sống lại của linh hồn và sự chỉ định linh hồn vào trạng thái hạnh phúc hay khốn cùng, theo như những lời đã nói.
- 16 Và này, như đã nói, có một sự phục sinh lần thứ nhất, là sự phục sinh của tất cả những ai đã sống, hay đang sống, hay sẽ sống, cho đến ngày Đấng Ky Tô phục sinh từ cõi chết.
- 17 Giờ đây, chúng ta không cho rằng, lần phục sinh thứ nhất này, theo cách thức vừa nói, có thể là sự phục sinh của những linh hồn được chỉ định vào trạng thái hạnh phúc hay khốn cùng. Con không thể cho rằng việc này có nghĩa như vậy.
- 18 Này, cha nói cho con hay, không; nhưng điều này có nghĩa là sự tái hợp của linh hồn và thể xác của những người đã sống từ đời A Đam cho đến ngày Đấng Ky Tô phục sinh.
- 19 Giờ đây, linh hồn và thể xác của những người đã được nói tới, cả người thiện lẫn kẻ ác, có được tái hợp ngay lập tức hay không, điều này cha không nói tới; cha chỉ nói rằng tất cả sẽ được sống lại, như vậy là đủ rồi; hay nói cách khác, sự phục sinh của họ sẽ xảy ra trước sự phục sinh của những người sẽ chết sau ngày Đấng Ky Tô sống lại.
- 20 Giờ đây hỏi con trai của cha, cha không nói rằng sự phục sinh của họ sẽ xảy ra cùng lúc với sự phục sinh của Đấng Ky Tô; nhưng này, cha chỉ cho ý kiến rằng, linh hồn và thể xác của những người ngay chính sẽ được tái hợp vào ngày Đấng Ky Tô phục sinh và thăng thiên.
- 21 Nhưng điều đó sẽ xảy ra vào ngày Ngài phục sinh hay sau đó, cha không có ý nói; mà cha chỉ muốn nói như vậy: Có một khoảng cách giữa cái chết và sự sống lại của thể xác, và trạng thái linh hồn trong hạnh phúc hay trong khổ sở cho đến thời gian đã được Thượng Đế định trước để cho người chết được sống lại và linh hồn lẫn thể xác sẽ được tái hợp, và được dẫn đến đứng trước mặt Thượng Đế để được phán xét theo những việc làm của mình.
- 22 Phải, điều này đưa đến sự phục hồi những điều mà đã được miêng các vị tiên tri nói ra.

Now, there are some that have understood that this state of happiness and this state of misery of the soul, before the resurrection, was a first resurrection. Yea, I admit it may be termed a resurrection, the raising of the spirit or the soul and their consignation to happiness or misery, according to the words which have been spoken.

And behold, again it hath been spoken, that there is a first resurrection, a resurrection of all those who have been, or who are, or who shall be, down to the resurrection of Christ from the dead.

Now, we do not suppose that this first resurrection, which is spoken of in this manner, can be the resurrection of the souls and their consignation to happiness or misery. Ye cannot suppose that this is what it meaneth.

Behold, I say unto you, Nay; but it meaneth the reuniting of the soul with the body, of those from the days of Adam down to the resurrection of Christ.

Now, whether the souls and the bodies of those of whom has been spoken shall all be reunited at once, the wicked as well as the righteous, I do not say; let it suffice, that I say that they all come forth; or in other words, their resurrection cometh to pass before the resurrection of those who die after the resurrection of Christ.

Now, my son, I do not say that their resurrection cometh at the resurrection of Christ; but behold, I give it as my opinion, that the souls and the bodies are reunited, of the righteous, at the resurrection of Christ, and his ascension into heaven.

But whether it be at his resurrection or after, I do not say; but this much I say, that there is a space between death and the resurrection of the body, and a state of the soul in happiness or in misery until the time which is appointed of God that the dead shall come forth, and be reunited, both soul and body, and be brought to stand before God, and be judged according to their works.

Yea, this bringeth about the restoration of those things of which has been spoken by the mouths of the prophets.

23 Linh hồn sẽ được phục hồi lại với thể xác, và thể xác trở về với linh hồn; phải, mọi tứ chi và khớp xương đều được phục hồi lại với thể xác; phải, ngay cả một sợi tóc trên đầu cũng không mất; trái lại tất cả sẽ được phục hồi lại trong hình thể thích hợp và trọn vẹn.

24 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, đây là sự phục hồi mà đã được miệng các vị tiên tri nói ra—

25 Và rồi, những người ngay chính sẽ chói ngời trong vương quốc của Thượng Đế.

26 Nhưng này, một cái chết ghê gớm đến với kẻ độc ác; vì họ chết đối với những điều thuộc sự ngay chính; vì họ ô uế, và không một vật ô uế nào có thể thừa hưởng được vương quốc của Thượng Đế; trái lại, họ phải bị ném ra ngoài và bị chỉ định phải gánh lấy những hậu quả về các hành vi và việc làm tà ác của mình; và họ phải uống cạn cạn bã của chén đắng.

The soul shall be restored to the body, and the body to the soul; yea, and every limb and joint shall be restored to its body; yea, even a hair of the head shall not be lost; but all things shall be restored to their proper and perfect frame.

And now, my son, this is the restoration of which has been spoken by the mouths of the prophets—

And then shall the righteous shine forth in the kingdom of God.

But behold, an awful death cometh upon the wicked; for they die as to things pertaining to things of righteousness; for they are unclean, and no unclean thing can inherit the kingdom of God; but they are cast out, and consigned to partake of the fruits of their labors or their works, which have been evil; and they drink the dregs of a bitter cup.

## An Ma 41

- 1 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha có một vài điều muốn nói với con về sự phục hồi mà đã được nói tới; vì này, có một số người đã làm sai lạc ý nghĩa của thánh thư, và đã đi lạc lối vì vấn đề này. Và cha nhận thấy rằng, tâm trí con cũng đang băn khoăn về việc đó. Nhưng này, cha sẽ giải thích cho con nghe.
- 2 Cha nói với con rằng, hỡi con trai của cha, kế hoạch phục hồi là một điều rất cần thiết cho công lý của Thượng Đế; vì điều cần thiết là mọi sự vật phải được phục hồi lại đúng vị trí của nó. Này, điều cần thiết và hợp lẽ công bình, theo quyền năng và sự phục sinh của Đấng Ky Tô, là linh hồn loài người phải được phục hồi trở về với thể xác của nó, và mỗi bộ phận của thể xác phải được giao hoàn lại như cũ.
- 3 Và điều cần thiết cho công lý của Thượng Đế là loài người phải được xét xử tùy theo việc làm của họ; và nếu việc làm của họ trong đời này là điều thiện và những ước muốn trong lòng họ cũng tốt như vậy, thì đến ngày sau cùng, họ cũng được phục hồi lại với những gì tốt đẹp.
- 4 Và nếu việc làm của họ tà ác, thì họ sẽ bị trả về với những gì tà ác. Vậy nên, tất cả mọi sự việc đều sẽ được trả về đúng vị trí của nó, tất cả mọi sự việc đều phải trở lại khung cảnh tự nhiên của nó—Sự hữu diệt trở thành sự bất diệt, sự hư nát trở thành sự không hư nát—được đem lên cõi hạnh phúc bất tận để thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế, hay bị đưa xuống chốn khốn khổ bất tận để thừa hưởng lãnh thổ của quỷ dữ; người bên này, kẻ bên kia—
- 5 Người thì được đưa lên cõi hạnh phúc vì lòng mong ước được hạnh phúc, hay lên cõi thiện vì lòng mong ước được làm điều thiện; trong khi người khác lại bị đưa về cõi ác, vì lòng mong ước làm điều ác; vì kẻ ấy đã muốn làm điều ác suốt cả ngày, nên phải nhận lấy điều ác khi đêm đến.
- 6 Và ngược lại cũng vậy. Nếu kẻ ấy đã hối cải tội lỗi của mình và ước mong sự ngay chính cho đến cuối cuộc đời mình, thì kẻ ấy sẽ được ban thưởng sự ngay chính.

## Alma 41

And now, my son, I have somewhat to say concerning the restoration of which has been spoken; for behold, some have wrested the scriptures, and have gone far astray because of this thing. And I perceive that thy mind has been worried also concerning this thing. But behold, I will explain it unto thee.

I say unto thee, my son, that the plan of restoration is requisite with the justice of God; for it is requisite that all things should be restored to their proper order. Behold, it is requisite and just, according to the power and resurrection of Christ, that the soul of man should be restored to its body, and that every part of the body should be restored to itself.

And it is requisite with the justice of God that men should be judged according to their works; and if their works were good in this life, and the desires of their hearts were good, that they should also, at the last day, be restored unto that which is good.

And if their works are evil they shall be restored unto them for evil. Therefore, all things shall be restored to their proper order, every thing to its natural frame—mortality raised to immortality, corruption to incorruption—raised to endless happiness to inherit the kingdom of God, or to endless misery to inherit the kingdom of the devil, the one on one hand, the other on the other—

The one raised to happiness according to his desires of happiness, or good according to his desires of good; and the other to evil according to his desires of evil; for as he has desired to do evil all the day long even so shall he have his reward of evil when the night cometh.

And so it is on the other hand. If he hath repented of his sins, and desired righteousness until the end of his days, even so he shall be rewarded unto righteousness.



- 7 Chính họ là những người được Chúa cứu chuộc; phải, chính họ là những người được đem ra, được giải thoát khỏi đêm tối tăm bất tận; và như vậy là họ hoặc đứng vững hoặc bị sa ngã; vì này, họ là các vị thẩm phán cho chính bản thân mình, dù làm điều thiện hay điều ác.
- 8 Giờ đây, những sắc lệnh của Thượng Đế đều bất biến; vậy nên, đường lối của Ngài đã được chuẩn bị sẵn sàng để cho bất cứ ai muốn theo, đều có thể bước vào, và được cứu.
- 9 Và giờ đây này, hỡi con trai của cha, con chớ nên liều lĩnh xúc phạm Thượng Đế của con về những điểm giáo lý này nữa, là những điều mà cho đến bây giờ con vẫn còn liều lĩnh phạm tội.
- 10 Con chớ cho rằng, vì người ta đã nói đến sự phục hồi nên con sẽ được từ tội lỗi trở về với hạnh phúc. Này, cha nói cho con hay, sự tà ác có bao giờ là hạnh phúc đâu.
- 11 Và này, hỡi con trai của cha, tất cả những người nào còn ở trong trạng thái thiên nhiên, hay cha muốn nói là, còn ở trong trạng thái trần tục, thì họ đều đang ở trong mật đắng và trong sự trói buộc của điều bất chính; họ không có được Thượng Đế trên thế gian này, và họ đã đi ngược lại với bản chất của Thượng Đế; vậy nên họ ở trong một trạng thái ngược lại với bản chất hạnh phúc.
- 12 Và giờ đây này, phải chăng ý nghĩa của chữ phục hồi là đem một vật từ trạng thái thiên nhiên và đặt nó qua trạng thái bất thiên nhiên, hay đặt nó vào một trạng thái trái ngược với bản chất thiên nhiên của nó?
- 13 Ôi, hỡi con trai của cha, đó không phải là trường hợp như vậy; nhưng ý nghĩa của chữ phục hồi là đem ác trả về cho ác, hay đem xác thịt trả về cho xác thịt, hoặc đem quỷ quái trả về cho quỷ quái—và đem điều thiện về với điều thiện; đem điều ngay chính về với những gì ngay chính; đem sự công bình về với những gì công bình; và đem lòng thương xót về với sự xót thương.

These are they that are redeemed of the Lord; yea, these are they that are taken out, that are delivered from that endless night of darkness; and thus they stand or fall; for behold, they are their own judges, whether to do good or do evil.

Now, the decrees of God are unalterable; therefore, the way is prepared that whosoever will may walk therein and be saved.

And now behold, my son, do not risk one more offense against your God upon those points of doctrine, which ye have hitherto risked to commit sin.

Do not suppose, because it has been spoken concerning restoration, that ye shall be restored from sin to happiness. Behold, I say unto you, wickedness never was happiness.

And now, my son, all men that are in a state of nature, or I would say, in a carnal state, are in the gall of bitterness and in the bonds of iniquity; they are without God in the world, and they have gone contrary to the nature of God; therefore, they are in a state contrary to the nature of happiness.

And now behold, is the meaning of the word restoration to take a thing of a natural state and place it in an unnatural state, or to place it in a state opposite to its nature?

O, my son, this is not the case; but the meaning of the word restoration is to bring back again evil for evil, or carnal for carnal, or devilish for devilish—good for that which is good; righteous for that which is righteous; just for that which is just; merciful for that which is merciful.

14      Vậy nên, hỡi con trai của cha, con hãy chú tâm thương xót đồng bào của mình; hãy xử sự cho công bình, hãy xét đoán cho ngay chính, và hãy luôn luôn làm điều thiện; và nếu con làm được những điều này thì con sẽ nhận được phần thưởng của con; phải, con sẽ được phục hồi lại với sự thương xót; con sẽ được phục hồi lại với công lý; con sẽ được phục hồi lại với sự phán xét ngay chính; và con sẽ được tưởng thưởng bằng những điều thiện.

15      Vì tất cả những gì con đã làm ra đều sẽ trở về lại với con, và sẽ được phục hồi; vậy nên chữ phục hồi là kết tội kẻ phạm tội một cách đầy đủ hơn chứ không biện minh cho kẻ ấy chút nào hết.

Therefore, my son, see that you are merciful unto your brethren; deal justly, judge righteously, and do good continually; and if ye do all these things then shall ye receive your reward; yea, ye shall have mercy restored unto you again; ye shall have justice restored unto you again; ye shall have a righteous judgment restored unto you again; and ye shall have good rewarded unto you again.

For that which ye do send out shall return unto you again, and be restored; therefore, the word restoration more fully condemneth the sinner, and justifieth him not at all.

## An Ma 42

- 1 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha nhận thấy rằng có một vài điều nữa vẫn còn làm bận tâm trí của con, là điều mà con không hiểu được—đó là điều có liên quan tới công lý của Thượng Đế trong việc trừng phạt các kẻ phạm tội; vì con cứ cho rằng, việc những kẻ phạm tội bị chỉ định vào một trạng thái khổ sở là một điều bất công.
- 2 Giờ đây này, hỡi con trai của cha, cha sẽ giải thích điều này cho con được biết. Vì này, sau khi Đức Chúa Trời đuổi thủy tổ của chúng ta ra khỏi vườn Ê Đen để cày cấy đất đai, mà từ đó họ đã được tạo ra—phải, Ngài đã đuổi loài người ra, và Ngài đặt các thần Chê Ru Bin trấn giữ hướng đông vườn Ê Đen, với gươm lửa chói lò xoay khắp tứ phía để canh giữ cây sự sống—
- 3 Giờ đây, chúng ta thấy rằng loài người đã trở nên giống như Thượng Đế, biết điều thiện và điều ác; và vì sợ rằng loài người sẽ đưa tay ra hái trái cây sự sống mà ăn, và được sống mãi mãi, nên Đức Chúa Trời đã đặt các thần Chê Ru Bin với gươm lửa chói lò xoay để loài người không được ăn trái của cây ấy—
- 4 Và do đó mà chúng ta thấy được rằng, loài người đã được ban cho một thời gian để hối cải, phải, một thời gian thử thách, một thời gian để hối cải và phục vụ Thượng Đế.
- 5 Vì này, nếu A Đam đưa tay ra hái và ăn trái cây sự sống ấy ngay, thì ông đã được sống mãi mãi rồi, theo như lời của Thượng Đế, và không có thời gian nào để hối cải; phải, và lời của Thượng Đế cũng trở thành vô hiệu lực, và kế hoạch cứu rỗi vĩ đại đã thất bại.
- 6 Nhưng này, loài người đã được định trước là phải chết—vậy nên, một khi loài người đã bị loại khỏi cây sự sống, thì cũng phải bị loại khỏi mặt đất—và loài người đã trở nên lạc lối mãi mãi, phải, loài người trở nên sa ngã.
- 7 Và giờ đây, qua điều này con thấy được rằng thủy tổ của chúng ta bị loại trừ cả thể xác lẫn linh hồn khỏi sự hiện diện của Chúa; và do đó chúng ta thấy họ đã trở nên lệ thuộc làm theo ý muốn của mình.

## Alma 42

And now, my son, I perceive there is somewhat more which doth worry your mind, which ye cannot understand—which is concerning the justice of God in the punishment of the sinner; for ye do try to suppose that it is injustice that the sinner should be consigned to a state of misery.

Now behold, my son, I will explain this thing unto thee. For behold, after the Lord God sent our first parents forth from the garden of Eden, to till the ground, from whence they were taken—yea, he drew out the man, and he placed at the east end of the garden of Eden, cherubim, and a flaming sword which turned every way, to keep the tree of life—

Now, we see that the man had become as God, knowing good and evil; and lest he should put forth his hand, and take also of the tree of life, and eat and live forever, the Lord God placed cherubim and the flaming sword, that he should not partake of the fruit—

And thus we see, that there was a time granted unto man to repent, yea, a probationary time, a time to repent and serve God.

For behold, if Adam had put forth his hand immediately, and partaken of the tree of life, he would have lived forever, according to the word of God, having no space for repentance; yea, and also the word of God would have been void, and the great plan of salvation would have been frustrated.

But behold, it was appointed unto man to die—therefore, as they were cut off from the tree of life they should be cut off from the face of the earth—and man became lost forever, yea, they became fallen man.

And now, ye see by this that our first parents were cut off both temporally and spiritually from the presence of the Lord; and thus we see they became subjects to follow after their own will.

- 8 Giờ đây này, việc loài người cần phải được cứu khỏi cái chết thể chất là một điều không thích đáng, vì điều đó sẽ hủy diệt kế hoạch hạnh phúc vĩ đại.
- 9 Vậy nên, vì linh hồn không bao giờ có thể chết được, và sự sa ngã đã đem đến cho tất cả nhân loại cái chết thuộc linh cũng như cái chết thể chất, nghĩa là, họ bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Chúa, nên việc loài người cần phải được cứu khỏi cái chết thuộc linh này là một điều thích đáng.
- 10 Vậy nên, vì loài người đã trở nên ưa thích xác thịt, nhục dục và quỷ quái, theo bản chất thiên nhiên của mình, nên trạng thái thử thách này trở thành trạng thái cho họ chuẩn bị; nó trở thành trạng thái chuẩn bị vậy.
- 11 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, hãy ghi nhớ rằng, nếu không có kế hoạch cứu chuộc, (nếu để điều này qua một bên) thì khi họ vừa chết là linh hồn họ liền bị khốn cùng ngay, vì họ đã bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Chúa.
- 12 Và bây giờ, sẽ không còn phương cách nào để cứu loài người ra khỏi trạng thái sa ngã này, là trạng thái mà loài người đã tự rước vào thân vì không vâng lời.
- 13 Vậy nên, theo công lý, kế hoạch cứu chuộc chỉ có thể được thực hiện với điều kiện là loài người phải hối cải khi còn ở trong trạng thái thử thách này, phải, trong trạng thái chuẩn bị này; vì nếu không có điều kiện này, thì sự thương xót không thể nào có hiệu quả trừ phi nó phải hủy diệt việc làm của công lý. Nay, việc làm của công lý không thể nào bị hủy diệt được; nếu việc ấy xảy ra như vậy thì Thượng Đế sẽ không còn là Thượng Đế nữa.
- 14 Và do đó mà chúng ta thấy rằng tất cả loài người đã sa ngã, và họ phải ở trong bàn tay của công lý; phải, công lý của Thượng Đế, là công lý chỉ định họ phải bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Ngài mãi mãi.
- 15 Và này, kế hoạch thương xót không thể được mang lại nếu sự chuộc tội không được thực hiện; vậy nên, chính Thượng Đế sẽ chuộc tội lỗi cho thế gian, để mang lại kế hoạch thương xót, và để thỏa mãn sự đòi hỏi của công lý, ngõ hầu Thượng Đế mới có thể là một Thượng Đế hoàn hảo, công bình, và cũng là một Thượng Đế đầy lòng thương xót.

Now behold, it was not expedient that man should be reclaimed from this temporal death, for that would destroy the great plan of happiness.

Therefore, as the soul could never die, and the fall had brought upon all mankind a spiritual death as well as a temporal, that is, they were cut off from the presence of the Lord, it was expedient that mankind should be reclaimed from this spiritual death.

Therefore, as they had become carnal, sensual, and devilish, by nature, this probationary state became a state for them to prepare; it became a preparatory state.

And now remember, my son, if it were not for the plan of redemption, (laying it aside) as soon as they were dead their souls were miserable, being cut off from the presence of the Lord.

And now, there was no means to reclaim men from this fallen state, which man had brought upon himself because of his own disobedience;

Therefore, according to justice, the plan of redemption could not be brought about, only on conditions of repentance of men in this probationary state, yea, this preparatory state; for except it were for these conditions, mercy could not take effect except it should destroy the work of justice. Now the work of justice could not be destroyed; if so, God would cease to be God.

And thus we see that all mankind were fallen, and they were in the grasp of justice; yea, the justice of God, which consigned them forever to be cut off from his presence.

And now, the plan of mercy could not be brought about except an atonement should be made; therefore God himself atoneth for the sins of the world, to bring about the plan of mercy, to appease the demands of justice, that God might be a perfect, just God, and a merciful God also.

- 16      Này, sự hối cải không thể đến với loài người nếu không có sự trừng phạt, mà sự trừng phạt thì cũng vĩnh cửu như đời sống của linh hồn, trái ngược với kế hoạch hạnh phúc, mà hạnh phúc thì cũng vĩnh cửu như đời sống của linh hồn.
- 17      Này, làm sao loài người có thể hối cải được nếu họ không phạm tội? Làm sao loài người có thể phạm tội được nếu không có luật pháp? Và làm sao có luật pháp được nếu không có sự trừng phạt?
- 18      Này, một sự trừng phạt đã được ấn định, và một luật pháp công minh đã được ban hành để đem lại cho loài người một hối hận trong lương tâm.
- 19      Này, nếu không có một luật pháp ban hành nói rằng: kẻ sát nhân phải đền mạng—thì kẻ ấy có sợ chết khi giết người chẳng?
- 20      Và lại nữa, nếu không có luật pháp nào ban hành để kết án tội lỗi, thì loài người có sợ phạm tội không?
- 21      Và nếu không có luật pháp nào ban hành, nếu loài người phạm tội, thì công lý hay lòng thương xót sẽ làm được gì một khi những điều này chẳng có quyền hành gì đối với loài người cả?
- 22      Nhưng luật pháp đã được ban hành, sự trừng phạt đã được ấn định, và sự hối cải đã được ban cho; và lòng thương xót đòi hỏi sự hối cải này; nếu không thì công lý đòi hỏi loài người và thực thi luật pháp, và luật pháp gia hình sự trừng phạt; nếu không phải như vậy thì công lý sẽ bị hủy diệt và Thượng Đế sẽ không còn là Thượng Đế nữa.
- 23      Nhưng Thượng Đế lúc nào cũng vẫn là Thượng Đế, và sự thương xót đòi hỏi những kẻ ăn năn, và sự thương xót sẽ nhờ sự chuộc tội mà đến; và sự chuộc tội sẽ đem lại sự phục sinh của người chết; và sự phục sinh của người chết sẽ đem loài người trở lại chốn hiện diện của Thượng Đế; và như vậy là họ được phục hồi lại nơi hiện diện của Ngài, để được phán xét tùy theo những việc làm của họ, thể theo luật pháp và công lý.
- 24      Vì này, công lý thi hành tất cả những đòi hỏi của nó, và luôn cả lòng thương xót cũng đòi hỏi tất cả những gì thuộc quyền nó nữa; và như vậy là chẳng ai được cứu ngoài kẻ thật tình ăn năn.

Now, repentance could not come unto men except there were a punishment, which also was eternal as the life of the soul should be, affixed opposite to the plan of happiness, which was as eternal also as the life of the soul.

Now, how could a man repent except he should sin? How could he sin if there was no law? How could there be a law save there was a punishment?

Now, there was a punishment affixed, and a just law given, which brought remorse of conscience unto man.

Now, if there was no law given—if a man murdered he should die—would he be afraid he would die if he should murder?

And also, if there was no law given against sin men would not be afraid to sin.

And if there was no law given, if men sinned what could justice do, or mercy either, for they would have no claim upon the creature?

But there is a law given, and a punishment affixed, and a repentance granted; which repentance, mercy claimeth; otherwise, justice claimeth the creature and executeth the law, and the law inflicteth the punishment; if not so, the works of justice would be destroyed, and God would cease to be God.

But God ceaseth not to be God, and mercy claimeth the penitent, and mercy cometh because of the atonement; and the atonement bringeth to pass the resurrection of the dead; and the resurrection of the dead bringeth back men into the presence of God; and thus they are restored into his presence, to be judged according to their works, according to the law and justice.

For behold, justice exerciseth all his demands, and also mercy claimeth all which is her own; and thus, none but the truly penitent are saved.

25 Sao, con có cho rằng sự thương xót có thể cướp đoạt công lý không? Cha nói cho con hay: Không; không một mảy may nào. Nếu như vậy, thì Thượng Đế không còn là Thượng Đế nữa.

26 Và như vậy Thượng Đế mới thực hiện được tất cả những mục đích vĩ đại và vĩnh cửu của Ngài mà đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng. Và do đó, mới có sự cứu rỗi và sự cứu chuộc loài người, và cả sự hủy diệt và sự khốn cùng của họ nữa.

27 Vậy nên, hỡi con trai của cha, bất cứ ai muốn đến đều có thể đến và được tự do chia phần nước sự sống; và bất cứ ai không muốn đến, thì cũng chẳng bị bó buộc phải đến; nhưng đến ngày sau cùng, kẻ ấy sẽ bị trả lại những gì mình đã làm.

28 Nếu kẻ đó muốn làm điều ác và không chịu hối cải trong cuộc đời mình, này, sự ác sẽ xảy đến cho kẻ đó theo sự phục hồi của Thượng Đế.

29 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha mong rằng con không nên để những điều này làm băn khoăn con nữa, mà chỉ nên để cho những tội lỗi của mình làm băn khoăn mình, với sự băn khoăn mà sẽ đưa con đến sự hối cải.

30 Hỡi con trai của cha, cha mong rằng con không còn phủ nhận công lý của Thượng Đế nữa. Con đừng cố gắng bào chữa cho tội lỗi của mình bằng cách phủ nhận công lý của Thượng Đế; mà trái lại, con phải để cho công lý của Thượng Đế cùng sự thương xót và sự nhịn nhục của Ngài có đầy đủ hiệu năng trong trái tim con; và con hãy để cho những điều ấy đem con xuống tận bụi đất trong sự khiêm nhường.

31 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, con đã được Thượng Đế kêu gọi đi thuyết giảng lời của Ngài cho dân này. Và giờ đây, hỡi con trai của cha, con hãy lên đường, hãy rao truyền lời của Thượng Đế với lòng chân thật và chín chắn, để con có thể mang nhiều linh hồn đến sự hối cải, ngõ hầu kẻ hoạch thương xót vĩ đại của Ngài có thể bảo bọc cho họ được. Cầu xin Thượng Đế ban cho con mọi điều theo như lời cha nói. Amen.

What, do ye suppose that mercy can rob justice? I say unto you, Nay; not one whit. If so, God would cease to be God.

And thus God bringeth about his great and eternal purposes, which were prepared from the foundation of the world. And thus cometh about the salvation and the redemption of men, and also their destruction and misery.

Therefore, O my son, whosoever will come may come and partake of the waters of life freely; and whosoever will not come the same is not compelled to come; but in the last day it shall be restored unto him according to his deeds.

If he has desired to do evil, and has not repented in his days, behold, evil shall be done unto him, according to the restoration of God.

And now, my son, I desire that ye should let these things trouble you no more, and only let your sins trouble you, with that trouble which shall bring you down unto repentance.

O my son, I desire that ye should deny the justice of God no more. Do not endeavor to excuse yourself in the least point because of your sins, by denying the justice of God; but do you let the justice of God, and his mercy, and his long-suffering have full sway in your heart; and let it bring you down to the dust in humility.

And now, O my son, ye are called of God to preach the word unto this people. And now, my son, go thy way, declare the word with truth and soberness, that thou mayest bring souls unto repentance, that the great plan of mercy may have claim upon them. And may God grant unto you even according to my words. Amen.

## An Ma 43

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, các con trai của An Ma đã ra đi giữa dân chúng để rao truyền lời của Thượng Đế cho họ biết. Và chính An Ma cũng không thể nghỉ ngơi được, ông cũng lên đường ra đi.
- 2 Giờ đây chúng tôi sẽ không nói thêm về việc thuyết giảng của họ nữa, mà chỉ nói rằng họ đã thuyết giảng lời của Thượng Đế và lẽ thật theo tinh thần tiên tri và mặc khải; và họ đã thuyết giảng theo thánh ban của Thượng Đế mà họ được kêu gọi.
- 3 Và giờ đây tôi xin trở lại truyện ký về các trận chiến giữa dân Nê Phi và dân La Man vào năm thứ mười tám dưới chế độ các phán quan.
- 4 Vì này, chuyện rằng, dân Giô Ram đã trở thành dân La Man; vậy nên, vào đầu năm thứ mười tám, dân Nê Phi thấy dân La Man đang tiến đến tấn công họ, nên họ đã chuẩn bị chiến tranh; phải, họ tập hợp các đạo quân của họ trên xứ Giê Sơn.
- 5 Và chuyện rằng, có hàng ngàn dân La Man kéo đến. Chúng kéo đến xứ An Ti Ô Num, là xứ sở của dân Giô Ram, và một người tên là Giê Ra Hem Na là người lãnh đạo của bọn chúng.
- 6 Và giờ đây, vì dân A Ma Léc có tính độc ác và thích giết người hơn dân La Man, trong vòng bọn họ, nên Giê Ra Hem Na chỉ định các tổng lãnh binh chỉ huy dân La Man, và họ toàn là dân A Ma Léc và dân Giô Ram.
- 7 Này, sở dĩ hấn làm như vậy là vì hấn muốn duy trì lòng thù hận của dân này đối với dân Nê Phi, ngõ hầu hấn có thể làm cho họ thần phục để hấn đạt được mục đích của mình.
- 8 Vì này, mục đích của hấn là khích động dân La Man tức giận dân Nê Phi; hấn làm như vậy là để hấn có thể tiếm đoạt quyền hành lớn lao đối với dân này, và đồng thời hấn cũng muốn có quyền hành đối với dân Nê Phi bằng cách đưa họ vào vòng nô lệ.

## Alma 43

And now it came to pass that the sons of Alma did go forth among the people, to declare the word unto them. And Alma, also, himself, could not rest, and he also went forth.

Now we shall say no more concerning their preaching, except that they preached the word, and the truth, according to the spirit of prophecy and revelation; and they preached after the holy order of God by which they were called.

And now I return to an account of the wars between the Nephites and the Lamanites, in the eighteenth year of the reign of the judges.

For behold, it came to pass that the Zoramites became Lamanites; therefore, in the commencement of the eighteenth year the people of the Nephites saw that the Lamanites were coming upon them; therefore they made preparations for war; yea, they gathered together their armies in the land of Jershon.

And it came to pass that the Lamanites came with their thousands; and they came into the land of Antionum, which is the land of the Zoramites; and a man by the name of Zerahemnah was their leader.

And now, as the Amalekites were of a more wicked and murderous disposition than the Lamanites were, in and of themselves, therefore, Zerahemnah appointed chief captains over the Lamanites, and they were all Amalekites and Zoramites.

Now this he did that he might preserve their hatred towards the Nephites, that he might bring them into subjection to the accomplishment of his designs.

For behold, his designs were to stir up the Lamanites to anger against the Nephites; this he did that he might usurp great power over them, and also that he might gain power over the Nephites by bringing them into bondage.

- 9 Và giờ đây mục đích của dân Nê Phi là bảo vệ đất đai cùng nhà cửa và vợ con mình cho khỏi rơi vào tay kẻ thù; và cũng để cho họ có thể bảo vệ những quyền lợi và những đặc quyền của họ, phải, và bảo vệ luôn cả quyền tự do của họ để họ có thể thờ phượng Thượng Đế theo như ý họ mong muốn.
- 10 Vì họ biết rằng, nếu họ bị rơi vào tay dân La Man, thì bất cứ ai lấy tinh thần và lẽ thật mà thờ phượng Thượng Đế, là Thượng Đế chân thật và hằng sống, thì sẽ bị dân La Man hủy diệt.
- 11 Phải, và họ cũng biết lòng thù hận cực độ của dân La Man đối với các đồng bào của họ là dân An Ti Nê Phi Lê Hi, gọi là dân Am Môn—và những người này không chịu cảm khí giới, phải, họ đã lập một giao ước và họ không muốn bội ước—vậy nên, nếu họ rơi vào tay dân La Man, thì họ sẽ bị hủy diệt.
- 12 Và dân Nê Phi không chịu để cho họ bị hủy diệt; vậy nên, dân này đã tặng đất đai cho họ thừa hưởng.
- 13 Và dân Am Môn cũng trao cho dân Nê Phi một phần lớn tài sản của mình để họ nuôi những đạo quân của họ; vậy nên dân Nê Phi đành phải một mình chống cự với dân La Man, là một sắc dân hợp chủng của La Man và Lê Mu Ên, và các con trai của Ích Ma Ên, cùng tất cả những người đã ly khai khỏi dân Nê Phi, đó là dân A Ma Léc, dân Giô Ram, và con cháu của các thầy tư tế của Nô Ê.
- 14 Giờ đây các con cháu đó cũng đông gần bằng dân Nê Phi; và do đó mà dân Nê Phi buộc lòng phải đánh lại các đồng bào của mình, dù là phải gây ra sự đổ máu.
- 15 Và chuyện rằng, khi quân La Man quy tụ trong xứ An Ti Ô Num, này, quân Nê Phi đã chuẩn bị để nghênh chiến với chúng trong xứ Giê Sơn.
- 16 Giờ đây, người lãnh đạo dân Nê Phi, hay là người đã được chỉ định lên làm tổng lãnh binh dân Nê Phi—này, tổng lãnh binh là người chỉ huy tất cả các đạo quân Nê Phi—tên là Mô Rô Ni;

And now the design of the Nephites was to support their lands, and their houses, and their wives, and their children, that they might preserve them from the hands of their enemies; and also that they might preserve their rights and their privileges, yea, and also their liberty, that they might worship God according to their desires.

For they knew that if they should fall into the hands of the Lamanites, that whosoever should worship God in spirit and in truth, the true and the living God, the Lamanites would destroy.

Yea, and they also knew the extreme hatred of the Lamanites towards their brethren, who were the people of Anti-Nephi-Lehi, who were called the people of Ammon—and they would not take up arms, yea, they had entered into a covenant and they would not break it—therefore, if they should fall into the hands of the Lamanites they would be destroyed.

And the Nephites would not suffer that they should be destroyed; therefore they gave them lands for their inheritance.

And the people of Ammon did give unto the Nephites a large portion of their substance to support their armies; and thus the Nephites were compelled, alone, to withstand against the Lamanites, who were a compound of Laman and Lemuel, and the sons of Ishmael, and all those who had dissented from the Nephites, who were Amalekites and Zoramites, and the descendants of the priests of Noah.

Now those descendants were as numerous, nearly, as were the Nephites; and thus the Nephites were obliged to contend with their brethren, even unto bloodshed.

And it came to pass as the armies of the Lamanites had gathered together in the land of Antionum, behold, the armies of the Nephites were prepared to meet them in the land of Jershon.

Now, the leader of the Nephites, or the man who had been appointed to be the chief captain over the Nephites—now the chief captain took the command of all the armies of the Nephites—and his name was Moroni;



- 17 Và Mô Rô Ni nắm tất cả quyền chỉ huy và điều khiển các trận chiến. Và ông mới có hai mươi lăm tuổi khi được chỉ định làm tổng lãnh binh các đạo quân Nê Phi.
- 18 Và chuyện rằng, ông đụng độ với dân La Man ở biên thùỳ Giê Sơn, và quân của ông được trang bị gươm, đao, cùng đủ loại vũ khí chiến tranh.
- 19 Và khi quân La Man trông thấy dân Nê Phi, nghĩa là thấy Mô Rô Ni trang bị cho dân ông với giáp che ngực và khiên che tay, phải, cùng với mũ giáp che đầu, và họ mặc y phục dày—
- 20 Còn quân đội của Giê Ra Hem Na thì không được trang bị những thứ như vậy; chúng chỉ có gươm, đao, cung, tên, đá và trành ném đá; và thân mình chúng thì để trần trụi, chỉ có một miếng da thắt ngang hông; phải, tất cả đều trần trụi, ngoại trừ dân Giô Ram và dân A Ma Léc;
- 21 Nhưng chúng không được trang bị giáp che ngực và khiên che—vậy nên chúng rất khiếp sợ quân Nê Phi vì áo giáp của họ, mặc dù quân số của chúng đông hơn quân số Nê Phi rất nhiều.
- 22 Nay, giờ đây chuyện rằng, chúng không dám tấn công dân Nê Phi tại biên thùỳ Giê Sơn; vậy nên chúng rời bỏ xứ An Ti Ô Num mà đi vào vùng hoang dã và hành trình vòng quanh vùng hoang dã lên tận gần đầu sông Si Đôn, để chúng có thể đi vào xứ Man Ti và chiếm cứ xứ này; vì chúng cho rằng quân Mô Rô Ni không biết chúng đã đi đâu.
- 23 Nhưng chuyện rằng, khi chúng vừa đi vào vùng hoang dã thì Mô Rô Ni đã phái quân do thám đi vào vùng hoang dã để thám thính đồn trại của chúng; và ngoài ra, vì được biết về những điều tiên tri của An Ma, nên Mô Rô Ni đã sai người đến gặp ông để nhờ ông cầu vấn Chúa xem các đạo quân Nê Phi phải đi đâu để chống được dân La Man.

And Moroni took all the command, and the government of their wars. And he was only twenty and five years old when he was appointed chief captain over the armies of the Nephites.

And it came to pass that he met the Lamanites in the borders of Jershon, and his people were armed with swords, and with cimeters, and all manner of weapons of war.

And when the armies of the Lamanites saw that the people of Nephi, or that Moroni, had prepared his people with breastplates and with arm-shields, yea, and also shields to defend their heads, and also they were dressed with thick clothing—

Now the army of Zerahemnah was not prepared with any such thing; they had only their swords and their cimeters, their bows and their arrows, their stones and their slings; and they were naked, save it were a skin which was girded about their loins; yea, all were naked, save it were the Zoramites and the Amalekites;

But they were not armed with breastplates, nor shields—therefore, they were exceedingly afraid of the armies of the Nephites because of their armor, notwithstanding their number being so much greater than the Nephites.

Behold, now it came to pass that they durst not come against the Nephites in the borders of Jershon; therefore they departed out of the land of Antionum into the wilderness, and took their journey round about in the wilderness, away by the head of the river Sidon, that they might come into the land of Manti and take possession of the land; for they did not suppose that the armies of Moroni would know whither they had gone.

But it came to pass, as soon as they had departed into the wilderness Moroni sent spies into the wilderness to watch their camp; and Moroni, also, knowing of the prophecies of Alma, sent certain men unto him, desiring him that he should inquire of the Lord whither the armies of the Nephites should go to defend themselves against the Lamanites.

24 Và chuyện rằng, lời của Chúa đến với An Ma, và An Ma cho các sứ giả của Mô Rô Ni hay rằng, quân La Man đang đi vòng quanh vùng hoang dã, để chúng có thể đi vào xứ Man Ti, ngõ hầu chúng có thể tấn công nhóm dân suy yếu ấy. Và những sứ giả đem tin này về cho Mô Rô Ni.

25 Giờ đây, Mô Rô Ni để lại một phần quân đội của mình ở tại xứ Giê Sơn, vì sợ rằng một toán quân La Man có thể xâm nhập xứ này và chiếm cứ thành phố, và dẫn số quân còn lại tiến thẳng vào xứ Man Ti.

26 Và ông khiến cho tất cả dân trong xứ đó phải quy tụ lại đánh dân La Man, để bảo vệ đất đai và xứ sở, cùng quyền lợi và sự tự do của họ; vậy nên họ đã được chuẩn bị để đợi dân La Man tới.

27 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cho quân đội của ông núp trong thung lũng gần bờ sông Si Đôn, nằm về hướng tây sông Si Đôn trong vùng hoang dã.

28 Và Mô Rô Ni đặt quân do thám chung quanh để ông có thể biết được lúc nào quân La Man tiến tới.

29 Và giờ đây, vì Mô Rô Ni đã biết ý định của dân La Man là muốn hủy diệt đồng bào của chúng, hay chinh phục họ và đưa họ vào vòng nô lệ để chúng có thể lập một vương quốc cho mình trên khắp lãnh thổ;

30 Và ông cũng biết rằng điều mong muốn duy nhất của dân Nê Phi là bảo tồn được xứ sở cùng sự tự do và giáo hội của họ, nên ông nghĩ không có tội lỗi gì khi ông phải dùng mưu chước để bảo vệ họ; vậy nên ông đã dùng quân do thám để khám phá ra lộ trình quân La Man sẽ đi qua.

31 Vậy nên, ông phân chia quân lính ra và đem một cánh quân đi về phía thung lũng, và cho họ ẩn nấp ở hướng đông và hướng nam đồi Ríp La;

32 Và số quân còn lại ông cho ẩn nấp trong thung lũng phía tây, nằm về hướng tây sông Si Đôn và xuống tận tới biên giới xứ Man Ti.

33 Và cứ thế ông sắp đặt quân lính theo như ý muốn của ông, và sẵn sàng chờ đón chúng.

And it came to pass that the word of the Lord came unto Alma, and Alma informed the messengers of Moroni, that the armies of the Lamanites were marching round about in the wilderness, that they might come over into the land of Manti, that they might commence an attack upon the weaker part of the people. And those messengers went and delivered the message unto Moroni.

Now Moroni, leaving a part of his army in the land of Jershon, lest by any means a part of the Lamanites should come into that land and take possession of the city, took the remaining part of his army and marched over into the land of Manti.

And he caused that all the people in that quarter of the land should gather themselves together to battle against the Lamanites, to defend their lands and their country, their rights and their liberties; therefore they were prepared against the time of the coming of the Lamanites.

And it came to pass that Moroni caused that his army should be secreted in the valley which was near the bank of the river Sidon, which was on the west of the river Sidon in the wilderness.

And Moroni placed spies round about, that he might know when the camp of the Lamanites should come.

And now, as Moroni knew the intention of the Lamanites, that it was their intention to destroy their brethren, or to subject them and bring them into bondage that they might establish a kingdom unto themselves over all the land;

And he also knowing that it was the only desire of the Nephites to preserve their lands, and their liberty, and their church, therefore he thought it no sin that he should defend them by stratagem; therefore, he found by his spies which course the Lamanites were to take.

Therefore, he divided his army and brought a part over into the valley, and concealed them on the east, and on the south of the hill Riplah;

And the remainder he concealed in the west valley, on the west of the river Sidon, and so down into the borders of the land Manti.

And thus having placed his army according to his desire, he was prepared to meet them.

34 Và chuyện rằng, dân La Man tiến lên từ phía bắc của ngọn đồi, nơi có một cánh quân của Mô Rô Ni đang ẩn nấp.

35 Và khi dân La Man đã vượt qua ngọn đồi Ríp La, và đã vào được thung lũng, và đang bắt đầu vượt qua sông Si Đôn, cánh quân ẩn nấp ở phía nam của ngọn đồi do một người chỉ huy tên là Lê Hi, và ông đã dẫn đạo quân của mình xông ra bao vây dân La Man về phía đông, đằng sau lưng của chúng.

36 Và chuyện rằng, khi dân La Man thấy dân Nê Phi tấn công phía sau lưng, chúng bèn quay lại và bắt đầu giao tranh với quân của Lê Hi.

37 Và công việc chết chóc bắt đầu cho cả đôi bên, nhưng về phía dân La Man thì khủng khiếp hơn, vì thân trần truồng của chúng phải hứng lấy những đòn mạnh mẽ của dân Nê Phi bằng gươm đao của họ, khiến cho mỗi đường gươm chém xuống đều đem lại sự chết chóc.

38 Trong lúc đó ngược lại, về phía dân Nê Phi, thì thỉnh thoảng mới có một người ngã xuống bởi những đường gươm của chúng và bị mất máu, vì họ nhờ có bọc giáp che chở những phần trọng yếu của cơ thể, nghĩa là những phần quan trọng của cơ thể đã được các giáp che ngực, các khiên che tay, và các mũ giáp che chở khỏi những đường gươm của dân La Man; và cứ thế dân Nê Phi tiến hành công việc chết chóc trong dân La Man.

39 Và chuyện rằng, dân La Man trở nên khiếp sợ, vì sự hủy diệt quá lớn lao giữa bọn chúng, rồi chúng bắt đầu chạy trốn về phía sông Si Đôn.

40 Và chúng bị Lê Hi và quân lính của ông rượt đuổi; và chúng bị Lê Hi đuổi chạy xuống sông Si Đôn, rồi chúng băng qua sông Si Đôn. Và Lê Hi giữ quân của ông lại bên bờ sông Si Đôn, không cho họ vượt qua sông.

41 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni và quân của ông đón dân La Man trong thung lũng bên kia sông Si Đôn, và họ bắt đầu tấn công và sát hại chúng.

42 Và dân La Man lại đã bỏ chạy về phía xứ Man Ti; và ở đó chúng lại đụng độ với các đội quân của Mô Rô Ni một lần nữa.

And it came to pass that the Lamanites came up on the north of the hill, where a part of the army of Moroni was concealed.

And as the Lamanites had passed the hill Riplah, and came into the valley, and began to cross the river Sidon, the army which was concealed on the south of the hill, which was led by a man whose name was Lehi, and he led his army forth and encircled the Lamanites about on the east in their rear.

And it came to pass that the Lamanites, when they saw the Nephites coming upon them in their rear, turned them about and began to contend with the army of Lehi.

And the work of death commenced on both sides, but it was more dreadful on the part of the Lamanites, for their nakedness was exposed to the heavy blows of the Nephites with their swords and their cimeters, which brought death almost at every stroke.

While on the other hand, there was now and then a man fell among the Nephites, by their swords and the loss of blood, they being shielded from the more vital parts of the body, or the more vital parts of the body being shielded from the strokes of the Lamanites, by their breastplates, and their armshields, and their head-plates; and thus the Nephites did carry on the work of death among the Lamanites.

And it came to pass that the Lamanites became frightened, because of the great destruction among them, even until they began to flee towards the river Sidon.

And they were pursued by Lehi and his men; and they were driven by Lehi into the waters of Sidon, and they crossed the waters of Sidon. And Lehi retained his armies upon the bank of the river Sidon that they should not cross.

And it came to pass that Moroni and his army met the Lamanites in the valley, on the other side of the river Sidon, and began to fall upon them and to slay them.

And the Lamanites did flee again before them, towards the land of Manti; and they were met again by the armies of Moroni.

- 43 Lần này dân La Man chiến đấu một cách vô cùng dữ dội; phải, chưa bao giờ người ta thấy dân La Man chiến đấu với một sức mạnh và lòng can đảm quá mức như vậy, chưa bao giờ, dù là lúc mới khởi đầu.
- 44 Chúng được khích lệ bởi những người Giô Ram và A Ma Léc, là các tổng lãnh binh và các cấp lãnh đạo của chúng, và bởi Giê Ra Hem Na, là tổng lãnh binh của chúng, hay là người tổng chỉ huy và lãnh đạo chúng; phải, chúng đã chiến đấu dũng mãnh như những con rồng, và nhiều dân Nê Phi đã bị sát hại bởi tay chúng, phải, chúng đã chặt làm đôi biết bao mũ đội đầu của họ, và chúng đã đâm thủng biết bao nhiều áo giáp của họ, cùng chặt đứt biết bao nhiều cánh tay của họ; và cứ thế dân La Man đã chém giết trong cơn tức giận điên cuồng của chúng.
- 45 Tuy nhiên, dân Nê Phi đã được khích lệ bởi một chính nghĩa tốt đẹp hơn, vì họ không chiến đấu cho một chính thể quân chủ hay cho một quyền thống trị nào, mà họ chiến đấu cho gia đình, cho tự do, cho vợ con của họ, và cho tất cả những gì họ có, phải, cho những nghi lễ thờ phượng cùng giáo hội của họ.
- 46 Và họ đã làm những gì mà họ nhận thấy đó là bổn phận họ có đối với Thượng Đế của họ; vì Chúa có phán với họ và tổ phụ họ rằng: Miễn là các người không phạm tội gây hấn lần thứ nhất, hay lần thứ nhì, thì các người chớ để cho mình bị sát hại bởi tay kẻ thù.
- 47 Và lại nữa, Chúa còn phán rằng: Các người phải bảo vệ gia đình mình dù có phải gây ra sự đổ máu. Vậy nên vì lý do này mà dân Nê Phi phải chiến đấu với dân La Man để bảo vệ bản thân và gia đình họ cùng đất đai, xứ sở và quyền lợi cùng tôn giáo của họ.
- 48 Và chuyện rằng, khi quân lính của Mô Rô Ni trông thấy sự cuồng bạo và giận dữ của dân La Man như vậy, họ sắp sửa tháo lui và bỏ chạy. Nhưng Mô Rô Ni đã biết ý định của họ, ông bèn gửi lời đến và khích lệ họ với những ý nghĩ trên—phải, những ý nghĩ về xứ sở của họ, nền tự do của họ, phải, về sự tự do khỏi vòng nô lệ.

Now in this case the Lamanites did fight exceedingly; yea, never had the Lamanites been known to fight with such exceedingly great strength and courage, no, not even from the beginning.

And they were inspired by the Zoramites and the Amalekites, who were their chief captains and leaders, and by Zerahemnah, who was their chief captain, or their chief leader and commander; yea, they did fight like dragons, and many of the Nephites were slain by their hands, yea, for they did smite in two many of their head-plates, and they did pierce many of their breastplates, and they did smite off many of their arms; and thus the Lamanites did smite in their fierce anger.

Nevertheless, the Nephites were inspired by a better cause, for they were not fighting for monarchy nor power but they were fighting for their homes and their liberties, their wives and their children, and their all, yea, for their rites of worship and their church.

And they were doing that which they felt was the duty which they owed to their God; for the Lord had said unto them, and also unto their fathers, that: Inasmuch as ye are not guilty of the first offense, neither the second, ye shall not suffer yourselves to be slain by the hands of your enemies.

And again, the Lord has said that: Ye shall defend your families even unto bloodshed. Therefore for this cause were the Nephites contending with the Lamanites, to defend themselves, and their families, and their lands, their country, and their rights, and their religion.

And it came to pass that when the men of Moroni saw the fierceness and the anger of the Lamanites, they were about to shrink and flee from them. And Moroni, perceiving their intent, sent forth and inspired their hearts with these thoughts—yea, the thoughts of their lands, their liberty, yea, their freedom from bondage.

49 Và chuyện rằng, họ bèn quay lại đánh trả dân La Man, và họ đồng thanh cất lời cầu xin Chúa, Thượng Đế của họ, ban cho họ nền tự do và sự tự do khỏi vòng nô lệ.

50 Rồi họ bắt đầu kháng cự dân La Man một cách rất mãnh liệt; và ngay trong giờ phút họ cầu xin Chúa ban cho họ sự tự do, thì dân La Man đã bắt đầu bỏ chạy trước mặt họ; và chúng đã bỏ chạy đến tận sông Si Đôn.

51 Bây giờ, dân La Man đông hơn, phải, đông gấp hai dân Nê Phi; tuy nhiên chúng bị đánh đuổi quá dữ dội đến nỗi chúng phải tụ họp lại thành một khối trong thung lũng bên bờ sông Si Đôn.

52 Vậy nên, quân đội của Mô Rô Ni bao vây được chúng, phải, cả hai bên bờ sông, vì này, bên phía đông là quân của Lê Hi.

53 Do đó, khi Giê Ra Hem Na trông thấy quân của Lê Hi ở phía đông sông Si Đôn và quân của Mô Rô Ni ở phía tây sông Si Đôn, và rằng chúng đã bị dân Nê Phi bao vây, nên chúng rất khiếp sợ.

54 Giờ đây, khi Mô Rô Ni trông thấy sự khiếp sợ của chúng, ông bèn ra lệnh cho quân của ông ngưng cuộc đổ máu.

And it came to pass that they turned upon the Lamanites, and they cried with one voice unto the Lord their God, for their liberty and their freedom from bondage.

And they began to stand against the Lamanites with power; and in that selfsame hour that they cried unto the Lord for their freedom, the Lamanites began to flee before them; and they fled even to the waters of Sidon.

Now, the Lamanites were more numerous, yea, by more than double the number of the Nephites; nevertheless, they were driven insomuch that they were gathered together in one body in the valley, upon the bank by the river Sidon.

Therefore the armies of Moroni encircled them about, yea, even on both sides of the river, for behold, on the east were the men of Lehi.

Therefore when Zerahemnah saw the men of Lehi on the east of the river Sidon, and the armies of Moroni on the west of the river Sidon, that they were encircled about by the Nephites, they were struck with terror.

Now Moroni, when he saw their terror, commanded his men that they should stop shedding their blood.

## An Ma 44

- 1 Và chuyện rằng, họ ngừng lại và rút lui một khoảng cách xa chúng. Rồi Mô Rô Ni nói với Giê Ra Hem Na rằng: Nay, Giê Ra Hem Na, bọn ta không muốn làm những người thích sự đổ máu. Người biết rằng, mặc dù các người đang ở trong tay bọn ta, nhưng bọn ta không muốn giết hại các người.
- 2 Nay, bọn ta không phải đến đây để đánh với các người và làm đổ máu các người vì quyền hành; và bọn ta cũng không muốn đặt ách nô lệ lên trên bất cứ một ai. Nhưng đó lại chính là mục đích của các người khi các người tiến đánh bọn ta; phải, và các người còn tức giận bọn ta vì tôn giáo của bọn ta nữa.
- 3 Nhưng giờ đây, người thấy rằng Chúa đã ở với bọn ta; và này, người cũng thấy rằng Ngài đã trao các người vào tay bọn ta. Và giờ đây ta mong rằng, người phải hiểu sở dĩ bọn ta được như vậy là nhờ tôn giáo và đức tin của bọn ta nơi Đấng Ky Tô. Và giờ đây người thấy rằng người không thể nào phá hủy đức tin ấy của bọn ta được.
- 4 Giờ đây người thấy rằng, đó là đức tin chân thật nơi Thượng Đế; phải, người thấy rằng Thượng Đế sẽ nâng đỡ, gìn giữ, và bảo tồn bọn ta, một khi bọn ta vẫn còn trung thành với Ngài, với đức tin và tôn giáo của bọn ta; và Chúa sẽ không bao giờ chịu để cho bọn ta phải bị hủy diệt trừ phi bọn ta sa vào vòng phạm giới và chối bỏ đức tin của mình.
- 5 Vậy giờ đây, hỡi Giê Ra Hem Na, ta ra lệnh cho người, trong danh Thượng Đế Toàn Năng là Đấng đã ban thêm sức mạnh cho cánh tay của bọn ta khiến bọn ta đánh thắng được các người, bởi đức tin, tôn giáo, các nghi lễ thờ phượng, và giáo hội của bọn ta, và bởi sự nâng đỡ thiêng liêng mà bọn ta có đối với vợ con của bọn ta, bởi quyền tự do mà đã ràng buộc bọn ta với đất đai và xứ sở; phải, và bởi sự bảo tồn lời thiêng liêng của Thượng Đế mà nhờ đó bọn ta mới có được mọi hạnh phúc; và bởi tất cả những gì thiết tha yêu mến nhất đối với bọn ta—

## Alma 44

And it came to pass that they did stop and withdrew a pace from them. And Moroni said unto Zerahemnah: Behold, Zerahemnah, that we do not desire to be men of blood. Ye know that ye are in our hands, yet we do not desire to slay you.

Behold, we have not come out to battle against you that we might shed your blood for power; neither do we desire to bring any one to the yoke of bondage. But this is the very cause for which ye have come against us; yea, and ye are angry with us because of our religion.

But now, ye behold that the Lord is with us; and ye behold that he has delivered you into our hands. And now I would that ye should understand that this is done unto us because of our religion and our faith in Christ. And now ye see that ye cannot destroy this our faith.

Now ye see that this is the true faith of God; yea, ye see that God will support, and keep, and preserve us, so long as we are faithful unto him, and unto our faith, and our religion; and never will the Lord suffer that we shall be destroyed except we should fall into transgression and deny our faith.

And now, Zerahemnah, I command you, in the name of that all-powerful God, who has strengthened our arms that we have gained power over you, by our faith, by our religion, and by our rites of worship, and by our church, and by the sacred support which we owe to our wives and our children, by that liberty which binds us to our lands and our country; yea, and also by the maintenance of the sacred word of God, to which we owe all our happiness; and by all that is most dear unto us—

6 Phải, nhưng như vậy chưa phải là hết; bởi tất cả những ước muốn sống còn của các người, ta ra lệnh cho người phải trao cho chúng ta tất cả những vũ khí chiến tranh của các người, và chúng ta sẽ không tìm cách làm đổ máu các người, mà chúng ta sẽ tha cho mạng sống các người, nếu các người rời khỏi đây và không trở lại gây chiến với bọn ta nữa.

7 Và giờ đây, nếu người không làm như vậy, này, các người đang ở trong tay bọn ta, và ta sẽ ra lệnh cho quân ta xông vào các người và giáng trên thân thể các người những vết thương chí tử, khiến cho các người phải bị tận diệt; và rồi lúc ấy chúng ta sẽ thấy ai là kẻ có quyền hành đối với dân này; phải, và lúc ấy chúng ta sẽ thấy ai là kẻ sẽ bị rơi vào vòng nô lệ.

8 Và giờ đây chuyện rằng, khi Giê Ra Hem Na nghe xong những lời ấy, hắn đã tiến lên nạp đao kiếm và cung tên của hắn vào tay Mô Rô Ni mà nói rằng: Này, đây là vũ khí chiến tranh của bọn ta, bọn ta giao nạp cho các người, nhưng bọn ta không chịu tuyên thệ điều gì với các người cả, vì bọn ta biết rằng, bọn ta sẽ vi phạm lời thệ ước đó, và luôn cả con cháu của bọn ta cũng vậy; nhưng các người hãy nhận vũ khí chiến tranh của bọn ta và để cho bọn ta đi vào vùng hoang dã; bằng không thì bọn ta sẽ giữ lại gươm, và hoặc bọn ta sẽ chết hoặc sẽ chiến thắng.

9 Này, bọn ta không cùng chung một tín ngưỡng với các người; bọn ta không tin rằng chính Thượng Đế đã trao bọn ta vào tay các người; nhưng bọn ta tin là chính nhờ mưu kế mà các người đã thoát được lưỡi gươm của bọn ta. Này, chính nhờ các giáp che ngực, và các khiên che của các người đã bảo tồn được các người.

10 Và giờ đây, khi Giê Ra Hem Na dứt lời, Mô Rô Ni liền trao trả cho Giê Ra Hem Na gươm đao và các vũ khí chiến tranh mà ông đã tiếp nhận, rồi ông bảo rằng: Này, chúng ta hãy chấm dứt cuộc giao tranh.

Yea, and this is not all; I command you by all the desires which ye have for life, that ye deliver up your weapons of war unto us, and we will seek not your blood, but we will spare your lives, if ye will go your way and come not again to war against us.

And now, if ye do not this, behold, ye are in our hands, and I will command my men that they shall fall upon you, and inflict the wounds of death in your bodies, that ye may become extinct; and then we will see who shall have power over this people; yea, we will see who shall be brought into bondage.

And now it came to pass that when Zerahemnah had heard these sayings he came forth and delivered up his sword and his cimeter, and his bow into the hands of Moroni, and said unto him: Behold, here are our weapons of war; we will deliver them up unto you, but we will not suffer ourselves to take an oath unto you, which we know that we shall break, and also our children; but take our weapons of war, and suffer that we may depart into the wilderness; otherwise we will retain our swords, and we will perish or conquer.

Behold, we are not of your faith; we do not believe that it is God that has delivered us into your hands; but we believe that it is your cunning that has preserved you from our swords. Behold, it is your breastplates and your shields that have preserved you.

And now when Zerahemnah had made an end of speaking these words, Moroni returned the sword and the weapons of war, which he had received, unto Zerahemnah, saying: Behold, we will end the conflict.

11 Giờ đây, ta không thể lấy lại lời ta đã nói, vậy nên, như Chúa là Đấng hằng sống, các người sẽ không đi được trừ phi các người thề rằng các người sẽ không trở lại gây chiến với bọn ta nữa. Giờ đây các người đang ở trong tay bọn ta, chúng ta sẽ làm cho máu các người đổ ra lênh láng trên mặt đất nếu các người không chịu tuân phục những điều kiện mà ta đã đưa ra.

12 Và giờ đây khi Mô Rô Ni nói xong những lời ấy, Giê Ra Hem Na chụp lại gươm và hấn nổi giận Mô Rô Ni và nhảy xổ lên định giết chết Mô Rô Ni; nhưng khi hấn vừa đưa gươm lên, này, một người lính của Mô Rô Ni liền đánh văng lưỡi gươm của hấn xuống đất làm cho gươm phải gãy cán; và người lính ấy còn chém luôn cả Giê Ra Hem Na, xén mảnh da đầu hấn rơi xuống đất. Và Giê Ra Hem Na phải chạy trốn vào đám quân lính của hấn.

13 Và chuyện rằng, người lính đứng gần là người vừa chém mảnh da đầu của Giê Ra Hem Na, nhặt mảnh da đầu ấy dưới đất lên bằng tóc và cắm vào mũi gươm, rồi đưa cao lên cho chúng thấy và nói lớn lên rằng:

14 Mảnh da đầu này của người chỉ huy các người đã rơi xuống đất như thế nào, thì các người cũng sẽ bị rơi xuống đất như vậy, trừ phi các người chịu nộp vũ khí chiến tranh của mình và ra đi với một giao ước hòa bình.

15 Lúc bấy giờ, có nhiều người khi nghe được những lời ấy và trông thấy mảnh da đầu trên mũi gươm liền sợ hãi; và nhiều người tiến lên đặt vũ khí chiến tranh của mình xuống chân Mô Rô Ni và lập giao ước hòa bình. Và tất cả những ai đã lập giao ước đều được ra đi vào vùng hoang dã.

16 Giờ đây, chuyện rằng, Giê Ra Hem Na tức giận vô cùng, và hấn khích động những quân lính còn lại của hấn nổi giận theo và đánh lại dân Nê Phi một cách mãnh liệt hơn.

17 Và giờ đây, Mô Rô Ni nổi cơn tức giận vì sự ngoan cố của dân La Man, nên ông ra lệnh cho quân ông xông vào bọn chúng và tàn sát chúng. Và chuyện rằng họ bắt đầu tàn sát chúng; phải, và dân La Man cũng dùng gươm đánh trả lại với hết sức lực của mình.

Now I cannot recall the words which I have spoken, therefore as the Lord liveth, ye shall not depart except ye depart with an oath that ye will not return again against us to war. Now as ye are in our hands we will spill your blood upon the ground, or ye shall submit to the conditions which I have proposed.

And now when Moroni had said these words, Zerahemnah retained his sword, and he was angry with Moroni, and he rushed forward that he might slay Moroni; but as he raised his sword, behold, one of Moroni's soldiers smote it even to the earth, and it broke by the hilt; and he also smote Zerahemnah that he took off his scalp and it fell to the earth. And Zerahemnah withdrew from before them into the midst of his soldiers.

And it came to pass that the soldier who stood by, who smote off the scalp of Zerahemnah, took up the scalp from off the ground by the hair, and laid it upon the point of his sword, and stretched it forth unto them, saying unto them with a loud voice:

Even as this scalp has fallen to the earth, which is the scalp of your chief, so shall ye fall to the earth except ye will deliver up your weapons of war and depart with a covenant of peace.

Now there were many, when they heard these words and saw the scalp which was upon the sword, that were struck with fear; and many came forth and threw down their weapons of war at the feet of Moroni, and entered into a covenant of peace. And as many as entered into a covenant they suffered to depart into the wilderness.

Now it came to pass that Zerahemnah was exceedingly wroth, and he did stir up the remainder of his soldiers to anger, to contend more powerfully against the Nephites.

And now Moroni was angry, because of the stubbornness of the Lamanites; therefore he commanded his people that they should fall upon them and slay them. And it came to pass that they began to slay them; yea, and the Lamanites did contend with their swords and their might.



18 Nhưng này, thân mình trần truồng và đầu trần của chúng đã bị phô bày ra cho những đường gươm sắc bén của dân Nê Phi; phải, này, chúng bị đâm xuyên qua người và bị chém ngã, phải, và chúng ngã gục hết sức mau lẹ trước lưỡi gươm của dân Nê Phi; và chúng bắt đầu bị quét sạch đúng như lời người lính của Mô Rô Ni đã báo trước.

19 Giờ đây khi Giê Ra Hem Na trông thấy rằng chúng sắp bị giết chết hết, hắn bèn kêu lớn lên cùng Mô Rô Ni mà hứa rằng hắn sẽ chịu lập giao ước, và luôn cả quân của hắn cũng vậy, nếu họ tha cho mạng sống của tàn quân của hắn, thì chúng sẽ không bao giờ còn đến đây gây chiến với họ nữa.

20 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni lại một lần nữa ra lệnh cho công việc chết chóc trong dân chúng phải ngừng lại. Và ông tịch thu các vũ khí chiến tranh của dân La Man; và sau khi chúng đã lập giao ước với ông về hòa bình, chúng đã được cho phép ra đi vào vùng hoang dã.

21 Giờ đây số người bị giết chết không thể đếm xiết được vì quá nhiều; phải, số người chết quá lớn lao cho cả dân Nê Phi lẫn dân La Man.

22 Và chuyện rằng, họ liệng những xác chết xuống sông Si Đôn, và những xác chết ấy trôi đi và bị chôn vùi trong lòng biển sâu.

23 Và những đạo quân Nê Phi, hay của Mô Rô Ni, trở về với nhà cửa và đất đai của họ.

24 Vậy là chấm dứt năm thứ mười tám dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi. Và như vậy đã chấm dứt biên sử của An Ma, là biên sử đã được ghi chép trên các bảng khắc Nê Phi.

But behold, their naked skins and their bare heads were exposed to the sharp swords of the Nephites; yea, behold they were pierced and smitten, yea, and did fall exceedingly fast before the swords of the Nephites; and they began to be swept down, even as the soldier of Moroni had prophesied.

Now Zerahemnah, when he saw that they were all about to be destroyed, cried mightily unto Moroni, promising that he would covenant and also his people with them, if they would spare the remainder of their lives, that they never would come to war again against them.

And it came to pass that Moroni caused that the work of death should cease again among the people. And he took the weapons of war from the Lamanites; and after they had entered into a covenant with him of peace they were suffered to depart into the wilderness.

Now the number of their dead was not numbered because of the greatness of the number; yea, the number of their dead was exceedingly great, both on the Nephites and on the Lamanites.

And it came to pass that they did cast their dead into the waters of Sidon, and they have gone forth and are buried in the depths of the sea.

And the armies of the Nephites, or of Moroni, returned and came to their houses and their lands.

And thus ended the eighteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi. And thus ended the record of Alma, which was written upon the plates of Nephi.

Truyện ký về dân Nê Phi, những cuộc chiến tranh và những sự tranh chấp của họ vào thời Hê La Man, theo biên sử của Hê La Man, là biên sử mà ông lưu giữ vào thời ông.

## An Ma 45

- 1    Này, giờ đây chuyện rằng, dân Nê Phi hết sức hân hoan, vì Chúa lại một lần nữa giải thoát họ khỏi tay kẻ thù; vậy nên họ tạ ơn Chúa, Thượng Đế của họ; phải, và họ đã nhịn ăn và cầu nguyện rất nhiều, và họ đã thờ phượng Thượng Đế với một niềm vui sướng cực kỳ lớn lao.
- 2    Và chuyện rằng, vào năm thứ mười chín dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, An Ma đến cùng con trai ông là Hê La Man và hỏi con ông rằng: Con có tin những lời cha nói về các biên sử đã được lưu giữ chẳng?
- 3    Và Hê La Man đáp lời ông rằng: Thưa có, con tin.
- 4    Và An Ma lại hỏi: Con có tin Chúa Giê Su Kỵ Tô là Đấng sẽ đến chẳng?
- 5    Và ông đáp: Thưa có, con tin tất cả những lời cha nói.
- 6    Và An Ma lại hỏi ông rằng: Con sẽ tuân giữ những lệnh truyền của cha chẳng?
- 7    Và ông đáp: Thưa có, con sẽ hết lòng tuân giữ các lệnh truyền của cha.
- 8    Rồi An Ma nói với ông rằng: Phước thay cho con! Chúa sẽ cho con được thịnh vượng trong xứ này.
- 9    Nhưng này, cha có một ít điều muốn tiên tri cho con biết; nhưng những điều cha tiên tri đây con chớ có tiết lộ ra; phải, những điều gì cha tiên tri cho con biết sẽ không được tiết lộ ra dù đến khi lời tiên tri này được ứng nghiệm rồi cũng vậy; vậy nên hãy ghi lại những lời cha sắp nói.
- 10    Và sau đây là những lời ông nói: Này, theo tinh thần mặc khải hằng có ở trong cha, cha nhận thấy rằng dân này, tức là dân Nê Phi, sau bốn trăm năm kể từ ngày Chúa Giê Su Kỵ Tô biểu hiện cho họ thấy, sẽ sa vào vòng vô tín nguờng.

The account of the people of Nephi, and their wars and dissensions, in the days of Helaman, according to the record of Helaman, which he kept in his days.

## Alma 45

Behold, now it came to pass that the people of Nephi were exceedingly rejoiced, because the Lord had again delivered them out of the hands of their enemies; therefore they gave thanks unto the Lord their God; yea, and they did fast much and pray much, and they did worship God with exceedingly great joy.

And it came to pass in the nineteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi, that Alma came unto his son Helaman and said unto him: Believest thou the words which I spake unto thee concerning those records which have been kept?

And Helaman said unto him: Yea, I believe.

And Alma said again: Believest thou in Jesus Christ, who shall come?

And he said: Yea, I believe all the words which thou hast spoken.

And Alma said unto him again: Will ye keep my commandments?

And he said: Yea, I will keep thy commandments with all my heart.

Then Alma said unto him: Blessed art thou; and the Lord shall prosper thee in this land.

But behold, I have somewhat to prophesy unto thee; but what I prophesy unto thee ye shall not make known; yea, what I prophesy unto thee shall not be made known, even until the prophecy is fulfilled; therefore write the words which I shall say.

And these are the words: Behold, I perceive that this very people, the Nephites, according to the spirit of revelation which is in me, in four hundred years from the time that Jesus Christ shall manifest himself unto them, shall dwindle in unbelief.

- 11 Phải, và lúc đó họ sẽ trông thấy những trận chiến tranh, những nạn dịch, phải, những nạn đói kém và những cuộc đổ máu cho đến khi dân Nê Phi bị tiêu diệt—
- 12 Phải, và điều này xảy ra vì họ sẽ sa vào vòng vô tín ngưỡng và rơi vào những việc làm trong bóng tối, của sự dâm dật cùng tất cả mọi sự bất chính khác; phải, cha nói cho con hay rằng, vì họ sẽ phạm tội chống lại ánh sáng vĩ đại và sự hiểu biết, phải, cha nói cho con hay rằng, kể từ ngày đó, khi thế hệ thứ tư chưa qua hẳn, thì sự bất chính lớn lao này sẽ xảy ra.
- 13 Và khi ngày vĩ đại ấy đến, và thời gian đó sẽ đến rất chóng, này, những người đang sống bây giờ, hay dòng dõi của những người đang sống bây giờ được tính chung vào dân Nê Phi, lúc ấy sẽ không còn được tính chung vào dân Nê Phi nữa.
- 14 Nhưng những kẻ nào còn sống sót và không bị hủy diệt vào ngày trọng đại và khủng khiếp ấy thì sẽ được tính chung vào dân La Man, và sẽ trở thành giống như chúng, chỉ trừ ra một số ít người được gọi là môn đồ của Chúa; và họ sẽ bị dân La Man truy lùng cho đến khi họ bị tiêu diệt. Và giờ đây, cũng vì sự bất chính nên lời tiên tri này sẽ được ứng nghiệm.
- 15 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi An Ma nói xong những điều này với Hê La Man, ông đã ban phước cho Hê La Man và các con trai khác của ông; và ông cũng ban phước cho thế gian vì những người ngay chính.
- 16 Và ông bảo: Đức Chúa Trời phán như vậy—Xứ này sẽ bị nguyên rủa, phải, xứ này và mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc nào làm điều tà ác, đều phải bị nguyên rủa cho đến hủy diệt khi họ đã chín muồi; và những điều cha đã nói sẽ xảy ra đúng như vậy; vì đó là sự nguyên rủa và sự ban phước của Thượng Đế trên xứ này, vì Chúa chẳng nhìn tội lỗi với một mảy may khoan dung nào.
- 17 Và giờ đây, khi An Ma nói xong những lời này, ông bèn ban phước cho giáo hội, phải, ông ban phước cho tất cả những ai sẽ đứng vững trong đức tin từ đó về sau.

Yea, and then shall they see wars and pestilences, yea, famines and bloodshed, even until the people of Nephi shall become extinct—

Yea, and this because they shall dwindle in unbelief and fall into the works of darkness, and lasciviousness, and all manner of iniquities; yea, I say unto you, that because they shall sin against so great light and knowledge, yea, I say unto you, that from that day, even the fourth generation shall not all pass away before this great iniquity shall come.

And when that great day cometh, behold, the time very soon cometh that those who are now, or the seed of those who are now numbered among the people of Nephi, shall no more be numbered among the people of Nephi.

But whosoever remaineth, and is not destroyed in that great and dreadful day, shall be numbered among the Lamanites, and shall become like unto them, all, save it be a few who shall be called the disciples of the Lord; and them shall the Lamanites pursue even until they shall become extinct. And now, because of iniquity, this prophecy shall be fulfilled.

And now it came to pass that after Alma had said these things to Helaman, he blessed him, and also his other sons; and he also blessed the earth for the righteous' sake.

And he said: Thus saith the Lord God—Cursed shall be the land, yea, this land, unto every nation, kindred, tongue, and people, unto destruction, which do wickedly, when they are fully ripe; and as I have said so shall it be; for this is the cursing and the blessing of God upon the land, for the Lord cannot look upon sin with the least degree of allowance.

And now, when Alma had said these words he blessed the church, yea, all those who should stand fast in the faith from that time henceforth.

- 18 Và sau khi An Ma làm xong việc này, ông lên đường ra đi khỏi xứ Gia Ra Hem La, và hình như ông đi sang xứ Mê Lê. Và chuyện rằng, người ta không còn nghe nói đến ông nữa; về cái chết của ông hay sự chôn cất ông chúng tôi cũng không biết gì cả.
- 19 Nay, điều mà chúng tôi biết, ông là một người ngay chính; và có tiếng đồn khắp trong giáo hội là ông được Thánh Linh rước đi hay ông được bàn tay của Chúa chôn cất, như Môi Se vậy. Nhưng này, thánh thư có nói rằng Chúa đã đem Môi Se về với Ngài; và chúng tôi cho rằng, Ngài cũng rước An Ma trong linh hồn về cùng Ngài; vậy nên, chúng tôi không biết gì về cái chết của ông và sự chôn cất ông cả.
- 20 Và giờ đây chuyện rằng, vào đầu năm thứ mười chín dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, Hê La Man đã ra đi giữa dân chúng để rao truyền lời của Thượng Đế cho họ biết.
- 21 Vì này, vì các cuộc chiến tranh với dân La Man cùng nhiều vụ bất hòa nhỏ và các sự rối loạn đã xảy ra trong dân chúng, nên điều trở nên cần thiết là lời của Thượng Đế phải được rao truyền cho họ nghe, phải, và một quy luật cần phải được ban hành trong khắp giáo hội.
- 22 Vậy nên, Hê La Man và các anh em của ông đã ra đi để chỉnh đốn lại giáo hội trong khắp xứ, phải, trong mọi thành phố khắp xứ do dân Nê Phi chiếm hữu. Và chuyện rằng, họ chỉ định các thầy tư tế và các thầy giảng cai quản tất cả các giáo hội khắp trong xứ.
- 23 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi Hê La Man và các anh em của ông đã chỉ định xong các thầy tư tế và các thầy giảng cai quản các giáo hội, thì có một sự bất hòa nổi lên ở giữa họ, và họ không còn để tâm tới những lời của Hê La Man và các anh em của ông nữa;
- 24 Nhưng họ trở nên kiêu ngạo, tự cao tự đại trong lòng mình, cũng vì của cải của họ quá nhiều; vậy nên, họ trở nên giàu có đối với con mắt của họ, và không còn muốn để tâm tới những lời của họ, là bước đi ngay thẳng trước mặt Thượng Đế.

And when Alma had done this he departed out of the land of Zarahemla, as if to go into the land of Melek. And it came to pass that he was never heard of more; as to his death or burial we know not of.

Behold, this we know, that he was a righteous man; and the saying went abroad in the church that he was taken up by the Spirit, or buried by the hand of the Lord, even as Moses. But behold, the scriptures saith the Lord took Moses unto himself; and we suppose that he has also received Alma in the spirit, unto himself; therefore, for this cause we know nothing concerning his death and burial.

And now it came to pass in the commencement of the nineteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi, that Helaman went forth among the people to declare the word unto them.

For behold, because of their wars with the Lamanites and the many little dissensions and disturbances which had been among the people, it became expedient that the word of God should be declared among them, yea, and that a regulation should be made throughout the church.

Therefore, Helaman and his brethren went forth to establish the church again in all the land, yea, in every city throughout all the land which was possessed by the people of Nephi. And it came to pass that they did appoint priests and teachers throughout all the land, over all the churches.

And now it came to pass that after Helaman and his brethren had appointed priests and teachers over the churches that there arose a dissension among them, and they would not give heed to the words of Helaman and his brethren;

But they grew proud, being lifted up in their hearts, because of their exceedingly great riches; therefore they grew rich in their own eyes, and would not give heed to their words, to walk uprightly before God.

## An Ma 46

- 1 Và chuyện rằng, tất cả những người không muốn nghe theo những lời của Hê La Man và các anh em của ông đã tụ họp nhau lại chống các anh em mình.
- 2 Và giờ đây, này, những người này quá ư tức giận đến độ chúng quyết định sát hại họ.
- 3 Bây giờ người cầm đầu nhóm người đang tức giận các anh em mình là một người to lớn và mạnh mẽ, và tên của hắn là A Ma Lịch Gia.
- 4 Và A Ma Lịch Gia có ý muốn lên làm vua; và những kẻ tức giận kia cũng muốn hắn lên làm vua của họ; và phần đông những kẻ ấy là các phán quan cấp thấp trong nước, là những kẻ tìm kiếm quyền hành.
- 5 Và họ bị dẫn dắt bởi những lời phỉnh gạt của A Ma Lịch Gia rằng, nếu họ ủng hộ hắn và tôn hắn lên làm vua của họ thì hắn sẽ đặt họ lên cai trị dân chúng.
- 6 Vậy nên họ bị A Ma Lịch Gia dẫn dắt vào những cuộc ly khai, mặc dầu có những lời thuyết giáo của Hê La Man và các anh em ông, phải, mặc dù có sự chăm sóc tận tình của họ đối với giáo hội, vì họ là các thầy tư tế thượng phẩm cai quản giáo hội.
- 7 Và trong giáo hội có nhiều người tin vào những lời phỉnh gạt của A Ma Lịch Gia, nên họ đã ly khai khỏi giáo hội; do đó mà tình hình của dân Nê Phi thật vô cùng bấp bênh và nguy hiểm, mặc dù họ đã thắng dân La Man một cách vẻ vang, và họ đã rất hân hoan sung sướng vì đã được bàn tay của Chúa giải thoát.
- 8 Do đó chúng ta thấy rằng, con cái loài người quả thật quên Chúa, Thượng Đế của họ, một cách mau chóng làm sao, phải, họ mau chóng làm điều bất chính và dễ bị ác quỷ dẫn dắt.
- 9 Phải, và chúng ta cũng thấy được sự tà ác lớn lao mà một kẻ đại ác có thể gây ra cho con cái loài người.

## Alma 46

And it came to pass that as many as would not hearken to the words of Helaman and his brethren were gathered together against their brethren.

And now behold, they were exceedingly wroth, insomuch that they were determined to slay them.

Now the leader of those who were wroth against their brethren was a large and a strong man; and his name was Amalickiah.

And Amalickiah was desirous to be a king; and those people who were wroth were also desirous that he should be their king; and they were the greater part of them the lower judges of the land, and they were seeking for power.

And they had been led by the flatteries of Amalickiah, that if they would support him and establish him to be their king that he would make them rulers over the people.

Thus they were led away by Amalickiah to dissensions, notwithstanding the preaching of Helaman and his brethren, yea, notwithstanding their exceedingly great care over the church, for they were high priests over the church.

And there were many in the church who believed in the flattering words of Amalickiah, therefore they dissented even from the church; and thus were the affairs of the people of Nephi exceedingly precarious and dangerous, notwithstanding their great victory which they had had over the Lamanites, and their great rejoicings which they had had because of their deliverance by the hand of the Lord.

Thus we see how quick the children of men do forget the Lord their God, yea, how quick to do iniquity, and to be led away by the evil one.

Yea, and we also see the great wickedness one very wicked man can cause to take place among the children of men.

10 Phải, chúng ta thấy rằng, A Ma Lịch Gia là một kẻ có thủ đoạn xảo quyệt và là kẻ có nhiều lời phỉnh gạt nên hắn đã dẫn dắt trái tim nhiều người làm điều tà ác; phải, và còn tìm cách phá hoại giáo hội của Thượng Đế, và hủy diệt nền tảng tự do mà Thượng Đế đã ban cho họ, hay phước lành mà Thượng Đế đã ban cho xứ sở này vì những người ngay chính.

11 Và giờ đây chuyện rằng, khi Mô Rô Ni, vị tổng lãnh binh các đạo quân Nê Phi, biết được những cuộc ly khai này, ông rất tức giận A Ma Lịch Gia.

12 Và chuyện rằng ông xé áo choàng của mình; và ông lấy một miếng vải áo đó rồi viết lên những chữ như vậy: Để tưởng nhớ đến Thượng Đế, tôn giáo, sự tự do, hòa bình, và vợ con của chúng ta! Rồi ông cột mảnh vải ấy vào đầu một cây sào.

13 Xong ông đội mũ giáp, mang tấm giáp che ngực, tay cầm khiên che, và đeo áo giáp quanh hông; rồi ông cầm cây sào có buộc miếng vải đã xé ở áo ra (mà ông gọi là lá cờ tự do) và ông cúi rạp mình xuống đất thiết tha cầu nguyện lên Thượng Đế xin Ngài ban phước cho nền tự do được tồn tại lâu dài cho đồng bào của ông một khi các Kỳ Tô hữu vẫn còn chiếm hữu xứ này—

14 Vì tất cả các tín đồ chân thật của Đấng Kỳ Tô, là những người thuộc giáo hội của Thượng Đế, được những người không thuộc giáo hội gọi như vậy.

15 Và những ai thuộc giáo hội đều là những người rất trung thành; phải, tất cả những ai thực lòng tin nơi Đấng Kỳ Tô đều rất sung sướng được mang danh Đấng Kỳ Tô, hay được gọi là Kỳ Tô hữu, như người ngoài đã gọi họ, vì họ tin nơi Đấng Kỳ Tô, là Đấng sẽ đến.

16 Và do đó, lúc bấy giờ Mô Rô Ni đã cầu nguyện cho chính nghĩa của các Kỳ Tô hữu và cho nền tự do của xứ sở được vững bền.

17 Và chuyện rằng, trong lúc ông dâng hết tâm hồn lên Thượng Đế, ông đặt tên cho tất cả đất ở phía nam xứ Hoang Vu, phải, nói chung, tất cả đất ở phía bắc và phía nam—là xứ chọn lọc, và là xứ tự do.

Yea, we see that Amalickiah, because he was a man of cunning device and a man of many flattering words, that he led away the hearts of many people to do wickedly; yea, and to seek to destroy the church of God, and to destroy the foundation of liberty which God had granted unto them, or which blessing God had sent upon the face of the land for the righteous' sake.

And now it came to pass that when Moroni, who was the chief commander of the armies of the Nephites, had heard of these dissensions, he was angry with Amalickiah.

And it came to pass that he rent his coat; and he took a piece thereof, and wrote upon it—In memory of our God, our religion, and freedom, and our peace, our wives, and our children—and he fastened it upon the end of a pole.

And he fastened on his head-plate, and his breastplate, and his shields, and girded on his armor about his loins; and he took the pole, which had on the end thereof his rent coat, (and he called it the title of liberty) and he bowed himself to the earth, and he prayed mightily unto his God for the blessings of liberty to rest upon his brethren, so long as there should a band of Christians remain to possess the land—

For thus were all the true believers of Christ, who belonged to the church of God, called by those who did not belong to the church.

And those who did belong to the church were faithful; yea, all those who were true believers in Christ took upon them, gladly, the name of Christ, or Christians as they were called, because of their belief in Christ who should come.

And therefore, at this time, Moroni prayed that the cause of the Christians, and the freedom of the land might be favored.

And it came to pass that when he had poured out his soul to God, he named all the land which was south of the land Desolation, yea, and in fine, all the land, both on the north and on the south—A chosen land, and the land of liberty.

- 18 Và ông nói rằng: Chắc chắn là Thượng Đế sẽ không chịu để cho chúng ta, là những người bị khinh rẻ vì chúng ta mang danh Đấng Kỵ Tô, sẽ bị chà đạp dưới chân và bị hủy diệt, trừ phi chúng ta rước lấy những chuyện đó bằng cách tự mình phạm tội.
- 19 Và khi Mô Rô Ni nói xong những lời này, ông đã đi ra giữa đám dân chúng, và phất miếng vải xé ở áo ra lên trên không, để cho tất cả mọi người thấy được những chữ viết mà ông đã viết lên trên đó, rồi ông cất cao giọng nói lên rằng:
- 20 Nay, bất cứ ai muốn duy trì biểu hiệu này cho xứ sở thì hãy lại đây trong sức mạnh của Chúa, và hãy lập giao ước rằng, mình sẽ duy trì quyền lợi và tôn giáo của mình để được Đức Chúa Trời ban phước.
- 21 Và chuyện rằng, sau khi Mô Rô Ni tuyên bố xong những lời này, thì kìa, dân chúng cùng nhau kéo đến với áo giáp đeo quanh hông, xé áo làm hiệu, hay làm giao ước rằng, họ sẽ không từ bỏ Chúa, Thượng Đế của họ; hay nói cách khác, nếu họ vi phạm những lệnh truyền của Thượng Đế, hay bị sa vào vòng phạm giới và thấy xấu hổ vì mang danh Đấng Kỵ Tô, thì Chúa sẽ xé nát họ như họ đã xé rách y phục họ vậy.
- 22 Giờ đây đó là giao ước mà họ đã lập, và họ quăng áo xuống chân Mô Rô Ni mà nói rằng: Chúng tôi xin giao ước với Thượng Đế của chúng tôi rằng, chúng tôi sẽ bị hủy diệt, chẳng khác chi các đồng bào của chúng tôi ở đất bắc, nếu chúng tôi sa vào vòng phạm giới; phải, Ngài có thể ném chúng tôi xuống dưới chân kẻ thù của chúng tôi chẳng khác chi chúng tôi vừa ném áo chúng tôi xuống chân ông để bị chà đạp dưới chân, nếu chúng tôi sa vào vòng phạm giới.

And he said: Surely God shall not suffer that we, who are despised because we take upon us the name of Christ, shall be trodden down and destroyed, until we bring it upon us by our own transgressions.

And when Moroni had said these words, he went forth among the people, waving the rent part of his garment in the air, that all might see the writing which he had written upon the rent part, and crying with a loud voice, saying:

Behold, whosoever will maintain this title upon the land, let them come forth in the strength of the Lord, and enter into a covenant that they will maintain their rights, and their religion, that the Lord God may bless them.

And it came to pass that when Moroni had proclaimed these words, behold, the people came running together with their armor girded about their loins, rending their garments in token, or as a covenant, that they would not forsake the Lord their God; or, in other words, if they should transgress the commandments of God, or fall into transgression, and be ashamed to take upon them the name of Christ, the Lord should rend them even as they had rent their garments.

Now this was the covenant which they made, and they cast their garments at the feet of Moroni, saying: We covenant with our God, that we shall be destroyed, even as our brethren in the land northward, if we shall fall into transgression; yea, he may cast us at the feet of our enemies, even as we have cast our garments at thy feet to be trodden under foot, if we shall fall into transgression.

23 Mô Rô Ni đã nói với họ rằng: Đây, chúng ta là những người còn sót lại của dòng dõi Gia Cốp; phải, chúng ta là những người còn sót lại của dòng dõi Giô Sép, tức là người đã bị các anh em mình xé rách áo thành nhiều mảnh; phải, và giờ đây này, chúng ta hãy nhớ tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, bằng không thì y phục của chúng ta cũng sẽ bị các đồng bào của chúng ta xé rách như vậy, và rồi chúng ta sẽ bị giam vào ngục thất, hoặc bị bán, hay bị giết chết.

24 Phải, với tư cách là phần còn sót lại của Giô Sép chúng ta hãy bảo tồn nền tự do của mình; phải, chúng ta hãy ghi nhớ những lời của Gia Cốp nói trước khi ông chết, vì này, ông đã thấy trước được rằng, một phần còn sót lại của cái áo Giô Sép sẽ được bảo tồn và không bị hư nát. Và ông bảo rằng—Cũng như phần còn sót lại này của y phục con trai ta đã được bảo tồn như thế nào, thì phần còn sót lại của dòng dõi con trai ta cũng sẽ được bàn tay của Thượng Đế bảo tồn như vậy, và sẽ được Ngài đem về cùng Ngài; trong khi đó, phần còn sót lại kia của dòng dõi Giô Sép sẽ bị diệt vong, chẳng khác chi phần còn sót lại của y phục của nó vậy.

25 Giờ đây, này, điều này đã làm cho tâm hồn ta sầu khổ; tuy nhiên, tâm hồn ta cũng được phần nào vui mừng nơi con trai ta, vì phần dòng dõi đó của nó sẽ được đem về với Thượng Đế.

26 Giờ đây này, đó là lời lẽ của Gia Cốp.

27 Và giờ đây, biết đâu, phần còn sót lại của dòng dõi Giô Sép, là phần sẽ bị diệt vong như y phục của ông, là những người đã ly khai chúng ta? Phải, và biết đâu chính chúng ta cũng bị như vậy nếu chúng ta không giữ vững đức tin nơi Đấng Ky Tô?

28 Và giờ đây chuyện rằng, khi Mô Rô Ni nói xong những lời này, ông đã ra đi, và cũng cho người đi khắp nơi trong xứ, đến những nơi có những cuộc ly khai, để quy tụ tất cả những ai muốn duy trì nền tự do của mình, để đương đầu với A Ma Lịch Gia và những người đã ly khai gọi là dân A Ma Lịch Gia.

Moroni said unto them: Behold, we are a remnant of the seed of Jacob; yea, we are a remnant of the seed of Joseph, whose coat was rent by his brethren into many pieces; yea, and now behold, let us remember to keep the commandments of God, or our garments shall be rent by our brethren, and we be cast into prison, or be sold, or be slain.

Yea, let us preserve our liberty as a remnant of Joseph; yea, let us remember the words of Jacob, before his death, for behold, he saw that a part of the remnant of the coat of Joseph was preserved and had not decayed. And he said—Even as this remnant of garment of my son hath been preserved, so shall a remnant of the seed of my son be preserved by the hand of God, and be taken unto himself, while the remainder of the seed of Joseph shall perish, even as the remnant of his garment.

Now behold, this giveth my soul sorrow; nevertheless, my soul hath joy in my son, because of that part of his seed which shall be taken unto God.

Now behold, this was the language of Jacob.

And now who knoweth but what the remnant of the seed of Joseph, which shall perish as his garment, are those who have dissented from us? Yea, and even it shall be ourselves if we do not stand fast in the faith of Christ.

And now it came to pass that when Moroni had said these words he went forth, and also sent forth in all the parts of the land where there were dissensions, and gathered together all the people who were desirous to maintain their liberty, to stand against Amalickiah and those who had dissented, who were called Amalickiahites.



29 Và chuyện rằng, khi A Ma Lịch Gia thấy dân của Mô Rô Ni đông hơn dân A Ma Lịch Gia nhiều—và hắn cũng thấy dân hắn có vẻ nghi ngờ về công lý của đường lối mà họ đang theo đuổi—nên hắn sợ sẽ không đạt được mục đích, vì thế hắn đã đem những người nào muốn theo hắn lên đường vào xứ Nê Phi.

30 Giờ đây Mô Rô Ni nghĩ rằng, chớ nên để cho dân La Man có thêm lực lượng, do đó ông nghĩ là nên cắt đứt lộ trình của dân A Ma Lịch Gia, hay nói cách khác là bắt họ đem về, và giết chết A Ma Lịch Gia đi; phải, vì ông biết rằng, hắn sẽ khích động dân La Man tức giận họ và khiến chúng đến gây chiến với họ; và ông biết là A Ma Lịch Gia sẽ làm những việc đó để hắn có thể đạt mục đích của hắn.

31 Vậy nên, Mô Rô Ni nghĩ rằng, điều thích đáng là ông nên sử dụng các đạo quân của ông, là các đạo quân đã tập hợp và trang bị sẵn sàng, và cũng đã lập giao ước để bảo vệ hòa bình—và chuyện rằng, ông dẫn quân của ông cùng với các lều trại của mình tiến vào vùng hoang dã để cắt đứt lộ trình của A Ma Lịch Gia trong vùng hoang dã.

32 Và chuyện rằng, ông đã làm theo điều mong muốn của mình, và ông tiến vào vùng hoang dã, và vượt lên trước các đạo quân của A Ma Lịch Gia.

33 Và chuyện rằng, A Ma Lịch Gia bỏ chạy với một số ít quân của hắn, và phần còn lại bị giao vào tay Mô Rô Ni và bị dẫn trở về Gia Ra Hem La.

34 Giờ đây, vì Mô Rô Ni là người được các vị trưởng phán quan và tiếng nói của dân chúng chỉ định, nên ông có đủ quyền hành điều khiển quân đội Nê Phi theo ý muốn của ông, để thiết lập và thực thi quyền uy đối với họ.

35 Và chuyện rằng, bất cứ người A Ma Lịch Gia nào không chịu lập giao ước ủng hộ chính nghĩa tự do, để dân chúng có thể duy trì một chính thể tự do, thì ông cho đem ra xử tử hết; và chỉ có một số ít người là không chịu lập giao ước ủng hộ tự do.

And it came to pass that when Amalickiah saw that the people of Moroni were more numerous than the Amalickiahites—and he also saw that his people were doubtful concerning the justice of the cause in which they had undertaken—therefore, fearing that he should not gain the point, he took those of his people who would and departed into the land of Nephi.

Now Moroni thought it was not expedient that the Lamanites should have any more strength; therefore he thought to cut off the people of Amalickiah, or to take them and bring them back, and put Amalickiah to death; yea, for he knew that he would stir up the Lamanites to anger against them, and cause them to come to battle against them; and this he knew that Amalickiah would do that he might obtain his purposes.

Therefore Moroni thought it was expedient that he should take his armies, who had gathered themselves together, and armed themselves, and entered into a covenant to keep the peace—and it came to pass that he took his army and marched out with his tents into the wilderness, to cut off the course of Amalickiah in the wilderness.

And it came to pass that he did according to his desires, and marched forth into the wilderness, and headed the armies of Amalickiah.

And it came to pass that Amalickiah fled with a small number of his men, and the remainder were delivered up into the hands of Moroni and were taken back into the land of Zarahemla.

Now, Moroni being a man who was appointed by the chief judges and the voice of the people, therefore he had power according to his will with the armies of the Nephites, to establish and to exercise authority over them.

And it came to pass that whomsoever of the Amalickiahites that would not enter into a covenant to support the cause of freedom, that they might maintain a free government, he caused to be put to death; and there were but few who denied the covenant of freedom.

36 Và chuyện rằng, ông cho treo cờ biểu hiệu sự tự do lên trên các tháp cao khắp nơi trong xứ do dân Nê Phi chiếm hữu; và như vậy là Mô Rô Ni đã thiết dựng lá cờ tự do trong dân Nê Phi.

37 Và họ lại được hưởng thái bình trong nước; và nhờ vậy họ giữ được thái bình trong nước cho đến gần cuối năm thứ mười chín dưới chế độ các phán quan.

38 Và Hê La Man cùng các thầy tư tế thượng phẩm cũng đã duy trì được trật tự trong giáo hội; phải, trong suốt thời gian bốn năm họ đã hưởng được nhiều sự an bình và vui mừng trong giáo hội.

39 Và chuyện rằng, có nhiều người qua đời đã tin chắc rằng linh hồn họ sẽ được Chúa Giê Su Ky Tô cứu chuộc; do đó mà họ đã từ giã cõi đời này một cách hân hoan.

40 Và có một số người chết vì bệnh sốt thường xảy ra trong xứ vào một vài mùa trong năm nhưng bệnh này không làm chết nhiều người, vì họ đã có nhiều loại thảo dược và rễ cây rất tốt mà Thượng Đế đã sắm sẵn để khử trừ căn nguyên của các bệnh mà dân trong xứ có thể mắc phải vì tính chất của khí hậu—

41 Nhưng có rất nhiều người chết vì tuổi già; và những ai đã chết trong đức tin nơi Đấng Ky Tô đều sung sướng trong Ngài, và chúng ta cần phải tin như vậy.

And it came to pass also, that he caused the title of liberty to be hoisted upon every tower which was in all the land, which was possessed by the Nephites; and thus Moroni planted the standard of liberty among the Nephites.

And they began to have peace again in the land; and thus they did maintain peace in the land until nearly the end of the nineteenth year of the reign of the judges.

And Helaman and the high priests did also maintain order in the church; yea, even for the space of four years did they have much peace and rejoicing in the church.

And it came to pass that there were many who died, firmly believing that their souls were redeemed by the Lord Jesus Christ; thus they went out of the world rejoicing.

And there were some who died with fevers, which at some seasons of the year were very frequent in the land—but not so much so with fevers, because of the excellent qualities of the many plants and roots which God had prepared to remove the cause of diseases, to which men were subject by the nature of the climate—

But there were many who died with old age; and those who died in the faith of Christ are happy in him, as we must needs suppose.

## An Ma 47

- 1 Giờ đây chúng ta hãy trở lại câu chuyện về A Ma Lịch Gia và những kẻ đã chạy trốn theo hắn vào vùng hoang dã; vì này, hắn đã dẫn những người theo hắn đi lên giữa dân La Man trong xứ Nê Phi, và khích động dân La Man tức giận dân Nê Phi, đến nỗi vua dân La Man phải gửi một hịch truyền đi khắp xứ trong dân ông bảo họ phải quy tụ lại lần nữa để đi đánh dân Nê Phi.
- 2 Và chuyện rằng, khi hịch truyền loan đến dân chúng thì họ rất sợ hãi; phải, họ sợ làm phật lòng vua và họ cũng sợ phải đi đánh dân Nê Phi, vì họ sợ mất mạng sống của mình. Và chuyện rằng, họ không chịu, hay phần đông họ không chịu, tuân theo những lệnh truyền của vua.
- 3 Và giờ đây chuyện rằng, vua rất tức giận vì sự bất tuân của họ; vậy nên, vua giao cho A Ma Lịch Gia được quyền chỉ huy những toán quân chịu phục tùng theo mệnh lệnh của vua, và ra lệnh cho hắn phải đi bắt buộc dân chúng cầm khí giới.
- 4 Giờ đây này, đó chính là điều mong muốn của A Ma Lịch Gia; vì hắn là một người rất khôn ngoan khi làm điều tà ác, vậy nên hắn sắp đặt một mưu kế trong thâm tâm để truất phế vua dân La Man.
- 5 Và giờ đây hắn được chỉ huy những toán quân La Man ủng hộ nhà vua; hắn bèn tìm cách chiếm sự ủng hộ của những người không tuân lệnh vua; vậy nên hắn đi đến một nơi gọi là Ô Ni Đa, là nơi mà tất cả những người La Man đang ẩn trốn; vì những người này đã khám phá ra rằng quân đội đang tiến tới và họ cho rằng quân đội đang tiến tới để hủy diệt họ, nên họ chạy trốn tới Ô Ni Đa, đến một vị trí có khí giới.
- 6 Rồi họ chỉ định một người lên làm vua và làm người lãnh đạo cai trị họ, và họ quyết chí và quyết tâm là họ sẽ không để bị bắt buộc phải đánh lại dân Nê Phi.
- 7 Và chuyện rằng, họ quy tụ nhau lại trên đỉnh núi gọi là An Ti Pha, và chuẩn bị nghênh chiến.

## Alma 47

Now we will return in our record to Amalickiah and those who had fled with him into the wilderness; for, behold, he had taken those who went with him, and went up in the land of Nephi among the Lamanites, and did stir up the Lamanites to anger against the people of Nephi, insomuch that the king of the Lamanites sent a proclamation throughout all his land, among all his people, that they should gather themselves together again to go to battle against the Nephites.

And it came to pass that when the proclamation had gone forth among them they were exceedingly afraid; yea, they feared to displease the king, and they also feared to go to battle against the Nephites lest they should lose their lives. And it came to pass that they would not, or the more part of them would not, obey the commandments of the king.

And now it came to pass that the king was wroth because of their disobedience; therefore he gave Amalickiah the command of that part of his army which was obedient unto his commands, and commanded him that he should go forth and compel them to arms.

Now behold, this was the desire of Amalickiah; for he being a very subtle man to do evil therefore he laid the plan in his heart to dethrone the king of the Lamanites.

And now he had got the command of those parts of the Lamanites who were in favor of the king; and he sought to gain favor of those who were not obedient; therefore he went forward to the place which was called Onidah, for thither had all the Lamanites fled; for they discovered the army coming, and, supposing that they were coming to destroy them, therefore they fled to Onidah, to the place of arms.

And they had appointed a man to be a king and a leader over them, being fixed in their minds with a determined resolution that they would not be subjected to go against the Nephites.

And it came to pass that they had gathered themselves together upon the top of the mount which was called Antipas, in preparation to battle.

- 8 Bấy giờ, A Ma Lịch Gia không có ý định tiến lên giao chiến với họ theo như lệnh truyền của nhà vua; nhưng này, ý định của hắn là lấy được sự ủng hộ của quân La Man để hắn có thể lên cầm đầu họ và truất phế vua cùng chiếm lấy vương quốc.
- 9 Và này, chuyện rằng, hắn cho quân lính dừng lại đóng trại trong thung lũng gần bên núi An Ti Pha.
- 10 Và chuyện rằng, khi đêm xuống, hắn sai một sứ giả bí mật đi vào núi An Ti Pha nói với người lãnh đạo của những người dân ở trên núi ấy tên là Lê Hôn Ti, là hắn muốn mời người này xuống dưới chân núi để hắn nói chuyện.
- 11 Và chuyện rằng, khi Lê Hôn Ti nhận được tin mời, ông ta không dám xuống chân núi. Và chuyện rằng, A Ma Lịch Gia lại cho người lên mời lần thứ hai, yêu cầu ông ta xuống núi. Và chuyện rằng Lê Hôn Ti vẫn không chịu xuống; rồi hắn lại cho người lên mời lần thứ ba.
- 12 Và chuyện rằng, khi A Ma Lịch Gia thấy không thể nào mời Lê Hôn Ti xuống núi được, hắn bèn đi lên núi, đến gần bên trại của Lê Hôn Ti; rồi hắn cho người đưa tin đến Lê Hôn Ti lần thứ tư, mời ông ta xuống, và nói rằng ông ta có thể đem vệ sĩ đi theo.
- 13 Và chuyện rằng, khi Lê Hôn Ti đem các vệ sĩ xuống núi gặp A Ma Lịch Gia, thì A Ma Lịch Gia nói rằng hắn muốn ông ta đem quân lính của ông ta xuống núi vào lúc ban đêm để bao vây các quân lính ở trong các trại mà nhà vua đã giao cho hắn chỉ huy, và rằng hắn sẽ trao họ vào tay Lê Hôn Ti, nếu ông ta bằng lòng cho hắn (A Ma Lịch Gia) lên làm phó thủ lãnh toàn thể quân đội.
- 14 Và chuyện rằng, Lê Hôn Ti dẫn quân xuống núi và bao vây quân của A Ma Lịch Gia, để cho sáng mai trước khi họ thức dậy thì họ đã bị những đạo quân của Lê Hôn Ti bao vây rồi.
- 15 Và chuyện rằng, khi họ thấy mình bị bao vây, họ bèn khẩn cầu A Ma Lịch Gia cho họ được sáp nhập với các đồng bào của họ để họ khỏi bị hủy diệt. Bấy giờ, đó chính là điều mà A Ma Lịch Gia mong muốn.

Now it was not Amalickiah's intention to give them battle according to the commandments of the king; but behold, it was his intention to gain favor with the armies of the Lamanites, that he might place himself at their head and dethrone the king and take possession of the kingdom.

And behold, it came to pass that he caused his army to pitch their tents in the valley which was near the mount Antipas.

And it came to pass that when it was night he sent a secret embassy into the mount Antipas, desiring that the leader of those who were upon the mount, whose name was Lehonti, that he should come down to the foot of the mount, for he desired to speak with him.

And it came to pass that when Lehonti received the message he durst not go down to the foot of the mount. And it came to pass that Amalickiah sent again the second time, desiring him to come down. And it came to pass that Lehonti would not; and he sent again the third time.

And it came to pass that when Amalickiah found that he could not get Lehonti to come down off from the mount, he went up into the mount, nearly to Lehonti's camp; and he sent again the fourth time his message unto Lehonti, desiring that he would come down, and that he would bring his guards with him.

And it came to pass that when Lehonti had come down with his guards to Amalickiah, that Amalickiah desired him to come down with his army in the night-time, and surround those men in their camps over whom the king had given him command, and that he would deliver them up into Lehonti's hands, if he would make him (Amalickiah) a second leader over the whole army.

And it came to pass that Lehonti came down with his men and surrounded the men of Amalickiah, so that before they awoke at the dawn of day they were surrounded by the armies of Lehonti.

And it came to pass that when they saw that they were surrounded, they pled with Amalickiah that he would suffer them to fall in with their brethren, that they might not be destroyed. Now this was the very thing which Amalickiah desired.

16 Và chuyện rằng, hắn đã giao nạp quân lính của mình, trái với các mệnh lệnh của nhà vua. Giờ đây cũng chính là điều mà A Ma Lịch Gia mong muốn để hắn có thể thực hiện được mưu đồ truất phế vua.

17 Bây giờ theo phong tục của dân La Man, thì khi nào thủ lĩnh bị giết chết, thì phó thủ lĩnh sẽ được chỉ định lên thay thế.

18 Và chuyện rằng, A Ma Lịch Gia sai một tên tôi tớ của hắn đánh thuốc độc dần dần cho Lê Hôn Ti, để ông ta chết.

19 Bây giờ, khi Lê Hôn Ti chết, dân La Man chỉ định A Ma Lịch Gia lên làm thủ lĩnh và người tổng lãnh binh của họ.

20 Và chuyện rằng, A Ma Lịch Gia dẫn quân đội của hắn (vì hắn đã được thỏa mãn như điều mong muốn) tiến đến xứ Nê Phi, đến thành phố Nê Phi, lúc ấy là thủ đô.

21 Và vua dẫn vệ sĩ ra gặp hắn, vì vua tưởng rằng A Ma Lịch Gia đã làm tròn những mệnh lệnh của vua, và A Ma Lịch Gia còn quy tụ được một đạo quân lớn lao để đi đánh dân Nê Phi.

22 Nhưng này, khi vua đi ra để gặp A Ma Lịch Gia, thì hắn cho các tôi tớ của hắn đến trước để gặp vua. Và chúng quì xuống trước mặt vua, ra tuồng cung kính uy quyền vĩ đại của vua.

23 Và chuyện rằng, vua bèn đưa tay ra đỡ chúng dậy, đứng theo phong tục của người La Man, là phong tục họ đã bắt chước theo dân Nê Phi, xem đó như một dấu hiệu hòa bình.

24 Và chuyện rằng, khi nhà vua vừa đỡ người thứ nhất lên, này, tên này liền đâm vào ngực vua, và vua ngã xuống đất.

25 Bây giờ các tôi tớ của vua đã bỏ chạy trốn; và những tôi tớ của A Ma Lịch Gia bèn hô to lên rằng:

26 Này, các tôi tớ của vua đã đâm vào ngực vua, làm vua phải ngã gục, rồi chúng bỏ chạy trốn hết; này, hãy đến xem.

And it came to pass that he delivered his men, contrary to the commands of the king. Now this was the thing that Amalickiah desired, that he might accomplish his designs in dethroning the king.

Now it was the custom among the Lamanites, if their chief leader was killed, to appoint the second leader to be their chief leader.

And it came to pass that Amalickiah caused that one of his servants should administer poison by degrees to Lehonti, that he died.

Now, when Lehonti was dead, the Lamanites appointed Amalickiah to be their leader and their chief commander.

And it came to pass that Amalickiah marched with his armies (for he had gained his desires) to the land of Nephi, to the city of Nephi, which was the chief city.

And the king came out to meet him with his guards, for he supposed that Amalickiah had fulfilled his commands, and that Amalickiah had gathered together so great an army to go against the Nephites to battle.

But behold, as the king came out to meet him Amalickiah caused that his servants should go forth to meet the king. And they went and bowed themselves before the king, as if to reverence him because of his greatness.

And it came to pass that the king put forth his hand to raise them, as was the custom with the Lamanites, as a token of peace, which custom they had taken from the Nephites.

And it came to pass that when he had raised the first from the ground, behold he stabbed the king to the heart; and he fell to the earth.

Now the servants of the king fled; and the servants of Amalickiah raised a cry, saying:

Behold, the servants of the king have stabbed him to the heart, and he has fallen and they have fled; behold, come and see.

27 Và chuyện rằng, A Ma Lịch Gia ra lệnh cho các đạo quân của mình tiến lên để xem chuyện gì đã xảy ra cho nhà vua; và khi tới chỗ, họ tìm thấy nhà vua đang nằm trong vũng máu; A Ma Lịch Gia làm bộ tức giận, nói rằng: Ai yêu mến vua thì hãy chạy đuổi theo những tên tội đồ của vua và giết chúng đi.

28 Và chuyện rằng, tất cả những người yêu mến vua, khi họ nghe được lời này, đều chạy đuổi theo những tên tội đồ của vua.

29 Bây giờ khi các tội đồ của vua trông thấy có quân lính đuổi theo mình, họ lại càng sợ hãi, và chạy trốn vào vùng hoang dã; họ chạy đến xứ Gia Ra Hem La và gia nhập vào dân của Am Môn.

30 Và quân lính sau khi rượt đuổi không kết quả đã quay trở về; và như vậy là A Ma Lịch Gia đã chiếm được lòng dân chúng nhờ sự xảo trá của mình.

31 Và chuyện rằng, ngày hôm sau hấn tiến quân vào thành phố Nê Phi và chiếm thành phố này.

32 Và giờ đây chuyện rằng, khi hoàng hậu được tin vua đã bị giết chết—vì A Ma Lịch Gia có phái sứ giả đến báo cho hoàng hậu hay là vua đã bị các tội đồ của vua giết chết, và hấn có cho quân lính rượt đuổi theo, nhưng vô hiệu quả, vì chúng đã chạy thoát hết—

33 Vậy nên, khi hoàng hậu nhận được tin này, bà bèn phái người tới cho A Ma Lịch Gia hay rằng, bà muốn hấn hãy tha cho dân trong thành phố này, và bà còn muốn hấn đến gặp bà và bà cũng muốn hấn đem theo nhân chứng để làm chứng về cái chết của nhà vua.

34 Và chuyện rằng, A Ma Lịch Gia dẫn tên tội đồ đã giết chết vua, và tất cả những tội đồ đã đi cùng tên ấy vào gặp hoàng hậu tại nơi bà ở. Rồi tất cả bọn chúng đều làm chứng là vua đã bị chính các tội đồ của vua giết chết; và chúng còn nói rằng: Bọn ấy đã chạy trốn, như vậy không đủ là một bằng chứng tố cáo chúng hay sao? Và chúng đã làm yên lòng hoàng hậu về cái chết của vua như vậy.

And it came to pass that Amalickiah commanded that his armies should march forth and see what had happened to the king; and when they had come to the spot, and found the king lying in his gore, Amalickiah pretended to be wroth, and said: Whosoever loved the king, let him go forth, and pursue his servants that they may be slain.

And it came to pass that all they who loved the king, when they heard these words, came forth and pursued after the servants of the king.

Now when the servants of the king saw an army pursuing after them, they were frightened again, and fled into the wilderness, and came over into the land of Zarahemla and joined the people of Ammon.

And the army which pursued after them returned, having pursued after them in vain; and thus Amalickiah, by his fraud, gained the hearts of the people.

And it came to pass on the morrow he entered the city Nephi with his armies, and took possession of the city.

And now it came to pass that the queen, when she had heard that the king was slain—for Amalickiah had sent an embassy to the queen informing her that the king had been slain by his servants, that he had pursued them with his army, but it was in vain, and they had made their escape—

Therefore, when the queen had received this message she sent unto Amalickiah, desiring him that he would spare the people of the city; and she also desired him that he should come in unto her; and she also desired him that he should bring witnesses with him to testify concerning the death of the king.

And it came to pass that Amalickiah took the same servant that slew the king, and all them who were with him, and went in unto the queen, unto the place where she sat; and they all testified unto her that the king was slain by his own servants; and they said also: They have fled; does not this testify against them? And thus they satisfied the queen concerning the death of the king.

35 Và chuyện rằng, A Ma Lịch Gia tìm cách chiếm cảm tình của hoàng hậu, rồi hắn lấy bà làm vợ; như vậy là nhờ sự xảo trá của hắn và nhờ sự phụ lực của những tên tôi tớ xảo quyệt của hắn mà hắn chiếm được vương quốc; phải, hắn được công nhận là vua khắp lãnh thổ của dân La Man, trong đó gồm có dân La Man, dân Lê Mu Ên, dân Ích Ma Ên, và tất cả những dân Nê Phi ly khai từ đời Nê Phi cho đến bây giờ.

36 Giờ đây những dân ly khai này, mặc dù họ đã nhận được những sự dạy dỗ và kiến thức giống như dân Nê Phi, phải, họ đã được giáo dục cùng một sự hiểu biết về Chúa, tuy nhiên, có một điều lạ lùng cần phải nói là, không bao lâu sau ngày họ ly khai, họ đã trở nên chai đá, không còn biết hối hận là gì, và còn man rợ, độc ác, và tàn bạo hơn cả dân La Man—họ hấp thụ các truyền thống của dân La Man; họ sa ngã vào sự lười biếng và tất cả mọi hình thức dâm dật khác; phải, họ đã hoàn toàn quên hẳn Chúa, Thượng Đế của họ.

And it came to pass that Amalickiah sought the favor of the queen, and took her unto him to wife; and thus by his fraud, and by the assistance of his cunning servants, he obtained the kingdom; yea, he was acknowledged king throughout all the land, among all the people of the Lamanites, who were composed of the Lamanites and the Lemuelites and the Ishmaelites, and all the dissenters of the Nephites, from the reign of Nephi down to the present time.

Now these dissenters, having the same instruction and the same information of the Nephites, yea, having been instructed in the same knowledge of the Lord, nevertheless, it is strange to relate, not long after their dissensions they became more hardened and impenitent, and more wild, wicked and ferocious than the Lamanites—drinking in with the traditions of the Lamanites; giving way to indolence, and all manner of lasciviousness; yea, entirely forgetting the Lord their God.

## An Ma 48

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, khi A Ma Lịch Gia vừa chiếm xong vương quốc là hắn bắt đầu khích động lòng dân La Man chống lại dân Nê Phi; phải, hắn cho người đứng trên các tháp cao nói với dân La Man những lời lẽ chống lại dân Nê Phi.
- 2 Và cứ thế hắn khích động lòng họ chống lại dân Nê Phi, đến nỗi vào cuối năm thứ mười chín dưới chế độ các phán quan, hắn đã thực hiện được những ý đồ của hắn đến như vậy, phải, sau khi được tôn lên làm vua dân La Man, hắn còn tìm cách lên trị vì tất cả mọi xứ, phải, và tất cả mọi dân sống trong xứ, gồm cả dân Nê Phi lẫn dân La Man.
- 3 Vậy nên hắn đã thực hiện được ý đồ của mình, vì hắn đã làm chai đá lòng dân La Man, làm mù quáng trí óc họ, và khích động họ tức giận quá mức, đến nỗi hắn quy tụ được một đạo quân đông đảo để đi đánh dân Nê Phi.
- 4 Vì hắn quyết định dùng quân số lớn lao của dân mình để áp đảo dân Nê Phi và đặt họ vào vòng nô lệ.
- 5 Và do đó hắn đã chỉ định những người Giô Ram lên làm tổng lãnh binh, vì chúng là những người đã từng quen thuộc với lực lượng của dân Nê Phi, và những nơi ẩn nấp của họ cùng những chỗ yếu nhất của các thành phố của họ; do đó hắn đã chỉ định những người ấy lên làm tổng lãnh binh cho các đạo quân của hắn.
- 6 Và chuyện rằng, chúng đem theo lều trại tiến về hướng xứ Gia Ra Hem La trong vùng hoang dã.
- 7 Giờ đây chuyện rằng trong lúc A Ma Lịch Gia dùng sự gian trá và lường gạt để chiếm đoạt quyền hành, thì đối lại, Mô Rô Ni đã chuẩn bị tinh thần cho dân chúng để họ biết trung thành với Chúa, Thượng Đế của họ.

## Alma 48

And now it came to pass that, as soon as Amalickiah had obtained the kingdom he began to inspire the hearts of the Lamanites against the people of Nephi; yea, he did appoint men to speak unto the Lamanites from their towers, against the Nephites.

And thus he did inspire their hearts against the Nephites, insomuch that in the latter end of the nineteenth year of the reign of the judges, he having accomplished his designs thus far, yea, having been made king over the Lamanites, he sought also to reign over all the land, yea, and all the people who were in the land, the Nephites as well as the Lamanites.

Therefore he had accomplished his design, for he had hardened the hearts of the Lamanites and blinded their minds, and stirred them up to anger, insomuch that he had gathered together a numerous host to go to battle against the Nephites.

For he was determined, because of the greatness of the number of his people, to overpower the Nephites and to bring them into bondage.

And thus he did appoint chief captains of the Zoramites, they being the most acquainted with the strength of the Nephites, and their places of resort, and the weakest parts of their cities; therefore he appointed them to be chief captains over his armies.

And it came to pass that they took their camp, and moved forth toward the land of Zarahemla in the wilderness.

Now it came to pass that while Amalickiah had thus been obtaining power by fraud and deceit, Moroni, on the other hand, had been preparing the minds of the people to be faithful unto the Lord their God.



- 8 Phải, ông củng cố các đạo quân Nê Phi, và cho xây lên những đồn lũy hay những nơi ẩn nấp. Ông cho đắp lên những tường bằng đất bao quanh các đạo quân và xây những tường đá bao chung quanh họ, và chung quanh các thành phố và các biên thùy của xứ họ; phải, vòng quanh khắp xứ.
- 9 Và những đồn lũy nào yếu nhất, ông đặt một số quân đông hơn; và cứ thế, ông đã xây đắp thành lũy và củng cố xứ sở do dân Nê Phi chiếm hữu.
- 10 Và cứ vậy ông chuẩn bị để bảo vệ nền tự do, đất đai, vợ con và sự thanh bình của họ, để họ có thể sống trong Chúa, Thượng Đế của họ, và để họ có thể duy trì được điều mà kẻ thù của họ gọi là chính nghĩa của các Kỵ Tô hữu.
- 11 Và Mô Rô Ni là một người tráng kiện và hùng mạnh; ông là một người có kiến thức hoàn hảo; phải, là một người không thích việc làm đổ máu; là một người có tâm hồn vui sướng trong nền tự do và độc lập của xứ sở mình, và các đồng bào mình thoát khỏi cảnh trói buộc và nô lệ;
- 12 Phải, ông là người có trái tim căng đầy lòng tri ân Thượng Đế, vì nhiều đặc ân và phước lành Ngài đã ban cho dân ông; ông là một người đã dày công lao nhọc vì sự an lạc và an toàn của dân mình.
- 13 Phải, ông là một người có đức tin vững chắc nơi Đấng Kỵ Tô, và ông đã tuyên thệ một lời thề nguyện là sẽ hết lòng bảo vệ dân, quyền lợi, tổ quốc, và tôn giáo của mình, dù có phải mất đi máu của mình.
- 14 Giờ đây, dân Nê Phi đã được dạy là phải tự vệ chống lại kẻ thù mình, dù có phải đổ máu, nếu thấy cần; phải, và họ còn được dạy là đừng bao giờ gây hấn với ai, phải, và đừng bao giờ tuốt gươm ra, trừ phi phải chống kẻ thù, hay phải bảo tồn mạng sống mình.
- 15 Và họ có đức tin rằng, nếu họ làm như vậy thì Thượng Đế sẽ làm cho họ được thịnh vượng trong xứ, hay nói cách khác, nếu họ trung thành tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế thì Ngài sẽ làm cho họ thịnh vượng trong xứ; phải, Ngài sẽ cảnh cáo họ phải chạy trốn hay phải chuẩn bị chiến tranh, tùy theo trường hợp lâm nguy của họ;

Yea, he had been strengthening the armies of the Nephites, and erecting small forts, or places of resort; throwing up banks of earth round about to enclose his armies, and also building walls of stone to encircle them about, round about their cities and the borders of their lands; yea, all round about the land.

And in their weakest fortifications he did place the greater number of men; and thus he did fortify and strengthen the land which was possessed by the Nephites.

And thus he was preparing to support their liberty, their lands, their wives, and their children, and their peace, and that they might live unto the Lord their God, and that they might maintain that which was called by their enemies the cause of Christians.

And Moroni was a strong and a mighty man; he was a man of a perfect understanding; yea, a man that did not delight in bloodshed; a man whose soul did joy in the liberty and the freedom of his country, and his brethren from bondage and slavery;

Yea, a man whose heart did swell with thanksgiving to his God, for the many privileges and blessings which he bestowed upon his people; a man who did labor exceedingly for the welfare and safety of his people.

Yea, and he was a man who was firm in the faith of Christ, and he had sworn with an oath to defend his people, his rights, and his country, and his religion, even to the loss of his blood.

Now the Nephites were taught to defend themselves against their enemies, even to the shedding of blood if it were necessary; yea, and they were also taught never to give an offense, yea, and never to raise the sword except it were against an enemy, except it were to preserve their lives.

And this was their faith, that by so doing God would prosper them in the land, or in other words, if they were faithful in keeping the commandments of God that he would prosper them in the land; yea, warn them to flee, or to prepare for war, according to their danger;

- 16 Và lại nữa, Thượng Đế sẽ cho họ biết họ phải đi đâu để tự vệ chống lại kẻ thù của mình, và bằng cách làm như vậy Chúa sẽ giải cứu họ; và đó là đức tin của Mô Rô Ni, và lòng ông cảm thấy hãnh diện về việc đó; không phải về việc gây đổ máu mà về việc làm điều thiện, về việc bảo tồn dân mình, phải, về việc tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, phải, và chống lại sự bất chính.
- 17 Phải, quả thật, quả thật, tôi nói cho các người hay, nếu tất cả mọi người đã sống và đang sống, và sẽ sống giống như Mô Rô Ni, này, quyền năng của ngục giới sẽ bị lung lay mãi mãi; phải, quỷ dữ sẽ chẳng có quyền năng gì đối với trái tim con cái loài người.
- 18 Này, ông là một người giống như Am Môn, con trai của Mô Si A; phải, và cũng giống như những người con trai khác của Mô Si A, phải, và cũng giống như An Ma và các con trai của ông, vì tất cả những người này đều là người của Thượng Đế.
- 19 Giờ đây này, Hê La Man và các anh em ông cũng giúp ích dân chúng không kém gì Mô Rô Ni; vì họ đã thuyết giảng lời của Thượng Đế, và họ đã báp têm cho tất cả những ai chịu nghe theo lời của họ để hối cải.
- 20 Và cứ thế họ tiếp tục đi khắp nơi, và dân chúng đã biết hạ mình nhờ những lời giảng dạy của họ, đến nỗi dân chúng được Chúa ưu đãi rất nhiều, và nhờ vậy họ tránh được các cuộc chiến tranh và các sự tranh chấp lẫn nhau, phải, trong khoảng thời gian bốn năm.
- 21 Nhưng, như tôi đã nói, vào cuối năm thứ mười chín, phải, mặc dù có sự thái bình ở giữa họ, nhưng họ buộc lòng phải miễn cưỡng tranh chiến với các đồng bào của họ là dân La Man.
- 22 Phải, nói tóm lại, các cuộc chiến giữa họ với dân La Man đã không bao giờ chấm dứt trong nhiều năm mặc dù họ rất miễn cưỡng.
- 23 Bây giờ, họ rất buồn lòng phải cảm khí giới đánh lại dân La Man, vì họ không vui thích trong việc làm đổ máu; phải, và như vậy chưa phải là hết—họ cũng rất buồn lòng vì đã trở thành phương tiện để đưa quá nhiều đồng bào của mình ra khỏi thế giới này đi vào thế giới vĩnh cửu, khi chưa được chuẩn bị để gặp Thượng Đế của họ.

And also, that God would make it known unto them whither they should go to defend themselves against their enemies, and by so doing, the Lord would deliver them; and this was the faith of Moroni, and his heart did glory in it; not in the shedding of blood but in doing good, in preserving his people, yea, in keeping the commandments of God, yea, and resisting iniquity.

Yea, verily, verily I say unto you, if all men had been, and were, and ever would be, like unto Moroni, behold, the very powers of hell would have been shaken forever; yea, the devil would never have power over the hearts of the children of men.

Behold, he was a man like unto Ammon, the son of Mosiah, yea, and even the other sons of Mosiah, yea, and also Alma and his sons, for they were all men of God.

Now behold, Helaman and his brethren were no less serviceable unto the people than was Moroni; for they did preach the word of God, and they did baptize unto repentance all men whosoever would hearken unto their words.

And thus they went forth, and the people did humble themselves because of their words, inso-much that they were highly favored of the Lord, and thus they were free from wars and contentions among themselves, yea, even for the space of four years.

But, as I have said, in the latter end of the nineteenth year, yea, notwithstanding their peace amongst themselves, they were compelled reluctantly to contend with their brethren, the Lamanites.

Yea, and in fine, their wars never did cease for the space of many years with the Lamanites, notwithstanding their much reluctance.

Now, they were sorry to take up arms against the Lamanites, because they did not delight in the shedding of blood; yea, and this was not all—they were sorry to be the means of sending so many of their brethren out of this world into an eternal world, unprepared to meet their God.

24 Tuy nhiên, họ không thể chịu phó bỏ mạng sống của mình để cho vợ con của họ bị tàn sát bởi sự độc ác dã man của những người đã từng là đồng bào của họ, phải, và đã ly khai khỏi giáo hội, và đã rời bỏ họ ra đi để tìm cách hủy diệt họ bằng cách sáp nhập với dân La Man.

25 Phải, họ không thể chịu để cho đồng bào của họ vui thú trên máu của dân Nê Phi, khi mà còn có người chịu tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, vì lời hứa của Chúa là, nếu họ tuân giữ các lệnh truyền của Ngài thì họ sẽ được thịnh vượng trong xứ.

Nevertheless, they could not suffer to lay down their lives, that their wives and their children should be massacred by the barbarous cruelty of those who were once their brethren, yea, and had dissented from their church, and had left them and had gone to destroy them by joining the Lamanites.

Yea, they could not bear that their brethren should rejoice over the blood of the Nephites, so long as there were any who should keep the commandments of God, for the promise of the Lord was, if they should keep his commandments they should prosper in the land.

## An Ma 49

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, vào ngày mồng mười tháng mười một năm thứ mười chín, người ta thấy quân La Man tiến đến xứ Am Mô Ni Ha.
- 2 Và này, thành phố ấy đã được xây cất lại, và Mô Rô Ni đã cho một đạo quân trú đóng gần vòng đai thành phố, và họ đã đắp đất chung quanh để che chở họ tránh những mũi tên và đá của dân La Man; vì này, chúng tấn công bằng đá và tên.
- 3 Này, tôi nói rằng thành phố Am Mô Ni Ha đã được xây cất lại. Tôi nói cho các người hay, phải, thành phố này đã được xây cất lại một phần; và vì dân La Man ngày trước đã có lần đến hủy diệt thành phố này nguyên do vì sự bất chính của dân chúng, nên nay chúng tưởng rằng thành phố này vẫn còn là một món mồi ngon cho chúng.
- 4 Nhưng này, sự thất vọng của chúng mới thật lớn lao làm sao; vì này, dân Nê Phi đã đắp một thành lũy cao quanh họ, cao đến nỗi dân La Man không thể ném đá hay bắn tên vào trong cho có hiệu quả được, và chúng cũng không thể tấn công họ được, trừ phi chúng tấn công vào cổng chính của họ.
- 5 Thế rồi, lần này các tổng lãnh binh của dân La Man vô cùng ngạc nhiên về sự khôn ngoan của dân Nê Phi trong việc chuẩn bị các nơi ẩn nấp an toàn của họ.
- 6 Bây giờ những người lãnh đạo của dân La Man đã cho rằng, nhờ quân số đông đảo của chúng, phải, chúng cho rằng chúng sẽ được lợi thế tấn công họ như chúng đã làm trước kia; phải, và chúng cũng đã trang bị với khiên che và tấm giáp che ngực; và chúng cũng đã trang bị y phục bằng da thú, phải, y phục rất dày để che phủ sự trần truồng của chúng.
- 7 Và vì đã được trang bị như vậy nên chúng cho rằng chúng sẽ dễ dàng áp đảo và đặt đồng bào của mình dưới ách nô lệ, hay giết chết và tàn sát họ tùy theo sở thích của chúng.

## Alma 49

And now it came to pass in the eleventh month of the nineteenth year, on the tenth day of the month, the armies of the Lamanites were seen approaching towards the land of Ammonihah.

And behold, the city had been rebuilt, and Moroni had stationed an army by the borders of the city, and they had cast up dirt round about to shield them from the arrows and the stones of the Lamanites; for behold, they fought with stones and with arrows.

Behold, I said that the city of Ammonihah had been rebuilt. I say unto you, yea, that it was in part rebuilt; and because the Lamanites had destroyed it once because of the iniquity of the people, they supposed that it would again become an easy prey for them.

But behold, how great was their disappointment; for behold, the Nephites had dug up a ridge of earth round about them, which was so high that the Lamanites could not cast their stones and their arrows at them that they might take effect, neither could they come upon them save it was by their place of entrance.

Now at this time the chief captains of the Lamanites were astonished exceedingly, because of the wisdom of the Nephites in preparing their places of security.

Now the leaders of the Lamanites had supposed, because of the greatness of their numbers, yea, they supposed that they should be privileged to come upon them as they had hitherto done; yea, and they had also prepared themselves with shields, and with breastplates; and they had also prepared themselves with garments of skins, yea, very thick garments to cover their nakedness.

And being thus prepared they supposed that they should easily overpower and subject their brethren to the yoke of bondage, or slay and massacre them according to their pleasure.

- 8 Nhưng này, dân Nê Phi đã làm cho chúng vô cùng ngạc nhiên vì họ đã chuẩn bị sẵn để đợi chúng, bằng một cách thức mà chưa từng có trong hàng con cháu Lê Hi. Giờ đây họ đã chuẩn bị sẵn sàng để đánh dân La Man theo cách thức chỉ dạy của Mô Rô Ni.
- 9 Và chuyện rằng, dân La Man, hay là dân A Ma Lịch Gia, hết sức ngạc nhiên về cách chuẩn bị chiến tranh của họ.
- 10 Bây giờ, nếu vua A Ma Lịch Gia có dẫn đầu đạo quân của mình đi xuống xứ Nê Phi, thì có lẽ hẳn đã ra lệnh cho quân của mình tấn công dân Nê Phi ở thành phố Am Mô Ni Ha rồi; vì này, hẳn đâu có lo gì đến máu của dân hẳn.
- 11 Nhưng này, A Ma Lịch Gia không đích thân cầm quân giao chiến. Và này, các tổng lãnh binh của hẳn không dám tấn công dân Nê Phi ở thành phố Am Mô Ni Ha, vì Mô Rô Ni đã thay đổi đường lối quản trị việc nước của dân Nê Phi, đến nỗi dân La Man phải thất vọng, bởi những nơi đồn trú của họ và chúng không thể tấn công họ được.
- 12 Vậy nên chúng phải rút lui vào vùng hoang dã, đem theo các lều trại và tiến về hướng xứ Nô Ê, cho rằng đó là một nơi tốt nhất khác để chúng tấn công dân Nê Phi.
- 13 Vì chúng không biết rằng Mô Rô Ni đã củng cố hay đã xây đắp các đồn lũy an toàn cho mọi thành phố khắp trong nước; vậy nên chúng nhất quyết tiến quân thẳng tới xứ Nô Ê; phải, các tổng lãnh binh của chúng đã tiến lên trước và thề là chúng sẽ hủy diệt dân trong thành phố ấy.
- 14 Nhưng này, với sự ngạc nhiên của chúng, thành phố Nô Ê trước kia là một nơi yếu kém, vậy mà bây giờ nhờ Mô Rô Ni nó đã trở thành kiên cố, phải, nó còn kiên cố hơn cả thành phố Am Mô Ni Ha nữa.
- 15 Và giờ đây, này, đó là sự khôn ngoan của Mô Rô Ni; vì ông đã đoán được rằng chúng sẽ bị khiếp sợ ở thành phố Am Mô Ni Ha; vì thành phố Nô Ê trước kia vốn yếu kém nhất trong xứ nên chúng sẽ tiến đến đó để đánh; và như vậy là đúng theo điều mong muốn của ông.

But behold, to their uttermost astonishment, they were prepared for them, in a manner which never had been known among the children of Lehi. Now they were prepared for the Lamanites, to battle after the manner of the instructions of Moroni.

And it came to pass that the Lamanites, or the Amalickiahites, were exceedingly astonished at their manner of preparation for war.

Now, if king Amalickiah had come down out of the land of Nephi, at the head of his army, perhaps he would have caused the Lamanites to have attacked the Nephites at the city of Ammonihah; for behold, he did care not for the blood of his people.

But behold, Amalickiah did not come down himself to battle. And behold, his chief captains durst not attack the Nephites at the city of Ammonihah, for Moroni had altered the management of affairs among the Nephites, insomuch that the Lamanites were disappointed in their places of retreat and they could not come upon them.

Therefore they retreated into the wilderness, and took their camp and marched towards the land of Noah, supposing that to be the next best place for them to come against the Nephites.

For they knew not that Moroni had fortified, or had built forts of security, for every city in all the land round about; therefore, they marched forward to the land of Noah with a firm determination; yea, their chief captains came forward and took an oath that they would destroy the people of that city.

But behold, to their astonishment, the city of Noah, which had hitherto been a weak place, had now, by the means of Moroni, become strong, yea, even to exceed the strength of the city Ammonihah.

And now, behold, this was wisdom in Moroni; for he had supposed that they would be frightened at the city Ammonihah; and as the city of Noah had hitherto been the weakest part of the land, therefore they would march thither to battle; and thus it was according to his desires.

- 16 Và này, Mô Rô Ni đã chỉ định Lê Hi lên làm tổng lãnh binh chỉ huy những người lính trong thành phố đó; và cũng chính ông Lê Hi này là người đã đánh với dân La Man trong thung lũng phía đông sông Si Đôn.
- 17 Và giờ đây này, chuyện rằng, khi dân La Man biết rằng, chính Lê Hi cầm quyền chỉ huy trong thành phố này, chúng lại thêm thất vọng, vì chúng khiếp sợ Lê Hi vô cùng; tuy nhiên, vì các tổng lãnh binh của chúng đã thề phải tấn công thành phố này, nên chúng phải xuất quân.
- 18 Giờ đây này, dân La Man không có cách gì tiến vào các đồn lũy an toàn của họ được ngoại trừ phải đi vào cổng chính, vì các mô đất đã được đắp lên cao, và các hào đào chung quanh lại quá sâu, chỉ trừ nơi cổng chính.
- 19 Và như vậy dân Nê Phi đã chuẩn bị để hủy diệt tất cả những kẻ nào định trèo lên để xâm nhập vào thành bằng bất cứ lối nào khác, bằng cách ném đá và bắn tên xuống.
- 20 Họ đã được trang bị như vậy, phải, một đạo quân gồm những binh sĩ tráng kiện nhất, với gươm và trành ném đá, để đánh ngã tất cả kẻ nào định đột nhập vào nơi an toàn của họ bằng cổng chính; và họ đã chuẩn bị như vậy để tự vệ chống lại dân La Man.
- 21 Và chuyện rằng, các lãnh binh dân La Man dẫn các đạo quân của mình đến trước cổng chính, và bắt đầu giao tranh với dân Nê Phi để xâm nhập vào nơi an toàn của họ; nhưng này, chúng bị đẩy lui hết đợt này qua đợt khác, đến nỗi chúng bị tàn sát quá nhiều.
- 22 Bây giờ khi chúng thấy không thể nào dùng võ lực để thắng dân Nê Phi ở cổng chính, chúng bèn đào các mô đất ở ngoài thành xuống để cho các đạo quân của chúng có lối tiến vào, ngõ hầu chúng có thể có một cơ hội bằng nhau trong lúc giao chiến; nhưng này, với sự toan tính này, chúng đã bị quét sạch bởi đá và tên bắn xuống đầu chúng; và thay vì lấp đầy các hào của họ bằng cách giựt sập các mô đất xuống, thì các hào ấy lại được xác chết và quân lính bị thương của chúng lấp đầy.

And behold, Moroni had appointed Lehi to be chief captain over the men of that city; and it was that same Lehi who fought with the Lamanites in the valley on the east of the river Sidon.

And now behold it came to pass, that when the Lamanites had found that Lehi commanded the city they were again disappointed, for they feared Lehi exceedingly; nevertheless their chief captains had sworn with an oath to attack the city; therefore, they brought up their armies.

Now behold, the Lamanites could not get into their forts of security by any other way save by the entrance, because of the highness of the bank which had been thrown up, and the depth of the ditch which had been dug round about, save it were by the entrance.

And thus were the Nephites prepared to destroy all such as should attempt to climb up to enter the fort by any other way, by casting over stones and arrows at them.

Thus they were prepared, yea, a body of their strongest men, with their swords and their slings, to smite down all who should attempt to come into their place of security by the place of entrance; and thus were they prepared to defend themselves against the Lamanites.

And it came to pass that the captains of the Lamanites brought up their armies before the place of entrance, and began to contend with the Nephites, to get into their place of security; but behold, they were driven back from time to time, in-somuch that they were slain with an immense slaughter.

Now when they found that they could not obtain power over the Nephites by the pass, they began to dig down their banks of earth that they might obtain a pass to their armies, that they might have an equal chance to fight; but behold, in these attempts they were swept off by the stones and arrows which were thrown at them; and instead of filling up their ditches by pulling down the banks of earth, they were filled up in a measure with their dead and wounded bodies.

- 23 Như vậy là dân Nê Phi đã có sức mạnh hơn kẻ thù của họ; và như vậy là dân La Man đã tìm cách hủy diệt dân Nê Phi cho đến khi các tổng lãnh binh của chúng tất cả đều bị giết chết; phải, trên một ngàn dân La Man đã bị giết chết; trong lúc đó, về phía dân Nê Phi chẳng có một ai bị giết chết cả.
- 24 Có khoảng năm chục người bị thương, đó là những người đứng ở lối ra vào ngay đường tên của dân La Man, nhưng nhờ họ có mang mộc che và các áo giáp che ngực cùng mũ sắt che đầu nên họ chỉ bị thương ở chân, mà nhiều vết thương này rất nặng.
- 25 Và chuyện rằng, khi dân La Man thấy các tổng lãnh binh của mình đều bị giết chết hết, chúng liền chạy trốn vào vùng hoang dã. Và chuyện rằng, chúng trở về xứ Nê Phi để báo tin cho vua của chúng là A Ma Lịch Gia, nguyên gốc gác là người Nê Phi, biết sự thất bại lớn lao của chúng.
- 26 Và chuyện rằng, hấn vô cùng tức giận dân hấn, vì hấn không thực hiện được điều mong muốn của mình đối với dân Nê Phi; hấn đã không buộc họ vào ách nô lệ được.
- 27 Phải, hấn vô cùng tức giận. Hấn đã nguyện rửa Thượng Đế và luôn cả Mô Rô Ni, và thề rằng hấn sẽ uống máu ông; và điều này cũng vì Mô Rô Ni đã tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế trong việc chuẩn bị sự an toàn cho dân mình.
- 28 Và chuyện rằng, ngược lại, dân Nê Phi đã cảm tạ Chúa, Thượng Đế của họ, vì nhờ quyền năng vô song của Ngài trong việc giải thoát họ khỏi bàn tay kẻ thù.
- 29 Và như vậy là hết năm thứ mười chín dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 30 Phải, và đã có sự thái bình liên tục ở giữa họ, và sự thịnh vượng vô cùng trong giáo hội vì họ đã lưu ý và chú tâm lời nói của Thượng Đế như được rao truyền cho họ bởi Hê La Man, Síp Lân, Cô Ri An Tôn, Am Môn, và các anh em của những vị này, phải, và bởi tất cả những ai đã được sắc phong theo thánh ban của Thượng Đế, sau khi đã được báp têm để hối cải, và được phái đi thuyết giảng trong dân chúng.

Thus the Nephites had all power over their enemies; and thus the Lamanites did attempt to destroy the Nephites until their chief captains were all slain; yea, and more than a thousand of the Lamanites were slain; while, on the other hand, there was not a single soul of the Nephites which was slain.

There were about fifty who were wounded, who had been exposed to the arrows of the Lamanites through the pass, but they were shielded by their shields, and their breastplates, and their headplates, insomuch that their wounds were upon their legs, many of which were very severe.

And it came to pass, that when the Lamanites saw that their chief captains were all slain they fled into the wilderness. And it came to pass that they returned to the land of Nephi, to inform their king, Amalickiah, who was a Nephite by birth, concerning their great loss.

And it came to pass that he was exceedingly angry with his people, because he had not obtained his desire over the Nephites; he had not subjected them to the yoke of bondage.

Yea, he was exceedingly wroth, and he did curse God, and also Moroni, swearing with an oath that he would drink his blood; and this because Moroni had kept the commandments of God in preparing for the safety of his people.

And it came to pass, that on the other hand, the people of Nephi did thank the Lord their God, because of his matchless power in delivering them from the hands of their enemies.

And thus ended the nineteenth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

Yea, and there was continual peace among them, and exceedingly great prosperity in the church because of their heed and diligence which they gave unto the word of God, which was declared unto them by Helaman, and Shiblon, and Corianton, and Ammon and his brethren, yea, and by all those who had been ordained by the holy order of God, being baptized unto repentance, and sent forth to preach among the people.

## An Ma 50

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, Mô Rô Ni không ngưng công việc chuẩn bị chiến tranh, nghĩa là công việc phòng vệ dân ông chống lại dân La Man; vì vào đầu năm thứ hai mươi dưới chế độ các phán quan, ông cho quân lính của ông bắt đầu đào đất đắp lên những lũy cao bao quanh tất cả mọi thành phố khắp xứ do dân Nê Phi chiếm hữu.
- 2 Và trên mặt các lũy đất ấy, ông cho dựng lên những cột cây, phải, những hàng rào cây được dựng lên bằng chiều cao một người, bao quanh các thành phố.
- 3 Và trên những hàng rào cây đó, ông cho dựng lên những hàng cọc nhọn; và những cọc nhọn này rất cao và chắc chắn.
- 4 Ông còn cho dựng lên những tháp canh vượt cao hơn các hàng rào có cọc nhọn, và trong những tháp canh ấy, ông cho làm những nơi trú ẩn an toàn để dân La Man bắn đá hay bắn tên lên không làm họ bị thương được.
- 5 Và họ còn được chuẩn bị để họ có thể ném đá từ trên những tháp canh ấy xuống tùy theo ý thích và sức mạnh của họ để giết chết những kẻ nào có ý tiến gần đến bên các tường thành.
- 6 Như vậy là Mô Rô Ni đã chuẩn bị các đồn lũy để chống lại sự tấn công của quân thù chung quanh mỗi thành phố khắp trong xứ.
- 7 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cho quân của mình tiến vào vùng hoang dã phía đông; phải, họ đã tiến lên đánh đuổi tất cả dân La Man đang ở trong vùng hoang dã phía đông chạy về xứ sở của chúng nằm ở phía nam xứ Gia Ra Hem La.
- 8 Và xứ Nê Phi chạy dài theo một dải từ biển phía đông qua biển phía tây.

## Alma 50

And now it came to pass that Moroni did not stop making preparations for war, or to defend his people against the Lamanites; for he caused that his armies should commence in the commencement of the twentieth year of the reign of the judges, that they should commence in digging up heaps of earth round about all the cities, throughout all the land which was possessed by the Nephites.

And upon the top of these ridges of earth he caused that there should be timbers, yea, works of timbers built up to the height of a man, round about the cities.

And he caused that upon those works of timbers there should be a frame of pickets built upon the timbers round about; and they were strong and high.

And he caused towers to be erected that overlooked those works of pickets, and he caused places of security to be built upon those towers, that the stones and the arrows of the Lamanites could not hurt them.

And they were prepared that they could cast stones from the top thereof, according to their pleasure and their strength, and slay him who should attempt to approach near the walls of the city.

Thus Moroni did prepare strongholds against the coming of their enemies, round about every city in all the land.

And it came to pass that Moroni caused that his armies should go forth into the east wilderness; yea, and they went forth and drove all the Lamanites who were in the east wilderness into their own lands, which were south of the land of Zarahemla.

And the land of Nephi did run in a straight course from the east sea to the west.



- 9 Và chuyện rằng, sau khi Mô Rô Ni đã đánh đuổi tất cả dân La Man ra khỏi vùng hoang dã phía đông, tức là phía bắc lãnh thổ thuộc chủ quyền của họ, ông đã ra lệnh cho dân cư trong xứ Gia Ra Hem La và các vùng quanh đó phải đi vào vùng hoang dã phía đông, đến tận các vùng ranh giới gần bờ biển để chiếm lấy đất đó.
- 10 Và ông còn cho quân đến trấn đóng phía nam, dọc theo biên giới lãnh thổ xứ họ, và ông cho họ dựng lên những đồn lũy để họ có thể bảo đảm an ninh cho quân và dân của họ tránh khỏi bàn tay kẻ thù.
- 11 Và như vậy là ông đã cô lập tất cả những đồn lũy của dân La Man trong vùng hoang dã phía đông, phải, và luôn cả phía tây nữa, bằng cách tăng cường các chiến lũy trên ranh giới giữa dân Nê Phi và dân La Man, tức là giữa xứ Gia Ra Hem La và xứ Nê Phi, từ bờ biển phía tây, băng qua đầu sông Si Đôn—dân Nê Phi chiếm hữu tất cả vùng đất phía bắc, phải, tất cả dải đất phía bắc xứ Phong Phú, tùy theo ý thích của mình.
- 12 Như thế đó mà Mô Rô Ni, với các đạo quân của ông, mỗi ngày một lớn mạnh nhờ các công tác xây dựng của ông đã đem lại cho họ sự bảo đảm an toàn, đã tìm cách loại trừ được sức mạnh và tiềm lực của dân La Man khỏi lãnh thổ họ, làm chúng không còn quyền lực gì trong xứ của họ nữa.
- 13 Và chuyện rằng, dân Nê Phi bắt đầu xây cất một thành phố, và họ đặt tên là thành phố Mô Rô Ni; và thành phố này nằm cạnh bờ biển phía đông; và nó nằm về hướng nam cạnh biên giới lãnh thổ của dân La Man.
- 14 Và họ cũng bắt đầu xây cất một thành phố khác giữa thành phố Mô Rô Ni và thành phố A Rôn, nối liền ranh giới A Rôn và Mô Rô Ni. Họ đặt tên cho thành phố ấy hay xứ ấy là Nê Phi Ha.
- 15 Và cũng trong năm đó, họ bắt đầu xây cất nhiều thành phố ở miền bắc, và trong số này, có một thành phố được xây cất theo một cách thức đặc biệt mà họ đặt tên là Lê Hi, nằm ở hướng bắc cạnh vùng ranh giới của bờ biển.
- 16 Và như vậy là chấm dứt năm thứ hai mươi.

And it came to pass that when Moroni had driven all the Lamanites out of the east wilderness, which was north of the lands of their own possessions, he caused that the inhabitants who were in the land of Zarahemla and in the land round about should go forth into the east wilderness, even to the borders by the seashore, and possess the land.

And he also placed armies on the south, in the borders of their possessions, and caused them to erect fortifications that they might secure their armies and their people from the hands of their enemies.

And thus he cut off all the strongholds of the Lamanites in the east wilderness, yea, and also on the west, fortifying the line between the Nephites and the Lamanites, between the land of Zarahemla and the land of Nephi, from the west sea, running by the head of the river Sidon—the Nephites possessing all the land northward, yea, even all the land which was northward of the land Bountiful, according to their pleasure.

Thus Moroni, with his armies, which did increase daily because of the assurance of protection which his works did bring forth unto them, did seek to cut off the strength and the power of the Lamanites from off the lands of their possessions, that they should have no power upon the lands of their possession.

And it came to pass that the Nephites began the foundation of a city, and they called the name of the city Moroni; and it was by the east sea; and it was on the south by the line of the possessions of the Lamanites.

And they also began a foundation for a city between the city of Moroni and the city of Aaron, joining the borders of Aaron and Moroni; and they called the name of the city, or the land, Nephiah.

And they also began in that same year to build many cities on the north, one in a particular manner which they called Lehi, which was in the north by the borders of the seashore.

And thus ended the twentieth year.

17 Và dân Nê Phi đã sống trong cảnh thịnh vượng này vào đầu năm thứ hai mươi một dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

18 Và họ đã được thịnh vượng vô cùng và trở nên hết sức giàu có; phải, họ sinh sôi nảy nở rất nhiều và hùng mạnh trong xứ.

19 Và do đó chúng ta thấy được rằng tất cả các đường lối của Chúa trong việc làm cho ứng nghiệm tất cả những lời nói của Ngài với con cái loài người thật đầy lòng thương xót và công bình biết bao; phải, cho tới lúc này, chúng ta có thể thấy rằng những lời nói của Ngài đều được ứng nghiệm, đó là những lời mà Ngài đã phán với Lê Hi như vậy:

20 Phước thay cho người và cho con cháu của người; và chúng sẽ được phước. Chừng nào chúng còn tuân giữ các lệnh truyền của ta thì chúng sẽ được thịnh vượng trong xứ. Nhưng phải nhớ rằng, chừng nào chúng không còn tuân giữ các lệnh truyền của ta thì chúng sẽ bị khai trừ khỏi sự hiện diện của Chúa.

21 Và chúng ta thấy rằng, những lời hứa này đã được ứng nghiệm đối với dân Nê Phi; vì chính do những cuộc xung đột và những cuộc tranh chấp của họ, phải, chính những sự sát nhân, cướp bóc, tôn thờ hình tượng, tà dâm cùng những điều khố ó giữa họ, đã đem đến cho họ chiến tranh và sự hủy diệt.

22 Còn những ai trung thành tuân giữ các lệnh truyền của Chúa đều luôn luôn được giải thoát, trong khi có hàng ngàn đồng bào tà ác của họ đã bị đưa vào vòng nô lệ, hay bị chết bởi gươm đao, hoặc sa vào vòng vô tín ngưỡng và sống lẫn lộn với dân La Man.

23 Nhưng này, kể từ thời Nê Phi đến lúc này, chưa lúc nào có thời gian vui sướng trong dân Nê Phi bằng dưới thời Mô Rô Ni; phải, ngay lúc này, là năm thứ hai mươi một dưới chế độ các phán quan.

24 Và chuyện rằng, năm thứ hai mươi hai dưới chế độ các phán quan cũng chấm dứt trong thái bình; và năm thứ hai mươi ba cũng vậy.

And in these prosperous circumstances were the people of Nephi in the commencement of the twenty and first year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And they did prosper exceedingly, and they became exceedingly rich; yea, and they did multiply and wax strong in the land.

And thus we see how merciful and just are all the dealings of the Lord, to the fulfilling of all his words unto the children of men; yea, we can behold that his words are verified, even at this time, which he spake unto Lehi, saying:

Blessed art thou and thy children; and they shall be blessed, inasmuch as they shall keep my commandments they shall prosper in the land. But remember, inasmuch as they will not keep my commandments they shall be cut off from the presence of the Lord.

And we see that these promises have been verified to the people of Nephi; for it has been their quarrelings and their contentions, yea, their murderings, and their plunderings, their idolatry, their whoredoms, and their abominations, which were among themselves, which brought upon them their wars and their destructions.

And those who were faithful in keeping the commandments of the Lord were delivered at all times, whilst thousands of their wicked brethren have been consigned to bondage, or to perish by the sword, or to dwindle in unbelief, and mingle with the Lamanites.

But behold there never was a happier time among the people of Nephi, since the days of Nephi, than in the days of Moroni, yea, even at this time, in the twenty and first year of the reign of the judges.

And it came to pass that the twenty and second year of the reign of the judges also ended in peace; yea, and also the twenty and third year.

25 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ hai mươi bốn dưới chế độ các phán quan, lẽ ra vẫn còn có thái bình trong dân Nê Phi nếu không có sự tranh chấp nhau ở giữa họ về xứ Lê Hi và xứ Mô Ri An Tôn là xứ nằm sát biên giới xứ Lê Hi; cả hai xứ này đều nằm trên vùng ranh giới cạnh bờ biển.

26 Vì này, dân trong xứ Mô Ri An Tôn đòi quyền sở hữu một phần xứ Lê Hi; vậy nên cuộc tranh chấp sôi nổi bắt đầu bùng lên giữa hai bên, đến nỗi dân Mô Ri An Tôn đã cầm khí giới chống lại đồng bào mình và quyết định dùng gươm sát hại họ.

27 Nhưng này, dân cư trong xứ Lê Hi chạy trốn đến trại của Mô Rô Ni, và cầu cứu ông ta giúp đỡ; vì này, họ không làm điều gì sai quấy cả.

28 Và chuyện rằng, khi dân Mô Ri An Tôn, do một người tên là Mô Ri An Tôn lãnh đạo, thấy dân Lê Hi chạy trốn đến trại của Mô Rô Ni thì họ hết sức kinh sợ, e rằng quân của Mô Rô Ni sẽ đến đánh và hủy diệt mình.

29 Vậy nên, Mô Ri An Tôn gieo vào tâm trí họ ý nghĩ rằng họ nên chạy trốn lên vùng đất phía bắc, là nơi có nhiều vùng nước rộng lớn, và chiếm cứ đất phương bắc ấy.

30 Và này, lẽ ra chúng đã thực hiện được kế hoạch này (là kế hoạch mà có thể đã mang lại sự than khóc), nhưng này, vì Mô Ri An Tôn là một người dễ phần nộ nên khi giận dữ của mình đã chụp lấy nó mà đánh rất tàn nhẫn.

31 Và chuyện rằng, đứa nữ tỳ ấy chạy trốn sang trại của Mô Rô Ni và thuật cho Mô Rô Ni nghe tất cả mọi việc liên quan đến vấn đề này và mách luôn cho ông biết ý của chúng định chạy trốn lên xứ miền bắc.

And it came to pass that in the commencement of the twenty and fourth year of the reign of the judges, there would also have been peace among the people of Nephi had it not been for a contention which took place among them concerning the land of Lehi, and the land of Morianton, which joined upon the borders of Lehi; both of which were on the borders by the seashore.

For behold, the people who possessed the land of Morianton did claim a part of the land of Lehi; therefore there began to be a warm contention between them, insomuch that the people of Morianton took up arms against their brethren, and they were determined by the sword to slay them.

But behold, the people who possessed the land of Lehi fled to the camp of Moroni, and appealed unto him for assistance; for behold they were not in the wrong.

And it came to pass that when the people of Morianton, who were led by a man whose name was Morianton, found that the people of Lehi had fled to the camp of Moroni, they were exceedingly fearful lest the army of Moroni should come upon them and destroy them.

Therefore, Morianton put it into their hearts that they should flee to the land which was northward, which was covered with large bodies of water, and take possession of the land which was northward.

And behold, they would have carried this plan into effect, (which would have been a cause to have been lamented) but behold, Morianton being a man of much passion, therefore he was angry with one of his maid servants, and he fell upon her and beat her much.

And it came to pass that she fled, and came over to the camp of Moroni, and told Moroni all things concerning the matter, and also concerning their intentions to flee into the land northward.

32 Giờ đây, này, dân chúng trong xứ Phong Phú, hay nói đúng hơn, chính Mô Rô Ni sợ rằng họ sẽ nghe theo lời của Mô Ri An Tôn rồi liên kết với dân của hắn, và như vậy là hắn sẽ chiếm lấy phần đất ấy; mà điều đó sẽ là mầm mống của nhiều hậu quả nghiêm trọng trong dân Nê Phi, phải, những hậu quả ấy sẽ đưa đến sự lật đổ nền tự do của họ.

33 Vậy nên, Mô Rô Ni phái một đạo quân có đem theo lều trại đi trước dân Mô Ri An Tôn để ngăn chặn không cho chúng chạy trốn lên đất miền bắc.

34 Và chuyện rằng, đạo quân này đi mãi lên tận biên giới xứ Hoang Vu mới tiến lên trước chúng được; và ở đấy, họ đã vượt lên trước chúng nhờ một con đường hẹp chạy dọc theo bờ biển lên đến đất miền bắc, phải, nằm dọc theo mé biển từ tây sang đông.

35 Và chuyện rằng, đạo quân Mô Rô Ni phái đi, do một người tên là Tê An Cum chỉ huy, đã gặp dân Mô Ri An Tôn; và dân Mô Ri An Tôn thật là ngoan cố (vì chúng bị sự tà ác và những lời lừa phỉnh của hắn xúi giục) nên một trận chiến đã bắt đầu xảy ra giữa hai bên. Trong trận chiến này, Tê An Cum đã giết chết Mô Ri An Tôn và đánh bại đạo quân của hắn, bắt chúng cầm tù, và quay trở về trại của Mô Rô Ni. Và như vậy là chấm dứt năm thứ hai mươi bốn dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

36 Và dân Mô Ri An Tôn đã bị dẫn trở về như vậy. Và sau khi lập giao ước tôn trọng hòa bình, họ lại được trả về xứ Mô Ri An Tôn, và sự đoàn kết lại được nối liền giữa họ với dân của Lê Hi; và họ cũng được giao hoàn lại đất đai của họ.

37 Và chuyện rằng, cũng cùng trong năm mà dân Nê Phi hưởng lại cảnh thái bình, thì Nê Phi Ha, vị trưởng phán quan thứ nhì, đã qua đời sau khi đã làm tròn chức vụ ghé xét xử với một lòng hoàn toàn chính trực trước Thượng Đế.

38 Tuy nhiên, ông đã từ chối với An Ma là ông không chịu giữ các biên sử và những vật mà An Ma và các tổ phụ của ông ta xem như những vật thiêng liêng nhất; vậy nên An Ma trao những vật ấy cho con trai của mình là Hê La Man.

Now behold, the people who were in the land Bountiful, or rather Moroni, feared that they would hearken to the words of Morianton and unite with his people, and thus he would obtain possession of those parts of the land, which would lay a foundation for serious consequences among the people of Nephi, yea, which consequences would lead to the overthrow of their liberty.

Therefore Moroni sent an army, with their camp, to head the people of Morianton, to stop their flight into the land northward.

And it came to pass that they did not head them until they had come to the borders of the land Desolation; and there they did head them, by the narrow pass which led by the sea into the land northward, yea, by the sea, on the west and on the east.

And it came to pass that the army which was sent by Moroni, which was led by a man whose name was Teancum, did meet the people of Morianton; and so stubborn were the people of Morianton, (being inspired by his wickedness and his flattering words) that a battle commenced between them, in the which Teancum did slay Morianton and defeat his army, and took them prisoners, and returned to the camp of Moroni. And thus ended the twenty and fourth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And thus were the people of Morianton brought back. And upon their covenanting to keep the peace they were restored to the land of Morianton, and a union took place between them and the people of Lehi; and they were also restored to their lands.

And it came to pass that in the same year that the people of Nephi had peace restored unto them, that Nephihah, the second chief judge, died, having filled the judgment-seat with perfect uprightness before God.

Nevertheless, he had refused Alma to take possession of those records and those things which were esteemed by Alma and his fathers to be most sacred; therefore Alma had conferred them upon his son, Helaman.

39      Này, chuyện rằng, con trai của Nê Phi Ha được chỉ định lên ngôi ghế xét xử thay thế cho cha mình; phải, ông được chỉ định chức trưởng phán quan và người cai trị dân, với lời tuyên thệ và giáo lễ thiêng liêng là phải xét xử một cách công bình, và giữ gìn nền hòa bình cùng sự tự do của dân, và ban cho họ đặc ân thiêng liêng được thờ phượng Chúa, Thượng Đế của họ; phải, ông phải hỗ trợ và duy trì chính nghĩa của Thượng Đế suốt đời mình, và phải đưa những kẻ tà ác ra trước công lý tùy theo tội trạng của họ.

40      Giờ đây này, tên ông là Pha Hô Ran. Và Pha Hô Ran đã ngồi ghế xét xử thay thế cha mình, và bắt đầu cai trị dân Nê Phi vào cuối năm thứ hai mươi bốn.

Behold, it came to pass that the son of Nephiah was appointed to fill the judgment-seat, in the stead of his father; yea, he was appointed chief judge and governor over the people, with an oath and sacred ordinance to judge righteously, and to keep the peace and the freedom of the people, and to grant unto them their sacred privileges to worship the Lord their God, yea, to support and maintain the cause of God all his days, and to bring the wicked to justice according to their crime.

Now behold, his name was Pahoran. And Pahoran did fill the seat of his father, and did commence his reign in the end of the twenty and fourth year, over the people of Nephi.

## An Ma 51

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, vào đầu năm thứ hai mươi lăm dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, họ đã thiết lập được hòa bình giữa dân Lê Hi và dân Mô Ri An Tôn về vấn đề đất đai của họ, và đã bắt đầu năm thứ hai mươi lăm trong hòa bình;
- 2 Tuy nhiên, họ không duy trì lâu được nền hòa bình trọn vẹn trong xứ vì một sự tranh chấp đã bắt đầu chớm nở trong dân chúng về vị trưởng phán quan Pha Hô Ran; vì này, có một số dân chúng muốn rằng một vài điểm trong luật pháp cần phải được sửa đổi.
- 3 Nhưng này, Pha Hô Ran không muốn sửa đổi và cũng không chịu để luật pháp bị sửa đổi; vậy nên, ông không nghe theo lời thỉnh cầu của những người đệ đơn lên ông xin sửa đổi luật pháp.
- 4 Vậy nên những người muốn luật pháp phải được sửa đổi tức giận ông, và muốn ông không được làm vị trưởng phán quan cai trị xứ sở nữa; vậy nên họ nổi lên tranh chấp rất quyết liệt về vấn đề đó, nhưng chưa đến đổ máu.
- 5 Và chuyện rằng, những kẻ muốn Pha Hô Ran phải bị truất phế khỏi ghế xét xử được gọi là những người bảo hoàng, vì những người này muốn luật pháp phải được sửa đổi trong một cách thức để lật đổ chính quyền tự do và lập một vị vua cai trị xứ sở.
- 6 Còn những người muốn Pha Hô Ran vẫn giữ chức trưởng phán quan cai trị xứ sở thì tự gọi mình là những người tự do; và sự chia rẽ giữa họ là như vậy, vì những người tự do đã tuyên thệ hay đã giao ước là sẽ duy trì những quyền lợi và đặc ân của tôn giáo họ bằng một chính phủ tự do.
- 7 Và chuyện rằng, vấn đề tranh chấp này của họ được giải quyết qua tiếng nói của dân chúng. Và chuyện rằng, tiếng nói của dân chúng đã ủng hộ những người tự do, và Pha Hô Ran vẫn giữ ghế xét xử, việc này đã đem lại sự vui mừng lớn lao cho những người anh em của Pha Hô Ran và những người tự do, là những người đã làm cho những người bảo hoàng phải lặng thinh, không dám chống đối mà buộc lòng phải duy trì chính nghĩa tự do.

## Alma 51

And now it came to pass in the commencement of the twenty and fifth year of the reign of the judges over the people of Nephi, they having established peace between the people of Lehi and the people of Morianton concerning their lands, and having commenced the twenty and fifth year in peace;

Nevertheless, they did not long maintain an entire peace in the land, for there began to be a contention among the people concerning the chief judge Pahoran; for behold, there were a part of the people who desired that a few particular points of the law should be altered.

But behold, Pahoran would not alter nor suffer the law to be altered; therefore, he did not hearken to those who had sent in their voices with their petitions concerning the altering of the law.

Therefore, those who were desirous that the law should be altered were angry with him, and desired that he should no longer be chief judge over the land; therefore there arose a warm dispute concerning the matter, but not unto bloodshed.

And it came to pass that those who were desirous that Pahoran should be dethroned from the judgment-seat were called king-men, for they were desirous that the law should be altered in a manner to overthrow the free government and to establish a king over the land.

And those who were desirous that Pahoran should remain chief judge over the land took upon them the name of freemen; and thus was the division among them, for the freemen had sworn or covenanted to maintain their rights and the privileges of their religion by a free government.

And it came to pass that this matter of their contention was settled by the voice of the people. And it came to pass that the voice of the people came in favor of the freemen, and Pahoran retained the judgment-seat, which caused much rejoicing among the brethren of Pahoran and also many of the people of liberty, who also put the king-men to silence, that they durst not oppose but were obliged to maintain the cause of freedom.

- 8 Bấy giờ những người thích có vua là những người thuộc về hàng quý tộc, và họ tìm cách để được làm vua; và họ được ủng hộ bởi những người tìm kiếm uy quyền và quyền hành cai trị dân chúng.
- 9 Nhưng này, đây là một thời kỳ khấn trương cho những cuộc tranh chấp như vậy xảy ra giữa dân Nê Phi; vì này, A Ma Lịch Gia đã lại khích động lòng dân La Man nổi lên chống dân Nê Phi; và hắn đang quy tụ quân lính khắp nơi trong nước và võ trang cho họ, cùng chuyên tâm chuẩn bị chiến tranh; vì hắn đã thề sẽ uống máu Mô Rô Ni.
- 10 Nhưng này, chúng ta sẽ thấy rằng lời hứa của hắn thật liêu lĩnh, tuy nhiên, hắn đã chuẩn bị cho hắn và cho các đạo quân của hắn sẵn sàng đến gây chiến với dân Nê Phi.
- 11 Giờ đây những đạo quân của hắn không được đông đảo bằng lúc trước, vì có nhiều ngàn quân đã bị bàn tay của dân Nê Phi giết chết; nhưng mặc dù có sự tổn thất lớn lao ấy, A Ma Lịch Gia vẫn tụ tập được một đạo quân đông đảo đáng kể, đến nỗi hắn không còn sợ hãi để đi xuống xứ Gia Ra Hem La.
- 12 Phải, chính A Ma Lịch Gia đã thân chinh dẫn đầu dân La Man. Và lúc đó nhằm năm thứ hai mươi lăm dưới chế độ các phán quan; và cũng chính trong lúc đó dân chúng đã bắt đầu giải quyết các vấn đề tranh chấp về vị trưởng phán quan Pha Hô Ran.
- 13 Và chuyện rằng, khi những người được gọi là bảo hoàng nghe tin dân La Man đang tiến xuống gây chiến với họ, họ đã vui mừng trong lòng, và họ từ chối không chịu cầm khí giới, vì họ rất tức giận vị trưởng phán quan, và còn giận luôn cả những người tự do nữa, nên họ không chịu cầm khí giới để bảo vệ xứ sở mình.
- 14 Và chuyện rằng, khi Mô Rô Ni trông thấy vậy, và hơn nữa ông còn trông thấy dân La Man đang tiến vào biên giới xứ sở, ông quá đỗi tức giận cho sự ngoan cố của những kẻ mà ông đã chuyên tâm làm việc để bảo tồn; phải, ông vô cùng tức giận; tâm hồn ông tràn ngập sự giận dữ đối với họ.

Now those who were in favor of kings were those of high birth, and they sought to be kings; and they were supported by those who sought power and authority over the people.

But behold, this was a critical time for such contentions to be among the people of Nephi; for behold, Amalickiah had again stirred up the hearts of the people of the Lamanites against the people of the Nephites, and he was gathering together soldiers from all parts of his land, and arming them, and preparing for war with all diligence; for he had sworn to drink the blood of Moroni.

But behold, we shall see that his promise which he made was rash; nevertheless, he did prepare himself and his armies to come to battle against the Nephites.

Now his armies were not so great as they had hitherto been, because of the many thousands who had been slain by the hand of the Nephites; but notwithstanding their great loss, Amalickiah had gathered together a wonderfully great army, inasmuch that he feared not to come down to the land of Zarahemla.

Yea, even Amalickiah did himself come down, at the head of the Lamanites. And it was in the twenty and fifth year of the reign of the judges; and it was at the same time that they had begun to settle the affairs of their contentions concerning the chief judge, Pahoran.

And it came to pass that when the men who were called king-men had heard that the Lamanites were coming down to battle against them, they were glad in their hearts; and they refused to take up arms, for they were so wroth with the chief judge, and also with the people of liberty, that they would not take up arms to defend their country.

And it came to pass that when Moroni saw this, and also saw that the Lamanites were coming into the borders of the land, he was exceedingly wroth because of the stubbornness of those people whom he had labored with so much diligence to preserve; yea, he was exceedingly wroth; his soul was filled with anger against them.

- 15 Và chuyện rằng, dựa trên tiếng nói của dân chúng, ông gửi lên vị cai trị trong xứ một thỉnh nguyện thư, mong vị này sẽ đọc và ban cho ông (Mô Rô Ni) quyền hành để bắt buộc những kẻ ly khai đó phải bảo vệ xứ sở của mình, bằng không thì sẽ xử tử họ.
- 16 Vì mối quan tâm trước nhất của ông là làm sao chấm dứt được những cuộc tranh chấp và những sự bất hòa trong dân chúng; vì này, từ trước tới nay những điều ấy là nguyên nhân của tất cả mọi sự hủy diệt của họ. Và chuyện rằng, điều này đã được ban cho theo như tiếng nói của dân chúng.
- 17 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni ra lệnh cho quân ông đi đánh những người bảo hoàng đó, để hạ tính kiêu hãnh và vẻ quý tộc của họ xuống, và đánh ngã họ xuống đất, hoặc là họ phải cầm khí giới và hỗ trợ chính nghĩa tự do.
- 18 Và chuyện rằng các đội quân đã xuất quân đi đánh họ; và các đội quân này đã hạ tính kiêu hãnh và vẻ quý tộc của họ xuống, đến nỗi mỗi lần họ vừa đưa vũ khí chiến tranh lên để đánh lại người của Mô Rô Ni thì họ đều bị chém và bị đánh ngã xuống đất.
- 19 Và chuyện rằng, có bốn ngàn người trong nhóm những người ly khai này bị gươm chém ngã; và những kẻ cầm đầu bọn họ, nếu không bị giết trong trận đó thì cũng bị bắt bỏ vào ngục thất, vì lúc đó không có thì giờ để xử họ.
- 20 Và số những kẻ ly khai còn sót lại, vì sợ bị đánh gục dưới lưỡi gươm nên đành phải quy hàng dưới lá cờ tự do, và bị bắt buộc phải thượng cờ tự do trên các tháp cao hay các thành phố của họ, và họ phải cầm khí giới để bảo vệ xứ sở của mình.
- 21 Và như vậy là Mô Rô Ni đã diệt trừ được những người bảo hoàng ấy, đến nỗi không còn một người nào có thể gọi là bảo hoàng nữa; và như vậy là ông đã chấm dứt được sự ngoan cố và tính kiêu hãnh của những kẻ tự xưng mình có máu quý tộc; họ bắt buộc phải tự hạ mình như các đồng bào của họ, và phải anh dũng chiến đấu cho nền tự do của họ khỏi rơi vào vòng nô lệ.

And it came to pass that he sent a petition, with the voice of the people, unto the governor of the land, desiring that he should read it, and give him (Moroni) power to compel those dissenters to defend their country or to put them to death.

For it was his first care to put an end to such contentions and dissensions among the people; for behold, this had been hitherto a cause of all their destruction. And it came to pass that it was granted according to the voice of the people.

And it came to pass that Moroni commanded that his army should go against those king-men, to pull down their pride and their nobility and level them with the earth, or they should take up arms and support the cause of liberty.

And it came to pass that the armies did march forth against them; and they did pull down their pride and their nobility, insomuch that as they did lift their weapons of war to fight against the men of Moroni they were hewn down and leveled to the earth.

And it came to pass that there were four thousand of those dissenters who were hewn down by the sword; and those of their leaders who were not slain in battle were taken and cast into prison, for there was no time for their trials at this period.

And the remainder of those dissenters, rather than be smitten down to the earth by the sword, yielded to the standard of liberty, and were compelled to hoist the title of liberty upon their towers, and in their cities, and to take up arms in defence of their country.

And thus Moroni put an end to those king-men, that there were not any known by the appellation of king-men; and thus he put an end to the stubbornness and the pride of those people who professed the blood of nobility; but they were brought down to humble themselves like unto their brethren, and to fight valiantly for their freedom from bondage.



- 22      Này, chuyện rằng, trong lúc Mô Rô Ni đang bận  
chăm dứt các cuộc chiến và các cuộc tranh chấp  
trong dân ông, và đặt họ sống dưới sự thái bình  
thịnh trị cùng ban hành các quy luật để chuẩn bị  
chiến tranh với dân La Man, này, dân La Man đã  
xâm nhập vào xứ Mô Rô Ni nằm trên vùng ranh  
giới gần bờ biển.
- 23      Và chuyện rằng, dân Nê Phi không được mạnh  
trong thành phố Mô Rô Ni; vậy nên A Ma Lịch Gia  
đánh đuổi được họ và giết chết rất nhiều. Và  
chuyện rằng, A Ma Lịch Gia chiếm cứ thành phố ấy,  
phải, và chiếm cứ tất cả các đồn lũy của họ.
- 24      Và những người chạy trốn khỏi thành phố Mô Rô  
Ni đều đến thành phố Nê Phi Ha; và dân trong  
thành phố Lê Hi cũng quy tụ lại và chuẩn bị sẵn  
sàng để nghinh chiến với dân La Man.
- 25      Nhưng chuyện rằng, A Ma Lịch Gia không cho  
dân La Man tiến đánh thành phố Nê Phi Ha, nhưng  
giữ chúng lại bên bờ biển, bằng cách để lại một số  
quân trong mỗi thành phố để bảo vệ những thành  
phố ấy.
- 26      Và cứ thế, hắn tiếp tục chiếm cứ nhiều thành  
phố, thành phố Nê Phi Ha, thành phố Lê Hi, thành  
phố Mô Ri An Tôn, thành phố Ôm Nê, thành phố  
Ghi Đơ, và thành phố Mơ Léc, tất cả những thành  
phố này đều nằm trên vùng ranh giới phía đông  
cạnh bờ biển.
- 27      Và như vậy là dân La Man đã chiếm được biết bao  
thành phố nhờ sự xảo quyệt của A Ma Lịch Gia và  
vô số các đạo quân của chúng. Tất cả những thành  
phố này đều được xây đắp kiên cố theo kiểu các đồn  
lũy của Mô Rô Ni; và tất cả những đồn lũy này trở  
thành các thành lũy vững chắc cho dân La Man.
- 28      Và chuyện rằng, chúng tiến đến biên giới xứ  
Phong Phú, đánh đuổi dân Nê Phi và sát hại họ rất  
nhiều.
- 29      Nhưng chuyện rằng, chúng dựng độ Tê An Cum,  
là người đã giết chết Mô Ri An Tôn và đã chặn đầu  
quân của hắn khi hắn chạy trốn.
- 30      Và chuyện rằng, lần này ông cũng chặn đầu A Ma  
Lịch Gia khi hắn xua đoàn quân đông đảo của hắn  
tiến chiếm xứ Phong Phú và luôn cả vùng đất phía  
bắc.

Behold, it came to pass that while Moroni was  
thus breaking down the wars and contentions  
among his own people, and subjecting them to  
peace and civilization, and making regulations to  
prepare for war against the Lamanites, behold, the  
Lamanites had come into the land of Moroni,  
which was in the borders by the seashore.

And it came to pass that the Nephites were not  
sufficiently strong in the city of Moroni; therefore  
Amalickiah did drive them, slaying many. And it  
came to pass that Amalickiah took possession of  
the city, yea, possession of all their fortifications.

And those who fled out of the city of Moroni  
came to the city of Nephiah; and also the people  
of the city of Lehi gathered themselves together,  
and made preparations and were ready to receive  
the Lamanites to battle.

But it came to pass that Amalickiah would not  
suffer the Lamanites to go against the city of  
Nephiah to battle, but kept them down by the  
seashore, leaving men in every city to maintain  
and defend it.

And thus he went on, taking possession of many  
cities, the city of Nephiah, and the city of Lehi,  
and the city of Morianton, and the city of Omner,  
and the city of Gid, and the city of Mulek, all of  
which were on the east borders by the seashore.

And thus had the Lamanites obtained, by the  
cunning of Amalickiah, so many cities, by their  
numberless hosts, all of which were strongly forti-  
fied after the manner of the fortifications of  
Moroni; all of which afforded strongholds for the  
Lamanites.

And it came to pass that they marched to the bor-  
ders of the land Bountiful, driving the Nephites be-  
fore them and slaying many.

But it came to pass that they were met by  
Teancum, who had slain Morianton and had  
headed his people in his flight.

And it came to pass that he headed Amalickiah  
also, as he was marching forth with his numerous  
army that he might take possession of the land  
Bountiful, and also the land northward.

- 31 Nhưng này, hắ đã phải thất vọng khi bị Tê An Cum và quân của ông ta đánh bật lui, vì họ là những quân thiện chiến; mỗi người lính của Tê An Cum đều vượt hắ dân La Man về sức lực và tài thiện chiến, khiến họ chiếm nhiều lợi thế hơn dân La Man.
- 32 Và chuyện rằng, họ đã công kích chúng, đến đỗi họ sát hại chúng mãi cho tới lúc trời tối. Và chuyện rằng, Tê An Cum cùng quân của ông cắm lều nghỉ tại biên giới xứ Phong Phú; và A Ma Lịch Gia cắm lều nghỉ ở trong vùng ranh giới gần bờ biển, và chúng đã bị đẩy lui như vậy.
- 33 Và chuyện rằng, khi đêm xuống, Tê An Cum cùng một người tôi tớ của ông lẻn đi ra ngoài trong bóng đêm, và đi đến trại của A Ma Lịch Gia; và này, giấc ngủ đã xâm chiếm lấy chúng, vì sự đuối sức của chúng do việc lao nhọc quá nhiều và do khí trời nóng nực của ngày hôm đó.
- 34 Và chuyện rằng Tê An Cum bí mật lẻn vào lều của vua, và đâm một mũi thương vào tim hắ; và ông đã khiến cho vua chết tức khắc, không kịp đánh thức các tôi tớ mình dậy.
- 35 Rồi ông bí mật trở về trại của mình, và này, quân của ông vẫn còn ngủ, ông bèn đánh thức họ dậy và kể cho họ nghe tất cả những việc ông đã làm.
- 36 Rồi ông ra lệnh cho quân ông phải chuẩn bị sẵn sàng, vì sợ rằng dân La Man đã thức dậy và sẽ đến tấn công họ.
- 37 Và như vậy là chấm dứt năm thứ hai mươi lăm dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi; và như vậy là chấm dứt đời của A Ma Lịch Gia.

But behold he met with a disappointment by being repulsed by Teancum and his men, for they were great warriors; for every man of Teancum did exceed the Lamanites in their strength and in their skill of war, insomuch that they did gain advantage over the Lamanites.

And it came to pass that they did harass them, insomuch that they did slay them even until it was dark. And it came to pass that Teancum and his men did pitch their tents in the borders of the land Bountiful; and Amalickiah did pitch his tents in the borders on the beach by the seashore, and after this manner were they driven.

And it came to pass that when the night had come, Teancum and his servant stole forth and went out by night, and went into the camp of Amalickiah; and behold, sleep had overpowered them because of their much fatigue, which was caused by the labors and heat of the day.

And it came to pass that Teancum stole privily into the tent of the king, and put a javelin to his heart; and he did cause the death of the king immediately that he did not awake his servants.

And he returned again privily to his own camp, and behold, his men were asleep, and he awoke them and told them all the things that he had done.

And he caused that his armies should stand in readiness, lest the Lamanites had awakened and should come upon them.

And thus endeth the twenty and fifth year of the reign of the judges over the people of Nephi; and thus endeth the days of Amalickiah.

## An Ma 52

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, vào năm thứ hai mươi sáu dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, này, vào sáng ngày mồng một tháng giêng, khi dân La Man thức dậy, này, chúng thấy A Ma Lịch Gia nằm chết trong lều của hắn; và chúng cũng thấy là Tê An Cum đã sẵn sàng giao tranh với chúng ngày hôm đó.
- 2 Và giờ đây, khi dân La Man trông thấy như vậy, chúng quá khiếp sợ; chúng bèn bỏ ý định tiến lên vùng đất miền bắc, và rút tất cả quân của chúng về thành phố Mơ Léc, rồi ẩn nấp trong các đồn lũy.
- 3 Và chuyện rằng, bào đệ của A Ma Lịch Gia được lập lên làm vua cai trị dân chúng; và tên hắn là Am Mô Rôn; như vậy là vua Am Mô Rôn, bào đệ của vua A Ma Lịch Gia, được lập lên thay thế trị vì.
- 4 Và chuyện rằng, hắn ra lệnh cho dân hắn phải cố thủ các thành phố ấy, là những thành phố mà chúng đã chiếm được bằng sự đổ máu; vì không có thành phố nào chúng chiếm được mà chúng không bị đổ máu nhiều.
- 5 Và giờ đây, khi Tê An Cum thấy rằng dân La Man quyết cố thủ những thành phố chúng chiếm được, và cả những vùng đất mà chúng đã chiếm cứ; và ngoài ra ông còn thấy quân số của chúng quá đông đảo nên Tê An Cum nghĩ rằng đó là một điều bất lợi nếu ông toan tấn công chúng trong các đồn lũy của chúng.
- 6 Nhưng ông cho quân mình đóng quanh đó, làm như đang chuẩn bị giao chiến; phải, và quả thật ông đang chuẩn bị bảo vệ mình chống lại chúng bằng cách cho đắp lên những bức tường chung quanh và chuẩn bị chỗ ẩn nấp.
- 7 Và chuyện rằng, ông tiếp tục chuẩn bị giao chiến như vậy cho đến khi Mô Rô Ni gửi tới một số quân lớn để tăng cường quân của ông.
- 8 Và Mô Rô Ni còn ra lệnh cho ông phải giữ lại tất cả những tù binh nào rơi vào tay ông; vì dân La Man đã bắt giữ rất nhiều tù binh, vậy nên ông phải giữ lại tất cả những tù binh La Man để chuộc lại những người đã bị dân La Man bắt.

## Alma 52

And now, it came to pass in the twenty and sixth year of the reign of the judges over the people of Nephi, behold, when the Lamanites awoke on the first morning of the first month, behold, they found Amalickiah was dead in his own tent; and they also saw that Teancum was ready to give them battle on that day.

And now, when the Lamanites saw this they were affrighted; and they abandoned their design in marching into the land northward, and retreated with all their army into the city of Mulek, and sought protection in their fortifications.

And it came to pass that the brother of Amalickiah was appointed king over the people; and his name was Ammoron; thus king Ammoron, the brother of king Amalickiah, was appointed to reign in his stead.

And it came to pass that he did command that his people should maintain those cities, which they had taken by the shedding of blood; for they had not taken any cities save they had lost much blood.

And now, Teancum saw that the Lamanites were determined to maintain those cities which they had taken, and those parts of the land which they had obtained possession of; and also seeing the enormity of their number, Teancum thought it was not expedient that he should attempt to attack them in their forts.

But he kept his men round about, as if making preparations for war; yea, and truly he was preparing to defend himself against them, by casting up walls round about and preparing places of resort.

And it came to pass that he kept thus preparing for war until Moroni had sent a large number of men to strengthen his army.

And Moroni also sent orders unto him that he should retain all the prisoners who fell into his hands; for as the Lamanites had taken many prisoners, that he should retain all the prisoners of the Lamanites as a ransom for those whom the Lamanites had taken.

- 9 Và Mô Rô Ni cũng ra lệnh cho ông phải củng cố xứ Phong Phú, và bảo vệ con đường hẹp dẫn đến vùng đất phía bắc, vì sợ rằng dân La Man sẽ chiếm được điểm đó và sẽ có ưu thế để quấy nhiễu họ từ mọi mặt.
- 10 Và Mô Rô Ni còn gửi lời dặn dò ông hãy tận tâm bảo vệ phần lãnh thổ ấy, và ông hãy tìm mọi cơ hội quấy phá dân La Man ở vùng đó, càng nhiều càng tốt tùy theo khả năng của ông, để may ra nhờ mưu lược hay bằng một đường lối nào khác, ông có thể chiếm lại được những thành phố đã bị lấy đi khỏi tay của họ. Và ông cũng phải củng cố và tăng cường những thành phố khác chung quanh chưa bị rơi vào tay dân La Man.
- 11 Mô Rô Ni còn nói với ông rằng: Tôi định đến với anh, nhưng này, dân La Man đang tấn công chúng tôi tại vùng ranh giới gần biển phía tây; và này, tôi phải đi đánh chúng, vậy nên tôi không thể đến với anh được.
- 12 Lúc bấy giờ vua (Am Mô Rôn) đã rời khỏi xứ Gia Ra Hem La và đã báo cho hoàng hậu biết tin về cái chết của anh mình, và đồng thời thu thập thêm một số quân lính lớn lao để tiến đánh dân Nê Phi ở vùng ranh giới gần biển phía tây.
- 13 Như vậy là hấn đang nỗ lực quấy nhiễu dân Nê Phi, và phân tán một phần lực lượng của họ ở lại trên đất đó, trong khi đó hấn đã ra lệnh cho những toán quân mà hấn đã để lại chiếm đóng trong những thành phố mà chúng đã chiếm được cũng phải quấy nhiễu dân Nê Phi ở vùng ranh giới gần biển phía đông, và phải chiếm cứ đất đai của họ càng nhiều càng tốt trong khả năng của chúng, tùy theo khả năng của các đoàn quân của chúng.
- 14 Và như vậy là dân Nê Phi đã ở trong những tình trạng nguy hiểm này vào cuối năm thứ hai mươi sáu dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

And he also sent orders unto him that he should fortify the land Bountiful, and secure the narrow pass which led into the land northward, lest the Lamanites should obtain that point and should have power to harass them on every side.

And Moroni also sent unto him, desiring him that he would be faithful in maintaining that quarter of the land, and that he would seek every opportunity to scourge the Lamanites in that quarter, as much as was in his power, that perhaps he might take again by stratagem or some other way those cities which had been taken out of their hands; and that he also would fortify and strengthen the cities round about, which had not fallen into the hands of the Lamanites.

And he also said unto him, I would come unto you, but behold, the Lamanites are upon us in the borders of the land by the west sea; and behold, I go against them, therefore I cannot come unto you.

Now, the king (Ammoron) had departed out of the land of Zarahemla, and had made known unto the queen concerning the death of his brother, and had gathered together a large number of men, and had marched forth against the Nephites on the borders by the west sea.

And thus he was endeavoring to harass the Nephites, and to draw away a part of their forces to that part of the land, while he had commanded those whom he had left to possess the cities which he had taken, that they should also harass the Nephites on the borders by the east sea, and should take possession of their lands as much as it was in their power, according to the power of their armies.

And thus were the Nephites in those dangerous circumstances in the ending of the twenty and sixth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

- 15 Nhưng này, chuyện rằng, vào năm thứ hai mươi bảy dưới chế độ các phán quan, Tê An Cum, theo lệnh của Mô Rô Ni—ông này sau khi cho quân đội trấn giữ các biên giới phía nam và phía tây, đã bắt đầu tiến quân về xứ Phong Phú, để ông có thể yểm trợ cho Tê An Cum và quân của ông ta tái chiếm các thành phố mà họ đã mất—
- 16 Và chuyện rằng, Tê An Cum nhận được lệnh tấn công thành phố Mơ Léc, và chiếm nó lại nếu có thể được.
- 17 Và chuyện rằng, Tê An Cum chuẩn bị cuộc tấn công vào thành phố Mơ Léc, và đem quân tiến đánh dân La Man; nhưng ông thấy rằng, không thể nào ông có thể thắng được chúng khi chúng ở trong các đồn lũy của chúng; vậy nên ông bỏ ý định này và đem quân trở về thành phố Phong Phú, để chờ Mô Rô Ni đến, ngõ hầu ông có thể nhận thêm quân số cho quân của mình.
- 18 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cùng quân ông đã đến xứ Phong Phú vào cuối năm thứ hai mươi bảy dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 19 Và vào đầu năm thứ hai mươi tám, Mô Rô Ni và Tê An Cum cùng nhiều tổng lãnh binh họp hội đồng chiến tranh—họ bàn về vấn đề làm sao cho dân La Man chịu ra giao chiến với họ, hay làm cách nào dụ chúng ra khỏi các đồn lũy của chúng, để họ có lợi thể hơn chúng và đánh chiếm lại được thành phố Mơ Léc.
- 20 Và chuyện rằng, họ phái sứ giả đến chỗ quân La Man đang đóng bảo vệ thành phố Mơ Léc để nói với thủ lĩnh của chúng tên là Gia Cóp rằng, họ muốn mời ông này dẫn quân lính của mình đến gặp họ ở ngoài cánh đồng nằm giữa hai thành phố. Nhưng này, Gia Cóp, là người Giô Ram, không chịu dẫn quân ra gặp họ ngoài đồng.
- 21 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni thấy không có hy vọng gì gặp được chúng trên một địa thế tốt, nên ông quyết định dùng mưu lược để nhử dân La Man ra khỏi đồn lũy của chúng.

But behold, it came to pass in the twenty and seventh year of the reign of the judges, that Teancum, by the command of Moroni—who had established armies to protect the south and the west borders of the land, and had begun his march towards the land Bountiful, that he might assist Teancum with his men in retaking the cities which they had lost—

And it came to pass that Teancum had received orders to make an attack upon the city of Mulek, and retake it if it were possible.

And it came to pass that Teancum made preparations to make an attack upon the city of Mulek, and march forth with his army against the Lamanites; but he saw that it was impossible that he could overpower them while they were in their fortifications; therefore he abandoned his designs and returned again to the city Bountiful, to wait for the coming of Moroni, that he might receive strength to his army.

And it came to pass that Moroni did arrive with his army at the land of Bountiful, in the latter end of the twenty and seventh year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And in the commencement of the twenty and eighth year, Moroni and Teancum and many of the chief captains held a council of war—what they should do to cause the Lamanites to come out against them to battle; or that they might by some means flatter them out of their strongholds, that they might gain advantage over them and take again the city of Mulek.

And it came to pass they sent embassies to the army of the Lamanites, which protected the city of Mulek, to their leader, whose name was Jacob, desiring him that he would come out with his armies to meet them upon the plains between the two cities. But behold, Jacob, who was a Zoramite, would not come out with his army to meet them upon the plains.

And it came to pass that Moroni, having no hopes of meeting them upon fair grounds, therefore, he resolved upon a plan that he might decoy the Lamanites out of their strongholds.

- 22 Vậy nên, ông cho Tê An Cum dẫn một toán quân nhỏ đi xuống gần bờ biển; còn Mô Rô Ni thì ban đêm, dẫn đạo quân của mình đi vào vùng hoang dã ở hướng tây thành phố Mơ Léc; và bởi vậy, sáng hôm sau, khi các lính canh của dân La Man khám phá ra Tê An Cum, chúng chạy về báo cho thủ lĩnh của chúng là Gia Cốp biết.
- 23 Và chuyện rằng, các đạo quân của dân La Man đã tiến ra đánh Tê An Cum, nghĩ rằng chúng sẽ áp đảo được Tê An Cum ngay vì quân số của họ ít hơn chúng rất nhiều. Và khi Tê An Cum trông thấy các đạo quân của dân La Man xông ra đánh ông, ông bắt đầu rút lui xuống hướng bắc cạnh bờ biển.
- 24 Và chuyện rằng, khi dân La Man trông thấy ông bắt đầu chạy trốn, chúng trở nên can đảm và rượt đuổi theo họ rất hăng hái. Và trong lúc Tê An Cum dụ dân La Man rượt đuổi theo một cách vô ích như vậy, này, Mô Rô Ni ra lệnh cho một phần quân lính đi theo ông tiến vào thành phố và chiếm cứ thành phố.
- 25 Và họ đã làm như vậy. Họ giết chết hết những người ở lại giữ thành, phải, tất cả những kẻ nào không chịu hạ vũ khí chiến tranh đầu hàng.
- 26 Và như vậy là Mô Rô Ni đã chiếm được thành phố Mơ Léc với một phần quân của ông, trong khi đó ông dẫn phần quân lính còn lại đón đánh dân La Man khi chúng quay trở về sau cuộc rượt đuổi theo Tê An Cum.
- 27 Và chuyện rằng, dân La Man rượt đuổi theo Tê An Cum cho đến khi chúng đến gần thành phố Phong Phú, và ở đây chúng đụng độ Lê Hi và đạo quân nhỏ được để lại trấn giữ thành phố Phong Phú.
- 28 Và giờ đây, này, khi các tổng lãnh binh của dân La Man trông thấy Lê Hi dẫn quân ra giao chiến, chúng liền chạy trốn hỗn loạn vì sợ Lê Hi sẽ bắt kịp chúng trước khi chúng về được thành phố Mơ Léc, vì chúng đã mỏi mệt bởi cuộc hành quân của chúng, trong lúc quân của Lê Hi còn sung sức.
- 29 Bây giờ dân La Man không biết là Mô Rô Ni và quân của ông đã ở phía sau lưng chúng, nên chúng chỉ biết sợ có Lê Hi và quân của ông mà thôi.

Therefore he caused that Teancum should take a small number of men and march down near the seashore; and Moroni and his army, by night, marched in the wilderness, on the west of the city Mulek; and thus, on the morrow, when the guards of the Lamanites had discovered Teancum, they ran and told it unto Jacob, their leader.

And it came to pass that the armies of the Lamanites did march forth against Teancum, supposing by their numbers to overpower Teancum because of the smallness of his numbers. And as Teancum saw the armies of the Lamanites coming out against him he began to retreat down by the seashore, northward.

And it came to pass that when the Lamanites saw that he began to flee, they took courage and pursued them with vigor. And while Teancum was thus leading away the Lamanites who were pursuing them in vain, behold, Moroni commanded that a part of his army who were with him should march forth into the city, and take possession of it.

And thus they did, and slew all those who had been left to protect the city, yea, all those who would not yield up their weapons of war.

And thus Moroni had obtained possession of the city Mulek with a part of his army, while he marched with the remainder to meet the Lamanites when they should return from the pursuit of Teancum.

And it came to pass that the Lamanites did pursue Teancum until they came near the city Bountiful, and then they were met by Lehi and a small army, which had been left to protect the city Bountiful.

And now behold, when the chief captains of the Lamanites had beheld Lehi with his army coming against them, they fled in much confusion, lest perhaps they should not obtain the city Mulek before Lehi should overtake them; for they were wearied because of their march, and the men of Lehi were fresh.

Now the Lamanites did not know that Moroni had been in their rear with his army; and all they feared was Lehi and his men.

30 Bây giờ Lê Hi không muốn đánh úp chúng trước khi chúng đụng độ với Mô Rô Ni và quân của ông.

31 Và chuyện rằng, khi dân La Man chưa rút lui được bao xa, thì chúng đã bị dân Nê Phi bao vây, bên này bởi quân của Mô Rô Ni và bên kia bởi quân của Lê Hi, tất cả những quân lính này đều khỏe mạnh và sung sức, trái lại dân La Man thì mệt mỏi vì cuộc hành quân lâu dài của chúng.

32 Và Mô Rô Ni ra lệnh cho quân của ông phải xông vào đánh chúng đến chừng nào chúng đầu hàng giao nộp vũ khí chiến tranh mới thôi.

33 Và chuyện rằng, Gia Cốp, thủ lĩnh của chúng, gốc dân Giô Ram, vốn có một tinh thần bất khuất, nên điều khiển dân La Man giao chiến với Mô Rô Ni một cách vô cùng mãnh liệt.

34 Và vì Mô Rô Ni đã chặn đường chúng nên Gia Cốp quyết định phải giết chết họ để mở lối trở về thành phố Mơ Léc. Nhưng này, Mô Rô Ni và quân của ông mạnh hơn nên họ không lùi bước trước dân La Man.

35 Và chuyện rằng, cả đôi bên đều giao chiến hết sức ác liệt; và cả đôi bên đều bị thiệt mạng nhiều; phải, và Mô Rô Ni bị thương, còn Gia Cốp thì bị giết.

36 Và Lê Hi với những quân lính tráng kiện của ông tấn công như vũ bão từ mặt sau tới, khiến cho dân La Man ở đằng sau phải nộp vũ khí chiến tranh đầu hàng; còn những quân còn lại của chúng thì quá rối loạn, không còn biết phải tiến thoái đánh đỡ làm sao.

37 Bây giờ Mô Rô Ni thấy sự rối loạn của chúng, nên ông bèn bảo chúng rằng: Nếu các người chịu đem vũ khí chiến tranh lại nộp, này, chúng ta sẽ không để cho làm đổ máu các người nữa.

38 Và chuyện rằng, khi dân La Man nghe nói như vậy, thì các tổng lãnh binh của chúng, tất cả những người chưa bị giết, đã tiến lên và đem vũ khí chiến tranh liệng xuống chân Mô Rô Ni, và còn ra lệnh cho quân mình phải làm như vậy.

Now Lehi was not desirous to overtake them till they should meet Moroni and his army.

And it came to pass that before the Lamanites had retreated far they were surrounded by the Nephites, by the men of Moroni on one hand, and the men of Lehi on the other, all of whom were fresh and full of strength; but the Lamanites were wearied because of their long march.

And Moroni commanded his men that they should fall upon them until they had given up their weapons of war.

And it came to pass that Jacob, being their leader, being also a Zoramite, and having an unconquerable spirit, he led the Lamanites forth to battle with exceeding fury against Moroni.

Moroni being in their course of march, therefore Jacob was determined to slay them and cut his way through to the city of Mulek. But behold, Moroni and his men were more powerful; therefore they did not give way before the Lamanites.

And it came to pass that they fought on both hands with exceeding fury; and there were many slain on both sides; yea, and Moroni was wounded and Jacob was killed.

And Lehi pressed upon their rear with such fury with his strong men, that the Lamanites in the rear delivered up their weapons of war; and the remainder of them, being much confused, knew not whither to go or to strike.

Now Moroni seeing their confusion, he said unto them: If ye will bring forth your weapons of war and deliver them up, behold we will forbear shedding your blood.

And it came to pass that when the Lamanites had heard these words, their chief captains, all those who were not slain, came forth and threw down their weapons of war at the feet of Moroni, and also commanded their men that they should do the same.

39 Nhưng này, có một số đông quân lính không chịu làm như vậy; và những kẻ nào không chịu nộp gươm của chúng đều bị bắt trói lại; còn vũ khí chiến tranh của chúng thì bị tước hết, và chúng bị bắt buộc phải đi theo các đồng bào của chúng đến xứ Phong Phú.

40 Và giờ đây số người bị bắt làm tù binh vượt quá số người bị giết, phải, vượt quá số tử thương của cả đôi bên.

But behold, there were many that would not; and those who would not deliver up their swords were taken and bound, and their weapons of war were taken from them, and they were compelled to march with their brethren forth into the land Bountiful.

And now the number of prisoners who were taken exceeded more than the number of those who had been slain, yea, more than those who had been slain on both sides.



## An Ma 53

- 1 Và chuyện rằng, họ đặt lính canh gác những tù binh La Man, và buộc chúng phải đi chôn những xác chết của đồng đội mình, phải, và chôn cất luôn cả những xác chết của dân Nê Phi bị giết; và Mô Rô Ni cho quân lính canh phòng chúng trong lúc chúng làm việc.
- 2 Và Mô Rô Ni đi với Lê Hi đến thành phố Mơ Léc, tước quyền chỉ huy thành phố ấy và trao cho Lê Hi. Giờ đây này, Lê Hi là một người đã từng sát cánh với Mô Rô Ni trong hầu hết các trận chiến của ông; ông ta chẳng khác chi Mô Rô Ni, và họ rất hoan hỉ trong sự an toàn lẫn cho nhau; phải, họ thương mến nhau và cũng được toàn dân Nê Phi thương mến.
- 3 Và chuyện rằng, sau khi dân La Man chôn cất xong những xác chết của đồng đội chúng và những xác chết của dân Nê Phi, chúng được dẫn về xứ Phong Phú; và Tê An Cum, theo lệnh của Mô Rô Ni, bắt chúng phải khởi công lao động, đào một cái hào xung quanh xứ, hay xung quanh thành phố Phong Phú.
- 4 Và ông còn bắt chúng dựng lên một hàng rào làm bằng những khúc cây lớn ở phía trong trên bờ hào ấy; và chúng lấy đất dưới hào đắp lên hàng rào cây ấy; và như vậy họ bắt dân La Man lao nhọc cho đến khi chúng bao bọc xung quanh thành phố Phong Phú bằng một bức tường kiên cố làm bằng những khúc cây lớn và được đắp đất lên thật cao.
- 5 Và từ đó về sau, thành phố này trở thành một đồn lũy vô cùng kiên cố; và họ canh giữ tù binh La Man trong thành phố này; phải, ngay bên trong bức tường do chính tay chúng làm ra. Bây giờ Mô Rô Ni buộc lòng phải bắt dân La Man lao động, vì trong lúc chúng lao động, việc canh gác chúng dễ dàng hơn; và ông muốn có đầy đủ lực lượng của ông khi ông thấy cần phải tấn công dân La Man.
- 6 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni đã đánh thắng một trong những đạo quân La Man lớn nhất, và đã chiếm được thành phố Mơ Léc, là một trong những vị trí vững chắc nhất của dân La Man trên xứ Nê Phi; và ông còn cho xây đắp một đồn lũy kiên cố để giam giữ tù binh của ông.

## Alma 53

And it came to pass that they did set guards over the prisoners of the Lamanites, and did compel them to go forth and bury their dead, yea, and also the dead of the Nephites who were slain; and Moroni placed men over them to guard them while they should perform their labors.

And Moroni went to the city of Mulek with Lehi, and took command of the city and gave it unto Lehi. Now behold, this Lehi was a man who had been with Moroni in the more part of all his battles; and he was a man like unto Moroni, and they rejoiced in each other's safety; yea, they were beloved by each other, and also beloved by all the people of Nephi.

And it came to pass that after the Lamanites had finished burying their dead and also the dead of the Nephites, they were marched back into the land Bountiful; and Teancum, by the orders of Moroni, caused that they should commence laboring in digging a ditch round about the land, or the city, Bountiful.

And he caused that they should build a breastwork of timbers upon the inner bank of the ditch; and they cast up dirt out of the ditch against the breastwork of timbers; and thus they did cause the Lamanites to labor until they had encircled the city of Bountiful round about with a strong wall of timbers and earth, to an exceeding height.

And this city became an exceeding stronghold ever after; and in this city they did guard the prisoners of the Lamanites; yea, even within a wall which they had caused them to build with their own hands. Now Moroni was compelled to cause the Lamanites to labor, because it was easy to guard them while at their labor; and he desired all his forces when he should make an attack upon the Lamanites.

And it came to pass that Moroni had thus gained a victory over one of the greatest of the armies of the Lamanites, and had obtained possession of the city of Mulek, which was one of the strongest holds of the Lamanites in the land of Nephi; and thus he had also built a stronghold to retain his prisoners.

- 7 Và chuyện rằng, trong năm ấy, ông không dự định một trận chiến nào với dân La Man nữa, nhưng ông đã dùng quân lính của mình trong việc chuẩn bị chiến tranh, phải, trong việc xây cất những đồn lũy để phòng vệ chống lại dân La Man, phải, và cũng trong việc bảo vệ cho vợ con họ khỏi bị nạn đói và khốn khổ, và cung cấp lương thực cho các đạo quân của họ.
- 8 Và giờ đây, chuyện rằng, trong lúc Mô Rô Ni vắng mặt vì bận rộn về một vụ âm mưu nào đó giữa dân Nê Phi khiến có sự bất hòa nổi lên ở giữa họ, thì ở miền biển phía tây và phía nam, các đạo quân La Man đã đánh chiếm được một phần lãnh thổ của dân Nê Phi, phải, đến độ chúng đã chiếm được một số thành phố của họ ở vùng đất ấy.
- 9 Và như vậy là vì sự bất chính của họ, phải, vì những bất hòa và âm mưu giữa họ nên họ đã bị đặt vào một tình trạng nguy ngập nhất.
- 10 Và giờ đây này, tôi có một vài điều muốn nói về dân Am Môn, nguyên gốc là người La Man, nhưng nhờ Am Môn và các anh em ông, hay nói đúng hơn là nhờ quyền năng và lời của Thượng Đế mà họ đã được cải đạo theo Chúa; và họ đã được đem xuống xứ Gia Ra Hem La, và được dân Nê Phi bảo vệ cho từ đó tới giờ.
- 11 Và cũng vì lời thề của họ nên họ đã được miễn cho khỏi phải cầm khí giới đánh lại đồng bào họ; vì họ đã thề rằng, họ sẽ không bao giờ làm đổ máu nữa; và cũng vì lời thề đó mà họ đã cam chịu bị diệt vong; phải, họ vui lòng để mình rơi vào tay của đồng bào mình, nếu không nhờ lòng thương hại và lòng thương mến vô cùng của Am Môn và các anh em của ông đối với họ.
- 12 Và vì lý do đó mà họ được đem xuống xứ Gia Ra Hem La và luôn luôn được dân Nê Phi bảo vệ.
- 13 Nhưng chuyện rằng, khi thấy sự hiểm nguy, cùng biết bao nỗi cực khổ và gian truân mà dân Nê Phi đã gánh chịu cho họ, họ động lòng thương hại và muốn cầm khí giới lên để bảo vệ xứ sở mình.

And it came to pass that he did no more attempt a battle with the Lamanites in that year, but he did employ his men in preparing for war, yea, and in making fortifications to guard against the Lamanites, yea, and also delivering their women and their children from famine and affliction, and providing food for their armies.

And now it came to pass that the armies of the Lamanites, on the west sea, south, while in the absence of Moroni on account of some intrigue amongst the Nephites, which caused dissensions amongst them, had gained some ground over the Nephites, yea, insomuch that they had obtained possession of a number of their cities in that part of the land.

And thus because of iniquity amongst themselves, yea, because of dissensions and intrigue among themselves they were placed in the most dangerous circumstances.

And now behold, I have somewhat to say concerning the people of Ammon, who, in the beginning, were Lamanites; but by Ammon and his brethren, or rather by the power and word of God, they had been converted unto the Lord; and they had been brought down into the land of Zarahemla, and had ever since been protected by the Nephites.

And because of their oath they had been kept from taking up arms against their brethren; for they had taken an oath that they never would shed blood more; and according to their oath they would have perished; yea, they would have suffered themselves to have fallen into the hands of their brethren, had it not been for the pity and the exceeding love which Ammon and his brethren had had for them.

And for this cause they were brought down into the land of Zarahemla; and they ever had been protected by the Nephites.

But it came to pass that when they saw the danger, and the many afflictions and tribulations which the Nephites bore for them, they were moved with compassion and were desirous to take up arms in the defence of their country.

- 14 Nhưng này, khi họ sắp sửa cầm vũ khí chiến tranh, thì họ bị khuất phục bởi những lời khuyên can của Hê La Man và các anh em ông, vì như vậy là họ sắp dứt bỏ lời thề mà họ đã lập.
- 15 Và Hê La Man sợ rằng nếu họ làm như vậy họ sẽ bị mất linh hồn; vậy nên, những ai đã lập điều giao ước này đều buộc lòng phải chứng kiến các đồng bào mình dần thân vào mọi nỗi đau khổ trong những trường hợp nguy hiểm lúc này.
- 16 Nhưng này, chuyện rằng, họ có nhiều con trai, là những người không có lập lời giao ước là sẽ không cầm vũ khí chiến tranh để tự bảo vệ chống lại kẻ thù của mình; vậy nên, lúc bấy giờ, tất cả những người nào có thể cầm khí giới được đều tập hợp nhau lại và tự gọi mình là dân Nê Phi.
- 17 Và họ lập giao ước là sẽ chiến đấu cho nền tự do của dân Nê Phi, phải, để bảo vệ xứ sở dù có phải hy sinh mạng sống của mình; phải, họ còn lập giao ước là họ sẽ không bao giờ từ bỏ nền tự do của họ, nhưng họ sẽ chiến đấu trong mọi trường hợp để bảo vệ dân Nê Phi và bản thân họ khỏi bị rơi vào vòng nô lệ.
- 18 Giờ đây này, có hai ngàn thanh niên đã lập giao ước này và cầm vũ khí chiến tranh để bảo vệ xứ sở mình.
- 19 Và giờ đây này, từ trước tới nay họ chưa bao giờ làm điều gì bất lợi cho dân Nê Phi, nhưng trong giai đoạn này họ lại trở thành một sự trợ lực lớn lao; vì họ đã cầm vũ khí chiến tranh, và họ muốn Hê La Man làm người lãnh đạo họ.
- 20 Và họ toàn là những thanh niên và họ vô cùng dũng cảm về lòng can đảm, mạnh mẽ và năng động; nhưng này, như vậy chưa phải là hết—họ là những người luôn luôn trung thành trong mọi công việc họ được giao phó.
- 21 Phải, họ là những người thành thật và nghiêm trang, vì họ đã được dạy dỗ tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế và bước đi ngay thẳng trước mặt Ngài.
- 22 Và giờ đây chuyện rằng, Hê La Man dẫn đầu hai ngàn binh sĩ trẻ tuổi đi bảo vệ dân ở biên thù xứ sở ở miền nam cạnh biển phía tây.

But behold, as they were about to take their weapons of war, they were overpowered by the persuasions of Helaman and his brethren, for they were about to break the oath which they had made.

And Helaman feared lest by so doing they should lose their souls; therefore all those who had entered into this covenant were compelled to behold their brethren wade through their afflictions, in their dangerous circumstances at this time.

But behold, it came to pass they had many sons, who had not entered into a covenant that they would not take their weapons of war to defend themselves against their enemies; therefore they did assemble themselves together at this time, as many as were able to take up arms, and they called themselves Nephites.

And they entered into a covenant to fight for the liberty of the Nephites, yea, to protect the land unto the laying down of their lives; yea, even they covenanted that they never would give up their liberty, but they would fight in all cases to protect the Nephites and themselves from bondage.

Now behold, there were two thousand of those young men, who entered into this covenant and took their weapons of war to defend their country.

And now behold, as they never had hitherto been a disadvantage to the Nephites, they became now at this period of time also a great support; for they took their weapons of war, and they would that Helaman should be their leader.

And they were all young men, and they were exceedingly valiant for courage, and also for strength and activity; but behold, this was not all—they were men who were true at all times in whatsoever thing they were entrusted.

Yea, they were men of truth and soberness, for they had been taught to keep the commandments of God and to walk uprightly before him.

And now it came to pass that Helaman did march at the head of his two thousand stripling soldiers, to the support of the people in the borders of the land on the south by the west sea.

23      Và như vậy là chấm dứt năm thứ hai mươi tám  
dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

And thus ended the twenty and eighth year of  
the reign of the judges over the people of Nephi.

## An Ma 54

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, vào đầu năm thứ hai mươi chín dưới chế độ các phán quan, Am Mô Rôn gửi thư đến Mô Rô Ni mong muốn được trao đổi tù binh.
- 2 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cảm thấy vui mừng hết sức về lời yêu cầu đó, vì ông muốn số lương thực thay vì phải để nuôi tù binh La Man, thì nay có thể được dùng để nuôi dân ông; và ông cũng muốn có thêm dân của ông để tăng cường cho quân đội.
- 3 Bấy giờ dân La Man có bắt nhiều đàn bà và trẻ con, nhưng trong số những tù binh của Mô Rô Ni hay những người bị Mô Rô Ni bắt được thì lại không có đàn bà hay trẻ con nào hết, vậy nên Mô Rô Ni định dùng mưu kế để đổi được càng nhiều tù binh Nê Phi trong tay dân La Man càng tốt.
- 4 Do đó, ông viết một bức thư đưa cho người hầu việc của Am Mô Rôn đem về, người này cũng chính là người đã đem bức thư qua cho Mô Rô Ni. Sau đây là lời trong thư ông gửi cho Am Mô Rôn:
- 5 Nay Am Mô Rôn, ta viết cho người một vài điều có liên quan đến trận chiến mà người đã gây ra cho dân ta, hay nói đúng hơn là anh người đã gây ra, và nay người vẫn quyết định tiếp tục sau khi hắn đã chết.
- 6 Nay, ta muốn nói với người một vài điều về công lý của Thượng Đế, và gươm thịnh nộ vô cùng của Ngài đang treo trên đầu người, nếu người không biết hối cải và rút quân về xứ, tức là về xứ thuộc chủ quyền của người, đó là xứ Nê Phi.
- 7 Phải, ta muốn nói những điều này cho người nghe nếu người có thể nghe theo được; phải, ta muốn nói cho người biết về ngục giới ghê sợ đang chờ đón những kẻ sát nhân như người và anh người, trừ phi người biết hối cải và từ bỏ những mục đích giết người của mình và dẫn quân trở về xứ.
- 8 Nhưng, vì người đã có lần bác bỏ những điều này, và đánh lại với dân của Chúa, do đó ta cho rằng người cũng sẽ vẫn tái diễn những điều đó.

## Alma 54

And now it came to pass in the commencement of the twenty and ninth year of the judges, that Ammoron sent unto Moroni desiring that he would exchange prisoners.

And it came to pass that Moroni felt to rejoice exceedingly at this request, for he desired the provisions which were imparted for the support of the Lamanite prisoners for the support of his own people; and he also desired his own people for the strengthening of his army.

Now the Lamanites had taken many women and children, and there was not a woman nor a child among all the prisoners of Moroni, or the prisoners whom Moroni had taken; therefore Moroni resolved upon a stratagem to obtain as many prisoners of the Nephites from the Lamanites as it were possible.

Therefore he wrote an epistle, and sent it by the servant of Ammoron, the same who had brought an epistle to Moroni. Now these are the words which he wrote unto Ammoron, saying:

Behold, Ammoron, I have written unto you somewhat concerning this war which ye have waged against my people, or rather which thy brother hath waged against them, and which ye are still determined to carry on after his death.

Behold, I would tell you somewhat concerning the justice of God, and the sword of his almighty wrath, which doth hang over you except ye repent and withdraw your armies into your own lands, or the land of your possessions, which is the land of Nephite.

Yea, I would tell you these things if ye were capable of hearkening unto them; yea, I would tell you concerning that awful hell that awaits to receive such murderers as thou and thy brother have been, except ye repent and withdraw your murderous purposes, and return with your armies to your own lands.

But as ye have once rejected these things, and have fought against the people of the Lord, even so I may expect you will do it again.

- 9 Và giờ đây này, bọn ta đã chuẩn bị để nghinh đón người; phải, và nếu người không bãi bỏ những ý định của người, này, người sẽ phải rước lấy cơn thịnh nộ của Đấng Thượng Đế mà người đã chối bỏ, cho đến khi người bị hủy diệt hoàn toàn.
- 10 Nhưng, như Chúa là Đấng hằng sống, nếu người không rút lui thì quân ta sẽ đến tấn công người, và chẳng mấy chốc người sẽ bị tử thần đến viếng, vì bọn ta quyết gìn giữ các thành phố và đất đai của bọn ta; phải, và bọn ta cũng quyết bảo tồn tôn giáo và chính nghĩa của Thượng Đế nữa.
- 11 Nhưng này, giả như việc ta nói với người về những điều này là vô ích, hay giả như người là con cái của ngục giới, nếu thế thì ta xin chấm dứt bức thư của ta bằng cách cho người biết rằng, ta sẽ không chịu trao đổi tù binh, trừ phi với điều kiện là người phải trao trả một người đàn ông cùng với vợ con người ấy để đổi lấy một tù binh; nếu người thỏa thuận điều kiện này, thì ta sẽ trao đổi.
- 12 Và này, nếu người không làm như vậy, thì ta sẽ dẫn các đạo quân của ta đến đánh người; phải, ta sẽ vũ trang cho cả đàn bà và trẻ con của ta, và ta sẽ đến đánh người và đuổi theo người đến tận xứ sở của người, đó là xứ sở thừa hưởng đầu tiên của bọn ta; phải, và máu sẽ đổi lấy máu, phải, mạng sẽ đổi lấy mạng; và ta sẽ giao chiến với người cho đến khi nào người bị hủy diệt khỏi mặt đất này mới thôi.
- 13 Này, ta đang tức giận, và dân của ta cũng vậy; người đã tìm cách sát hại bọn ta, còn bọn ta chỉ tìm cách bảo vệ lấy mình. Nhưng này, nếu người vẫn còn tìm cách để hủy diệt bọn ta, thì bọn ta sẽ tìm cách hủy diệt người; phải, và bọn ta sẽ tìm lại xứ sở của bọn ta, tức là xứ thừa hưởng đầu tiên của bọn ta vậy.
- 14 Giờ đây ta chấm dứt bức thư của ta. Ta là Mô Rô Ni; ta là một lãnh tụ của dân Nê Phi.
- 15 Giờ đây chuyện rằng, khi nhận được bức thư này, Am Mô Rôn rất tức giận; hắn bèn viết một bức thư khác cho Mô Rô Ni, và sau đây là những lời mà hắn đã viết:
- 16 Ta là Am Mô Rôn, vua dân La Man; ta là em của A Ma Lịch Gia, người mà người đã giết chết. Này, ta sẽ trả thù cho máu của anh ta, phải, ta sẽ cùng với quân ta đến đánh người vì ta không sợ những lời hăm dọa của người.

And now behold, we are prepared to receive you; yea, and except you withdraw your purposes, behold, ye will pull down the wrath of that God whom you have rejected upon you, even to your utter destruction.

But, as the Lord liveth, our armies shall come upon you except ye withdraw, and ye shall soon be visited with death, for we will retain our cities and our lands; yea, and we will maintain our religion and the cause of our God.

But behold, it supposeth me that I talk to you concerning these things in vain; or it supposeth me that thou art a child of hell; therefore I will close my epistle by telling you that I will not exchange prisoners, save it be on conditions that ye will deliver up a man and his wife and his children, for one prisoner; if this be the case that ye will do it, I will exchange.

And behold, if ye do not this, I will come against you with my armies; yea, even I will arm my women and my children, and I will come against you, and I will follow you even into your own land, which is the land of our first inheritance; yea, and it shall be blood for blood, yea, life for life; and I will give you battle even until you are destroyed from off the face of the earth.

Behold, I am in my anger, and also my people; ye have sought to murder us, and we have only sought to defend ourselves. But behold, if ye seek to destroy us more we will seek to destroy you; yea, and we will seek our land, the land of our first inheritance.

Now I close my epistle. I am Moroni; I am a leader of the people of the Nephites.

Now it came to pass that Ammoron, when he had received this epistle, was angry; and he wrote another epistle unto Moroni, and these are the words which he wrote, saying:

I am Ammoron, the king of the Lamanites; I am the brother of Amalickiah whom ye have murdered. Behold, I will avenge his blood upon you, yea, and I will come upon you with my armies for I fear not your threatenings.

- 17 Vì này, tổ phụ của người đã dối đãi bắt công với anh em của họ nhiều đến nỗi họ đã cướp quyền cai trị của anh em họ khi quyền hành đó đáng lẽ phải thuộc về anh em của họ.
- 18 Và giờ đây này, nếu người chịu hạ khí giới và chịu thần phục dưới quyền cai trị của những người có thẩm quyền cai trị, thì, ta sẽ bảo dân của ta hạ khí giới và sẽ không còn chiến tranh nữa.
- 19 Này, người đã thốt ra nhiều lời hăm dọa ta và dân của ta; nhưng này, bọn ta đâu có sợ những lời hăm dọa của người.
- 20 Tuy nhiên, ta cũng vui vẻ chấp nhận trao đổi tù binh theo lời yêu cầu của người để ta có thể để dành lương thực cho quân ta; và bọn ta sẽ gây ra một cuộc chiến mà nó sẽ kéo dài vĩnh cửu, để hoặc là bắt dân Nê Phi phải thần phục dưới uy quyền của bọn ta, hay là làm cho chúng phải bị hủy diệt vĩnh cửu.
- 21 Còn về phần Đấng Thượng Đế mà người bảo bọn ta đã chối bỏ, này, bọn ta không biết một đấng như vậy; và luôn cả các người cũng không biết nữa; nhưng nếu quả có một đấng như vậy, thì bọn ta chỉ biết một điều duy nhất là Ngài đã tạo ra bọn ta cũng như đã tạo ra các người.
- 22 Và nếu có một quỷ dữ và một ngục giới, này, phải chăng nó sẽ không đưa người tới đó để sống chung cùng anh ta là người đã bị người giết chết, là người mà người đã ám chỉ phải đến ở nơi như vậy? Nhưng này, những chuyện như vậy chẳng thành vấn đề.
- 23 Ta là Am Mô Rôn, con cháu của Giô Ram, người đã bị tổ phụ người áp bức đem ra khỏi Giê Ru Sa Lem.
- 24 Và giờ đây này, ta là một người La Man dũng cảm; này, cuộc chiến này đã được gây ra là để báo thù những điều bất công mà tổ tiên ta đã gánh chịu, và đồng thời cũng để duy trì và lấy lại quyền cai trị của họ; và ta chấm dứt bức thư ta viết cho Mô Rô Ni.

For behold, your fathers did wrong their brethren, insomuch that they did rob them of their right to the government when it rightly belonged unto them.

And now behold, if ye will lay down your arms, and subject yourselves to be governed by those to whom the government doth rightly belong, then will I cause that my people shall lay down their weapons and shall be at war no more.

Behold, ye have breathed out many threatenings against me and my people; but behold, we fear not your threatenings.

Nevertheless, I will grant to exchange prisoners according to your request, gladly, that I may preserve my food for my men of war; and we will wage a war which shall be eternal, either to the subjecting the Nephites to our authority or to their eternal extinction.

And as concerning that God whom ye say we have rejected, behold, we know not such a being; neither do ye; but if it so be that there is such a being, we know not but that he hath made us as well as you.

And if it so be that there is a devil and a hell, behold will he not send you there to dwell with my brother whom ye have murdered, whom ye have hinted that he hath gone to such a place? But behold these things matter not.

I am Ammoron, and a descendant of Zoram, whom your fathers pressed and brought out of Jerusalem.

And behold now, I am a bold Lamanite; behold, this war hath been waged to avenge their wrongs, and to maintain and to obtain their rights to the government; and I close my epistle to Moroni.

## An Ma 55

- 1 Giờ đây chuyện rằng, khi Mô Rô Ni nhận được bức thư ấy, ông càng giận hơn, vì ông biết rằng, Am Mô Rôn hoàn toàn biết sự xảo quyệt của hắn; phải, ông biết rằng, Am Mô Rôn biết đó không phải là một nguyên nhân chính đáng khiến hắn phải gây chiến với dân Nê Phi.
- 2 Và ông nói rằng: Nay, ta sẽ không trao đổi tù binh với Am Mô Rôn, trừ phi hắn rút lại ý định của hắn như ta đã nói trong bức thư của ta; vì ta không muốn để cho hắn có thêm sức mạnh, ngoài sức mạnh hắn đang có.
- 3 Nay, ta biết nơi dân La Man giam giữ quân của ta đã bị chúng bắt làm tù binh; và vì Am Mô Rôn không chấp thuận những đề nghị của ta viết trong bức thư của ta, này, ta sẽ làm cho hắn đúng như lời ta đã nói; phải, ta sẽ đem lại chết chóc cho chúng đến khi nào chúng cầu hòa.
- 4 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi Mô Rô Ni nói xong những lời này, ông bèn cho điều tra trong quân lính của ông xem có ai là con cháu của La Man không.
- 5 Và chuyện rằng, họ tìm ra được một người, tên là La Man; và người này là một trong những tôi tớ của vị vua đã bị A Ma Lịch Gia giết chết trước kia.
- 6 Bấy giờ Mô Rô Ni sai La Man và một toán quân nhỏ của ông đến nơi các quân lính đang canh giữ những người Nê Phi.
- 7 Lúc bấy giờ, những người Nê Phi bị giam giữ trong thành phố Ghi Đơ, nên Mô Rô Ni phái La Man và một toán quân nhỏ đi theo ông ta.
- 8 Và khi chiều xuống, La Man đi đến bên các lính canh giữ những người Nê Phi, và này, khi chúng thấy ông đến, chúng liền la lên; nhưng ông bảo chúng: Đừng sợ, này, tôi là người La Man. Nay, chúng tôi đã trốn thoát dân Nê Phi khi chúng đang ngủ; và này, chúng tôi có lấy được rượu của chúng đem theo đây.
- 9 Bấy giờ khi quân La Man nghe nói như vậy, chúng rất niềm nở đón tiếp ông; và chúng bảo ông: Hãy đưa rượu của người cho bọn ta uống, bọn ta rất vui mừng thấy người có mang theo rượu, vì bọn ta đang mệt mỏi đây.

## Alma 55

Now it came to pass that when Moroni had received this epistle he was more angry, because he knew that Ammoron had a perfect knowledge of his fraud; yea, he knew that Ammoron knew that it was not a just cause that had caused him to wage a war against the people of Nephi.

And he said: Behold, I will not exchange prisoners with Ammoron save he will withdraw his purpose, as I have stated in my epistle; for I will not grant unto him that he shall have any more power than what he hath got.

Behold, I know the place where the Lamanites do guard my people whom they have taken prisoners; and as Ammoron would not grant unto me mine epistle, behold, I will give unto him according to my words; yea, I will seek death among them until they shall sue for peace.

And now it came to pass that when Moroni had said these words, he caused that a search should be made among his men, that perhaps he might find a man who was a descendant of Laman among them.

And it came to pass that they found one, whose name was Laman; and he was one of the servants of the king who was murdered by Amalickiah.

Now Moroni caused that Laman and a small number of his men should go forth unto the guards who were over the Nephites.

Now the Nephites were guarded in the city of Gid; therefore Moroni appointed Laman and caused that a small number of men should go with him.

And when it was evening Laman went to the guards who were over the Nephites, and behold, they saw him coming and they hailed him; but he saith unto them: Fear not; behold, I am a Lamanite. Behold, we have escaped from the Nephites, and they sleep; and behold we have taken of their wine and brought with us.

Now when the Lamanites heard these words they received him with joy; and they said unto him: Give us of your wine, that we may drink; we are glad that ye have thus taken wine with you for we are weary.



- 10 Nhưng La Man bảo chúng rằng: Chúng ta hãy cất rượu này đi cho đến lúc chúng ta đi đánh dân Nê Phi. Nhưng những lời này lại càng làm cho chúng thèm rượu hơn;
- 11 Vì chúng nói: Bọn ta đang mỗi mệt, vậy hãy đưa rượu cho bọn ta uống; rồi sau này khi nhận được rượu trong phần ăn, bọn ta sẽ uống để tăng thêm sức mạnh mà đi đánh dân Nê Phi.
- 12 La Man bèn bảo chúng: Các ông muốn làm gì thì làm, tùy ý.
- 13 Và chuyện rằng, chúng lấy rượu uống hả hê; và vì rượu ấy rất hợp khẩu vị của chúng, nên chúng lại càng uống nhiều; và rượu ấy rất mạnh, vì nó đã được nấu nguyên chất cho mạnh như vậy.
- 14 Và chuyện rằng, chúng đã uống và vui đùa cho đến khi lần lượt tất cả đều say mềm.
- 15 Và giờ đây khi La Man và những người của ông thấy chúng tất cả đều say mềm và ngủ vùi hết, họ bèn trở về gặp Mô Rô Ni và kể cho ông biết tất cả mọi việc đã xảy ra.
- 16 Và giờ đây, điều đó đã đúng theo dự định của Mô Rô Ni. Và ông đã trang bị cho quân ông các vũ khí chiến tranh; và ông đi đến thành phố Ghi Đơ, trong lúc quân La Man đang say mềm và ngủ say, ông liệng vũ khí chiến tranh vào cho các tù binh, khiến tất cả các tù binh đều được vũ trang;
- 17 Phải, ngay cả đàn bà và tất cả trẻ con, nghĩa là tất cả những ai sử dụng được vũ khí chiến tranh, đều được Mô Rô Ni trang bị cho; và tất cả những việc này đã được thực hiện trong sự im lặng hoàn toàn.
- 18 Nhưng nếu dân Nê Phi có lỡ làm cho quân La Man thức dậy, này, họ cũng có thể giết chết chúng vì chúng đang say rượu.
- 19 Nhưng này, việc đó không phải là ý muốn của Mô Rô Ni; ông không thích thú trong việc giết người hay làm đổ máu, mà chỉ vui thích bảo vệ cho dân mình khỏi bị hủy diệt; và vì lý do không muốn đem lại cho mình điều bất công, nên ông không chịu xông tới sát hại quân La Man trong lúc chúng đang say rượu.

But Laman said unto them: Let us keep of our wine till we go against the Nephites to battle. But this saying only made them more desirous to drink of the wine;

For, said they: We are weary, therefore let us take of the wine, and by and by we shall receive wine for our rations, which will strengthen us to go against the Nephites.

And Laman said unto them: You may do according to your desires.

And it came to pass that they did take of the wine freely; and it was pleasant to their taste, therefore they took of it more freely; and it was strong, having been prepared in its strength.

And it came to pass they did drink and were merry, and by and by they were all drunken.

And now when Laman and his men saw that they were all drunken, and were in a deep sleep, they returned to Moroni and told him all the things that had happened.

And now this was according to the design of Moroni. And Moroni had prepared his men with weapons of war; and he went to the city Gid, while the Lamanites were in a deep sleep and drunken, and cast in weapons of war unto the prisoners, in-somuch that they were all armed;

Yea, even to their women, and all those of their children, as many as were able to use a weapon of war, when Moroni had armed all those prisoners; and all those things were done in a profound silence.

But had they awakened the Lamanites, behold they were drunken and the Nephites could have slain them.

But behold, this was not the desire of Moroni; he did not delight in murder or bloodshed, but he delighted in the saving of his people from destruction; and for this cause he might not bring upon him injustice, he would not fall upon the Lamanites and destroy them in their drunkenness.

20 Nhưng ông đã đạt được ý muốn của mình; vì ông đã vũ trang cho các tù binh Nê Phi đang bị giam giữ bên trong tường thành, và ông đã đem lại cho họ sức mạnh để chiếm cứ được những phần bên trong tường thành.

21 Và rồi ông ra lệnh cho những quân lính đi theo ông rút lui một khoảng và bao vây các đạo quân La Man.

22 Và này, tất cả những việc này đã được làm xong nội trong đêm, đến đổi sáng hôm sau khi quân La Man thức dậy, chúng đã thấy mình ngoài thì bị quân Nê Phi bao vây, trong thì các tù binh đều được vũ trang.

23 Và như vậy là chúng biết rằng quân Nê Phi đã nắm phần thắng; và trong trường hợp đó, chúng nhận thấy rằng, đánh lại quân Nê Phi là một điều bất lợi; vậy nên, các tổng lãnh binh của chúng bắt chúng mang vũ khí chiến tranh lại liệng xuống chân quân Nê Phi và van xin sự thương xót.

24 Giờ đây này, việc này là ý muốn của Mô Rô Ni. Ông bắt chúng làm tù binh, và chiếm lấy thành phố này, và ra lệnh thả hết tù binh người Nê Phi; và những người được thả ra đã gia nhập quân đội của Mô Rô Ni, và trở thành một quân số đông đảo cho quân đội của ông.

25 Và chuyện rằng, ông ra lệnh cho những người La Man bị ông bắt làm tù binh phải bắt đầu lao động để củng cố cho các đồn lũy chung quanh thành phố Ghi Đơ được vững chắc thêm.

26 Và chuyện rằng, sau khi đã xây đắp thành phố Ghi Đơ kiên cố theo ý muốn của mình, ông ra lệnh cho giải số tù binh của ông đến thành phố Phong Phú; rồi ông cho một lực lượng rất hùng hậu canh giữ thành phố đó.

27 Và chuyện rằng, mặc dù với mọi xảo kế của dân La Man, họ vẫn canh giữ và bảo vệ được tất cả các tù binh mà họ đã bắt được, và họ cũng bảo vệ được tất cả đất đai và vùng lợi thế mà họ đã tái chiếm.

28 Và chuyện rằng, dân Nê Phi lại bắt đầu chiến thắng, và khôi phục những quyền lợi và đặc quyền của họ.

But he had obtained his desires; for he had armed those prisoners of the Nephites who were within the wall of the city, and had given them power to gain possession of those parts which were within the walls.

And then he caused the men who were with him to withdraw a pace from them, and surround the armies of the Lamanites.

Now behold this was done in the night-time, so that when the Lamanites awoke in the morning they beheld that they were surrounded by the Nephites without, and that their prisoners were armed within.

And thus they saw that the Nephites had power over them; and in these circumstances they found that it was not expedient that they should fight with the Nephites; therefore their chief captains demanded their weapons of war, and they brought them forth and cast them at the feet of the Nephites, pleading for mercy.

Now behold, this was the desire of Moroni. He took them prisoners of war, and took possession of the city, and caused that all the prisoners should be liberated, who were Nephites; and they did join the army of Moroni, and were a great strength to his army.

And it came to pass that he did cause the Lamanites, whom he had taken prisoners, that they should commence a labor in strengthening the fortifications round about the city Gid.

And it came to pass that when he had fortified the city Gid, according to his desires, he caused that his prisoners should be taken to the city Bountiful; and he also guarded that city with an exceedingly strong force.

And it came to pass that they did, notwithstanding all the intrigues of the Lamanites, keep and protect all the prisoners whom they had taken, and also maintain all the ground and the advantage which they had retaken.

And it came to pass that the Nephites began again to be victorious, and to reclaim their rights and their privileges.

29 Đã bao lần dân La Man cố tìm cách bao vây họ vào lúc ban đêm, nhưng trong những lần mưu toan như vậy, chúng đều bị mất rất nhiều quân bị bắt làm tù binh.

30 Và đã bao lần chúng cố tìm cách phục rượu dân Nê Phi, để mong đầu độc họ hay giết họ trong lúc họ say sưa.

31 Nhưng này, dân Nê Phi đâu có chậm nhớ đến Chúa, Thượng Đế của họ, trong lúc đau khổ này. Họ không thể bị đưa vào cạm bẫy của chúng được; phải, họ không bao giờ uống rượu của chúng mà không cho một vài tù binh La Man ném thử trước.

32 Và họ đề phòng như thế là để khỏi bị hại vì chất độc; vì nếu rượu của chúng đã đầu độc một người La Man, thì rượu ấy cũng sẽ đầu độc luôn người Nê Phi; và với cách ấy, họ đã thử tất cả các thứ rượu của chúng.

33 Và giờ đây, chuyện rằng, đã đến lúc thuận tiện cho Mô Rô Ni chuẩn bị tấn công vào thành phố Mô Ri An Tôn; vì này, dân La Man đã khổ công củng cố thành phố Mô Ri An Tôn, làm cho nó trở nên một đồn lũy hết sức kiên cố.

34 Và chúng không ngớt đem thêm lực lượng mới vào thành phố ấy và tiếp tế lương thực mới.

35 Và như vậy là chấm dứt năm thứ hai mươi chín dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

Many times did the Lamanites attempt to encircle them about by night, but in these attempts they did lose many prisoners.

And many times did they attempt to administer of their wine to the Nephites, that they might destroy them with poison or with drunkenness.

But behold, the Nephites were not slow to remember the Lord their God in this their time of affliction. They could not be taken in their snares; yea, they would not partake of their wine, save they had first given to some of the Lamanite prisoners.

And they were thus cautious that no poison should be administered among them; for if their wine would poison a Lamanite it would also poison a Nephite; and thus they did try all their liquors.

And now it came to pass that it was expedient for Moroni to make preparations to attack the city Morianton; for behold, the Lamanites had, by their labors, fortified the city Morianton until it had become an exceeding stronghold.

And they were continually bringing new forces into that city, and also new supplies of provisions.

And thus ended the twenty and ninth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

## An Ma 56

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, vào đầu năm thứ ba mươi dưới chế độ các phán quan, vào ngày mồng hai tháng giêng, Mô rô Ni nhận được một bức thư của Hê La Man trình bày về những sự việc của dân chúng sống trong vùng đất ấy.
- 2 Và sau đây là những lời ông viết trong thư: Anh Mô rô Ni, người anh yêu mến của tôi, ở trong Chúa cũng như ở trong những gian truân của cuộc chiến của chúng ta. Nay, hỡi người anh yêu mến của tôi, tôi có một đôi điều xin kể cho anh nghe về cuộc chiến của chúng ta trên phần đất này của xứ sở.
- 3 Nay, hai ngàn người con trai của những người dân được Am Môn đem từ xứ Nê Phi về—giờ đây như anh đã biết, những người này là con cháu của La Man, con trai trưởng của tổ phụ Lê Hi chúng ta;
- 4 Giờ đây, tôi không cần phải nhắc lại cho anh nghe về những truyền thống và sự vô tín ngưỡng của họ, vì anh đã biết tất cả những điều đó rồi—
- 5 Vậy nên, tôi chỉ cần cho anh biết rằng, hai ngàn thanh niên này đã cầm vũ khí chiến tranh và muốn tôi làm người lãnh đạo họ; và chúng tôi đã lên đường đi bảo vệ xứ sở của chúng ta.
- 6 Và giờ đây chắc anh cũng biết về lời giao ước mà cha của những người thanh niên này đã lập, là họ sẽ không cầm vũ khí chiến tranh đánh lại đồng bào của họ để gây nên cảnh đổ máu.
- 7 Nhưng đến năm thứ hai mươi sáu, khi trông thấy những nỗi cực khổ và gian truân của chúng ta vì họ, thì họ sắp muốn dứt bỏ giao ước mà họ đã lập để cầm vũ khí chiến tranh bảo vệ chúng ta.
- 8 Nhưng tôi không chịu để họ dứt bỏ giao ước đó mà họ đã lập, vì nghĩ rằng Thượng Đế sẽ ban thêm sức mạnh cho chúng ta để chúng ta không bị khốn khổ thêm vì sự giữ trọn lời thề mà họ đã lập.

## Alma 56

And now it came to pass in the commencement of the thirtieth year of the reign of the judges, on the second day in the first month, Moroni received an epistle from Helaman, stating the affairs of the people in that quarter of the land.

And these are the words which he wrote, saying: My dearly beloved brother, Moroni, as well in the Lord as in the tribulations of our warfare; behold, my beloved brother, I have somewhat to tell you concerning our warfare in this part of the land.

Behold, two thousand of the sons of those men whom Ammon brought down out of the land of Nephi—now ye have known that these were descendants of Laman, who was the eldest son of our father Lehi;

Now I need not rehearse unto you concerning their traditions or their unbelief, for thou knowest concerning all these things—

Therefore it sufficeth me that I tell you that two thousand of these young men have taken their weapons of war, and would that I should be their leader; and we have come forth to defend our country.

And now ye also know concerning the covenant which their fathers made, that they would not take up their weapons of war against their brethren to shed blood.

But in the twenty and sixth year, when they saw our afflictions and our tribulations for them, they were about to break the covenant which they had made and take up their weapons of war in our defence.

But I would not suffer them that they should break this covenant which they had made, supposing that God would strengthen us, insomuch that we should not suffer more because of the fulfilling the oath which they had taken.

- 9 Nhưng này, có một việc mà chúng ta có thể có được sự vui mừng lớn lao. Vì này, vào năm thứ hai mươi sáu, tôi, Hê La Man, đã đi dẫn đầu hai ngàn thanh niên này đến thành phố Giu Đê để tiếp viện cho An Ti Phu, người mà anh đã chỉ định lên làm người lãnh đạo dân chúng ở miền đất ấy của xứ sở.
- 10 Và tôi đã cho sáp nhập hai ngàn người con trai của tôi (vì họ rất xứng đáng được gọi là những người con trai) vào với quân đội của An Ti Phu. Sự tăng cường này đã khiến cho An Ti Phu vô cùng hoan hỷ; vì này, quân đội của ông ta đã bị dân La Man làm giảm sút, vì lực lượng của chúng đã giết chết một số lớn quân ta, khiến chúng tôi phải khóc than.
- 11 Tuy nhiên, chúng ta có thể tự an ủi về điểm là họ đã chết cho chính nghĩa của tổ quốc và Thượng Đế của họ, phải, họ rất sung sướng.
- 12 Và dân La Man cũng đã bắt giữ rất nhiều tù binh, mà tất cả đều là các tổng lãnh binh, vì ngoài họ ra không một ai khác được chúng tha mạng. Và chúng tôi nghĩ rằng, lúc này họ đang ở trong xứ Nê Phi nếu họ chưa bị giết chết.
- 13 Và sau đây là tên những thành phố đã bị dân La Man chiếm được bằng cách làm đổ máu biết bao chiến sĩ anh dũng của chúng ta:
- 14 Xứ Man Ti, hay nói cách khác là thành phố Man Ti; thành phố Giê Rôm, thành phố Cơ Mê Ni, và thành phố An Ti Pha Ra.
- 15 Và đó là những thành phố chúng đã chiếm được khi tôi đến thành phố Giu Đê; và tôi thấy An Ti Phu cùng quân lính của ông đang tận lực làm việc để xây đắp đồn lũy cho thành phố.
- 16 Phải, và họ đã bị suy nhược cả thể xác lẫn tinh thần, vì ban ngày họ phải dùng cảm chiến đấu và ban đêm thì phải lao nhọc bảo vệ thành phố của mình; và do đó mà họ đã chịu đựng đủ mọi nỗi gian lao khôn khổ.
- 17 Và giờ đây họ quyết định phải chiến thắng tại nơi này hay là phải chết; vậy nên, anh có thể đoán được rằng, với lực lượng nhỏ mà tôi đã đem đến, phải, với những đứa con trai của tôi, đã đem lại cho họ biết bao hy vọng và niềm vui lớn lao.

But behold, here is one thing in which we may have great joy. For behold, in the twenty and sixth year, I, Helaman, did march at the head of these two thousand young men to the city of Judea, to assist Antipus, whom ye had appointed a leader over the people of that part of the land.

And I did join my two thousand sons, (for they are worthy to be called sons) to the army of Antipus, in which strength Antipus did rejoice exceedingly; for behold, his army had been reduced by the Lamanites because their forces had slain a vast number of our men, for which cause we have to mourn.

Nevertheless, we may console ourselves in this point, that they have died in the cause of their country and of their God, yea, and they are happy.

And the Lamanites had also retained many prisoners, all of whom are chief captains, for none other have they spared alive. And we suppose that they are now at this time in the land of Nephi; it is so if they are not slain.

And now these are the cities of which the Lamanites have obtained possession by the shedding of the blood of so many of our valiant men:

The land of Manti, or the city of Manti, and the city of Zeezrom, and the city of Cumeni, and the city of Antiparah.

And these are the cities which they possessed when I arrived at the city of Judea; and I found Antipus and his men toiling with their might to fortify the city.

Yea, and they were depressed in body as well as in spirit, for they had fought valiantly by day and toiled by night to maintain their cities; and thus they had suffered great afflictions of every kind.

And now they were determined to conquer in this place or die; therefore you may well suppose that this little force which I brought with me, yea, those sons of mine, gave them great hopes and much joy.

- 18 Và giờ đây, chuyện rằng, khi dân La Man thấy An Ti Phu tiếp nhận thêm viện binh lớn cho quân ông, thì chúng được lệnh của Am Mô Rôn cấm không cho chúng đến đánh thành phố Giu Đê hoặc giao chiến với chúng tôi.
- 19 Và như vậy là chúng tôi đã được Chúa ưu đãi; vì nếu chúng đến tấn công chúng tôi trong khi chúng tôi đang yếu kém như vậy, thì có lẽ chúng đã hủy diệt được đạo quân nhỏ bé của chúng tôi rồi; nhưng nhờ thế chúng tôi đã được bảo tồn.
- 20 Chúng được lệnh của Am Mô Rôn phải bảo vệ những thành phố chúng đã chiếm được. Và như vậy là chấm dứt năm thứ hai mươi sáu. Và đến đầu năm thứ hai mươi bảy chúng tôi đã chuẩn bị xong thành phố và cho chính chúng tôi để phòng vệ.
- 21 Giờ đây chúng tôi mong muốn dân La Man đến tấn công chúng tôi; vì chúng tôi không muốn tấn công chúng trong các đồn lũy của chúng.
- 22 Và chuyện rằng, chúng tôi cho quân do thám chung quanh để theo dõi mọi cuộc chuyển quân của dân La Man để chúng không thể đi vòng qua chỗ chúng tôi lúc ban đêm hay ban ngày mà đi tấn công những thành phố khác của chúng ta ở miền bắc.
- 23 Vì chúng tôi biết rằng những thành phố ấy không đủ lực lượng để đối địch với chúng; vậy nên chúng tôi muốn rằng, nếu chúng đi vòng qua chỗ chúng tôi, thì chúng tôi sẽ xông ra tấn công chúng từ phía sau của chúng, và như thế chúng bị phía sau tấn công và đồng thời bị đưng độ ở phía trước. Chúng tôi nghĩ rằng, chúng tôi có thể thắng được chúng; nhưng này, chúng tôi phải thất vọng trong sự mong muốn này.
- 24 Chúng không dám đi qua chỗ chúng tôi, dù là với tất cả quân đội hay chỉ một phần quân đội của chúng, vì chúng sợ không đủ lực lượng khiến chúng phải thất bại.
- 25 Chúng cũng không dám tiến quân xuống đánh thành phố Gia Ra Hem La; hay băng qua đầu sông Si Đôn để tiến đến thành phố Nê Phi Ha.
- 26 Như vậy là, với lực lượng của chúng, chúng quyết bảo vệ những thành phố chúng đã chiếm được.

And now it came to pass that when the Lamanites saw that Antipus had received a greater strength to his army, they were compelled by the orders of Ammoron to not come against the city of Judea, or against us, to battle.

And thus were we favored of the Lord; for had they come upon us in this our weakness they might have perhaps destroyed our little army; but thus were we preserved.

They were commanded by Ammoron to maintain those cities which they had taken. And thus ended the twenty and sixth year. And in the commencement of the twenty and seventh year we had prepared our city and ourselves for defence.

Now we were desirous that the Lamanites should come upon us; for we were not desirous to make an attack upon them in their strongholds.

And it came to pass that we kept spies out round about, to watch the movements of the Lamanites, that they might not pass us by night nor by day to make an attack upon our other cities which were on the northward.

For we knew in those cities they were not sufficiently strong to meet them; therefore we were desirous, if they should pass by us, to fall upon them in their rear, and thus bring them up in the rear at the same time they were met in the front. We supposed that we could overpower them; but behold, we were disappointed in this our desire.

They durst not pass by us with their whole army, neither durst they with a part, lest they should not be sufficiently strong and they should fall.

Neither durst they march down against the city of Zarahemla; neither durst they cross the head of Sidon, over to the city of Nephihah.

And thus, with their forces, they were determined to maintain those cities which they had taken.

27 Và giờ đây chuyện rằng, vào tháng hai năm này, các người cha của hai ngàn đứa con trai của tôi gửi đến cho chúng tôi rất nhiều lương thực.

28 Và chúng tôi lại còn được tiếp viện thêm hai ngàn quân từ xứ Gia Ra Hem La. Và như vậy là chúng tôi đã được chuẩn bị với mười ngàn quân cùng lương thực cho họ và cho vợ con họ.

29 Và khi dân La Man thấy lực lượng của chúng tôi được gia tăng mỗi ngày, cùng lương thực gửi tới để nuôi dưỡng chúng tôi, thì chúng bắt đầu sợ hãi và bắt đầu xông ra tấn công, nếu có thể để chấm dứt việc tiếp tế lương thực và bổ sung quân số của chúng tôi.

30 Giờ đây khi chúng tôi thấy dân La Man đã bắt đầu xao xuyến như vậy, thì chúng tôi muốn thực hiện một chiến lược đánh lừa chúng; do đó An Ti Phu ra lệnh cho tôi phải dẫn những đứa con trai nhỏ của tôi đến một thành phố lân cận, giả vờ làm như chúng tôi đang tải lương thực tới một thành phố lân cận.

31 Và chúng tôi phải đi đến gần thành phố An Ti Pha Ra, giả vờ làm như chúng tôi sẽ đi đến thành phố bên kia, ở vùng ranh giới cạnh bờ biển.

32 Và chuyện rằng, chúng tôi đã tiến quân, giả vờ làm như chúng tôi đang tải lương thực, đến thành phố ấy.

33 Và chuyện rằng, An Ti Phu đã tiến quân với một phần quân đội của ông, và số còn lại thì để trấn giữ thành. Nhưng ông không tiến quân cho đến khi tôi đã dẫn đạo quân nhỏ bé của tôi đến gần thành phố An Ti Pha Ra.

34 Và giờ đây, trong thành phố An Ti Pha Ra có một đạo quân La Man hùng hậu nhất đang trú đóng; phải, đó là một đạo quân đông đảo nhất.

35 Và chuyện rằng, khi chúng được quân do thám về báo tin, chúng liền đem quân ra đánh chúng tôi.

36 Và chuyện rằng, chúng tôi bỏ chạy về hướng bắc. Và như vậy là chúng tôi đã dụ được đạo quân La Man mạnh nhất chạy đi xa;

And now it came to pass in the second month of this year, there was brought unto us many provisions from the fathers of those my two thousand sons.

And also there were sent two thousand men unto us from the land of Zarahemla. And thus we were prepared with ten thousand men, and provisions for them, and also for their wives and their children.

And the Lamanites, thus seeing our forces increase daily, and provisions arrive for our support, they began to be fearful, and began to sally forth, if it were possible to put an end to our receiving provisions and strength.

Now when we saw that the Lamanites began to grow uneasy on this wise, we were desirous to bring a stratagem into effect upon them; therefore Antipus ordered that I should march forth with my little sons to a neighboring city, as if we were carrying provisions to a neighboring city.

And we were to march near the city of Antiparah, as if we were going to the city beyond, in the borders by the seashore.

And it came to pass that we did march forth, as if with our provisions, to go to that city.

And it came to pass that Antipus did march forth with a part of his army, leaving the remainder to maintain the city. But he did not march forth until I had gone forth with my little army, and came near the city Antiparah.

And now, in the city Antiparah were stationed the strongest army of the Lamanites; yea, the most numerous.

And it came to pass that when they had been informed by their spies, they came forth with their army and marched against us.

And it came to pass that we did flee before them, northward. And thus we did lead away the most powerful army of the Lamanites;

- 37 Phải, chúng tôi dụ chúng đi thật xa, đến nỗi khi chúng thấy quân của An Ti Phu hết sức rượt đuổi theo chúng, chúng không rẽ qua bên phải hay bên trái, mà chỉ cắm đầu tiến quân thẳng tới trước để rượt đuổi chúng tôi; và, như chúng tôi nghĩ, ý định của chúng là giết chúng tôi trước khi An Ti Phu đuổi kịp chúng, và chúng làm thế để khỏi bị dân ta bao vây.
- 38 Và giờ đây, khi An Ti Phu thấy mối hiểm nguy của chúng tôi, ông liền thúc quân tiến mau lên. Nhưng này, lúc ấy trời đã tối, vậy nên chúng không đuổi kịp chúng tôi và An Ti Phu cũng không đuổi kịp chúng nữa. Vì thế mà chúng tôi dừng lại cắm trại nghỉ qua đêm.
- 39 Và chuyện rằng, trước khi trời rạng đông sáng hôm sau, này, dân La Man lại đuổi theo chúng tôi. Lúc bấy giờ chúng tôi không đủ sức đương đầu với chúng; phải, tôi không để các con trai nhỏ bé của tôi phải rơi vào tay chúng; vậy nên chúng tôi phải tiếp tục tiến quân, và chúng tôi đã tiến quân vào vùng hoang dã.
- 40 Giờ đây, chúng không dám rẽ qua bên phải hoặc bên trái, vì chúng sợ bị bao vây; và tôi cũng không dám rẽ qua bên phải hay bên trái vì sợ bị chúng đuổi kịp, và chúng tôi sẽ không thể đương cự với chúng mà sẽ bị sát hại, và chúng sẽ chạy thoát; và cứ như vậy chúng tôi đã chạy trốn vào vùng hoang dã suốt ngày hôm đó cho đến lúc trời tối.
- 41 Và chuyện rằng, lại một lần nữa, khi ánh sáng ban mai vừa ló dạng, chúng tôi lại thấy dân La Man đến gần chúng tôi, và chúng tôi phải chạy trốn nữa.
- 42 Nhưng chuyện rằng, chúng đã không đuổi theo chúng tôi bao xa trước khi chúng dừng lại; và đó là sáng ngày mồng ba tháng bảy.
- 43 Và giờ đây, chúng tôi không biết có phải chúng bị An Ti Phu đuổi kịp không, nhưng tôi nói với quân lính của tôi rằng: Này, chúng ta không biết có phải chúng dừng lại để chúng ta quay lại đánh chúng, ngõ hầu chúng có thể gạt chúng ta lọt vào cạm bẫy của chúng hay không;
- 44 Vậy các con nghĩ sao, hỡi các con trai của ta, các con có muốn tiến đánh chúng không?

Yea, even to a considerable distance, insomuch that when they saw the army of Antipus pursuing them, with their might, they did not turn to the right nor to the left, but pursued their march in a straight course after us; and, as we suppose, it was their intent to slay us before Antipus should overtake them, and this that they might not be surrounded by our people.

And now Antipus, beholding our danger, did speed the march of his army. But behold, it was night; therefore they did not overtake us, neither did Antipus overtake them; therefore we did camp for the night.

And it came to pass that before the dawn of the morning, behold, the Lamanites were pursuing us. Now we were not sufficiently strong to contend with them; yea, I would not suffer that my little sons should fall into their hands; therefore we did continue our march, and we took our march into the wilderness.

Now they durst not turn to the right nor to the left lest they should be surrounded; neither would I turn to the right nor to the left lest they should overtake me, and we could not stand against them, but be slain, and they would make their escape; and thus we did flee all that day into the wilderness, even until it was dark.

And it came to pass that again, when the light of the morning came we saw the Lamanites upon us, and we did flee before them.

But it came to pass that they did not pursue us far before they halted; and it was in the morning of the third day of the seventh month.

And now, whether they were overtaken by Antipus we knew not, but I said unto my men: Behold, we know not but they have halted for the purpose that we should come against them, that they might catch us in their snare;

Therefore what say ye, my sons, will ye go against them to battle?



45 Và giờ đây, hỡi anh Mô Rô Ni yêu mến, tôi nói cho anh hay, tôi chưa từng thấy sự can đảm nào lớn lao như vậy; không, chưa bao giờ có trong toàn thể dân tộc Nê Phi.

46 Vì như tôi vẫn thường gọi họ là con trai của tôi (vì tất cả bọn họ đều còn trẻ) nên họ nói với tôi rằng: Thừa cha, này, Thượng Đế của chúng ta đang ở với chúng ta, và Ngài không để cho chúng ta phải ngã gục; vậy chúng ta hãy tiến lên; chúng ta sẽ không sát hại các đồng bào của chúng ta nếu họ để cho chúng ta yên; vậy chúng ta phải tiến lên, nếu không thì họ sẽ áp đảo quân của An Ti Phu.

47 Lúc bấy giờ các thanh niên này chưa từng chiến đấu bao giờ, nhưng họ không hề biết sợ chết; và họ nghĩ đến sự tự do của cha họ nhiều hơn là mạng sống của họ; phải, họ đã được mẹ của họ dạy rằng, nếu họ không nghi ngờ, Thượng Đế sẽ giải thoát họ.

48 Và họ còn kể lại cho tôi nghe những lời của mẹ họ, và nói như vậy: Chúng tôi không nghi ngờ gì về việc mẹ chúng tôi đã biết như vậy.

49 Và chuyện rằng, tôi cùng hai ngàn thanh niên của tôi quay lại đương cự với dân La Man đã đuổi theo chúng tôi. Và giờ đây này, quân của An Ti Phu đã đuổi kịp chúng, và một cuộc giao chiến tàn khốc đã bắt đầu diễn ra.

50 Quân của An Ti Phu bị mệt mỏi vì cuộc tiến quân xa mà phải đi trong thời gian gấp rút nên họ sắp bị rơi vào tay dân La Man; và nếu tôi không quay lại với hai ngàn quân của tôi thì chúng đã đạt được mục đích của chúng rồi.

51 Vì An Ti Phu, cùng nhiều lãnh binh của ông, đã ngã gục dưới gươm, vì mệt mỏi do cuộc tiến quân cấp tốc của họ—do đó quân của An Ti Phu trở nên rối loạn, vì các lãnh binh của họ đã ngã gục, nên họ bắt đầu bỏ chạy trước mặt dân La Man.

52 Và chuyện rằng, dân La Man lấy hết can đảm rượt đuổi theo họ, và cứ thế dân La Man đuổi theo họ rất hăng say trong lúc Hê La Man cùng hai ngàn quân của ông đánh tập hậu chúng và bắt đầu giết chúng rất nhiều, đến nỗi cả đoàn quân La Man phải dừng lại và quay qua đánh với Hê La Man.

And now I say unto you, my beloved brother Moroni, that never had I seen so great courage, nay, not amongst all the Nephites.

For as I had ever called them my sons (for they were all of them very young) even so they said unto me: Father, behold our God is with us, and he will not suffer that we should fall; then let us go forth; we would not slay our brethren if they would let us alone; therefore let us go, lest they should overpower the army of Antipus.

Now they never had fought, yet they did not fear death; and they did think more upon the liberty of their fathers than they did upon their lives; yea, they had been taught by their mothers, that if they did not doubt, God would deliver them.

And they rehearsed unto me the words of their mothers, saying: We do not doubt our mothers knew it.

And it came to pass that I did return with my two thousand against these Lamanites who had pursued us. And now behold, the armies of Antipus had overtaken them, and a terrible battle had commenced.

The army of Antipus being weary, because of their long march in so short a space of time, were about to fall into the hands of the Lamanites; and had I not returned with my two thousand they would have obtained their purpose.

For Antipus had fallen by the sword, and many of his leaders, because of their weariness, which was occasioned by the speed of their march—therefore the men of Antipus, being confused because of the fall of their leaders, began to give way before the Lamanites.

And it came to pass that the Lamanites took courage, and began to pursue them; and thus were the Lamanites pursuing them with great vigor when Helaman came upon their rear with his two thousand, and began to slay them exceedingly, in-somuch that the whole army of the Lamanites halted and turned upon Helaman.

53 Lúc bấy giờ, khi quân của An Ti Phu thấy dân La Man quay trở lại, họ liền thu góp quân lính còn lại và tiến đánh mặt sau của dân La Man.

54 Và giờ đây chuyện rằng, chúng tôi, những người dân Nê Phi, tức là quân của An Ti Phu, cùng với tôi và hai ngàn quân của tôi, đã bao vây dân La Man và tàn sát chúng; phải, nhiều đến nỗi chúng phải buộc lòng giao vũ khí chiến tranh và nạp mình làm tù binh.

55 Và giờ đây chuyện rằng, khi chúng đã đầu hàng trước chúng tôi, này, tôi kiểm điểm lại những thanh niên đã chiến đấu với tôi, vì sợ rằng có nhiều người trong bọn họ đã bị giết chết.

56 Nhưng này, sự vui mừng của tôi thật lớn lao, vì không có một ai trong bọn họ bị ngã xuống đất cả; phải, và họ đã chiến đấu dường như với sức mạnh của Thượng Đế; phải, chưa bao giờ người ta trông thấy ai chiến đấu với một sức mạnh kỳ diệu như vậy; và với sức mạnh phi thường như vậy họ đã xông vào dân La Man khiến chúng phải khiếp sợ; và cũng vì vậy mà dân La Man phải chịu nạp mình làm tù binh.

57 Và vì chúng tôi không có chỗ cho tù binh của chúng tôi, để chúng tôi có thể canh giữ chúng ở xa các đạo quân La Man, nên chúng tôi gửi chúng về xứ Gia Ra Hem La, và một phần quân của An Ti Phu còn sống sót cũng đi theo với chúng; và phần còn lại tôi cho sáp nhập với các chiến sĩ Am Môn trẻ tuổi của tôi; và tôi tiến quân trở về thành phố Giu Đê.

Now when the people of Antipus saw that the Lamanites had turned them about, they gathered together their men and came again upon the rear of the Lamanites.

And now it came to pass that we, the people of Nephi, the people of Antipus, and I with my two thousand, did surround the Lamanites, and did slay them; yea, insomuch that they were compelled to deliver up their weapons of war and also themselves as prisoners of war.

And now it came to pass that when they had surrendered themselves up unto us, behold, I numbered those young men who had fought with me, fearing lest there were many of them slain.

But behold, to my great joy, there had not one soul of them fallen to the earth; yea, and they had fought as if with the strength of God; yea, never were men known to have fought with such miraculous strength; and with such mighty power did they fall upon the Lamanites, that they did frighten them; and for this cause did the Lamanites deliver themselves up as prisoners of war.

And as we had no place for our prisoners, that we could guard them to keep them from the armies of the Lamanites, therefore we sent them to the land of Zarahemla, and a part of those men who were not slain of Antipus, with them; and the remainder I took and joined them to my stripling Ammonites, and took our march back to the city of Judea.

## An Ma 57

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, tôi nhận được một bức thư của vua Am Mô Rôn đề nghị rằng nếu tôi chịu trao trả tất cả những tù binh mà chúng tôi đã bắt được thì hẳn sẽ trao trả cho chúng tôi thành phố An Ti Pha Ra.
- 2 Nhưng tôi gửi bức thư trả lời vua ấy rằng, chúng tôi tin chắc chắn là lực lượng của chúng tôi đủ sức đánh chiếm thành phố An Ti Pha Ra bằng võ lực; và chúng tôi nhận thấy rằng, nếu đem tù binh đổi lấy thành phố ấy là không khôn ngoan, và chúng tôi chỉ muốn đem tù binh đổi lấy tù binh mà thôi.
- 3 Và Am Mô Rôn đã từ chối lời đề nghị trong bức thư của ta, vì hẳn không muốn trao đổi tù binh; vậy nên chúng tôi bắt đầu chuẩn bị tiến đánh thành phố An Ti Pha Ra.
- 4 Nhưng dân An Ti Pha Ra đã rời bỏ thành phố này và trốn qua những thành phố khác, cũng thuộc chủ quyền của chúng, để tăng cường cho những thành phố đó; và vì thế mà thành phố An Ti Pha Ra đã rơi vào tay chúng tôi.
- 5 Và như vậy là chấm dứt năm thứ hai mươi tám dưới chế độ các phán quan.
- 6 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ hai mươi chín, chúng tôi nhận được lương thực tiếp tế và luôn cả quân tiếp viện từ xứ Gia Ra Hem La và các xứ phụ cận, với quân số lên đến sáu ngàn người, ngoài ra còn có sáu mươi người con trai của dân Am Môn đã đến sáp nhập với các anh em của họ, tức là nhóm hai ngàn người nhỏ bé của tôi. Và giờ đây này, chúng tôi rất hùng hậu, phải, và chúng tôi còn được tiếp tế lương thực rất dồi dào.
- 7 Và chuyện rằng điều mong muốn của chúng tôi là tiến đánh đạo quân đang trấn giữ thành phố Cơ Mê Ni.
- 8 Và giờ đây này, tôi sẽ cho anh thấy rằng, chẳng bao lâu chúng tôi đã thực hiện được điều chúng tôi mong muốn; phải, với lực lượng hùng hậu của chúng tôi, hay là với một phần lực lượng hùng hậu của chúng tôi, chúng tôi đã đến bao vây thành phố Cơ Mê Ni vào lúc ban đêm, ngay trước khi chúng nhận được một chuyến tiếp tế lương thực.

## Alma 57

And now it came to pass that I received an epistle from Ammoron, the king, stating that if I would deliver up those prisoners of war whom we had taken that he would deliver up the city of Antiparah unto us.

But I sent an epistle unto the king, that we were sure our forces were sufficient to take the city of Antiparah by our force; and by delivering up the prisoners for that city we should suppose ourselves unwise, and that we would only deliver up our prisoners on exchange.

And Ammoron refused mine epistle, for he would not exchange prisoners; therefore we began to make preparations to go against the city of Antiparah.

But the people of Antiparah did leave the city, and fled to their other cities, which they had possession of, to fortify them; and thus the city of Antiparah fell into our hands.

And thus ended the twenty and eighth year of the reign of the judges.

And it came to pass that in the commencement of the twenty and ninth year, we received a supply of provisions, and also an addition to our army, from the land of Zarahemla, and from the land round about, to the number of six thousand men, besides sixty of the sons of the Ammonites who had come to join their brethren, my little band of two thousand. And now behold, we were strong, yea, and we had also plenty of provisions brought unto us.

And it came to pass that it was our desire to wage a battle with the army which was placed to protect the city Cumeni.

And now behold, I will show unto you that we soon accomplished our desire; yea, with our strong force, or with a part of our strong force, we did surround, by night, the city Cumeni, a little before they were to receive a supply of provisions.

- 9 Và chuyện rằng, chúng tôi đóng quân quanh thành phố này liên tiếp nhiều đêm; nhưng chúng tôi phải gối kiếm mà ngủ và đặt quân canh gác để dân La Man không thể nhân lúc ban đêm đến tấn công và sát hại chúng tôi được, đó là điều chúng đã mưu toan nhiều lần; nhưng mỗi lần mưu toan như thế chúng đều bị đổ máu.
- 10 Sau cùng lương thực tiếp tế cho chúng đã đến, và chúng sắp sửa vào thành phố lúc ban đêm. Và chúng tôi, là dân Nê Phi, thay vì dân La Man; vậy nên chúng tôi bắt giữ chúng và lương thực của chúng.
- 11 Và mặc dù dân La Man bị cắt đứt sự tiếp tế bằng cách này, chúng vẫn cương quyết bảo vệ thành phố; vậy nên điều cần thiết là chúng tôi phải lấy những lương thực này gửi về Giu Đê và đem các tù binh của chúng tôi đến xứ Gia Ra Hem La.
- 12 Và chuyện rằng, chỉ ít ngày sau, dân La Man đã bắt đầu cảm thấy mất hết hy vọng được tiếp tế; vậy nên chúng đành quy hàng giao thành phố ấy vào tay chúng tôi; và như vậy là chúng tôi đã thực hiện được ý định của mình là tái chiếm thành phố Cơ Mê Ni.
- 13 Nhưng chuyện rằng, số tù binh của chúng tôi quá đông, mặc dù với quân số đông đảo của chúng tôi, nên chúng tôi bắt buộc phải sử dụng tất cả lực lượng của mình để canh giữ chúng, hay phải giết chết chúng.
- 14 Vì này chúng nổi loạn từng đám đông, và dùng đá và gậy gộc, hay bất cứ vật gì chúng có thể sử dụng được, để đánh lại, đến nỗi chúng tôi phải giết chết trên hai ngàn người trong bọn chúng kể từ khi chúng đầu hàng làm tù binh.
- 15 Vậy nên điều cần thiết đối với chúng tôi là, chúng tôi phải giết chết chúng hay là canh giữ chúng, với gươm cầm tay, xuống tới xứ Gia Ra Hem La; vả lại lương thực của chúng tôi chỉ đủ cho dân của chúng tôi dùng mà thôi, mặc dù chúng tôi đã tịch thu được lương thực của dân La Man.

And it came to pass that we did camp round about the city for many nights; but we did sleep upon our swords, and keep guards, that the Lamanites could not come upon us by night and slay us, which they attempted many times; but as many times as they attempted this their blood was spilt.

At length their provisions did arrive, and they were about to enter the city by night. And we, instead of being Lamanites, were Nephites; therefore, we did take them and their provisions.

And notwithstanding the Lamanites being cut off from their support after this manner, they were still determined to maintain the city; therefore it became expedient that we should take those provisions and send them to Judea, and our prisoners to the land of Zarahemla.

And it came to pass that not many days had passed away before the Lamanites began to lose all hopes of succor; therefore they yielded up the city unto our hands; and thus we had accomplished our designs in obtaining the city Cumeni.

But it came to pass that our prisoners were so numerous that, notwithstanding the enormity of our numbers, we were obliged to employ all our force to keep them, or to put them to death.

For behold, they would break out in great numbers, and would fight with stones, and with clubs, or whatsoever thing they could get into their hands, insomuch that we did slay upwards of two thousand of them after they had surrendered themselves prisoners of war.

Therefore it became expedient for us, that we should put an end to their lives, or guard them, sword in hand, down to the land of Zarahemla; and also our provisions were not any more than sufficient for our own people, notwithstanding that which we had taken from the Lamanites.

- 16 Và giờ đây, trong trường hợp khẩn trương này, việc quyết định số phận những tù binh ấy đã trở thành một vấn đề rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, chúng tôi đã quyết định gửi chúng xuống xứ Gia Ra Hem La; vậy nên chúng tôi chọn một số quân của mình, và giao cho họ trọng trách canh giữ tù binh để đi xuống xứ Gia Ra Hem La.
- 17 Nhưng chuyện rằng, đến ngày hôm sau họ đã trở về. Và bây giờ này, chúng tôi không có hỏi họ về các tù binh; vì này, dân La Man đã đến tấn công chúng tôi, và họ đã trở về đúng lúc để cứu chúng tôi khỏi rơi vào tay chúng. Vì này, Am Mô Rôn đã gửi tiếp viện cho chúng lương thực mới và một số quân đông đảo.
- 18 Và chuyện rằng, những quân lính chúng tôi phải đi với các tù binh đã trở về đúng lúc để chặn đứng chúng khi chúng sắp đánh bại chúng tôi.
- 19 Nhưng này, đạo quân nhỏ bé gồm hai ngàn sáu mươi quân của tôi đã chiến đấu một cách hết sức mãnh liệt; phải, họ rất quả cảm trước mặt dân La Man, và giết chết tất cả những ai chống lại họ.
- 20 Và trong khi số quân còn lại của chúng tôi sắp lùi bước trước dân La Man, này, hai ngàn sáu mươi quân ấy đã tỏ ra can đảm và bất khuất.
- 21 Phải, và họ đã tuân lệnh và chú ý thi hành mọi mệnh lệnh một cách rất chính xác; phải, và sự việc như vậy là nhờ họ có đức tin; và tôi nhớ tới những lời họ nói với tôi rằng, mẹ họ đã dạy họ như vậy.
- 22 Và giờ đây này, chính nhờ những người con trai này của tôi cùng các quân lính đã được chọn lựa dẫn tù binh đi, là những người chúng tôi mang ơn cho cuộc chiến thắng vẻ vang này; vì chính họ là những người đã đánh bại dân La Man; vậy nên chúng bị đánh đuổi về thành phố Man Ti.
- 23 Và chúng tôi giữ được thành phố Cơ Mê Ni của mình, và không bị gươm đao hủy diệt hết; tuy nhiên chúng tôi đã chịu tổn thất nặng nề.
- 24 Và chuyện rằng, sau khi dân La Man đã bỏ chạy, tôi lập tức ra lệnh phải tìm kiếm những người lính của tôi bị thương trong đám xác chết, và cho đem họ đi băng bó vết thương ngay.

And now, in those critical circumstances, it became a very serious matter to determine concerning these prisoners of war; nevertheless, we did resolve to send them down to the land of Zarahemla; therefore we selected a part of our men, and gave them charge over our prisoners to go down to the land of Zarahemla.

But it came to pass that on the morrow they did return. And now behold, we did not inquire of them concerning the prisoners; for behold, the Lamanites were upon us, and they returned in season to save us from falling into their hands. For behold, Ammoron had sent to their support a new supply of provisions and also a numerous army of men.

And it came to pass that those men whom we sent with the prisoners did arrive in season to check them, as they were about to overpower us.

But behold, my little band of two thousand and sixty fought most desperately; yea, they were firm before the Lamanites, and did administer death unto all those who opposed them.

And as the remainder of our army were about to give way before the Lamanites, behold, those two thousand and sixty were firm and undaunted.

Yea, and they did obey and observe to perform every word of command with exactness; yea, and even according to their faith it was done unto them; and I did remember the words which they said unto me that their mothers had taught them.

And now behold, it was these my sons, and those men who had been selected to convey the prisoners, to whom we owe this great victory; for it was they who did beat the Lamanites; therefore they were driven back to the city of Manti.

And we retained our city Cumeni, and were not all destroyed by the sword; nevertheless, we had suffered great loss.

And it came to pass that after the Lamanites had fled, I immediately gave orders that my men who had been wounded should be taken from among the dead, and caused that their wounds should be dressed.

- 25 Và chuyện rằng, có hai trăm người trong số hai ngàn sáu mươi quân của tôi đã phải ngất xỉu vì mất máu; tuy nhiên, nhờ lòng nhân từ của Thượng Đế, và trước sự ngạc nhiên của chúng tôi và cả sự vui mừng của toàn quân đội chúng tôi, không có một người nào trong bọn họ bị giết cả; phải, và trong số bọn họ cũng không có một ai mà không bị thương tích nhiều.
- 26 Và giờ đây, việc họ được bảo tồn là điều làm cho toàn thể quân đội của chúng tôi phải kinh dị; phải, họ đã được toàn mạng trong lúc có một ngàn chiến hữu của chúng tôi đã bị giết chết. Và chúng tôi chỉ biết gọi đó là quyền năng phép lạ của Thượng Đế, nhờ đức tin vững chắc của họ về những điều mà họ đã được giáo huấn để tin rằng—có một Đấng Thượng Đế công bình, và bất cứ ai không nghi ngờ đều sẽ được quyền năng kỳ diệu của Ngài bảo tồn.
- 27 Bây giờ đó là đức tin của những người tôi vừa nói; họ là những người trẻ tuổi, trí óc cương quyết, và luôn luôn đặt sự tin cậy của mình vào nơi Thượng Đế.
- 28 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi chúng tôi chăm sóc xong các thương binh của chúng tôi và cho chôn cất hết các xác chết của quân mình và luôn cả xác chết của dân La Man, mà có rất nhiều, này, chúng tôi hỏi Ghi Đơ về các tù binh mà họ đã dẫn đi xuống xứ Gia Ra Hem La.
- 29 Lúc bấy giờ Ghi Đơ là tổng lãnh binh của nhóm quân lính được chỉ định để canh giữ dẫn chúng xuống xứ đó.
- 30 Và sau đây là những lời của Ghi Đơ nói với tôi: Này, chúng tôi đã dẫn tù binh lên đường xuống xứ Gia Ra Hem La. Và chuyện rằng, chúng tôi đã gặp những quân do thám của chúng ta, tức là những quân được phái đi dò xét các nơi đóng quân của dân La Man.
- 31 Và họ đã la lên cho chúng tôi nghe rằng: Này, quân La Man đang tiến về thành phố Cơ Mê Ni; và này, chúng sẽ tấn công họ, phải, và sẽ hủy diệt dân của chúng ta.
- 32 Và chuyện rằng, các tù binh của chúng tôi khi nghe nói như vậy liền lấy lại can đảm và nổi loạn chống lại chúng tôi.

And it came to pass that there were two hundred, out of my two thousand and sixty, who had fainted because of the loss of blood; nevertheless, according to the goodness of God, and to our great astonishment, and also the joy of our whole army, there was not one soul of them who did perish; yea, and neither was there one soul among them who had not received many wounds.

And now, their preservation was astonishing to our whole army, yea, that they should be spared while there was a thousand of our brethren who were slain. And we do justly ascribe it to the miraculous power of God, because of their exceeding faith in that which they had been taught to believe—that there was a just God, and whosoever did not doubt, that they should be preserved by his marvelous power.

Now this was the faith of these of whom I have spoken; they are young, and their minds are firm, and they do put their trust in God continually.

And now it came to pass that after we had thus taken care of our wounded men, and had buried our dead and also the dead of the Lamanites, who were many, behold, we did inquire of Gid concerning the prisoners whom they had started to go down to the land of Zarahemla with.

Now Gid was the chief captain over the band who was appointed to guard them down to the land.

And now, these are the words which Gid said unto me: Behold, we did start to go down to the land of Zarahemla with our prisoners. And it came to pass that we did meet the spies of our armies, who had been sent out to watch the camp of the Lamanites.

And they cried unto us, saying—Behold, the armies of the Lamanites are marching towards the city of Cumeni; and behold, they will fall upon them, yea, and will destroy our people.

And it came to pass that our prisoners did hear their cries, which caused them to take courage; and they did rise up in rebellion against us.

33 Và chuyện rằng, vì chúng nổi loạn nên chúng tôi phải dùng gươm để đối phó với chúng. Và chuyện rằng, chúng lao từng đám vào đầu gươm của chúng tôi. Trong cuộc xô xát ấy, một số lớn bọn chúng bị giết chết; và số còn lại thì phá vòng vây chạy trốn chúng tôi.

34 Và này, khi chúng chạy trốn, và chúng tôi không thể đuổi theo kịp chúng được, chúng tôi liền cấp tốc tiến quân về phía thành phố Cơ Mê Ni; và này, chúng tôi đã trở về đúng lúc để có thể giúp đỡ các đồng bào của chúng tôi bảo vệ thành phố.

35 Và này, chúng ta lại một lần nữa được giải thoát khỏi bàn tay của kẻ thù mình. Và phước thay danh Thượng Đế của chúng ta; vì này, chính Ngài đã giải thoát chúng ta; phải chính Ngài đã thực hiện điều vĩ đại này cho chúng ta.

36 Giờ đây chuyện rằng, khi tôi, Hê La Man, nghe xong những lời này của Ghi Đơ, tôi tràn ngập nỗi vui mừng khôn tả, vì lòng nhân từ của Thượng Đế trong việc bảo tồn chúng tôi để chúng tôi khỏi bị tận diệt; phải, và tôi tin rằng, linh hồn của những người bị giết đã được bước vào chốn an nghỉ của Thượng Đế của họ.

And it came to pass because of their rebellion we did cause that our swords should come upon them. And it came to pass that they did in a body run upon our swords, in the which, the greater number of them were slain; and the remainder of them broke through and fled from us.

And behold, when they had fled and we could not overtake them, we took our march with speed towards the city Cumeni; and behold, we did arrive in time that we might assist our brethren in preserving the city.

And behold, we are again delivered out of the hands of our enemies. And blessed is the name of our God; for behold, it is he that has delivered us; yea, that has done this great thing for us.

Now it came to pass that when I, Helaman, had heard these words of Gid, I was filled with exceeding joy because of the goodness of God in preserving us, that we might not all perish; yea, and I trust that the souls of them who have been slain have entered into the rest of their God.

## An Ma 58

- 1 Và này, giờ đây chuyện rằng, mục tiêu kế tiếp của chúng tôi là chiếm lấy thành phố Man Ti; nhưng này, không có cách nào để cho chúng tôi có thể dụ chúng ra khỏi thành phố bằng những đám quân nhỏ bé của mình. Vì này, chúng vẫn còn nhớ những điều chúng tôi đã gây ra cho chúng trước kia, vì thế chúng tôi không thể nhử chúng ra khỏi các đồn lũy của chúng được.
- 2 Và lại quân số chúng đông hơn quân chúng tôi nhiều nên chúng tôi không dám đến tấn công chúng tại các đồn lũy của chúng.
- 3 Phải, và điều cần thiết là chúng tôi phải dùng người của mình để giữ những phần đất mà chúng tôi đã tái chiếm được; vậy nên, điều cần thiết là chúng tôi phải chờ đợi, để chúng tôi có thể nhận thêm viện binh từ xứ Gia Ra Hem La và một chuyến tiếp tế lương thực mới nữa.
- 4 Và chuyện rằng, tôi phái một sứ giả đến vị cai trị xứ chúng ta, để báo cáo cho ông ta biết những sự việc của dân chúng tôi. Và chuyện rằng chúng tôi trông đợi quân tiếp viện và lương thực từ xứ Gia Ra Hem La gửi đến.
- 5 Nhưng này, việc này cũng không giúp ích gì cho chúng tôi bao nhiêu, vì dân La Man cũng tiếp nhận được quân số lớn lao và nhiều lương thực hằng ngày; và tình trạng của chúng tôi lúc ấy là như vậy.
- 6 Và thỉnh thoảng dân La Man xông ra đánh chúng tôi, chúng quyết dùng mưu kế để hủy diệt chúng tôi; tuy nhiên, chúng tôi không thể giao chiến với chúng vì chúng có những nơi ẩn nấp và các đồn lũy.
- 7 Và chuyện rằng, chúng tôi phải chờ đợi trong tình thế khó khăn như vậy trong nhiều tháng, cho đến khi chúng tôi gần chết vì thiếu lương thực.
- 8 Nhưng chuyện rằng, chúng tôi đã nhận được lương thực, chuyến lương thực này được mang đến bởi một đạo quân hai ngàn người đến giúp chúng tôi; và đây là tất cả sự tiếp tế mà chúng tôi đã nhận được để bảo vệ bản thân và xứ sở mình khỏi rơi vào tay kẻ thù, phải, để đương đầu lại với một kẻ thù đông vô kể.

## Alma 58

And behold, now it came to pass that our next object was to obtain the city of Manti; but behold, there was no way that we could lead them out of the city by our small bands. For behold, they remembered that which we had hitherto done; therefore we could not decoy them away from their strongholds.

And they were so much more numerous than was our army that we durst not go forth and attack them in their strongholds.

Yea, and it became expedient that we should employ our men to the maintaining those parts of the land which we had regained of our possessions; therefore it became expedient that we should wait, that we might receive more strength from the land of Zarahemla and also a new supply of provisions.

And it came to pass that I thus did send an embassy to the governor of our land, to acquaint him concerning the affairs of our people. And it came to pass that we did wait to receive provisions and strength from the land of Zarahemla.

But behold, this did profit us but little; for the Lamanites were also receiving great strength from day to day, and also many provisions; and thus were our circumstances at this period of time.

And the Lamanites were sallying forth against us from time to time, resolving by stratagem to destroy us; nevertheless we could not come to battle with them, because of their retreats and their strongholds.

And it came to pass that we did wait in these difficult circumstances for the space of many months, even until we were about to perish for the want of food.

But it came to pass that we did receive food, which was guarded to us by an army of two thousand men to our assistance; and this is all the assistance which we did receive, to defend ourselves and our country from falling into the hands of our enemies, yea, to contend with an enemy which was innumerable.



- 9 Và giờ đây, nguyên do nào đã gây ra sự khó khăn cho chúng tôi, hay nguyên do nào khiến cho họ không gửi thêm lực lượng đến chúng tôi, thì chúng tôi không biết được; vì thế, chúng tôi rất buồn rầu và cũng rất sợ hãi, e rằng những sự đoán phạt của Thượng Đế sẽ giáng xuống xứ sở chúng ta làm cho chúng ta đổ ngã và hoàn toàn bị hủy diệt.
- 10 Vậy nên chúng tôi đã dâng hết tâm hồn ra cầu nguyện lên Thượng Đế, xin Ngài ban thêm sức mạnh cho chúng tôi, và giải thoát chúng tôi khỏi bàn tay của kẻ thù, phải, và xin Ngài cho chúng tôi sức mạnh để chúng tôi có thể giữ được các thành phố, đất đai, và tài sản của chúng ta, để nuôi dưỡng dân của chúng ta.
- 11 Phải, và chuyện rằng, Chúa, Thượng Đế của chúng ta, quả đã viếng thăm chúng tôi với đảm bảo rằng, Ngài sẽ giải thoát chúng tôi; phải, vì Ngài đã phán sự bình an vào tâm hồn chúng tôi và ban cho chúng tôi một đức tin lớn lao, và khiến chúng tôi thấy mình phải đặt hy vọng vào sự giải thoát nơi Ngài.
- 12 Và chúng tôi lấy lại được can đảm với lực lượng nhỏ bé mà chúng tôi vừa nhận được, và chúng tôi cương quyết chinh phục kẻ thù của mình và bảo vệ đất đai, tài sản, vợ con, và chính nghĩa tự do của chúng ta.
- 13 Và do đó, chúng tôi đã đem hết lực lượng đi đánh dân La Man trong thành phố Man Ti; và chúng tôi đã cắm trại cạnh vùng hoang dã, gần thành phố đó.
- 14 Và chuyện rằng, đến ngày hôm sau, khi dân La Man trông thấy chúng tôi đang ở trong ranh giới cạnh vùng hoang dã gần thành phố, chúng bèn sai người đi do thám quanh trại chúng tôi, để khám phá quân số và lực lượng của quân đội chúng tôi.
- 15 Và chuyện rằng, khi chúng thấy rằng chúng tôi không mạnh, theo quân số của chúng tôi, và vì sợ rằng chúng tôi sẽ cắt đứt đường tiếp tế của chúng, nếu chúng không xuất quân giao chiến để sát hại chúng tôi, và chúng cũng cho rằng chúng sẽ dễ dàng hủy diệt chúng tôi với những đạo quân đông đảo của chúng, vậy nên chúng bắt đầu chuẩn bị ra giao chiến với chúng tôi.

And now the cause of these our embarrassments, or the cause why they did not send more strength unto us, we knew not; therefore we were grieved and also filled with fear, lest by any means the judgments of God should come upon our land, to our overthrow and utter destruction.

Therefore we did pour out our souls in prayer to God, that he would strengthen us and deliver us out of the hands of our enemies, yea, and also give us strength that we might retain our cities, and our lands, and our possessions, for the support of our people.

Yea, and it came to pass that the Lord our God did visit us with assurances that he would deliver us; yea, insomuch that he did speak peace to our souls, and did grant unto us great faith, and did cause us that we should hope for our deliverance in him.

And we did take courage with our small force which we had received, and were fixed with a determination to conquer our enemies, and to maintain our lands, and our possessions, and our wives, and our children, and the cause of our liberty.

And thus we did go forth with all our might against the Lamanites, who were in the city of Manti; and we did pitch our tents by the wilderness side, which was near to the city.

And it came to pass that on the morrow, that when the Lamanites saw that we were in the borders by the wilderness which was near the city, that they sent out their spies round about us that they might discover the number and the strength of our army.

And it came to pass that when they saw that we were not strong, according to our numbers, and fearing that we should cut them off from their support except they should come out to battle against us and kill us, and also supposing that they could easily destroy us with their numerous hosts, therefore they began to make preparations to come out against us to battle.

16 Và khi chúng tôi trông thấy chúng đang chuẩn bị ra giao chiến với chúng tôi, này, tôi liền cho Ghi Đơ đem một cánh quân nhỏ vào ẩn nấp trong vùng hoang dã, và luôn cả Tê Ôm Nơ cũng đem một cánh quân nhỏ vào ẩn nấp trong vùng hoang dã.

17 Bây giờ, Ghi Đơ và quân của ông ta thì ở bên mặt, còn những người kia thì ở bên trái; và khi họ đã ẩn nấp xong, này, tôi đã ở lại với số quân còn lại của tôi, tại nơi chúng tôi đã dựng lều trại lần đầu tiên để đợi dân La Man đến giao chiến.

18 Và chuyện rằng, dân La Man quả đã tiến đánh chúng tôi với đạo quân đông đảo của chúng. Và khi chúng đã đến gần, và sắp sửa xông tới tấn công chúng tôi bằng gươm thì tôi liền ra lệnh cho quân của tôi, tức là những người còn ở lại với tôi, phải rút lui vào vùng hoang dã.

19 Và chuyện rằng, dân La Man đuổi theo chúng tôi thật nhanh, vì chúng rất muốn đuổi kịp để giết chết chúng tôi nên chúng đã đuổi theo chúng tôi vào vùng hoang dã; và chúng tôi đã chạy vượt qua giữa Ghi Đơ và Tê Ôm Nơ mà họ không bị dân La Man khám phá ra được.

20 Và chuyện rằng, khi dân La Man đã chạy qua, hay khi đạo quân chạy qua rồi, thì Ghi Đơ và Tê Ôm Nơ đều từ chỗ ẩn nấp của mình xông ra chặn đường không cho những quân do thám La Man quay trở về thành.

21 Và chuyện rằng, sau khi chặn đường chúng xong, họ liền chạy tới thành phố và đánh úp những quân còn ở lại để giữ thành, kết quả là họ đã giết chúng chết và chiếm lấy thành phố.

22 Bây giờ, việc này sẽ dĩ thực hiện được là nhờ dân La Man đã để cho tất cả quân đội của chúng bị dẫn dụ vào vùng hoang dã, chỉ còn lại có một số ít lính canh phòng mà thôi.

23 Và chuyện rằng, Ghi Đơ và Tê Ôm Nơ, nhờ cách này đã chiếm được các đồn lũy của chúng. Và chuyện rằng, chúng tôi, sau khi đi một thời gian lâu trong vùng hoang dã, đã thẳng tiến về phía xứ Gia Ra Hem La.

And when we saw that they were making preparations to come out against us, behold, I caused that Gid, with a small number of men, should secrete himself in the wilderness, and also that Teomner and a small number of men should secrete themselves also in the wilderness.

Now Gid and his men were on the right and the others on the left; and when they had thus secreted themselves, behold, I remained, with the remainder of my army, in that same place where we had first pitched our tents against the time that the Lamanites should come out to battle.

And it came to pass that the Lamanites did come out with their numerous army against us. And when they had come and were about to fall upon us with the sword, I caused that my men, those who were with me, should retreat into the wilderness.

And it came to pass that the Lamanites did follow after us with great speed, for they were exceedingly desirous to overtake us that they might slay us; therefore they did follow us into the wilderness; and we did pass by in the midst of Gid and Teomner, insomuch that they were not discovered by the Lamanites.

And it came to pass that when the Lamanites had passed by, or when the army had passed by, Gid and Teomner did rise up from their secret places, and did cut off the spies of the Lamanites that they should not return to the city.

And it came to pass that when they had cut them off, they ran to the city and fell upon the guards who were left to guard the city, insomuch that they did destroy them and did take possession of the city.

Now this was done because the Lamanites did suffer their whole army, save a few guards only, to be led away into the wilderness.

And it came to pass that Gid and Teomner by this means had obtained possession of their strongholds. And it came to pass that we took our course, after having traveled much in the wilderness towards the land of Zarahemla.

24 Và khi dân La Man thấy chúng đang tiến quân hưởng về xứ Gia Ra Hem La, thì chúng sợ hãi vô cùng, e rằng một mưu kế đã được sắp đặt trước để đưa chúng vào đường hủy diệt; vậy nên chúng bắt đầu rút lui vào vùng hoang dã, phải, chúng rút về đúng theo con đường chúng đã đến.

25 Và này, lúc ấy trời đã tối, chúng bèn dựng lều lên, vì các tổng lãnh binh của dân La Man nghĩ rằng, dân Nê Phi đã mệt mỏi vì cuộc tiến quân của họ; và chúng còn cho rằng, chúng đã rượt đuổi toàn thể quân đội của họ, nên chúng không còn lo lắng gì về thành phố Man Ti nữa.

26 Giờ đây chuyện rằng, khi đêm đến, tôi ra lệnh cho quân lính của tôi không được ngủ, mà họ phải tiến quân theo một ngã khác hưởng về xứ Man Ti.

27 Và nhờ chúng tôi tiến quân ban đêm, nên này, đến sáng hôm sau, chúng tôi đã đi trước dân La Man rất xa, đến chỗ chúng tôi đã đến thành phố Man Ti trước chúng.

28 Và chuyện rằng, như vậy là nhờ dùng mưu kế này chúng tôi đã chiếm được thành phố Man Ti mà không phải làm đổ máu.

29 Và chuyện rằng, khi quân La Man trở về gần thành phố ấy, và thấy chúng tôi đang sẵn sàng chờ đón chúng, thì chúng rất đỗi ngạc nhiên và khiếp sợ vô cùng, đến chỗ chúng phải chạy trốn vào vùng hoang dã.

30 Phải, và chuyện rằng, tất cả quân La Man đều chạy trốn khỏi vùng đất này. Nhưng này, chúng đã đem theo nhiều phụ nữ và trẻ con ra khỏi xứ.

31 Và những thành phố bị dân La Man đánh chiếm, nay tất cả đều lại thuộc quyền sở hữu của chúng tôi vào lúc này; và cha mẹ cùng vợ con chúng tôi nay lại được trở về mái nhà của họ, tất cả chỉ trừ những người bị dân La Man bắt cầm tù và dẫn đi.

32 Nhưng này, quân của chúng tôi ít không đủ để bảo vệ số thành phố quá nhiều và tài sản quá lớn lao như vậy.

And when the Lamanites saw that they were marching towards the land of Zarahemla, they were exceedingly afraid, lest there was a plan laid to lead them on to destruction; therefore they began to retreat into the wilderness again, yea, even back by the same way which they had come.

And behold, it was night and they did pitch their tents, for the chief captains of the Lamanites had supposed that the Nephites were weary because of their march; and supposing that they had driven their whole army therefore they took no thought concerning the city of Manti.

Now it came to pass that when it was night, I caused that my men should not sleep, but that they should march forward by another way towards the land of Manti.

And because of this our march in the night-time, behold, on the morrow we were beyond the Lamanites, insomuch that we did arrive before them at the city of Manti.

And thus it came to pass, that by this stratagem we did take possession of the city of Manti without the shedding of blood.

And it came to pass that when the armies of the Lamanites did arrive near the city, and saw that we were prepared to meet them, they were astonished exceedingly and struck with great fear, insomuch that they did flee into the wilderness.

Yea, and it came to pass that the armies of the Lamanites did flee out of all this quarter of the land. But behold, they have carried with them many women and children out of the land.

And those cities which had been taken by the Lamanites, all of them are at this period of time in our possession; and our fathers and our women and our children are returning to their homes, all save it be those who have been taken prisoners and carried off by the Lamanites.

But behold, our armies are small to maintain so great a number of cities and so great possessions.

33 Nhưng này, chúng tôi đặt tin cậy vào nơi Thượng Đế của chúng ta là Đấng đã ban cho chúng tôi sự thắng trận vẻ vang trên đất này khiến chúng tôi tái chiếm lại được tất cả những thành phố và những đất đai thuộc quyền sở hữu của chúng ta.

34 Và giờ đây, chúng tôi vẫn không biết vì nguyên nhân nào chính quyền không gửi thêm lực lượng tiếp viện cho chúng tôi, và ngay cả những người đến với chúng tôi cũng không hiểu tại sao chúng tôi không nhận được lực lượng tiếp viện thêm.

35 Này, chúng tôi không biết có phải vì anh đã thất bại nên anh đã rút đi lực lượng tăng cường tại phần đất này; nếu việc đó quả đúng như vậy, thì chúng tôi không muốn ta thán nữa.

36 Còn nếu không phải như vậy, này, chúng tôi e rằng có một phe nhóm đối lập nào trong chính quyền đã ngăn cản không cho gửi thêm viện binh đến giúp chúng tôi, vì chúng tôi biết rằng, họ có nhiều quân hơn số quân họ đã gửi tới cho chúng tôi.

37 Nhưng này, điều ấy không thành vấn đề—chúng tôi tin Thượng Đế sẽ giải cứu chúng tôi, mặc dù với sự yếu kém của quân chúng tôi, phải, và sẽ giải cứu chúng tôi thoát khỏi bàn tay của kẻ thù của chúng ta.

38 Này, đây là năm thứ hai mươi chín, vào lúc cuối năm, và chúng tôi đã chiếm hữu lại đất đai của mình, còn dân La Man thì chạy trốn về xứ Nê Phi.

39 Và những người con trai của dân Am Môn, những người mà tôi đã từng khen ngợi rất nhiều, hiện nay đang ở với tôi trong thành phố Man Ti; và Chúa đã nâng đỡ họ, phải, và gìn giữ cho họ khỏi phải ngã dưới lưỡi gươm, khiến cho họ không bị thiệt mạng một người nào.

40 Nhưng này, họ cũng bị nhiều vết thương, tuy nhiên họ đứng vững trong nền tự do mà Thượng Đế đã làm cho họ được tự do; và họ rất nghiêm chỉnh trong việc tưởng nhớ tới Chúa, Thượng Đế của họ, hằng ngày; phải, họ luôn luôn cố gắng tuân giữ các luật lệ, các mạng lệnh và các lệnh truyền của Ngài; và đức tin của họ rất mạnh mẽ đối với những lời tiên tri về những điều sẽ phải xảy đến.

But behold, we trust in our God who has given us victory over those lands, insomuch that we have obtained those cities and those lands, which were our own.

Now we do not know the cause that the government does not grant us more strength; neither do those men who came up unto us know why we have not received greater strength.

Behold, we do not know but what ye are unsuccessful, and ye have drawn away the forces into that quarter of the land; if so, we do not desire to murmur.

And if it is not so, behold, we fear that there is some faction in the government, that they do not send more men to our assistance; for we know that they are more numerous than that which they have sent.

But, behold, it mattereth not—we trust God will deliver us, notwithstanding the weakness of our armies, yea, and deliver us out of the hands of our enemies.

Behold, this is the twenty and ninth year, in the latter end, and we are in the possession of our lands; and the Lamanites have fled to the land of Nephi.

And those sons of the people of Ammon, of whom I have so highly spoken, are with me in the city of Manti; and the Lord has supported them, yea, and kept them from falling by the sword, insomuch that even one soul has not been slain.

But behold, they have received many wounds; nevertheless they stand fast in that liberty where-with God has made them free; and they are strict to remember the Lord their God from day to day; yea, they do observe to keep his statutes, and his judgments, and his commandments continually; and their faith is strong in the prophecies concerning that which is to come.

41      Và giờ đây, hỡi anh Mô Rô Ni yêu mến, cầu xin Chúa, Thượng Đế của chúng ta, là Đấng đã cứu chuộc và làm cho chúng ta được tự do, gìn giữ anh luôn luôn trong sự hiện diện của Ngài; phải, và cầu xin Ngài ưu đãi dân này để anh có thể thành công trong việc chiếm lại tất cả những gì đã bị dân La Man chiếm đoạt khỏi chúng ta, đó là những gì để nuôi dưỡng chúng ta. Và giờ đây, này, tôi xin chấm dứt bức thư của tôi. Tôi là Hê La Man, con trai của An Ma.

And now, my beloved brother, Moroni, may the Lord our God, who has redeemed us and made us free, keep you continually in his presence; yea, and may he favor this people, even that ye may have success in obtaining the possession of all that which the Lamanites have taken from us, which was for our support. And now, behold, I close mine epistle. I am Helaman, the son of Alma.

## An Ma 59

- 1 Giờ đây chuyện rằng, trong năm thứ ba mươi dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, sau khi Mô Rô Ni nhận được và đọc xong bức thư của Hê La Man, ông rất đỗi vui mừng về sự an lạc, phải, về sự thành công vô cùng lớn lao mà Hê La Man đã thu hoạch được trong việc chiếm lại đất đai đã bị mất.
- 2 Phải, và ông cũng công bố cho tất cả dân của ông ở khắp quanh vùng ông cư ngụ biết tin ấy để họ cùng vui mừng.
- 3 Và chuyện rằng, ông cấp tốc gửi một bức thư cho Pha Hô Ran, yêu cầu ông ta cho quy tụ người lại để gửi đến tăng cường cho Hê La Man, nghĩa là cho quân đội của Hê La Man, để Hê La Man có thể dễ dàng bảo vệ phần lãnh thổ mà ông ta đã được thành công một cách hết sức kỳ diệu trong việc chiếm lại lãnh thổ ấy.
- 4 Và chuyện rằng, sau khi gửi bức thư này về xứ Gia Ra Hem La xong, Mô Rô Ni bắt đầu sắp đặt kế hoạch để ông có thể chiếm lại những tài sản và những thành phố mà dân La Man đã tước đoạt khỏi họ.
- 5 Và chuyện rằng, trong lúc Mô Rô Ni đang chuẩn bị để đi đánh lại dân La Man như vậy, này, dân Nê Phi Ha, tức là những người dân từ các thành phố Mô Rô Ni, thành phố Lê Hi, và thành phố Mô Ri An Tôn quy tụ về đó, đang bị dân La Man tấn công.
- 6 Phải, ngay cả những người bị bắt buộc chạy trốn khỏi xứ Man Ti và những vùng quanh đó nay cũng đã đến gia nhập với dân La Man trong vùng đất này.
- 7 Và do đó mà chúng đã trở nên vô cùng đông đảo, phải, chúng nhận được thêm lực lượng mỗi ngày, và do lệnh của Am Mô Rôn, chúng tấn công dân Nê Phi Ha, và chúng bắt đầu giết chết họ bằng một cuộc tàn sát vô cùng lớn lao.
- 8 Và quân của chúng quá đông đảo đến nỗi những dân Nê Phi Ha còn lại phải chạy trốn và qua sáp nhập với quân đội của Mô Rô Ni.

## Alma 59

Now it came to pass in the thirtieth year of the reign of the judges over the people of Nephi, after Moroni had received and had read Helaman's epistle, he was exceedingly rejoiced because of the welfare, yea, the exceeding success which Helaman had had, in obtaining those lands which were lost.

Yea, and he did make it known unto all his people, in all the land round about in that part where he was, that they might rejoice also.

And it came to pass that he immediately sent an epistle to Pahoran, desiring that he should cause men to be gathered together to strengthen Helaman, or the armies of Helaman, insomuch that he might with ease maintain that part of the land which he had been so miraculously prospered in regaining.

And it came to pass when Moroni had sent this epistle to the land of Zarahemla, he began again to lay a plan that he might obtain the remainder of those possessions and cities which the Lamanites had taken from them.

And it came to pass that while Moroni was thus making preparations to go against the Lamanites to battle, behold, the people of Nephiah, who were gathered together from the city of Moroni and the city of Lehi and the city of Morianton, were attacked by the Lamanites.

Yea, even those who had been compelled to flee from the land of Manti, and from the land round about, had come over and joined the Lamanites in this part of the land.

And thus being exceedingly numerous, yea, and receiving strength from day to day, by the command of Ammoron they came forth against the people of Nephiah, and they did begin to slay them with an exceedingly great slaughter.

And their armies were so numerous that the remainder of the people of Nephiah were obliged to flee before them; and they came even and joined the army of Moroni.

9 Và lúc bấy giờ, trong khi Mô Rô Ni đã nghĩ rằng cần phải gửi thêm quân qua thành phố Nê Phi Ha để giúp dân chúng bảo vệ thành phố ấy, vì ông biết rằng, giữ cho thành phố ấy khỏi rơi vào tay dân La Man thì dễ hơn là đánh chiếm lại, và ông cho rằng họ có thể bảo vệ thành phố ấy một cách dễ dàng.

10 Vậy nên, ông giữ lại tất cả lực lượng của mình để bảo vệ những vùng ông đã khôi phục được.

11 Và giờ đây, khi Mô Rô Ni thấy thành phố Nê Phi Ha đã thất thủ, ông rất đau đớn, và ông bắt đầu nghi ngờ, phải chăng vì sự tà ác của dân chúng khiến họ phải rơi vào tay các đồng bào của họ.

12 Đây cũng là trường hợp của tất cả các tổng lãnh binh của ông. Họ cũng nghi ngờ và ngạc nhiên về sự tà ác của dân chúng, và cũng vì vậy mà dân La Man đã thắng được họ.

13 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni rất tức giận chính quyền vì sự lãnh đạm của họ đối với nền tự do của xứ sở họ.

And now as Moroni had supposed that there should be men sent to the city of Nephiah, to the assistance of the people to maintain that city, and knowing that it was easier to keep the city from falling into the hands of the Lamanites than to re-take it from them, he supposed that they would easily maintain that city.

Therefore he retained all his force to maintain those places which he had recovered.

And now, when Moroni saw that the city of Nephiah was lost he was exceedingly sorrowful, and began to doubt, because of the wickedness of the people, whether they should not fall into the hands of their brethren.

Now this was the case with all his chief captains. They doubted and marveled also because of the wickedness of the people, and this because of the success of the Lamanites over them.

And it came to pass that Moroni was angry with the government, because of their indifference concerning the freedom of their country.

## An Ma 60

- 1 Và chuyện rằng, ông lại viết thư cho quan cai trị toàn xứ là Pha Hô Ran, và sau đây là những lời lẽ mà ông đã viết: Nay, tôi gửi bức thư của tôi cho Pha Hô Ran, ở thành phố Gia Ra Hem La, là vị trưởng phán quan, và là quan cai trị toàn xứ, và đồng thời cũng gửi đến các vị đã được dân này chọn lựa để cai quản và quản trị các công việc trong cuộc chiến này.
- 2 Và này, tôi có một vài điều cần phải nói với họ để lên án họ; vì này, chính các người cũng tự biết rằng, các người đã được chỉ định để triệu tập quân lính, và trang bị cho họ gươm, đao cùng đủ các loại vũ khí chiến tranh khác để gửi họ đi đương cự với dân La Man ở bất cứ nơi nào có chúng xâm nhập xứ sở chúng ta.
- 3 Và giờ đây này, tôi nói cho các người hay rằng, chính bản thân tôi và quân lính của tôi cùng Hê La Man và quân lính của anh ta đã trải qua biết bao gian khổ lớn lao; phải, chúng tôi đã chịu sự đói khát, mệt nhọc, và khốn khổ mọi bề.
- 4 Nhưng này, nếu chúng tôi chỉ chịu đựng có bấy nhiêu thôi thì chúng tôi cũng không ta than hay than phiền làm gì.
- 5 Nhưng này, dân ta bị tàn sát khủng khiếp làm sao; phải, hàng ngàn người đã ngã gục dưới gươm đao, trong lúc, lẽ ra họ không phải chết như vậy, nếu các người tăng cường cho các đạo quân của chúng tôi và cứu trợ họ. Phải, sự thờ ơ của các người đối với chúng tôi thật quá lớn lao.
- 6 Và, giờ đây này, chúng tôi muốn biết lý do của sự thờ ơ lớn lao này; phải, chúng tôi muốn biết lý do của thái độ vô tâm của các người.
- 7 Các người lẽ nào lại nghĩ rằng mình vẫn được an tọa trên ngôi vị của mình với một thái độ vô tâm kỳ dị như vậy trong lúc kẻ thù của các người đang gieo rắc công việc chết chóc chung quanh các người? Phải, trong lúc chúng tàn sát hàng ngàn đồng bào của các người—

## Alma 60

And it came to pass that he wrote again to the governor of the land, who was Pahoran, and these are the words which he wrote, saying: Behold, I direct mine epistle to Pahoran, in the city of Zarahemla, who is the chief judge and the governor over the land, and also to all those who have been chosen by this people to govern and manage the affairs of this war.

For behold, I have somewhat to say unto them by the way of condemnation; for behold, ye yourselves know that ye have been appointed to gather together men, and arm them with swords, and with cimeters, and all manner of weapons of war of every kind, and send forth against the Lamanites, in whatsoever parts they should come into our land.

And now behold, I say unto you that myself, and also my men, and also Helaman and his men, have suffered exceedingly great sufferings; yea, even hunger, thirst, and fatigue, and all manner of afflictions of every kind.

But behold, were this all we had suffered we would not murmur nor complain.

But behold, great has been the slaughter among our people; yea, thousands have fallen by the sword, while it might have otherwise been if ye had rendered unto our armies sufficient strength and succor for them. Yea, great has been your neglect towards us.

And now behold, we desire to know the cause of this exceedingly great neglect; yea, we desire to know the cause of your thoughtless state.

Can you think to sit upon your thrones in a state of thoughtless stupor, while your enemies are spreading the work of death around you? Yea, while they are murdering thousands of your brethren—



- 8 Phải, trong lúc họ đã hưởng về các người để tìm sự che chở, phải, họ đã tôn các người lên một ngôi vị để các người có thể cứu giúp họ, phải, để các người có thể gửi các đạo quân đến họ, để tăng cường cho họ và cứu nguy cho hàng ngàn người của họ khỏi phải ngã gục dưới gươm đao.
- 9 Nhưng này, như vậy chưa phải là hết—các người còn giữ lại lương thực không chịu gửi tới cho họ, trong lúc nhiều người chiến đấu và đổ máu đến mạng sống của họ ra vì ước nguyện lớn lao của họ là được thấy sự an lạc của dân này; phải, và họ đã thực hiện điều này trong lúc họ gần chết vì đói, nguyên do bởi sự thờ ơ quá sức của các người đối với họ.
- 10 Và giờ đây, hỡi các anh em yêu mến—vì các anh em cần phải được yêu mến; phải, các anh em cần phải tự thúc đẩy mình một cách cần mẫn hơn cho sự an lạc và nền tự do của dân này; nhưng này, các anh em đã quá thờ ơ đến nỗi máu của hàng ngàn người sẽ đổ trên đầu các anh em để đòi báo oán; phải, vì tiếng gào thét và những nỗi đau khổ của họ đã được Thượng Đế biết tới—
- 11 Này, các người có nghĩ rằng, các người có thể ngồi yên trên ngôi vị của mình, và vì lòng nhân từ vô biên của Thượng Đế, các người có thể không phải làm gì mà Ngài vẫn giải thoát cho các người chẳng? Này, nếu các người nghĩ vậy thì các người đã nghĩ một cách vô ích.
- 12 Các người có cho rằng, sở dĩ có quá nhiều đồng bào bị giết là vì họ đã tà ác chẳng? Tôi nói cho các người hay, nếu các người nghĩ vậy thì các người đã nghĩ một cách vô ích; vì tôi nói cho các người hay, có nhiều người đã ngã gục dưới gươm đao; và này, các người sẽ bị kết tội về việc đó;
- 13 Vì Chúa chịu để cho những người ngay chính bị giết chết ngõ hầu công lý và sự đoán phạt của Ngài có thể giáng xuống những kẻ tà ác; vậy nên, các người chớ cho rằng, những người ngay chính bị loại bỏ bởi vì họ bị giết chết; nhưng này, chính họ được bước vào chốn an nghỉ của Chúa, Thượng Đế của họ.

Yea, even they who have looked up to you for protection, yea, have placed you in a situation that ye might have succored them, yea, ye might have sent armies unto them, to have strengthened them, and have saved thousands of them from falling by the sword.

But behold, this is not all—ye have withheld your provisions from them, insomuch that many have fought and bled out their lives because of their great desires which they had for the welfare of this people; yea, and this they have done when they were about to perish with hunger, because of your exceedingly great neglect towards them.

And now, my beloved brethren—for ye ought to be beloved; yea, and ye ought to have stirred yourselves more diligently for the welfare and the freedom of this people; but behold, ye have neglected them insomuch that the blood of thousands shall come upon your heads for vengeance; yea, for known unto God were all their cries, and all their sufferings—

Behold, could ye suppose that ye could sit upon your thrones, and because of the exceeding goodness of God ye could do nothing and he would deliver you? Behold, if ye have supposed this ye have supposed in vain.

Do ye suppose that, because so many of your brethren have been killed it is because of their wickedness? I say unto you, if ye have supposed this ye have supposed in vain; for I say unto you, there are many who have fallen by the sword; and behold it is to your condemnation;

For the Lord suffereth the righteous to be slain that his justice and judgment may come upon the wicked; therefore ye need not suppose that the righteous are lost because they are slain; but behold, they do enter into the rest of the Lord their God.

- 14 Và giờ đây này, tôi nói cho các người hay, tôi hết sức lo sợ sự đoán phạt của Thượng Đế sẽ giáng xuống dân này, vì sự quá biếng nhác của họ, phải, sự quá biếng nhác của chính quyền chúng ta, và sự thờ ơ quá sức của họ đối với đồng bào của họ, phải, đối với những người đã bị giết chết.
- 15 Vì nếu không có sự tà ác khởi đầu từ giới lãnh đạo của chúng ta, thì chúng ta đã đương đầu được với kẻ thù, khiến chúng không thể thắng chúng ta được.
- 16 Phải, nếu không có cuộc chiến xảy ra giữa chúng ta; phải, nếu không có những phần tử bảo hoàng, là những kẻ đã làm đổ máu nhiều ở giữa chúng ta; phải, vào lúc chúng ta tranh chiến lẫn nhau, nếu chúng ta biết đoàn kết sức mạnh của chúng ta, như trước kia chúng ta đã làm; phải, nếu không có tham vọng của những người bảo hoàng muốn có uy quyền và quyền hành đối với chúng ta; nếu những kẻ ấy trung thành với chính nghĩa tự do của chúng ta mà đoàn kết với chúng ta, và chống lại kẻ thù của chúng ta, thay vì cầm gươm đánh lại chúng ta, đó là nguyên nhân của biết bao cuộc đổ máu giữa chúng ta; phải, nếu chúng ta đã tiến đánh kẻ thù trong sức mạnh của Chúa, thì chúng ta đã đánh tan được kẻ thù của mình, vì điều này được thực hiện dựa trên sự ứng nghiệm lời của Ngài.
- 17 Nhưng này, giờ đây dân La Man đang tấn công chúng ta, chúng đã chiếm cứ đất đai của chúng ta và dùng gươm sát hại dân của chúng ta, phải, đàn bà và trẻ con của chúng ta, và còn bắt họ đem đi tù đầy, khiến họ phải chịu đủ mọi thứ khốn khổ, và điều này đã xảy ra cũng vì sự tà ác của những kẻ muốn tìm kiếm uy quyền và quyền hành, phải, chính đó là những người bảo hoàng.
- 18 Nhưng tại sao tôi phải nói nhiều về vấn đề này như vậy? Vì chúng tôi không biết có phải chính các người cũng đang tìm kiếm uy quyền hay không. Chúng tôi không biết có phải các người cũng là những người phản bội tổ quốc hay không.

And now behold, I say unto you, I fear exceedingly that the judgments of God will come upon this people, because of their exceeding slothfulness, yea, even the slothfulness of our government, and their exceedingly great neglect towards their brethren, yea, towards those who have been slain.

For were it not for the wickedness which first commenced at our head, we could have withstood our enemies that they could have gained no power over us.

Yea, had it not been for the war which broke out among ourselves; yea, were it not for these king-men, who caused so much bloodshed among ourselves; yea, at the time we were contending among ourselves, if we had united our strength as we hitherto have done; yea, had it not been for the desire of power and authority which those king-men had over us; had they been true to the cause of our freedom, and united with us, and gone forth against our enemies, instead of taking up their swords against us, which was the cause of so much bloodshed among ourselves; yea, if we had gone forth against them in the strength of the Lord, we should have dispersed our enemies, for it would have been done, according to the fulfilling of his word.

But behold, now the Lamanites are coming upon us, taking possession of our lands, and they are murdering our people with the sword, yea, our women and our children, and also carrying them away captive, causing them that they should suffer all manner of afflictions, and this because of the great wickedness of those who are seeking for power and authority, yea, even those king-men.

But why should I say much concerning this matter? For we know not but what ye yourselves are seeking for authority. We know not but what ye are also traitors to your country.

19 Hay là vì các người đang sống tại trung tâm xứ sở của chúng ta, và các người được bao quanh bởi sự an toàn, nên các người đã hờ hững với chúng tôi, các người không gửi lương thực đến tiếp tế cho chúng tôi, và phái quân lính đến tăng cường cho các đạo quân của chúng tôi?

20 Phải chăng các người đã quên những lệnh truyền của Chúa, Thượng Đế của các người? Phải, các người đã quên sự tù đày của tổ phụ chúng ta rồi chăng? Phải chăng các người đã quên rằng chúng ta đã nhiều lần được giải thoát khỏi bàn tay kẻ thù?

21 Hay phải chăng các người cho rằng, Chúa sẽ giải thoát chúng ta dù chúng ta vẫn an tọa trên ngôi vị và không tận dụng những phương tiện mà Chúa đã ban cho chúng ta?

22 Phải, có thể nào các người vẫn được ngồi trong sự nhàn hạ và được bao quanh bởi hàng ngàn kẻ, phải, hàng vạn kẻ được ngồi trong sự nhàn hạ như các người, trong lúc có hàng ngàn người khác ở biên thù của xứ sở đang bị ngã gục dưới lưỡi gươm, phải, đang bị thương và đổ máu?

23 Các người có cho rằng, Thượng Đế sẽ xem các người là những kẻ vô tội trong khi các người vẫn ngồi yên mà nhìn những việc đó xảy ra không? Nay, tôi nói cho các người hay, không. Giờ đây tôi mong các người hãy nhớ là Thượng Đế đã phán rằng mặt trong của bình phải được tẩy sạch trước, và rồi mặt ngoài của bình cũng phải được tẩy sạch.

24 Và giờ đây, trừ phi các người hối cải những điều mình đã làm, và bắt đầu đứng lên và hành động, và gửi lương thực cùng quân lính đến cho chúng tôi và Hê La Man, để cho anh ta có thể bảo vệ những phần đất của xứ sở chúng ta mà anh ta đã tái chiếm được, và đồng thời để cho chúng tôi có thể khôi phục lại những phần đất còn lại thuộc quyền sở hữu của chúng ta trong những vùng này. Nay, điều cần thiết là chúng ta chớ nên tranh chiến với dân La Man nữa cho đến khi chúng ta tẩy sạch bên trong bình của chúng ta, phải, đó là thành phần đầu não trong chính quyền của chúng ta.

Or is it that ye have neglected us because ye are in the heart of our country and ye are surrounded by security, that ye do not cause food to be sent unto us, and also men to strengthen our armies?

Have ye forgotten the commandments of the Lord your God? Yea, have ye forgotten the captivity of our fathers? Have ye forgotten the many times we have been delivered out of the hands of our enemies?

Or do ye suppose that the Lord will still deliver us, while we sit upon our thrones and do not make use of the means which the Lord has provided for us?

Yea, will ye sit in idleness while ye are surrounded with thousands of those, yea, and tens of thousands, who do also sit in idleness, while there are thousands round about in the borders of the land who are falling by the sword, yea, wounded and bleeding?

Do ye suppose that God will look upon you as guiltless while ye sit still and behold these things? Behold I say unto you, Nay. Now I would that ye should remember that God has said that the inward vessel shall be cleansed first, and then shall the outer vessel be cleansed also.

And now, except ye do repent of that which ye have done, and begin to be up and doing, and send forth food and men unto us, and also unto Helaman, that he may support those parts of our country which he has regained, and that we may also recover the remainder of our possessions in these parts, behold it will be expedient that we contend no more with the Lamanites until we have first cleansed our inward vessel, yea, even the great head of our government.

25 Và trừ phi các người chấp thuận những điều yêu cầu trong bức thư của tôi, và bước ra cho tôi thấy là các người thực sự có tinh thần tự do và cố gắng củng cố và tăng cường các đạo quân của chúng tôi, và gửi lương thực để nuôi dưỡng họ, này, tôi sẽ để lại một phần những người dân tự do của tôi để bảo vệ vùng này, và tôi sẽ để lại sức mạnh cùng phước lành của Thượng Đế cho họ, khiến chẳng có một quyền năng nào có thể tác động chống lại họ được—

26 Và sở dĩ được vậy là nhờ đức tin vững chắc của họ và lòng kiên nhẫn của họ trong những nỗi gian truân của họ—

27 Và tôi sẽ đến với các người, và nếu có ai trong số các người muốn có tự do, phải, dù chỉ là một chút sự tự do còn sót lại, này, tôi sẽ khuấy động sự nổi loạn trong đám các người, cho đến khi nào những kẻ mong muốn chiếm đoạt uy quyền và quyền hành sẽ bị tận diệt.

28 Phải, này, tôi không sợ uy quyền và quyền hành của các người, mà chỉ có Thượng Đế của tôi là Đáng tôi mới kính sợ; và chính do các lệnh truyền của Ngài mà tôi cầm gươm lên để bảo vệ chính nghĩa tổ quốc, và cũng vì sự bất chính của các người mới khiến chúng tôi phải chịu nhiều tổn thất như vậy.

29 Này đã tới lúc, phải, lúc ấy đã gần kề, nếu các người không vùng lên bảo vệ tổ quốc và con cháu mình, thì gươm công lý sẽ treo trên đầu các người; phải, nó sẽ rơi xuống trên các người và viếng phạt các người cho đến khi các người phải bị hủy diệt hoàn toàn.

30 Này, tôi chờ sự tiếp viện của các người đây; và nếu các người không cứu giúp chúng tôi, này, tôi sẽ đến với các người ngay tại xứ Gia Ra Hem La, và sẽ dùng gươm đánh các người cho đến chừng nào các người không còn quyền lực gì nữa để cản trở đà tiến triển của dân này trong chính nghĩa tự do của chúng ta.

31 Vì này, Chúa sẽ không chịu để cho các người được sống còn và lớn mạnh trong sự bất chính của mình để hủy diệt dân ngay chính của Ngài.

And except ye grant mine epistle, and come out and show unto me a true spirit of freedom, and strive to strengthen and fortify our armies, and grant unto them food for their support, behold I will leave a part of my freemen to maintain this part of our land, and I will leave the strength and the blessings of God upon them, that none other power can operate against them—

And this because of their exceeding faith, and their patience in their tribulations—

And I will come unto you, and if there be any among you that has a desire for freedom, yea, if there be even a spark of freedom remaining, behold I will stir up insurrections among you, even until those who have desires to usurp power and authority shall become extinct.

Yea, behold I do not fear your power nor your authority, but it is my God whom I fear; and it is according to his commandments that I do take my sword to defend the cause of my country, and it is because of your iniquity that we have suffered so much loss.

Behold it is time, yea, the time is now at hand, that except ye do bestir yourselves in the defence of your country and your little ones, the sword of justice doth hang over you; yea, and it shall fall upon you and visit you even to your utter destruction.

Behold, I wait for assistance from you; and, except ye do administer unto our relief, behold, I come unto you, even in the land of Zarahemla, and smite you with the sword, insomuch that ye can have no more power to impede the progress of this people in the cause of our freedom.

For behold, the Lord will not suffer that ye shall live and wax strong in your iniquities to destroy his righteous people.

32      Này, phải chăng các người có thể cho rằng, Chúa sẽ tha các người và sẽ đứng ra đoán phạt dân La Man, trong khi chỉ vì truyền thống của tổ phụ chúng nên chúng mới có lòng thù hận, phải, và lòng thù hận này đã tăng lên gấp đôi bởi những kẻ ly khai khỏi chúng ta, trong lúc sự bất chính của các người là do lòng yêu thích danh vọng và những điều phù phiếm của thế gian?

33      Các người biết là các người đã vi phạm các luật pháp của Thượng Đế, và các người biết là các người đã chà đạp những luật pháp đó dưới chân mình. Này, Chúa có phán với tôi rằng: Nếu những kẻ được các người chỉ định lên làm người cai trị mình mà không hối cải những tội lỗi và những điều bất chính của chúng, thì các người hãy nổi lên đánh chúng.

34      Và giờ đây này, tôi, Mô Rô Ni, theo những giao ước mà tôi đã lập, bắt buộc phải tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế của tôi; vì thế tôi mong các người hãy tuân theo lời của Thượng Đế, và cấp tốc gửi lương thực cùng quân lính đến cho tôi và Hê La Man.

35      Và này, nếu các người không làm như vậy thì tôi sẽ đến với các người tức khắc; vì kìa, Thượng Đế sẽ không để cho chúng tôi phải chết đói; vậy nên, Ngài sẽ ban phần lương thực của các người cho chúng tôi, dù có phải dùng đến lưỡi gươm. Giờ đây, các người hãy để tâm làm tròn lời của Thượng Đế.

36      Này, tôi là Mô Rô Ni, tổng lãnh binh của các người, tôi không tìm kiếm uy quyền, mà chỉ tìm cách kéo nó xuống. Tôi không tìm kiếm danh vọng của thế gian, mà chỉ tìm kiếm sự vinh quang của Thượng Đế tôi và sự tự do và an lạc cho tổ quốc tôi. Và tôi xin chấm dứt bức thư của tôi như vậy.

Behold, can you suppose that the Lord will spare you and come out in judgment against the Lamanites, when it is the tradition of their fathers that has caused their hatred, yea, and it has been redoubled by those who have dissented from us, while your iniquity is for the cause of your love of glory and the vain things of the world?

Ye know that ye do transgress the laws of God, and ye do know that ye do trample them under your feet. Behold, the Lord saith unto me: If those whom ye have appointed your governors do not repent of their sins and iniquities, ye shall go up to battle against them.

And now behold, I, Moroni, am constrained, according to the covenant which I have made to keep the commandments of my God; therefore I would that ye should adhere to the word of God, and send speedily unto me of your provisions and of your men, and also to Helaman.

And behold, if ye will not do this I come unto you speedily; for behold, God will not suffer that we should perish with hunger; therefore he will give unto us of your food, even if it must be by the sword. Now see that ye fulfil the word of God.

Behold, I am Moroni, your chief captain. I seek not for power, but to pull it down. I seek not for honor of the world, but for the glory of my God, and the freedom and welfare of my country. And thus I close mine epistle.

## An Ma 61

- 1 Nay, giờ đây chuyện rằng, chẳng bao lâu sau khi Mô Rô Ni gửi bức thư cho quan cai trị toàn xứ, ông nhận được bức thư phúc đáp của Pha Hô Ran, quan cai trị toàn xứ. Và sau đây là những lời ông nhận được:
- 2 Tôi, Pha Hô Ran, là quan cai trị toàn xứ này, xin gửi những lời này đến cùng Mô Rô Ni, vị tổng lãnh binh của quân đội. Nay, tôi nói cho anh hay, hỡi anh Mô Rô Ni, tôi không vui sướng trong những nỗi đau khổ lớn lao của anh, phải, nó đã làm cho tâm hồn tôi phiền muộn.
- 3 Nhưng này, có những kẻ quả đã vui sướng trong những nỗi đau khổ của anh, phải, đến nỗi đã nổi loạn chống đối tôi và luôn cả những người tự do của tôi, phải, và những kẻ phản loạn đó thật là đông đảo.
- 4 Và chính những kẻ đã tìm cách truất phế tôi khỏi ghế xét xử đã gây ra sự bất chính lớn lao này; vì những kẻ ấy đã dùng sự phỉnh gạt lớn lao và dẫn dắt trái tim của biết bao nhiêu người đi lạc lối. Đó là nguyên nhân gây ra sự đau khổ sâu xa giữa chúng ta; những kẻ đó đã ngăn chặn lương thực của chúng ta và còn hăm dọa những người dân tự do của chúng ta làm họ không đến với anh được.
- 5 Và này, chúng đánh đuổi tôi đi, làm tôi phải chạy trốn đến xứ Ghê Ê Ôn với số quân lính mà tôi có thể quy tụ được.
- 6 Và này, tôi đã gửi một hịch truyền cho khắp miền lãnh thổ này; và này, họ đang quy tụ về với chúng tôi mỗi ngày một đông, để cầm khí giới bảo vệ tổ quốc và nền tự do của họ, và để trả thù cho những sự tổn hại của chúng tôi.
- 7 Và họ đã đến với chúng tôi đông đến nỗi những kẻ phản loạn chống chúng tôi phải ở vào tình thế bị thách đó, phải, đến nỗi chúng phải sợ chúng tôi và không dám xuất quân giao chiến với chúng tôi.

## Alma 61

Behold, now it came to pass that soon after Moroni had sent his epistle unto the chief governor, he received an epistle from Pahoran, the chief governor. And these are the words which he received:

I, Pahoran, who am the chief governor of this land, do send these words unto Moroni, the chief captain over the army. Behold, I say unto you, Moroni, that I do not joy in your great afflictions, yea, it grieves my soul.

But behold, there are those who do joy in your afflictions, yea, insomuch that they have risen up in rebellion against me, and also those of my people who are freemen, yea, and those who have risen up are exceedingly numerous.

And it is those who have sought to take away the judgment-seat from me that have been the cause of this great iniquity; for they have used great flattery, and they have led away the hearts of many people, which will be the cause of sore affliction among us; they have withheld our provisions, and have daunted our freemen that they have not come unto you.

And behold, they have driven me out before them, and I have fled to the land of Gideon, with as many men as it were possible that I could get.

And behold, I have sent a proclamation throughout this part of the land; and behold, they are flocking to us daily, to their arms, in the defence of their country and their freedom, and to avenge our wrongs.

And they have come unto us, insomuch that those who have risen up in rebellion against us are set at defiance, yea, insomuch that they do fear us and durst not come out against us to battle.

- 8 Chúng đã chiếm được vùng đất ấy, tức là thành phố Gia Ra Hem La; chúng đã lập một người lên làm vua cai trị chúng, và người này đã viết một bức thư cho vua dân La Man xin được liên kết với vua này; trong sự liên kết đó, hấn thỏa thuận duy trì thành phố Gia Ra Hem La, vì nghĩ rằng, nếu hấn duy trì được thành phố Gia Ra Hem La thì dân La Man sẽ dễ dàng thôn tính những phần đất còn lại trong nước, và hấn sẽ được tôn làm vua cai trị dân này, khi họ bị chinh phục dưới quyền dân La Man.
- 9 Và giờ đây, trong bức thư của anh, anh đã chỉ trích tôi, nhưng việc đó không quan hệ gì; tôi không tức giận, trái lại tôi rất sung sướng về lòng cao thượng của tâm hồn anh. Tôi, Pha Hô Ran, không tìm kiếm quyền hành, mà chỉ muốn giữ ghế xét xử của tôi để tôi có thể bảo tồn quyền lợi và nền tự do của dân tôi. Tâm hồn tôi gắn chặt với nền tự do mà qua đó Thượng Đế đã làm cho chúng ta được tự do.
- 10 Và giờ đây, này, chúng ta quyết chống lại điều ác, dù phải đổ máu. Chúng ta sẽ không làm đổ máu dân La Man nếu chúng chịu ở yên trong xứ của chúng.
- 11 Chúng ta sẽ không làm đổ máu đồng bào của chúng ta nếu họ không nổi lên làm phản và cầm gươm chống lại chúng ta.
- 12 Chúng ta sẽ tự đặt mình dưới ách nô lệ nếu công lý của Thượng Đế đòi hỏi như vậy, hay nếu Ngài truyền lệnh cho chúng ta phải làm như vậy.
- 13 Nhưng này, Ngài đâu có truyền lệnh cho chúng ta phải tự đặt mình lệ thuộc vào kẻ thù chúng ta, mà chúng ta phải đặt lòng tin cậy vào Ngài, và Ngài sẽ giải thoát chúng ta.
- 14 Vậy nên, hỡi anh Mô Rô Ni yêu mến, chúng ta hãy chống lại sự tà ác, và nếu có sự tà ác nào chúng ta không thể chống lại được bằng lời nói của chúng ta, phải, chẳng hạn như những sự phản loạn và ly khai, thì chúng ta hãy chống lại bằng gươm của chúng ta, ngõ hầu chúng ta có thể duy trì nền tự do của mình, để chúng ta có thể vui sướng trong đặc quyền lớn lao của giáo hội, cùng trong chính nghĩa của Đấng Cứu Chuộc và Thượng Đế của chúng ta.

They have got possession of the land, or the city, of Zarahemla; they have appointed a king over them, and he hath written unto the king of the Lamanites, in the which he hath joined an alliance with him; in the which alliance he hath agreed to maintain the city of Zarahemla, which maintenance he supposeth will enable the Lamanites to conquer the remainder of the land, and he shall be placed king over this people when they shall be conquered under the Lamanites.

And now, in your epistle you have censured me, but it mattereth not; I am not angry, but do rejoice in the greatness of your heart. I, Pahoran, do not seek for power, save only to retain my judgment-seat that I may preserve the rights and the liberty of my people. My soul standeth fast in that liberty in the which God hath made us free.

And now, behold, we will resist wickedness even unto bloodshed. We would not shed the blood of the Lamanites if they would stay in their own land.

We would not shed the blood of our brethren if they would not rise up in rebellion and take the sword against us.

We would subject ourselves to the yoke of bondage if it were requisite with the justice of God, or if he should command us so to do.

But behold he doth not command us that we shall subject ourselves to our enemies, but that we should put our trust in him, and he will deliver us.

Therefore, my beloved brother, Moroni, let us resist evil, and whatsoever evil we cannot resist with our words, yea, such as rebellions and dissensions, let us resist them with our swords, that we may retain our freedom, that we may rejoice in the great privilege of our church, and in the cause of our Redeemer and our God.

- 15 Vậy nên, hãy cấp tốc mang một ít quân đến với tôi, và để số còn lại cho Lê Hi và Tê An Cum phụ trách; anh hãy giao cho họ quyền hành điều khiển trận chiến trong vùng lãnh thổ đó, theo Thánh Linh của Thượng Đế và cũng là tinh thần tự do hằng có trong họ.
- 16 Nay, tôi đã gửi tới cho họ một ít lương thực để họ khỏi chết cho đến khi anh có thể tới với tôi.
- 17 Hãy quy tụ tất cả những lực lượng nào mà anh có thể quy tụ được trên đường tiến quân của anh đến đây, rồi chúng ta sẽ cấp tốc tấn công những kẻ ly khai, trong sức mạnh của Thượng Đế của chúng ta theo đức tin hằng có trong chúng ta.
- 18 Và chúng ta sẽ chiếm cứ thành phố Gia Ra Hem La, để chúng ta có thể có được nhiều lương thực hơn gửi tới cho Lê Hi và Tê An Cum; phải, chúng ta sẽ tiến đánh chúng trong sức mạnh của Chúa, và chúng ta sẽ chấm dứt sự bất chính lớn lao này.
- 19 Và giờ đây, hỡi anh Mô Rô Ni, tôi rất vui mừng nhận được bức thư anh, vì tôi đã lo lắng không hiểu chúng tôi nên làm gì, không hiểu đó là điều chính đáng cho chúng tôi nên tiến đánh các anh em chúng ta không.
- 20 Nhưng như anh đã nói, nếu họ không hối cải thì Chúa đã truyền lệnh cho anh là anh sẽ phải đến đánh họ.
- 21 Anh hãy chú tâm làm vững mạnh cho Lê Hi và Tê An Cum trong Chúa; bảo họ chớ sợ hãi vì Thượng Đế sẽ giải thoát họ, phải, và tất cả những ai đứng vững chắc trong nền tự do mà qua đó Thượng Đế đã làm cho họ được tự do. Và giờ đây tôi xin kết thúc bức thư của tôi gửi đến anh Mô Rô Ni yêu mến của tôi.

Therefore, come unto me speedily with a few of your men, and leave the remainder in the charge of Lehi and Teancum; give unto them power to conduct the war in that part of the land, according to the Spirit of God, which is also the spirit of freedom which is in them.

Behold I have sent a few provisions unto them, that they may not perish until ye can come unto me.

Gather together whatsoever force ye can upon your march hither, and we will go speedily against those dissenters, in the strength of our God according to the faith which is in us.

And we will take possession of the city of Zarahemla, that we may obtain more food to send forth unto Lehi and Teancum; yea, we will go forth against them in the strength of the Lord, and we will put an end to this great iniquity.

And now, Moroni, I do joy in receiving your epistle, for I was somewhat worried concerning what we should do, whether it should be just in us to go against our brethren.

But ye have said, except they repent the Lord hath commanded you that ye should go against them.

See that ye strengthen Lehi and Teancum in the Lord; tell them to fear not, for God will deliver them, yea, and also all those who stand fast in that liberty wherewith God hath made them free. And now I close mine epistle to my beloved brother, Moroni.



## An Ma 62

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, khi Mô Rô Ni nhận được bức thư ấy, lòng ông cảm thấy can đảm và tràn ngập nỗi vui mừng lớn lao vì sự trung thành của Pha Hô Ran, vì ông ta không phải là một kẻ phản bội nền tự do và chính nghĩa của tổ quốc mình.
- 2 Nhưng ông cũng lấy làm phiền muộn vô cùng vì sự bất chính của những kẻ đã đánh đuổi Pha Hô Ran ra khỏi ghế xét xử; phải, nói tóm lại, vì những kẻ đã nổi lên chống lại tổ quốc họ và còn chống luôn cả Thượng Đế của họ nữa.
- 3 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni dẫn một số ít quân, theo ý muốn của Pha Hô Ran, và trao quyền chỉ huy phần quân đội của ông còn lại cho Lê Hi và Tê An Cum, rồi lên đường tiến quân về xứ Ghê Đê Ôn.
- 4 Và ông đã thượng cờ tự do tại bất cứ nơi nào ông đi qua, và thu nạp bất cứ lực lượng nào ông có thể thu nạp được suốt dọc đường tiến quân của ông về xứ Ghê Đê Ôn.
- 5 Và chuyện rằng, có hàng ngàn người đến quy tụ từng đoàn dưới cờ của ông, và họ đã cầm gươm lên bảo vệ nền tự do của họ để họ khỏi bị rơi vào vòng nô lệ.
- 6 Và cứ thế, sau khi Mô Rô Ni đã quy tụ được bất cứ những người nào mà ông có thể quy tụ được trên đường tiến quân của ông, ông đã đến xứ Ghê Đê Ôn; rồi ông cho lực lượng của mình sáp nhập vào lực lượng của Pha Hô Ran, để họ trở thành một lực lượng hết sức hùng mạnh, ngay cả mạnh hơn quân lính của Pha Chu, là vua của những người ly khai, tức là những người đã đánh đuổi những người tự do ra khỏi xứ Gia Ra Hem La và đã chiếm lấy đất ấy.
- 7 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni và Pha Hô Ran dẫn quân của mình đi xuống xứ Gia Ra Hem La và tiến đánh thành phố ấy. Họ đã đặng độ quân của Pha Chu, và họ bắt đầu giao chiến.
- 8 Và này, Pha Chu bị giết chết, còn quân lính của hắn thì bị bắt cầm tù, và Pha Hô Ran được phục hồi ghế xét xử của mình.

## Alma 62

And now it came to pass that when Moroni had received this epistle his heart did take courage, and was filled with exceedingly great joy because of the faithfulness of Pahoran, that he was not also a traitor to the freedom and cause of his country.

But he did also mourn exceedingly because of the iniquity of those who had driven Pahoran from the judgment-seat, yea, in fine because of those who had rebelled against their country and also their God.

And it came to pass that Moroni took a small number of men, according to the desire of Pahoran, and gave Lehi and Teancum command over the remainder of his army, and took his march towards the land of Gideon.

And he did raise the standard of liberty in whatsoever place he did enter, and gained whatsoever force he could in all his march towards the land of Gideon.

And it came to pass that thousands did flock unto his standard, and did take up their swords in the defence of their freedom, that they might not come into bondage.

And thus, when Moroni had gathered together whatsoever men he could in all his march, he came to the land of Gideon; and uniting his forces with those of Pahoran they became exceedingly strong, even stronger than the men of Pachus, who was the king of those dissenters who had driven the freemen out of the land of Zarahemla and had taken possession of the land.

And it came to pass that Moroni and Pahoran went down with their armies into the land of Zarahemla, and went forth against the city, and did meet the men of Pachus, insomuch that they did come to battle.

And behold, Pachus was slain and his men were taken prisoners, and Pahoran was restored to his judgment-seat.

- 9 Và các quân lính của Pha Chu đều bị đem ra xét xử theo luật pháp, và luôn cả những người bảo hoàng cũng bị bắt và bị giam vào ngục thất; và họ bị hành hình theo luật pháp, phải, những quân lính nào của Pha Chu và những người bảo hoàng nào không chịu cầm khí giới bảo vệ xứ sở mình, mà lại còn chống lại đất nước, đều bị xử tử.
- 10 Và như vậy điều cần thiết là luật pháp này cần phải được triệt để tuân hành để giữ gìn an ninh cho quốc gia họ; phải, và bất cứ kẻ nào bị tìm thấy chối bỏ nền tự do đều bị đem ra hành hình tức khắc theo luật pháp.
- 11 Và như vậy là chấm dứt năm thứ ba mươi dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi; Mô Rô Ni và Pha Hô Ran đã khôi phục lại thái bình cho xứ Gia Ra Hem La, ở giữa dân của họ, sau khi đã bắt tử hình những kẻ nào không trung thành với chính nghĩa tự do.
- 12 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ ba mươi một dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, Mô Rô Ni ra lệnh cấp tốc gửi lương thực và một đạo quân sáu ngàn người đến cho Hê La Man, để giúp ông ta trong việc bảo vệ phần lãnh thổ ấy.
- 13 Và ông còn phái một đạo quân sáu ngàn người khác, với một số lương thực đầy đủ gửi đến cho quân đội của Lê Hi và Tê An Cum. Và chuyện rằng, công việc này đã được thi hành để tăng cường cho xứ sở chống lại dân La Man.
- 14 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni và Pha Hô Ran, sau khi để lại một đạo quân đông đảo ở xứ Gia Ra Hem La, đã dẫn một đạo quân đông đảo khác tiến đến xứ Nê Phi Ha, với quyết tâm đánh đuổi dân La Man ra khỏi thành phố ấy.
- 15 Và chuyện rằng, trong khi họ đang tiến quân về phía xứ ấy, họ bắt được một đạo quân đông đảo của dân La Man, họ giết chết nhiều người trong bọn chúng và tịch thu lương thực cùng vũ khí chiến tranh của chúng.
- 16 Và chuyện rằng, sau khi họ bắt được chúng, họ buộc chúng phải giao ước là chúng sẽ không cầm vũ khí chiến tranh đánh lại dân Nê Phi nữa.

And the men of Pachus received their trial, according to the law, and also those king-men who had been taken and cast into prison; and they were executed according to the law; yea, those men of Pachus and those king-men, whosoever would not take up arms in the defence of their country, but would fight against it, were put to death.

And thus it became expedient that this law should be strictly observed for the safety of their country; yea, and whosoever was found denying their freedom was speedily executed according to the law.

And thus ended the thirtieth year of the reign of the judges over the people of Nephi; Moroni and Pahoran having restored peace to the land of Zarahemla, among their own people, having inflicted death upon all those who were not true to the cause of freedom.

And it came to pass in the commencement of the thirty and first year of the reign of the judges over the people of Nephi, Moroni immediately caused that provisions should be sent, and also an army of six thousand men should be sent unto Helaman, to assist him in preserving that part of the land.

And he also caused that an army of six thousand men, with a sufficient quantity of food, should be sent to the armies of Lehi and Teancum. And it came to pass that this was done to fortify the land against the Lamanites.

And it came to pass that Moroni and Pahoran, leaving a large body of men in the land of Zarahemla, took their march with a large body of men towards the land of Nephihah, being determined to overthrow the Lamanites in that city.

And it came to pass that as they were marching towards the land, they took a large body of men of the Lamanites, and slew many of them, and took their provisions and their weapons of war.

And it came to pass after they had taken them, they caused them to enter into a covenant that they would no more take up their weapons of war against the Nephites.

- 17 Và sau khi chúng giao ước xong, họ gửi chúng đến sống chung với dân Am Môn, và con số bọn chúng không bị giết chết vào khoảng bốn ngàn người.
- 18 Và chuyện rằng, sau khi gửi chúng đi rồi, họ bèn tiếp tục tiến quân về phía xứ Nê Phi Ha. Và chuyện rằng khi đến thành phố Nê Phi Ha, họ dựng lều trong cánh đồng Nê Phi Ha, gần thành phố Nê Phi Ha.
- 19 Giờ đây Mô Rô Ni muốn dân La Man ra giao chiến với họ trên cánh đồng này; nhưng dân La Man, vì biết rõ tính can đảm vô cùng của họ, cùng trông thấy số quân đông đảo của họ, nên chúng không dám xông ra đánh họ; vậy nên chúng không ra giao chiến ngày hôm đó.
- 20 Và khi đêm đến, Mô Rô Ni đi trong bóng đêm, và leo lên nóc tường thành để thám thính xem dân La Man đóng quân tại phía nào trong thành.
- 21 Và chuyện rằng, ông thấy chúng đóng ở phía đông, gần bên lối ra vào, và cả bọn đều đang ngủ. Và bây giờ Mô Rô Ni trở về với quân của ông và ra lệnh cho họ phải cấp tốc chuẩn bị dây thừng lớn và thang leo để thả xuống từ trên nóc tường thành vào phần bên trong của bức tường thành.
- 22 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cho quân lính của mình tiến đến và leo lên nóc tường thành, rồi leo xuống vào bên trong chỗ đó của thành phố, phải, về phía tây, nơi không có dân La Man đóng quân.
- 23 Và chuyện rằng, tất cả bọn họ đều leo xuống được vào bên trong thành phố lúc ban đêm nhờ dây thừng lớn và thang; vậy đến sáng hôm sau, tất cả bọn họ đều đã ở bên trong bờ tường của thành phố.
- 24 Và giờ đây, khi dân La Man thức dậy, trông thấy quân của Mô Rô Ni đã ở bên trong tường thành rồi, chúng quá sức kinh hãi, đến nỗi phải chạy trốn bằng lối ra vào.

And when they had entered into this covenant they sent them to dwell with the people of Ammon, and they were in number about four thousand who had not been slain.

And it came to pass that when they had sent them away they pursued their march towards the land of Nephihah. And it came to pass that when they had come to the city of Nephihah, they did pitch their tents in the plains of Nephihah, which is near the city of Nephihah.

Now Moroni was desirous that the Lamanites should come out to battle against them, upon the plains; but the Lamanites, knowing of their exceedingly great courage, and beholding the greatness of their numbers, therefore they durst not come out against them; therefore they did not come to battle in that day.

And when the night came, Moroni went forth in the darkness of the night, and came upon the top of the wall to spy out in what part of the city the Lamanites did camp with their army.

And it came to pass that they were on the east, by the entrance; and they were all asleep. And now Moroni returned to his army, and caused that they should prepare in haste strong cords and ladders, to be let down from the top of the wall into the inner part of the wall.

And it came to pass that Moroni caused that his men should march forth and come upon the top of the wall, and let themselves down into that part of the city, yea, even on the west, where the Lamanites did not camp with their armies.

And it came to pass that they were all let down into the city by night, by the means of their strong cords and their ladders; thus when the morning came they were all within the walls of the city.

And now, when the Lamanites awoke and saw that the armies of Moroni were within the walls, they were affrighted exceedingly, insomuch that they did flee out by the pass.

25 Và giờ đây, khi Mô Rô Ni thấy chúng bỏ chạy trước mặt mình, ông liền ra lệnh cho quân ông phải đuổi theo chúng, và giết chết chúng rất nhiều, cùng bao vây một số khác, và bắt chúng làm tù binh; còn số quân còn lại của chúng thì chạy trốn về xứ Mô Rô Ni, nằm trong vùng ranh giới cạnh bờ biển.

26 Như vậy là Mô Rô Ni và Pha Hô Ran đã chiếm lại thành phố Nê Phi Ha mà không bị thiệt hại một người nào; và có rất nhiều dân La Man bị giết chết.

27 Giờ đây chuyện rằng, có nhiều tù binh La Man muốn gia nhập dân Am Môn và trở thành một dân tự do.

28 Và chuyện rằng, tất cả những ai mong muốn như vậy, đều được chấp thuận theo ý muốn của mình.

29 Vậy nên, tất cả những tù binh La Man đều được gia nhập dân Am Môn, và họ đã bắt đầu làm việc hết sức chăm chỉ, cày cuốc đất đai, gieo trồng đủ loại ngũ cốc, và chăn nuôi đủ thứ các đàn gia súc và các bầy thú; và nhờ thế mà dân Nê Phi đã cất được gánh nặng lớn lao; phải, đến nỗi họ không còn lo gì đến những tù binh La Man nữa.

30 Giờ đây chuyện rằng, sau khi Mô Rô Ni đã tái chiếm được thành phố Nê Phi Ha, sau khi ông đã bắt được nhiều tù binh khiến cho quân số La Man giảm sút rất nhiều, và sau khi đã giải thoát được nhiều dân Nê Phi bị bắt cầm tù, làm cho quân đội của Mô Rô Ni mạnh mẽ vô cùng, ông bèn tiến quân từ xứ Nê Phi Ha đến xứ Lê Hi.

31 Và chuyện rằng, khi dân La Man thấy Mô Rô Ni tiến đánh chúng, chúng lại khiếp sợ và đã bỏ chạy trước mặt quân của Mô Rô Ni.

32 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cùng quân của ông rượt đuổi theo chúng từ thành phố này qua thành phố khác cho đến khi chúng đụng độ Lê Hi và Tê An Cum; và dân La Man đã chạy khỏi Lê Hi và Tê An Cum, xuống tận vùng ranh giới cạnh bờ biển, cho đến khi chúng đến xứ Mô Rô Ni.

And now when Moroni saw that they were fleeing before him, he did cause that his men should march forth against them, and slew many, and surrounded many others, and took them prisoners; and the remainder of them fled into the land of Moroni, which was in the borders by the seashore.

Thus had Moroni and Pahoran obtained the possession of the city of Nephiah without the loss of one soul; and there were many of the Lamanites who were slain.

Now it came to pass that many of the Lamanites that were prisoners were desirous to join the people of Ammon and become a free people.

And it came to pass that as many as were desirous, unto them it was granted according to their desires.

Therefore, all the prisoners of the Lamanites did join the people of Ammon, and did begin to labor exceedingly, tilling the ground, raising all manner of grain, and flocks and herds of every kind; and thus were the Nephites relieved from a great burden; yea, insomuch that they were relieved from all the prisoners of the Lamanites.

Now it came to pass that Moroni, after he had obtained possession of the city of Nephiah, having taken many prisoners, which did reduce the armies of the Lamanites exceedingly, and having regained many of the Nephites who had been taken prisoners, which did strengthen the army of Moroni exceedingly; therefore Moroni went forth from the land of Nephiah to the land of Lehi.

And it came to pass that when the Lamanites saw that Moroni was coming against them, they were again frightened and fled before the army of Moroni.

And it came to pass that Moroni and his army did pursue them from city to city, until they were met by Lehi and Teancum; and the Lamanites fled from Lehi and Teancum, even down upon the borders by the seashore, until they came to the land of Moroni.

- 33 Và tất cả các đạo quân La Man đều quy tụ về đó, với kết quả là tất cả bọn chúng họp lại thành một khối tại xứ Mô Rô Ni. Giờ đây Am Mô Rôn, vua dân La Man, cũng có mặt với chúng.
- 34 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cùng Lê Hi và Tê An Cum đóng quân xung quanh trong vùng ranh giới xứ Mô Rô Ni, trong một tư thế khiến dân La Man bị bao vây ở phía vùng ranh giới cạnh vùng hoang dã hướng nam và ở phía vùng ranh giới cạnh vùng hoang dã hướng đông.
- 35 Và họ đã đóng quân như vậy cho đêm đó. Vì này, cả dân Nê Phi lẫn dân La Man đều mệt mỏi vì cuộc tiến quân quá xa xôi; vậy nên họ không dự định dùng một mưu lược nào vào lúc đêm tối, ngoại trừ Tê An Cum; vì ông rất tức giận Am Mô Rôn, nên ông cho rằng Am Mô Rôn và A Ma Lịch Gia, anh của hắn, là nguyên nhân đã gây ra cuộc chiến tranh lớn lao và lâu dài này giữa họ và dân La Man, một cuộc chiến đã gây ra biết bao nhiêu lần đánh nhau và đổ máu, phải, và biết bao nhiêu nạn đói.
- 36 Và chuyện rằng, trong cơn tức giận, Tê An Cum đã đi đến trại của dân La Man, và leo tường vào trong thành. Ông đi từ nơi này qua nơi khác với một sợi dây thừng. Sau cùng ông tìm thấy vua; rồi ông phóng một ngọn lao vào hắn, đâm thủng ngực hắn, cạnh trái tim. Nhưng này, trước khi chết, hắn đã kịp đánh thức tôi tớ của mình dậy, khiến chúng chạy đuổi theo Tê An Cum và giết chết ông.
- 37 Giờ đây chuyện rằng, khi Lê Hi và Mô Rô Ni nghe tin Tê An Cum đã chết, họ rất đổi buồn rầu; vì này, ông là người đã chiến đấu rất anh dũng để bảo vệ tổ quốc mình, phải, là một chiến hữu trung thành cho nền tự do; và ông đã từng chịu đựng biết bao khổ đau lớn lao. Nhưng này, ông đã chết, và đã đi vào con đường của mọi người trần thế.
- 38 Giờ đây chuyện rằng, đến sáng hôm sau, Mô Rô Ni tiến quân tấn công dân La Man, với kết quả là họ đã giết chúng trong một cuộc tàn sát vĩ đại; và họ đã đánh đuổi được chúng ra khỏi xứ; và chúng đã chạy trốn, đến nỗi chúng không còn dám trở lại đánh phá dân Nê Phi vào lúc đó nữa.

And the armies of the Lamanites were all gathered together, insomuch that they were all in one body in the land of Moroni. Now Ammoron, the king of the Lamanites, was also with them.

And it came to pass that Moroni and Lehi and Teancum did encamp with their armies round about in the borders of the land of Moroni, insomuch that the Lamanites were encircled about in the borders by the wilderness on the south, and in the borders by the wilderness on the east.

And thus they did encamp for the night. For behold, the Nephites and the Lamanites also were weary because of the greatness of the march; therefore they did not resolve upon any stratagem in the night-time, save it were Teancum; for he was exceedingly angry with Ammoron, insomuch that he considered that Ammoron, and Amalickiah his brother, had been the cause of this great and lasting war between them and the Lamanites, which had been the cause of so much war and bloodshed, yea, and so much famine.

And it came to pass that Teancum in his anger did go forth into the camp of the Lamanites, and did let himself down over the walls of the city. And he went forth with a cord, from place to place, insomuch that he did find the king; and he did cast a javelin at him, which did pierce him near the heart. But behold, the king did awaken his servants before he died, insomuch that they did pursue Teancum, and slew him.

Now it came to pass that when Lehi and Moroni knew that Teancum was dead they were exceedingly sorrowful; for behold, he had been a man who had fought valiantly for his country, yea, a true friend to liberty; and he had suffered very many exceedingly sore afflictions. But behold, he was dead, and had gone the way of all the earth.

Now it came to pass that Moroni marched forth on the morrow, and came upon the Lamanites, insomuch that they did slay them with a great slaughter; and they did drive them out of the land; and they did flee, even that they did not return at that time against the Nephites.

39 Và như vậy là chấm dứt năm thứ ba mươi một dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi; và như vậy là họ đã trải qua những cuộc chiến tranh, những cuộc đổ máu, nạn đói và thống khổ suốt nhiều năm.

40 Và đã có những vụ sát nhân, những sự tranh chấp, và ly khai cùng mọi điều bất chính xảy ra trong dân Nê Phi; tuy nhiên, nhờ những người ngay chính, phải, nhờ những lời cầu nguyện của người ngay chính, mà họ đã được tha mạng.

41 Nhưng này, vì thời gian quá lâu dài của trận chiến giữa dân Nê Phi và dân La Man nên có nhiều người đã trở nên chai đá, nhưng cũng có những người khác lại trở nên hiền dịu vì những nỗi thống khổ của họ, nên họ đã biết hạ mình trước mặt Thượng Đế, xuống tận đáy sâu của sự khiêm nhường.

42 Và chuyện rằng, sau khi Mô Rô Ni đã củng cố những phần lãnh thổ trống trải nhất đối với dân La Man, cho đến khi những nơi ấy trở nên thật kiên cố, ông bèn trở về thành phố Gia Ra Hem La; và Hê La Man cũng trở về nơi thừa hưởng của ông; và thái bình một lần nữa được tái lập giữa dân Nê Phi.

43 Và Mô Rô Ni nhường quyền chỉ huy quân đội cho con trai ông tên là Mô Rô Ni Ha; rồi ông lui về an nghỉ tại tư thất để ông có thể sống những ngày còn lại của đời ông trong sự bình an.

44 Và Pha Hô Ran đã trở lại ghé xét xử của ông; còn Hê La Man thì trở về với công việc truyền giảng lời của Thượng Đế cho dân chúng; vì sau bao cuộc chiến tranh và tranh chấp nay đã đến lúc cần phải tái lập luật lệ trong giáo hội.

45 Vậy nên, Hê La Man cùng các anh em của ông đã ra đi rao truyền lời của Thượng Đế một cách hết sức nhiệt thành để thuyết phục nhiều người biết về sự tà ác của họ, khiến họ hối cải tội lỗi của mình, và được báp têm trong Chúa, Thượng Đế của họ.

46 Và chuyện rằng, họ thiết lập lại giáo hội của Thượng Đế trên khắp xứ sở.

47 Phải, và những quy luật được lập ra có liên quan đến luật pháp. Và những vị phán quan cùng những vị trưởng phán quan của họ được chọn lựa.

And thus ended the thirty and first year of the reign of the judges over the people of Nephi; and thus they had had wars, and bloodsheds, and famine, and affliction, for the space of many years.

And there had been murders, and contentions, and dissensions, and all manner of iniquity among the people of Nephi; nevertheless for the righteous' sake, yea, because of the prayers of the righteous, they were spared.

But behold, because of the exceedingly great length of the war between the Nephites and the Lamanites many had become hardened, because of the exceedingly great length of the war; and many were softened because of their afflictions, inasmuch that they did humble themselves before God, even in the depth of humility.

And it came to pass that after Moroni had fortified those parts of the land which were most exposed to the Lamanites, until they were sufficiently strong, he returned to the city of Zarahemla; and also Helaman returned to the place of his inheritance; and there was once more peace established among the people of Nephi.

And Moroni yielded up the command of his armies into the hands of his son, whose name was Moronihah; and he retired to his own house that he might spend the remainder of his days in peace.

And Pahoran did return to his judgment-seat; and Helaman did take upon him again to preach unto the people the word of God; for because of so many wars and contentions it had become expedient that a regulation should be made again in the church.

Therefore, Helaman and his brethren went forth, and did declare the word of God with much power unto the convincing of many people of their wickedness, which did cause them to repent of their sins and to be baptized unto the Lord their God.

And it came to pass that they did establish again the church of God, throughout all the land.

Yea, and regulations were made concerning the law. And their judges, and their chief judges were chosen.

48 Và dân Nê Phi lại bắt đầu thịnh vượng trong xứ. Họ bắt đầu sinh sôi nảy nở nhiều và lại trở nên hùng mạnh vô cùng trong xứ. Và họ cũng bắt đầu trở nên giàu có vô cùng.

49 Nhưng mặc dù với biết bao của cải của họ, hay sức mạnh, hay sự thịnh vượng của họ, họ cũng không dương dương tự đắc trong mắt mình; họ cũng không chậm nhớ đến Chúa, Thượng Đế của họ; nhưng họ biết hạ mình vô cùng trước mặt Ngài.

50 Phải, họ đã nhớ tới những điều lớn lao mà Chúa đã làm cho họ, như việc Ngài đã giải thoát họ khỏi sự chết, và khỏi cảnh nô lệ, tù đầy cùng mọi nỗi thống khổ khác, cũng như Ngài đã giải thoát họ khỏi tay kẻ thù của họ.

51 Và họ luôn luôn cầu nguyện Chúa, Thượng Đế của họ, nên Chúa đã ban phước cho họ theo như lời Ngài đã phán, để họ trở nên hùng mạnh và thịnh vượng trong xứ.

52 Và chuyện rằng, tất cả những việc này đã xảy ra. Rồi Hê La Man qua đời vào năm thứ ba mươi lăm dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

And the people of Nephi began to prosper again in the land, and began to multiply and to wax exceedingly strong again in the land. And they began to grow exceedingly rich.

But notwithstanding their riches, or their strength, or their prosperity, they were not lifted up in the pride of their eyes; neither were they slow to remember the Lord their God; but they did humble themselves exceedingly before him.

Yea, they did remember how great things the Lord had done for them, that he had delivered them from death, and from bonds, and from prisons, and from all manner of afflictions, and he had delivered them out of the hands of their enemies.

And they did pray unto the Lord their God continually, insomuch that the Lord did bless them, according to his word, so that they did wax strong and prosper in the land.

And it came to pass that all these things were done. And Helaman died, in the thirty and fifth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

## An Ma 63

- 1 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ ba mươi sáu dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, Síp Lân nắm giữ những vật thiêng liêng mà ngày trước An Ma đã trao cho Hê La Man.
- 2 Và ông là một người công minh, và ông bước đi ngay thẳng trước mặt Thượng Đế; và ông luôn luôn cố gắng làm điều thiện và tuân giữ các lệnh truyền của Chúa, Thượng Đế của ông; và em ông cũng vậy.
- 3 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni cũng qua đời. Và như vậy là chấm dứt năm thứ ba mươi sáu dưới chế độ các phán quan.
- 4 Và chuyện rằng, vào năm thứ ba mươi bảy dưới chế độ các phán quan, có một đoàn người đông đảo, số người lên đến năm ngàn bốn trăm người, đã mang vợ con mình rời khỏi xứ Gia Ra Hem La đi lên xứ phía bắc.
- 5 Và chuyện rằng, có một người tên là Ha Gô, vì ông là một người thích tìm tòi, nên ông ra đi và đóng cho mình một chiếc tàu rất lớn tại vùng ranh giới xứ Phong Phú, gần xứ Hoang Vu, và ông cho hạ thủy chiếc tàu xuống biển phía tây, gần bên eo biển dẫn đến xứ phía bắc.
- 6 Và này, có nhiều người Nê Phi lên tàu và giương buồm ra đi với nhiều lương thực và vợ con mình; họ lấy lộ trình theo hướng bắc. Và như vậy là chấm dứt năm thứ ba mươi bảy.
- 7 Và đến năm thứ ba mươi tám, người này lại đóng thêm những chiếc tàu khác. Và chiếc tàu đầu tiên cũng đã trở về, và có thêm nhiều người khác xuống tàu; và họ cũng đem theo nhiều lương thực và lại lên đường đi lên xứ phía bắc.
- 8 Và chuyện rằng, từ đó người ta không còn nghe nói đến họ nữa. Và chúng tôi cho rằng họ đã bị chìm xuống lòng biển sâu. Và chuyện rằng, lại có một chiếc tàu khác cũng ra đi; và tàu đó đi về đâu chúng tôi không được biết.
- 9 Và chuyện rằng, trong năm này có nhiều người đã đi lên xứ phía bắc. Như vậy là chấm dứt năm thứ ba mươi tám.

## Alma 63

And it came to pass in the commencement of the thirty and sixth year of the reign of the judges over the people of Nephi, that Shiblon took possession of those sacred things which had been delivered unto Helaman by Alma.

And he was a just man, and he did walk uprightly before God; and he did observe to do good continually, to keep the commandments of the Lord his God; and also did his brother.

And it came to pass that Moroni died also. And thus ended the thirty and sixth year of the reign of the judges.

And it came to pass that in the thirty and seventh year of the reign of the judges, there was a large company of men, even to the amount of five thousand and four hundred men, with their wives and their children, departed out of the land of Zarahemla into the land which was northward.

And it came to pass that Hagoth, he being an exceedingly curious man, therefore he went forth and built him an exceedingly large ship, on the borders of the land Bountiful, by the land Desolation, and launched it forth into the west sea, by the narrow neck which led into the land northward.

And behold, there were many of the Nephites who did enter therein and did sail forth with much provisions, and also many women and children; and they took their course northward. And thus ended the thirty and seventh year.

And in the thirty and eighth year, this man built other ships. And the first ship did also return, and many more people did enter into it; and they also took much provisions, and set out again to the land northward.

And it came to pass that they were never heard of more. And we suppose that they were drowned in the depths of the sea. And it came to pass that one other ship also did sail forth; and whither she did go we know not.

And it came to pass that in this year there were many people who went forth into the land northward. And thus ended the thirty and eighth year.



- 10 Và chuyện rằng, đến năm thứ ba mươi chín dưới chế độ các phán quan, Síp Lân cũng qua đời, và Cô Ri An Tôn đã dùng tàu đi lên xứ phía bắc để đem lương thực tới cho những người trước kia đã ra đi đến xứ đó.
- 11 Vậy nên, điều cần thiết cho Síp Lân là phải trao những vật thiêng liêng đó, trước khi ông chết, cho con trai của Hê La Man; ông này cũng có tên là Hê La Man, vì được gọi theo tên cha của ông ta.
- 12 Giờ đây, này, tất cả những bằng khắc đang được Hê La Man lưu giữ đều được chép ra và phổ biến cho con cái loài người khắp trong xứ, chỉ trừ những phần An Ma đã dặn là không được đem ra phổ biến mà thôi.
- 13 Tuy nhiên, những vật này phải được gìn giữ một cách thiêng liêng, và lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác; vậy nên, trong năm này, những vật ấy đã được trao cho Hê La Man trước khi Síp Lân qua đời.
- 14 Và chuyện rằng, cũng trong năm này, có một số người ly khai đã đi theo dân La Man; và chúng lại bị khích động lần nữa tức giận chống dân Nê Phi.
- 15 Và cũng trong năm này, chúng lại đến với một đạo quân đông đảo để gây chiến với dân Mô Rô Ni Ha, hay là gây chiến với quân đội của Mô Rô Ni Ha. Trong trận này chúng bị đánh bại và bị đuổi chạy về xứ mình với sự tổn thất lớn lao.
- 16 Và như vậy là chấm dứt năm thứ ba mươi chín dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 17 Và như vậy là chấm dứt thiên ký thuật của An Ma và con trai ông là Hê La Man, cùng Síp Lân, cũng là con trai ông.

And it came to pass in the thirty and ninth year of the reign of the judges, Shiblôn died also, and Corianton had gone forth to the land northward in a ship, to carry forth provisions unto the people who had gone forth into that land.

Therefore it became expedient for Shiblôn to confer those sacred things, before his death, upon the son of Helaman, who was called Helaman, being called after the name of his father.

Now behold, all those engravings which were in the possession of Helaman were written and sent forth among the children of men throughout all the land, save it were those parts which had been commanded by Alma should not go forth.

Nevertheless, these things were to be kept sacred, and handed down from one generation to another; therefore, in this year, they had been conferred upon Helaman, before the death of Shiblôn.

And it came to pass also in this year that there were some dissenters who had gone forth unto the Lamanites; and they were stirred up again to anger against the Nephites.

And also in this same year they came down with a numerous army to war against the people of Moronihah, or against the army of Moronihah, in the which they were beaten and driven back again to their own lands, suffering great loss.

And thus ended the thirty and ninth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And thus ended the account of Alma, and Helaman his son, and also Shiblôn, who was his son.

# Sách Hê La Man

Truyện ký về dân Nê Phi. Những cuộc chiến, những tranh chấp và phân tranh của họ, cùng các điều tiên tri của nhiều vị thánh tiên tri trước thời Đấng Kỳ Tô hiện đến, theo các biên sử của Hê La Man, là con trai của Hê La Man, và cũng theo các biên sử của các con trai của ông, xuống cho tới thời Đấng Kỳ Tô hiện đến. Và cũng có nhiều người La Man được cải đạo. Truyện ký về sự cải đạo của họ. Truyện ký về sự ngay chính của dân La Man, và sự tà ác và khả ố của dân Nê Phi, theo biên sử của Hê La Man và các con trai ông, xuống cho tới thời Đấng Kỳ Tô hiện đến, và truyện ký này được gọi là sách Hê La Man, và vân vân.

## Hê La Man 1

- 1 Và giờ đây này, chuyện rằng, vào đầu năm thứ bốn mươi dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, một sự khó khăn nghiêm trọng bắt đầu nhóm lên trong dân Nê Phi.
- 2 Vì này, Pha Hô Ran đã qua đời, ông đã đi theo con đường của mọi người trần thế; vậy nên, một cuộc tranh chấp nghiêm trọng về việc ai sẽ là người được ngồi vào ghế xét xử đã bắt đầu xảy ra giữa các anh em, những người con trai của Pha Hô Ran.
- 3 Bây giờ đây là tên những người tranh giành ghế xét xử, và cũng là những người đã gây ra sự tranh chấp giữa dân chúng: Pha Hô Ran, Pha An Chi và Pha Cơ Mê Ni.
- 4 Bây giờ đây không phải là tất cả những người con trai của Pha Hô Ran, (vì ông có rất nhiều), nhưng trên đây là những người đã tranh giành ghế xét xử; vậy nên, họ đã gây ra ba phe trong dân chúng.
- 5 Tuy nhiên, chuyện rằng, Pha Hô Ran lại được tiếng nói của dân chúng chỉ định làm trưởng phán quan và là quan cai trị dân Nê Phi.
- 6 Và chuyện rằng, khi Pha Cơ Mê Ni thấy mình không thể chiếm được ghế xét xử, ông đã thuận theo tiếng nói của dân chúng.

# The Book of Helaman

An account of the Nephites. Their wars and contentions, and their dissensions. And also the prophecies of many holy prophets, before the coming of Christ, according to the records of Helaman, who was the son of Helaman, and also according to the records of his sons, even down to the coming of Christ. And also many of the Lamanites are converted. An account of their conversion. An account of the righteousness of the Lamanites, and the wickedness and abominations of the Nephites, according to the record of Helaman and his sons, even down to the coming of Christ, which is called the book of Helaman, and so forth.

## Helaman 1

And now behold, it came to pass in the commencement of the fortieth year of the reign of the judges over the people of Nephi, there began to be a serious difficulty among the people of the Nephites.

For behold, Pahoran had died, and gone the way of all the earth; therefore there began to be a serious contention concerning who should have the judgment-seat among the brethren, who were the sons of Pahoran.

Now these are their names who did contend for the judgment-seat, who did also cause the people to contend: Pahoran, Paanchi, and Pacumeni.

Now these are not all the sons of Pahoran (for he had many), but these are they who did contend for the judgment-seat; therefore, they did cause three divisions among the people.

Nevertheless, it came to pass that Pahoran was appointed by the voice of the people to be chief judge and a governor over the people of Nephi.

And it came to pass that Pacumeni, when he saw that he could not obtain the judgment-seat, he did unite with the voice of the people.

- 7 Nhưng này, Pha An Chi và đám dân chúng muốn ông lên làm quan cai trị của họ thì lại hết sức tức giận; vậy nên, ông sắp sửa thuyết phục đám dân chúng ấy nổi lên chống lại các đồng bào của mình.
- 8 Và chuyện rằng, khi ông sắp sửa làm điều này, thì này, ông bị bắt và bị đem ra xử theo tiếng nói của dân chúng, và bị kết án tử hình, vì ông đã nổi lên làm phản và tìm cách hủy diệt nền tự do của dân chúng.
- 9 Lúc bấy giờ, khi đám dân chúng muốn ông lên làm quan cai trị của họ thấy ông bị kết án tử hình, nên họ tức giận, và này, họ bèn cho một người tên là Kích Cơ Men đến tận ghé xét xử của Pha Hô Ran và giết chết Pha Hô Ran khi ông ta đang ngồi trên ghé xét xử.
- 10 Và Kích Cơ Men bị các tội tớ của Pha Hô Ran đuổi theo; nhưng này, hắn chạy trốn quá mau khiến không ai bắt kịp hắn được.
- 11 Và rồi hắn trở về với những người đã sai hắn đi, và tất cả bọn này đều lập giao ước với nhau, phải, chúng thề với Đấng Sáng Tạo vĩnh viễn của chúng là chúng không được nói cho ai biết rằng chính Kích Cơ Men đã ám sát Pha Hô Ran.
- 12 Vậy nên, Kích Cơ Men không bị dân Nê Phi nhận biết, vì hắn đã giả trang khi hắn đến ám sát Pha Hô Ran. Và Kích Cơ Men cùng đảng của hắn, là những người đã lập giao ước với hắn, đã sống lẫn lộn với dân chúng trong một cách thức mà tất cả bọn hắn không bị ai khám phá ra; nhưng những kẻ bị khám phá ra thì đều bị kết án tử hình.
- 13 Và giờ đây này, theo tiếng nói của dân chúng, Pha Cơ Mê Ni được chỉ định làm trưởng phán quan và quan cai trị dân chúng, thay thế cho Pha Hô Ran là anh của ông, và việc đó cũng thuận theo quyền thừa kế của ông nữa. Và tất cả những việc này đã xảy ra trong năm thứ bốn mươi dưới chế độ các phán quan; và năm này đã chấm dứt.
- 14 Và chuyện rằng, trong năm thứ bốn mươi mốt dưới chế độ các phán quan, dân La Man quy tụ một số quân lính rất đông đảo, và trang bị cho chúng gươm, đao, cung tên, mũ trận, áo giáp che ngực, cùng đủ các loại khiên che thân.

But behold, Paanchi, and that part of the people that were desirous that he should be their governor, was exceedingly wroth; therefore, he was about to flatter away those people to rise up in rebellion against their brethren.

And it came to pass as he was about to do this, behold, he was taken, and was tried according to the voice of the people, and condemned unto death; for he had raised up in rebellion and sought to destroy the liberty of the people.

Now when those people who were desirous that he should be their governor saw that he was condemned unto death, therefore they were angry, and behold, they sent forth one Kishkumen, even to the judgment-seat of Pahoran, and murdered Pahoran as he sat upon the judgment-seat.

And he was pursued by the servants of Pahoran; but behold, so speedy was the flight of Kishkumen that no man could overtake him.

And he went unto those that sent him, and they all entered into a covenant, yea, swearing by their everlasting Maker, that they would tell no man that Kishkumen had murdered Pahoran.

Therefore, Kishkumen was not known among the people of Nephi, for he was in disguise at the time that he murdered Pahoran. And Kishkumen and his band, who had covenanted with him, did mingle themselves among the people, in a manner that they all could not be found; but as many as were found were condemned unto death.

And now behold, Pacumeni was appointed, according to the voice of the people, to be a chief judge and a governor over the people, to reign in the stead of his brother Pahoran; and it was according to his right. And all this was done in the fortieth year of the reign of the judges; and it had an end.

And it came to pass in the forty and first year of the reign of the judges, that the Lamanites had gathered together an innumerable army of men, and armed them with swords, and with cimeters and with bows, and with arrows, and with head-plates, and with breastplates, and with all manner of shields of every kind.

15 Và chúng lại đến gây chiến với dân Nê Phi. Và chúng được một người tên là Cô Ri An Tum Rơ lãnh đạo. Người này là con cháu của Gia Ra Hem La, và là một kẻ ly khai khỏi dân Nê Phi; và hắn rất to lớn và mạnh mẽ.

16 Vậy nên, vua dân La Man tên là Tu Ba Lốt, con trai của Am Mô Rôn, đã nghĩ rằng, Cô Ri An Tum Rơ là một người rất mạnh mẽ nên với sức mạnh và sự khôn ngoan của hắn, hắn có thể đương cự với dân Nê Phi, do đó nếu phái hắn đi thì hắn có thể thắng được dân Nê Phi—

17 Vậy nên, vua khích động họ tức giận, và vua cho quy tụ các đạo quân lại, và chỉ định Cô Ri An Tum Rơ làm người lãnh đạo các đạo quân này, rồi truyền lệnh cho tiến quân đến xứ Gia Ra Hem La để giao chiến với dân Nê Phi.

18 Và chuyện rằng, vì có quá nhiều sự tranh chấp cùng những nỗi khó khăn trong giới chính quyền nên họ không còn đủ số lính canh giữ trong xứ Gia Ra Hem La; vì họ đã cho rằng, dân La Man không dám đến trung tâm xứ sở họ để tấn công thành phố Gia Ra Hem La vĩ đại đó.

19 Nhưng chuyện rằng, Cô Ri An Tum Rơ đã dẫn đầu đạo quân đông đảo của mình tiến đánh dân cư thành phố ấy, và cuộc tiến quân của chúng quá mau lẹ đến nỗi dân Nê Phi không còn kịp thì giờ quy tụ quân đội mình.

20 Vậy nên, Cô Ri An Tum Rơ đánh bại được các vệ binh tại cổng vào thành phố và tiến vào thành phố với tất cả đạo quân của mình. Chúng giết chết bất cứ ai chống lại chúng, và chiếm trọn thành phố Gia Ra Hem La.

21 Và chuyện rằng, Pha Cơ Mê Ni, vị trưởng phán quan, phải bỏ chạy khỏi Cô Ri An Tum Rơ, đến tận bên tường thành phố. Và chuyện rằng Cô Ri An Tum Rơ đã đánh ông văng vào bờ tường, khiến ông chết. Như vậy là chấm dứt đời Pha Cơ Mê Ni.

And they came down again that they might pitch battle against the Nephites. And they were led by a man whose name was Coriantumr; and he was a descendant of Zarahemla; and he was a dissenter from among the Nephites; and he was a large and a mighty man.

Therefore, the king of the Lamanites, whose name was Tubaloth, who was the son of Ammoron, supposing that Coriantumr, being a mighty man, could stand against the Nephites, with his strength and also with his great wisdom, insomuch that by sending him forth he should gain power over the Nephites—

Therefore he did stir them up to anger, and he did gather together his armies, and he did appoint Coriantumr to be their leader, and did cause that they should march down to the land of Zarahemla to battle against the Nephites.

And it came to pass that because of so much contention and so much difficulty in the government, that they had not kept sufficient guards in the land of Zarahemla; for they had supposed that the Lamanites durst not come into the heart of their lands to attack that great city Zarahemla.

But it came to pass that Coriantumr did march forth at the head of his numerous host, and came upon the inhabitants of the city, and their march was with such exceedingly great speed that there was no time for the Nephites to gather together their armies.

Therefore Coriantumr did cut down the watch by the entrance of the city, and did march forth with his whole army into the city, and they did slay every one who did oppose them, insomuch that they did take possession of the whole city.

And it came to pass that Pacumeni, who was the chief judge, did flee before Coriantumr, even to the walls of the city. And it came to pass that Coriantumr did smite him against the wall, insomuch that he died. And thus ended the days of Pacumeni.

- 22 Và giờ đây khi Cô Ri An Tum Rơ thấy mình đã chiếm được thành phố Gia Ra Hem La, và thấy dân Nê Phi bỏ chạy khỏi chúng, và bị giết chết, bị bắt và bị cầm tù, và thấy rằng mình đã chiếm được đồn lũy kiên cố nhất trong toàn xứ, lòng hấn thấy can đảm lên, đến nỗi hấn sắp sửa định tiến đánh toàn xứ.
- 23 Và giờ đây, hấn không lưu lại trong xứ Gia Ra Hem La, mà hấn dẫn đạo quân lớn của mình tiến về phía thành phố Phong Phú; vì hấn quyết định dùng gươm đao để mở đường tiến lên để hấn có thể chiếm những phần đất phía bắc của xứ ấy.
- 24 Và vì cho rằng lực lượng mạnh nhất của họ đều nằm ở trung tâm xứ ấy, nên hấn đã tiến quân và không cho họ có kịp thì giờ quy tụ lại với nhau ngoại trừ những đạo quân nhỏ; và bằng cách thức này chúng đã tấn công họ và hạ họ xuống tận đất.
- 25 Nhưng này, sự tiến quân của Cô Ri An Tum Rơ vào trung tâm xứ sở đã đem lại cho Mô Rô Ni Ha một lợi thế lớn hơn chúng, mặc dù đã có nhiều dân Nê Phi bị giết chết.
- 26 Vì này, Mô Rô Ni Ha đã nghĩ rằng dân La Man không dám tiến đến ngay trung tâm trong xứ, mà chúng sẽ tấn công những thành phố quanh vùng biên giới như từ trước chúng vẫn thường làm; vậy nên, Mô Rô Ni Ha cho những đạo quân hùng mạnh ra trấn đóng các miền xung quanh biên giới.
- 27 Nhưng này, dân La Man đã không sợ hãi theo như sự mong muốn của ông, trái lại chúng đã tiến đến ngay trung tâm trong xứ và đã chiếm lấy kinh đô là thành phố Gia Ra Hem La, và đang tiến quân qua các vùng trọng yếu nhất trong nước; chúng tàn sát rất nhiều người, cả đàn ông lẫn đàn bà và trẻ con, và chiếm cứ nhiều thành phố và nhiều đồn lũy.
- 28 Nhưng khi Mô Rô Ni Ha hay được như vậy, ông liền cấp tốc phái Lê Hi dẫn một đạo quân đi vòng chặn đầu chúng trước khi chúng đến xứ Phong Phú.

And now when Coriantumr saw that he was in possession of the city of Zarahemla, and saw that the Nephites had fled before them, and were slain, and were taken, and were cast into prison, and that he had obtained the possession of the strongest hold in all the land, his heart took courage inasmuch that he was about to go forth against all the land.

And now he did not tarry in the land of Zarahemla, but he did march forth with a large army, even towards the city of Bountiful; for it was his determination to go forth and cut his way through with the sword, that he might obtain the north parts of the land.

And, supposing that their greatest strength was in the center of the land, therefore he did march forth, giving them no time to assemble themselves together save it were in small bodies; and in this manner they did fall upon them and cut them down to the earth.

But behold, this march of Coriantumr through the center of the land gave Moronihah great advantage over them, notwithstanding the greatness of the number of the Nephites who were slain.

For behold, Moronihah had supposed that the Lamanites durst not come into the center of the land, but that they would attack the cities round about in the borders as they had hitherto done; therefore Moronihah had caused that their strong armies should maintain those parts round about by the borders.

But behold, the Lamanites were not frightened according to his desire, but they had come into the center of the land, and had taken the capital city which was the city of Zarahemla, and were marching through the most capital parts of the land, slaying the people with a great slaughter, both men, women, and children, taking possession of many cities and of many strongholds.

But when Moronihah had discovered this, he immediately sent forth Lehi with an army round about to head them before they should come to the land Bountiful.

- 29 Và ông ta đã thi hành điều đó; ông ta đã chặn đầu chúng trước khi chúng đến xứ Phong Phú, và đã giao chiến với chúng rất dữ dội, đến nỗi chúng phải bắt đầu rút lui về hướng xứ Gia Ra Hem La.
- 30 Và chuyện rằng, Mô Rô Ni Ha đã chặn đường rút lui của chúng và giao chiến với chúng rất dữ dội, đến nỗi trận chiến đã trở nên vô cùng đẫm máu; phải, có nhiều người bị giết chết, và trong số những người bị giết chết đó người ta thấy có cả Cô Ri An Tum Rơ.
- 31 Và giờ đây, này, dân La Man không còn đường nào để rút lui cả, không thể rút lên hướng bắc, mà cũng không thể xuống hướng nam, qua hướng đông, hay về hướng tây gì được cả, vì chúng đã bị dân Nê Phi bao vây mọi mặt.
- 32 Và Cô Ri An Tum Rơ đã cho dân La Man xông vào dân Nê Phi như vậy khiến cho chúng bị dân Nê Phi áp phục, và chính hãn cũng bị giết chết, và dân La Man phải đầu hàng dân Nê Phi.
- 33 Và chuyện rằng Mô Rô Ni Ha tái chiếm được thành phố Gia Ra Hem La, và ông ra lệnh cho những dân La Man bị bắt cầm tù được ra khỏi xứ một cách yên ổn.
- 34 Và như vậy là chấm dứt năm thứ bốn mươi một dưới chế độ các phán quan.

And thus he did; and he did head them before they came to the land Bountiful, and gave unto them battle, insomuch that they began to retreat back towards the land of Zarahemla.

And it came to pass that Moronihah did head them in their retreat, and did give unto them battle, insomuch that it became an exceedingly bloody battle; yea, many were slain, and among the number who were slain Coriantumr was also found.

And now, behold, the Lamanites could not retreat either way, neither on the north, nor on the south, nor on the east, nor on the west, for they were surrounded on every hand by the Nephites.

And thus had Coriantumr plunged the Lamanites into the midst of the Nephites, insomuch that they were in the power of the Nephites, and he himself was slain, and the Lamanites did yield themselves into the hands of the Nephites.

And it came to pass that Moronihah took possession of the city of Zarahemla again, and caused that the Lamanites who had been taken prisoners should depart out of the land in peace.

And thus ended the forty and first year of the reign of the judges.

## Hê La Man 2

- 1 Và chuyện rằng, vào năm thứ bốn mươi hai dưới chế độ các phán quan, sau khi Mô Rô Ni Ha đã tái lập hòa bình giữa dân Nê Phi và dân La Man, này, không có ai ngồi vào ghế xét xử cả, vậy nên sự tranh chấp lại bắt đầu nổi lên trong dân chúng về việc ai sẽ được ngồi vào ghế xét xử.
- 2 Và chuyện rằng Hê La Man, con trai của Hê La Man, được chỉ định ngồi vào ghế xét xử, qua tiếng nói của dân chúng.
- 3 Nhưng này, Kích Cơ Men, là người đã ám sát Pha Hô Ran, nay lại đợi dịp để giết Hê La Man nữa; và hắn được đảng của hắn ủng hộ, đó là những kẻ đã giao kết với nhau, không để cho ai biết được tội ác của hắn.
- 4 Vì có một người tên là Ga Đi An Tôn rất lão luyện về tài ăn nói và xảo kế để thực hiện công việc sát nhân và trộm cắp bí mật; vậy nên hắn trở thành lãnh tụ đảng Kích Cơ Men.
- 5 Vậy nên hắn phỉnh nịnh chúng và Kích Cơ Men, hắn bảo rằng: Nếu chúng đặt hắn vào ghế xét xử thì hắn sẽ để cho những người thuộc đảng của hắn được giữ các địa vị có uy quyền và quyền hành trong dân chúng; vậy nên Kích Cơ Men tìm cách giết Hê La Man.
- 6 Và chuyện rằng, trong khi hắn đang đi đến ghế xét xử để giết Hê La Man, này, có một người tôi tớ của Hê La Man nhờ đã cải dạng, và ra ngoài lúc ban đêm, nên biết được kế hoạch của bọn ấy đã lập ra để giết Hê La Man—
- 7 Và chuyện rằng, anh ta gặp Kích Cơ Men và ra dấu hiệu cho hắn, vì thế Kích Cơ Men liền cho anh ta biết ý định của hắn, và yêu cầu anh ta dẫn hắn đến ghế xét xử để hắn ám sát Hê La Man.

## Helaman 2

And it came to pass in the forty and second year of the reign of the judges, after Moronihah had established again peace between the Nephites and the Lamanites, behold there was no one to fill the judgment-seat; therefore there began to be a contention again among the people concerning who should fill the judgment-seat.

And it came to pass that Helaman, who was the son of Helaman, was appointed to fill the judgment-seat, by the voice of the people.

But behold, Kishkumen, who had murdered Pahoran, did lay wait to destroy Helaman also; and he was upheld by his band, who had entered into a covenant that no one should know his wickedness.

For there was one Gadianton, who was exceedingly expert in many words, and also in his craft, to carry on the secret work of murder and of robbery; therefore he became the leader of the band of Kishkumen.

Therefore he did flatter them, and also Kishkumen, that if they would place him in the judgment-seat he would grant unto those who belonged to his band that they should be placed in power and authority among the people; therefore Kishkumen sought to destroy Helaman.

And it came to pass as he went forth towards the judgment-seat to destroy Helaman, behold one of the servants of Helaman, having been out by night, and having obtained, through disguise, a knowledge of those plans which had been laid by this band to destroy Helaman—

And it came to pass that he met Kishkumen, and he gave unto him a sign; therefore Kishkumen made known unto him the object of his desire, desiring that he would conduct him to the judgment-seat that he might murder Helaman.

- 8 Và khi người tôi tớ của Hê La Man đã biết rõ tâm địa của Kích Cơ Men, và biết mục đích của hắn là sát nhân, và mục đích của tất cả những ai thuộc đảng của hắn cũng là sát nhân, cướp bóc, và chiếm đoạt uy quyền, (và đây là kế hoạch bí mật và sự âm mưu liên kết của bọn chúng) người tôi tớ của Hê La Man bèn bảo Kích Cơ Men rằng: Chúng ta hãy đi đến ghé xét xử.
- 9 Bấy giờ điều này đã làm cho Kích Cơ Men vô cùng hài lòng, vì hắn tưởng hắn sẽ thực hiện được ý định của mình; nhưng này, khi hai người cùng đi đến ghé xét xử, thì người tôi tớ này của Hê La Man đã dùng dao đâm vào tận tim của Kích Cơ Men khiến hắn ngã xuống chết không kịp kêu tiếng nào. Rồi anh ta chạy đi thuật lại cho Hê La Man nghe tất cả những điều anh đã nghe thấy và đã làm.
- 10 Và chuyện rằng, Hê La Man đã phái quân đi bắt đảng cướp và sát nhân bí mật này để chúng bị xử hình theo luật pháp.
- 11 Nhưng này, khi Ga Đi An Tôn thấy Kích Cơ Men không trở về, hắn sợ sẽ bị sát hại, vậy nên hắn ra lệnh cho đảng của hắn phải đi theo hắn. Và chúng chạy trốn ra khỏi xứ bằng một con đường bí mật vào vùng hoang dã; vậy nên khi Hê La Man cho người đến bắt chúng, thì không tìm thấy chúng đâu hết.
- 12 Và về phần tên Ga Đi An Tôn này sẽ được nói đến nhiều hơn sau này. Và như vậy là chấm dứt năm thứ bốn mươi hai dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 13 Và này, đến đoạn cuối của sách này các người sẽ thấy rằng, tên Ga Đi An Tôn này sẽ là nguyên nhân của sự sụp đổ, phải, một sự hủy diệt hầu như hoàn toàn sẽ xảy ra cho dân Nê Phi.
- 14 Này, tôi không có ý nói là đoạn cuối sách Hê La Man, nhưng tôi muốn nói là đoạn cuối sách Nê Phi, mà từ sách ấy tôi đã lấy tất cả truyện ký mà tôi đã ghi chép.

And when the servant of Helaman had known all the heart of Kishkumen, and how that it was his object to murder, and also that it was the object of all those who belonged to his band to murder, and to rob, and to gain power, (and this was their secret plan, and their combination) the servant of Helaman said unto Kishkumen: Let us go forth unto the judgment-seat.

Now this did please Kishkumen exceedingly, for he did suppose that he should accomplish his design; but behold, the servant of Helaman, as they were going forth unto the judgment-seat, did stab Kishkumen even to the heart, that he fell dead without a groan. And he ran and told Helaman all the things which he had seen, and heard, and done.

And it came to pass that Helaman did send forth to take this band of robbers and secret murderers, that they might be executed according to the law.

But behold, when Gadianton had found that Kishkumen did not return he feared lest that he should be destroyed; therefore he caused that his band should follow him. And they took their flight out of the land, by a secret way, into the wilderness; and thus when Helaman sent forth to take them they could nowhere be found.

And more of this Gadianton shall be spoken hereafter. And thus ended the forty and second year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And behold, in the end of this book ye shall see that this Gadianton did prove the overthrow, yea, almost the entire destruction of the people of Nephi.

Behold I do not mean the end of the book of Helaman, but I mean the end of the book of Nephi, from which I have taken all the account which I have written.



## Hê La Man 3

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, vào năm thứ bốn mươi ba dưới chế độ các phán quan, không có sự tranh chấp nào xảy ra trong dân Nê Phi ngoại trừ có một chút ít kiêu ngạo trong giáo hội khiến gây ra những phân tranh nhỏ với nhau trong dân chúng, nhưng những việc này đã được dàn xếp xong vào cuối năm thứ bốn mươi ba.
- 2 Và không có sự tranh chấp nào xảy ra giữa dân chúng trong năm thứ bốn mươi bốn, và luôn cả năm thứ bốn mươi lăm cũng không có sự tranh chấp đáng kể.
- 3 Và chuyện rằng, vào năm thứ bốn mươi sáu, phải, có nhiều tranh chấp và ly khai, mà qua đó một số rất đông dân chúng đã bỏ xứ Gia Ra Hem La ra đi, và họ đã đi lên xứ phía bắc để thừa hưởng đất ấy.
- 4 Và họ đã hành trình rất xa xôi, cho đến khi họ tới được một nơi có nhiều ao hồ rộng lớn và nhiều sông ngòi.
- 5 Phải, và họ đã sống rải rác khắp nơi trên xứ ấy, họ đến bất cứ nơi nào không tiêu điều và không bị đốn trụi hết cây cối, vì có nhiều dân cư trước kia đã thừa hưởng xứ ấy.
- 6 Và giờ đây không có phần đất nào tiêu điều, ngoại trừ rừng cây, nhưng vì sự tàn phá lớn lao của những người dân trước kia đã ở trên xứ ấy gây ra, nên nó được gọi là hoang vu.
- 7 Và chẳng còn bao nhiêu rừng cây trong xứ, tuy nhiên những người dân đến định cư ở đây rất thành thạo về cách sử dụng xi măng nên họ đã xây nhà xi măng để trú ngụ.
- 8 Và chuyện rằng, họ đã sinh sôi nảy nở và sống lan tràn, họ đi từ xứ phía nam lên đến xứ phía bắc, và sống lan tràn đến chỗ họ đã bắt đầu bao phủ cả mặt đất, từ biển phía nam đến biển phía bắc, và từ biển phía tây qua biển phía đông.

## Helaman 3

And now it came to pass in the forty and third year of the reign of the judges, there was no contention among the people of Nephi save it were a little pride which was in the church, which did cause some little dissensions among the people, which affairs were settled in the ending of the forty and third year.

And there was no contention among the people in the forty and fourth year; neither was there much contention in the forty and fifth year.

And it came to pass in the forty and sixth, yea, there was much contention and many dissensions; in the which there were an exceedingly great many who departed out of the land of Zarahemla, and went forth unto the land northward to inherit the land.

And they did travel to an exceedingly great distance, insomuch that they came to large bodies of water and many rivers.

Yea, and even they did spread forth into all parts of the land, into whatever parts it had not been rendered desolate and without timber, because of the many inhabitants who had before inherited the land.

And now no part of the land was desolate, save it were for timber; but because of the greatness of the destruction of the people who had before inhabited the land it was called desolate.

And there being but little timber upon the face of the land, nevertheless the people who went forth became exceedingly expert in the working of cement; therefore they did build houses of cement, in the which they did dwell.

And it came to pass that they did multiply and spread, and did go forth from the land southward to the land northward, and did spread insomuch that they began to cover the face of the whole earth, from the sea south to the sea north, from the sea west to the sea east.

- 9 Và dân chúng ở trong xứ phía bắc đều sống trong những lều vải và trong những nhà làm bằng xi măng, và họ để cho bất cứ loại cây cối nào có thể mọc lên trên mặt đất, cho đến lúc họ có gỗ xây cất nhà, phải, xây cất các thành phố, các đền thờ, các nhà hội, các thánh đường, cùng tất cả mọi kiến trúc khác của họ.
- 10 Và chuyện rằng, vì cây gỗ quá hiếm ở trong xứ phía bắc ấy, nên họ phải vận tải rất nhiều gỗ lên trên ấy bằng đường thủy.
- 11 Và nhờ vậy mà dân chúng ở xứ phía bắc mới có thể xây cất nhiều thành phố bằng gỗ và xi măng.
- 12 Và chuyện rằng, có nhiều người dân Am Môn, nguyên trước kia gốc người La Man, nay cũng đến sống trên xứ này.
- 13 Và giờ đây, có nhiều văn kiện ghi chép về các tiến trình hoạt động của dân này được nhiều người của dân này lưu giữ; các văn kiện này rất chi tiết và rất dài, có liên quan đến họ.
- 14 Nhưng này, dù chỉ một phần trăm những tiến trình hoạt động của dân này, phải, truyện ký về dân La Man và dân Nê Phi, và những cuộc chiến, những cuộc tranh chấp và những bất hòa của họ, công việc thuyết giảng và những điều tiên tri của họ, nghề hàng hải, việc đóng tàu, việc xây cất đền thờ, nhà hội và thánh đường của họ, cùng với những điều ngay chính, những điều tà ác, những việc sát nhân, trộm cắp, cướp bóc, và mọi điều khả ố và tà dâm khác của họ, cũng không thể chứa đựng hết trong tác phẩm này được.
- 15 Nhưng này, còn nhiều sách và biên sử đủ loại khác, mà phần lớn do người Nê Phi lưu giữ.
- 16 Và những vật này được người Nê Phi lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, cho đến khi họ sa vào vòng phạm giới và bị sát hại, bị cướp bóc, bị lùng kiếm, bị đánh đuổi, bị giết chết, bị phân tán trên mặt đất, và bị pha lẫn với dân La Man, cho đến khi họ không còn được gọi là dân Nê Phi nữa, và trở nên độc ác, dã man, dữ tợn, phải, cho đến khi họ trở thành dân La Man luôn.

And the people who were in the land northward did dwell in tents, and in houses of cement, and they did suffer whatsoever tree should spring up upon the face of the land that it should grow up, that in time they might have timber to build their houses, yea, their cities, and their temples, and their synagogues, and their sanctuaries, and all manner of their buildings.

And it came to pass as timber was exceedingly scarce in the land northward, they did send forth much by the way of shipping.

And thus they did enable the people in the land northward that they might build many cities, both of wood and of cement.

And it came to pass that there were many of the people of Ammon, who were Lamanites by birth, did also go forth into this land.

And now there are many records kept of the proceedings of this people, by many of this people, which are particular and very large, concerning them.

But behold, a hundredth part of the proceedings of this people, yea, the account of the Lamanites and of the Nephites, and their wars, and contentions, and dissensions, and their preaching, and their prophecies, and their shipping and their building of ships, and their building of temples, and of synagogues and their sanctuaries, and their righteousness, and their wickedness, and their murders, and their robbings, and their plundering, and all manner of abominations and whoredoms, cannot be contained in this work.

But behold, there are many books and many records of every kind, and they have been kept chiefly by the Nephites.

And they have been handed down from one generation to another by the Nephites, even until they have fallen into transgression and have been murdered, plundered, and hunted, and driven forth, and slain, and scattered upon the face of the earth, and mixed with the Lamanites until they are no more called the Nephites, becoming wicked, and wild, and ferocious, yea, even becoming Lamanites.

- 17 Và giờ đây tôi xin trở lại thiên ký thuật của tôi; vậy nên, những gì tôi vừa nói đều đã xảy ra sau khi có những cuộc tranh chấp lớn lao, những sự rối loạn, những trận chiến, cùng những cuộc phân tranh trong dân Nê Phi.
- 18 Năm thứ bốn mươi sáu dưới chế độ các phán quan đã chấm dứt.
- 19 Và chuyện rằng, sự tranh chấp lớn lao trong xứ vẫn còn tồn tại, phải, cho đến năm thứ bốn mươi bảy và luôn cả năm thứ bốn mươi tám.
- 20 Tuy nhiên, Hê La Man vẫn ngồi ghế xét xử một cách công bình và bình đẳng, phải, ông đã cố gắng tuân giữ các luật lệ, các mạng lệnh và những lệnh truyền của Thượng Đế; và ông luôn luôn làm những điều ngay chính dưới mắt Thượng Đế. Ông đã đi theo con đường của thân phụ ông, nên ông được thịnh vượng trong xứ.
- 21 Và chuyện rằng, ông có hai người con trai. Ông đặt tên cho người con lớn là Nê Phi, và người con nhỏ là Lê Hi. Và hai người này bắt đầu lớn lên trong Chúa.
- 22 Và chuyện rằng, các trận chiến và các cuộc tranh chấp trong dân Nê Phi đã bắt đầu giảm được ít nhiều vào cuối năm thứ bốn mươi tám dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 23 Và chuyện rằng, vào năm thứ bốn mươi chín dưới chế độ các phán quan, thái bình được liên tục tái lập trong xứ, ngoại trừ những tập đoàn bí mật mà Ga Đi An Tôn, tên trộm cướp, đã thiết lập trong những vùng đông dân cư nhất trong xứ, mà vào thời ấy những người lãnh đạo trong chính quyền không hay biết; vậy nên chúng không bị diệt trừ ra khỏi xứ.
- 24 Và chuyện rằng, cũng trong năm này, có một sự thịnh đạt hết sức lớn lao ở trong giáo hội, đến nỗi có hàng ngàn người tự ý gia nhập giáo hội, và chịu phép báp têm để hối cải.
- 25 Và sự thịnh đạt của giáo hội thật lớn lao làm sao, và biết bao ân phước được ban trải xuống cho dân chúng đến nỗi ngay cả các thầy tư tế thượng phẩm và các thầy giảng cũng phải ngạc nhiên quá sức.

And now I return again to mine account; therefore, what I have spoken had passed after there had been great contentions, and disturbances, and wars, and dissensions, among the people of Nephi.

The forty and sixth year of the reign of the judges ended;

And it came to pass that there was still great contention in the land, yea, even in the forty and seventh year, and also in the forty and eighth year.

Nevertheless Helaman did fill the judgment-seat with justice and equity; yea, he did observe to keep the statutes, and the judgments, and the commandments of God; and he did do that which was right in the sight of God continually; and he did walk after the ways of his father, insomuch that he did prosper in the land.

And it came to pass that he had two sons. He gave unto the eldest the name of Nephi, and unto the youngest, the name of Lehi. And they began to grow up unto the Lord.

And it came to pass that the wars and contentions began to cease, in a small degree, among the people of the Nephites, in the latter end of the forty and eighth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And it came to pass in the forty and ninth year of the reign of the judges, there was continual peace established in the land, all save it were the secret combinations which Gadianton the robber had established in the more settled parts of the land, which at that time were not known unto those who were at the head of government; therefore they were not destroyed out of the land.

And it came to pass that in this same year there was exceedingly great prosperity in the church, insomuch that there were thousands who did join themselves unto the church and were baptized unto repentance.

And so great was the prosperity of the church, and so many the blessings which were poured out upon the people, that even the high priests and the teachers were themselves astonished beyond measure.

26 Và chuyện rằng, công việc của Chúa quả đã thịnh đạt rất nhiều qua việc báp têm và việc quy tụ được nhiều người về với giáo hội của Thượng Đế, phải, có đến hàng chục ngàn người.

27 Do đó chúng ta có thể thấy rằng, Chúa thương xót tất cả những ai sẽ khẩn cầu đến thánh danh của Ngài với một tấm lòng chân thành.

28 Phải, do đó chúng ta thấy rằng, cổng thiên thượng mở ra cho tất cả mọi người, cho những ai sẽ tin vào danh Chúa Giê Su Ky Tô, là Vị Nam Tử của Thượng Đế.

29 Phải, chúng ta thấy rằng, bất cứ ai muốn đều có thể có được lời của Thượng Đế, là lời sống và mãnh lực, đánh tan tất cả những xảo quyệt, những cạm bẫy, cùng những mưu chước của quỷ dữ, và dẫn dắt người của Đấng Ky Tô đi vào con đường chật và hẹp, vượt qua vực thẳm vĩnh viễn của sự khốn cùng, là nơi đã chuẩn bị để chôn vùi những kẻ tà ác—

30 Và đặt linh hồn họ, phải, linh hồn bất diệt của họ, ở bên tay phải của Thượng Đế trong vương quốc thiên thượng, để họ được ngồi chung với Áp Ra Ham, Y Sác, Gia Cốp, và tất cả các thánh tổ phụ của chúng ta, để họ không còn phải đi ra ngoài nữa.

31 Và trong năm này, đã có sự vui vẻ liên tục trong xứ Gia Ra Hem La, và trong tất cả những miền phụ cận, cùng khắp xứ thuộc chủ quyền của dân Nê Phi.

32 Và chuyện rằng, thái bình và sự vui mừng lớn lao đã đến trong xứ vào những ngày cuối năm thứ bốn mươi chín; phải, thái bình và sự vui mừng lớn lao cũng đã được liên tục tiếp nối trong năm thứ năm mươi dưới chế độ các phán quan.

33 Và vào năm thứ năm mươi một dưới chế độ các phán quan, thái bình vẫn còn tồn tại, ngoại trừ sự kiêu ngạo đã bắt đầu xâm nhập vào giáo hội— không phải xâm nhập vào giáo hội của Thượng Đế, mà xâm nhập vào trái tim của những người tự xưng mình thuộc giáo hội của Thượng Đế—

34 Và những kẻ ấy dương dương tự đắc đến độ ngược đãi ngay cả nhiều đồng bào của họ. Bấy giờ việc này là một sự tà ác lớn lao khiến cho những người khiêm nhường phải chịu đựng những ngược đãi lớn lao và phải vất vả trải qua nhiều nỗi đau buồn.

And it came to pass that the work of the Lord did prosper unto the baptizing and uniting to the church of God, many souls, yea, even tens of thousands.

Thus we may see that the Lord is merciful unto all who will, in the sincerity of their hearts, call upon his holy name.

Yea, thus we see that the gate of heaven is open unto all, even to those who will believe on the name of Jesus Christ, who is the Son of God.

Yea, we see that whosoever will may lay hold upon the word of God, which is quick and powerful, which shall divide asunder all the cunning and the snares and the wiles of the devil, and lead the man of Christ in a strait and narrow course across that everlasting gulf of misery which is prepared to engulf the wicked—

And land their souls, yea, their immortal souls, at the right hand of God in the kingdom of heaven, to sit down with Abraham, and Isaac, and with Jacob, and with all our holy fathers, to go no more out.

And in this year there was continual rejoicing in the land of Zarahemla, and in all the regions round about, even in all the land which was possessed by the Nephites.

And it came to pass that there was peace and exceedingly great joy in the remainder of the forty and ninth year; yea, and also there was continual peace and great joy in the fiftieth year of the reign of the judges.

And in the fifty and first year of the reign of the judges there was peace also, save it were the pride which began to enter into the church—not into the church of God, but into the hearts of the people who professed to belong to the church of God—

And they were lifted up in pride, even to the persecution of many of their brethren. Now this was a great evil, which did cause the more humble part of the people to suffer great persecutions, and to wade through much affliction.

35 Tuy nhiên, họ vẫn thường nhịn ăn và cầu nguyện, và họ đã trở nên càng ngày càng mạnh hơn trong sự khiêm nhường của họ, và càng ngày càng vững chắc hơn trong đức tin nơi Đấng Ky Tô, đến nỗi tâm hồn họ tràn ngập niềm hân hoan và an ủi, phải, trái tim họ được trở nên thanh khiết và thánh hóa, mà sự thánh hóa này có được là nhờ họ đã hiến dâng lòng mình lên Thượng Đế.

36 Và chuyện rằng, năm thứ năm mươi hai cũng được chấm dứt trong thái bình, ngoại trừ sự kiêu ngạo quá lớn đã xâm nhập vào lòng dân chúng; và việc này xảy ra cũng vì sự quá giàu có và thịnh vượng của họ trong xứ; và nó cứ lớn dần trong họ mỗi ngày.

37 Và chuyện rằng, vào năm thứ năm mươi ba dưới chế độ các phán quan, Hê La Man qua đời, và người con trưởng của ông là Nê Phi lên cai trị thay thế cha. Và chuyện rằng, ông đã ngồi ghế xét xử một cách công bình và bình đẳng, phải, ông đã tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế, và đã đi theo đường lối của phụ thân ông.

Nevertheless they did fast and pray oft, and did wax stronger and stronger in their humility, and firmer and firmer in the faith of Christ, unto the filling their souls with joy and consolation, yea, even to the purifying and the sanctification of their hearts, which sanctification cometh because of their yielding their hearts unto God.

And it came to pass that the fifty and second year ended in peace also, save it were the exceedingly great pride which had gotten into the hearts of the people; and it was because of their exceedingly great riches and their prosperity in the land; and it did grow upon them from day to day.

And it came to pass in the fifty and third year of the reign of the judges, Helaman died, and his eldest son Nephi began to reign in his stead. And it came to pass that he did fill the judgment-seat with justice and equity; yea, he did keep the commandments of God, and did walk in the ways of his father.

## Hê La Man 4

- 1 Và chuyện rằng, vào năm thứ năm mươi bốn, có nhiều sự bất hòa trong giáo hội, và cũng có nhiều tranh chấp trong dân chúng, đến nỗi có nhiều cuộc đổ máu.
- 2 Và phe phản loạn bị giết chết và bị đánh đuổi ra khỏi xứ, và họ đã đi đến với vua dân La Man.
- 3 Và chuyện rằng, họ cố khích động dân La Man để gây chiến với dân Nê Phi; nhưng này, dân La Man đã quá sợ hãi nên chúng không nghe theo lời của bọn người ly khai đó.
- 4 Nhưng chuyện rằng, đến năm thứ năm mươi sáu dưới chế độ các phán quan, có những người ly khai khác bỏ dân Nê Phi đến với dân La Man, và những người này cùng với những kẻ đến trước đã thành công trong việc khích động chúng tức giận dân Nê Phi; và suốt năm đó chúng đã chuẩn bị chiến tranh.
- 5 Và đến năm thứ năm mươi bảy, chúng đem quân đến gây chiến với dân Nê Phi, và chúng bắt đầu công việc chết chóc; phải, đến đổi vào năm thứ năm mươi tám dưới chế độ các phán quan, chúng thành công trong việc chiếm xứ Gia Ra Hem La; phải, và tất cả đất đai khác, cho đến tận vùng đất gần xứ Phong Phú.
- 6 Và dân Nê Phi cùng các đạo quân của Mô Rô Ni Ha bị đánh đuổi tận tới xứ Phong Phú;
- 7 Và ở đây, họ củng cố lực lượng để chống lại dân La Man, từ biển phía tây qua biển phía đông. Chiến tuyến mà họ đã củng cố và đóng các đạo quân của họ để bảo vệ xứ sở miền bắc có chiều dài bằng một ngày đường của một người dân Nê Phi.
- 8 Và như vậy là những người Nê Phi ly khai, nhờ có sự giúp đỡ của đạo quân đông đảo của dân La Man, đã đánh chiếm được tất cả những phần lãnh thổ của dân Nê Phi nằm trong xứ phía nam. Và tất cả những chuyện này đã xảy ra trong năm thứ năm mươi tám và năm mươi chín dưới chế độ các phán quan.

## Helaman 4

And it came to pass in the fifty and fourth year there were many dissensions in the church, and there was also a contention among the people, in-somuch that there was much bloodshed.

And the rebellious part were slain and driven out of the land, and they did go unto the king of the Lamanites.

And it came to pass that they did endeavor to stir up the Lamanites to war against the Nephites; but behold, the Lamanites were exceedingly afraid, in-somuch that they would not hearken to the words of those dissenters.

But it came to pass in the fifty and sixth year of the reign of the judges, there were dissenters who went up from the Nephites unto the Lamanites; and they succeeded with those others in stirring them up to anger against the Nephites; and they were all that year preparing for war.

And in the fifty and seventh year they did come down against the Nephites to battle, and they did commence the work of death; yea, in-somuch that in the fifty and eighth year of the reign of the judges they succeeded in obtaining possession of the land of Zarahemla; yea, and also all the lands, even unto the land which was near the land Bountiful.

And the Nephites and the armies of Moronihah were driven even into the land of Bountiful;

And there they did fortify against the Lamanites, from the west sea, even unto the east; it being a day's journey for a Nephite, on the line which they had fortified and stationed their armies to defend their north country.

And thus those dissenters of the Nephites, with the help of a numerous army of the Lamanites, had obtained all the possession of the Nephites which was in the land southward. And all this was done in the fifty and eighth and ninth years of the reign of the judges.

9 Và chuyện rằng, đến năm thứ sáu mươi dưới chế độ các phán quan, Mô Rô Ni Ha cùng với quân đội của mình đã thành công trong việc chiếm lại nhiều vùng đất trong xứ; phải, họ lấy lại được nhiều thành phố mà đã bị rơi vào tay dân La Man.

10 Và chuyện rằng, đến năm thứ sáu mươi một dưới chế độ các phán quan, họ thành công trong việc tái chiếm được phân nửa lãnh thổ của họ.

11 Bây giờ sự tổn thất lớn lao này của dân Nê Phi, và sự tàn sát khủng khiếp đã xảy ra ở giữa họ, lẽ ra đã không xảy ra nếu không phải vì sự tà ác và khả ố của họ, là điều đã xảy ra ở giữa họ; phải, và điều đó cũng đã xảy ra giữa những kẻ tự xưng là thuộc về giáo hội của Thượng Đế.

12 Và đó là vì sự kiêu ngạo trong lòng họ, vì sự quá ư giàu có của họ, phải, vì sự áp bức của họ đối với kẻ nghèo, bằng cách thu cất thực phẩm không cho kẻ đói, cất giấu áo quần không cho kẻ trần trụi, và tát vào má những người đồng bào khiêm nhường của mình, nhạo báng những gì thiêng liêng, bác bỏ tinh thần tiên tri và mặc khải, sát nhân, cướp bóc, dối trá, trộm cắp, phạm tội ngoại tình, và gây ra những cuộc tranh chấp lớn lao và bỏ quê hương để đến xứ Nê Phi sống cùng dân La Man—

13 Và cũng vì sự tà ác lớn lao này của họ, và lòng tự phụ về sức mạnh của mình, nên họ đã bị phó mặc vào sức mạnh của họ; do đó họ không thịnh đạt được, mà trái lại bị dân La Man làm đau khổ, đánh đập và đui đờm, cho đến khi họ đã mất gần hết lãnh thổ của mình.

14 Nhưng này, Mô Rô Ni Ha đã thuyết giảng nhiều điều cho dân chúng nghe vì sự bất chính của họ, và Nê Phi cùng Lê Hi, là những người con của Hê La Man, cũng thuyết giảng nhiều điều cho dân chúng nghe, phải, và đã nói tiên tri nhiều điều về sự bất chính của họ, và những gì sẽ xảy đến với họ nếu họ không hối cải tội lỗi của mình.

15 Và chuyện rằng, họ quả đã hối cải, và khi họ hối cải thì họ bắt đầu được thịnh vượng.

And it came to pass in the sixtieth year of the reign of the judges, Moronihah did succeed with his armies in obtaining many parts of the land; yea, they regained many cities which had fallen into the hands of the Lamanites.

And it came to pass in the sixty and first year of the reign of the judges they succeeded in regaining even the half of all their possessions.

Now this great loss of the Nephites, and the great slaughter which was among them, would not have happened had it not been for their wickedness and their abomination which was among them; yea, and it was among those also who professed to belong to the church of God.

And it was because of the pride of their hearts, because of their exceeding riches, yea, it was because of their oppression to the poor, withholding their food from the hungry, withholding their clothing from the naked, and smiting their humble brethren upon the cheek, making a mock of that which was sacred, denying the spirit of prophecy and of revelation, murdering, plundering, lying, stealing, committing adultery, rising up in great contentions, and deserting away into the land of Nephi, among the Lamanites—

And because of this their great wickedness, and their boastings in their own strength, they were left in their own strength; therefore they did not prosper, but were afflicted and smitten, and driven before the Lamanites, until they had lost possession of almost all their lands.

But behold, Moronihah did preach many things unto the people because of their iniquity, and also Nephi and Lehi, who were the sons of Helaman, did preach many things unto the people, yea, and did prophesy many things unto them concerning their iniquities, and what should come unto them if they did not repent of their sins.

And it came to pass that they did repent, and inasmuch as they did repent they did begin to prosper.

- 16 Vì khi Mô Rô Ni Ha thấy họ đã hối cải, ông đã mạo hiểm dẫn dắt họ đi từ chỗ này qua chỗ kia, từ thành phố này đến thành phố khác, cho đến khi họ chiếm lại được phân nửa tài sản và phân nửa lãnh thổ của họ.
- 17 Và như vậy là năm thứ sáu mươi một dưới chế độ các phán quan đã chấm dứt.
- 18 Và chuyện rằng, đến năm thứ sáu mươi hai dưới chế độ các phán quan, Mô Rô Ni Ha không còn tái chiếm được phần lãnh thổ nào nữa từ dân La Man.
- 19 Vậy nên họ đã bỏ ý định tái chiếm những phần còn lại của lãnh thổ mình, vì dân La Man quá đông nên dân Nê Phi không thể nào có sức mạnh hơn chúng được; vậy nên Mô Rô Ni Ha đã dùng tất cả các đạo quân của mình để bảo vệ những phần đất mà ông đã lấy lại được.
- 20 Và chuyện rằng, vì quân số dân La Man quá đông khiến dân Nê Phi phải khiếp sợ, họ sợ rằng họ sẽ bị thôn tính, bị dày xéo, bị giết chết, và bị hủy diệt.
- 21 Phải, họ bắt đầu nhớ lại những lời tiên tri của An Ma và những lời của Mô Si A; và họ thấy rằng, họ là một dân tộc cứng cổ, và họ đã xem thường những lệnh truyền của Thượng Đế;
- 22 Và rằng họ đã sửa đổi và chà đạp dưới chân những luật pháp của Mô Si A, hay là những điều mà Chúa đã truyền lệnh cho ông phải ban lại cho dân; và họ thấy rằng, luật pháp của họ đã trở nên suy đồi, và họ đã trở nên một dân tộc tà ác, và họ tà ác đến nỗi chẳng khác chi dân La Man.
- 23 Và cũng vì sự bất chính của họ nên giáo hội đã bắt đầu suy yếu; còn họ thì đã bắt đầu không tin vào tinh thần tiên tri và tinh thần mặc khải; và những sự đoán phạt của Thượng Đế đã nhìn chòng chọc vào mặt họ.
- 24 Và họ thấy rằng họ đã trở nên yếu đuối, chẳng khác chi đồng bào của họ là dân La Man, và Thánh Linh của Chúa không còn gìn giữ họ nữa; phải, Ngài đã từ bỏ họ, vì Thánh Linh của Chúa không ngự trong những ngôi đền không thánh thiện—

For when Moronihah saw that they did repent he did venture to lead them forth from place to place, and from city to city, even until they had regained the one-half of their property and the one-half of all their lands.

And thus ended the sixty and first year of the reign of the judges.

And it came to pass in the sixty and second year of the reign of the judges, that Moronihah could obtain no more possessions over the Lamanites.

Therefore they did abandon their design to obtain the remainder of their lands, for so numerous were the Lamanites that it became impossible for the Nephites to obtain more power over them; therefore Moronihah did employ all his armies in maintaining those parts which he had taken.

And it came to pass, because of the greatness of the number of the Lamanites the Nephites were in great fear, lest they should be overpowered, and trodden down, and slain, and destroyed.

Yea, they began to remember the prophecies of Alma, and also the words of Mosiah; and they saw that they had been a stiffnecked people, and that they had set at naught the commandments of God;

And that they had altered and trampled under their feet the laws of Mosiah, or that which the Lord commanded him to give unto the people; and they saw that their laws had become corrupted, and that they had become a wicked people, inso-much that they were wicked even like unto the Lamanites.

And because of their iniquity the church had begun to dwindle; and they began to disbelieve in the spirit of prophecy and in the spirit of revelation; and the judgments of God did stare them in the face.

And they saw that they had become weak, like unto their brethren, the Lamanites, and that the Spirit of the Lord did no more preserve them; yea, it had withdrawn from them because the Spirit of the Lord doth not dwell in unholy temples—



25 Vậy nên Chúa thôi bảo vệ họ bằng quyền năng kỳ diệu và vô song của Ngài, vì họ đã rơi vào trạng thái vô tín ngưỡng và sự tà ác ghê gớm; và họ thấy dân La Man đông hơn họ nhiều, và trừ phi họ bám lấy Chúa, Thượng Đế của họ, thì họ sẽ không thể tránh khỏi bị diệt vong.

26 Vì này, họ thấy rằng, lực lượng của dân La Man cũng đồng bằng lực lượng của họ, ngay cả lấy một người đấu với một người. Và họ đã rơi vào sự phạm giới lớn lao này như vậy; phải, và vì sự phạm giới ấy mà họ trở nên yếu kém, trong vòng chẳng bao nhiêu năm.

Therefore the Lord did cease to preserve them by his miraculous and matchless power, for they had fallen into a state of unbelief and awful wickedness; and they saw that the Lamanites were exceedingly more numerous than they, and except they should cleave unto the Lord their God they must unavoidably perish.

For behold, they saw that the strength of the Lamanites was as great as their strength, even man for man. And thus had they fallen into this great transgression; yea, thus had they become weak, because of their transgression, in the space of not many years.

## Hê La Man 5

- 1 Và chuyện rằng, cũng trong năm đó, này, Nê Phi trao ghế xét xử cho một người tên là Kê Giô Ram.
- 2 Vì lúc ấy luật pháp và chính quyền của họ do tiếng nói của dân chúng thiết lập, và những người chọn lựa điều ác lại đông hơn những người chọn lựa điều thiện, vậy nên, họ đã chín muồi để chịu sự hủy diệt, vì luật pháp đã trở nên suy đồi.
- 3 Phải, và như vậy chưa phải là hết; họ còn là một dân tộc cứng cổ, đến nỗi họ không thể bị luật pháp hay công lý sửa trị, ngoại trừ sự hủy diệt đến với họ mà thôi.
- 4 Và chuyện rằng, Nê Phi trở nên buồn chán vì sự bất chính của họ; nên ông đã nhường ghế xét xử lại, rồi tình nguyện đi thuyết giảng lời của Thượng Đế suốt những ngày còn lại của đời ông, và luôn cả Lê Hi là em ông cũng đi thuyết giảng suốt những ngày còn lại của đời mình;
- 5 Vì họ nhớ những lời mà phụ thân họ là Hê La Man đã nói với họ. Và đây là những lời mà ông đã nói:
- 6 Này, hỡi các con trai của cha, cha mong rằng các con sẽ nhớ tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế; và cha cũng mong rằng, các con sẽ rao truyền những lời này cho dân chúng biết. Này, cha đã đặt tên các con theo tên các tổ phụ đầu tiên của chúng ta là những người đã rời bỏ xứ Giê Ru Sa Lem ra đi; và cha làm như vậy là để khi các con nhớ đến tên mình thì các con nhớ đến họ; và khi các con nhớ đến họ thì các con sẽ nhớ đến những việc làm của họ; và khi các con nhớ đến những việc làm của họ, thì các con sẽ biết được tại sao người ta đã nói, và cũng đã viết ra, là những việc làm của họ tốt đẹp.
- 7 Vậy nên, hỡi các con trai của cha, cha muốn các con làm những gì tốt đẹp để người ta có thể nói đến, và cũng viết ra, về các con, giống như những gì đã được nói và viết về họ.

## Helaman 5

And it came to pass that in this same year, behold, Nephi delivered up the judgment-seat to a man whose name was Cezoram.

For as their laws and their governments were established by the voice of the people, and they who chose evil were more numerous than they who chose good, therefore they were ripening for destruction, for the laws had become corrupted.

Yea, and this was not all; they were a stiffnecked people, insomuch that they could not be governed by the law nor justice, save it were to their destruction.

And it came to pass that Nephi had become weary because of their iniquity; and he yielded up the judgment-seat, and took it upon him to preach the word of God all the remainder of his days, and his brother Lehi also, all the remainder of his days;

For they remembered the words which their father Helaman spake unto them. And these are the words which he spake:

Behold, my sons, I desire that ye should remember to keep the commandments of God; and I would that ye should declare unto the people these words. Behold, I have given unto you the names of our first parents who came out of the land of Jerusalem; and this I have done that when you remember your names ye may remember them; and when ye remember them ye may remember their works; and when ye remember their works ye may know how that it is said, and also written, that they were good.

Therefore, my sons, I would that ye should do that which is good, that it may be said of you, and also written, even as it has been said and written of them.

- 8 Và giờ đây, hỡi các con trai của cha, này, cha có một điều mong muốn khác nữa nơi các con, đó là các con chớ làm những việc này để khoe khoang, mà các con làm những việc này là để tích lũy cho mình một kho tàng trên trời, phải, đó là một kho tàng vĩnh cửu và không bao giờ hao mòn; phải, để các con có thể nhận được ân tứ quý giá đó về cuộc sống vĩnh cửu, mà chúng ta có lý do để tin rằng tổ phụ chúng ta đã được ban cho.
- 9 Ôi, hỡi các con trai của cha, hãy nhớ, hãy nhớ những lời vua Bên Gia Min đã nói cùng dân ông; phải, hãy nhớ rằng, chẳng có phương tiện nào hay đường lối nào khác mà nhờ đó loài người có thể được cứu, ngoại trừ máu chuộc tội của Chúa Giê Su Ky Tô, là Đấng sẽ đến; phải, hãy ghi nhớ rằng, Ngài sẽ đến để cứu chuộc thế gian;
- 10 Và cũng hãy nhớ những lời A Mu Léc đã nói với Giê Rôm, tại thành phố Am Mô Ni Ha; vì ông đã nói rằng: Chúa chắc chắn sẽ đến để cứu chuộc dân Ngài, nhưng Ngài sẽ không đến để cứu chuộc họ trong tội lỗi của họ, mà để cứu chuộc họ khỏi tội lỗi của họ.
- 11 Và Ngài được Đức Chúa Cha ban cho quyền năng để cứu chuộc họ khỏi tội lỗi của họ nhờ sự hối cải; do đó Ngài đã phái các thiên sứ đi rao truyền tin mừng về những điều kiện hối cải, là những điều kiện dẫn đến quyền năng của Đấng Cứu Chuộc và dẫn đến sự cứu rỗi linh hồn họ.
- 12 Và giờ đây, hỡi các con trai của cha, hãy nhớ, hãy nhớ rằng các con phải xây dựng nền móng của mình trên đá của Đấng Cứu Chuộc chúng ta, tức là Đấng Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế; để cho khi nào quỷ dữ tung những ngọn gió mạnh của nó ra, phải, những mũi tên trong cơn gió lốc của nó, phải, khi những trận mưa đá và những cơn bão tố mãnh liệt của nó tới tấp đổ xuống trên các con, thì nó sẽ không có quyền năng nào để lôi kéo các con xuống vực thẳm khốn cùng và đau thương bất tận được, vì nhờ đá mà các con được xây cất trên đó, đá ấy là một nền móng vững chắc, là một nền móng mà nếu loài người xây dựng trên đó họ sẽ không thể nào đổ ngã được.

And now my sons, behold I have somewhat more to desire of you, which desire is, that ye may not do these things that ye may boast, but that ye may do these things to lay up for yourselves a treasure in heaven, yea, which is eternal, and which fadeth not away; yea, that ye may have that precious gift of eternal life, which we have reason to suppose hath been given to our fathers.

O remember, remember, my sons, the words which king Benjamin spake unto his people; yea, remember that there is no other way nor means whereby man can be saved, only through the atoning blood of Jesus Christ, who shall come; yea, remember that he cometh to redeem the world.

And remember also the words which Amulek spake unto Zeezrom, in the city of Ammonihah; for he said unto him that the Lord surely should come to redeem his people, but that he should not come to redeem them in their sins, but to redeem them from their sins.

And he hath power given unto him from the Father to redeem them from their sins because of repentance; therefore he hath sent his angels to declare the tidings of the conditions of repentance, which bringeth unto the power of the Redeemer, unto the salvation of their souls.

And now, my sons, remember, remember that it is upon the rock of our Redeemer, who is Christ, the Son of God, that ye must build your foundation; that when the devil shall send forth his mighty winds, yea, his shafts in the whirlwind, yea, when all his hail and his mighty storm shall beat upon you, it shall have no power over you to drag you down to the gulf of misery and endless wo, because of the rock upon which ye are built, which is a sure foundation, a foundation whereon if men build they cannot fall.

- 13 Và chuyện rằng, đây là những lời Hê La Man đã giảng dạy cho các con trai ông; phải, ông đã giảng dạy cho họ nhiều điều chưa từng được ghi chép, cũng như nhiều điều đã được ghi chép rồi.
- 14 Và họ đã ghi nhớ những lời ông dạy; vậy nên, tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, họ đã ra đi giảng dạy lời của Thượng Đế cho tất cả mọi người dân Nê Phi, khởi đầu từ thành phố Phong Phú;
- 15 Và từ thành phố này, đến thành phố Ghi Đơ; và từ thành phố Ghi Đơ đến thành phố Mơ Léc;
- 16 Rồi từ thành phố này qua thành phố khác, cho đến khi họ đã đi giữa khắp dân Nê Phi ở xứ phía nam; và từ đó đến xứ Gia Ra Hem La, giữa dân La Man.
- 17 Và chuyện rằng, họ đã thuyết giảng với một quyền năng mạnh mẽ đến nỗi họ làm đui mắt cả những người đã ly khai khỏi dân Nê Phi, đến nỗi những kẻ ấy phải đến thú nhận tội lỗi của mình và được báp têm để hối cải, và những người này liền trở về với dân Nê Phi để cố gắng sửa chữa những điều sai lầm họ đã làm.
- 18 Và chuyện rằng, Nê Phi và Lê Hi đã thuyết giảng cho dân La Man với quyền năng và thẩm quyền lớn lao như vậy, vì họ đã được ban cho quyền năng và thẩm quyền để nói, và họ cũng còn được ban cho những điều gì họ phải nói ra.
- 19 Vậy nên họ đã nói lên trước sự ngạc nhiên của dân La Man, và đã thuyết phục được họ, đến nỗi có tám ngàn người La Man trong xứ Gia Ra Hem La và những vùng chung quanh tới chịu phép báp têm để hối cải và được thuyết phục tin về sự tà ác của những truyền thống của tổ phụ họ.
- 20 Và chuyện rằng, từ nơi đó Nê Phi và Lê Hi lên đường đi sang xứ Nê Phi.
- 21 Và chuyện rằng, họ bị một đạo quân La Man bắt bỏ vào nhà giam; phải, chính nhà giam mà ngày trước Am Môn cùng những người bạn đồng hành của ông đã bị các tội tớ của Lim Hi bắt giam.
- 22 Và sau khi họ bị nhốt trong nhà giam ấy nhiều ngày không được ăn uống gì, thì này, chúng đến nhà giam bắt họ đem ra để giết.

And it came to pass that these were the words which Helaman taught to his sons; yea, he did teach them many things which are not written, and also many things which are written.

And they did remember his words; and therefore they went forth, keeping the commandments of God, to teach the word of God among all the people of Nephi, beginning at the city Bountiful;

And from thenceforth to the city of Gid; and from the city of Gid to the city of Mulek;

And even from one city to another, until they had gone forth among all the people of Nephi who were in the land southward; and from thence into the land of Zarahemla, among the Lamanites.

And it came to pass that they did preach with great power, insomuch that they did confound many of those dissenters who had gone over from the Nephites, insomuch that they came forth and did confess their sins and were baptized unto repentance, and immediately returned to the Nephites to endeavor to repair unto them the wrongs which they had done.

And it came to pass that Nephi and Lehi did preach unto the Lamanites with such great power and authority, for they had power and authority given unto them that they might speak, and they also had what they should speak given unto them—

Therefore they did speak unto the great astonishment of the Lamanites, to the convincing them, insomuch that there were eight thousand of the Lamanites who were in the land of Zarahemla and round about baptized unto repentance, and were convinced of the wickedness of the traditions of their fathers.

And it came to pass that Nephi and Lehi did proceed from thence to go to the land of Nephi.

And it came to pass that they were taken by an army of the Lamanites and cast into prison; yea, even in that same prison in which Ammon and his brethren were cast by the servants of Limhi.

And after they had been cast into prison many days without food, behold, they went forth into the prison to take them that they might slay them.

23 Và chuyện rằng, Nê Phi và Lê Hi được một thứ gì như lửa bao bọc chung quanh, khiến chúng không dám sờ vào người hai ông, vì sợ bị phỏng tay. Vậy mà Nê Phi và Lê Hi không hề bị phỏng; và họ giống như đang đứng trong lửa mà không bị cháy.

24 Và khi họ thấy mình bị bao bọc bởi một cột lửa nhưng không bị lửa đốt cháy thì lòng họ đã trở nên can đảm.

25 Vì họ thấy dân La Man không dám đặt tay lên người mình. Chúng cũng không dám đến gần họ, nhưng chúng đứng đó như người bị câm bởi quá ngạc nhiên.

26 Và chuyện rằng, Nê Phi và Lê Hi bèn bước tới và bắt đầu nói với chúng: Chớ kinh hãi, vì này, chính Thượng Đế đã cho các người thấy điều kỳ diệu này để các người thấy rằng các người không thể đặt tay lên người chúng tôi để giết chúng tôi được.

27 Và này, khi họ nói xong những lời này thì mặt đất bỗng rung chuyển dữ dội, và các bức tường của nhà giam cũng rung chuyển như thể sắp sụp đổ xuống đất; nhưng này, các bức tường không đổ. Và này, những người ở trong nhà giam là những người La Man và những người Nê Phi ly khai.

28 Và chuyện rằng, chúng bị một đám mây đen tối bao phủ, và sự kinh sợ khủng khiếp xâm chiếm chúng.

29 Và chuyện rằng, một tiếng nói hình như từ trên đám mây đen tối ấy vọng xuống mà rằng: Các người hãy hối cải, hãy hối cải, và đừng tìm cách hủy diệt các tôi tớ của ta nữa, là những người ta phái tới để rao truyền tin lành cho các người.

30 Và chuyện rằng, khi chúng nghe tiếng nói này và thấy rằng đó không phải là tiếng sấm sét hay tiếng huyền não ồn ào, nhưng này, đó là một tiếng nói hết sức dịu dàng, tựa hồ như một lời thì thầm, và nó quả thật xuyên thấu tận tâm hồn—

31 Và mặc dù tiếng nói đầy vẻ dịu dàng, nhưng này, mặt đất rung chuyển dữ dội, và các bức tường của nhà giam lại rung rinh như sắp đổ xuống đất, và này, đám mây đen tối bao phủ trên đầu chúng cũng không tan đi—

And it came to pass that Nephi and Lehi were encircled about as if by fire, even insomuch that they durst not lay their hands upon them for fear lest they should be burned. Nevertheless, Nephi and Lehi were not burned; and they were as standing in the midst of fire and were not burned.

And when they saw that they were encircled about with a pillar of fire, and that it burned them not, their hearts did take courage.

For they saw that the Lamanites durst not lay their hands upon them; neither durst they come near unto them, but stood as if they were struck dumb with amazement.

And it came to pass that Nephi and Lehi did stand forth and began to speak unto them, saying: Fear not, for behold, it is God that has shown unto you this marvelous thing, in the which is shown unto you that ye cannot lay your hands on us to slay us.

And behold, when they had said these words, the earth shook exceedingly, and the walls of the prison did shake as if they were about to tumble to the earth; but behold, they did not fall. And behold, they that were in the prison were Lamanites and Nephites who were dissenters.

And it came to pass that they were overshadowed with a cloud of darkness, and an awful solemn fear came upon them.

And it came to pass that there came a voice as if it were above the cloud of darkness, saying: Repent ye, repent ye, and seek no more to destroy my servants whom I have sent unto you to declare good tidings.

And it came to pass when they heard this voice, and beheld that it was not a voice of thunder, neither was it a voice of a great tumultuous noise, but behold, it was a still voice of perfect mildness, as if it had been a whisper, and it did pierce even to the very soul—

And notwithstanding the mildness of the voice, behold the earth shook exceedingly, and the walls of the prison trembled again, as if it were about to tumble to the earth; and behold the cloud of darkness, which had overshadowed them, did not disperse—

32 Và này, tiếng nói lại vọng xuống mà rằng: Các người hãy hối cải, hãy hối cải, vì vương quốc thiên thượng đã gần kề; và chớ có tìm cách hủy diệt các tôi tớ của ta nữa. Và chuyện rằng, mặt đất lại rung chuyển, và các bức tường lại rung rinh.

33 Và tiếng nói lại vọng xuống một lần thứ ba nữa, và nói với họ những lời kỳ diệu mà loài người không thể nào nói được; và các bức tường lại rung rinh, và mặt đất lại rung chuyển hầu như sắp nứt ra vậy.

34 Và chuyện rằng, những người La Man không thể nào chạy trốn được vì bị đám mây đen tối bao phủ; phải, và họ cũng không cử động được, vì sự sợ hãi đã xâm chiếm họ.

35 Lúc bấy giờ, trong bọn họ có một người gốc dân Nê Phi, trước kia cũng thuộc giáo hội của Thượng Đế nhưng nay đã ly khai.

36 Và chuyện rằng, anh ta quay mình lại, và này, xuyên qua đám mây đen tối, anh ta trông thấy mặt của Nê Phi và Lê Hi; và này, mặt hai người thật rạng rỡ vô cùng, chẳng khác chi mặt các thiên sứ. Và anh ta trông thấy họ đang ngược mắt lên trời, với dáng điệu hình như đang nói chuyện hay đang cất giọng ngỏ lời cùng một người nào mà họ trông thấy.

37 Và chuyện rằng, người này kêu to lên cho đám đông quay đầu nhìn lại. Và này, có một quyền năng truyền đến họ khiến họ quay lại nhìn; và họ đã trông thấy mặt của Nê Phi và Lê Hi.

38 Và họ hỏi anh ta rằng: Này, tất cả những sự việc này có nghĩa gì, và hai người này nói chuyện với ai vậy?

39 Bấy giờ tên người này là A Mi Na Đáp. Và A Mi Na Đáp trả lời họ rằng: Họ đang nói chuyện với các thiên sứ của Thượng Đế.

40 Và chuyện rằng, những người La Man hỏi anh ta rằng: Bấy giờ chúng tôi phải làm sao đây để cho đám mây đen tối kia có thể được dời đi không còn bao phủ chúng tôi nữa?

And behold the voice came again, saying: Repent ye, repent ye, for the kingdom of heaven is at hand; and seek no more to destroy my servants. And it came to pass that the earth shook again, and the walls trembled.

And also again the third time the voice came, and did speak unto them marvelous words which cannot be uttered by man; and the walls did tremble again, and the earth shook as if it were about to divide asunder.

And it came to pass that the Lamanites could not flee because of the cloud of darkness which did overshadow them; yea, and also they were immovable because of the fear which did come upon them.

Now there was one among them who was a Nephite by birth, who had once belonged to the church of God but had dissented from them.

And it came to pass that he turned him about, and behold, he saw through the cloud of darkness the faces of Nephi and Lehi; and behold, they did shine exceedingly, even as the faces of angels. And he beheld that they did lift their eyes to heaven; and they were in the attitude as if talking or lifting their voices to some being whom they beheld.

And it came to pass that this man did cry unto the multitude, that they might turn and look. And behold, there was power given unto them that they did turn and look; and they did behold the faces of Nephi and Lehi.

And they said unto the man: Behold, what do all these things mean, and who is it with whom these men do converse?

Now the man's name was Aminadab. And Aminadab said unto them: They do converse with the angels of God.

And it came to pass that the Lamanites said unto him: What shall we do, that this cloud of darkness may be removed from overshadowing us?

41 Và A Mi Na Đáp trả lời chúng rằng: Các người phải hối cải, và cầu khẩn lên tiếng nói ấy cho đến lúc nào các người có đức tin nơi Đấng Ky Tô, là Đấng mà An Ma, A Mu Léc, và Giê Rôm đã giảng dạy cho các người biết; và khi nào các người làm được như vậy thì đám mây đen tối sẽ được dời đi không còn bao phủ các người nữa.

42 Và chuyện rằng, tất cả bọn họ bắt đầu cầu khẩn với tiếng nói của Đấng đã làm rung chuyển mặt đất; phải, họ cầu khẩn cho đến khi đám mây đen tan biến đi.

43 Và chuyện rằng, khi họ đưa mắt nhìn quanh, và thấy đám mây đen đã tan đi không còn bao phủ lấy họ nữa, này, họ thấy mình bị bao quanh, phải mọi người, bởi một cột lửa.

44 Còn Nê Phi và Lê Hi thì đang đứng giữa bọn họ; phải, họ bị bao quanh; phải, hình như họ đang đứng giữa đám lửa cháy đỏ, nhưng lửa không làm cho họ hề hấn gì, và các bức tường của nhà giam cũng không thiệt hại gì; rồi họ tràn đầy niềm vui sướng, một niềm vui sướng khó tả và tràn đầy vinh quang.

45 Và này, Đức Thánh Linh của Thượng Đế đã từ trên trời giáng xuống và nhập vào tâm hồn họ, khiến họ cảm thấy như được tràn ngập trong lửa, và họ có thể thốt lên những lời kỳ diệu.

46 Và chuyện rằng, một tiếng nói lại đến với họ, phải, một tiếng nói êm ái chẳng khác chi tiếng thì thầm phán rằng:

47 Bình an, bình an cho các người, nhờ đức tin của các người nơi Con Yêu Quý của ta là Đấng hằng có từ lúc thế gian mới được tạo dựng.

48 Và giờ đây, khi nghe được như vậy, họ liền đưa mắt nhìn xem tiếng nói ấy từ đâu vọng lại, này, họ trông thấy các tầng trời mở ra, và các thiên sứ từ trời xuống phục sự họ.

49 Có khoảng ba trăm người đã nghe và thấy những điều này; và họ được lệnh ra đi và không được kinh ngạc và cũng không được nghi ngờ gì hết.

And Aminadab said unto them: You must repent, and cry unto the voice, even until ye shall have faith in Christ, who was taught unto you by Alma, and Amulek, and Zeezrom; and when ye shall do this, the cloud of darkness shall be removed from overshadowing you.

And it came to pass that they all did begin to cry unto the voice of him who had shaken the earth; yea, they did cry even until the cloud of darkness was dispersed.

And it came to pass that when they cast their eyes about, and saw that the cloud of darkness was dispersed from overshadowing them, behold, they saw that they were encircled about, yea every soul, by a pillar of fire.

And Nephi and Lehi were in the midst of them; yea, they were encircled about; yea, they were as if in the midst of a flaming fire, yet it did harm them not, neither did it take hold upon the walls of the prison; and they were filled with that joy which is unspeakable and full of glory.

And behold, the Holy Spirit of God did come down from heaven, and did enter into their hearts, and they were filled as if with fire, and they could speak forth marvelous words.

And it came to pass that there came a voice unto them, yea, a pleasant voice, as if it were a whisper, saying:

Peace, peace be unto you, because of your faith in my Well Beloved, who was from the foundation of the world.

And now, when they heard this they cast up their eyes as if to behold from whence the voice came; and behold, they saw the heavens open; and angels came down out of heaven and ministered unto them.

And there were about three hundred souls who saw and heard these things; and they were bidden to go forth and marvel not, neither should they doubt.

50 Và chuyện rằng, họ đã ra đi giảng dạy cho dân chúng, rao truyền cho khắp miền chung quanh biết tất cả những gì họ đã được nghe và thấy, khiến cho phần lớn những người La Man đã được thuyết phục tin về những điều này, nhờ những bằng chứng hiển nhiên lớn lao mà họ đã nhận được.

51 Và tất cả những ai được thuyết phục đều cất bỏ vũ khí chiến tranh của mình và xóa bỏ hận thù cùng truyền thống của tổ phụ họ.

52 Và chuyện rằng, họ đã hoàn trả cho dân Nê Phi những phần đất thuộc quyền sở hữu của họ.

And it came to pass that they did go forth, and did minister unto the people, declaring throughout all the regions round about all the things which they had heard and seen, insomuch that the more part of the Lamanites were convinced of them, because of the greatness of the evidences which they had received.

And as many as were convinced did lay down their weapons of war, and also their hatred and the tradition of their fathers.

And it came to pass that they did yield up unto the Nephites the lands of their possession.



## Hê La Man 6

- 1 Và chuyện rằng, khi năm thứ sáu mươi hai dưới chế độ các phán quan đã chấm dứt, thì tất cả những sự việc này đã xảy ra, và dân La Man, phần lớn dân họ, đã trở thành một dân tộc ngay chính, đến độ sự ngay chính của họ đã vượt cả dân Nê Phi, nhờ sự vững chắc và bền lòng của họ trong đức tin.
- 2 Vì này, có nhiều người Nê Phi nay đã trở nên chai đá, không hối cải và hết sức tàn ác, đến nỗi họ chối bỏ lời của Thượng Đế cùng mọi lời giáo huấn và tiên tri mà đã đến ở giữa họ.
- 3 Tuy vậy, dân giáo hội vẫn có sự vui mừng lớn lao vì sự cải đạo của những người La Man; phải, vì giáo hội của Thượng Đế đã được thiết lập giữa họ. Và họ đã cùng nhau thân thiện, cùng nhau hân hoan và có được niềm vui lớn lao.
- 4 Và chuyện rằng, có nhiều người La Man đi xuống xứ Gia Ra Hem La rao truyền cho dân Nê Phi biết về cách thức cải đạo của mình, và khuyên nhủ họ phải có đức tin và hối cải.
- 5 Phải, có nhiều người đã thuyết giảng với quyền năng và thẩm quyền lớn lao khiến cho nhiều người biết hạ mình xuống tận đáy sâu của sự khiêm nhường để trở thành những tín đồ khiêm nhường của Thượng Đế và Chiên Con.
- 6 Và chuyện rằng, có nhiều người La Man đi tới xứ phía bắc, và luôn cả Nê Phi cùng Lê Hi cũng đi tới xứ phía bắc, để thuyết giảng cho dân chúng nghe. Và như vậy là chấm dứt năm thứ sáu mươi ba.
- 7 Và này, cảnh thái bình có trong khắp xứ, đến nỗi dân Nê Phi có thể đi đến bất cứ nơi nào họ muốn, dù là ở giữa dân Nê Phi hay dân La Man.
- 8 Và chuyện rằng, dân La Man cũng có thể đi đến bất cứ nơi nào họ muốn, dù ở giữa dân La Man hay dân Nê Phi; và nhờ đó mà họ có được sự giao dịch tự do với nhau trong việc mua bán để kiếm lời tùy theo ý muốn của họ.

## Helaman 6

And it came to pass that when the sixty and second year of the reign of the judges had ended, all these things had happened and the Lamanites had become, the more part of them, a righteous people, insomuch that their righteousness did exceed that of the Nephites, because of their firmness and their steadiness in the faith.

For behold, there were many of the Nephites who had become hardened and impenitent and grossly wicked, insomuch that they did reject the word of God and all the preaching and prophesying which did come among them.

Nevertheless, the people of the church did have great joy because of the conversion of the Lamanites, yea, because of the church of God, which had been established among them. And they did fellowship one with another, and did rejoice one with another, and did have great joy.

And it came to pass that many of the Lamanites did come down into the land of Zarahemla, and did declare unto the people of the Nephites the manner of their conversion, and did exhort them to faith and repentance.

Yea, and many did preach with exceedingly great power and authority, unto the bringing down many of them into the depths of humility, to be the humble followers of God and the Lamb.

And it came to pass that many of the Lamanites did go into the land northward; and also Nephi and Lehi went into the land northward, to preach unto the people. And thus ended the sixty and third year.

And behold, there was peace in all the land, insomuch that the Nephites did go into whatsoever part of the land they would, whether among the Nephites or the Lamanites.

And it came to pass that the Lamanites did also go whithersoever they would, whether it were among the Lamanites or among the Nephites; and thus they did have free intercourse one with another, to buy and to sell, and to get gain, according to their desire.

- 9 Và chuyện rằng, họ trở nên rất giàu có, cả dân La Man lẫn dân Nê Phi; và họ có rất nhiều vàng bạc cùng đủ các loại kim khí quý giá, cả trong xứ miền nam lẫn trong xứ miền bắc.
- 10 Lúc bấy giờ, xứ miền nam gọi là Lê Hi và xứ miền bắc gọi là Mơ Léc, đặt theo tên con trai của Sê Đê Kia; vì Chúa đã đem Mơ Léc lên xứ miền bắc và đem Lê Hi xuống xứ miền nam.
- 11 Và này, cả hai xứ này đều có đủ các loại vàng bạc và đủ các loại khoáng kim quý giá; và cũng có nhiều thợ khéo để nấu và lọc những khoáng kim ấy; và nhờ đó mà họ trở nên giàu có.
- 12 Họ trồng rất nhiều ngũ cốc, cả miền bắc lẫn miền nam; và họ trở nên hết sức phát đạt, cả miền bắc lẫn miền nam. Và họ sinh sôi nảy nở và trở nên vô cùng hùng mạnh trong xứ. Và họ đã chăn nuôi nhiều đàn gia súc và nhiều bầy thú, phải, rất nhiều gia súc béo mập.
- 13 Này, phụ nữ của họ thì kéo sợi dệt vải. Họ dệt tất cả các loại vải vóc, đủ thứ tơ lụa đẹp cùng vải gai mịn để may y phục đủ loại để che thân. Và như vậy là năm thứ sáu mươi bốn đã trôi qua trong thái bình.
- 14 Và trong năm thứ sáu mươi lăm, họ cũng được yên vui thái bình; phải, họ được nghe nhiều lời thuyết giảng và nhiều điều tiên tri về những sự việc sẽ xảy ra. Và như vậy là năm thứ sáu mươi lăm đã trôi qua.
- 15 Và chuyện rằng, đến năm thứ sáu mươi sáu dưới chế độ các phán quan, này, Kê Giô Ram bị một bàn tay vô danh ám sát khi ông đang ngồi trên ghế xét xử. Và chuyện rằng, cũng trong năm này, con trai ông, người được dân chúng chỉ định lên thay thế ông, cũng bị ám sát. Và như vậy là chấm dứt năm thứ sáu mươi sáu.
- 16 Và vào đầu năm thứ sáu mươi bảy, dân chúng lại bắt đầu trở nên hết sức tà ác.

And it came to pass that they became exceedingly rich, both the Lamanites and the Nephites; and they did have an exceeding plenty of gold, and of silver, and of all manner of precious metals, both in the land south and in the land north.

Now the land south was called Lehi, and the land north was called Mulek, which was after the son of Zedekiah; for the Lord did bring Mulek into the land north, and Lehi into the land south.

And behold, there was all manner of gold in both these lands, and of silver, and of precious ore of every kind; and there were also curious workmen, who did work all kinds of ore and did refine it; and thus they did become rich.

They did raise grain in abundance, both in the north and in the south; and they did flourish exceedingly, both in the north and in the south. And they did multiply and wax exceedingly strong in the land. And they did raise many flocks and herds, yea, many fatlings.

Behold their women did toil and spin, and did make all manner of cloth, of fine-twined linen and cloth of every kind, to clothe their nakedness. And thus the sixty and fourth year did pass away in peace.

And in the sixty and fifth year they did also have great joy and peace, yea, much preaching and many prophecies concerning that which was to come. And thus passed away the sixty and fifth year.

And it came to pass that in the sixty and sixth year of the reign of the judges, behold, Cezoram was murdered by an unknown hand as he sat upon the judgment-seat. And it came to pass that in the same year, that his son, who had been appointed by the people in his stead, was also murdered. And thus ended the sixty and sixth year.

And in the commencement of the sixty and seventh year the people began to grow exceedingly wicked again.

17 Vì này, Chúa đã ban phước cho họ quá lâu với bao của cải thế gian để họ không còn bị khích động tức giận, để gây lên những cuộc chiến tranh và đổ máu; vậy nên họ bắt đầu để hết lòng ưa thích của cải của mình; phải, họ bắt đầu kiếm cách thu lợi cho mình để được cao sang hơn kẻ khác; vậy nên họ bắt đầu nhúng tay vào những vụ sát nhân bí mật, trộm cắp, cướp bóc, để thủ lợi cho mình.

18 Và giờ đây này, những kẻ sát nhân và trộm cướp đó là một đảng do Kích Cơ Men và Ga Đi An Tôn lập ra. Và giờ đây chuyện rằng, có rất nhiều người thuộc đảng Ga Đi An Tôn này, ngay cả giữa dân Nê Phi cũng có. Nhưng này, đa số bọn chúng là những người dân La Man độc ác nhất. Và chúng được gọi là đảng trộm cướp và sát nhân Ga Đi An Tôn.

19 Và chính chúng đã ám sát vị trưởng phán quan Kê Giô Ram và con trai ông, trong lúc họ đang ngồi trên ghế xét xử; và này, chúng không bị bại lộ.

20 Và giờ đây chuyện rằng, khi dân La Man thấy có nhiều kẻ trộm cướp trong dân họ, họ rất đổi buồn rầu; và họ dùng đủ phương cách trong quyền hạn mình để diệt trừ chúng khỏi mặt đất này.

21 Nhưng này, Sa Tan đã khích động tâm hồn của phần lớn dân Nê Phi, khiến họ liên kết với các đảng trộm cướp đó, và lập giao ước và thề nguyện với chúng là sẽ bảo vệ và gìn giữ cho nhau trong bất cứ trường hợp khó khăn nào bọn chúng gặp phải, để khỏi bị trừng phạt về các tội sát nhân, cướp bóc và trộm cắp của mình.

22 Và chuyện rằng, chúng có những dấu hiệu riêng, phải, những ám hiệu và mật khẩu; để chúng có thể phân biệt được một người đồng bọn đã lập giao ước, ngõ hầu cho dù người đó có làm điều tà ác tới đâu, cũng không bị hại bởi người đồng bọn của mình, hay bởi những người thuộc đảng của mình, là những người đã lập giao ước này.

23 Và nhờ thế mà chúng có thể sát nhân, cướp bóc, trộm cắp, phạm tội tà dâm và mọi thứ tội ác khác, trái với luật pháp của xứ sở và trái với luật pháp của Thượng Đế của chúng.

For behold, the Lord had blessed them so long with the riches of the world that they had not been stirred up to anger, to wars, nor to bloodshed; therefore they began to set their hearts upon their riches; yea, they began to seek to get gain that they might be lifted up one above another; therefore they began to commit secret murders, and to rob and to plunder, that they might get gain.

And now behold, those murderers and plunderers were a band who had been formed by Kishkumen and Gadianton. And now it had come to pass that there were many, even among the Nephites, of Gadianton's band. But behold, they were more numerous among the more wicked part of the Lamanites. And they were called Gadianton's robbers and murderers.

And it was they who did murder the chief judge Cezoram, and his son, while in the judgment-seat; and behold, they were not found.

And now it came to pass that when the Lamanites found that there were robbers among them they were exceedingly sorrowful; and they did use every means in their power to destroy them off the face of the earth.

But behold, Satan did stir up the hearts of the more part of the Nephites, insomuch that they did unite with those bands of robbers, and did enter into their covenants and their oaths, that they would protect and preserve one another in whatsoever difficult circumstances they should be placed, that they should not suffer for their murders, and their plunderings, and their stealings.

And it came to pass that they did have their signs, yea, their secret signs, and their secret words; and this that they might distinguish a brother who had entered into the covenant, that whatsoever wickedness his brother should do he should not be injured by his brother, nor by those who did belong to his band, who had taken this covenant.

And thus they might murder, and plunder, and steal, and commit whoredoms and all manner of wickedness, contrary to the laws of their country and also the laws of their God.

- 24 Và kẻ nào thuộc vào đảng của chúng mà tiết lộ cho thế gian biết những tội ác và những điều khải ô của chúng, thì kẻ đó sẽ bị xử tội, nhưng không phải xử theo luật pháp của xứ sở mà theo luật pháp tà ác của chúng, là luật pháp do Ga Đi An Tôn và Kịch Cơ Men đặt ra.
- 25 Giờ đây này, đó chính là những giao ước và những lời thề nguyện bí mật mà An Ma đã ra lệnh cho con trai ông không được tiết lộ cho thế gian biết, vì sợ rằng những điều đó sẽ là một phương tiện đưa dân chúng tới chỗ hủy diệt.
- 26 Giờ đây này, những giao ước và những lời thề nguyện bí mật đó không đến với Ga Đi An Tôn từ những biên sử được trao cho Hê La Man cất giữ, nhưng này, những điều ấy được gieo vào lòng của Ga Đi An Tôn bởi chính kẻ đã xúi giục thủy tổ chúng ta ăn trái cấm—
- 27 Phải, cũng chính kẻ ấy đã âm mưu với Ca In rằng nếu hắn giết chết em hắn là A Bê-nh thì chuyện đó không được tiết lộ cho thế gian biết. Và nó đã âm mưu với Ca In và những người theo nó từ đó về sau.
- 28 Và cũng chính kẻ đó đã gieo vào lòng dân chúng ý định xây lên một ngọn tháp đủ cao để họ có thể lên trên trời được. Và cũng chính kẻ đó đã dẫn dụ những người nguyên từ ngọn tháp ấy vào xứ này; kẻ ấy đã gieo rắc những việc làm trong bóng tối và những điều khải ô ra cùng khắp xứ, cho đến khi nó kéo được dân chúng xuống sự hủy diệt hoàn toàn và xuống ngục giới vĩnh viễn.
- 29 Phải, chính kẻ ấy đã gieo vào lòng Ga Đi An Tôn ý định đeo đuổi công việc của bóng tối và việc làm sát nhân bí mật; và nó đã làm công việc này từ lúc mới có loài người cho tới bây giờ.
- 30 Và này, chính nó là kẻ đã làm ra mọi tội lỗi. Và này, nó cứ tiếp tục mãi những việc làm trong bóng tối và những việc làm sát nhân bí mật của nó, và cứ truyền mãi những âm mưu, những lời thề nguyện, những giao ước, những kế hoạch tà ác gớm ghê của chúng từ thế hệ này đến thế hệ khác, tùy theo nó có thể nắm giữ trái tim con cái loài người.

And whosoever of those who belonged to their band should reveal unto the world of their wickedness and their abominations, should be tried, not according to the laws of their country, but according to the laws of their wickedness, which had been given by Gadianton and Kishkumen.

Now behold, it is these secret oaths and covenants which Alma commanded his son should not go forth unto the world, lest they should be a means of bringing down the people unto destruction.

Now behold, those secret oaths and covenants did not come forth unto Gadianton from the records which were delivered unto Helaman; but behold, they were put into the heart of Gadianton by that same being who did entice our first parents to partake of the forbidden fruit—

Yea, that same being who did plot with Cain, that if he would murder his brother Abel it should not be known unto the world. And he did plot with Cain and his followers from that time forth.

And also it is that same being who put it into the hearts of the people to build a tower sufficiently high that they might get to heaven. And it was that same being who led on the people who came from that tower into this land; who spread the works of darkness and abominations over all the face of the land, until he dragged the people down to an entire destruction, and to an everlasting hell.

Yea, it is that same being who put it into the heart of Gadianton to still carry on the work of darkness, and of secret murder; and he has brought it forth from the beginning of man even down to this time.

And behold, it is he who is the author of all sin. And behold, he doth carry on his works of darkness and secret murder, and doth hand down their plots, and their oaths, and their covenants, and their plans of awful wickedness, from generation to generation according as he can get hold upon the hearts of the children of men.

31 Và giờ đây này, nó đã nắm chặt được trái tim của những người dân Nê Phi; phải, đến đời họ đã trở nên hết sức tà ác; phải, phần đông họ đã xây dựng đi khỏi con đường ngay chính, và chà đạp dưới chân những lệnh truyền của Thượng Đế, và đi theo đường lối riêng của mình, và đã dùng vàng bạc làm nên những hình tượng để tôn thờ.

32 Và chuyện rằng, tất cả những sự bất chính này đã đến với họ trong vòng chẳng mấy năm, đến nỗi phần lớn những điều này đã đến với họ vào năm thứ sáu mươi bảy dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

33 Và họ đã lớn mạnh trong sự bất chính của mình vào năm thứ sáu mươi tám, khiến gây ra sự buồn rầu và than khóc lớn lao cho những người ngay chính.

34 Và như vậy chúng ta thấy rằng, dân Nê Phi đã bắt đầu sa vào vòng vô tín ngưỡng, và lớn mạnh trong những điều tà ác và khả ố, trong khi đó thì dân La Man lại bắt đầu tấn tới rất nhiều trong sự hiểu biết về Thượng Đế của họ; phải, họ bắt đầu tuân giữ những luật lệ và những lệnh truyền của Ngài, và bước đi trong lẽ thật và ngay thẳng trước mặt Ngài.

35 Và như vậy chúng ta thấy rằng, Thánh Linh của Chúa bắt đầu rút lui khỏi dân Nê Phi, cũng vì sự tà ác và lòng dạ chai đá của họ.

36 Và như vậy chúng ta thấy rằng, Chúa bắt đầu trút Thánh Linh của Ngài lên dân La Man, cũng vì họ ngoan ngoãn và sẵn sàng tin theo lời Ngài.

37 Và chuyện rằng, dân La Man lòng kiêu đấng cướp Ga Đi An Tôn; và họ thuyết giảng lời của Thượng Đế cho những thành phần tà ác nhất của chúng khiến cho đấng trộm cướp ấy đã bị tận diệt khỏi dân La Man.

38 Và chuyện rằng, trái lại, dân Nê Phi thì củng cố và nuôi dưỡng chúng, bắt đầu bằng những thành phần tà ác nhất trong bọn chúng, cho đến khi chúng lan tràn khắp xứ Nê Phi, và lôi cuốn đa số những người ngay chính cho đến khi họ hạ giá trị của mình để tin vào những việc làm của chúng, và chia sẻ những của cướp bóc cùng tham gia với chúng trong các cuộc sát nhân và các âm mưu bí mật của chúng.

And now behold, he had got great hold upon the hearts of the Nephites; yea, insomuch that they had become exceedingly wicked; yea, the more part of them had turned out of the way of righteousness, and did trample under their feet the commandments of God, and did turn unto their own ways, and did build up unto themselves idols of their gold and their silver.

And it came to pass that all these iniquities did come unto them in the space of not many years, insomuch that a more part of it had come unto them in the sixty and seventh year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And they did grow in their iniquities in the sixty and eighth year also, to the great sorrow and lamentation of the righteous.

And thus we see that the Nephites did begin to dwindle in unbelief, and grow in wickedness and abominations, while the Lamanites began to grow exceedingly in the knowledge of their God; yea, they did begin to keep his statutes and commandments, and to walk in truth and uprightness before him.

And thus we see that the Spirit of the Lord began to withdraw from the Nephites, because of the wickedness and the hardness of their hearts.

And thus we see that the Lord began to pour out his Spirit upon the Lamanites, because of their easiness and willingness to believe in his words.

And it came to pass that the Lamanites did hunt the band of robbers of Gadianton; and they did preach the word of God among the more wicked part of them, insomuch that this band of robbers was utterly destroyed from among the Lamanites.

And it came to pass on the other hand, that the Nephites did build them up and support them, beginning at the more wicked part of them, until they had overspread all the land of the Nephites, and had seduced the more part of the righteous until they had come down to believe in their works and partake of their spoils, and to join with them in their secret murders and combinations.

39 Và như vậy chúng chiếm toàn quyền điều khiển chính quyền, đến nỗi chúng chà đạp dưới chân, đánh đập, hành hạ, và quay lưng làm ngơ những người nghèo khó, nhu mì và những tín đồ khiêm nhường của Thượng Đế.

40 Và như vậy chúng ta thấy rằng, những kẻ đó đang ở trong một trạng thái hết sức ghê sợ và đã chín muồi để chờ đón một sự hủy diệt vĩnh viễn.

41 Và chuyện rằng, như vậy là chấm dứt năm thứ sáu mươi tám dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

And thus they did obtain the sole management of the government, insomuch that they did trample under their feet and smite and rend and turn their backs upon the poor and the meek, and the humble followers of God.

And thus we see that they were in an awful state, and ripening for an everlasting destruction.

And it came to pass that thus ended the sixty and eighth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

LỜI TIÊN TRI CỦA NÊ PHI, CON TRAI CỦA HÊ LA MAN—*Thượng Đế hăm dọa dân Nê Phi là Ngài sẽ đến viếng phạt họ trong cơn thịnh nộ của Ngài để hủy diệt họ hoàn toàn nếu họ không hối cải sự tà ác của mình. Thượng Đế đánh dân Nê Phi bằng bệnh dịch; họ hối cải và quay về với Ngài. Một người La Man tên Sa Mu Ên nói tiên tri cùng dân Nê Phi.*

## Hê La Man 7

- 1 Đây, giờ đây chuyện rằng, đến năm thứ sáu mươi chín dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, con trai của Hê La Man là Nê Phi từ xứ phía bắc trở về xứ Gia Ra Hem La.
- 2 Vì ông đã đi đến với dân chúng ở xứ phía bắc và thuyết giảng lời của Thượng Đế cùng nói tiên tri nhiều điều cho họ nghe;
- 3 Và họ đã bác bỏ mọi lời thuyết giảng của ông khiến ông không thể ở với họ được mà phải trở về xứ sở quê hương mình.
- 4 Và ông thấy dân chúng sống trong trạng thái tà ác đáng sợ như vậy, và bọn cướp Ga Đi An Tôn thì chiếm đoạt ghế xét xử—chúng nắm hết uy quyền và quyền hành trong xứ, dẹp bỏ các lệnh truyền của Thượng Đế, và không có một chút gì ngay chính trước mặt Ngài; chúng chẳng làm một việc gì công bình cho con cái loài người;
- 5 Chúng kết án người ngay vì sự ngay chính của họ; để cho những kẻ tà ác và phạm tội nhờ tiền bạc của mình mà được tự do không bị trừng phạt; và hơn nữa, để chúng được ở mãi trên chức vị lãnh đạo chính quyền để cai trị và làm theo ý muốn của mình, ngõ hầu chúng có thể kiếm lợi và hưởng sự vinh quang của thế gian, và hơn nữa, để chúng có thể dễ dàng phạm tội ngoại tình, trộm cắp, giết người, và làm theo ý muốn của mình—
- 6 Giờ đây, sự bất chính lớn lao này đã đến với dân Nê Phi trong vòng chẳng mấy năm; và khi Nê Phi trông thấy vậy, lòng ông nặng trĩu nỗi đau buồn trong tâm tư mình, và ông đã thốt lên lời than thở với sự đau đớn trong tâm hồn rằng:

THE PROPHECY OF NEPHI, THE SON OF HELAMAN—*God threatens the people of Nephi that he will visit them in his anger, to their utter destruction except they repent of their wickedness. God smiteth the people of Nephi with pestilence; they repent and turn unto him. Samuel, a Lamanite, prophesies unto the Nephites.*

## Helaman 7

Behold, now it came to pass in the sixty and ninth year of the reign of the judges over the people of the Nephites, that Nephi, the son of Helaman, returned to the land of Zarahemla from the land northward.

For he had been forth among the people who were in the land northward, and did preach the word of God unto them, and did prophesy many things unto them;

And they did reject all his words, insomuch that he could not stay among them, but returned again unto the land of his nativity.

And seeing the people in a state of such awful wickedness, and those Gadianton robbers filling the judgment-seats—having usurped the power and authority of the land; laying aside the commandments of God, and not in the least aright before him; doing no justice unto the children of men;

Condemning the righteous because of their righteousness; letting the guilty and the wicked go unpunished because of their money; and moreover to be held in office at the head of government, to rule and do according to their wills, that they might get gain and glory of the world, and, moreover, that they might the more easily commit adultery, and steal, and kill, and do according to their own wills—

Now this great iniquity had come upon the Nephites, in the space of not many years; and when Nephi saw it, his heart was swollen with sorrow within his breast; and he did exclaim in the agony of his soul:

- 7 Ôi, phải chi tôi có thể sống được vào những ngày tổ phụ tôi là Nê Phi mới bỏ xứ Giê Ru Sa Lem ra đi, thì tôi đã có thể được vui sướng cùng với ông trên đất hứa. Vào thời đó, dân của ông thật là dễ bảo, họ vững vàng tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế, và chậm chạp khi bị dẫn dắt làm điều bất chính; và họ mau chóng nghe theo lời của Chúa—
- 8 Phải, nếu tôi được sống vào những ngày đó thì tâm hồn tôi đã hân hoan xiết bao trong sự ngay chính của các đồng bào tôi.
- 9 Nhưng này, tôi bị chỉ định phải sống vào thời này khiến tâm hồn tôi phải tràn đầy niềm đau khổ vì sự tà ác của các đồng bào tôi.
- 10 Và này, giờ đây chuyện rằng, điều này đã xảy ra trên ngọn tháp trong khu vườn của Nê Phi, nằm cạnh con lộ lớn dẫn đến chợ chính trong thành phố Gia Ra Hem La; vậy nên, Nê Phi đã sắp mình xuống trên ngọn tháp trong khu vườn của ông, và tháp này cũng gần cửa ra vào khu vườn, ăn thông với con lộ lớn ấy.
- 11 Và chuyện rằng, có một số người khi đi ngang qua đây trông thấy Nê Phi đang dâng hết tâm hồn mình lên Thượng Đế trên ngọn tháp, họ bèn chạy đi nói cho dân chúng biết những gì họ đã thấy, và dân chúng kéo tới rất đông để tìm hiểu lý do của sự đau đớn quá lớn lao như vậy vì sự tà ác của dân chúng.
- 12 Và giờ đây, khi Nê Phi đứng lên, ông nhìn thấy đám đông dân chúng đang tụ họp.
- 13 Và chuyện rằng ông mở miệng nói với họ rằng: Này, tại sao các người lại tụ họp ở đây? Phải chăng để nghe tôi nói về những điều bất chính của các người?
- 14 Phải, vì tôi đã lên tháp này để dâng hết tâm hồn mình lên Thượng Đế của tôi, vì lòng tôi vô cùng đau đớn bởi những điều bất chính của các người gây ra!
- 15 Và cũng vì sự đau buồn và than khóc của tôi khiến các người tụ họp lại đây và ngạc nhiên; phải, các người rất cần phải ngạc nhiên; phải, các người nên ngạc nhiên vì các người đã để cho quỷ dữ nắm chặt trái tim mình.
- 16 Phải, tại sao các người lại để cho kẻ đang tìm cách xô linh hồn mình xuống nơi khốn cùng vĩnh viễn và đau khổ bất tận quyết rũ được mình?

Oh, that I could have had my days in the days when my father Nephi first came out of the land of Jerusalem, that I could have joyed with him in the promised land; then were his people easy to be entreated, firm to keep the commandments of God, and slow to be led to do iniquity; and they were quick to hearken unto the words of the Lord—

Yea, if my days could have been in those days, then would my soul have had joy in the righteousness of my brethren.

But behold, I am consigned that these are my days, and that my soul shall be filled with sorrow because of this the wickedness of my brethren.

And behold, now it came to pass that it was upon a tower, which was in the garden of Nephi, which was by the highway which led to the chief market, which was in the city of Zarahemla; therefore, Nephi had bowed himself upon the tower which was in his garden, which tower was also near unto the garden gate by which led the highway.

And it came to pass that there were certain men passing by and saw Nephi as he was pouring out his soul unto God upon the tower; and they ran and told the people what they had seen, and the people came together in multitudes that they might know the cause of so great mourning for the wickedness of the people.

And now, when Nephi arose he beheld the multitudes of people who had gathered together.

And it came to pass that he opened his mouth and said unto them: Behold, why have ye gathered yourselves together? That I may tell you of your iniquities?

Yea, because I have got upon my tower that I might pour out my soul unto my God, because of the exceeding sorrow of my heart, which is because of your iniquities!

And because of my mourning and lamentation ye have gathered yourselves together, and do marvel; yea, and ye have great need to marvel; yea, ye ought to marvel because ye are given away that the devil has got so great hold upon your hearts.

Yea, how could you have given way to the enticing of him who is seeking to hurl away your souls down to everlasting misery and endless wo?



- 17 Ôi, các người hãy hối cải, hãy hối cải! Tại sao các người lại muốn chết? Các người hãy quay về, hãy quay về với Chúa, Thượng Đế của mình. Tại sao Ngài đã bỏ rơi các người?
- 18 Đó là tại vì các người đã chai đá trong lòng; phải, các người không chịu nghe theo tiếng nói của người chăn hiền lành; phải, các người đã khiêu khích cho Ngài tức giận các người.
- 19 Và này, thay vì gom các người lại, trừ phi các người hối cải, này, Ngài sẽ phân tán các người ra khiến cho các người trở thành miếng mồi ngon cho chó và dã thú.
- 20 Hỡi ôi, làm sao các người lại có thể quên được Thượng Đế của các người ngay trong ngày Ngài giải cứu các người?
- 21 Nhưng này, chính vì muốn kiếm lợi lộc, muốn được người đời ca tụng, phải, và ngỗ hầu các người có thể thu góp được vàng bạc. Và các người đã để hết lòng mình vào của cải và những điều phù phiếm của thế gian nên các người mới sát nhân, trộm cắp, cướp bóc, và làm chứng dối chống lại người lân cận của mình cùng làm đủ mọi điều bất chính khác.
- 22 Và vì lý do đó nên sự bất hạnh sẽ đến với các người, trừ phi các người hối cải. Vì nếu các người không biết hối cải, này, thành phố lớn lao này, và luôn cả những thành phố lớn lao khác chung quanh đây thuộc xứ sở của chúng ta, sẽ bị lấy mất đi và các người sẽ không còn nơi sinh sống trong đó; vì này, Chúa sẽ không ban cho các người sức mạnh nữa như từ trước tới nay Ngài đã làm để các người chống lại kẻ thù của mình.
- 23 Vì này, Chúa có phán như vậy: Ta sẽ không tỏ bày sức mạnh của ta cho kẻ ác biết, cho kẻ này biết hơn kẻ kia, chỉ trừ những người nào hối cải tội lỗi của mình và nghe theo lời của ta. Vậy giờ đây, hỡi đồng bào, tôi mong các người nhận thức rằng, nó sẽ tốt cho dân La Man hơn là cho các người trừ phi các người hối cải.

O repent ye, repent ye! Why will ye die? Turn ye, turn ye unto the Lord your God. Why has he forsaken you?

It is because you have hardened your hearts; yea, ye will not hearken unto the voice of the good shepherd; yea, ye have provoked him to anger against you.

And behold, instead of gathering you, except ye will repent, behold, he shall scatter you forth that ye shall become meat for dogs and wild beasts.

O, how could you have forgotten your God in the very day that he has delivered you?

But behold, it is to get gain, to be praised of men, yea, and that ye might get gold and silver. And ye have set your hearts upon the riches and the vain things of this world, for the which ye do murder, and plunder, and steal, and bear false witness against your neighbor, and do all manner of iniquity.

And for this cause we shall come unto you except ye shall repent. For if ye will not repent, behold, this great city, and also all those great cities which are round about, which are in the land of our possession, shall be taken away that ye shall have no place in them; for behold, the Lord will not grant unto you strength, as he has hitherto done, to withstand against your enemies.

For behold, thus saith the Lord: I will not show unto the wicked of my strength, to one more than the other, save it be unto those who repent of their sins, and hearken unto my words. Now therefore, I would that ye should behold, my brethren, that it shall be better for the Lamanites than for you except ye shall repent.

- 24 Vì này, họ ngay chính hơn các người, vì họ không phạm tội chống lại sự hiểu biết lớn lao mà các người đã nhận được; vậy nên Chúa sẽ thương xót họ; phải, Ngài sẽ kéo dài thêm ngày sống cho họ và sẽ làm cho dòng dõi của họ được gia tăng, ngay cả đến lúc các người bị tận diệt, nếu các người không hối cải.
- 25 Phải, khốn thay cho các người, vì sự khở ố quá lớn lao đó đã đến với các người; và các người đã liên kết với bọn đó, phải, với đảng bí mật do Ga Đi An Tôn thành lập!
- 26 Phải, sự bất hạnh sẽ đến với các người, vì các người đã để cho sự cao ngạo nhập vào trái tim mình, đưa mình vượt lên quá những điều gì tốt lành, cũng vì các người có quá nhiều của cải!
- 27 Phải, khốn thay cho các người, vì những điều tà ác và khở ố của các người!
- 28 Và trừ phi các người hối cải, các người sẽ bị diệt vong; phải, ngay cả đất đai của các người cũng sẽ bị lấy đi khỏi các người, và các người sẽ bị hủy diệt khỏi mặt đất này.
- 29 Đây giờ đây, không phải tôi tự ý nói rằng những điều này sẽ xảy ra, vì không phải tôi biết được những điều này; nhưng này, tôi biết được những điều này là thật vì Đức Chúa Trời đã tiết lộ những điều này cho tôi biết, vậy nên tôi làm chứng rằng những điều này sẽ xảy ra.

For behold, they are more righteous than you, for they have not sinned against that great knowledge which ye have received; therefore the Lord will be merciful unto them; yea, he will lengthen out their days and increase their seed, even when thou shalt be utterly destroyed except thou shalt repent.

Yea, wo be unto you because of that great abomination which has come among you; and ye have united yourselves unto it, yea, to that secret band which was established by Gadianton!

Yea, wo shall come unto you because of that pride which ye have suffered to enter your hearts, which has lifted you up beyond that which is good because of your exceedingly great riches!

Yea, wo be unto you because of your wickedness and abominations!

And except ye repent ye shall perish; yea, even your lands shall be taken from you, and ye shall be destroyed from off the face of the earth.

Behold now, I do not say that these things shall be, of myself, because it is not of myself that I know these things; but behold, I know that these things are true because the Lord God has made them known unto me, therefore I testify that they shall be.

## Hê La Man 8

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, khi Nê Phi chấm dứt những lời này, này, có một số các phán quan, cũng là những người thuộc đảng bí mật của Ga Đi An Tôn, rất lấy làm tức giận, họ la lớn để phản đối ông và nói với dân chúng rằng: Tại sao các người không bắt giữ tên này lại và đem hắn ra kết án theo tội trạng hắn đã phạm?
- 2 Tại sao các người lại nhìn và nghe hắn thóa mạ dân này cùng luật pháp của chúng ta?
- 3 Vì này, Nê Phi đã nói cho họ nghe về những sự đồi bại trong luật pháp của họ; phải, Nê Phi đã nói nhiều điều không thể chép hết ra được; và những điều ông nói không có điều gì trái với các lệnh truyền của Thượng Đế cả.
- 4 Và những phán quan này tức giận ông vì ông nói rõ cho họ biết những việc làm bí mật trong bóng tối của họ; tuy nhiên, họ không dám đặt tay lên người ông vì họ sợ dân chúng la lên phản đối.
- 5 Vậy nên họ hô to lên với dân chúng rằng: Tại sao các người lại chịu để cho tên này thóa mạ chúng ta? Này, hắn đã kết án tất cả dân này, cho rằng dân này sẽ đi đến chỗ hủy diệt; phải, và hắn còn bảo những thành phố vĩ đại của chúng ta sẽ bị lấy đi khỏi chúng ta và chúng ta sẽ không còn nơi sinh sống trong đó.
- 6 Và giờ đây chúng ta biết rằng điều này không thể có được, vì này, chúng ta đang hùng mạnh, còn các thành phố của chúng ta thì to lớn, vậy nên các kẻ thù của chúng ta không thể có quyền lực gì đối với chúng ta cả.
- 7 Và chuyện rằng, họ xúi giục dân chúng tức giận Nê Phi như vậy, và gây lên những tranh chấp lẫn nhau; vì có một số người hô to lên rằng: Hãy để cho người này yên, vì ông ta là một người tốt, và những điều ông ta nói, chắc chắn sẽ xảy ra trừ phi chúng ta hối cải;

## Helaman 8

And now it came to pass that when Nephi had said these words, behold, there were men who were judges, who also belonged to the secret band of Gadianton, and they were angry, and they cried out against him, saying unto the people: Why do ye not seize upon this man and bring him forth, that he may be condemned according to the crime which he has done?

Why seest thou this man, and hearest him revile against this people and against our law?

For behold, Nephi had spoken unto them concerning the corruptness of their law; yea, many things did Nephi speak which cannot be written; and nothing did he speak which was contrary to the commandments of God.

And those judges were angry with him because he spake plainly unto them concerning their secret works of darkness; nevertheless, they durst not lay their own hands upon him, for they feared the people lest they should cry out against them.

Therefore they did cry unto the people, saying: Why do you suffer this man to revile against us? For behold he doth condemn all this people, even unto destruction; yea, and also that these our great cities shall be taken from us, that we shall have no place in them.

And now we know that this is impossible, for behold, we are powerful, and our cities great, therefore our enemies can have no power over us.

And it came to pass that thus they did stir up the people to anger against Nephi, and raised contentions among them; for there were some who did cry out: Let this man alone, for he is a good man, and those things which he saith will surely come to pass except we repent;

- 8 Phải, này, tất cả những sự đoán phạt mà ông đã làm chứng với chúng ta sẽ giáng xuống trên chúng ta; vì chúng ta biết rằng ông đã làm chứng một cách chính xác về những điều bất chính của chúng ta. Và này, những điều đó rất nhiều, và ông còn biết được tất cả những điều sẽ xảy tới cho chúng ta, chẳng khác chi ông đã biết những hành vi bất chính của chúng ta vậy;
- 9 Phải, và này, nếu ông không phải là một vị tiên tri thì ông không thể làm chứng được những điều đó.
- 10 Và chuyện rằng, những kẻ tìm cách hủy diệt Nê Phi, vì sợ hãi, không dám đặt tay lên người ông; vậy nên ông lại bắt đầu nói với dân chúng vì thấy mình đã chiếm được cảm tình của một số người, đến nỗi số người còn lại phải nể sợ.
- 11 Vậy nên ông thấy cần phải nói thêm với họ rằng: Này, hỡi đồng bào, phải chăng các người đã từng đọc thấy rằng Thượng Đế ban quyền năng cho một người, đó là Môi Se, đánh xuống Biển Đỏ làm cho nước biển phải rẽ ra hai bên khiến cho dân Y Sơ Ra Ên, là tổ phụ của chúng ta, đi qua như trên đất liền khô cạn, và rồi nước khép kín lại trùm lên quân Ai Cập và nuốt chúng?
- 12 Và giờ đây này, nếu Thượng Đế đã ban cho người đó quyền năng như vậy, thì tại sao các người còn cãi vã với nhau và bảo rằng Ngài không ban cho tôi quyền năng để tôi có thể nhờ đó mà biết được những sự đoán phạt sẽ giáng xuống trên các người nếu các người không hối cải?
- 13 Nhưng này, các người không những chỉ bác bỏ lời của tôi mà thôi, các người còn bác bỏ tất cả những lời tổ phụ chúng ta đã nói, và luôn cả những lời của người đó, tức là Môi Se, là người đã được ban cho quyền năng lớn lao như vậy, phải, đó là những lời mà ông đã nói về sự hiện đến của Đấng Mê Si.
- 14 Phải, ông chẳng đã làm chứng rằng Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ đến hay sao? Và như ông treo con rắn đồng trong vùng hoang dã như thế nào, thì sau này Đấng sẽ đến cũng sẽ bị treo lên như vậy.

Yea, behold, all the judgments will come upon us which he has testified unto us; for we know that he has testified aright unto us concerning our iniquities. And behold they are many, and he knoweth as well all things which shall befall us as he knoweth of our iniquities;

Yea, and behold, if he had not been a prophet he could not have testified concerning those things.

And it came to pass that those people who sought to destroy Nephi were compelled because of their fear, that they did not lay their hands on him; therefore he began again to speak unto them, seeing that he had gained favor in the eyes of some, insomuch that the remainder of them did fear.

Therefore he was constrained to speak more unto them saying: Behold, my brethren, have ye not read that God gave power unto one man, even Moses, to smite upon the waters of the Red Sea, and they parted hither and thither, insomuch that the Israelites, who were our fathers, came through upon dry ground, and the waters closed upon the armies of the Egyptians and swallowed them up?

And now behold, if God gave unto this man such power, then why should ye dispute among yourselves, and say that he hath given unto me no power whereby I may know concerning the judgments that shall come upon you except ye repent?

But, behold, ye not only deny my words, but ye also deny all the words which have been spoken by our fathers, and also the words which were spoken by this man, Moses, who had such great power given unto him, yea, the words which he hath spoken concerning the coming of the Messiah.

Yea, did he not bear record that the Son of God should come? And as he lifted up the brazen serpent in the wilderness, even so shall he be lifted up who should come.

- 15 Và tất cả những ai nhìn lên con rắn ấy mà sống được, thì cũng như vậy, tất cả những ai nhìn lên Vị Nam Tử của Thượng Đế với đức tin và có tâm hồn thống hối đều có thể hưởng được cuộc sống vĩnh cửu.
- 16 Và giờ đây này, không phải chỉ có Môi Se là người duy nhất làm chứng về những điều ấy, mà còn có tất cả các thánh tiên tri từ thời ông cho tới thời của Áp Ra Ham cũng đều làm chứng như vậy.
- 17 Phải, và này, Áp Ra Ham đã thấy được sự hiện đến của Ngài, và ông tràn đầy niềm hân hoan và vui mừng.
- 18 Phải, và này tôi nói cho các người hay rằng, chẳng phải chỉ có một mình Áp Ra Ham biết được những việc này, mà còn có nhiều vị khác nữa trước thời Áp Ra Ham, là những người được gọi theo ban của Thượng Đế; phải, theo ban của Vị Nam Tử của Ngài; và như vậy là để cho dân chúng được cho thấy từ nhiều ngàn năm trước khi Ngài đến, rằng ngay cả sự cứu chuộc cũng sẽ đến với họ.
- 19 Và giờ đây tôi muốn các người biết rằng, ngay cả từ thời Áp Ra Ham về sau vẫn còn nhiều vị tiên tri làm chứng về những điều này; phải, này, vị tiên tri Giê Nốt đã mạnh dạn làm chứng; vì điều đó ông đã bị giết chết.
- 20 Và này, luôn cả Giê Nốc, Ê Gia, Ê Sai, và Giê Rê Mi, (Giê Rê Mi này chính là vị tiên tri đã làm chứng về sự hủy diệt của Giê Ru Sa Lem) và bây giờ chúng ta biết Giê Ru Sa Lem đã bị hủy diệt đúng theo lời của Giê Rê Mi. Ôi, vậy thì Vị Nam Tử của Thượng Đế lại há không đến theo như lời tiên tri của ông ta hay sao?
- 21 Và giờ đây, các người có còn tranh biện rằng Giê Ru Sa Lem đã bị hủy diệt không? Các người có còn nói rằng các con trai của Sê Đê Kia không bị giết chết, tất cả chỉ trừ Mơ Léc không? Phải, và các người không thấy rằng dòng dõi của Sê Đê Kia đang chung sống với chúng ta đây và họ đã bị đuổi khỏi xứ Giê Ru Sa Lem hay sao? Nhưng này, như vậy chưa phải là hết—

And as many as should look upon that serpent should live, even so as many as should look upon the Son of God with faith, having a contrite spirit, might live, even unto that life which is eternal.

And now behold, Moses did not only testify of these things, but also all the holy prophets, from his days even to the days of Abraham.

Yea, and behold, Abraham saw of his coming, and was filled with gladness and did rejoice.

Yea, and behold I say unto you, that Abraham not only knew of these things, but there were many before the days of Abraham who were called by the order of God; yea, even after the order of his Son; and this that it should be shown unto the people, a great many thousand years before his coming, that even redemption should come unto them.

And now I would that ye should know, that even since the days of Abraham there have been many prophets that have testified these things; yea, behold, the prophet Zenos did testify boldly; for the which he was slain.

And behold, also Zenock, and also Ezias, and also Isaiah, and Jeremiah, (Jeremiah being that same prophet who testified of the destruction of Jerusalem) and now we know that Jerusalem was destroyed according to the words of Jeremiah. O then why not the Son of God come, according to his prophecy?

And now will you dispute that Jerusalem was destroyed? Will ye say that the sons of Zedekiah were not slain, all except it were Mulek? Yea, and do ye not behold that the seed of Zedekiah are with us, and they were driven out of the land of Jerusalem? But behold, this is not all—

22 Tổ phụ Lê Hi của chúng ta bị đuổi khỏi Giê Ru Sa Lem vì ông đã làm chứng về những điều này. Nê Phi và hầu hết các tổ phụ chúng ta từ thời đó đến giờ cũng đã làm chứng về những điều này; phải, họ đã làm chứng về sự hiện đến của Đấng Kỵ Tô, họ vui mừng và trông đợi ngày của Ngài sẽ phải xảy đến.

23 Và này, Ngài là Thượng Đế, và Ngài ở cùng họ, và Ngài đã biểu hiện cho họ thấy rằng họ được Ngài cứu chuộc; và họ tôn vinh Ngài vì những điều sẽ phải xảy đến.

24 Và giờ đây, xét rằng các người đã biết những điều này, và trừ phi các người nói dối, các người không thể chối bỏ những điều này được, vậy nên các người đã phạm tội vì đã bác bỏ tất cả những điều này, mặc dù các người đã nhận được biết bao nhiêu chứng cứ hiển nhiên; phải, các người đã nhận được mọi điều, cả những điều ở trên trời lẫn những điều ở dưới thế gian, để làm bằng chứng rằng những điều đó là thật.

25 Nhưng này, các người đã bác bỏ lẽ thật, và phản nghịch Đấng Thượng Đế thánh của mình; và ngay cả trong giờ phút này, thay vì tích lũy kho tàng của mình trên trời, nơi mà không có một sự gì hư nát, không có một vật gì ô uế có thể vào được, thì các người lại chông chất cho mình sự thịnh nộ để chờ ngày phán xét.

26 Phải, ngay giờ phút này, các người đã chín muồi, cũng vì tội sát nhân, tội thông dâm, và sự tà ác của các người, để nhận lấy sự hủy diệt vĩnh viễn; phải, và nếu các người không hối cải thì không bao lâu nữa việc đó sẽ tới với các người.

27 Phải, này, giờ đây nó đã đến ngoài ngưỡng cửa của các người; phải, các người hãy đến ghế xét xử mà tìm kiếm; và này, vị phán quan của các người đã bị ám sát, và hắn đang nằm trong vũng máu; hắn đã bị chính em mình ám sát, vì em hắn muốn được ngồi vào ghế xét xử.

28 Và này, cả hai người ấy đều thuộc đảng bí mật của các người, mà người chủ chốt là Ga Đì An Tôn và ác quỷ, là kẻ muốn tìm cách hủy diệt linh hồn loài người.

Our father Lehi was driven out of Jerusalem because he testified of these things. Nephi also testified of these things, and also almost all of our fathers, even down to this time; yea, they have testified of the coming of Christ, and have looked forward, and have rejoiced in his day which is to come.

And behold, he is God, and he is with them, and he did manifest himself unto them, that they were redeemed by him; and they gave unto him glory, because of that which is to come.

And now, seeing ye know these things and cannot deny them except ye shall lie, therefore in this ye have sinned, for ye have rejected all these things, notwithstanding so many evidences which ye have received; yea, even ye have received all things, both things in heaven, and all things which are in the earth, as a witness that they are true.

But behold, ye have rejected the truth, and rebelled against your holy God; and even at this time, instead of laying up for yourselves treasures in heaven, where nothing doth corrupt, and where nothing can come which is unclean, ye are heaping up for yourselves wrath against the day of judgment.

Yea, even at this time ye are ripening, because of your murders and your fornication and wickedness, for everlasting destruction; yea, and except ye repent it will come unto you soon.

Yea, behold it is now even at your doors; yea, go ye in unto the judgment-seat, and search; and behold, your judge is murdered, and he lieth in his blood; and he hath been murdered by his brother, who seeketh to sit in the judgment-seat.

And behold, they both belong to your secret band, whose author is Gadianton and the evil one who seeketh to destroy the souls of men.

## Hê La Man 9

- 1 Nay, giờ đây chuyện rằng, khi Nê Phi nói xong những lời này, thì có một số người trong bọn họ liền chạy tới ghé xét xử; phải, có năm người đi đến đó, và họ vừa đi vừa nói với nhau rằng:
- 2 Nay, bây giờ chúng ta sẽ biết được chắc chắn người này có phải là một vị tiên tri và Thượng Đế có truyền lệnh cho ông ta tiên tri những điều kỳ diệu như vậy cho chúng ta biết hay không. Nay, chúng ta không tin là Ngài đã làm như thế; phải, chúng ta không tin ông ta là một vị tiên tri; tuy nhiên, nếu điều ông ta nói về vị trưởng phán quan là đúng, có nghĩa là vị trưởng phán quan đã chết, thì chúng ta sẽ tin những lời khác của ông ta nói là đúng thật.
- 3 Và chuyện rằng, họ chạy hết sức mau đến ghé xét xử; và này, vị trưởng phán quan đã ngã xuống đất, và nằm chết trên vũng máu của ông ta.
- 4 Và giờ đây này, khi thấy vậy, họ vô cùng ngạc nhiên, đến nỗi họ đều ngã xuống đất; vì họ đã không tin những lời Nê Phi nói về vị trưởng phán quan.
- 5 Nhưng giờ đây, khi trông thấy vậy, họ tin và họ sợ rằng những sự đoán phạt mà Nê Phi đã nói sẽ đến với dân chúng; vậy nên họ run lên và ngã lăn xuống đất.
- 6 Bây giờ, ngay khi vị phán quan bị ám sát—ông ta bị em của mình cải trang vào đâm chết rồi chạy trốn, và các tội tử liền tức tốc chạy đi báo cho dân chúng biết, họ vừa chạy vừa la sát nhân cho mọi người nghe;
- 7 Và này, dân chúng liền tụ lại nơi ghé xét xử—và này, họ rất ngạc nhiên khi thấy có năm người ngã nằm dưới đất.
- 8 Và giờ đây này, dân chúng không biết gì về đám đồng tụ họp trong vườn của Nê Phi; vậy nên họ nói với nhau rằng: Đây chính là những kẻ đã ám sát vị phán quan, và Thượng Đế đã đánh ngã họ để họ không thể chạy trốn chúng ta được.

## Helaman 9

Behold, now it came to pass that when Nephi had spoken these words, certain men who were among them ran to the judgment-seat; yea, even there were five who went, and they said among themselves, as they went:

Behold, now we will know of a surety whether this man be a prophet and God hath commanded him to prophesy such marvelous things unto us. Behold, we do not believe that he hath; yea, we do not believe that he is a prophet; nevertheless, if this thing which he has said concerning the chief judge be true, that he be dead, then will we believe that the other words which he has spoken are true.

And it came to pass that they ran in their might, and came in unto the judgment-seat; and behold, the chief judge had fallen to the earth, and did lie in his blood.

And now behold, when they saw this they were astonished exceedingly, insomuch that they fell to the earth; for they had not believed the words which Nephi had spoken concerning the chief judge.

But now, when they saw they believed, and fear came upon them lest all the judgments which Nephi had spoken should come upon the people; therefore they did quake, and had fallen to the earth.

Now, immediately when the judge had been murdered—he being stabbed by his brother by a garb of secrecy, and he fled, and the servants ran and told the people, raising the cry of murder among them;

And behold the people did gather themselves together unto the place of the judgment-seat—and behold, to their astonishment they saw those five men who had fallen to the earth.

And now behold, the people knew nothing concerning the multitude who had gathered together at the garden of Nephi; therefore they said among themselves: These men are they who have murdered the judge, and God has smitten them that they could not flee from us.

- 9 Và chuyện rằng, họ bắt những người này trói lại và giam vào ngục thất. Rồi một thông cáo được gửi đi khắp nơi báo tin vị phán quan đã bị giết, và những kẻ sát nhân đã bị bắt và giam vào ngục thất.
- 10 Và chuyện rằng, ngày hôm sau, dân chúng tụ họp lại để than khóc và nhịn ăn ở buổi lễ chôn cất vị trưởng phán quan tối cao đã bị giết.
- 11 Và như vậy là những phán quan có mặt tại vườn của Nê Phi, và đã nghe lời ông nói, cũng tụ họp ở buổi lễ chôn cất.
- 12 Và chuyện rằng, họ tra hỏi dân chúng rằng: Vậy chớ năm người được phái đi dò tin tức xem vị trưởng phán quan có chết hay không, nay ở đâu rồi? Dân chúng bèn trả lời rằng: Chúng tôi không biết gì về năm người các ông phái tới, nhưng có năm tên sát nhân chúng tôi đã bắt giam vào ngục thất rồi.
- 13 Và chuyện rằng, các phán quan muốn những người ấy được dẫn đến, và họ được dẫn đến; và này, họ chính là năm người đã được phái đi; và này, các phán quan tra hỏi họ để hiểu vấn đề xảy ra, và họ kể cho những người này nghe những gì họ đã làm như sau:
- 14 Chúng tôi chạy đến nơi ghé xét xử, và khi chúng tôi thấy những việc đã xảy ra đúng như lời Nê Phi đã làm chứng, thì chúng tôi ngạc nhiên vô cùng, đến nỗi chúng tôi đã ngã xuống đất; và khi chúng tôi tỉnh lại khỏi cơn ngạc nhiên ấy, thì này, họ đã bắt chúng tôi bỏ vào nhà giam.
- 15 Giờ đây, về phần kẻ ám sát người này, thì chúng tôi không biết là ai đã làm; và chúng tôi chỉ biết có vậy, chúng tôi đã chạy lại đây theo như ý các ông muốn, và này, ông ta đã chết đúng như lời Nê Phi nói.
- 16 Và giờ đây chuyện rằng, các phán quan bèn giải nghĩa vấn đề này cho dân chúng rõ, rồi lớn tiếng buộc tội Nê Phi mà rằng: Này, chúng tôi biết Nê Phi đã thông đồng với một kẻ nào đó để giết vị phán quan, để hẳn có thể tuyên bố điều đó với chúng ta, ngõ hầu hẳn có thể cải đạo chúng ta theo đức tin của hẳn, để hẳn có thể tự tôn mình lên làm một vĩ nhân, một người được Thượng Đế chọn lựa, và là một tiên tri.

And it came to pass that they laid hold on them, and bound them and cast them into prison. And there was a proclamation sent abroad that the judge was slain, and that the murderers had been taken and were cast into prison.

And it came to pass that on the morrow the people did assemble themselves together to mourn and to fast, at the burial of the great chief judge who had been slain.

And thus also those judges who were at the garden of Nephi, and heard his words, were also gathered together at the burial.

And it came to pass that they inquired among the people, saying: Where are the five who were sent to inquire concerning the chief judge whether he was dead? And they answered and said: Concerning this five whom ye say ye have sent, we know not; but there are five who are the murderers, whom we have cast into prison.

And it came to pass that the judges desired that they should be brought; and they were brought, and behold they were the five who were sent; and behold the judges inquired of them to know concerning the matter, and they told them all that they had done, saying:

We ran and came to the place of the judgment-seat, and when we saw all things even as Nephi had testified, we were astonished insomuch that we fell to the earth; and when we were recovered from our astonishment, behold they cast us into prison.

Now, as for the murder of this man, we know not who has done it; and only this much we know, we ran and came according as ye desired, and behold he was dead, according to the words of Nephi.

And now it came to pass that the judges did expound the matter unto the people, and did cry out against Nephi, saying: Behold, we know that this Nephi must have agreed with some one to slay the judge, and then he might declare it unto us, that he might convert us unto his faith, that he might raise himself to be a great man, chosen of God, and a prophet.



17 Và giờ đây này, chúng ta sẽ tố giác người này và hắn sẽ phải thú nhận tội trạng của mình và khai cho chúng ta biết kẻ thật sự đã ám sát vị phán quan.

18 Và chuyện rằng, năm người này được trả tự do trong ngày chôn cất. Tuy nhiên, năm người này đã phản đối các phán quan về những lời mà họ đã buộc tội Nê Phi, và đã tranh biện với từng viên phán quan một, khiến họ phải đuối lý.

19 Tuy vậy, họ vẫn cho bắt trói Nê Phi và giải ông đến trước đám đông, và họ bắt đầu vặn hỏi ông đủ cách, hầu mong họ có thể làm cho ông nói những lời mâu thuẫn để họ có thể ghép ông vào tội tử hình—

20 Họ bảo ông: Người là một kẻ tòng phạm; ai là kẻ đã phạm tội sát nhân này? Bây giờ hãy cho chúng ta biết, và hãy thú nhận tội trạng của người đi; họ lại nói: Này, đây là tiền, chúng ta sẽ tha mạng sống cho người, nếu người nói cho chúng ta biết và thú nhận việc người đã thông đồng với kẻ ấy.

21 Nhưng Nê Phi nói với họ rằng: Hỡi các người là những kẻ điên rồ, những kẻ lòng dạ chưa cắt bì, những kẻ đui tối và cứng cổ, các người có biết Chúa, Thượng Đế của các người, sẽ chịu để cho các người đi theo con đường tội lỗi của mình bao lâu nữa không?

22 Ôi, các người cần phải bắt đầu kêu gào và than khóc, vì sự hủy diệt lớn lao đang chờ đón các người ngay giờ phút này, trừ phi các người hối cải.

23 Này, các người bảo rằng ta đã thông đồng với một kẻ khác để hắn ám sát Sê Giô Ram, vị trưởng phán quan của chúng ta. Nhưng này, ta nói cho các người hay, đây là vì ta đã làm chứng cho các người để các người có thể biết được việc này; phải, để làm một bằng chứng cho các người thấy rằng ta đã biết về những điều tà ác và khả ố ở giữa các người.

24 Và cũng vì ta đã làm như vậy nên các người mới nói rằng ta đã thông đồng với một kẻ khác để hắn làm việc này; phải, cũng vì ta đã cho các người thấy dấu hiệu ấy nên các người mới tức giận ta và tìm cách hủy diệt mạng sống của ta.

25 Và giờ đây này, ta sẽ cho các người thấy một dấu hiệu khác, để xem với việc này các người có còn tìm cách hủy diệt ta nữa không.

And now behold, we will detect this man, and he shall confess his fault and make known unto us the true murderer of this judge.

And it came to pass that the five were liberated on the day of the burial. Nevertheless, they did rebuke the judges in the words which they had spoken against Nephi, and did contend with them one by one, insomuch that they did confound them.

Nevertheless, they caused that Nephi should be taken and bound and brought before the multitude, and they began to question him in divers ways that they might cross him, that they might accuse him to death—

Saying unto him: Thou art confederate; who is this man that hath done this murder? Now tell us, and acknowledge thy fault; saying, Behold here is money; and also we will grant unto thee thy life if thou wilt tell us, and acknowledge the agreement which thou hast made with him.

But Nephi said unto them: O ye fools, ye uncircumcised of heart, ye blind, and ye stiffnecked people, do ye know how long the Lord your God will suffer you that ye shall go on in this your way of sin?

O ye ought to begin to howl and mourn, because of the great destruction which at this time doth await you, except ye shall repent.

Behold ye say that I have agreed with a man that he should murder Seezoram, our chief judge. But behold, I say unto you, that this is because I have testified unto you that ye might know concerning this thing; yea, even for a witness unto you, that I did know of the wickedness and abominations which are among you.

And because I have done this, ye say that I have agreed with a man that he should do this thing; yea, because I showed unto you this sign ye are angry with me, and seek to destroy my life.

And now behold, I will show unto you another sign, and see if ye will in this thing seek to destroy me.

26      Này, ta bảo các người: Hãy đi đến nhà của Sê An Tum là em trai của Sê Giô Ram, và nói với hắn rằng:

27      Phải chăng Nê Phi, tiên tri giả mạo, là người đã tiên tri nhiều điều xấu về dân này, đã thông đồng với người để người ám sát anh người là Sê Giô Ram?

28      Và này, hắn sẽ trả lời với các người: Không.

29      Và các người sẽ nói với hắn: Phải chăng chính người đã giết chết anh người?

30      Và hắn sẽ đứng sững vì hoảng sợ và không biết phải trả lời sao cả. Rồi này, hắn sẽ chối cãi với các người; và hắn sẽ làm ra vẻ kinh ngạc; tuy nhiên hắn sẽ khai với các người là hắn vô tội.

31      Nhưng này, các người hãy khám xét hắn cho kỹ, rồi các người sẽ tìm thấy dấu máu trên gấu áo choàng của hắn.

32      Và khi các người thấy như vậy, các người sẽ hỏi: Máu này từ đâu mà ra? Chúng ta há không biết máu này là của anh người hay sao?

33      Và rồi hắn sẽ run rẩy và tái mét giống như cái chết đã đến với hắn vậy.

34      Và rồi các người sẽ bảo hắn: Vì vẻ hoảng sợ và nét mặt tái mét của người, này, chúng ta biết người là kẻ có tội.

35      Và rồi lúc đó hắn lại càng kinh hoảng hơn; và rồi hắn sẽ thú tội với các người, và hắn sẽ không còn chối cãi là hắn đã không phạm tội sát nhân đó.

36      Và lúc đó hắn sẽ nói cho các người hay rằng ta là Nê Phi, không biết gì về vấn đề này, trừ phi ta được Thượng Đế ban cho quyền năng để biết. Và rồi lúc đó các người sẽ biết ta là người lương thiện, và ta được Thượng Đế sai đến với các người.

37      Và chuyện rằng, họ đã đi và làm theo lời Nê Phi đã nói với họ. Và này, những lời ông nói đều đúng cả; quả thật hắn đã chối cãi và sau đã thú nhận y như lời ông nói.

38      Và hắn bị bắt dẫn đi chứng nhận chính mình là kẻ sát nhân, do đó năm người kia được trả tự do, và luôn cả Nê Phi nữa.

Behold I say unto you: Go to the house of Seantum, who is the brother of Seezoram, and say unto him—

Has Nephi, the pretended prophet, who doth prophesy so much evil concerning this people, agreed with thee, in the which ye have murdered Seezoram, who is your brother?

And behold, he shall say unto you, Nay.

And ye shall say unto him: Have ye murdered your brother?

And he shall stand with fear, and wist not what to say. And behold, he shall deny unto you; and he shall make as if he were astonished; nevertheless, he shall declare unto you that he is innocent.

But behold, ye shall examine him, and ye shall find blood upon the skirts of his cloak.

And when ye have seen this, ye shall say: From whence cometh this blood? Do we not know that it is the blood of your brother?

And then shall he tremble, and shall look pale, even as if death had come upon him.

And then shall ye say: Because of this fear and this paleness which has come upon your face, behold, we know that thou art guilty.

And then shall greater fear come upon him; and then shall he confess unto you, and deny no more that he has done this murder.

And then shall he say unto you, that I, Nephi, know nothing concerning the matter save it were given unto me by the power of God. And then shall ye know that I am an honest man, and that I am sent unto you from God.

And it came to pass that they went and did, even according as Nephi had said unto them. And behold, the words which he had said were true; for according to the words he did deny; and also according to the words he did confess.

And he was brought to prove that he himself was the very murderer, insomuch that the five were set at liberty, and also was Nephi.

39 Và có một số người Nê Phi tin lời nói của Nê Phi; và cũng có một số người tin vào lời chứng của năm người, vì họ đã được cải đạo lúc họ còn ở trong nhà giam.

40 Và giờ đây có một số dân chúng cho rằng Nê Phi là một vị tiên tri.

41 Và một số người khác thì bảo rằng: Này, ông là một vị thần, vì nếu không phải là thần thì ông không thể biết hết mọi điều như vậy. Vì này, ông đã nói lên những ý nghĩ trong lòng chúng ta và còn cho chúng ta biết nhiều sự việc; và chính ông đã cho chúng ta biết kẻ thật sự ám sát vị trưởng phán quan của chúng ta.

And there were some of the Nephites who believed on the words of Nephi; and there were some also, who believed because of the testimony of the five, for they had been converted while they were in prison.

And now there were some among the people, who said that Nephi was a prophet.

And there were others who said: Behold, he is a god, for except he was a god he could not know of all things. For behold, he has told us the thoughts of our hearts, and also has told us things; and even he has brought unto our knowledge the true murderer of our chief judge.

## Hê La Man 10

- 1 Và chuyện rằng, trong đám dân chúng ấy nổi lên một sự chia rẽ khiến người đi về phía này kể đi về phía khác, mỗi người mỗi ngã, bỏ Nê Phi lại một mình trong khi ông đang đứng ở giữa họ.
- 2 Và chuyện rằng, Nê Phi đi trở về hướng nhà riêng của ông, vừa đi vừa suy ngẫm về những điều Chúa đã cho ông thấy.
- 3 Và chuyện rằng, trong lúc ông đang suy ngẫm như vậy—ông hết sức buồn nản về sự tà ác của dân Nê Phi, về những việc làm bí mật trong bóng tối, những vụ sát nhân, những vụ cướp bóc, cùng mọi điều bất chính khác của họ—và chuyện rằng, trong lúc ông đang suy ngẫm trong lòng như vậy, này, một tiếng nói đến với ông mà rằng:
  - 4 Phước thay cho người, hỡi Nê Phi, vì những việc người đã làm; vì ta thấy người không biết mệt mỗi khi truyền rao cho dân này nghe lời của ta ban cho người. Và người đã không sợ hãi chúng và không nghĩ tới mạng sống của mình, mà chỉ biết làm theo ý muốn của ta và tuân giữ các lệnh truyền của ta.
  - 5 Và giờ đây, vì người đã làm những việc đó mà không biết mệt mỏi, này, ta sẽ ban phước lành cho người mãi mãi; và ta sẽ làm cho người có mãnh lực trong lời nói, trong hành động, trong đức tin, và trong việc làm; phải, ngay cả mọi việc cũng sẽ được thực hiện theo như lời nói của người, vì người sẽ không đòi hỏi những gì trái ý muốn của ta.
  - 6 Này, người là Nê Phi, và ta là Thượng Đế. Này, ta tuyên bố điều này trước sự hiện diện của các thiên sứ của ta rằng, người sẽ có quyền năng đối với dân này, và sẽ đánh đất này bằng nạn đói, bằng bệnh dịch, và sự tàn phá, tùy theo sự tà ác của dân này.
  - 7 Này, ta ban cho người quyền năng, để bất cứ những gì người niêm phong trên thế gian cũng sẽ được niêm phong trên trời, và những gì người muốn cởi mở dưới thế gian thì cũng sẽ được cởi mở trên trời, và người sẽ có quyền năng đối với dân này như vậy.
  - 8 Và như vậy là, nếu người bảo đền thờ này phải nứt làm hai, thì nó sẽ nứt làm hai.

## Helaman 10

And it came to pass that there arose a division among the people, insomuch that they divided hither and thither and went their ways, leaving Nephi alone, as he was standing in the midst of them.

And it came to pass that Nephi went his way towards his own house, pondering upon the things which the Lord had shown unto him.

And it came to pass as he was thus pondering—being much cast down because of the wickedness of the people of the Nephites, their secret works of darkness, and their murderings, and their plunderings, and all manner of iniquities—and it came to pass as he was thus pondering in his heart, behold, a voice came unto him saying:

Blessed art thou, Nephi, for those things which thou hast done; for I have beheld how thou hast with unwearyingness declared the word, which I have given unto thee, unto this people. And thou hast not feared them, and hast not sought thine own life, but hast sought my will, and to keep my commandments.

And now, because thou hast done this with such unwearyingness, behold, I will bless thee forever; and I will make thee mighty in word and in deed, in faith and in works; yea, even that all things shall be done unto thee according to thy word, for thou shalt not ask that which is contrary to my will.

Behold, thou art Nephi, and I am God. Behold, I declare it unto thee in the presence of mine angels, that ye shall have power over this people, and shall smite the earth with famine, and with pestilence, and destruction, according to the wickedness of this people.

Behold, I give unto you power, that whatsoever ye shall seal on earth shall be sealed in heaven; and whatsoever ye shall loose on earth shall be loosed in heaven; and thus shall ye have power among this people.

And thus, if ye shall say unto this temple it shall be rent in twain, it shall be done.

- 9 Và nếu người bảo núi này hãy rạp xuống và trở nên bằng phẳng, thì nó sẽ làm như vậy.
- 10 Và này, nếu người nói Thượng Đế sẽ đánh dân này, thì điều đó sẽ xảy ra.
- 11 Và giờ đây này, ta truyền lệnh cho người phải đi rao truyền cho dân này biết rằng, Đức Chúa Trời, là Đấng Toàn Năng, có phán như vậy: Nếu các người không hối cải thì các người sẽ bị đánh cho đến khi bị hủy diệt.
- 12 Và này, giờ đây chuyện rằng, khi Chúa phán xong những lời này với Nê Phi, thì ông dừng lại và không về nhà nữa, mà trở lại với đám dân chúng sống phân tán khắp nơi trong xứ, và bắt đầu rao truyền cho họ biết lời Chúa đã phán cùng ông, về sự hủy diệt của họ nếu họ không hối cải.
- 13 Giờ đây này, mặc dù với phép lạ lớn lao mà Nê Phi đã thực hiện bằng cách báo cho họ biết về cái chết của vị trưởng phán quan, nhưng họ đã chai đá trong lòng và không chịu nghe theo những lời của Chúa.
- 14 Vậy nên, Nê Phi đã rao truyền lời của Chúa cho họ biết như vậy: Trừ phi các người hối cải, lời Chúa phán như vậy, các người sẽ bị đánh cho đến khi bị hủy diệt.
- 15 Và chuyện rằng, khi Nê Phi đã truyền rao lời của Chúa cho họ biết, này, họ vẫn chai đá trong lòng và không chịu nghe theo những lời ông nói; vậy nên họ thóa mạ ông và tìm cách bắt ông để họ có thể giam ông vào ngục thất.
- 16 Nhưng này, quyền năng của Thượng Đế đã ở cùng ông, khiến họ không thể bắt ông để giam ông vào ngục thất được, vì ông được Thánh Linh giải thoát và đưa ra khỏi giữa họ.
- 17 Và chuyện rằng, ông cứ đi mãi trong Thánh Linh qua hết đám dân chúng này đến đám dân chúng khác để rao truyền lời của Thượng Đế, cho đến khi ông đã rao truyền cho khắp mọi người, hay phổ biến tới cùng toàn thể dân chúng.

And if ye shall say unto this mountain, Be thou cast down and become smooth, it shall be done.

And behold, if ye shall say that God shall smite this people, it shall come to pass.

And now behold, I command you, that ye shall go and declare unto this people, that thus saith the Lord God, who is the Almighty: Except ye repent ye shall be smitten, even unto destruction.

And behold, now it came to pass that when the Lord had spoken these words unto Nephi, he did stop and did not go unto his own house, but did return unto the multitudes who were scattered about upon the face of the land, and began to declare unto them the word of the Lord which had been spoken unto him, concerning their destruction if they did not repent.

Now behold, notwithstanding that great miracle which Nephi had done in telling them concerning the death of the chief judge, they did harden their hearts and did not hearken unto the words of the Lord.

Therefore Nephi did declare unto them the word of the Lord, saying: Except ye repent, thus saith the Lord, ye shall be smitten even unto destruction.

And it came to pass that when Nephi had declared unto them the word, behold, they did still harden their hearts and would not hearken unto his words; therefore they did revile against him, and did seek to lay their hands upon him that they might cast him into prison.

But behold, the power of God was with him, and they could not take him to cast him into prison, for he was taken by the Spirit and conveyed away out of the midst of them.

And it came to pass that thus he did go forth in the Spirit, from multitude to multitude, declaring the word of God, even until he had declared it unto them all, or sent it forth among all the people.

18 Và chuyện rằng, họ không muốn nghe theo những lời của ông; và những cuộc tranh chấp bắt đầu nổi lên, đến nỗi họ chia rẽ nhau và bắt đầu sát hại lẫn nhau bằng gươm.

19 Và như vậy là chấm dứt năm thứ bảy mươi một dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

And it came to pass that they would not hearken unto his words; and there began to be contentions, insomuch that they were divided against themselves and began to slay one another with the sword.

And thus ended the seventy and first year of the reign of the judges over the people of Nephi.

## Hê La Man 11

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, vào năm thứ bảy mươi hai dưới chế độ các phán quan, những cuộc tranh chấp lại gia tăng đến nỗi chiến tranh nổi lên khắp xứ trong tất cả dân Nê Phi.
- 2 Và chính đảng cướp bí mật này đã thực hiện công việc hủy diệt và tà ác ấy. Và cuộc chiến này đã kéo dài suốt cả năm đó và qua năm thứ bảy mươi ba vẫn còn tiếp diễn.
- 3 Và chuyện rằng trong năm này, Nê Phi đã kêu cầu với Chúa rằng:
- 4 Hỡi Chúa, xin Ngài chớ để dân này phải bị hủy diệt vì nạn gươm đao, nhưng hỡi Chúa, thay vì vậy, xin Ngài hãy giáng cho họ nạn đói kém trong xứ để nhắc nhở họ nhớ đến Chúa, Thượng Đế của họ, may ra họ sẽ hối cải mà trở về cùng Ngài.
- 5 Và việc đó đã được thực hiện theo như lời cầu xin của Nê Phi. Và một trận đói kém lớn đã đến với tất cả dân Nê Phi ở trong xứ. Và như vậy là đến năm thứ bảy mươi bốn nạn đói kém vẫn còn tiếp diễn, và công việc hủy diệt bằng gươm đao đã chấm dứt nhưng sự hủy diệt lại trở nên khốc liệt vì nạn đói.
- 6 Và công việc hủy diệt này vẫn còn tiếp tục cho đến năm thứ bảy mươi lăm. Vì mặt đất bị giáng họa nặng nề đến nỗi trở nên khô cằn và không sản xuất được hạt ngũ cốc nào vào ngày mùa cả; và toàn thể mặt đất bị giáng họa, cả phía người La Man lẫn phía người Nê Phi, họ bị giáng họa đến nỗi những vùng có nhiều người tà ác hơn có hàng ngàn người đã chết.
- 7 Và chuyện rằng, khi dân chúng thấy mình sắp bị chết vì nạn đói kém thì họ bắt đầu nhớ tới Chúa, Thượng Đế của họ; và họ cũng bắt đầu nhớ tới những lời nói của Nê Phi.
- 8 Và dân chúng bắt đầu van xin các vị trưởng phán quan và các người lãnh đạo của họ đến nói với Nê Phi rằng: Nay, chúng tôi biết ông là người của Thượng Đế, vậy nên xin ông khẩn cầu Chúa, Thượng Đế của chúng ta, xin Ngài cất bỏ nạn đói kém này khỏi chúng tôi, nếu không e rằng những lời ông đã nói về sự hủy diệt của chúng tôi sẽ ứng nghiệm.

## Helaman 11

And now it came to pass in the seventy and second year of the reign of the judges that the contentions did increase, insomuch that there were wars throughout all the land among all the people of Nephi.

And it was this secret band of robbers who did carry on this work of destruction and wickedness. And this war did last all that year; and in the seventy and third year it did also last.

And it came to pass that in this year Nephi did cry unto the Lord, saying:

O Lord, do not suffer that this people shall be destroyed by the sword; but O Lord, rather let there be a famine in the land, to stir them up in remembrance of the Lord their God, and perhaps they will repent and turn unto thee.

And so it was done, according to the words of Nephi. And there was a great famine upon the land, among all the people of Nephi. And thus in the seventy and fourth year the famine did continue, and the work of destruction did cease by the sword but became sore by famine.

And this work of destruction did also continue in the seventy and fifth year. For the earth was smitten that it was dry, and did not yield forth grain in the season of grain; and the whole earth was smitten, even among the Lamanites as well as among the Nephites, so that they were smitten that they did perish by thousands in the more wicked parts of the land.

And it came to pass that the people saw that they were about to perish by famine, and they began to remember the Lord their God; and they began to remember the words of Nephi.

And the people began to plead with their chief judges and their leaders, that they would say unto Nephi: Behold, we know that thou art a man of God, and therefore cry unto the Lord our God that he turn away from us this famine, lest all the words which thou hast spoken concerning our destruction be fulfilled.

- 9 Và chuyện rằng các phán quan đã đến nói với Nê Phi thể theo như lời đã được mong muốn. Và chuyện rằng, khi Nê Phi thấy dân chúng đã hối cải và hạ mình trong manh áo thô, ông bèn kêu cầu Chúa lần nữa mà rằng:
- 10 Hỡi Chúa, này, dân này đã hối cải; và họ đã quét sạch đảng Ga Đi An Tôn ra khỏi họ, đến nỗi chúng đã tàn rụi và phải chôn sâu những kế hoạch bí mật của mình dưới lòng đất.
- 11 Giờ đây, hỡi Chúa, vì sự khiêm nhường của họ, xin Ngài cất bỏ cơn thịnh nộ của Ngài, và để cho cơn thịnh nộ của Ngài được nguôi đi bởi sự hủy diệt những kẻ tà ác mà Ngài đã hủy diệt.
- 12 Hỡi Chúa, xin Ngài cất bỏ cơn thịnh nộ của Ngài, phải, cơn thịnh nộ dữ dội của Ngài, và xin Ngài khiến nạn đói kém chấm dứt trong xứ này.
- 13 Hỡi Chúa, xin Ngài nhậm lời con và làm cho việc đó được thực hiện theo lời con; và xin Ngài làm cho mưa xuống trên mặt đất này để đem lại trái cây và ngũ cốc vào mùa của nó.
- 14 Hỡi Chúa, Ngài đã nhậm lời con khi con nói: Xin giáng xuống nạn đói để tai họa binh đao chấm dứt; nên lần này con biết rằng Ngài cũng sẽ nhậm lời con, vì Ngài từng phán rằng: Nếu dân này hối cải thì ta sẽ tha cho chúng.
- 15 Phải, hỡi Chúa, nay Ngài thấy họ đã biết hối cải vì nạn đói kém, vì bệnh dịch, và vì sự hủy diệt đã đến với họ.
- 16 Và giờ đây, hỡi Chúa, xin Ngài cất bỏ cơn thịnh nộ của Ngài, và xin thử họ một lần nữa xem họ có phục vụ Ngài chăng? Và nếu quả thật có, thì hỡi Chúa, xin Ngài ban phước lành cho họ theo như lời Ngài đã phán.
- 17 Và chuyện rằng, đến năm thứ bảy mươi sáu, Chúa cất bỏ cơn thịnh nộ của Ngài khỏi dân này, và Ngài cho mưa xuống mặt đất rất nhiều, khiến đất đai mang lại nhiều hoa quả trong ngày mùa của nó. Và chuyện rằng đất đai cũng mang lại ngũ cốc dồi dào trong mùa gặt.

And it came to pass that the judges did say unto Nephi, according to the words which had been desired. And it came to pass that when Nephi saw that the people had repented and did humble themselves in sackcloth, he cried again unto the Lord, saying:

O Lord, behold this people repenteth; and they have swept away the band of Gadianton from amongst them insomuch that they have become extinct, and they have concealed their secret plans in the earth.

Now, O Lord, because of this their humility wilt thou turn away thine anger, and let thine anger be appeased in the destruction of those wicked men whom thou hast already destroyed.

O Lord, wilt thou turn away thine anger, yea, thy fierce anger, and cause that this famine may cease in this land.

O Lord, wilt thou hearken unto me, and cause that it may be done according to my words, and send forth rain upon the face of the earth, that she may bring forth her fruit, and her grain in the season of grain.

O Lord, thou didst hearken unto my words when I said, Let there be a famine, that the pestilence of the sword might cease; and I know that thou wilt, even at this time, hearken unto my words, for thou saidst that: If this people repent I will spare them.

Yea, O Lord, and thou seest that they have repented, because of the famine and the pestilence and destruction which has come unto them.

And now, O Lord, wilt thou turn away thine anger, and try again if they will serve thee? And if so, O Lord, thou canst bless them according to thy words which thou hast said.

And it came to pass that in the seventy and sixth year the Lord did turn away his anger from the people, and caused that rain should fall upon the earth, insomuch that it did bring forth her fruit in the season of her fruit. And it came to pass that it did bring forth her grain in the season of her grain.



- 18 Và này, dân chúng rất đổi vui mừng. Họ vinh danh Thượng Đế, và khắp xứ nơi nào cũng tràn đầy niềm hân hoan; họ không còn tìm cách hủy diệt Nê Phi nữa, mà trái lại, họ kính trọng ông như một đại tiên tri và một người của Thượng Đế, được Thượng Đế ban cho quyền năng và thẩm quyền lớn lao.
- 19 Và này, Lê Hi, em trai của ông, cũng không thua kém ông chút nào trong những việc làm ngay chính.
- 20 Và chuyện rằng, nhờ thế mà dân Nê Phi đã bắt đầu thịnh vượng lại trong nước. Họ bắt đầu kiến thiết lại những nơi hoang phế, và bắt đầu sinh sôi nảy nở và bành trướng cho đến khi họ lan tràn khắp xứ, cả miền bắc lẫn miền nam, từ biển hướng tây qua biển hướng đông.
- 21 Và chuyện rằng, năm thứ bảy mươi sáu chấm dứt trong thái bình. Và năm thứ bảy mươi bảy cũng bắt đầu trong thái bình, và giáo hội cũng bắt đầu lan rộng khắp nơi trong xứ; và phần lớn dân chúng, cả dân Nê Phi lẫn dân La Man, đều thuộc vào giáo hội, và họ đã hưởng được rất nhiều thái bình trong xứ. Như vậy là chấm dứt năm thứ bảy mươi bảy.
- 22 Và họ cũng hưởng được thái bình luôn cả năm thứ bảy mươi tám, ngoại trừ có một vài tranh luận về các quan điểm giáo lý do các vị tiên tri đưa ra.
- 23 Và đến năm thứ bảy mươi chín thì bắt đầu có nhiều tranh chấp. Nhưng chuyện rằng, Nê Phi, Lê Hi, và nhiều anh em của họ, là những người hiểu rõ quan điểm giáo lý đúng đắn vì họ nhận được nhiều điều mặc khải mỗi ngày, vậy nên họ thuyết giảng cho dân chúng hiểu, khiến họ chấm dứt được những tranh chấp ngay trong năm đó.
- 24 Và chuyện rằng, đến năm thứ tám mươi dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi, có một số người ly khai khỏi dân Nê Phi, là những người mà mấy năm trước đã đi theo về với dân La Man, và đã lấy tên là dân La Man, cùng với một số người thuộc dòng giống dân La Man và vì bị bọn họ hay là nhóm ly khai đó xúi giục nổi lên tức giận, vậy nên chúng lại bắt đầu gây chiến với đồng bào chúng.

And behold, the people did rejoice and glorify God, and the whole face of the land was filled with rejoicing; and they did no more seek to destroy Nephi, but they did esteem him as a great prophet, and a man of God, having great power and authority given unto him from God.

And behold, Lehi, his brother, was not a whit behind him as to things pertaining to righteousness.

And thus it did come to pass that the people of Nephi began to prosper again in the land, and began to build up their waste places, and began to multiply and spread, even until they did cover the whole face of the land, both on the northward and on the southward, from the sea west to the sea east.

And it came to pass that the seventy and sixth year did end in peace. And the seventy and seventh year began in peace; and the church did spread throughout the face of all the land; and the more part of the people, both the Nephites and the Lamanites, did belong to the church; and they did have exceedingly great peace in the land; and thus ended the seventy and seventh year.

And also they had peace in the seventy and eighth year, save it were a few contentions concerning the points of doctrine which had been laid down by the prophets.

And in the seventy and ninth year there began to be much strife. But it came to pass that Nephi and Lehi, and many of their brethren who knew concerning the true points of doctrine, having many revelations daily, therefore they did preach unto the people, insomuch that they did put an end to their strife in that same year.

And it came to pass that in the eightieth year of the reign of the judges over the people of Nephi, there were a certain number of the dissenters from the people of Nephi, who had some years before gone over unto the Lamanites, and taken upon themselves the name of Lamanites, and also a certain number who were real descendants of the Lamanites, being stirred up to anger by them, or by those dissenters, therefore they commenced a war with their brethren.

25 Và chúng giết người và cướp bóc; rồi chúng rút lên núi, vào những nơi hoang dã và những nơi bí mật để ẩn núp cho khỏi bị bại lộ, và hằng ngày chúng thu nhận thêm người vào bọn chúng nên có những kẻ ly khai theo về với chúng.

26 Và do đó mà, phải, trong khoảng thời gian có mấy năm, bọn chúng đã trở nên một đảng cướp hết sức đông đảo; và chúng đã tìm kiếm tất cả những kế hoạch bí mật của Ga Đi An Tôn, vậy nên chúng trở thành những bọn cướp Ga Đi An Tôn.

27 Giờ đây, này, những tên cướp ấy đã gây thiệt hại lớn lao, phải, một sự hủy diệt lớn lao trong dân Nê Phi và luôn cả trong dân La Man.

28 Và chuyện rằng, điều cần thiết là phải chặn đứng sự hủy diệt này, nên họ phái một đạo quân gồm những người khỏe mạnh vào vùng hoang dã và lên các ngọn núi lùng kiếm đảng cướp này để hủy diệt chúng.

29 Nhưng này, chuyện rằng, trong năm ấy họ bị đẩy lui về vùng đất của mình. Và như vậy là chấm dứt năm thứ tám mươi dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

30 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ tám mươi mốt, họ lại tiến quân đánh đảng cướp này một lần nữa, và hủy diệt được bọn chúng rất nhiều, nhưng phần họ cũng bị thiệt hại lớn.

31 Và một lần nữa họ lại buộc lòng phải rút quân ra khỏi vùng hoang dã và các đồi núi để trở về vùng đất của mình, vì số quân của bọn cướp quá đông đảo, chúng sống ở khắp vùng núi non và hoang dã.

32 Và chuyện rằng, như vậy là chấm dứt năm này. Và bọn cướp cứ tiếp tục tăng gia và trở nên hùng mạnh, đến nỗi chúng có thể đương đầu luôn với cả toàn quân đội của dân Nê Phi và luôn cả quân đội của dân La Man nữa; và chúng quả đã gây nên sự kinh hãi khủng khiếp cho toàn dân khắp xứ.

And they did commit murder and plunder; and then they would retreat back into the mountains, and into the wilderness and secret places, hiding themselves that they could not be discovered, receiving daily an addition to their numbers, inasmuch as there were dissenters that went forth unto them.

And thus in time, yea, even in the space of not many years, they became an exceedingly great band of robbers; and they did search out all the secret plans of Gadianton; and thus they became robbers of Gadianton.

Now behold, these robbers did make great havoc, yea, even great destruction among the people of Nephi, and also among the people of the Lamanites.

And it came to pass that it was expedient that there should be a stop put to this work of destruction; therefore they sent an army of strong men into the wilderness and upon the mountains to search out this band of robbers, and to destroy them.

But behold, it came to pass that in that same year they were driven back even into their own lands. And thus ended the eightieth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And it came to pass in the commencement of the eighty and first year they did go forth again against this band of robbers, and did destroy many; and they were also visited with much destruction.

And they were again obliged to return out of the wilderness and out of the mountains unto their own lands, because of the exceeding greatness of the numbers of those robbers who infested the mountains and the wilderness.

And it came to pass that thus ended this year. And the robbers did still increase and wax strong, insomuch that they did defy the whole armies of the Nephites, and also of the Lamanites; and they did cause great fear to come unto the people upon all the face of the land.

- 33 Phải, vì chúng đến quấy nhiễu nhiều nơi trong xứ và gây nên thiệt hại lớn lao cho họ; phải, chúng giết hại nhiều người, và bắt nhiều người khác đem vào vùng hoang dã, phải, nhất là trẻ con và đàn bà của họ.
- 34 Giờ đây đại họa này đã đến với dân chúng, vì sự bất chính của họ, để thức tỉnh họ nhớ tới Chúa, Thượng Đế của họ.
- 35 Và như vậy là chấm dứt năm thứ tám mươi một dưới chế độ các phán quan.
- 36 Và đến năm thứ tám mươi hai, họ lại bắt đầu quên Chúa, Thượng Đế của họ. Và trong năm thứ tám mươi ba, họ bắt đầu gia tăng mạnh mẽ trong sự bất chính. Và vào năm thứ tám mươi bốn họ cũng không sửa đổi đường lối của họ.
- 37 Và chuyện rằng đến năm thứ tám mươi lăm, họ lại càng gia tăng mạnh mẽ hơn trong sự kiêu căng và tà ác của họ; và như vậy là họ lại chín muồi để chờ đón sự hủy diệt.
- 38 Và như vậy là chấm dứt năm thứ tám mươi lăm.

Yea, for they did visit many parts of the land, and did do great destruction unto them; yea, did kill many, and did carry away others captive into the wilderness, yea, and more especially their women and their children.

Now this great evil, which came unto the people because of their iniquity, did stir them up again in remembrance of the Lord their God.

And thus ended the eighty and first year of the reign of the judges.

And in the eighty and second year they began again to forget the Lord their God. And in the eighty and third year they began to wax strong in iniquity. And in the eighty and fourth year they did not mend their ways.

And it came to pass in the eighty and fifth year they did wax stronger and stronger in their pride, and in their wickedness; and thus they were ripening again for destruction.

And thus ended the eighty and fifth year.

## Hê La Man 12

- 1 Và do đó mà chúng ta có thể thấy được lòng dạ của con cái loài người là giả dối và cũng bất thường biết bao; phải, chúng ta có thể thấy được rằng, với lòng nhân từ vĩ đại vô hạn của Ngài, Chúa đã ban phước lành và sự thịnh vượng cho những ai đặt lòng tin cậy nơi Ngài.
- 2 Phải, và chúng ta có thể thấy được vào chính lúc Ngài ban sự thịnh vượng cho dân Ngài, phải, trong sự gia tăng các đồng ruộng, các đàn gia súc và các bầy thú của họ, cùng vàng, bạc, và tất cả các vật quý giá đủ loại và mỹ thuật; Ngài tha mạng sống cho họ và giải thoát họ khỏi bàn tay kẻ thù; Ngài làm mềm lòng những kẻ thù của họ khiến chúng không gây chiến với họ nữa; phải, nói tóm lại, Ngài đã làm mọi điều vì sự an lạc và hạnh phúc của dân Ngài; phải, rồi chính lúc đó họ chai đá trong lòng, và quên Chúa, Thượng Đế của họ, và chà đạp Đấng Thánh dưới chân của họ—phải, và sờ dĩ như vậy là vì họ quá thư thái và quá giàu sang.
- 3 Và như vậy chúng ta thấy được rằng, trừ phi Chúa sửa phạt dân Ngài bằng nhiều sự đau khổ, phải, trừ phi Ngài đến viếng phạt họ bằng sự chết chóc, bằng sự khủng khiếp, bằng nạn đói kém cùng đủ mọi thứ bệnh dịch, thì họ sẽ không biết nhớ tới Ngài.
- 4 Hỡi ôi, con cái loài người điên rồ, tự phụ, xấu xa, và quỷ quái biết dường nào; họ mau lẹ biết bao khi làm điều bất chính, nhưng lại chậm chạp biết bao khi làm điều tốt; phải, họ mau lẹ biết bao khi nghe theo lời ác quỷ và hết lòng ưa thích những điều phù phiếm của thế gian!
- 5 Phải, họ mau lẹ biết bao khi dương dương tự đắc; phải, họ mau lẹ biết bao khi khoe khoang và làm mọi hành vi bất chính, nhưng họ lại chậm chạp biết bao trong việc tưởng nhớ tới Chúa, Thượng Đế của họ, và để tai nghe lời răn dạy của Ngài; phải, họ chậm chạp biết bao khi đi vào các đường lối khôn ngoan!

## Helaman 12

And thus we can behold how false, and also the unsteadiness of the hearts of the children of men; yea, we can see that the Lord in his great infinite goodness doth bless and prosper those who put their trust in him.

Yea, and we may see at the very time when he doth prosper his people, yea, in the increase of their fields, their flocks and their herds, and in gold, and in silver, and in all manner of precious things of every kind and art; sparing their lives, and delivering them out of the hands of their enemies; softening the hearts of their enemies that they should not declare wars against them; yea, and in fine, doing all things for the welfare and happiness of his people; yea, then is the time that they do harden their hearts, and do forget the Lord their God, and do trample under their feet the Holy One—yea, and this because of their ease, and their exceedingly great prosperity.

And thus we see that except the Lord doth chasten his people with many afflictions, yea, except he doth visit them with death and with terror, and with famine and with all manner of pestilence, they will not remember him.

O how foolish, and how vain, and how evil, and devilish, and how quick to do iniquity, and how slow to do good, are the children of men; yea, how quick to hearken unto the words of the evil one, and to set their hearts upon the vain things of the world!

Yea, how quick to be lifted up in pride; yea, how quick to boast, and do all manner of that which is iniquity; and how slow are they to remember the Lord their God, and to give ear unto his counsels, yea, how slow to walk in wisdom's paths!

6      Này, họ không muốn Chúa, Thượng Đế của họ, là Đấng đã sáng tạo ra họ, cai quản và trị vì họ; mặc dù lòng nhân từ vĩ đại và sự thương xót của Ngài đối với họ, họ vẫn xem thường lời răn dạy của Ngài và không muốn Ngài hướng dẫn họ.

7      Hỡi ôi, sao sự hư không của con cái loài người lại lớn lao như vậy; phải, họ còn kém hơn bụi đất thế gian.

8      Vì này, bụi đất thế gian di chuyển từ nơi này qua nơi kia và tách rời làm hai theo lệnh truyền của Đấng Thượng Đế vĩ đại và trường cửu của chúng ta.

9      Phải, này các đồi núi rung chuyển khi tiếng Ngài phán ra.

10     Và do quyền năng của tiếng nói của Ngài, các đồi núi ấy đều vỡ ra và trở thành bằng phẳng, phải, chẳng khác chi một thung lũng vậy.

11     Phải, do quyền năng của tiếng nói của Ngài, tất cả địa cầu đều lung lay;

12     Phải, do quyền năng của tiếng nói của Ngài, mọi đá nền đều lung lay đến tận trung tâm.

13     Phải, và nếu Ngài phán cùng quả đất rằng: “Hãy chuyển động,” thì nó sẽ chuyển động.

14     Phải, nếu Ngài phán cùng quả đất rằng: “Hãy quay lui lại và kéo dài một ngày cho thêm nhiều giờ,” thì việc đó sẽ được thực hiện như vậy;

15     Và như vậy là, theo lời của Ngài, trái đất trở lui và đối với loài người dường như mặt trời đứng im một chỗ; phải, và này, việc đó phải xảy ra như vậy; vì cố nhiên là trái đất chuyển động, chứ không phải mặt trời.

16     Và này, nếu Ngài phán cùng nước của vực sâu: “Hãy cạn đi,” thì việc đó sẽ được thực hiện như vậy.

17     Và này, nếu Ngài phán cùng núi kia: “Hãy vươn cao lên và đổ xuống thành phố này, để chôn vùi nó,” này, việc đó sẽ được thực hiện như vậy.

18     Và này, nếu có một người chôn giấu một kho tàng dưới đất, và Chúa phán: “Hãy để cho nó bị rửa sạch vì sự bất chính của người chôn giấu nó,” này, nó sẽ bị rửa sạch.

19     Và nếu Chúa phán: “Nó bị rửa sạch để từ nay và mãi mãi về sau không một ai có thể tìm ra nó,” này, sẽ chẳng có ai tìm lấy được nó từ nay cho đến mãi mãi về sau.

Behold, they do not desire that the Lord their God, who hath created them, should rule and reign over them; notwithstanding his great goodness and his mercy towards them, they do set at naught his counsels, and they will not that he should be their guide.

O how great is the nothingness of the children of men; yea, even they are less than the dust of the earth.

For behold, the dust of the earth moveth hither and thither, to the dividing asunder, at the command of our great and everlasting God.

Yea, behold at his voice do the hills and the mountains tremble and quake.

And by the power of his voice they are broken up, and become smooth, yea, even like unto a valley.

Yea, by the power of his voice doth the whole earth shake;

Yea, by the power of his voice, do the foundations rock, even to the very center.

Yea, and if he say unto the earth—Move—it is moved.

Yea, if he say unto the earth—Thou shalt go back, that it lengthen out the day for many hours—it is done;

And thus, according to his word the earth goeth back, and it appeareth unto man that the sun standeth still; yea, and behold, this is so; for surely it is the earth that moveth and not the sun.

And behold, also, if he say unto the waters of the great deep—Be thou dried up—it is done.

Behold, if he say unto this mountain—Be thou raised up, and come over and fall upon that city, that it be buried up—behold it is done.

And behold, if a man hide up a treasure in the earth, and the Lord shall say—Let it be accursed, because of the iniquity of him who hath hid it up—behold, it shall be accursed.

And if the Lord shall say—Be thou accursed, that no man shall find thee from this time henceforth and forever—behold, no man getteth it henceforth and forever.

20 Và này, nếu Chúa phán cùng một người: “Vì sự bất chính của người, người sẽ bị rủa sả đời đời,” thì việc đó sẽ được thực hiện như vậy.

21 Và nếu Chúa phán: “Vì những điều bất chính của người, người sẽ bị khai trừ khỏi nơi hiện diện của ta,” thì Ngài sẽ khiến cho điều đó được thực hiện đúng như vậy.

22 Và khốn thay cho kẻ nào bị Ngài phán như vậy, vì điều đó sẽ xảy ra cho kẻ làm điều bất chính và kẻ đó không thể được cứu rỗi; vậy nên, vì lý do này, để cho loài người có thể được cứu rỗi, nên sự hối cải đã được rao truyền.

23 Vậy nên, phước thay cho những ai hối cải và nghe theo tiếng nói của Chúa, Thượng Đế của họ; vì những người này là những kẻ sẽ được cứu rỗi.

24 Và cầu xin Thượng Đế, với sự trọn vẹn lớn lao của Ngài, xin để cho loài người có thể được dẫn dắt tới sự hối cải và những việc làm tốt lành, ngõ hầu họ có thể được phục hồi từ ân điển này qua ân điển khác, tùy theo những việc làm của họ.

25 Và tôi mong muốn rằng tất cả mọi người đều có thể được cứu rỗi. Nhưng chúng ta đã đọc được rằng, vào ngày trọng đại cuối cùng, sẽ có một số người bị khai trừ, phải, họ sẽ bị khai trừ khỏi nơi hiện diện của Chúa;

26 Phải, họ sẽ bị đày vào một trạng thái khổ sở bất tận, để làm ứng nghiệm lời phán dạy sau đây: Kẻ nào làm điều thiện thì sẽ hưởng được một cuộc sống vĩnh viễn, còn kẻ nào làm điều ác thì sẽ nhận sự đoán phạt vĩnh viễn. Quả thật vậy. Amen.

And behold, if the Lord shall say unto a man— Because of thine iniquities, thou shalt be accursed forever—it shall be done.

And if the Lord shall say—Because of thine iniquities thou shalt be cut off from my presence—he will cause that it shall be so.

And wo unto him to whom he shall say this, for it shall be unto him that will do iniquity, and he cannot be saved; therefore, for this cause, that men might be saved, hath repentance been declared.

Therefore, blessed are they who will repent and hearken unto the voice of the Lord their God; for these are they that shall be saved.

And may God grant, in his great fulness, that men might be brought unto repentance and good works, that they might be restored unto grace for grace, according to their works.

And I would that all men might be saved. But we read that in the great and last day there are some who shall be cast out, yea, who shall be cast off from the presence of the Lord;

Yea, who shall be consigned to a state of endless misery, fulfilling the words which say: They that have done good shall have everlasting life; and they that have done evil shall have everlasting damnation. And thus it is. Amen.

Lời tiên tri của Sa Mu Ên, người La Man, cho dân Nê Phi.

## Hê La Man 13

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, đến năm thứ tám mươi sáu, dân Nê Phi vẫn sống trong sự tà ác; phải, trong một sự tà ác lớn lao, trong khi dân La Man lại hết lòng tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế theo đúng luật pháp Môi Se.
- 2 Và chuyện rằng, trong năm này có một người La Man tên là Sa Mu Ên đến xứ Gia Ra Hem La, và bắt đầu thuyết giảng cho dân chúng nghe. Và chuyện rằng, ông thuyết giảng nhiều ngày cho dân chúng về sự hối cải, nhưng họ lại đuổi ông đi, và ông sắp sửa trở về xứ mình.
- 3 Nhưng này, tiếng nói của Chúa đã đến với ông, bảo ông phải quay trở lại và nói tiên tri cho dân này bất cứ những điều gì sẽ được đặt vào tim ông.
- 4 Và chuyện rằng, họ không chịu để cho ông vào thành phố; vậy nên ông leo lên tường, rồi ông dang tay ra và lớn tiếng nói tiên tri cho dân chúng những điều Chúa đã đặt vào tim ông.
- 5 Và ông nói với họ rằng: Này, tôi, Sa Mu Ên, người La Man, xin nói lên những lời Chúa đã đặt vào trong tim tôi; và này, Ngài đã đặt những lời đó vào tim tôi để tôi nói lại với dân này rằng: Gươm công lý đang treo trên đầu dân này; và trước khi bốn trăm năm trôi qua, gươm công lý sẽ rơi trên đầu dân này.
- 6 Phải, một sự hủy diệt lớn lao đang đón chờ dân này, và chắc chắn nó sẽ đến với dân này, và sẽ chẳng có gì cứu được dân này, ngoại trừ sự hối cải và đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô, là Đấng chắc chắn sẽ đến thế gian này, sẽ chịu thống khổ nhiều điều và sẽ bị giết chết vì dân Ngài.
- 7 Và này, một thiên sứ của Chúa đã rao truyền những lời đó cho tôi, và vị ấy đã đem lại tin lành cho tâm hồn tôi. Và này, tôi được phái tới đây để rao truyền những lời đó cho các người, để các người cũng có được tin mừng ấy, nhưng này, các người lại không muốn đón nhận tôi.

The prophecy of Samuel, the Lamanite, to the Nephites.

## Helaman 13

And now it came to pass in the eighty and sixth year, the Nephites did still remain in wickedness, yea, in great wickedness, while the Lamanites did observe strictly to keep the commandments of God, according to the law of Moses.

And it came to pass that in this year there was one Samuel, a Lamanite, came into the land of Zarahemla, and began to preach unto the people. And it came to pass that he did preach, many days, repentance unto the people, and they did cast him out, and he was about to return to his own land.

But behold, the voice of the Lord came unto him, that he should return again, and prophesy unto the people whatsoever things should come into his heart.

And it came to pass that they would not suffer that he should enter into the city; therefore he went and got upon the wall thereof, and stretched forth his hand and cried with a loud voice, and prophesied unto the people whatsoever things the Lord put into his heart.

And he said unto them: Behold, I, Samuel, a Lamanite, do speak the words of the Lord which he doth put into my heart; and behold he hath put it into my heart to say unto this people that the sword of justice hangeth over this people; and four hundred years pass not away save the sword of justice falleth upon this people.

Yea, heavy destruction awaiteth this people, and it surely cometh unto this people, and nothing can save this people save it be repentance and faith on the Lord Jesus Christ, who surely shall come into the world, and shall suffer many things and shall be slain for his people.

And behold, an angel of the Lord hath declared it unto me, and he did bring glad tidings to my soul. And behold, I was sent unto you to declare it unto you also, that ye might have glad tidings; but behold ye would not receive me.

- 8 Vậy nên, Chúa có phán như vậy: Vì dân Nê Phi lòng dạ chai đá nên nếu chúng không hối cải, thì ta sẽ cất đi lời nói của ta khỏi chúng và ta sẽ rút Thánh Linh của ta khỏi chúng, và ta sẽ không chịu đựng chúng lâu hơn được nữa, và ta sẽ làm cho đồng bào của chúng đem lòng chống lại chúng.
- 9 Và trước khi bốn trăm năm trôi qua, ta sẽ khiến chúng bị đánh ngã; phải, ta sẽ đến viếng phạt chúng bằng gươm, bằng nạn đói, và bằng bệnh dịch.
- 10 Phải, ta sẽ đến viếng phạt chúng trong cơn thịnh nộ dữ dội của ta, và những kẻ trong thế hệ thứ tư của kẻ thù các ngươi sẽ sống để nhìn thấy sự hủy diệt hoàn toàn của các ngươi; và việc này chắc chắn sẽ xảy ra trừ phi các ngươi hối cải, và những người trong thế hệ thứ tư đó sẽ hủy diệt các ngươi, lời Chúa phán vậy;
- 11 Nhưng nếu các ngươi chịu hối cải và trở về cùng Chúa, Thượng Đế của các ngươi, thì ta sẽ cất bỏ cơn thịnh nộ của ta, lời Chúa phán; phải, Chúa đã phán như vậy, phước thay cho những ai chịu hối cải mà trở về cùng ta; nhưng khốn thay cho những kẻ không hối cải.
- 12 Phải, khốn thay cho thành phố Gia Ra Hem La vĩ đại này; vì này, chính nhờ có những người ngay chính mà nó được cứu; phải, khốn thay cho thành phố vĩ đại này, vì ta trông thấy có nhiều người, lời Chúa phán, phải, hầu hết những người trong thành phố này đều sẽ chai đá trong lòng mà chống lại ta, lời Chúa phán.
- 13 Nhưng phước thay cho những ai chịu hối cải, vì ta sẽ tha họ. Nhưng này, nếu không vì những người ngay chính đang ở trong thành phố vĩ đại này, thì này, ta sẽ cho lửa từ trời xuống hủy diệt nó.
- 14 Nhưng này, nhờ những người ngay chính mà nó được tha. Nhưng này, sẽ đến lúc, lời Chúa phán, khi các ngươi xua đuổi những người ngay chính ra khỏi các ngươi, thì đó chính là lúc các ngươi chín muồi cho sự hủy diệt; phải, khốn thay cho thành phố vĩ đại này, vì những điều tà ác và khả ố trong nó.
- 15 Phải, và khốn thay cho thành phố Ghê Đê Ôn, cũng vì những điều tà ác và khả ố trong nó.

Therefore, thus saith the Lord: Because of the hardness of the hearts of the people of the Nephites, except they repent I will take away my word from them, and I will withdraw my Spirit from them, and I will suffer them no longer, and I will turn the hearts of their brethren against them.

And four hundred years shall not pass away before I will cause that they shall be smitten; yea, I will visit them with the sword and with famine and with pestilence.

Yea, I will visit them in my fierce anger, and there shall be those of the fourth generation who shall live, of your enemies, to behold your utter destruction; and this shall surely come except ye repent, saith the Lord; and those of the fourth generation shall visit your destruction.

But if ye will repent and return unto the Lord your God I will turn away mine anger, saith the Lord; yea, thus saith the Lord, blessed are they who will repent and turn unto me, but wo unto him that repenteth not.

Yea, wo unto this great city of Zarahemla; for behold, it is because of those who are righteous that it is saved; yea, wo unto this great city, for I perceive, saith the Lord, that there are many, yea, even the more part of this great city, that will harden their hearts against me, saith the Lord.

But blessed are they who will repent, for them will I spare. But behold, if it were not for the righteous who are in this great city, behold, I would cause that fire should come down out of heaven and destroy it.

But behold, it is for the righteous' sake that it is spared. But behold, the time cometh, saith the Lord, that when ye shall cast out the righteous from among you, then shall ye be ripe for destruction; yea, wo be unto this great city, because of the wickedness and abominations which are in her.

Yea, and wo be unto the city of Gideon, for the wickedness and abominations which are in her.



- 16 Phải, khôn thay cho tất cả những thành phố trong xứ xung quanh, là những thành phố do dân Nê Phi làm chủ, vì những điều tà ác và khả ố trong nó.
- 17 Và này, một sự rửa sả sẽ giáng xuống xứ này, lời Chúa Muôn Quân phán, vì dân sống trên đó, phải, vì sự tà ác và những điều khả ố của chúng.
- 18 Và chuyện rằng, Chúa Muôn Quân, phải, Đấng Thượng Đế vĩ đại và chân thật của chúng ta, phán rằng kẻ nào chôn giấu kho tàng dưới đất sẽ không tìm thấy lại được nữa, vì đất này đã bị rửa sả nặng nề, trừ phi kẻ đó là người ngay chính và cất giấu nó trong Chúa.
- 19 Vì ta muốn rằng, lời Chúa phán, chúng cất giấu kho tàng trong ta; và đáng rửa sả thay cho những kẻ nào không cất giấu kho tàng trong ta; vì chẳng có kẻ nào cất giấu được kho tàng trong ta, ngoại trừ người ngay chính; và kẻ nào không cất giấu kho tàng trong ta thì kẻ đó sẽ bị rửa sả, và kho tàng của chúng cũng bị rửa sả luôn, và sẽ chẳng có kẻ nào tìm ra được nó, vì xứ đó bị rửa sả.
- 20 Và sẽ tới ngày mà chúng cất giấu kho tàng của chúng, vì chúng đã để tâm vào của cải; và cũng vì chúng đã để tâm vào của cải và sẽ cất giấu kho tàng của chúng khi chúng chạy trốn kẻ thù; vì chúng không cất giấu kho tàng trong ta nên chúng phải bị rửa sả và luôn cả kho tàng của chúng cũng vậy; và đến ngày đó, chúng sẽ bị đánh ngã, lời Chúa phán.
- 21 Này, hỡi các người là dân của thành phố vĩ đại này, xin hãy nghe lời tôi nói, phải, hãy nghe những lời Chúa phán dạy, vì này, Ngài phán rằng, các người bị rửa sả vì của cải của các người, và của cải của các người bị rửa sả vì các người đã để hết lòng mình vào nó mà không chịu nghe theo lời của Đấng đã ban nó cho các người.

Yea, and wo be unto all the cities which are in the land round about, which are possessed by the Nephites, because of the wickedness and abominations which are in them.

And behold, a curse shall come upon the land, saith the Lord of Hosts, because of the people's sake who are upon the land, yea, because of their wickedness and their abominations.

And it shall come to pass, saith the Lord of Hosts, yea, our great and true God, that whoso shall hide up treasures in the earth shall find them again no more, because of the great curse of the land, save he be a righteous man and shall hide it up unto the Lord.

For I will, saith the Lord, that they shall hide up their treasures unto me; and cursed be they who hide not up their treasures unto me; for none hideth up their treasures unto me save it be the righteous; and he that hideth not up his treasures unto me, cursed is he, and also the treasure, and none shall redeem it because of the curse of the land.

And the day shall come that they shall hide up their treasures, because they have set their hearts upon riches; and because they have set their hearts upon their riches, and will hide up their treasures when they shall flee before their enemies; because they will not hide them up unto me, cursed be they and also their treasures; and in that day shall they be smitten, saith the Lord.

Behold ye, the people of this great city, and hearken unto my words; yea, hearken unto the words which the Lord saith; for behold, he saith that ye are cursed because of your riches, and also are your riches cursed because ye have set your hearts upon them, and have not hearkened unto the words of him who gave them unto you.

- 22 Các người không nhớ đến Chúa, Thượng Đế của các người, về những gì Ngài đã ban phước cho các người, mà các người chỉ luôn luôn nhớ đến của cải của mình, và không biết cảm ơn Chúa, Thượng Đế của các người, đã ban cho những thứ ấy; phải, lòng các người không hướng về Chúa, mà chỉ căng phồng đầy sự kiêu căng lớn lao, đưa tới sự khoe khoang, sự kiêu hãnh quá độ, những đồ kỵ, tranh chấp, xảo quyệt, ngược đãi, sát nhân, cùng đủ mọi điều bất chính khác.
- 23 Vì lý do đó nên Đức Chúa Trời đã khiến cho sự rủa sả giáng xuống xứ này, và xuống của cải của các người nữa, và việc này xảy ra cũng vì những điều bất chính của các người.
- 24 Phải, khốn thay cho dân này, vì đã đến lúc, khi mà các người xua đuổi các tiên tri, nhạo báng họ, ném đá vào họ, sát hại họ và làm đủ mọi điều bất chính đối với họ, chẳng khác chi ngày xưa người ta đã làm vậy.
- 25 Và giờ đây, khi nói chuyện, các người lại nói rằng: Nếu chúng tôi sống vào thời tổ phụ chúng tôi ngày xưa, thì chúng tôi đã không giết hại các tiên tri; và đã không ném đá và đuổi họ đi.
- 26 Nay, các người còn tệ hơn cả những người xưa; vì như Chúa là Đấng hằng sống, nếu có một vị tiên tri đến với các người và rao truyền lời của Chúa cho các người để làm chứng về những tội lỗi và những điều bất chính của các người, thì các người tức giận vị ấy, xua đuổi vị ấy, và tìm đủ mọi cách để hủy diệt vị ấy; phải, các người sẽ nói rằng người ấy là một tiên tri giả mạo, là một người tội lỗi, người của quỷ dữ, chỉ vì vị ấy làm chứng rằng những hành vi của các người là tà ác.
- 27 Nhưng này, nếu một người đến nói với các người rằng: Hãy làm việc này, không có điều gì bất chính đâu; hãy làm việc kia, các người sẽ không hề gì đâu; phải, người ấy sẽ nói: Hãy đi theo sự kiêu hãnh của lòng mình; phải, hãy đi theo sự kiêu hãnh của mắt các người, và hãy làm tất cả những gì mà lòng các người ưa thích—và nếu có người nào đến nói với các người như vậy, thì các người sẽ tiếp nhận người đó, và bảo đó là một vị tiên tri.

Ye do not remember the Lord your God in the things with which he hath blessed you, but ye do always remember your riches, not to thank the Lord your God for them; yea, your hearts are not drawn out unto the Lord, but they do swell with great pride, unto boasting, and unto great swelling, envyings, strifes, malice, persecutions, and murders, and all manner of iniquities.

For this cause hath the Lord God caused that a curse should come upon the land, and also upon your riches, and this because of your iniquities.

Yea, wo unto this people, because of this time which has arrived, that ye do cast out the prophets, and do mock them, and cast stones at them, and do slay them, and do all manner of iniquity unto them, even as they did of old time.

And now when ye talk, ye say: If our days had been in the days of our fathers of old, we would not have slain the prophets; we would not have stoned them, and cast them out.

Behold ye are worse than they; for as the Lord liveth, if a prophet come among you and declareth unto you the word of the Lord, which testifieth of your sins and iniquities, ye are angry with him, and cast him out and seek all manner of ways to destroy him; yea, you will say that he is a false prophet, and that he is a sinner, and of the devil, because he testifieth that your deeds are evil.

But behold, if a man shall come among you and shall say: Do this, and there is no iniquity; do that and ye shall not suffer; yea, he will say: Walk after the pride of your own hearts; yea, walk after the pride of your eyes, and do whatsoever your heart desireth—and if a man shall come among you and say this, ye will receive him, and say that he is a prophet.

- 28 Phải, các người sẽ tôn kính người đó và chia sẻ tài sản của mình cho người đó; các người sẽ tặng người đó vàng bạc của mình, và khoác lên mình người đó y phục đắt giá, vì người đó đã nói với các người những lời phỉnh nịnh, và bảo các người là mọi việc đều tốt đẹp cả, nên các người sẽ không tìm thấy điều gì sai quấy ở người đó.
- 29 Hỡi ôi, các người là một thế hệ độc ác và ngược ngạo; các người là những kẻ chai đá và cứng cổ, các người cho rằng Chúa sẽ còn chịu đựng các người trong bao nhiêu lâu nữa? Phải, các người còn để cho những kẻ điên rồ và mù quáng hướng dẫn mình bao lâu nữa? Phải, các người còn chọn lựa bóng tối thay vì ánh sáng cho tới bao lâu nữa?
- 30 Phải, này, cơn giận của Chúa đã nhóm lên các người rồi; này, Ngài đã rửa sả xứ này vì sự bất chính của các người.
- 31 Và này, sắp đến lúc Ngài rửa sả của cải các người, khiến cho nó trở nên trơn trượt, để các người không nắm giữ được; và trong những ngày nghèo khổ của các người, các người không thể giữ được nó.
- 32 Và trong những ngày nghèo khổ của các người, các người sẽ kêu cầu lên Chúa; và các người sẽ kêu cầu vô ích, vì sự tiêu điều đã đến với các người, và sự hủy diệt của các người đã quá chắc chắn; và rồi đến ngày đó, các người sẽ khóc than và gào thét, lời Chúa Muôn Quân phán vậy. Và lúc ấy các người sẽ rên rỉ mà rằng:
- 33 Hỡi ôi, nếu tôi đã hối cải, và đã không sát hại các vị tiên tri, ném đá, và xua đuổi họ. Phải, ngày đó các người sẽ nói: Hỡi ôi, phải chỉ ngày trước chúng ta nhớ đến Chúa, Thượng Đế của chúng ta, vào ngày mà Ngài ban cho chúng ta của cải, thì của cải đó đã không trơn trượt, khiến chúng ta phải mất hết; vì này, bây giờ của cải đã rời bỏ chúng ta.
- 34 Này, chúng ta để một dụng cụ ở đây và đến ngày mai nó không còn; và này, gươm của chúng ta đều bị lấy mất vào ngày chúng ta tìm nó để chiến đấu.
- 35 Phải, chúng ta đã chôn giấu của cải của mình, và nó đã tuột khỏi tay chúng ta vì xứ này đã bị rửa sả.

Yea, ye will lift him up, and ye will give unto him of your substance; ye will give unto him of your gold, and of your silver, and ye will clothe him with costly apparel; and because he speaketh flattering words unto you, and he saith that all is well, then ye will not find fault with him.

O ye wicked and ye perverse generation; ye hardened and ye stiffnecked people, how long will ye suppose that the Lord will suffer you? Yea, how long will ye suffer yourselves to be led by foolish and blind guides? Yea, how long will ye choose darkness rather than light?

Yea, behold, the anger of the Lord is already kindled against you; behold, he hath cursed the land because of your iniquity.

And behold, the time cometh that he curseth your riches, that they become slippery, that ye cannot hold them; and in the days of your poverty ye cannot retain them.

And in the days of your poverty ye shall cry unto the Lord; and in vain shall ye cry, for your desolation is already come upon you, and your destruction is made sure; and then shall ye weep and howl in that day, saith the Lord of Hosts. And then shall ye lament, and say:

O that I had repented, and had not killed the prophets, and stoned them, and cast them out. Yea, in that day ye shall say: O that we had remembered the Lord our God in the day that he gave us our riches, and then they would not have become slippery that we should lose them; for behold, our riches are gone from us.

Behold, we lay a tool here and on the morrow it is gone; and behold, our swords are taken from us in the day we have sought them for battle.

Yea, we have hid up our treasures and they have slipped away from us, because of the curse of the land.

36 Hỡi ôi, ước gì chúng ta đã hối cải vào ngày mà lời của Chúa đến với chúng ta; vì này, xứ này đã bị rửa sả, và tất cả mọi vật đã trở nên trơn trượt, và chúng ta không thể nắm giữ chúng được nữa.

37 Này, chúng ta bị quỷ dữ bao quanh, phải, chúng ta bị bao vây bởi các quỷ sứ của kẻ đã tìm cách hủy diệt tâm hồn chúng ta. Này, những điều bất chính của chúng ta thật quá lớn lao. Hỡi Chúa, Ngài không thể cất bỏ cơn thịnh nộ của Ngài khỏi chúng tôi được sao? Và các người sẽ nói như vậy vào ngày đó.

38 Nhưng này, những ngày thử thách của các người đã trôi qua rồi. Các người đã làm chậm trễ ngày cứu rỗi của mình cho đến khi nó thành chậm trễ đời đời, và sự hủy diệt các người đã quá chắc chắn rồi; phải, các người đã tìm kiếm suốt những ngày tháng của cuộc đời mình những vật mà các người không thể nhận được; các người đã tìm kiếm hạnh phúc bằng cách làm điều bất chính, là điều trái với bản chất ngay chính hằng có nơi Đấng Chủ Tể Vĩnh Cửu vĩ đại của chúng ta.

39 Hỡi dân xứ này, tôi mong các người sẽ nghe theo lời tôi nói! Và tôi cầu xin Chúa cất bỏ cơn giận của Ngài khỏi các người, và cầu mong các người sẽ hối cải và được cứu.

O that we had repented in the day that the word of the Lord came unto us; for behold the land is cursed, and all things are become slippery, and we cannot hold them.

Behold, we are surrounded by demons, yea, we are encircled about by the angels of him who hath sought to destroy our souls. Behold, our iniquities are great. O Lord, canst thou not turn away thine anger from us? And this shall be your language in those days.

But behold, your days of probation are past; ye have procrastinated the day of your salvation until it is everlastingly too late, and your destruction is made sure; yea, for ye have sought all the days of your lives for that which ye could not obtain; and ye have sought for happiness in doing iniquity, which thing is contrary to the nature of that righteousness which is in our great and Eternal Head.

O ye people of the land, that ye would hear my words! And I pray that the anger of the Lord be turned away from you, and that ye would repent and be saved.

## Hê La Man 14

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, Sa Mu Ên, người La Man, còn nói tiên tri rất nhiều điều nữa mà không thể viết hết ra được.
- 2 Và này, ông đã nói với họ rằng: Này, tôi cho các người biết một điềm triệu; trong năm năm tới, này, Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ đến để cứu chuộc tất cả những ai sẽ tin nơi danh Ngài.
- 3 Và này, tôi sẽ cho các người biết một điềm triệu vào lúc Ngài đến; vì này, lúc đó sẽ có những vì sáng vĩ đại trên trời, đến nỗi đêm trước khi Ngài đến sẽ không có bóng tối, khiến loài người tưởng lúc đó là ban ngày.
- 4 Vậy nên, sẽ có một ngày, kế tiếp đến một đêm và qua ngày hôm sau, nhưng người ta tưởng như chỉ có một ngày và không có đêm; và điều này sẽ là một điềm triệu cho các người; vì các người sẽ biết là có mặt trời mọc và lặn; vậy nên mọi người sẽ biết chắc chắn là có hai ngày và một đêm, tuy nhiên đêm sẽ không có bóng tối; và đó là đêm trước khi Ngài ra đời.
- 5 Và này, sẽ có một vì sao mới mọc lên, một vì sao mà các người chưa bao giờ thấy, và đó cũng sẽ là một điềm triệu cho các người.
- 6 Và này, như vậy chưa phải là hết, sẽ có nhiều điềm triệu và những điều kỳ diệu ở trên trời.
- 7 Và chuyện rằng, tất cả các người cũng sẽ kinh ngạc và sửng sốt đến nỗi phải ngã lăn xuống đất.
- 8 Và chuyện rằng, những ai tin nơi Vị Nam Tử của Thượng Đế sẽ có được cuộc sống vĩnh viễn.
- 9 Và này, vì vậy mà Chúa đã truyền lệnh cho tôi, qua thiên sứ của Ngài, là tôi phải đến đây để nói lên điều này cho các người biết; phải, Ngài đã truyền lệnh cho tôi phải nói tiên tri những điều này cho các người biết; phải, Ngài đã phán bảo tôi rằng: Hãy rao truyền cho dân này biết là chúng phải hối cải và sửa soạn con đường của Chúa.
- 10 Và giờ đây, vì tôi là người La Man, và tôi đã nói cho các người nghe những lời Chúa đã truyền lệnh cho tôi, và cũng vì những lời ấy nặng nề đối với các người nên các người tức giận tôi và tìm cách hủy diệt tôi, và đã xua đuổi tôi ra khỏi các người.

## Helaman 14

And now it came to pass that Samuel, the Lamanite, did prophesy a great many more things which cannot be written.

And behold, he said unto them: Behold, I give unto you a sign; for five years more cometh, and behold, then cometh the Son of God to redeem all those who shall believe on his name.

And behold, this will I give unto you for a sign at the time of his coming; for behold, there shall be great lights in heaven, insomuch that in the night before he cometh there shall be no darkness, insomuch that it shall appear unto man as if it was day.

Therefore, there shall be one day and a night and a day, as if it were one day and there were no night; and this shall be unto you for a sign; for ye shall know of the rising of the sun and also of its setting; therefore they shall know of a surety that there shall be two days and a night; nevertheless the night shall not be darkened; and it shall be the night before he is born.

And behold, there shall a new star arise, such an one as ye never have beheld; and this also shall be a sign unto you.

And behold this is not all, there shall be many signs and wonders in heaven.

And it shall come to pass that ye shall all be amazed, and wonder, insomuch that ye shall fall to the earth.

And it shall come to pass that whosoever shall believe on the Son of God, the same shall have everlasting life.

And behold, thus hath the Lord commanded me, by his angel, that I should come and tell this thing unto you; yea, he hath commanded that I should prophesy these things unto you; yea, he hath said unto me: Cry unto this people, repent and prepare the way of the Lord.

And now, because I am a Lamanite, and have spoken unto you the words which the Lord hath commanded me, and because it was hard against you, ye are angry with me and do seek to destroy me, and have cast me out from among you.

- 11 Và các người sẽ nghe lời nói của tôi, và cũng vì mục đích ấy nên tôi mới leo lên tường thành này mà nói để các người có thể nghe và biết về những sự đoán phạt của Thượng Đế đang chờ các người vì những sự bất chính của các người, và cũng để cho các người biết được những điều kiện của sự hối cải;
- 12 Và hơn nữa, để các người biết được về sự hiện đến của Chúa Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, Cha của trời đất, là Đấng Sáng Tạo ra mọi sự vật từ lúc khởi thủy; và để cho các người có thể biết được những điềm triệu về sự hiện đến của Ngài, mục đích là để cho các người có thể tin nơi danh Ngài.
- 13 Và nếu các người tin nơi danh Ngài, thì các người sẽ hối cải tất cả mọi tội lỗi của mình, để nhờ đó các người có thể được xá miễn tội lỗi qua các công lao của Ngài.
- 14 Và này, tôi cho các người biết một điềm triệu khác nữa, phải, đó là điềm triệu về cái chết của Ngài.
- 15 Vì này, Ngài chắc chắn phải chết để cho sự cứu rỗi có thể xảy ra; phải, cái chết của Ngài là một điều cần thiết và thích đáng để mang lại sự phục sinh cho người chết, để nhờ đó loài người mới có thể được dẫn đến nơi hiện diện của Chúa.
- 16 Phải, này, cái chết này mang lại sự phục sinh, và cứu chuộc tất cả loài người khỏi cái chết đầu tiên—tức là cái chết thuộc linh; vì tất cả loài người bởi sự sa ngã của A Đam mà phải bị khai trừ khỏi nơi hiện diện của Chúa, nên họ bị coi như chết cả về những điều thế tục lẫn những điều thuộc linh.
- 17 Nhưng này, sự phục sinh của Đấng Ky Tô sẽ cứu chuộc loài người, phải, tất cả loài người, và đem họ trở lại nơi hiện diện của Chúa.
- 18 Phải, và nó sẽ đem đến một điều kiện hối cải, nghĩa là ai hối cải sẽ không bị đốn đi và ném vào lửa; còn ai không hối cải thì sẽ bị đốn ngã và bị ném vào lửa; và cái chết thuộc linh lại đến với họ, phải, đó là cái chết thứ hai, vì họ lại bị khai trừ khỏi những gì thuộc về sự ngay chính.
- 19 Vậy nên, các người hãy hối cải, hãy hối cải, e rằng, một khi các người đã biết được điều này rồi, mà lại không tuân hành thì các người sẽ bị kết tội và phải chịu cái chết thứ hai này.

And ye shall hear my words, for, for this intent have I come up upon the walls of this city, that ye might hear and know of the judgments of God which do await you because of your iniquities, and also that ye might know the conditions of repentance;

And also that ye might know of the coming of Jesus Christ, the Son of God, the Father of heaven and of earth, the Creator of all things from the beginning; and that ye might know of the signs of his coming, to the intent that ye might believe on his name.

And if ye believe on his name ye will repent of all your sins, that thereby ye may have a remission of them through his merits.

And behold, again, another sign I give unto you, yea, a sign of his death.

For behold, he surely must die that salvation may come; yea, it behooveth him and becometh expedient that he dieth, to bring to pass the resurrection of the dead, that thereby men may be brought into the presence of the Lord.

Yea, behold, this death bringeth to pass the resurrection, and redeemeth all mankind from the first death—that spiritual death; for all mankind, by the fall of Adam being cut off from the presence of the Lord, are considered as dead, both as to things temporal and to things spiritual.

But behold, the resurrection of Christ redeemeth mankind, yea, even all mankind, and bringeth them back into the presence of the Lord.

Yea, and it bringeth to pass the condition of repentance, that whosoever repenteth the same is not hewn down and cast into the fire; but whosoever repenteth not is hewn down and cast into the fire; and there cometh upon them again a spiritual death, yea, a second death, for they are cut off again as to things pertaining to righteousness.

Therefore repent ye, repent ye, lest by knowing these things and not doing them ye shall suffer yourselves to come under condemnation, and ye are brought down unto this second death.

- 20 Nhưng này, như tôi đã nói với các người về một điềm triệu khác, đó là điềm triệu về cái chết của Ngài, này, vào ngày Ngài chịu chết, mặt trời sẽ tối sầm lại và không chịu rọi ánh sáng xuống các người; và luôn cả mặt trăng lẫn các vì sao cũng vậy; và lúc ấy sẽ không có một chút ánh sáng nào trên mặt đất này, kể từ lúc Ngài chịu chết cho đến khi Ngài sống lại từ cõi chết, thời gian đó là ba ngày;
- 21 Phải, vào lúc Ngài trút linh hồn, sẽ có sấm chớp nổi lên suốt nhiều giờ, và trái đất sẽ chuyển động và run lên; và những khối đá trên mặt đất này, cả trên và dưới mặt đất, mà lúc này các người biết là rất vững chắc, hay phần lớn là một khối đá vững chắc, sẽ nứt vỡ ra.
- 22 Phải, chúng sẽ bị nứt làm hai, và sẽ mãi mãi thấy là những mảnh đá nứt rạn, và những mảnh vỡ của nó rơi la liệt khắp mặt đất, phải, cả trên lẫn dưới mặt đất.
- 23 Và này, sẽ có những cơn bão tố kinh hồn, và sẽ có nhiều ngọn núi sụt thấp xuống như thung lũng, và có nhiều nơi, bây giờ là một thung lũng lúc đó sẽ trở thành những dãy núi có đỉnh cao vút.
- 24 Và nhiều con đường lớn sẽ bị gãy đổ và nhiều thành phố sẽ trở nên tiêu điều.
- 25 Và nhiều ngôi mộ sẽ bị nứt ra và trả lại nhiều người chết của nó; và nhiều vị thánh sẽ xuất hiện trước nhiều người.
- 26 Và này, vị thiên sứ đã nói với tôi như vậy; vì vị ấy đã bảo tôi rằng sẽ có sấm chớp nổi lên suốt nhiều giờ.
- 27 Và vị ấy bảo tôi rằng: Việc đó sẽ xảy ra trong lúc sấm chớp, và bão tố nổi lên, rồi bóng tối sẽ bao phủ mặt đất suốt ba ngày.

But behold, as I said unto you concerning another sign, a sign of his death, behold, in that day that he shall suffer death the sun shall be darkened and refuse to give his light unto you; and also the moon and the stars; and there shall be no light upon the face of this land, even from the time that he shall suffer death, for the space of three days, to the time that he shall rise again from the dead.

Yea, at the time that he shall yield up the ghost there shall be thunderings and lightnings for the space of many hours, and the earth shall shake and tremble; and the rocks which are upon the face of this earth, which are both above the earth and beneath, which ye know at this time are solid, or the more part of it is one solid mass, shall be broken up;

Yea, they shall be rent in twain, and shall ever after be found in seams and in cracks, and in broken fragments upon the face of the whole earth, yea, both above the earth and beneath.

And behold, there shall be great tempests, and there shall be many mountains laid low, like unto a valley, and there shall be many places which are now called valleys which shall become mountains, whose height is great.

And many highways shall be broken up, and many cities shall become desolate.

And many graves shall be opened, and shall yield up many of their dead; and many saints shall appear unto many.

And behold, thus hath the angel spoken unto me; for he said unto me that there should be thunderings and lightnings for the space of many hours.

And he said unto me that while the thunder and the lightning lasted, and the tempest, that these things should be, and that darkness should cover the face of the whole earth for the space of three days.

28 Vị thiên sứ còn bảo tôi: Nhiều người sẽ chứng kiến được nhiều chuyện vĩ đại hơn những điều này, với mục đích là để họ có thể tin rằng những điềm triệu và những điều kỳ diệu này sẽ xảy ra trên toàn cõi xứ này, và cũng với mục đích là để cho không có một lý do gì khiến cho có sự chẳng tin giữa con cái loài người—

29 Và mục đích là để cho bất cứ ai tin thì sẽ được cứu rỗi; còn những ai không tin, thì sự phán xét công bình cũng sẽ đến với họ; và nếu họ có bị kết tội, thì tức là họ tự rước lấy sự kết tội đó.

30 Và giờ đây, hãy ghi nhớ hồi các đồng bào của tôi, kẻ nào bị diệt vong là tự mình rước lấy sự diệt vong đó, và kẻ nào làm điều bất chính là tự mình làm điều ấy; vì này, các người được tự do; các người được phép hành động cho chính mình; vì này, Thượng Đế đã ban cho các người một sự hiểu biết, và Ngài đã làm cho các người được tự do.

31 Ngài đã để cho các người biết phân biệt được thiện và ác, và Ngài cũng đã để cho các người được lựa chọn sự sống hay sự chết; và các người có thể làm điều tốt và được phục hồi lại với những gì tốt, hay là những gì tốt sẽ được phục hồi lại cho các người; hay các người cũng có thể làm điều xấu, và rồi những gì xấu sẽ được phục hồi lại cho các người.

And the angel said unto me that many shall see greater things than these, to the intent that they might believe that these signs and these wonders should come to pass upon all the face of this land, to the intent that there should be no cause for unbelief among the children of men—

And this to the intent that whosoever will believe might be saved, and that whosoever will not believe, a righteous judgment might come upon them; and also if they are condemned they bring upon themselves their own condemnation.

And now remember, remember, my brethren, that whosoever perisheth, perisheth unto himself; and whosoever doeth iniquity, doeth it unto himself; for behold, ye are free; ye are permitted to act for yourselves; for behold, God hath given unto you a knowledge and he hath made you free.

He hath given unto you that ye might know good from evil, and he hath given unto you that ye might choose life or death; and ye can do good and be restored unto that which is good, or have that which is good restored unto you; or ye can do evil, and have that which is evil restored unto you.



## Hê La Man 15

- 1 Và giờ đây, hỡi đồng bào thân mến, này, tôi báo cho các người biết rằng nếu các người không hối cải thì nhà cửa các người sẽ bị bỏ hoang.
- 2 Phải, nếu các người không hối cải thì những đàn bà các người sẽ có lý do chính đáng để khóc than vào ngày họ có con còn bú; vì lúc đó các người sẽ gắng sức chạy trốn mà chẳng có nơi dung thân; phải, và khôn thay cho những người đang mang thai, vì họ nặng nề không thể chạy trốn được; do đó họ sẽ bị đập dưới chân và bị bỏ mặc cho chết.
- 3 Phải, khôn thay cho dân này, là những người được gọi là dân Nê Phi, trừ phi họ chịu hối cải, khi họ sẽ thấy tất cả những điềm triệu và những điều kỳ diệu này, là những điều sẽ được cho họ thấy; vì này, họ đã là một dân tộc chọn lựa của Chúa; phải, dân Nê Phi đã được Ngài thương yêu và cũng bị Ngài sửa phạt; phải, trong những ngày họ làm điều bất chính Ngài đã sửa phạt họ vì Ngài thương yêu họ.
- 4 Nhưng này, hỡi đồng bào, Ngài đã ghét dân La Man vì họ thường làm nhiều việc tà ác, và điều này cũng vì sự bất chính do truyền thống của tổ phụ họ. Nhưng này, sự cứu rỗi đã đến với họ qua sự thuyết giảng của người Nê Phi; và cũng vì mục đích này mà Chúa đã kéo dài những ngày của họ.
- 5 Và tôi mong các người thấy rằng phần đông dân họ đều đi trong con đường bổn phận của họ, và họ đã bước đi một cách thận trọng trước mặt Thượng Đế, và họ cố gắng tuân giữ các lệnh truyền, các luật lệ và các mạng lệnh của Ngài theo luật pháp Môi Se.
- 6 Phải, tôi nói cho các người hay rằng, phần đông dân ấy đang làm như vậy, và họ đang cố gắng một cách cần mẫn không biết mệt mỏi ngõ hầu họ có thể đem phần đồng bào còn lại của mình đến sự hiểu biết lẽ thật; vậy nên số người về theo với họ mỗi ngày một gia tăng.

## Helaman 15

And now, my beloved brethren, behold, I declare unto you that except ye shall repent your houses shall be left unto you desolate.

Yea, except ye repent, your women shall have great cause to mourn in the day that they shall give suck; for ye shall attempt to flee and there shall be no place for refuge; yea, and wo unto them which are with child, for they shall be heavy and cannot flee; therefore, they shall be trodden down and shall be left to perish.

Yea, wo unto this people who are called the people of Nephi except they shall repent, when they shall see all these signs and wonders which shall be showed unto them; for behold, they have been a chosen people of the Lord; yea, the people of Nephi hath he loved, and also hath he chastened them; yea, in the days of their iniquities hath he chastened them because he loveth them.

But behold my brethren, the Lamanites hath he hated because their deeds have been evil continually, and this because of the iniquity of the tradition of their fathers. But behold, salvation hath come unto them through the preaching of the Nephites; and for this intent hath the Lord prolonged their days.

And I would that ye should behold that the more part of them are in the path of their duty, and they do walk circumspectly before God, and they do observe to keep his commandments and his statutes and his judgments according to the law of Moses.

Yea, I say unto you, that the more part of them are doing this, and they are striving with unwearyed diligence that they may bring the remainder of their brethren to the knowledge of the truth; therefore there are many who do add to their numbers daily.

- 7 Và này, chính các người cũng biết như vậy, vì các người đã được chứng kiến rằng, những người nào trong số bọn họ được đưa tới sự hiểu biết lẽ thật, và ý thức được những truyền thống tà ác và khả ố của tổ phụ mình và được hướng dẫn để tin vào thánh thư, phải, tin những lời tiên tri của các thánh tiên tri đã được ghi chép lại và giúp họ có đức tin nơi Chúa và hối cải, mà đức tin và sự hối cải này đem lại cho họ một sự thay đổi trong lòng họ—
- 8 Vậy nên, những ai đã đạt được điều này, thì như các người đã biết, đều là những người rất vững chắc và kiên trì trong đức tin và trong những điều mà nhờ đó họ đã được làm cho tự do.
- 9 Và các người cũng biết rằng, họ đã chôn giấu các vũ khí chiến tranh của mình, sợ phải cầm lại vũ khí, vì e rằng trong trường hợp nào đó mình sẽ phạm tội; phải, các người có thể thấy họ sợ phạm tội—vì này, họ thà chịu để cho kẻ thù chà đạp và giết hại, chứ không muốn cầm gươm lên chống lại, và điều này cũng vì đức tin của họ nơi Đấng Ky Tô.
- 10 Và giờ đây, nhờ sự kiên trì của họ khi họ tin vào những điều mà họ tin, nhờ sự vững chắc của họ một khi họ được soi sáng, nên này, Chúa sẽ ban phước lành cho họ và kéo dài đời họ, mặc dù sự bất chính của họ—
- 11 Phải, và dù họ có sa vào vòng vô tín nguờng, Chúa cũng vẫn kéo dài đời họ, cho đến thời gian mà đã được tổ phụ chúng ta, cũng như tiên tri Giê Nốt cùng nhiều tiên tri khác, nói tới có liên quan đến sự phục hồi các đồng bào của chúng ta là dân La Man về với sự hiểu biết lẽ thật—
- 12 Phải, tôi nói cho các người hay rằng, vào thời kỳ sau này, những lời hứa của Chúa cho các đồng bào của chúng ta là dân La Man; và mặc dù họ phải trải qua nhiều sự đau buồn, mặc dù họ phải bị xua đuổi đó đây trên mặt đất, bị săn đuổi, bị đánh đập và bị phân tán ra khắp nơi, khiến họ không còn chỗ dung thân, nhưng rồi Chúa cũng sẽ thương xót họ.

And behold, ye do know of yourselves, for ye have witnessed it, that as many of them as are brought to the knowledge of the truth, and to know of the wicked and abominable traditions of their fathers, and are led to believe the holy scriptures, yea, the prophecies of the holy prophets, which are written, which leadeth them to faith on the Lord, and unto repentance, which faith and repentance bringeth a change of heart unto them—

Therefore, as many as have come to this, ye know of yourselves are firm and steadfast in the faith, and in the thing wherewith they have been made free.

And ye know also that they have buried their weapons of war, and they fear to take them up lest by any means they should sin; yea, ye can see that they fear to sin—for behold they will suffer themselves that they be trodden down and slain by their enemies, and will not lift their swords against them, and this because of their faith in Christ.

And now, because of their steadfastness when they do believe in that thing which they do believe, for because of their firmness when they are once enlightened, behold, the Lord shall bless them and prolong their days, notwithstanding their iniquity—

Yea, even if they should dwindle in unbelief the Lord shall prolong their days, until the time shall come which hath been spoken of by our fathers, and also by the prophet Zenos, and many other prophets, concerning the restoration of our brethren, the Lamanites, again to the knowledge of the truth—

Yea, I say unto you, that in the latter times the promises of the Lord have been extended to our brethren, the Lamanites; and notwithstanding the many afflictions which they shall have, and notwithstanding they shall be driven to and fro upon the face of the earth, and be hunted, and shall be smitten and scattered abroad, having no place for refuge, the Lord shall be merciful unto them.

- 13 Và điều này là do lời tiên tri có nói rằng, họ lại sẽ được đưa tới sự hiểu biết chân thật, tức là sự hiểu biết về Đấng Cứu Chuộc, Đấng Chăn Chiên vĩ đại và chân chính của họ, và họ sẽ được tính vào số những con chiên của Ngài.
- 14 Vậy nên, tôi nói cho các người hay, việc đó sẽ tốt cho họ hơn là cho các người trừ phi các người hối cải.
- 15 Vì này, nếu những công việc phi thường mà Ngài đã cho các người thấy cũng được cho họ thấy, phải, cho những người bị sa vào vòng vô tín ngưỡng vì truyền thống của tổ phụ họ, thì các người có thể thấy rằng, họ sẽ không bao giờ còn sa vào vòng vô tín ngưỡng nữa.
- 16 Vậy nên, Chúa có phán rằng: Ta sẽ không tận diệt chúng, nhưng đến ngày thông sáng của ta, ta sẽ làm cho chúng trở về với ta, lời Chúa phán vậy.
- 17 Và giờ đây, này, về phần dân Nê Phi Chúa có phán rằng: Nếu chúng không chịu hối cải và để tâm làm theo ý muốn của ta, thì ta sẽ tận diệt chúng, lời Chúa phán, vì sự vô tín ngưỡng của chúng, mặc dù ta đã làm biết bao nhiêu việc phi thường ở giữa chúng; và chắc chắn như Chúa là Đấng hằng sống những điều này sẽ xảy ra, lời Chúa phán vậy.

And this is according to the prophecy, that they shall again be brought to the true knowledge, which is the knowledge of their Redeemer, and their great and true shepherd, and be numbered among his sheep.

Therefore I say unto you, it shall be better for them than for you except ye repent.

For behold, had the mighty works been shown unto them which have been shown unto you, yea, unto them who have dwindled in unbelief because of the traditions of their fathers, ye can see of yourselves that they never would again have dwindled in unbelief.

Therefore, saith the Lord: I will not utterly destroy them, but I will cause that in the day of my wisdom they shall return again unto me, saith the Lord.

And now behold, saith the Lord, concerning the people of the Nephites: If they will not repent, and observe to do my will, I will utterly destroy them, saith the Lord, because of their unbelief notwithstanding the many mighty works which I have done among them; and as surely as the Lord liveth shall these things be, saith the Lord.

## Hê La Man 16

- 1 Và giờ đây, chuyện rằng, có nhiều người nghe được những lời của Sa Mu Ên, người La Man, nói ở trên tường thành. Và tất cả những ai tin theo lời ông đều đi tìm kiếm Nê Phi; và khi họ tìm thấy ông họ thú nhận các tội lỗi với ông chứ không chối cãi, và họ ngỏ ý muốn được báp têm trong Chúa.
- 2 Nhưng những ai không tin theo lời Sa Mu Ên đều tức giận ông; họ lấy đá ném ông, và nhiều người khác lấy cung tên bắn vào người ông khi ông đang đứng trên tường thành; nhưng Thánh Linh của Chúa đã ở cùng ông, khiến họ không thể ném đá hay bắn tên trúng người ông được.
- 3 Giờ đây khi họ thấy họ không thể bắn trúng ông được, nên càng có thêm nhiều người tin theo lời ông, và họ đã đi kiếm Nê Phi để chịu phép báp têm.
- 4 Vì này, Nê Phi đang làm phép báp têm, đang nói tiên tri và thuyết giảng, đang kêu gọi dân chúng hối cải, đang cho thấy những điềm triệu và những điều kỳ diệu cùng làm những phép lạ giữa dân chúng, để họ có thể biết được rằng Đấng Ky Tô chắc hẳn sẽ chóng đến—
- 5 Ông kể cho họ nghe những điều chắc hẳn sắp xảy ra, để cho đến lúc những điều ấy xảy ra, họ có thể biết được và nhớ rằng họ đã được cho biết trước những điều này với mục đích để cho họ có thể tin; vậy nên, những ai tin theo lời Sa Mu Ên đều đi kiếm ông để được báp têm, vì họ đến với ông để hỏi cải và thú nhận những tội lỗi của mình.
- 6 Nhưng phần đông không tin theo lời Sa Mu Ên; do đó, khi thấy không thể bắn trúng ông bằng đá và tên được, họ liền hô hào với các lãnh binh của họ rằng: Hãy bắt tên này và trói nó lại, vì này, nó đang bị quỷ ám; và vì quyền năng của quỷ dữ trong nó, nên chúng ta không thể bắn trúng nó với đá và tên được; vậy hãy bắt trói nó lại và dẫn nó đi.

## Helaman 16

And now, it came to pass that there were many who heard the words of Samuel, the Lamanite, which he spake upon the walls of the city. And as many as believed on his word went forth and sought for Nephi; and when they had come forth and found him they confessed unto him their sins and denied not, desiring that they might be baptized unto the Lord.

But as many as there were who did not believe in the words of Samuel were angry with him; and they cast stones at him upon the wall, and also many shot arrows at him as he stood upon the wall; but the Spirit of the Lord was with him, insomuch that they could not hit him with their stones neither with their arrows.

Now when they saw that they could not hit him, there were many more who did believe on his words, insomuch that they went away unto Nephi to be baptized.

For behold, Nephi was baptizing, and prophesying, and preaching, crying repentance unto the people, showing signs and wonders, working miracles among the people, that they might know that the Christ must shortly come—

Telling them of things which must shortly come, that they might know and remember at the time of their coming that they had been made known unto them beforehand, to the intent that they might believe; therefore as many as believed on the words of Samuel went forth unto him to be baptized, for they came repenting and confessing their sins.

But the more part of them did not believe in the words of Samuel; therefore when they saw that they could not hit him with their stones and their arrows, they cried unto their captains, saying: Take this fellow and bind him, for behold he hath a devil; and because of the power of the devil which is in him we cannot hit him with our stones and our arrows; therefore take him and bind him, and away with him.

- 7 Và khi họ tiến lên để đặt tay lên người ông, này, ông đã lao mình từ trên tường cao xuống và chạy trốn khỏi xứ họ, phải, ông chạy về xứ sở ông, và bắt đầu thuyết giảng và nói tiên tri ở giữa dân ông.
- 8 Và này, từ đó về sau trong dân Nê Phi không ai còn nghe nói về ông nữa; và trên đây là những việc đã xảy ra trong dân chúng.
- 9 Và như vậy là chấm dứt năm thứ tám mươi sáu dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.
- 10 Và như vậy là cũng chấm dứt năm thứ tám mươi bảy dưới chế độ các phán quan, đa số dân chúng vẫn giữ lòng kiêu ngạo và tà ác, và thiếu số thì bước đi một cách thận trọng hơn trước mặt Thượng Đế.
- 11 Và đó cũng là tình trạng năm thứ tám mươi tám dưới chế độ các phán quan.
- 12 Và chỉ có một đôi chút thay đổi trong các công việc của dân chúng, ngoại trừ việc dân chúng càng ngày càng chai đá hơn trong sự bất chính của họ, và càng ngày càng làm nhiều điều trái với các lệnh truyền của Thượng Đế, trong năm thứ tám mươi chín dưới chế độ các phán quan.
- 13 Nhưng chuyện rằng, vào năm thứ chín mươi dưới chế độ các phán quan, có nhiều điềm triệu lớn lao và những điều kỳ diệu được ban ra cho dân chúng, và những lời của các vị tiên tri đã bắt đầu được ứng nghiệm.
- 14 Và các thiên sứ đã xuất hiện trước mặt nhiều người, những người khôn ngoan, để báo tin lành vui mừng lớn lao cho họ biết. Như vậy là trong năm này thánh thư đã bắt đầu được ứng nghiệm.
- 15 Tuy nhiên, dân chúng đã bắt đầu chai đá trong lòng, chỉ trừ một số ít người có nhiều đức tin, cả phía dân Nê Phi cũng như phía dân La Man, và bắt đầu tin tưởng vào sức mạnh và sự khôn ngoan của mình, họ bảo rằng:
- 16 Trong số nhiều điều họ có thể đoán trúng được một số mà thôi; nhưng này, chúng ta biết rằng, những việc vĩ đại và kỳ diệu đã được nói tới không thể nào xảy ra được.
- 17 Rồi họ bắt đầu lý luận và tranh luận nhau mà rằng:

And as they went forth to lay their hands on him, behold, he did cast himself down from the wall, and did flee out of their lands, yea, even unto his own country, and began to preach and to prophesy among his own people.

And behold, he was never heard of more among the Nephites; and thus were the affairs of the people.

And thus ended the eighty and sixth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And thus ended also the eighty and seventh year of the reign of the judges, the more part of the people remaining in their pride and wickedness, and the lesser part walking more circumspectly before God.

And these were the conditions also, in the eighty and eighth year of the reign of the judges.

And there was but little alteration in the affairs of the people, save it were the people began to be more hardened in iniquity, and do more and more of that which was contrary to the commandments of God, in the eighty and ninth year of the reign of the judges.

But it came to pass in the ninetieth year of the reign of the judges, there were great signs given unto the people, and wonders; and the words of the prophets began to be fulfilled.

And angels did appear unto men, wise men, and did declare unto them glad tidings of great joy; thus in this year the scriptures began to be fulfilled.

Nevertheless, the people began to harden their hearts, all save it were the most believing part of them, both of the Nephites and also of the Lamanites, and began to depend upon their own strength and upon their own wisdom, saying:

Some things they may have guessed right, among so many; but behold, we know that all these great and marvelous works cannot come to pass, of which has been spoken.

And they began to reason and to contend among themselves, saying:

18 Thật là một điều phi lý khi bảo rằng có một Đấng Kỵ Tô như thế sẽ đến; vì nếu quả có như vậy, nếu quả Ngài là Vị Nam Tử của Thượng Đế, Cha của trời đất như họ vẫn thường bảo, thì sao Ngài không xuất hiện cho chúng ta thấy, cũng như Ngài sẽ xuất hiện cho những người ở Giê Ru Sa Lem thấy vậy?

19 Phải, tại sao Ngài không xuất hiện tại xứ này cũng như tại xứ Giê Ru Sa Lem?

20 Nhưng này, chúng ta biết rằng đây là một truyền thuyết tà ác mà tổ phụ chúng ta đã lưu truyền lại cho chúng ta, để làm cho chúng ta phải tin theo một chuyện vĩ đại và kỳ diệu nào đó sẽ xảy đến, nhưng không phải xảy ra giữa chúng ta mà xảy ra ở tận một xứ xa xôi, một xứ mà chúng ta không biết tới; nhờ thế họ có thể giữ chúng ta trong tình trạng dốt nát, vì chúng ta không thể chứng kiến để biết được những điều đó là đúng sự thật.

21 Và vì sự xảo quyệt cùng nghệ thuật bí mật của ác quỷ, họ sẽ tạo ra những điều huyền bí lớn lao mà chúng ta không thể hiểu được, khiến chúng ta trở thành tôi tớ cho những lời của họ, và cũng thành tôi tớ cho chính họ nữa; vì chúng ta phải trông cậy họ giảng dạy cho chúng ta hiểu lời của Thượng Đế; và cũng vì vậy mà họ đim chúng ta trong tình trạng dốt nát suốt đời, nếu chúng ta chịu nhượng bộ họ.

22 Và dân chúng còn tưởng tượng trong lòng nhiều điều khác nữa, là những điều điên rồ và viển vông; và họ rất bối rối, vì Sa Tan không ngừng kích động họ làm điều bất chính; phải, nó đến nơi này nơi kia để loan truyền những tin đồn và sự tranh chấp trên khắp xứ sở, để nó có thể làm cho lòng dân chúng trở nên chai đá mà chống lại những điều gì tốt lành và những gì sắp xảy ra.

23 Và mặc dù đã có những điềm triệu và những điều kỳ diệu được thực hiện giữa dân của Chúa, và mặc dù đã có biết bao phép lạ họ đã làm ra, Sa Tan vẫn nắm giữ được trái tim của dân chúng trên toàn xứ.

24 Và như vậy là chấm dứt năm thứ chín mươi dưới chế độ các phán quan của dân Nê Phi.

25 Và như vậy là chấm dứt sách Hê La Man, viết theo biên sử của Hê La Man và các con trai ông.

That it is not reasonable that such a being as a Christ shall come; if so, and he be the Son of God, the Father of heaven and of earth, as it has been spoken, why will he not show himself unto us as well as unto them who shall be at Jerusalem?

Yea, why will he not show himself in this land as well as in the land of Jerusalem?

But behold, we know that this is a wicked tradition, which has been handed down unto us by our fathers, to cause us that we should believe in some great and marvelous thing which should come to pass, but not among us, but in a land which is far distant, a land which we know not; therefore they can keep us in ignorance, for we cannot witness with our own eyes that they are true.

And they will, by the cunning and the mysterious arts of the evil one, work some great mystery which we cannot understand, which will keep us down to be servants to their words, and also servants unto them, for we depend upon them to teach us the word; and thus will they keep us in ignorance if we will yield ourselves unto them, all the days of our lives.

And many more things did the people imagine up in their hearts, which were foolish and vain; and they were much disturbed, for Satan did stir them up to do iniquity continually; yea, he did go about spreading rumors and contentions upon all the face of the land, that he might harden the hearts of the people against that which was good and against that which should come.

And notwithstanding the signs and the wonders which were wrought among the people of the Lord, and the many miracles which they did, Satan did get great hold upon the hearts of the people upon all the face of the land.

And thus ended the ninetieth year of the reign of the judges over the people of Nephi.

And thus ended the book of Helaman, according to the record of Helaman and his sons.

# Nê Phi Thứ Ba

## Sách Nê Phi

### Con Trai của Nê Phi, Nê Phi Là Con Trai của Hê La Man

Và Hê La Man là con trai của Hê La Man Cha, Hê La Man Cha là con trai của An Ma, An Ma là con trai của An Ma Cha, người là con cháu của Nê Phi, Nê Phi là con trai của Lê Hi, người đã rời khỏi Giê Ru Sa Lem vào năm thứ nhất dưới triều đại Sê Đê Kia, vua của Giu Đa.

### 3 Nê Phi 1

- 1 Giờ đây, chuyện rằng, năm thứ chín mươi một trôi qua, và như vậy là đã được sáu trăm năm kể từ ngày Lê Hi rời khỏi Giê Ru Sa Lem, và trong năm này, La Cô Nê là trưởng phán quan và quan cai trị toàn xứ.
- 2 Và Nê Phi, con trai của Hê La Man, đã ra đi khỏi xứ Gia Ra Hem La, ủy thác cho con trai trưởng của ông là Nê Phi cất giữ các bản khắc bằng đồng, cùng tất cả các biên sử đã được lưu giữ, và tất cả những vật khác mà đã được gìn giữ một cách thiêng liêng kể từ ngày Lê Hi rời khỏi Giê Ru Sa Lem.
- 3 Rồi ông đi khỏi xứ, và ông đi đâu thì không một ai biết được; và con trai ông là Nê Phi đã thay ông gìn giữ các biên sử, phải, đó là biên sử của dân này.
- 4 Và chuyện rằng, đến đầu năm thứ chín mươi hai, này, những lời tiên tri của các vị tiên tri đã bắt đầu được ứng nghiệm rõ ràng hơn; vì có những điềm triệu và nhiều phép lạ lớn lao hơn đã xảy đến trong dân chúng.
- 5 Nhưng lại có một số người bắt đầu nói rằng thời gian mà những lời nói của Sa Mu Ên, người La Man, phải được ứng nghiệm nay đã qua rồi.
- 6 Và họ bắt đầu thấy vui thích về đồng bào họ nên họ bảo rằng: Này, thời gian ấy đã qua rồi, và những lời nói của Sa Mu Ên không được ứng nghiệm, vậy nên sự vui mừng của các người và đức tin của các người về điều này thật là vô ích.

# Third Nephi

## The Book of Nephi

### the Son of Nephi, Who Was the Son of Helaman

And Helaman was the son of Helaman, who was the son of Alma, who was the son of Alma, being a descendant of Nephi who was the son of Lehi, who came out of Jerusalem in the first year of the reign of Zedekiah, the king of Judah.

### 3 Nephi 1

Now it came to pass that the ninety and first year had passed away and it was six hundred years from the time that Lehi left Jerusalem; and it was in the year that Lachoneus was the chief judge and the governor over the land.

And Nephi, the son of Helaman, had departed out of the land of Zarahemla, giving charge unto his son Nephi, who was his eldest son, concerning the plates of brass, and all the records which had been kept, and all those things which had been kept sacred from the departure of Lehi out of Jerusalem.

Then he departed out of the land, and whither he went, no man knoweth; and his son Nephi did keep the records in his stead, yea, the record of this people.

And it came to pass that in the commencement of the ninety and second year, behold, the prophecies of the prophets began to be fulfilled more fully; for there began to be greater signs and greater miracles wrought among the people.

But there were some who began to say that the time was past for the words to be fulfilled, which were spoken by Samuel, the Lamanite.

And they began to rejoice over their brethren, saying: Behold the time is past, and the words of Samuel are not fulfilled; therefore, your joy and your faith concerning this thing hath been vain.

- 7 Và chuyện rằng, họ đã gây một sự xáo trộn khắp nơi trong nước; và những người có đức tin đã bắt đầu buồn khổ hết sức, họ sợ rằng những điều đã được báo trước sẽ không xảy ra.
- 8 Nhưng này, họ kiên trì trông chờ ngày đó, đêm đó và ngày đó mà tất cả sẽ thành một ngày như thể là không có đêm vậy, để họ có thể biết rằng đức tin của họ không phải là điều vô ích.
- 9 Giờ đây, chuyện rằng, những kẻ vô tín ngưỡng đã ấn định một ngày, mà đến ngày đó, nếu không có điềm triệu gì hiện ra theo như lời của tiên tri Sa Mu Ên thì tất cả những người tin vào những truyền thuyết này sẽ bị xử tử.
- 10 Giờ đây chuyện rằng, khi Nê Phi, con trai của Nê Phi, thấy sự tà ác ấy của dân mình, thì lòng ông vô cùng buồn khổ.
- 11 Và chuyện rằng, ông đi ra ngoài và cúi rạp mình xuống đất kêu cầu hết sức tha thiết lên Thượng Đế để xin cho dân ông, phải, cho những kẻ sắp bị hủy diệt vì đức tin của họ vào những truyền thống của tổ phụ mình.
- 12 Và chuyện rằng, ông nhiệt thành kêu cầu Chúa suốt ngày; và này, tiếng nói của Chúa đến với ông mà rằng:
- 13 Con hãy ngẩng đầu vui vẻ đi, vì này, giờ đã đến rồi, và đêm nay điềm triệu sẽ được ban ra, và ngày mai ta sẽ đến với thế gian, để tỏ cho thế gian biết rằng, ta sẽ làm tròn tất cả những gì mà ta đã cho nói ra từ miệng các thánh tiên tri của ta.
- 14 Này, ta sẽ đến với dân ta để làm tròn tất cả những điều ta đã biểu lộ cho con cái loài người biết từ lúc thế gian mới được tạo dựng, và để làm theo ý muốn của cả Đức Chúa Cha lẫn Đức Chúa Con—của Đức Chúa Cha là vì ta, và của Đức Chúa Con là vì xác thịt của ta. Và này, giờ đã đến rồi, đêm nay điềm triệu sẽ được ban ra.
- 15 Và chuyện rằng, những lời đã báo trước với Nê Phi đều được ứng nghiệm đúng như những lời đã được phán ra; vì này, hôm đó lúc mặt trời lặn vẫn không có bóng tối, và dân chúng bắt đầu kinh ngạc vì không có bóng tối khi đêm đến.

And it came to pass that they did make a great uproar throughout the land; and the people who believed began to be very sorrowful, lest by any means those things which had been spoken might not come to pass.

But behold, they did watch steadfastly for that day and that night and that day which should be as one day as if there were no night, that they might know that their faith had not been vain.

Now it came to pass that there was a day set apart by the unbelievers, that all those who believed in those traditions should be put to death except the sign should come to pass, which had been given by Samuel the prophet.

Now it came to pass that when Nephi, the son of Nephi, saw this wickedness of his people, his heart was exceedingly sorrowful.

And it came to pass that he went out and bowed himself down upon the earth, and cried mightily to his God in behalf of his people, yea, those who were about to be destroyed because of their faith in the tradition of their fathers.

And it came to pass that he cried mightily unto the Lord all that day; and behold, the voice of the Lord came unto him, saying:

Lift up your head and be of good cheer; for behold, the time is at hand, and on this night shall the sign be given, and on the morrow come I into the world, to show unto the world that I will fulfil all that which I have caused to be spoken by the mouth of my holy prophets.

Behold, I come unto my own, to fulfil all things which I have made known unto the children of men from the foundation of the world, and to do the will, both of the Father and of the Son—of the Father because of me, and of the Son because of my flesh. And behold, the time is at hand, and this night shall the sign be given.

And it came to pass that the words which came unto Nephi were fulfilled, according as they had been spoken; for behold, at the going down of the sun there was no darkness; and the people began to be astonished because there was no darkness when the night came.



16 Và có nhiều người, trước kia không tin những lời nói của các tiên tri đã ngã lặn xuống đất như người chết, vì họ biết rằng kế hoạch hủy diệt lớn lao mà họ đã đặt ra để hại những người tin vào lời nói của các tiên tri nay đã thành vô hiệu quả; vì điềm triệu đã được báo trước nay đã xuất hiện.

17 Và họ bắt đầu biết rằng Vị Nam Tử của Thượng Đế chắc hẳn gần xuất hiện; phải, nói tóm lại, tất cả mọi người trên mặt đất, từ tây qua đông, từ miền bắc đến miền nam, đều hết sức kinh ngạc, đến nỗi phải ngã lặn xuống đất.

18 Vì họ biết rằng, các vị tiên tri đã làm chứng về những điều này từ nhiều năm qua, và điềm triệu được nói đến trước kia nay đã đến; và họ bắt đầu thấy sợ hãi vì sự bất chính và sự chẳng tin của mình.

19 Và chuyện rằng, suốt đêm hôm đó không có bóng tối, và trời vẫn sáng như lúc giữa trưa. Và chuyện rằng, mặt trời vẫn mọc vào sáng hôm sau đúng theo sự vận hành thường lệ của nó; và họ biết rằng đó là ngày Chúa ra đời, vì điềm triệu đã được ban ra.

20 Và chuyện rằng, phải, tất cả mọi sự việc, dù là một điều nhỏ nhất, cũng đã xảy ra đúng như lời của các tiên tri.

21 Và chuyện rằng, một ngôi sao mới cũng xuất hiện đúng như lời báo trước.

22 Và chuyện rằng, kể từ lúc đó Sa Tan cũng bắt đầu gieo truyền sự dối trá trong dân chúng, để làm chai đá trong lòng họ với mục đích làm cho họ không tin những điềm triệu và những điều kỳ diệu mà họ đã trông thấy; nhưng dù có những lời dối trá và phỉnh gạt ấy, phần đông dân chúng vẫn tin và được cải đạo theo Chúa.

23 Và chuyện rằng, Nê Phi cùng nhiều người khác nữa đã đi đến với dân chúng, làm phép báp têm để hối cải, nhờ đó mà có sự xá miễn lớn lao các tội lỗi. Và như vậy là dân chúng lại bắt đầu có được thái bình trong xứ.

And there were many, who had not believed the words of the prophets, who fell to the earth and became as if they were dead, for they knew that the great plan of destruction which they had laid for those who believed in the words of the prophets had been frustrated; for the sign which had been given was already at hand.

And they began to know that the Son of God must shortly appear; yea, in fine, all the people upon the face of the whole earth from the west to the east, both in the land north and in the land south, were so exceedingly astonished that they fell to the earth.

For they knew that the prophets had testified of these things for many years, and that the sign which had been given was already at hand; and they began to fear because of their iniquity and their unbelief.

And it came to pass that there was no darkness in all that night, but it was as light as though it was mid-day. And it came to pass that the sun did rise in the morning again, according to its proper order; and they knew that it was the day that the Lord should be born, because of the sign which had been given.

And it had come to pass, yea, all things, every whit, according to the words of the prophets.

And it came to pass also that a new star did appear, according to the word.

And it came to pass that from this time forth there began to be lyings sent forth among the people, by Satan, to harden their hearts, to the intent that they might not believe in those signs and wonders which they had seen; but notwithstanding these lyings and deceivings the more part of the people did believe, and were converted unto the Lord.

And it came to pass that Nephi went forth among the people, and also many others, baptizing unto repentance, in the which there was a great remission of sins. And thus the people began again to have peace in the land.

- 24 Và chẳng có sự tranh chấp nào xảy ra, ngoại trừ một vài người bắt đầu thuyết giảng, cố gắng chứng minh qua thánh thư rằng, việc tuân giữ luật pháp Môi Se không còn cần thiết nữa. Trong việc này, họ đã sai lầm, vì họ không hiểu thánh thư.
- 25 Nhưng chuyện rằng, chẳng bao lâu họ cũng cải đạo và cũng ý thức được sự sai lầm của mình, vì họ được cho biết rằng, luật pháp ấy chưa được làm trọn, và luật pháp ấy cần phải được làm trọn dù là trong những điểm nhỏ bé nhất; phải, lời của Chúa đã truyền đến cùng họ rằng: Luật pháp này phải được làm trọn; phải, không một dấu chấm hay một nét phẩy nào được bỏ qua, cho đến khi tất cả mọi điều đều được làm trọn; vậy nên, ngay trong năm đó, họ được dẫn dắt tới sự hiểu biết những sai lầm của mình và đã thú nhận những điều lầm lỗi của họ.
- 26 Và như vậy là năm thứ chín mươi hai đã trôi qua, và trong năm này những tin lành đã đến với dân chúng, vì những điềm triệu đã xảy ra đúng như lời tiên tri của tất cả các thánh tiên tri.
- 27 Và chuyện rằng, năm thứ chín mươi ba cũng trôi qua trong thái bình, ngoại trừ việc bọn cướp Ga Đi An Tôn trú ẩn trong vùng đồi núi và quấy nhiễu trong xứ; vì sào huyệt và những vùng bí mật của chúng rất kiên cố, đến nỗi dân chúng không thể nào chế ngự chúng được; vậy nên, chúng phạm nhiều vụ sát nhân và gây ra nhiều cuộc tàn sát lao trong dân chúng.
- 28 Và chuyện rằng, đến năm thứ chín mươi bốn, dân số bọn chúng bắt đầu gia tăng rất nhiều vì có nhiều người Nê Phi ly khai đã trốn đến với chúng. Điều này đã gây ra nhiều nỗi buồn phiền cho những người Nê Phi còn lại trong xứ.
- 29 Và cũng có một lý do gây nên nhiều sự buồn phiền cho dân La Man; vì này, theo năm tháng, có nhiều trẻ con lớn lên và trở thành những thanh niên tự chủ, và bị dụ dỗ bởi những lời dối trá phỉnh gạt của một số dân Giô Ram, khiến chúng nhập bọn với bọn cướp Ga Đi An Tôn.

And there were no contentions, save it were a few that began to preach, endeavoring to prove by the scriptures that it was no more expedient to observe the law of Moses. Now in this thing they did err, having not understood the scriptures.

But it came to pass that they soon became converted, and were convinced of the error which they were in, for it was made known unto them that the law was not yet fulfilled, and that it must be fulfilled in every whit; yea, the word came unto them that it must be fulfilled; yea, that one jot or tittle should not pass away till it should all be fulfilled; therefore in this same year were they brought to a knowledge of their error and did confess their faults.

And thus the ninety and second year did pass away, bringing glad tidings unto the people because of the signs which did come to pass, according to the words of the prophecy of all the holy prophets.

And it came to pass that the ninety and third year did also pass away in peace, save it were for the Gadianton robbers, who dwelt upon the mountains, who did infest the land; for so strong were their holds and their secret places that the people could not overpower them; therefore they did commit many murders, and did do much slaughter among the people.

And it came to pass that in the ninety and fourth year they began to increase in a great degree, because there were many dissenters of the Nephites who did flee unto them, which did cause much sorrow unto those Nephites who did remain in the land.

And there was also a cause of much sorrow among the Lamanites; for behold, they had many children who did grow up and began to wax strong in years, that they became for themselves, and were led away by some who were Zoramites, by their lyings and their flattering words, to join those Gadianton robbers.

30      Và do đó dân La Man cũng buồn khổ, và đức tin cùng sự ngay chính của họ cũng bắt đầu suy giảm, cũng vì sự tà ác của thế hệ đang lên này.

And thus were the Lamanites afflicted also, and began to decrease as to their faith and righteousness, because of the wickedness of the rising generation.

### 3 Nê Phi 2

- 1 Và chuyện rằng, như vậy là năm thứ chín mươi lăm cũng trôi qua, và dân chúng bắt đầu quên những điềm triệu và những điều kỳ diệu mà họ đã được nghe, và họ cũng bắt đầu bớt ngạc nhiên về điềm triệu và điều kỳ diệu trên trời, đến nỗi họ bắt đầu chai đá trong lòng và mù quáng trong trí, và bắt đầu không tin tất cả những gì họ đã được nghe và thấy—
- 2 Họ tưởng tượng những điều hão huyền trong lòng, họ cho rằng tất cả những chuyện đó đều do loài người hoặc do quyền năng của quỷ dữ đã tạo ra để dẫn dắt lạc hướng và lừa gạt trái tim dân chúng; và như vậy Sa Tan lại chiếm được trái tim dân chúng một lần nữa, đến nỗi nó làm cho mắt họ đui mù và đưa họ đi lạc hướng để họ tin rằng giáo lý của Đấng Ky Tô là một điều điên rồ và vô bổ.
- 3 Và chuyện rằng, dân chúng bắt đầu lớn mạnh trong những điều tà ác và khả ố; và họ không tin là sẽ có những điềm triệu và điều kỳ diệu nào nữa được ban ra; và Sa Tan đã đi khắp nơi, dẫn dắt trái tim dân chúng đi lạc hướng, và quyến rũ họ và khiến họ làm nhiều điều tà ác lớn lao trong xứ.
- 4 Và như vậy là năm thứ chín mươi sáu đã trôi qua, và luôn cả năm thứ chín mươi bảy; năm thứ chín mươi tám; và năm thứ chín mươi chín cũng trôi qua;
- 5 Và như vậy là một trăm năm đã trôi qua kể từ ngày Mô Si A làm vua cai trị dân Nê Phi.
- 6 Và sáu trăm lẻ chín năm đã trôi qua kể từ ngày Lê Hi rời khỏi Giê Ru Sa Lem.
- 7 Và chín năm đã trôi qua kể từ khi điềm triệu được ban ra, theo như lời các vị tiên tri đã nói rằng, Đấng Ky Tô ắt sẽ giáng thế.
- 8 Giờ đây dân Nê Phi bắt đầu tính niên đại của họ kể từ lúc điềm triệu được ban ra, nghĩa là từ lúc Đấng Ky Tô giáng thế; do đó, chín năm đã trôi qua.

### 3 Nephi 2

And it came to pass that thus passed away the ninety and fifth year also, and the people began to forget those signs and wonders which they had heard, and began to be less and less astonished at a sign or a wonder from heaven, insomuch that they began to be hard in their hearts, and blind in their minds, and began to disbelieve all which they had heard and seen—

Imagining up some vain thing in their hearts, that it was wrought by men and by the power of the devil, to lead away and deceive the hearts of the people; and thus did Satan get possession of the hearts of the people again, insomuch that he did blind their eyes and lead them away to believe that the doctrine of Christ was a foolish and a vain thing.

And it came to pass that the people began to wax strong in wickedness and abominations; and they did not believe that there should be any more signs or wonders given; and Satan did go about, leading away the hearts of the people, tempting them and causing them that they should do great wickedness in the land.

And thus did pass away the ninety and sixth year; and also the ninety and seventh year; and also the ninety and eighth year; and also the ninety and ninth year;

And also an hundred years had passed away since the days of Mosiah, who was king over the people of the Nephites.

And six hundred and nine years had passed away since Lehi left Jerusalem.

And nine years had passed away from the time when the sign was given, which was spoken of by the prophets, that Christ should come into the world.

Now the Nephites began to reckon their time from this period when the sign was given, or from the coming of Christ; therefore, nine years had passed away.

- 9 Và Nê Phi, là phụ thân của Nê Phi, người có trách nhiệm gìn giữ các biên sử, không có trở về xứ Gia Ra Hem La, và người ta cũng không thể tìm thấy ông ở đâu trong khắp xứ.
- 10 Và chuyện rằng, dân chúng vẫn còn sống trong sự tà ác, mặc dù có sự thuyết giảng và tiên tri nhiều đã được gửi đến giữa họ; và như vậy là năm thứ mười đã trôi qua, và năm thứ mười một cũng trôi qua trong sự bất chính.
- 11 Và chuyện rằng, đến năm thứ mười ba, thì bắt đầu có chiến tranh và tranh chấp khắp xứ; vì bọn cướp Ga Đi An Tôn đã trở nên quá đông đảo, chúng sát hại quá nhiều dân chúng, làm cho nhiều thành phố phải hoang tàn, và gieo rắc quá nhiều sự chết chóc và tàn sát khắp trong xứ, đến nỗi tất cả dân chúng, cả dân Nê Phi lẫn dân La Man, thấy cần phải cầm khí giới đánh lại chúng.
- 12 Vậy nên, tất cả những người La Man đã cải đạo theo Chúa đều liên kết với các đồng bào của mình là dân Nê Phi, và phải buộc lòng cầm khí giới đánh lại bọn cướp Ga Đi An Tôn để bảo vệ mạng sống của họ và vợ con họ, và cũng để bảo tồn quyền lợi của họ, phải, và những đặc quyền của giáo hội cùng những đặc quyền thờ phượng của họ, và nền độc lập và tự do của họ.
- 13 Và chuyện rằng, trước khi năm thứ mười ba này trôi qua, dân Nê Phi bị đe dọa phải chịu một sự hủy diệt hoàn toàn, vì trận chiến này trở nên vô cùng khốc liệt.
- 14 Và chuyện rằng, những người La Man liên kết với dân Nê Phi đều được tính vào số dân Nê Phi;
- 15 Và sự rửa sả được cất khỏi họ, và nước da họ trở nên trắng trẻo như người Nê Phi vậy;
- 16 Và thanh niên thiếu nữ của họ đều trở nên xinh đẹp vô cùng, và họ được tính vào số dân Nê Phi và được gọi là dân Nê Phi. Và như vậy là chấm dứt năm thứ mười ba.

And Nephi, who was the father of Nephi, who had the charge of the records, did not return to the land of Zarahemla, and could nowhere be found in all the land.

And it came to pass that the people did still remain in wickedness, notwithstanding the much preaching and prophesying which was sent among them; and thus passed away the tenth year also; and the eleventh year also passed away in iniquity.

And it came to pass in the thirteenth year there began to be wars and contentions throughout all the land; for the Gadianton robbers had become so numerous, and did slay so many of the people, and did lay waste so many cities, and did spread so much death and carnage throughout the land, that it became expedient that all the people, both the Nephites and the Lamanites, should take up arms against them.

Therefore, all the Lamanites who had become converted unto the Lord did unite with their brethren, the Nephites, and were compelled, for the safety of their lives and their women and their children, to take up arms against those Gadianton robbers, yea, and also to maintain their rights, and the privileges of their church and of their worship, and their freedom and their liberty.

And it came to pass that before this thirteenth year had passed away the Nephites were threatened with utter destruction because of this war, which had become exceedingly sore.

And it came to pass that those Lamanites who had united with the Nephites were numbered among the Nephites;

And their curse was taken from them, and their skin became white like unto the Nephites;

And their young men and their daughters became exceedingly fair, and they were numbered among the Nephites, and were called Nephites. And thus ended the thirteenth year.

17 Và chuyện rằng, vào đầu năm thứ mười bốn, chiến tranh giữa bọn cướp và dân Nê Phi vẫn còn tiếp tục, và trở nên vô cùng khốc liệt; tuy nhiên, dân Nê Phi chiếm được nhiều ưu thế hơn bọn cướp, khiến họ đánh đuổi được bọn chúng ra khỏi xứ, làm chúng phải rút lên núi và vào trong những vùng bí mật của chúng.

18 Và như vậy là chấm dứt năm thứ mười bốn. Và đến năm thứ mười lăm chúng lại tiến đánh dân Nê Phi; và vì sự tà ác của dân Nê Phi cùng những cuộc tranh chấp và bất hòa của họ, nên bọn cướp Ga Đi An Tôn chiếm được nhiều ưu thế hơn họ.

19 Và như vậy là chấm dứt năm thứ mười lăm, và như vậy là dân chúng đã ở trong một trạng thái đầy nổi thống khổ, và gươm hủy diệt đã treo trên đầu họ, đến nỗi họ hầu như sắp bị nó chém gục, và đó là do sự bất chính của họ.

And it came to pass in the commencement of the fourteenth year, the war between the robbers and the people of Nephi did continue and did become exceedingly sore; nevertheless, the people of Nephi did gain some advantage of the robbers, in-somuch that they did drive them back out of their lands into the mountains and into their secret places.

And thus ended the fourteenth year. And in the fifteenth year they did come forth against the people of Nephi; and because of the wickedness of the people of Nephi, and their many contentions and dissensions, the Gadianton robbers did gain many advantages over them.

And thus ended the fifteenth year, and thus were the people in a state of many afflictions; and the sword of destruction did hang over them, in-somuch that they were about to be smitten down by it, and this because of their iniquity.

### 3 Nê Phi 3

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, đến năm thứ mười sáu kể từ ngày Đấng Ky Tô giáng thế, La Cô Nê, quan cai trị toàn xứ, có nhận được một bức thư của tên thủ lĩnh và chỉ huy đảng cướp này; và những lời trong thư đó được viết như vậy:
- 2 Hỡi La Cô Nê, người cao quý nhất và quan cai trị toàn xứ, này, ta viết bức thư này cho ông, và gửi đến ông lời ca ngợi lớn lao vô cùng về lòng cương nghị của ông và cũng nhờ về lòng cương nghị của dân ông trong việc bảo tồn những gì mà các người cho là quyền lợi và sự tự do của mình; phải, các người rất vững vàng cương quyết như thể có bàn tay của một thượng đế nâng đỡ các người trong việc bảo vệ nền tự do, tài sản, và quê hương các người, hay tất cả những gì mà các người gọi như vậy.
- 3 Và ta cảm thấy một điều đáng thương hại cho ông, hỡi ông La Cô Nê cao quý nhất, thật ông khá điên rồ và phù phiếm khi cho rằng ông có thể đương cự với biết bao nhiêu quân dũng mãnh dưới quyền chỉ huy của ta, những người mà hiện nay đã cầm khí giới và đang nóng lòng chờ đợi lời nói này: Hãy tràn xuống dân Nê Phi và hủy diệt chúng.
- 4 Còn ta, ta đã hiểu rõ tinh thần bất khuất của họ, đã từng thử thách họ trên chiến trường, và đã hiểu rõ mối hận thù vĩnh viễn của họ đối với các người, vì các người đã làm nhiều điều sai quấy đối với họ, vậy nên, nếu họ tràn xuống đánh các người, thì họ sẽ đến viếng các người bằng một sự hủy diệt hoàn toàn.
- 5 Vậy nên ta mới viết bức thư này, và chính tay ta niêm phong, vì ta nghĩ tới sự an lạc của các người, vì lòng cương quyết của các người trong đức tin vào những gì các người cho là phải, cùng tinh thần cao thượng của các người trên chiến trường.
- 6 Vậy nên, ta viết thư cho các người, muốn các người nhượng lại cho dân của ta các thành phố, đất đai và cửa cải của các người, còn hơn là để cho họ đến viếng các người bằng gươm đao và sự hủy diệt sẽ đến với các người.

### 3 Nephi 3

And now it came to pass that in the sixteenth year from the coming of Christ, Lachoneus, the governor of the land, received an epistle from the leader and the governor of this band of robbers; and these were the words which were written, saying:

Lachoneus, most noble and chief governor of the land, behold, I write this epistle unto you, and do give unto you exceedingly great praise because of your firmness, and also the firmness of your people, in maintaining that which ye suppose to be your right and liberty; yea, ye do stand well, as if ye were supported by the hand of a god, in the defence of your liberty, and your property, and your country, or that which ye do call so.

And it seemeth a pity unto me, most noble Lachoneus, that ye should be so foolish and vain as to suppose that ye can stand against so many brave men who are at my command, who do now at this time stand in their arms, and do await with great anxiety for the word—Go down upon the Nephites and destroy them.

And I, knowing of their unconquerable spirit, having proved them in the field of battle, and knowing of their everlasting hatred towards you because of the many wrongs which ye have done unto them, therefore if they should come down against you they would visit you with utter destruction.

Therefore I have written this epistle, sealing it with mine own hand, feeling for your welfare, because of your firmness in that which ye believe to be right, and your noble spirit in the field of battle.

Therefore I write unto you, desiring that ye would yield up unto this my people, your cities, your lands, and your possessions, rather than that they should visit you with the sword and that destruction should come upon you.

7 Hay nói cách khác, các người hãy đầu hàng bọn ta, hãy liên kết với bọn ta và làm quen với những công việc bí mật của bọn ta, và trở thành anh em của bọn ta, để các người có thể giống như bọn ta—không phải để làm nô lệ cho bọn ta mà để trở thành anh em và đồng đảng của bọn ta và cùng hưởng tất cả những tài sản của bọn ta.

8 Và này, ta xin thề với các người rằng, nếu các người chịu làm như vậy thì các người sẽ không bị hủy diệt; còn trái lại, nếu các người không chịu làm như vậy, thì ta cũng thề với các người rằng, tháng tới ta sẽ ra lệnh cho quân ta tiến đánh các người. Họ sẽ không nương tay và sẽ không tha các người, nhưng sẽ tàn sát các người, và sẽ để cho gươm rơi trên mình các người cho đến khi các người bị tận diệt.

9 Và này, ta là Ghi Đi An Hi; ta là thủ lĩnh của tập đoàn Ga Đi An Tôn bí mật này, là tập đoàn mà ta biết có những việc làm tốt đẹp; và những việc làm này đã có từ xưa và đã được truyền lại cho bọn ta.

10 Và nay ta viết bức thư này cho ông, hỡi La Cô Nê, và ta hy vọng rằng các người sẽ trao hết những đất đai cùng tài sản của các người cho bọn ta mà không phải đổ máu, để cho dân của ta có thể khôi phục lại được quyền lợi và quyền cai trị của họ, là những người đã phải ly khai khỏi các người vì sự tà ác của các người đã làm họ mất quyền cai trị, và nếu các người không làm như vậy thì ta sẽ trả thù cho những thiệt hại của họ, ta là Ghi Đi An Hi.

11 Và giờ đây chuyện rằng, khi La Cô Nê nhận được bức thư này, ông rất đỗi ngạc nhiên, vì sự táo bạo của Ghi Đi An Hi trong việc đòi chiếm hữu xứ sở của dân Nê Phi, lại còn hăm dọa dân chúng và đòi trả thù những thiệt hại của những người không bị điều gì thiệt hại cả ngoại trừ việc chính họ đã tự hại mình bằng cách ly khai theo bọn cướp tà ác và khả ố đó.

Or in other words, yield yourselves up unto us, and unite with us and become acquainted with our secret works, and become our brethren that ye may be like unto us—not our slaves, but our brethren and partners of all our substance.

And behold, I swear unto you, if ye will do this, with an oath, ye shall not be destroyed; but if ye will not do this, I swear unto you with an oath, that on the morrow month I will command that my armies shall come down against you, and they shall not stay their hand and shall spare not, but shall slay you, and shall let fall the sword upon you even until ye shall become extinct.

And behold, I am Giddianhi; and I am the governor of this the secret society of Gadianton; which society and the works thereof I know to be good; and they are of ancient date and they have been handed down unto us.

And I write this epistle unto you, Lachoneus, and I hope that ye will deliver up your lands and your possessions, without the shedding of blood, that this my people may recover their rights and government, who have dissented away from you because of your wickedness in retaining from them their rights of government, and except ye do this, I will avenge their wrongs. I am Giddianhi.

And now it came to pass when Lachoneus received this epistle he was exceedingly astonished, because of the boldness of Giddianhi demanding the possession of the land of the Nephites, and also of threatening the people and avenging the wrongs of those that had received no wrong, save it were they had wronged themselves by dissenting away unto those wicked and abominable robbers.



- 12 Giờ đây, này, quan cai trị La Cô Nê là một người công minh, ông không hề sợ hãi trước những yêu sách và những lời hăm dọa của một tên cướp; vậy nên, ông không nghe theo lời trong bức thư của Ghi Đi An Hi là thủ lĩnh bọn cướp, mà ông bảo dân ông phải kêu cầu Chúa để xin Ngài ban cho sức mạnh để chuẩn bị chờ khi quân cướp tràn xuống đánh họ.
- 13 Phải, ông gửi một hịch truyền cho toàn thể dân chúng, bảo họ phải quy tụ tất cả vợ con cùng các đàn gia súc và các bầy thú và tất cả của cải của họ, ngoại trừ đất đai, vào một nơi.
- 14 Và ông khiến cho những thành lũy được xây dựng bao quanh họ, và những thành lũy này phải được cực kỳ kiên cố. Và ông cho các đạo quân, của dân Nê Phi lẫn dân La Man, nghĩa là của tất cả những người được tính vào số dân Nê Phi, phải canh gác chung quanh và giữ gìn dân chúng ngày lẫn đêm để đề phòng quân cướp.
- 15 Phải, ông nói với họ rằng: Như Chúa là Đấng hằng sống, trừ phi các người hối cải những điều bất chính của mình và cầu khẩn Chúa, thì các người sẽ không còn cách nào khác để được giải thoát khỏi tay bọn cướp Ga Đi An Tôn đó.
- 16 Và thật vĩ đại và kỳ diệu thay những lời nói và những lời tiên tri của La Cô Nê, vì nó làm cho mọi người sợ hãi khiến họ cố gắng hết mình để làm theo những lời chỉ dạy của La Cô Nê.
- 17 Và chuyện rằng, La Cô Nê chỉ định các tổng lãnh binh cho tất cả các đạo quân Nê Phi, để họ chỉ huy quân lính khi quân cướp từ vùng hoang dã đến tấn công họ.
- 18 Giờ đây người đứng đầu tất cả các lãnh binh và là tổng tư lệnh quân đội Nê Phi đã được chỉ định, và tên ông ta là Ghi Ghi Đô Ni.

Now behold, this Lachoneus, the governor, was a just man, and could not be frightened by the demands and the threatenings of a robber; therefore he did not hearken to the epistle of Giddianhi, the governor of the robbers, but he did cause that his people should cry unto the Lord for strength against the time that the robbers should come down against them.

Yea, he sent a proclamation among all the people, that they should gather together their women, and their children, their flocks and their herds, and all their substance, save it were their land, unto one place.

And he caused that fortifications should be built round about them, and the strength thereof should be exceedingly great. And he caused that armies, both of the Nephites and of the Lamanites, or of all them who were numbered among the Nephites, should be placed as guards round about to watch them, and to guard them from the robbers day and night.

Yea, he said unto them: As the Lord liveth, except ye repent of all your iniquities, and cry unto the Lord, ye will in nowise be delivered out of the hands of those Gadianton robbers.

And so great and marvelous were the words and prophecies of Lachoneus that they did cause fear to come upon all the people; and they did exert themselves in their might to do according to the words of Lachoneus.

And it came to pass that Lachoneus did appoint chief captains over all the armies of the Nephites, to command them at the time that the robbers should come down out of the wilderness against them.

Now the chiefest among all the chief captains and the great commander of all the armies of the Nephites was appointed, and his name was Gidgiddoni.

19 Bấy giờ theo tục lệ trong khắp dân Nê Phi (ngoại trừ trong thời kỳ tà ác) là chỉ định những vị nào có tinh thần mặc khải và tiên tri lên làm tổng lãnh binh; vậy nên, ông Ghi Ghi Đô Ni này là một đại tiên tri của họ, chẳng khác chi vị trưởng phán quan vậy.

20 Giờ đây dân chúng nói với Ghi Ghi Đô Ni rằng: Xin hãy cầu nguyện Chúa, rồi chúng ta kéo quân lên núi và vào vùng hoang dã đánh bọn cướp và hủy diệt bọn chúng ngay trên đất của chúng.

21 Nhưng Ghi Ghi Đô Ni nói với họ rằng: Chúa cấm làm như vậy, vì nếu chúng ta tiến đánh chúng thì Chúa sẽ trao chúng ta vào tay chúng; vậy nên chúng ta chỉ chuẩn bị trong lãnh thổ của chúng ta mà thôi; chúng ta hãy tập hợp tất cả quân đội lại, nhưng chúng ta không tiến đánh chúng mà đợi cho đến khi chúng đến đánh chúng ta; vậy nên như Chúa là Đấng hằng sống, nếu chúng ta làm đúng như vậy thì Ngài sẽ trao chúng vào tay chúng ta.

22 Và chuyện rằng, đến gần cuối năm thứ mười bảy, sau khi hịch truyền của La Cô Nê đã được phổ biến khắp xứ, dân chúng đem ngựa, xe, súc vật và tất cả các đàn gia súc và các bầy thú, các thứ ngũ cốc, cùng tất cả của cải của họ ra đi. Họ đi hàng ngàn và hàng vạn người, đến nơi đã được chỉ định trước để quy tụ lại và tự vệ chống kẻ thù.

23 Và xứ được chỉ định là xứ Gia Ra Hem La và xứ Phong Phú, phải, đến tận ranh giới nằm giữa xứ Phong Phú và xứ Hoang Vu.

24 Và có hàng vạn người gọi là dân Nê Phi đã quy tụ trên xứ này. Lúc bấy giờ, La Cô Nê bảo họ phải quy tụ tại xứ phương nam, vì xứ phương bắc đã bị rủa sả nặng nề.

Now it was the custom among all the Nephites to appoint for their chief captains, (save it were in their times of wickedness) some one that had the spirit of revelation and also prophecy; therefore, this Gidgiddoni was a great prophet among them, as also was the chief judge.

Now the people said unto Gidgiddoni: Pray unto the Lord, and let us go up upon the mountains and into the wilderness, that we may fall upon the robbers and destroy them in their own lands.

But Gidgiddoni saith unto them: The Lord forbid; for if we should go up against them the Lord would deliver us into their hands; therefore we will prepare ourselves in the center of our lands, and we will gather all our armies together, and we will not go against them, but we will wait till they shall come against us; therefore as the Lord liveth, if we do this he will deliver them into our hands.

And it came to pass in the seventeenth year, in the latter end of the year, the proclamation of Lachoneus had gone forth throughout all the face of the land, and they had taken their horses, and their chariots, and their cattle, and all their flocks, and their herds, and their grain, and all their substance, and did march forth by thousands and by tens of thousands, until they had all gone forth to the place which had been appointed that they should gather themselves together, to defend themselves against their enemies.

And the land which was appointed was the land of Zarahemla, and the land which was between the land Zarahemla and the land Bountiful, yea, to the line which was between the land Bountiful and the land Desolation.

And there were a great many thousand people who were called Nephites, who did gather themselves together in this land. Now Lachoneus did cause that they should gather themselves together in the land southward, because of the great curse which was upon the land northward.

25 Và rồi họ tự củng cố sức mạnh để chống lại kẻ thù của mình; họ họp thành một khối và ở chung một xứ. Họ rất sợ hãi những lời La Cô Nê đã nói với họ, nên họ hối cải tất cả tội lỗi của mình; và họ dâng lời cầu nguyện lên Chúa, Thượng Đế của họ, để cầu xin Ngài giải thoát họ lúc kẻ thù đến gây chiến với họ.

26 Họ rất đổi buồn rầu vì kẻ thù của họ. Và Ghi Ghi Đô Ni bảo họ phải chế tạo đủ các loại vũ khí chiến tranh, và bảo họ phải trở nên hùng mạnh với áo giáp, khiên che thân, và thuẫn cầm tay, theo cách thức chỉ dẫn của ông.

And they did fortify themselves against their enemies; and they did dwell in one land, and in one body, and they did fear the words which had been spoken by Lachoneus, insomuch that they did repent of all their sins; and they did put up their prayers unto the Lord their God, that he would deliver them in the time that their enemies should come down against them to battle.

And they were exceedingly sorrowful because of their enemies. And Gidgiddoni did cause that they should make weapons of war of every kind, and they should be strong with armor, and with shields, and with bucklers, after the manner of his instruction.

### 3 Nê Phi 4

- 1 Và chuyện rằng, vào cuối năm thứ mười tám, quân cướp đã chuẩn bị gây chiến, và bắt đầu tràn xuống từ các đồi núi và vùng hoang dã cùng những nơi trú đóng kiên cố và bí mật của chúng. Chúng bắt đầu chiếm cứ những vùng đất đai, cả ở miền bắc lẫn miền nam, và bắt đầu chiếm cứ tất cả các xứ do dân Nê Phi bỏ lại và những thành phố đã bị bỏ hoang.
- 2 Nhưng này, không có dã thú hay thú săn trong các xứ do dân Nê Phi bỏ lại, nên không có thú săn cho bọn cướp săn bắt ngoại trừ trong vùng hoang dã mà thôi.
- 3 Và bọn cướp không thể sống nơi nào khác ngoài vùng hoang dã, vì chúng cần lương thực; vì dân Nê Phi đã bỏ hoang đất đai của họ, đã thu góp hết các đàn gia súc và các bầy thú và tất cả của cải để gom lại thành một nhóm.
- 4 Vậy nên, quân cướp không có cơ hội để cướp bóc và tìm lương thực, trừ phi phải tiến lên công khai gây chiến với dân Nê Phi; còn dân Nê Phi thì đã họp thành một nhóm, có số dân rất đông, và đã dự trữ lương thực, cùng ngựa, trâu bò và các đàn gia súc đủ loại, để họ có thể sống được trong một thời gian là bảy năm, mà trong thời gian đó họ hy vọng hủy diệt được bọn cướp trong toàn xứ; và như vậy là năm thứ mười tám đã trôi qua.
- 5 Và chuyện rằng, đến năm thứ mười chín, Ghi Đi An Hi nhận thấy rằng đã đến lúc cần phải tiến quân lên gây chiến với dân Nê Phi, vì chúng không còn một phương cách nào khác để sống nếu không nhờ sự trộm cắp, cướp bóc và giết người.
- 6 Và chúng cũng không dám sống rải rác nhiều nơi trong xứ để trồng trọt ngũ cốc, vì chúng sợ dân Nê Phi đến tấn công và sát hại chúng; vậy nên, Ghi Đi An Hi ra lệnh cho quân của mình trong năm này phải tiến lên đánh dân Nê Phi.

### 3 Nephi 4

And it came to pass that in the latter end of the eighteenth year those armies of robbers had prepared for battle, and began to come down and to sally forth from the hills, and out of the mountains, and the wilderness, and their strongholds, and their secret places, and began to take possession of the lands, both which were in the land south and which were in the land north, and began to take possession of all the lands which had been deserted by the Nephites, and the cities which had been left desolate.

But behold, there were no wild beasts nor game in those lands which had been deserted by the Nephites, and there was no game for the robbers save it were in the wilderness.

And the robbers could not exist save it were in the wilderness, for the want of food; for the Nephites had left their lands desolate, and had gathered their flocks and their herds and all their substance, and they were in one body.

Therefore, there was no chance for the robbers to plunder and to obtain food, save it were to come up in open battle against the Nephites; and the Nephites being in one body, and having so great a number, and having reserved for themselves provisions, and horses and cattle, and flocks of every kind, that they might subsist for the space of seven years, in the which time they did hope to destroy the robbers from off the face of the land; and thus the eighteenth year did pass away.

And it came to pass that in the nineteenth year Giddianhi found that it was expedient that he should go up to battle against the Nephites, for there was no way that they could subsist save it were to plunder and rob and murder.

And they durst not spread themselves upon the face of the land insomuch that they could raise grain, lest the Nephites should come upon them and slay them; therefore Giddianhi gave commandment unto his armies that in this year they should go up to battle against the Nephites.

- 7 Và chuyện rằng, chúng đã tiến lên gây chiến, và đó là vào tháng sáu; và này, ngày chúng tiến lên gây chiến thật là trọng đại và khủng khiếp làm sao; chúng nai nịt theo lối quân cướp; chúng đeo một miếng da cừu quanh hông, mình thì nhuộm đầy máu, đầu lại cạo trọc và đội mũ sắt; thật là kịch cợt và khủng khiếp thay cho hình dáng quân đội của Ghi Đi An Hi, vì áo giáp và máu nhuộm đầy người chúng.
- 8 Và chuyện rằng, khi quân Nê Phi thấy hình dáng quân đội của Ghi Đi An Hi như vậy, thì tất cả đều sắp mình xuống đất và cất tiếng kêu cầu Chúa, Thượng Đế của họ, xin Ngài dung tha họ và giải thoát họ khỏi tay kẻ thù.
- 9 Và chuyện rằng, khi quân của Ghi Đi An Hi thấy vậy, chúng liền reo hò thật lớn vì vui mừng, vì chúng cho rằng, dân Nê Phi quá sợ hãi vì vẻ khủng khiếp của quân đội chúng nên đã ngã xuống đất.
- 10 Nhưng về điểm này, chúng phải thất vọng, vì dân Nê Phi đâu có khiếp sợ chúng; họ chỉ sợ Thượng Đế của họ, và họ khẩn cầu Ngài bảo vệ họ; vậy nên khi quân của Ghi Đi An Hi xông tới đánh thì họ đã sẵn sàng nghênh chiến với chúng; phải, họ đã giao chiến với chúng trong sức mạnh của Chúa.
- 11 Và trận chiến khởi đầu vào tháng sáu. Thật là lớn lao và khủng khiếp thay cho trận chiến đó, phải, lớn lao và khủng khiếp thay cho cuộc tàn sát đến nỗi chưa bao giờ người ta từng thấy có một sự tàn sát vĩ đại như vậy trong tất cả dân của Lê Hi kể từ ngày ông rời khỏi Giê Ru Sa Lem.
- 12 Và mặc dầu có những lời hăm dọa và thề nguyện của Ghi Đi An Hi, này, dân Nê Phi đã đánh chúng tả tơi đến nỗi chúng phải tháo lui trước mặt họ.
- 13 Và chuyện rằng, Ghi Ghi Đô Ni ra lệnh cho quân của ông phải đuổi theo chúng đến tận vùng ranh giới của vùng hoang dã, và không được tha một tên nào rơi vào tay họ trên đường săn đuổi; vậy nên, họ đuổi theo chúng và giết chúng đến tận vùng ranh giới của vùng hoang dã, cho đến khi họ làm tròn lệnh truyền của Ghi Ghi Đô Ni.

And it came to pass that they did come up to battle; and it was in the sixth month; and behold, great and terrible was the day that they did come up to battle; and they were girded about after the manner of robbers; and they had a lamb-skin about their loins, and they were dyed in blood, and their heads were shorn, and they had head-plates upon them; and great and terrible was the appearance of the armies of Giddianhi, because of their armor, and because of their being dyed in blood.

And it came to pass that the armies of the Nephites, when they saw the appearance of the army of Giddianhi, had all fallen to the earth, and did lift their cries to the Lord their God, that he would spare them and deliver them out of the hands of their enemies.

And it came to pass that when the armies of Giddianhi saw this they began to shout with a loud voice, because of their joy, for they had supposed that the Nephites had fallen with fear because of the terror of their armies.

But in this thing they were disappointed, for the Nephites did not fear them; but they did fear their God and did supplicate him for protection; therefore, when the armies of Giddianhi did rush upon them they were prepared to meet them; yea, in the strength of the Lord they did receive them.

And the battle commenced in this the sixth month; and great and terrible was the battle thereof, yea, great and terrible was the slaughter thereof, insomuch that there never was known so great a slaughter among all the people of Lehi since he left Jerusalem.

And notwithstanding the threatenings and the oaths which Giddianhi had made, behold, the Nephites did beat them, insomuch that they did fall back from before them.

And it came to pass that Gidgiddoni commanded that his armies should pursue them as far as the borders of the wilderness, and that they should not spare any that should fall into their hands by the way; and thus they did pursue them and did slay them, to the borders of the wilderness, even until they had fulfilled the commandment of Gidgiddoni.

- 14 Và chuyện rằng, Ghi Đi An Hi, là người đã chiến đấu một cách gan dạ, bị đuổi theo khi hắn chạy trốn; và vì mệt mỏi bởi chiến đấu quá nhiều nên hắn bị đuổi kịp và bị giết chết. Và như vậy là kết liễu đời tên cướp Ghi Đi An Hi.
- 15 Và chuyện rằng, các đạo quân Nê Phi lại trở về nơi an toàn của họ. Và chuyện rằng năm thứ mười chín trôi qua, quân cướp không trở lại gây chiến với họ nữa. Và luôn cả năm thứ hai mươi chúng cũng không trở lại.
- 16 Và năm thứ hai mươi một chúng không đến gây chiến với họ, nhưng chúng đến bao vây dân Nê Phi ở tất cả mọi phía; vì chúng nghĩ rằng, nếu chúng cắt đứt dân Nê Phi khỏi những vùng đất đai của họ và bao vây họ mọi phía, và nếu chúng cắt đứt họ khỏi những tiện nghi bên ngoài, thì chúng có thể buộc họ phải đầu hàng chúng theo ý muốn của chúng.
- 17 Lúc bấy giờ, chúng đã chỉ định một người lãnh đạo khác tên là Giem Na Ri Ha; vậy nên, chính Giem Na Ri Ha đã ra lệnh bao vây như vậy.
- 18 Nhưng này, điều này lại thuận lợi cho dân Nê Phi, vì quân cướp không thể bao vây đủ lâu để gây được ảnh hưởng gì cho dân Nê Phi cả, vì lẽ họ đã dự trữ rất nhiều lương thực.
- 19 Vì sự khan hiếm lương thực của bọn cướp—vì này, chúng không có gì để ăn ngoài thịt chúng kiếm được trong vùng hoang dã;
- 20 Và chuyện rằng, thú săn cũng trở nên khan hiếm trong vùng hoang dã—đến nỗi quân cướp sắp chết vì đói.
- 21 Và dân Nê Phi thì liên tục xuất trận cả ngày lẫn đêm. Họ tấn công các đạo quân của chúng và loại trừ hàng ngàn hàng vạn quân của chúng.
- 22 Do đó mà quân của Giem Na Ri Ha muốn hủy bỏ ý định của chúng, vì sự thiệt hại quá lớn lao đã đến với chúng cả ngày lẫn đêm.

And it came to pass that Giddianhi, who had stood and fought with boldness, was pursued as he fled; and being weary because of his much fighting he was overtaken and slain. And thus was the end of Giddianhi the robber.

And it came to pass that the armies of the Nephites did return again to their place of security. And it came to pass that this nineteenth year did pass away, and the robbers did not come again to battle; neither did they come again in the twentieth year.

And in the twenty and first year they did not come up to battle, but they came up on all sides to lay siege round about the people of Nephi; for they did suppose that if they should cut off the people of Nephi from their lands, and should hem them in on every side, and if they should cut them off from all their outward privileges, that they could cause them to yield themselves up according to their wishes.

Now they had appointed unto themselves another leader, whose name was Zemnarihah; therefore it was Zemnarihah that did cause that this siege should take place.

But behold, this was an advantage to the Nephites; for it was impossible for the robbers to lay siege sufficiently long to have any effect upon the Nephites, because of their much provision which they had laid up in store,

And because of the scantiness of provisions among the robbers; for behold, they had nothing save it were meat for their subsistence, which meat they did obtain in the wilderness;

And it came to pass that the wild game became scarce in the wilderness insomuch that the robbers were about to perish with hunger.

And the Nephites were continually marching out by day and by night, and falling upon their armies, and cutting them off by thousands and by tens of thousands.

And thus it became the desire of the people of Zemnarihah to withdraw from their design, because of the great destruction which came upon them by night and by day.

23 Và chuyện rằng, Giem Na Ri Ha ra lệnh cho quân của hắn bỏ bao vây và rút lui về những vùng xa nhất ở xứ phương bắc.

24 Và giờ đây khi Ghi Ghi Đô Ni biết rõ được ý định của chúng, và biết được nhược điểm của chúng vì thiếu lương thực và vì bị tàn sát quá nhiều, nên ông phái các đạo quân ra đi vào lúc ban đêm để cắt đứt đường rút quân của chúng, và ông cho quân đội phục kích trên đường lui quân của chúng.

25 Và họ đã làm đúng như vậy trong lúc ban đêm. Họ tiến quân vượt lên trước quân cướp, cho nên ngày hôm sau, khi quân cướp bắt đầu lên đường thì chúng đã bị quân Nê Phi chặn cả mặt trước lẫn mặt sau.

26 Và quân cướp ở phía nam cũng bị cắt đứt đường rút lui. Và tất cả những điều này đều làm theo lệnh của Ghi Ghi Đô Ni.

27 Và có hàng ngàn quân bọn cướp phải đầu hàng và chịu nộp mình làm tù binh cho dân Nê Phi, và số còn lại thì bị giết chết.

28 Còn thủ lĩnh bọn chúng là Giem Na Ri Ha thì bị bắt và bị treo cổ lên cây, phải, tận trên ngọn cây cho đến khi chết. Và sau khi họ đã treo cổ hắn cho đến chết, họ bèn đốn ngã cây xuống đất, và kêu lớn tiếng lên rằng:

29 Cầu xin Chúa bảo tồn dân Ngài trong sự ngay chính và trong tâm lòng thánh thiện, để họ có thể khiến cho tất cả những kẻ nào muốn tìm cách giết họ bằng sức mạnh và các tập đoàn bí mật đều bị đốn ngã xuống đất, chẳng khác chi kẻ này đã bị đốn ngã xuống đất.

30 Và họ vui mừng và đồng thanh kêu lên rằng: Cầu xin Thượng Đế của Áp Ra Ham, Thượng Đế của Y Sác và Thượng Đế của Gia Cốp, bảo vệ dân này trong sự ngay chính, chừng nào họ còn cầu gọi đến danh Thượng Đế của họ để xin được bảo vệ.

31 Và chuyện rằng, họ cùng cất tiếng, tất cả mọi người như một, hát và ngợi khen Thượng Đế của họ về sự việc vĩ đại mà Ngài đã làm cho họ, trong việc bảo tồn họ khỏi rơi vào tay kẻ thù.

And it came to pass that Zemnah did give command unto his people that they should withdraw themselves from the siege, and march into the furthest parts of the land northward.

And now, Giddoni being aware of their design, and knowing of their weakness because of the want of food, and the great slaughter which had been made among them, therefore he did send out his armies in the night-time, and did cut off the way of their retreat, and did place his armies in the way of their retreat.

And this did they do in the night-time, and got on their march beyond the robbers, so that on the morrow, when the robbers began their march, they were met by the armies of the Nephites both in their front and in their rear.

And the robbers who were on the south were also cut off in their places of retreat. And all these things were done by command of Giddoni.

And there were many thousands who did yield themselves up prisoners unto the Nephites, and the remainder of them were slain.

And their leader, Zemnah, was taken and hanged upon a tree, yea, even upon the top thereof until he was dead. And when they had hanged him until he was dead they did fell the tree to the earth, and did cry with a loud voice, saying:

May the Lord preserve his people in righteousness and in holiness of heart, that they may cause to be felled to the earth all who shall seek to slay them because of power and secret combinations, even as this man hath been felled to the earth.

And they did rejoice and cry again with one voice, saying: May the God of Abraham, and the God of Isaac, and the God of Jacob, protect this people in righteousness, so long as they shall call on the name of their God for protection.

And it came to pass that they did break forth, all as one, in singing, and praising their God for the great thing which he had done for them, in preserving them from falling into the hands of their enemies.

32 Phải, họ đã kêu lên rằng: Hô Sa Na, Thượng Đế Tối Cao. Và họ đã kêu lên: Phước thay danh của Đức Chúa Trời Toàn Năng, Thượng Đế Tối Cao.

33 Và lòng họ tràn đầy niềm hân hoan, đến nỗi nước mắt họ tuôn trào, vì lòng nhân từ vĩ đại của Thượng Đế trong việc giải thoát họ khỏi tay kẻ thù; và họ biết rằng chính nhờ sự hối cải và lòng khiêm nhường của họ mà họ đã được giải thoát khỏi sự hủy diệt vĩnh viễn.

Yea, they did cry: Hosanna to the Most High God. And they did cry: Blessed be the name of the Lord God Almighty, the Most High God.

And their hearts were swollen with joy, unto the gushing out of many tears, because of the great goodness of God in delivering them out of the hands of their enemies; and they knew it was because of their repentance and their humility that they had been delivered from an everlasting destruction.



### 3 Nê Phi 5

- 1 Và giờ đây, này, trong khắp dân Nê Phi chẳng có một người nào có một mảy may gì nghi ngờ về những lời của tất cả các thánh tiên tri đã nói ra; vì họ biết rằng những lời nói đó cần phải được ứng nghiệm.
- 2 Và họ cũng biết rằng, nhất định Đấng Ky Tô đã giáng thế, vì có nhiều điềm triệu đã được ban ra đúng theo như lời các vị tiên tri nói; và cũng vì đã có nhiều việc xảy ra rồi nên họ biết rằng, mọi việc sẽ phải xảy ra đúng như lời đã được báo trước.
- 3 Vậy nên, họ từ bỏ hết mọi tội lỗi, mọi điều khả ô, và mọi chuyện tà dâm của mình, và họ phụng sự Thượng Đế với tất cả sự chuyên tâm cả ngày lẫn đêm.
- 4 Và giờ đây, chuyện rằng sau khi họ đã bắt tất cả bọn cướp làm tù binh, và chẳng còn tên nào chạy trốn mà không bị giết chết, họ đã nhốt tất cả tù binh vào nhà giam, và họ cho thuyết giảng lời Thượng Đế cho chúng nghe; và kẻ nào hối cải những tội lỗi của mình và chịu lập giao ước là sẽ không sát nhân nữa thì đều được trả tự do.
- 5 Nhưng kẻ nào không chịu lập giao ước và trong lòng vẫn còn tiếp tục nuôi dưỡng những việc làm sát nhân bí mật này, phải, tất cả những kẻ nào bị tìm thấy thốt lên lời hăm dọa các đồng bào mình, đều bị kết án và bị trừng phạt theo luật pháp.
- 6 Và như vậy là họ đã chấm dứt được tất cả những tập đoàn tà ác, bí mật và khả ô này, mà trong đó có biết bao điều tà ác và tội sát nhân đã bị phạm phải.
- 7 Và như vậy là năm thứ hai mươi hai đã trôi qua, và năm thứ hai mươi ba cũng trôi qua, năm thứ hai mươi bốn và năm thứ hai mươi lăm; và như vậy là hai mươi lăm năm đã trôi qua.

### 3 Nephi 5

And now behold, there was not a living soul among all the people of the Nephites who did doubt in the least the words of all the holy prophets who had spoken; for they knew that it must needs be that they must be fulfilled.

And they knew that it must be expedient that Christ had come, because of the many signs which had been given, according to the words of the prophets; and because of the things which had come to pass already they knew that it must needs be that all things should come to pass according to that which had been spoken.

Therefore they did forsake all their sins, and their abominations, and their whoredoms, and did serve God with all diligence day and night.

And now it came to pass that when they had taken all the robbers prisoners, insomuch that none did escape who were not slain, they did cast their prisoners into prison, and did cause the word of God to be preached unto them; and as many as would repent of their sins and enter into a covenant that they would murder no more were set at liberty.

But as many as there were who did not enter into a covenant, and who did still continue to have those secret murders in their hearts, yea, as many as were found breathing out threatenings against their brethren were condemned and punished according to the law.

And thus they did put an end to all those wicked, and secret, and abominable combinations, in the which there was so much wickedness, and so many murders committed.

And thus had the twenty and second year passed away, and the twenty and third year also, and the twenty and fourth, and the twenty and fifth; and thus had twenty and five years passed away.

- 8 Và có rất nhiều chuyện đã xảy ra, và dưới mắt một số người thì những chuyện ấy thật là vĩ đại và kỳ diệu; tuy nhiên, những chuyện đó không thể chép hết ra sách này được; phải, sách này không thể chứa hết một phần trăm những gì đã xảy ra giữa nhiều người như thế trong khoảng thời gian hai mươi lăm năm;
- 9 Nhưng này có những biên sử chứa đựng hết những sự việc diễn tiến của dân này; và một truyện ký ngắn hơn nhưng trung thực đã được Nê Phi ghi chép.
- 10 Vậy nên tôi đã ghi chép lại những điều này dựa theo biên sử của Nê Phi, là biên sử được ghi khắc trên các bảng được gọi là các bảng khắc của Nê Phi.
- 11 Và này, tôi đã ghi chép trên các bảng khắc do chính tay tôi làm ra.
- 12 Và này, tôi được gọi là Mặc Môn, gọi theo tên xứ Mặc Môn, xứ mà ngày trước An Ma đã dựng lên giáo hội trong dân chúng; phải, đó là giáo hội đầu tiên được thành lập trong dân chúng sau khi họ phạm giới.
- 13 Này, tôi là một môn đồ của Chúa Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế. Tôi đã được Ngài kêu gọi để rao truyền lời của Ngài trong dân Ngài, để họ có thể có được cuộc sống vĩnh viễn.
- 14 Và theo ý muốn của Thượng Đế thì những lời nguyện cầu của những người đã chết, là những người thánh thiện, phải được thực hiện theo đức tin của họ, nên điều cần thiết là tôi phải ghi chép những điều này, là những điều đã xảy ra—
- 15 Phải, một biên sử nhỏ ghi chép những gì đã xảy ra từ thời Lê Hi rời khỏi Giê Ru Sa Lem cho đến bây giờ.
- 16 Vậy nên, tôi viết biên sử của tôi từ các truyện ký của những người sinh trước tôi cho đến ngày tôi ra đời;
- 17 Và sau đó tôi ghi chép về những sự việc mà chính mắt tôi đã trông thấy.
- 18 Và tôi biết rằng, biên sử mà tôi viết ra đây là xác đáng và chân thật; tuy nhiên có nhiều điều, thể theo ngôn ngữ của chúng tôi, chúng tôi không thể viết ra được.

And there had many things transpired which, in the eyes of some, would be great and marvelous; nevertheless, they cannot all be written in this book; yea, this book cannot contain even a hundredth part of what was done among so many people in the space of twenty and five years;

But behold there are records which do contain all the proceedings of this people; and a shorter but true account was given by Nephi.

Therefore I have made my record of these things according to the record of Nephi, which was engraven on the plates which were called the plates of Nephi.

And behold, I do make the record on plates which I have made with mine own hands.

And behold, I am called Mormon, being called after the land of Mormon, the land in which Alma did establish the church among the people, yea, the first church which was established among them after their transgression.

Behold, I am a disciple of Jesus Christ, the Son of God. I have been called of him to declare his word among his people, that they might have everlasting life.

And it hath become expedient that I, according to the will of God, that the prayers of those who have gone hence, who were the holy ones, should be fulfilled according to their faith, should make a record of these things which have been done—

Yea, a small record of that which hath taken place from the time that Lehi left Jerusalem, even down until the present time.

Therefore I do make my record from the accounts which have been given by those who were before me, until the commencement of my day;

And then I do make a record of the things which I have seen with mine own eyes.

And I know the record which I make to be a just and a true record; nevertheless there are many things which, according to our language, we are not able to write.

- 19 Và giờ đây, tôi xin ngừng nói về bản thân tôi, và xin tiếp tục tường thuật về những điều đã xảy ra trước mắt tôi.
- 20 Tôi là Mặc Môn, và là con cháu chính thống của Lê Hi. Tôi có lý do để chúc phước cho Thượng Đế của tôi và Đấng Cứu Rỗi Giê Su Kỵ Tô của tôi, vì Ngài đã đem tổ phụ của chúng tôi ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, (và không một ai biết được điều đó ngoài Ngài và những người được Ngài đem ra khỏi xứ đó) và Ngài đã ban cho tôi và cho dân tôi nhiều điều hiểu biết về sự cứu rỗi linh hồn chúng tôi.
- 21 Quả thật Ngài đã ban phước lành cho gia tộc Gia Cốp, và đã thương xót dòng dõi Giô Sép.
- 22 Và chừng nào con cháu của Lê Hi vẫn còn tuân giữ những lệnh truyền của Ngài thì Ngài vẫn ban phước cho họ và khiến họ được thịnh vượng theo như lời Ngài đã phán.
- 23 Phải, và chắc chắn Ngài lại sẽ dẫn dắt dân còn sót lại của dòng dõi Giô Sép tới sự hiểu biết Chúa, Thượng Đế của họ.
- 24 Và chắc chắn như Chúa là Đấng hằng sống, Ngài sẽ quy tụ từ bốn phương trời của thế gian tất cả những dân còn sót lại của dòng dõi Gia Cốp, là những người đang bị phân tán trên khắp mặt đất.
- 25 Và như Ngài đã lập giao ước với tất cả gia tộc Gia Cốp như thế nào, thì cũng như vậy, giao ước mà Ngài đã lập với gia tộc Gia Cốp sẽ được làm tròn vào kỳ định của Ngài, để phục hồi toàn thể gia tộc Gia Cốp về với sự hiểu biết giao ước mà Ngài đã giao ước với họ.
- 26 Và rồi họ sẽ nhận biết Đấng Cứu Chuộc của họ, tức là Chúa Giê Su Kỵ Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế; và lúc đó từ bốn phương trời của thế gian họ sẽ được quy tụ về xứ sở của họ, là nơi mà ngày trước họ đã bị phân tán; phải, chắc chắn như Chúa là Đấng hằng sống, điều đó sẽ phải xảy ra. A Men.

And now I make an end of my saying, which is of myself, and proceed to give my account of the things which have been before me.

I am Mormon, and a pure descendant of Lehi. I have reason to bless my God and my Savior Jesus Christ, that he brought our fathers out of the land of Jerusalem, (and no one knew it save it were himself and those whom he brought out of that land) and that he hath given me and my people so much knowledge unto the salvation of our souls.

Surely he hath blessed the house of Jacob, and hath been merciful unto the seed of Joseph.

And insomuch as the children of Lehi have kept his commandments he hath blessed them and prospered them according to his word.

Yea, and surely shall he again bring a remnant of the seed of Joseph to the knowledge of the Lord their God.

And as surely as the Lord liveth, will he gather in from the four quarters of the earth all the remnant of the seed of Jacob, who are scattered abroad upon all the face of the earth.

And as he hath covenanted with all the house of Jacob, even so shall the covenant wherewith he hath covenanted with the house of Jacob be fulfilled in his own due time, unto the restoring all the house of Jacob unto the knowledge of the covenant that he hath covenanted with them.

And then shall they know their Redeemer, who is Jesus Christ, the Son of God; and then shall they be gathered in from the four quarters of the earth unto their own lands, from whence they have been dispersed; yea, as the Lord liveth so shall it be. Amen.

### 3 Nê Phi 6

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, vào năm thứ hai mươi sáu, tất cả dân Nê Phi đều trở về xứ sở của họ, mỗi người cùng với gia đình mình, với các đàn gia súc và các bầy thú, ngựa, trâu bò của mình, và tất cả những vật gì thuộc về họ.
- 2 Và chuyện rằng, vì chưa dùng hết số lương thực nên họ đem trở về tất cả những gì họ chưa ăn, đủ loại ngũ cốc cùng vàng bạc và các vật quý giá khác. Rồi họ trở về xứ sở và đất đai của mình, cả miền bắc lẫn miền nam, cả xứ phương bắc lẫn xứ phương nam.
- 3 Và những kẻ trộm cướp nào đã lập giao ước tôn trọng hòa bình của xứ sở, và những kẻ nào muốn tiếp tục làm dân La Man, đều được họ ban cho đất đai tùy theo dân số của chúng, để chúng có thể sinh sống bằng sức lao động; và như vậy là họ đã thiết lập được thái bình trong khắp xứ.
- 4 Và họ lại bắt đầu thịnh vượng và hùng mạnh trở lại; và năm thứ hai mươi sáu và hai mươi bảy đã trôi qua, và trong nước rất có trật tự. Rồi họ thiết lập luật pháp dựa trên sự bình đẳng và công bình.
- 5 Và giờ đây khắp xứ chẳng còn gì để cản trở sự thịnh vượng liên tục của dân chúng, trừ phi họ sa vào vòng phạm giới.
- 6 Và giờ đây, chính Ghi Ghi Đô Ni và vị phán quan La Cô Nê cùng những vị được chỉ định làm những người lãnh đạo đã thiết lập nền hòa bình vĩ đại này trong xứ.
- 7 Và chuyện rằng, có nhiều thành phố được xây mới và nhiều thành phố cũ được sửa sang.
- 8 Và có nhiều con lộ lớn được đắp lên và nhiều đường sá được mở ra, nối liền từ thành phố này tới thành phố khác, từ xứ này với xứ khác, và từ vùng này tới vùng khác.
- 9 Và như vậy là năm thứ hai mươi tám đã trôi qua, và dân chúng được hưởng thái bình liên tục.

### 3 Nephi 6

And now it came to pass that the people of the Nephites did all return to their own lands in the twenty and sixth year, every man, with his family, his flocks and his herds, his horses and his cattle, and all things whatsoever did belong unto them.

And it came to pass that they had not eaten up all their provisions; therefore they did take with them all that they had not devoured, of all their grain of every kind, and their gold, and their silver, and all their precious things, and they did return to their own lands and their possessions, both on the north and on the south, both on the land northward and on the land southward.

And they granted unto those robbers who had entered into a covenant to keep the peace of the land, who were desirous to remain Lamanites, lands, according to their numbers, that they might have, with their labors, wherewith to subsist upon; and thus they did establish peace in all the land.

And they began again to prosper and to wax great; and the twenty and sixth and seventh years passed away, and there was great order in the land; and they had formed their laws according to equity and justice.

And now there was nothing in all the land to hinder the people from prospering continually, except they should fall into transgression.

And now it was Gidgiddoni, and the judge, Lachoneus, and those who had been appointed leaders, who had established this great peace in the land.

And it came to pass that there were many cities built anew, and there were many old cities repaired.

And there were many highways cast up, and many roads made, which led from city to city, and from land to land, and from place to place.

And thus passed away the twenty and eighth year, and the people had continual peace.

- 10 Nhưng chuyện rằng đến năm thứ hai mươi chín, trong dân chúng bắt đầu có vài sự tranh chấp; có một số người dương dương tự đắc và khoe khoang vì của cải của họ quá nhiều; phải, đến nỗi đưa tới những vụ ngược đãi lớn lao;
- 11 Vì trong xứ có nhiều thương gia, và cũng có nhiều luật gia và quan lại.
- 12 Và dân chúng bắt đầu được phân biệt theo giai cấp, tùy theo sự giàu có và sự may mắn được học hành của họ; phải, có một số người phải chịu sự dốt nát vì sự nghèo khổ của mình, và một số khác thì được học hành thông thái nhờ sự giàu có của họ.
- 13 Một số người dương dương tự đắc, nhưng cũng có một số người khác lại hết sức khiêm nhường; một số người sỉ nhục lại khi họ bị sỉ nhục, nhưng cũng có một số người khác lại vui lòng chịu đựng sự sỉ nhục, sự ngược đãi, và mọi khổ cực, và không hề chống trả hay thóa mạ lại mà chỉ một mực khiêm nhường và ăn năn trước mặt Thượng Đế.
- 14 Và do đó mà khắp xứ có một sự bất bình đẳng lớn lao, đến nỗi giáo hội bắt đầu bị rạn nứt; phải, đến nỗi, vào năm thứ ba mươi, giáo hội đã bị rạn nứt trong khắp xứ, ngoại trừ một số ít dân La Man được cải đạo theo tín ngưỡng chân thật; và họ không từ bỏ nó, vì họ vững chắc, bền bỉ, bất di bất dịch và hết lòng chuyên tâm tuân giữ những lệnh truyền của Chúa.
- 15 Bây giờ nguyên nhân của sự bất chính này của dân chúng là như vậy: Sa Tan đã có quyền năng lớn lao trong việc xúi giục dân chúng làm mọi điều bất chính, và làm cho họ tràn đầy kiêu ngạo, cảm dỗ họ đi tìm kiếm uy quyền và quyền hành, cùng của cải và những điều phù phiếm của thế gian.
- 16 Và như vậy Sa Tan đã dẫn dắt trái tim dân chúng đi lạc hướng để làm mọi điều bất chính; do đó họ hưởng được thái bình chỉ trong một ít năm mà thôi.

But it came to pass in the twenty and ninth year there began to be some disputings among the people; and some were lifted up unto pride and boastings because of their exceedingly great riches, yea, even unto great persecutions;

For there were many merchants in the land, and also many lawyers, and many officers.

And the people began to be distinguished by ranks, according to their riches and their chances for learning; yea, some were ignorant because of their poverty, and others did receive great learning because of their riches.

Some were lifted up in pride, and others were exceedingly humble; some did return railing for railing, while others would receive railing and persecution and all manner of afflictions, and would not turn and revile again, but were humble and penitent before God.

And thus there became a great inequality in all the land, insomuch that the church began to be broken up; yea, insomuch that in the thirtieth year the church was broken up in all the land save it were among a few of the Lamanites who were converted unto the true faith; and they would not depart from it, for they were firm, and steadfast, and immovable, willing with all diligence to keep the commandments of the Lord.

Now the cause of this iniquity of the people was this—Satan had great power, unto the stirring up of the people to do all manner of iniquity, and to the puffing them up with pride, tempting them to seek for power, and authority, and riches, and the vain things of the world.

And thus Satan did lead away the hearts of the people to do all manner of iniquity; therefore they had enjoyed peace but a few years.

- 17 Và như vậy là vào đầu năm thứ ba mươi—dân chúng đã bị phó mặc suốt một thời gian khá lâu theo sự cám dỗ của quỷ dữ, để mặc cho quỷ dữ đưa đi bất cứ nơi đâu và làm bất cứ điều bất chính nào nó muốn họ làm—và như vậy, đến đầu năm thứ ba mươi, họ sống trong một trạng thái tà ác đáng ghê sợ.
- 18 Bấy giờ họ không phạm tội một cách vô ý thức, vì họ biết ý muốn của Thượng Đế đối với họ, vì điều đó đã được dạy dỗ cho họ; vậy nên, họ đã cố tình phản nghịch Thượng Đế.
- 19 Và giờ đây là vào thời La Cô Nê, con trai của La Cô Nê, vì La Cô Nê đã lên kế vị cha mình và cai trị dân chúng trong năm ấy.
- 20 Và bắt đầu có những người được ơn trên soi dẫn và phái đến với dân chúng trong khắp xứ để thuyết giáo và làm chứng một cách bạo dạn về những tội lỗi và những điều bất chính của dân chúng. Họ làm chứng cho dân chúng biết về sự cứu chuộc Chúa sẽ đem lại cho dân Ngài, hay nói cách khác, đó là sự phục sinh của Đấng Ky Tô; và họ đã bạo dạn làm chứng về cái chết và những nỗi thống khổ của Ngài.
- 21 Bấy giờ có nhiều người vô cùng tức giận những người làm chứng về những điều này; và những người tức giận phần đông là các vị trưởng phán quan, và những người trước kia là các thầy tư tế thượng phẩm và các luật gia; phải, tất cả các luật gia đều tức giận những người làm chứng về những điều này.
- 22 Lúc bấy giờ, không có một luật gia, một phán quan, hay một thầy tư tế thượng phẩm nào có quyền kết án tử hình bất cứ ai, trừ phi sự kết án của họ được quan cai trị toàn xứ ký.
- 23 Giờ đây có nhiều người làm chứng một cách bạo dạn về những điều có liên quan đến Đấng Ky Tô đã bị các phán quan bắt và xử tử một cách bí mật, khiến cho sự hiểu biết về cái chết của họ chỉ đến với quan cai trị toàn xứ sau khi họ đã chết rồi.
- 24 Giờ đây này, điều này trái với luật pháp của xứ sở là bắt xử tử một người mà họ không được quyền từ quan cai trị toàn xứ—

And thus, in the commencement of the thirtieth year—the people having been delivered up for the space of a long time to be carried about by the temptations of the devil whithersoever he desired to carry them, and to do whatsoever iniquity he desired they should—and thus in the commencement of this, the thirtieth year, they were in a state of awful wickedness.

Now they did not sin ignorantly, for they knew the will of God concerning them, for it had been taught unto them; therefore they did wilfully rebel against God.

And now it was in the days of Lachoneus, the son of Lachoneus, for Lachoneus did fill the seat of his father and did govern the people that year.

And there began to be men inspired from heaven and sent forth, standing among the people in all the land, preaching and testifying boldly of the sins and iniquities of the people, and testifying unto them concerning the redemption which the Lord would make for his people, or in other words, the resurrection of Christ; and they did testify boldly of his death and sufferings.

Now there were many of the people who were exceedingly angry because of those who testified of these things; and those who were angry were chiefly the chief judges, and they who had been high priests and lawyers; yea, all those who were lawyers were angry with those who testified of these things.

Now there was no lawyer nor judge nor high priest that could have power to condemn any one to death save their condemnation was signed by the governor of the land.

Now there were many of those who testified of the things pertaining to Christ who testified boldly, who were taken and put to death secretly by the judges, that the knowledge of their death came not unto the governor of the land until after their death.

Now behold, this was contrary to the laws of the land, that any man should be put to death except they had power from the governor of the land—

- 25 Vậy nên, người ta gửi khiếu nại tới quan cai trị toàn xứ ở Gia Ra Hem La, về việc các phán quan này đã kết án tử hình những vị tiên tri của Chúa, không đúng theo luật pháp.
- 26 Giờ đây chuyện rằng, họ bị bắt dẫn đến trước mặt vị trưởng phán quan để bị xét xử về tội trạng họ đã làm, thể theo luật pháp dân chúng đã đề ra.
- 27 Giờ đây chuyện rằng, những phán quan ấy có rất nhiều bạn bè và bà con; và những người còn lại, phải, hầu hết là các luật gia và các thầy tư tế thượng phẩm, đã tụ họp nhau lại và liên kết với những bà con của các phán quan bị đem ra xét xử theo luật pháp.
- 28 Và những người này đã lập giao ước với nhau, phải, theo kiểu giao ước của người xưa đã lập, đó là giao ước mà quý dữ đã thực hiện, để liên kết chống lại mọi điều ngay chính.
- 29 Vậy nên những người này liên kết với nhau chống lại dân của Chúa, và lập giao ước để hủy diệt họ và giải thoát những kẻ phạm tội sát nhân khỏi bàn tay công lý đang sắp sửa được thi hành theo luật pháp.
- 30 Và những người này bất chấp luật pháp và quyền lợi của tổ quốc họ; và họ cùng nhau lập giao ước là sẽ hủy diệt quan cai trị và lập lên một vị vua cai trị xứ sở, làm cho xứ sở không còn được tự do nữa mà phải đặt dưới quyền cai trị của các vua.

Therefore a complaint came up unto the land of Zarahemla, to the governor of the land, against these judges who had condemned the prophets of the Lord unto death, not according to the law.

Now it came to pass that they were taken and brought up before the judge, to be judged of the crime which they had done, according to the law which had been given by the people.

Now it came to pass that those judges had many friends and kindreds; and the remainder, yea, even almost all the lawyers and the high priests, did gather themselves together, and unite with the kindreds of those judges who were to be tried according to the law.

And they did enter into a covenant one with another, yea, even into that covenant which was given by them of old, which covenant was given and administered by the devil, to combine against all righteousness.

Therefore they did combine against the people of the Lord, and enter into a covenant to destroy them, and to deliver those who were guilty of murder from the grasp of justice, which was about to be administered according to the law.

And they did set at defiance the law and the rights of their country; and they did covenant one with another to destroy the governor, and to establish a king over the land, that the land should no more be at liberty but should be subject unto kings.

### 3 Nê Phi 7

- 1 Giờ đây này, tôi sẽ cho các người thấy rằng, họ không lập được một vị vua cai trị xứ sở; nhưng cùng trong năm đó, phải, năm thứ ba mươi, họ đã hủy diệt trên ghế xét xử, phải, họ đã ám sát vị trưởng phán quan trong xứ.
- 2 Và rồi dân chúng chia rẽ lẫn nhau; họ tách rời thành các chi tộc, mỗi người tùy theo gia đình, bà con và bạn bè của mình; và như thế đó mà họ đã hủy diệt nền cai trị trong xứ.
- 3 Và mỗi chi tộc chỉ định một người chỉ huy hay một người lãnh đạo cho mình, và như vậy là họ đã trở thành những chi tộc và những người lãnh đạo chi tộc.
- 4 Giờ đây này, không có một người nào trong bọn họ lại không có một gia đình đông đúc và nhiều bà con bạn bè; vậy nên chi tộc của họ đã trở nên hết sức đông đảo.
- 5 Giờ đây tất cả những việc này đã xảy ra, và chưa có cuộc chiến tranh nào giữa bọn họ; và tất cả những điều bất chính này đã xảy đến cho dân chúng vì họ đã nộp mình cho quyền năng của Sa Tan.
- 6 Và những quy luật của chính quyền bị hủy diệt vì sự âm mưu liên kết bí mật của bà con và bạn bè của những kẻ đã sát hại các vị tiên tri.
- 7 Và họ đã gây nên một cuộc tranh chấp lớn lao trong xứ, đến nỗi đa số những người ngay chính đã hầu như trở nên những người tà ác; phải, chỉ còn lại một số rất ít người ngay chính trong bọn họ mà thôi.
- 8 Và như vậy là sáu năm chưa trôi qua mà phần đông dân chúng đã rời bỏ sự ngay chính của mình chẳng khác chi chó liếm lại đồ nó đã mửa, hay như heo lăn lóc trong vũng bùn dơ.
- 9 Giờ đây tập đoàn bí mật này, là tập đoàn đã đem sự bất chính lớn lao đến cho dân chúng, đã tụ họp lại với nhau và đặt một người lên cầm đầu mà chúng gọi là Gia Cốp.

### 3 Nephi 7

Now behold, I will show unto you that they did not establish a king over the land; but in this same year, yea, the thirtieth year, they did destroy upon the judgment-seat, yea, did murder the chief judge of the land.

And the people were divided one against another; and they did separate one from another into tribes, every man according to his family and his kindred and friends; and thus they did destroy the government of the land.

And every tribe did appoint a chief or a leader over them; and thus they became tribes and leaders of tribes.

Now behold, there was no man among them save he had much family and many kindreds and friends; therefore their tribes became exceedingly great.

Now all this was done, and there were no wars as yet among them; and all this iniquity had come upon the people because they did yield themselves unto the power of Satan.

And the regulations of the government were destroyed, because of the secret combination of the friends and kindreds of those who murdered the prophets.

And they did cause a great contention in the land, insomuch that the more righteous part of the people had nearly all become wicked; yea, there were but few righteous men among them.

And thus six years had not passed away since the more part of the people had turned from their righteousness, like the dog to his vomit, or like the sow to her wallowing in the mire.

Now this secret combination, which had brought so great iniquity upon the people, did gather themselves together, and did place at their head a man whom they did call Jacob;



- 10 Và chúng đã gọi hắn là vua của chúng; vậy nên, hắn trở thành vua cai trị bọn tà ác này; và hắn là một trong số những kẻ cầm đầu đã từng lên tiếng chống đối những vị tiên tri làm chứng về Chúa Giê Su.
- 11 Và chuyện rằng, chúng không đồng bằng những chi tộc của dân chúng, là những chi tộc đã đoàn kết với nhau, ngoại trừ những người lãnh đạo của họ là lập ra luật pháp riêng tùy theo mỗi chi tộc của mình; do đó họ là kẻ thù của chúng; mặc dù họ không phải là những người ngay chính, nhưng họ vẫn đoàn kết với nhau trong mối hận thù đối với những kẻ đã lập giao ước để hủy diệt chính quyền.
- 12 Vậy nên, khi Gia Cóp thấy rằng kẻ thù của chúng đông đảo hơn chúng, và hắn là vua bọn ấy nên hắn ra lệnh cho dân mình phải chạy trốn lên vùng đất cực bắc, và xây dựng lên một vương quốc ở đấy, chờ cho đến khi nào những người ly khai đến sáp nhập với bọn chúng, (vì hắn lừa phỉnh dân hắn là sẽ có nhiều người ly khai) và chúng sẽ có đủ sức mạnh để chống lại những chi tộc của dân chúng. Và bọn chúng đã làm đúng như vậy.
- 13 Và chúng đã ra đi cấp tốc đến nỗi không ai ngăn cản kịp, cho đến khi chúng đã vượt khỏi tầm tay của dân chúng. Và như vậy là chấm dứt năm thứ ba mươi; và những sự việc của dân Nê Phi là như vậy.
- 14 Và chuyện rằng, đến năm thứ ba mươi một, dân chúng đã phân chia thành nhiều chi tộc, mỗi người tùy theo gia đình, bà con, và bạn bè mình; tuy nhiên họ thỏa thuận là sẽ không gây chiến với nhau; nhưng họ lại không đoàn kết trong vấn đề luật pháp và cách thức cai trị, vì những vấn đề này đã được lập ra tùy theo ý nghĩ của những người chỉ huy và lãnh đạo họ. Nhưng họ đã lập ra những đạo luật rất nghiêm khắc để cho chi tộc này không được vi phạm đến chi tộc khác, nên nhờ đó mà họ có được phần nào thái bình trong nước; tuy nhiên lòng họ lại xa Chúa, Thượng Đế của họ, và họ ném đá các vị tiên tri và xua đuổi các vị ấy.

And they did call him their king; therefore he became a king over this wicked band; and he was one of the chiefest who had given his voice against the prophets who testified of Jesus.

And it came to pass that they were not so strong in number as the tribes of the people, who were united together save it were their leaders did establish their laws, every one according to his tribe; nevertheless they were enemies; notwithstanding they were not a righteous people, yet they were united in the hatred of those who had entered into a covenant to destroy the government.

Therefore, Jacob seeing that their enemies were more numerous than they, he being the king of the band, therefore he commanded his people that they should take their flight into the northernmost part of the land, and there build up unto themselves a kingdom, until they were joined by dissenters, (for he flattered them that there would be many dissenters) and they become sufficiently strong to contend with the tribes of the people; and they did so.

And so speedy was their march that it could not be impeded until they had gone forth out of the reach of the people. And thus ended the thirtieth year; and thus were the affairs of the people of Nephi.

And it came to pass in the thirty and first year that they were divided into tribes, every man according to his family, kindred and friends; nevertheless they had come to an agreement that they would not go to war one with another; but they were not united as to their laws, and their manner of government, for they were established according to the minds of those who were their chiefs and their leaders. But they did establish very strict laws that one tribe should not trespass against another, insomuch that in some degree they had peace in the land; nevertheless, their hearts were turned from the Lord their God, and they did stone the prophets and did cast them out from among them.

- 15 Và chuyện rằng, Nê Phi—người đã được các thiên sứ đến viếng và cũng đã được nghe tiếng nói của Chúa, vậy nên, sau khi được trông thấy các thiên sứ, đã được chứng kiến tận mắt và đã được ban cho quyền năng để ông có thể biết về giáo vụ của Đấng Ky Tô, và cũng như đã chứng kiến được việc dân chúng mau lẹ từ chỗ ngay chính quay về với những điều tà ác và khả ố của họ;
- 16 Vì thế ông buồn rầu cho lòng dạ chai đá và tâm trí mù quáng của họ—đã đi đến với dân chúng cùng trong năm đó và bắt đầu mạnh dạn làm chứng về sự hối cải và sự xá miễn tội lỗi nhờ đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô.
- 17 Và ông đã thuyết giảng cho họ nhiều điều; và tất cả những điều này không thể ghi chép ra được, và nếu chỉ ghi chép một phần thì lại không đủ, vậy nên những điều đó không được ghi chép trong sách này. Và Nê Phi đã thuyết giảng với quyền năng và thẩm quyền lớn lao.
- 18 Và chuyện rằng, họ tức giận ông vì ông có quyền năng lớn lao hơn họ, vì họ không thể không tin những lời nói của ông được, vì đức tin của ông nơi Chúa Giê Su Ky Tô thật quá lớn lao đến nỗi các thiên sứ đến phù trợ ông mỗi ngày.
- 19 Và trong danh Chúa Giê Su, ông đã xua đuổi các quỷ dữ và ác linh ra; và ngay cả em của ông cũng được ông cứu sống lại từ cõi chết sau khi người này đã bị dân chúng ném đá chết.
- 20 Và dân chúng trông thấy cùng chứng kiến được điều này, và họ tức giận ông vì quyền năng của ông; và ông còn làm nhiều phép lạ khác trong danh Chúa Giê Su trước mắt dân chúng.
- 21 Và chuyện rằng, năm thứ ba mươi một đã trôi qua, và chỉ có một số ít người được cải đạo theo Chúa; nhưng tất cả những ai đã được cải đạo đều biểu thị một cách thực sự cho dân chúng biết rằng họ được quyền năng và Thánh Linh của Thượng Đế viếng thăm, đó là quyền năng hằng có trong Chúa Giê Su Ky Tô, là Đấng mà họ tin.

And it came to pass that Nephi—having been visited by angels and also the voice of the Lord, therefore having seen angels, and being eye-witness, and having had power given unto him that he might know concerning the ministry of Christ, and also being eye-witness to their quick return from righteousness unto their wickedness and abominations;

Therefore, being grieved for the hardness of their hearts and the blindness of their minds—went forth among them in that same year, and began to testify, boldly, repentance and remission of sins through faith on the Lord Jesus Christ.

And he did minister many things unto them; and all of them cannot be written, and a part of them would not suffice, therefore they are not written in this book. And Nephi did minister with power and with great authority.

And it came to pass that they were angry with him, even because he had greater power than they, for it were not possible that they could disbelieve his words, for so great was his faith on the Lord Jesus Christ that angels did minister unto him daily.

And in the name of Jesus did he cast out devils and unclean spirits; and even his brother did he raise from the dead, after he had been stoned and suffered death by the people.

And the people saw it, and did witness of it, and were angry with him because of his power; and he did also do many more miracles, in the sight of the people, in the name of Jesus.

And it came to pass that the thirty and first year did pass away, and there were but few who were converted unto the Lord; but as many as were converted did truly signify unto the people that they had been visited by the power and Spirit of God, which was in Jesus Christ, in whom they believed.

22 Và tất cả những ai được xua đuổi những quỷ dữ ra khỏi họ và được chữa lành bệnh tật đều thực sự biểu lộ cho dân chúng thấy rằng, họ được Thánh Linh của Thượng Đế tác động và được chữa lành; và họ cũng cho thấy những điềm triệu cùng làm những phép lạ trong dân chúng.

23 Và như vậy là năm thứ ba mươi hai cũng đã trôi qua. Và đến đầu năm thứ ba mươi ba, Nê Phi lại kêu gọi dân chúng, ông thuyết giảng về sự hối cải và sự xá miễn tội lỗi.

24 Giờ đây tôi cũng muốn các người nhớ rằng, không một người nào được dẫn dắt tới sự hối cải mà không được báp têm bằng nước.

25 Vậy nên, có nhiều người được Nê Phi sắc phong vào giáo vụ này, để cho tất cả những ai đến với họ đều phải được báp têm bằng nước, và sự việc này là để làm một bằng chứng và một chứng ngôn trước mặt Thượng Đế, còn đối với dân chúng, thì chứng tỏ rằng họ đã hối cải và nhận được sự xá miễn tội lỗi của mình.

26 Và vào đầu năm này, có nhiều người được báp têm để hối cải; và như vậy là năm này hầu như đã gần trôi qua.

And as many as had devils cast out from them, and were healed of their sicknesses and their infirmities, did truly manifest unto the people that they had been wrought upon by the Spirit of God, and had been healed; and they did show forth signs also and did do some miracles among the people.

Thus passed away the thirty and second year also. And Nephi did cry unto the people in the commencement of the thirty and third year; and he did preach unto them repentance and remission of sins.

Now I would have you to remember also, that there were none who were brought unto repentance who were not baptized with water.

Therefore, there were ordained of Nephi, men unto this ministry, that all such as should come unto them should be baptized with water, and this as a witness and a testimony before God, and unto the people, that they had repented and received a remission of their sins.

And there were many in the commencement of this year that were baptized unto repentance; and thus the more part of the year did pass away.

### 3 Nê Phi 8

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, theo biên sử của chúng tôi, và chúng tôi biết rằng biên sử của chúng tôi là đúng sự thật, vì này, người lưu giữ biên sử này là một người công minh—vì ông đã thực sự làm nhiều phép lạ trong danh Chúa Giê Su; và không một ai có thể làm phép lạ trong danh Chúa Giê Su trừ phi kẻ đó được tẩy sạch hết mọi dơ bẩn của sự bất chính của mình—
- 2 Và giờ đây chuyện rằng, nếu người đó không tính lầm thời gian của chúng tôi thì như vậy là năm thứ ba mươi ba đã trôi qua;
- 3 Và dân chúng bắt đầu dốc lòng trông chờ điềm triệu mà tiên tri Sa Mu Ên, người La Man, đã báo trước; phải, họ trông chờ thời gian tăm tối suốt ba ngày trên khắp mặt đất.
- 4 Và mặc dầu đã có nhiều điềm triệu được ban ra trước, vẫn có những sự nghi ngờ và các cuộc cãi vã lớn lao bắt đầu xảy ra trong dân chúng.
- 5 Và chuyện rằng đến năm thứ ba mươi bốn, vào ngày mồng bốn tháng giêng, có một cơn bão nổi lên rất mạnh mà người ta chưa bao giờ thấy khắp trong xứ.
- 6 Và cũng có cơn giông tố lớn và khủng khiếp nổi lên, cùng những tiếng sấm sét kinh hồn, đến nỗi nó làm rung chuyển cả trái đất như sắp vỡ tan.
- 7 Và có những lần chớp lóe lên sáng ngời mà người ta chưa bao giờ thấy khắp trong xứ.
- 8 Và thành phố Gia Ra Hem La bốc cháy.
- 9 Còn thành phố Mô Rô Ni thì chìm xuống lòng biển sâu, và dân cư trong ấy đều bị chết chìm.
- 10 Và đất trời cao đổ lên thành phố Mô Rô Ni Hạ, khiến cho nơi trước đó là thành phố nay trở thành một ngọn núi vĩ đại.
- 11 Và một sự hủy diệt vĩ đại và khủng khiếp đã xảy ra trong xứ phương nam.

### 3 Nephi 8

And now it came to pass that according to our record, and we know our record to be true, for behold, it was a just man who did keep the record—for he truly did many miracles in the name of Jesus; and there was not any man who could do a miracle in the name of Jesus save he were cleansed every whit from his iniquity—

And now it came to pass, if there was no mistake made by this man in the reckoning of our time, the thirty and third year had passed away;

And the people began to look with great earnestness for the sign which had been given by the prophet Samuel, the Lamanite, yea, for the time that there should be darkness for the space of three days over the face of the land.

And there began to be great doubtings and disputations among the people, notwithstanding so many signs had been given.

And it came to pass in the thirty and fourth year, in the first month, on the fourth day of the month, there arose a great storm, such an one as never had been known in all the land.

And there was also a great and terrible tempest; and there was terrible thunder, insomuch that it did shake the whole earth as if it was about to divide asunder.

And there were exceedingly sharp lightnings, such as never had been known in all the land.

And the city of Zarahemla did take fire.

And the city of Moroni did sink into the depths of the sea, and the inhabitants thereof were drowned.

And the earth was carried up upon the city of Moronihah, that in the place of the city there became a great mountain.

And there was a great and terrible destruction in the land southward.

- 12 Nhưng này, trong xứ phương bắc, sự hủy diệt còn lớn lao và khủng khiếp hơn; vì này, toàn thể mặt đất đều thay đổi vì cơn bão tố và những trận cuồng phong, vì sấm, chớp và sự rung chuyển khủng khiếp của toàn thể trái đất;
- 13 Và những con đường lớn bị vỡ ra, các mặt đường bằng phẳng bị hư hỏng, và nhiều nơi đất bằng nay trở nên lồi lõm.
- 14 Và nhiều thành phố vĩ đại và nổi tiếng bị chôn vùi. Nhiều thành phố bị thiêu rụi, và nhiều thành phố bị rung động cho đến khi các tòa nhà đổ xuống mặt đất. Còn dân cư trong đó thì chết hết, và những nơi này trở nên tiêu điều.
- 15 Tuy vậy vẫn còn vài thành phố tồn tại; mặc dầu bị thiệt hại nặng nề vô cùng và có nhiều người bị thiệt mạng.
- 16 Và một số người thì bị gió lốc cuốn đi. Không ai biết họ đi đâu cả; chỉ biết là họ bị gió lốc cuốn đi mà thôi.
- 17 Và như vậy là mặt đất bị đổi dạng, vì bão tố, sấm, chớp, và động đất.
- 18 Và này, các tảng đá bị tách làm đôi; vỡ ra trên mặt đất, đến nỗi khắp nơi trên mặt đất đều thấy các mảnh vụn, các vết rạn và các kẽ nứt.
- 19 Và chuyện rằng khi sấm, chớp, bão, giông tố và động đất đã chấm dứt—vì này, những điều này kéo dài suốt ba tiếng đồng hồ; và có người lại nói nó kéo dài lâu hơn thế nữa; tuy nhiên, tất cả những điều lớn lao và khủng khiếp này đã xảy ra suốt khoảng thời gian ba tiếng đồng hồ—này, bóng tối bao trùm mặt đất.
- 20 Và chuyện rằng, bóng tối dày đặc trên khắp mặt đất, đến nỗi những dân cư nào chưa ngã xuống có thể cảm thấy hơi ẩm của bóng tối;
- But behold, there was a more great and terrible destruction in the land northward; for behold, the whole face of the land was changed, because of the tempest and the whirlwinds, and the thunderings and the lightnings, and the exceedingly great quaking of the whole earth;
- And the highways were broken up, and the level roads were spoiled, and many smooth places became rough.
- And many great and notable cities were sunk, and many were burned, and many were shaken till the buildings thereof had fallen to the earth, and the inhabitants thereof were slain, and the places were left desolate.
- And there were some cities which remained; but the damage thereof was exceedingly great, and there were many in them who were slain.
- And there were some who were carried away in the whirlwind; and whither they went no man knoweth, save they know that they were carried away.
- And thus the face of the whole earth became deformed, because of the tempests, and the thunderings, and the lightnings, and the quaking of the earth.
- And behold, the rocks were rent in twain; they were broken up upon the face of the whole earth, insomuch that they were found in broken fragments, and in seams and in cracks, upon all the face of the land.
- And it came to pass that when the thunderings, and the lightnings, and the storm, and the tempest, and the quakings of the earth did cease—for behold, they did last for about the space of three hours; and it was said by some that the time was greater; nevertheless, all these great and terrible things were done in about the space of three hours—and then behold, there was darkness upon the face of the land.
- And it came to pass that there was thick darkness upon all the face of the land, insomuch that the inhabitants thereof who had not fallen could feel the vapor of darkness;

- 21 Và vì bóng tối nên không thể có ánh sáng được. Cũng không thể thắp nến hay đốt đuốc được; cũng không thể dùng củi khô và dễ cháy của họ mà nhúm lửa. Bởi thế nên chẳng có một chút ánh sáng nào cả;
- 22 Và cũng chẳng thấy một chút ánh sáng nào hay một chút lửa nào, hay tia sáng hoặc ánh mặt trời, ánh mặt trăng, hay các vì sao, vì sương mù tối đen khủng khiếp đang bao trùm mặt đất.
- 23 Và chuyện rằng, người ta không thấy một chút ánh sáng nào như vậy suốt thời gian ba ngày; và trong dân chúng không ngớt có tiếng than khóc và gào thét; phải, tiếng rên la của dân chúng thật là thảm thiết biết bao, vì bóng tối và sự hủy diệt lớn lao đã đến với họ.
- 24 Và có nơi người ta nghe tiếng kêu than như vậy: Ôi phải chi chúng ta hối cải trước ngày vĩ đại và khủng khiếp này thì ắt là các đồng bào của chúng ta đã được tha mạng và đã chẳng bị thiêu chết tại thành phố Gia Ra Hem La vĩ đại kia.
- 25 Và nơi khác thì người ta nghe có tiếng kêu la và khóc than như vậy: Ôi phải chi chúng ta hối cải trước ngày vĩ đại và khủng khiếp này và không giết hại, ném đá các tiên tri, cùng xua đuổi họ, thì các bà mẹ của chúng ta, các con gái xinh đẹp của chúng ta cùng các con cái của chúng ta đã được tha mạng và đã không bị chôn vùi tại thành phố Mô Rô Ni Ha vĩ đại kia. Và những tiếng gào thét của dân chúng thật lớn và khủng khiếp đến như vậy đó.

And there could be no light, because of the darkness, neither candles, neither torches; neither could there be fire kindled with their fine and exceedingly dry wood, so that there could not be any light at all;

And there was not any light seen, neither fire, nor glimmer, neither the sun, nor the moon, nor the stars, for so great were the mists of darkness which were upon the face of the land.

And it came to pass that it did last for the space of three days that there was no light seen; and there was great mourning and howling and weeping among all the people continually; yea, great were the groanings of the people, because of the darkness and the great destruction which had come upon them.

And in one place they were heard to cry, saying: O that we had repented before this great and terrible day, and then would our brethren have been spared, and they would not have been burned in that great city Zarahemla.

And in another place they were heard to cry and mourn, saying: O that we had repented before this great and terrible day, and had not killed and stoned the prophets, and cast them out; then would our mothers and our fair daughters, and our children have been spared, and not have been buried up in that great city Moronihah. And thus were the howlings of the people great and terrible.

### 3 Nê Phi 9

- 1 Và chuyện rằng, tất cả dân cư trên khắp mặt đất của xứ sở này đều được nghe một tiếng nói vang lên rằng:
- 2 Khốn thay, khốn thay, khốn thay cho dân này; khốn thay cho tất cả dân cư trên toàn thể thế gian, ngoại trừ chúng hồi cải; vì quỷ dữ đang cười và các quỷ sứ của nó đang vui mừng về việc những con trai và con gái xinh đẹp của dân ta bị giết chết; và đó là vì sự bất chính và những điều khả ố của chúng nên chúng mới bị ngã gục!
- 3 Nay, ta đã dùng lửa đốt cháy thành phố Gia Ra Hem La vĩ đại kia và dân cư trong đó.
- 4 Và này, thành phố Mô Rô Ni vĩ đại kia ta đã khiến cho phải chìm xuống lòng biển sâu, và dân cư trong đó đã bị chết chìm.
- 5 Và này, thành phố Mô Rô Ni Ha vĩ đại kia ta đã lấy đất chôn lấp và dân cư trong đó nữa, để che giấu những điều bất chính và khả ố của chúng trước mặt ta, để cho máu của các tiên tri và các thánh đồ sẽ không tới ta nữa mà chống lại chúng.
- 6 Và này, thành phố Ghinh Ganh, ta đã cho nhân chìm và các dân cư trong đó đã bị chôn vùi trong lòng đất sâu;
- 7 Phải, cả thành phố Ô Ni Ha cùng dân cư trong đó, thành phố Mô Cum cùng dân cư trong đó, và luôn cả thành phố Giê Ru Sa Lem cùng dân cư trong đó; ta đã khiến cho nước dâng lên thế các chỗ đó để che giấu những điều tà ác và khả ố của chúng khỏi mặt ta, để cho máu của các tiên tri và các thánh đồ không lên tới ta nữa mà chống lại chúng.
- 8 Và này, thành phố Ga Đi An Đi, thành phố Ga Đi Ôm Na, thành phố Gia Cốp, thành phố Ghim Ghim Nô, tất cả những thành phố này ta đã khiến cho phải chìm xuống, và ta đã khiến những đồi núi cùng thung lũng thế chỗ chúng; và ta đã chôn vùi dân cư trong đó xuống lòng đất sâu, để che giấu những điều tà ác và khả ố của chúng khỏi mặt ta, để cho máu các tiên tri và các thánh đồ không lên tới ta mà chống lại chúng.

### 3 Nephi 9

And it came to pass that there was a voice heard among all the inhabitants of the earth, upon all the face of this land, crying:

Wo, wo, wo unto this people; wo unto the inhabitants of the whole earth except they shall repent; for the devil laugheth, and his angels rejoice, because of the slain of the fair sons and daughters of my people; and it is because of their iniquity and abominations that they are fallen!

Behold, that great city Zarahemla have I burned with fire, and the inhabitants thereof.

And behold, that great city Moroni have I caused to be sunk in the depths of the sea, and the inhabitants thereof to be drowned.

And behold, that great city Moronihah have I covered with earth, and the inhabitants thereof, to hide their iniquities and their abominations from before my face, that the blood of the prophets and the saints shall not come any more unto me against them.

And behold, the city of Gilgal have I caused to be sunk, and the inhabitants thereof to be buried up in the depths of the earth;

Yea, and the city of Onihah and the inhabitants thereof, and the city of Mocom and the inhabitants thereof, and the city of Jerusalem and the inhabitants thereof; and waters have I caused to come up in the stead thereof, to hide their wickedness and abominations from before my face, that the blood of the prophets and the saints shall not come up any more unto me against them.

And behold, the city of Gadiandi, and the city of Gadiomnah, and the city of Jacob, and the city of Gimgimno, all these have I caused to be sunk, and made hills and valleys in the places thereof; and the inhabitants thereof have I buried up in the depths of the earth, to hide their wickedness and abominations from before my face, that the blood of the prophets and the saints should not come up any more unto me against them.

9 Và này, thành phố Gia Cóp Gát lớn lao kia là nơi dân của vua Gia Cóp ở, ta đã khiến cho lửa đốt cháy nó, vì tội lỗi và sự tà ác của chúng đã vượt trên cả mọi sự tà ác của toàn thể thế gian, vì những vụ sát nhân và những sự liên kết bí mật của chúng; vì chính chúng là những kẻ đã hủy diệt nền hòa bình của dân ta cùng nền cai trị của xứ sở; vậy nên ta đã khiến cho chúng phải bị đốt cháy để hủy diệt chúng khỏi mặt ta, và để cho máu của các tiên tri và các thánh đồ không lên tới ta nữa mà chống lại chúng.

10 Và này, thành phố La Man, thành phố Giót, thành phố Gát, và thành phố Kịch Cơ Men, ta đã khiến cho lửa đốt cháy, và dân cư trong đó cũng vậy, vì sự tà ác của chúng trong việc xua đuổi các tiên tri và ném đá những người do ta sai đến để rao truyền cho chúng biết những điều tà ác và khả ố của chúng.

11 Và vì chúng đã xua đuổi tất cả những người ấy đi khiến cho không còn ai là người ngay chính trong số bọn chúng nữa, nên ta cho lửa xuống hủy diệt chúng để cho những điều tà ác và khả ố của chúng được che giấu khỏi mặt ta, để cho máu của các tiên tri và các thánh đồ mà ta sai đến với chúng không còn kêu gào từ dưới đất lên để chống chúng nữa.

12 Và ta đã giáng nhiều sự hủy diệt lớn lao xuống xứ này và xuống dân này vì những điều tà ác và khả ố của chúng.

13 Hỡi tất cả các người là những kẻ được dung tha vì các người ngay chính hơn chúng, giờ đây các người không muốn trở về cùng ta, và hối cải tội lỗi và được cải đạo để ta có thể chữa lành cho các người chăng?

14 Phải, quả thật ta nói cho các người hay, nếu các người đến cùng ta thì các người sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu. Này, cánh tay thương xót của ta đã dang ra về phía các người, và bất cứ kẻ nào đến, ta đều đón nhận; và phước thay cho những ai đến cùng ta.

And behold, that great city Jacobugath, which was inhabited by the people of king Jacob, have I caused to be burned with fire because of their sins and their wickedness, which was above all the wickedness of the whole earth, because of their secret murders and combinations; for it was they that did destroy the peace of my people and the government of the land; therefore I did cause them to be burned, to destroy them from before my face, that the blood of the prophets and the saints should not come up unto me any more against them.

And behold, the city of Laman, and the city of Josh, and the city of Gad, and the city of Kishkumen, have I caused to be burned with fire, and the inhabitants thereof, because of their wickedness in casting out the prophets, and stoning those whom I did send to declare unto them concerning their wickedness and their abominations.

And because they did cast them all out, that there were none righteous among them, I did send down fire and destroy them, that their wickedness and abominations might be hid from before my face, that the blood of the prophets and the saints whom I sent among them might not cry unto me from the ground against them.

And many great destructions have I caused to come upon this land, and upon this people, because of their wickedness and their abominations.

O all ye that are spared because ye were more righteous than they, will ye not now return unto me, and repent of your sins, and be converted, that I may heal you?

Yea, verily I say unto you, if ye will come unto me ye shall have eternal life. Behold, mine arm of mercy is extended towards you, and whosoever will come, him will I receive; and blessed are those who come unto me.



- 15      Này, ta là Giê Su Ky Tô, Con của Thượng Đế. Ta đã tạo dựng trời đất cùng tất cả vạn vật trong đó. Ta ở cùng Đức Chúa Cha từ lúc ban đầu. Ta ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong ta; và Đức Chúa Cha đã vinh danh Ngài nơi ta.
- 16      Ta đã đến cùng dân ta, nhưng dân ta không đón nhận ta. Và các thánh thư nói về sự hiện đến của ta nay đã được ứng nghiệm.
- 17      Và tất cả những ai đã đón nhận ta thì ta đã ban cho họ được trở thành con cái của Thượng Đế; và ta cũng sẽ ban cho tất cả những ai tin nơi danh ta, vì này, nhờ ta mà sự cứu chuộc đến, và trong ta mà luật pháp Môi Se được làm tròn.
- 18      Ta là sự sáng và sự sống của thế gian. Ta là An Pha và Ô Mê Ga, tức là ban đầu và cuối cùng.
- 19      Và các người sẽ không còn dâng hiến cho ta sự đổ máu nữa; phải, các của lễ hy sinh và các của lễ thiêu sẽ được hủy bỏ, vì ta sẽ không nhận một của lễ hy sinh hay một của lễ thiêu nào của các người nữa.
- 20      Và các người chỉ phải hiến dâng cho ta một tấm lòng đau khổ và một tâm hồn thống hối làm của lễ hy sinh. Và bất cứ kẻ nào đến cùng ta với một tấm lòng đau khổ và một tâm hồn thống hối, thì sẽ được ta báp têm bằng lửa và bằng Đức Thánh Linh, cũng như dân La Man, nhờ đức tin của họ nơi ta vào lúc họ cải đạo, đã được báp têm bằng lửa và bằng Đức Thánh Linh mà họ không hay biết điều đó.
- 21      Này, ta đã xuống thế gian để đem lại sự cứu chuộc cho thế gian, và để cứu vớt thế gian khỏi tội lỗi.
- 22      Vậy nên, bất cứ kẻ nào hối cải và đến với ta như một trẻ nhỏ thì sẽ được ta đón nhận, vì vương quốc của Thượng Đế dành cho những kẻ đó. Này, vì những kẻ đó mà ta đã phó bỏ mạng sống của ta rồi lấy lại nó; vậy các người hãy hối cải và đến cùng ta, hỡi các người ở các nơi tận cùng của trái đất, rồi các người sẽ được cứu.

Behold, I am Jesus Christ the Son of God. I created the heavens and the earth, and all things that in them are. I was with the Father from the beginning. I am in the Father, and the Father in me; and in me hath the Father glorified his name.

I came unto my own, and my own received me not. And the scriptures concerning my coming are fulfilled.

And as many as have received me, to them have I given to become the sons of God; and even so will I to as many as shall believe on my name, for behold, by me redemption cometh, and in me is the law of Moses fulfilled.

I am the light and the life of the world. I am Alpha and Omega, the beginning and the end.

And ye shall offer up unto me no more the shedding of blood; yea, your sacrifices and your burnt offerings shall be done away, for I will accept none of your sacrifices and your burnt offerings.

And ye shall offer for a sacrifice unto me a broken heart and a contrite spirit. And whoso cometh unto me with a broken heart and a contrite spirit, him will I baptize with fire and with the Holy Ghost, even as the Lamanites, because of their faith in me at the time of their conversion, were baptized with fire and with the Holy Ghost, and they knew it not.

Behold, I have come unto the world to bring redemption unto the world, to save the world from sin.

Therefore, whoso repenteth and cometh unto me as a little child, him will I receive, for of such is the kingdom of God. Behold, for such I have laid down my life, and have taken it up again; therefore repent, and come unto me ye ends of the earth, and be saved.

### 3 Nê Phi 10

- 1 Và giờ đây này, chuyện rằng, toàn thể dân chúng trong xứ đều nghe những lời ấy và chứng kiến được việc đó. Và sau khi những lời nói ấy chấm dứt, trong xứ trở nên yên lặng suốt nhiều giờ;
- 2 Vì dân chúng quá ngạc nhiên, đến nỗi họ ngừng than khóc và kêu gào vì mất những bà con thân thuộc của mình là những người đã bị giết chết; vậy nên một sự yên lặng bao trùm khắp xứ suốt nhiều giờ.
- 3 Và chuyện rằng, một tiếng nói lại đến với dân chúng, và tất cả dân chúng đều nghe và chứng kiến điều đó, tiếng nói ấy như vậy:
- 4 Hỡi dân trong các thành phố lớn lao này đã bị sụp đổ, các người là con cháu của Gia Cốp, phải, các người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên, đã biết bao lần ta quy tụ các người lại như gà mái túc con mình ấp trong cánh, và đã nuôi dưỡng các người.
- 5 Và lại nữa, đã bao lần ta muốn quy tụ các người lại như gà mái túc con mình ấp trong cánh, phải, hỡi các người, gia tộc Y Sơ Ra Ên đã ngã gục; phải, hỡi các người, gia tộc Y Sơ Ra Ên đang cư ngụ tại Giê Ru Sa Lem, các người cũng như những kẻ đã ngã gục; phải, đã biết bao lần ta muốn quy tụ các người lại như gà mái túc con mình, mà các người đâu có khứng.
- 6 Hỡi các người, gia tộc Y Sơ Ra Ên đã được ta dung tha, biết bao lần ta muốn quy tụ các người lại như gà mái túc con mình ấp trong cánh, nếu các người chịu hối cải và trở về cùng ta một cách hết lòng.
- 7 Nhưng nếu không, thì hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, những nơi cư ngụ của các người sẽ trở nên tiêu điều cho đến thời gian làm tròn lời giao ước với tổ phụ các người.
- 8 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi dân chúng nghe hết những lời này, này, họ lại bắt đầu than khóc và kêu gào về cái chết của thân nhân và bạn bè họ.
- 9 Và chuyện rằng, ba ngày đã trôi qua như vậy. Và lúc ấy vào một buổi sáng, bóng tối tan khỏi mặt đất, và trái đất ngừng rung động, các tảng đá không nứt rạn nữa, tiếng gào thét ghê sợ chấm dứt, và tất cả những tiếng hỗn độn ồn ào khác cũng ngừng hẳn.

### 3 Nephi 10

And now behold, it came to pass that all the people of the land did hear these sayings, and did witness of it. And after these sayings there was silence in the land for the space of many hours;

For so great was the astonishment of the people that they did cease lamenting and howling for the loss of their kindred which had been slain; therefore there was silence in all the land for the space of many hours.

And it came to pass that there came a voice again unto the people, and all the people did hear, and did witness of it, saying:

O ye people of these great cities which have fallen, who are descendants of Jacob, yea, who are of the house of Israel, how oft have I gathered you as a hen gathereth her chickens under her wings, and have nourished you.

And again, how oft would I have gathered you as a hen gathereth her chickens under her wings, yea, O ye people of the house of Israel, who have fallen; yea, O ye people of the house of Israel, ye that dwell at Jerusalem, as ye that have fallen; yea, how oft would I have gathered you as a hen gathereth her chickens, and ye would not.

O ye house of Israel whom I have spared, how oft will I gather you as a hen gathereth her chickens under her wings, if ye will repent and return unto me with full purpose of heart.

But if not, O house of Israel, the places of your dwellings shall become desolate until the time of the fulfilling of the covenant to your fathers.

And now it came to pass that after the people had heard these words, behold, they began to weep and howl again because of the loss of their kindred and friends.

And it came to pass that thus did the three days pass away. And it was in the morning, and the darkness dispersed from off the face of the land, and the earth did cease to tremble, and the rocks did cease to rend, and the dreadful groanings did cease, and all the tumultuous noises did pass away.

- 10 Và rồi mặt đất khép kín lại và đứng vững; những tiếng than khóc, kêu la và rên rỉ của những người được tha mạng sống cũng im bật; và sự than khóc của họ trở thành sự vui mừng, những lời than vãn của họ trở thành lời ca tụng và tạ ơn Chúa Giê Su Ky Tô, Đấng Cứu Chuộc của họ.
- 11 Và như vậy là cho đến bây giờ những thánh thư được các vị tiên tri nói tới đã được ứng nghiệm.
- 12 Và chính thành phần dân chúng ngay chính hơn đã được cứu, và chính họ là những người đã đón nhận các vị tiên tri và không ném đá các vị ấy; và chính những người không làm đổ máu các thánh hữu là những người được dung tha—
- 13 Họ được dung tha và không bị chìm hay bị chôn vùi dưới đất; và họ không bị chết chìm dưới lòng biển sâu; và họ không bị lửa thiêu chết, cũng không bị vật gì rơi lên nghiền nát; và họ không bị cuồng phong cuốn đi, cũng không bị hơi khói và bóng tối chế ngự.
- 14 Và giờ đây, kẻ nào đọc thì hãy hiểu, kẻ nào có thánh thư thì hãy tìm tòi, để suy ngẫm và xét xem phải chăng tất cả những cái chết và những sự hủy diệt này gây ra bởi lửa, bởi khói, bởi bão tố, bởi cuồng phong, bởi đất nứt ra đón nhận họ, và tất cả những điều này, không phải là sự ứng nghiệm của những lời tiên tri do nhiều thánh tiên tri đã nói ra.
- 15 Nay, tôi nói cho các anh em hay, phải, có nhiều người đã làm chứng về những điều này khi Đấng Ky Tô đến, và đã bị giết chết cũng vì họ đã làm chứng về những điều này.
- 16 Phải, tiên tri Giê Nốt đã làm chứng về những điều này, và luôn cả tiên tri Giê Nốc cũng nói về những điều này, vì họ đã đặc biệt làm chứng về chúng ta là dân còn sót lại của dòng dõi của họ.
- 17 Nay, tổ phụ Gia Cốp cũng làm chứng về dân còn sót lại của dòng dõi Giô Sép. Và này, chúng ta chẳng phải là dân còn sót lại của dòng dõi Giô Sép hay sao? Và những điều làm chứng về chúng ta đây chẳng phải đã được ghi chép trên các bảng khắc bằng đồng mà tổ phụ chúng ta là Lê Hi đã đem ra khỏi Giê Ru Sa Lem hay sao?

And the earth did cleave together again, that it stood; and the mourning, and the weeping, and the wailing of the people who were spared alive did cease; and their mourning was turned into joy, and their lamentations into the praise and thanksgiving unto the Lord Jesus Christ, their Redeemer.

And thus far were the scriptures fulfilled which had been spoken by the prophets.

And it was the more righteous part of the people who were saved, and it was they who received the prophets and stoned them not; and it was they who had not shed the blood of the saints, who were spared—

And they were spared and were not sunk and buried up in the earth; and they were not drowned in the depths of the sea; and they were not burned by fire, neither were they fallen upon and crushed to death; and they were not carried away in the whirlwind; neither were they overpowered by the vapor of smoke and of darkness.

And now, whoso readeth, let him understand; he that hath the scriptures, let him search them, and see and behold if all these deaths and destructions by fire, and by smoke, and by tempests, and by whirlwinds, and by the opening of the earth to receive them, and all these things are not unto the fulfilling of the prophecies of many of the holy prophets.

Behold, I say unto you, Yea, many have testified of these things at the coming of Christ, and were slain because they testified of these things.

Yea, the prophet Zenos did testify of these things, and also Zenock spake concerning these things, because they testified particularly concerning us, who are the remnant of their seed.

Behold, our father Jacob also testified concerning a remnant of the seed of Joseph. And behold, are not we a remnant of the seed of Joseph? And these things which testify of us, are they not written upon the plates of brass which our father Lehi brought out of Jerusalem?

18 Và chuyện rằng, vào cuối năm thứ ba mươi bốn, này, tôi sẽ cho các người thấy rằng, những dân Nê Phi được dung tha, và luôn cả những người được gọi là dân La Man được dung tha, đã được những ân huệ lớn lao và những phước lành vĩ đại trút xuống đầu họ, đến nỗi chẳng bao lâu sau ngày Đấng Kỳ Tô thăng thiên, Ngài đã thực sự biểu hiện cho họ thấy—

19 Ngài đã cho họ thấy thân thể Ngài, và Ngài đã phục sự họ; và một thiên ký thuật về giáo vụ của Ngài sẽ được kể ra sau này. Vậy nên, giờ đây tôi xin dứt lời.

And it came to pass that in the ending of the thirty and fourth year, behold, I will show unto you that the people of Nephi who were spared, and also those who had been called Lamanites, who had been spared, did have great favors shown unto them, and great blessings poured out upon their heads, insomuch that soon after the ascension of Christ into heaven he did truly manifest himself unto them—

Showing his body unto them, and ministering unto them; and an account of his ministry shall be given hereafter. Therefore for this time I make an end of my sayings.

Chúa Giê Su Kỵ Tô hiện ra cho dân Nê Phi thấy, khi dân chúng đang tụ họp tại xứ Phong Phú, và Ngài đã phục sự họ; và Ngài đã hiện ra cho họ thấy bằng cách thức sau đây.

### 3 Nê Phi 11

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, có một đám dân chúng rất đông, thuộc dân Nê Phi, tụ họp chung quanh đền thờ tại xứ Phong Phú; và họ rất đỗi kinh dị và tự hỏi nhau, và chỉ cho nhau xem sự thay đổi vĩ đại và kỳ diệu vừa xảy ra.
- 2 Và họ còn bàn tán với nhau về Chúa Giê Su Kỵ Tô mà điềm triệu về cái chết của Ngài đã được ban ra.
- 3 Và chuyện rằng, trong lúc đang bàn tán với nhau, họ bỗng nghe một tiếng nói hình như phát ra từ trên trời; và họ ngước mắt nhìn quanh vì họ không hiểu được tiếng nói họ vừa nghe; tiếng nói đó không khàn mà cũng không lớn; và mặc dù đó là một tiếng nói nhỏ nhẹ nhưng nó lại xuyên thấu tận trái tim những người nghe đến nỗi toàn thân họ phải rung động; phải, tiếng nói ấy đã xuyên thấu tâm hồn họ và làm tim họ phải nóng cháy.
- 4 Và chuyện rằng, họ lại nghe tiếng nói đó, nhưng họ không hiểu.
- 5 Và một lần thứ ba nữa, họ lại nghe tiếng nói ấy, và họ mở hết tai ra để nghe; và họ hướng mắt nhìn về phía có tiếng vang lên; và họ nhìn chăm chú lên trời, nơi có tiếng phát ra.
- 6 Và này, đến lần thứ ba họ quả đã hiểu được tiếng nói họ vừa nghe, và tiếng nói đó phán với họ rằng:
- 7 Này, đây là Con Trai Yêu Dấu của ta, người mà ta rất hài lòng, và nơi người ta đã làm sáng danh ta—hãy nghe người.

Jesus Christ did show himself unto the people of Nephi, as the multitude were gathered together in the land Bountiful, and did minister unto them; and on this wise did he show himself unto them.

### 3 Nephi 11

And now it came to pass that there were a great multitude gathered together, of the people of Nephi, round about the temple which was in the land Bountiful; and they were marveling and wondering one with another, and were showing one to another the great and marvelous change which had taken place.

And they were also conversing about this Jesus Christ, of whom the sign had been given concerning his death.

And it came to pass that while they were thus conversing one with another, they heard a voice as if it came out of heaven; and they cast their eyes round about, for they understood not the voice which they heard; and it was not a harsh voice, neither was it a loud voice; nevertheless, and notwithstanding it being a small voice it did pierce them that did hear to the center, insomuch that there was no part of their frame that it did not cause to quake; yea, it did pierce them to the very soul, and did cause their hearts to burn.

And it came to pass that again they heard the voice, and they understood it not.

And again the third time they did hear the voice, and did open their ears to hear it; and their eyes were towards the sound thereof; and they did look steadfastly towards heaven, from whence the sound came.

And behold, the third time they did understand the voice which they heard; and it said unto them:

Behold my Beloved Son, in whom I am well pleased, in whom I have glorified my name—hear ye him.

- 8 Và chuyện rằng, khi dân chúng hiểu họ lại đưa mắt nhìn lên trời; và này, họ thấy một Người từ trên trời giáng xuống; Ngài mặc y phục trắng dài; và Ngài giáng xuống đứng giữa họ, và tất cả đám đông đều hướng mắt nhìn Ngài, và họ không dám mở miệng nói với nhau lời nào, và cũng không hiểu như vậy nghĩa là gì, vì họ tưởng rằng đó là một thiên sứ hiện đến cùng họ.
- 9 Và chuyện rằng, Ngài dang tay ra và phán cùng dân chúng rằng:
- 10 Này, ta là Giê Su Ky Tô, người mà các tiên tri đã làm chứng rằng sẽ đến với thế gian.
- 11 Và này, ta là sự sáng và sự sống của thế gian; và ta đã uống cạn chén đắng mà Đức Chúa Cha đã ban cho ta, và ta đã tôn vinh Đức Chúa Cha bằng cách gánh lấy tội lỗi của thế gian, và khi làm việc ấy là ta đã cam chịu theo ý muốn của Đức Chúa Cha trong mọi sự việc từ lúc ban đầu.
- 12 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, toàn thể đám đông đều rạp mình xuống đất; vì họ nhớ lại rằng, họ đã được tiên tri cho biết là Đấng Ky Tô sẽ hiện ra cho họ thấy sau khi Ngài thăng lên trời.
- 13 Và chuyện rằng, Chúa phán cùng họ rằng:
- 14 Hãy đứng dậy và tiến lại gần ta, để các người có thể đặt tay lên hông ta, và cũng để các người có thể sờ thấy vết đinh đóng trên tay ta và chân ta, để các người biết được rằng ta là Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên, và là Thượng Đế của cả thế gian này, và ta đã bị giết chết vì tội lỗi của thế gian.
- 15 Và chuyện rằng, đám đông tiến lên. Họ để tay lên hông Ngài và sờ các dấu đinh đóng trên tay Ngài và trên chân Ngài; và cứ thế họ tuần tự từng người một tiến lên cho đến khi tất cả mọi người đều được thấy tận mắt và sờ tận tay để biết một cách chắc chắn và làm chứng rằng Ngài chính là Đấng mà các tiên tri đã viết là sẽ đến.
- 16 Và khi tất cả mọi người đều được tiến lên và được tận mắt chứng kiến, họ bèn cùng nhau cất tiếng hô to lên rằng:

And it came to pass, as they understood they cast their eyes up again towards heaven; and behold, they saw a Man descending out of heaven; and he was clothed in a white robe; and he came down and stood in the midst of them; and the eyes of the whole multitude were turned upon him, and they durst not open their mouths, even one to another, and wist not what it meant, for they thought it was an angel that had appeared unto them.

And it came to pass that he stretched forth his hand and spake unto the people, saying:

Behold, I am Jesus Christ, whom the prophets testified shall come into the world.

And behold, I am the light and the life of the world; and I have drunk out of that bitter cup which the Father hath given me, and have glorified the Father in taking upon me the sins of the world, in the which I have suffered the will of the Father in all things from the beginning.

And it came to pass that when Jesus had spoken these words the whole multitude fell to the earth; for they remembered that it had been prophesied among them that Christ should show himself unto them after his ascension into heaven.

And it came to pass that the Lord spake unto them saying:

Arise and come forth unto me, that ye may thrust your hands into my side, and also that ye may feel the prints of the nails in my hands and in my feet, that ye may know that I am the God of Israel, and the God of the whole earth, and have been slain for the sins of the world.

And it came to pass that the multitude went forth, and thrust their hands into his side, and did feel the prints of the nails in his hands and in his feet; and this they did do, going forth one by one until they had all gone forth, and did see with their eyes and did feel with their hands, and did know of a surety and did bear record, that it was he, of whom it was written by the prophets, that should come.

And when they had all gone forth and had witnessed for themselves, they did cry out with one accord, saying:

17 Hô Sa Na! Phước thay danh Thượng Đế Tối Cao!  
Rồi họ đồng phủ phục xuống chân Chúa Giê Su mà  
thờ lạy Ngài.

18 Và chuyện rằng, Ngài phán cùng Nê Phi (vì Nê Phi  
có mặt trong đám dân chúng) và truyền lệnh cho  
ông hãy bước tới.

19 Rồi Nê Phi đứng lên và tiến tới cúi mình trước  
mặt Chúa và hôn chân Ngài.

20 Và Chúa truyền lệnh cho ông hãy đứng lên. Và  
ông đứng lên trước mặt Ngài.

21 Rồi Chúa phán với ông rằng: Ta ban cho người  
quyền năng để người làm phép báp têm cho dân  
này sau khi ta thăng lên trời lại.

22 Và Chúa còn kêu gọi những người khác, và Ngài  
cũng phán với họ như vậy; và Ngài ban cho họ  
quyền năng để làm phép báp têm. Và Ngài phán với  
họ rằng: Các người sẽ làm phép báp têm theo cách  
thức này, và sẽ không còn có sự tranh luận nào xảy  
ra giữa các người nữa.

23 Quả thật, ta nói cho các người hay rằng, những ai  
hối cải tội lỗi của mình nhờ lời nói của các người,  
và muốn được báp têm trong danh ta, thì các người  
sẽ báp têm cho họ bằng cách thức này: Đây, các  
người sẽ bước xuống đứng trong nước và trong  
danh ta các người sẽ làm phép báp têm cho họ.

24 Và giờ đây này, các người sẽ gọi tên họ mà nói  
những lời như vậy:

25 Với tư cách là người đã được Chúa Giê Su Ky Tô  
phong quyền, tôi làm phép báp têm cho anh (chị,  
em) trong danh của Đức Chúa Cha, và của Đức  
Chúa Con, và của Đức Thánh Linh. A Men.

26 Và kể đó các người dìm mình họ xuống nước rồi  
nâng họ lên lại khỏi mặt nước.

27 Và theo cách thức này, các người sẽ làm phép báp  
têm trong danh ta; vì này, quả thật, ta nói cho các  
người hay rằng Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và  
Đức Thánh Linh là một; và ta ở trong Đức Chúa  
Cha, và Đức Chúa Cha ở trong ta, và Đức Chúa Cha  
với ta là một.

Hosanna! Blessed be the name of the Most High  
God! And they did fall down at the feet of Jesus,  
and did worship him.

And it came to pass that he spake unto Nephi (for  
Nephi was among the multitude) and he com-  
manded him that he should come forth.

And Nephi arose and went forth, and bowed  
himself before the Lord and did kiss his feet.

And the Lord commanded him that he should  
arise. And he arose and stood before him.

And the Lord said unto him: I give unto you  
power that ye shall baptize this people when I am  
again ascended into heaven.

And again the Lord called others, and said unto  
them likewise; and he gave unto them power to  
baptize. And he said unto them: On this wise shall  
ye baptize; and there shall be no disputations  
among you.

Verily I say unto you, that whoso repenteth of his  
sins through your words, and desireth to be bap-  
tized in my name, on this wise shall ye baptize  
them—Behold, ye shall go down and stand in the  
water, and in my name shall ye baptize them.

And now behold, these are the words which ye  
shall say, calling them by name, saying:

Having authority given me of Jesus Christ, I bap-  
tize you in the name of the Father, and of the Son,  
and of the Holy Ghost. Amen.

And then shall ye immerse them in the water,  
and come forth again out of the water.

And after this manner shall ye baptize in my  
name; for behold, verily I say unto you, that the  
Father, and the Son, and the Holy Ghost are one;  
and I am in the Father, and the Father in me, and  
the Father and I are one.

28 Và theo như những gì ta đã truyền lệnh, các người sẽ làm phép báp têm như vậy. Và sẽ không còn có sự tranh luận nào giữa các người như đã từng xảy ra từ trước tới nay; và cũng sẽ chẳng có sự tranh luận nào về các điểm giáo lý của ta giữa các người như đã từng xảy ra từ trước tới nay.

29 Vì quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, kẻ nào còn tinh thần tranh chấp thì kẻ đó không thuộc về ta mà thuộc về quỷ dữ, vì quỷ dữ là cha của sự tranh chấp, nó khích động trái tim loài người để họ tức giận tranh chấp lẫn nhau.

30 Nay, đây không phải là giáo lý của ta, để khích động trái tim loài người tức giận, để người này chống lại với người kia, mà giáo lý của ta là những việc như vậy phải được hủy bỏ.

31 Nay, quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, ta sẽ rao truyền giáo lý của ta cho các người biết.

32 Và đây là giáo lý của ta, và nó là giáo lý mà Đức Chúa Cha đã ban cho ta; và ta làm chứng cho Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha làm chứng cho ta, và Đức Thánh Linh làm chứng cho Đức Chúa Cha và ta; và ta làm chứng rằng Đức Chúa Cha truyền lệnh cho tất cả mọi người ở khắp mọi nơi phải hối cải và tin nơi ta.

33 Và kẻ nào tin nơi ta và chịu phép báp têm thì sẽ được cứu; và chính họ là những người sẽ thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế.

34 Và kẻ nào không tin nơi ta và không chịu phép báp têm thì sẽ bị đoán phạt.

35 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay rằng, đây là giáo lý của ta, và ta làm chứng là giáo lý này do Đức Chúa Cha ban ra, và bất cứ ai tin nơi ta cũng sẽ tin nơi Đức Chúa Cha; và Đức Chúa Cha làm chứng về ta với kẻ đó, vì Ngài sẽ viếng thăm kẻ đó bằng lửa và bằng Đức Thánh Linh.

36 Và như vậy là Đức Chúa Cha sẽ làm chứng về ta, và Đức Thánh Linh sẽ làm chứng cho kẻ đó biết về Đức Chúa Cha và về ta, vì Đức Chúa Cha cùng ta và Đức Thánh Linh là một.

37 Và lại nữa, ta nói cho các người hay, các người phải hối cải, và trở thành như trẻ nhỏ, và chịu phép báp têm trong danh ta, bằng không thì các người sẽ chẳng có cách nào khác để nhận được những điều này.

And according as I have commanded you thus shall ye baptize. And there shall be no disputations among you, as there have hitherto been; neither shall there be disputations among you concerning the points of my doctrine, as there have hitherto been.

For verily, verily I say unto you, he that hath the spirit of contention is not of me, but is of the devil, who is the father of contention, and he stirreth up the hearts of men to contend with anger, one with another.

Behold, this is not my doctrine, to stir up the hearts of men with anger, one against another; but this is my doctrine, that such things should be done away.

Behold, verily, verily, I say unto you, I will declare unto you my doctrine.

And this is my doctrine, and it is the doctrine which the Father hath given unto me; and I bear record of the Father, and the Father beareth record of me, and the Holy Ghost beareth record of the Father and me; and I bear record that the Father commandeth all men, everywhere, to repent and believe in me.

And whoso believeth in me, and is baptized, the same shall be saved; and they are they who shall inherit the kingdom of God.

And whoso believeth not in me, and is not baptized, shall be damned.

Verily, verily, I say unto you, that this is my doctrine, and I bear record of it from the Father; and whoso believeth in me believeth in the Father also; and unto him will the Father bear record of me, for he will visit him with fire and with the Holy Ghost.

And thus will the Father bear record of me, and the Holy Ghost will bear record unto him of the Father and me; for the Father, and I, and the Holy Ghost are one.

And again I say unto you, ye must repent, and become as a little child, and be baptized in my name, or ye can in nowise receive these things.



38 Và lại nữa, ta nói cho các người hay, các người phải hối cải và chịu phép báp têm trong danh ta, và trở thành như trẻ nhỏ, bằng không thì các người chẳng có cách nào khác để thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế.

39 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay rằng, đây là giáo lý của ta, và bất cứ kẻ nào xây dựng trên giáo lý này tức là xây dựng trên tảng đá của ta, thì các cổng ngục giới sẽ không thắng được kẻ đó.

40 Và bất cứ kẻ nào rao truyền nhiều hơn hay ít hơn những điều này mà lại xác nhận rằng đó là giáo lý của ta, thì kẻ đó từ quý dữ mà đến, và không được xây dựng trên đá của ta; nhưng kẻ đó xây dựng trên nền móng bằng cát, và các cổng ngục giới sẽ mở rộng đón nhận những kẻ như vậy khi bão táp phong ba đánh lên chúng.

41 Vậy các người hãy đi đến cùng dân này, và rao truyền những lời ta vừa nói, đến các nơi tận cùng của trái đất.

And again I say unto you, ye must repent, and be baptized in my name, and become as a little child, or ye can in nowise inherit the kingdom of God.

Verily, verily, I say unto you, that this is my doctrine, and whoso buildeth upon this buildeth upon my rock, and the gates of hell shall not prevail against them.

And whoso shall declare more or less than this, and establish it for my doctrine, the same cometh of evil, and is not built upon my rock; but he buildeth upon a sandy foundation, and the gates of hell stand open to receive such when the floods come and the winds beat upon them.

Therefore, go forth unto this people, and declare the words which I have spoken, unto the ends of the earth.

### 3 Nê Phi 12

- 1 Và chuyện rằng, sau khi Chúa Giê Su phán xong những lời này với Nê Phi và những người đã được kêu gọi (lúc bấy giờ, số người đã được kêu gọi và được ban quyền năng và thẩm quyền làm phép báp têm là mười hai vị), và này, Ngài dang tay về phía đám đông dân chúng và truyền dạy rằng: Phước thay cho các người nếu các người chú tâm theo lời của mười hai vị này là những người được ta lựa chọn trong số các người, để thuyết giảng cho các người và để làm tôi tớ cho các người; và ta đã ban cho họ quyền năng để họ có thể làm phép báp têm cho các người bằng nước; và sau khi các người được làm phép báp têm bằng nước, này, ta sẽ làm phép báp têm cho các người bằng lửa và bằng Đức Thánh Linh; vậy nên, phước thay cho các người, nếu các người tin nơi ta và chịu phép báp têm, sau khi các người đã thấy ta và biết rằng ta hiện hữu.
- 2 Và lại nữa, càng phước thay cho những ai tin lời nói của các người, vì các người sẽ làm chứng rằng, các người đã trông thấy ta và biết rằng ta hiện hữu. Phải, phước thay cho những ai sẽ tin lời nói của các người và hạ mình xuống tận đáy sâu của sự khiêm nhường, và chịu phép báp têm, vì những kẻ đó sẽ được lửa và Đức Thánh Linh đến viếng, và sẽ nhận được sự xá miễn tội lỗi của mình.
- 3 Phải, phước thay cho những ai với tinh thần khốn khó đến cùng ta, vì vương quốc thiên thượng thuộc về những kẻ ấy.
- 4 Và lại nữa, phước thay cho những kẻ than khóc, vì họ sẽ được an ủi.
- 5 Và phước thay cho những kẻ nhu mì, vì họ sẽ được thừa hưởng thế gian.
- 6 Và phước thay cho những kẻ đói khát sự ngay chính, vì họ sẽ được đầy dẫy Đức Thánh Linh.
- 7 Và phước thay cho những kẻ có tấm lòng thương xót, vì họ sẽ được thương xót.
- 8 Và phước thay cho những kẻ có tấm lòng thanh khiết, vì họ sẽ thấy Thượng Đế.
- 9 Và phước thay cho tất cả những kẻ giải hòa, vì họ sẽ được gọi là con cái của Thượng Đế.

### 3 Nephi 12

And it came to pass that when Jesus had spoken these words unto Nephi, and to those who had been called, (now the number of them who had been called, and received power and authority to baptize, was twelve) and behold, he stretched forth his hand unto the multitude, and cried unto them, saying: Blessed are ye if ye shall give heed unto the words of these twelve whom I have chosen from among you to minister unto you, and to be your servants; and unto them I have given power that they may baptize you with water; and after that ye are baptized with water, behold, I will baptize you with fire and with the Holy Ghost; therefore blessed are ye if ye shall believe in me and be baptized, after that ye have seen me and know that I am.

And again, more blessed are they who shall believe in your words because that ye shall testify that ye have seen me, and that ye know that I am. Yea, blessed are they who shall believe in your words, and come down into the depths of humility and be baptized, for they shall be visited with fire and with the Holy Ghost, and shall receive a remission of their sins.

Yea, blessed are the poor in spirit who come unto me, for theirs is the kingdom of heaven.

And again, blessed are all they that mourn, for they shall be comforted.

And blessed are the meek, for they shall inherit the earth.

And blessed are all they who do hunger and thirst after righteousness, for they shall be filled with the Holy Ghost.

And blessed are the merciful, for they shall obtain mercy.

And blessed are all the pure in heart, for they shall see God.

And blessed are all the peacemakers, for they shall be called the children of God.

10 Và phước thay cho tất cả những ai bị ngược đãi vì danh ta, vì vương quốc thiên thượng thuộc về những kẻ ấy.

11 Và phước thay cho các người khi các người vì ta mà bị loài người thóa mạ, ngược đãi, và lấy mọi điều dữ nói vu cho các người;

12 Vì các người sẽ được niềm vui lớn lao và vô cùng sung sướng, vì phần thưởng của các người ở trên trời sẽ lớn lắm; bởi vì người ta cũng từng ngược đãi bắt bớ các tiên tri trước các người như vậy.

13 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, ta cho các người làm muối của đất; nhưng nếu muối mất vị mặn thì đất sẽ lấy vị mặn ấy ở đâu? Muối ấy không dùng chi được nữa, chỉ phải quăng ra ngoài và bị người ta chà đạp dưới chân.

14 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, ta cho các người làm ánh sáng của dân này. Một cái thành ở trên đồi không thể bị che khuất được.

15 Nay, có ai đốt nến mà lại để dưới cái chậu chĩnh? Không, nhưng người ta để trên chân đèn, và nó soi sáng mọi người ở trong nhà;

16 Vậy nên, hãy để ánh sáng của các người chiếu trước mặt dân này, để họ thấy được những việc làm tốt đẹp của các người mà tôn vinh Cha các người trên trời.

17 Đừng tưởng rằng ta đến để hủy diệt luật pháp hay các tiên tri. Ta đến không phải để hủy diệt mà để làm cho trọn;

18 Vì quả thật, ta nói cho các người hay, một chấm một nét trong luật pháp hẳn không qua đi, song luật pháp đã được làm trọn trong ta.

19 Và này, ta đã ban cho các người luật pháp và các lệnh truyền của Cha ta, để các người tin nơi ta, và các người phải hối cải tội lỗi của mình và đến cùng ta với một tấm lòng đau khổ và một tâm hồn thống hối. Nay, các người đã có các lệnh truyền đó trước mặt các người, và luật pháp đã được làm trọn.

20 Vậy thì các người hãy đến cùng ta để được cứu; vì quả thật ta nói cho các người hay rằng, nếu các người không tuân giữ những lệnh truyền của ta, mà ta đã truyền lệnh cho các người trong lúc này, thì các người sẽ chẳng còn phương cách gì vào được vương quốc thiên thượng.

And blessed are all they who are persecuted for my name's sake, for theirs is the kingdom of heaven.

And blessed are ye when men shall revile you and persecute, and shall say all manner of evil against you falsely, for my sake;

For ye shall have great joy and be exceedingly glad, for great shall be your reward in heaven; for so persecuted they the prophets who were before you.

Verily, verily, I say unto you, I give unto you to be the salt of the earth; but if the salt shall lose its savor wherewith shall the earth be salted? The salt shall be thenceforth good for nothing, but to be cast out and to be trodden under foot of men.

Verily, verily, I say unto you, I give unto you to be the light of this people. A city that is set on a hill cannot be hid.

Behold, do men light a candle and put it under a bushel? Nay, but on a candlestick, and it giveth light to all that are in the house;

Therefore let your light so shine before this people, that they may see your good works and glorify your Father who is in heaven.

Think not that I am come to destroy the law or the prophets. I am not come to destroy but to fulfil;

For verily I say unto you, one jot nor one tittle hath not passed away from the law, but in me it hath all been fulfilled.

And behold, I have given you the law and the commandments of my Father, that ye shall believe in me, and that ye shall repent of your sins, and come unto me with a broken heart and a contrite spirit. Behold, ye have the commandments before you, and the law is fulfilled.

Therefore come unto me and be ye saved; for verily I say unto you, that except ye shall keep my commandments, which I have commanded you at this time, ye shall in no case enter into the kingdom of heaven.

21 Các người đã nghe lời phán dạy cho người xưa, và trước các người cũng có chép, rằng: Người chớ giết người, và hễ ai giết người thì sẽ bị hiểm nguy vì sự phán xét của Thượng Đế;

22 Nhưng ta nói cho các người hay rằng, hễ ai tức giận anh em mình thì sẽ bị hiểm nguy vì sự phán xét của Ngài. Và ai nhiếc anh em mình rằng Ra Ca, thì sẽ bị hiểm nguy vì bị công luận xử đoán; còn ai nhiếc anh em mình là đồ ngu, thì sẽ bị hiểm nguy vì lửa ngục giới.

23 Vậy nên, nếu người đến cùng ta, hay muốn đến cùng ta, và nhớ lại anh em mình có điều gì nghịch cùng mình—

24 Thì hãy trở về làm hòa với anh em mình trước đã, rồi sau đó mới đến cùng ta với một tấm lòng cương quyết, lúc đó ta sẽ đón nhận người.

25 Hãy mau kíp hòa hiệp với kẻ thù nghịch của mình đang khi người đi đường với họ, kẻo có một lúc nào đó họ sẽ bắt người, và người sẽ bị bỏ tù chẳng.

26 Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, người không có cách gì ra khỏi chốn ấy, cho đến khi người phải trả hết đồng sẽ nin cuối cùng. Còn trong lúc bị bắt giam, thì người làm sao trả nổi, dù chỉ một đồng sẽ nin? Quả thật, quả thật, ta nói cho người hay: Không.

27 Nay, người xưa có chép rằng: Người chớ phạm tội ngoại tình;

28 Song ta nói cho các người hay rằng, hễ ai ngó một người đàn bà mà động tình ham muốn, thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình rồi.

29 Nay, ta ban cho các người một lệnh truyền là các người không được để một điều nào trong những điều này ăn sâu vào tim mình;

30 Vì tốt hơn các người hãy tự mình chỗi bỏ những điều này và vác thập tự giá mình lên, còn hơn là phải bị liệng vào ngục giới.

31 Có lời chép rằng: Nếu kẻ nào ruồng bỏ vợ mình thì hãy cho nàng tờ ly dị.

Ye have heard that it hath been said by them of old time, and it is also written before you, that thou shalt not kill, and whosoever shall kill shall be in danger of the judgment of God;

But I say unto you, that whosoever is angry with his brother shall be in danger of his judgment. And whosoever shall say to his brother, Raca, shall be in danger of the council; and whosoever shall say, Thou fool, shall be in danger of hell fire.

Therefore, if ye shall come unto me, or shall desire to come unto me, and rememberest that thy brother hath aught against thee—

Go thy way unto thy brother, and first be reconciled to thy brother, and then come unto me with full purpose of heart, and I will receive you.

Agree with thine adversary quickly while thou art in the way with him, lest at any time he shall get thee, and thou shalt be cast into prison.

Verily, verily, I say unto thee, thou shalt by no means come out thence until thou hast paid the uttermost senine. And while ye are in prison can ye pay even one senine? Verily, verily, I say unto you, Nay.

Behold, it is written by them of old time, that thou shalt not commit adultery;

But I say unto you, that whosoever looketh on a woman, to lust after her, hath committed adultery already in his heart.

Behold, I give unto you a commandment, that ye suffer none of these things to enter into your heart;

For it is better that ye should deny yourselves of these things, wherein ye will take up your cross, than that ye should be cast into hell.

It hath been written, that whosoever shall put away his wife, let him give her a writing of divorcement.

32 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay rằng, bất cứ kẻ nào ruồng bỏ vợ mình không phải vì cơ thông dâm, thì kẻ đó đã làm cho vợ mình phạm tội ngoại tình; còn kẻ nào cưới người đàn bà đã bị ly dị này thì cũng phạm tội ngoại tình.

33 Và lại nữa, có lời chép rằng: Người chớ thề dối, mà đối với Chúa người phải giữ trọn lời thề của mình;

34 Song quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, đừng thề chi hết; đừng chỉ trời mà thề, vì đó là ngai của Thượng Đế;

35 Đừng chỉ đất, vì đó là bệ gác chân của Ngài;

36 Người cũng đừng chỉ đầu người mà thề, vì người không thể làm cho một sợi tóc thành đen hay trắng được;

37 Song lời nói của các người phải là: Phải, phải; không, không; vì bất cứ điều gì nói hơn như vậy đều bởi kẻ ác mà ra.

38 Và này, có lời chép rằng: Mắt đền mắt, răng đền răng;

39 Song ta nói cho các người hay rằng, đừng chống cự kẻ dữ, mà trái lại, nếu có kẻ nào tát người ở má bên phải, thì hãy đưa má bên kia cho họ luôn;

40 Và nếu có kẻ nào muốn thừa kiện người trước pháp luật để lấy cái áo ngắn của người, hãy để họ lấy luôn cái áo dài của mình;

41 Và kẻ nào muốn bắt người đi một dặm đường, hãy đi hai dặm với kẻ đó.

42 Ai xin người hãy cho, ai mượn của người thì đừng làm ngơ.

43 Và này, cũng có lời chép rằng: Hãy yêu người lân cận và ghét kẻ thù của mình;

44 Nhưng này, ta nói cho các người hay, hãy yêu kẻ thù nghịch mình, chúc phước cho kẻ nguyện rửa mình, làm điều tốt cho kẻ ghét bỏ mình, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ và ngược đãi mình;

45 Hầu cho các người được làm con cái của Cha trên trời; vì Ngài đã khiến mặt trời mọc lên soi kẻ ác cùng kẻ thiện.

46 Vậy nên, tất cả những sự việc của người xưa trong luật pháp đều được làm trọn nơi ta.

47 Sự việc xa xưa đã chấm dứt, và nay mọi sự việc đều trở thành mới.

Verily, verily, I say unto you, that whosoever shall put away his wife, saving for the cause of fornication, causeth her to commit adultery; and whoso shall marry her who is divorced committeth adultery.

And again it is written, thou shalt not forswear thyself, but shalt perform unto the Lord thine oaths;

But verily, verily, I say unto you, swear not at all; neither by heaven, for it is God's throne;

Nor by the earth, for it is his footstool;

Neither shalt thou swear by thy head, because thou canst not make one hair black or white;

But let your communication be Yea, yea; Nay, nay; for whatsoever cometh of more than these is evil.

And behold, it is written, an eye for an eye, and a tooth for a tooth;

But I say unto you, that ye shall not resist evil, but whosoever shall smite thee on thy right cheek, turn to him the other also;

And if any man will sue thee at the law and take away thy coat, let him have thy cloak also;

And whosoever shall compel thee to go a mile, go with him twain.

Give to him that asketh thee, and from him that would borrow of thee turn thou not away.

And behold it is written also, that thou shalt love thy neighbor and hate thine enemy;

But behold I say unto you, love your enemies, bless them that curse you, do good to them that hate you, and pray for them who despitefully use you and persecute you;

That ye may be the children of your Father who is in heaven; for he maketh his sun to rise on the evil and on the good.

Therefore those things which were of old time, which were under the law, in me are all fulfilled.

Old things are done away, and all things have become new.

48      Vậy nên, ta muốn các người phải được toàn hảo  
như ta, hay như Cha các người trên trời là toàn hảo  
vậy.

Therefore I would that ye should be perfect even  
as I, or your Father who is in heaven is perfect.

### 3 Nê Phi 13

- 1 Quả thật, quả thật, ta nói rằng, ta muốn các người bố thí cho kẻ nghèo; nhưng phải chú ý đừng bố thí trước mặt người ta để cho họ đều thấy; bằng không thì các người sẽ chẳng được phần thưởng gì của Cha các người ở trên trời.
- 2 Vậy nên, khi các người bố thí, đừng thổi kèn trước mặt mình như bọn đạo đức giả thường làm trong các nhà hội và ngoài đường phố để được sự tôn vinh của người ta. Quả thật, ta nói cho các người hay, những kẻ đó đã nhận được phần thưởng của mình rồi.
- 3 Song khi người bố thí, đừng cho bàn tay trái biết việc làm của bàn tay mặt;
- 4 Hầu cho việc bố thí của người được kín nhiệm; và Cha người là Đấng thấy trong chỗ kín nhiệm, sẽ thưởng cho người một cách công khai.
- 5 Và khi người cầu nguyện, người chớ làm như bọn đạo đức giả, vì chúng ưa đứng cầu nguyện trong nhà hội và tại các góc đường phố để cho người ta thấy. Quả thật, ta nói cho các người hay, những kẻ đó đã được phần thưởng của mình rồi.
- 6 Còn người, khi người cầu nguyện, hãy vào phòng kín của mình, và sau khi đã đóng cửa, hãy cầu nguyện Cha người là Đấng ở nơi kín nhiệm; và Cha người là Đấng thấy trong chỗ kín nhiệm, sẽ thưởng cho người một cách công khai.
- 7 Và khi các người cầu nguyện, đừng lặp đi lặp lại những lời vô ích như những người tà giáo, vì chúng tưởng rằng, nếu nói nhiều thì sẽ được nghe.
- 8 Vậy các người chớ làm như chúng, vì Cha các người biết những gì các người cần trước khi các người cầu xin Ngài.
- 9 Vậy các người hãy cầu nguyện theo thể thức như vậy: Thưa Cha chúng con ở trên trời, nguyện danh Cha được thánh.
- 10 Ý Cha được nên ở dưới thế gian như trên trời.
- 11 Xin tha nợ cho chúng con, như chúng con cũng tha những kẻ mắc nợ chúng con.
- 12 Xin chớ đưa chúng con vào sự cám dỗ, nhưng giải thoát chúng con khỏi điều tà ác.
- 13 Vì vương quốc, quyền năng, và vinh quang đều thuộc về Cha mãi mãi. A Men.

### 3 Nephi 13

Verily, verily, I say that I would that ye should do alms unto the poor; but take heed that ye do not your alms before men to be seen of them; otherwise ye have no reward of your Father who is in heaven.

Therefore, when ye shall do your alms do not sound a trumpet before you, as will hypocrites do in the synagogues and in the streets, that they may have glory of men. Verily I say unto you, they have their reward.

But when thou doest alms let not thy left hand know what thy right hand doeth;

That thine alms may be in secret; and thy Father who seeth in secret, himself shall reward thee openly.

And when thou prayest thou shalt not do as the hypocrites, for they love to pray, standing in the synagogues and in the corners of the streets, that they may be seen of men. Verily I say unto you, they have their reward.

But thou, when thou prayest, enter into thy closet, and when thou hast shut thy door, pray to thy Father who is in secret; and thy Father, who seeth in secret, shall reward thee openly.

But when ye pray, use not vain repetitions, as the heathen, for they think that they shall be heard for their much speaking.

Be not ye therefore like unto them, for your Father knoweth what things ye have need of before ye ask him.

After this manner therefore pray ye: Our Father who art in heaven, hallowed be thy name.

Thy will be done on earth as it is in heaven.

And forgive us our debts, as we forgive our debtors.

And lead us not into temptation, but deliver us from evil.

For thine is the kingdom, and the power, and the glory, forever. Amen.

14 Vì nếu các người tha lỗi cho người ta, thì Cha thiên thượng của các người cũng sẽ tha thứ cho các người;

15 Nhưng nếu các người không tha lỗi cho người ta, thì Cha của các người cũng không tha lỗi cho các người.

16 Khi các người nhịn ăn, chớ làm bộ buồn rầu như những kẻ đạo đức giả, vì những kẻ ấy nhăn nhó mặt mày để người ta nhìn biết chúng đang nhịn ăn. Quả thật, ta nói cho các người hay, chúng đã được phần thưởng của chúng rồi.

17 Còn người, khi nhịn ăn, hãy xức dầu trên đầu và rửa mặt;

18 Hầu không tỏ vẻ với người ta là mình nhịn ăn, nhưng chỉ tỏ cho Cha người là Đấng ở nơi kín nhiệm; và Cha người là Đấng thấy ở trong chỗ kín nhiệm, sẽ thưởng cho người một cách công khai.

19 Chớ tích trữ của cải cho mình trên thế gian này, nơi có mối mọt và rỉ sét làm hư hỏng, và có kẻ trộm đào ngạch khoét vách lấy đi;

20 Nhưng phải tích trữ của cải mình trên trời là nơi không có mối mọt hay rỉ sét làm hư hỏng, và cũng không có kẻ trộm đào ngạch hay khoét vách lấy được.

21 Vì của cải người ở đâu thì lòng người cũng ở đó.

22 Đèn của thân thể là con mắt; vậy nên, nếu mắt người tốt thì cả thân thể người sẽ được sáng láng.

23 Nhưng nếu mắt người xấu thì cả thân thể người đều tối tăm. Vậy nên, nếu sự sáng trong người là tối tăm thì sự tối tăm ấy lớn biết bao!

24 Không ai có thể hầu việc hai chủ, vì kẻ đó sẽ yêu chủ này mà ghét bỏ chủ kia, hoặc trọng chủ này mà khinh chủ kia. Các người không thể hầu việc cả Thượng Đế lẫn Ma Môn được.

For, if ye forgive men their trespasses your heavenly Father will also forgive you;

But if ye forgive not men their trespasses neither will your Father forgive your trespasses.

Moreover, when ye fast be not as the hypocrites, of a sad countenance, for they disfigure their faces that they may appear unto men to fast. Verily I say unto you, they have their reward.

But thou, when thou fastest, anoint thy head, and wash thy face;

That thou appear not unto men to fast, but unto thy Father, who is in secret; and thy Father, who seeth in secret, shall reward thee openly.

Lay not up for yourselves treasures upon earth, where moth and rust doth corrupt, and thieves break through and steal;

But lay up for yourselves treasures in heaven, where neither moth nor rust doth corrupt, and where thieves do not break through nor steal.

For where your treasure is, there will your heart be also.

The light of the body is the eye; if, therefore, thine eye be single, thy whole body shall be full of light.

But if thine eye be evil, thy whole body shall be full of darkness. If, therefore, the light that is in thee be darkness, how great is that darkness!

No man can serve two masters; for either he will hate the one and love the other, or else he will hold to the one and despise the other. Ye cannot serve God and Mammon.



- 25 Và giờ đây chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài bèn nhìn mười hai vị mà Ngài đã lựa chọn và nói với họ rằng: Hãy nhớ những lời ta đã phán. Vì này, các người là những người được ta lựa chọn để thuyết giảng cho dân này. Vậy nên ta nói cho các người hay, đừng lo lắng về sự sống của mình, phải ăn gì, uống gì; hoặc về thân thể mình, phải mặc gì. Sự sống há chẳng hơn đồ ăn, và thân thể há chẳng hơn áo mặc hay sao?
- 26 Hãy nhìn xem chim muông trên trời, chúng chẳng gieo trồng, chẳng gặt hái, và cũng chẳng thu trữ vào kho; vậy mà Cha thiên thượng của các người vẫn nuôi dưỡng chúng. Các người há chẳng được quý hơn chúng hay sao?
- 27 Trong số các người có ai vì lo lắng nhiều mà làm hình vóc mình dài thêm được một đoạn hay không?
- 28 Còn về phần quần áo, sao các người lại lo lắng mà làm chi? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào, chẳng làm việc vất vả, cũng không kéo chỉ;
- 29 Nhưng ta nói cho các người hay rằng, dẫu vua Sa Lô Môn sang trọng đến đâu cũng không được mặc áo tốt bằng một trong những đóa hoa đó.
- 30 Vậy nên, một khi cỏ ngoài đồng, là loài hôm nay còn sống nhưng ngày mai bị ném vào lò mà Thượng Đế còn cho nó mặc như vậy, huống chi là các người, nếu các người không kém đức tin.
- 31 Vậy chớ lo lắng mà nói rằng: Chúng ta sẽ ăn gì? Chúng ta sẽ uống gì? Hay chúng ta sẽ mặc gì?
- 32 Vì Cha thiên thượng của các người biết các người cần tất cả những thứ đó.
- 33 Nhưng trước tiên các người hãy tìm kiếm vương quốc của Thượng Đế và sự ngay chính của Ngài, rồi tất cả những thứ kia sẽ được ban thêm cho các người.
- 34 Vậy chớ lo lắng chi về ngày mai, vì ngày mai sẽ tự lo lấy cho ngày mai. Sự khó khăn ngày nào đủ cho ngày ấy.
- And now it came to pass that when Jesus had spoken these words he looked upon the twelve whom he had chosen, and said unto them: Remember the words which I have spoken. For behold, ye are they whom I have chosen to minister unto this people. Therefore I say unto you, take no thought for your life, what ye shall eat, or what ye shall drink; nor yet for your body, what ye shall put on. Is not the life more than meat, and the body than raiment?
- Behold the fowls of the air, for they sow not, neither do they reap nor gather into barns; yet your heavenly Father feedeth them. Are ye not much better than they?
- Which of you by taking thought can add one cubit unto his stature?
- And why take ye thought for raiment? Consider the lilies of the field how they grow; they toil not, neither do they spin;
- And yet I say unto you, that even Solomon, in all his glory, was not arrayed like one of these.
- Wherefore, if God so clothe the grass of the field, which today is, and tomorrow is cast into the oven, even so will he clothe you, if ye are not of little faith.
- Therefore take no thought, saying, What shall we eat? or, What shall we drink? or, Wherewithal shall we be clothed?
- For your heavenly Father knoweth that ye have need of all these things.
- But seek ye first the kingdom of God and his righteousness, and all these things shall be added unto you.
- Take therefore no thought for the morrow, for the morrow shall take thought for the things of itself. Sufficient is the day unto the evil thereof.

### 3 Nê Phi 14

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi Chúa Giê Su phán xong những điều này, Ngài quay lại đám đông và cất tiếng phán cùng họ một lần nữa rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, chớ xét đoán ai, để mình khỏi bị xét đoán.
- 2 Vì các người xét đoán thể nào thì cũng bị xét đoán lại thể ấy; và các người lường thể nào thì cũng sẽ được lường lại thể ấy.
- 3 Sao người dòm thấy hạt bụi trong mắt anh em mình mà lại không thấy cây đà trong mắt mình?
- 4 Sao người nói với anh em mình: Để tôi lấy hạt bụi trong mắt anh ra cho, mà kìa, này người lại có cây đà trong mắt mình.
- 5 Hỡi kẻ đạo đức giả, trước hết hãy lấy cây đà trong mắt mình ra đi, rồi mới thấy rõ mà lấy hạt bụi ra khỏi mắt anh em mình được.
- 6 Đừng cho chó những vật thánh; cũng đừng quăng ngọc châu mình trước mặt heo, kẻo chúng chà đạp dưới chân rồi quay lại cắn xé các người.
- 7 Hãy cầu xin, rồi điều ấy sẽ được ban cho các người; hãy tìm kiếm, rồi các người sẽ gặp; hãy gõ cửa, rồi cửa sẽ mở cho các người.
- 8 Vì bất cứ ai xin thì sẽ được; ai tìm thì sẽ gặp; và ai gõ cửa thì sẽ được mở cho.
- 9 Trong số các người, có ai khi con mình xin bánh mà lại đem cho nó hòn đá không?
- 10 Hoặc nó xin cá mà lại cho rắn chằng?
- 11 Vậy nếu các người vốn là xấu mà còn biết cho con cái mình những quà tốt, thì Cha các người ở trên trời há lại chẳng ban những vật tốt cho những người xin Ngài sao?
- 12 Vậy nên bất cứ điều gì các người muốn người ta làm cho mình thì các người phải làm điều đó cho họ, vì đây là luật pháp và các tiên tri.
- 13 Hãy vào cửa hẹp, vì cửa rộng và đường lớn dẫn đến sự hủy diệt, kẻ vào đó thì nhiều;

### 3 Nephi 14

And now it came to pass that when Jesus had spoken these words he turned again to the multitude, and did open his mouth unto them again, saying: Verily, verily, I say unto you, Judge not, that ye be not judged.

For with what judgment ye judge, ye shall be judged; and with what measure ye mete, it shall be measured to you again.

And why beholdest thou the mote that is in thy brother's eye, but considerest not the beam that is in thine own eye?

Or how wilt thou say to thy brother: Let me pull the mote out of thine eye—and behold, a beam is in thine own eye?

Thou hypocrite, first cast the beam out of thine own eye; and then shalt thou see clearly to cast the mote out of thy brother's eye.

Give not that which is holy unto the dogs, neither cast ye your pearls before swine, lest they trample them under their feet, and turn again and rend you.

Ask, and it shall be given unto you; seek, and ye shall find; knock, and it shall be opened unto you.

For every one that asketh, receiveth; and he that seeketh, findeth; and to him that knocketh, it shall be opened.

Or what man is there of you, who, if his son ask bread, will give him a stone?

Or if he ask a fish, will he give him a serpent?

If ye then, being evil, know how to give good gifts unto your children, how much more shall your Father who is in heaven give good things to them that ask him?

Therefore, all things whatsoever ye would that men should do to you, do ye even so to them, for this is the law and the prophets.

Enter ye in at the strait gate; for wide is the gate, and broad is the way, which leadeth to destruction, and many there be who go in thereat;

14 Song cổng hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ tìm được thì ít.

15 Hãy coi chừng các tiên tri giả, là những kẻ mang lột chiên đến cùng các người, song bề trong là chó sói háu mồi.

16 Các người nhờ những trái của chúng mà nhận biết được chúng. Có ai hái nơi bụi gai hay là trái vả nơi bụi tật lê không?

17 Vậy, hễ cây tốt thì sinh trái tốt; nhưng cây xấu thì sinh trái xấu.

18 Cây tốt không thể sinh trái xấu, và cây xấu cũng không thể sinh trái tốt được.

19 Hễ cây nào không sinh trái tốt thì bị đốn đi và ném vào lửa.

20 Vậy nên, các người nhờ những trái của chúng mà nhận biết được chúng.

21 Chẳng phải bất cứ kẻ nào nói với ta: Thưa Chúa, thưa Chúa, là sẽ vào được vương quốc thiên thượng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta trên trời mà thôi.

22 Vào ngày đó sẽ có nhiều người nói với ta: Thưa Chúa, thưa Chúa, chúng tôi há chẳng từng nhân danh Chúa mà tiên tri, nhân danh Chúa mà xua đuổi các quỷ dữ và nhân danh Chúa mà làm nhiều việc kỳ diệu sao?

23 Và khi ấy ta sẽ phán rõ ràng cùng chúng rằng: Ta chưa hề biết các người, hãy lui ra khỏi ta, hỡi những kẻ làm điều bất chính kia.

24 Vậy nên, kẻ nào nghe và làm theo lời ta phán đây, ta sẽ ví kẻ đó như một người khôn ngoan biết cất nhà mình trên đá—

25 Dầu mưa sa, nước lụt, gió lay, xô động nhà ấy; nhưng nó không sập được, vì nó đã được cất trên đá.

26 Còn kẻ nào đã được nghe những lời này của ta mà không làm theo thì bị ví như kẻ ngu dại cất nhà mình trên cát—

27 Rồi khi mưa sa, nước lụt, gió lay, xô động nhà ấy; nó sập xuống, và sự sụp đổ ấy thật lớn lao làm sao.

Because strait is the gate, and narrow is the way, which leadeth unto life, and few there be that find it.

Beware of false prophets, who come to you in sheep's clothing, but inwardly they are ravening wolves.

Ye shall know them by their fruits. Do men gather grapes of thorns, or figs of thistles?

Even so every good tree bringeth forth good fruit; but a corrupt tree bringeth forth evil fruit.

A good tree cannot bring forth evil fruit, neither a corrupt tree bring forth good fruit.

Every tree that bringeth not forth good fruit is hewn down, and cast into the fire.

Wherefore, by their fruits ye shall know them.

Not every one that saith unto me, Lord, Lord, shall enter into the kingdom of heaven; but he that doeth the will of my Father who is in heaven.

Many will say to me in that day: Lord, Lord, have we not prophesied in thy name, and in thy name have cast out devils, and in thy name done many wonderful works?

And then will I profess unto them: I never knew you; depart from me, ye that work iniquity.

Therefore, whoso heareth these sayings of mine and doeth them, I will liken him unto a wise man, who built his house upon a rock—

And the rain descended, and the floods came, and the winds blew, and beat upon that house; and it fell not, for it was founded upon a rock.

And every one that heareth these sayings of mine and doeth them not shall be likened unto a foolish man, who built his house upon the sand—

And the rain descended, and the floods came, and the winds blew, and beat upon that house; and it fell, and great was the fall of it.

### 3 Nê Phi 15

- 1 Và giờ đây chuyện rằng khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài đưa mắt nhìn quanh đám đông và phán với họ rằng: Nay, các người đã nghe những điều mà ta đã giảng dạy trước khi ta thăng lên đến Cha ta; vậy kẻ nào ghi nhớ những lời ta phán đây và làm theo thì sẽ được ta nâng cao vào ngày sau cùng.
- 2 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài thấy có một số người trong đám dân chúng tỏ vẻ kinh ngạc và tự hỏi không hiểu Ngài muốn nói gì về luật pháp Môi Se; vì họ không hiểu câu nói: Những việc xưa đã qua đi, và mọi việc nay đã đổi mới.
- 3 Ngài bèn phán với họ rằng: Chớ kinh ngạc khi nghe ta nói với các người là những việc xưa đã qua đi và mọi việc nay đã đổi mới.
- 4 Nay, ta nói cho các người hay rằng, luật pháp ban cho Môi Se nay đã được làm trọn.
- 5 Nay, ta là Đấng đã ban ra luật pháp đó, và ta là Đấng đã giao ước với dân Y Sơ Ra Ên của ta; vậy nên luật pháp đã được làm trọn nơi ta; vì ta đã đến để làm cho luật pháp được trọn; vậy nên luật pháp ấy nay đã hoàn tất.
- 6 Nay, ta không hủy bỏ các lời tiên tri, vì một khi có những điều nào chưa được làm trọn nơi ta, quả thật ta nói cho các người hay, tất cả những điều ấy sẽ được làm trọn.
- 7 Và vì ta nói cùng các người rằng, những việc xưa đã qua đi, nên ta không có hủy bỏ những điều đã được nói về những việc sắp xảy tới.
- 8 Vì này, giao ước mà ta đã lập với dân của ta chưa được làm trọn đầy đủ; nhưng luật pháp ban cho Môi Se nay đã hoàn tất nơi ta.
- 9 Nay, ta là luật pháp và là sự sáng. Hãy hướng về ta và kiên trì đến cùng, rồi các người sẽ sống; vì ai kiên trì đến cùng thì sẽ được ta ban cho cuộc sống vĩnh cửu.
- 10 Nay, ta đã ban cho các người những lệnh truyền; vậy hãy tuân giữ những lệnh truyền của ta. Và đây là luật pháp và các tiên tri, vì những điều này đã thực sự làm chứng về ta.

### 3 Nephi 15

And now it came to pass that when Jesus had ended these sayings he cast his eyes round about on the multitude, and said unto them: Behold, ye have heard the things which I taught before I ascended to my Father; therefore, whoso remembereth these sayings of mine and doeth them, him will I raise up at the last day.

And it came to pass that when Jesus had said these words he perceived that there were some among them who marveled, and wondered what he would concerning the law of Moses; for they understood not the saying that old things had passed away, and that all things had become new.

And he said unto them: Marvel not that I said unto you that old things had passed away, and that all things had become new.

Behold, I say unto you that the law is fulfilled that was given unto Moses.

Behold, I am he that gave the law, and I am he who covenanted with my people Israel; therefore, the law in me is fulfilled, for I have come to fulfil the law; therefore it hath an end.

Behold, I do not destroy the prophets, for as many as have not been fulfilled in me, verily I say unto you, shall all be fulfilled.

And because I said unto you that old things have passed away, I do not destroy that which hath been spoken concerning things which are to come.

For behold, the covenant which I have made with my people is not all fulfilled; but the law which was given unto Moses hath an end in me.

Behold, I am the law, and the light. Look unto me, and endure to the end, and ye shall live; for unto him that endureth to the end will I give eternal life.

Behold, I have given unto you the commandments; therefore keep my commandments. And this is the law and the prophets, for they truly testified of me.

11 Và giờ đây chuyện rằng, sau khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài nói với mười hai vị mà Ngài đã chọn rằng:

12 Các người là môn đồ của ta; các người là ánh sáng đối với dân này, là dân còn sót lại của gia tộc Giô Sép.

13 Và này, đây là đất thừa hưởng của các người; và Đức Chúa Cha đã ban đất này cho các người.

14 Và Đức Chúa Cha chưa bao giờ truyền lệnh cho ta phải nói điều này với đồng bào của các người ở Giê Ru Sa Lem.

15 Và Đức Chúa Cha cũng chưa bao giờ truyền lệnh cho ta phải nói cho chúng biết về những chi tộc khác thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên, là những người đã được Đức Chúa Cha dẫn ra khỏi xứ.

16 Đức Chúa Cha đã truyền lệnh cho ta phải nói với chúng như vậy:

17 Ta còn có chiên khác không thuộc đàn chiên này; ta cũng phải dẫn chúng về, và chúng sẽ nghe tiếng ta; rồi sẽ chỉ có một đàn chiên và một người chăn chiên mà thôi.

18 Và giờ đây, vì sự cứng cổ và sự chẳng tin nên chúng không hiểu lời nói của ta; vậy nên ta được Đức Chúa Cha truyền lệnh không cho nói điều gì thêm với chúng nữa.

19 Nhưng, quả thật, ta nói cho các người hay rằng, Đức Chúa Cha đã truyền lệnh cho ta, và ta nói cho các người hay là các người phải bị tách rời ra khỏi chúng vì sự bất chính của chúng; vậy nên, chính vì sự bất chính của chúng nên chúng không biết gì về các người.

20 Và quả thật, ta nói một lần nữa cho các người hay rằng, Đức Chúa Cha đã tách rời chúng ra khỏi những chi tộc khác; và chính vì sự bất chính của chúng nên chúng không biết gì về những chi tộc ấy.

21 Và quả thật, ta nói cho các người hay rằng, chính các người là những người ta muốn ám chỉ tới khi ta nói với chúng rằng: Ta còn có chiên khác không thuộc đàn chiên này; ta cũng cần phải đem chúng về, và chúng sẽ nghe tiếng ta; rồi sẽ chỉ có một đàn chiên và một người chăn chiên mà thôi.

And now it came to pass that when Jesus had spoken these words, he said unto those twelve whom he had chosen:

Ye are my disciples; and ye are a light unto this people, who are a remnant of the house of Joseph.

And behold, this is the land of your inheritance; and the Father hath given it unto you.

And not at any time hath the Father given me commandment that I should tell it unto your brethren at Jerusalem.

Neither at any time hath the Father given me commandment that I should tell unto them concerning the other tribes of the house of Israel, whom the Father hath led away out of the land.

This much did the Father command me, that I should tell unto them:

That other sheep I have which are not of this fold; them also I must bring, and they shall hear my voice; and there shall be one fold, and one shepherd.

And now, because of stiffneckedness and unbelief they understood not my word; therefore I was commanded to say no more of the Father concerning this thing unto them.

But, verily, I say unto you that the Father hath commanded me, and I tell it unto you, that ye were separated from among them because of their iniquity; therefore it is because of their iniquity that they know not of you.

And verily, I say unto you again that the other tribes hath the Father separated from them; and it is because of their iniquity that they know not of them.

And verily I say unto you, that ye are they of whom I said: Other sheep I have which are not of this fold; them also I must bring, and they shall hear my voice; and there shall be one fold, and one shepherd.

22 Và chúng đã không hiểu ý ta, vì chúng cho rằng ta muốn nói đến Dân Ngoại; vì chúng không hiểu rằng Dân Ngoại sẽ được cải đạo nhờ sự thuyết giảng của chúng.

23 Và chúng cũng không hiểu ý ta khi ta nói rằng, những chiên kia sẽ nghe tiếng ta; và chúng không hiểu ý ta vì Dân Ngoại chẳng bao giờ được nghe tiếng ta—có nghĩa là ta không bao giờ tự biểu hiện cho Dân Ngoại thấy ngoại trừ qua Đức Thánh Linh.

24 Nhưng này, các người đã được nghe tiếng ta và trông thấy ta; và các người là chiên của ta, và các người được tính vào số những con chiên mà Đức Chúa Cha đã ban cho ta.

And they understood me not, for they supposed it had been the Gentiles; for they understood not that the Gentiles should be converted through their preaching.

And they understood me not that I said they shall hear my voice; and they understood me not that the Gentiles should not at any time hear my voice—that I should not manifest myself unto them save it were by the Holy Ghost.

But behold, ye have both heard my voice, and seen me; and ye are my sheep, and ye are numbered among those whom the Father hath given me.

### 3 Nê Phi 16

- 1 Và quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay rằng, ta còn có các chiên khác không phải của xứ này, cũng không phải của xứ Giê Ru Sa Lem hay bất cứ một vùng đất nào khác ở quanh nơi mà ta đã tới để giảng dạy.
- 2 Vì những chiên mà ta nói đó là những ai chưa được nghe tiếng nói của ta; và ta cũng chưa lần nào tự biểu hiện cho họ thấy.
- 3 Nhưng ta được lệnh Cha ta là phải tới với họ, để họ sẽ được nghe tiếng của ta, và sẽ được tính vào số những con chiên của ta, và sẽ chỉ có một đàn chiên và một người chăn; vậy nên ta đến biểu hiện cho họ thấy.
- 4 Và ta truyền lệnh cho các người phải ghi chép những điều này sau khi ta đi, để nếu dân của ta ở Giê Ru Sa Lem, là những kẻ đã được trông thấy ta và đã ở cùng ta vào thời ta thi hành giáo vụ của ta, không cầu xin Đức Chúa Cha qua danh ta để được hiểu biết về các người nhờ Đức Thánh Linh, và cũng để được hiểu biết về những chi tộc khác mà họ chưa được biết tới, thì những lời này đang được các người ghi chép đây sẽ được lưu trữ và sẽ được biểu lộ cho Dân Ngoại, ngõ hầu nhờ sự trọn vẹn của Dân Ngoại, dân còn sót lại của dòng dõi của họ là những kẻ bị phân tán khắp mặt đất vì sự chẳng tin, sẽ được đem về, có nghĩa là sẽ được đem tới sự hiểu biết về ta là Đấng Cứu Chuộc của họ.
- 5 Và rồi ta sẽ thu góp họ từ bốn phương trời của thế gian; và rồi ta sẽ làm tròn giao ước mà Đức Chúa Cha đã lập với tất cả mọi người trong gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 6 Và phước thay cho Dân Ngoại, vì niềm tin của họ nơi ta, nhờ Đức Thánh Linh, là Đấng làm chứng cho họ biết về ta và về Đức Chúa Cha.
- 7 Đây, vì niềm tin của họ nơi ta, lời Đức Chúa Cha phán, và vì sự chẳng tin của các người, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, nên vào ngày sau lễ thật sẽ đến với Dân Ngoại, để họ sẽ biết được trọn vẹn những điều này.

### 3 Nephi 16

And verily, verily, I say unto you that I have other sheep, which are not of this land, neither of the land of Jerusalem, neither in any parts of that land round about whither I have been to minister.

For they of whom I speak are they who have not as yet heard my voice; neither have I at any time manifested myself unto them.

But I have received a commandment of the Father that I shall go unto them, and that they shall hear my voice, and shall be numbered among my sheep, that there may be one fold and one shepherd; therefore I go to show myself unto them.

And I command you that ye shall write these sayings after I am gone, that if it so be that my people at Jerusalem, they who have seen me and been with me in my ministry, do not ask the Father in my name, that they may receive a knowledge of you by the Holy Ghost, and also of the other tribes whom they know not of, that these sayings which ye shall write shall be kept and shall be manifested unto the Gentiles, that through the fulness of the Gentiles, the remnant of their seed, who shall be scattered forth upon the face of the earth because of their unbelief, may be brought in, or may be brought to a knowledge of me, their Redeemer.

And then will I gather them in from the four quarters of the earth; and then will I fulfil the covenant which the Father hath made unto all the people of the house of Israel.

And blessed are the Gentiles, because of their belief in me, in and of the Holy Ghost, which witnesses unto them of me and of the Father.

Behold, because of their belief in me, saith the Father, and because of the unbelief of you, O house of Israel, in the latter day shall the truth come unto the Gentiles, that the fulness of these things shall be made known unto them.

- 8 Nhưng khôn thay cho những người Dân Ngoại chẳng tin, lời Đức Chúa Cha phán—vì mặc dù những kẻ đó đã đến được xứ này và đã phân tán dân của ta thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên; và dân của ta thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên đã bị họ xua đuổi và chà đạp dưới chân;
- 9 Và bởi lòng xót thương của Đức Chúa Cha đối với Dân Ngoại và cũng bởi vì sự phán xét của Đức Chúa Cha đối với dân của ta là gia tộc Y Sơ Ra Ên, nên, quả thật, quả thật, ta nói cho các ngươi hay rằng, sau khi tất cả những điều này đã xảy ra, và sau khi ta đã khiến dân của ta thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên bị đánh đập, bị đau khổ, bị giết chết, bị đuổi khỏi bọn họ, và bị họ thù ghét, nhạo báng và khinh bỉ—
- 10 Và Đức Chúa Cha đã truyền lệnh cho ta phải nói với các ngươi như vậy: Vào ngày đó khi mà Dân Ngoại sẽ phạm tội chống lại phúc âm của ta và sẽ bác bỏ phúc âm trọn vẹn của ta, và sẽ dương dương tự đắc trong lòng mình trên tất cả các quốc gia, cùng trên tất cả mọi dân tộc của toàn thể thế gian, và tràn đầy mọi điều dối trá, lường gạt, xảo quyệt, đạo đức giả, sát nhân, sự mưu chước tăng tể, tà dâm, và những điều khỗ ó bí mật; và nếu họ làm tất cả những điều này, và bác bỏ phúc âm trọn vẹn của ta, này, lời Đức Chúa Cha phán, lúc đó ta sẽ lấy phúc âm trọn vẹn của ta ra khỏi họ.
- 11 Và rồi đến lúc đó, ta sẽ nhớ đến giao ước mà ta đã lập với dân của ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, và ta sẽ đem phúc âm của ta lại cho họ.
- 12 Và ta sẽ cho các ngươi thấy rằng, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, Dân Ngoại sẽ không có quyền lực gì đối với các ngươi, và ta sẽ nhớ tới giao ước mà ta đã lập với các ngươi, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, và các ngươi sẽ đạt được sự hiểu biết về phúc âm trọn vẹn của ta.
- 13 Nhưng nếu Dân Ngoại chịu hối cải và trở về cùng ta, lời Đức Chúa Cha phán, này, họ cũng sẽ được tính vào số dân ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 14 Và ta sẽ không để cho dân của ta là những kẻ thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên xông vào họ và chà đạp họ dưới chân, lời Đức Chúa Cha phán vậy.

But wo, saith the Father, unto the unbelieving of the Gentiles—for notwithstanding they have come forth upon the face of this land, and have scattered my people who are of the house of Israel; and my people who are of the house of Israel have been cast out from among them, and have been trodden under feet by them;

And because of the mercies of the Father unto the Gentiles, and also the judgments of the Father upon my people who are of the house of Israel, verily, verily, I say unto you, that after all this, and I have caused my people who are of the house of Israel to be smitten, and to be afflicted, and to be slain, and to be cast out from among them, and to become hated by them, and to become a hiss and a byword among them—

And thus commandeth the Father that I should say unto you: At that day when the Gentiles shall sin against my gospel, and shall reject the fulness of my gospel, and shall be lifted up in the pride of their hearts above all nations, and above all the people of the whole earth, and shall be filled with all manner of lyings, and of deceits, and of mischiefs, and all manner of hypocrisy, and murders, and priestcrafts, and whoredoms, and of secret abominations; and if they shall do all those things, and shall reject the fulness of my gospel, behold, saith the Father, I will bring the fulness of my gospel from among them.

And then will I remember my covenant which I have made unto my people, O house of Israel, and I will bring my gospel unto them.

And I will show unto thee, O house of Israel, that the Gentiles shall not have power over you; but I will remember my covenant unto you, O house of Israel, and ye shall come unto the knowledge of the fulness of my gospel.

But if the Gentiles will repent and return unto me, saith the Father, behold they shall be numbered among my people, O house of Israel.

And I will not suffer my people, who are of the house of Israel, to go through among them, and tread them down, saith the Father.



15 Nhưng nếu họ không chịu trở về với ta, và không nghe theo lời ta, thì ta sẽ để cho họ, phải, ta sẽ để cho dân của ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, xông vào bọn họ và chà đạp họ dưới chân, và lúc đó họ chẳng khác chi muối đã bị mất hết vị mặn, vì thế không còn ích lợi vào việc gì nữa, chỉ phải quăng ra ngoài và để cho dân của ta chà đạp dưới chân, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.

16 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, Đức Chúa Cha đã truyền lệnh cho ta rằng—ta phải ban đất này cho dân này thừa hưởng.

17 Và rồi lời của tiên tri Ê Sai sẽ được ứng nghiệm. Lời rằng:

18 Những người canh gác của người sẽ đồng cất tiếng; họ cùng nhau cất tiếng hát ca, vì họ sẽ thấy tận mắt khi Chúa đem Si Ôn trở lại.

19 Hãy vui lên, hãy đồng ca, hỡi những nơi hoang tàn của Giê Ru Sa Lem; vì Chúa đã an ủi dân Ngài. Ngài đã cứu chuộc Giê Ru Sa Lem.

20 Chúa đã tỏ trần cánh tay thánh của Ngài trước mặt mọi quốc gia; và tất cả các nơi tận cùng của trái đất sẽ được thấy sự cứu rỗi của Thượng Đế.

But if they will not turn unto me, and hearken unto my voice, I will suffer them, yea, I will suffer my people, O house of Israel, that they shall go through among them, and shall tread them down, and they shall be as salt that hath lost its savor, which is thenceforth good for nothing but to be cast out, and to be trodden under foot of my people, O house of Israel.

Verily, verily, I say unto you, thus hath the Father commanded me—that I should give unto this people this land for their inheritance.

And then the words of the prophet Isaiah shall be fulfilled, which say:

Thy watchmen shall lift up the voice; with the voice together shall they sing, for they shall see eye to eye when the Lord shall bring again Zion.

Break forth into joy, sing together, ye waste places of Jerusalem; for the Lord hath comforted his people, he hath redeemed Jerusalem.

The Lord hath made bare his holy arm in the eyes of all the nations; and all the ends of the earth shall see the salvation of God.

### 3 Nê Phi 17

- 1   Này, giờ đây chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài lại nhìn quanh đám đông và nói với họ rằng: Này, giờ của ta đã gần kề rồi.
- 2   Ta nhận thấy các người còn yếu kém, các người không thể hiểu được tất cả những lời mà ta đã được Đức Chúa Cha truyền lệnh phải nói với các người lúc này.
- 3   Vậy nên các người hãy trở về nhà mà suy ngẫm những điều ta đã phán dạy, và hãy cầu xin Đức Chúa Cha trong danh ta để các người có thể hiểu được mà chuẩn bị tâm trí mình cho ngày mai, rồi ta sẽ trở lại cùng các người.
- 4   Nhưng giờ đây, ta phải đi đến với Đức Chúa Cha, và ta còn phải hiện đến cùng các chi tộc thất lạc của Y Sơ Ra Ên nữa, vì đối với Đức Chúa Cha, họ không thất lạc, vì Ngài biết Ngài đã đưa họ đi đâu.
- 5   Và chuyện rằng, sau khi Chúa Giê Su đã phán như vậy, Ngài lại đưa mắt nhìn quanh đám đông, và Ngài nhận thấy đám đông đang rơi lụy và chăm chú nhìn Ngài như muốn cầu xin Ngài ở nán lại với họ lâu hơn chút nữa.
- 6   Và Ngài phán cùng họ rằng: Này, lòng ta đầy sự thương hại đối với các người.
- 7   Trong các người có ai đau ốm không? Hãy đem họ lại đây. Trong các người có ai què, câm, điếc, cụt tay chân, bị phong hủi, hay bại xuội, hoặc bị đau đớn vì nguyên do nào khác không? Hãy đem họ lại đây, ta sẽ chữa lành cho họ, vì ta hết sức thương hại các người, lòng ta tràn đầy niềm thương xót.
- 8   Vì ta nhận thấy rằng, các người muốn được ta cho thấy những điều ta đã làm cho đồng bào của các người ở Giê Ru Sa Lem, và ta thấy đức tin của các người đủ để ta chữa lành cho các người.
- 9   Và chuyện rằng, sau khi Ngài phán như vậy, thì tất cả đám đông đồng loạt tiến lên với những người bệnh, người bị đau đớn, người què, câm, điếc, cùng tất cả những người bị đau đớn về mọi thể cách khác; rồi Ngài đã chữa lành cho tất cả mọi người được đem lại trước mặt Ngài.

### 3 Nephi 17

Behold, now it came to pass that when Jesus had spoken these words he looked round about again on the multitude, and he said unto them: Behold, my time is at hand.

I perceive that ye are weak, that ye cannot understand all my words which I am commanded of the Father to speak unto you at this time.

Therefore, go ye unto your homes, and ponder upon the things which I have said, and ask of the Father, in my name, that ye may understand, and prepare your minds for the morrow, and I come unto you again.

But now I go unto the Father, and also to show myself unto the lost tribes of Israel, for they are not lost unto the Father, for he knoweth whither he hath taken them.

And it came to pass that when Jesus had thus spoken, he cast his eyes round about again on the multitude, and beheld they were in tears, and did look steadfastly upon him as if they would ask him to tarry a little longer with them.

And he said unto them: Behold, my bowels are filled with compassion towards you.

Have ye any that are sick among you? Bring them hither. Have ye any that are lame, or blind, or halt, or maimed, or leprous, or that are withered, or that are deaf, or that are afflicted in any manner? Bring them hither and I will heal them, for I have compassion upon you; my bowels are filled with mercy.

For I perceive that ye desire that I should show unto you what I have done unto your brethren at Jerusalem, for I see that your faith is sufficient that I should heal you.

And it came to pass that when he had thus spoken, all the multitude, with one accord, did go forth with their sick and their afflicted, and their lame, and with their blind, and with their dumb, and with all them that were afflicted in any manner; and he did heal them every one as they were brought forth unto him.

- 10 Và rồi tất cả mọi người, gồm cả những người được chữa lành lẫn những người lành mạnh, đều cúi sấp mình dưới chân Ngài mà tôn thờ Ngài; và những ai trong đám đông được lại gần Ngài đều hôn chân Ngài, khiến chân Ngài ướt đầm như tắm với nước mắt của họ.
- 11 Và chuyện rằng, Ngài truyền lệnh cho họ hãy đem các trẻ nhỏ lại.
- 12 Vậy nên họ đem các trẻ nhỏ lại và đặt chúng xuống đất quanh Ngài, và Chúa Giê Su đứng ở giữa, rồi đám đông lui ra để cho tất cả trẻ nhỏ được đem lại bên Ngài.
- 13 Và chuyện rằng, khi tất cả trẻ nhỏ đã được đem lại, và Chúa Giê Su đứng ở giữa, Ngài bèn ra lệnh đám đông phải quỳ xuống đất.
- 14 Và chuyện rằng, khi họ đã quỳ hết xuống đất, Chúa Giê Su than thở trong lòng mà rằng: Thưa Cha, con rất ưu phiền về sự tà ác của những kẻ thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 15 Và khi nói xong những lời này, Ngài cũng quỳ xuống đất; và này, Ngài cất lời cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha, và đám đông được nghe Ngài đã làm chứng. Và những điều Ngài cầu nguyện không thể viết lại được.
- 16 Và họ nói lên lời làm chứng như vậy: Mắt chưa từng thấy và tai chưa từng nghe những điều vĩ đại và kỳ diệu như những điều chúng tôi đã được thấy và nghe Chúa Giê Su nói cùng Đức Chúa Cha;
- 17 Và không một ngôn ngữ nào có thể nói lên được, cũng không một người nào có thể viết ra được, và không một trái tim nào của loài người có thể tưởng tượng được những điều vĩ đại và kỳ diệu như chúng tôi vừa được thấy và nghe Chúa Giê Su nói; và cũng chẳng có ai hiểu thấu được sự vui mừng tràn ngập tâm hồn chúng tôi khi chúng tôi nghe Ngài cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha cho chúng tôi.
- 18 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha xong, Ngài đứng lên; nhưng sự vui mừng của dân chúng lớn lao đến nỗi họ bị rũ liệt.
- 19 Và chuyện rằng Chúa Giê Su phán cùng họ và bảo họ đứng lên.

And they did all, both they who had been healed and they who were whole, bow down at his feet, and did worship him; and as many as could come for the multitude did kiss his feet, insomuch that they did bathe his feet with their tears.

And it came to pass that he commanded that their little children should be brought.

So they brought their little children and set them down upon the ground round about him, and Jesus stood in the midst; and the multitude gave way till they had all been brought unto him.

And it came to pass that when they had all been brought, and Jesus stood in the midst, he commanded the multitude that they should kneel down upon the ground.

And it came to pass that when they had knelt upon the ground, Jesus groaned within himself, and said: Father, I am troubled because of the wickedness of the people of the house of Israel.

And when he had said these words, he himself also knelt upon the earth; and behold he prayed unto the Father, and the things which he prayed cannot be written, and the multitude did bear record who heard him.

And after this manner do they bear record: The eye hath never seen, neither hath the ear heard, before, so great and marvelous things as we saw and heard Jesus speak unto the Father;

And no tongue can speak, neither can there be written by any man, neither can the hearts of men conceive so great and marvelous things as we both saw and heard Jesus speak; and no one can conceive of the joy which filled our souls at the time we heard him pray for us unto the Father.

And it came to pass that when Jesus had made an end of praying unto the Father, he arose; but so great was the joy of the multitude that they were overcome.

And it came to pass that Jesus spake unto them, and bade them arise.

20 Và họ đồng đứng lên, và Ngài nói với họ rằng:  
Phước thay cho các người vì đức tin của các người.  
Và giờ đây này, sự vui mừng của ta thật là trọn vẹn.

21 Và khi nói xong những lời này, Ngài khóc, và đám  
đông đã làm chứng cho chuyện đó, rồi Ngài bỗng  
từng đưa trẻ một và ban phước cho chúng, rồi cầu  
nguyện cùng Đức Chúa Cha cho chúng.

22 Và khi làm như vậy xong, Ngài lại khóc.

23 Và Ngài phán cùng đám đông và bảo họ rằng: Hãy  
nhìn xem các con trẻ của các người.

24 Và khi đưa mắt nhìn lên trên trời, họ thấy các  
tầng trời mở ra, và họ trông thấy các thiên sứ từ  
trời hạ xuống như đang ở giữa một đám lửa. Rồi  
các vị này giáng xuống bao quanh các trẻ nhỏ,  
khiến chúng như được bao vây giữa đám lửa; và các  
thiên sứ này phục sự chúng.

25 Và đám đông đã thấy, nghe, và làm chứng; và họ  
biết rằng điều làm chứng của họ là đúng sự thật vì  
tất cả đám đông ai cũng được thấy và nghe. Đám  
đông ấy khoảng chừng hai ngàn năm trăm người,  
gồm cả đàn ông, đàn bà, và trẻ con.

And they arose from the earth, and he said unto  
them: Blessed are ye because of your faith. And  
now behold, my joy is full.

And when he had said these words, he wept, and  
the multitude bare record of it, and he took their  
little children, one by one, and blessed them, and  
prayed unto the Father for them.

And when he had done this he wept again;

And he spake unto the multitude, and said unto  
them: Behold your little ones.

And as they looked to behold they cast their eyes  
towards heaven, and they saw the heavens open,  
and they saw angels descending out of heaven as it  
were in the midst of fire; and they came down and  
encircled those little ones about, and they were en-  
circled about with fire; and the angels did minister  
unto them.

And the multitude did see and hear and bear  
record; and they know that their record is true for  
they all of them did see and hear, every man for  
himself; and they were in number about two thou-  
sand and five hundred souls; and they did consist  
of men, women, and children.

### 3 Nê Phi 18

- 1 Và chuyện rằng, Chúa Giê Su truyền lệnh cho các môn đồ của Ngài đem bánh và rượu nho lại cho Ngài.
- 2 Và trong lúc họ đi lấy bánh và rượu nho, Ngài truyền lệnh cho đám đông ngồi xuống đất.
- 3 Và khi các môn đồ đem bánh và rượu nho lại, Ngài bèn lấy bánh bẻ ra và ban phước lành bánh, rồi Ngài trao cho các môn đồ và bảo họ hãy ăn.
- 4 Và khi họ đã ăn đầy đủ, Ngài lại bảo họ hãy đem bánh phát cho dân chúng.
- 5 Và khi đám đông đã ăn bánh đầy đủ xong, Ngài phán với các môn đồ rằng: Này, một người trong số các người sẽ được sắc phong, và ta sẽ ban cho người ấy quyền được bẻ bánh và ban phước lành bánh và phân phát bánh ấy cho dân của giáo hội ta, tức là cho tất cả những người có đức tin và chịu phép báp têm trong danh ta.
- 6 Và các người phải luôn luôn làm đúng theo điều này, như ta đã làm, nghĩa là ta đã bẻ bánh, ban phước lành bánh, và phân phát cho các người.
- 7 Và các người làm việc này để tưởng nhớ tới thể xác của ta, mà các người đã được ta cho trông thấy. Và việc làm đó sẽ là một lời chứng với Đức Chúa Cha rằng, các người luôn luôn tưởng nhớ tới ta. Và nếu các người luôn luôn tưởng nhớ tới ta thì các người sẽ được Thánh Linh của ta ở cùng với các người.
- 8 Và chuyện rằng, khi phán xong những lời này, Ngài bảo các môn đồ hãy cầm lấy chén rượu nho và uống rượu nho trong chén, và rồi đem rượu nho ấy phát cho dân chúng uống.
- 9 Và chuyện rằng, họ đã làm như vậy, và sau khi họ uống đầy đủ, họ cũng đưa cho dân chúng uống đầy đủ như vậy.

### 3 Nephi 18

And it came to pass that Jesus commanded his disciples that they should bring forth some bread and wine unto him.

And while they were gone for bread and wine, he commanded the multitude that they should sit themselves down upon the earth.

And when the disciples had come with bread and wine, he took of the bread and brake and blessed it; and he gave unto the disciples and commanded that they should eat.

And when they had eaten and were filled, he commanded that they should give unto the multitude.

And when the multitude had eaten and were filled, he said unto the disciples: Behold there shall one be ordained among you, and to him will I give power that he shall break bread and bless it and give it unto the people of my church, unto all those who shall believe and be baptized in my name.

And this shall ye always observe to do, even as I have done, even as I have broken bread and blessed it and given it unto you.

And this shall ye do in remembrance of my body, which I have shown unto you. And it shall be a testimony unto the Father that ye do always remember me. And if ye do always remember me ye shall have my Spirit to be with you.

And it came to pass that when he said these words, he commanded his disciples that they should take of the wine of the cup and drink of it, and that they should also give unto the multitude that they might drink of it.

And it came to pass that they did so, and did drink of it and were filled; and they gave unto the multitude, and they did drink, and they were filled.

- 10 Và sau khi các môn đồ làm xong việc này, Chúa Giê Su phán với họ rằng: Phước thay cho các người vì các người đã làm việc này, vì việc này đã làm tròn lệnh truyền của ta, và việc này làm chứng cùng Đức Chúa Cha rằng, các người sẵn lòng làm theo những điều ta truyền lệnh cho các người.
- 11 Và các người sẽ luôn luôn làm như vậy đối với những ai hối cải và chịu phép báp têm trong danh ta; và các người làm vậy để tưởng nhớ tới máu của ta, mà ta đã đổ ra vì các người, để các người có thể làm chứng cùng Đức Chúa Cha rằng, các người luôn luôn tưởng nhớ tới ta. Và nếu các người luôn luôn tưởng nhớ tới ta thì các người sẽ được Thánh Linh của ta ở cùng với các người.
- 12 Và ta truyền lệnh cho các người phải làm những việc này. Và phước thay cho các người nếu các người luôn luôn làm những việc này, vì các người được xây dựng trên đá của ta.
- 13 Còn những kẻ nào trong các người làm gì nhiều hơn hoặc ít hơn những điều này thì không được xây dựng trên đá của ta, mà xây dựng trên nền cát; và rồi khi mưa rơi xuống, khi lụt tràn tới, khi gió nổi lên, sẽ vùi dập chúng, khiến chúng sụp đổ, và rồi cửa ngục giới sẵn sàng mở ra đón chúng.
- 14 Vậy nên, phước thay cho các người nếu các người tuân giữ các lệnh truyền của ta, là những lệnh truyền mà ta đã được Đức Chúa Cha truyền bảo phải ban cho các người.
- 15 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, các người phải tỉnh thức và cầu nguyện luôn luôn, kẻo các người bị quỷ dữ cám dỗ và bị nó bắt làm nô lệ.
- 16 Và cũng như ta đã cầu nguyện giữa các người, các người cũng phải cầu nguyện như vậy trong giáo hội của ta, giữa dân của ta là những người hối cải và chịu phép báp têm trong danh ta. Nay, ta là sự sáng; ta đã làm gương cho các người noi theo.
- 17 Và chuyện rằng, sau khi Chúa Giê Su phán xong những lời này với các môn đồ của Ngài, Ngài lại quay về phía đám đông mà nói với họ rằng:
- 18 Nay, quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, các người phải tỉnh thức và cầu nguyện luôn luôn, kẻo các người sa vào cám dỗ; vì Sa Tan rất muốn chiếm các người, để nó có thể sàng các người như lúa vậy.

And when the disciples had done this, Jesus said unto them: Blessed are ye for this thing which ye have done, for this is fulfilling my commandments, and this doth witness unto the Father that ye are willing to do that which I have commanded you.

And this shall ye always do to those who repent and are baptized in my name; and ye shall do it in remembrance of my blood, which I have shed for you, that ye may witness unto the Father that ye do always remember me. And if ye do always remember me ye shall have my Spirit to be with you.

And I give unto you a commandment that ye shall do these things. And if ye shall always do these things blessed are ye, for ye are built upon my rock.

But whoso among you shall do more or less than these are not built upon my rock, but are built upon a sandy foundation; and when the rain descends, and the floods come, and the winds blow, and beat upon them, they shall fall, and the gates of hell are ready open to receive them.

Therefore blessed are ye if ye shall keep my commandments, which the Father hath commanded me that I should give unto you.

Verily, verily, I say unto you, ye must watch and pray always, lest ye be tempted by the devil, and ye be led away captive by him.

And as I have prayed among you even so shall ye pray in my church, among my people who do repent and are baptized in my name. Behold I am the light; I have set an example for you.

And it came to pass that when Jesus had spoken these words unto his disciples, he turned again unto the multitude and said unto them:

Behold, verily, verily, I say unto you, ye must watch and pray always lest ye enter into temptation; for Satan desireth to have you, that he may sift you as wheat.

19 Vậy nên, các người phải luôn luôn cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha trong danh ta;

20 Và bất cứ điều gì ngay chính mà các người sẽ cầu xin Đức Chúa Cha trong danh ta, và tin tưởng rằng các người sẽ nhận được, này, điều ấy sẽ được ban cho các người.

21 Hãy cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha trong gia đình các người, luôn luôn trong danh ta, để vợ con các người được phước.

22 Và này, các người hãy thường cùng nhau nhóm họp và chớ cấm đoán những ai muốn đến với các người khi các người đang nhóm họp, mà trái lại hãy để cho họ đến với các người, và chớ cấm đoán họ;

23 Các người hãy cầu nguyện cho họ, và chớ nên xua đuổi họ; và nếu họ thường đến với các người, thì các người hãy cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha trong danh ta cho họ.

24 Vậy nên, các người hãy đưa cao sự sáng của mình cho nó chiếu sáng trong thế gian. Này, ta là sự sáng mà các người sẽ đưa cao—như các người đã thấy ta làm. Này, các người thấy rằng ta đã cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha, và tất cả các người đều đã chứng kiến.

25 Và các người thấy rằng, ta đã không bảo một ai trong các người phải đi chỗ khác, mà trái lại ta bảo mọi người hãy đến cùng ta để các người có thể rời và trông thấy được; vậy các người hãy làm như vậy đối với thế gian; và bất cứ kẻ nào vi phạm lệnh truyền này, thì tự để cho mình bị dẫn dắt vào sự cám dỗ.

26 Và giờ đây chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài lại đưa mắt nhìn các môn đồ mà Ngài đã lựa chọn, và phán cùng họ rằng:

27 Này quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, ta ban cho các người một lệnh truyền nữa, rồi ta phải đi đến với Cha ta, để ta làm tròn những lệnh truyền khác mà Ngài đã ban cho ta.

28 Và giờ đây này, đây là lệnh truyền mà ta ban cho các người: Các người không được để cho bất cứ kẻ nào mà các người biết là không xứng đáng để dự phần máu thịt của ta, khi các người làm lễ ấy;

Therefore ye must always pray unto the Father in my name;

And whatsoever ye shall ask the Father in my name, which is right, believing that ye shall receive, behold it shall be given unto you.

Pray in your families unto the Father, always in my name, that your wives and your children may be blessed.

And behold, ye shall meet together oft; and ye shall not forbid any man from coming unto you when ye shall meet together, but suffer them that they may come unto you and forbid them not;

But ye shall pray for them, and shall not cast them out; and if it so be that they come unto you oft ye shall pray for them unto the Father, in my name.

Therefore, hold up your light that it may shine unto the world. Behold I am the light which ye shall hold up—that which ye have seen me do. Behold ye see that I have prayed unto the Father, and ye all have witnessed.

And ye see that I have commanded that none of you should go away, but rather have commanded that ye should come unto me, that ye might feel and see; even so shall ye do unto the world; and whosoever breaketh this commandment suffereth himself to be led into temptation.

And now it came to pass that when Jesus had spoken these words, he turned his eyes again upon the disciples whom he had chosen, and said unto them:

Behold verily, verily, I say unto you, I give unto you another commandment, and then I must go unto my Father that I may fulfil other commandments which he hath given me.

And now behold, this is the commandment which I give unto you, that ye shall not suffer any one knowingly to partake of my flesh and blood unworthily, when ye shall minister it;

29 Vì kẻ nào ăn uống máu thịt của ta một cách không xứng đáng thì kẻ đó sẽ ăn uống sự đoán phạt cho linh hồn mình; vậy nên, khi các người biết có kẻ nào không xứng đáng để ăn uống máu thịt của ta, thì các người phải cấm đoán kẻ đó.

30 Tuy nhiên, các người chớ xua đuổi kẻ đó ra khỏi các người, mà trái lại các người phải phục sự cho kẻ đó, và cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha cho kẻ đó trong danh ta, và nếu kẻ đó hối cải và chịu phép báp têm trong danh ta, thì các người phải tiếp nhận kẻ đó và ban máu thịt của ta cho kẻ đó.

31 Nhưng nếu kẻ đó không hối cải, thì kẻ đó sẽ không được tính vào số dân của ta, để cho kẻ đó không hủy diệt được dân của ta, vì này, ta biết chiên của ta và chúng đã được đếm.

32 Tuy nhiên, các người chớ xua đuổi kẻ ấy ra khỏi các nhà hội hay những nơi thờ phượng của mình, vì đối với những kẻ như vậy các người cần phải tiếp tục phục sự; bởi vì các người không biết lúc nào những kẻ ấy sẽ trở lại và hối cải, và đến cùng ta với một tấm lòng cương quyết, và ta sẽ chữa lành cho họ; và các người sẽ là phương tiện để đem lại sự cứu rỗi cho họ.

33 Vậy nên, hãy tuân giữ những điều ta đã truyền lệnh cho các người, để các người khỏi bị kết tội; vì khốn thay cho kẻ nào bị Đức Chúa Cha kết tội.

34 Và ta ban cho các người những lệnh truyền này vì có sự tranh luận giữa các người. Và phước thay cho các người nếu các người không tranh luận lẫn nhau.

35 Và giờ đây ta đi đến cùng Đức Chúa Cha, vì điều cần thiết là ta phải đi đến cùng Đức Chúa Cha vì lợi ích của các người.

36 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài đưa tay sờ những môn đồ Ngài đã lựa chọn, từng người một, cho đến khi Ngài sờ tay lên hết tất cả các vị ấy, và Ngài ngỏ lời cùng họ trong lúc Ngài sờ tay lên họ.

37 Và vì đám đông không nghe được những lời Ngài nói cùng các vị ấy, nên họ không làm chứng được; nhưng các môn đồ làm chứng rằng, Ngài đã ban cho họ quyền năng để ban truyền Đức Thánh Linh. Và sau này tôi sẽ chứng tỏ cho các người thấy rằng, điều ghi chép này là đúng sự thật.

For whoso eateth and drinketh my flesh and blood unworthily eateth and drinketh damnation to his soul; therefore if ye know that a man is unworthy to eat and drink of my flesh and blood ye shall forbid him.

Nevertheless, ye shall not cast him out from among you, but ye shall minister unto him and shall pray for him unto the Father, in my name; and if it so be that he repenteth and is baptized in my name, then shall ye receive him, and shall minister unto him of my flesh and blood.

But if he repent not he shall not be numbered among my people, that he may not destroy my people, for behold I know my sheep, and they are numbered.

Nevertheless, ye shall not cast him out of your synagogues, or your places of worship, for unto such shall ye continue to minister; for ye know not but what they will return and repent, and come unto me with full purpose of heart, and I shall heal them; and ye shall be the means of bringing salvation unto them.

Therefore, keep these sayings which I have commanded you that ye come not under condemnation; for wo unto him whom the Father condemneth.

And I give you these commandments because of the disputations which have been among you. And blessed are ye if ye have no disputations among you.

And now I go unto the Father, because it is expedient that I should go unto the Father for your sakes.

And it came to pass that when Jesus had made an end of these sayings, he touched with his hand the disciples whom he had chosen, one by one, even until he had touched them all, and spake unto them as he touched them.

And the multitude heard not the words which he spake, therefore they did not bear record; but the disciples bare record that he gave them power to give the Holy Ghost. And I will show unto you hereafter that this record is true.



38 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su sờ tay lên các môn đồ xong, thì một đám mây hiện ra che khuất đám đông, khiến họ không trông thấy được Chúa Giê Su.

39 Và trong lúc họ bị che khuất, Ngài rời khỏi họ và thăng lên trời. Và các môn đồ trông thấy và làm chứng rằng, Ngài đã thăng lên trời lại.

And it came to pass that when Jesus had touched them all, there came a cloud and overshadowed the multitude that they could not see Jesus.

And while they were overshadowed he departed from them, and ascended into heaven. And the disciples saw and did bear record that he ascended again into heaven.

### 3 Nê Phi 19

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, khi Chúa Giê Su đã thăng lên trời rồi, thì đám đông giải tán, và mỗi người đều đưa vợ con mình trở về nhà riêng của mình.
- 2 Và trời chưa sập tối mà tiếng đồn đã lập tức được loan truyền rộng rãi trong dân chúng rằng: Đám đông đã trông thấy Chúa Giê Su, và Ngài đã phục sự cho họ, và Ngài sẽ còn xuất hiện trước đám đông vào ngày hôm sau.
- 3 Phải, ngay cả suốt đêm hôm đó, tin đồn về Chúa Giê Su đã được loan truyền rộng rãi, đến nỗi có nhiều người, phải, có một số rất đông đã làm việc hết mình suốt đêm đó để sáng mai họ có thể đến nơi Chúa Giê Su sẽ xuất hiện trước đám đông.
- 4 Và chuyện rằng, đến sáng hôm sau, khi đám đông đã tề tựu lại, này, Nê Phi cùng với em ông, là người đã được ông cứu sống từ cõi chết, tên là Ti Mô Thê, và con trai ông là Giô Na, cùng với Ma Tô Ni và người em của ông này là Ma Tô Ni Ha, và Cơ Men, Cơ Men Ôn Hi, Giê Rê Mi, Sem Non, Giô Na, Sê Ê Kia, và Ê Sai—đây là tên của các môn đồ đã được Chúa Giê Su chọn—và chuyện rằng, những vị này đi tới đứng giữa đám đông dân chúng.
- 5 Và này, vì số dân chúng quá đông nên các vị này phải chia họ ra thành mười hai nhóm.
- 6 Và mười hai vị này giảng dạy cho đám đông; và này, các vị bảo dân chúng hãy quỳ xuống mặt đất mà cầu nguyện Đức Chúa Cha trong danh Chúa Giê Su.
- 7 Và các môn đồ cũng cầu nguyện Đức Chúa Cha trong danh Chúa Giê Su. Và sau đó họ đứng lên thuyết giảng cho dân chúng nghe.
- 8 Và sau khi họ đã thuyết giảng cùng những lời mà Chúa Giê Su đã phán dạy—không thay đổi một chút nào những lời mà Chúa Giê Su đã phán dạy—này, họ lại quỳ xuống lần nữa và cầu nguyện Đức Chúa Cha trong danh Chúa Giê Su.

### 3 Nephi 19

And now it came to pass that when Jesus had ascended into heaven, the multitude did disperse, and every man did take his wife and his children and did return to his own home.

And it was noised abroad among the people immediately, before it was yet dark, that the multitude had seen Jesus, and that he had ministered unto them, and that he would also show himself on the morrow unto the multitude.

Yea, and even all the night it was noised abroad concerning Jesus; and insomuch did they send forth unto the people that there were many, yea, an exceedingly great number, did labor exceedingly all that night, that they might be on the morrow in the place where Jesus should show himself unto the multitude.

And it came to pass that on the morrow, when the multitude was gathered together, behold, Nephi and his brother whom he had raised from the dead, whose name was Timothy, and also his son, whose name was Jonas, and also Mathoni, and Mathonihah, his brother, and Kumen, and Kumenonhi, and Jeremiah, and Shemnon, and Jonas, and Zedekiah, and Isaiah—now these were the names of the disciples whom Jesus had chosen—and it came to pass that they went forth and stood in the midst of the multitude.

And behold, the multitude was so great that they did cause that they should be separated into twelve bodies.

And the twelve did teach the multitude; and behold, they did cause that the multitude should kneel down upon the face of the earth, and should pray unto the Father in the name of Jesus.

And the disciples did pray unto the Father also in the name of Jesus. And it came to pass that they arose and ministered unto the people.

And when they had ministered those same words which Jesus had spoken—nothing varying from the words which Jesus had spoken—behold, they knelt again and prayed to the Father in the name of Jesus.

9 Và họ cầu xin điều mà họ mong muốn nhất; họ mong muốn được ban cho Đức Thánh Linh.

10 Và sau khi cầu nguyện xong, họ đi xuống bên bờ sông và đám đông dân chúng đi theo sau họ.

11 Và chuyện rằng, Nê Phi bước xuống nước và được báp têm.

12 Rồi ông bước ra khỏi nước và bắt đầu làm phép báp têm. Và ông làm phép báp têm cho tất cả những vị được Chúa Giê Su chọn lựa.

13 Và chuyện rằng, sau khi tất cả các vị này đã được báp têm, và đã bước ra khỏi nước, thì Đức Thánh Linh đổ xuống trên họ, và họ được đầy đầy Đức Thánh Linh và lửa.

14 Và này, họ như được bao trùm trong lửa, một thứ lửa từ trời đổ xuống, và đám đông dân chúng đều mục kích và làm chứng điều đó; và các thiên sứ từ trên trời xuống phục sự họ.

15 Và chuyện rằng, trong lúc các thiên sứ đang phục sự các môn đồ, này, Chúa Giê Su hiện đến đứng giữa và phục sự họ.

16 Và chuyện rằng, Ngài phán cùng đám đông dân chúng, và bảo họ phải quỳ xuống đất một lần nữa, và luôn cả các môn đồ của Ngài cũng phải quỳ xuống đất.

17 Và chuyện rằng, khi tất cả mọi người đã quỳ hết xuống đất, Ngài bèn bảo các môn đồ hãy cầu nguyện.

18 Và này, họ bắt đầu cầu nguyện; và họ cầu nguyện Chúa Giê Su, gọi Ngài là Chúa của họ và Thượng Đế của họ.

19 Và chuyện rằng, Chúa Giê Su bước ra khỏi đám đông và đi ra khỏi họ một khoảng ngắn, rồi cúi mình xuống đất và nói rằng:

20 Thưa Cha, con xin cảm ơn Cha đã ban Đức Thánh Linh cho những người mà con đã lựa chọn; và vì niềm tin của họ nơi con nên con đã lựa chọn họ ra từ trong số những người thế gian này.

21 Thưa Cha, con cầu xin Cha ban Đức Thánh Linh cho tất cả những ai sẽ tin vào những lời nói của họ.

And they did pray for that which they most desired; and they desired that the Holy Ghost should be given unto them.

And when they had thus prayed they went down unto the water's edge, and the multitude followed them.

And it came to pass that Nephi went down into the water and was baptized.

And he came up out of the water and began to baptize. And he baptized all those whom Jesus had chosen.

And it came to pass when they were all baptized and had come up out of the water, the Holy Ghost did fall upon them, and they were filled with the Holy Ghost and with fire.

And behold, they were encircled about as if it were by fire; and it came down from heaven, and the multitude did witness it, and did bear record; and angels did come down out of heaven and did minister unto them.

And it came to pass that while the angels were ministering unto the disciples, behold, Jesus came and stood in the midst and ministered unto them.

And it came to pass that he spake unto the multitude, and commanded them that they should kneel down again upon the earth, and also that his disciples should kneel down upon the earth.

And it came to pass that when they had all knelt down upon the earth, he commanded his disciples that they should pray.

And behold, they began to pray; and they did pray unto Jesus, calling him their Lord and their God.

And it came to pass that Jesus departed out of the midst of them, and went a little way off from them and bowed himself to the earth, and he said:

Father, I thank thee that thou hast given the Holy Ghost unto these whom I have chosen; and it is because of their belief in me that I have chosen them out of the world.

Father, I pray thee that thou wilt give the Holy Ghost unto all them that shall believe in their words.

22 Thưa Cha, Cha đã ban Đức Thánh Linh cho họ vì họ tin nơi con; và Cha thấy rằng họ tin nơi con vì Cha đã nghe họ, và họ đã cầu nguyện con; và sở dĩ họ cầu nguyện con vì con đang ở cùng họ.

23 Và giờ đây, thưa Cha, con vì họ mà cầu nguyện cùng Cha, và vì tất cả những ai sẽ tin vào lời nói của họ, để cho họ tin nơi con, ngõ hầu con có thể ở trong họ, chẳng khác chi Cha ở trong con, để chúng ta trở thành một.

24 Và chuyện rằng, sau khi Chúa Giê Su cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha, Ngài đi lại chỗ các môn đồ của Ngài, và này, họ vẫn còn tiếp tục cầu nguyện Ngài không thôi; và họ đã không lập đi lập lại nhiều lời, vì những gì họ cầu xin đều được ban cho, và họ được tràn đầy ước nguyện.

25 Và chuyện rằng, Chúa Giê Su ban phước lành cho họ trong khi họ cầu nguyện Ngài; và nét mặt Ngài tươi cười với họ, và ánh hào quang trên nét mặt Ngài chiếu sáng họ, và này, họ đều trắng ngời như nét mặt và y phục của Chúa Giê Su; và này, màu trắng ấy trắng hơn tất cả mọi màu trắng khác, phải, ngay cả không có một vật gì trên thế gian này có thể trắng bằng màu trắng đó.

26 Rồi Chúa Giê Su phán cùng họ rằng: Hãy tiếp tục cầu nguyện; mặc dù họ vẫn không ngừng cầu nguyện.

27 Và Ngài lại quay đi khỏi họ và bước rời xa họ một chút, rồi cúi mình xuống đất, và cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha một lần nữa mà rằng:

28 Thưa Cha, con xin cảm ơn Cha đã làm thanh khiết những người mà con chọn nhờ họ có đức tin. Con vì họ mà cầu nguyện và vì những kẻ sẽ tin vào lời nói của họ, để cho những kẻ đó được thanh khiết trong con, nhờ đức tin vào những lời nói của họ, chẳng khác chi họ đã được thanh khiết trong con vậy.

29 Thưa Cha, con không vì thế gian mà cầu nguyện, mà vì những kẻ Cha đã ban cho con từ thế gian này, là những người nhờ có đức tin mà được thanh khiết trong con, để con có thể ở trong họ, chẳng khác chi Cha ở trong con, để chúng ta trở thành một, ngõ hầu con được sáng danh trong họ.

Father, thou hast given them the Holy Ghost because they believe in me; and thou seest that they believe in me because thou hearest them, and they pray unto me; and they pray unto me because I am with them.

And now Father, I pray unto thee for them, and also for all those who shall believe on their words, that they may believe in me, that I may be in them as thou, Father, art in me, that we may be one.

And it came to pass that when Jesus had thus prayed unto the Father, he came unto his disciples, and behold, they did still continue, without ceasing, to pray unto him; and they did not multiply many words, for it was given unto them what they should pray, and they were filled with desire.

And it came to pass that Jesus blessed them as they did pray unto him; and his countenance did smile upon them, and the light of his countenance did shine upon them, and behold they were as white as the countenance and also the garments of Jesus; and behold the whiteness thereof did exceed all the whiteness, yea, even there could be nothing upon earth so white as the whiteness thereof.

And Jesus said unto them: Pray on; nevertheless they did not cease to pray.

And he turned from them again, and went a little way off and bowed himself to the earth; and he prayed again unto the Father, saying:

Father, I thank thee that thou hast purified those whom I have chosen, because of their faith, and I pray for them, and also for them who shall believe on their words, that they may be purified in me, through faith on their words, even as they are purified in me.

Father, I pray not for the world, but for those whom thou hast given me out of the world, because of their faith, that they may be purified in me, that I may be in them as thou, Father, art in me, that we may be one, that I may be glorified in them.

- 30 Và sau khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài trở lại chỗ các môn đồ của Ngài; và này, họ vẫn còn bền chí cầu nguyện Ngài không ngừng; và Ngài lại mỉm cười với họ; và này, họ đều trắng ngời như Chúa Giê Su.
- 31 Và chuyện rằng, Ngài lại bước ra xa một chút để cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha;
- 32 Và chẳng có ngôn ngữ nào có thể nói hết những lời mà Ngài đã cầu nguyện, và cũng chẳng có người nào có thể ghi chép lại được những lời mà Ngài đã cầu nguyện.
- 33 Và đám đông dân chúng nghe và làm chứng; và lòng họ được mở ra, khiến họ hiểu trong lòng những lời mà Ngài đã cầu nguyện.
- 34 Tuy nhiên, những lời Ngài cầu nguyện thật quá vĩ đại và kỳ diệu, đến nỗi loài người không thể nào thốt ra hay ghi chép lại được.
- 35 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su cầu nguyện xong, Ngài trở lại chỗ các môn đồ và phán cùng họ rằng: Ta chưa bao giờ thấy một đức tin lớn lao như thế này giữa tất cả những người Do Thái; vậy nên, ta không thể cho chúng thấy những phép lạ lớn lao như thế này, vì sự chẳng tin của chúng.
- 36 Quả thật, ta nói cho các người hay, chẳng có kẻ nào trong số bọn chúng được thấy những điều vô cùng lớn lao như các người đã thấy; và chúng cũng không được nghe những điều hết sức vĩ đại như các người đã nghe.

And when Jesus had spoken these words he came again unto his disciples; and behold they did pray steadfastly, without ceasing, unto him; and he did smile upon them again; and behold they were white, even as Jesus.

And it came to pass that he went again a little way off and prayed unto the Father;

And tongue cannot speak the words which he prayed, neither can be written by man the words which he prayed.

And the multitude did hear and do bear record; and their hearts were open and they did understand in their hearts the words which he prayed.

Nevertheless, so great and marvelous were the words which he prayed that they cannot be written, neither can they be uttered by man.

And it came to pass that when Jesus had made an end of praying he came again to the disciples, and said unto them: So great faith have I never seen among all the Jews; wherefore I could not show unto them so great miracles, because of their unbelief.

Verily I say unto you, there are none of them that have seen so great things as ye have seen; neither have they heard so great things as ye have heard.

### 3 Nê Phi 20

- 1 Và chuyện rằng, Ngài bảo dân chúng và các môn đồ của Ngài hãy ngưng cầu nguyện, nhưng Ngài bảo họ chớ ngưng cầu nguyện trong lòng.
- 2 Và Ngài bảo họ hãy trỗi dậy và đứng lên. Và họ trỗi dậy và đứng lên.
- 3 Và chuyện rằng, Ngài lại bẻ bánh và ban phước lành rồi đưa cho các môn đồ ăn.
- 4 Và khi họ ăn xong, Ngài bảo họ lấy bánh bẻ ra và phân phát cho đám đông.
- 5 Và khi họ phân phát cho dân chúng xong, Ngài lại ban rượu nho cho họ uống, và phán bảo họ phân phát rượu nho cho dân chúng.
- 6 Bây giờ, bánh và rượu nho không phải do dân chúng hay các môn đồ đem lại;
- 7 Nhưng quả thật Ngài đã đưa bánh cho họ ăn và đưa rượu nho cho họ uống.
- 8 Rồi Ngài phán cùng họ rằng: Kẻ nào ăn bánh này là ăn vào tâm hồn mình thể xác của ta; và kẻ nào uống rượu nho này là uống vào tâm hồn mình máu của ta; và tâm hồn kẻ ấy sẽ được luôn luôn no đủ; không bao giờ còn bị đói hay khát nữa.
- 9 Giờ đây, khi dân chúng ăn và uống xong, này, họ đều được đầy dẫy Thánh Linh; và họ đồng thanh cất tiếng tôn vinh Chúa Giê Su là Đấng mà họ đã trông thấy và nghe.
- 10 Và chuyện rằng, sau khi tất cả mọi người đều tôn vinh Chúa Giê Su, Ngài phán cùng họ rằng: Này, giờ đây ta làm xong lệnh truyền mà Đức Chúa Cha đã truyền lệnh cho ta về dân này, là dân còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 11 Các người hãy nhớ lại là ta đã nói với các người rằng, khi nào những lời của Ê Sai được ứng nghiệm—này, những lời ấy được ghi chép và các người có trước mắt mình, vậy các người hãy tìm hiểu những lời ấy—
- 12 Và quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay rằng, khi nào những lời ấy được ứng nghiệm, thì đó là lúc giao ước Đức Chúa Cha đã lập với dân Ngài được làm tròn, hồi gia tộc Y Sơ Ra Ên.

### 3 Nephi 20

And it came to pass that he commanded the multitude that they should cease to pray, and also his disciples. And he commanded them that they should not cease to pray in their hearts.

And he commanded them that they should arise and stand up upon their feet. And they arose up and stood upon their feet.

And it came to pass that he brake bread again and blessed it, and gave to the disciples to eat.

And when they had eaten he commanded them that they should break bread, and give unto the multitude.

And when they had given unto the multitude he also gave them wine to drink, and commanded them that they should give unto the multitude.

Now, there had been no bread, neither wine, brought by the disciples, neither by the multitude;

But he truly gave unto them bread to eat, and also wine to drink.

And he said unto them: He that eateth this bread eateth of my body to his soul; and he that drinketh of this wine drinketh of my blood to his soul; and his soul shall never hunger nor thirst, but shall be filled.

Now, when the multitude had all eaten and drunk, behold, they were filled with the Spirit; and they did cry out with one voice, and gave glory to Jesus, whom they both saw and heard.

And it came to pass that when they had all given glory unto Jesus, he said unto them: Behold now I finish the commandment which the Father hath commanded me concerning this people, who are a remnant of the house of Israel.

Ye remember that I spake unto you, and said that when the words of Isaiah should be fulfilled—behold they are written, ye have them before you, therefore search them—

And verily, verily, I say unto you, that when they shall be fulfilled then is the fulfilling of the covenant which the Father hath made unto his people, O house of Israel.

- 13 Và đến lúc đó, những dân còn sót lại, là những kẻ sẽ bị phân tán khắp nơi trên mặt đất, sẽ được quy tụ lại từ đông, tây, nam, bắc; và họ sẽ được đưa tới sự hiểu biết Chúa, Thượng Đế của họ, là Đấng đã cứu chuộc họ.
- 14 Và Đức Chúa Cha truyền lệnh cho ta ban đất này cho các người để các người thừa hưởng.
- 15 Và ta nói cho các người hay rằng, nếu Dân Ngoại không hối cải sau khi họ nhận được phước lành, sau khi họ đã phân tán dân của ta—
- 16 Thì lúc đó, các người, là dân còn sót lại của gia tộc Gia Cốp, sẽ đến cùng họ; và các người sẽ sống ở giữa họ là một dân tộc đồng đảo; và lúc ấy các người sẽ sống giữa họ như sư tử ở giữa đám thú rừng, và như sư tử con ở giữa các bầy chiên, và khi nó đi qua, nó chà đạp và cắn xé thành muôn mảnh, và chẳng ai có thể giải cứu được.
- 17 Tay của người sẽ dấy lên trên các kẻ thù nghịch của mình, và tất cả kẻ thù của người sẽ bị khai trừ.
- 18 Và ta sẽ quy tụ dân ta lại, chẳng khác chi một người thu góp những bó lúa của mình vào sân đập lúa.
- 19 Vì ta sẽ làm cho dân ta, là dân mà Đức Chúa Cha đã lập giao ước, phải, ta sẽ làm cho sừng của người tựa như sắt, và móng của người tựa như đồng. Và người sẽ đánh nhiều dân tộc tan thành muôn mảnh; ta sẽ hiến dâng lợi tức của chúng lên Chúa, và tài sản của chúng lên Chúa của toàn thể thế gian. Và này, chính ta là Đấng làm điều đó.
- 20 Và chuyện rằng, lời Đức Chúa Cha phán, vào ngày đó, gươm công lý của ta sẽ treo trên đầu chúng; và nếu chúng không hối cải, gươm ấy sẽ rơi lên đầu chúng, phải, sẽ rơi lên tất cả các quốc gia của người Dân Ngoại, lời Đức Chúa Cha phán vậy.
- 21 Và chuyện rằng, lúc ấy ta sẽ gây dựng dân của ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 22 Và này, ta sẽ gây dựng dân tộc này trong xứ này, để làm tròn giao ước mà ta đã lập với tổ phụ các người là Gia Cốp; và lúc ấy sẽ có một Tân Giê Ru Sa Lem. Và quyền năng trên trời sẽ ở giữa dân này; phải, ngay cả ta cũng sẽ ở giữa các người.

And then shall the remnants, which shall be scattered abroad upon the face of the earth, be gathered in from the east and from the west, and from the south and from the north; and they shall be brought to the knowledge of the Lord their God, who hath redeemed them.

And the Father hath commanded me that I should give unto you this land, for your inheritance.

And I say unto you, that if the Gentiles do not repent after the blessing which they shall receive, after they have scattered my people—

Then shall ye, who are a remnant of the house of Jacob, go forth among them; and ye shall be in the midst of them who shall be many; and ye shall be among them as a lion among the beasts of the forest, and as a young lion among the flocks of sheep, who, if he goeth through both treadeth down and teareth in pieces, and none can deliver.

Thy hand shall be lifted up upon thine adversaries, and all thine enemies shall be cut off.

And I will gather my people together as a man gathereth his sheaves into the floor.

For I will make my people with whom the Father hath covenanted, yea, I will make thy horn iron, and I will make thy hoofs brass. And thou shalt beat in pieces many people; and I will consecrate their gain unto the Lord, and their substance unto the Lord of the whole earth. And behold, I am he who doeth it.

And it shall come to pass, saith the Father, that the sword of my justice shall hang over them at that day; and except they repent it shall fall upon them, saith the Father, yea, even upon all the nations of the Gentiles.

And it shall come to pass that I will establish my people, O house of Israel.

And behold, this people will I establish in this land, unto the fulfilling of the covenant which I made with your father Jacob; and it shall be a New Jerusalem. And the powers of heaven shall be in the midst of this people; yea, even I will be in the midst of you.

- 23      Này, ta chính là Đấng mà Môi Se đã nói tới như vậy: Chúa, Thượng Đế các người, sẽ đẩy lên trong anh em các người một tiên tri giống như ta; các người phải nghe theo Ngài về mọi điều mà Ngài nói cùng các người. Và chuyện rằng, kẻ nào không nghe theo vị tiên tri đó sẽ bị khai trừ khỏi dân chúng.
- 24      Quả thật, ta nói cho các người hay, phải, tất cả các tiên tri kể từ Sa Mu Ên cho đến những người tiếp nối sau đó, tất cả những người nào đã từng lên tiếng, đều làm chứng về ta.
- 25      Và này, các người là con cháu của các tiên tri; và các người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên; và các người thuộc giao ước mà Đức Chúa Cha đã lập với tổ phụ các người, khi Ngài phán cùng Áp Ra Ham rằng: Nhờ dòng dõi của người, mà tất cả các dân trên thế gian này đều sẽ được phước.
- 26      Đức Chúa Cha đã đẩy ta lên cho các người trước nhất, rồi sai ta xuống ban phước cho các người để dẫn dắt mỗi người trong các người ra khỏi điều bất chính của mình; và sở dĩ phải làm vậy là vì các người là con cái của giao ước—
- 27      Và sau khi các người được ban phước thì đó là lúc Đức Chúa Cha đã làm tròn giao ước mà Ngài đã lập với Áp Ra Ham như vậy: Nhờ dòng dõi của người, mà tất cả các dân trên thế gian này đều được phước—nhờ ta trút Đức Thánh Linh xuống Dân Ngoại, và phước lành này sẽ làm cho Dân Ngoại mạnh hơn tất cả dân khác, khiến họ phân tán dân ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 28      Và họ sẽ là tai họa cho dân xứ này. Tuy nhiên, sau khi họ nhận được phúc âm trọn vẹn của ta, rồi nếu họ chai đá trong lòng chống lại ta, thì ta sẽ trả lại những điều bất chính của họ trên đầu họ, lời Đức Chúa Cha phán vậy.
- 29      Và lúc ấy ta sẽ nhớ đến giao ước mà ta đã lập với dân của ta; và ta đã giao ước với họ rằng, ta sẽ quy tụ họ lại vào kỳ định của ta, rằng ta sẽ ban lại cho họ đất của tổ phụ họ để họ thừa hưởng, đó là xứ Giê Ru Sa Lem, là đất hứa ban cho họ mãi mãi, lời Đức Chúa Cha phán vậy.
- 30      Và chuyện rằng, sẽ tới lúc khi mà phúc âm trọn vẹn của ta sẽ được thuyết giảng cho họ;

Behold, I am he of whom Moses spake, saying: A prophet shall the Lord your God raise up unto you of your brethren, like unto me; him shall ye hear in all things whatsoever he shall say unto you. And it shall come to pass that every soul who will not hear that prophet shall be cut off from among the people.

Verily I say unto you, yea, and all the prophets from Samuel and those that follow after, as many as have spoken, have testified of me.

And behold, ye are the children of the prophets; and ye are of the house of Israel; and ye are of the covenant which the Father made with your fathers, saying unto Abraham: And in thy seed shall all the kindreds of the earth be blessed.

The Father having raised me up unto you first, and sent me to bless you in turning away every one of you from his iniquities; and this because ye are the children of the covenant—

And after that ye were blessed then fulfilleth the Father the covenant which he made with Abraham, saying: In thy seed shall all the kindreds of the earth be blessed—unto the pouring out of the Holy Ghost through me upon the Gentiles, which blessing upon the Gentiles shall make them mighty above all, unto the scattering of my people, O house of Israel.

And they shall be a scourge unto the people of this land. Nevertheless, when they shall have received the fulness of my gospel, then if they shall harden their hearts against me I will return their iniquities upon their own heads, saith the Father.

And I will remember the covenant which I have made with my people; and I have covenanted with them that I would gather them together in mine own due time, that I would give unto them again the land of their fathers for their inheritance, which is the land of Jerusalem, which is the promised land unto them forever, saith the Father.

And it shall come to pass that the time cometh, when the fulness of my gospel shall be preached unto them;



31 Và họ sẽ tin nơi ta, rằng ta là Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, và sẽ cầu nguyện Đức Chúa Cha trong danh ta.

32 Lúc ấy những người canh gác của họ sẽ cất tiếng cùng nhau ca lên; vì họ sẽ được thấy tận mắt.

33 Lúc ấy Đức Chúa Cha sẽ quy tụ họ trở lại, và ban cho họ Giê Ru Sa Lem làm đất thừa hưởng.

34 Lúc ấy họ sẽ vui mừng—Hãy cùng nhau ca hát, hỡi những nơi hoang vắng của Giê Ru Sa Lem; vì Đức Chúa Cha đã an ủi dân Ngài, Ngài đã cứu chuộc Giê Ru Sa Lem.

35 Đức Chúa Cha đã tỏ trần cánh tay thánh của Ngài trước mắt tất cả mọi quốc gia; và tất cả mọi nơi tận cùng của trái đất sẽ được thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Cha; và Đức Chúa Cha với ta là một.

36 Và lúc ấy, những điều gì đã có ghi chép đều được xảy ra: Hãy thức tỉnh, hãy thức tỉnh một lần nữa, và mặc lấy sức mạnh của người, hỡi Si Ôn; hãy mặc lấy những y phục đẹp, hỡi Giê Ru Sa Lem, thành phố thánh, vì từ nay về sau chẳng có kẻ nào chưa được cắt bì hay ô uế được đi vào chỗ của người.

37 Hãy tự giũ sạch bụi đất đi; hãy trỗi dậy và ngồi lên, hỡi Giê Ru Sa Lem; hãy cởi bỏ dây trói buộc nơi cổ người, hỡi người con gái bị giam cầm của Si Ôn.

38 Vì Chúa có phán như vậy: Các người đã tự bán mình bằng cách cho không, và các người sẽ được chuộc lại chẳng bằng tiền bạc.

39 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay rằng, dân ta sẽ biết danh ta; phải, vào ngày đó, họ sẽ biết rằng ta là Đấng đã phán.

40 Và rồi họ sẽ nói rằng: Xinh đẹp thay những bước chân trên núi của người đem lại tin lành cho họ, rao truyền sự bình an, đem lại tin lành cho họ về điều tốt, rao truyền sự cứu rỗi, và nói với Si Ôn rằng: Thượng Đế người đang trị vì!

41 Và rồi một tiếng kêu lớn vọng lên rằng: Các người hãy đi, các người hãy đi, hãy ra khỏi chốn này, chớ đụng vào những gì ô uế; các người hãy ra khỏi nó; hãy thanh sạch, hỡi các người là những người mang các bình chứa của Chúa.

And they shall believe in me, that I am Jesus Christ, the Son of God, and shall pray unto the Father in my name.

Then shall their watchmen lift up their voice, and with the voice together shall they sing; for they shall see eye to eye.

Then will the Father gather them together again, and give unto them Jerusalem for the land of their inheritance.

Then shall they break forth into joy—Sing together, ye waste places of Jerusalem; for the Father hath comforted his people, he hath redeemed Jerusalem.

The Father hath made bare his holy arm in the eyes of all the nations; and all the ends of the earth shall see the salvation of the Father; and the Father and I are one.

And then shall be brought to pass that which is written: Awake, awake again, and put on thy strength, O Zion; put on thy beautiful garments, O Jerusalem, the holy city, for henceforth there shall no more come into thee the uncircumcised and the unclean.

Shake thyself from the dust; arise, sit down, O Jerusalem; loose thyself from the bands of thy neck, O captive daughter of Zion.

For thus saith the Lord: Ye have sold yourselves for naught, and ye shall be redeemed without money.

Verily, verily, I say unto you, that my people shall know my name; yea, in that day they shall know that I am he that doth speak.

And then shall they say: How beautiful upon the mountains are the feet of him that bringeth good tidings unto them, that publisheth peace; that bringeth good tidings unto them of good, that publisheth salvation; that saith unto Zion: Thy God reigneth!

And then shall a cry go forth: Depart ye, depart ye, go ye out from thence, touch not that which is unclean; go ye out of the midst of her; be ye clean that bear the vessels of the Lord.

- 42 Vì các người sẽ chẳng ra đi vội vã hay chạy trốn, vì Chúa sẽ đi trước các người, và Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên sẽ đi phía sau các người.
- 43 Nay, tôi tớ của ta sẽ hành động một cách thận trọng; người sẽ được tôn vinh, tán tụng và rất cao trọng.
- 44 Như nhiều kẻ phải ngạc nhiên khi thấy người—mặt người xấu xí hơn bất cứ ai, và hình dáng người cũng xấu xí hơn các con trai của loài người—
- 45 Như vậy người sẽ rưới lên nhiều quốc gia; các vua sẽ ngậm miệng lại khi thấy người, vì họ sẽ thấy những điều chưa ai từng nói cho họ biết, và họ sẽ hiểu biết những điều họ chưa từng nghe.
- 46 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, tất cả những điều này chắc chắn sẽ xảy đến như Đức Chúa Cha đã truyền lệnh cho ta. Lúc ấy giao ước Đức Chúa Cha đã lập với dân Ngài sẽ được làm tròn; và rồi lúc ấy, dân của ta sẽ lại cư ngụ tại Giê Ru Sa Lem, và nơi đó sẽ là đất thừa hưởng của họ.

For ye shall not go out with haste nor go by flight; for the Lord will go before you, and the God of Israel shall be your rearward.

Behold, my servant shall deal prudently; he shall be exalted and extolled and be very high.

As many were astonished at thee—his visage was so marred, more than any man, and his form more than the sons of men—

So shall he sprinkle many nations; the kings shall shut their mouths at him, for that which had not been told them shall they see; and that which they had not heard shall they consider.

Verily, verily, I say unto you, all these things shall surely come, even as the Father hath commanded me. Then shall this covenant which the Father hath covenanted with his people be fulfilled; and then shall Jerusalem be inhabited again with my people, and it shall be the land of their inheritance.

### 3 Nê Phi 21

- 1 Và quả thật, ta nói cho các người hay, ta ban cho các người một điềm triệu để các người có thể biết được khi nào những điều này xảy ra—tức là việc ta sẽ quy tụ dân của ta lại, tức là gia tộc Y Sơ Ra Ên, sau một thời gian lâu dài họ bị phân tán, và ta sẽ thiết lập lại Si Ôn của ta ở giữa họ;
- 2 Và này, đây là điều mà ta sẽ ban cho các người làm điềm triệu—vì quả thật, ta nói cho các người hay rằng, khi mà những điều này là những điều mà ta đã rao truyền cho các người, và là những điều ta sẽ đích thân rao truyền cho các người sau này, và qua quyền năng của Đức Thánh Linh, mà các người sẽ được Đức Chúa Cha ban cho, sẽ được tiết lộ cho Dân Ngoại biết để họ có thể biết được về dân này, là dân còn sót lại của gia tộc Gia Cóp, và về dân này của ta là những người sẽ bị họ phân tán;
- 3 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, khi mà những điều này sẽ được Đức Chúa Cha cho họ biết và do từ Đức Chúa Cha truyền đến họ, và từ họ truyền lại cho các người;
- 4 Vì đó là sự thông sáng của Đức Chúa Cha là họ phải được định cư tại xứ này và được lập lên làm một dân tộc tự do bởi quyền năng của Đức Chúa Cha, để cho những điều này sẽ từ họ mà truyền đến dân còn sót lại của dòng dõi các người, để giao ước mà Đức Chúa Cha đã lập với dân Ngài được làm tròn, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên;
- 5 Vậy nên, khi những công việc này, và những công việc sẽ được thực hiện ở giữa các người sau này sẽ phát xuất từ những người Dân Ngoại, dòng dõi các người là những kẻ sẽ sa vào vòng vô tín ngưỡng vì sự bất chính;
- 6 Vì Đức Chúa Cha thấy cần phải để cho việc ấy xuất phát từ Dân Ngoại, ngõ hầu Ngài có thể tỏ quyền năng của Ngài cho Dân Ngoại biết, vì nếu Dân Ngoại không chai đá trong lòng, thì việc này sẽ làm cho họ hối cải mà đến cùng ta, và chịu phép báp têm trong danh ta, và hiểu biết những điểm trung thực của giáo lý ta, để họ có thể được tính vào số dân của ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên;

### 3 Nephi 21

And verily I say unto you, I give unto you a sign, that ye may know the time when these things shall be about to take place—that I shall gather in, from their long dispersion, my people, O house of Israel, and shall establish again among them my Zion;

And behold, this is the thing which I will give unto you for a sign—for verily I say unto you that when these things which I declare unto you, and which I shall declare unto you hereafter of myself, and by the power of the Holy Ghost which shall be given unto you of the Father, shall be made known unto the Gentiles that they may know concerning this people who are a remnant of the house of Jacob, and concerning this my people who shall be scattered by them;

Verily, verily, I say unto you, when these things shall be made known unto them of the Father, and shall come forth of the Father, from them unto you;

For it is wisdom in the Father that they should be established in this land, and be set up as a free people by the power of the Father, that these things might come forth from them unto a remnant of your seed, that the covenant of the Father may be fulfilled which he hath covenanted with his people, O house of Israel;

Therefore, when these works and the works which shall be wrought among you hereafter shall come forth from the Gentiles, unto your seed which shall dwindle in unbelief because of iniquity;

For thus it behooveth the Father that it should come forth from the Gentiles, that he may show forth his power unto the Gentiles, for this cause that the Gentiles, if they will not harden their hearts, that they may repent and come unto me and be baptized in my name and know of the true points of my doctrine, that they may be numbered among my people, O house of Israel;

- 7 Và khi những điều này xảy ra để cho dòng dõi các người bắt đầu hiểu biết những điều này—thì sẽ có một điềm triệu cho chúng để chúng biết rằng công việc của Đức Chúa Cha đã bắt đầu để làm tròn giao ước mà Ngài đã lập với dân thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 8 Và khi ngày ấy đến, thì chuyện rằng, các vua sẽ ngậm miệng; vì họ sẽ được thấy những điều chưa ai nói cho họ hay; và họ sẽ suy ngẫm những điều họ chưa từng được nghe.
- 9 Vì đến ngày ấy, vì ta Đức Chúa Cha sẽ làm một công việc, một công việc vĩ đại và kỳ diệu ở giữa họ; và trong bọn họ sẽ có những kẻ không tin mặc dù sẽ có một người rao truyền điều đó cho họ biết.
- 10 Nhưng này, sự sống của tôi tớ ta sẽ ở trong tay ta; vậy nên họ không làm thương tổn được người ấy, mặc dù dung mạo người ấy sẽ bị hủy hoại vì họ. Nhưng ta sẽ chữa lành cho người ấy, vì ta sẽ tỏ cho họ thấy rằng sự thông sáng của ta lớn hơn sự xảo quyệt của quỷ dữ.
- 11 Vậy nên chuyện rằng, bất cứ kẻ nào không chịu tin những lời của ta, là Giê Su Kỵ Tô, mà những lời này Đức Chúa Cha khiến người ấy mang lại cho Dân Ngoại, và Ngài sẽ ban cho người ấy quyền năng để đem đến cho Dân Ngoại những lời này, (việc đó sẽ được thực hiện đúng như lời Môi Se đã nói) thì sẽ bị khai trừ khỏi dân ta là dân của giao ước.
- 12 Và dân của ta là dân còn sót lại của Gia Cốp sẽ ở giữa Dân Ngoại, phải, sẽ sống giữa họ như sư tử ở giữa đám thú rừng, như sư tử con ở giữa các bầy chiên, và khi nào nó đi qua, nó chà đạp và cắn xé thành muôn mảnh, và chẳng ai có thể giải cứu được.
- 13 Tay họ sẽ đẩy lên trên các kẻ thù nghịch của mình và tất cả kẻ thù của họ sẽ bị khai trừ.
- 14 Phải, khốn thay cho những người Dân Ngoại nếu họ không hối cải; vì chuyện rằng vào ngày đó, lời Đức Chúa Cha phán, ta sẽ loại bỏ ngựa ra khỏi người, và ta sẽ hủy diệt xe ngựa người;
- 15 Và ta sẽ loại bỏ những thành phố trong xứ người, và san bằng tất cả đồn lũy của người;
- 16 Và ta sẽ loại bỏ yêu thuật ra khỏi xứ người, và người sẽ không còn tên thầy bói nào nữa;

And when these things come to pass that thy seed shall begin to know these things—it shall be a sign unto them, that they may know that the work of the Father hath already commenced unto the fulfilling of the covenant which he hath made unto the people who are of the house of Israel.

And when that day shall come, it shall come to pass that kings shall shut their mouths; for that which had not been told them shall they see; and that which they had not heard shall they consider.

For in that day, for my sake shall the Father work a work, which shall be a great and a marvelous work among them; and there shall be among them those who will not believe it, although a man shall declare it unto them.

But behold, the life of my servant shall be in my hand; therefore they shall not hurt him, although he shall be marred because of them. Yet I will heal him, for I will show unto them that my wisdom is greater than the cunning of the devil.

Therefore it shall come to pass that whosoever will not believe in my words, who am Jesus Christ, which the Father shall cause him to bring forth unto the Gentiles, and shall give unto him power that he shall bring them forth unto the Gentiles, (it shall be done even as Moses said) they shall be cut off from among my people who are of the covenant.

And my people who are a remnant of Jacob shall be among the Gentiles, yea, in the midst of them as a lion among the beasts of the forest, as a young lion among the flocks of sheep, who, if he go through both treadeth down and teareth in pieces, and none can deliver.

Their hand shall be lifted up upon their adversaries, and all their enemies shall be cut off.

Yea, wo be unto the Gentiles except they repent; for it shall come to pass in that day, saith the Father, that I will cut off thy horses out of the midst of thee, and I will destroy thy chariots;

And I will cut off the cities of thy land, and throw down all thy strongholds;

And I will cut off witchcrafts out of thy land, and thou shalt have no more soothsayers;

17 Và ta cũng loại bỏ những hình tượng chạm trổ và trụ tượng người, để người không còn thờ phượng những tác phẩm của tay mình làm ra;

18 Và ta sẽ nhổ hết những lùm cây của người khỏi giữa người, và ta cũng sẽ hủy diệt các thành phố của người.

19 Và chuyện rằng, tất cả những điều dối trá, những sự lừa gạt, ganh tị, tranh chấp, sự mưu chước tăng tể và những sự tà dâm sẽ chấm dứt.

20 Vì chuyện rằng, lời Đức Chúa Cha phán, vào ngày đó, nếu kẻ nào không chịu hối cải và đến cùng Con Trai Yêu Dấu của ta, thì ta sẽ khai trừ những kẻ đó ra khỏi dân ta, hồi gia tộc Y Sơ Ra Ên;

21 Và ta sẽ thi hành việc trả thù cùng trút cơn thịnh nộ lên họ, chẳng khác chi đối với dân tà giáo, mà những điều như vậy họ chưa hề nghe đến.

22 Nhưng nếu họ hối cải và nghe theo lời của ta, và không chai đá trong lòng, thì ta sẽ thiết lập giáo hội của ta giữa họ, và họ sẽ gia nhập giao ước, và được tính vào số dân còn sót lại này của Gia Cóp, là những người được ta ban cho đất này để thừa hưởng;

23 Và họ sẽ giúp dân của ta, là dân còn sót lại của Gia Cóp, cùng tất cả những người sẽ đến thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên, để họ có thể xây dựng một thành phố gọi là Tân Giê Ru Sa Lem.

24 Và rồi họ sẽ giúp dân của ta đang bị phân tán trên khắp mặt đất được quy tụ lại tại Tân Giê Ru Sa Lem.

25 Và rồi quyền năng trên trời sẽ xuống cùng họ; và chính ta cũng sẽ ở giữa họ.

26 Và rồi công việc của Đức Chúa Cha sẽ bắt đầu vào ngày đó, khi mà phúc âm này sẽ được thuyết giảng cho những kẻ còn sót lại của dân này. Quả thật, ta nói cho các người hay, vào ngày ấy, công việc của Đức Chúa Cha sẽ bắt đầu giữa dân bị phân tán của ta; phải, ngay cả những chi tộc bị thất lạc, là những chi tộc mà Đức Chúa Cha đã dẫn dắt ra khỏi Giê Ru Sa Lem.

27 Phải, công việc của Đức Chúa Cha sẽ bắt đầu giữa tất cả những dân bị phân tán của ta, để chuẩn bị một con đường, mà nhờ đó họ có thể đến cùng ta, ngõ hầu họ có thể kêu cầu Đức Chúa Cha trong danh ta.

Thy graven images I will also cut off, and thy standing images out of the midst of thee, and thou shalt no more worship the works of thy hands;

And I will pluck up thy groves out of the midst of thee; so will I destroy thy cities.

And it shall come to pass that all lyings, and deceivings, and envyings, and strifes, and priestcrafts, and whoredoms, shall be done away.

For it shall come to pass, saith the Father, that at that day whosoever will not repent and come unto my Beloved Son, them will I cut off from among my people, O house of Israel;

And I will execute vengeance and fury upon them, even as upon the heathen, such as they have not heard.

But if they will repent and hearken unto my words, and harden not their hearts, I will establish my church among them, and they shall come in unto the covenant and be numbered among this the remnant of Jacob, unto whom I have given this land for their inheritance;

And they shall assist my people, the remnant of Jacob, and also as many of the house of Israel as shall come, that they may build a city, which shall be called the New Jerusalem.

And then shall they assist my people that they may be gathered in, who are scattered upon all the face of the land, in unto the New Jerusalem.

And then shall the power of heaven come down among them; and I also will be in the midst.

And then shall the work of the Father commence at that day, even when this gospel shall be preached among the remnant of this people. Verily I say unto you, at that day shall the work of the Father commence among all the dispersed of my people, yea, even the tribes which have been lost, which the Father hath led away out of Jerusalem.

Yea, the work shall commence among all the dispersed of my people, with the Father to prepare the way whereby they may come unto me, that they may call on the Father in my name.

28 Phải, và lúc đó công việc của Đức Chúa Cha sẽ bắt đầu trên mọi quốc gia để chuẩn bị một con đường, mà nhờ đó dân Ngài có thể quy tụ tại quê hương, đất thừa hưởng của họ.

29 Và họ sẽ rời bỏ mọi quốc gia; và họ sẽ không đi trong sự vội vàng và cũng không chạy trốn, vì ta sẽ đi trước họ, và ta cũng sẽ đi đằng sau họ, lời Đức Chúa Cha phán vậy.

Yea, and then shall the work commence, with the Father among all nations in preparing the way whereby his people may be gathered home to the land of their inheritance.

And they shall go out from all nations; and they shall not go out in haste, nor go by flight, for I will go before them, saith the Father, and I will be their rearward.

### 3 Nê Phi 22

- 1 Và thế rồi, những điều đã có ghi chép sẽ xảy ra: Hãy ca hát, hỡi kẻ son sẽ không sinh sản kia; hãy ca hát và reo mừng, hỡi người là kẻ chưa từng biết mang nặng đẻ đau; vì con cái của đàn bà chồng bỏ còn đông hơn con cái của đàn bà có chồng, lời Chúa phán vậy.
- 2 Hãy nở rộng lều trại của người ra, hãy giương màn nơi chỗ ở; chớ để chật hẹp, hãy giăng dây cho dài, và củng cố lại các cọc trụ cho chắc;
- 3 Vì người sẽ ở lan rộng ra bên hữu và bên tả, và dòng dõi của người sẽ thừa hưởng của cải của Dân Ngoại và làm cho các thành phố tiêu điều được đông dân cư.
- 4 Đừng sợ hãi chi, vì người sẽ chẳng bị hổ thẹn; đừng bối rối chi, vì người chẳng còn bị làm cho xấu hổ nữa; vì người sẽ quên đi điều xấu hổ lúc còn thơ ấu, sẽ không còn nhớ điều sỉ nhục lúc thanh xuân, và sẽ không còn nhớ lại sự nhơ nhuốc khi mình đương góa bụa.
- 5 Vì Đấng sáng tạo ra người, tức là chồng người, Chúa Muôn Quân là danh Ngài; Đấng Cứu Chuộc người tức là Đấng Thánh của Y Sơ Ra Ên—Đấng sẽ được tôn xưng là Thượng Đế của toàn thể thế gian.
- 6 Vì Chúa đã gọi người như người vợ bị ruồng bỏ và đang ưu sầu trong lòng, và như người vợ bị ruồng bỏ lúc còn thanh xuân, Thượng Đế của người phán vậy.
- 7 Vì ta đã bỏ người trong chốc lát, nhưng với lòng thương xót vô biên, ta sẽ thu người lại.
- 8 Trong cơn nóng giận, ta đã ẩn mặt người một lúc, nhưng với lòng nhân từ vĩnh viễn ta sẽ thương xót người, Chúa là Đấng Cứu Chuộc người phán vậy.
- 9 Điều này đối với ta cũng như nước lụt thời Nô Ê, vì như khi ta đã thề rằng nước lụt của Nô Ê sẽ không còn tràn lên đất nữa, thì ta cũng thề rằng ta sẽ không giận người nữa;
- 10 Và dù núi sẽ dời, đồi sẽ chuyển, nhưng lòng nhân từ của ta sẽ chẳng bao giờ rời khỏi người, và lời giao ước bình an của ta sẽ chẳng chuyển, lời Chúa là Đấng thương xót người phán vậy.

### 3 Nephi 22

And then shall that which is written come to pass: Sing, O barren, thou that didst not bear; break forth into singing, and cry aloud, thou that didst not travail with child; for more are the children of the desolate than the children of the married wife, saith the Lord.

Enlarge the place of thy tent, and let them stretch forth the curtains of thy habitations; spare not, lengthen thy cords and strengthen thy stakes;

For thou shalt break forth on the right hand and on the left, and thy seed shall inherit the Gentiles and make the desolate cities to be inhabited.

Fear not, for thou shalt not be ashamed; neither be thou confounded, for thou shalt not be put to shame; for thou shalt forget the shame of thy youth, and shalt not remember the reproach of thy youth, and shalt not remember the reproach of thy widowhood any more.

For thy maker, thy husband, the Lord of Hosts is his name; and thy Redeemer, the Holy One of Israel—the God of the whole earth shall he be called.

For the Lord hath called thee as a woman forsaken and grieved in spirit, and a wife of youth, when thou wast refused, saith thy God.

For a small moment have I forsaken thee, but with great mercies will I gather thee.

In a little wrath I hid my face from thee for a moment, but with everlasting kindness will I have mercy on thee, saith the Lord thy Redeemer.

For this, the waters of Noah unto me, for as I have sworn that the waters of Noah should no more go over the earth, so have I sworn that I would not be wroth with thee.

For the mountains shall depart and the hills be removed, but my kindness shall not depart from thee, neither shall the covenant of my peace be removed, saith the Lord that hath mercy on thee.

- 11 Hỡi người đương khốn cùng, bị bão lung lay và không ai an ủi! Nay, ta sẽ lấy đá muôn màu mà lát cho người đi; ta sẽ lập nền người bằng thanh ngọc.
- 12 Và ta sẽ lấy mã não làm cửa sổ cho người, lấy hồng ngọc làm cửa lớn cho người, và cả bờ cõi người đều làm bằng đá quý.
- 13 Và tất cả con cái của người sẽ được Chúa dạy dỗ, và sự bình an của con cái người sẽ lớn lao thay;
- 14 Người sẽ được đứng vững trong sự ngay chính; người sẽ tránh khỏi sự hiếp đáp vì người sẽ chẳng còn phải sợ hãi chi; và người sẽ tránh khỏi sự kinh sợ vì sự kính sợ chẳng đến được gần người.
- 15 Nay, chắc chắn sẽ có kẻ tụ họp lập mưu hại người, nhưng việc đó chẳng phải do ta; bất cứ kẻ nào tụ tập nhau lại để hại người cũng sẽ ngã xuống vì có người.
- 16 Nay, ta đã tạo ra người thợ rèn để thổi lửa than và chế ra dụng cụ để dùng; và ta cũng tạo ra kẻ phá hoại để hủy diệt.
- 17 Phàm binh khí nào chế ra để chống lại người đều không đắc dụng; và mọi giọng lưỡi dùng sự xét đoán mà thóa mạ người đều sẽ bị người kết tội. Đó là sản nghiệp của các tôi tớ của Chúa, và sự ngay chính của họ là thuộc về ta, lời Chúa phán vậy.

O thou afflicted, tossed with tempest, and not comforted! Behold, I will lay thy stones with fair colors, and lay thy foundations with sapphires.

And I will make thy windows of agates, and thy gates of carbuncles, and all thy borders of pleasant stones.

And all thy children shall be taught of the Lord; and great shall be the peace of thy children.

In righteousness shalt thou be established; thou shalt be far from oppression for thou shalt not fear, and from terror for it shall not come near thee.

Behold, they shall surely gather together against thee, not by me; whosoever shall gather together against thee shall fall for thy sake.

Behold, I have created the smith that bloweth the coals in the fire, and that bringeth forth an instrument for his work; and I have created the waster to destroy.

No weapon that is formed against thee shall prosper; and every tongue that shall revile against thee in judgment thou shalt condemn. This is the heritage of the servants of the Lord, and their righteousness is of me, saith the Lord.



### 3 Nê Phi 23

- 1 Và giờ đây, này, ta nói cho các người hay rằng, các người cần phải tìm hiểu những điều này. Phải, ta truyền lệnh cho các người phải chuyên tâm tìm hiểu những điều này; vì những lời nói của Ê Sai thật vĩ đại thay!
- 2 Vì quả thật người đã nói tới tất cả những điều có liên hệ đến dân của ta là gia tộc Y Sơ Ra Ên; vậy nên, điều cần thiết là người cũng cần phải nói với Dân Ngoại nữa.
- 3 Và tất cả những điều người nói đều đã xảy ra và sẽ xảy ra đúng như lời người nói.
- 4 Vậy nên, hãy chú tâm đến những lời của ta. Hãy ghi chép những điều ta đã phán bảo cho các người; và tùy theo thời gian và ý muốn của Đức Chúa Cha mà những điều ấy sẽ đến với Dân Ngoại.
- 5 Và bất cứ kẻ nào chịu nghe lời ta, và hối cải cùng chịu phép báp têm thì sẽ được cứu. Hãy tìm hiểu các lời tiên tri, vì có nhiều lời làm chứng cho những điều này.
- 6 Và giờ đây chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài lặp lại một lần nữa, sau khi Ngài đã giải thích cho họ hiểu tất cả thánh thư mà họ đã có, Ngài phán cùng họ rằng: Này, ta muốn các người ghi chép thêm những thánh thư khác mà các người chưa có.
- 7 Và chuyện rằng Ngài phán cùng Nê Phi: Hãy đem ra đây biên sử mà người đang cất giữ.
- 8 Và khi Nê Phi mang các biên sử đến để trước mặt Ngài, Ngài đưa mắt nhìn và phán rằng:
- 9 Quả thật, ta nói cho các người hay, ta có truyền lệnh cho tôi tớ của ta là Sa Mu Ên, người La Man, phải làm chứng với dân này rằng, đến ngày mà Đức Chúa Cha sẽ vinh danh Ngài nơi ta thì sẽ có nhiều thánh đồ được sống lại từ cõi chết và sẽ xuất hiện trước mặt nhiều người và phục sự họ. Và rồi Ngài hỏi họ rằng: Không phải vậy sao?
- 10 Và các môn đồ của Ngài đáp lời Ngài rằng: Thưa Chúa, đúng vậy, Sa Mu Ên đã tiên tri đúng như lời Ngài phán, và những điều đó đã được ứng nghiệm.

### 3 Nephi 23

And now, behold, I say unto you, that ye ought to search these things. Yea, a commandment I give unto you that ye search these things diligently; for great are the words of Isaiah.

For surely he spake as touching all things concerning my people which are of the house of Israel; therefore it must needs be that he must speak also to the Gentiles.

And all things that he spake have been and shall be, even according to the words which he spake.

Therefore give heed to my words; write the things which I have told you; and according to the time and the will of the Father they shall go forth unto the Gentiles.

And whosoever will hearken unto my words and repenteth and is baptized, the same shall be saved. Search the prophets, for many there be that testify of these things.

And now it came to pass that when Jesus had said these words he said unto them again, after he had expounded all the scriptures unto them which they had received, he said unto them: Behold, other scriptures I would that ye should write, that ye have not.

And it came to pass that he said unto Nephi: Bring forth the record which ye have kept.

And when Nephi had brought forth the records, and laid them before him, he cast his eyes upon them and said:

Verily I say unto you, I commanded my servant Samuel, the Lamanite, that he should testify unto this people, that at the day that the Father should glorify his name in me that there were many saints who should arise from the dead, and should appear unto many, and should minister unto them. And he said unto them: Was it not so?

And his disciples answered him and said: Yea, Lord, Samuel did prophesy according to thy words, and they were all fulfilled.

- 11 Và Chúa Giê Su lại hỏi họ: Sao các người không ghi chép điều này, nghĩa là có nhiều thánh đồ đã sống lại và xuất hiện trước mặt nhiều người và đã phục sự họ?
- 12 Và chuyện rằng, Nê Phi nhớ ra là điều này đã không được ghi chép.
- 13 Và chuyện rằng Chúa Giê Su truyền lệnh phải ghi chép điều này; vậy nên, điều này đã được ghi chép theo như Ngài đã truyền lệnh.
- 14 Và giờ đây chuyện rằng, khi Chúa Giê Su giải thích xong tất cả những phần thánh thư chung với nhau, mà họ đã ghi chép, Ngài truyền lệnh cho họ phải giảng dạy cho dân chúng những điều mà Ngài đã giải thích cho họ.

And Jesus said unto them: How be it that ye have not written this thing, that many saints did arise and appear unto many and did minister unto them?

And it came to pass that Nephi remembered that this thing had not been written.

And it came to pass that Jesus commanded that it should be written; therefore it was written according as he commanded.

And now it came to pass that when Jesus had expounded all the scriptures in one, which they had written, he commanded them that they should teach the things which he had expounded unto them.

### 3 Nê Phi 24

- 1 Và chuyện rằng, Ngài truyền lệnh cho họ phải ghi chép những lời Đức Chúa Cha đã ban cho Ma La Chi mà Ngài sẽ nói cho họ biết. Và chuyện rằng, sau khi họ ghi chép xong, Ngài đã giải thích cho họ. Và sau đây là những lời mà Ngài đã nói cho họ biết: Đức Chúa Cha phán cùng Ma La Chi như vậy: Này, ta sẽ sai sứ giả của ta đến, người sẽ dọn đường trước mặt ta, và Chúa mà các người tìm kiếm sẽ bất thành linh tới đền thờ của Ngài, tức là sứ giả của sự giao ước là người mà các người hằng ưa thích; này, Ngài sẽ đến, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 2 Nhưng ai sẽ đương nổi được ngày Ngài đến, và ai sẽ đứng được khi Ngài hiện ra? Vì Ngài giống như lửa của thợ luyện và như thuốc tẩy của thợ giặt.
- 3 Và Ngài sẽ ngồi như thợ luyện bạc và làm cho sạch; Ngài sẽ tẩy uế các con trai của Lê Vi cho chúng nên tinh sạch như vàng và bạc, để chúng có thể dâng của lễ lên Chúa trong sự ngay chính.
- 4 Bây giờ, của lễ của Giu Đa và Giê Ru Sa Lem sẽ được đẹp lòng Chúa như những ngày xưa và như những năm vắng khứ.
- 5 Và ta sẽ đến gần các người để phán xét; và ta sẽ vội vàng làm chứng nghịch cùng những kẻ đồng bóng, ngoại tình, những kẻ thề dối, những kẻ gạt tiền công của người làm mướn, hiếp đáp người góa bụa, trẻ mồ côi, và những kẻ làm ngơ người khách lạ, và những kẻ không kính sợ ta, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 6 Vì ta là Chúa, ta không hề thay đổi, bởi cố đó, các người là con trai của Gia Cốp chẳng bị thiêu hủy.
- 7 Ngay từ thời tổ phụ các người, các người đã xây bỏ các luật lệ của ta và không tuân giữ. Hãy trở lại cùng ta thì ta sẽ trở lại cùng các người, Chúa Muôn Quân phán vậy. Nhưng các người nói rằng: Bởi đâu chúng tôi sẽ trở lại?
- 8 Người ta có thể ăn cắp của Thượng Đế sao? Vậy mà các người đã ăn cắp của ta. Nhưng các người bảo: Chúng tôi ăn cắp gì của Ngài đâu? Các người đã ăn cắp trong các cửa thập phân và trong các cửa hiến dâng.
- 9 Các người bị rửa sạch bằng lối nguyên rửa, vì các người thấy cả nước đều ăn cắp của ta.

### 3 Nephi 24

And it came to pass that he commanded them that they should write the words which the Father had given unto Malachi, which he should tell unto them. And it came to pass that after they were written he expounded them. And these are the words which he did tell unto them, saying: Thus said the Father unto Malachi—Behold, I will send my messenger, and he shall prepare the way before me, and the Lord whom ye seek shall suddenly come to his temple, even the messenger of the covenant, whom ye delight in; behold, he shall come, saith the Lord of Hosts.

But who may abide the day of his coming, and who shall stand when he appeareth? For he is like a refiner's fire, and like fuller's soap.

And he shall sit as a refiner and purifier of silver; and he shall purify the sons of Levi, and purge them as gold and silver, that they may offer unto the Lord an offering in righteousness.

Then shall the offering of Judah and Jerusalem be pleasant unto the Lord, as in the days of old, and as in former years.

And I will come near to you to judgment; and I will be a swift witness against the sorcerers, and against the adulterers, and against false swearers, and against those that oppress the hireling in his wages, the widow and the fatherless, and that turn aside the stranger, and fear not me, saith the Lord of Hosts.

For I am the Lord, I change not; therefore ye sons of Jacob are not consumed.

Even from the days of your fathers ye are gone away from mine ordinances, and have not kept them. Return unto me and I will return unto you, saith the Lord of Hosts. But ye say: Wherein shall we return?

Will a man rob God? Yet ye have robbed me. But ye say: Wherein have we robbed thee? In tithes and offerings.

Ye are cursed with a curse, for ye have robbed me, even this whole nation.

- 10 Các người hãy đem tất cả của thập phân vào nhà kho, hầu cho trong nhà ta có lương thực; và từ nay các người hãy lấy điều này mà thử ta, xem ta có mở cửa sổ trên trời cho các người, và đổ phước lành xuống cho các người, đến nỗi không còn đủ chỗ để chứa chẳng, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 11 Ta sẽ vì các người mà ngăn cấm vật hay cản phá, để nó không phá hại hoa quả của đất đai các người; và các cây nho của các người trong đồng ruộng cũng sẽ không rụng trái trước khi đến mùa, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 12 Và mọi quốc gia sẽ gọi các người là có phước, vì xứ sở các người sẽ là đất tốt lành, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 13 Chúa phán rằng: Các người đã lấy lời ngang trái nghịch cùng ta. Nhưng các người nói rằng: Chúng tôi có nói gì nghịch cùng Ngài?
- 14 Các người có nói: Hầu việc Thượng Đế là điều vô ích, chúng ta có lợi lộc gì khi phải tuân giữ những giáo lễ của Ngài, và bước đi một cách buồn rầu trước mặt Chúa Muôn Quân?
- 15 Và giờ đây chúng ta kể những kẻ kiêu ngạo là có hạnh phúc; phải, những kẻ làm điều tà ác là tấn tới; phải, họ là những kẻ thử Thượng Đế mà vẫn được giải cứu.
- 16 Thế rồi những kẻ kính sợ Chúa thường trò chuyện với nhau, và Chúa để ý mà nghe; và một cuốn sách ghi nhớ được viết ra trước mặt Ngài cho những người biết kính sợ Chúa và tưởng nhớ đến danh Ngài.
- 17 Chúa Muôn Quân phán rằng: Những kẻ ấy sẽ thuộc về ta vào ngày ta đến thu hồi các báu vật của ta; và ta sẽ dung tha chúng như một người dung tha đứa con trai đang hầu việc mình.
- 18 Bây giờ các người sẽ trở lại và sẽ phân biệt giữa người ngay chính với kẻ tà ác, giữa kẻ hầu việc Thượng Đế với kẻ không hầu việc Ngài.

Bring ye all the tithes into the storehouse, that there may be meat in my house; and prove me now herewith, saith the Lord of Hosts, if I will not open you the windows of heaven, and pour you out a blessing that there shall not be room enough to receive it.

And I will rebuke the devourer for your sakes, and he shall not destroy the fruits of your ground; neither shall your vine cast her fruit before the time in the fields, saith the Lord of Hosts.

And all nations shall call you blessed, for ye shall be a delightsome land, saith the Lord of Hosts.

Your words have been stout against me, saith the Lord. Yet ye say: What have we spoken against thee?

Ye have said: It is vain to serve God, and what doth it profit that we have kept his ordinances and that we have walked mournfully before the Lord of Hosts?

And now we call the proud happy; yea, they that work wickedness are set up; yea, they that tempt God are even delivered.

Then they that feared the Lord spake often one to another, and the Lord hearkened and heard; and a book of remembrance was written before him for them that feared the Lord, and that thought upon his name.

And they shall be mine, saith the Lord of Hosts, in that day when I make up my jewels; and I will spare them as a man spareth his own son that serveth him.

Then shall ye return and discern between the righteous and the wicked, between him that serveth God and him that serveth him not.

### 3 Nê Phi 25

- 1 Vì này, ngày ấy đến sẽ cháy đỏ như lò lửa; và tất cả những kẻ kiêu ngạo, phải, tất cả những kẻ làm điều tà ác sẽ như rơm rạ; và ngày ấy đến sẽ thiêu đốt chúng và sẽ chẳng chừa lại cho chúng rễ hay cành, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 2 Nhưng đối với các người là những kẻ kính sợ danh ta, thì Vị Nam Tử Ngay Chính sẽ trở dậy với sự chữa lành trong đôi cánh của Ngài; và các người sẽ tiến lên và lớn mạnh như bò tơ trong chuồng.
- 3 Và các người sẽ giày đạp những kẻ tà ác; vì chúng sẽ là tro bụi dưới gót chân các người vào ngày ta làm việc này, Chúa Muôn Quân phán vậy.
- 4 Hãy nhớ lại luật pháp của tôi tớ ta là Môi Se, mà ta đã truyền cho người tại Hô Rếp, với tất cả những luật lệ và mạng lệnh cho toàn thể Y Sơ Ra Ên.
- 5 Đây, ta sẽ sai tiên tri Ê Li đến với các người trước khi ngày trọng đại và khủng khiếp của Chúa đến;
- 6 Và người sẽ làm cho lòng cha trở lại cùng con cái, và làm cho lòng con cái trở lại cùng cha, kéo ta đến lấy sự rửa sả mà đánh đất này.

### 3 Nephi 25

For behold, the day cometh that shall burn as an oven; and all the proud, yea, and all that do wickedly, shall be stubble; and the day that cometh shall burn them up, saith the Lord of Hosts, that it shall leave them neither root nor branch.

But unto you that fear my name, shall the Son of Righteousness arise with healing in his wings; and ye shall go forth and grow up as calves in the stall.

And ye shall tread down the wicked; for they shall be ashes under the soles of your feet in the day that I shall do this, saith the Lord of Hosts.

Remember ye the law of Moses, my servant, which I commanded unto him in Horeb for all Israel, with the statutes and judgments.

Behold, I will send you Elijah the prophet before the coming of the great and dreadful day of the Lord;

And he shall turn the heart of the fathers to the children, and the heart of the children to their fathers, lest I come and smite the earth with a curse.

### 3 Nê Phi 26

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những điều này, Ngài đã giải thích những điều này cho dân chúng nghe; Ngài giải nghĩa tất cả mọi sự việc cho họ biết, việc lớn lẫn việc nhỏ.
- 2 Ngài phán rằng: Những thánh thư mà các người chưa có, Đức Chúa Cha có truyền lệnh cho ta phải ban cho các người; vì do sự thông sáng của Ngài, các thánh thư đó phải được truyền lại cho các thế hệ tương lai.
- 3 Và Ngài giải nghĩa tất cả mọi việc, từ lúc ban đầu cho đến ngày Ngài đến trong vinh quang—phải, tất cả mọi sự việc sẽ xảy ra trên mặt đất này, cho đến ngày các nguyên tố sẽ bị tan chảy dưới sức nóng khủng khiếp, và trái đất sẽ bị cuộn lại như một cuộn giấy, và trời đất sẽ qua đi;
- 4 Và đến ngày trọng đại cuối cùng, khi mà tất cả mọi dân tộc, mọi sắc tộc, mọi quốc gia, và mọi sắc ngữ đều đứng trước mặt Thượng Đế để chịu sự phán xét về những việc làm của mình, dù đó là việc thiện hay ác—
- 5 Nếu là những việc thiện, thì họ sẽ được phục sinh vào cuộc sống vĩnh viễn; còn nếu là những việc ác thì họ sẽ được phục sinh vào kiếp sống đọa đày; hai bên đều song hành, những người này ở bên này, và những người kia ở bên kia, thể theo sự thương xót, công lý và thánh thiện hằng có nơi Đấng Kỵ Tô, là Đấng đã có trước khi thế gian bắt đầu.
- 6 Và giờ đây những điều này không thể ghi chép hết ra trong sách này được, dù chỉ một phần trăm những điều mà Chúa Giê Su đã thực sự giảng dạy cho dân chúng.
- 7 Nhưng này, các bản khắc Nê Phi có chứa đựng phần lớn những điều mà Ngài giảng dạy cho dân chúng.
- 8 Và những điều tôi ghi chép đây chỉ là một phần nhỏ những điều mà Ngài giảng dạy cho dân chúng; và tôi ghi chép những điều này với ý định là để cho nó được truyền lại cho dân này qua những người Dân Ngoại, theo lời Chúa Giê Su đã phán.

### 3 Nephi 26

And now it came to pass that when Jesus had told these things he expounded them unto the multitude; and he did expound all things unto them, both great and small.

And he saith: These scriptures, which ye had not with you, the Father commanded that I should give unto you; for it was wisdom in him that they should be given unto future generations.

And he did expound all things, even from the beginning until the time that he should come in his glory—yea, even all things which should come upon the face of the earth, even until the elements should melt with fervent heat, and the earth should be wrapt together as a scroll, and the heavens and the earth should pass away;

And even unto the great and last day, when all people, and all kindreds, and all nations and tongues shall stand before God, to be judged of their works, whether they be good or whether they be evil—

If they be good, to the resurrection of everlasting life; and if they be evil, to the resurrection of damnation; being on a parallel, the one on the one hand and the other on the other hand, according to the mercy, and the justice, and the holiness which is in Christ, who was before the world began.

And now there cannot be written in this book even a hundredth part of the things which Jesus did truly teach unto the people;

But behold the plates of Nephi do contain the more part of the things which he taught the people.

And these things have I written, which are a lesser part of the things which he taught the people; and I have written them to the intent that they may be brought again unto this people, from the Gentiles, according to the words which Jesus hath spoken.

- 9 Và một khi họ nhận được những điều này, mà điều cần thiết là họ phải có những điều này trước tiên, để thử thách đức tin của mình, và nếu họ tin những điều này, thì những điều lớn lao hơn sẽ được biểu lộ cho họ biết.
- 10 Và nếu họ không tin những điều này, thì những điều lớn lao hơn sẽ bị thu hồi khỏi họ, để kết tội họ.
- 11 Nay, tôi sắp sửa viết những điều này, là những điều được ghi khắc trong các bảng khắc Nê Phi, nhưng Chúa đã ngăn cấm tôi mà phán rằng: Ta muốn thử đức tin của dân ta.
- 12 Vậy nên, tôi, Mặc Môn, chỉ viết những điều mà Chúa truyền lệnh cho tôi mà thôi. Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, xin chấm dứt những lời của tôi, và tiếp tục viết những điều mà tôi được lệnh phải viết.
- 13 Vậy nên, tôi muốn các người thấy rằng, Chúa đã thực sự giảng dạy dân chúng trong suốt thời gian ba ngày; và sau đó, Ngài thường hiện đến cùng họ, bẻ bánh, ban phước lành bánh và đưa cho họ ăn.
- 14 Và chuyện rằng, Ngài còn dạy dỗ và phục sự các con trẻ của đám đông dân chúng nói trên; Ngài nói lời cho chúng để chúng nói cho ông cha chúng nghe những điều vĩ đại và kỳ diệu, vĩ đại hơn cả những điều Ngài đã tiết lộ cho dân chúng biết; và Ngài nói lời cho chúng để chúng có thể thốt lên lời.
- 15 Và chuyện rằng, sau khi Ngài thăng lên trời rồi—đây là lần thứ hai Ngài xuất hiện cho dân chúng thấy, và đã đi đến với Đức Chúa Cha, sau khi đã chữa lành tất cả những kẻ đau ốm và què quặt của họ, và mở mắt cho kẻ đui, mở tai cho người điếc, cùng chữa lành mọi bệnh tật giữa họ, cứu sống một người đã chết, và biểu dương quyền năng của Ngài cho họ thấy, Ngài đã thăng lên đến Đức Chúa Cha—
- 16 Nay, chuyện rằng, đến ngày hôm sau, dân chúng quy tụ lại, và họ đã được thấy và nghe những trẻ nhỏ này nói; phải, ngay cả trẻ thơ cũng mở miệng nói lên những điều kỳ diệu; và những điều chúng thốt ra đều bị cấm, không một ai được ghi chép lại.

And when they shall have received this, which is expedient that they should have first, to try their faith, and if it shall so be that they shall believe these things then shall the greater things be made manifest unto them.

And if it so be that they will not believe these things, then shall the greater things be withheld from them, unto their condemnation.

Behold, I was about to write them, all which were engraven upon the plates of Nephi, but the Lord forbade it, saying: I will try the faith of my people.

Therefore I, Mormon, do write the things which have been commanded me of the Lord. And now I, Mormon, make an end of my sayings, and proceed to write the things which have been commanded me.

Therefore, I would that ye should behold that the Lord truly did teach the people, for the space of three days; and after that he did show himself unto them oft, and did break bread oft, and bless it, and give it unto them.

And it came to pass that he did teach and minister unto the children of the multitude of whom hath been spoken, and he did loose their tongues, and they did speak unto their fathers great and marvelous things, even greater than he had revealed unto the people; and he loosed their tongues that they could utter.

And it came to pass that after he had ascended into heaven—the second time that he showed himself unto them, and had gone unto the Father, after having healed all their sick, and their lame, and opened the eyes of their blind and unstopped the ears of the deaf, and even had done all manner of cures among them, and raised a man from the dead, and had shown forth his power unto them, and had ascended unto the Father—

Behold, it came to pass on the morrow that the multitude gathered themselves together, and they both saw and heard these children; yea, even babes did open their mouths and utter marvelous things; and the things which they did utter were forbidden that there should not any man write them.

- 17 Và chuyện rằng, các môn đồ mà Chúa Giê Su đã chọn lựa, từ lúc đó bắt đầu dạy dỗ và làm phép báp têm cho những ai đến cùng họ; và tất cả những ai chịu phép báp têm trong danh Chúa Giê Su đều được đầy đầy Đức Thánh Linh.
- 18 Và có nhiều người trong bọn họ nghe thấy nhiều điều không thể nói ra được, và cũng không được phép ghi chép lại.
- 19 Và rồi họ giảng dạy và phục sự lẫn nhau; và mọi tài vật đều là của chung. Mọi người đối xử với nhau một cách rất công bình.
- 20 Và chuyện rằng, mọi người đều thi hành tất cả những điều mà Chúa Giê Su đã truyền lệnh cho họ.
- 21 Và những ai chịu phép báp têm trong danh Chúa Giê Su đều được gọi là giáo hội Đấng Ky Tô.

And it came to pass that the disciples whom Jesus had chosen began from that time forth to baptize and to teach as many as did come unto them; and as many as were baptized in the name of Jesus were filled with the Holy Ghost.

And many of them saw and heard unspeakable things, which are not lawful to be written.

And they taught, and did minister one to another; and they had all things common among them, every man dealing justly, one with another.

And it came to pass that they did do all things even as Jesus had commanded them.

And they who were baptized in the name of Jesus were called the church of Christ.



### 3 Nê Phi 27

- 1 Và chuyện rằng, trong khi các môn đồ của Chúa Giê Su đang hành trình đi thuyết giảng những điều họ đã nghe và thấy cùng làm phép báp têm cho dân chúng trong danh Chúa Giê Su, thì chuyện rằng các môn đồ tụ họp lại và cùng nhau một lòng cầu nguyện và nhịn ăn mãnh liệt.
- 2 Và Chúa Giê Su lại hiện ra với họ, vì họ đã cầu nguyện Đức Chúa Cha qua danh Ngài; và Chúa Giê Su hiện ra đứng giữa họ và phán cùng họ rằng: Các người muốn được ta ban cho điều chi?
- 3 Và họ thưa với Ngài rằng: Thưa Chúa, chúng con muốn cầu xin Chúa phán bảo cho chúng con biết, chúng con sẽ gọi giáo hội này là tên gì; vì có nhiều sự tranh luận trong dân chúng về vấn đề này.
- 4 Và Chúa phán cùng họ rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, tại sao dân chúng phải bàn tán và tranh luận về điều này như vậy?
- 5 Phải chăng họ không đọc thánh thư, trong đó có nói rằng, các người phải mang lấy danh của Đấng Ky Tô, đó là danh ta? Vì đây là tên mà các người sẽ được gọi vào ngày sau cùng;
- 6 Và những ai mang danh ta và kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu vào ngày sau cùng.
- 7 Vậy nên, bất cứ điều gì các người sẽ làm, các người phải làm trong danh ta; vậy các người phải gọi giáo hội bằng danh ta; và các người phải cầu xin Đức Chúa Cha trong danh ta để Ngài vì ta mà ban phước cho giáo hội.
- 8 Làm sao mà giáo hội thuộc về ta nếu không được gọi bằng danh ta? Vì nếu một giáo hội có tên là Môi Se thì tức đó là giáo hội của Môi Se; hoặc nếu được gọi theo tên một người nào đó, thì giáo hội ấy sẽ thuộc về người đó; vậy nên, nếu giáo hội được gọi bằng danh ta thì đó là giáo hội của ta, nếu họ cũng được xây dựng trên phúc âm của ta.
- 9 Quả thật, ta nói cho các người hay rằng, các người được xây dựng trên phúc âm của ta; vậy nên bất cứ những gì các người muốn gọi, các người phải gọi bằng danh ta; vậy nên nếu các người cầu nguyện Đức Chúa Cha cho giáo hội trong danh ta, thì Đức Chúa Cha sẽ nghe các người;

### 3 Nephi 27

And it came to pass that as the disciples of Jesus were journeying and were preaching the things which they had both heard and seen, and were baptizing in the name of Jesus, it came to pass that the disciples were gathered together and were united in mighty prayer and fasting.

And Jesus again showed himself unto them, for they were praying unto the Father in his name; and Jesus came and stood in the midst of them, and said unto them: What will ye that I shall give unto you?

And they said unto him: Lord, we will that thou wouldst tell us the name whereby we shall call this church; for there are disputations among the people concerning this matter.

And the Lord said unto them: Verily, verily, I say unto you, why is it that the people should murmur and dispute because of this thing?

Have they not read the scriptures, which say ye must take upon you the name of Christ, which is my name? For by this name shall ye be called at the last day;

And whoso taketh upon him my name, and endureth to the end, the same shall be saved at the last day.

Therefore, whatsoever ye shall do, ye shall do it in my name; therefore ye shall call the church in my name; and ye shall call upon the Father in my name that he will bless the church for my sake.

And how be it my church save it be called in my name? For if a church be called in Moses' name then it be Moses' church; or if it be called in the name of a man then it be the church of a man; but if it be called in my name then it is my church, if it so be that they are built upon my gospel.

Verily I say unto you, that ye are built upon my gospel; therefore ye shall call whatsoever things ye do call, in my name; therefore if ye call upon the Father, for the church, if it be in my name the Father will hear you;

- 10 Và nếu giáo hội được xây dựng trên phúc âm của ta, thì Đức Chúa Cha sẽ thực hiện những công việc của Ngài trong đó.
- 11 Nhưng nếu giáo hội không xây dựng trên phúc âm của ta mà lại xây dựng trên công việc của loài người, hay trên công việc của quỷ dữ, thì quả thật ta nói cho các người hay, họ chỉ vui mừng cho công việc của họ có một thời gian mà thôi, rồi khi ngày cuối cùng đến, họ sẽ bị đốn đi và ném vào lửa, là nơi mà không có sự trở lại.
- 12 Vì công việc của họ sẽ đi theo họ, và cũng chính vì những công việc ấy mà họ phải bị đốn ngã; vậy nên các người phải ghi nhớ những lời ta nói với các người.
- 13 Nay, ta đã ban phúc âm của ta cho các người, và đây là phúc âm mà ta đã ban cho các người—rằng ta đến thế gian để thực hiện ý muốn của Cha ta, vì Cha ta đã sai ta đến.
- 14 Và Cha ta sai ta đến để ta bị treo trên thập tự giá; và sau khi ta đã bị treo trên thập tự giá, để ta có thể thu hút tất cả mọi người đến cùng ta, ngõ hầu cho một khi ta đã bị loài người nhắc lên như thể nào thì loài người cũng sẽ được Đức Chúa Cha nhắc lên thể ấy, để họ đứng trước mặt ta và chịu sự phán xét qua những việc làm của mình, dù đó là việc thiện hay việc ác—
- 15 Và cũng chính vì lý do đó mà ta đã bị treo lên; vậy nên, nhờ quyền năng của Đức Chúa Cha, ta sẽ thu hút tất cả mọi người đến cùng ta, để họ được phán xét theo những việc làm của mình.
- 16 Và chuyện rằng, những ai hối cải và chịu phép báp têm trong danh ta thì sẽ được tràn đầy; và nếu kẻ đó kiên trì đến cùng, này, kẻ đó sẽ được xem như vô tội trước mặt Cha ta vào ngày ta đứng phán xét thế gian.
- 17 Và kẻ nào không kiên trì đến cùng thì sẽ bị đốn đi và ném vào lửa, là nơi mà chúng không thể trở lại được nữa, vì công lý của Đức Chúa Cha.
- 18 Và đây là lời Ngài ban cho con cái loài người. Và cũng vì lý do đó nên Ngài làm tròn những lời Ngài đã phán. Ngài không bao giờ nói dối, mà trái lại luôn làm tròn tất cả những lời nói của Ngài.

And if it so be that the church is built upon my gospel then will the Father show forth his own works in it.

But if it be not built upon my gospel, and is built upon the works of men, or upon the works of the devil, verily I say unto you they have joy in their works for a season, and by and by the end cometh, and they are hewn down and cast into the fire, from whence there is no return.

For their works do follow them, for it is because of their works that they are hewn down; therefore remember the things that I have told you.

Behold I have given unto you my gospel, and this is the gospel which I have given unto you—that I came into the world to do the will of my Father, because my Father sent me.

And my Father sent me that I might be lifted up upon the cross; and after that I had been lifted up upon the cross, that I might draw all men unto me, that as I have been lifted up by men even so should men be lifted up by the Father, to stand before me, to be judged of their works, whether they be good or whether they be evil—

And for this cause have I been lifted up; therefore, according to the power of the Father I will draw all men unto me, that they may be judged according to their works.

And it shall come to pass, that whoso repenteth and is baptized in my name shall be filled; and if he endureth to the end, behold, him will I hold guiltless before my Father at that day when I shall stand to judge the world.

And he that endureth not unto the end, the same is he that is also hewn down and cast into the fire, from whence they can no more return, because of the justice of the Father.

And this is the word which he hath given unto the children of men. And for this cause he fulfilleth the words which he hath given, and he lieth not, but fulfilleth all his words.

- 19 Và không một vật gì ô uế có thể vào được vương quốc của Ngài; vậy nên, không một ai có thể bước vào chốn an nghỉ của Ngài nếu người đó không tẩy sạch y phục của mình bằng máu của ta, nhờ đức tin, nhờ sự hối cải mọi tội lỗi của mình, và trung kiên cho đến cùng.
- 20 Nay, đây là lệnh truyền: Hãy hối cải, hỡi các người ở các nơi tận cùng của trái đất, hãy đến cùng ta và chịu phép báp têm trong danh ta, ngõ hầu các người có thể được thánh hóa nhờ thụ nhận Đức Thánh Linh, để các người có thể đứng không tì vết trước mặt ta vào ngày sau cùng.
- 21 Quả thật, quả thật, ta nói cho các người hay, đây là phúc âm của ta; và các người biết những điều gì mình phải làm trong giáo hội của ta; vì những công việc mà các người thấy ta làm, các người cũng sẽ phải làm như vậy; vì những gì các người trông thấy ta làm, các người cũng sẽ phải làm theo.
- 22 Vậy nên, nếu các người làm được những điều này, thì phước thay cho các người vì các người sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng.
- 23 Hãy ghi chép những gì các người đã thấy và nghe, ngoại trừ những điều bị ngăn cấm.
- 24 Hãy ghi chép những việc làm của dân này, là những việc làm sẽ xảy ra, giống như đã được ghi chép những gì xảy ra rồi.
- 25 Vì này, dân này sẽ được phán xét theo những sách đã được ghi chép và những sách sẽ được ghi chép, vì nhờ những sách đó mà các việc làm của họ sẽ được người ta biết tới.
- 26 Và này, mọi việc đều được Đức Chúa Cha ghi chép; vậy nên, thế gian sẽ được phán xét theo những sách sẽ được ghi chép.
- 27 Và các người phải biết rằng, các người sẽ là những phán quan xét xử dân này, dựa theo sự xét xử mà ta sẽ ban cho các người là sự xét xử rất công bình. Vậy nên, các người nên là những người như thế nào? Quả thật, ta nói cho các người hay, các người phải giống như ta vậy.
- 28 Và giờ đây, ta đi đến cùng Đức Chúa Cha. Và quả thật, ta nói cho các người hay, những gì các người cầu xin Đức Chúa Cha trong danh ta thì các người sẽ được ban cho.

And no unclean thing can enter into his kingdom; therefore nothing entereth into his rest save it be those who have washed their garments in my blood, because of their faith, and the repentance of all their sins, and their faithfulness unto the end.

Now this is the commandment: Repent, all ye ends of the earth, and come unto me and be baptized in my name, that ye may be sanctified by the reception of the Holy Ghost, that ye may stand spotless before me at the last day.

Verily, verily, I say unto you, this is my gospel; and ye know the things that ye must do in my church; for the works which ye have seen me do that shall ye also do; for that which ye have seen me do even that shall ye do;

Therefore, if ye do these things blessed are ye, for ye shall be lifted up at the last day.

Write the things which ye have seen and heard, save it be those which are forbidden.

Write the works of this people, which shall be, even as hath been written, of that which hath been.

For behold, out of the books which have been written, and which shall be written, shall this people be judged, for by them shall their works be known unto men.

And behold, all things are written by the Father; therefore out of the books which shall be written shall the world be judged.

And know ye that ye shall be judges of this people, according to the judgment which I shall give unto you, which shall be just. Therefore, what manner of men ought ye to be? Verily I say unto you, even as I am.

And now I go unto the Father. And verily I say unto you, whatsoever things ye shall ask the Father in my name shall be given unto you.

29 Vậy nên, hãy cầu xin, rồi các người sẽ nhận được; hãy gõ cửa, rồi cửa sẽ mở cho các người; vì ai xin thì sẽ được; và ai gõ cửa thì sẽ được mở cho.

30 Và giờ đây, này, niềm vui của ta thật lớn lao và trọn vẹn, vì các người và cũng vì thế hệ này; phải, và ngay cả Đức Chúa Cha cũng hoan hỷ, và luôn tất cả các thiên sứ thánh cũng vậy, vì các người và thế hệ này, bởi không một ai trong bọn họ bị lạc lối.

31 Này, ta muốn các người phải hiểu; vì ta có ý muốn nói đến những người trong thế hệ này hiện giờ đang sống; không một ai trong bọn họ bị lạc lối; và ta có được niềm vui trọn vẹn vì họ.

32 Nhưng này, ta lại buồn rầu vì thế hệ thứ tư, kể từ thế hệ này; vì chúng sẽ bị nó bắt làm nô lệ, nó tức là đưa con trai diệt vong vậy; vì chúng sẽ bán ta để lấy vàng bạc, và để lấy những thứ mà mỗi một có thể đục khoét được, và những thứ mà kẻ trộm có thể đào ngạch khoét vách mà lấy. Và đến ngày đó, ta sẽ đến viếng phạt chúng bằng cách trút lên đầu chúng những việc làm của chúng.

33 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài bảo các môn đồ của Ngài: Các người hãy đi vào bằng cổng hẹp, vì cửa hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ tìm được thì ít; còn cửa rộng và đường lớn sẽ dẫn đến sự chết, kẻ vào đó thì nhiều, cho đến khi đêm tối xuống, chẳng ai còn làm được việc gì.

Therefore, ask, and ye shall receive; knock, and it shall be opened unto you; for he that asketh, receiveth; and unto him that knocketh, it shall be opened.

And now, behold, my joy is great, even unto fullness, because of you, and also this generation; yea, and even the Father rejoiceth, and also all the holy angels, because of you and this generation; for none of them are lost.

Behold, I would that ye should understand; for I mean them who are now alive of this generation; and none of them are lost; and in them I have fullness of joy.

But behold, it sorroweth me because of the fourth generation from this generation, for they are led away captive by him even as was the son of perdition; for they will sell me for silver and for gold, and for that which moth doth corrupt and which thieves can break through and steal. And in that day will I visit them, even in turning their works upon their own heads.

And it came to pass that when Jesus had ended these sayings he said unto his disciples: Enter ye in at the strait gate; for strait is the gate, and narrow is the way that leads to life, and few there be that find it; but wide is the gate, and broad the way which leads to death, and many there be that travel therein, until the night cometh, wherein no man can work.

### 3 Nê Phi 28

- 1 Và chuyện rằng, sau khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài phán hỏi từng người một trong số mười hai môn đồ mà rằng: Các người muốn xin ta điều gì sau khi ta đi đến cùng Đức Chúa Cha?
- 2 Và tất cả, ngoại trừ ba người, đều thưa rằng: Chúng con mong muốn rằng, sau khi chúng con sống hết tuổi đời, và giáo vụ mà Ngài kêu gọi chúng con đã chấm dứt, thì chúng con sẽ chóng được trở về với Ngài trong vương quốc của Ngài.
- 3 Ngài bèn phán cùng họ rằng: Phước thay cho các người, vì các người mong muốn điều đó ở ta; vậy thì khi nào tới tuổi bảy mươi hai, các người sẽ đến cùng ta trong vương quốc của ta; và các người sẽ tìm được sự an nghỉ với ta.
- 4 Và sau khi phán cùng họ xong, Ngài quay qua hỏi ba người kia rằng: Các người muốn ta làm điều gì cho các người khi ta đi đến cùng Đức Chúa Cha?
- 5 Và họ thấy buồn rầu trong lòng, vì họ không dám nói với Ngài điều mình mong muốn.
- 6 Nhưng Ngài đã phán cùng họ: Nay, ta biết tâm ý của các người. Các người mong muốn điều mà Giăng, kẻ yêu mến của ta, là người đã ở cùng với ta trong công việc giáo vụ của ta, trước khi ta bị người Do Thái treo lên, mong muốn nơi ta.
- 7 Vậy nên, phước thay cho các người hơn, vì các người sẽ không bao giờ phải nếm sự chết; nhưng các người sẽ sống để chứng kiến tất cả những công việc mà Đức Chúa Cha làm cho con cái loài người, cho đến khi mọi việc đều được làm tròn theo ý muốn của Đức Chúa Cha, khi ta sẽ đến trong sự vinh quang của ta với quyền năng trên trời.
- 8 Và các người sẽ không bao giờ phải chịu những nỗi đau đớn của sự chết; nhưng khi ta đến trong sự vinh quang của ta, thì chỉ trong nháy mắt, các người sẽ được thay đổi từ sự hữu diệt sang sự bất diệt; và rồi lúc ấy, các người sẽ được ban phước trong vương quốc của Cha ta.

### 3 Nephi 28

And it came to pass when Jesus had said these words, he spake unto his disciples, one by one, saying unto them: What is it that ye desire of me, after that I am gone to the Father?

And they all spake, save it were three, saying: We desire that after we have lived unto the age of man, that our ministry, wherein thou hast called us, may have an end, that we may speedily come unto thee in thy kingdom.

And he said unto them: Blessed are ye because ye desired this thing of me; therefore, after that ye are seventy and two years old ye shall come unto me in my kingdom; and with me ye shall find rest.

And when he had spoken unto them, he turned himself unto the three, and said unto them: What will ye that I should do unto you, when I am gone unto the Father?

And they sorrowed in their hearts, for they durst not speak unto him the thing which they desired.

And he said unto them: Behold, I know your thoughts, and ye have desired the thing which John, my beloved, who was with me in my ministry, before that I was lifted up by the Jews, desired of me.

Therefore, more blessed are ye, for ye shall never taste of death; but ye shall live to behold all the doings of the Father unto the children of men, even until all things shall be fulfilled according to the will of the Father, when I shall come in my glory with the powers of heaven.

And ye shall never endure the pains of death; but when I shall come in my glory ye shall be changed in the twinkling of an eye from mortality to immortality; and then shall ye be blessed in the kingdom of my Father.

- 9 Và lại nữa, trong khi còn sống trong xác thịt, các người sẽ không có sự đau đớn hay sầu muộn, ngoại trừ vì tội lỗi của thế gian; và ta sẽ làm tất cả những điều này cho các người bởi các người mong mỗi điều đó nơi ta, vì các người mong muốn đem nhiều linh hồn loài người về với ta, trong khi thế gian hãy còn tồn tại.
- 10 Và vì lý do đó, các người sẽ có được niềm vui trọn vẹn; và các người sẽ được ngồi trong vương quốc của Cha ta; phải, niềm vui của các người sẽ trọn vẹn; như ta đã được Đức Chúa Cha ban cho niềm vui trọn vẹn vậy; và các người sẽ như ta; và ta sẽ như Đức Chúa Cha, và Đức Chúa Cha với ta là một;
- 11 Và Đức Thánh Linh sẽ làm chứng về Đức Chúa Cha và ta; và vì ta, Đức Chúa Cha sẽ ban Đức Thánh Linh cho con cái loài người.
- 12 Và chuyện rằng, khi Chúa Giê Su phán xong những lời này, Ngài lấy ngón tay sờ từng người một, ngoại trừ ba người phải ở lại, xong Ngài ra đi.
- 13 Và này, các tầng trời mở ra, và họ được cất lên trời, và được thấy và nghe những điều không thể nói ra được.
- 14 Và họ bị cấm không được nói ra; và họ cũng bị cấm không được quyền nói ra những điều họ đã thấy và nghe;
- 15 Và họ không thể phân biệt được là họ đang ở trong thể xác hay ở ngoài thể xác; vì họ cảm thấy như có một sự biến hình trong họ, hình như họ thay đổi từ một cơ thể xác thịt qua một trạng thái bất diệt để họ có thể nhìn thấy những sự việc của Thượng Đế.
- 16 Nhưng chuyện rằng, họ lại đi thuyết giảng trên mặt đất; tuy nhiên, họ không thuyết giảng những điều họ đã được nghe và thấy, vì lệnh truyền đã được ban cho họ trên trời.
- 17 Và giờ đây, kể từ ngày biến hình, họ hữu diệt hay bất diệt, điều đó tôi không được biết;

And again, ye shall not have pain while ye shall dwell in the flesh, neither sorrow save it be for the sins of the world; and all this will I do because of the thing which ye have desired of me, for ye have desired that ye might bring the souls of men unto me, while the world shall stand.

And for this cause ye shall have fulness of joy; and ye shall sit down in the kingdom of my Father; yea, your joy shall be full, even as the Father hath given me fulness of joy; and ye shall be even as I am, and I am even as the Father; and the Father and I are one;

And the Holy Ghost beareth record of the Father and me; and the Father giveth the Holy Ghost unto the children of men, because of me.

And it came to pass that when Jesus had spoken these words, he touched every one of them with his finger save it were the three who were to tarry, and then he departed.

And behold, the heavens were opened, and they were caught up into heaven, and saw and heard unspeakable things.

And it was forbidden them that they should utter; neither was it given unto them power that they could utter the things which they saw and heard;

And whether they were in the body or out of the body, they could not tell; for it did seem unto them like a transfiguration of them, that they were changed from this body of flesh into an immortal state, that they could behold the things of God.

But it came to pass that they did again minister upon the face of the earth; nevertheless they did not minister of the things which they had heard and seen, because of the commandment which was given them in heaven.

And now, whether they were mortal or immortal, from the day of their transfiguration, I know not;

18 Nhưng điều tôi được biết theo các biên sử có ghi chép là như thế này—họ đã ra đi khắp trong xứ, thuyết giảng cho tất cả mọi người, và thu nhận vào giáo hội những ai tin vào lời thuyết giảng của họ; làm phép báp têm cho những người đó, và những ai được báp têm đều nhận được Đức Thánh Linh.

19 Và họ bị những người không thuộc giáo hội bắt cầm tù, nhưng nhà giam không giữ họ được, vì nó bị tách làm đôi.

20 Và họ bị xô xuống lòng đất, nhưng họ dùng lời Thượng Đế mà đánh vào đất, khiến nhờ quyền năng của Ngài họ được giải thoát khỏi lòng đất sâu; vậy nên, không ai có thể đào được những hố sâu đủ sức nhốt họ được.

21 Và ba lần bị liệng vào lò lửa cháy đỏ nhưng họ chẳng hề chi.

22 Và hai lần họ bị liệng vào hang thú dữ, và này, họ nô đùa với thú dữ chẳng khác chi trẻ nhỏ chơi với chiên con mà không hề hấn gì.

23 Và chuyện rằng cứ thế họ đi đến với toàn dân Nê Phi, và thuyết giảng phúc âm của Đấng Ky Tô cho tất cả dân chúng trong xứ nghe; và dân chúng được cải đạo theo Chúa, và được thu nhận vào giáo hội của Đấng Ky Tô, và nhờ vậy mà dân thuộc thế hệ ấy đã được phước, đúng như lời Chúa Giê Su phán dạy.

24 Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, xin tạm ngưng đề cập những điều này.

25 Vì này, khi tôi sắp sửa viết tên những người không bao giờ phải nếm sự chết thì Chúa ngăn cấm tôi; vậy nên tôi không viết ra, bởi những tên đó phải được giấu kín không cho thế gian biết.

26 Nhưng này, tôi đã được trông thấy họ, và họ đã thuyết giảng cho tôi.

27 Và này, họ sẽ ở giữa Dân Ngoại, nhưng Dân Ngoại không nhận biết họ.

28 Và họ cũng sẽ ở giữa dân Do Thái, nhưng dân Do Thái không nhận biết họ.

But this much I know, according to the record which hath been given—they did go forth upon the face of the land, and did minister unto all the people, uniting as many to the church as would believe in their preaching; baptizing them, and as many as were baptized did receive the Holy Ghost.

And they were cast into prison by them who did not belong to the church. And the prisons could not hold them, for they were rent in twain.

And they were cast down into the earth; but they did smite the earth with the word of God, inso-much that by his power they were delivered out of the depths of the earth; and therefore they could not dig pits sufficient to hold them.

And thrice they were cast into a furnace and received no harm.

And twice were they cast into a den of wild beasts; and behold they did play with the beasts as a child with a suckling lamb, and received no harm.

And it came to pass that thus they did go forth among all the people of Nephi, and did preach the gospel of Christ unto all people upon the face of the land; and they were converted unto the Lord, and were united unto the church of Christ, and thus the people of that generation were blessed, according to the word of Jesus.

And now I, Mormon, make an end of speaking concerning these things for a time.

Behold, I was about to write the names of those who were never to taste of death, but the Lord forbade; therefore I write them not, for they are hid from the world.

But behold, I have seen them, and they have ministered unto me.

And behold they will be among the Gentiles, and the Gentiles shall know them not.

They will also be among the Jews, and the Jews shall know them not.

29 Và chuyện rằng, khi nào Chúa xét thấy thích hợp theo sự thông sáng của Ngài, thì lúc ấy họ sẽ thuyết giảng cho tất cả mọi chi tộc phân tán của Y Sơ Ra Ên, cùng tất cả mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ và dân tộc, và sẽ đem được nhiều linh hồn về cùng Chúa Giê Su, ngõ hầu ước nguyện của họ được làm tròn, và cũng nhờ quyền năng thuyết phục của Thượng Đế hằng có nơi họ.

30 Và họ chẳng khác chi những thiên sứ của Thượng Đế, nếu họ cầu nguyện Đức Chúa Cha trong danh Chúa Giê Su thì họ có thể hiện ra cho bất cứ người nào thấy nếu họ cảm thấy đó là điều thích đáng.

31 Vậy nên, những công việc vĩ đại và kỳ diệu sẽ được họ thực hiện trước ngày trọng đại xảy đến, tức là ngày mà tất cả mọi người đều chắc chắn phải đứng trước ghế phán xét của Đấng Kỳ Tô;

32 Phải, ngay cả giữa Dân Ngoại, cũng sẽ có một công việc vĩ đại và kỳ diệu do họ thực hiện trước ngày phán xét.

33 Và nếu các người có tất cả các thánh thư ghi chép những công việc kỳ diệu của Đấng Kỳ Tô, thì theo như lời Đấng Kỳ Tô phán, các người sẽ biết rằng, những điều này chắc chắn sẽ xảy ra.

34 Và khốn thay cho kẻ nào không muốn nghe theo những lời của Đấng Kỳ Tô phán dạy, cũng như không muốn nghe theo lời của những người được Ngài lựa chọn và sai đến cùng họ; vì những ai không tiếp nhận những lời của Chúa Giê Su và những lời của những người được Ngài sai đến là không tiếp nhận Ngài; vậy nên, đến ngày cuối cùng Ngài sẽ không tiếp nhận họ.

35 Và tốt hơn là họ đừng ra đời. Vì các người có nghĩ rằng, các người có thoát khỏi công lý của một Thượng Đế bị xúc phạm, là Đấng bị loài người chà đạp dưới chân, là Đấng mà nhờ đó sự cứu rỗi sẽ đến không?

36 Và giờ đây này, như tôi đã đề cập tới những người được Chúa chọn lựa, phải, ba người đã được Chúa cất lên các tầng trời, mà tôi không biết rằng họ có được tẩy sạch để được đổi từ trạng thái hữu diệt qua trạng thái bất diệt hay không—

And it shall come to pass, when the Lord seeth fit in his wisdom that they shall minister unto all the scattered tribes of Israel, and unto all nations, kindreds, tongues and people, and shall bring out of them unto Jesus many souls, that their desire may be fulfilled, and also because of the convincing power of God which is in them.

And they are as the angels of God, and if they shall pray unto the Father in the name of Jesus they can show themselves unto whatsoever man it seemeth them good.

Therefore, great and marvelous works shall be wrought by them, before the great and coming day when all people must surely stand before the judgment-seat of Christ;

Yea even among the Gentiles shall there be a great and marvelous work wrought by them, before that judgment day.

And if ye had all the scriptures which give an account of all the marvelous works of Christ, ye would, according to the words of Christ, know that these things must surely come.

And wo be unto him that will not hearken unto the words of Jesus, and also to them whom he hath chosen and sent among them; for whoso receiveth not the words of Jesus and the words of those whom he hath sent receiveth not him; and therefore he will not receive them at the last day;

And it would be better for them if they had not been born. For do ye suppose that ye can get rid of the justice of an offended God, who hath been trampled under feet of men, that thereby salvation might come?

And now behold, as I spake concerning those whom the Lord hath chosen, yea, even three who were caught up into the heavens, that I knew not whether they were cleansed from mortality to immortality—



37 Nhưng này, lúc tôi viết về những chuyện đó, tôi có cầu vấn Chúa, và Ngài có biểu lộ cho tôi biết rằng, phải có sự thay đổi về thể xác của họ, bằng không thì họ phải nếm sự chết;

38 Vậy nên, để cho họ khỏi nếm sự chết, xác thân của họ phải trải qua một sự thay đổi, để cho họ không còn chịu sự đau đớn hay sầu muộn nữa, ngoại trừ sự sầu muộn vì tội lỗi của thế gian.

39 Bây giờ, sự thay đổi này không bằng sự thay đổi sẽ xảy ra vào ngày sau cùng; nhưng sự thay đổi đã xảy đến cho họ, khiến Sa Tan không còn quyền năng gì trên họ, và nó không thể cám dỗ họ được; và họ đã được thánh hóa trong xác thịt để được thánh thiện, và để cho những quyền lực của thế gian không thể nắm giữ họ được.

40 Và trong trạng thái này, họ sẽ ở cho đến ngày phán xét của Đấng Ky Tô; và đến ngày đó, họ sẽ nhận được một sự thay đổi thật lớn lao, và được thu nhận vào vương quốc của Đức Chúa Cha, để không còn phải đi ra ngoài nữa, mà được ở cùng Thượng Đế mãi mãi trên các tầng trời.

But behold, since I wrote, I have inquired of the Lord, and he hath made it manifest unto me that there must needs be a change wrought upon their bodies, or else it needs be that they must taste of death;

Therefore, that they might not taste of death there was a change wrought upon their bodies, that they might not suffer pain nor sorrow save it were for the sins of the world.

Now this change was not equal to that which shall take place at the last day; but there was a change wrought upon them, insomuch that Satan could have no power over them, that he could not tempt them; and they were sanctified in the flesh, that they were holy, and that the powers of the earth could not hold them.

And in this state they were to remain until the judgment day of Christ; and at that day they were to receive a greater change, and to be received into the kingdom of the Father to go no more out, but to dwell with God eternally in the heavens.

### 3 Nê Phi 29

- 1 Và giờ đây này, tôi nói cho các người hay rằng, khi nào Chúa thấy trong sự thông sáng của Ngài rằng, đã đến lúc thích hợp để cho những lời này đến với Dân Ngoại theo như lời Ngài phán dạy, thì đến lúc đó, các người có thể biết rằng, giao ước mà Đức Chúa Cha đã lập với con cái của Y Sơ Ra Ên, về việc họ trở về đất thừa hưởng của mình đã bắt đầu được thực hiện.
- 2 Và các người có thể biết rằng, những lời của Chúa do các thánh tiên tri nói ra sẽ được ứng nghiệm; và các người khỏi cần phải nói rằng, Chúa trì hoãn ngày đến của Ngài cùng con cái của Y Sơ Ra Ên.
- 3 Và các người khỏi cần phải tưởng tượng trong lòng rằng, những lời đã nói ra đều hảo huyền, vì này, Chúa sẽ nhớ đến những giao ước Ngài đã lập với dân Ngài trong gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 4 Và khi nào các người thấy những điều này xảy đến ở giữa các người, thì lúc đó các người không còn xem thường những việc làm của Chúa nữa, vì gươm công lý của Ngài đang ở trong tay phải của Ngài; và này, đến ngày ấy, nếu các người xem thường những việc làm của Ngài, thì Ngài sẽ khiến cho gươm ấy giáng xuống các người tức khắc.
- 5 Khốn thay cho kẻ nào xem thường những việc làm của Chúa; phải, khốn thay cho kẻ nào chối bỏ Đấng Ky Tô và những việc làm của Ngài!
- 6 Phải, khốn thay cho kẻ nào chối bỏ những điều mặc khải của Chúa, và còn nói rằng, Chúa sẽ không còn thực hiện công việc của Ngài bằng sự mặc khải, sự tiên tri, các ân tứ, hay ngôn ngữ, cùng sự chữa lành, hay bằng quyền năng của Đức Thánh Linh nữa!
- 7 Phải, và khốn thay cho kẻ nào, đến ngày đó vì muốn kiếm lợi mà nói rằng Chúa Giê Su Ky Tô không còn thực hiện phép lạ nào nữa; vì kẻ nào làm như vậy thì sẽ chẳng khác chi đứa con trai diệt vong, chẳng có sự thương xót nào dành cho nó cả, theo như lời Đấng Ky Tô phán!

### 3 Nephi 29

And now behold, I say unto you that when the Lord shall see fit, in his wisdom, that these sayings shall come unto the Gentiles according to his word, then ye may know that the covenant which the Father hath made with the children of Israel, concerning their restoration to the lands of their inheritance, is already beginning to be fulfilled.

And ye may know that the words of the Lord, which have been spoken by the holy prophets, shall all be fulfilled; and ye need not say that the Lord delays his coming unto the children of Israel.

And ye need not imagine in your hearts that the words which have been spoken are vain, for behold, the Lord will remember his covenant which he hath made unto his people of the house of Israel.

And when ye shall see these sayings coming forth among you, then ye need not any longer spurn at the doings of the Lord, for the sword of his justice is in his right hand; and behold, at that day, if ye shall spurn at his doings he will cause that it shall soon overtake you.

Wo unto him that spurneth at the doings of the Lord; yea, wo unto him that shall deny the Christ and his works!

Yea, wo unto him that shall deny the revelations of the Lord, and that shall say the Lord no longer worketh by revelation, or by prophecy, or by gifts, or by tongues, or by healings, or by the power of the Holy Ghost!

Yea, and wo unto him that shall say at that day, to get gain, that there can be no miracle wrought by Jesus Christ; for he that doeth this shall become like unto the son of perdition, for whom there was no mercy, according to the word of Christ!

8 Phải, các người khởi cần phải la ó, khinh thường, hay chế nhạo dân Do Thái, hoặc bất cứ một người nào còn sót lại trong gia tộc Y Sơ Ra Ên; vì này, Chúa nhớ đến giao ước Ngài lập với họ, và Ngài sẽ làm cho họ đúng theo điều Ngài đã giao ước với họ.

9 Vậy nên, các người khởi cần phải nghĩ rằng, mình có thể đổi tay phải của Chúa thành tay trái để Ngài không thi hành được sự phán xét để làm tròn giao ước mà Ngài đã lập với gia tộc Y Sơ Ra Ên.

Yea, and ye need not any longer hiss, nor spurn, nor make game of the Jews, nor any of the remnant of the house of Israel; for behold, the Lord remembereth his covenant unto them, and he will do unto them according to that which he hath sworn.

Therefore ye need not suppose that ye can turn the right hand of the Lord unto the left, that he may not execute judgment unto the fulfilling of the covenant which he hath made unto the house of Israel.

### 3 Nê Phi 30

- 1 Hãy nghe đây, hỡi người Dân Ngoại, hãy nghe những lời của Chúa Giê Su Kỵ Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế hằng sống. Ngài đã truyền lệnh cho tôi phải nói về các người, vì này, Ngài truyền lệnh cho tôi phải ghi chép lại như vậy:
- 2 Hỡi tất cả những người Dân Ngoại, hãy lánh xa những đường lối tà ác của mình; và hãy hối cải những hành động xấu xa của các người, cùng những sự dối trá, lường gạt, tà dâm, âm mưu liên kết bí mật, những sự thờ phượng thần tượng, sát nhân, sự mưu chước tăng tế, lòng ganh tị, tranh giành, cùng tất cả mọi điều tà ác và khả ố khác của các người; các người hãy đến cùng ta và chịu phép báp têm trong danh ta, để các người có thể nhận được sự xá miễn tội lỗi của mình và được đầy đầy Đức Thánh Linh, ngõ hầu các người có thể được tính chung vào với dân của ta là những người trong gia tộc Y Sơ Ra Ên.

### 3 Nephi 30

Hearken, O ye Gentiles, and hear the words of Jesus Christ, the Son of the living God, which he hath commanded me that I should speak concerning you, for, behold he commandeth me that I should write, saying:

Turn, all ye Gentiles, from your wicked ways; and repent of your evil doings, of your lyings and deceivings, and of your whoredoms, and of your secret abominations, and your idolatries, and of your murders, and your priestcrafts, and your envyings, and your strifes, and from all your wickedness and abominations, and come unto me, and be baptized in my name, that ye may receive a remission of your sins, and be filled with the Holy Ghost, that ye may be numbered with my people who are of the house of Israel.

# Nê Phi Thứ Tư

## Sách Nê Phi

### Là Con Trai của Nê Phi—Một trong Những Môn Đồ của Chúa Giê Su Ky Tô

*Truyện ký về dân Nê Phi, viết theo biên sử của ông.*

- 1 Chuyện rằng, năm thứ ba mươi bốn trôi qua, và năm thứ ba mươi lăm cũng trôi qua, và này, các môn đồ của Chúa Giê Su đã thành lập một giáo hội của Đấng Ky Tô cho khắp các vùng lân cận. Và tất cả những ai đến với họ và thực lòng hối cải tội lỗi của mình đều được báp têm trong danh Chúa Giê Su; và họ cũng nhận được Đức Thánh Linh.
- 2 Và chuyện rằng, đến năm thứ ba mươi sáu, tất cả dân chúng khắp nơi trong xứ đều được cải đạo theo Chúa, cả người Nê Phi lẫn người La Man, và không có một sự bất hòa hay tranh luận nào xảy ra giữa họ. Mọi người đều đối xử với nhau rất công bình.
- 3 Và họ xem mọi vật là của chung; vậy nên, chẳng có ai giàu hay nghèo, nô lệ hay tự do, mà trái lại tất cả mọi người đều được tự do và cùng nhau chia sẻ ân tứ thiên thượng.
- 4 Và chuyện rằng, năm thứ ba mươi bảy cũng trôi qua và trong xứ vẫn còn được thái bình.
- 5 Và các môn đồ của Chúa Giê Su đã làm nhiều công việc vĩ đại và kỳ diệu, đến nỗi họ đã chữa lành các người bệnh, làm cho người chết sống lại, làm người què đi được, người mù thấy được, người điếc nghe được, cùng mọi thứ phép lạ khác mà họ đã làm giữa con cái loài người; và họ không làm phép lạ trong danh nào khác ngoại trừ danh Chúa Giê Su mà thôi.
- 6 Và như vậy là năm thứ ba mươi tám đã trôi qua, cùng năm thứ ba mươi chín, bốn mươi một, và bốn mươi hai, phải, và luôn cả năm thứ bốn mươi chín, năm thứ năm mươi một, năm thứ năm mươi hai; phải, và luôn cả năm thứ năm mươi chín cũng trôi qua nữa.

# Fourth Nephi

## The Book of Nephi

### Who Is the Son of Nephi—One of the Disciples of Jesus Christ

*An account of the people of Nephi, according to his record.*

And it came to pass that the thirty and fourth year passed away, and also the thirty and fifth, and behold the disciples of Jesus had formed a church of Christ in all the lands round about. And as many as did come unto them, and did truly repent of their sins, were baptized in the name of Jesus; and they did also receive the Holy Ghost.

And it came to pass in the thirty and sixth year, the people were all converted unto the Lord, upon all the face of the land, both Nephites and Lamanites, and there were no contentions and disputations among them, and every man did deal justly one with another.

And they had all things common among them; therefore there were not rich and poor, bond and free, but they were all made free, and partakers of the heavenly gift.

And it came to pass that the thirty and seventh year passed away also, and there still continued to be peace in the land.

And there were great and marvelous works wrought by the disciples of Jesus, insomuch that they did heal the sick, and raise the dead, and cause the lame to walk, and the blind to receive their sight, and the deaf to hear; and all manner of miracles did they work among the children of men; and in nothing did they work miracles save it were in the name of Jesus.

And thus did the thirty and eighth year pass away, and also the thirty and ninth, and forty and first, and the forty and second, yea, even until forty and nine years had passed away, and also the fifty and first, and the fifty and second; yea, and even until fifty and nine years had passed away.

- 7 Và Chúa đã làm cho họ được vô cùng thịnh vượng trong xứ; phải, đến nỗi họ đã xây dựng lại được những thành phố trên các thành phố cũ đã bị cháy.
- 8 Phải, ngay cả thành phố Gia Ra Hem La vĩ đại cũng được họ xây dựng lại.
- 9 Nhưng có nhiều thành phố đã bị chìm xuống, và nước tràn ngập thế vào chỗ đó, vậy nên những thành phố ấy không thể xây dựng lại được.
- 10 Và giờ đây này, chuyện rằng, dân Nê Phi bắt đầu trở nên hùng mạnh. Họ sinh sôi nảy nở rất mau và trở nên một dân tộc vô cùng xinh đẹp và dễ thương.
- 11 Và họ dựng vợ gả chồng cho nhau và được ban phước lành thể theo nhiều lời hứa mà Chúa đã hứa với họ.
- 12 Và họ không còn sống theo các nghi lễ và các giáo lễ của luật pháp Môi Se nữa, nhưng họ sống theo các lệnh truyền mà họ đã nhận được từ Chúa của họ và Thượng Đế của họ, và họ tiếp tục nhịn ăn và cầu nguyện, và thường cùng nhau tụ họp để cầu nguyện và nghe lời của Chúa.
- 13 Và chuyện rằng, không có sự tranh chấp nào xảy ra trong tất cả dân chúng khắp trong xứ; mà trái lại, có nhiều phép lạ phi thường đã được làm giữa các vị môn đồ của Chúa Giê Su.
- 14 Và chuyện rằng năm thứ bảy mươi một trôi qua, và luôn cả năm thứ bảy mươi hai, phải, nói tóm lại, ngay cả năm thứ bảy mươi chín cũng trôi qua; phải, một trăm năm đã trôi qua, và những vị môn đồ được Chúa Giê Su lựa chọn cũng đều đã đi lên thiên đàng của Thượng Đế, ngoại trừ ba vị ở lại; và có những vị môn đồ khác được sắc phong thay thế họ; và nhiều người trong thế hệ đó cũng đã qua đời.
- 15 Và chuyện rằng, trong xứ không có chuyện tranh chấp nào xảy ra, nhờ tình thương yêu của Thượng Đế đã ở trong lòng mọi người dân.
- 16 Và cũng không có những sự ganh tị, xung đột, xáo trộn, tà dâm, dối trá hay sát nhân, dâm dật nào xảy ra; và quả thật, chẳng có một dân tộc nào trong tất cả những dân tộc do bàn tay Thượng Đế tạo ra mà được hạnh phúc hơn dân này.

And the Lord did prosper them exceedingly in the land; yea, insomuch that they did build cities again where there had been cities burned.

Yea, even that great city Zarahemla did they cause to be built again.

But there were many cities which had been sunk, and waters came up in the stead thereof; therefore these cities could not be renewed.

And now, behold, it came to pass that the people of Nephi did wax strong, and did multiply exceedingly fast, and became an exceedingly fair and delightsome people.

And they were married, and given in marriage, and were blessed according to the multitude of the promises which the Lord had made unto them.

And they did not walk any more after the performances and ordinances of the law of Moses; but they did walk after the commandments which they had received from their Lord and their God, continuing in fasting and prayer, and in meeting together oft both to pray and to hear the word of the Lord.

And it came to pass that there was no contention among all the people, in all the land; but there were mighty miracles wrought among the disciples of Jesus.

And it came to pass that the seventy and first year passed away, and also the seventy and second year, yea, and in fine, till the seventy and ninth year had passed away; yea, even an hundred years had passed away, and the disciples of Jesus, whom he had chosen, had all gone to the paradise of God, save it were the three who should tarry; and there were other disciples ordained in their stead; and also many of that generation had passed away.

And it came to pass that there was no contention in the land, because of the love of God which did dwell in the hearts of the people.

And there were no envyings, nor strifes, nor tumults, nor whoredoms, nor lyings, nor murders, nor any manner of lasciviousness; and surely there could not be a happier people among all the people who had been created by the hand of God.

17 Chẳng còn kẻ trộm cắp, sát nhân, và cũng chẳng có người nào gọi là dân La Man nữa, và cũng không có một sắc dân nào riêng biệt. Mà trái lại, tất cả mọi người đều là một, đều là con cái của Đấng Ky Tô, và là những người thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế.

18 Và phước thay cho họ biết bao! Vì Chúa đã ban phước cho họ trong mọi việc làm của họ; phải, họ được ban phước và được thịnh vượng cho đến năm một trăm mười trôi qua; và thế hệ thứ nhất, kể từ thời Đấng Ky Tô, đã trôi qua mà không có sự tranh chấp nào xảy ra trong toàn xứ.

19 Và chuyện rằng, Nê Phi, người ghi chép biên sử cuối cùng này qua đời, (ông ghi chép biên sử này trên các bảng khắc Nê Phi) và con trai ông là A Mốt thay thế ông ghi chép; và ông này cũng ghi chép nó trên các bảng khắc Nê Phi.

20 Và ông ta ghi chép biên sử này trong tám mươi bốn năm. Lúc ấy trong nước vẫn còn được thái bình, ngoại trừ có một nhóm nhỏ dân chúng nổi lên chống giáo hội và tự xưng là người La Man; vậy nên, bắt đầu từ đó lại có người La Man trong xứ.

21 Và chuyện rằng, A Mốt cũng qua đời (lúc đó là năm một trăm chín mươi bốn, kể từ khi Đấng Ky Tô hiện đến) và con trai ông là A Mốt thay thế ông ghi chép biên sử và ông này cũng ghi chép vào các bảng khắc Nê Phi, và ngoài ra còn ghi chép vào sách Nê Phi, tức là sách này.

22 Và chuyện rằng, hai trăm năm đã trôi qua, và những người trong thế hệ thứ hai cũng qua đời, chỉ còn lại một số ít.

23 Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, muốn các người nên biết rằng, dân chúng đã sinh sôi nảy nở rất nhiều, đến nỗi họ lan tràn khắp xứ và trở nên vô cùng giàu có, nhờ sự thịnh vượng của họ trong Đấng Ky Tô.

24 Và giờ đây, vào năm thứ hai trăm lẻ một, trong dân chúng đã bắt đầu có một số người dương dương tự đắc. Họ mặc những y phục đắt giá với đủ loại ngọc trai và các vật quý giá trên thế gian.

25 Và từ lúc đó, họ không xem của cải và tài sản là của chung nữa.

There were no robbers, nor murderers, neither were there Lamanites, nor any manner of -ites; but they were in one, the children of Christ, and heirs to the kingdom of God.

And how blessed were they! For the Lord did bless them in all their doings; yea, even they were blessed and prospered until an hundred and ten years had passed away; and the first generation from Christ had passed away, and there was no contention in all the land.

And it came to pass that Nephi, he that kept this last record, (and he kept it upon the plates of Nephi) died, and his son Amos kept it in his stead; and he kept it upon the plates of Nephi also.

And he kept it eighty and four years, and there was still peace in the land, save it were a small part of the people who had revolted from the church and taken upon them the name of Lamanites; therefore there began to be Lamanites again in the land.

And it came to pass that Amos died also, (and it was an hundred and ninety and four years from the coming of Christ) and his son Amos kept the record in his stead; and he also kept it upon the plates of Nephi; and it was also written in the book of Nephi, which is this book.

And it came to pass that two hundred years had passed away; and the second generation had all passed away save it were a few.

And now I, Mormon, would that ye should know that the people had multiplied, insomuch that they were spread upon all the face of the land, and that they had become exceedingly rich, because of their prosperity in Christ.

And now, in this two hundred and first year there began to be among them those who were lifted up in pride, such as the wearing of costly apparel, and all manner of fine pearls, and of the fine things of the world.

And from that time forth they did have their goods and their substance no more common among them.

26 Và họ bắt đầu phân chia thành nhiều giai cấp; và họ cũng bắt đầu xây dựng các giáo hội riêng cho họ để thủ lợi, và bắt đầu chối bỏ giáo hội chân chính của Đấng Ky Tô.

27 Và chuyện rằng, khi hai trăm mười năm trôi qua, trong xứ có rất nhiều giáo hội; phải, có rất nhiều giáo hội tự nhận là biết về Đấng Ky Tô, vậy mà họ lại chối bỏ phần lớn phúc âm của Ngài, đến nỗi họ tiếp nhận đủ mọi thứ tà ác, và làm lễ ban những gì thiêng liêng cho những kẻ đã từng bị cấm đoán vì không xứng đáng.

28 Và giáo hội này đã bành trướng rất nhanh, vì sự bất chính và vì quyền lực của Sa Tan đã nắm được trái tim của họ.

29 Và lại nữa, có một giáo hội khác đã chối bỏ Đấng Ky Tô; và còn ngược đãi giáo hội chân chính của Đấng Ky Tô, cũng vì lòng khiêm nhường và niềm tin của họ nơi Đấng Ky Tô; và chúng còn khinh khi họ vì nhiều phép lạ đã được thực hiện ở giữa họ.

30 Vậy nên, chúng đã dùng quyền năng và thẩm quyền mà đối xử với các môn đồ của Chúa Giê Su đang còn lưu lại với chúng, và đã bắt các vị ấy nhốt vào nhà giam. Nhưng nhờ quyền năng của lời Thượng Đế hằng có trong các vị, nên các nhà giam bị tách làm đôi, và các vị đi ra làm các phép lạ phi thường giữa dân chúng.

31 Tuy nhiên, mặc dù với tất cả các phép lạ này, dân chúng vẫn chai đá trong lòng. Họ vẫn tìm cách sát hại các vị đó, chẳng khác chi dân Do Thái ở Giê Ru Sa Lem đã tìm cách giết Chúa Giê Su, theo như lời Ngài phán.

32 Và rồi họ ném các vị vào lò lửa, nhưng các vị đã bước ra mà không hề hấn gì.

33 Họ còn ném các vị vào hang thú dữ, nhưng các vị đã chơi với thú dữ chẳng khác chi trẻ nhỏ chơi với chiên con. Và các vị đã bước ra khỏi chúng mà không hề hấn gì.

And they began to be divided into classes; and they began to build up churches unto themselves to get gain, and began to deny the true church of Christ.

And it came to pass that when two hundred and ten years had passed away there were many churches in the land; yea, there were many churches which professed to know the Christ, and yet they did deny the more parts of his gospel, inso-much that they did receive all manner of wickedness, and did administer that which was sacred unto him to whom it had been forbidden because of unworthiness.

And this church did multiply exceedingly because of iniquity, and because of the power of Satan who did get hold upon their hearts.

And again, there was another church which denied the Christ; and they did persecute the true church of Christ, because of their humility and their belief in Christ; and they did despise them because of the many miracles which were wrought among them.

Therefore they did exercise power and authority over the disciples of Jesus who did tarry with them, and they did cast them into prison; but by the power of the word of God, which was in them, the prisons were rent in twain, and they went forth doing mighty miracles among them.

Nevertheless, and notwithstanding all these miracles, the people did harden their hearts, and did seek to kill them, even as the Jews at Jerusalem sought to kill Jesus, according to his word.

And they did cast them into furnaces of fire, and they came forth receiving no harm.

And they also cast them into dens of wild beasts, and they did play with the wild beasts even as a child with a lamb; and they did come forth from among them, receiving no harm.



34 Vậy mà dân chúng vẫn chai đá trong lòng, vì họ đã bị nhiều thầy tư tế và tiên tri giả mạo dẫn dắt, để tạo dựng lên nhiều giáo hội và làm đủ mọi điều bất chính. Họ đánh đập dân của Chúa Giê Su; nhưng dân của Chúa Giê Su không đánh trả lại họ. Và cứ thế họ sa vào vòng vô tín ngưỡng và tà ác năm này qua năm khác, cho đến năm hai trăm ba mươi đã trôi qua.

35 Và chuyện rằng, vào năm này, phải, vào năm thứ hai trăm ba mươi một, trong dân chúng có một sự chia rẽ rất lớn lao.

36 Và chuyện rằng, vào năm này có một nhóm người gọi là dân Nê Phi, là những người có đức tin chân chính nơi Đấng Ky Tô; và trong nhóm này còn có những người mà dân La Man gọi là dân Gia Cốp, dân Giô Sép, và dân Giô Ram;

37 Vậy nên, những người có đức tin chân chính nơi Đấng Ky Tô, và những người chân thành thờ phượng Đấng Ky Tô, (trong số này có ba môn đồ của Chúa Giê Su còn ở lại) đều được gọi là dân Nê Phi, dân Gia Cốp, dân Giô Sép, và dân Giô Ram.

38 Và chuyện rằng, những kẻ nào bác bỏ phúc âm đều được gọi là dân La Man, dân Lê Mu Ên, và dân Ích Ma Ên; và những kẻ này không sa vào vòng vô tín ngưỡng, nhưng họ cố tình chống lại phúc âm của Đấng Ky Tô; họ còn dạy con cái họ đừng tin, chẳng khác chi tổ phụ họ đã làm từ lúc ban đầu.

39 Và sở dĩ họ làm vậy là vì sự tà ác và khả ố của tổ phụ họ chẳng khác chi lúc ban đầu. Họ được dạy dỗ phải thù ghét con cái của Thượng Đế, chẳng khác chi dân La Man đã được dạy dỗ phải thù ghét con cháu Nê Phi từ lúc đầu.

40 Và chuyện rằng, hai trăm bốn mươi bốn năm đã trôi qua, và những việc trong dân chúng đã xảy ra như vậy. Và thành phần tà ác trong dân chúng đã trở nên hùng mạnh và trở nên đông đảo hơn dân của Thượng Đế rất nhiều.

41 Và họ vẫn tiếp tục xây dựng các giáo hội riêng cho họ, và trang trí với đủ mọi vật quý giá. Và như vậy là hai trăm năm mươi năm đã trôi qua, và luôn cả hai trăm sáu mươi năm cũng trôi qua.

Nevertheless, the people did harden their hearts, for they were led by many priests and false prophets to build up many churches, and to do all manner of iniquity. And they did smite upon the people of Jesus; but the people of Jesus did not smite again. And thus they did dwindle in unbelief and wickedness, from year to year, even until two hundred and thirty years had passed away.

And now it came to pass in this year, yea, in the two hundred and thirty and first year, there was a great division among the people.

And it came to pass that in this year there arose a people who were called the Nephites, and they were true believers in Christ; and among them there were those who were called by the Lamanites —Jacobites, and Josephites, and Zoramites;

Therefore the true believers in Christ, and the true worshipers of Christ, (among whom were the three disciples of Jesus who should tarry) were called Nephites, and Jacobites, and Josephites, and Zoramites.

And it came to pass that they who rejected the gospel were called Lamanites, and Lemuelites, and Ishmaelites; and they did not dwindle in unbelief, but they did wilfully rebel against the gospel of Christ; and they did teach their children that they should not believe, even as their fathers, from the beginning, did dwindle.

And it was because of the wickedness and abomination of their fathers, even as it was in the beginning. And they were taught to hate the children of God, even as the Lamanites were taught to hate the children of Nephi from the beginning.

And it came to pass that two hundred and forty and four years had passed away, and thus were the affairs of the people. And the more wicked part of the people did wax strong, and became exceedingly more numerous than were the people of God.

And they did still continue to build up churches unto themselves, and adorn them with all manner of precious things. And thus did two hundred and fifty years pass away, and also two hundred and sixty years.

42 Và chuyện rằng, thành phần dân chúng tà ác lại bắt đầu lặp lại những lời thề nguyện và những âm mưu liên kết bí mật của Ga Đi An Tôn.

43 Và ngay cả những người mệnh danh là dân Nê Phi cũng bắt đầu kiêu hãnh trong lòng, vì họ vô cùng giàu có, và trở nên tự phụ chẳng khác chi đồng bào của họ là dân La Man vậy.

44 Và từ lúc đó, các môn đồ bắt đầu cảm thấy buồn rầu vì tội lỗi của thế gian.

45 Và chuyện rằng, khi ba trăm năm đã trôi qua, cả hai dân tộc Nê Phi và La Man đều trở nên vô cùng tà ác chẳng khác chi nhau.

46 Và chuyện rằng, bọn cướp Ga Đi An Tôn đã lan tràn khắp trong xứ; và ngoại trừ các môn đồ của Chúa Giê Su, thì chẳng còn ai là người ngay chính nữa. Và dân chúng tích lũy vàng bạc đầy kho và giao dịch buôn bán mọi thứ hàng hóa.

47 Và chuyện rằng, sau khi ba trăm lẻ năm năm đã trôi qua, (lúc ấy dân chúng vẫn còn sống trong sự tà ác) A Mốt qua đời; và em ông là Am Ma Rôn thay ông ghi chép biên sử.

48 Và chuyện rằng, khi ba trăm hai mươi năm đã trôi qua, vì sự bắt buộc của Đức Thánh Linh, Am Ma Rôn quả thật đã cất giấu những biên sử thiêng liêng—phải, tất cả những biên sử thiêng liêng đã được lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác—cho đến năm thứ ba trăm hai mươi, kể từ khi Đấng Kỵ Tô hiện đến.

49 Và ông đã cất giấu những biên sử đó trong Chúa, để một ngày kia, những vật này sẽ lại đến với dân còn sót lại của gia tộc Gia Cốp, đúng theo những lời tiên tri và các điều hứa hẹn của Chúa. Và như vậy là chấm dứt biên sử của Am Ma Rôn.

And it came to pass that the wicked part of the people began again to build up the secret oaths and combinations of Gadianton.

And also the people who were called the people of Nephi began to be proud in their hearts, because of their exceeding riches, and become vain like unto their brethren, the Lamanites.

And from this time the disciples began to sorrow for the sins of the world.

And it came to pass that when three hundred years had passed away, both the people of Nephi and the Lamanites had become exceedingly wicked one like unto another.

And it came to pass that the robbers of Gadianton did spread over all the face of the land; and there were none that were righteous save it were the disciples of Jesus. And gold and silver did they lay up in store in abundance, and did traffic in all manner of traffic.

And it came to pass that after three hundred and five years had passed away, (and the people did still remain in wickedness) Amos died; and his brother, Ammaron, did keep the record in his stead.

And it came to pass that when three hundred and twenty years had passed away, Ammaron, being constrained by the Holy Ghost, did hide up the records which were sacred—yea, even all the sacred records which had been handed down from generation to generation, which were sacred—even until the three hundred and twentieth year from the coming of Christ.

And he did hide them up unto the Lord, that they might come again unto the remnant of the house of Jacob, according to the prophecies and the promises of the Lord. And thus is the end of the record of Ammaron.

# Sách Mặc Môn

## Mặc Môn 1

- 1 Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, ghi chép những điều tôi đã thấy và nghe, và tôi gọi biên sử này là Sách Mặc Môn.
- 2 Vào lúc Am Ma Rôn cất giấu các biên sử trong Chúa, ông có đến gặp tôi, (lúc đó tôi độ chừng mười tuổi, và tôi đã bắt đầu được dạy dỗ theo cách thức mà dân tôi được giáo dục) và Am Ma Rôn bảo tôi rằng: Ta nhận thấy em là một đứa trẻ đứng đắn và biết quan sát nhanh nhạy;
- 3 Vậy nên, khi nào em được hai mươi bốn tuổi, ta muốn em ghi nhớ những điều em đã quan sát về dân này; và khi đến tuổi đó, em hãy đi đến xứ An Tum, tìm đến ngọn đồi có tên là Sim; ở đó ta đã cất giữ trong Chúa tất cả những bảng khắc thiêng liêng có liên hệ đến dân này.
- 4 Và này, em sẽ lấy những bảng khắc Nê Phi; còn những bảng còn lại, em hãy để nguyên chỗ cũ; rồi em hãy ghi khắc tất cả những điều em đã quan sát về dân này lên các bảng khắc Nê Phi.
- 5 Và tôi, Mặc Môn, con cháu của Nê Phi, (và thân phụ tôi cũng có tên là Mặc Môn) tôi đã ghi nhớ những điều Am Ma Rôn truyền bảo tôi.
- 6 Và chuyện rằng, khi tôi được mười một tuổi, cha tôi đã đem tôi đến xứ phía nam, ở tận xứ Gia Ra Hem La.
- 7 Khắp trong xứ có đầy nhà cửa dinh thự, và dân chúng thì đông như cát biển.
- 8 Và chuyện rằng, trong năm này, chiến tranh bắt đầu xảy ra giữa dân Nê Phi, là dân gồm có dân Nê Phi, dân Gia Cốp, dân Giô Sép, và dân Giô Ram; và chiến tranh này xảy ra giữa dân Nê Phi với dân La Man và dân Lê Mu Ên cùng dân Ích Ma Ên.

# The Book of Mormon

## Mormon 1

And now I, Mormon, make a record of the things which I have both seen and heard, and call it the Book of Mormon.

And about the time that Ammaron hid up the records unto the Lord, he came unto me, (I being about ten years of age, and I began to be learned somewhat after the manner of the learning of my people) and Ammaron said unto me: I perceive that thou art a sober child, and art quick to observe;

Therefore, when ye are about twenty and four years old I would that ye should remember the things that ye have observed concerning this people; and when ye are of that age go to the land Antum, unto a hill which shall be called Shim; and there have I deposited unto the Lord all the sacred engravings concerning this people.

And behold, ye shall take the plates of Nephi unto yourself, and the remainder shall ye leave in the place where they are; and ye shall engrave on the plates of Nephi all the things that ye have observed concerning this people.

And I, Mormon, being a descendant of Nephi, (and my father's name was Mormon) I remembered the things which Ammaron commanded me.

And it came to pass that I, being eleven years old, was carried by my father into the land southward, even to the land of Zarahemla.

The whole face of the land had become covered with buildings, and the people were as numerous almost, as it were the sand of the sea.

And it came to pass in this year there began to be a war between the Nephites, who consisted of the Nephites and the Jacobites and the Josephites and the Zoramites; and this war was between the Nephites, and the Lamanites and the Lemuelites and the Ishmaelites.

- 9 Giờ đây dân La Man cùng dân Lê Mu Ên và dân Ích Ma Ên đều được gọi chung là dân La Man, và hai bên giao chiến với nhau là dân Nê Phi và dân La Man.
- 10 Và chuyện rằng, cuộc chiến giữa hai bên bắt đầu xảy ra tại biên giới xứ Gia Ra Hem La, gần bên sông Si Đôn.
- 11 Và chuyện rằng, dân Nê Phi quy tụ được một số người đông tới hơn ba chục ngàn. Và chuyện rằng, trong năm này, một số trận chiến đã xảy ra, và trong những trận chiến đó, dân Nê Phi đã đánh thắng dân La Man và sát hại chúng rất nhiều.
- 12 Và chuyện rằng, dân La Man từ bỏ ý đồ của chúng, và hòa bình được tái lập trong xứ; sự thái bình ấy được kéo dài trong một thời gian độ bốn năm, không có sự đổ máu nào xảy ra.
- 13 Nhưng sự tà ác thì đầy dẫy khắp xứ, đến nỗi Chúa phải đem đi khỏi những môn đồ yêu mến của Ngài, và những phép lạ cùng việc chữa lành bệnh cũng ngưng lại vì sự bất chính của dân chúng.
- 14 Và không có một ân tứ nào của Chúa được ban cho, và Đức Thánh Linh cũng chẳng giáng xuống một ai vì sự tà ác và vô tín ngưỡng của họ.
- 15 Và lúc đó tôi được mười lăm tuổi và có một tâm hồn đứng đắn nên tôi được Chúa viếng thăm, và tôi đã nếm qua và biết được lòng nhân từ của Chúa Giê Su.
- 16 Và tôi đã cố gắng thuyết giảng cho dân này nghe, nhưng miệng tôi phải ngậm lại, và tôi bị cấm không được thuyết giảng cho họ; vì này, họ đã cố tình phản nghịch Thượng Đế của họ; và các môn đồ yêu mến của Ngài đã bị cất đi khỏi xứ cũng vì sự bất chính của họ.
- 17 Nhưng tôi vẫn ở lại với họ, và tôi bị ngăn cấm không được thuyết giảng cho họ, vì lòng dạ họ chai đá; và cũng vì lòng dạ họ chai đá nên xứ sở phải bị rửa sạch cho lợi ích của họ.
- 18 Và bọn cướp Ga Đi An Tôn trong đám dân La Man đã hoành hành khắp xứ, đến nỗi dân cư trong xứ phải bắt đầu chôn giấu của cải của họ xuống đất; và những cửa cải ấy cũng bắt đầu tuột khỏi tay họ, vì Chúa đã rửa sạch xứ này, để cho họ không nắm giữ hay bảo tồn của cải ấy được nữa.

Now the Lamanites and the Lemuelites and the Ishmaelites were called Lamanites, and the two parties were Nephites and Lamanites.

And it came to pass that the war began to be among them in the borders of Zarahemla, by the waters of Sidon.

And it came to pass that the Nephites had gathered together a great number of men, even to exceed the number of thirty thousand. And it came to pass that they did have in this same year a number of battles, in which the Nephites did beat the Lamanites and did slay many of them.

And it came to pass that the Lamanites withdrew their design, and there was peace settled in the land; and peace did remain for the space of about four years, that there was no bloodshed.

But wickedness did prevail upon the face of the whole land, insomuch that the Lord did take away his beloved disciples, and the work of miracles and of healing did cease because of the iniquity of the people.

And there were no gifts from the Lord, and the Holy Ghost did not come upon any, because of their wickedness and unbelief.

And I, being fifteen years of age and being somewhat of a sober mind, therefore I was visited of the Lord, and tasted and knew of the goodness of Jesus.

And I did endeavor to preach unto this people, but my mouth was shut, and I was forbidden that I should preach unto them; for behold they had wilfully rebelled against their God; and the beloved disciples were taken away out of the land, because of their iniquity.

But I did remain among them, but I was forbidden to preach unto them, because of the hardness of their hearts; and because of the hardness of their hearts the land was cursed for their sake.

And these Gadianton robbers, who were among the Lamanites, did infest the land, insomuch that the inhabitants thereof began to hide up their treasures in the earth; and they became slippery, because the Lord had cursed the land, that they could not hold them, nor retain them again.

19      Và chuyện rằng, những chuyện phù thủy, đồng bóng, tà thuật, và những chuyện thuộc quyền lực của ác quỷ đã lan tràn khắp xứ, khiến cho mọi lời nói của A Bi Na Đì và của Sa Mu Ên, người La Man, đều được ứng nghiệm.

And it came to pass that there were sorceries, and witchcrafts, and magics; and the power of the evil one was wrought upon all the face of the land, even unto the fulfilling of all the words of Abinadi, and also Samuel the Lamanite.

## Mặc Môn 2

- 1 Và chuyện rằng, cũng trong năm đó lại bắt đầu có chiến tranh giữa dân Nê Phi và dân La Man. Và mặc dù tôi còn trẻ tuổi nhưng lại có vóc dáng to lớn nên dân Nê Phi lập tôi lên làm người lãnh đạo họ, hay là người chỉ huy quân đội của họ.
- 2 Vậy nên, chuyện rằng, lúc được mười sáu tuổi, tôi cầm đầu một đạo quân Nê Phi để đi đánh dân La Man. Và thế là ba trăm hai mươi sáu năm đã trôi qua.
- 3 Và chuyện rằng, đến năm ba trăm hai mươi bảy, dân La Man kéo đến đánh chúng tôi với một lực lượng vô cùng hùng hậu, đến nỗi làm cho quân tôi phải khiếp sợ; vậy nên, họ không muốn giao tranh và bắt đầu rút lui về các xứ miền bắc.
- 4 Và chuyện rằng, chúng tôi đi đến thành phố An Gô La và chiếm thành phố ấy, và ở đó chúng tôi chuẩn bị để tự vệ chống lại dân La Man. Và chuyện rằng, chúng tôi củng cố thành phố ấy với tất cả khả năng của mình; nhưng, mặc dù với bao đồn lũy, dân La Man vẫn tiến đánh chúng tôi và đẩy bật chúng tôi ra khỏi thành phố.
- 5 Và chúng còn đánh đuổi chúng tôi ra khỏi xứ Đa Vít nữa.
- 6 Và chúng tôi phải ra đi đến xứ Giô Suê ở biên thùy hưởng tây cạnh bờ biển.
- 7 Và chuyện rằng, chúng tôi quy tụ dân của chúng tôi lại càng nhanh càng tốt, để chúng tôi có thể lập họ thành một khối.
- 8 Nhưng này, trong xứ đầy quân cướp và dân La Man; và mặc dầu sự hủy diệt lớn lao đã treo trên đầu dân tôi, nhưng họ vẫn không hối cải những việc làm xấu xa của mình; vậy nên, sự đổ máu và tàn sát lan tràn trên khắp xứ sở, cả phía dân Nê Phi cũng như phía dân La Man; và đó là một cuộc xáo trộn toàn diện trên khắp lãnh thổ.

## Mormon 2

And it came to pass in that same year there began to be a war again between the Nephites and the Lamanites. And notwithstanding I being young, was large in stature; therefore the people of Nephi appointed me that I should be their leader, or the leader of their armies.

Therefore it came to pass that in my sixteenth year I did go forth at the head of an army of the Nephites, against the Lamanites; therefore three hundred and twenty and six years had passed away.

And it came to pass that in the three hundred and twenty and seventh year the Lamanites did come upon us with exceedingly great power, inso-much that they did frighten my armies; therefore they would not fight, and they began to retreat towards the north countries.

And it came to pass that we did come to the city of Angola, and we did take possession of the city, and make preparations to defend ourselves against the Lamanites. And it came to pass that we did fortify the city with our might; but notwithstanding all our fortifications the Lamanites did come upon us and did drive us out of the city.

And they did also drive us forth out of the land of David.

And we marched forth and came to the land of Joshua, which was in the borders west by the seashore.

And it came to pass that we did gather in our people as fast as it were possible, that we might get them together in one body.

But behold, the land was filled with robbers and with Lamanites; and notwithstanding the great destruction which hung over my people, they did not repent of their evil doings; therefore there was blood and carnage spread throughout all the face of the land, both on the part of the Nephites and also on the part of the Lamanites; and it was one complete revolution throughout all the face of the land.

9 Và giờ đây, dân La Man có một vị vua tên là A Rôn. Hắn đến đánh chúng tôi với một đạo binh bốn mươi bốn ngàn quân. Và này, tôi đương đầu với hắn với một đạo binh bốn mươi hai ngàn quân. Và chuyện rằng, với đạo quân của tôi, tôi đánh hắn phải bỏ chạy. Và này, khi tất cả những sự việc này đã kết thúc thì năm thứ ba trăm ba mươi cũng trôi qua.

10 Và chuyện rằng, dân Nê Phi bắt đầu hối cải về sự bất chính của mình, và bắt đầu khóc than đúng như lời tiên tri của tiên tri Sa Mu Ên; vì này, chẳng có một ai giữ được của cải riêng của mình, vì trong xứ có rất nhiều quân trộm cướp, giết người, nhiều kẻ tà thuật và phù thủy.

11 Do đó mà sự than khóc và tang tóc bắt đầu nổi lên khắp xứ, cũng vì những điều này, và đặc biệt hơn là trong đám dân Nê Phi.

12 Và chuyện rằng, tôi, Mặc Môn, khi thấy sự than khóc, tang tóc và buồn rầu của họ trước mặt Chúa như vậy, thì tôi lại cảm thấy hân hoan trong lòng, vì tôi biết lòng thương xót và sự nhịn nhục của Chúa, nên tôi nghĩ rằng Ngài sẽ thương xót họ để họ được trở thành một dân tộc ngay chính như trước.

13 Nhưng này, nỗi vui mừng của tôi thật là hão huyền, vì sự buồn rầu của họ không đưa họ tới sự hối cải, bởi vì lòng nhân từ của Thượng Đế; nhưng đúng hơn, sự buồn rầu của họ chỉ là sự buồn rầu của kẻ bị kết tội, vì Chúa không muốn luôn luôn để họ sung sướng trong tội lỗi.

14 Và họ không đến cùng Chúa Giê Su với tấm lòng đau khổ và tâm hồn thống hối; trái lại họ nguyện rửa Thượng Đế, và muốn được chết đi. Tuy nhiên họ vẫn dùng gươm chiến đấu để bảo vệ mạng sống của mình.

15 Và chuyện rằng, sự buồn rầu lại trở lại với tôi, và tôi nhận thấy rằng đối với họ, những ngày đầy ân điển đã qua mất rồi, cả về phần xác lẫn phần hồn; vì tôi thấy có hàng ngàn người trong bọn họ bị chém ngã do sự phản nghịch công khai với Thượng Đế của họ, và xác nằm chất đống như những đống phân bón trên mặt đất. Và như vậy là ba trăm bốn mươi bốn năm đã trôi qua.

And now, the Lamanites had a king, and his name was Aaron; and he came against us with an army of forty and four thousand. And behold, I withstood him with forty and two thousand. And it came to pass that I beat him with my army that he fled before me. And behold, all this was done, and three hundred and thirty years had passed away.

And it came to pass that the Nephites began to repent of their iniquity, and began to cry even as had been prophesied by Samuel the prophet; for behold no man could keep that which was his own, for the thieves, and the robbers, and the murderers, and the magic art, and the witchcraft which was in the land.

Thus there began to be a mourning and a lamentation in all the land because of these things, and more especially among the people of Nephi.

And it came to pass that when I, Mormon, saw their lamentation and their mourning and their sorrow before the Lord, my heart did begin to rejoice within me, knowing the mercies and the long-suffering of the Lord, therefore supposing that he would be merciful unto them that they would again become a righteous people.

But behold this my joy was vain, for their sorrowing was not unto repentance, because of the goodness of God; but it was rather the sorrowing of the damned, because the Lord would not always suffer them to take happiness in sin.

And they did not come unto Jesus with broken hearts and contrite spirits, but they did curse God, and wish to die. Nevertheless they would struggle with the sword for their lives.

And it came to pass that my sorrow did return unto me again, and I saw that the day of grace was passed with them, both temporally and spiritually; for I saw thousands of them hewn down in open rebellion against their God, and heaped up as dung upon the face of the land. And thus three hundred and forty and four years had passed away.

- 16 Và chuyện rằng, đến năm thứ ba trăm bốn mươi lăm, dân Nê Phi bắt đầu chạy trốn dân La Man; và họ bị chúng rượt đuổi mãi cho đến khi họ đến được xứ Gia Sơn, chúng mới có thể chặn họ được trong cuộc lui quân của họ.
- 17 Và bây giờ, thành phố Gia Sơn ở gần nơi mà Am Ma Rôn đã cất giấu các biên sử cho mục đích của Chúa, để chúng khỏi bị tiêu hủy. Và này, tôi đã ra đi theo lời dặn của Am Ma Rôn, và tôi đã lấy những bảng khắc Nê Phi và đã làm một biên sử theo như lời dặn của Am Ma Rôn.
- 18 Và trên các bảng khắc Nê Phi, tôi ghi chép đầy đủ tất cả những điều tà ác và khả ố; nhưng trên những bảng khắc này, tôi không ghi hết những điều tà ác và khả ố của họ; vì này, một cảnh tượng về những điều tà ác và khả ố liên tục xảy ra trước mắt tôi kể từ ngày tôi có đủ trí óc để quan sát những hành vi của loài người.
- 19 Và khốn thay cho tôi, vì sự tà ác của họ; vì suốt đời lòng tôi tràn ngập những nỗi đau buồn vì sự tà ác của họ; tuy nhiên, tôi biết rằng tôi sẽ được nâng cao vào ngày sau cùng.
- 20 Và chuyện rằng, trong năm này, dân Nê Phi lại bị săn đuổi. Và chuyện rằng, chúng tôi bị đánh đuổi cho tới khi chúng tôi chạy về hướng bắc đến xứ có tên là Sem.
- 21 Và chuyện rằng, chúng tôi củng cố lại thành phố Sem, và cố gắng quy tụ dân chúng lại càng nhiều càng tốt, để may ra có thể cứu họ khỏi bị hủy diệt.
- 22 Và chuyện rằng, đến năm thứ ba trăm bốn mươi sáu, chúng lại bắt đầu tiến đánh chúng tôi nữa.
- 23 Và chuyện rằng, tôi ngỏ lời cùng dân tôi và tha thiết thúc giục họ mạnh dạn đứng lên chống lại dân La Man để chiến đấu bảo vệ vợ con, gia đình nhà cửa và quê hương của họ.
- 24 Và lời nói của tôi đã thức tỉnh lòng hăng hái của họ phần nào, khiến họ không còn chạy trốn dân La Man nữa, mà trái lại họ chống cự với chúng một cách bạo dạn.

And it came to pass that in the three hundred and forty and fifth year the Nephites did begin to flee before the Lamanites; and they were pursued until they came even to the land of Jashon, before it was possible to stop them in their retreat.

And now, the city of Jashon was near the land where Ammaron had deposited the records unto the Lord, that they might not be destroyed. And behold I had gone according to the word of Ammaron, and taken the plates of Nephi, and did make a record according to the words of Ammaron.

And upon the plates of Nephi I did make a full account of all the wickedness and abominations; but upon these plates I did forbear to make a full account of their wickedness and abominations, for behold, a continual scene of wickedness and abominations has been before mine eyes ever since I have been sufficient to behold the ways of man.

And wo is me because of their wickedness; for my heart has been filled with sorrow because of their wickedness, all my days; nevertheless, I know that I shall be lifted up at the last day.

And it came to pass that in this year the people of Nephi again were hunted and driven. And it came to pass that we were driven forth until we had come northward to the land which was called Shem.

And it came to pass that we did fortify the city of Shem, and we did gather in our people as much as it were possible, that perhaps we might save them from destruction.

And it came to pass in the three hundred and forty and sixth year they began to come upon us again.

And it came to pass that I did speak unto my people, and did urge them with great energy, that they would stand boldly before the Lamanites and fight for their wives, and their children, and their houses, and their homes.

And my words did arouse them somewhat to vigor, insomuch that they did not flee from before the Lamanites, but did stand with boldness against them.



- 25 Và chuyện rằng, chúng tôi đem một đạo quân ba chục ngàn người chống với một đạo quân năm chục ngàn người. Và chuyện rằng, chúng tôi đã chống cự lại rất quyết liệt, khiến chúng phải chạy trốn chúng tôi.
- 26 Và chuyện rằng, khi chúng bỏ chạy, chúng tôi xua quân đuổi theo, và chúng tôi đã bắt kịp chúng và đánh bại chúng; nhưng sức mạnh của Chúa không ở với chúng tôi; phải, chúng tôi bị bỏ mặc một mình, và Thánh Linh của Chúa không ở trong chúng tôi; vậy nên chúng tôi trở nên yếu đuối chẳng khác chi các anh em của chúng tôi.
- 27 Và lòng tôi lại buồn rầu vì tai họa lớn lao này xảy đến cho dân tôi, vì sự tà ác và những điều khả ố của họ. Nhưng này, chúng tôi vẫn tiến đánh dân La Man và bọn cướp Ga Đi An Tôn, cho đến khi chúng tôi chiếm lại được những đất đai thừa hưởng của mình.
- 28 Và năm thứ ba trăm bốn mươi chín đã trôi qua. Và đến năm thứ ba trăm năm mươi, chúng tôi lập một hiệp ước với dân La Man và bọn cướp Ga Đi An Tôn. Trong hiệp ước đó, chúng tôi thỏa thuận phân chia những đất đai thừa hưởng của chúng tôi.
- 29 Và dân La Man dành cho chúng tôi phần đất miền bắc, phải, cho tới dải đất hẹp dẫn đến phần đất miền nam. Và chúng tôi nhường hết phần đất miền nam cho dân La Man.

And it came to pass that we did contend with an army of thirty thousand against an army of fifty thousand. And it came to pass that we did stand before them with such firmness that they did flee from before us.

And it came to pass that when they had fled we did pursue them with our armies, and did meet them again, and did beat them; nevertheless the strength of the Lord was not with us; yea, we were left to ourselves, that the Spirit of the Lord did not abide in us; therefore we had become weak like unto our brethren.

And my heart did sorrow because of this the great calamity of my people, because of their wickedness and their abominations. But behold, we did go forth against the Lamanites and the robbers of Gadianton, until we had again taken possession of the lands of our inheritance.

And the three hundred and forty and ninth year had passed away. And in the three hundred and fiftieth year we made a treaty with the Lamanites and the robbers of Gadianton, in which we did get the lands of our inheritance divided.

And the Lamanites did give unto us the land northward, yea, even to the narrow passage which led into the land southward. And we did give unto the Lamanites all the land southward.

## Mặc Môn 3

- 1 Và chuyện rằng, dân La Man đã không đến gây chiến nữa cho đến khi mười năm sau đó đã trôi qua. Và này, tôi đã cho dân tôi, là dân Nê Phi, sửa soạn xứ sở và khí giới để phòng bị trong những ngày có chiến tranh.
- 2 Và chuyện rằng, Chúa phán cùng tôi: Hãy kêu gọi dân này—Các người hãy hối cải và đến cùng ta, các người hãy chịu phép báp têm và xây dựng lại giáo hội của ta, rồi các người sẽ được dung tha.
- 3 Và tôi đã kêu gọi dân này như vậy, nhưng vô hiệu quả; và họ không nhận thức được rằng, chính Chúa đã dung tha họ và ban cho họ một cơ hội để hối cải. Và này, họ đã chai đá trong lòng chống lại Chúa, Thượng Đế của họ.
- 4 Và chuyện rằng, khi năm thứ mười này đã trôi qua, tính chung là ba trăm sáu mươi năm kể từ ngày Đấng Ky Tô hiện đến, vua của dân La Man có gửi cho tôi một bức thư, báo cho tôi biết rằng, họ đang chuẩn bị để đến đánh chúng tôi lần nữa.
- 5 Và chuyện rằng, tôi ra lệnh cho dân tôi phải quy tụ lại tại xứ Hoang Vu, trong thành phố nằm trên biên giới cạnh dải đất hẹp dẫn đến xứ phương nam.
- 6 Và ở đây, chúng tôi cho quân trấn đóng để ngăn chặn quân La Man, không cho chúng chiếm phần lãnh thổ nào của chúng tôi; như vậy là chúng tôi đã đem hết lực lượng ra tăng cường để chống lại chúng.
- 7 Và chuyện rằng, vào năm thứ ba trăm sáu mươi một, dân La Man đã tiến xuống thành phố Hoang Vu để đánh chúng tôi; và chuyện rằng, trong năm đó, chúng tôi đã đánh bại chúng khiến chúng phải rút quân về lãnh thổ của chúng.
- 8 Và đến năm thứ ba trăm sáu mươi hai, chúng lại đến gây chiến với chúng tôi. Và chúng tôi cũng đánh bại chúng, giết chết được một số lớn quân lính của chúng và ném thây chúng xuống biển.

## Mormon 3

And it came to pass that the Lamanites did not come to battle again until ten years more had passed away. And behold, I had employed my people, the Nephites, in preparing their lands and their arms against the time of battle.

And it came to pass that the Lord did say unto me: Cry unto this people—Repent ye, and come unto me, and be ye baptized, and build up again my church, and ye shall be spared.

And I did cry unto this people, but it was in vain; and they did not realize that it was the Lord that had spared them, and granted unto them a chance for repentance. And behold they did harden their hearts against the Lord their God.

And it came to pass that after this tenth year had passed away, making, in the whole, three hundred and sixty years from the coming of Christ, the king of the Lamanites sent an epistle unto me, which gave unto me to know that they were preparing to come again to battle against us.

And it came to pass that I did cause my people that they should gather themselves together at the land Desolation, to a city which was in the borders, by the narrow pass which led into the land southward.

And there we did place our armies, that we might stop the armies of the Lamanites, that they might not get possession of any of our lands; therefore we did fortify against them with all our force.

And it came to pass that in the three hundred and sixty and first year the Lamanites did come down to the city of Desolation to battle against us; and it came to pass that in that year we did beat them, insomuch that they did return to their own lands again.

And in the three hundred and sixty and second year they did come down again to battle. And we did beat them again, and did slay a great number of them, and their dead were cast into the sea.

- 9 Và giờ đây, vì những chiến công lớn lao như vậy nên dân tôi, tức là dân Nê Phi, lại bắt đầu khoe khoang sức mạnh của mình, và cũng bắt đầu thề với trời rằng, họ sẽ trả thù cho máu của đồng bào họ đã bị quân thù giết chết.
- 10 Và họ còn thề với trời và với ngai của Thượng Đế rằng, họ nhất quyết tiến lên đánh quân thù và khai trừ chúng khỏi xứ sở.
- 11 Và chuyện rằng, tôi, Mặc Môn, nhất định từ chối không nhận làm người chỉ huy và lãnh đạo dân này kể từ nay trở về sau, vì sự tà ác và khỗ ố của họ.
- 12 Vì này, mặc dù họ tà ác nhưng đã bao lần tôi chỉ huy họ trong nhiều trận chiến, và đã hết lòng yêu mến họ, theo như tình thương yêu của Thượng Đế hằng có trong tôi. Tôi đã đem hết tâm hồn ra cầu nguyện lên Thượng Đế suốt ngày cho họ; tuy nhiên việc ấy không có đức tin, vì lòng dạ họ chai đá.
- 13 Đã ba lần tôi giải thoát họ khỏi bàn tay kẻ thù, vậy mà họ vẫn không hối cải tội lỗi của mình.
- 14 Và khi họ thề qua những điều mà Chúa, Đấng Cứu Rỗi Giê Su Kỵ Tô, đã cấm đoán họ, rằng họ sẽ tiến đánh kẻ thù của họ và trả thù cho máu của đồng bào họ, này, tiếng nói của Chúa đã đến với tôi mà rằng:
- 15 Sự trả thù thuộc về ta, và ta sẽ đền trả; và vì dân này không hối cải sau khi ta đã giải thoát chúng, này, chúng sẽ bị khai trừ khỏi mặt đất.
- 16 Và chuyện rằng, tôi nhất định từ chối việc tiến đánh kẻ thù; và tôi đã làm theo lời Chúa đã truyền lệnh cho tôi; và tôi chỉ giữ vai trò một nhân chứng thụ động để biểu lộ cho thế gian biết những điều tôi nghe thấy theo sự biểu lộ của Thánh Linh là Đấng đã làm chứng về những điều sẽ xảy đến.
- 17 Vậy nên, tôi viết cho các người là những người Dân Ngoại và luôn cả cho những người trong gia tộc Y Sơ Ra Ên, khi nào công việc bắt đầu, thì các người sắp chuẩn bị mà trở về đất thừa hưởng của mình;

And now, because of this great thing which my people, the Nephites, had done, they began to boast in their own strength, and began to swear before the heavens that they would avenge themselves of the blood of their brethren who had been slain by their enemies.

And they did swear by the heavens, and also by the throne of God, that they would go up to battle against their enemies, and would cut them off from the face of the land.

And it came to pass that I, Mormon, did utterly refuse from this time forth to be a commander and a leader of this people, because of their wickedness and abomination.

Behold, I had led them, notwithstanding their wickedness I had led them many times to battle, and had loved them, according to the love of God which was in me, with all my heart; and my soul had been poured out in prayer unto my God all the day long for them; nevertheless, it was without faith, because of the hardness of their hearts.

And thrice have I delivered them out of the hands of their enemies, and they have repented not of their sins.

And when they had sworn by all that had been forbidden them by our Lord and Savior Jesus Christ, that they would go up unto their enemies to battle, and avenge themselves of the blood of their brethren, behold the voice of the Lord came unto me, saying:

Vengeance is mine, and I will repay; and because this people repented not after I had delivered them, behold, they shall be cut off from the face of the earth.

And it came to pass that I utterly refused to go up against mine enemies; and I did even as the Lord had commanded me; and I did stand as an idle witness to manifest unto the world the things which I saw and heard, according to the manifestations of the Spirit which had testified of things to come.

Therefore I write unto you, Gentiles, and also unto you, house of Israel, when the work shall commence, that ye shall be about to prepare to return to the land of your inheritance;

- 18 Phải, này, tôi viết cho tất cả mọi người ở các nơi tận cùng của trái đất; phải, cho các người trong mười hai chi tộc Y Sơ Ra Ên, là những người sẽ bị xét xử tùy theo những việc làm của mình bởi mười hai vị được Chúa Giê Su chọn lựa làm môn đồ của Ngài tại xứ Giê Ru Sa Lem.
- 19 Và tôi cũng viết cho những người còn sót lại của dân này, là những người sẽ bị xét xử bởi mười hai vị khác được Chúa Giê Su chọn lựa tại xứ này; và mười hai vị này sẽ bị xét xử bởi mười hai vị kia là những vị được Chúa Giê Su chọn lựa tại xứ Giê Ru Sa Lem.
- 20 Và những điều này tôi đã được Thánh Linh biểu lộ cho biết; vậy nên, tôi viết cho tất cả các người. Và cũng vì lý do này mà tôi viết cho các người, để các người biết rằng, tất cả các người sẽ phải đứng trước ghế phán xét của Đấng Ky Tô, phải, tất cả mọi người thuộc gia đình nhân loại của A Đam; và các người đều phải đứng chịu sự phán xét về việc làm của mình, dù thiện hay ác;
- 21 Và hơn nữa, để các người có thể tin vào phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô, là phúc âm mà các người sẽ có ở giữa các người; và còn để cho dân Do Thái, là dân giao ước của Chúa, có nhân chứng khác, ngoài Đấng mà họ đã thấy và nghe, rằng Chúa Giê Su, Đấng đã bị họ giết chết, chính là Đấng Ky Tô và chính là Thượng Đế vậy.
- 22 Và tôi mong rằng, tôi có thể thuyết phục được tất cả mọi người ở các nơi tận cùng của trái đất hối cải và chuẩn bị để đứng trước ghế phán xét của Đấng Ky Tô.

Yea, behold, I write unto all the ends of the earth; yea, unto you, twelve tribes of Israel, who shall be judged according to your works by the twelve whom Jesus chose to be his disciples in the land of Jerusalem.

And I write also unto the remnant of this people, who shall also be judged by the twelve whom Jesus chose in this land; and they shall be judged by the other twelve whom Jesus chose in the land of Jerusalem.

And these things doth the Spirit manifest unto me; therefore I write unto you all. And for this cause I write unto you, that ye may know that ye must all stand before the judgment-seat of Christ, yea, every soul who belongs to the whole human family of Adam; and ye must stand to be judged of your works, whether they be good or evil;

And also that ye may believe the gospel of Jesus Christ, which ye shall have among you; and also that the Jews, the covenant people of the Lord, shall have other witness besides him whom they saw and heard, that Jesus, whom they slew, was the very Christ and the very God.

And I would that I could persuade all ye ends of the earth to repent and prepare to stand before the judgment-seat of Christ.

## Mặc Môn 4

- 1 Và giờ đây chuyện rằng, đến năm thứ ba trăm sáu mươi ba, dân Nê Phi xuất quân khỏi xứ Hoang Vu, tiến đánh dân La Man.
- 2 Và chuyện rằng, quân đội Nê Phi bị đánh bật về xứ Hoang Vu. Và trong lúc họ đang còn mệt mỏi thì một đạo quân sung sức của dân La Man đến đánh họ; và họ phải đương đầu trong một trận chiến vô cùng ác liệt, đến nỗi dân La Man chiếm được thành phố Hoang Vu và giết chết rất nhiều dân Nê Phi cùng bắt nhiều tù binh.
- 3 Và số còn lại chạy trốn và đến gia nhập dân cư trong thành phố Tê An Cum. Bây giờ, thành phố Tê An Cum nằm ở biên giới cạnh bờ biển, và cũng ở gần thành phố Hoang Vu.
- 4 Và vì quân đội Nê Phi tiến đánh dân La Man nên họ mới bắt đầu bị đánh bại; nếu không thì dân La Man đã chẳng làm gì được họ.
- 5 Nhưng này, những sự đoán phạt của Thượng Đế sẽ đuổi kịp những kẻ tà ác; và cũng chính do những kẻ tà ác này mà những kẻ tà ác kia bị trừng phạt; vì chính kẻ tà ác đã sách động trái tim con cái loài người khiến gây ra cảnh đổ máu.
- 6 Và chuyện rằng, dân La Man đã chuẩn bị để tiến đánh thành phố Tê An Cum.
- 7 Và chuyện rằng, vào năm thứ ba trăm sáu mươi bốn, dân La Man tiến đánh thành phố Tê An Cum để chúng có thể chiếm thành phố Tê An Cum này nữa.
- 8 Và chuyện rằng, chúng bị dân Nê Phi đánh lui và đẩy lùi lại. Và khi dân Nê Phi thấy rằng họ đã đẩy lui được dân La Man, họ lại khoe khoang sức mạnh của mình; và họ đem hết sức mạnh của mình để đánh chiếm lại thành phố Hoang Vu.
- 9 Và giờ đây tất cả những việc này đã xảy ra, và có hàng ngàn người bị giết giữa hai phe, cả dân Nê Phi lẫn dân La Man.

## Mormon 4

And now it came to pass that in the three hundred and sixty and third year the Nephites did go up with their armies to battle against the Lamanites, out of the land Desolation.

And it came to pass that the armies of the Nephites were driven back again to the land of Desolation. And while they were yet weary, a fresh army of the Lamanites did come upon them; and they had a sore battle, insomuch that the Lamanites did take possession of the city Desolation, and did slay many of the Nephites, and did take many prisoners.

And the remainder did flee and join the inhabitants of the city Teancum. Now the city Teancum lay in the borders by the seashore; and it was also near the city Desolation.

And it was because the armies of the Nephites went up unto the Lamanites that they began to be smitten; for were it not for that, the Lamanites could have had no power over them.

But, behold, the judgments of God will overtake the wicked; and it is by the wicked that the wicked are punished; for it is the wicked that stir up the hearts of the children of men unto bloodshed.

And it came to pass that the Lamanites did make preparations to come against the city Teancum.

And it came to pass in the three hundred and sixty and fourth year the Lamanites did come against the city Teancum, that they might take possession of the city Teancum also.

And it came to pass that they were repulsed and driven back by the Nephites. And when the Nephites saw that they had driven the Lamanites they did again boast of their own strength; and they went forth in their own might, and took possession again of the city Desolation.

And now all these things had been done, and there had been thousands slain on both sides, both the Nephites and the Lamanites.

- 10 Và chuyện rằng, năm thứ ba trăm sáu mươi sáu đã trôi qua, và dân La Man lại đến gây chiến với dân Nê Phi. Vậy mà dân Nê Phi vẫn không hối cải về những điều xấu xa họ đã làm, trái lại họ vẫn tiếp tục sống mãi trong sự tà ác của mình.
- 11 Và không một ngôn ngữ nào có thể diễn tả được hay không có một người nào có thể viết lại một cách đầy đủ những cảnh đổ máu và tàn sát ghê rợn giữa hai phe dân Nê Phi và dân La Man; vì lòng dạ mọi người đều chai đá nên họ lấy làm thích thú tiếp tục gây cảnh đổ máu.
- 12 Và từ trước tới giờ, trong tất cả con cháu của Lê Hi chưa từng thấy có một sự tà ác nào lớn lao như vậy, dù là trong tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên cũng chưa bao giờ có như trong đám dân này, theo như lời Chúa phán.
- 13 Và chuyện rằng, dân La Man đã chiếm được thành phố Hoang Vu, và sở dĩ như vậy là vì quân số của chúng đông hơn quân số của dân Nê Phi rất nhiều.
- 14 Và chúng còn tiến quân lên đánh chiếm thành phố Tê An Cum. Chúng đánh đuổi dân cư ngụ trong thành phố ra ngoài, và bắt cầm tù cả đàn bà lẫn trẻ con, và đem họ làm vật hy sinh, tế các tượng thần của chúng.
- 15 Và chuyện rằng, đến năm thứ ba trăm sáu mươi bảy, dân Nê Phi vô cùng tức giận vì dân La Man đã đem vợ con của họ làm vật hy sinh tế thần, nên họ tiến đánh dân La Man với tất cả lòng căm tức cùng cực, đến nỗi họ đánh bại được dân La Man và đuổi chúng ra khỏi xứ của họ.
- 16 Và dân La Man không còn trở lại đánh phá dân Nê Phi nữa cho đến năm thứ ba trăm bảy mươi lăm.
- 17 Và trong năm này, chúng lại đem hết lực lượng của chúng tiến đánh dân Nê Phi; và người ta không thể đếm được chúng, vì quân số của chúng quá đông.
- 18 Và từ đó trở đi, dân Nê Phi không còn thắng thế dân La Man được nữa, nhưng bắt đầu bị chúng quét sạch, chẳng khác chi hạt sương dưới ánh mặt trời.

And it came to pass that the three hundred and sixty and sixth year had passed away, and the Lamanites came again upon the Nephites to battle; and yet the Nephites repented not of the evil they had done, but persisted in their wickedness continually.

And it is impossible for the tongue to describe, or for man to write a perfect description of the horrible scene of the blood and carnage which was among the people, both of the Nephites and of the Lamanites; and every heart was hardened, so that they delighted in the shedding of blood continually.

And there never had been so great wickedness among all the children of Lehi, nor even among all the house of Israel, according to the words of the Lord, as was among this people.

And it came to pass that the Lamanites did take possession of the city Desolation, and this because their number did exceed the number of the Nephites.

And they did also march forward against the city Teancum, and did drive the inhabitants forth out of her, and did take many prisoners both women and children, and did offer them up as sacrifices unto their idol gods.

And it came to pass that in the three hundred and sixty and seventh year, the Nephites being angry because the Lamanites had sacrificed their women and their children, that they did go against the Lamanites with exceedingly great anger, inasmuch that they did beat again the Lamanites, and drive them out of their lands.

And the Lamanites did not come again against the Nephites until the three hundred and seventy and fifth year.

And in this year they did come down against the Nephites with all their powers; and they were not numbered because of the greatness of their number.

And from this time forth did the Nephites gain no power over the Lamanites, but began to be swept off by them even as a dew before the sun.

- 19 Và chuyện rằng, dân La Man tiến đánh thành phố Hoang Vu, và một trận chiến vô cùng ác liệt đã diễn ra trong xứ Hoang Vu, và trong trận chiến này chúng đã đánh bại dân Nê Phi.
- 20 Và họ lại phải bỏ chạy trốn chúng đến thành phố Bô Ô; và ở đây họ chống cự với dân La Man một cách vô cùng gan dạ, đến nỗi dân La Man không đánh bại được họ cho đến khi chúng đến đánh lần thứ hai.
- 21 Và khi chúng đến đánh lần thứ hai, thì dân Nê Phi bị đánh bại và bị sát hại trong một cuộc tàn sát vô cùng lớn lao; và vợ con họ lại bị đem làm vật hy sinh tế thần.
- 22 Và chuyện rằng, dân Nê Phi lại phải chạy trốn chúng, dẫn theo tất cả dân cư trong các thành phố và luôn cả dân cư trong các làng mạc.
- 23 Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, thấy dân La Man sắp chiếm cứ hết xứ sở, nên tôi đi vào đồi Sim lấy tất cả các biên sử mà Am Ma Rôn đã chôn giấu cho mục đích của Chúa.

And it came to pass that the Lamanites did come down against the city Desolation; and there was an exceedingly sore battle fought in the land Desolation, in the which they did beat the Nephites.

And they fled again from before them, and they came to the city Boaz; and there they did stand against the Lamanites with exceeding boldness, insomuch that the Lamanites did not beat them until they had come again the second time.

And when they had come the second time, the Nephites were driven and slaughtered with an exceedingly great slaughter; their women and their children were again sacrificed unto idols.

And it came to pass that the Nephites did again flee from before them, taking all the inhabitants with them, both in towns and villages.

And now I, Mormon, seeing that the Lamanites were about to overthrow the land, therefore I did go to the hill Shim, and did take up all the records which Ammaron had hid up unto the Lord.

## Mặc Môn 5

- 1 Và chuyện rằng, tôi đã đi đến với dân Nê Phi, và đã hối cải vì có lời thề không giúp họ nữa; và rồi họ lại giao cho tôi chức vụ chỉ huy các đạo quân của họ, vì họ xem tôi như người có thể giải thoát họ khỏi các nỗi thống khổ.
- 2 Nhưng này, tôi không có chút hy vọng nào, vì tôi biết sự đoán phạt của Chúa sẽ giáng xuống trên họ; vì họ không hối cải những điều bất chính của họ, chỉ biết tranh đấu cho sự sống còn của họ mà không kêu cầu đến Đấng đã tạo ra mình.
- 3 Và chuyện rằng, dân La Man đến đánh chúng tôi khi chúng tôi đã chạy đến thành phố Giô Đan; nhưng này, chúng bị đẩy lui nên lần đó chúng không lấy được thành phố này.
- 4 Và chuyện rằng, chúng lại đến đánh chúng tôi nữa, và chúng tôi vẫn giữ vững được thành phố. Và dân Nê Phi còn giữ vững được nhiều thành phố khác, nhờ có các đồn lũy ngăn chặn không cho chúng tiến vào những vùng đất chạy dài trước mặt chúng tôi, để hủy diệt dân cư trong xứ chúng tôi.
- 5 Và chuyện rằng, tất cả những nơi nào chúng tôi đã đi qua trước đây, mà dân cư của những nơi ấy không được quy tụ lại, nay đều bị dân La Man hủy diệt; các thị xã, làng mạc, thành phố đều bị đốt cháy hết; và như vậy là năm ba trăm bảy mươi chín đã trôi qua.
- 6 Và chuyện rằng, đến năm ba trăm tám mươi, dân La Man lại đến gây chiến với chúng tôi, và chúng tôi đã chống cự lại chúng hết sức gan dạ; nhưng thật hoài công vô ích, vì quân số của chúng quá đông nên chúng đã chà đạp dân Nê Phi dưới chân chúng.
- 7 Và chuyện rằng chúng tôi lại phải chạy trốn, và những ai chạy trốn nhanh hơn dân La Man thì được thoát; còn những ai chậm chân hơn dân La Man đều bị chúng càn quét và hủy diệt.

## Mormon 5

And it came to pass that I did go forth among the Nephites, and did repent of the oath which I had made that I would no more assist them; and they gave me command again of their armies, for they looked upon me as though I could deliver them from their afflictions.

But behold, I was without hope, for I knew the judgments of the Lord which should come upon them; for they repented not of their iniquities, but did struggle for their lives without calling upon that Being who created them.

And it came to pass that the Lamanites did come against us as we had fled to the city of Jordan; but behold, they were driven back that they did not take the city at that time.

And it came to pass that they came against us again, and we did maintain the city. And there were also other cities which were maintained by the Nephites, which strongholds did cut them off that they could not get into the country which lay before us, to destroy the inhabitants of our land.

But it came to pass that whatsoever lands we had passed by, and the inhabitants thereof were not gathered in, were destroyed by the Lamanites, and their towns, and villages, and cities were burned with fire; and thus three hundred and seventy and nine years passed away.

And it came to pass that in the three hundred and eightieth year the Lamanites did come again against us to battle, and we did stand against them boldly; but it was all in vain, for so great were their numbers that they did tread the people of the Nephites under their feet.

And it came to pass that we did again take to flight, and those whose flight was swifter than the Lamanites' did escape, and those whose flight did not exceed the Lamanites' were swept down and destroyed.



8 Và giờ đây này, tôi, Mặc Môn, không muốn làm ray rứt trong tâm hồn loài người bằng cách bày ra trước mắt họ những cảnh tượng đổ máu khủng khiếp và những cuộc tàn sát kinh hồn như đã bày ra trước mắt tôi; nhưng tôi biết rằng, những điều này chắc chắn sẽ được tiết lộ, và tất cả những gì bị che giấu sẽ phải được phơi bày ra trên khắp các mái nhà—

9 Và ngoài ra, sự hiểu biết những điều này cũng sẽ đến với dân còn sót lại của dân này, và cũng sẽ đến với những người Dân Ngoại, tức là những người mà Chúa có phán bảo rằng, sẽ làm cho dân này phân tán, và dân này sẽ bị xem như không có ở giữa họ—vậy nên tôi chỉ viết một bản tóm lược ngắn, chứ không dám thuật lại đầy đủ những gì tôi đã thấy, vì tôi đã được lệnh như vậy, và ngoài ra để cho các người khỏi phải quá buồn rầu vì sự tà ác của dân này.

10 Và giờ đây này, tôi nói điều này với dòng dõi của họ, và luôn cả với những người Dân Ngoại là những người đã chăm sóc cho gia tộc Y Sơ Ra Ên, ngõ hầu họ nhận thức được và hiểu rõ phước lành do từ đâu đến với họ.

11 Vì tôi biết rằng, những người này sẽ buồn rầu cho tai họa đến với gia tộc Y Sơ Ra Ên; phải, họ sẽ buồn rầu vì dân này bị hủy diệt; họ sẽ buồn rầu vì dân này đã không hối cải để được ôm chặt trong cánh tay của Chúa Giê Su.

12 Giờ đây, những điều này được ghi chép cho dân còn sót lại của gia tộc Gia Cốp; và những điều này được ghi chép theo thể thức trên đây là vì Thượng Đế biết rằng sự tà ác sẽ ngăn cản không cho họ biết những điều này; và những điều này phải được giấu trong Chúa và chỉ xuất hiện vào kỳ định của Ngài.

13 Và đây là lệnh truyền mà tôi đã nhận được; và này, những điều này sẽ xuất hiện theo lệnh truyền của Chúa, khi Ngài thấy thích hợp theo sự thông sáng của Ngài.

And now behold, I, Mormon, do not desire to harrow up the souls of men in casting before them such an awful scene of blood and carnage as was laid before mine eyes; but I, knowing that these things must surely be made known, and that all things which are hid must be revealed upon the house-tops—

And also that a knowledge of these things must come unto the remnant of these people, and also unto the Gentiles, who the Lord hath said should scatter this people, and this people should be counted as naught among them—therefore I write a small abridgment, daring not to give a full account of the things which I have seen, because of the commandment which I have received, and also that ye might not have too great sorrow because of the wickedness of this people.

And now behold, this I speak unto their seed, and also to the Gentiles who have care for the house of Israel, that realize and know from whence their blessings come.

For I know that such will sorrow for the calamity of the house of Israel; yea, they will sorrow for the destruction of this people; they will sorrow that this people had not repented that they might have been clasped in the arms of Jesus.

Now these things are written unto the remnant of the house of Jacob; and they are written after this manner, because it is known of God that wickedness will not bring them forth unto them; and they are to be hid up unto the Lord that they may come forth in his own due time.

And this is the commandment which I have received; and behold, they shall come forth according to the commandment of the Lord, when he shall see fit, in his wisdom.

14 Và này, những điều này sẽ đến với dân Do Thái là những kẻ không tin; và cũng vì ý định này mà những điều này phải đến—để họ có thể được thuyết phục rằng, Chúa Giê Su chính là Đấng Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế hằng sống; rằng qua Vị Nam Tử Yêu Dấu nhất của Ngài, Đức Chúa Cha có thể thực hiện được mục đích lớn lao và vĩnh cửu trong việc phục hồi dân Do Thái, hay tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên, được trở về xứ thừa hưởng của họ, mà Chúa, Thượng Đế của họ, đã ban cho họ, để làm tròn giao ước của Ngài;

15 Và cũng để cho dòng dõi của dân này có thể trọn vẹn tin vào phúc âm của Ngài, là phúc âm sẽ do Dân Ngoại đem lại cho họ; vì dân này sẽ bị phân tán, và trở thành một dân tộc đen đúa, dơ bẩn và ghê tởm mà chúng ta không ai có thể mô tả được, phải, còn hơn cả dân La Man nữa, và sở dĩ bị như vậy là vì sự chẳng tin và sự tôn thờ thần tượng của họ.

16 Vì này, Thánh Linh của Chúa đã không còn tranh đấu với những người cha của họ nữa. Họ đã sống không có Đấng Ky Tô và Thượng Đế trong thế gian này, và họ bị trôi giạt khắp nơi, chẳng khác chi trâu bay trước gió.

17 Có một thời họ cũng là một dân tộc khả ái, và họ đã từng được Đấng Ky Tô chăn dắt; phải, họ còn được cả Thượng Đế Đức Chúa Cha hưởng dẫn nữa.

18 Nhưng giờ đây, này, họ bị Sa Tan lôi đi như trâu bay trước gió, hay như con thuyền bấp bênh trôi trên sóng, không buồm không neo, chẳng có gì lèo lái nó đi; và chiếc thuyền này ra sao thì họ cũng sẽ như vậy.

19 Và này, Chúa đã để dành những phước lành của họ, những phước lành mà lẽ ra họ đã được ban cho trong xứ, cho những người Dân Ngoại là những người sẽ chiếm hữu đất này.

20 Nhưng này, chuyện rằng, họ sẽ bị những người Dân Ngoại đánh đuổi và phân tán; và sau khi họ bị những người Dân Ngoại đánh đuổi và phân tán, này, lúc đó Chúa sẽ nhớ lại giao ước Ngài đã lập với Áp Ra Ham và tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên.

21 Và Chúa cũng sẽ nhớ tới những lời cầu nguyện mà những người ngay chính đã cầu nguyện lên Ngài giùm cho họ.

And behold, they shall go unto the unbelieving of the Jews; and for this intent shall they go—that they may be persuaded that Jesus is the Christ, the Son of the living God; that the Father may bring about, through his most Beloved, his great and eternal purpose, in restoring the Jews, or all the house of Israel, to the land of their inheritance, which the Lord their God hath given them, unto the fulfilling of his covenant;

And also that the seed of this people may more fully believe his gospel, which shall go forth unto them from the Gentiles; for this people shall be scattered, and shall become a dark, a filthy, and a loathsome people, beyond the description of that which ever hath been amongst us, yea, even that which hath been among the Lamanites, and this because of their unbelief and idolatry.

For behold, the Spirit of the Lord hath already ceased to strive with their fathers; and they are without Christ and God in the world; and they are driven about as chaff before the wind.

They were once a delightsome people, and they had Christ for their shepherd; yea, they were led even by God the Father.

But now, behold, they are led about by Satan, even as chaff is driven before the wind, or as a vessel is tossed about upon the waves, without sail or anchor, or without anything wherewith to steer her; and even as she is, so are they.

And behold, the Lord hath reserved their blessings, which they might have received in the land, for the Gentiles who shall possess the land.

But behold, it shall come to pass that they shall be driven and scattered by the Gentiles; and after they have been driven and scattered by the Gentiles, behold, then will the Lord remember the covenant which he made unto Abraham and unto all the house of Israel.

And also the Lord will remember the prayers of the righteous, which have been put up unto him for them.

- 22 Và rồi lúc đó, hỡi Dân Ngoại, làm sao các người có thể đương cự nổi quyền năng của Thượng Đế, ngoại trừ các người hối cải và từ bỏ những đường lối xấu xa của mình?
- 23 Các người há không biết rằng mình đang ở trong tay Thượng Đế hay sao? Các người há không biết rằng Ngài có tất cả mọi quyền năng, và với lệnh truyền vĩ đại của Ngài, quả đất này có thể cuộn tròn lại như một cuộn giấy hay sao?
- 24 Vậy thì các người hãy hối cải và hãy hạ mình trước mặt Ngài, bằng không thì Ngài sẽ đem công lý mà trừng phạt các người—và những dân còn sót lại của dòng dõi Gia Cốp sẽ xông vào các người chẳng khác chi sư tử, và sẽ xé các người làm muôn mảnh, và sẽ chẳng có ai đến cứu các người.
- And then, O ye Gentiles, how can ye stand before the power of God, except ye shall repent and turn from your evil ways?
- Know ye not that ye are in the hands of God? Know ye not that he hath all power, and at his great command the earth shall be rolled together as a scroll?
- Therefore, repent ye, and humble yourselves before him, lest he shall come out in justice against you—lest a remnant of the seed of Jacob shall go forth among you as a lion, and tear you in pieces, and there is none to deliver.

## Mặc Môn 6

- 1 Và giờ đây tôi chấm dứt biên sử của tôi nói về sự hủy diệt của dân tôi là dân Nê Phi. Và chuyện rằng, chúng tôi tiến đến trước mặt dân La Man.
- 2 Và tôi, Mặc Môn, viết một bức thư gửi cho vua dân La Man, yêu cầu ông để cho chúng tôi tập hợp dân của chúng tôi lại tại xứ Cơ Mô Ra, cạnh một ngọn đồi có tên là Cơ Mô Ra, và ở đó chúng tôi sẽ giao chiến với họ.
- 3 Và chuyện rằng, vua dân La Man chấp thuận lời thỉnh nguyện của tôi.
- 4 Và chuyện rằng, chúng tôi tiến đến xứ Cơ Mô Ra và chúng tôi dựng lều trại quanh đồi Cơ Mô Ra, là một vùng có nhiều hồ, ao, sông ngòi, và suối nước, và ở đó chúng tôi có hy vọng được nhiều lợi thế hơn dân La Man.
- 5 Và khi ba trăm tám mươi bốn năm đã trôi qua, chúng tôi đã tập hợp tất cả những dân còn lại của mình tại xứ Cơ Mô Ra.
- 6 Và chuyện rằng, khi chúng tôi đã tập hợp được tất cả dân của mình lại trên xứ Cơ Mô Ra, này, tôi, Mặc Môn, bắt đầu già yếu; và tôi biết rằng đây là cuộc chiến đấu cuối cùng của dân tôi, và vì tôi đã được Chúa truyền lệnh là tôi không được để cho các biên sử thiêng liêng đã được lưu truyền từ đời các tổ phụ của chúng tôi phải rơi vào tay dân La Man, (vì dân La Man sẽ tiêu hủy những vật ấy) vậy nên, tôi đã làm biên sử này từ các bảng khắc Nê Phi, và chôn giấu trên đồi Cơ Mô Ra tất cả những biên sử mà tôi đã được bàn tay của Chúa ủy thác, chỉ trừ một số ít bảng khắc này tôi trao cho con trai tôi là Mô Rô Ni.
- 7 Và chuyện rằng, dân tôi cùng với vợ con họ đứng nhìn những đạo quân La Man tiến về phía mình, và với vẻ sợ hãi khủng khiếp về sự chết chóc tràn đầy trong tim tất cả những kẻ tà ác, họ đang đón chờ chúng đến.

## Mormon 6

And now I finish my record concerning the destruction of my people, the Nephites. And it came to pass that we did march forth before the Lamanites.

And I, Mormon, wrote an epistle unto the king of the Lamanites, and desired of him that he would grant unto us that we might gather together our people unto the land of Cumorah, by a hill which was called Cumorah, and there we could give them battle.

And it came to pass that the king of the Lamanites did grant unto me the thing which I desired.

And it came to pass that we did march forth to the land of Cumorah, and we did pitch our tents around about the hill Cumorah; and it was in a land of many waters, rivers, and fountains; and here we had hope to gain advantage over the Lamanites.

And when three hundred and eighty and four years had passed away, we had gathered in all the remainder of our people unto the land of Cumorah.

And it came to pass that when we had gathered in all our people in one to the land of Cumorah, behold I, Mormon, began to be old; and knowing it to be the last struggle of my people, and having been commanded of the Lord that I should not suffer the records which had been handed down by our fathers, which were sacred, to fall into the hands of the Lamanites, (for the Lamanites would destroy them) therefore I made this record out of the plates of Nephi, and hid up in the hill Cumorah all the records which had been entrusted to me by the hand of the Lord, save it were these few plates which I gave unto my son Moroni.

And it came to pass that my people, with their wives and their children, did now behold the armies of the Lamanites marching towards them; and with that awful fear of death which fills the breasts of all the wicked, did they await to receive them.

- 8 Và chuyện rằng, chúng tiến đến giao chiến với chúng tôi, và tất cả mọi người đều thấy khiếp đảm về quân số đông đảo của chúng.
- 9 Và chuyện rằng, chúng xông đến đánh dân tôi bằng gươm, cung, tên, rìu, và bằng đủ loại vũ khí chiến tranh.
- 10 Và chuyện rằng, quân tôi bị chém ngã, phải, ngay cả mười ngàn quân của tôi là những người ở cùng tôi, và tôi cũng bị thương ngã xuống giữa bọn họ; và chúng vượt qua bên cạnh tôi nhưng không kết liễu đời tôi.
- 11 Và sau khi chúng đi qua và chém ngã tất cả dân tôi, chỉ còn lại hai mươi bốn người chúng tôi mà thôi (trong số này có con trai tôi là Mô Rô Ni). Chúng tôi được sống sót giữa những xác chết của dân mình, và đến ngày hôm sau, khi quân La Man đã rút về trại của chúng, thì từ trên đỉnh đồi Cơ Mô Ra, chúng tôi nhìn thấy mười ngàn quân của mình đã bị chém ngã, đó là những quân đã do tôi chỉ huy xông ra mặt trận.
- 12 Và chúng tôi cũng nhìn thấy mười ngàn quân thuộc dân tôi do con trai tôi là Mô Rô Ni chỉ huy.
- 13 Và này, mười ngàn quân của Ghi Ghi Đô Na cũng ngã gục, và ông ta cũng ngã gục giữa đám quân ấy.
- 14 Và La Ma cũng ngã gục với mười ngàn quân của mình, Ghinh Ganh cũng ngã gục với mười ngàn quân của mình, Lim Ha cũng ngã gục với mười ngàn quân của mình, và Giê Nê Am cũng ngã gục với mười ngàn quân của mình, và luôn cả Cơ Mê Ni Ha, Mô Rô Ni Ha, An Ti Ô Num, Síp Lom, Sem, và Giốt đều ngã gục, mỗi người với mười ngàn quân của mình.
- 15 Và chuyện rằng, còn mười người khác cũng ngã gục bởi gươm đao, mỗi người với mười ngàn quân của mình; phải, tất cả dân tôi đều ngã gục hết, chỉ trừ hai mươi bốn người chúng tôi; và cũng có một số ít người chạy thoát được xuống miền nam, còn một số ít khác thì ly khai theo dân La Man. Máu thịt và xương của họ rơi rải khắp mặt đất, vì đã bị những bàn tay của kẻ giết họ bỏ mặc cho rửa nát, tan vụn, và trở về cùng đất mẹ.

And it came to pass that they came to battle against us, and every soul was filled with terror because of the greatness of their numbers.

And it came to pass that they did fall upon my people with the sword, and with the bow, and with the arrow, and with the ax, and with all manner of weapons of war.

And it came to pass that my men were hewn down, yea, even my ten thousand who were with me, and I fell wounded in the midst; and they passed by me that they did not put an end to my life.

And when they had gone through and hewn down all my people save it were twenty and four of us, (among whom was my son Moroni) and we having survived the dead of our people, did behold on the morrow, when the Lamanites had returned unto their camps, from the top of the hill Cumorah, the ten thousand of my people who were hewn down, being led in the front by me.

And we also beheld the ten thousand of my people who were led by my son Moroni.

And behold, the ten thousand of Gidgiddonah had fallen, and he also in the midst.

And Lamah had fallen with his ten thousand; and Gilgal had fallen with his ten thousand; and Limhah had fallen with his ten thousand; and Jeneum had fallen with his ten thousand; and Cumenihah, and Moronihah, and Antionum, and Shiblom, and Shem, and Josh, had fallen with their ten thousand each.

And it came to pass that there were ten more who did fall by the sword, with their ten thousand each; yea, even all my people, save it were those twenty and four who were with me, and also a few who had escaped into the south countries, and a few who had deserted over unto the Lamanites, had fallen; and their flesh, and bones, and blood lay upon the face of the earth, being left by the hands of those who slew them to molder upon the land, and to crumble and to return to their mother earth.

16 Và tâm hồn tôi nát tan vì đau đớn khi nhìn thấy  
cảnh dân tôi bị tàn sát. Rồi tôi kêu gào mà rằng:  
17 Hỡi các người xinh đẹp kia, sao các người lại đi  
sai đường lối của Chúa! Hỡi các người xinh đẹp kia,  
sao các người lại chối bỏ Chúa Giê Su, là Đấng đã  
đứng dang tay tiếp nhận các người!  
18 Nay, nếu không làm như vậy thì các người đâu có  
ngã gục. Nhưng này, các người đã ngã gục, và ta  
than khóc vì mất các người.  
19 Hỡi các người, những trai xinh gái đẹp kia, hỡi  
các bậc cha, mẹ, vợ, chồng, hỡi những con người  
xinh đẹp kia, sao các người lại có thể ngã gục được!  
20 Nhưng này, các người đã ra đi rồi, và sự đau buồn  
của ta không thể đem các người trở về được.  
21 Và rồi đây sẽ tới ngày thể xác hữu diệt của các  
người sẽ khoác lên sự bất diệt, và thể xác đang rữa  
nát của các người hiện nay sẽ sớm trở thành thể xác  
không rữa nát; và rồi lúc đó các người sẽ phải đứng  
trước ghế phán xét của Đấng Kỳ Tô để được phán  
xét tùy theo việc làm của mình; và nếu các người là  
những người ngay chính, thì các người sẽ được ban  
phước cùng với tổ phụ các người, là những người  
đã ra đi trước các người.  
22 Ôi, ước gì các người hối cải trước khi sự hủy diệt  
lớn lao này xảy đến. Nhưng này, các người đã ra đi,  
và Đức Chúa Cha, phải, Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu  
trên trời, đã biết trạng thái của các người; và Ngài  
đã đối xử với các người đúng theo công lý và sự  
thương xót của Ngài.

And my soul was rent with anguish, because of  
the slain of my people, and I cried:

O ye fair ones, how could ye have departed from  
the ways of the Lord! O ye fair ones, how could ye  
have rejected that Jesus, who stood with open  
arms to receive you!

Behold, if ye had not done this, ye would not  
have fallen. But behold, ye are fallen, and I mourn  
your loss.

O ye fair sons and daughters, ye fathers and  
mothers, ye husbands and wives, ye fair ones, how  
is it that ye could have fallen!

But behold, ye are gone, and my sorrows cannot  
bring your return.

And the day soon cometh that your mortal must  
put on immortality, and these bodies which are  
now moldering in corruption must soon become  
incorruptible bodies; and then ye must stand be-  
fore the judgment-seat of Christ, to be judged ac-  
cording to your works; and if it so be that ye are  
righteous, then are ye blessed with your fathers  
who have gone before you.

O that ye had repented before this great destruc-  
tion had come upon you. But behold, ye are gone,  
and the Father, yea, the Eternal Father of heaven,  
knoweth your state; and he doeth with you accord-  
ing to his justice and mercy.

## Mặc Môn 7

- 1 Và giờ đây, này, tôi muốn nói đôi lời với những người còn lại của dân này tức là những người được sống sót, nếu Thượng Đế ban cho họ những lời nói của tôi để họ biết được những sự việc của tổ phụ họ; phải, tôi nói với các người, hỡi những người còn sót lại của gia tộc Y Sơ Ra Ên; và đây là lời tôi nói:
- 2 Các người hãy biết rằng các người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.
- 3 Các người hãy biết rằng các người phải hối cải, bằng không thì các người không thể được cứu.
- 4 Các người hãy biết rằng, các người phải hạ vũ khí chiến tranh, không được vui thích trong việc gây cảnh đổ máu, và không được cầm lại vũ khí nữa, trừ phi Thượng Đế ra lệnh cho các người.
- 5 Các người hãy biết rằng, các người phải tìm hiểu tổ phụ mình, và phải hối cải tất cả những tội lỗi và những điều bất chính của mình; các người phải tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô, và tin rằng Ngài là Vị Nam Tử của Thượng Đế, và Ngài đã bị người Do Thái giết chết, nhưng nhờ quyền năng của Đức Chúa Cha, Ngài đã sống lại, do đó Ngài đã chiến thắng được nắm mồ, và nọc chết đã bị nuốt trọn nơi Ngài.
- 6 Và Ngài đã thực hiện sự phục sinh cho người chết, nên nhờ đó, loài người được sống lại để đứng trước ghế phán xét của Ngài.
- 7 Và Ngài đã thực hiện sự cứu chuộc cho thế gian, để nhờ đó, người nào được xem là vô tội trước mặt Ngài vào ngày phán xét thì sẽ được sống nơi hiện diện của Thượng Đế trong vương quốc của Ngài, để đồng hát lên những lời tán mỹ không ngừng cùng với các ca đoàn trên cao, để ca tụng Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh, cả ba cùng là một Thượng Đế, trong một trạng thái hạnh phúc bất tận.
- 8 Vậy nên, hãy hối cải, chịu phép báp têm trong danh Chúa Giê Su, và nắm vững phúc âm của Đấng Ky Tô, là phúc âm sẽ được bày ra trước mặt các người, không phải chỉ nằm trong biên sử này mà còn nằm trong biên sử từ dân Do Thái mà đến với Dân Ngoại, và rồi biên sử ấy sẽ từ Dân Ngoại mà đến với các người.

## Mormon 7

And now, behold, I would speak somewhat unto the remnant of this people who are spared, if it so be that God may give unto them my words, that they may know of the things of their fathers; yea, I speak unto you, ye remnant of the house of Israel; and these are the words which I speak:

Know ye that ye are of the house of Israel.

Know ye that ye must come unto repentance, or ye cannot be saved.

Know ye that ye must lay down your weapons of war, and delight no more in the shedding of blood, and take them not again, save it be that God shall command you.

Know ye that ye must come to the knowledge of your fathers, and repent of all your sins and iniquities, and believe in Jesus Christ, that he is the Son of God, and that he was slain by the Jews, and by the power of the Father he hath risen again, whereby he hath gained the victory over the grave; and also in him is the sting of death swallowed up.

And he bringeth to pass the resurrection of the dead, whereby man must be raised to stand before his judgment-seat.

And he hath brought to pass the redemption of the world, whereby he that is found guiltless before him at the judgment day hath it given unto him to dwell in the presence of God in his kingdom, to sing ceaseless praises with the choirs above, unto the Father, and unto the Son, and unto the Holy Ghost, which are one God, in a state of happiness which hath no end.

Therefore repent, and be baptized in the name of Jesus, and lay hold upon the gospel of Christ, which shall be set before you, not only in this record but also in the record which shall come unto the Gentiles from the Jews, which record shall come from the Gentiles unto you.

9 Vì này, biên sử này được ghi chép với mục đích làm cho các người có thể tin vào biên sử kia; và một khi các người đã tin biên sử kia thì các người cũng sẽ tin biên sử này; và nếu các người tin biên sử này thì các người sẽ biết rõ về tổ phụ các người, và biết luôn cả những công việc kỳ diệu do quyền năng của Thượng Đế đã thực hiện giữa họ.

10 Và các người cũng sẽ biết rằng, các người là dân còn sót lại của dòng dõi của Gia Cốp; vậy nên, các người được tính vào hàng những dân tộc thuộc về giao ước đầu tiên; và nếu các người tin nơi Đấng Kỳ Tô, cùng chịu phép báp têm, trước tiên với nước rồi kể đến với lửa và Đức Thánh Linh, noi theo gương Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, thể theo những gì mà Ngài đã truyền lệnh cho chúng ta, thì mọi việc sẽ tốt đẹp cho các người vào ngày phán xét. Amen.

For behold, this is written for the intent that ye may believe that; and if ye believe that ye will believe this also; and if ye believe this ye will know concerning your fathers, and also the marvelous works which were wrought by the power of God among them.

And ye will also know that ye are a remnant of the seed of Jacob; therefore ye are numbered among the people of the first covenant; and if it so be that ye believe in Christ, and are baptized, first with water, then with fire and with the Holy Ghost, following the example of our Savior, according to that which he hath commanded us, it shall be well with you in the day of judgment. Amen.



## Mặc Môn 8

- 1 Nay, tôi, Mô Rô Ni, xin kết thúc biên sử của cha tôi là Mặc Môn. Nay, tôi chỉ có một ít điều để viết, đó là những điều mà cha tôi đã ra lệnh cho tôi phải ghi lại.
- 2 Và giờ đây chuyện rằng, sau trận chiến vĩ đại và khủng khiếp ở Cơ Mô Ra, này, những người Nê Phi chạy trốn xuống xứ phương nam bị dân La Man săn đuổi cho đến khi họ bị tiêu diệt hết.
- 3 Và luôn cả cha tôi cũng bị chúng giết chết, và chỉ còn một mình tôi để viết lại thiên ký sự buồn thảm về sự hủy diệt của dân tôi. Nhưng này, họ đã đi rồi, và tôi phải làm tròn lời dặn bảo của phụ thân tôi. Và chúng sẽ giết chết tôi hay không, tôi không biết.
- 4 Vậy nên, tôi phải viết và chôn giấu các biên sử xuống lòng đất, rồi tôi sẽ đi về đâu, điều đó không quan trọng.
- 5 Nay, cha tôi đã làm ra biên sử này, và ông đã ghi chép mục đích của nó. Và này, tôi cũng muốn viết về điều đó nữa, nếu tôi có đủ chỗ trên các bảng khắc này, nhưng tôi không có; và tôi lại không có kim loại, vì tôi còn trở trối một mình. Thân phụ tôi đã bị giết trong chiến trận, cùng với tất cả họ hàng của tôi, và tôi cũng không còn bạn bè nào nữa, cũng không còn nơi nào để đi; và Chúa sẽ cho tôi sống đến bao lâu nữa, tôi cũng không biết.
- 6 Nay, bốn trăm năm đã trôi qua, kể từ ngày Chúa, Đấng Cứu Rỗi của chúng ta giáng sinh.
- 7 Và này, dân La Man đã săn đuổi dân tôi, tức là dân Nê Phi, từ thành phố này qua thành phố kia, từ vị trí này qua vị trí nọ, cho đến khi không còn một ai nữa; sự sụp đổ của họ mới thật lớn lao làm sao; phải, vĩ đại và kỳ diệu thay sự hủy diệt của dân tôi là dân Nê Phi.
- 8 Và này, đó là bàn tay của Chúa đã làm như vậy, và hơn nữa này, dân La Man cũng gây chiến với nhau, và khắp mặt đất xứ này liên miên xảy ra sự giết chóc và đổ máu; và không một ai biết được đến lúc nào chiến tranh mới chấm dứt.
- 9 Và giờ đây này, tôi không nói thêm gì về họ nữa, vì chẳng còn ai ngoại trừ dân La Man và bọn cướp còn sống trong xứ.

## Mormon 8

Behold I, Moroni, do finish the record of my father, Mormon. Behold, I have but few things to write, which things I have been commanded by my father.

And now it came to pass that after the great and tremendous battle at Cumorah, behold, the Nephites who had escaped into the country southward were hunted by the Lamanites, until they were all destroyed.

And my father also was killed by them, and I even remain alone to write the sad tale of the destruction of my people. But behold, they are gone, and I fulfil the commandment of my father. And whether they will slay me, I know not.

Therefore I will write and hide up the records in the earth; and whither I go it mattereth not.

Behold, my father hath made this record, and he hath written the intent thereof. And behold, I would write it also if I had room upon the plates, but I have not; and ore I have none, for I am alone. My father hath been slain in battle, and all my kinsfolk, and I have not friends nor whither to go; and how long the Lord will suffer that I may live I know not.

Behold, four hundred years have passed away since the coming of our Lord and Savior.

And behold, the Lamanites have hunted my people, the Nephites, down from city to city and from place to place, even until they are no more; and great has been their fall; yea, great and marvelous is the destruction of my people, the Nephites.

And behold, it is the hand of the Lord which hath done it. And behold also, the Lamanites are at war one with another; and the whole face of this land is one continual round of murder and bloodshed; and no one knoweth the end of the war.

And now, behold, I say no more concerning them, for there are none save it be the Lamanites and robbers that do exist upon the face of the land.

- 10 Và cũng chẳng còn ai biết đến Thượng Đế chân chính, ngoại trừ các môn đồ của Chúa Giê Su còn ở lại trong xứ, cho đến khi sự tà ác của dân chúng trở nên quá lớn lao thì Chúa không chịu để cho họ ở lại với dân chúng nữa; và rồi họ có còn ở lại trên xứ này hay không, thì không một người nào biết được.
- 11 Nhưng này, cha tôi và tôi đã trông thấy họ, và họ đã phục sự chúng tôi.
- 12 Và người nào tiếp nhận biên sử này, và không chỉ trích vì những thiếu sót của nó, thì người đó sẽ biết được những điều lớn lao hơn những điều này. Này, tôi là Mô Rô Ni, và nếu có thể, tôi muốn làm cho các người biết được mọi điều.
- 13 Này, tôi xin dứt lời về dân tộc này. Tôi là con trai của Mặc Môn, và cha tôi là con cháu của Nê Phi.
- 14 Và tôi chính là người đã chôn giấu biên sử này cho mục đích của Chúa; vì theo lời phán truyền của Chúa, thì những bảng khắc chứa đựng biên sử này không có giá trị gì. Vì quả thật Ngài đã phán rằng, không một người nào sẽ có được những bảng khắc này để thu lợi; nhưng biên sử khắc trên đó có một giá trị lớn lao, và ai đem nó ra ánh sáng Chúa sẽ ban phước cho người đó.
- 15 Vì không ai đem được nó ra ánh sáng ngoại trừ người được Thượng Đế cho phép; và Thượng Đế muốn rằng điều đó phải được làm với con mắt duy nhất cho sự vinh quang của Ngài, hay cho sự an lạc của dân giao ước xưa của Chúa đã bị phân tán lâu đời.
- 16 Và phước cho ai sẽ đem vật này ra ánh sáng, vì theo như lời của Thượng Đế, thì nó sẽ được đem từ trong bóng tối ra ánh sáng; phải, nó sẽ được đem ra từ lòng đất, và nó sẽ chiếu sáng ngời từ trong bóng tối, và dân chúng sẽ được biết đến nó; và điều này sẽ được thực hiện bởi quyền năng của Thượng Đế.
- 17 Và nếu có lầm lỗi, thì chẳng qua đó là lầm lỗi của một người. Nhưng này, chúng tôi không biết lỗi lầm nào; tuy nhiên, Thượng Đế biết hết mọi điều, vậy nên, kẻ nào chỉ trích thì phải coi chừng, vì kẻ đó sẽ bị hiểm nguy của lửa ngục giới.
- 18 Và kẻ nào bảo rằng: Hãy đưa ta xem, nếu không người sẽ bị đánh—thì kẻ đó hãy thận trọng, e rằng kẻ ấy đã ra lệnh điều mà Chúa cấm.

And there are none that do know the true God save it be the disciples of Jesus, who did tarry in the land until the wickedness of the people was so great that the Lord would not suffer them to remain with the people; and whether they be upon the face of the land no man knoweth.

But behold, my father and I have seen them, and they have ministered unto us.

And whoso receiveth this record, and shall not condemn it because of the imperfections which are in it, the same shall know of greater things than these. Behold, I am Moroni; and were it possible, I would make all things known unto you.

Behold, I make an end of speaking concerning this people. I am the son of Mormon, and my father was a descendant of Nephi.

And I am the same who hideth up this record unto the Lord; the plates thereof are of no worth, because of the commandment of the Lord. For he truly saith that no one shall have them to get gain; but the record thereof is of great worth; and whoso shall bring it to light, him will the Lord bless.

For none can have power to bring it to light save it be given him of God; for God wills that it shall be done with an eye single to his glory, or the welfare of the ancient and long dispersed covenant people of the Lord.

And blessed be he that shall bring this thing to light; for it shall be brought out of darkness unto light, according to the word of God; yea, it shall be brought out of the earth, and it shall shine forth out of darkness, and come unto the knowledge of the people; and it shall be done by the power of God.

And if there be faults they be the faults of a man. But behold, we know no fault; nevertheless God knoweth all things; therefore, he that condemneth, let him be aware lest he shall be in danger of hell fire.

And he that saith: Show unto me, or ye shall be smitten—let him beware lest he commandeth that which is forbidden of the Lord.

- 19 Vì này, kẻ nào xét đoán một cách nông cạn thì sẽ bị xét đoán lại một cách nông cạn như vậy; vì tùy theo việc làm mà kẻ đó được trả công, vậy nên, kẻ nào đánh người khác thì sẽ bị Chúa đánh lại.
- 20 Hãy nhìn xem đoạn thánh thư này nói gì—Loài người không được phép đánh đập và cũng không được phép xét đoán, vì sự phán xét là của ta, lời Chúa phán vậy, và sự trả thù cũng là của ta, và ta sẽ đền trả.
- 21 Và kẻ nào thốt ra lời giận dữ chống báng công việc của Chúa, cùng chống lại dân giao ước của Chúa là gia tộc Y Sơ Ra Ên, và bảo rằng: Chúng ta sẽ hủy diệt công việc của Chúa, và Chúa sẽ không còn nhớ giao ước Ngài đã lập với gia tộc Y Sơ Ra Ên nữa—thì kẻ đó mang hiểm họa để bị đốn đi và ném vào lửa;
- 22 Vì mục đích vĩnh cửu của Chúa sẽ còn tiếp tục mãi cho đến khi tất cả những lời hứa của Ngài được làm tròn.
- 23 Hãy tìm kiếm những lời tiên tri của Ê Sai. Này, tôi không thể viết những lời ấy ra được. Phải, này, tôi nói cho các người hay rằng, các thánh đồ đã chết trước tôi, là những người đã chiếm hữu xứ sở này sẽ kêu gào lên, phải, họ sẽ kêu gào lên từ bụi đất đến tận Chúa; và chắc chắn, như Chúa là Đấng hằng sống, Ngài sẽ nhớ đến giao ước mà Ngài đã lập với họ.
- 24 Và Ngài biết những lời cầu nguyện của họ, Ngài biết rằng họ cầu nguyện cho đồng bào của họ. Ngài biết đức tin của họ, vì trong danh Ngài họ có thể làm cho núi dời đi, và cũng trong danh Ngài, họ có thể làm cho đất rung chuyển; và qua quyền năng của lời Ngài, họ có thể làm cho các nhà giam sụp đổ xuống đất; phải, ngay cả lò lửa đang cháy đỏ cũng không làm cho họ hề hấn gì, và luôn cả thú dữ, rắn độc, cũng không làm gì được họ, vì nhờ quyền năng của lời Ngài.
- 25 Và này, những lời cầu nguyện của họ cũng dành cho người mà Chúa sẽ cho phép để đem những điều này ra.

For behold, the same that judgeth rashly shall be judged rashly again; for according to his works shall his wages be; therefore, he that smiteth shall be smitten again, of the Lord.

Behold what the scripture says—man shall not smite, neither shall he judge; for judgment is mine, saith the Lord, and vengeance is mine also, and I will repay.

And he that shall breathe out wrath and strifes against the work of the Lord, and against the covenant people of the Lord who are the house of Israel, and shall say: We will destroy the work of the Lord, and the Lord will not remember his covenant which he hath made unto the house of Israel—the same is in danger to be hewn down and cast into the fire;

For the eternal purposes of the Lord shall roll on, until all his promises shall be fulfilled.

Search the prophecies of Isaiah. Behold, I cannot write them. Yea, behold I say unto you, that those saints who have gone before me, who have possessed this land, shall cry, yea, even from the dust will they cry unto the Lord; and as the Lord liveth he will remember the covenant which he hath made with them.

And he knoweth their prayers, that they were in behalf of their brethren. And he knoweth their faith, for in his name could they remove mountains; and in his name could they cause the earth to shake; and by the power of his word did they cause prisons to tumble to the earth; yea, even the fiery furnace could not harm them, neither wild beasts nor poisonous serpents, because of the power of his word.

And behold, their prayers were also in behalf of him that the Lord should suffer to bring these things forth.

- 26 Và không ai cần phải nói là những điều này sẽ không xảy đến, vì chắc chắn nó sẽ xảy đến, vì Chúa phán vậy; vì những điều này sẽ được đem ra từ lòng đất do bàn tay của Chúa, và không một ai có thể ngăn cản được; và nó sẽ đến vào một ngày mà người ta cho rằng phép lạ không còn nữa, và nó sẽ đến chẳng khác chi một người nói lên từ cõi chết.
- 27 Và nó sẽ đến vào ngày mà máu các thánh đồ sẽ kêu gào lên Chúa, vì những tập đoàn bí mật và những việc làm trong bóng tối.
- 28 Phải, nó sẽ đến vào ngày mà quyền năng của Thượng Đế bị bác bỏ, và các giáo hội trở nên ô uế và dương dương tự đắc trong lòng mình; phải, vào ngày mà ngay cả những người lãnh đạo các giáo hội, và các thầy giảng cũng trở nên kiêu ngạo trong lòng, đến nỗi họ trở nên đố kỵ ngay cả với những người thuộc giáo hội mình.
- 29 Phải, nó sẽ đến vào ngày mà người ta nghe nói tới khói lửa, bão tố và sương mù trong những xứ ngoài;
- 30 Và người ta còn nghe nói tới những cuộc chiến tranh, những tiếng đồn về chiến tranh, cùng các trận động đất ở nhiều nơi.
- 31 Phải, nó sẽ đến vào ngày mà sự ô nhiễm lớn lao lan tràn khắp mặt đất; lúc sẽ có những sự giết chóc, trộm cắp, dối trá, lường gạt, tà dâm, cùng mọi hành vi khả ố; lúc sẽ có nhiều người bảo rằng: Làm điều này hay làm điều kia đều không sao cả, vì Chúa sẽ nâng đỡ những kẻ như vậy vào ngày sau cùng. Nhưng khốn thay cho những kẻ đó, vì họ đang ở trong mặt đắng, và ở trong sự trói buộc của điều bất chính.
- 32 Phải, nó sẽ đến vào ngày có nhiều giáo hội được dựng lên và nói rằng: Hãy đến cùng tôi, và với tiền bạc của các người, các người sẽ được tha thứ mọi tội lỗi của mình.
- 33 Hỡi đám người tà ác, ngược ngạo, và cứng cổ kia, tại sao các người lại xây dựng những giáo hội cho riêng mình để thu lợi? Tại sao các người lại thay đổi những lời thánh thiện của Thượng Đế để đem lại sự đoán phạt cho chính linh hồn mình? Nay, các người hãy nghiên cứu đến những điều mặc khải của Thượng Đế; vì này, vào ngày đó là lúc mà tất cả những điều này sẽ phải được ứng nghiệm.

And no one need say they shall not come, for they surely shall, for the Lord hath spoken it; for out of the earth shall they come, by the hand of the Lord, and none can stay it; and it shall come in a day when it shall be said that miracles are done away; and it shall come even as if one should speak from the dead.

And it shall come in a day when the blood of saints shall cry unto the Lord, because of secret combinations and the works of darkness.

Yea, it shall come in a day when the power of God shall be denied, and churches become defiled and be lifted up in the pride of their hearts; yea, even in a day when leaders of churches and teachers shall rise in the pride of their hearts, even to the envying of them who belong to their churches.

Yea, it shall come in a day when there shall be heard of fires, and tempests, and vapors of smoke in foreign lands;

And there shall also be heard of wars, rumors of wars, and earthquakes in divers places.

Yea, it shall come in a day when there shall be great pollutions upon the face of the earth; there shall be murders, and robbing, and lying, and deceivings, and whoredoms, and all manner of abominations; when there shall be many who will say, Do this, or do that, and it mattereth not, for the Lord will uphold such at the last day. But woe unto such, for they are in the gall of bitterness and in the bonds of iniquity.

Yea, it shall come in a day when there shall be churches built up that shall say: Come unto me, and for your money you shall be forgiven of your sins.

O ye wicked and perverse and stiffnecked people, why have ye built up churches unto yourselves to get gain? Why have ye transfigured the holy word of God, that ye might bring damnation upon your souls? Behold, look ye unto the revelations of God; for behold, the time cometh at that day when all these things must be fulfilled.

34      Này, Chúa đã cho tôi thấy những điều vĩ đại và kỳ diệu có liên hệ tới những gì sắp phải xảy đến, vào ngày mà những điều này sẽ đến với các người.

35      Này, tôi nói với các người như thể các người có trước mặt tôi, tuy rằng các người chưa có. Nhưng này, Chúa Giê Su Kỵ Tô đã cho tôi thấy được các người, và tôi biết việc làm của các người.

36      Và tôi biết rằng các người bước đi với lòng kiêu hãnh; và ngoại trừ một số rất ít người lòng không kiêu hãnh, đưa tới việc ăn mặc trang phục lộng lẫy, ganh tỵ, tranh giành, xảo trá, ngược đãi và làm đủ mọi điều bất chính; và giáo hội của các người, phải, tất cả đã trở nên ô uế vì lòng kiêu hãnh của các người.

37      Vì này, các người quá yêu quý tiền bạc, của cải, và y phục lộng lẫy, cùng thích trang hoàng giáo hội của các người hơn là yêu thương những kẻ nghèo túng, bệnh tật và đau khổ.

38      Ôi các người là những kẻ ô uế, những kẻ đạo đức giả, những thầy giảng đã tự bán mình cho những điều bại hoại, sao các người làm ô uế giáo hội thánh của Thượng Đế? Sao các người lại hổ thẹn khi mang danh Đấng Kỵ Tô? Sao các người không nghĩ rằng, giá trị của hạnh phúc bất tận lớn lao hơn sự khốn cùng không bao giờ dứt—vì sự tâng bốc của thế gian?

39      Sao các người lại trang điểm cho mình với những vật không có sự sống mà chịu để cho những kẻ đói khát, thiếu ăn, thiếu mặc, bệnh tật, đau đớn đi qua trước mặt mình mà không được các người để ý tới?

40      Phải, sao các người lại chồng chất những điều khả ố bí mật để thu lợi, và để cho góa phụ phải khóc than trước mặt Chúa, để cho con cô cũng phải khóc than trước mặt Chúa, và để cho máu của cha và chồng họ cũng phải kêu gào từ nơi cát bụi lên tận Chúa để đòi sự trả thù lên đầu các người?

41      Này, gươm trả thù đang treo trên đầu các người; và sẽ chẳng còn bao lâu nữa là tới lúc Ngài trả thù cho máu các thánh đổ lên các người, vì Ngài không chịu để cho họ kêu gào lâu hơn nữa.

Behold, the Lord hath shown unto me great and marvelous things concerning that which must shortly come, at that day when these things shall come forth among you.

Behold, I speak unto you as if ye were present, and yet ye are not. But behold, Jesus Christ hath shown you unto me, and I know your doing.

And I know that ye do walk in the pride of your hearts; and there are none save a few only who do not lift themselves up in the pride of their hearts, unto the wearing of very fine apparel, unto envying, and strifes, and malice, and persecutions, and all manner of iniquities; and your churches, yea, even every one, have become polluted because of the pride of your hearts.

For behold, ye do love money, and your substance, and your fine apparel, and the adorning of your churches, more than ye love the poor and the needy, the sick and the afflicted.

O ye pollutions, ye hypocrites, ye teachers, who sell yourselves for that which will canker, why have ye polluted the holy church of God? Why are ye ashamed to take upon you the name of Christ? Why do ye not think that greater is the value of an endless happiness than that misery which never dies—because of the praise of the world?

Why do ye adorn yourselves with that which hath no life, and yet suffer the hungry, and the needy, and the naked, and the sick and the afflicted to pass by you, and notice them not?

Yea, why do ye build up your secret abominations to get gain, and cause that widows should mourn before the Lord, and also orphans to mourn before the Lord, and also the blood of their fathers and their husbands to cry unto the Lord from the ground, for vengeance upon your heads?

Behold, the sword of vengeance hangeth over you; and the time soon cometh that he avengeth the blood of the saints upon you, for he will not suffer their cries any longer.

## Mặc Môn 9

- 1 Và giờ đây, tôi cũng xin nói về những người không tin Đấng Kỵ Tô.
- 2 Nay, các người có tin vào ngày các người bị viếng phạt—nay, khi Chúa đến, phải, vào ngày trọng đại ấy, khi mà trái đất sẽ cuộn lại như cuộn giấy, và các nguyên tố sẽ bị tan chảy dưới sức nóng khủng khiếp; phải, vào ngày trọng đại ấy các người sẽ được đem đến đứng trước mặt Chiên Con của Thượng Đế—lúc đó các người có còn nói rằng không có Thượng Đế nữa chẳng?
- 3 Lúc ấy các người có còn chối bỏ Đấng Kỵ Tô nữa chẳng? Hoặc các người có dám nhìn lên Chiên Con của Thượng Đế chẳng? Các người có cho rằng các người sẽ được sống với Ngài trong ý thức tội lỗi của mình chẳng? Các người có cho rằng các người sẽ được chung sống trong hạnh phúc với Đấng Thánh, trong khi tâm hồn các người bị ý thức về tội lỗi dẫn dắt vì các người đã từng lạm dụng những luật pháp của Ngài?
- 4 Nay, tôi nói cho các người hay rằng, nếu các người sống chung với một Đấng Thượng Đế công bình và thánh thiện mà vẫn có ý thức về sự ô uế của mình trước mặt Ngài, thì các người sẽ bị khổ sở hơn là chung sống với những người bị đoán phạt ở ngục giới.
- 5 Vì này, khi các người bị đem đến trước mặt Thượng Đế để thấy sự trần trụi của mình, và để thấy sự vinh quang của Thượng Đế cùng sự thánh thiện của Chúa Giê Su Kỵ Tô, thì một ngọn lửa không thể bị dập tắt được sẽ nhóm lên trong các người.
- 6 Vậy thì, hỡi những kẻ không tin, các người hãy trở về với Chúa, hãy kêu cầu lên Đức Chúa Cha một cách nhiệt thành trong danh Chúa Giê Su, để may ra đến ngày trọng đại cuối cùng ấy, các người có thể được xét thấy không tì vết, thanh khiết, xinh đẹp, và trắng xóa, vì đã được tẩy sạch bởi máu của Chiên Con.

## Mormon 9

And now, I speak also concerning those who do not believe in Christ.

Behold, will ye believe in the day of your visitation—behold, when the Lord shall come, yea, even that great day when the earth shall be rolled together as a scroll, and the elements shall melt with fervent heat, yea, in that great day when ye shall be brought to stand before the Lamb of God—then will ye say that there is no God?

Then will ye longer deny the Christ, or can ye behold the Lamb of God? Do ye suppose that ye shall dwell with him under a consciousness of your guilt? Do ye suppose that ye could be happy to dwell with that holy Being, when your souls are racked with a consciousness of guilt that ye have ever abused his laws?

Behold, I say unto you that ye would be more miserable to dwell with a holy and just God, under a consciousness of your filthiness before him, than ye would to dwell with the damned souls in hell.

For behold, when ye shall be brought to see your nakedness before God, and also the glory of God, and the holiness of Jesus Christ, it will kindle a flame of unquenchable fire upon you.

O then ye unbelieving, turn ye unto the Lord; cry mightily unto the Father in the name of Jesus, that perhaps ye may be found spotless, pure, fair, and white, having been cleansed by the blood of the Lamb, at that great and last day.

7 Và lại nữa, tôi nói với các người, là những kẻ chối bỏ những sự mặc khải của Thượng Đế và còn bảo rằng những chuyện đó nay đã chấm dứt, không còn mặc khải, không còn các lời tiên tri, không còn các ân tứ hay việc chữa lành bệnh, không còn ân tứ nói nhiều thứ tiếng hay thông dịch các ngôn ngữ nữa;

8 Nay, tôi nói cho các người hay, kẻ nào chối bỏ những điều này, tức là chẳng biết gì về phúc âm của Đấng Kỵ Tô; phải, họ không đọc thánh thư bao giờ, và nếu có đọc, thì họ cũng không hiểu được gì.

9 Vì chẳng phải chúng ta đã đọc được rằng, Thượng Đế lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau, và nơi Ngài chẳng có gì biến đổi mà cũng không có bóng dáng của sự đổi thay nào hay sao?

10 Và giờ đây, nếu các người tự ý tưởng tượng ra một đấng thượng đế hay thay đổi, và nơi đấng đó có bóng dáng của sự đổi thay, như vậy là các người đã tự ý tưởng tượng ra một thần thánh nào đó không phải là một Thượng Đế có nhiều phép lạ.

11 Nhưng này, tôi sẽ chỉ cho các người thấy một Thượng Đế có nhiều phép lạ. Đó là Thượng Đế của Áp Ra Ham, Thượng Đế của Y Sác, và Thượng Đế của Gia Cốp; và cũng chính Thượng Đế đó đã tạo dựng nên trời đất, cùng tất cả mọi vật trong ấy.

12 Nay, Ngài đã tạo ra A Đam, và bởi A Đam mà có sự sa ngã của loài người. Và cũng vì sự sa ngã của loài người mà Chúa Giê Su Kỵ Tô đã đến, với tư cách là Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con; và cũng nhờ có Chúa Giê Su Kỵ Tô nên mới có sự cứu chuộc loài người.

And again I speak unto you who deny the revelations of God, and say that they are done away, that there are no revelations, nor prophecies, nor gifts, nor healing, nor speaking with tongues, and the interpretation of tongues;

Behold I say unto you, he that denieth these things knoweth not the gospel of Christ; yea, he has not read the scriptures; if so, he does not understand them.

For do we not read that God is the same yesterday, today, and forever, and in him there is no variableness neither shadow of changing?

And now, if ye have imagined up unto yourselves a god who doth vary, and in whom there is shadow of changing, then have ye imagined up unto yourselves a god who is not a God of miracles.

But behold, I will show unto you a God of miracles, even the God of Abraham, and the God of Isaac, and the God of Jacob; and it is that same God who created the heavens and the earth, and all things that in them are.

Behold, he created Adam, and by Adam came the fall of man. And because of the fall of man came Jesus Christ, even the Father and the Son; and because of Jesus Christ came the redemption of man.

- 13 Và cũng nhờ Chúa Giê Su Ky Tô đem lại sự cứu chuộc cho loài người, nên họ mới được đem trở về nơi hiện diện của Chúa; phải, chính vì lý do này nên tất cả loài người mới được cứu chuộc, vì cái chết của Đấng Ky Tô đã đem lại sự phục sinh, và sự phục sinh này đã đem lại sự cứu chuộc loài người thoát khỏi giấc ngủ triền miên bất tận. Và từ giấc ngủ ấy, tất cả loài người sẽ được quyền năng của Thượng Đế đánh thức dậy khi tiếng kèn thổi lên, và họ cùng bước ra, cả người thông thường lẫn bậc vĩ nhân, tất cả đều đến đứng trước rào phán xét, sau khi đã được cứu chuộc và được cởi bỏ dây trói buộc vĩnh cửu của sự chết, mà sự chết này là cái chết thể chất.
- 14 Và rồi tiếp đến là sự phán xét của Đấng Thánh; và rồi đó là lúc mà kẻ nào ô uế sẽ vẫn còn là ô uế, những ai ngay chính sẽ vẫn còn là ngay chính, những ai sung sướng sẽ vẫn còn là sung sướng; và những ai khổ sở sẽ vẫn phải khổ sở như vậy.
- 15 Và giờ đây, hỡi những người đã tự ý tưởng tượng ra một thượng đế không thể làm được phép lạ, tôi xin hỏi các người rằng, tất cả những điều tôi nói với các người đã xảy ra chưa? Và ngày cuối cùng đã đến chưa? Nay, tôi nói cho các người hay: Chưa. Và Thượng Đế vẫn chưa hết là một Thượng Đế có nhiều phép lạ.
- 16 Nay, những điều Thượng Đế đã thực hiện chẳng phải là những điều kỳ diệu trước mắt chúng ta hay sao? Phải, và ai là người có thể hiểu được những công việc kỳ diệu của Thượng Đế?
- 17 Có ai dám nói rằng, những điều sau đây không phải là một phép lạ: Do lời nói của Ngài mà trời và đất được tạo dựng; và cũng do quyền năng của lời nói Ngài mà loài người được sáng tạo ra từ bụi đất thế gian; và cũng do quyền năng của lời nói Ngài mà biết bao phép lạ đã được thực hiện?
- 18 Và có ai dám nói rằng, Chúa Giê Su Ky Tô đã không làm được nhiều phép lạ lớn lao? Và còn nhiều phép lạ lớn lao khác đã được bàn tay các vị sứ đồ thực hiện.

And because of the redemption of man, which came by Jesus Christ, they are brought back into the presence of the Lord; yea, this is wherein all men are redeemed, because the death of Christ bringeth to pass the resurrection, which bringeth to pass a redemption from an endless sleep, from which sleep all men shall be awakened by the power of God when the trump shall sound; and they shall come forth, both small and great, and all shall stand before his bar, being redeemed and loosed from this eternal band of death, which death is a temporal death.

And then cometh the judgment of the Holy One upon them; and then cometh the time that he that is filthy shall be filthy still; and he that is righteous shall be righteous still; he that is happy shall be happy still; and he that is unhappy shall be unhappy still.

And now, O all ye that have imagined up unto yourselves a god who can do no miracles, I would ask of you, have all these things passed, of which I have spoken? Has the end come yet? Behold I say unto you, Nay; and God has not ceased to be a God of miracles.

Behold, are not the things that God hath wrought marvelous in our eyes? Yea, and who can comprehend the marvelous works of God?

Who shall say that it was not a miracle that by his word the heaven and the earth should be; and by the power of his word man was created of the dust of the earth; and by the power of his word have miracles been wrought?

And who shall say that Jesus Christ did not do many mighty miracles? And there were many mighty miracles wrought by the hands of the apostles.



- 19 Và nếu đã có nhiều phép lạ được thực hiện rồi, thì tại sao Thượng Đế không còn là một Thượng Đế với nhiều phép lạ nữa, một khi Ngài là Đấng không bao giờ thay đổi? Và này, tôi nói cho các người hay, Ngài chẳng bao giờ thay đổi, vì nếu Ngài thay đổi thì Ngài không còn là Thượng Đế nữa. Nhưng Ngài vẫn là Thượng Đế và là một Thượng Đế với nhiều phép lạ.
- 20 Và lý do tại sao Ngài không còn làm phép lạ cho con cái loài người nữa là vì họ sa vào vòng vô tín ngưỡng, và rời khỏi con đường ngay chính, và không biết đến Đấng Thượng Đế mà họ phải tin tưởng.
- 21 Này, tôi nói cho các người hay rằng, người nào biết tin ở Đấng Ky Tô mà không nghi ngờ gì, thì bất cứ điều gì người đó cầu xin nơi Đức Chúa Cha qua danh Đấng Ky Tô đều sẽ được ban cho; và lời hứa này được ban ra cho tất cả mọi người dù họ ở các nơi tận cùng của trái đất.
- 22 Vì này, Chúa Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, đã phán bảo các môn đồ còn ở lại của Ngài, phải, cũng như với tất cả các môn đồ của Ngài để toàn thể dân chúng đều nghe: Các người hãy đi khắp thế gian thuyết giảng phúc âm cho mọi người nghe.
- 23 Và ai tin và chịu phép báp têm thì sẽ được cứu, còn ai không tin sẽ bị đoán phạt.
- 24 Và những điềm triệu sau đây sẽ đi theo những ai tin: trong danh ta, họ sẽ xua đuổi được những quỷ dữ; họ sẽ nói được ngôn ngữ mới; họ sẽ bắt được rắn; và nếu uống phải một thứ gì độc họ cũng sẽ chẳng bị hại; họ đặt tay lên người bệnh thì người bệnh sẽ lành.
- 25 Và bất cứ ai tin vào danh ta mà không nghi ngờ, thì ta sẽ xác nhận tất cả lời nói của ta với họ, dù họ ở các nơi tận cùng của trái đất.
- 26 Và giờ đây, này, ai dám chống lại những công việc của Chúa? Ai dám chối bỏ những lời phán dạy của Ngài? Ai dám nổi lên chống quyền năng vô cùng của Chúa? Ai dám khinh miệt các công việc của Chúa? Ai dám khinh miệt con cái của Đấng Ky Tô? Này, hỡi tất cả các người, là những kẻ khinh miệt công việc của Chúa, các người sẽ phải ngạc nhiên và bị diệt vong.

And if there were miracles wrought then, why has God ceased to be a God of miracles and yet be an unchangeable Being? And behold, I say unto you he changeth not; if so he would cease to be God; and he ceaseth not to be God, and is a God of miracles.

And the reason why he ceaseth to do miracles among the children of men is because that they dwindle in unbelief, and depart from the right way, and know not the God in whom they should trust.

Behold, I say unto you that whoso believeth in Christ, doubting nothing, whatsoever he shall ask the Father in the name of Christ it shall be granted him; and this promise is unto all, even unto the ends of the earth.

For behold, thus said Jesus Christ, the Son of God, unto his disciples who should tarry, yea, and also to all his disciples, in the hearing of the multitude: Go ye into all the world, and preach the gospel to every creature;

And he that believeth and is baptized shall be saved, but he that believeth not shall be damned;

And these signs shall follow them that believe—in my name shall they cast out devils; they shall speak with new tongues; they shall take up serpents; and if they drink any deadly thing it shall not hurt them; they shall lay hands on the sick and they shall recover;

And whosoever shall believe in my name, doubting nothing, unto him will I confirm all my words, even unto the ends of the earth.

And now, behold, who can stand against the works of the Lord? Who can deny his sayings? Who will rise up against the almighty power of the Lord? Who will despise the works of the Lord? Who will despise the children of Christ? Behold, all ye who are despisers of the works of the Lord, for ye shall wonder and perish.

27 Hỡi ôi, vậy thì các người chớ có khinh miệt, chớ có nghi ngờ, mà hãy nghe theo những lời của Chúa, và các người hãy cầu xin Đức Chúa Cha trong danh Chúa Giê Su tất cả những gì các người đang cần. Chớ ngờ vực mà hãy tin tưởng và bắt đầu lại như lúc xưa, đến cùng Chúa với tất cả tấm lòng thành, và hãy làm nên sự cứu rỗi của mình với sự run rẩy và kính sợ trước mặt Ngài.

28 Hãy khôn ngoan trong những ngày thử thách của mình; hãy cởi bỏ tất cả những gì dơ bẩn; chớ cầu xin điều gì để thỏa mãn dục vọng của mình, mà hãy cầu xin với một sự vững vàng không lay chuyển, rằng các người sẽ không nhường bước cho một sự cám dỗ nào, nhưng các người sẽ phục vụ Đấng Thượng Đế chân thật và hằng sống.

29 Các người hãy lưu ý đừng chịu phép báp têm một cách không xứng đáng; hãy lưu ý đừng dự phần Tiệc Thánh của Đấng Ky Tô một cách không xứng đáng; nhưng phải lưu ý làm tất cả mọi việc một cách xứng đáng, và phải làm những việc ấy trong danh Chúa Giê Su Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế hằng sống; nếu làm như vậy và kiên trì đến cùng, thì các người sẽ không cách nào bị khai trừ.

30 Nay, tôi nói với các người như thể tôi nói từ cõi chết; vì tôi biết rằng các người sẽ có được những lời của tôi.

31 Chớ chỉ trích tôi về những khuyết điểm của tôi; chớ chỉ trích cha tôi về những khuyết điểm của ông; và cũng chớ chỉ trích tất cả những người đã ghi chép biên sử trước ông; mà trái lại các người hãy tạ ơn Thượng Đế, vì Ngài đã biểu lộ cho các người thấy những khuyết điểm của chúng tôi, để các người có thể học hỏi và trở nên khôn ngoan hơn chúng tôi.

32 Và giờ đây, này, chúng tôi đã chép biên sử này dựa trên sự hiểu biết của chúng tôi, và bằng một thứ ngôn ngữ mà chúng tôi gọi là tiếng Ai Cập cải cách, được lưu truyền và bị chúng tôi thay đổi dần theo lối nói của chúng tôi.

33 Và nếu các bảng khắc của chúng tôi đủ lớn, thì chúng tôi đã viết bằng tiếng Hê Bơ Rơ, nhưng tiếng Hê Bơ Rơ cũng bị chúng tôi thay đổi; và nếu chúng tôi viết bằng tiếng Hê Bơ Rơ, này, các người đã không thể thấy khuyết điểm nào trong các biên sử của chúng tôi.

O then despise not, and wonder not, but hearken unto the words of the Lord, and ask the Father in the name of Jesus for what things soever ye shall stand in need. Doubt not, but be believing, and begin as in times of old, and come unto the Lord with all your heart, and work out your own salvation with fear and trembling before him.

Be wise in the days of your probation; strip yourselves of all uncleanness; ask not, that ye may consume it on your lusts, but ask with a firmness unshaken, that ye will yield to no temptation, but that ye will serve the true and living God.

See that ye are not baptized unworthily; see that ye partake not of the sacrament of Christ unworthily; but see that ye do all things in worthiness, and do it in the name of Jesus Christ, the Son of the living God; and if ye do this, and endure to the end, ye will in nowise be cast out.

Behold, I speak unto you as though I spake from the dead; for I know that ye shall have my words.

Condemn me not because of mine imperfection, neither my father, because of his imperfection, neither them who have written before him; but rather give thanks unto God that he hath made manifest unto you our imperfections, that ye may learn to be more wise than we have been.

And now, behold, we have written this record according to our knowledge, in the characters which are called among us the reformed Egyptian, being handed down and altered by us, according to our manner of speech.

And if our plates had been sufficiently large we should have written in Hebrew; but the Hebrew hath been altered by us also; and if we could have written in Hebrew, behold, ye would have had no imperfection in our record.

34 Nhưng Chúa biết những điều chúng tôi viết ra, và Ngài cũng biết chẳng có một dân tộc nào khác biết được ngôn ngữ của chúng tôi; và vì không có một dân tộc nào khác biết được ngôn ngữ của chúng tôi, nên Ngài đã chuẩn bị phương tiện cho việc phiên dịch ngôn ngữ này.

35 Và những điều này được viết ra là để chúng tôi có thể gột rửa y phục của chúng tôi khỏi máu của các đồng bào chúng tôi là những người đã sa vào vòng vô tín nguơng.

36 Và này, những điều mà chúng tôi cầu mong cho các đồng bào của chúng tôi, phải, tức là việc phục hồi họ về với sự hiểu biết Đấng Ky Tô, là thể theo lời cầu nguyện của tất cả các thánh đồ đã sống trong xứ.

37 Và cầu xin Chúa Giê Su Ky Tô chấp nhận, để những lời cầu nguyện của họ được đáp ứng tùy theo đức tin của họ; và cầu xin Thượng Đế Đức Chúa Cha nhớ đến giao ước mà Ngài đã lập với gia tộc Y Sơ Ra Ên; và cầu xin Ngài ban phước cho họ mãi mãi, qua đức tin của họ nơi danh Chúa Giê Su Ky Tô. A Men.

But the Lord knoweth the things which we have written, and also that none other people knoweth our language; and because that none other people knoweth our language, therefore he hath prepared means for the interpretation thereof.

And these things are written that we may rid our garments of the blood of our brethren, who have dwindled in unbelief.

And behold, these things which we have desired concerning our brethren, yea, even their restoration to the knowledge of Christ, are according to the prayers of all the saints who have dwelt in the land.

And may the Lord Jesus Christ grant that their prayers may be answered according to their faith; and may God the Father remember the covenant which he hath made with the house of Israel; and may he bless them forever, through faith on the name of Jesus Christ. Amen.

# Sách Ê The

Biên sử của dân Gia Rét được ghi chép lại từ hai mươi bốn bảng khắc do dân Lim Hi tìm thấy vào thời Vua Mô Si A.

## Ê The 1

- 1 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, xin bắt đầu ghi chép truyện ký về những dân cư thời xưa đã bị bàn tay Chúa hủy diệt khỏi xứ miền bắc này.
- 2 Và tôi viết truyện ký này từ hai mươi bốn bảng khắc do dân Lim Hi tìm được, gọi là Sách Ê The.
- 3 Và tôi cho rằng, phần đầu của biên sử này nói về sự sáng tạo thế gian và luôn cả A Đam, và truyện ký từ thời đó cho đến thời có ngọn tháp vĩ đại, cùng tất cả những gì xảy ra cho con cái loài người trong thời đó, thì người Do Thái đã có rồi—
- 4 Vậy nên tôi không ghi chép những điều đã xảy ra từ thời A Đam đến thời đó, nhưng những điều này đã có ghi chép trên các bảng khắc; và ai tìm được những bảng khắc ấy thì sẽ có quyền năng để có được một truyện ký đầy đủ.
- 5 Nhưng này, tôi không ghi chép đầy đủ truyện ký, mà chỉ ghi lại có một phần thôi, tức là phần nói về thời có ngọn tháp đến thời dân ấy bị hủy diệt.
- 6 Và theo thể cách đó tôi đã ghi chép truyện ký này. Người viết ra biên sử này có tên là Ê The. Ông là con cháu của Cô Ri An Tô.
- 7 Cô Ri An Tô là con trai của Mô Rôn.
- 8 Và Mô Rôn là con trai của Ê Thê-m.
- 9 Và Ê Thê-m là con trai của A Kha.
- 10 Và A Kha là con trai của Sét.
- 11 Và Sét là con trai của Síp Lân.
- 12 Và Síp Lân là con trai của Côm.
- 13 Và Côm là con trai của Cô Ri An Tum.
- 14 Và Cô Ri An Tum là con trai của Am Ni Ga Đa.
- 15 Và Am Ni Ga Đa là con trai của A Rôn.
- 16 Và A Rôn là con cháu của Hêch, Hêch là con trai của Hứa Thôm.

# The Book of Ether

The record of the Jaredites, taken from the twenty-four plates found by the people of Limhi in the days of King Mosiah.

## Ether 1

And now I, Moroni, proceed to give an account of those ancient inhabitants who were destroyed by the hand of the Lord upon the face of this north country.

And I take mine account from the twenty and four plates which were found by the people of Limhi, which is called the Book of Ether.

And as I suppose that the first part of this record, which speaks concerning the creation of the world, and also of Adam, and an account from that time even to the great tower, and whatsoever things transpired among the children of men until that time, is had among the Jews—

Therefore I do not write those things which transpired from the days of Adam until that time; but they are had upon the plates; and whoso findeth them, the same will have power that he may get the full account.

But behold, I give not the full account, but a part of the account I give, from the tower down until they were destroyed.

And on this wise do I give the account. He that wrote this record was Ether, and he was a descendant of Coriantor.

Coriantor was the son of Moron.

And Moron was the son of Ethem.

And Ethem was the son of Ahah.

And Ahah was the son of Seth.

And Seth was the son of Shiblôn.

And Shiblôn was the son of Com.

And Com was the son of Coriantum.

And Coriantum was the son of Amnigaddah.

And Amnigaddah was the son of Aaron.

And Aaron was a descendant of Heth, who was the son of Hearthom.

17 Và Hứa Thơm là con trai của Líp.  
18 Và Líp là con trai của Kích.  
19 Và Kích là con trai của Cô Rôm.  
20 Và Cô Rôm là con trai của Lê Vi.  
21 Và Lê Vi là con trai của Kim.  
22 Và Kim là con trai của Mô Ri An Tôn.  
23 Và Mô Ri An Tôn là con cháu của Ríp La Kích.  
24 Và Ríp La Kích là con trai của Se Giơ.  
25 Và Se Giơ là con trai của Héch.  
26 Và Héch là con trai của Côm.  
27 Và Côm là con trai của Cô Ri An Tum.  
28 Và Cô Ri An Tum là con trai của Ê Me.  
29 Và Ê Me là con trai của Ô Me.  
30 Và Ô Me là con trai của Su Lê.  
31 Và Su Lê là con trai của Kíp.  
32 Và Kíp là con trai của Ô Ri Ha, và Ô Ri Ha là con trai của Gia Rét;  
33 Và chính ông Gia Rét này đã đi với anh mình và gia đình họ, cùng vài người khác nữa và gia đình họ ra khỏi ngọn tháp vĩ đại vào lúc Chúa làm lộn xộn tiếng nói của dân chúng, và trong cơn thịnh nộ Ngài thề rằng, họ sẽ bị phân tán cùng khắp mặt đất; và đúng theo lời Chúa, dân chúng đã bị phân tán.  
34 Và anh của Gia Rét vốn là một người có vóc dáng cao lớn lực lưỡng, và lại được Chúa hết sức ưu đãi, nên Gia Rét, em của ông, bảo ông rằng: Anh hãy kêu cầu Chúa, xin Ngài đừng làm lộn xộn tiếng nói của chúng ta khiến chúng ta không hiểu lời nói của nhau.  
35 Và chuyện rằng, anh của Gia Rét bèn cầu xin Chúa, và Chúa động lòng thương hại Gia Rét; vậy nên Ngài không làm lộn xộn tiếng nói của Gia Rét; và Gia Rét cùng anh mình không bị làm lộn xộn tiếng nói.  
36 Rồi Gia Rét bảo anh mình rằng: Anh hãy kêu cầu Chúa lần nữa, xin Ngài cất bỏ cơn thịnh nộ của Ngài khỏi bạn bè của chúng ta, và xin Ngài đừng làm lộn xộn tiếng nói của họ.  
37 Và chuyện rằng, anh của Gia Rét kêu cầu Chúa, và Chúa cũng động lòng thương hại cho bạn bè và gia đình họ, nên Ngài không làm lộn xộn tiếng nói của họ.

And Hearthom was the son of Lib.  
And Lib was the son of Kish.  
And Kish was the son of Corom.  
And Corom was the son of Levi.  
And Levi was the son of Kim.  
And Kim was the son of Morianton.  
And Morianton was a descendant of Riplakish.  
And Riplakish was the son of Shez.  
And Shez was the son of Heth.  
And Heth was the son of Com.  
And Com was the son of Coriantum.  
And Coriantum was the son of Emer.  
And Emer was the son of Omer.  
And Omer was the son of Shule.  
And Shule was the son of Kib.  
And Kib was the son of Orihah, who was the son of Jared;  
Which Jared came forth with his brother and their families, with some others and their families, from the great tower, at the time the Lord confounded the language of the people, and swore in his wrath that they should be scattered upon all the face of the earth; and according to the word of the Lord the people were scattered.  
And the brother of Jared being a large and mighty man, and a man highly favored of the Lord, Jared, his brother, said unto him: Cry unto the Lord, that he will not confound us that we may not understand our words.  
And it came to pass that the brother of Jared did cry unto the Lord, and the Lord had compassion upon Jared; therefore he did not confound the language of Jared; and Jared and his brother were not confounded.  
Then Jared said unto his brother: Cry again unto the Lord, and it may be that he will turn away his anger from them who are our friends, that he confound not their language.  
And it came to pass that the brother of Jared did cry unto the Lord, and the Lord had compassion upon their friends and their families also, that they were not confounded.

38 Và chuyện rằng, Gia Rét lại bảo anh mình rằng: Anh hãy đi cầu vấn Chúa xem Ngài có đuổi chúng ta ra khỏi xứ này không? Và nếu Ngài sẽ đuổi chúng ta ra khỏi xứ này, thì kêu cầu Ngài xem chúng ta phải đi về đâu. Và biết đâu Chúa chẳng đưa chúng ta đến một vùng đất chọn lọc hơn hết thảy mọi vùng đất khác trên thế gian này? Và nếu điều ấy sẽ như vậy, thì chúng ta hãy trung thành với Chúa, để chúng ta có thể nhận đất ấy làm đất thừa hưởng.

39 Và chuyện rằng anh của Gia Rét kêu cầu Chúa đúng theo những lời do miệng Gia Rét nói ra.

40 Và chuyện rằng, Chúa nghe lời kêu cầu của anh của Gia Rét, và động lòng thương hại ông và phán bảo rằng:

41 Hãy đi gom góp các đàn gia súc của người lại, cả con đực lẫn con cái, đủ loại; và luôn cả các hạt giống trồng dưới đất, đủ loại; cùng gia đình người, em người là Gia Rét và gia đình hắn, và luôn cả bạn bè người, gia đình họ; và bạn bè của Gia Rét và gia đình họ;

42 Và khi làm xong việc này, người hãy đi dẫn đầu và đưa họ đến thung lũng ở hướng bắc. Và nơi đó ta sẽ gặp người, và ta sẽ đi trước dẫn đường cho người tới một vùng đất chọn lọc hơn hết thảy mọi vùng đất khác trên thế gian này.

43 Và ở đây ta sẽ ban phước cho người và cho dòng dõi của người, và ta sẽ gây dựng từ dòng dõi của người, dòng dõi của em người, và dòng dõi của những người đi theo người thành một dân tộc vĩ đại. Và sau này sẽ không có một dân tộc nào vĩ đại hơn dân mà ta sẽ gây dựng lên từ dòng dõi của người, trên khắp mặt đất này. Và đó là việc ta sẽ làm cho người vì người đã cầu khẩn ta trong bấy lâu nay.

And it came to pass that Jared spake again unto his brother, saying: Go and inquire of the Lord whether he will drive us out of the land, and if he will drive us out of the land, cry unto him whither we shall go. And who knoweth but the Lord will carry us forth into a land which is choice above all the earth? And if it so be, let us be faithful unto the Lord, that we may receive it for our inheritance.

And it came to pass that the brother of Jared did cry unto the Lord according to that which had been spoken by the mouth of Jared.

And it came to pass that the Lord did hear the brother of Jared, and had compassion upon him, and said unto him:

Go to and gather together thy flocks, both male and female, of every kind; and also of the seed of the earth of every kind; and thy families; and also Jared thy brother and his family; and also thy friends and their families, and the friends of Jared and their families.

And when thou hast done this thou shalt go at the head of them down into the valley which is northward. And there will I meet thee, and I will go before thee into a land which is choice above all the lands of the earth.

And there will I bless thee and thy seed, and raise up unto me of thy seed, and of the seed of thy brother, and they who shall go with thee, a great nation. And there shall be none greater than the nation which I will raise up unto me of thy seed, upon all the face of the earth. And thus I will do unto thee because this long time ye have cried unto me.

## Ê The 2

- 1 Và chuyện rằng, Gia Rét cùng với anh mình, và gia đình họ, cùng bạn bè của anh em Gia Rét và gia đình họ đi xuống thung lũng hướng bắc (và tên của thung lũng này là Nim Rốt, gọi theo tên người thợ săn cường tráng), cùng với các đàn gia súc mà họ đã gom góp lại, cả con đực lẫn con cái, đủ loại.
- 2 Và họ còn giăng bẫy để bắt chim trời; và họ cũng làm một cái bình để đựng các loại cá đem theo.
- 3 Và họ cũng đem theo những con Đe Sê Rét, tức là một loài ong mật; như vậy là họ đem theo các đàn ong, và đủ mọi thứ khác có trên mặt đất, cùng đủ các loại hạt giống.
- 4 Và chuyện rằng, khi họ đã xuống tới thung lũng Nim Rốt, Chúa giáng xuống nói chuyện với anh của Gia Rét. Ngài ở trong một đám mây, và anh của Gia Rét không trông thấy Ngài.
- 5 Và chuyện rằng, Chúa truyền lệnh cho họ phải đi vào vùng hoang dã, phải, vào vùng chưa bao giờ có người đặt chân tới. Và chuyện rằng, Chúa đi trước dẫn đường cho họ, và nói chuyện với họ khi Ngài đứng trong đám mây, và chỉ đường cho họ biết phải đi về lối nào.
- 6 Và chuyện rằng, họ đã hành trình trong vùng hoang dã và đã đóng những chiếc thuyền, trên những thuyền đó họ đã vượt qua nhiều mặt nước, và họ luôn luôn được bàn tay của Chúa chỉ dẫn.
- 7 Và Chúa không muốn họ dừng lại trong vùng hoang dã bên kia bờ biển, mà Ngài muốn họ vẫn tiếp tục đi mãi cho tới đất hứa, là vùng đất chọn lọc hơn hết thảy mọi vùng đất khác, đó là vùng đất Đức Chúa Trời đã dành cho dân tộc ngay chính.
- 8 Và trong cơn thịnh nộ, Ngài đã thề với anh của Gia Rét rằng, từ nay cho đến mãi mãi về sau, bất cứ ai chiếm hữu đất hứa này đều phải phục vụ Ngài là Thượng Đế chân thật và duy nhất, bằng không họ sẽ bị quét sạch khi cơn thịnh nộ tràn đầy của Ngài đổ lên họ.

## Ether 2

And it came to pass that Jared and his brother, and their families, and also the friends of Jared and his brother and their families, went down into the valley which was northward, (and the name of the valley was Nimrod, being called after the mighty hunter) with their flocks which they had gathered together, male and female, of every kind.

And they did also lay snares and catch fowls of the air; and they did also prepare a vessel, in which they did carry with them the fish of the waters.

And they did also carry with them deseret, which, by interpretation, is a honey bee; and thus they did carry with them swarms of bees, and all manner of that which was upon the face of the land, seeds of every kind.

And it came to pass that when they had come down into the valley of Nimrod the Lord came down and talked with the brother of Jared; and he was in a cloud, and the brother of Jared saw him not.

And it came to pass that the Lord commanded them that they should go forth into the wilderness, yea, into that quarter where there never had man been. And it came to pass that the Lord did go before them, and did talk with them as he stood in a cloud, and gave directions whither they should travel.

And it came to pass that they did travel in the wilderness, and did build barges, in which they did cross many waters, being directed continually by the hand of the Lord.

And the Lord would not suffer that they should stop beyond the sea in the wilderness, but he would that they should come forth even unto the land of promise, which was choice above all other lands, which the Lord God had preserved for a righteous people.

And he had sworn in his wrath unto the brother of Jared, that whoso should possess this land of promise, from that time henceforth and forever, should serve him, the true and only God, or they should be swept off when the fulness of his wrath should come upon them.

- 9 Và giờ đây chúng ta có thể thấy sắc lệnh của Thượng Đế về đất này rằng, đây là đất hứa; và bất cứ dân nào chiếm hữu đất này đều phải phục vụ Thượng Đế, bằng không, họ sẽ bị quét sạch, khi cơn thịnh nộ tràn đầy của Ngài đổ lên họ. Và cơn thịnh nộ tràn đầy của Ngài sẽ đổ lên họ khi họ đã chín muồi trong sự bất chính.
- 10 Vì này, đây là một vùng đất chọn lọc hơn hết thảy mọi vùng đất khác; vậy nên, người nào chiếm hữu được nó phải phục vụ Thượng Đế, bằng không họ sẽ bị quét sạch, vì đó là một sắc lệnh vĩnh viễn của Thượng Đế. Và khi nào con cái loài người trong vùng đất này hoàn toàn bất chính thì họ mới bị quét sạch.
- 11 Và điều này sẽ xảy đến cho các người, hỡi những người Dân Ngoại, để các người có thể biết được sắc lệnh của Thượng Đế—ngõ hầu các người có thể hối cải và không còn tiếp tục sống trong sự bất chính cho đến ngày viên mãn, khiến cho cơn thịnh nộ tràn đầy của Thượng Đế phải đổ xuống các người, như những dân cư trước kia trong xứ này đã bị.
- 12 Này, đây là một vùng đất chọn lọc, và bất cứ dân nào được chiếm hữu đất này đều thoát khỏi vòng nô lệ, tù đầy, và thoát khỏi sự thống trị của các dân khác dưới gầm trời này, nếu họ biết phục vụ Thượng Đế của xứ này là Chúa Giê Su Kỵ Tô, là Đấng đã được biểu hiện qua những điều chúng tôi đã ghi chép.
- 13 Và giờ đây, tôi xin tiếp tục ghi chép biên sử của tôi; vì này, chuyện rằng, Chúa dẫn Gia Rét và những người đi theo ông đến biển lớn phân cách các xứ. Và khi họ đến bên biển, họ bèn dựng lều lên; và gọi nơi đó là Mô Ri An Cum; rồi họ ở trong các lều trại trên bờ biển suốt thời gian bốn năm.
- 14 Và chuyện rằng, vào cuối năm thứ tư, Chúa lại đến với anh của Gia Rét. Ngài đứng trong mây mà nói chuyện với ông. Và Chúa đã nói chuyện với anh của Gia Rét trong ba tiếng đồng hồ, và khiển trách ông vì ông đã không nhớ khẩn cầu danh Chúa.

And now, we can behold the decrees of God concerning this land, that it is a land of promise; and whatsoever nation shall possess it shall serve God, or they shall be swept off when the fulness of his wrath shall come upon them. And the fulness of his wrath cometh upon them when they are ripened in iniquity.

For behold, this is a land which is choice above all other lands; wherefore he that doth possess it shall serve God or shall be swept off; for it is the everlasting decree of God. And it is not until the fulness of iniquity among the children of the land, that they are swept off.

And this cometh unto you, O ye Gentiles, that ye may know the decrees of God—that ye may repent, and not continue in your iniquities until the fulness come, that ye may not bring down the fulness of the wrath of God upon you as the inhabitants of the land have hitherto done.

Behold, this is a choice land, and whatsoever nation shall possess it shall be free from bondage, and from captivity, and from all other nations under heaven, if they will but serve the God of the land, who is Jesus Christ, who hath been manifested by the things which we have written.

And now I proceed with my record; for behold, it came to pass that the Lord did bring Jared and his brethren forth even to that great sea which divideth the lands. And as they came to the sea they pitched their tents; and they called the name of the place Moriancumer; and they dwelt in tents, and dwelt in tents upon the seashore for the space of four years.

And it came to pass at the end of four years that the Lord came again unto the brother of Jared, and stood in a cloud and talked with him. And for the space of three hours did the Lord talk with the brother of Jared, and chastened him because he remembered not to call upon the name of the Lord.



15 Và anh của Gia Rét hối hận về điều xấu xa ông đã phạm, và khẩn cầu danh Chúa cho những người đang sống cùng ông. Và Chúa phán cùng ông rằng: Ta sẽ tha tội cho ngươi và nhóm người của ngươi; nhưng ngươi chớ nên phạm tội nữa, vì ngươi phải nhớ rằng, Thánh Linh của ta không phải lúc nào cũng tranh đấu với loài người, vậy nên, nếu ngươi phạm tội cho đến lúc chín muồi, thì ngươi sẽ bị khai trừ khỏi nơi hiện diện của Chúa. Và đây là những ý định của ta về vùng đất mà ta sẽ ban cho ngươi làm đất thừa hưởng; vì nó là vùng đất chọn lọc hơn hết thảy mọi vùng đất khác.

16 Và Chúa phán rằng: Ngươi hãy đi đóng những chiếc thuyền theo như kiểu mà từ trước tới nay người vẫn thường làm. Và chuyện rằng, anh của Gia Rét và nhóm người của ông ta bắt tay vào việc. Họ cùng nhau đóng những chiếc thuyền theo kiểu họ đã làm theo lời chỉ dẫn của Chúa. Những chiếc thuyền ấy nhỏ và nhẹ trên mặt nước, nó nhẹ nhàng như một con chim trên mặt nước.

17 Và những chiếc thuyền ấy được đóng theo một cách thức mà nó rất khít khao, đến độ nó có thể chứa đựng được nước, chẳng khác chi một cái đĩa; và đáy thuyền cũng rất kín, chẳng khác chi một cái đĩa, và hai bên mạn thuyền cũng kín như một cái đĩa; còn mũi thuyền thì nhọn; và mũi thuyền cũng đóng khít khao như một cái đĩa; và chiều dài của thuyền bằng chiều dài một thân cây; và cửa thuyền, khi đóng lại thì kín mít như một cái đĩa.

18 Và chuyện rằng, anh của Gia Rét kêu cầu Chúa mà rằng: Hỡi Chúa, con đã hoàn thành công việc Ngài truyền lệnh cho con. Con đã đóng xong những chiếc thuyền theo như Ngài đã chỉ dẫn con.

19 Và này, thưa Chúa, trong thuyền không có ánh sáng, vậy chúng con biết làm sao mà lái? Và hơn nữa chúng con sẽ chết vì trong thuyền chúng con không thể thở được, trừ phần không khí có sẵn trong thuyền; vậy nên chúng con sẽ phải chết.

And the brother of Jared repented of the evil which he had done, and did call upon the name of the Lord for his brethren who were with him. And the Lord said unto him: I will forgive thee and thy brethren of their sins; but thou shalt not sin any more, for ye shall remember that my Spirit will not always strive with man; wherefore, if ye will sin until ye are fully ripe ye shall be cut off from the presence of the Lord. And these are my thoughts upon the land which I shall give you for your inheritance; for it shall be a land choice above all other lands.

And the Lord said: Go to work and build, after the manner of barges which ye have hitherto built. And it came to pass that the brother of Jared did go to work, and also his brethren, and built barges after the manner which they had built, according to the instructions of the Lord. And they were small, and they were light upon the water, even like unto the lightness of a fowl upon the water.

And they were built after a manner that they were exceedingly tight, even that they would hold water like unto a dish; and the bottom thereof was tight like unto a dish; and the sides thereof were tight like unto a dish; and the ends thereof were peaked; and the top thereof was tight like unto a dish; and the length thereof was the length of a tree; and the door thereof, when it was shut, was tight like unto a dish.

And it came to pass that the brother of Jared cried unto the Lord, saying: O Lord, I have performed the work which thou hast commanded me, and I have made the barges according as thou hast directed me.

And behold, O Lord, in them there is no light; whither shall we steer? And also we shall perish, for in them we cannot breathe, save it is the air which is in them; therefore we shall perish.

20 Và Chúa phán cùng anh của Gia Rét rằng: Nay, người hãy khoét một cái lỗ ở trên mũi thuyền và ở dưới đáy thuyền; và khi nào thiếu không khí thở người hãy mở cái lỗ đó ra để cho không khí lọt vào, và nếu nước tràn vào các người, này, các người hãy đóng cái lỗ đó lại để khỏi bị chết vì nước ngập.

21 Và chuyện rằng, anh của Gia Rét đã làm như vậy, theo như Chúa đã truyền lệnh.

22 Rồi ông lại kêu cầu Chúa nữa mà rằng: Thưa Chúa, này, con đã làm đúng theo như Ngài đã truyền lệnh cho con. Con đã sửa soạn sẵn sàng thuyền cho dân con, nhưng này, trong thuyền không có ánh sáng. Này, thưa Chúa, Ngài chịu để cho chúng con phải vượt biển cả trong bóng tối sao?

23 Và Chúa phán cùng anh của Gia Rét rằng: Người muốn ta làm gì cho các người có ánh sáng trong thuyền? Vì này, các người không thể làm cửa sổ được, vì như vậy cửa sổ sẽ bị vỡ ra từng mảnh; và các người cũng không thể đem lửa theo được, vì các người không thể đi bằng ánh sáng của lửa được.

24 Vì này, các người sẽ như con cá voi giữa biển; vì các đợt sóng cao như núi sẽ chụp lên thuyền các người. Tuy nhiên, ta sẽ đem các người trở lên khỏi vực sâu của biển cả; vì gió phát ra từ miệng ta, và ta còn làm ra mưa và lụt nữa.

25 Và này, ta đã chuẩn bị cho các người chống lại những thứ ấy, vì các người không thể vượt qua vực sâu này, nếu ta không chuẩn bị cho các người chống lại những đợt sóng của biển cùng những trận gió thổi tới và những trận lụt dâng lên. Vậy thì người muốn ta chuẩn bị gì cho các người để các người có ánh sáng khi các người phải bị chìm sâu dưới lòng biển?

And the Lord said unto the brother of Jared: Behold, thou shalt make a hole in the top, and also in the bottom; and when thou shalt suffer for air thou shalt unstop the hole and receive air. And if it be so that the water come in upon thee, behold, ye shall stop the hole, that ye may not perish in the flood.

And it came to pass that the brother of Jared did so, according as the Lord had commanded.

And he cried again unto the Lord saying: O Lord, behold I have done even as thou hast commanded me; and I have prepared the vessels for my people, and behold there is no light in them. Behold, O Lord, wilt thou suffer that we shall cross this great water in darkness?

And the Lord said unto the brother of Jared: What will ye that I should do that ye may have light in your vessels? For behold, ye cannot have windows, for they will be dashed in pieces; neither shall ye take fire with you, for ye shall not go by the light of fire.

For behold, ye shall be as a whale in the midst of the sea; for the mountain waves shall dash upon you. Nevertheless, I will bring you up again out of the depths of the sea; for the winds have gone forth out of my mouth, and also the rains and the floods have I sent forth.

And behold, I prepare you against these things; for ye cannot cross this great deep save I prepare you against the waves of the sea, and the winds which have gone forth, and the floods which shall come. Therefore what will ye that I should prepare for you that ye may have light when ye are swallowed up in the depths of the sea?

## Ê The 3

- 1 Và chuyện rằng, anh của Gia Rét (bấy giờ số thuyền đóng xong là tám chiếc) đi lên ngọn núi mà họ gọi là Se Lem, vì nó quá cao. Ông nấu chảy một tảng đá và đúc ra mười sáu viên đá nhỏ. Những viên đá này trắng và trong ngần như thủy tinh. Rồi ông cầm những viên đá ấy đi lên đỉnh núi mà kêu cầu Chúa rằng:
- 2 Thưa Chúa, Ngài bảo rằng chúng con sẽ bị nước biển bao phủ. Giờ đây này, thưa Chúa, xin Ngài chớ tức giận tôi tớ của Ngài vì sự yếu kém của nó trước mặt Ngài; vì chúng con biết Ngài thánh thiện và ngự trên các tầng trời, và chúng con không xứng đáng trước mặt Ngài; vì sự sa ngã nên bản chất của chúng con trở nên luôn luôn xấu xa; tuy nhiên, thưa Chúa, Ngài đã phán truyền chúng con phải kêu cầu đến Ngài để chúng con có thể nhận được từ Ngài những điều theo ý mong muốn của chúng con.
- 3 Nay, thưa Chúa, Ngài đã đánh chúng con vì sự bất chính của chúng con. Ngài đã xua đuổi chúng con đi, và đã bao nhiêu năm nay chúng con ở trong vùng hoang dã; tuy nhiên Ngài đã rủ lòng thương xót chúng con. Thưa Chúa, xin Ngài hướng về con với lòng thương hại, mà xây cơn giận dữ của Ngài khỏi dân này của Ngài, và xin Ngài chớ để họ phải vượt qua vực thẳm của bể sâu cuồng nộ này trong bóng tối; nhưng xin Ngài hãy nhìn xem những vật con đã đúc từ ở tảng đá ra.
- 4 Và hỡi Chúa, con biết Ngài là Đấng toàn năng, và Ngài có thể làm tất cả những gì Ngài muốn vì lợi ích cho loài người; vậy nên, hỡi Chúa, xin Ngài sờ vào những viên đá này với ngón tay của Ngài, và xin Ngài làm cho nó chiếu sáng nơi tối tăm; để nó chiếu ánh sáng trong những chiếc thuyền chúng con đã đóng xong, để chúng con có ánh sáng trong lúc vượt biển.
- 5 Nay, thưa Chúa, Ngài có thể làm được việc này. Chúng con biết Ngài có thể biểu lộ quyền năng lớn lao trong những việc mà đối với sự hiểu biết của loài người cho là nhỏ bé.

## Ether 3

And it came to pass that the brother of Jared, (now the number of the vessels which had been prepared was eight) went forth unto the mount, which they called the mount Shelem, because of its exceeding height, and did molten out of a rock sixteen small stones; and they were white and clear, even as transparent glass; and he did carry them in his hands upon the top of the mount, and cried again unto the Lord, saying:

O Lord, thou hast said that we must be encompassed about by the floods. Now behold, O Lord, and do not be angry with thy servant because of his weakness before thee; for we know that thou art holy and dwellest in the heavens, and that we are unworthy before thee; because of the fall our natures have become evil continually; nevertheless, O Lord, thou hast given us a commandment that we must call upon thee, that from thee we may receive according to our desires.

Behold, O Lord, thou hast smitten us because of our iniquity, and hast driven us forth, and for these many years we have been in the wilderness; nevertheless, thou hast been merciful unto us. O Lord, look upon me in pity, and turn away thine anger from this thy people, and suffer not that they shall go forth across this raging deep in darkness; but behold these things which I have molten out of the rock.

And I know, O Lord, that thou hast all power, and can do whatsoever thou wilt for the benefit of man; therefore touch these stones, O Lord, with thy finger, and prepare them that they may shine forth in darkness; and they shall shine forth unto us in the vessels which we have prepared, that we may have light while we shall cross the sea.

Behold, O Lord, thou canst do this. We know that thou art able to show forth great power, which looks small unto the understanding of men.

- 6 Và chuyện rằng, khi anh của Gia Rết nói xong những lời này, này, Chúa đưa tay ra sờ vào từng viên đá với ngón tay của Ngài. Và rồi tấm màn che mắt anh của Gia Rết được cất bỏ đi khiến ông thấy được ngón tay của Chúa; và ngón tay của Ngài cũng giống như là ngón tay có thịt và máu của một người vậy; và anh của Gia Rết ngã xuống trước mặt Chúa vì ông thất đảm kinh hồn.
- 7 Và Chúa thấy anh của Gia Rết ngã xuống đất; và Chúa phán cùng ông rằng: Hãy trỗi dậy, sao người lại ngã xuống như vậy?
- 8 Và ông thưa với Chúa rằng: Con trông thấy ngón tay của Chúa, và con sợ Ngài sẽ đánh con; vì con không biết rằng Chúa có thịt và máu.
- 9 Và Chúa phán cùng ông rằng: Nhờ đức tin của người nên người đã được thấy rằng ta sẽ khoác lên mình thịt và máu; và loài người chưa có bao giờ đến trước mặt ta với một đức tin lớn lao như người vậy; vì nếu không thì người đã chẳng nhìn thấy được ngón tay của ta. Vậy người còn thấy gì hơn nữa không?
- 10 Ông bèn đáp lời: Thưa không. Xin Chúa hãy cho con được trông thấy Ngài.
- 11 Và Chúa hỏi ông rằng: Người có tin những lời ta sẽ nói ra không?
- 12 Ông bèn đáp: Thưa Chúa, có. Con biết rằng Ngài nói lên sự thật, vì Ngài là một Đấng Thượng Đế của lẽ thật, và không thể nói dối được.
- 13 Và khi ông nói xong những lời này, này, Chúa hiện ra cho ông trông thấy Ngài, rồi Ngài phán rằng: Vì người biết được những việc này, nên người được cứu chuộc khỏi sự sa ngã; do đó người được mang trở lại sự hiện diện của ta; vậy ta hiện ra cho người thấy đây.
- 14 Nay, ta chính là Đấng đã được chuẩn bị từ lúc thế gian mới được tạo dựng để cứu chuộc dân ta. Nay, ta là Giê Su Kỵ Tô. Ta là Đức Chúa Cha và là Đức Chúa Con. Trong ta tất cả loài người sẽ có được sự sống, và đó là sự sống vĩnh cửu, và những ai tin vào danh ta đều sẽ trở thành con trai và con gái của ta.

And it came to pass that when the brother of Jared had said these words, behold, the Lord stretched forth his hand and touched the stones one by one with his finger. And the veil was taken from off the eyes of the brother of Jared, and he saw the finger of the Lord; and it was as the finger of a man, like unto flesh and blood; and the brother of Jared fell down before the Lord, for he was struck with fear.

And the Lord saw that the brother of Jared had fallen to the earth; and the Lord said unto him: Arise, why hast thou fallen?

And he saith unto the Lord: I saw the finger of the Lord, and I feared lest he should smite me; for I knew not that the Lord had flesh and blood.

And the Lord said unto him: Because of thy faith thou hast seen that I shall take upon me flesh and blood; and never has man come before me with such exceeding faith as thou hast; for were it not so ye could not have seen my finger. Sawest thou more than this?

And he answered: Nay; Lord, show thyself unto me.

And the Lord said unto him: Believest thou the words which I shall speak?

And he answered: Yea, Lord, I know that thou speakest the truth, for thou art a God of truth, and canst not lie.

And when he had said these words, behold, the Lord showed himself unto him, and said: Because thou knowest these things ye are redeemed from the fall; therefore ye are brought back into my presence; therefore I show myself unto you.

Behold, I am he who was prepared from the foundation of the world to redeem my people. Behold, I am Jesus Christ. I am the Father and the Son. In me shall all mankind have life, and that eternally, even they who shall believe on my name; and they shall become my sons and my daughters.

15 Và ta chưa bao giờ hiện ra cho loài người mà ta đã sáng tạo ra được trông thấy ta, vì chưa có bao giờ loài người tin ta như người đã tin ta. Người có thấy rằng người đã được tạo sinh theo hình ảnh của ta chăng? Phải, tất cả loài người lúc ban đầu đều được tạo sinh theo hình ảnh của ta.

16 Nay, hình thể này, mà người hiện thấy, là hình thể của linh hồn ta; và ta đã sáng tạo loài người theo hình thể của linh hồn ta; và ta hiện ra cho người thấy ta trong thể linh như thể nào thì ta cũng sẽ xuất hiện cho dân ta trông thấy ta trong thể xác thịt như vậy.

17 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, đã nói là tôi không thể kể lại đầy đủ những điều đã viết, vậy tôi chỉ nói rằng, Chúa Giê Su đã hiện ra cho người này thấy Ngài trong thể linh, và cũng theo một thể thức và một hình thể giống hệt như vậy, Ngài đã hiện ra cho dân Nê Phi thấy.

18 Và Ngài đã phục sự cho người này như Ngài đã phục sự cho dân Nê Phi; và Ngài làm như vậy là để cho người này có thể biết được rằng Ngài là Thượng Đế, vì nhiều công việc vĩ đại mà Chúa đã cho ông thấy.

19 Và nhờ sự hiểu biết ấy nên ông không thể bị ngăn giữ khỏi sự trông thấy được bên trong bức màn; và ông đã thấy ngón tay của Chúa Giê Su, và khi thấy được ngón tay của Ngài, ông đã ngã xuống vì sợ hãi; vì ông biết rằng đó chính là ngón tay của Chúa; và ông không cần phải có đức tin nữa, vì ông đã biết rõ, không còn điều chi ngờ vực.

20 Vậy nên nhờ sự hiểu biết trọn vẹn này về Thượng Đế mà ông không thể bị ngăn giữ bên ngoài bức màn; do đó ông đã được trông thấy Chúa Giê Su; và Ngài đã phục sự cho ông.

21 Và chuyện rằng, Chúa phán cùng anh của Gia Rét rằng: Nay, người không được để cho những điều người nghe thấy loan truyền ra trong thế gian, cho đến lúc mà ta được vinh danh trong xác thịt; vậy nên người phải giữ kín những điều người đã thấy và nghe, và không được cho một ai trông thấy.

And never have I showed myself unto man whom I have created, for never has man believed in me as thou hast. Seest thou that ye are created after mine own image? Yea, even all men were created in the beginning after mine own image.

Behold, this body, which ye now behold, is the body of my spirit; and man have I created after the body of my spirit; and even as I appear unto thee to be in the spirit will I appear unto my people in the flesh.

And now, as I, Moroni, said I could not make a full account of these things which are written, therefore it sufficeth me to say that Jesus showed himself unto this man in the spirit, even after the manner and in the likeness of the same body even as he showed himself unto the Nephites.

And he ministered unto him even as he ministered unto the Nephites; and all this, that this man might know that he was God, because of the many great works which the Lord had showed unto him.

And because of the knowledge of this man he could not be kept from beholding within the veil; and he saw the finger of Jesus, which, when he saw, he fell with fear; for he knew that it was the finger of the Lord; and he had faith no longer, for he knew, nothing doubting.

Wherefore, having this perfect knowledge of God, he could not be kept from within the veil; therefore he saw Jesus; and he did minister unto him.

And it came to pass that the Lord said unto the brother of Jared: Behold, thou shalt not suffer these things which ye have seen and heard to go forth unto the world, until the time cometh that I shall glorify my name in the flesh; wherefore, ye shall treasure up the things which ye have seen and heard, and show it to no man.

22 Và này, khi nào người đến cùng ta, người hãy ghi chép những điều đó và niêm phong lại để không một ai có thể phiên dịch được, vì người sẽ viết những điều đó bằng một ngôn ngữ mà người ta không thể đọc được.

23 Và này, đây là hai viên đá ta trao cho người, và người sẽ niêm phong nó cùng với những điều người sẽ viết ra.

24 Vì này, ngôn ngữ mà người viết ra ta đã làm cho lộn xộn; vậy nên, vào kỳ định của ta, ta sẽ để cho những viên đá này rọi cho mắt loài người thấy rõ những điều người sẽ viết ra.

25 Và khi Chúa phán xong những lời này, Ngài bèn cho anh của Gia Rét thấy tất cả những dân cư trên thế gian này, những người đã sống cũng như những người sẽ sống; và Ngài không còn che mắt ông nữa, nên ông trông thấy cả các nơi tận cùng của trái đất.

26 Vì những lần trước Ngài đã từng phán bảo ông rằng, nếu ông tin nơi Ngài, Ngài có thể cho ông thấy mọi điều—những điều ấy sẽ được cho ông thấy; vậy nên, Chúa không thể che giấu ông điều gì, vì ông biết rằng Chúa có thể cho ông thấy mọi điều.

27 Và Chúa phán cùng ông: Hãy viết những điều này, và niêm phong lại; và ta sẽ cho con cái loài người thấy những điều này vào kỳ định của ta.

28 Và chuyện rằng, Chúa truyền lệnh cho ông phải niêm phong hai viên đá mà ông đã nhận được, và không được để lộ ra cho đến khi nào Chúa cho con cái loài người trông thấy.

And behold, when ye shall come unto me, ye shall write them and shall seal them up, that no one can interpret them; for ye shall write them in a language that they cannot be read.

And behold, these two stones will I give unto thee, and ye shall seal them up also with the things which ye shall write.

For behold, the language which ye shall write I have confounded; wherefore I will cause in my own due time that these stones shall magnify to the eyes of men these things which ye shall write.

And when the Lord had said these words, he showed unto the brother of Jared all the inhabitants of the earth which had been, and also all that would be; and he withheld them not from his sight, even unto the ends of the earth.

For he had said unto him in times before, that if he would believe in him that he could show unto him all things—it should be shown unto him; therefore the Lord could not withhold anything from him, for he knew that the Lord could show him all things.

And the Lord said unto him: Write these things and seal them up; and I will show them in mine own due time unto the children of men.

And it came to pass that the Lord commanded him that he should seal up the two stones which he had received, and show them not, until the Lord should show them unto the children of men.

## Ê The 4

- 1 Và Chúa truyền lệnh cho anh của Gia Rét xuống khỏi núi, ra khỏi nơi hiện diện của Chúa, và viết lại những điều ông đã thấy; và những điều ấy bị cấm không được cho con cái loài người biết cho đến sau khi Ngài bị treo trên thập tự giá; vì lý do đó nên vua Mô Si A đã giữ những điều này, để nó không đến với thế gian cho đến sau khi Đấng Kỳ Tô xuất hiện cùng dân Ngài.
- 2 Và sau khi Đấng Kỳ Tô đã thực sự xuất hiện cùng dân Ngài, Ngài đã truyền lệnh cho tiết lộ những điều ấy.
- 3 Và giờ đây, sau khi tất cả mọi người đều sa vào vòng vô tín ngưỡng, và chẳng còn ai ngoài dân La Man, và dân này đã chối bỏ phúc âm của Đấng Kỳ Tô, nên tôi được lệnh phải đem chôn giấu những vật ấy xuống đất lại.
- 4 Nay, tôi đã ghi chép lên các bảng khắc này những điều mà chính anh của Gia Rét đã trông thấy; và chưa bao giờ có điều nào vĩ đại hơn điều đã được biểu lộ cho anh của Gia Rét.
- 5 Vậy nên, Chúa truyền lệnh cho tôi phải viết những điều ấy ra; và tôi đã viết. Và Ngài còn truyền lệnh cho tôi phải niêm phong những điều đó lại cùng với những dụng cụ phiên dịch; vậy nên tôi đã niêm phong kín những dụng cụ phiên dịch đúng theo lệnh truyền của Ngài.
- 6 Vì Chúa có phán cùng tôi rằng: Những vật này sẽ không đến tay Dân Ngoại cho đến ngày mà chúng hối cải sự bất chính của chúng và trở nên thanh sạch trước mặt Chúa.
- 7 Và đến ngày mà chúng biết thực hành đức tin nơi ta, lời Chúa phán, như anh của Gia Rét đã làm, để chúng được thánh hóa nơi ta, thì lúc đó ta sẽ biểu lộ cho chúng thấy những điều mà anh của Gia Rét đã thấy, và sẽ tiết lộ cho chúng thấy tất cả những điều mặc khải của ta, lời Chúa Giê Su Kỳ Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế, Cha của các tầng trời và của thế gian cùng tất cả những gì trong đó, phán như vậy.

## Ether 4

And the Lord commanded the brother of Jared to go down out of the mount from the presence of the Lord, and write the things which he had seen; and they were forbidden to come unto the children of men until after that he should be lifted up upon the cross; and for this cause did king Mosiah keep them, that they should not come unto the world until after Christ should show himself unto his people.

And after Christ truly had showed himself unto his people he commanded that they should be made manifest.

And now, after that, they have all dwindled in unbelief; and there is none save it be the Lamanites, and they have rejected the gospel of Christ; therefore I am commanded that I should hide them up again in the earth.

Behold, I have written upon these plates the very things which the brother of Jared saw; and there never were greater things made manifest than those which were made manifest unto the brother of Jared.

Wherefore the Lord hath commanded me to write them; and I have written them. And he commanded me that I should seal them up; and he also hath commanded that I should seal up the interpretation thereof; wherefore I have sealed up the interpreters, according to the commandment of the Lord.

For the Lord said unto me: They shall not go forth unto the Gentiles until the day that they shall repent of their iniquity, and become clean before the Lord.

And in that day that they shall exercise faith in me, saith the Lord, even as the brother of Jared did, that they may become sanctified in me, then will I manifest unto them the things which the brother of Jared saw, even to the unfolding unto them all my revelations, saith Jesus Christ, the Son of God, the Father of the heavens and of the earth, and all things that in them are.

- 8 Và kẻ nào chống lại lời của Chúa, thì sẽ phải bị rửa sả; và kẻ nào chối bỏ những điều này thì cũng sẽ bị rửa sả; vì ta sẽ không cho chúng thấy những điều vĩ đại hơn, lời Chúa Giê Su Kỵ Tô phán vậy; vì chính ta là Đấng phán truyền.
- 9 Và theo lệnh truyền của ta, các tầng trời sẽ mở ra và đóng lại; và theo lời nói của ta, trái đất sẽ rung chuyển; và theo lệnh truyền của ta, dân cư sống trong đó sẽ chết đi chẳng khác chi bị lửa thiêu đốt.
- 10 Và kẻ nào không tin những lời của ta thì chẳng tin các môn đồ của ta; và nếu ta không nói thì các người hãy tự xét lấy, vì đến ngày sau cùng các người sẽ biết rằng chính ta là Đấng phán truyền.
- 11 Nhưng kẻ nào tin những điều ta nói, thì ta sẽ viếng thăm người ấy bằng những sự biểu hiện của Thánh Linh của ta, và người ấy sẽ biết và làm chứng. Vì nhờ Thánh Linh của ta mà người ấy sẽ biết rằng những điều này là chân thật; vì nó thuyết phục loài người làm điều thiện.
- 12 Và bất cứ điều gì thuyết phục loài người làm điều thiện cũng đều do ta mà ra cả. Vì điều thiện không do từ ai khác ngoài ta. Ta chính là Đấng dẫn dắt loài người tới mọi điều tốt lành; kẻ nào không tin những lời nói của ta sẽ không tin ta—rằng ta có thật; và kẻ nào không tin ta thì sẽ không tin Đức Chúa Cha là Đấng đã sai ta xuống. Vì này, ta là Đức Chúa Cha, ta là sự sáng, là sự sống và lẽ thật của thế gian.
- 13 Hãy đến cùng ta, hỡi Dân Ngoại, rồi ta sẽ bày tỏ cho các người thấy những điều vĩ đại hơn, tức là sự hiểu biết đang bị cất giấu vì lòng vô tín ngưỡng.
- 14 Hãy đến cùng ta, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên, rồi các người sẽ được biểu hiện về những điều vĩ đại mà Đức Chúa Cha đã tích lũy cho các người từ lúc thế gian mới được tạo dựng; và những điều ấy chưa đến với các người vì lòng vô tín ngưỡng.

And he that will contend against the word of the Lord, let him be accursed; and he that shall deny these things, let him be accursed; for unto them will I show no greater things, saith Jesus Christ; for I am he who speaketh.

And at my command the heavens are opened and are shut; and at my word the earth shall shake; and at my command the inhabitants thereof shall pass away, even so as by fire.

And he that believeth not my words believeth not my disciples; and if it so be that I do not speak, judge ye; for ye shall know that it is I that speaketh, at the last day.

But he that believeth these things which I have spoken, him will I visit with the manifestations of my Spirit, and he shall know and bear record. For because of my Spirit he shall know that these things are true; for it persuadeth men to do good.

And whatsoever thing persuadeth men to do good is of me; for good cometh of none save it be of me. I am the same that leadeth men to all good; he that will not believe my words will not believe me—that I am; and he that will not believe me will not believe the Father who sent me. For behold, I am the Father, I am the light, and the life, and the truth of the world.

Come unto me, O ye Gentiles, and I will show unto you the greater things, the knowledge which is hid up because of unbelief.

Come unto me, O ye house of Israel, and it shall be made manifest unto you how great things the Father hath laid up for you, from the foundation of the world; and it hath not come unto you, because of unbelief.



15      Này, khi nào các người xé rách được tấm màn vô tín ngưỡng mà khiến các người phải ở trong trạng thái khủng khiếp của sự tà ác, của sự chai đá trong lòng, và sự mù quáng của lý trí, thì lúc đó các người sẽ được thấy những điều vĩ đại và kỳ diệu, là những điều đã bị che giấu khỏi các người từ lúc thế gian mới được tạo dựng—phải, khi nào các người biết kêu cầu Đức Chúa Cha trong danh ta với một tấm lòng đau khổ và một tâm hồn thống hối, thì lúc đó các người sẽ biết được rằng, Đức Chúa Cha vẫn còn nhớ tới giao ước mà Ngài đã lập với tổ phụ các người, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.

16      Rồi lúc đó, những điều mặc khải của ta mà ta đã cho tôi tớ của ta là Giăng ghi chép lại sẽ được phơi bày ra trước mắt mọi người. Hãy ghi nhớ rằng, khi nào các người thấy những điều này, thì các người sẽ biết rằng đã gần đến lúc những điều này sẽ được biểu hiện qua mọi hành vi.

17      Vậy thì, khi nào các người nhận được biên sử này, các người có thể biết được rằng công việc của Đức Chúa Cha đã khởi sự trên khắp mặt đất của xứ này.

18      Vậy thì, hãy hối cải, hỡi các người ở các nơi tận cùng của trái đất, hãy đến cùng ta, hãy tin vào phúc âm của ta, và hãy chịu phép báp têm trong danh ta; vì kẻ nào tin và chịu phép báp têm thì sẽ được cứu; còn kẻ nào không tin thì sẽ bị đoán phạt; và các điềm triệu sẽ đi theo những ai tin nơi danh ta.

19      Và phước cho kẻ nào được xét thấy trung thành với danh ta vào ngày sau cùng, vì kẻ đó sẽ được nâng cao sống trong vương quốc đã được sắm sẵn cho kẻ đó từ lúc thế gian mới được tạo dựng. Và này, chính ta đã nói vậy. A Men.

Behold, when ye shall rend that veil of unbelief which doth cause you to remain in your awful state of wickedness, and hardness of heart, and blindness of mind, then shall the great and marvelous things which have been hid up from the foundation of the world from you—yea, when ye shall call upon the Father in my name, with a broken heart and a contrite spirit, then shall ye know that the Father hath remembered the covenant which he made unto your fathers, O house of Israel.

And then shall my revelations which I have caused to be written by my servant John be unfolded in the eyes of all the people. Remember, when ye see these things, ye shall know that the time is at hand that they shall be made manifest in very deed.

Therefore, when ye shall receive this record ye may know that the work of the Father has commenced upon all the face of the land.

Therefore, repent all ye ends of the earth, and come unto me, and believe in my gospel, and be baptized in my name; for he that believeth and is baptized shall be saved; but he that believeth not shall be damned; and signs shall follow them that believe in my name.

And blessed is he that is found faithful unto my name at the last day, for he shall be lifted up to dwell in the kingdom prepared for him from the foundation of the world. And behold it is I that hath spoken it. Amen.

## Ê The 5

- 1 Và giờ đây, ta, Mô Rô Ni, đã viết ra những điều ta được truyền lệnh phải viết theo trí nhớ của ta; và ta đã cho người biết về những vật ta đã niêm phong; vậy nên người chớ động đến những vật đó với ý định tìm cách phiên dịch; vì điều đó bị cấm, trừ ra khi nào nó được Thượng Đế cho phép theo sự thông sáng của Ngài.
- 2 Và này, người sẽ có được đặc ân là người có thể cho những ai sẽ giúp phổ biến tác phẩm này trông thấy các bản khắc;
- 3 Và do quyền năng của Thượng Đế, các bản khắc sẽ được cho ba người trông thấy; vậy nên, họ sẽ biết chắc chắn rằng những điều này là có thật.
- 4 Và những điều này sẽ được xác định qua miệng của ba nhân chứng; và chứng ngôn của ba người cùng với tác phẩm này, mà trong đó sẽ biểu lộ quyền năng của Thượng Đế cùng với lời của Ngài, là lời mà Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh làm chứng—và tất cả những điều này sẽ làm chứng chống lại thế gian vào ngày sau cùng.
- 5 Và nếu họ hối cải mà đến với Đức Chúa Cha trong danh Chúa Giê Su thì họ sẽ được thu nhận vào vương quốc của Thượng Đế.
- 6 Và giờ đây, nếu các người cho rằng tôi không có thẩm quyền gì đối với những điều này, thì tùy ý các người cứ tự xét lấy; vì rồi đây các người sẽ biết là tôi có đủ thẩm quyền, khi các người gặp tôi, và chúng ta sẽ đứng trước mặt Thượng Đế vào ngày sau cùng.  
A Men.

## Ether 5

And now I, Moroni, have written the words which were commanded me, according to my memory; and I have told you the things which I have sealed up; therefore touch them not in order that ye may translate; for that thing is forbidden you, except by and by it shall be wisdom in God.

And behold, ye may be privileged that ye may show the plates unto those who shall assist to bring forth this work;

And unto three shall they be shown by the power of God; wherefore they shall know of a surety that these things are true.

And in the mouth of three witnesses shall these things be established; and the testimony of three, and this work, in the which shall be shown forth the power of God and also his word, of which the Father, and the Son, and the Holy Ghost bear record—and all this shall stand as a testimony against the world at the last day.

And if it so be that they repent and come unto the Father in the name of Jesus, they shall be received into the kingdom of God.

And now, if I have no authority for these things, judge ye; for ye shall know that I have authority when ye shall see me, and we shall stand before God at the last day. Amen.

## Ê The 6

- 1 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, tiếp tục ghi chép về Gia Rết và anh của ông.
- 2 Vì chuyện rằng, sau khi Chúa sửa soạn xong những viên đá do anh của Gia Rết đem lên núi, anh của Gia Rết đã xuống núi và đem những viên đá ấy để trong các chiếc thuyền đóng xong. Mỗi mũi thuyền một viên đá. Và này, các viên đá ấy chiếu sáng trong thuyền.
- 3 Và như vậy là Chúa đã khiến cho những viên đá ấy chiếu lên trong bóng tối để đem ánh sáng lại cho đàn ông, đàn bà và trẻ con, ngõ hầu họ khỏi phải vượt qua biển cả trong bóng tối.
- 4 Và chuyện rằng, sau khi họ sửa soạn xong tất cả các loại thực phẩm để có thể sống được trên mặt biển, và luôn cả thực phẩm cho các đàn gia súc và các bầy thú của họ và bất cứ loại súc vật hay chim muông nào mà họ có thể mang theo được—và chuyện rằng, sau khi đã làm xong các việc này, họ bèn lên thuyền hay tàu rồi tiến ra khơi, và phó mặc mạng sống mình cho Chúa, Thượng Đế của họ.
- 5 Và chuyện rằng, Đức Chúa Trời khiến cho một trận cuồng phong nổi lên trên mặt biển, và thổi về hướng đất hứa; và như vậy là họ bị sóng vỗ và gió đưa đi.
- 6 Và chuyện rằng, có nhiều lần họ bị chìm sâu dưới lòng biển vì những đợt sóng cao như núi chập lên thuyền họ, và cả các trận bão tố khủng khiếp do các cuồng phong gây nên.
- 7 Và chuyện rằng, những khi họ bị chìm sâu xuống lòng biển, thì nước biển chẳng làm hại họ được, vì thuyền của họ đóng kín mít như một cái đĩa, và nó kín mít chẳng khác chi chiếc tàu của Nô Ê ngày xưa; vậy nên, mỗi khi họ bị nước bao phủ thì họ lại khấn cầu Chúa, và Ngài lại đem họ lên mặt nước trở lại.
- 8 Và chuyện rằng, khi họ lênh đênh trên mặt biển thì gió không ngớt thổi họ hướng về đất hứa; và cứ thế họ được gió thổi đưa đi.

## Ether 6

And now I, Moroni, proceed to give the record of Jared and his brother.

For it came to pass after the Lord had prepared the stones which the brother of Jared had carried up into the mount, the brother of Jared came down out of the mount, and he did put forth the stones into the vessels which were prepared, one in each end thereof; and behold, they did give light unto the vessels.

And thus the Lord caused stones to shine in darkness, to give light unto men, women, and children, that they might not cross the great waters in darkness.

And it came to pass that when they had prepared all manner of food, that thereby they might subsist upon the water, and also food for their flocks and herds, and whatsoever beast or animal or fowl that they should carry with them—and it came to pass that when they had done all these things they got aboard of their vessels or barges, and set forth into the sea, commending themselves unto the Lord their God.

And it came to pass that the Lord God caused that there should be a furious wind blow upon the face of the waters, towards the promised land; and thus they were tossed upon the waves of the sea before the wind.

And it came to pass that they were many times buried in the depths of the sea, because of the mountain waves which broke upon them, and also the great and terrible tempests which were caused by the fierceness of the wind.

And it came to pass that when they were buried in the deep there was no water that could hurt them, their vessels being tight like unto a dish, and also they were tight like unto the ark of Noah; therefore when they were encompassed about by many waters they did cry unto the Lord, and he did bring them forth again upon the top of the waters.

And it came to pass that the wind did never cease to blow towards the promised land while they were upon the waters; and thus they were driven forth before the wind.

- 9 Và họ đã hát lên những lời ca ngợi Chúa; phải, anh của Gia Rét hát lên những lời ca ngợi Chúa. Ông tạ ơn và ca ngợi Chúa suốt ngày; và khi đêm xuống, họ cũng không ngừng ca ngợi Chúa.
- 10 Và cứ thế họ trôi giạt đi; và không một con thủy quái nào làm vỡ thuyền họ được, ngay cả cá voi cũng không làm hại họ được; và họ luôn luôn có ánh sáng, dù khi thuyền ở trên mặt nước hay ở dưới mặt nước.
- 11 Và cứ thế họ trôi giạt đi ròng rã ba trăm bốn mươi bốn ngày trên mặt biển.
- 12 Và họ đến được bờ biển đất hứa. Và khi vừa đặt chân lên bờ biển đất hứa, họ liền cúi rạp sát mặt đất, và biết hạ mình trước mặt Chúa, và rơi lụy vì sung sướng trước mặt Chúa, vì Ngài đã ban cho họ biết bao lòng thương xót dịu dàng của Ngài.
- 13 Và chuyện rằng, họ tiến lên mặt đất và bắt đầu canh tác đất đai.
- 14 Và Gia Rét có bốn người con trai; tên là Gia Côm, Ghi Ga, Ma Ha, và Ô Ri Ha.
- 15 Và anh của Gia Rét cũng sinh nhiều con trai và con gái.
- 16 Và các bạn bè của Gia Rét và của anh ông, lối chừng hai mươi hai người, cũng sinh nhiều con trai và con gái trước khi họ đến đất hứa. Vậy nên họ đã bắt đầu trở nên đông đảo.
- 17 Và họ được dạy dỗ để bước đi một cách khiêm nhường trước mặt Chúa; và họ cũng được những lời giáo huấn từ trên cao.
- 18 Và chuyện rằng, họ bắt đầu lan tràn khắp xứ, sinh sôi nảy nở và cày cấy đất đai; họ trở nên hùng mạnh trong xứ.
- 19 Và anh của Gia Rét trở nên già cả. Ông thấy chẳng còn bao lâu nữa mình sẽ qua đời; vậy nên ông bảo Gia Rét rằng: Chúng ta hãy tập họp dân mình lại để đếm xem họ được bao nhiêu người, ngõ hầu chúng ta có thể biết được dân chúng muốn chúng ta làm gì trước khi chúng ta qua đời.

And they did sing praises unto the Lord; yea, the brother of Jared did sing praises unto the Lord, and he did thank and praise the Lord all the day long; and when the night came, they did not cease to praise the Lord.

And thus they were driven forth; and no monster of the sea could break them, neither whale that could mar them; and they did have light continually, whether it was above the water or under the water.

And thus they were driven forth, three hundred and forty and four days upon the water.

And they did land upon the shore of the promised land. And when they had set their feet upon the shores of the promised land they bowed themselves down upon the face of the land, and did humble themselves before the Lord, and did shed tears of joy before the Lord, because of the multitude of his tender mercies over them.

And it came to pass that they went forth upon the face of the land, and began to till the earth.

And Jared had four sons; and they were called Jacom, and Gilgah, and Mahah, and Orihah.

And the brother of Jared also begat sons and daughters.

And the friends of Jared and his brother were in number about twenty and two souls; and they also begat sons and daughters before they came to the promised land; and therefore they began to be many.

And they were taught to walk humbly before the Lord; and they were also taught from on high.

And it came to pass that they began to spread upon the face of the land, and to multiply and to till the earth; and they did wax strong in the land.

And the brother of Jared began to be old, and saw that he must soon go down to the grave; wherefore he said unto Jared: Let us gather together our people that we may number them, that we may know of them what they will desire of us before we go down to our graves.

20 Và do đó dân chúng đã được tập hợp lại. Giờ đây số con trai và con gái của anh của Gia Rét là hai mươi hai người; còn số con trai và con gái của Gia Rét thì mười hai người, và ông có bốn trai.

21 Và chuyện rằng, họ đếm dân số của họ; và sau khi đếm xong, họ bèn hỏi ý kiến dân muốn họ làm gì trước khi họ qua đời.

22 Và chuyện rằng, dân chúng muốn hai ông xức dầu thánh cho một trong những người con trai của hai ông để làm vua cai trị họ.

23 Và giờ đây này, việc này đã làm cho hai ông hết sức buồn rầu. Và anh của Gia Rét bảo họ rằng: Điều này chắc chắn sẽ dẫn đến cảnh tù đày.

24 Nhưng Gia Rét nói với anh ông rằng: Hãy để cho họ có một vị vua. Vậy nên ông bảo họ rằng: Các người hãy chọn lựa trong số các con trai của hai ta một người để làm vua, bất cứ người nào các người muốn.

25 Và chuyện rằng, họ chọn người con trai đầu lòng của anh của Gia Rét; và người này tên là Pha Ga. Nhưng chuyện rằng, người này từ chối không chịu lên làm vua. Và dân chúng muốn cha của anh ta phải ép buộc anh ta, nhưng cha anh ta không chịu làm vậy; ông còn ra lệnh cho họ không được ép buộc một người nào lên làm vua.

26 Và chuyện rằng, họ chọn tất cả những người em trai của Pha Ga, nhưng họ đều từ chối cả.

27 Và chuyện rằng, tất cả các con trai của Gia Rét cũng từ chối; ngoại trừ có một người tên là Ô Ri Ha là chịu xức dầu để lên làm vua cai trị dân chúng.

28 Và ông ta bắt đầu trị vì. Dân chúng cũng bắt đầu thịnh vượng; họ trở nên hết sức giàu có.

29 Và chuyện rằng, Gia Rét qua đời, và luôn cả anh của ông cũng vậy.

30 Và chuyện rằng, Ô Ri Ha đã bước đi một cách khiêm nhường trước mặt Chúa, và ghi nhớ những việc vĩ đại biết bao mà Chúa đã làm cho cha của ông, và ông cũng dạy dân chúng biết những việc vĩ đại biết bao mà Chúa đã làm cho tổ phụ họ.

And accordingly the people were gathered together. Now the number of the sons and the daughters of the brother of Jared were twenty and two souls; and the number of sons and daughters of Jared were twelve, he having four sons.

And it came to pass that they did number their people; and after that they had numbered them, they did desire of them the things which they would that they should do before they went down to their graves.

And it came to pass that the people desired of them that they should anoint one of their sons to be a king over them.

And now behold, this was grievous unto them. And the brother of Jared said unto them: Surely this thing leadeth into captivity.

But Jared said unto his brother: Suffer them that they may have a king. And therefore he said unto them: Choose ye out from among our sons a king, even whom ye will.

And it came to pass that they chose even the first-born of the brother of Jared; and his name was Pagag. And it came to pass that he refused and would not be their king. And the people would that his father should constrain him, but his father would not; and he commanded them that they should constrain no man to be their king.

And it came to pass that they chose all the brothers of Pagag, and they would not.

And it came to pass that neither would the sons of Jared, even all save it were one; and Orihah was anointed to be king over the people.

And he began to reign, and the people began to prosper; and they became exceedingly rich.

And it came to pass that Jared died, and his brother also.

And it came to pass that Orihah did walk humbly before the Lord, and did remember how great things the Lord had done for his father, and also taught his people how great things the Lord had done for their fathers.

## Ê The 7

- 1 Và chuyện rằng, Ô Ri Ha đã thực thi sự xét xử theo lẽ ngay chính khắp xứ suốt đời ông; và cuộc sống của ông thật là lâu dài.
- 2 Và ông sinh được nhiều con trai và con gái; phải, ông sinh được ba mươi một người con, trong số ấy có hai mươi ba người con trai.
- 3 Và chuyện rằng, khi về già, ông còn sinh thêm một người tên là Kíp. Và chuyện rằng, Kíp lên nối ngôi ông; và Kíp sinh ra Cô Ri Ho.
- 4 Và khi Cô Ri Ho được ba mươi hai tuổi, thì hắn nổi loạn chống lại cha mình, và đến cư ngụ tại xứ Nê Hô. Hắn cũng sinh nhiều con trai và con gái, và họ trở nên rất xinh đẹp; vì vậy, Cô Ri Ho đã lôi cuốn được nhiều người theo về với hắn.
- 5 Và khi hắn quy tụ được một đạo quân, hắn bèn đến xứ Mô Rôn, nơi vua ở, và bắt vua cầm tù; điều này đã làm cho lời của anh của Gia Rét ứng nghiệm khi ông bảo rằng họ sẽ bị đưa đến cảnh tù đầy.
- 6 Bây giờ xứ Mô Rôn nơi vua trú ở cạnh xứ mà dân Nê Phi gọi là Hoang Vu.
- 7 Và chuyện rằng, Kíp sống trong cảnh tù đầy, và dân ông phải chịu sự cai trị của con trai ông là Cô Ri Ho cho đến khi ông trở nên quá già cả; tuy nhiên trong lúc bị tù đầy, Kíp, trong tuổi già nua, đã sinh ra Su Lê.
- 8 Và chuyện rằng, Su Lê rất đỗi tức giận anh mình. Rồi Su Lê trở nên một người khỏe mạnh theo sức lực loài người; và ông cũng rất có tài trong việc xét đoán.
- 9 Vậy nên ông đi đến ngọn đồi tên là Ép Ra Im, lấy thép trong ngọn đồi ấy, nấu chảy ra và làm thành những thanh gươm cho những người đi theo mình; và sau khi đã trang bị gươm giáo cho những người ấy, ông bèn trở về thành phố Nê Hô và gây chiến với anh mình là Cô Ri Ho, và nhờ đó mà ông chiếm lại được vương quốc và hoàn trả lại cho cha mình là Kíp.

## Ether 7

And it came to pass that Orihah did execute judgment upon the land in righteousness all his days, whose days were exceedingly many.

And he begat sons and daughters; yea, he begat thirty and one, among whom were twenty and three sons.

And it came to pass that he also begat Kib in his old age. And it came to pass that Kib reigned in his stead; and Kib begat Corihor.

And when Corihor was thirty and two years old he rebelled against his father, and went over and dwelt in the land of Nehor; and he begat sons and daughters, and they became exceedingly fair; wherefore Corihor drew away many people after him.

And when he had gathered together an army he came up unto the land of Moron where the king dwelt, and took him captive, which brought to pass the saying of the brother of Jared that they would be brought into captivity.

Now the land of Moron, where the king dwelt, was near the land which is called Desolation by the Nephites.

And it came to pass that Kib dwelt in captivity, and his people under Corihor his son, until he became exceedingly old; nevertheless Kib begat Shule in his old age, while he was yet in captivity.

And it came to pass that Shule was angry with his brother; and Shule waxed strong, and became mighty as to the strength of a man; and he was also mighty in judgment.

Wherefore, he came to the hill Ephraim, and he did molten out of the hill, and made swords out of steel for those whom he had drawn away with him; and after he had armed them with swords he returned to the city Nehor, and gave battle unto his brother Corihor, by which means he obtained the kingdom and restored it unto his father Kib.

10 Và cũng vì điều Su Lê đã làm nên cha ông giao vương quốc cho ông; vậy nên, ông bắt đầu trị vì thay thế cha mình.

11 Và chuyện rằng, ông quả thật đã thực thi sự xét xử theo lẽ ngay chính, và bành trướng vương quốc mình khắp nơi trong xứ vì dân chúng trở nên rất đông đúc.

12 Và chuyện rằng, Su Lê cũng sinh ra được nhiều con trai và con gái.

13 Và Cô Ri Ho hối hận về những điều xấu xa mình đã làm; vậy nên, Su Lê ban cho hắn nhiều quyền hành trong vương quốc của ông.

14 Và chuyện rằng, Cô Ri Ho có nhiều con trai và con gái. Trong số những người con trai của hắn có một người tên là Nô Ê.

15 Và chuyện rằng, Nô Ê nổi lên chống lại vua Su Lê; và chống luôn cả cha mình là Cô Ri Ho, và còn lôi cuốn theo em mình là Cô Ho và tất cả những người anh em khác cùng nhiều dân chúng.

16 Và hắn gây chiến với vua Su Lê. Và trong trận chiến này hắn chiếm được vùng đất thừa hưởng đầu tiên. Và hắn trở thành vua cai trị phần đất ấy.

17 Và chuyện rằng, hắn lại gây chiến với vua Su Lê một lần nữa; và hắn bắt vua Su Lê đem đi tù đầy tại Mô Rôn.

18 Và chuyện rằng, khi hắn sắp sửa giết vua thì các con trai của Su Lê lẻn vào nhà Nô Ê lúc ban đêm và giết chết hắn, rồi phá cửa ngục cứu cha họ thoát ra ngoài, và đem vua trở về ngai vàng trong vương quốc của vua.

19 Vậy nên, con trai của Nô Ê đã xây dựng vương quốc thay thế cha mình; tuy nhiên, họ không có quyền hành gì đối với vua Su Lê nữa, và dân chúng dưới quyền trị vì của vua Su Lê đã trở nên hết sức thịnh vượng và hùng mạnh.

20 Và xứ sở bị chia ra làm hai, và trở thành hai vương quốc, vương quốc của Su Lê, và vương quốc của Cô Ho, con trai của Nô Ê.

21 Và rồi Cô Ho, con trai của Nô Ê, khiến dân chúng phải gây chiến với Su Lê, và trong trận này, Su Lê đánh bại họ và giết chết Cô Ho.

And now because of the thing which Shule had done, his father bestowed upon him the kingdom; therefore he began to reign in the stead of his father.

And it came to pass that he did execute judgment in righteousness; and he did spread his kingdom upon all the face of the land, for the people had become exceedingly numerous.

And it came to pass that Shule also begat many sons and daughters.

And Corihor repented of the many evils which he had done; wherefore Shule gave him power in his kingdom.

And it came to pass that Corihor had many sons and daughters. And among the sons of Corihor there was one whose name was Noah.

And it came to pass that Noah rebelled against Shule, the king, and also his father Corihor, and drew away Cohor his brother, and also all his brethren and many of the people.

And he gave battle unto Shule, the king, in which he did obtain the land of their first inheritance; and he became a king over that part of the land.

And it came to pass that he gave battle again unto Shule, the king; and he took Shule, the king, and carried him away captive into Moron.

And it came to pass as he was about to put him to death, the sons of Shule crept into the house of Noah by night and slew him, and broke down the door of the prison and brought out their father, and placed him upon his throne in his own kingdom.

Wherefore, the son of Noah did build up his kingdom in his stead; nevertheless they did not gain power any more over Shule the king, and the people who were under the reign of Shule the king did prosper exceedingly and wax great.

And the country was divided; and there were two kingdoms, the kingdom of Shule, and the kingdom of Cohor, the son of Noah.

And Cohor, the son of Noah, caused that his people should give battle unto Shule, in which Shule did beat them and did slay Cohor.

- 22 Và bây giờ Cô Ho có người con trai tên là Nim Rốt; và Nim Rốt chịu nhường vương quốc của Cô Ho cho Su Lê, và ông này được Su Lê ưu đãi, ban cho nhiều ơn huệ lớn lao; và ông ta có quyền làm theo ý thích của mình trong vương quốc của Su Lê.
- 23 Và dưới triều đại của Su Lê có nhiều vị tiên tri đến với dân chúng, những vị này được Chúa sai tới để tiên tri rằng, sự tà ác và sự thờ phượng hình tượng của dân chúng sẽ đem lại sự rửa sạch cho xứ sở, và họ sẽ phải bị hủy diệt nếu họ không hối cải.
- 24 Và chuyện rằng, dân chúng thóa mạ các vị tiên tri và nhạo báng họ. Và chuyện rằng vua Su Lê đã xử phạt tất cả những kẻ thóa mạ các vị tiên tri.
- 25 Và vua ban hành một đạo luật khắp trong xứ, cho phép các vị tiên tri có quyền đi khắp nơi tùy ý họ muốn; và nhờ đó mà dân chúng đã được dẫn dắt tới sự hối cải.
- 26 Và cũng vì dân chúng hối cải những điều bất chính cùng những sự thờ phượng hình tượng của mình, nên Chúa đã dung tha cho họ, và họ lại bắt đầu được thịnh vượng trong xứ. Và chuyện rằng, Su Lê lúc về già đã sinh được nhiều con trai và con gái.
- 27 Và không có chiến tranh nào xảy ra trong thời của Su Lê nữa; và ông ghi nhớ những điều vĩ đại Chúa đã làm cho tổ phụ ông, khi Ngài đem họ vượt qua vực sâu để đến được đất hứa; vậy nên, ông đã thực thi sự xét xử theo lẽ ngay chính suốt đời ông.

And now Cohor had a son who was called Nimrod; and Nimrod gave up the kingdom of Cohor unto Shule, and he did gain favor in the eyes of Shule; wherefore Shule did bestow great favors upon him, and he did do in the kingdom of Shule according to his desires.

And also in the reign of Shule there came prophets among the people, who were sent from the Lord, prophesying that the wickedness and idolatry of the people was bringing a curse upon the land, and they should be destroyed if they did not repent.

And it came to pass that the people did revile against the prophets, and did mock them. And it came to pass that king Shule did execute judgment against all those who did revile against the prophets.

And he did execute a law throughout all the land, which gave power unto the prophets that they should go whithersoever they would; and by this cause the people were brought unto repentance.

And because the people did repent of their iniquities and idolatries the Lord did spare them, and they began to prosper again in the land. And it came to pass that Shule begat sons and daughters in his old age.

And there were no more wars in the days of Shule; and he remembered the great things that the Lord had done for his fathers in bringing them across the great deep into the promised land; wherefore he did execute judgment in righteousness all his days.



## Ê The 8

- 1 Và chuyện rằng, ông sinh ra Ô Me, và Ô Me lên trị vì thay thế ông. Rồi Ô Me sinh ra Gia Rét; và Gia Rét sinh ra nhiều con trai và con gái.
- 2 Và Gia Rét nổi lên chống lại cha mình, và đến cư ngụ trong xứ Héch. Và chuyện rằng, hấn dùng những lời xảo quyệt để phỉnh gạt nhiều người, đến nỗi hấn chiếm được phân nửa vương quốc.
- 3 Và khi hấn chiếm được phân nửa vương quốc xong, hấn đến gây chiến với cha mình, bắt cha mình cầm tù, và khiến cho cha mình phải sống trong cảnh tù đầy;
- 4 Và bây giờ, dưới triều đại của Ô Me, ông phải bị sống trong cảnh tù đầy hết nửa cuộc đời mình. Và chuyện rằng ông sinh được nhiều con trai và con gái, trong số đó có Êt Rôm và Cô Ri An Tum Rơ;
- 5 Và họ rất đỗi tức giận về hành động của Gia Rét là anh của họ, nên họ thành lập một đạo quân và gây chiến với Gia Rét. Và chuyện rằng, họ đã gây chiến với hấn vào lúc ban đêm.
- 6 Và chuyện rằng, sau khi họ giết chết quân lính của Gia Rét, họ cũng sắp sửa giết Gia Rét; thì hấn van xin họ đừng giết hấn và hấn bằng lòng dâng vương quốc lại cho cha mình. Và chuyện rằng họ tha mạng sống cho hấn.
- 7 Và giờ đây, Gia Rét rất đỗi đau buồn vì mất vương quốc, vì hấn đã để hết lòng mình vào vương quốc và vinh quang của thế gian.
- 8 Lúc bấy giờ, vì con gái của Gia Rét là một người hết sức lão luyện và vì thấy cha mình đau buồn, nên nàng bèn nghĩ ra một mưu kế để lấy lại vương quốc cho cha mình.
- 9 Lúc bấy giờ con gái của Gia Rét hết sức xinh đẹp. Và chuyện rằng, nàng nói chuyện với cha và bảo rằng: Sao cha lại quá ưu phiền như vậy? Cha không đọc biên sử mà tổ phụ chúng ta đã đem theo khi vượt vực sâu hay sao? Nay, chẳng phải trong ấy có kể một câu chuyện về những người xưa đã chiếm được vương quốc và vinh quang lớn lao nhờ những âm mưu bí mật đó sao?

## Ether 8

And it came to pass that he begat Omer, and Omer reigned in his stead. And Omer begat Jared; and Jared begat sons and daughters.

And Jared rebelled against his father, and came and dwelt in the land of Heth. And it came to pass that he did flatter many people, because of his cunning words, until he had gained the half of the kingdom.

And when he had gained the half of the kingdom he gave battle unto his father, and he did carry away his father into captivity, and did make him serve in captivity;

And now, in the days of the reign of Omer he was in captivity the half of his days. And it came to pass that he begat sons and daughters, among whom were Esrom and Coriantumr;

And they were exceedingly angry because of the doings of Jared their brother, insomuch that they did raise an army and gave battle unto Jared. And it came to pass that they did give battle unto him by night.

And it came to pass that when they had slain the army of Jared they were about to slay him also; and he pled with them that they would not slay him, and he would give up the kingdom unto his father. And it came to pass that they did grant unto him his life.

And now Jared became exceedingly sorrowful because of the loss of the kingdom, for he had set his heart upon the kingdom and upon the glory of the world.

Now the daughter of Jared being exceedingly expert, and seeing the sorrows of her father, thought to devise a plan whereby she could redeem the kingdom unto her father.

Now the daughter of Jared was exceedingly fair. And it came to pass that she did talk with her father, and said unto him: Whereby hath my father so much sorrow? Hath he not read the record which our fathers brought across the great deep? Behold, is there not an account concerning them of old, that they by their secret plans did obtain kingdoms and great glory?

- 10 Vậy thì giờ đây, xin cha hãy cho mời A Kịch là con trai của Kim Nô lại đây; và này, con là một người xinh đẹp, con sẽ khiêu vũ trước mặt hắn. Con sẽ làm cho hắn hài lòng, khiến hắn muốn lấy con làm vợ; vậy nên, nếu hắn đòi cha gả con cho hắn thì cha hãy bảo hắn: Ta sẽ gả con gái ta cho người nếu người đem được đầu cha ta là nhà vua về đây cho ta.
- 11 Và lúc bấy giờ Ô Me là bạn của A Kịch; vậy nên, khi Gia Rét mời được A Kịch tới, thì con gái của Gia Rét khiêu vũ trước mặt hắn, khiến hắn rất hài lòng, đến nỗi hắn muốn lấy nàng làm vợ. Và chuyện rằng hắn nói với Gia Rét: Xin hãy gả nàng cho tôi.
- 12 Gia Rét bèn đáp lời hắn: Ta sẽ gả nàng cho người nếu người đem được đầu cha ta là nhà vua về đây cho ta.
- 13 Và chuyện rằng, A Kịch cho tập họp tất cả những họ hàng thân quyến của mình lại tại nhà của Gia Rét và bảo họ rằng: Các người có chịu thề rằng, các người sẽ trung thành với điều ta đòi hỏi các người chăng?
- 14 Và chuyện rằng, tất cả mọi người đều đem Thượng Đế trên trời, cùng cả trời đất và đầu họ ra mà thề với hắn rằng nếu kẻ nào không giúp đỡ điều A Kịch đòi hỏi thì sẽ bị mất đầu; và kẻ nào tiết lộ bất cứ chuyện gì A Kịch nói cho họ hay thì cũng sẽ bị mất mạng.
- 15 Và chuyện rằng, như vậy là họ đã thỏa thuận với A Kịch. Và A Kịch đã làm cho họ nói lên lời thề như người xưa đã thề lúc tìm kiếm quyền hành. Đó là những lời thề được lưu truyền từ thời Ca In, một kẻ sát nhân từ lúc mới khởi thủy.
- 16 Và những lời thề đó được quyền năng của quỷ dữ tiếp tục lưu truyền lại cho dân chúng, để giữ họ trong bóng tối, để giúp những kẻ muốn tìm kiếm quyền hành, để có được quyền hành, để giết người, cướp của, nói dối, cùng làm đủ mọi việc tà ác và tà dâm.

And now, therefore, let my father send for Akish, the son of Kimnor; and behold, I am fair, and I will dance before him, and I will please him, that he will desire me to wife; wherefore if he shall desire of thee that ye shall give unto him me to wife, then shall ye say: I will give her if ye will bring unto me the head of my father, the king.

And now Omer was a friend to Akish; wherefore, when Jared had sent for Akish, the daughter of Jared danced before him that she pleased him, in-somuch that he desired her to wife. And it came to pass that he said unto Jared: Give her unto me to wife.

And Jared said unto him: I will give her unto you, if ye will bring unto me the head of my father, the king.

And it came to pass that Akish gathered in unto the house of Jared all his kinsfolk, and said unto them: Will ye swear unto me that ye will be faithful unto me in the thing which I shall desire of you?

And it came to pass that they all sware unto him, by the God of heaven, and also by the heavens, and also by the earth, and by their heads, that whoso should vary from the assistance which Akish desired should lose his head; and whoso should divulge whatsoever thing Akish made known unto them, the same should lose his life.

And it came to pass that thus they did agree with Akish. And Akish did administer unto them the oaths which were given by them of old who also sought power, which had been handed down even from Cain, who was a murderer from the beginning.

And they were kept up by the power of the devil to administer these oaths unto the people, to keep them in darkness, to help such as sought power to gain power, and to murder, and to plunder, and to lie, and to commit all manner of wickedness and whoredoms.

- 17 Và chính con gái của Gia Rét đã gieo điều ấy vào lòng hắn để hắn tìm lại những việc làm của người xưa; và Gia Rét cũng gieo vào lòng A Kích điều đó; vậy nên A Kích đã gieo vào lòng bà con và bạn bè của mình điều đó và dẫn dắt họ đi lạc hướng bằng những lời hứa hẹn tốt đẹp, để họ làm theo những điều hắn muốn.
- 18 Và chuyện rằng, họ thành lập một tập đoàn bí mật giống hệt như người xưa; đó là một tập đoàn khả ố và tà ác nhất trước mắt Thượng Đế
- 19 Vì Chúa không bao giờ làm những công việc của Ngài trong những tập đoàn bí mật, và Ngài cũng không muốn loài người đổ máu, mà trái lại Ngài cấm chỉ tất cả những việc đó từ lúc mới sáng tạo loài người.
- 20 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, không viết ra những cách thức thề thốt và âm mưu liên kết của họ, vì tôi được cho biết là những việc đó đều có ở trong khắp dân chúng, và cũng tồn tại trong dân La Man nữa.
- 21 Và những sự việc ấy đã khiến cho sự hủy diệt của dân này, tức là sắc dân mà tôi đang nói tới, và luôn cả sự hủy diệt của dân Nê Phi.
- 22 Và bất cứ dân nào duy trì những tập đoàn bí mật như thế để chiếm quyền hành và mưu cầu lợi lộc cho đến khi nó lan tràn khắp xứ, này, chúng sẽ bị hủy diệt; vì Chúa không chịu đổ máu của các thánh đồ của Ngài bị chúng làm đổ ra cứ kêu gào từ dưới lòng đất để xin Ngài trả thù cho họ mà Ngài vẫn không trả thù cho họ.
- 23 Vậy nên, hỡi Dân Ngoại, vì sự thông sáng của Thượng Đế nên các điều này mới được tiết lộ cho các người biết, để các người nhờ đó mà có thể hối cải các tội lỗi của mình, và đừng để cho những tập đoàn sát nhân này chế ngự được các người, đó là những tập đoàn được thành lập ra để chiếm đoạt quyền hành và mưu cầu lợi lộc—và rồi hậu quả, phải, hậu quả là sự hủy diệt sẽ đến với các người; phải, chính gươm công lý của Thượng Đế Vĩnh Cửu sẽ rơi xuống các người để lật đổ và hủy diệt các người nếu các người để những sự việc đó xảy ra.

And it was the daughter of Jared who put it into his heart to search up these things of old; and Jared put it into the heart of Akish; wherefore, Akish administered it unto his kindred and friends, leading them away by fair promises to do whatsoever thing he desired.

And it came to pass that they formed a secret combination, even as they of old; which combination is most abominable and wicked above all, in the sight of God;

For the Lord worketh not in secret combinations, neither doth he will that man should shed blood, but in all things hath forbidden it, from the beginning of man.

And now I, Moroni, do not write the manner of their oaths and combinations, for it hath been made known unto me that they are had among all people, and they are had among the Lamanites.

And they have caused the destruction of this people of whom I am now speaking, and also the destruction of the people of Nephi.

And whatsoever nation shall uphold such secret combinations, to get power and gain, until they shall spread over the nation, behold, they shall be destroyed; for the Lord will not suffer that the blood of his saints, which shall be shed by them, shall always cry unto him from the ground for vengeance upon them and yet he avenge them not.

Wherefore, O ye Gentiles, it is wisdom in God that these things should be shown unto you, that thereby ye may repent of your sins, and suffer not that these murderous combinations shall get above you, which are built up to get power and gain—and the work, yea, even the work of destruction come upon you, yea, even the sword of the justice of the Eternal God shall fall upon you, to your overthrow and destruction if ye shall suffer these things to be.

24 Vậy nên Chúa truyền lệnh cho các người, khi các người trông thấy những việc đó xảy đến ở giữa các người, thì các người phải biết thức tỉnh và ý thức được tình trạng khủng khiếp của mình, vì tập đoàn bí mật đó sẽ ở giữa các người; khôn thay cho nó, vì máu của những người bị sát hại; vì họ sẽ kêu gào từ bụi đất đòi trả thù nó và luôn cả những kẻ nào đã thành lập ra nó.

25 Vì chuyện rằng, những kẻ nào thành lập ra nó đều tìm cách lật đổ nền tự do của tất cả các xứ, các quốc gia, và các lãnh thổ; nó đem lại sự hủy diệt cho mọi người, vì nó do quỷ dữ tạo nên, mà quỷ dữ là cha của mọi điều dối trá; chính nó là kẻ đã nói dối để lừa gạt thủy tổ chúng ta; phải, chính nó là kẻ nói dối đã xúi giục loài người phạm tội sát nhân từ lúc ban đầu; chính nó đã làm cho lòng dạ loài người trở nên chai đá, khiến họ giết hại và ném đá cùng xua đuổi các vị tiên tri từ lúc ban đầu.

26 Vậy nên, tôi, Mô rô Ni, được lệnh phải viết ra những điều này để cho sự tà ác có thể được loại bỏ, và có thể đến một thời gian kia Sa Tan sẽ không còn quyền năng chi phối trái tim con cái loài người nữa, mà trái lại, họ sẽ được thuyết phục làm điều thiện luôn luôn, ngõ hầu họ có thể đến được nguồn gốc của mọi điều ngay chính và được cứu.

Wherefore, the Lord commandeth you, when ye shall see these things come among you that ye shall awake to a sense of your awful situation, because of this secret combination which shall be among you; or wo be unto it, because of the blood of them who have been slain; for they cry from the dust for vengeance upon it, and also upon those who built it up.

For it cometh to pass that whoso buildeth it up seeketh to overthrow the freedom of all lands, nations, and countries; and it bringeth to pass the destruction of all people, for it is built up by the devil, who is the father of all lies; even that same liar who beguiled our first parents, yea, even that same liar who hath caused man to commit murder from the beginning; who hath hardened the hearts of men that they have murdered the prophets, and stoned them, and cast them out from the beginning.

Wherefore, I, Moroni, am commanded to write these things that evil may be done away, and that the time may come that Satan may have no power upon the hearts of the children of men, but that they may be persuaded to do good continually, that they may come unto the fountain of all righteousness and be saved.

## Ê The 9

- 1 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, xin tiếp tục biên sử của tôi. Vậy nên, này, chuyện rằng, nhờ tập đoàn bí mật của A Kịch và bạn bè của hắn, vậy nên này, chúng đã lật đổ được vương quốc của Ô Me.
- 2 Tuy nhiên, Chúa thương xót Ô Me, và Ngài cũng thương xót những người con trai và con gái của ông, là những người không tìm cách hủy diệt cha mình.
- 3 Và trong giấc mơ, Chúa báo cho Ô Me biết để ông rời khỏi xứ ra đi; vậy nên, Ô Me đã ra đi khỏi xứ cùng với gia đình mình, và ông đã hành trình nhiều ngày, băng qua đồi Sim, đến gần nơi dân Nê Phi bị hủy diệt, và từ đó đi về hướng đông, và đến một nơi gọi là Áp Lôm, cạnh bờ biển. Rồi ông dựng lều, và cả các con trai con gái cùng toàn thể gia quyến ông đều dựng lều, ngoại trừ Gia Rết và gia đình hắn.
- 4 Và chuyện rằng, Gia Rết được xúc dầu làm vua cai trị dân chúng nhờ bàn tay tà ác; và hắn gả con gái hắn cho A Kịch làm vợ.
- 5 Và chuyện rằng, A Kịch lại tìm cách giết cha vợ mình. Hắn lợi dụng những kẻ đã thề với hắn theo lời thề của người xưa, và họ đã lấy được đầu của cha vợ hắn khi vua đang ngồi trên ngai vàng để tiếp kiến dân chúng.
- 6 Bởi vì tập đoàn bí mật và độc ác này đã bành trướng quá rộng đến nỗi nó làm cho tất cả lòng dạ dân chúng trở nên sa đọa; vậy nên Gia Rết bị ám sát ngay trên ngai của mình, và A Kịch lên trị vì thay thế.
- 7 Và chuyện rằng, A Kịch bắt đầu ganh tị với con trai của mình, nên hắn bắt con trai bỏ vào ngục thất, và cho ăn rất ít hoặc không cho ăn cho đến khi người con ấy chết đi.
- 8 Và lúc bấy giờ, anh của người bị giết (tên là Nim Ra) rất đỗi tức giận cha mình vì những điều ông ta đã làm cho em mình.
- 9 Và chuyện rằng, Nim Ra quy tụ được một nhóm người. Rồi họ cùng nhau trốn ra khỏi xứ và đến cư ngụ với Ô Me.

## Ether 9

And now I, Moroni, proceed with my record. Therefore, behold, it came to pass that because of the secret combinations of Akish and his friends, behold, they did overthrow the kingdom of Omer.

Nevertheless, the Lord was merciful unto Omer, and also to his sons and to his daughters who did not seek his destruction.

And the Lord warned Omer in a dream that he should depart out of the land; wherefore Omer departed out of the land with his family, and traveled many days, and came over and passed by the hill of Shim, and came over by the place where the Nephites were destroyed, and from thence eastward, and came to a place which was called Ablom, by the seashore, and there he pitched his tent, and also his sons and his daughters, and all his household, save it were Jared and his family.

And it came to pass that Jared was anointed king over the people, by the hand of wickedness; and he gave unto Akish his daughter to wife.

And it came to pass that Akish sought the life of his father-in-law; and he applied unto those whom he had sworn by the oath of the ancients, and they obtained the head of his father-in-law, as he sat upon his throne, giving audience to his people.

For so great had been the spreading of this wicked and secret society that it had corrupted the hearts of all the people; therefore Jared was murdered upon his throne, and Akish reigned in his stead.

And it came to pass that Akish began to be jealous of his son, therefore he shut him up in prison, and kept him upon little or no food until he had suffered death.

And now the brother of him that suffered death, (and his name was Nimrah) was angry with his father because of that which his father had done unto his brother.

And it came to pass that Nimrah gathered together a small number of men, and fled out of the land, and came over and dwelt with Omer.

- 10 Và chuyện rằng, A Kịch sinh được các con trai khác, và những người này chiếm được lòng của dân chúng, mặc dù chúng cũng thề nguyện sẽ làm đủ mọi điều bất chính mà hắn muốn.
- 11 Bây giờ dân của A Kịch muốn tìm kiếm lợi lộc, như A Kịch muốn có quyền hành; vậy nên, các con trai của A Kịch đem tiền bạc tặng dân chúng và nhờ cách đó mà chúng lôi cuốn được phần lớn dân chúng theo mình.
- 12 Và chiến tranh bắt đầu xảy ra giữa A Kịch và các con trai của A Kịch. Trận chiến này kéo dài nhiều năm, phải, và đã hủy diệt gần hết dân chúng trong vương quốc, phải, tất cả, chỉ còn lại có ba mươi người, cùng những người đã chạy trốn với gia tộc Ô Me.
- 13 Vậy nên, Ô Me được khôi phục lại đất thừa hưởng của mình.
- 14 Và chuyện rằng, Ô Me bắt đầu trở nên già cả; tuy nhiên trong tuổi già ông sinh được một người con trai tên là Ê Me; và ông xức dầu cho Ê Me làm vua trị vì thay thế ông.
- 15 Và sau khi ông xức dầu cho Ê Me làm vua xong, ông còn nhìn thấy xứ sở thái bình thêm hai năm nữa. Rồi ông qua đời, sau khi đã thấy biết bao ngày tháng đầy đau thương. Và chuyện rằng Ê Me lên trị vì thay thế ông, và đi đúng theo đường lối của cha mình.
- 16 Và Chúa lại bắt đầu cất bỏ sự rửa sả trên đất ấy, và gia tộc Ê Me lại hết sức thịnh vượng dưới triều đại của Ê Me; và trong khoảng thời gian sáu mươi hai năm họ trở nên vô cùng hùng mạnh, đến nỗi họ trở nên hết sức giàu có—
- 17 Họ có đủ loại trái cây, ngũ cốc, lụa là, hàng vải, vàng, bạc, cùng nhiều vật quý giá khác;
- 18 Và họ cũng có đủ loại gia súc, bò đực, bò cái, cừu, heo, dê, cùng nhiều loại súc vật hữu ích khác dùng làm thực phẩm cho loài người.
- 19 Và họ cũng có cả ngựa, lừa, voi và các con cơ re lom cùng cơ mom; tất cả những con vật này rất có ích cho loài người, nhất là voi, cơ re lom và cơ mom.

And it came to pass that Akish begat other sons, and they won the hearts of the people, notwithstanding they had sworn unto him to do all manner of iniquity according to that which he desired.

Now the people of Akish were desirous for gain, even as Akish was desirous for power; wherefore, the sons of Akish did offer them money, by which means they drew away the more part of the people after them.

And there began to be a war between the sons of Akish and Akish, which lasted for the space of many years, yea, unto the destruction of nearly all the people of the kingdom, yea, even all, save it were thirty souls, and they who fled with the house of Omer.

Wherefore, Omer was restored again to the land of his inheritance.

And it came to pass that Omer began to be old; nevertheless, in his old age he begat Emer; and he anointed Emer to be king to reign in his stead.

And after that he had anointed Emer to be king he saw peace in the land for the space of two years, and he died, having seen exceedingly many days, which were full of sorrow. And it came to pass that Emer did reign in his stead, and did fill the steps of his father.

And the Lord began again to take the curse from off the land, and the house of Emer did prosper exceedingly under the reign of Emer; and in the space of sixty and two years they had become exceedingly strong, insomuch that they became exceedingly rich—

Having all manner of fruit, and of grain, and of silks, and of fine linen, and of gold, and of silver, and of precious things;

And also all manner of cattle, of oxen, and cows, and of sheep, and of swine, and of goats, and also many other kinds of animals which were useful for the food of man.

And they also had horses, and asses, and there were elephants and cureloms and cumoms; all of which were useful unto man, and more especially the elephants and cureloms and cumoms.

20 Và như vậy là Chúa đã đổ phước lành xuống trên khắp xứ sở này, là xứ chọn lọc hơn hết thấy mọi xứ khác; và Ngài đã truyền lệnh rằng ai chiếm hữu xứ sở này thì phải chiếm hữu nó trong Chúa, bằng không họ sẽ bị hủy diệt khi họ đã chín muồi trong sự bất chính; vì đối với những kẻ đó, lời Chúa phán: Ta sẽ trút lên chúng cơn thịnh nộ tràn đầy của ta.

21 Và Ê Me đã thực thi sự xét xử theo lẽ ngay chính suốt đời mình, và ông sinh được nhiều con trai và con gái; ông sinh ra Cô Ri An Tum, và ông xức dầu cho Cô Ri An Tum lên trị vì thế mình.

22 Và sau khi xức dầu cho Cô Ri An Tum lên trị vì thế mình, ông còn sống thêm được bốn năm nữa, và nhìn thấy cảnh thái bình trong xứ sở; phải, ông cũng được thấy Vị Nam Tử Ngay Chính, và ông vui sướng và hưởng vinh quang trong đời ông; rồi ông qua đời trong sự bình an.

23 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tum đã đi theo đường lối của cha mình. Ông xây dựng nhiều thành phố kiên cố, và thi hành nhiều điều tốt đẹp cho dân chúng suốt đời ông. Và chuyện rằng, ông không có được một người con nào cho đến khi ông đã luống tuổi.

24 Và chuyện rằng, vợ ông qua đời, bà thọ được một trăm lẻ hai tuổi. Và chuyện rằng, lúc về già, Cô Ri An Tum có cưới một phụ nữ trẻ làm vợ, và sinh được nhiều con trai và con gái; rồi ông sống cho đến một trăm bốn mươi hai tuổi.

25 Và chuyện rằng, ông sinh ra Côm, và Côm lên trị vì thay thế ông; và Côm trị vì được bốn mươi chín năm, và sinh ra Héch; và ông còn sinh ra nhiều con trai và con gái khác nữa.

26 Và dân chúng đã bắt đầu lan tràn khắp xứ, và trong xứ cũng lại bắt đầu có sự tà ác hết sức lớn lao, và Héch cũng bắt đầu ôm lấy những âm mưu bí mật theo lối người xưa để hủy diệt cha mình.

27 Và chuyện rằng, hán đã truất phế ngôi cha, vì hán đã giết cha bằng gươm của mình và lên ngôi trị vì thay thế.

And thus the Lord did pour out his blessings upon this land, which was choice above all other lands; and he commanded that whoso should possess the land should possess it unto the Lord, or they should be destroyed when they were ripened in iniquity; for upon such, saith the Lord: I will pour out the fulness of my wrath.

And Emer did execute judgment in righteousness all his days, and he begat many sons and daughters; and he begat Coriantum, and he anointed Coriantum to reign in his stead.

And after he had anointed Coriantum to reign in his stead he lived four years, and he saw peace in the land; yea, and he even saw the Son of Righteousness, and did rejoice and glory in his day; and he died in peace.

And it came to pass that Coriantum did walk in the steps of his father, and did build many mighty cities, and did administer that which was good unto his people in all his days. And it came to pass that he had no children even until he was exceedingly old.

And it came to pass that his wife died, being an hundred and two years old. And it came to pass that Coriantum took to wife, in his old age, a young maid, and begat sons and daughters; wherefore he lived until he was an hundred and forty and two years old.

And it came to pass that he begat Com, and Com reigned in his stead; and he reigned forty and nine years, and he begat Heth; and he also begat other sons and daughters.

And the people had spread again over all the face of the land, and there began again to be an exceedingly great wickedness upon the face of the land, and Heth began to embrace the secret plans again of old, to destroy his father.

And it came to pass that he did dethrone his father, for he slew him with his own sword; and he did reign in his stead.

- 28 Và lúc ấy có các vị tiên tri lại đến trong xứ kêu gọi dân chúng hối cải—rằng họ phải sửa soạn con đường của Chúa, bằng không thì sự rủa sả sẽ đến với xứ sở này; phải, họ sẽ bị một nạn đói kém lớn lao khiến họ bị hủy diệt nếu họ không hối cải.
- 29 Nhưng dân chúng không tin những lời của các tiên tri, mà họ xua đuổi các vị đi; và còn liệng một số vị xuống các hố sâu và để mặc cho họ chết. Và chuyện rằng, họ làm tất cả những việc này theo lệnh truyền của vua Héch.
- 30 Và chuyện rằng, nạn đói kém lớn lao đã bắt đầu xảy ra trong xứ, và dân cư bắt đầu bị nạn đói hủy diệt rất nhanh chóng, vì không có trận mưa nào đổ xuống mặt đất.
- 31 Và có nhiều rắn độc xuất hiện trong xứ và cắn chết rất nhiều người. Và chuyện rằng, các bầy gia súc của họ bắt đầu chạy trốn những con rắn độc đó. Chúng chạy về xứ phía nam, nơi mà dân Nê Phi gọi là Gia Ra Hem La.
- 32 Và chuyện rằng, trên đường chạy trốn, nhiều gia súc đã chết; tuy vậy, cũng có một số đến được xứ phía nam.
- 33 Và chuyện rằng, Chúa khiến cho những con rắn ấy không đuổi theo các bầy gia súc nữa, mà lại chặn đường không cho dân chúng đi qua, khiến cho những ai cố vượt qua phải ngã xuống vì rắn độc.
- 34 Và chuyện rằng, dân chúng chạy theo lộ trình của đàn súc vật, và họ đã ăn các xác chết của những con vật bị chết dọc đường, cho đến khi họ ăn hết tất cả những xác chết ấy. Giờ đây khi dân chúng thấy mình sắp bị chết họ mới bắt đầu hối cải những điều bất chính của mình và kêu cầu Chúa.
- 35 Và chuyện rằng, khi họ đã biết hạ mình đủ trước mặt Chúa, thì Ngài khiến mưa rơi xuống mặt đất; và dân chúng lại bắt đầu hồi sinh, và bắt đầu có trái cây ở các xứ miền bắc và ở tất cả các xứ lân cận. Và như vậy là Chúa đã bày tỏ quyền năng của Ngài trong việc bảo tồn họ khỏi nạn đói.

And there came prophets in the land again, crying repentance unto them—that they must prepare the way of the Lord or there should come a curse upon the face of the land; yea, even there should be a great famine, in which they should be destroyed if they did not repent.

But the people believed not the words of the prophets, but they cast them out; and some of them they cast into pits and left them to perish. And it came to pass that they did all these things according to the commandment of the king, Heth.

And it came to pass that there began to be a great dearth upon the land, and the inhabitants began to be destroyed exceedingly fast because of the dearth, for there was no rain upon the face of the earth.

And there came forth poisonous serpents also upon the face of the land, and did poison many people. And it came to pass that their flocks began to flee before the poisonous serpents, towards the land southward, which was called by the Nephites Zarahemla.

And it came to pass that there were many of them which did perish by the way; nevertheless, there were some which fled into the land southward.

And it came to pass that the Lord did cause the serpents that they should pursue them no more, but that they should hedge up the way that the people could not pass, that whoso should attempt to pass might fall by the poisonous serpents.

And it came to pass that the people did follow the course of the beasts, and did devour the carcasses of them which fell by the way, until they had devoured them all. Now when the people saw that they must perish they began to repent of their iniquities and cry unto the Lord.

And it came to pass that when they had humbled themselves sufficiently before the Lord he did send rain upon the face of the earth; and the people began to revive again, and there began to be fruit in the north countries, and in all the countries round about. And the Lord did show forth his power unto them in preserving them from famine.



## Ê The 10

- 1 Và chuyện rằng, Se Giơ là con cháu của Héch—vì Héch và cả nhà của hắn, ngoại trừ Se Giơ, đã chết vì nạn đói—vậy nên, Se Giơ bắt đầu gây dựng lại một dân tộc tan rã.
- 2 Và chuyện rằng, Se Giơ nhớ việc các tổ phụ mình bị hủy diệt nên ông thiết lập một vương quốc ngay chính. Vì ông nhớ đến những việc Chúa đã làm khi Ngài đem Gia Rét và anh người vượt qua biển cả, nên ông đi theo đường lối của Chúa; và ông sinh được nhiều con trai và con gái.
- 3 Và con trai đầu lòng của ông, cũng tên là Se Giơ, nổi lên chống ông, tuy nhiên, Se Giơ bị bàn tay một tên cướp giết hại, vì hắn quá giàu có, và điều này đã đem lại sự bình an cho cha hắn.
- 4 Và chuyện rằng, cha hắn đã xây dựng được nhiều thành phố trong xứ, và dân chúng lại bắt đầu sống lan tràn khắp xứ. Và Se Giơ sống rất thọ. Ông sinh ra Ríp La Kích. Rồi ông qua đời, và Ríp La Kích lên trị vì thay ông.
- 5 Và chuyện rằng, Ríp La Kích không làm những điều ngay chính trước mặt Chúa, vì hắn có nhiều vợ và nàng hầu, và hắn đặt lên vai người dân gánh nặng khó mà chịu đựng nổi; phải, hắn bắt họ phải đóng góp thuế má rất nặng nề; và hắn dùng thuế má ấy để xây dựng nhiều lâu đài rộng lớn nguy nga.
- 6 Và hắn đã làm một ngai vàng hết sức tráng lệ cho riêng mình; và hắn đã xây nhiều nhà tù, và người nào không chịu đóng thuế, hắn cho bắt bỏ vào tù; và ai không đóng thuế nổi hắn cũng bỏ tù; và hắn khiến họ lao nhọc luôn luôn để nuôi dưỡng bọn hắn, và người nào từ chối không chịu lao nhọc đều bị bắt xử tử.
- 7 Vậy nên hắn thu được tất cả các công trình tuyệt xảo, phải, ngay cả vàng ròng hắn cũng bắt nhà tù phải gạn lọc lại cho tinh khiết hơn, và hắn còn sai làm đủ mọi vật quý giá khác trong nhà tù. Và chuyện rằng, hắn làm cho dân chúng phải khốn khổ vì những điều tà dâm và khả ố của hắn.

## Ether 10

And it came to pass that Shez, who was a descendant of Heth—for Heth had perished by the famine, and all his household save it were Shez—wherefore, Shez began to build up again a broken people.

And it came to pass that Shez did remember the destruction of his fathers, and he did build up a righteous kingdom; for he remembered what the Lord had done in bringing Jared and his brother across the deep; and he did walk in the ways of the Lord; and he begat sons and daughters.

And his eldest son, whose name was Shez, did rebel against him; nevertheless, Shez was smitten by the hand of a robber, because of his exceeding riches, which brought peace again unto his father.

And it came to pass that his father did build up many cities upon the face of the land, and the people began again to spread over all the face of the land. And Shez did live to an exceedingly old age; and he begat Riplakish. And he died, and Riplakish reigned in his stead.

And it came to pass that Riplakish did not do that which was right in the sight of the Lord, for he did have many wives and concubines, and did lay that upon men's shoulders which was grievous to be borne; yea, he did tax them with heavy taxes; and with the taxes he did build many spacious buildings.

And he did erect him an exceedingly beautiful throne; and he did build many prisons, and whoso would not be subject unto taxes he did cast into prison; and whoso was not able to pay taxes he did cast into prison; and he did cause that they should labor continually for their support; and whoso refused to labor he did cause to be put to death.

Wherefore he did obtain all his fine work, yea, even his fine gold he did cause to be refined in prison; and all manner of fine workmanship he did cause to be wrought in prison. And it came to pass that he did afflict the people with his whoredoms and abominations.

- 8 Và sau khi hắn đã trị vì một thời gian là bốn mươi hai năm, thì dân chúng nổi lên chống lại hắn; và trong nước lại bắt đầu có chiến tranh, đến nỗi Ríp La Kích bị giết và các con cháu của hắn đều bị đuổi ra khỏi xứ.
- 9 Và chuyện rằng, sau một thời gian nhiều năm, Mô Ri An Tôn (ông này là con cháu của Ríp La Kích) quy tụ được một đạo quân gồm những kẻ bị xua đuổi, và đến gây chiến với dân chúng. Ông chiếm được quyền cai trị nhiều thành phố. Và chiến tranh trở nên vô cùng khốc liệt và tiếp diễn trong nhiều năm; rồi ông chiếm được quyền cai trị khắp xứ và tự tôn mình lên làm vua toàn quốc.
- 10 Và sau khi tự tôn mình lên làm vua xong, ông đã giảm bớt gánh nặng cho dân, nhờ thế mà ông chiếm được thiện cảm của người dân và được họ xức dầu tôn lên làm vua của họ.
- 11 Và ông đã thi hành lẽ công bình cho dân chúng, nhưng ông lại không thi hành cho bản thân ông cũng vì nhiều hành vi tà dâm của ông, vậy nên ông bị loại trừ khỏi sự hiện diện của Chúa.
- 12 Và chuyện rằng, Mô Ri An Tôn xây dựng được nhiều thành phố, và dưới triều đại ông, dân chúng trở nên hết sức giàu có, về phương diện lâu đài dinh thự, vàng, bạc, cũng như về phương diện trồng tía ngũ cốc, chăn nuôi các đàn gia súc và các bày thú, cùng tất cả những gì mà họ được khôi phục lại.
- 13 Và Mô Ri An Tôn sống tới một tuổi thọ rất cao, và rồi ông sinh ra Kim. Và Kim lên trị vì thay thế cha mình; và khi hắn trị vì được tám năm thì cha hắn mất. Và chuyện rằng, Kim không trị vì trong sự ngay chính, vậy nên hắn không được Chúa ưu đãi.
- 14 Và anh của hắn nổi lên chống lại hắn, khiến hắn bị bắt cầm tù, và hắn bị tù đầy suốt quãng đời còn lại của mình. Và trong lúc bị tù đầy, hắn có sinh được nhiều con trai và con gái, và khi về già hắn sinh được Lê Vi; và hắn đã qua đời.
- 15 Và chuyện rằng, sau khi cha mất, Lê Vi đã sống trong cảnh tù đầy bốn mươi hai năm. Rồi sau đó ông gây chiến với vua trong xứ, và nhờ đó mà ông chiếm được vương quốc cho mình.

And when he had reigned for the space of forty and two years the people did rise up in rebellion against him; and there began to be war again in the land, insomuch that Riplakish was killed, and his descendants were driven out of the land.

And it came to pass after the space of many years, Morianton, (he being a descendant of Riplakish) gathered together an army of outcasts, and went forth and gave battle unto the people; and he gained power over many cities; and the war became exceedingly sore, and did last for the space of many years; and he did gain power over all the land, and did establish himself king over all the land.

And after that he had established himself king he did ease the burden of the people, by which he did gain favor in the eyes of the people, and they did anoint him to be their king.

And he did do justice unto the people, but not unto himself because of his many whoredoms; wherefore he was cut off from the presence of the Lord.

And it came to pass that Morianton built up many cities, and the people became exceedingly rich under his reign, both in buildings, and in gold and silver, and in raising grain, and in flocks, and herds, and such things which had been restored unto them.

And Morianton did live to an exceedingly great age, and then he begat Kim; and Kim did reign in the stead of his father; and he did reign eight years, and his father died. And it came to pass that Kim did not reign in righteousness, wherefore he was not favored of the Lord.

And his brother did rise up in rebellion against him, by which he did bring him into captivity; and he did remain in captivity all his days; and he begat sons and daughters in captivity, and in his old age he begat Levi; and he died.

And it came to pass that Levi did serve in captivity after the death of his father, for the space of forty and two years. And he did make war against the king of the land, by which he did obtain unto himself the kingdom.

16 Và sau khi chiếm được vương quốc, ông đã thi hành những điều phải trước mặt Chúa; và dân chúng lại được thịnh vượng trong xứ. Ông sống rất thọ và sinh được nhiều con trai và con gái; và ông sinh ra Cô Rôm, là người mà ông xúc dầu phong lên làm vua thay ông.

17 Và chuyện rằng, Cô Rôm suốt đời thi hành những điều tốt đẹp trước mặt Chúa; và ông sinh được nhiều con trai và con gái; và sau khi ông đã sống rất thọ ông cũng qua đời, giống như mọi người khác trên thế gian; rồi Kích lên trị vì thay ông.

18 Và chuyện rằng, rồi Kích cũng qua đời, và Líp lên trị vì thay thế.

19 Và chuyện rằng, Líp cũng thi hành những điều tốt đẹp trước mặt Chúa. Và vào thời của Líp, những con rắn độc đều bị hủy diệt. Vậy nên, dân chúng đi xuống xứ miền nam để săn thú đem về làm lương thực cho dân trong xứ, vì xứ ấy đầy rẫy thú rừng. Và chính Líp cũng trở thành một người thợ săn thiện nghệ.

20 Và họ xây lên một thành phố rất lớn bên dải đất hẹp, gần vùng biển phân đôi hai xứ.

21 Và họ đã bảo tồn xứ miền nam làm vùng hoang dã để săn thú. Và trọn xứ miền bắc thì đầy rẫy dân cư.

22 Và họ hết sức siêng năng. Họ mua bán và giao dịch với nhau để kiếm lời.

23 Và họ khai thác mọi thứ khoáng kim để làm ra vàng bạc, sắt, đồng, và đủ loại kim khí. Họ đào đất để lấy những thứ này, vì thế họ đã đào lên nhiều đồng đất để tìm các thứ quặng vàng, bạc, sắt và đồng. Và họ làm thành đủ thứ đồ quý giá.

24 Và họ có những thứ lụa là, và vải gai mịn. Họ dệt đủ thứ hàng vải để may mặc che thân.

25 Và họ làm ra đủ thứ dụng cụ để canh tác, cày cấy đất đai, gieo giống, gặt hái và đập lúa.

26 Và họ cũng làm đủ các loại dụng cụ để khiến các gia súc của họ làm việc.

And after he had obtained unto himself the kingdom he did that which was right in the sight of the Lord; and the people did prosper in the land; and he did live to a good old age, and begat sons and daughters; and he also begat Corom, whom he anointed king in his stead.

And it came to pass that Corom did that which was good in the sight of the Lord all his days; and he begat many sons and daughters; and after he had seen many days he did pass away, even like unto the rest of the earth; and Kish reigned in his stead.

And it came to pass that Kish passed away also, and Lib reigned in his stead.

And it came to pass that Lib also did that which was good in the sight of the Lord. And in the days of Lib the poisonous serpents were destroyed. Wherefore they did go into the land southward, to hunt food for the people of the land, for the land was covered with animals of the forest. And Lib also himself became a great hunter.

And they built a great city by the narrow neck of land, by the place where the sea divides the land.

And they did preserve the land southward for a wilderness, to get game. And the whole face of the land northward was covered with inhabitants.

And they were exceedingly industrious, and they did buy and sell and traffic one with another, that they might get gain.

And they did work in all manner of ore, and they did make gold, and silver, and iron, and brass, and all manner of metals; and they did dig it out of the earth; wherefore, they did cast up mighty heaps of earth to get ore, of gold, and of silver, and of iron, and of copper. And they did work all manner of fine work.

And they did have silks, and fine-twined linen; and they did work all manner of cloth, that they might clothe themselves from their nakedness.

And they did make all manner of tools to till the earth, both to plow and to sow, to reap and to hoe, and also to thrash.

And they did make all manner of tools with which they did work their beasts.

27 Và họ còn làm đủ loại vũ khí chiến tranh. Họ cũng làm đủ loại đồ vật quý giá và lạ mắt.

28 Và chưa bao giờ có một dân tộc nào được ban ân phước và được thịnh vượng nhờ bàn tay của Chúa nhiều hơn như vậy. Họ được ở trong một xứ chọn lọc hơn hết thảy mọi xứ khác, vì Chúa đã phán vậy.

29 Và chuyện rằng, Líp sống rất thọ. Ông sinh được nhiều con trai và con gái; và ông cũng sinh ra Hứa Thơm.

30 Và chuyện rằng, Hứa Thơm lên trị vì thay thế cha mình. Và sau khi Hứa Thơm trị vì được hai mươi bốn năm, này, vương quốc bị lấy đi khỏi ông. Và ông sống trong cảnh tù đầy suốt nhiều năm, phải, suốt những ngày còn lại của đời ông.

31 Và ông sinh ra Héch, và Héch sống trong cảnh tù đầy suốt đời mình. Và Héch sinh ra A Rôn, và A Rôn cũng sống trong cảnh tù đầy suốt đời mình; rồi ông sinh ra Am Ni Ga Đa, và Am Ni Ga Đa cũng sống trong cảnh tù đầy suốt đời mình; và ông sinh ra Cô Ri An Tum, và Cô Ri An Tum cũng sống trong cảnh tù đầy suốt đời mình; rồi ông sinh ra Côm.

32 Và chuyện rằng, Côm chiếm lại được phân nửa vương quốc. Và ông trị vì phần vương quốc ấy suốt bốn mươi hai năm; rồi ông gây chiến với vua là Am Ghít, và họ đánh nhau suốt nhiều năm, và trong thời gian đó, Côm thắng Am Ghít, và chiếm quyền hành cai trị phần vương quốc còn lại.

33 Và vào thời của Côm, quân cướp lại bắt đầu xuất hiện trong xứ; và chúng áp dụng các kế hoạch cũ, và dùng cách thề nguyện như người xưa, và tìm cách hủy diệt vương quốc.

34 Lúc bấy giờ, Côm đánh lại chúng kịch liệt; tuy nhiên, ông không chế ngự được bọn chúng.

And they did make all manner of weapons of war. And they did work all manner of work of exceedingly curious workmanship.

And never could be a people more blessed than were they, and more prospered by the hand of the Lord. And they were in a land that was choice above all lands, for the Lord had spoken it.

And it came to pass that Lib did live many years, and begat sons and daughters; and he also begat Hearthom.

And it came to pass that Hearthom reigned in the stead of his father. And when Hearthom had reigned twenty and four years, behold, the kingdom was taken away from him. And he served many years in captivity, yea, even all the remainder of his days.

And he begat Heth, and Heth lived in captivity all his days. And Heth begat Aaron, and Aaron dwelt in captivity all his days; and he begat Amnigaddah, and Amnigaddah also dwelt in captivity all his days; and he begat Coriantum, and Coriantum dwelt in captivity all his days; and he begat Com.

And it came to pass that Com drew away the half of the kingdom. And he reigned over the half of the kingdom forty and two years; and he went to battle against the king, Amgid, and they fought for the space of many years, during which time Com gained power over Amgid, and obtained power over the remainder of the kingdom.

And in the days of Com there began to be robbers in the land; and they adopted the old plans, and administered oaths after the manner of the ancients, and sought again to destroy the kingdom.

Now Com did fight against them much; nevertheless, he did not prevail against them.

## Ê The 11

- 1 Và trong thời của Côm cũng có nhiều vị tiên tri đến và nói tiên tri về sự hủy diệt của dân tộc vĩ đại đó, nếu họ không hối cải và từ bỏ những việc làm sát nhân và sự tà ác của họ.
- 2 Và chuyện rằng, các vị tiên tri bị dân chúng chối bỏ, và họ chạy đến với Côm để được bảo vệ vì dân chúng đang lòng kiếm để hủy diệt họ.
- 3 Và họ nói tiên tri cho Côm nghe nhiều điều; và ông được ban phước trong những ngày còn lại của ông.
- 4 Và ông sống rất thọ và sinh được Síp Lom; và Síp Lom lên trị vì thay thế ông. Rồi anh của Síp Lom nổi lên chống lại Síp Lom, và một cuộc chiến tranh hết sức lớn bắt đầu xảy ra trong khắp xứ.
- 5 Và chuyện rằng, anh của Síp Lom cho bắt đem xử tử tất cả những vị tiên tri đã nói tiên tri về việc dân này sẽ bị hủy diệt;
- 6 Và một tai họa lớn lao đã đến khắp xứ, vì các vị này đã làm chứng rằng, một sự rửa sả lớn lao sẽ đến với dân này và xứ này, và rằng một sự hủy diệt lớn lao sẽ đến với họ mà từ trước tới giờ chưa từng xảy ra trên mặt địa cầu, và xương của họ sẽ chông chắt trên mặt đất, nếu họ không hối cải về sự tà ác của mình.
- 7 Và họ đã không nghe theo tiếng nói của Chúa, vì những tập đoàn tà ác của họ; vậy nên, khắp trong xứ bắt đầu có chiến tranh và tranh chấp, và có cả nạn đói kém, bệnh dịch, khiến cho có một sự hủy diệt lớn lao mà từ trước tới giờ chưa bao giờ từng xảy ra trên mặt đất; và tất cả những sự việc này đã xảy ra trong thời của Síp Lom.
- 8 Và dân chúng bắt đầu biết hối cải về sự bất chính của mình; và vì họ biết hối cải nên Chúa động lòng thương xót họ.
- 9 Và chuyện rằng, Síp Lom bị giết, còn Sết thì bị tù đày và đã sống trong cảnh tù đày suốt đời mình.

## Ether 11

And there came also in the days of Com many prophets, and prophesied of the destruction of that great people except they should repent, and turn unto the Lord, and forsake their murders and wickedness.

And it came to pass that the prophets were rejected by the people, and they fled unto Com for protection, for the people sought to destroy them.

And they prophesied unto Com many things; and he was blessed in all the remainder of his days.

And he lived to a good old age, and begat Shiblom; and Shiblom reigned in his stead. And the brother of Shiblom rebelled against him, and there began to be an exceedingly great war in all the land.

And it came to pass that the brother of Shiblom caused that all the prophets who prophesied of the destruction of the people should be put to death;

And there was great calamity in all the land, for they had testified that a great curse should come upon the land, and also upon the people, and that there should be a great destruction among them, such an one as never had been upon the face of the earth, and their bones should become as heaps of earth upon the face of the land except they should repent of their wickedness.

And they hearkened not unto the voice of the Lord, because of their wicked combinations; wherefore, there began to be wars and contentions in all the land, and also many famines and pestilences, insomuch that there was a great destruction, such an one as never had been known upon the face of the earth; and all this came to pass in the days of Shiblom.

And the people began to repent of their iniquity; and inasmuch as they did the Lord did have mercy on them.

And it came to pass that Shiblom was slain, and Seth was brought into captivity, and did dwell in captivity all his days.

10 Và chuyện rằng, con trai ông là A Kha nhận được vương quốc và trị vì dân chúng suốt đời mình. Và trong thời hấn, hấn làm đủ mọi điều bất chính, khiến máu đổ rất nhiều, và đời hấn thật ngắn ngủi.

And it came to pass that Ahah, his son, did obtain the kingdom; and he did reign over the people all his days. And he did do all manner of iniquity in his days, by which he did cause the shedding of much blood; and few were his days.

11 Và Ê Thêm, vì là con cháu của A Kha, nên nhận được vương quốc, và hấn cũng làm những điều tà ác suốt đời mình.

And Ethem, being a descendant of Ahah, did obtain the kingdom; and he also did do that which was wicked in his days.

12 Và chuyện rằng, vào thời Ê Thêm có nhiều vị tiên tri đến nói tiên tri cho dân chúng nghe; phải, họ tiên tri rằng, Chúa sẽ tận diệt dân này khỏi mặt đất nếu họ không hối cải những điều bất chính của mình.

And it came to pass that in the days of Ethem there came many prophets, and prophesied again unto the people; yea, they did prophesy that the Lord would utterly destroy them from off the face of the earth except they repented of their iniquities.

13 Và chuyện rằng, dân chúng đã chai đá trong lòng nên không nghe theo lời của các vị ấy; và các vị tiên tri đành than khóc mà rút lui khỏi dân chúng.

And it came to pass that the people hardened their hearts, and would not hearken unto their words; and the prophets mourned and withdrew from among the people.

14 Và chuyện rằng, Ê Thêm đã dùng sự tà ác mà thi hành sự xét xử trong suốt đời hấn; rồi hấn sinh ra Mô Rôn. Và chuyện rằng, Mô Rôn lên trị vì thay thế hấn. Và Mô Rôn cũng làm nhiều điều tà ác trước mặt Chúa.

And it came to pass that Ethem did execute judgment in wickedness all his days; and he begat Moron. And it came to pass that Moron did reign in his stead; and Moron did that which was wicked before the Lord.

15 Và chuyện rằng, một cuộc nổi loạn đã xảy ra trong dân chúng cũng vì tập đoàn bí mật đó đã được thiết lập lên để chiếm quyền hành và lợi lộc; và có một người hùng mạnh trong sự bất chính trong bọn họ đến gây chiến với Mô Rôn, mà qua trận chiến kẻ đó đã lật đổ được một nửa vương quốc và chiếm giữ phân nửa vương quốc này suốt nhiều năm.

And it came to pass that there arose a rebellion among the people, because of that secret combination which was built up to get power and gain; and there arose a mighty man among them in iniquity, and gave battle unto Moron, in which he did overthrow the half of the kingdom; and he did maintain the half of the kingdom for many years.

16 Và chuyện rằng, Mô Rôn lật đổ được kẻ đó và chiếm lại vương quốc.

And it came to pass that Moron did overthrow him, and did obtain the kingdom again.

17 Và chuyện rằng, lại có một người hùng mạnh khác nổi lên. Người này là con cháu của anh của Gia Rét.

And it came to pass that there arose another mighty man; and he was a descendant of the brother of Jared.

18 Và chuyện rằng, người này lật đổ được Mô Rôn và chiếm vương quốc. Vậy nên Mô Rôn sống trong cảnh tù đầy trọn cuộc đời còn lại của mình; và hấn sinh ra Cô Ri An Tô.

And it came to pass that he did overthrow Moron and obtain the kingdom; wherefore, Moron dwelt in captivity all the remainder of his days; and he begat Coriantor.

19 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tô sống trong cảnh tù đầy suốt đời mình.

And it came to pass that Coriantor dwelt in captivity all his days.

20 Và vào thời Cô Ri An Tô, cũng có nhiều vị tiên tri đến nói tiên tri nhiều điều vĩ đại và kỳ diệu, cùng kêu gọi dân chúng hối cải, bằng không, thì Đức Chúa Trời sẽ hành phạt họ cho đến khi họ phải bị tận diệt;

21 Và rồi Đức Chúa Trời sẽ gửi hay đem một dân tộc khác đến chiếm xứ này bằng quyền năng của Ngài, theo cách thức mà Ngài đã đem tổ phụ họ tới đây vậy.

22 Nhưng họ đã bác bỏ tất cả những lời của các vị tiên tri cũng vì sự âm mưu liên kết bí mật và những hành vi độc ác khả ố của họ.

23 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tô sinh ra Ê The. Rồi ông qua đời sau khi đã sống trong cảnh tù đầy suốt đời mình.

And in the days of Coriantor there also came many prophets, and prophesied of great and marvelous things, and cried repentance unto the people, and except they should repent the Lord God would execute judgment against them to their utter destruction;

And that the Lord God would send or bring forth another people to possess the land, by his power, after the manner by which he brought their fathers.

And they did reject all the words of the prophets, because of their secret society and wicked abominations.

And it came to pass that Coriantor begat Ether, and he died, having dwelt in captivity all his days.

## Ê The 12

- 1 Và chuyện rằng, Ê The sống trong thời của Cô Ri An Tum Rơ; và Cô Ri An Tum Rơ là vua cai trị khắp xứ.
- 2 Và Ê The là một vị tiên tri của Chúa; vậy nên Ê The xuất hiện vào thời Cô Ri An Tum Rơ, và ông bắt đầu nói tiên tri cho dân chúng nghe, vì ông không thể dè nén được bởi Thánh Linh của Chúa hằng có nơi ông.
- 3 Vì ông đã kêu gọi dân chúng từ lúc sớm mai cho đến khi mặt trời lặn để khuyên nhủ họ phải tin nơi Thượng Đế, để hồi cải, bằng không, họ sẽ bị hủy diệt. Ông bảo họ rằng nhờ đức tin mọi việc sẽ được thực hiện—
- 4 Vậy nên, người nào tin Thượng Đế thì chắc chắn hy vọng sẽ được một thế giới tốt đẹp hơn, phải, một chỗ bên tay phải của Thượng Đế. Niềm hy vọng này do đức tin mà có, và là một chiếc neo đối với linh hồn loài người, làm cho họ được chắc chắn vững vàng, luôn luôn dò dào những việc làm tốt đẹp và được dẫn dắt để tôn vinh Thượng Đế.
- 5 Và chuyện rằng, Ê The đã nói tiên tri cho dân chúng biết những điều vĩ đại và kỳ diệu, nhưng họ không tin vì họ không trông thấy những điều ấy.
- 6 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, muốn nói một phần nào về những điều này. Tôi muốn chỉ cho thế gian thấy rằng, đức tin là những gì người ta hy vọng nhưng không trông thấy được; vậy thì các người chớ nên tranh biện vì lẽ mình không trông thấy được, vì các người không thể nhận được bằng chứng cho đến khi đức tin của các người đã được thử thách.
- 7 Vì chính nhờ đức tin nên Đấng Ky Tô mới hiện ra cho tổ phụ chúng ta thấy, sau khi Ngài đã sống lại từ cõi chết; và Ngài chỉ xuất hiện cho họ thấy sau khi họ đã có đức tin nơi Ngài; vậy nên, điều thiết yếu là một số người phải có đức tin nơi Ngài, vì Ngài không xuất hiện cho thế gian thấy.
- 8 Nhưng nhờ đức tin của loài người nên Ngài đã xuất hiện cho thế gian thấy, và đã vinh danh Đức Chúa Cha, cùng chuẩn bị một đường lối để nhờ đó những kẻ khác có thể chia sẻ ân tứ thiên thượng, ngõ hầu họ có thể hy vọng vào những điều mà họ chưa thấy được.

## Ether 12

And it came to pass that the days of Ether were in the days of Coriantumr; and Coriantumr was king over all the land.

And Ether was a prophet of the Lord; wherefore Ether came forth in the days of Coriantumr, and began to prophesy unto the people, for he could not be restrained because of the Spirit of the Lord which was in him.

For he did cry from the morning, even until the going down of the sun, exhorting the people to believe in God unto repentance lest they should be destroyed, saying unto them that by faith all things are fulfilled—

Wherefore, whoso believeth in God might with surety hope for a better world, yea, even a place at the right hand of God, which hope cometh of faith, maketh an anchor to the souls of men, which would make them sure and steadfast, always abounding in good works, being led to glorify God.

And it came to pass that Ether did prophesy great and marvelous things unto the people, which they did not believe, because they saw them not.

And now, I, Moroni, would speak somewhat concerning these things; I would show unto the world that faith is things which are hoped for and not seen; wherefore, dispute not because ye see not, for ye receive no witness until after the trial of your faith.

For it was by faith that Christ showed himself unto our fathers, after he had risen from the dead; and he showed not himself unto them until after they had faith in him; wherefore, it must needs be that some had faith in him, for he showed himself not unto the world.

But because of the faith of men he has shown himself unto the world, and glorified the name of the Father, and prepared a way that thereby others might be partakers of the heavenly gift, that they might hope for those things which they have not seen.



- 9 Vậy nên, các người cũng có thể hy vọng và cũng có thể chia sẻ ân tứ này nếu các người có đức tin.
- 10 Đây, chính nhờ đức tin mà người xưa được kêu gọi theo thánh ban của Thượng Đế.
- 11 Vậy nên, nhờ đức tin mà luật pháp Môi Se được ban hành. Nhưng trong ân tứ của Vị Nam Tử của Ngài, Thượng Đế đã chuẩn bị một đường lối tốt đẹp hơn; và chính nhờ đức tin mà luật pháp đó mới được làm tròn.
- 12 Vì nếu không có đức tin ở giữa con cái loài người thì Thượng Đế không thể làm phép lạ ở giữa họ được; vậy nên, Ngài chỉ cho họ thấy sau khi họ đã có đức tin.
- 13 Đây, chính đức tin của An Ma và A Mu Léc đã khiến cho nhà giam phải sụp đổ xuống đất.
- 14 Đây, chính đức tin của Nê Phi và Lê Hi đã tạo ra sự đổi thay cho dân La Man, khiến họ được báp têm bằng lửa và bằng Đức Thánh Linh.
- 15 Đây, chính đức tin của Am Môn và các anh em của ông đã làm ra được phép lạ vĩ đại giữa đám người La Man.
- 16 Phải, tất cả những người thực hiện được các phép lạ đều thực hiện nó qua đức tin của mình, những người sống trước thời Đấng Ky Tô hay sống sau thời Ngài cũng vậy.
- 17 Và cũng nhờ có đức tin mà ba môn đồ đã nhận được lời hứa là sẽ không nếm sự chết; và họ chỉ nhận được lời hứa đó sau khi họ đã có đức tin.
- 18 Và bất cứ thời nào loài người cũng chỉ làm được những phép lạ sau khi họ có đức tin mà thôi; vậy nên, việc đầu tiên là họ phải tin nơi Vị Nam Tử của Thượng Đế.
- 19 Và đã có nhiều người có một đức tin hết sức mạnh mẽ, dù họ sống trước ngày Đấng Ky Tô đến, nên họ không thể bị giữ ra khỏi bên trong bức màn che, mà trái lại, họ đã thực sự chính mắt trông thấy được những điều mà họ đã được nhìn thấy bằng con mắt của đức tin, và họ đã vui sướng.

Wherefore, ye may also have hope, and be partakers of the gift, if ye will but have faith.

Behold it was by faith that they of old were called after the holy order of God.

Wherefore, by faith was the law of Moses given. But in the gift of his Son hath God prepared a more excellent way; and it is by faith that it hath been fulfilled.

For if there be no faith among the children of men God can do no miracle among them; wherefore, he showed not himself until after their faith.

Behold, it was the faith of Alma and Amulek that caused the prison to tumble to the earth.

Behold, it was the faith of Nephi and Lehi that wrought the change upon the Lamanites, that they were baptized with fire and with the Holy Ghost.

Behold, it was the faith of Ammon and his brethren which wrought so great a miracle among the Lamanites.

Yea, and even all they who wrought miracles wrought them by faith, even those who were before Christ and also those who were after.

And it was by faith that the three disciples obtained a promise that they should not taste of death; and they obtained not the promise until after their faith.

And neither at any time hath any wrought miracles until after their faith; wherefore they first believed in the Son of God.

And there were many whose faith was so exceedingly strong, even before Christ came, who could not be kept from within the veil, but truly saw with their eyes the things which they had beheld with an eye of faith, and they were glad.

- 20 Và này, trong biên sử này, chúng ta đã được thấy rằng một trong những người đó là anh của Gia Rét; vì đức tin của ông nơi Thượng Đế thật quá lớn lao, đến nỗi khi Thượng Đế đưa ngón tay ra, Ngài không thể giấu nó trước mắt anh của Gia Rét được, vì lời của Ngài đã phán cùng ông, đó là lời mà ông đã nhận được nhờ có đức tin.
- 21 Và sau khi anh của Gia Rét đã thấy được ngón tay của Chúa, vì lời hứa mà anh của Gia Rét đã nhận được nhờ đức tin, thì Chúa không thể che giấu điều gì trước mặt ông được; vậy nên Ngài đã cho ông trông thấy mọi việc, vì ông không còn bị giữ lại bên ngoài bức màn che nữa.
- 22 Và nhờ đức tin mà tổ phụ tôi đã nhận được lời hứa rằng, những sự việc này sẽ đến với các đồng bào của họ qua người Dân Ngoại; vậy nên, Chúa đã truyền lệnh cho tôi, phải, chính Chúa Giê Su Kỵ Tô.
- 23 Và tôi thưa với Ngài rằng: Thưa Chúa, người Dân Ngoại sẽ nhạo báng những điều này, vì sự yếu kém của chúng con trong văn viết; vì lẽ Chúa chỉ làm cho chúng con được mạnh mẽ trong lời nói nhờ đức tin, nhưng Chúa không làm cho chúng con được mạnh mẽ trong văn viết; vì Ngài đã làm cho tất cả dân tộc này được nói nhiều, nhờ Đức Thánh Linh mà Ngài đã ban cho họ.
- 24 Và Ngài cũng làm cho chúng con viết được, nhưng chỉ chút ít, vì bàn tay chúng con vụng về. Này, Ngài không làm cho chúng con được mạnh mẽ trong văn viết như đối với anh của Gia Rét, vì Ngài đã làm cho những điều người ấy viết ra được mạnh mẽ như Ngài, để người nào đọc được những điều đó đều phải khiếp phục.
- 25 Ngài còn làm cho những lời nói của chúng con được đầy mãnh lực và vĩ đại đến nỗi chúng con không thể viết ra được; vậy nên, khi chúng con viết chúng con nhận thấy sự yếu kém của mình, và chúng con thấy lúng túng trong việc sắp đặt lời lẽ; và chúng con e rằng Dân Ngoại sẽ nhạo báng những lời lẽ của chúng con.
- 26 Và khi tôi nói xong những lời này, Chúa bèn phán cùng tôi: Những kẻ điên rồ sẽ nhạo báng, nhưng rồi chúng sẽ than khóc; và ân điển của ta sẽ đủ để ban cho người nhu mì, ngõ hầu họ không thể lợi dụng sự yếu kém của các người được.

And behold, we have seen in this record that one of these was the brother of Jared; for so great was his faith in God, that when God put forth his finger he could not hide it from the sight of the brother of Jared, because of his word which he had spoken unto him, which word he had obtained by faith.

And after the brother of Jared had beheld the finger of the Lord, because of the promise which the brother of Jared had obtained by faith, the Lord could not withhold anything from his sight; wherefore he showed him all things, for he could no longer be kept without the veil.

And it is by faith that my fathers have obtained the promise that these things should come unto their brethren through the Gentiles; therefore the Lord hath commanded me, yea, even Jesus Christ.

And I said unto him: Lord, the Gentiles will mock at these things, because of our weakness in writing; for Lord thou hast made us mighty in word by faith, but thou hast not made us mighty in writing; for thou hast made all this people that they could speak much, because of the Holy Ghost which thou hast given them;

And thou hast made us that we could write but little, because of the awkwardness of our hands. Behold, thou hast not made us mighty in writing like unto the brother of Jared, for thou madest him that the things which he wrote were mighty even as thou art, unto the overpowering of man to read them.

Thou hast also made our words powerful and great, even that we cannot write them; wherefore, when we write we behold our weakness, and stumble because of the placing of our words; and I fear lest the Gentiles shall mock at our words.

And when I had said this, the Lord spake unto me, saying: Fools mock, but they shall mourn; and my grace is sufficient for the meek, that they shall take no advantage of your weakness;

- 27 Và nếu loài người đến cùng ta, ta sẽ chỉ cho họ thấy sự yếu kém của họ. Ta ban cho loài người sự yếu kém để họ biết khiêm nhường; và ân điển của ta cũng đủ để ban cho tất cả những ai biết hạ mình trước mặt ta; vì nếu họ biết hạ mình trước mặt ta và có đức tin nơi ta, thì lúc đó ta sẽ làm cho những điều yếu kém trở nên mạnh mẽ đối với họ.
- 28 Nay, ta sẽ chỉ cho người Dân Ngoại thấy sự yếu kém của họ, và ta sẽ cho họ thấy rằng đức tin, hy vọng, và lòng bác ái sẽ đưa họ đến cùng ta là nguồn gốc của mọi điều ngay chính.
- 29 Và tôi, Mô Rô Ni, sau khi nghe được những lời này, cảm thấy được an ủi, bèn thưa rằng: Thưa Chúa, ý muốn ngay chính của Ngài sẽ được thực hiện, vì con biết rằng Ngài thực hiện cho con cái loài người tùy theo đức tin của họ;
- 30 Vì anh của Gia Rét đã nói với núi Giê Rin rằng: Hãy dời đi—thì núi dời đi. Và nếu ông ta không có đức tin thì núi đó đã không dời đi, vậy nên Ngài chỉ thực hiện sau khi loài người có đức tin.
- 31 Vì Ngài cũng đã làm như vậy khi Ngài hiện ra cho các môn đồ của Ngài thấy; vì sau khi họ có đức tin và đã nói lên trong danh Ngài, thì Ngài hiện ra cho họ thấy trong quyền năng lớn lao.
- 32 Và con còn nhớ rằng, Ngài từng phán bảo rằng Ngài đã chuẩn bị một ngôi nhà cho loài người, phải, trong số những gian nhà của Cha Ngài, nơi mà loài người có thể có được hy vọng toàn hảo hơn; vậy nên, loài người phải hy vọng, nếu không, họ sẽ không nhận được sự thừa hưởng tại nơi Ngài đã chuẩn bị.
- 33 Và lại nữa, con còn nhớ rằng, Ngài đã phán bảo rằng Ngài thương yêu thế gian đến nỗi Ngài phải phó mạng sống của Ngài cho thế gian, ngõ hầu Ngài có thể lấy nó lại để chuẩn bị một nơi cho con cái loài người.
- 34 Và giờ đây, con biết rằng tình thương yêu này mà Ngài dành cho con cái loài người là lòng bác ái; vậy nên, nếu loài người không có lòng bác ái, thì họ không thừa hưởng được nơi mà Ngài đã chuẩn bị trong các gian nhà của Cha Ngài.

And if men come unto me I will show unto them their weakness. I give unto men weakness that they may be humble; and my grace is sufficient for all men that humble themselves before me; for if they humble themselves before me, and have faith in me, then will I make weak things become strong unto them.

Behold, I will show unto the Gentiles their weakness, and I will show unto them that faith, hope and charity bringeth unto me—the fountain of all righteousness.

And I, Moroni, having heard these words, was comforted, and said: O Lord, thy righteous will be done, for I know that thou workest unto the children of men according to their faith;

For the brother of Jared said unto the mountain Zerin, Remove—and it was removed. And if he had not had faith it would not have moved; wherefore thou workest after men have faith.

For thus didst thou manifest thyself unto thy disciples; for after they had faith, and did speak in thy name, thou didst show thyself unto them in great power.

And I also remember that thou hast said that thou hast prepared a house for man, yea, even among the mansions of thy Father, in which man might have a more excellent hope; wherefore man must hope, or he cannot receive an inheritance in the place which thou hast prepared.

And again, I remember that thou hast said that thou hast loved the world, even unto the laying down of thy life for the world, that thou mightest take it again to prepare a place for the children of men.

And now I know that this love which thou hast had for the children of men is charity; wherefore, except men shall have charity they cannot inherit that place which thou hast prepared in the mansions of thy Father.

35 Vậy nên, nhờ điều Ngài phán bảo mà con biết được rằng, nếu người Dân Ngoại không có lòng bác ái, vì sự yếu kém của chúng con, thì Ngài sẽ thử thách họ, Ngài sẽ cất bỏ tài năng của họ, phải, tất cả những gì họ đã nhận được, để đem ban cho những người nào đáng được có nhiều hơn.

36 Và chuyện rằng, tôi cầu nguyện lên Chúa, xin Ngài ban ân điển cho Dân Ngoại, để họ có lòng bác ái.

37 Và chuyện rằng, Chúa phán cùng tôi rằng: Nếu họ không có lòng bác ái thì điều đó chẳng ảnh hưởng gì đến người, vì người đã trung thành, vậy nên, y phục của người sẽ được tẩy sạch. Và vì lẽ người đã thấy được sự yếu kém của mình nên người sẽ được làm cho mạnh, để được ngồi nơi mà ta đã chuẩn bị trong các gian nhà của Cha ta.

38 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, xin nói lời vĩnh biệt với Dân Ngoại, phải, và vĩnh biệt luôn cả những người anh em mà tôi yêu dấu, cho đến khi chúng ta gặp lại nhau trước ghế phán xét của Đấng Ky Tô, nơi mà mọi người sẽ biết rằng, y phục của tôi không bị tì vết bởi máu của các người.

39 Và lúc đó, các người sẽ biết rằng, tôi đã thấy Chúa Giê Su, và Ngài đã đối diện nói chuyện với tôi. Ngài đã nói với tôi một cách rất khiêm nhường về những điều này, bằng ngôn ngữ của tôi, chẳng khác chi hai người trần nói chuyện với nhau vậy;

40 Và tôi chỉ viết lại một vài điều, vì tôi yếu kém trong việc viết văn.

41 Và giờ đây, tôi muốn khuyên nhủ các người hãy tìm kiếm Chúa Giê Su này, tức là Đấng mà các tiên tri và các sứ đồ đã từng viết đến, để cho ân điển của Thượng Đế Đức Chúa Cha, và Chúa Giê Su Ky Tô, và Đức Thánh Linh, là Đấng làm chứng cho hai Ngài, sẽ có trong các người và tồn tại trong các người mãi mãi. A Men.

Wherefore, I know by this thing which thou hast said, that if the Gentiles have not charity, because of our weakness, that thou wilt prove them, and take away their talent, yea, even that which they have received, and give unto them who shall have more abundantly.

And it came to pass that I prayed unto the Lord that he would give unto the Gentiles grace, that they might have charity.

And it came to pass that the Lord said unto me: If they have not charity it mattereth not unto thee, thou hast been faithful; wherefore, thy garments shall be made clean. And because thou hast seen thy weakness thou shalt be made strong, even unto the sitting down in the place which I have prepared in the mansions of my Father.

And now I, Moroni, bid farewell unto the Gentiles, yea, and also unto my brethren whom I love, until we shall meet before the judgment-seat of Christ, where all men shall know that my garments are not spotted with your blood.

And then shall ye know that I have seen Jesus, and that he hath talked with me face to face, and that he told me in plain humility, even as a man telleth another in mine own language, concerning these things;

And only a few have I written, because of my weakness in writing.

And now, I would commend you to seek this Jesus of whom the prophets and apostles have written, that the grace of God the Father, and also the Lord Jesus Christ, and the Holy Ghost, which beareth record of them, may be and abide in you forever. Amen.

## Ê The 13

- 1 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, tiếp tục viết nốt biên sử về sự hủy diệt của sắc dân mà tôi đang viết và đề cập đến.
- 2 Vì này, họ đã bác bỏ tất cả những lời nói của Ê The; vì ông đã nói với họ sự thật về mọi điều, từ lúc khởi đầu của loài người; và rằng, sau khi nước rút khỏi mặt đất của xứ này, thì nó đã trở thành một xứ chọn lọc hơn hết thảy mọi xứ khác, một xứ được Chúa chọn lọc; vậy nên, Chúa muốn rằng, tất cả loài người sống trong xứ này đều phải phục vụ Ngài;
- 3 Và đây là địa điểm của Tân Giê Ru Sa Lem, và nó sẽ từ trên trời mà giáng xuống, và là thánh đường của Chúa.
- 4 Này, Ê The đã trông thấy thời đại của Đấng Kỳ Tô, và ông đã nói đến một Tân Giê Ru Sa Lem tại xứ này.
- 5 Và ông cũng đã nói về gia tộc Y Sơ Ra Ên và Giê Ru Sa Lem là nơi mà từ đó Lê Hi sẽ đến—sau khi bị hủy diệt, nó sẽ được xây dựng lại thành một thành phố thánh cho Chúa; vậy nên, nó không phải là một Tân Giê Ru Sa Lem, vì ngày xưa nó đã có rồi, nhưng nay nó phải được xây cất lại và trở thành một thành phố thánh của Chúa; và nó phải được xây dựng lên cho gia tộc Y Sơ Ra Ên—
- 6 Còn Tân Giê Ru Sa Lem thì sẽ được xây dựng trên xứ này cho những dân còn sót lại của dòng dõi của Giô Sép, vì việc này đã có một biểu tượng.
- 7 Vì như Giô Sép đã dẫn cha mình vào xứ Ai Cập, và ông ta đã chết ở đó, nên Chúa dẫn những dân còn sót lại của dòng dõi của Giô Sép ra khỏi xứ Giê Ru Sa Lem, để Ngài có thể thương xót dòng dõi của Giô Sép, khiến họ khỏi bị diệt vong, cũng như Ngài đã thương xót phụ thân của Giô Sép để ông này khỏi bị diệt vong.
- 8 Vậy nên, dân còn sót lại của gia tộc Giô Sép sẽ định cư trên xứ này, và đây sẽ là xứ thừa hưởng của họ. Họ sẽ dựng lên một thành phố thánh cho Chúa, chẳng khác chi thành Giê Ru Sa Lem thời xưa vậy; và họ sẽ không còn bị lẫn lộn nữa, cho đến khi sự tận cùng đến, là lúc trái đất sẽ qua đi.
- 9 Và sẽ có trời mới và đất mới; và nó sẽ giống như xưa, chỉ trừ những gì cũ đều đã qua đi, và vạn vật đều đổi mới.

## Ether 13

And now I, Moroni, proceed to finish my record concerning the destruction of the people of whom I have been writing.

For behold, they rejected all the words of Ether; for he truly told them of all things, from the beginning of man; and that after the waters had receded from off the face of this land it became a choice land above all other lands, a chosen land of the Lord; wherefore the Lord would have that all men should serve him who dwell upon the face thereof;

And that it was the place of the New Jerusalem, which should come down out of heaven, and the holy sanctuary of the Lord.

Behold, Ether saw the days of Christ, and he spake concerning a New Jerusalem upon this land.

And he spake also concerning the house of Israel, and the Jerusalem from whence Lehi should come—after it should be destroyed it should be built up again, a holy city unto the Lord; wherefore, it could not be a new Jerusalem for it had been in a time of old; but it should be built up again, and become a holy city of the Lord; and it should be built unto the house of Israel—

And that a New Jerusalem should be built up upon this land, unto the remnant of the seed of Joseph, for which things there has been a type.

For as Joseph brought his father down into the land of Egypt, even so he died there; wherefore, the Lord brought a remnant of the seed of Joseph out of the land of Jerusalem, that he might be merciful unto the seed of Joseph that they should perish not, even as he was merciful unto the father of Joseph that he should perish not.

Wherefore, the remnant of the house of Joseph shall be built upon this land; and it shall be a land of their inheritance; and they shall build up a holy city unto the Lord, like unto the Jerusalem of old; and they shall no more be confounded, until the end come when the earth shall pass away.

And there shall be a new heaven and a new earth; and they shall be like unto the old save the old have passed away, and all things have become new.

10 Rồi một Tân Giê Ru Sa Lem sẽ đến; và phước thay cho những ai được sống trong đó, vì chính họ là những người có y phục được tẩy trắng nhờ máu của Chiên Con. Họ là những người được tính vào số dân còn sót lại của dòng dõi của Giô Sép, tức là những người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên.

11 Và rồi Giê Ru Sa Lem của thời xưa cũng sẽ đến; và những dân cư trong ấy, phước thay cho họ, vì họ đã được tẩy sạch nhờ máu của Chiên Con. Họ là những người bị phân tán, nhưng được quy tụ lại từ bốn phương trời của thế gian, và từ các xứ miền bắc. Họ là những người được chia sẻ sự làm tròn giao ước mà Thượng Đế đã lập với tổ phụ của họ là Áp Ra Ham.

12 Và khi những điều này đến, thì lời thánh thư sau đây sẽ được ứng nghiệm: Những người đầu tiên sẽ trở thành những kẻ sau cùng, và những kẻ sau cùng sẽ trở thành những người đầu tiên.

13 Và tôi định viết thêm nhiều nữa, nhưng tôi bị ngăn cấm. Những điều tiên tri của Ê The thật vĩ đại và kỳ diệu thay; vậy mà họ xem ông chẳng ra gì, họ đã xua đuổi ông đi; và ông đã ẩn mình trong hốc đá lúc ban ngày, và đêm đến ông đi ra xem xét những sự việc đã xảy ra cho dân chúng.

14 Và trong thời gian ông ẩn mình trong hốc đá, ông đã viết nốt phần còn lại của biên sử này, trong khi nhìn những sự hủy diệt đến với dân chúng lúc ban đêm.

15 Và chuyện rằng, cùng trong năm mà ông bị xua đuổi ra khỏi dân chúng, đã bắt đầu xảy ra một cuộc chiến tranh lớn ở giữa dân chúng, vì có nhiều người hùng mạnh nổi lên tìm cách hủy diệt Cô Ri An Tum Rơ, bằng những kế hoạch tà ác bí mật như đã được nói đến.

16 Và giờ đây Cô Ri An Tum Rơ, nhờ đã từng nghiên cứu tất cả các kỹ thuật chiến tranh và tất cả những sự xảo quyệt của thế gian nên hắn đã đến gây chiến với những kẻ tìm cách giết hại mình.

And then cometh the New Jerusalem; and blessed are they who dwell therein, for it is they whose garments are white through the blood of the Lamb; and they are they who are numbered among the remnant of the seed of Joseph, who were of the house of Israel.

And then also cometh the Jerusalem of old; and the inhabitants thereof, blessed are they, for they have been washed in the blood of the Lamb; and they are they who were scattered and gathered in from the four quarters of the earth, and from the north countries, and are partakers of the fulfilling of the covenant which God made with their father, Abraham.

And when these things come, bringeth to pass the scripture which saith, there are they who were first, who shall be last; and there are they who were last, who shall be first.

And I was about to write more, but I am forbidden; but great and marvelous were the prophecies of Ether; but they esteemed him as naught, and cast him out; and he hid himself in the cavity of a rock by day, and by night he went forth viewing the things which should come upon the people.

And as he dwelt in the cavity of a rock he made the remainder of this record, viewing the destructions which came upon the people, by night.

And it came to pass that in that same year in which he was cast out from among the people there began to be a great war among the people, for there were many who rose up, who were mighty men, and sought to destroy Coriantumr by their secret plans of wickedness, of which hath been spoken.

And now Coriantumr, having studied, himself, in all the arts of war and all the cunning of the world, wherefore he gave battle unto them who sought to destroy him.

- 17 Nhưng hắn đã không hối cải, và những con trai và con gái xinh đẹp của hắn cũng vậy; và luôn cả những con trai và con gái xinh đẹp của Cô Ho và những con trai và con gái xinh đẹp của Cô Ri Ho cũng vậy; nói tóm lại là tất cả những trai xinh gái đẹp trên mặt đất này đều không hối cải những tội lỗi của mình.
- 18 Vậy nên, chuyện rằng, trong năm thứ nhất lúc Ê The ẩn náu trong hốc đá, có nhiều người bị giết chết bởi lưỡi gươm của những tập đoàn bí mật ấy, khi chúng giao chiến với Cô Ri An Tum Rơ để chiếm vương quốc.
- 19 Và chuyện rằng, các con trai của Cô Ri An Tum Rơ chiến đấu nhiều và bị đổ máu nhiều.
- 20 Và đến năm thứ hai, lời của Chúa đến với Ê The mà rằng ông phải đi nói tiên tri cho Cô Ri An Tum Rơ hay rằng, nếu hắn cùng tất cả gia đình chịu hối cải, thì Chúa sẽ ban cho hắn vương quốc và tha cho dân chúng—
- 21 Bằng không, thì họ sẽ bị hủy diệt, và tất cả gia đình hắn ngoại trừ hắn cũng sẽ bị hủy diệt. Và hắn sẽ sống chỉ để chứng kiến sự ứng nghiệm của các lời tiên tri nói về việc một dân tộc khác sẽ đến nhận xứ này làm xứ thừa hưởng; và Cô Ri An Tum Rơ sẽ được những người ấy chôn cất; và tất cả mọi người sẽ bị hủy diệt ngoại trừ Cô Ri An Tum Rơ.
- 22 Và chuyện rằng Cô Ri An Tum Rơ không hối cải, và gia đình hắn và dân chúng cũng vậy; và chiến tranh vẫn không chấm dứt. Họ tìm cách giết chết Ê The nhưng ông đã chạy trốn khỏi họ và vào ẩn lại trong hốc đá.
- 23 Và chuyện rằng, Sa Rét nổi loạn và cũng gây chiến với Cô Ri An Tum Rơ; và hắn đánh bại Cô Ri An Tum Rơ, đến nỗi vào năm thứ ba hắn bắt được Cô Ri An Tum Rơ cầm tù.
- 24 Và đến năm thứ tư, các con trai của Cô Ri An Tum Rơ đánh bại Sa Rét và chiếm lại được vương quốc cho cha họ.
- 25 Giờ đây chiến tranh bắt đầu lan tràn khắp nơi trong xứ, mỗi người cầm đầu một nhóm đánh phá để giành lấy những gì mình thích.
- 26 Và rồi có nhiều trộm cướp. Nói tóm lại, khắp trong xứ xảy ra đủ mọi chuyện tà ác.

But he repented not, neither his fair sons nor daughters; neither the fair sons and daughters of Cohor; neither the fair sons and daughters of Corihor; and in fine, there were none of the fair sons and daughters upon the face of the whole earth who repented of their sins.

Wherefore, it came to pass that in the first year that Ether dwelt in the cavity of a rock, there were many people who were slain by the sword of those secret combinations, fighting against Coriantumr that they might obtain the kingdom.

And it came to pass that the sons of Coriantumr fought much and bled much.

And in the second year the word of the Lord came to Ether, that he should go and prophesy unto Coriantumr that, if he would repent, and all his household, the Lord would give unto him his kingdom and spare the people—

Otherwise they should be destroyed, and all his household save it were himself. And he should only live to see the fulfilling of the prophecies which had been spoken concerning another people receiving the land for their inheritance; and Coriantumr should receive a burial by them; and every soul should be destroyed save it were Coriantumr.

And it came to pass that Coriantumr repented not, neither his household, neither the people; and the wars ceased not; and they sought to kill Ether, but he fled from before them and hid again in the cavity of the rock.

And it came to pass that there arose up Shared, and he also gave battle unto Coriantumr; and he did beat him, insomuch that in the third year he did bring him into captivity.

And the sons of Coriantumr, in the fourth year, did beat Shared, and did obtain the kingdom again unto their father.

Now there began to be a war upon all the face of the land, every man with his band fighting for that which he desired.

And there were robbers, and in fine, all manner of wickedness upon all the face of the land.

- 27 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tum Rơ vô cùng tức giận Sa Rét. Hắn đem quân tiến đánh Sa Rét, và họ đụng độ với nhau trong cơn tức giận cực độ tại thung lũng Ghinh Ganh, và trận chiến trở nên vô cùng ác liệt.
- 28 Và chuyện rằng, Sa Rét giao chiến với Cô Ri An Tum Rơ trong suốt thời gian ba ngày. Và chuyện rằng Cô Ri An Tum Rơ đánh bại được hắn và rượt đuổi hắn đến tận đồng bằng Hết Lân.
- 29 Và chuyện rằng, Sa Rét lại giao chiến với Cô Ri An Tum Rơ trên vùng đồng bằng; và này, hắn đánh bại được Cô Ri An Tum Rơ và đánh đuổi Cô Ri An Tum Rơ lui về lại thung lũng Ghinh Ganh.
- 30 Và Cô Ri An Tum Rơ lại giao chiến với Sa Rét trong thung lũng Ghinh Ganh, và tại đây hắn đã đánh bại và giết chết được Sa Rét.
- 31 Và Sa Rét cũng làm cho Cô Ri An Tum Rơ bị thương ở đùi khiến hắn không thể xuất trận được trong thời gian hai năm khi mà tất cả dân chúng khắp xứ đều gây cảnh đổ máu mà không một ai ngăn cản được.

And it came to pass that Coriantumr was exceedingly angry with Shared, and he went against him with his armies to battle; and they did meet in great anger, and they did meet in the valley of Gilgal; and the battle became exceedingly sore.

And it came to pass that Shared fought against him for the space of three days. And it came to pass that Coriantumr beat him, and did pursue him until he came to the plains of Heshlon.

And it came to pass that Shared gave him battle again upon the plains; and behold, he did beat Coriantumr, and drove him back again to the valley of Gilgal.

And Coriantumr gave Shared battle again in the valley of Gilgal, in which he beat Shared and slew him.

And Shared wounded Coriantumr in his thigh, that he did not go to battle again for the space of two years, in which time all the people upon the face of the land were shedding blood, and there was none to restrain them.



## Ê The 14

- 1 Và giờ đây một sự rủa sả lớn lao đã bắt đầu giáng xuống khắp nơi trong xứ, vì sự bất chính của dân chúng, như là nếu có một người cất dụng cụ hay gươm của mình trên giá, hay nơi nào mà người đó muốn cất, này, đến ngày hôm sau, người đó không còn tìm thấy vật ấy nữa. Thật lớn lao thay cho sự rủa sả trên xứ này.
- 2 Vậy nên, mỗi người đều giữ chặt trong tay những vật sở hữu của mình, và họ cũng không mượn hoặc cho ai mượn. Mọi người đều nắm chặt chuôi gươm trong tay phải của mình để bảo vệ tài sản cùng mạng sống của mình và vợ con mình.
- 3 Và giờ đây, sau thời gian hai năm, và sau cái chết của Sa Rét, này, có một người em của Sa Rét nổi lên gây chiến với Cô Ri An Tum Rơ. Trong trận ấy, Cô Ri An Tum Rơ đánh thắng và rượt đuổi người đó chạy vào vùng hoang dã A Kích.
- 4 Và chuyện rằng, em của Sa Rét giao chiến với hắn trong vùng hoang dã A Kích; và trận chiến ấy trở nên vô cùng khốc liệt, và có hàng ngàn người phải ngã gục dưới lưỡi gươm.
- 5 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tum Rơ cho quân bao vây vùng hoang dã; nhưng em của Sa Rét cho quân tiến ra khỏi vùng hoang dã lúc ban đêm, và giết chết được một phần quân lính của Cô Ri An Tum Rơ trong lúc chúng đang say rượu.
- 6 Rồi người đó tiến thẳng về xứ Mô Rôn và tự đặt mình lên trên ngôi của Cô Ri An Tum Rơ.
- 7 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tum Rơ phải sống trong vùng hoang dã với quân của hắn trong suốt hai năm, và trong thời gian này, hắn đã nhận được nhiều quân tăng cường cho quân của mình.
- 8 Giờ đây em của Sa Rét tên là Ga La Át cũng nhận được nhiều quân tăng cường cho quân của mình, nhờ những tập đoàn bí mật.
- 9 Và chuyện rằng, một thầy tư tế thượng phẩm của hắn đã ám sát hắn khi hắn đang ngồi trên ngôi.

## Ether 14

And now there began to be a great curse upon all the land because of the iniquity of the people, in which, if a man should lay his tool or his sword upon his shelf, or upon the place whither he would keep it, behold, upon the morrow, he could not find it, so great was the curse upon the land.

Wherefore every man did cleave unto that which was his own, with his hands, and would not borrow neither would he lend; and every man kept the hilt of his sword in his right hand, in the defence of his property and his own life and of his wives and children.

And now, after the space of two years, and after the death of Shared, behold, there arose the brother of Shared and he gave battle unto Coriantumr, in which Coriantumr did beat him and did pursue him to the wilderness of Akish.

And it came to pass that the brother of Shared did give battle unto him in the wilderness of Akish; and the battle became exceedingly sore, and many thousands fell by the sword.

And it came to pass that Coriantumr did lay siege to the wilderness; and the brother of Shared did march forth out of the wilderness by night, and slew a part of the army of Coriantumr, as they were drunken.

And he came forth to the land of Moron, and placed himself upon the throne of Coriantumr.

And it came to pass that Coriantumr dwelt with his army in the wilderness for the space of two years, in which he did receive great strength to his army.

Now the brother of Shared, whose name was Gilead, also received great strength to his army, because of secret combinations.

And it came to pass that his high priest murdered him as he sat upon his throne.

- 10 Và chuyện rằng, một người trong tập đoàn bí mật lại giết chết ông này trong một đường ngầm bí mật, và chiếm lấy vương quốc cho mình; người này tên là Líp; và Líp là một người có vóc dáng to lớn, lực lưỡng hơn tất cả mọi người khác trong tất cả dân chúng.
- 11 Và chuyện rằng, trong năm đầu của Líp, Cô Ri An Tum Rơ lại đến xứ Mô Rôn gây chiến với Líp.
- 12 Và chuyện rằng, hấn giao chiến với Líp, và trong trận này Líp đã đánh hấn bị thương nơi cánh tay; tuy vậy, quân của Cô Ri An Tum Rơ xông tới đánh Líp, khiến Líp phải bỏ chạy đến vùng ranh giới cạnh bờ biển.
- 13 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tum Rơ rượt theo, và Líp giao chiến với hấn trên bờ biển.
- 14 Và chuyện rằng, Líp lại đánh thắng quân của Cô Ri An Tum Rơ, khiến chúng phải chạy trốn trở về vùng hoang dã A Kích.
- 15 Và chuyện rằng, Líp rượt đuổi theo hấn mãi tới đồng bằng A Gốt. Và Cô Ri An Tum Rơ đã đem tất cả dân chúng đi theo hấn, khi hấn chạy trốn Líp đến phần đất này nơi mà hấn chạy trốn.
- 16 Và khi đến được đồng bằng A Gốt, hấn bèn giao chiến với Líp và hấn đánh Líp cho đến khi Líp bị giết chết; tuy nhiên, em của Líp lại đến đánh với Cô Ri An Tum Rơ thay cho anh, và trận chiến lại trở nên vô cùng khốc liệt. Trong trận này, Cô Ri An Tum Rơ, một lần nữa, phải chạy trốn quân em của Líp.
- 17 Bây giờ em của Líp tên là Si Giơ. Và chuyện rằng, Si Giơ đuổi theo Cô Ri An Tum Rơ, và hấn tàn phá rất nhiều thành phố, và giết hại rất nhiều đàn bà và trẻ con cùng đốt cháy các thành phố đó.
- 18 Và Si Giơ làm cho khắp xứ phải khiếp sợ; phải, tiếng kêu than nổi lên khắp xứ—Ai có thể đương cự nổi với quân của Si Giơ? Nay, hấn đi đến đâu là quét sạch đến đó!
- 19 Và chuyện rằng, khắp nơi trong xứ, dân chúng bắt đầu quy tụ lại thành những đạo quân.

And it came to pass that one of the secret combinations murdered him in a secret pass, and obtained unto himself the kingdom; and his name was Lib; and Lib was a man of great stature, more than any other man among all the people.

And it came to pass that in the first year of Lib, Coriantumr came up unto the land of Moron, and gave battle unto Lib.

And it came to pass that he fought with Lib, in which Lib did smite upon his arm that he was wounded; nevertheless, the army of Coriantumr did press forward upon Lib, that he fled to the borders upon the seashore.

And it came to pass that Coriantumr pursued him; and Lib gave battle unto him upon the seashore.

And it came to pass that Lib did smite the army of Coriantumr, that they fled again to the wilderness of Akish.

And it came to pass that Lib did pursue him until he came to the plains of Agosh. And Coriantumr had taken all the people with him as he fled before Lib in that quarter of the land whither he fled.

And when he had come to the plains of Agosh he gave battle unto Lib, and he smote upon him until he died; nevertheless, the brother of Lib did come against Coriantumr in the stead thereof, and the battle became exceedingly sore, in the which Coriantumr fled again before the army of the brother of Lib.

Now the name of the brother of Lib was called Shiz. And it came to pass that Shiz pursued after Coriantumr, and he did overthrow many cities, and he did slay both women and children, and he did burn the cities.

And there went a fear of Shiz throughout all the land; yea, a cry went forth throughout the land—Who can stand before the army of Shiz? Behold, he sweepeth the earth before him!

And it came to pass that the people began to flock together in armies, throughout all the face of the land.

20 Và họ chia làm hai phe; một phe chạy trốn đến với quân của Si Giơ, còn một phe thì chạy trốn đến với quân của Cô Ri An Tum Rơ.

21 Và cuộc chiến ấy thật là lớn lao và lâu dài; cảnh máu đổ và tàn sát đã xảy ra quá lâu đến nỗi cả mặt đất ngổn ngang đầy những xác chết.

22 Và chiến tranh xảy ra quá mau lẹ và cấp tốc khiến cho không còn ai ở lại để chôn người chết. Họ đi từ cuộc đổ máu này đến cuộc đổ máu khác, bỏ mặc những xác chết của đàn ông, đàn bà và trẻ con nằm ngổn ngang trên mặt đất, làm mồi cho loài dòi bọ rĩa thịt.

23 Và mùi hôi thúi xông lên khắp nơi, đến nỗi nó lan tràn khắp xứ; vậy nên, dân chúng rất khổ sở đêm ngày vì mùi xú ối đó.

24 Vậy mà Si Giơ vẫn không ngừng đuổi theo Cô Ri An Tum Rơ; vì hắn đã thề phải trả thù Cô Ri An Tum Rơ cho máu của anh hắn, là người đã bị giết chết, và vì lời của Chúa đã phán bảo Ê The rằng, Cô Ri An Tum Rơ sẽ không ngã gục dưới lưỡi gươm.

25 Và do đó mà chúng ta thấy được rằng, Chúa đã đến viếng họ trong cơn thịnh nộ tràn đầy của Ngài, và sự tà ác cùng những điều khỗ ó của họ đã sửa soạn cho họ một con đường đưa đến sự hủy diệt vĩnh viễn.

26 Và chuyện rằng, Si Giơ rượt đuổi Cô Ri An Tum Rơ chạy về phía đông, tận tới vùng ranh giới cạnh bờ biển. Và ở đây Cô Ri An Tum Rơ giao chiến với Si Giơ suốt ba ngày.

27 Và quân của Si Giơ bị tàn sát thật là khủng khiếp, khiến dân chúng bắt đầu khiếp sợ, và bắt đầu chạy trốn quân của Cô Ri An Tum Rơ, và chúng chạy trốn về xứ Cô Ri Ho, và đi tới đâu là chúng tàn sát hết những dân cư nào không theo chúng.

28 Và chúng dựng trại trong thung lũng Cô Ri Ho, còn Cô Ri An Tum Rơ thì dựng trại trong thung lũng Su Rơ. Bấy giờ thung lũng Su Rơ nằm gần bên ngọn đồi Com No; vậy nên Cô Ri An Tum Rơ tập hợp quân của mình trên ngọn đồi Com No, và thổi kèn thách quân của Si Giơ ra giao chiến.

And they were divided; and a part of them fled to the army of Shiz, and a part of them fled to the army of Coriantumr.

And so great and lasting had been the war, and so long had been the scene of bloodshed and carnage, that the whole face of the land was covered with the bodies of the dead.

And so swift and speedy was the war that there was none left to bury the dead, but they did march forth from the shedding of blood to the shedding of blood, leaving the bodies of both men, women, and children strewed upon the face of the land, to become a prey to the worms of the flesh.

And the scent thereof went forth upon the face of the land, even upon all the face of the land; wherefore the people became troubled by day and by night, because of the scent thereof.

Nevertheless, Shiz did not cease to pursue Coriantumr; for he had sworn to avenge himself upon Coriantumr of the blood of his brother, who had been slain, and the word of the Lord which came to Ether that Coriantumr should not fall by the sword.

And thus we see that the Lord did visit them in the fulness of his wrath, and their wickedness and abominations had prepared a way for their everlasting destruction.

And it came to pass that Shiz did pursue Coriantumr eastward, even to the borders by the seashore, and there he gave battle unto Shiz for the space of three days.

And so terrible was the destruction among the armies of Shiz that the people began to be frightened, and began to flee before the armies of Coriantumr; and they fled to the land of Corihor, and swept off the inhabitants before them, all them that would not join them.

And they pitched their tents in the valley of Corihor; and Coriantumr pitched his tents in the valley of Shurr. Now the valley of Shurr was near the hill Comnor; wherefore, Coriantumr did gather his armies together upon the hill Comnor, and did sound a trumpet unto the armies of Shiz to invite them forth to battle.

29 Và chuyện rằng, chúng tiến quân ra đánh, nhưng lại bị đẩy lui; và chúng lại tiến quân lần thứ hai, nhưng lần thứ hai cũng bị đẩy lui. Và chuyện rằng, chúng lại tiến quân ra đánh lần thứ ba, và trận chiến trở nên vô cùng ác liệt.

30 Và chuyện rằng, Si Giơ giao chiến với Cô Ri An Tum Rơ và gây cho hắn nhiều vết thương nặng; và vì Cô Ri An Tum Rơ bị mất máu quá nhiều nên ngất xỉu và được khiêng đi như người đã chết.

31 Giờ đây vì số đàn ông, đàn bà, và trẻ con cả hai bên đều chết quá nhiều nên Si Giơ ra lệnh cho quân mình không được đuổi theo quân của Cô Ri An Tum Rơ nữa; vậy nên chúng cùng nhau trở về trại của mình.

And it came to pass that they came forth, but were driven again; and they came the second time, and they were driven again the second time. And it came to pass that they came again the third time, and the battle became exceedingly sore.

And it came to pass that Shiz smote upon Coriantumr that he gave him many deep wounds; and Coriantumr, having lost his blood, fainted, and was carried away as though he were dead.

Now the loss of men, women and children on both sides was so great that Shiz commanded his people that they should not pursue the armies of Coriantumr; wherefore, they returned to their camp.

## Ê The 15

- 1 Và chuyện rằng, khi các vết thương của Cô Ri An Tum Rơ đã lành, hấn bắt đầu nhớ lại những lời Ê The đã nói với hấn.
- 2 Hấn thấy có gần hai triệu dân của hấn đã bị giết chết dưới gươm đao, và hấn bắt đầu cảm thấy buồn khổ trong lòng; phải, hai triệu đàn ông khỏe mạnh đã bị giết chết cùng với vợ con họ.
- 3 Và hấn bắt đầu hối cải những điều độc ác hấn đã làm; hấn bắt đầu nhớ lại những lời từ miệng của tất cả các tiên tri nói ra, và hấn thấy rằng, cho đến nay những lời đó đều ứng nghiệm, không sai một mảy may nào; rồi tâm hồn hấn than khóc, và không chịu để được an ủi.
- 4 Và chuyện rằng, hấn viết cho Si Giơ một bức thư, mong muốn Si Giơ hãy dung tha cho dân chúng, và hấn vui lòng nhường lại vương quốc của mình để đổi lấy mạng sống cho dân.
- 5 Và chuyện rằng, khi nhận được bức thư, Si Giơ bèn viết một bức thư trả lời Cô Ri An Tum Rơ rằng nếu Cô Ri An Tum Rơ chịu nạp mình để hấn giết bằng chính lưỡi gươm của hấn, thì hấn sẽ tha mạng cho dân chúng.
- 6 Và chuyện rằng, dân chúng không chịu hối cải những sự bất chính của mình, và dân của Cô Ri An Tum Rơ bị kích động lòng tức giận đối với dân của Si Giơ, và dân của Si Giơ cũng bị kích động lòng tức giận đối với dân của Cô Ri An Tum Rơ; vậy nên, dân của Si Giơ lại đến gây chiến với dân của Cô Ri An Tum Rơ.
- 7 Và khi Cô Ri An Tum Rơ nhận thấy mình sắp thua, hấn bèn chạy trốn dân của Si Giơ.
- 8 Và chuyện rằng, hấn chạy đến bên bờ đại dương Ríp Li An Cum, dịch ra có nghĩa là rộng lớn hay vượt trên tất cả; vậy nên, khi họ đến bên bờ đại dương này, họ dừng lại cắm lều; và Si Giơ cũng cắm lều gần đó, và hôm sau hai bên lại cùng nhau giao tranh.
- 9 Và chuyện rằng, họ giao chiến với nhau hết sức ác liệt; trong trận này Cô Ri An Tum Rơ lại bị thương, và ngất xỉu vì mất máu.

## Ether 15

And it came to pass when Coriantumr had recovered of his wounds, he began to remember the words which Ether had spoken unto him.

He saw that there had been slain by the sword already nearly two millions of his people, and he began to sorrow in his heart; yea, there had been slain two millions of mighty men, and also their wives and their children.

He began to repent of the evil which he had done; he began to remember the words which had been spoken by the mouth of all the prophets, and he saw them that they were fulfilled thus far, every whit; and his soul mourned and refused to be comforted.

And it came to pass that he wrote an epistle unto Shiz, desiring him that he would spare the people, and he would give up the kingdom for the sake of the lives of the people.

And it came to pass that when Shiz had received his epistle he wrote an epistle unto Coriantumr, that if he would give himself up, that he might slay him with his own sword, that he would spare the lives of the people.

And it came to pass that the people repented not of their iniquity; and the people of Coriantumr were stirred up to anger against the people of Shiz; and the people of Shiz were stirred up to anger against the people of Coriantumr; wherefore, the people of Shiz did give battle unto the people of Coriantumr.

And when Coriantumr saw that he was about to fall he fled again before the people of Shiz.

And it came to pass that he came to the waters of Ripliancum, which, by interpretation, is large, or to exceed all; wherefore, when they came to these waters they pitched their tents; and Shiz also pitched his tents near unto them; and therefore on the morrow they did come to battle.

And it came to pass that they fought an exceedingly sore battle, in which Coriantumr was wounded again, and he fainted with the loss of blood.

- 10 Và chuyện rằng, quân của Cô Ri An Tum Rơ xông lên đánh quân của Si Giơ và đánh bại được quân này, khiến chúng phải chạy trốn; và chúng chạy xuống miền nam và cắm lều tại một nơi có tên là Ô Gát.
- 11 Và chuyện rằng, quân của Cô Ri An Tum Rơ cắm lều bên đồi Ra Ma, và chính ngọn đồi này là nơi mà cha tôi là Mặc Môn đã chôn giấu những biên sử thiêng liêng cho mục đích của Chúa.
- 12 Và chuyện rằng, họ quy tụ tất cả những người dân chưa bị giết chết trong xứ, ngoại trừ Ê The.
- 13 Và chuyện rằng, Ê The thấy tất cả những việc làm của dân chúng. Ông thấy những người theo Cô Ri An Tum Rơ tụ họp lại với quân của Cô Ri An Tum Rơ; còn những người nào theo Si Giơ thì tụ họp lại với quân của Si Giơ.
- 14 Vậy nên, họ phải mất một thời gian là bốn năm để quy tụ dân chúng. Họ thu gồm tất cả dân chúng trong xứ, và gom góp tất cả những lực lượng nào họ có thể gom góp được.
- 15 Và chuyện rằng, sau khi dân chúng đã quy tụ lại, người nào theo về với quân của người này, cùng với vợ con mình—cả đàn ông lẫn đàn bà và trẻ con đều được trang bị đủ loại vũ khí chiến tranh, gồm có khiên, giáp che ngực, mũ đội đầu, và được mặc đồ chiến trận—rồi họ lần lượt tiến ra chiến trường. Họ đánh nhau suốt ngày hôm đó nhưng không phân thắng bại.
- 16 Và chuyện rằng, khi đêm xuống, họ mỗi một rút về trại mình; và sau khi trở về trại rồi, họ mới bắt đầu kêu gào than khóc cho những người dân của mình đã bị giết; và tiếng kêu la, gào thét và khóc than thảm thiết của họ quá lớn lao đến nỗi nó xé tan cả bầu không gian.
- 17 Và chuyện rằng, đến sáng hôm sau họ lại xuất trận nữa, và thật là khủng khiếp và ác liệt thay cho ngày hôm đó; tuy nhiên, họ cũng không phân thắng bại, và khi đêm xuống, họ lại xé tan bầu không gian bằng những tiếng kêu la, gào thét và khóc than cho những người dân đã bị giết.

And it came to pass that the armies of Coriantumr did press upon the armies of Shiz that they beat them, that they caused them to flee before them; and they did flee southward, and did pitch their tents in a place which was called Ogath.

And it came to pass that the army of Coriantumr did pitch their tents by the hill Ramah; and it was that same hill where my father Mormon did hide up the records unto the Lord, which were sacred.

And it came to pass that they did gather together all the people upon all the face of the land, who had not been slain, save it was Ether.

And it came to pass that Ether did behold all the doings of the people; and he beheld that the people who were for Coriantumr were gathered together to the army of Coriantumr; and the people who were for Shiz were gathered together to the army of Shiz.

Wherefore, they were for the space of four years gathering together the people, that they might get all who were upon the face of the land, and that they might receive all the strength which it was possible that they could receive.

And it came to pass that when they were all gathered together, every one to the army which he would, with their wives and their children—both men, women and children being armed with weapons of war, having shields, and breastplates, and head-plates, and being clothed after the manner of war—they did march forth one against another to battle; and they fought all that day, and conquered not.

And it came to pass that when it was night they were weary, and retired to their camps; and after they had retired to their camps they took up a howling and a lamentation for the loss of the slain of their people; and so great were their cries, their howlings and lamentations, that they did rend the air exceedingly.

And it came to pass that on the morrow they did go again to battle, and great and terrible was that day; nevertheless, they conquered not, and when the night came again they did rend the air with their cries, and their howlings, and their mournings, for the loss of the slain of their people.

18 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tum Rơ lại viết một bức thư khác gửi cho Si Giơ, yêu cầu hấn đừng giao tranh nữa mà hãy chiếm lấy vương quốc, và tha mạng sống cho dân chúng.

19 Nhưng này, Thánh Linh của Chúa đã ngừng tranh đấu với họ, và Sa Tan đã hoàn toàn chế ngự trái tim của họ; vì họ đã bị phó mặc theo lòng dạ chai đá và tâm trí mù quáng, khiến họ phải bị hủy diệt; vậy nên họ lại giao tranh.

20 Và chuyện rằng, họ đánh nhau suốt ngày hôm đó, và khi đêm xuống họ nằm ngủ trên gươm của mình.

21 Và hôm sau họ lại đánh nhau cho đến lúc tối trời.

22 Và khi đêm xuống, họ vẫn còn say sưa trong cơn tức giận chẳng khác chi một người bị say vì rượu vậy; và họ lại nằm ngủ trên gươm của mình.

23 Và đến hôm sau họ lại đánh nhau nữa; và khi đêm đến tất cả đều đã ngã gục dưới lưỡi gươm, chỉ còn năm mươi hai người trong dân của Cô Ri An Tum Rơ, và sáu mươi chín người trong dân của Si Giơ.

24 Và chuyện rằng, họ ngủ trên gươm mình đêm đó, và hôm sau lại đánh nhau nữa; và họ hết sức chiến đấu bằng gươm và khiên suốt ngày hôm đó.

25 Và khi đêm xuống, chỉ còn lại ba mươi hai người trong dân của Si Giơ, và hai mươi bảy người trong dân của Cô Ri An Tum Rơ.

26 Và chuyện rằng, họ ăn, ngủ, và sửa soạn chết vào ngày hôm sau. Và họ là những người to lớn và khỏe mạnh đối với sức lực của loài người.

27 Và chuyện rằng, họ đánh nhau suốt ba tiếng đồng hồ, rồi họ ngất xỉu vì mất máu.

28 Và chuyện rằng, khi quân lính của Cô Ri An Tum Rơ đã hồi tỉnh lại và có thể bước đi được, thì họ định chạy trốn để thoát chết; nhưng này, Si Giơ và quân lính của hấn đã đứng lên, và hấn tức giận thề rằng, hoặc là hấn giết chết Cô Ri An Tum Rơ, hoặc là hấn sẽ chết bởi gươm đao.

And it came to pass that Coriantumr wrote again an epistle unto Shiz, desiring that he would not come again to battle, but that he would take the kingdom, and spare the lives of the people.

But behold, the Spirit of the Lord had ceased striving with them, and Satan had full power over the hearts of the people; for they were given up unto the hardness of their hearts, and the blindness of their minds that they might be destroyed; wherefore they went again to battle.

And it came to pass that they fought all that day, and when the night came they slept upon their swords.

And on the morrow they fought even until the night came.

And when the night came they were drunken with anger, even as a man who is drunken with wine; and they slept again upon their swords.

And on the morrow they fought again; and when the night came they had all fallen by the sword save it were fifty and two of the people of Coriantumr, and sixty and nine of the people of Shiz.

And it came to pass that they slept upon their swords that night, and on the morrow they fought again, and they contended in their might with their swords and with their shields, all that day.

And when the night came there were thirty and two of the people of Shiz, and twenty and seven of the people of Coriantumr.

And it came to pass that they ate and slept, and prepared for death on the morrow. And they were large and mighty men as to the strength of men.

And it came to pass that they fought for the space of three hours, and they fainted with the loss of blood.

And it came to pass that when the men of Coriantumr had received sufficient strength that they could walk, they were about to flee for their lives; but behold, Shiz arose, and also his men, and he swore in his wrath that he would slay Coriantumr or he would perish by the sword.

29 Vậy nên, hấn chạy đuổi theo họ, và đến ngày hôm sau, hấn đuổi kịp, và họ lại đánh nhau bằng gươm. Và chuyện rằng, khi mọi người đều ngã xuống dưới lưỡi gươm, chỉ trừ Cô Ri An Tum Rơ và Si Giơ, này, Si Giơ cũng bị ngắt xiu vì mất máu.

30 Và chuyện rằng, sau khi Cô Ri An Tum Rơ dựa vào gươm để nghỉ mệt một lát xong, hấn bèn chặt đứt đầu của Si Giơ.

31 Và chuyện rằng, sau khi hấn đã chặt đứt đầu của Si Giơ, thì Si Giơ còn chống tay lên rồi ngã xuống; rồi sau khi cố gắng thở lần cuối, Si Giơ đã trút linh hồn.

32 Và chuyện rằng, Cô Ri An Tum Rơ cũng ngã xuống đất nằm bất động như người đã chết.

33 Và Chúa phán cùng Ê The và bảo ông rằng: Người hãy đi ra. Và ông đi ra, thấy rằng tất cả những lời nói của Chúa đều ứng nghiệm; và ông chấm dứt biên sử của mình; (và dù chỉ một phần trăm tôi cũng không chép lại hết được) rồi ông đã cất giấu biên sử của ông bằng một cách thức mà dân Lim Hi đã có thể tìm thấy được.

34 Giờ đây những lời cuối cùng của Ê The viết là như vậy: Dù Chúa muốn tôi được chuyển hóa hay muốn tôi phải chịu theo ý muốn của Chúa trong xác thịt trần gian, điều đó không quan hệ gì, miễn là tôi được cứu vào trong vương quốc của Thượng Đế. Amen.

Wherefore, he did pursue them, and on the morrow he did overtake them; and they fought again with the sword. And it came to pass that when they had all fallen by the sword, save it were Coriantumr and Shiz, behold Shiz had fainted with the loss of blood.

And it came to pass that when Coriantumr had leaned upon his sword, that he rested a little, he smote off the head of Shiz.

And it came to pass that after he had smitten off the head of Shiz, that Shiz raised up on his hands and fell; and after that he had struggled for breath, he died.

And it came to pass that Coriantumr fell to the earth, and became as if he had no life.

And the Lord spake unto Ether, and said unto him: Go forth. And he went forth, and beheld that the words of the Lord had all been fulfilled; and he finished his record; (and the hundredth part I have not written) and he hid them in a manner that the people of Limhi did find them.

Now the last words which are written by Ether are these: Whether the Lord will that I be translated, or that I suffer the will of the Lord in the flesh, it mattereth not, if it so be that I am saved in the kingdom of God. Amen.



# Sách Mô Rô Ni

## Mô Rô Ni 1

- 1 Giờ đây tôi, Mô Rô Ni, sau khi tóm lược xong truyện ký về dân Gia Rét, tôi định không viết thêm gì nữa, nhưng tôi chưa chết và tôi không ra mặt cho người La Man thấy, vì sợ họ sẽ sát hại tôi.
- 2 Vì này, cuộc chiến tranh giữa họ thật vô cùng ác liệt; và cũng vì mối hận thù nên họ đã xử tử tất cả những người Nê Phi nào không chịu chối bỏ Đấng Ky Tô.
- 3 Và tôi, Mô Rô Ni, không chối bỏ Đấng Ky Tô; vậy nên, tôi phải ra đi đến bất cứ nơi nào tôi có thể đến để bảo toàn mạng sống của mình.
- 4 Vậy nên, tôi viết thêm một vài điều nữa, trái với dự định của tôi; vì tôi đã định sẽ không viết thêm gì nữa; nhưng nay tôi lại viết thêm vài điều, mà có lẽ sẽ có giá trị đối với các đồng bào của tôi là dân La Man, một ngày nào đó trong tương lai, theo ý muốn của Chúa.

# The Book of Moroni

## Moroni 1

Now I, Moroni, after having made an end of abridging the account of the people of Jared, I had supposed not to have written more, but I have not as yet perished; and I make not myself known to the Lamanites lest they should destroy me.

For behold, their wars are exceedingly fierce among themselves; and because of their hatred they put to death every Nephite that will not deny the Christ.

And I, Moroni, will not deny the Christ; wherefore, I wander whithersoever I can for the safety of mine own life.

Wherefore, I write a few more things, contrary to that which I had supposed; for I had supposed not to have written any more; but I write a few more things, that perhaps they may be of worth unto my brethren, the Lamanites, in some future day, according to the will of the Lord.

## Mô Rô Ni 2

- 1 Đây là những lời của Đấng Ky Tô phán cùng các môn đồ của Ngài, là mười hai vị mà Ngài đã chọn khi Ngài đặt tay lên họ—
- 2 Và Ngài gọi tên họ và phán rằng: Các người phải kêu cầu Đức Chúa Cha trong danh ta, bằng những lời cầu nguyện mãnh liệt; và sau khi làm vậy, các người sẽ có quyền năng ban truyền Đức Thánh Linh cho ai mà các người đặt tay lên; và các người phải ban truyền Thánh Linh trong danh ta, vì các sứ đồ của ta làm như vậy.
- 3 Lúc bấy giờ Đấng Ky Tô phán những lời này với họ vào lần xuất hiện đầu tiên của Ngài; và dân chúng không nghe được, nhưng các môn đồ nghe được; và tất cả những người nào được họ đặt tay lên đều được Đức Thánh Linh giáng xuống.

## Moroni 2

The words of Christ, which he spake unto his disciples, the twelve whom he had chosen, as he laid his hands upon them—

And he called them by name, saying: Ye shall call on the Father in my name, in mighty prayer; and after ye have done this ye shall have power that to him upon whom ye shall lay your hands, ye shall give the Holy Ghost; and in my name shall ye give it, for thus do mine apostles.

Now Christ spake these words unto them at the time of his first appearing; and the multitude heard it not, but the disciples heard it; and on as many as they laid their hands, fell the Holy Ghost.

## Mô Rô Ni 3

- 1 Đây là thể thức mà các môn đồ, là những người được gọi là các anh cả trong giáo hội, sắc phong các thầy tư tế và thầy giảng—
- 2 Sau khi họ cầu nguyện Đức Chúa Cha trong danh Đấng Kỵ Tô, họ đặt tay lên những người này mà nói rằng:
- 3 Trong danh Chúa Giê Su Kỵ Tô, tôi sắc phong cho anh chức thầy tư tế, (hoặc nếu người đó là thầy giảng, tôi sắc phong cho anh chức thầy giảng), để thuyết giảng sự hối cải và sự xá miễn tội lỗi qua Chúa Giê Su Kỵ Tô, bằng sự kiên trì đức tin nơi danh Ngài cho đến cùng. A Men.
- 4 Và với thể thức này, họ đã sắc phong các thầy tư tế và thầy giảng, theo các ân tứ và sự kêu gọi của Thượng Đế đối với loài người; và họ đã sắc phong cho những người này bằng quyền năng của Đức Thánh Linh hằng có nơi họ.

## Moroni 3

The manner which the disciples, who were called the elders of the church, ordained priests and teachers—

After they had prayed unto the Father in the name of Christ, they laid their hands upon them, and said:

In the name of Jesus Christ I ordain you to be a priest (or if he be a teacher, I ordain you to be a teacher) to preach repentance and remission of sins through Jesus Christ, by the endurance of faith on his name to the end. Amen.

And after this manner did they ordain priests and teachers, according to the gifts and callings of God unto men; and they ordained them by the power of the Holy Ghost, which was in them.

## Mô Rô Ni 4

- 1 Đây là thể thức mà các anh cả và các thầy tư tế ban phước lành về thịt và máu của Đấng Ky Tô trong Giáo Hội; và họ đã ban phước lành đó theo lệnh truyền của Đấng Ky Tô; vậy nên chúng ta biết được rằng thể thức đó là chân thật. Vị anh cả hay thầy tư tế đã làm lễ đó như sau:
- 2 Và họ quỳ xuống với những người trong giáo hội, và cầu nguyện lên Đức Chúa Cha trong danh Đấng Ky Tô, nói rằng:
- 3 Hỡi Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu, trong tôn danh Con của Cha là Chúa Giê Su Ky Tô, chúng con cầu xin Cha ban phước và thánh hóa bánh này cho linh hồn của tất cả những ai cùng chia sẻ bánh này; để họ được phép ăn trong sự tưởng nhớ đến thể xác Con của Cha, và được làm chứng cùng Cha, hỡi Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu, rằng họ tình nguyện mang danh Con của Cha, và luôn luôn tưởng nhớ tới Ngài, cùng tuân giữ các giáo lệnh mà Ngài đã ban cho họ, để họ có thể luôn được Thánh Linh của Ngài ở cùng họ. A Men.

## Moroni 4

The manner of their elders and priests administering the flesh and blood of Christ unto the church; and they administered it according to the commandments of Christ; wherefore we know the manner to be true; and the elder or priest did minister it—

And they did kneel down with the church, and pray to the Father in the name of Christ, saying:

O God, the Eternal Father, we ask thee in the name of thy Son, Jesus Christ, to bless and sanctify this bread to the souls of all those who partake of it; that they may eat in remembrance of the body of thy Son, and witness unto thee, O God, the Eternal Father, that they are willing to take upon them the name of thy Son, and always remember him, and keep his commandments which he hath given them, that they may always have his Spirit to be with them. Amen.

## Mô Rô Ni 5

- 1 Đây là thể thức ban phước lành rượu—Này, họ cầm ly rượu lên mà nói rằng:
- 2 Hỡi Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu, trong tôn danh Con của Cha là Chúa Giê Su Kỵ Tô, chúng con cầu xin Cha ban phước và thánh hóa rượu này cho linh hồn của tất cả những ai cùng uống rượu này, để họ được phép uống trong sự tưởng nhớ đến máu Con của Cha đã đổ ra vì họ; và để họ được làm chứng cùng Cha, hỡi Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu, rằng họ luôn luôn tưởng nhớ tới Ngài, để họ có thể được Thánh Linh của Ngài ở cùng họ. Amen.

## Moroni 5

The manner of administering the wine—Behold, they took the cup, and said:

O God, the Eternal Father, we ask thee, in the name of thy Son, Jesus Christ, to bless and sanctify this wine to the souls of all those who drink of it, that they may do it in remembrance of the blood of thy Son, which was shed for them; that they may witness unto thee, O God, the Eternal Father, that they do always remember him, that they may have his Spirit to be with them. Amen.

## Mô Rô Ni 6

- 1 Và giờ đây, tôi nói về phép báp têm. Nay, các anh cả, các thầy tư tế, và các thầy giảng đều được báp têm; và họ không được báp têm nếu họ không đưa ra những thành quả chứng minh rằng họ xứng đáng được báp têm.
- 2 Và họ cũng không nhận ai vào lễ báp têm trừ khi những người ấy đến với một tâm lòng đau khổ và một tâm hồn thống hối, và chứng tỏ cho giáo hội biết rằng, họ đã thực sự hối cải tất cả tội lỗi của mình.
- 3 Và không một ai được nhận vào lễ báp têm trừ khi họ chịu mang danh Đấng Ky Tô và quyết tâm phục vụ Ngài cho tới cùng.
- 4 Và sau khi họ đã được nhận vào lễ báp têm, và được quyền năng của Đức Thánh Linh tác động cùng tẩy sạch, thì họ được kể là dân của giáo hội của Đấng Ky Tô; và tên họ được ghi nhận, ngõ hầu họ được nhớ tới và được nuôi dưỡng bằng lời nói tốt lành của Thượng Đế, để giữ họ đi con đường đúng, làm cho họ luôn luôn chú tâm cầu nguyện, và chỉ trông cậy vào công nghiệp của Đấng Ky Tô, là Đấng tạo nên và hoàn tất đức tin của họ.
- 5 Và giáo hội thường nhóm họp, để nhịn ăn và cầu nguyện, và để nói với nhau về sự an lạc của tâm hồn mình.
- 6 Và họ thường nhóm họp để chia sẻ bánh và rượu, trong sự tưởng nhớ tới Chúa Giê Su.
- 7 Và họ nghiêm nhặt gìn giữ để cho không có một sự bất chính nào có thể xảy ra giữa bọn họ; và bất cứ ai bị xem là đã phạm điều bất chính, thì sẽ bị ba nhân chứng trong giáo hội kết tội trước mặt các anh cả, và nếu họ không hối cải và không thú tội thì tên của họ sẽ bị xóa bỏ và họ sẽ không còn được xem là dân của Đấng Ky Tô nữa.
- 8 Nhưng một khi họ hối cải và chân thành xin được tha thứ thì họ sẽ được tha thứ.

## Moroni 6

And now I speak concerning baptism. Behold, elders, priests, and teachers were baptized; and they were not baptized save they brought forth fruit meet that they were worthy of it.

Neither did they receive any unto baptism save they came forth with a broken heart and a contrite spirit, and witnessed unto the church that they truly repented of all their sins.

And none were received unto baptism save they took upon them the name of Christ, having a determination to serve him to the end.

And after they had been received unto baptism, and were wrought upon and cleansed by the power of the Holy Ghost, they were numbered among the people of the church of Christ; and their names were taken, that they might be remembered and nourished by the good word of God, to keep them in the right way, to keep them continually watchful unto prayer, relying alone upon the merits of Christ, who was the author and the finisher of their faith.

And the church did meet together oft, to fast and to pray, and to speak one with another concerning the welfare of their souls.

And they did meet together oft to partake of bread and wine, in remembrance of the Lord Jesus.

And they were strict to observe that there should be no iniquity among them; and whoso was found to commit iniquity, and three witnesses of the church did condemn them before the elders, and if they repented not, and confessed not, their names were blotted out, and they were not numbered among the people of Christ.

But as oft as they repented and sought forgiveness, with real intent, they were forgiven.

9      Và các buổi nhóm họp của họ được giáo hội điều khiển theo sự tác động của Thánh Linh và bởi quyền năng của Đức Thánh Linh; vì dù thuyết giảng, khuyên nhủ, cầu nguyện, khẩn cầu, hay ca hát, mà họ được quyền năng của Thánh Linh hướng dẫn, thì những việc đó đều được thực hiện.

And their meetings were conducted by the church after the manner of the workings of the Spirit, and by the power of the Holy Ghost; for as the power of the Holy Ghost led them whether to preach, or to exhort, or to pray, or to supplicate, or to sing, even so it was done.

## Mô Rô Ni 7

- 1 Và giờ đây, tôi, Mô Rô Ni, xin viết một ít điều mà cha tôi là Mặc Môn đã nói về đức tin, hy vọng và lòng bác ái; vì chính ông đã nói như vậy cho dân chúng nghe khi ông giảng dạy họ trong nhà hội mà họ đã xây dựng để làm nơi thờ phượng.
- 2 Và giờ đây, tôi, Mặc Môn, xin nói với các người, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi; chính vì nhờ ân điển của Thượng Đế Đức Chúa Cha, và Chúa Giê Su Ky Tô của chúng ta, cùng thánh ý của Ngài, vì Ngài đã ban sự kêu gọi cho tôi, nên tôi mới được phép ngỏ lời cùng các người vào lúc này.
- 3 Vậy nên, tôi muốn ngỏ lời cùng các người là những người trong giáo hội, là những tín đồ hiền hòa của Đấng Ky Tô, là những người đã có đủ hy vọng để nhờ đó mà có thể bước vào chốn an nghỉ của Chúa, từ nay về sau, cho đến khi các người được an nghỉ cùng Ngài nơi thiên thượng.
- 4 Và giờ đây, hỡi đồng bào, tôi xét đoán những điều này về các người, vì cách ăn ở hiền hòa của các người đối với con cái loài người.
- 5 Vì tôi nhớ tới lời Thượng Đế đã phán rằng: Qua những việc làm của họ, các người sẽ biết được họ, vì nếu những việc làm của họ tốt thì họ cũng tốt.
- 6 Vì này, Thượng Đế có phán rằng: Kẻ ác không thể làm điều thiện; và ví dù kẻ đó có hiến dâng một món quà hay cầu nguyện lên Thượng Đế, mà lại không làm với một ý định chân thật, thì hành động đó cũng không đem lại lợi ích gì cho kẻ đó.
- 7 Vì này, hành động đó không được xem như một điều ngay chính cho kẻ đó.
- 8 Vì này, kẻ ác dù dâng quà, thì cũng dâng một cách miễn cưỡng, vậy nên, kẻ đó bị xem như đã giữ vật hiến dâng đó lại; vậy nên, kẻ đó bị xem như một người ác trước mặt Thượng Đế.
- 9 Cũng chẳng khác chi có một người cầu nguyện nhưng không có ý định chân thành trong lòng, thì người đó cũng bị xem như một kẻ ác; phải, sự cầu nguyện đó sẽ không đem lại lợi ích gì cho kẻ đó, vì Thượng Đế không thu nhận một người như vậy.
- 10 Vậy nên, kẻ ác không thể làm điều thiện được; và kẻ đó cũng không dâng quà tốt được.

## Moroni 7

And now I, Moroni, write a few of the words of my father Mormon, which he spake concerning faith, hope, and charity; for after this manner did he speak unto the people, as he taught them in the synagogue which they had built for the place of worship.

And now I, Mormon, speak unto you, my beloved brethren; and it is by the grace of God the Father, and our Lord Jesus Christ, and his holy will, because of the gift of his calling unto me, that I am permitted to speak unto you at this time.

Wherefore, I would speak unto you that are of the church, that are the peaceable followers of Christ, and that have obtained a sufficient hope by which ye can enter into the rest of the Lord, from this time henceforth until ye shall rest with him in heaven.

And now my brethren, I judge these things of you because of your peaceable walk with the children of men.

For I remember the word of God which saith by their works ye shall know them; for if their works be good, then they are good also.

For behold, God hath said a man being evil cannot do that which is good; for if he offereth a gift, or prayeth unto God, except he shall do it with real intent it profiteth him nothing.

For behold, it is not counted unto him for righteousness.

For behold, if a man being evil giveth a gift, he doeth it grudgingly; wherefore it is counted unto him the same as if he had retained the gift; wherefore he is counted evil before God.

And likewise also is it counted evil unto a man, if he shall pray and not with real intent of heart; yea, and it profiteth him nothing, for God receiveth none such.

Wherefore, a man being evil cannot do that which is good; neither will he give a good gift.



- 11 Vì này, suối đắng không thể đem lại nước ngọt; và suối ngọt không thể đem lại nước đắng; vậy nên, kẻ nào làm tôi tớ cho quỷ dữ không thể theo Đấng Ky Tô được; và ai theo Đấng Ky Tô thì không thể làm tôi tớ cho quỷ dữ được.
- 12 Vậy nên, tất cả những gì tốt lành đều từ Thượng Đế mà ra; và những gì tà ác đều từ quỷ dữ mà đến; vì quỷ dữ là kẻ thù của Thượng Đế, nó luôn luôn chống lại Ngài, và luôn luôn dụ dỗ và xúi giục loài người phạm tội và làm điều ác.
- 13 Nhưng này, những điều gì thuộc về Thượng Đế đều luôn luôn thuyết phục và mời mọc loài người làm điều thiện; vậy nên, tất cả những gì để mời mọc và thuyết phục loài người làm điều thiện, cùng yêu mến Thượng Đế và phục vụ Ngài đều do Thượng Đế soi dẫn cả.
- 14 Vậy nên, hãy thận trọng, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, để các người không xét đoán lầm rằng những điều tà ác là do Thượng Đế, hay những điều gì tốt lành và của Thượng Đế lại thuộc về quỷ dữ.
- 15 Vì này, hỡi đồng bào, các người được ban cho quyền xét đoán, để các người có thể biết phân biệt được thiện và ác, và cách xét đoán rất minh bạch, để các người có thể hiểu được một cách rõ ràng, chẳng khác chi ánh sáng ban ngày đối với bóng tối ban đêm vậy.
- 16 Vì này, Thánh Linh của Đấng Ky Tô được ban cho mọi người, để họ có thể biết phân biệt được thiện và ác; vậy nên, tôi chỉ cho các người biết cách xét đoán; vì bất cứ việc gì mời mọc làm điều thiện, và thuyết phục để tin nơi Đấng Ky Tô, đều do quyền năng và ân tứ của Đấng Ky Tô đưa lại; vậy nên các người có thể hiểu biết một cách rõ ràng rằng điều đó do Thượng Đế mà ra.
- 17 Nhưng bất cứ việc gì xúi giục loài người làm điều ác, và không tin nơi Đấng Ky Tô, cùng chối bỏ Ngài và không phục vụ Thượng Đế, thì các người có thể biết một cách rõ ràng rằng điều đó là do quỷ dữ mà ra; vì đó là cách thức mà quỷ dữ thường làm, vì nó không bao giờ thuyết phục ai làm một điều gì tốt lành cả, phải, không một người nào; và ngay cả những quỷ sứ của nó hay những kẻ tự phục tùng nó cũng vậy.

For behold, a bitter fountain cannot bring forth good water; neither can a good fountain bring forth bitter water; wherefore, a man being a servant of the devil cannot follow Christ; and if he follow Christ he cannot be a servant of the devil.

Wherefore, all things which are good cometh of God; and that which is evil cometh of the devil; for the devil is an enemy unto God, and fighteth against him continually, and inviteth and enticeth to sin, and to do that which is evil continually.

But behold, that which is of God inviteth and enticeth to do good continually; wherefore, every thing which inviteth and enticeth to do good, and to love God, and to serve him, is inspired of God.

Wherefore, take heed, my beloved brethren, that ye do not judge that which is evil to be of God, or that which is good and of God to be of the devil.

For behold, my brethren, it is given unto you to judge, that ye may know good from evil; and the way to judge is as plain, that ye may know with a perfect knowledge, as the daylight is from the dark night.

For behold, the Spirit of Christ is given to every man, that he may know good from evil; wherefore, I show unto you the way to judge; for every thing which inviteth to do good, and to persuade to believe in Christ, is sent forth by the power and gift of Christ; wherefore ye may know with a perfect knowledge it is of God.

But whatsoever thing persuadeth men to do evil, and believe not in Christ, and deny him, and serve not God, then ye may know with a perfect knowledge it is of the devil; for after this manner doth the devil work, for he persuadeth no man to do good, no, not one; neither do his angels; neither do they who subject themselves unto him.

- 18 Và giờ đây, hỡi đồng bào, vì các người biết được sự sáng mà nhờ đó các người có thể xét đoán, sự sáng này là ánh sáng của Đấng Ky Tô, nên các người hãy lưu ý để khỏi xét đoán sai lầm; vì các người xét đoán thế nào, thì cũng bị xét đoán lại thế ấy.
- 19 Vậy nên, hỡi đồng bào, tôi van nài các người, xin các người tìm kiếm một cách cẩn mẫn trong ánh sáng của Đấng Ky Tô, để các người có thể biết phân biệt được thiện và ác; và nếu các người nắm vững được mọi điều tốt lành và không chỉ trích nó, thì chắc chắn các người sẽ là con cái của Đấng Ky Tô.
- 20 Và giờ đây, hỡi đồng bào, làm thế nào để các người có thể nắm vững được mọi điều tốt lành?
- 21 Và giờ đây, tôi xin nói tới đức tin mà tôi đã nói là tôi sẽ đề cập tới, và tôi sẽ chỉ cách cho các người có thể nắm vững được mọi điều tốt lành.
- 22 Nay, vì Thượng Đế biết tất cả mọi việc, từ vĩnh viễn này đến vĩnh viễn khác; này, Ngài sai các thiên sứ xuống phục sự con cái loài người, biểu lộ cho biết về sự hiện đến của Đấng Ky Tô; và trong Đấng Ky Tô mọi sự tốt lành sẽ phải đến.
- 23 Và Thượng Đế cũng đã từng phán với các vị tiên tri, bằng chính miệng của Ngài, là Đấng Ky Tô sẽ đến.
- 24 Và này, Ngài đã biểu lộ nhiều điều tốt lành cho con cái loài người biết qua nhiều cách thức khác nhau; và tất cả những điều tốt lành đều do Đấng Ky Tô đem lại; nếu không thì loài người đã sa ngã và chẳng có điều gì tốt lành đến với họ.
- 25 Vậy nên, nhờ sự phù trợ của các thiên sứ cùng mọi lời thốt ra từ miệng của Thượng Đế mà loài người mới bắt đầu thực hành đức tin nơi Đấng Ky Tô; và nhờ đức tin đó họ mới nắm vững được mọi điều tốt lành, và họ đã làm được như vậy cho đến ngày Đấng Ky Tô đến.
- 26 Và sau khi Ngài đã đến, loài người cũng được cứu rỗi nhờ có đức tin trong danh Ngài và nhờ đức tin mà họ trở thành những người con của Thượng Đế. Và chắc chắn như Đấng Ky Tô hằng sống, Ngài đã phán với tổ phụ chúng ta những lời như vậy: Bất cứ điều gì tốt lành mà các người khẩn cầu Đức Chúa Cha trong danh ta, với đức tin tin tưởng rằng các người sẽ nhận được, này, những điều đó sẽ được thực hiện cho các người.

And now, my brethren, seeing that ye know the light by which ye may judge, which light is the light of Christ, see that ye do not judge wrongfully; for with that same judgment which ye judge ye shall also be judged.

Wherefore, I beseech of you, brethren, that ye should search diligently in the light of Christ that ye may know good from evil; and if ye will lay hold upon every good thing, and condemn it not, ye certainly will be a child of Christ.

And now, my brethren, how is it possible that ye can lay hold upon every good thing?

And now I come to that faith, of which I said I would speak; and I will tell you the way whereby ye may lay hold on every good thing.

For behold, God knowing all things, being from everlasting to everlasting, behold, he sent angels to minister unto the children of men, to make manifest concerning the coming of Christ; and in Christ there should come every good thing.

And God also declared unto prophets, by his own mouth, that Christ should come.

And behold, there were divers ways that he did manifest things unto the children of men, which were good; and all things which are good cometh of Christ; otherwise men were fallen, and there could no good thing come unto them.

Wherefore, by the ministering of angels, and by every word which proceeded forth out of the mouth of God, men began to exercise faith in Christ; and thus by faith, they did lay hold upon every good thing; and thus it was until the coming of Christ.

And after that he came men also were saved by faith in his name; and by faith, they become the sons of God. And as surely as Christ liveth he spake these words unto our fathers, saying: Whatsoever thing ye shall ask the Father in my name, which is good, in faith believing that ye shall receive, behold, it shall be done unto you.

27 Vậy nên, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, phải chăng những phép lạ đã chấm dứt vì Đấng Ky Tô đã thăng lên trời, và đã ngồi bên tay phải của Thượng Đế, để đòi Đức Chúa Cha quyền thương xót mà Ngài có trên con cái loài người?

28 Vì Ngài đã đáp ứng cho mục đích của luật pháp, và Ngài tuyên nhận tất cả những ai có đức tin nơi Ngài; và những ai có đức tin nơi Ngài đều sẽ gắn bó với mọi điều tốt lành; vậy nên Ngài biện hộ cho chính nghĩa của con cái loài người; và Ngài vĩnh viễn ngự trên các tầng trời.

29 Và vì Ngài đã làm như vậy nên, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, phải chăng các phép lạ đã chấm dứt? Nay, tôi nói cho các người hay: Không; và luôn cả các thiên sứ cũng không ngưng phục sự con cái loài người.

30 Vì này, các thiên sứ đều thuộc dưới quyền Ngài để phục sự theo những lời Ngài truyền lệnh, cùng xuất hiện trước mặt những ai có đức tin mạnh mẽ và một lòng vững chắc trong mọi hình thức tin kính.

31 Và giáo vụ của các vị thiên sứ là kêu gọi loài người hối cải, làm tròn những công việc thuộc giao ước mà Đức Chúa Cha đã lập với con cái loài người, và chuẩn bị đường lối cho con cái loài người, bằng cách rao truyền lời của Đấng Ky Tô cho những ai được chọn làm những bình chứa của Chúa, để họ có thể làm chứng về Ngài.

32 Và bằng cách làm như vậy, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị đường lối để cho số loài người còn lại có thể có đức tin nơi Đấng Ky Tô, ngõ hầu Đức Thánh Linh có chỗ đứng trong tim họ, thể theo quyền năng của Đức Thánh Linh; và bằng cách đó, Đức Chúa Cha thực hiện giao ước mà Ngài đã lập với con cái loài người.

33 Và Đấng Ky Tô có phán rằng: Nếu có đức tin nơi ta, các người sẽ có quyền năng để làm tất cả những điều gì thích đáng đối với ta.

34 Và Ngài còn phán rằng: Hãy hối cải, hỡi các người ở các nơi tận cùng của trái đất, hãy đến cùng ta, và chịu phép báp têm trong danh ta, và hãy có đức tin nơi ta để các người có thể được cứu.

Wherefore, my beloved brethren, have miracles ceased because Christ hath ascended into heaven, and hath sat down on the right hand of God, to claim of the Father his rights of mercy which he hath upon the children of men?

For he hath answered the ends of the law, and he claimeth all those who have faith in him; and they who have faith in him will cleave unto every good thing; wherefore he advocateth the cause of the children of men; and he dwelleth eternally in the heavens.

And because he hath done this, my beloved brethren, have miracles ceased? Behold I say unto you, Nay; neither have angels ceased to minister unto the children of men.

For behold, they are subject unto him, to minister according to the word of his command, showing themselves unto them of strong faith and a firm mind in every form of godliness.

And the office of their ministry is to call men unto repentance, and to fulfil and to do the work of the covenants of the Father, which he hath made unto the children of men, to prepare the way among the children of men, by declaring the word of Christ unto the chosen vessels of the Lord, that they may bear testimony of him.

And by so doing, the Lord God prepareth the way that the residue of men may have faith in Christ, that the Holy Ghost may have place in their hearts, according to the power thereof; and after this manner bringeth to pass the Father, the covenants which he hath made unto the children of men.

And Christ hath said: If ye will have faith in me ye shall have power to do whatsoever thing is expedient in me.

And he hath said: Repent all ye ends of the earth, and come unto me, and be baptized in my name, and have faith in me, that ye may be saved.

35 Và giờ đây, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, trong trường hợp những điều tôi nói với các người đây là có thật, và nếu Thượng Đế cho các người thấy bằng quyền năng và sự vinh quang lớn lao vào ngày sau cùng rằng, những điều đó là thật, và nếu quả thật như vậy, thì phải chăng thời của những phép lạ đã chấm dứt?

36 Hay phải chăng các thiên sứ đã thôi không còn hiện đến với con cái loài người nữa? Hay phải chăng Ngài đã cất bỏ quyền năng của Đức Thánh Linh khỏi họ? Hay phải chăng Ngài sẽ làm như vậy, khi nào thời gian còn tồn tại, hay khi nào trái đất còn đứng vững, hay khi nào còn có một người trên mặt địa cầu này cần được cứu?

37 Nay, tôi nói cho các người hay: Không; vì chính nhờ đức tin mà phép lạ được thực hiện; và cũng chính nhờ đức tin mà các thiên sứ xuất hiện và phục sự loài người; vậy nên, nếu những điều này đã chấm dứt rồi thì thật khốn thay cho con cái loài người, vì đó là bởi sự chẳng tin, và tất cả đều trở nên vô bổ.

38 Vì theo như những lời của Đấng Ky Tô phán, thì không ai có thể được cứu rồi nếu không có đức tin nơi danh Ngài; vậy nên, nếu những điều này đã chấm dứt thì đức tin cũng chấm dứt; và rồi lúc đó trạng thái của loài người thật là khủng khiếp, vì họ như chưa bao giờ được cứu chuộc cả.

39 Nhưng này, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, tôi xét đoán những điều tốt đẹp hơn về các người, vì tôi cho rằng, nhờ sự nhu mì của các người mà các người đã có đức tin nơi Đấng Ky Tô; vì nếu không có đức tin nơi Ngài thì các người đã không xứng đáng được kể là những tín đồ trong giáo hội của Ngài.

40 Và lại nữa, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, tôi muốn nói với các người về hy vọng. Làm sao có được đức tin nếu các người không có hy vọng?

41 Và các người sẽ hy vọng điều gì? Nay, tôi nói cho các người hay rằng, qua sự chuộc tội của Đấng Ky Tô cùng quyền năng phục sinh của Ngài, các người sẽ có hy vọng được sống lại vĩnh cửu, và sẽ dĩ được vậy là nhờ các người có đức tin nơi Ngài theo như lời hứa.

And now, my beloved brethren, if this be the case that these things are true which I have spoken unto you, and God will show unto you, with power and great glory at the last day, that they are true, and if they are true has the day of miracles ceased?

Or have angels ceased to appear unto the children of men? Or has he withheld the power of the Holy Ghost from them? Or will he, so long as time shall last, or the earth shall stand, or there shall be one man upon the face thereof to be saved?

Behold I say unto you, Nay; for it is by faith that miracles are wrought; and it is by faith that angels appear and minister unto men; wherefore, if these things have ceased wo be unto the children of men, for it is because of unbelief, and all is vain.

For no man can be saved, according to the words of Christ, save they shall have faith in his name; wherefore, if these things have ceased, then has faith ceased also; and awful is the state of man, for they are as though there had been no redemption made.

But behold, my beloved brethren, I judge better things of you, for I judge that ye have faith in Christ because of your meekness; for if ye have not faith in him then ye are not fit to be numbered among the people of his church.

And again, my beloved brethren, I would speak unto you concerning hope. How is it that ye can attain unto faith, save ye shall have hope?

And what is it that ye shall hope for? Behold I say unto you that ye shall have hope through the atonement of Christ and the power of his resurrection, to be raised unto life eternal, and this because of your faith in him according to the promise.

42 Vậy nên, nếu một người có đức tin thì người đó cần phải có hy vọng; vì nếu không có đức tin thì không thể có bất cứ hy vọng gì.

43 Và lại nữa, này, tôi nói cho các người hay rằng, một người không thể có đức tin và hy vọng nếu người đó không nhu mì và không khiêm tốn trong lòng.

44 Vì nếu không được như vậy thì đức tin và hy vọng của người đó đều trở nên vô bổ, vì không ai được chấp nhận trước mặt Thượng Đế ngoài những người nhu mì và khiêm tốn trong lòng; và nếu một người nhu mì và khiêm tốn trong lòng, và thú nhận, bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, rằng Chúa Giê Su là Đấng Kỵ Tô, thì người đó cần phải có lòng bác ái; vì nếu không có lòng bác ái thì người đó chẳng ra gì cả, vậy nên người đó cần phải có lòng bác ái.

45 Và lòng bác ái có thể nhịn nhục lâu dài, và là nhân từ, không ganh tỵ, không cao ngạo, không tìm lợi lộc cho cá nhân mình, không dễ bị khiêu khích, không nghĩ đến điều xấu xa, và không vui trong sự bất chính, mà chỉ vui trong lẽ thật, chịu đựng mọi sự, tin tưởng mọi sự, hy vọng mọi sự và nhẫn nại mọi sự.

46 Vậy nên, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, nếu không có lòng bác ái, thì các người chẳng ra gì cả, vì lòng bác ái không bao giờ hư mất. Vậy nên, hãy gắn bó với lòng bác ái, nó là một điều vĩ đại nhất trong mọi điều, vì tất cả mọi điều sẽ tàn lụi—

47 Nhưng lòng bác ái là tình thương yêu thanh khiết của Đấng Kỵ Tô, và nó bền bỉ mãi mãi; và vào ngày sau cùng ai được tìm thấy rằng có được nó thì sẽ được mọi điều tốt lành.

48 Vậy nên, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, các người hãy cầu nguyện lên Đức Chúa Cha với tất cả mãnh lực của lòng mình, để các người được tràn đầy tình thương này, là tình thương mà Ngài đã ban cho tất cả những tín đồ chân chính của Vị Nam Tử của Ngài, tức là Chúa Giê Su Kỵ Tô; ngõ hầu các người có thể trở thành con cái của Thượng Đế; để khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ được giống như Ngài, vì chúng ta sẽ trông thấy Ngài như Ngài vốn thật là vậy; để chúng ta có hy vọng ấy; ngõ hầu chúng ta được thanh khiết giống như Ngài thanh khiết vậy. A Men.

Wherefore, if a man have faith he must needs have hope; for without faith there cannot be any hope.

And again, behold I say unto you that he cannot have faith and hope, save he shall be meek, and lowly of heart.

If so, his faith and hope is vain, for none is acceptable before God, save the meek and lowly in heart; and if a man be meek and lowly in heart, and confesses by the power of the Holy Ghost that Jesus is the Christ, he must needs have charity; for if he have not charity he is nothing; wherefore he must needs have charity.

And charity suffereth long, and is kind, and envieth not, and is not puffed up, seeketh not her own, is not easily provoked, thinketh no evil, and rejoiceth not in iniquity but rejoiceth in the truth, beareth all things, believeth all things, hopeth all things, endureth all things.

Wherefore, my beloved brethren, if ye have not charity, ye are nothing, for charity never faileth. Wherefore, cleave unto charity, which is the greatest of all, for all things must fail—

But charity is the pure love of Christ, and it endureth forever; and whoso is found possessed of it at the last day, it shall be well with him.

Wherefore, my beloved brethren, pray unto the Father with all the energy of heart, that ye may be filled with this love, which he hath bestowed upon all who are true followers of his Son, Jesus Christ; that ye may become the sons of God; that when he shall appear we shall be like him, for we shall see him as he is; that we may have this hope; that we may be purified even as he is pure. Amen.

## Mô Rô Ni 8

- 1 Đây là bức thư của cha tôi, Mặc Môn, viết cho tôi, Mô Rô Ni. Thư này được viết cho tôi ngay sau khi tôi được kêu gọi vào giáo vụ. Và ông đã viết cho tôi như vậy:
- 2 Hỡi con trai yêu dấu của cha là Mô Rô Ni, cha hết sức vui mừng vì Chúa Giê Su Ky Tô đã nhớ đến con và đã kêu gọi con vào giáo vụ của Ngài và vào công việc thánh của Ngài.
- 3 Cha luôn luôn nhớ đến con trong lời cầu nguyện của cha. Cha hằng cầu nguyện lên Thượng Đế Đức Chúa Cha, trong danh Con Thánh của Ngài là Chúa Giê Su, để cầu xin, qua lòng nhân từ và ân điển vô hạn của Ngài, Ngài sẽ gìn giữ con được kiên trì trong đức tin nơi danh Ngài cho đến cùng.
- 4 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha nói cho con biết về điều đã làm cho cha đau buồn vô cùng; cha đau buồn vì trong đám dân của con đã xảy ra những cuộc tranh luận.
- 5 Vì nếu điều cha biết quả có thật, thì đã có những cuộc tranh luận giữa đám dân của con về vấn đề làm phép báp têm cho trẻ thơ.
- 6 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha mong con hãy chuyên tâm làm việc để cho sự sai lầm lớn lao đó được cất bỏ khỏi đám dân của con; vì chính vì mục đích đó mà cha mới viết bức thư này.
- 7 Vì ngay sau khi biết được chuyện này trong đám dân của con, cha đã cầu vấn Chúa về vấn đề đó. Và lời của Chúa đã đến cùng cha qua quyền năng của Đức Thánh Linh như vậy:
- 8 Hãy lắng nghe những lời của Đấng Ky Tô, Đấng Cứu Chuộc, là Chúa của các người và Thượng Đế của các người. Nay, ta đến thế gian không phải để kêu gọi những người ngay chính, mà để kêu gọi những kẻ phạm tội phải hối cải. Người lành mạnh không cần thầy thuốc mà người đau yếu mới cần; vậy nên, trẻ con là những người lành mạnh, vì chúng không thể phạm tội; vậy nên, ở trong ta, lời nguyện rửa A Đam đã được cất bỏ khỏi chúng, để nó không còn hiệu lực gì đối với chúng nữa; và trong ta, luật cắt bì cũng được bãi bỏ.

## Moroni 8

An epistle of my father Mormon, written to me, Moroni; and it was written unto me soon after my calling to the ministry. And on this wise did he write unto me, saying:

My beloved son, Moroni, I rejoice exceedingly that your Lord Jesus Christ hath been mindful of you, and hath called you to his ministry, and to his holy work.

I am mindful of you always in my prayers, continually praying unto God the Father in the name of his Holy Child, Jesus, that he, through his infinite goodness and grace, will keep you through the endurance of faith on his name to the end.

And now, my son, I speak unto you concerning that which grieveth me exceedingly; for it grieveth me that there should disputations rise among you.

For, if I have learned the truth, there have been disputations among you concerning the baptism of your little children.

And now, my son, I desire that ye should labor diligently, that this gross error should be removed from among you; for, for this intent I have written this epistle.

For immediately after I had learned these things of you I inquired of the Lord concerning the matter. And the word of the Lord came to me by the power of the Holy Ghost, saying:

Listen to the words of Christ, your Redeemer, your Lord and your God. Behold, I came into the world not to call the righteous but sinners to repentance; the whole need no physician, but they that are sick; wherefore, little children are whole, for they are not capable of committing sin; wherefore the curse of Adam is taken from them in me, that it hath no power over them; and the law of circumcision is done away in me.

- 9 Và theo cách đó Đức Thánh Linh đã biểu lộ lời của Thượng Đế cho cha biết; vậy nên, hỡi con trai yêu dấu của cha, cha biết rằng, nếu con làm phép báp têm cho trẻ thơ, thì đó sẽ là một sự nhạo báng nghiêm trọng trước mặt Thượng Đế vậy.
- 10 Nay, cha nói cho con hay rằng, con phải giảng dạy về điều này: Sự hối cải và phép báp têm cho những ai hiểu biết trách nhiệm và có thể phạm tội được; phải, hãy giảng dạy cho các bậc cha mẹ biết rằng, họ phải hối cải và chịu phép báp têm, và biết hạ mình như các con trẻ của họ, rồi họ sẽ được cứu cùng với các con trẻ của họ.
- 11 Và các con trẻ của họ không cần phải hối cải và cũng không cần phải chịu phép báp têm. Nay, phép báp têm là đưa tới sự hối cải để làm tròn các lệnh truyền khiến đưa tới sự xá miễn tội lỗi.
- 12 Còn trẻ thơ thì sống trong Đấng Ky Tô, ngay từ lúc thể gian mới được tạo dựng; nếu không thì Thượng Đế chỉ là một Thượng Đế thiên vị, và là một Thượng Đế hay thay đổi và vị nể; vì đã có biết bao trẻ thơ chết đi mà không được báp têm!
- 13 Vậy nên, nếu chỉ vì không được báp têm mà các trẻ thơ không được cứu rồi, thì ắt hẳn là chúng phải đi vào chốn ngục giới bất tận.
- 14 Nay, cha nói cho con hay rằng, nếu kẻ nào cho rằng trẻ thơ cần phải được báp têm, thì kẻ đó đang ở trong mật đắng và trong sự trói buộc của điều bất chính; vì kẻ đó chẳng có đức tin, hy vọng, hay lòng bác ái gì cả; vậy nên, nếu kẻ đó bị loại trừ trong khi đang có tư tưởng như vậy, thì kẻ đó phải xuống ngục giới.
- 15 Vì quả là một sự tà ác ghê gớm nếu nghĩ rằng Thượng Đế chỉ cứu đứa bé này vì nó đã được báp têm, còn đứa bé kia thì phải bị diệt vong vì nó chưa được báp têm.
- 16 Khốn thay cho kẻ nào làm sai lạc đường lối của Chúa bằng cách này, vì kẻ đó phải bị diệt vong nếu không hối cải. Nay, cha mạnh dạn nói ra như vậy, vì cha đã có được thẩm quyền từ Thượng Đế; và cha cũng không sợ những gì loài người sẽ làm cho cha, vì tình thương trọn vẹn sẽ đánh đuổi được tất cả mọi sợ hãi.

And after this manner did the Holy Ghost manifest the word of God unto me; wherefore, my beloved son, I know that it is solemn mockery before God, that ye should baptize little children.

Behold I say unto you that this thing shall ye teach—repentance and baptism unto those who are accountable and capable of committing sin; yea, teach parents that they must repent and be baptized, and humble themselves as their little children, and they shall all be saved with their little children.

And their little children need no repentance, neither baptism. Behold, baptism is unto repentance to the fulfilling the commandments unto the remission of sins.

But little children are alive in Christ, even from the foundation of the world; if not so, God is a partial God, and also a changeable God, and a respecter to persons; for how many little children have died without baptism!

Wherefore, if little children could not be saved without baptism, these must have gone to an endless hell.

Behold I say unto you, that he that supposeth that little children need baptism is in the gall of bitterness and in the bonds of iniquity; for he hath neither faith, hope, nor charity; wherefore, should he be cut off while in the thought, he must go down to hell.

For awful is the wickedness to suppose that God saveth one child because of baptism, and the other must perish because he hath no baptism.

Wo be unto them that shall pervert the ways of the Lord after this manner, for they shall perish except they repent. Behold, I speak with boldness, having authority from God; and I fear not what man can do; for perfect love casteth out all fear.

17 Và cha tràn đầy lòng bác ái, đó là tình thương yêu vĩnh viễn; vậy nên, tất cả mọi trẻ thơ đối với cha đều như nhau; vì cha yêu mến trẻ thơ với một tình thương yêu trọn vẹn; và tất cả chúng đều như nhau và đều chung hưởng sự cứu rỗi.

18 Vì cha biết Thượng Đế không phải là một Thượng Đế thiên vị, và cũng không phải là một Đấng hay thay đổi, mà trái lại, Ngài là một Đấng bất di bất dịch suốt mọi vĩnh cửu này đến mọi vĩnh cửu khác.

19 Trẻ thơ không thể hối cải; vậy nên, thật là một sự tà ác gớm ghê để chối bỏ những sự thương xót thanh khiết của Thượng Đế đối với chúng, vì tất cả trẻ thơ đều sống trong Ngài nhờ lòng thương xót của Ngài.

20 Và kẻ nào bảo rằng, trẻ thơ cần phải được báp têm, tức là chối bỏ những sự thương xót của Đấng Ky Tô, và xem sự chuộc tội của Ngài cùng quyền năng cứu chuộc của Ngài như không có vậy.

21 Khốn thay cho những kẻ đó, vì họ bị nguy cơ của cái chết, ngục giới và một cực hình bất tận. Cha mạnh dạn nói lên điều này, vì Thượng Đế đã truyền lệnh cho cha phải nói. Con hãy để tâm nghe những lời này, bằng không thì nó sẽ nổi lên chống lại con tại ghế phán xét của Đấng Ky Tô.

22 Vì này, tất cả trẻ thơ đều sống trong Đấng Ky Tô, kể luôn tất cả những kẻ sống không có luật pháp, vì quyền năng cứu chuộc đến với tất cả những kẻ không có luật pháp; vậy nên, kẻ nào không bị kết tội, hay không nằm dưới sự kết tội nào, đều không thể hối cải; và đối với những kẻ ấy, phép báp têm chẳng đem lại lợi ích gì—

23 Mà đó chỉ là một sự nhạo báng trước mặt Thượng Đế, chối bỏ những sự thương xót của Đấng Ky Tô, cùng quyền năng của Đức Thánh Linh của Ngài, và đặt lòng tin cậy vào những công việc chết.

24 Này, hỡi con trai của cha, việc này không nên để nó xảy ra; vì sự hối cải chỉ dành riêng cho những ai nằm dưới sự kết tội và dưới sự nguyên rửa của một luật pháp bị vi phạm.

25 Và thành quả đầu tiên của sự hối cải là phép báp têm; và phép báp têm có được là nhờ có đức tin để làm tròn các lệnh truyền; và việc làm tròn các lệnh truyền đem lại sự xá miễn tội lỗi.

And I am filled with charity, which is everlasting love; wherefore, all children are alike unto me; wherefore, I love little children with a perfect love; and they are all alike and partakers of salvation.

For I know that God is not a partial God, neither a changeable being; but he is unchangeable from all eternity to all eternity.

Little children cannot repent; wherefore, it is awful wickedness to deny the pure mercies of God unto them, for they are all alive in him because of his mercy.

And he that saith that little children need baptism denieth the mercies of Christ, and setteth at naught the atonement of him and the power of his redemption.

Wo unto such, for they are in danger of death, hell, and an endless torment. I speak it boldly; God hath commanded me. Listen unto them and give heed, or they stand against you at the judgment-seat of Christ.

For behold that all little children are alive in Christ, and also all they that are without the law. For the power of redemption cometh on all them that have no law; wherefore, he that is not condemned, or he that is under no condemnation, cannot repent; and unto such baptism availeth nothing—

But it is mockery before God, denying the mercies of Christ, and the power of his Holy Spirit, and putting trust in dead works.

Behold, my son, this thing ought not to be; for repentance is unto them that are under condemnation and under the curse of a broken law.

And the first fruits of repentance is baptism; and baptism cometh by faith unto the fulfilling the commandments; and the fulfilling the commandments bringeth remission of sins;



- 26 Và sự xá miễn tội lỗi đem lại sự nhu mì và sự khiêm tốn trong lòng; và nhờ sự nhu mì và sự khiêm tốn trong lòng nên mới có được sự viếng thăm của Đức Thánh Linh, là Đấng An Ủi đem lại niềm hy vọng và tình thương yêu trọn vẹn tràn đầy; và nhờ sự chuyên tâm cầu nguyện mà tình thương yêu này sẽ bền chặt cho tới khi sự cuối cùng xảy đến, là lúc mà tất cả các thánh hữu sẽ được sống chung với Thượng Đế.
- 27 Nay, hỡi con trai của cha, cha sẽ viết nữa cho con, nếu cha không sắp phải đi ra để chống lại dân La Man. Nay, sự cao ngạo của dân này, tức là dân Nê Phi, đã chứng tỏ rằng họ sẽ bị hủy diệt trừ phi họ hối cải.
- 28 Hãy cầu nguyện cho họ, hỡi con trai của cha, để sự hối cải có thể đến cùng họ. Nhưng này, cha sợ rằng Thánh Linh đã thôi tranh đấu với họ; và trong phần đất này của xứ sở, họ cũng đang tìm cách loại bỏ tất cả quyền năng và thẩm quyền do từ Thượng Đế; và họ đang chối bỏ Đức Thánh Linh.
- 29 Và sau khi chối bỏ một sự hiểu biết lớn lao như vậy, hỡi con trai của cha, thế nào họ cũng sớm phải bị diệt vong, để những lời tiên tri do các vị tiên tri nói ra, cũng như những lời của Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, được ứng nghiệm.
- 30 Tạm biệt, hỡi con trai của cha, cho đến khi nào cha lại viết cho con hoặc có dịp tái ngộ với con. Amen.

And the remission of sins bringeth meekness, and lowliness of heart; and because of meekness and lowliness of heart cometh the visitation of the Holy Ghost, which Comforter filleth with hope and perfect love, which love endureth by diligence unto prayer, until the end shall come, when all the saints shall dwell with God.

Behold, my son, I will write unto you again if I go not out soon against the Lamanites. Behold, the pride of this nation, or the people of the Nephites, hath proven their destruction except they should repent.

Pray for them, my son, that repentance may come unto them. But behold, I fear lest the Spirit hath ceased striving with them; and in this part of the land they are also seeking to put down all power and authority which cometh from God; and they are denying the Holy Ghost.

And after rejecting so great a knowledge, my son, they must perish soon, unto the fulfilling of the prophecies which were spoken by the prophets, as well as the words of our Savior himself.

Farewell, my son, until I shall write unto you, or shall meet you again. Amen.

Bức thư thứ hai của Mặc Môn viết cho con trai là Mô Rô Ni.

The second epistle of Mormon to his son Moroni.

## Mô Rô Ni 9

- 1 Hỡi con trai yêu dấu của cha, cha lại viết thư cho con để con biết là cha vẫn còn sống; này cha sẽ viết phần nào về những điều đau buồn.
- 2 Vì này, cha vừa dự một trận giao tranh ác liệt với dân La Man, mà trong trận này chúng ta không thắng; và A Kê An Tu đã ngã gục vì lưỡi gươm, cùng Lu Ram và Em Rôn; phải, và chúng ta còn bị mất một số lớn quân tinh nhuệ.
- 3 Và giờ đây này, hỡi con trai của cha, cha sợ rằng dân La Man sẽ hủy diệt dân này; vì họ không hối cải, và Sa Tan luôn luôn xúi giục họ tức giận với nhau.
- 4 Này, cha vẫn luôn luôn nhọc nhằn với họ; và khi nào cha giảng dạy lời của Thượng Đế một cách nghiêm khắc, thì họ run lên và giận dữ với cha; còn khi nào cha không dùng sự nghiêm khắc nữa, thì họ chai đá trong lòng chống lại lời đó; vậy nên, cha e rằng Thánh Linh của Chúa đã thôi tranh đấu với họ.
- 5 Vì họ quá ư giận dữ, làm cha nghĩ rằng họ không còn sợ chết nữa. Họ đã mất hẳn tình thương yêu lẫn nhau, họ khát máu và luôn luôn muốn trả thù.
- 6 Và giờ đây, hỡi con trai yêu dấu của cha, mặc dù với sự chai đá của họ, nhưng chúng ta hãy chuyên tâm làm việc; vì nếu chúng ta ngừng làm việc thì chúng ta ắt sẽ bị kết tội; vì chúng ta có một công việc phải làm trong lúc chúng ta còn ở trong đền tạm bằng đất sét này, để chúng ta có thể thắng được kẻ thù của tất cả mọi điều ngay chính, và để cho tâm hồn chúng ta được an nghỉ trong vương quốc của Thượng Đế.
- 7 Và giờ đây, cha viết phần nào về những sự khổ đau của dân này. Vì này, theo như điều A Mô Rôn cho cha biết, thì dân La Man có bắt được nhiều tù binh ở tháp Sê Ri Gia, gồm đàn ông, đàn bà, lẫn trẻ con.

## Moroni 9

My beloved son, I write unto you again that ye may know that I am yet alive; but I write somewhat of that which is grievous.

For behold, I have had a sore battle with the Lamanites, in which we did not conquer; and Archeantus has fallen by the sword, and also Luram and Emron; yea, and we have lost a great number of our choice men.

And now behold, my son, I fear lest the Lamanites shall destroy this people; for they do not repent, and Satan stirreth them up continually to anger one with another.

Behold, I am laboring with them continually; and when I speak the word of God with sharpness they tremble and anger against me; and when I use no sharpness they harden their hearts against it; wherefore, I fear lest the Spirit of the Lord hath ceased striving with them.

For so exceedingly do they anger that it seemeth me that they have no fear of death; and they have lost their love, one towards another; and they thirst after blood and revenge continually.

And now, my beloved son, notwithstanding their hardness, let us labor diligently; for if we should cease to labor, we should be brought under condemnation; for we have a labor to perform whilst in this tabernacle of clay, that we may conquer the enemy of all righteousness, and rest our souls in the kingdom of God.

And now I write somewhat concerning the sufferings of this people. For according to the knowledge which I have received from Amoron, behold, the Lamanites have many prisoners, which they took from the tower of Sherrizah; and there were men, women, and children.

8 Và chúng đã giết chết chồng và cha của những đàn bà và trẻ con ấy; rồi chúng nuôi những người đàn bà này bằng thịt của chồng họ, và nuôi những trẻ con bằng thịt của cha chúng; và chúng cho họ uống rất ít nước.

9 Và mặc dù sự khả ố lớn lao này của dân La Man, nhưng nó cũng chưa bằng sự khả ố của dân ta ở Mô Ri An Tum. Vì này, có nhiều con gái dân La Man bị họ bắt cầm tù; và sau khi những người con gái ấy đã bị lấy đi những gì yêu quý và quý giá nhất của mình, tức là sự trinh khiết và đức hạnh—

10 Và sau khi làm xong việc này, họ giết những người con gái ấy bằng một cách thức dã man nhất, họ hành hạ thể xác của những người con gái ấy cho đến chết; và sau khi giết chết xong, họ còn ăn thịt những người con gái ấy chẳng khác chi loài dã thú, vì lòng dạ họ chai đá; và họ đã làm điều đó như một biểu hiệu của sự anh dũng.

11 Hỡi con trai yêu dấu của cha, một dân tộc như thế này mà sao chẳng có chút văn minh nào—

12 (Và chỉ mới vài năm trước đây, họ còn là một dân tộc được khai hóa và dễ thương.)

13 Nhưng hỡi con trai của cha, một dân tộc như thế này mà sao lại thích thú với sự khả ố quá đáng như vậy được—

14 Làm sao chúng ta có thể hy vọng Thượng Đế sẽ nương tay khi đoán phạt chúng ta được?

15 Nay, tim cha gào thét lên rằng: Khốn thay cho dân này. Hỡi Thượng Đế, xin Ngài hãy bước ra để phán xét, và xin Ngài hãy che giấu tội lỗi, sự độc ác và những điều khả ố của họ, để khỏi bày ra trước mắt Ngài!

16 Và lại nữa, hỡi con trai của cha, có nhiều đàn bà góa và những con gái của họ còn sống sót ở Sê Ri Gia; và phần lương thực mà không bị quân La Man lấy đi, này, quân của Giê Nê Phi lại lấy đi, khiến cho họ phải đi lang thang đến bất cứ nơi nào họ đến được để kiếm thức ăn; và nhiều người đàn bà già cả đã phải ngã gục và chết bên đường.

17 Và đạo quân đi theo cha thì yếu kém; và quân La Man lại chặn giữa quân của cha và quân của Sê Ri Gia; và tất cả những người nào chạy theo quân của A Rôn đều bị ngã gục và trở thành nạn nhân của sự tàn bạo khủng khiếp của chúng.

And the husbands and fathers of those women and children they have slain; and they feed the women upon the flesh of their husbands, and the children upon the flesh of their fathers; and no water, save a little, do they give unto them.

And notwithstanding this great abomination of the Lamanites, it doth not exceed that of our people in Moriantum. For behold, many of the daughters of the Lamanites have they taken prisoners; and after depriving them of that which was most dear and precious above all things, which is chastity and virtue—

And after they had done this thing, they did murder them in a most cruel manner, torturing their bodies even unto death; and after they have done this, they devour their flesh like unto wild beasts, because of the hardness of their hearts; and they do it for a token of bravery.

O my beloved son, how can a people like this, that are without civilization—

(And only a few years have passed away, and they were a civil and a delightsome people)

But O my son, how can a people like this, whose delight is in so much abomination—

How can we expect that God will stay his hand in judgment against us?

Behold, my heart cries: Wo unto this people. Come out in judgment, O God, and hide their sins, and wickedness, and abominations from before thy face!

And again, my son, there are many widows and their daughters who remain in Sherrizah; and that part of the provisions which the Lamanites did not carry away, behold, the army of Zenephi has carried away, and left them to wander whithersoever they can for food; and many old women do faint by the way and die.

And the army which is with me is weak; and the armies of the Lamanites are betwixt Sherrizah and me; and as many as have fled to the army of Aaron have fallen victims to their awful brutality.

- 18 Ôi, đời bại thay cho dân ta! Họ không còn một chút quy củ hay lòng thương xót nào nữa. Nay, cha cũng chỉ là người, và cha cũng chỉ có sức lực của một người, và cha không thể bắt họ tuân theo mệnh lệnh của cha được nữa.
- 19 Họ đã trở thành quá đáng trong sự đời bại của mình. Họ tàn ác như nhau, không tha cho một người nào, dù già hay trẻ; và họ thích thú trong mọi điều ngoại trừ điều thiện. Nỗi đau khổ của những đàn bà và trẻ con của chúng ta khắp xứ này đã vượt lên trên mọi sự; phải, không thể nào nói hết hay viết hết ra được.
- 20 Và giờ đây, hỡi con trai của cha, cha không còn dài dòng thêm về cảnh tượng khủng khiếp này nữa. Nay, con đã biết sự tà ác của dân này, con biết là họ không còn chút quy tắc nào, không còn chút tình cảm nào; và sự tà ác của họ đã vượt hơn cả sự tà ác của dân La Man.
- 21 Nay, hỡi con trai của cha, cha không thể gửi gắm họ với Thượng Đế được nữa, vì sợ rằng Ngài sẽ đánh cha.
- 22 Nhưng này, hỡi con trai của cha, cha gửi gắm con cho Thượng Đế, và cha trông cậy nơi Đấng Ky Tô là con sẽ được cứu; và cha cầu nguyện lên Thượng Đế rằng Ngài sẽ tha mạng sống cho con, để con được chứng kiến việc dân của Ngài sẽ trở về với Ngài hay sẽ bị hủy diệt hoàn toàn; vì cha biết rằng họ ắt sẽ bị diệt vong trừ phi họ hối cải và trở về với Ngài.
- 23 Và nếu bị diệt vong thì họ sẽ chẳng khác chi dân Gia Rét, cũng vì lòng họ ngoan cố, chỉ biết tìm sự đổ máu và sự trả thù.
- 24 Và nếu quả thật họ bị diệt vong như vậy, thì chúng ta biết rằng có nhiều đồng bào của chúng ta đã ly khai theo dân La Man, và còn nhiều người nữa sẽ ly khai theo chúng; vậy nên, con hãy viết thêm một vài điều nữa, nếu con còn sống sót mà cha sẽ chết đi và không được gặp con; nhưng cha tin rằng, cha sẽ sớm gặp lại con; vì cha có những biên sử thiêng liêng muốn trao cho con giữ.

O the depravity of my people! They are without order and without mercy. Behold, I am but a man, and I have but the strength of a man, and I cannot any longer enforce my commands.

And they have become strong in their perversion; and they are alike brutal, sparing none, neither old nor young; and they delight in everything save that which is good; and the suffering of our women and our children upon all the face of this land doth exceed everything; yea, tongue cannot tell, neither can it be written.

And now, my son, I dwell no longer upon this horrible scene. Behold, thou knowest the wickedness of this people; thou knowest that they are without principle, and past feeling; and their wickedness doth exceed that of the Lamanites.

Behold, my son, I cannot recommend them unto God lest he should smite me.

But behold, my son, I recommend thee unto God, and I trust in Christ that thou wilt be saved; and I pray unto God that he will spare thy life, to witness the return of his people unto him, or their utter destruction; for I know that they must perish except they repent and return unto him.

And if they perish it will be like unto the Jaredites, because of the wilfulness of their hearts, seeking for blood and revenge.

And if it so be that they perish, we know that many of our brethren have deserted over unto the Lamanites, and many more will also desert over unto them; wherefore, write somewhat a few things, if thou art spared and I shall perish and not see thee; but I trust that I may see thee soon; for I have sacred records that I would deliver up unto thee.

25 Hỡi con trai của cha, hãy trung thành nơi Đấng Kỵ Tô; và cha mong rằng những điều cha viết cho con đây sẽ không làm cho con quá đau buồn đến nỗi con bị nặng lòng đến chết; nhưng cha cầu xin Đấng Kỵ Tô sẽ nâng con lên, và cầu xin những nỗi thống khổ và cái chết của Ngài, cùng sự xuất hiện trong thể xác của Ngài cho tổ phụ chúng ta trông thấy, và lòng thương xót và sự nhịn nhục của Ngài, cùng niềm hy vọng về sự vinh quang của Ngài và về cuộc sống vĩnh cửu sẽ tồn tại mãi mãi trong tâm trí con.

26 Và cầu xin ân điển của Thượng Đế Đức Chúa Cha, mà ngôi cao của Ngài ở trên các tầng trời, và Chúa Giê Su Kỵ Tô của chúng ta, là Đấng ngồi bên tay phải đầy quyền năng của Ngài, cho đến khi tất cả mọi sự vật đều thuộc dưới quyền Ngài, ở cùng con mãi mãi. Amen.

My son, be faithful in Christ; and may not the things which I have written grieve thee, to weigh thee down unto death; but may Christ lift thee up, and may his sufferings and death, and the showing his body unto our fathers, and his mercy and long-suffering, and the hope of his glory and of eternal life, rest in your mind forever.

And may the grace of God the Father, whose throne is high in the heavens, and our Lord Jesus Christ, who sitteth on the right hand of his power, until all things shall become subject unto him, be, and abide with you forever. Amen.

## Mô Rô Ni 10

- 1 Giờ đây, tôi, Mô Rô Ni xin viết một chút ít về những điều tôi thấy là tốt đẹp; và tôi viết những điều này cho các đồng bào của tôi là dân La Man; tôi muốn họ biết rằng đã có hơn bốn trăm hai mươi năm trôi qua kể từ ngày diêm triệu được ban ra về sự giáng thế của Đấng Ky Tô.
- 2 Và tôi niêm phong các biên sử này sau khi đã nói một đôi lời với tính cách khuyên nhủ với các người.
- 3 Nay, tôi muốn khuyên nhủ các người rằng, khi các người đọc được những điều này, nếu vì sự thông sáng của Thượng Đế mà các người được đọc những điều này, thì các người hãy nhớ Chúa đã thương xót con cái loài người biết bao, kể từ lúc sáng tạo ra A Đam cho đến khi các người nhận được những điều này và suy ngẫm trong lòng.
- 4 Và khi nào các người nhận được những điều này, tôi khuyên nhủ các người hãy cầu vấn Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu, trong danh Đấng Ky Tô, để xem những điều này có thật không; và nếu các người cầu vấn với một tấm lòng chân thành, với chủ ý thật sự cùng có đức tin nơi Đấng Ky Tô, thì Ngài sẽ biểu lộ lẽ thật của điều này cho các người biết, bởi quyền năng của Đức Thánh Linh.
- 5 Và bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, các người sẽ có thể biết được lẽ thật của tất cả mọi điều.
- 6 Và bất cứ những điều nào tốt lành là những điều hợp lẽ chính đáng và chân thật; vậy nên, chẳng có điều gì tốt lành lại chối bỏ Đấng Ky Tô, mà trái lại, đều công nhận rằng Ngài hằng hữu.
- 7 Và bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, các người có thể biết rằng Ngài hằng hữu; vậy nên, tôi khuyên nhủ các người chớ chối bỏ quyền năng của Thượng Đế, vì Ngài dùng quyền năng để hành động, tùy theo đức tin của con cái loài người, hôm nay cũng như ngày mai và mãi mãi về sau.
- 8 Và lại nữa, hỡi đồng bào, tôi khuyên nhủ các người chớ chối bỏ các ân tứ của Thượng Đế, vì có rất nhiều, và đều từ một Thượng Đế mà đến. Tuy các ân tứ ấy được ban cho bằng nhiều cách thức khác nhau, nhưng chỉ có một Thượng Đế, là Đấng làm mọi việc trong mọi người; và các ân tứ ấy được ban cho loài người bởi những sự biểu hiện của Thánh Linh của Thượng Đế, để họ được ích lợi.

## Moroni 10

Now I, Moroni, write somewhat as seemeth me good; and I write unto my brethren, the Lamanites; and I would that they should know that more than four hundred and twenty years have passed away since the sign was given of the coming of Christ.

And I seal up these records, after I have spoken a few words by way of exhortation unto you.

Behold, I would exhort you that when ye shall read these things, if it be wisdom in God that ye should read them, that ye would remember how merciful the Lord hath been unto the children of men, from the creation of Adam even down until the time that ye shall receive these things, and ponder it in your hearts.

And when ye shall receive these things, I would exhort you that ye would ask God, the Eternal Father, in the name of Christ, if these things are not true; and if ye shall ask with a sincere heart, with real intent, having faith in Christ, he will manifest the truth of it unto you, by the power of the Holy Ghost.

And by the power of the Holy Ghost ye may know the truth of all things.

And whatsoever thing is good is just and true; wherefore, nothing that is good denieth the Christ, but acknowledgeth that he is.

And ye may know that he is, by the power of the Holy Ghost; wherefore I would exhort you that ye deny not the power of God; for he worketh by power, according to the faith of the children of men, the same today and tomorrow, and forever.

And again, I exhort you, my brethren, that ye deny not the gifts of God, for they are many; and they come from the same God. And there are different ways that these gifts are administered; but it is the same God who worketh all in all; and they are given by the manifestations of the Spirit of God unto men, to profit them.

9 Vì này, người này nhờ Thánh Linh của Thượng Đế ban cho ân tứ để có thể dạy lời thông sáng;  
10 Và người kia cũng nhờ một Thánh Linh ấy ban cho ân tứ để có thể giảng dạy lời tri thức;  
11 Và người khác thì được ban cho đức tin lớn lao; và người khác nữa, cũng nhờ một Thánh Linh ấy ban cho ân tứ chữa lành bệnh;  
12 Và lại nữa, người này thì được ban cho ân tứ làm được những phép lạ lớn lao;  
13 Và lại nữa, còn người kia thì được ban cho ân tứ nói tiên tri mọi điều;  
14 Và lại nữa, người khác được ban cho ân tứ thấy các thiên sứ và các thần linh phù trợ;  
15 Và lại nữa, có người được ban cho ân tứ nói đủ thứ tiếng;  
16 Và lại nữa, còn người khác được ban cho ân tứ thông dịch các ngôn ngữ và các thứ tiếng khác nhau.  
17 Và tất cả những ân tứ này đều do bởi Thánh Linh của Đấng Ky Tô mà đến, và được ban cho riêng từng cá nhân theo ý của Ngài.  
18 Và tôi muốn khuyên nhủ các người, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, các người hãy nhớ rằng, mọi ân tứ tốt lành đều từ Đấng Ky Tô mà đến.  
19 Hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, tôi muốn khuyên nhủ các người hãy nhớ rằng Ngài lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau, và tất cả các ân tứ mà tôi vừa nói đó, là các ân tứ thuộc linh, sẽ không bao giờ bị cất bỏ, một khi thế gian này còn tồn tại, chỉ trừ khi nào vì sự vô tín ngưỡng của con cái loài người.  
20 Vậy nên, phải có đức tin; và nếu phải có đức tin là phải có hy vọng; và nếu phải có hy vọng thì cũng phải có lòng bác ái.  
21 Và trừ phi các người có lòng bác ái, bằng không thì các người không có cách gì để được cứu vào trong vương quốc của Thượng Đế; các người cũng không thể được cứu vào trong vương quốc của Thượng Đế nếu các người không có đức tin hay nếu các người không có hy vọng.  
22 Và nếu các người không có hy vọng tức là các người phải tuyệt vọng; và sự tuyệt vọng đến vì sự bất chính.

For behold, to one is given by the Spirit of God, that he may teach the word of wisdom;  
And to another, that he may teach the word of knowledge by the same Spirit;  
And to another, exceedingly great faith; and to another, the gifts of healing by the same Spirit;  
And again, to another, that he may work mighty miracles;  
And again, to another, that he may prophesy concerning all things;  
And again, to another, the beholding of angels and ministering spirits;  
And again, to another, all kinds of tongues;  
And again, to another, the interpretation of languages and of divers kinds of tongues.  
And all these gifts come by the Spirit of Christ; and they come unto every man severally, according as he will.  
And I would exhort you, my beloved brethren, that ye remember that every good gift cometh of Christ.  
And I would exhort you, my beloved brethren, that ye remember that he is the same yesterday, today, and forever, and that all these gifts of which I have spoken, which are spiritual, never will be done away, even as long as the world shall stand, only according to the unbelief of the children of men.  
Wherefore, there must be faith; and if there must be faith there must also be hope; and if there must be hope there must also be charity.  
And except ye have charity ye can in nowise be saved in the kingdom of God; neither can ye be saved in the kingdom of God if ye have not faith; neither can ye if ye have no hope.  
And if ye have no hope ye must needs be in despair; and despair cometh because of iniquity.

- 23 Và Đấng Ky Tô quả thật đã phán cùng tổ phụ chúng ta rằng: Nếu các người có đức tin, các người có thể làm mọi điều thích đáng đối với ta.
- 24 Và giờ đây, tôi xin nói với tất cả các nơi tận cùng của trái đất—rằng nếu ngày nào quyền năng và các ân tứ của Thượng Đế chấm dứt giữa các người, thì đó chính là vì sự vô tín ngưỡng vậy.
- 25 Và nếu trường hợp này xảy ra thì thật khốn thay cho con cái loài người; vì lúc ấy sẽ chẳng có một ai trong số các người làm được điều gì tốt đẹp, phải, sẽ chẳng có một ai. Vì nếu có người nào trong số các người làm điều tốt đẹp thì người đó sẽ làm bằng quyền năng và các ân tứ của Thượng Đế.
- 26 Khốn thay cho những ai bỏ qua những điều này và chết đi, vì những kẻ đó chết trong tội lỗi và không thể được cứu vào trong vương quốc của Thượng Đế; và tôi nói điều này theo những lời của Đấng Ky Tô phán; và tôi không nói dối.
- 27 Và tôi khuyên nhủ các người nên ghi nhớ những điều này; vì sẽ chóng đến lúc mà các người biết rằng tôi không nói dối, vì các người sẽ gặp lại tôi trước rào phán xét của Thượng Đế; và Đức Chúa Trời sẽ phán cùng các người rằng: Chẳng phải ta đã truyền phán cho các người biết những lời của ta do người này viết ra, như một người kêu lên từ cõi chết, phải, chẳng khác chi một người nói lên từ bụi đất đó sao?
- 28 Tôi rao truyền những điều này để những lời tiên tri được ứng nghiệm. Và này, những điều này sẽ do từ miệng của Thượng Đế vĩnh viễn thốt ra; và lời của Ngài sẽ vang đi từ thế hệ này đến thế hệ khác.
- 29 Và Thượng Đế sẽ cho các người thấy rằng, những điều tôi viết ra là thật.
- 30 Và lại nữa, tôi khuyên nhủ các người hãy đến cùng Đấng Ky Tô, và hãy nắm giữ mọi ân tứ tốt lành, và chớ động tới ân tứ xấu xa cùng vật dơ bẩn.

And Christ truly said unto our fathers: If ye have faith ye can do all things which are expedient unto me.

And now I speak unto all the ends of the earth—that if the day cometh that the power and gifts of God shall be done away among you, it shall be because of unbelief.

And wo be unto the children of men if this be the case; for there shall be none that doeth good among you, no not one. For if there be one among you that doeth good, he shall work by the power and gifts of God.

And wo unto them who shall do these things away and die, for they die in their sins, and they cannot be saved in the kingdom of God; and I speak it according to the words of Christ; and I lie not.

And I exhort you to remember these things; for the time speedily cometh that ye shall know that I lie not, for ye shall see me at the bar of God; and the Lord God will say unto you: Did I not declare my words unto you, which were written by this man, like as one crying from the dead, yea, even as one speaking out of the dust?

I declare these things unto the fulfilling of the prophecies. And behold, they shall proceed forth out of the mouth of the everlasting God; and his word shall hiss forth from generation to generation.

And God shall show unto you, that that which I have written is true.

And again I would exhort you that ye would come unto Christ, and lay hold upon every good gift, and touch not the evil gift, nor the unclean thing.



31 Và hãy thức tỉnh và trỗi dậy khỏi bụi đất, hỡi Giê Ru Sa Lem; phải, hãy khoác lên y phục đẹp đẽ, hỡi con gái của Si Ôn; và hãy tăng cường những cọc chống và nối rộng các biên cương của người mãi mãi, để người không còn bị bối rối nữa, ngõ hầu những giao ước của Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu đã lập với người có thể được làm tròn, hỡi gia tộc Y Sơ Ra Ên.

32 Phải, hãy đến cùng Đấng Ky Tô để được toàn thiện trong Ngài, và hãy chối bỏ tất cả mọi sự không tin kính; và nếu các người chối bỏ được tất cả mọi sự không tin kính cùng yêu mến Thượng Đế với tất cả năng lực, tâm trí và sức mạnh, thì ân điển của Ngài sẽ đủ cho các người, để nhờ ân điển của Ngài mà các người sẽ có thể được toàn thiện trong Đấng Ky Tô; và nếu nhờ ân điển của Thượng Đế mà các người được trở nên toàn thiện trong Đấng Ky Tô, thì không vì lý do gì các người lại chối bỏ quyền năng của Thượng Đế.

33 Và lại nữa, nếu nhờ ân điển của Thượng Đế mà các người trở nên toàn thiện trong Đấng Ky Tô, và không chối bỏ quyền năng của Ngài, thì lúc đó, các người sẽ được thánh hóa trong Đấng Ky Tô nhờ ân điển của Thượng Đế, qua sự đổ máu của Đấng Ky Tô, mà điều này nằm trong giao ước của Đức Chúa Cha để xá miễn tội lỗi các người, ngõ hầu các người được trở nên thánh thiện và không có tì vết.

34 Và giờ đây tôi xin vĩnh biệt tất cả mọi người. Chẳng còn bao lâu nữa tôi sẽ lên an nghỉ trong thiên đàng của Thượng Đế, cho đến khi nào linh hồn và thể xác của tôi tái hợp, và tôi được đưa xuyên qua không trung một cách đặc thắng, để gặp lại các người trước rào phán xét dễ chịu của Đấng Giê Hô Va vĩ đại, là Đấng Phán Xét Vĩnh Cửu của người sống lẫn người chết. A Men.

Hết

And awake, and arise from the dust, O Jerusalem; yea, and put on thy beautiful garments, O daughter of Zion; and strengthen thy stakes and enlarge thy borders forever, that thou mayest no more be confounded, that the covenants of the Eternal Father which he hath made unto thee, O house of Israel, may be fulfilled.

Yea, come unto Christ, and be perfected in him, and deny yourselves of all ungodliness; and if ye shall deny yourselves of all ungodliness, and love God with all your might, mind and strength, then is his grace sufficient for you, that by his grace ye may be perfect in Christ; and if by the grace of God ye are perfect in Christ, ye can in nowise deny the power of God.

And again, if ye by the grace of God are perfect in Christ, and deny not his power, then are ye sanctified in Christ by the grace of God, through the shedding of the blood of Christ, which is in the covenant of the Father unto the remission of your sins, that ye become holy, without spot.

And now I bid unto all, farewell. I soon go to rest in the paradise of God, until my spirit and body shall again reunite, and I am brought forth triumphant through the air, to meet you before the pleasing bar of the great Jehovah, the Eternal Judge of both quick and dead. Amen.

The End